

TRUNG PHONG TAM THỜI
HỆ NIỆM PHÁP SỰ
TOÀN TẬP GIẢNG KÝ
Quyển Thượng

中峰三時繫念法事
全集講記
卷上
(越語譯本)

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
淨空老法師講述
寶光寺弟子如和越譯

DẪN NHẬP

Lần đầu tiên mặt nhân được biết đến Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm là vào năm 2001 trong kỳ Phật Thất mùa Đông tại Tịnh Tông Học Hội Dallas. Do không biết tiếng Quan Thoại nên chúng tôi không nghe ra các âm thanh tụng niệm để theo kịp khóa niệm; nhờ đó, chúng tôi có dịp thông thả đọc từng trang Tam Thời Hệ Niệm và nhận thấy đây là một tác phẩm vô cùng quý giá cho Tịnh nghiệp hành nhân.

Thoạt nhìn, dễ hiểu lầm đây chỉ là một thứ khóa tụng nhằm hồi hướng cho các vong linh sau khi Phật thất viên mãn. Thế nhưng, càng đọc kỹ, càng thấy mỗi một lời khai thị trong bản pháp sư khoa nghi này đúng là kim chỉ nam cho người tu Tịnh Độ. Càng đọc, chúng tôi càng nhận thấy tư tưởng của Trung Phong quốc sư qua những lời khai thị hoàn toàn nhất quán với tư tưởng của lịch đại tổ sư Tịnh tông. Dường như, trong các trước tác, ngài Ngẫu Ích chịu ảnh hưởng của ngài Trung Phong rất nhiều, nhưng do kiến văn thô lậu, hữu hạn, chúng tôi không dám đoan chắc điều này. So với tác phẩm Tịnh Độ Sám Nguyện của ngài Tuân Thức, ý nghĩa, văn chương, khai thị, thứ tự tác pháp của Tam Thời Hệ Niệm đều vượt trội. Nhất là trong pháp sư này, đối tượng quy kính hoàn toàn chuyên nhất nơi Tây Phương Tam Thánh, không lẽ bái quá nhiều danh hiệu thập phương chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn Tăng như trong Tịnh Độ Sám Nguyện, khiến tư tưởng “*nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng phát nguyện vãng sanh*” của Tịnh tông càng được củng cố mạnh mẽ, người hành trì cũng dễ chú tâm hơn.

Đã từ lâu mặt nhân mang tâm nguyện phiên âm, chuyển ngữ pháp sư khoa nghi này, nhưng đành bó tay vì văn chương của ngài Trung Phong quá cô đọng, hầu như không cách nào gượng dịch được. May mắn sao! Mùa Thu năm nay (2004), chúng tôi tìm được bản Giảng Ký về khoa nghi pháp sư này của lão pháp sư Tịnh Không trên trang nhà Hoa Tạng Phật Giáo Đồ Thư Quán. Xin trân trọng diễn nôm, với tâm nguyện giúp cho những hành nhân Tịnh tông có thêm tài liệu làm kim chỉ nam hòng củng cố chí thú nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng vãng sanh. Chúng tôi hoàn toàn tâm đắc lời Hòa Thượng Tịnh Không khai thị: Ngoài năm kinh một luận Tịnh Độ, mỗi hành nhân Tịnh Độ nên thường đọc đi đọc lại pháp sư này, tùy văn nhập quán để phần nào thể hội ý chỉ “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”; để từ đó, sự lý viên dung, sự sự vô ngại, niệm niệm chẳng rời A Di Đà Phật.

Dưới mỗi câu trong chánh văn trong pháp sư khoa nghi, chúng tôi

tạm dịch thành đôi dòng tiếng Việt để phô bày phần nào huyền nghĩa của chánh văn. Vì sức học quá hạn hẹp, thiếu hần văn tài, lời văn vụng về, thô kệch, què quặt, không thông suốt, chúng tôi không dám gọi đây là bản dịch, mà chỉ gọi là “bản chuyển ngữ”. Để người đọc tiện theo dõi, chúng tôi tự tiện đánh số chia khoa mục và đặt tiêu đề. Do nguyên cảo là một bản ghi chép trung thực lời Hòa Thượng giảng trong nhiều ngày, nên có những đoạn được Hòa Thượng nhắc đi nhắc lại đôi ba lần. Khi chuyển ngữ, chúng tôi vẫn giữ nguyên như thế, không tinh lược, ngõ hầu người đọc có thể tưởng tượng như đang trực tiếp tham dự pháp hội giảng kinh của Hòa Thượng.

Trong khi đang dịch nháp bài giảng này, chúng tôi thấy có những vị thiện tri thức khác cũng đang dịch băng giảng, nên chúng tôi đã bỏ dở, không làm nữa, nhưng rồi nuôi tiếc, nên đành chuyển ngữ tiếp cho đến khi hoàn thành cảo bản vào cuối năm 2005. Do nghĩ bản chuyển ngữ này là việc làm dư thừa, coi như một tài liệu chỉ dành riêng cho chính mình học hiểu Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư, chúng tôi giữ nguyên hình thức mộc mạc, trúc trắc của nó để đăng tải trên trang nhà Di Đà Nguyễn Hải (niemphat.net), vì nghĩ sẽ chẳng ai bận tâm đọc nó sau khi đã có băng giảng được lưu hành. Cho tới cuối năm 2010, trong một cuộc điện đàm, sư huynh Đức Phong đã có nhã ý muốn ấn hành bài giảng này để giúp cho những đồng tu cao tuổi, khó thể đọc lâu trên Internet, có thể thuận tiện tra cứu khi cần thiết, dễ dàng đánh dấu chương nào, phần nào cần thiết để đọc đi đọc lại từng phần lời giảng, suy ngẫm hòng thấu hiểu để thực hành hạnh “tùy văn nhập quán” như lão pháp sư Tịnh Không đã ân cần chỉ dạy. Vâng lời từ huấn của sư huynh Đức Phong, chúng tôi tu chỉnh, điều chỉnh cách chấm câu chưa hợp lý, ghi thêm chánh văn tiếng Hán, diễn nôm một số từ ngữ Hán Việt không phổ biến, cũng như nhuận sắc cho lời văn đỡ thô vụng, què kệch hơn, cũng như sửa lỗi chánh tả. Dầu đã cố gắng hết sức, nhưng tài cùn, trí cạn, thiếu hần sự tu trì, kiến thức chấp vá, lơ mơ, chắc chắn sẽ có những sai sót không thể nào tha thứ được trong bản chuyển ngữ ngô nghê này, ngưỡng mong các liên hữu xa gần sẽ rộng lòng từ bi lân mẫn chỉ giáo, phủ chính.

Nếu việc làm liệu lĩnh này của chúng tôi có công đức nào thì xin hồi hướng công đức ấy lên bổn sư thượng Giải hạ Thắng, trụ trì chùa Bửu Quang quận 7, Sài Gòn, chư tổ sư hoàng truyền Tịnh tông Việt Nam và Trung Hoa, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, tông thân quyến thuộc, cũng như các liên hữu Vạn Từ, Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong luôn

nâng đỡ, khuyến khích chúng tôi mỗi khi “chân chùn, gối mỏi, ngã lòng, lười nhác”. Nguyên do công đức này, tất cả Tịnh nghiệp hành nhân trong cõi Sa Bà này và mười phương thế giới đều cùng được viên thành chí nguyện, cùng hội ngộ nơi Tây Phương Cực Lạc; tất cả chúng sanh trong mười phương nghiệp đạo đều thoát chôn u đồ, đồng sanh Tịnh Độ.

Trọng Đông năm 2010, Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký, Quyển Thượng

中峰三時繫念法事全集講記卷上

淨空老法師主講

地點：澳州淨宗學會

寶光字弟子如和譯

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 01

A. GIỚI THIỆU GIẢN LƯỢC VỀ TÁC GIẢ

Chư vị đồng học!

Trong giai đoạn này, hằng tháng những Tịnh tông liên hữu vào mỗi Chủ Nhật lại cử hành pháp sự **Tam Thời Hệ Niệm** một lần tại Tịnh Tông Học Viện của chúng ta, thực hiện rất hoan hỷ, nhưng có rất nhiều chỗ trong những lời khai thị của thiền sư Trung Phong họ chẳng hiểu rõ cho lắm. Lẽ đương nhiên, họ chẳng thể “*tùy văn nhập quán*”. Bởi thế, các đồng học đến tìm tôi, hy vọng tôi sẽ giảng nghi thức này một lượt. Tôi nhớ trong quá khứ đã từng giảng nghi thức này tại Tân Gia Ba, nhưng giảng rất đơn giản. Tôi cũng đọc tụng tập sách này mỗi ngày. Lời Thiền Sư khai thị giản dị, nhưng ý nghĩa sâu sắc, đúng như Phật pháp nói: “*Bất cứ một pháp nào cũng đều có thể giúp chúng ta thành Vô Thượng Đạo*”, bởi pháp nào cũng đều viên mãn; nhưng vấn đề là phải thông hiểu, mà thông hiểu chẳng phải là chuyện dễ. Quý vị đã yêu cầu, tôi cũng hoan hỷ. Chúng tôi lợi dụng thời gian này để chúng ta cùng học kỹ tập sách này.

Tựa đề [của tập sách này] là **Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập**; trước hết, chúng tôi giới thiệu cùng quý vị hai chữ Trung Phong. Trung Phong là tên người. Thiền Sư pháp danh là thượng Minh hạ Bôn, Minh (明) là quang minh, Bôn là chữ bôn trong “*bốn mặt*” (本末: gốc ngọn). Trung Phong là biệt hiệu của Ngài. Ngài là người

huyện Tiên Đường, Hàng Châu; đại khái là người ở Tiêu Sơn thuộc Hàng Châu. Tiêu Sơn nằm bên bờ sông Tiên Đường. Ngài sanh vào cuối thời nhà Tống, lớn lên dưới thời Nguyên, là người thuộc giai đoạn Tống mạt Nguyên sơ. Ở đây, chúng tôi cũng phải giới thiệu nhà Nguyên đơn giản như sau:

Ở Trung Quốc, từ cổ đến nay, người thống trị quốc gia là người Hán, Hán tộc. Trước kia, các dân tộc khác đều sống tại ngoại quốc, nay hòa nhập thành dân tộc Trung Hoa. Dân tộc Trung Hoa có năm mươi hay sáu mươi sắc dân bất đồng, nhưng Hán tộc lớn nhất, dân số đông nhất. Triều đại nhà Nguyên do người Mông Cổ kiến lập, Thanh triều do người Mãn Châu kiến lập, đều thuộc ngoại tộc. Khi chưa thống nhất thì gọi họ là “ngoại tộc”, thống nhất rồi, họ bèn hòa lẫn vào Trung Quốc thành một thể. Bởi thế, bản thân Trung Quốc là dân tộc đa nguyên văn hóa, giống như một cái lò luyện lớn, vừa có thể bao dung, vừa có thể đối xử hòa thuận với nhau, đối đãi bình đẳng. Đây chính là điều cổ thánh tiên hiền Trung Quốc răn dạy, là thành tựu của văn hóa Trung Hoa.

Lãnh tụ Mông Cổ thời ấy là Hốt Tất Liệt (Khubilai), là hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan). Cuối đời vua Lý Tông triều Tống, vào năm Cảnh Định thứ nhất đời Tống Lý Tông - Cảnh Định là niên hiệu, tức là năm 1260 dương lịch, nói như vậy mọi người đều hiểu rõ; năm nay là năm 2003. Nhà Nguyên của Mông Cổ lập quốc vào năm 1260, nhằm vào năm Cảnh Định thứ nhất thời Tống Lý Tông; Hốt Tất Liệt trở thành Đại Hãn, tức vị (lên ngôi) tại Khai Bình. Khai Bình nằm tại cực Bắc Nhiệt Hà (Jehol), nay thuộc địa khu Mông Cổ, nằm ở phía chánh Bắc thành Bắc Kinh. Hốt Tất Liệt lấy niên hiệu là Trung Thống, sau đổi sang niên hiệu khác; ông ta tức là Thế Tổ Hoàng Đế nhà Nguyên, trong sử gọi là Nguyên Thế Tổ.

Tính từ năm đầu Dân Quốc, triều Nguyên có trước Dân Quốc 652 năm. Năm nay là năm Dân Quốc 92 (2003), quý vị phải biết thời đại này, đích xác là sáu trăm năm mươi hai năm cộng thêm chín mươi hai năm nữa, hơn bảy trăm năm! Thời đại nhà Nguyên cách nay đã hơn bảy trăm năm rồi. Chẳng bao lâu sau (thời gian các hoàng đế cuối đời Tống tại vị rất ngắn), vào niên hiệu Hàm Thuần thứ bảy đời Tống Độ Tông, tức là năm 1271, Mông Cổ lập quốc, đổi quốc hiệu là Nguyên, năm thứ nhất nhà Nguyên bắt đầu từ đó. Năm 1276, nhà Tống mất nước, cũng là năm Mông Cổ thống nhất toàn bộ Trung Quốc. Trung Quốc được thống nhất hoàn toàn vào năm 1277, đây chính là năm nhà Nguyên góp mặt vào lịch sử Trung Quốc. Niên hiệu của Nguyên Thế Tổ khi đó là năm Chí

Nguyên thứ mười bốn (1277). Nếu tính từ thời kỳ Dân Quốc, năm ấy cách thời Dân Quốc sáu trăm ba mươi lăm năm. Giới thiệu đơn giản lịch sử nhà Nguyên Mông Cổ cùng quý vị như thế đó.

Tiếp đến, chúng tôi xin giới thiệu người biên soạn Tam Thời Hệ Niệm: Thiền sư Trung Phong. Thiền sư Trung Phong sanh năm Quý Hợi, tức năm Cảnh Định thứ tư đời Tống Lý Tông. Năm Cảnh Định thứ tư chính là năm 1263 Tây lịch. Ngài sanh nhằm ngày mùng Hai tháng Mười Một năm 1263. Theo truyện ký, Ngài họ Tôn, mẫu thân họ Lý. Bà mẹ Ngài nằm mộng, mộng thấy “*Vô Môn Khai đạo giả, trì đặng lung chí kỳ gia, dực nhật toại sanh*”: Vị lão nhân Vô Môn Khai¹ tay cầm lồng đèn đi vào nhà bà, ngày hôm sau bèn sanh. Do đây biết rằng: Mẫu thân Ngài nằm mộng ngày mùng Một tháng Mười Một; ngày mùng Hai tháng Mười Một bà bèn sanh một bé trai, đứa bé trai ấy là thiền sư Trung Phong. Truyện ký ghi lại chuyện này, nay chúng ta có thể tin tưởng được. Vì sao vậy? Chúng ta nghe nói những chuyện như vậy rất nhiều, đúng là có chuyện như vậy.

Đứa bé ấy trở lại làm người, quyết định chẳng phải là người tầm thường; nó oai nghi đẹp đẽ chẳng giống mọi đứa bé khác. Vừa mới biết đi, đứa bé ấy bèn biết nói. Vừa mới biết đi, tức là [như truyện ký chép] “*tài ly cương bảo*” (vừa mới khỏi phải đi)², nó liền biết nói, vừa mới biết đi đã biết ngồi xếp bằng tịnh tọa. Vừa mới biết nói đã biết xưng phạm bái³. Chơi với mấy bạn nhỏ khác, nếu quan sát kỹ, trò chơi của chúng đều là Phật sự, giống như những việc thuộc pháp hội nhà Phật. Nó thích chơi những trò như vậy. Do đây, ta biết đời trước nó là người xuất gia, mang theo tập khí đời quá khứ. Căn bản là chẳng có ai dạy, dấu thời ấy Phật pháp rất thịnh hành, nhưng một đứa bé nhỏ xíu như thế không ai dạy, lại tự biết. Chẳng những đời trước nó là người xuất gia, mà còn chẳng phải là người xuất gia tầm thường; nếu là hạng tầm thường sẽ chẳng thể có thành tựu như thế.

Bốn tích nhân duyên của Ngài, chúng ta là phàm phu chẳng thể biết Ngài có phải là Phật, Bồ Tát ứng hóa hay không, rất khó nói được.

¹ Vô Môn Khai tức là ngài Vô Môn Huệ Khai (1183-1246), tác giả bộ sách Thiền nổi tiếng Vô Môn Quan.

² “*Cương bảo*” (襁褓), ta gọi là cái đi. Người Trung Hoa thường dùng vải dày may thành cái đi, có bốn sợi dây, buộc con công sau lưng để người mẹ rảnh tay để làm lụng. “Vừa mới khỏi phải đi” tức là đứa bé đã tự đi lẫm chẫm được, không còn phải đi sau lưng nữa.

³ Phạm bái (梵唄): Các hình thức tán tụng kinh điển trong Phật giáo Trung Hoa.

Phần lớn cuộc đời Ngài trụ tại núi Thiên Mục. Có mấy vị đồng học đã đến núi Thiên Mục rồi. Đương nhiên Phật sự Hệ Niệm cử hành tại núi Thiên Mục, chúng tôi tin tưởng nhất định được thiền sư Trung Phong gia trì. Bất quá ở mọi nơi trên thế giới, nếu chúng ta quán tưởng núi Thiên Mục, quán tưởng thiền sư Trung Phong, thì thời gian lẫn không gian chẳng bị chướng ngại, đều có thể cảm ứng Tam Bảo, được oai thần của Phật, Bồ Tát gia trì.

Năm Ngài lên chín tuổi, mẹ mất; bởi thế, cũng có thể coi Ngài là một cô nhi. Năm mười lăm tuổi, Ngài có ý niệm xuất gia, nhưng cha vẫn còn sống. Thiền sư Trung Phong rất hiếu thuận, dẫu có ý niệm xuất gia, nhưng cha không đồng ý, bèn chẳng thể tùy tiện xuất gia. Dù tại gia, nhưng trong nhà có Phật đường, Ngài ở nhà lễ Phật nhưng lại đốt tay, “*lễ Phật nhiên tý*” – “*nhiên tý*” (然臂) là đốt hương trên cánh tay, tại gia cư sĩ thọ Bồ Tát giới đều đốt hương trên cánh tay, người xuất gia đốt trên đầu – “*thệ trì ngũ giới*” (thề giữ ngũ giới). Mỗi ngày niệm kinh Pháp Hoa, kinh Viên Giác, kinh Kim Cang. Suốt mười mấy năm ngày đêm tinh tấn, tôi cũng chẳng nghỉ ngơi, “*dạ tắc thường hành*” (đêm thường đi kinh hành). Hễ mệt bèn động đầu vào cột để tự răn nhắc mình.

Chúng ta nghĩ thử xem, từ cổ đến nay, những người thực sự biết dừng mãnh tinh tấn chẳng nhiều. Chúng ta thấy thiền sư Trung Phong trước khi xuất gia, hành trì suốt mười mấy năm như thế, chẳng phải là thị hiện cho chúng ta thấy hay sao? Làm gương cho hàng hậu học lần đại chúng đương thời. Chúng tôi hay nói “*học vi nhân sư, hạnh vi thế phạm*” (học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), Ngài làm gương, nêu khuôn mẫu cho đại chúng. Người học Phật chân chánh phải giống như vậy. Nhà Ngài ở gần núi Linh Động, Ngài thường lên đánh núi tọa thiền. “*Phủ quan*” (đến tuổi đội mũ) – tức là năm hai mươi tuổi – “*duyệt Truyền Đăng Lục*” (là một bộ ngữ lục của Thiền tông, một ngàn bảy trăm đoạn công án Thiền tông được chép trong sách này). Sách này rất dày, toàn là những câu chuyện về những sự tu hành, khai ngộ, chứng quả trong nhà Thiền.

Trong quá khứ đã từng có người viết thư, người này tham Thiền, [chuyện này có ghi trong] Ấn Quang Văn Sao thiên nào tôi không nhớ. Khi tôi mới học Phật, lúc còn chưa xuất gia, xem sách tại thảo am của pháp sư Sám Vân ở Phổ Lý, đọc Ấn Quang Văn Sao. Đây là công khóa đầu tiên pháp sư Sám Vân buộc tôi phải đọc. Tôi sống ở trên núi ấy năm tháng rưỡi, những sách tôi đọc là A Di Đà Kinh Sớ Sao, A Di Đà Kinh Viên Trung Sao, A Di Đà Kinh Yếu Giải. Pháp sư Sám Vân dạy tôi phải

nỗ lực đọc thật kỹ ba bộ sách ấy, đã thế lại còn phải lập đồ biểu phân khoa những cuốn sách ấy⁴. Ngoài ra là xem Ấn Quang Văn Sao.

Tôi nhớ có một người gởi thư cho Ấn Quang đại sư, nói một ngàn bảy trăm đoạn công án ấy, ông ta đều tham ngộ thấu triệt phần lớn, nhưng vẫn còn có mấy điều ông ta chưa hiểu. Ấn Quang đại sư viết thư trả lời rất khéo. Sư nói: “*Với một ngàn bảy trăm đoạn công án ấy, nếu hiểu rõ được một điều, ông sẽ hiểu toàn bộ; nếu còn một điều chưa hiểu rõ tức là ông chẳng hiểu toàn bộ*”. Vị nhân giả ấy sau khi nhận được thư của Ấn Quang đại sư, giống như bị nước lạnh xối vào đầu, tỉnh ngay, bèn buông bỏ chẳng tham Thiền nữa, thật thà niệm Phật. Quý vị phải biết, từ xưa, các tổ sư đại đức thường dạy chúng ta: “*Một ngộ, hết thấy ngộ*”. Vẫn còn một sự chưa ngộ thì cái gì quý vị cũng chẳng ngộ cả! Ngàn vạn phần chớ tự nghĩ mình khai ngộ, như thế đúng là làm đày!

Tổ Ấn Quang gõ gậy ngay vào đầu, chẳng đánh thức riêng mình ông ta mà chúng ta đều phải đề cao cảnh giác. Chúng ta khai ngộ rồi chưa? Chớ hê! Khai ngộ thực sự, cổ đức đã nói rất rõ: “*Thông một kinh, hết thấy kinh đều thông*”. Chúng ta đã thông một kinh hay chưa? Nếu thông rồi, hết thấy kinh bày trước mặt chúng ta sẽ đều chẳng có chướng ngại chi, như vậy mới là thông! Hết thấy pháp thế gian bày trước mặt quý vị chẳng chướng ngại gì. Pháp thế gian, xuất thế gian hoàn toàn thông rồi, thế mới gọi là “*đại triệt, đại ngộ*”, mới là đại khai viên giải, chẳng dễ dàng đâu! Trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ rất cảm khái bảo tôi: “*Từ thời Mạt Pháp trở đi, tức là từ nay trở đi, chúng sanh không có khả năng*”; cho nên chúng tôi kết luận rằng: Chỉ có thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chỉ có con đường này là ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất. Ngài Trung Phong là thiền sư, đích thật là bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong Tông Môn. Quý vị xem đó, Ngài dạy chúng ta niệm Phật, tam thời hệ niệm.

Vào lúc ấy, có một vị xuất gia thấy Sư rất có thiên tư, vị xuất gia ấy hiệu là Minh Sơn. Nhìn vào danh hiệu ấy, chúng tôi cho rằng rất có thể Sư [Minh Sơn] là đồ đệ của hòa thượng Cao Phong, vì thuộc hàng chữ Minh. Minh Sơn đem ngài Trung Phong đến núi Thiên Mục ra mắt thầy, vị thầy ấy là thiền sư Cao Phong Diệu. Trong lịch sử Thiền tông, hòa thượng Cao Phong cũng rất nổi tiếng, Ngài là quốc sư đời Nguyên.

Môn giám của thiền sư Cao Phong rất cao, thực sự là một cao tăng

⁴ Tức là chia sách ra thành từng đoạn nhỏ, đặt tựa đề để nêu tóm gọn ý nghĩa cho mỗi phân đoạn, hệ thống những tác phẩm ấy.

hữu đạo (chúng tôi không nói “đắc đạo”, mà nói “hữu đạo” là điều hết thầy mọi người đều khẳng định), nhìn người rất giỏi. Vừa trông thấy chàng trai trẻ, Hòa Thượng đặc biệt hoan hỷ, đặc biệt hữu duyên, bèn ngay lập tức cho xuất gia. Trung Phong thiền sư thưa: “Cha con chẳng cho phép, con chẳng thể xuất gia”. Trong tâm Sư rất muốn xuất gia, nhưng cha vẫn còn, cha chẳng thuận cho xuất gia. Thiền sư Cao Phong bảo: “Người quay về khéo bàn bạc cùng cha, hy vọng cha người đồng ý cho người xuất gia”. Đó là chuyện lúc ngài hai mươi tuổi.

Sau khi gặp được thiền sư Cao Phong, Ngài bèn tiếp nhận sự chỉ dạy của ngài Cao Phong. Bởi vậy, thành tựu của một cá nhân dù là pháp thể gian hay xuất gia gian đều chẳng có ngoại lệ, thầy dạy rất quan trọng! Gặp được một vị thầy thực sự cao minh chỉ dạy, quý vị tiến bộ rất nhanh! Có một ngày, Ngài niệm kinh Kim Cang, niệm đến câu “*hà đảm Như Lai*” (gánh vác Như Lai), niệm đến đó “*hoảng nhiên khai giải*”, thực sự là bỗng nhiên đại ngộ, đại ngộ chứ chưa triệt ngộ, nhưng có lợi cho Ngài rất nhiều. “*Do thị nội ngoại điển tịch, giai đạt kỳ nghĩa thú*” (Do vậy nội ngoại điển tịch⁵ đều nắm được ý nghĩa), đó là ngộ vậy. Nội điển là kinh Phật, ngoại điển là sách vở Nho Gia, Đạo Gia, bách gia chư tử; những kinh sách như vậy đều có thể thông đạt hết. Dầu ngài Trung Phong đã ngộ nhập cảnh giới, nhưng rất khiêm hư, chẳng nghĩ mình khai ngộ. “*Thời niên nhị thập hữu tứ*”, năm ấy Ngài hai mươi bốn tuổi, “*thập Chí Nguyên Bính Tuất tuế dã*” (đúng vào năm Bính Tuất niên hiệu Chí Nguyên), năm Bính Tuất trong niên hiệu Chí Nguyên là năm 1286 Tây lịch. “*Minh niên, tùng Cao Phong thế nhiệm ư Sư Tử Viện*” (Năm sau, bắt đầu xuất gia với Cao Phong tại Sư Tử Viện). Sư Tử Viện là tên đạo tràng, chúng ta biết Ngài xuất gia năm hai mươi lăm tuổi. Tụng kinh Kim Cang giác ngộ vào năm hai mươi bốn tuổi, nội ngoại điển tịch không còn gì chướng ngại nữa.

Trước kia, lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy chúng tôi rằng “*nội ngoại điển tịch là pháp thế gian, xuất thế gian*”. Pháp xuất thế gian là kinh Phật, pháp thế gian là danh từ đương thời để chỉ các tác phẩm Nho, Đạo, bách gia chư tử của Trung Quốc. Ngài không gặp chướng ngại gì [khi đọc các điển tịch] năm hai mươi bốn tuổi, không phải là mê tín! Thực sự có học vấn. Năm sau xuất gia, lạy Cao Phong Diệu Thiền Sư làm thầy. Năm hai mươi sáu tuổi thọ giới. Năm hai mươi bảy tuổi, truyện ký có

⁵ Nội ngoại điển tịch: Sách vở trong nhà Phật gọi là “nội điển”, sách vở thế gian gọi là “ngoại tịch”.

đoạn ghi “*quán lưu tuyên hữu tỉnh*” (thấy suối chảy có tỉnh), “*tỉnh*” đây là giác ngộ. Phía Đông núi Thiên Mục rất nhiều suối, lại còn có thác. Ngài nhìn thác nước, nước chảy xiết bên giác ngộ, cầu thầy ấn chứng. Thiên sư Cao Phong Diệu là bậc thực sự khai ngộ, minh tâm kiến tánh, Ngài đến dẫn dụ, chỉ dạy, giúp đỡ học trò mình. Nói thật ra, ngài Trung Phong còn trong giai đoạn sắp ngộ, chưa ngộ, chúng ta biết khi ấy Sư hai mươi bảy tuổi.

Chính vào lúc ấy, “*dân gian ngoa truyền*” (ngoa truyền tức là chẳng phải thật, là đồn thổi, nay ta gọi “*ngoa truyền*” là đồn đại), đồn đại điều gì? “*Quan tuyển đồng nam nữ*” (Quan lại phải tuyển đồng nam, đồng nữ), tức là quan phủ phải tuyển bé trai, bé gái. Việc ấy chẳng thật, chỉ là lời đồn. Trung Phong bèn đến hỏi thầy, Ngài nói: “*Hốt hữu nhân lai vấn hòa thượng, thảo đồng nam nữ thời, như hà*” (Nếu như chợt có người đến hỏi Hòa Thượng đòi đồng nam, đồng nữ, thì sao?): Thừa thầy, bên ngoài họ đồn có người đến hỏi thầy bắt đồng nam đồng nữ, thì thầy làm sao? Cao Phong Diệu Thiên Sư bèn nói: “*Ta đưa cho người ấy một cái trúc ty*”. Tôi từng thấy cái trúc ty (竹筴), hiện thời rất hiếm thấy. Nó là cái lược chải đầu bằng trúc, nhưng răng dày hơn lược thường, răng rất khít, trước kia dùng để gỡ đầu (người Việt gọi là “*lược bí*”). Vào thời Dân Quốc kháng chiến, nó rất phổ biến tại nông thôn và những thành phố nhỏ, bây giờ không thấy nữa. Hiện thời, phần lớn lược làm bằng chất nhựa hóa học đúc, không thấy loại trúc ty ấy nữa. Nó là vật dụng dùng để chải gỡ nam nữ đều dùng, đàn bà dùng nhiều nhất.

Sư nói: Nếu có ai đến hỏi tôi đòi đồng nam, đồng nữ, tôi bèn cho nó [cái trúc ty] như vậy đó! “*Sư ngôn hạ đồng nhiên*” (Sư nghe nói xong, bèn rộng rang): Trung Phong thiên sư nghe câu nói ấy, bèn bỗng nhiên đại ngộ, “*triệt pháp nguyên đễ*” (thấu triệt nguồn đáy pháp). Đó là đại triệt, đại ngộ. Bây giờ chúng ta đọc đến đoạn này có ngộ chút nào không? Đừng nói là đại ngộ, ngay đến tiểu ngộ cũng không có, giống như câu hỏi không được đáp, đây chính là phương tiện thiện xảo dạy dỗ của thầy, người khác nghe chẳng hiểu; có thể nói là “*chạm đúng Thiên cơ, đã thông huyết đạo*”. Câu “*thấu triệt nguồn đáy pháp*” này rất phi thường. Từ đây, ta biết Sư khai ngộ năm hai mươi bảy tuổi, khai ngộ rồi không ai biết, chỉ có thầy Ngài biết, người khác không biết. Bởi thế, “*lục trầm chúng trung, nhân vô sở tri*” (chìm khuất trong chúng, không ai biết). Mọi người cùng chấp tác trong đạo tràng ấy không ai biết Ngài đã khai ngộ.

Tiếp đây, khi đó “*Cao Phong thư chân tán phó Sư*” (Cao Phong

viết bài tán trao cho Sư): Thiên sư Cao Phong là thầy Ngài, viết cho Trung Phong mấy câu. Bốn câu ấy cũng thuộc Thiên cơ, nay chúng ta đọc cũng chẳng hiểu. Ngài nói: “*Ngã tướng bất tư nghị, Phật tổ mạc năng thị, độc hứa bất tiêu nhi, kiến đắc bán biên ty*” (tạm dịch: “*Ngã tướng chẳng nghĩ bàn, Phật, tổ chớ coi thường, riêng cho đũa con tẻ, được thấy nửa bên mũi*”). Đây là lời thầy Ngài viết, khen ngợi chỗ ngộ của Ngài, Ngài ngộ gì chúng ta không biết. Chúng tôi đọc bốn câu kệ này của sư Cao Phong, chúng tôi cũng không cách gì hiểu được. Đúng là rất cuộc quý vị ngộ nhưng vẫn chẳng ngộ. Nếu lúc ngộ thì sẽ hiểu từng câu, từng chữ rành rẽ, nói với người chưa ngộ cũng vô dụng. Bài kệ trên hoàn toàn giống với một ngàn bảy trăm đoạn công án. Sau này có những người tham học đến thỉnh giáo ngài Cao Phong, Cao Phong thiên sư bảo bọn họ: “Các ông có câu hỏi gì cứ đi hỏi ông. Ông ta pháp hiệu là Minh Bồn. Các ông qua mà hỏi ông”. Cứ như thế, dần dần mọi người biết Trung Phong thiên sư thực sự có năng lực chỉ dạy đại chúng.

Chúng ta biết chắc chắn Sư mới hai mươi bảy tuổi, tuổi tác chẳng lớn lắm. Đương thời có vị xuất gia, “*Hoài tăng Tử Chúng*”, Hoài (淮) là tên đất, Tăng là người xuất gia, Tử Chúng là pháp hiệu, “*thường vấn Cao Phong chư đệ tử ưu liệt*” (thường hỏi Cao Phong về các đệ tử giỏi hay dở). Đại khái, chúng tôi cho rằng vị này là người ngang vai vế với ngài thiên sư Cao Phong Diệu. Có một lần, vị này hỏi Hòa Thượng: “Trong đám đệ tử ông có ai ưu tú, thực sự khế nhập cảnh giới, có kiến địa chẳng?” Ngài Cao Phong nói: “*Nhược sơ viện chủ đặng*” (trước hết kể từ hàng viện chủ), ý nói toàn bộ đại chúng trong chùa, “*nhất bán tri giải, bất đạo toàn vô*” (kể biết một phần, hiểu một nửa, chẳng thể nói là hoàn toàn không có ai), số người biết một phần hiểu một nửa khá nhiều, Sư nêu tên mấy vị, rồi mới nhắc đến Minh Bồn, “*duy Bồn Duy Na*” (chỉ có thầy Duy Na Minh Bồn), đại khái khi ấy, ngài Trung Phong giữ chức Duy Na trong chùa, [nên gọi là] thầy Duy Na Minh Bồn.

Sư giữ chức Duy Na rất hợp lý, vì chúng ta thấy trong phần trước của truyện ký có kể Sư vừa biết đi bèn biết nói, biết xướng phạm bá. Chúng tôi cho rằng đời trước Sư rất thông thạo phạm bá, nhất định xướng rất hay; bởi thế, nhà chùa thỉnh Sư giữ chức Duy Na. Thầy Duy Na Bồn, Bồn tức là Minh Bồn, “*can thượng lâm tân hoàng*” (là bụi trúc mới nổi giữa rừng tre), dùng cách ví von này rất hay! Vì núi Thiên Mục khắp nơi đều là trúc. Tôi từng đến chỗ ấy, e rằng hơn một trăm dặm, hai trăm dặm toàn là trúc. “*Tha nhật thành tài vị dị lượng dã*” (Ngày sau thành tài chẳng dễ lường nổi): Người ấy tiền đồ tương lai vô lượng! Đặc

biệt tán thán Sư; trong tất cả đệ tử, Sư được thầy đặc biệt coi trọng.

Đến đời Nguyên Thành Tông, tức là hoàng đế thứ hai của nhà Nguyên, là con của Hốt Tất Liệt, tên là Thiết Mộc Nhĩ (Temur). Ông ta làm hoàng đế, đặt niên hiệu là Nguyên Trinh, tức vị vào năm Nguyên Trinh nguyên niên, tức năm 1295. Tháng Mười Một năm ấy, thầy của Ngài viên tịch. [Truyện ký chép] “*trương thiên hóa*” nghĩa là viên tịch; “*dĩ Đại Giác chúc Sư*” (đem Đại Giác phó chúc cho Sư). Đại Giác là tên chùa, đem đạo tràng ủy thác cho Trung Phong thiền sư, “*Sư từ, thời đệ nhất tọa Tổ Ung chủ chi*” (Sư thoái thác, cử vị thượng tọa đứng đầu là Tổ Ung làm chủ [chùa ấy]); Ngài thoái nhượng, chẳng làm trụ trì. Đến niên hiệu Đại Đức (1297), Sư đi tham học khắp cả một vùng từ Kim Lăng (Nam Kinh) tới An Huy. Năm Mậu Tuất (1298), Sư trụ tại thảo am ở Lô Châu. Trong thời gian đó, nếu nói như bây giờ là tiếng tăm của Sư ngày càng cao. Do trí huệ, đạo đức, biện tài, tài giáo hóa chúng sanh của Sư, người đến tìm Sư cầu đạo ngày càng đông.

Thiền Sư thích thanh tịnh, thích tấn tu. Xem trong hành trạng một đời Ngài, thời gian Ngài trụ tại một địa phương nào chẳng lâu, đều là tham học các nơi, ở trong thảo am, cuộc sống rất đơn giản, rất thô phác, quý vị có thể đọc trong sách ghi về hành trạng của Ngài. Năm Quý Sửu (1313), trong năm ấy có nhân duyên. Chúng ta biết lúc lão nhân gia trụ thế, nhằm lúc người Mông Cổ làm chủ Trung Quốc; những nhân vật làm quan to, giữ chức vị trọng yếu, hiển hách đều là người Mông Cổ. Từ hoàng đế đến các quan đứng đầu địa phương hết sức tôn kính Sư. Nếu chẳng phải là bậc đạo đức chân chánh dễ gì được.

A! Bây giờ đã hết thời gian rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem hành trạng một đời của ngài Trung Phong Thiền Sư. Ngài sanh vào cuối đời Tống, Sư sống qua năm đời hoàng đế triều Nguyên. Đầu tiên là Hốt Tất Liệt, tức Nguyên Thế Tổ. Thứ hai là Thành Tông Thiết Mộc Nhĩ, thứ ba là Võ Tông, thứ tư là Nhân Tông, thứ năm là Anh Tông, sống suốt năm đời hoàng đế.

Năm 1313, nhằm thời đại Nguyên Nhân Tông, là đời hoàng đế thứ tư của nhà Nguyên. Năm ấy, Thừa Tướng lễ thỉnh pháp sư đến tư dinh, ta thường gọi là Tướng Phủ, khẩn khoản thỉnh thiền sư Trung Phong trụ trì Linh Ân Thiền Tự. Ngôi chùa này rất nổi tiếng tại Hàng Châu. Quý vị

đều biết đời Tống có một vị hòa thượng rất lừng danh là trưởng lão Tế Công, Tế Công trưởng lão trụ tại chùa Linh Ân. Nơi đây còn giữ rất nhiều di tích về Ngài, có thể nói là đạo tràng bậc nhất của Hàng Châu. Thừa Tướng khẩn khoản thỉnh Sư về làm trụ trì. Thiền sư Trung Phong từ tạ. Trong Tướng Phủ có một số quan lớn hiện diện, lại lễ thỉnh, mọi người đều thỉnh, tợ hồ đương thời không có ai có đạo đức, được mọi người ngưỡng vọng hơn Ngài cả!

Họ lại thỉnh cầu Ngài thuận theo nguyện vọng của đại chúng, mong Ngài sẽ làm trụ trì, nhằm khôi phục lại đạo tràng này, xin Ngài đừng thoái thác. Lão nhân gia bèn nói một câu hết sức quan trọng. Ngài nói: *“Phù trụ trì giả, tu cụ tam chủng lực, thứ bất bại sự”* (phàm trụ trì thì cần phải có đủ ba lực, mới khỏi hỏng việc). Nói như bây giờ, làm trụ trì phải có ba điều kiện thì quý vị mới trở thành vị trụ trì giỏi, hộ trì chánh pháp, giáo hóa chúng sanh. Ba điều kiện gì vậy? Thứ nhất là đạo lực, thứ hai là duyên lực, thứ ba là trí lực. Ba điều kiện ấy rất trọng yếu. *“Đạo là Thể, Duyên và Trí là Dụng”*. Phải thực sự có Đạo! Thế nào là Đạo? Minh tâm kiến tánh là Đạo. Nói thật ra, lão nhân gia thực sự có đạo, ba điều kiện đều hội đủ, vì sao Ngài lại phải làm như vậy? Nhằm giáo hóa đệ tử đời sau. Ở đây, Ngài diễn tuồng, biểu diễn, khiêm hư nói mình thiếu đạo, chẳng có trí, chẳng thể nói là không duyên. Pháp duyên của Ngài rất thanh.

Đạo là Thể, đạo là gì? Trong các chú sớ khác đã giảng rất nhiều. Đạo là thực sự thông đạt, hiểu rõ Thật Tướng của các pháp. Trong thế gian này, bất cứ hoàn cảnh nào, thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác duyên, thực sự chẳng nhiễm mảy trần. Kinh Kim Cang nói: *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng... Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng... Hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng), toàn là nói về sự thật. Chẳng những pháp thế gian chẳng nhiễm trước, mà Phật pháp cũng chẳng nhiễm trước, đây là chân chánh hữu đạo! Như trong kinh luận thường hay nói *“tùy duyên nhưng chẳng phan duyên”*, tùy duyên nhưng chẳng chấp vào tướng tùy duyên. Đây là điều kiện đầu tiên. Nếu vẫn còn có một mảy vọng tưởng, chấp trước chưa thể buông xuống thì sẽ không được! Làm sao anh có thể lãnh chúng? Tự mình vẫn chưa có thành tựu thì dẫn mọi người đi về đâu đây? Chẳng cang đáng nổi địa vị ấy, trách nhiệm rất nặng!

Duyên, quan trọng nhất là pháp duyên và nhân duyên. Pháp duyên và nhân duyên tốt, làm việc dễ dàng, có người giúp đỡ, ít nhọc lòng. Nói

như bây giờ là nhân lực, tài lực, vật lực thấy đều là duyên. Quý vị trụ trì một đạo tràng lớn nào, trong đạo tràng có nhiều người cùng tu một chỗ, nếu nhân lực, vật lực, tài lực khó khăn, tu hành ắt gặp chướng ngại. Nhà Phật thường nói: “*Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (bánh xe pháp chưa chuyển, bánh xe ăn đã lặn trước). Nếu quý vị ăn chẳng no, tu đạo rất nhọc nhằn. Cuộc sống khổ sở một chút không quan trọng lắm, nói chung, cốt sao ăn no, mặc ấm. Áo cũ rách một chút cũng không sao, miễn sao chống được lạnh. Trà thô, cơm nhạt, miễn sao no dạ, tâm yên, đạo thanh. Thân tâm bất an chắc chắn tu hành có trở ngại, nhất là khi tiếp dẫn kẻ sơ cơ, duyên rất trọng yếu. Xử sự, tiếp người, đãi vật phải có trí huệ; không có trí huệ sẽ chẳng thể viên dung.

Quý vị thấy lão nhân gia nói làm trụ trì phải có đủ ba điều kiện như thế, trọng yếu nhất là đạo. Đạo là Thể, duyên và trí là Dụng. “*Hữu kỳ Thể, nhi khuyết kỳ Dụng, thương khả vi chi*” (Có Thể mà thiếu Dụng thì vẫn có thể làm được): Có đạo, nhưng duyên và trí chẳng đủ thì vẫn ỏn. Khuyết điểm là “*hóa quyền bất châu, sự nghi bất bị*” (quyền giáo hóa chẳng trọn, sự nghi chẳng đủ), giáo hóa chúng sanh chẳng viên mãn lắm, chẳng thành công lắm, trật tự lo liệu mọi việc chẳng hoàn bị. Vì sao vậy? Do chẳng đủ trí, thường hay bị sơ sót, vẫn cứ phải cho qua, làm miễn cưỡng! “*Sử đạo thể dĩ khuyết, tiện vô dị vô toán, tuy duyên dĩ trí, diệc hệ vi tai*” (Nếu đạo thể đã khuyết, thì chẳng khác gì không đáng kể đến nữa. Dù có duyên và trí cũng chẳng làm gì được!). Đây là lời cảm thán, nếu đạo thể chẳng có, chưa kiến đạo, chưa ngộ đạo thì cũng chẳng đáng tính đến. Chữ “*toán*” trong câu “*vô dị vô toán*” (chẳng khác gì không đáng tính đến) là tính toán. Dù có chút duyên và trí, vẫn là vô dụng, chẳng cách nào bổ cứu được!

Nói cách khác, hoằng pháp lợi sanh, nối tiếp huệ mạng Phật, việc ấy anh làm chẳng được. Nếu “*Thể, Dụng tịnh khuyết, nhi mao yên cư chi, viết nhân, viết quả*” (Thể, Dụng cùng khuyết, cứ mao muội nhận lãnh, nói nhân, nói quả): Đây là trách nhiệm phải gánh lấy nhân quả. Quý vị có sợ nhân quả hay không? Chẳng có Thể cũng chẳng có Dụng, duyên chẳng đủ, duyên chẳng đủ sẽ thành gì? Thành ra phan duyên! Ngày ngày ở trong nhà vất óc, tà tri, tà kiến, nghĩ mọi phương pháp phan duyên, thật là làm lạc quá sức, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải tội!

Pháp duyên do đời trước, đời này kết thành, tự nhiên xảy đến. Nếu khởi tâm động niệm toan đi ra ngoài hóa duyên (kêu gọi quyên góp) là làm mất rồi, chẳng có đạo gì cả! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát tỏ sự

đại đức Trung Quốc trong các đời, các Ngài kiến lập đạo tràng giáo hóa chúng sanh, duyên đều tự động đưa đến, đã vậy, còn sao nữa? [Các Ngài] có muốn cự tuyệt cũng cự chẳng được. Người ta thành tâm thành ý đến chỗ Ngài tu bố thí cúng dường, họ đến tu phước, tuyệt đối chẳng cần chèo kéo họ. Đối với danh vọng, hễ thật tu bèn được tiếng, chẳng phải như trong hiện tại, dùng đủ mọi phương pháp để được nổi danh, chẳng phải vậy! Người tu đạo phải làm như thế nào? Nhất định chẳng được phan duyên. Hoàng đế triệu kiến thiền sư Trung Phong mấy lượt, Ngài chẳng đến châu!

Rốt cuộc, Thiền Sư vẫn từ khước trụ trì chùa Linh Ẩn. Lời Ngài vừa nói đó đáng để cho chúng ta ngày nay phản tỉnh. Nếu chính chúng ta kiến lập một đạo tràng, quý vị phải dùng tiêu chuẩn của Ngài để cân nhắc: Rốt cuộc, đối với Phật pháp, đối với xã hội, đối với chúng sanh, chúng ta có công hay có tội vậy?

Đời Nguyên Nhân Tông, tức đời hoàng đế thứ tư, năm Mậu Ngọ, tức năm 1318, tháng Chín năm ấy, Nhân Tông hoàng đế phán cùng các đại thần thân cận: Ta từng nghe đến đạo hạnh của hòa thượng Trung Phong núi Thiên Mục, đã nghe tiếng từ lâu, “*lũy dục chiêu nhi lai*” (nhiều lượt muốn xuống chiếu vời đến), “*lũy*” (累) là nhiều lần, chẳng phải chỉ một lần. Nhiều lần nghĩ xuống chiếu buộc Sư tiến kinh. Các đại thần đều nói Sư không khỏe, “*liêu mỗi vị kỳ hữu tật*” (thường viện có bị bệnh), thân thể không khỏe, không cách nào phụng chiếu được.

Quý vị xem đây, nếu người khác gặp như vậy, há còn phải đợi hoàng đế hạ chi? Nghĩ đủ cách để gặp mặt hoàng đế! Sư chẳng cần làm vậy, hoàng đế càng thêm tôn trọng đức hạnh của Sư. “*Từ hiệu*” (ban hiệu), tức là phong hiệu, “*Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ thiền sư*”. Bởi vậy nay chúng ta thấy trên tựa đề sách có ghi: “*Nguyên cố Thiên Mục Sơn Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ thiền sư Trung Phong hòa thượng*”, đó là hiệu do hoàng đế phong. Lại ban tặng Sư ca-sa, lễ vật; đã phong hiệu, lại còn ban một phần lễ vật, đặc biệt ra lệnh cho Hàng Châu Lộ (theo chế độ nhà Nguyên, gọi là Lộ, đến đời Minh và Thanh, đổi thành Tỉnh. Theo chế độ nhà Nguyên, khu vực hành chính địa phương đều gọi là Lộ. Ở đây, Lộ người đứng đầu địa phương, tương đương với tỉnh trưởng bây giờ. Ở châu Úc chúng ta là châu trưởng - governor). Hoàng đế chỉ thị “*ưu lễ ngoại hộ*”, tức là sai quan viên địa phương hộ pháp, để thiền sư an tâm tu đạo trên núi.

Chuyện về Ngài rất nhiều, được khắp trong triều, ngoài nội tôn kính, ngưỡng mộ, đến thỉnh giáo, đến cầu học. Câu nào ghi trong truyện

ký cũng là lời chân thật, Sư được đề vương, đại thần thuở ấy biết đến, chẳng ai sánh bằng. [Truyện ký] chép đại sư thường dạy dỗ người đến học, dạy hàng hậu học “*chỉ thượng thông ngôn, bất cầu thật ngộ*” (chỉ cốt sao nói cho lưu loát, chẳng cầu thực sự chứng ngộ) là chuyện thật. Căn bệnh này hiện tại rất phổ biến. Sư sống cách chúng ta hơn bảy trăm năm; bảy trăm năm trước Phật pháp đã suy rồi, người thực sự tu hành chẳng nhiều. Bởi thế, lão nhân gia hết sức cảm khái, nói bất luận tại gia hay xuất gia, học để làm gì? Học một chút lời lẽ thông đạt Phật pháp, thông cái gì? Thông thạo ngôn từ. Quý vị nghe cho nhiều, học cho nhiều, quý vị giảng được, chẳng cần phải thực sự chứng ngộ.

“*Thường viết kim nhật chi tham thiên bất linh nghiệm giả*” (Sư thường nói: “Nay kẻ tham Thiên chẳng linh nghiệm”), trong thời đó, người tham Thiên khi ấy đã chẳng linh. Vì sao chẳng linh? Ngài nói có ba điều, thứ nhất là “*vô cổ nhân chân thật chí khí*” (không có chí khí chân thật như cổ nhân). Trong thời thiền sư Trung Phong, người học Phật rất nhiều, nhưng không thực sự giống như cổ nhân. Cổ nhân thực sự tu tập, nhưng bất luận người tại gia hay xuất gia trong thời của thiền sư Trung Phong, nếu đem so với chúng ta hiện thời, họ còn cao minh hơn chúng ta nhiều lắm. Ta làm sao so sánh với họ được? Từ đây thấy rõ: Đúng là cứ mỗi một đời lại kém hơn đời trước. Lão tổ tông của chúng ta là Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta học Phật nhất định phải mong bằng được Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Thủ pháp hồ thượng, cần đắc hồ trung*” (Cầu lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung), quý vị mới có chút thành tựu. Nếu quý vị “*thủ pháp hồ hạ*” (giữ pháp thấp thỏi), làm sao thành tựu được? Nay lão nhân gia nói vấn đề thứ nhất là “*chí khí chân thật*”, quý vị đang tu thật hay tu giả? Đây là mấu chốt để được linh nghiệm hay không linh nghiệm, thành tựu hay không thành tựu!

Thứ hai, “*chẳng coi sanh tử vô thường là một đại sự*”. Thật vậy, ngày nay học Phật, có ai vì sanh tử vô thường mà tu hành cơ chứ? Cổ nhân thực sự vì điều đó. Xuất gia tu đạo vì lẽ gì? Vì đại sự sanh tử vô thường. Người hiện thời quên sạch sự kiện này, [điều này] thật đáng khiến cho chúng ta phản tỉnh sâu xa. Nếu mục đích học Phật của chúng ta là muốn danh văn, lợi dưỡng, nhắm vào ngũ dục, lục trần, thì đúng là như cổ nhân đã nói: “*Kim sanh bất liễu đạo, phi mao, đới sùng đèn*” (Đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sùng đèn). Sẽ mang lông đội sùng đèn vào đời sau ư? Không phải vậy! Đời sau là tam đồ địa ngục. Chịu tội địa ngục mãn rồi mới mang lông, đội sùng. Nếu quý vị hỏi có tội gì ư? Phá hoại hình ảnh Phật giáo, đó là đại tội! Nói như kiểu buôn

bán trong thế gian, quý vị giương chiêu bài để làm bậy, quý vị khiến cho xã hội mất lòng tin nơi Phật pháp!

Trong quá khứ, chúng tôi đã từng giảng một phần kinh Đại Bảo Tích, tức là kinh Phát Khởi Bồ Tát Thủ Thắng Chí Nhạo, còn gọi là kinh Di Lạc Sở Vấn. Tôi nhớ đã giảng cả ba lượt, từng giảng một lần tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán ở Đài Bắc. Bại hoại hình ảnh Phật giáo, chương ngại chánh pháp, quý vị thấy quả báo nói trong kinh chẳng phải là giả đâu, chẳng phải là dọa dẫm người đời, mà là sự thật đấy! Nhưng hiện thời lắm kẻ lớn mật làm càn, chẳng biết nhân quả đáng sợ, cứ bịa chuyện, đặt chuyện, rớt cuộc còn lại cái tâm gì? Giáo dục của thánh hiền và Phật, Bồ Tát chỉ là từ bi. Nhà Phật thường nói: *“Từ bi vi bốn, phương tiện vi môn”* (Từ bi làm gốc, phương tiện là cửa).

Trưa hôm qua, tôi và hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trường Đại Học khoa học Côn Sĩ Lan (Queensland) cùng dùng cơm, bàn luận: Môn giáo dục quan trọng nhất đối với hiện thời là giáo dục luân lý và đạo đức. Giáo dục luân lý đạo đức là gì? Dạy con người biết yêu con người, biết yêu hoàn cảnh, biết yêu hết thầy chúng sanh; nền giáo dục của thánh nhân là nền giáo dục yêu thương. Chính mình phải biết hy sinh, dâng hiến, vì hết thầy chúng sanh, vì xã hội phục vụ. Đây là điều thiếu sót nhất trong nền giáo dục hiện tại, chúng ta phải nỗ lực đi theo phương hướng ấy. Các ông hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều rất tán đồng, họ mời chúng tôi đến trường tham quan. Trường họ có hơn ba vạn sinh viên. Người học Phật và không học Phật chẳng biết liễu sanh tử, xuất tam giới. Người học Phật phải lấy việc này làm việc lớn nhất, cả một đời chúng ta chỉ vì việc này.

Điều thứ ba là: *“Vứt bỏ những thói quen, những điều mình quen thói coi trọng từ bao kiếp đến nay chưa được”*. Câu này chúng tôi diễn tả cách khác cho mọi người dễ hiểu: Từ vô thủy kiếp đến nay, những tập khí bất thiện quý vị chưa buông xuống được!

Đây chính là ba nguyên nhân khiến cho quý vị tham Thiền chẳng linh nghiệm, niệm Phật chẳng thể đạt Nhất Tâm, tu bất cứ pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu. Tiếp đó, Sư lại nói: *“Hựu bất cụ cửu viễn bất thoái chuyển thân tâm”* (Lại chẳng đủ thân tâm bất thoái chuyển lâu dài). “Cụ” (具) là trọn đủ. Quý vị chẳng đầy đủ, chẳng có! Chẳng có điều gì? Chẳng có tâm dài lâu, chẳng có tâm bất thoái chuyển. Tâm bất thoái chuyển dài lâu ấy là tâm dũng mãnh, tinh tấn, quý vị không có, bởi thế chẳng thể thành tựu. Căn bệnh là đây.

Tiếp đó, Sư lại nói, nói rất hay! *“Tất cánh bệnh tại u hà, kỳ thật*

bất thức sanh tử căn bản có” (Rốt cuộc là bệnh ở đâu, thật ra là do chẳng biết cội rễ sanh tử vậy). Đúng là thiên sư nói một lời vạch trần hết cả; quý vị chẳng hiểu rõ cội rễ sanh tử, nên từ trước đến nay quý vị chưa từng nỗ lực thực sự học tập. Cội rễ sanh tử là gì? Trong những lời khai thị nơi tác phẩm Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự của lão nhân gia có nói; trong phần khai thị của thiên thứ nhất, Sư giảng rất rõ ràng, trong truyện ký cũng có nói. Chúng tôi đem đoạn văn đó đối chiếu phần khai thị trong Hệ Niệm Pháp Sự, thấy đúng là khẩu khí của lão nhân gia, những khai thị ấy do chính Ngài soạn, chứ không phải do người khác viết.

Chúng ta cũng nên đọc qua một lượt đoạn văn ấy: *“Phù căn bản giả, tánh chân viên minh, bốn vô sanh diệt vãng lai chi tướng”* (Căn bản ấy chính là tánh thực sự viên minh, vốn chẳng có tướng sanh diệt, qua lại), nói thật ra, chẳng dễ hiểu cho lắm. Đây là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, minh tâm kiến tánh là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của người tầm thường. Thế nào là căn bản? Căn bản là tâm tánh, minh tâm kiến tánh là căn bản, tánh thực sự viên minh, vốn không sanh diệt. Cái tướng sanh diệt đến đi ấy chẳng hề có! Bất sanh bất diệt, chẳng đến chẳng đi. Đến, đi (khứ, lai) là quá khứ, vị lai; chẳng những không có thời gian, mà cũng chẳng có không gian. Hiện thời, khoa học mới chậm chạp phát hiện điều này, cư sĩ Chung Mậu Lâm từng diễn giảng tại đây cho chúng ta nghe rồi, các vị đồng học đều đã nghe những gì khoa học phát hiện rồi đó.

“Lương do bất giác, miết khởi vọng tâm, mê thất bốn nguyên, hư thọ luân chuyển” (Do vì bất giác, thoát khởi vọng tâm, mê mất cội nguồn, luống chịu luân hồi), đây là lời giảng vì sao phàm phu cứ luân lạc mãi cho đến nay như thế. Nhất niệm bất giác sanh khởi vô minh. Vọng tâm là vô minh, mê mất cội nguồn (tức bốn tánh), mê mất bốn tánh, hóa thành luân hồi lục đạo, tự làm tự chịu. Bởi vậy, nói *“mê chi tắc sanh tử thi”* (mê thì sanh tử bắt đầu). Sanh tử bắt đầu tức là có sanh tử; ngộ thì luân hồi bèn dứt. Chân tướng của sanh tử luân hồi nói gọn trong một câu: *“Cái căn hồ mê, nhi bốn hồ vọng dã”* (Là do mê căn mà làm bản; hoặc: Do mê căn nên bản biến thành vọng). Về cơ bản, mê nơi căn, do mê nơi căn bản khiến tâm tánh biến thành vọng thức.

Kể đó là mấy câu cũng rất quan trọng: *“Đương tri sơn, hà, đại địa, minh, ám, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, chí u động, bất động pháp, giai thị sanh tử căn bản”* (Phải biết núi, sông, đại, địa, sáng, tối, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, cho đến pháp động hay bất động, đều là cội gốc sanh tử). Ai biết được điều này? Chẳng phải người chân tu thật

chúng sẽ chẳng thể biết được. Chuyện này ở ngay trước mắt, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng hề tách rời, nhưng phần lớn chúng ta cứ sống trong mê hoặc điên đảo. Tướng của mê là gì? Là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Mấy lời đại sư nói chúng ta phải hiểu rõ: Núi, sông, đại địa, sáng, tối, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, pháp động và bất động đã được đức Phật giảng rất thấu triệt trong kinh Lăng Nghiêm. Hễ ngộ thì [những cảnh giới ấy] sẽ biến thành cảnh giới Hoa Nghiêm, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại; mê thì chúng đều là căn bản sanh tử.

Thưa cùng quý vị, pháp chẳng có mê hay ngộ. Như nhà khoa học Giang Bồn Thắng (Masaru Emoto) của Nhật Bản đã làm những thí nghiệm với nước, nước không có mê hay ngộ. Các pháp núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, ngũ âm v.v... chẳng có mê hay ngộ. Thiện ý, năng lượng tốt của chúng ta tác dụng vào chúng, khiến chúng bèn lập tức có phản ứng, có phản ứng tốt đẹp vô cùng. Nếu chúng ta dùng ác ý, ác niệm tác động lên chúng, chúng phản ứng xấu tệ vô cùng. Chúng chẳng hề phân biệt, chấp trước, do đâu mà như thế? Pháp tánh! Pháp tánh là chân tánh. Lầm lạc là do chính ta tự mê, mê rồi thì hết thầy vạn sự, vạn vật đều biến thành căn bản sanh tử.

Bởi thế, thiền sư nói: *“Nhược bất tăng hương chân thật pháp trung, thoát nhiên siêu ngộ”* (Nếu chẳng từng hương đến pháp chân thật để giải thoát, đốn ngộ). Câu này rất quan trọng: Phải từ pháp chân thật, Thoát (脱) là giải thoát, Siêu (超) là siêu việt, thì quý vị mới thực sự ngộ. *“Tiện ư ngộ ngoại, biệt lập sanh nhai, bất tồn khóa cữu”* (Lại tìm riêng cách sanh nhai ngoài Ngộ, chẳng phải là vẫn giữ nguyên nếp sai lầm cũ ư?) Đây là Pháp Thân Bồ Tát, là Nhất Chân Pháp Giới. Nhưng ở đây, quý vị phải lưu ý! Nếu quý vị chưa đoạn sạch phiền não tập khí thì trong cảnh giới nào quý vị cũng sẽ lại khởi tâm động niệm, giống như trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói: *“Tri kiến lập tri, thị vô minh bản”* (Từ trong tri kiến lại lập ra một tri kiến nữa, bèn là cái gốc của vô minh), quý vị vẫn chẳng thể siêu việt. Có như vậy quý vị mới thực sự thấu hiểu vì sao ngộ nhập cảnh giới chân thật khó khăn đến thế! Chúng tôi thường nói thuận tịnh, thuận thiện, trong ấy chẳng được lẫn mảy may bất tịnh bất thiện gì; hễ có mảy may bất thiện bất tịnh thì là trật rồi.

Vì thế, ở đây đại sư khuyên dạy chúng ta: *“Duy hữu thống dĩ sanh tử đại sự vi kỳ trọng nhiệm giả, tử tận thâm tâm, phương kham thấu đạt. Trực hạ thắng tồn hào phát hứa thiện, ác, thủ, xả, ái, tăng, đoạn, tục chi kiến, tắc chi diệp sanh hỷ, khả bất thận hồ!”* (Chỉ nên đau đầu lấy đại sự sanh tử làm trách nhiệm nặng nề của chính mình, chết sạch cái tâm qua

quít, cầu may, chụp giựt, thì mới hồng cập bên (ý nói: An tâm tu đạo). Nếu như còn chùng bằng mấy tóc thầy có thiện, ác, lầy, bỏ, yêu, ghét, đứ, nổi, thì cành lá lại sanh, há chẳng nên cẩn thận ư?) Câu này hết sức trọng yếu. “Hào phát hứa” (còn chùng bằng mấy tóc) tức là còn một chút xíu, trong tâm quý vị vẫn còn tí tẹo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng hạn như: Làm lành chớ chấp vào lành; có lầm lỗi, tự mình lầm lỗi, hoặc thấy người khác lầm lỗi, đều chớ vướng bận nơi lòng. Vì sao vậy? Trong chân tánh chẳng có thiện - ác, chẳng có thị - phi, chẳng có tà - chánh, chẳng có sanh - diệt, chẳng có đến - đi, chẳng có trước - sau. “Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần”. Bụi bặm là tỷ dụ, mây may bất tịnh bất thiện cũng không có!

Nói thiện hay nói ác đều là phương tiện thiện xảo nhằm giúp chúng sanh quay đầu; bởi lẽ, nếu nói sự thật với họ, họ không hiểu, họ mê càng sâu hơn. Vậy thì, với kẻ mê, nói theo chuyện mê, đó là tùy thuận Tục Đế. Lời khai thị của đại sư ở đây là tùy thuận Chân Đế. Chân Đế là thanh tịnh tịch diệt, trong Tục Đế mới có thị - phi, thiện - ác. Vì sao? Vì quý vị chẳng lìa phân biệt, chấp trước. Chẳng lìa phân biệt, chấp trước thì phải nói lời phân biệt, chấp trước với quý vị; nếu lìa phân biệt, chấp trước thì nói lời chân thật cùng quý vị.

Năm Quý Hợi (1323) đời vua Anh Tông, vừa tròn đúng một Giáp Tý, tức năm sáu mươi một tuổi, Sư vãng sanh nhằm ngày Mười Bốn tháng Tám. Ngài ngồi viên tịch, lúc Ngài muốn viết chữ, ngài bên bàn bèn mất, hy hữu thay! Nếu quý vị muốn hiểu tường tận, xin đọc Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng Quảng Lục, quyển cuối cùng. Thiên cuối cùng là truyện ký về Ngài, pháp đệ đồng học của Ngài là thiên sư Tổ Thuận viết thiên ấy, quý vị có thể tự xem.

Trong hai tiếng đồng hồ vừa qua, chúng tôi đem lược truyện của Trung Phong Thiên Sư giới thiệu đơn giản với quý vị. Buổi học sau, chúng ta sẽ chánh thức bước vào Hệ Niệm Toàn Tập.

Tập 02

B. GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đề mục Hệ Niệm Pháp Sư. Đề mục tổng cộng mười chữ: “**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập**” (中峰三時繫念法事全集). Bản tôi dùng ở đây là bản in của Hoa Tạng Đồ

Thư Quán, tục ấn⁶ năm Dân Quốc 79 (1990). Tôi dựa theo cách đánh số trang trong bản in này, có những bản in khác có số trang hơi khác, bất quá đại khái cũng tương đồng.

Trung Phong là pháp hiệu của thiền sư Minh Bốn đời Nguyên, ở trên tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi. Ngài là một vị đại đức rất phi thường, hữu tu, hữu chứng, hữu đức, hữu học. Qua truyện ký, chúng ta đã thấy sự tích cả một đời của lão nhân gia, đúng là khiến người ta cảm thấy năm vóc gieo sát đất. Tác phẩm Hệ Niệm Pháp Sư do vị đại đức nhà Thiền này soạn ra, ý nghĩa rất sâu. Thưa cùng quý vị! Phật pháp đến tới hậu vẫn phải là cầu sanh Tịnh Độ, điều này Ngài khai thị rất rõ rệt! Do đây, ta có thể thấy được sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ. Huống chi kinh Hoa Nghiêm, là một bộ kinh được lịch đại cao tăng đại đức Trung Quốc công nhận là bản kinh đệ nhất của nhà Phật, là pháp luân viên mãn, đến cuối kinh, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Tông Môn đến cuối cùng cũng cầu vãng sanh, quý vị chỉ cần đọc Thiền Môn Nhật tụng sẽ thấy rành rành. Phương pháp tu hành này hiển thị rõ trí huệ tối cao.

Bản Hệ Niệm Pháp Sư Tam Thời Toàn Tập này lợi ích kẻ âm lẫn người dương. Nếu coi [việc tụng niệm] bản [nghi thức] này như chuyện kinh sám Phật sự, miệng có, tâm không, thì trật mất rồi! Chúng ta phải coi nó như là khóa tụng cần phải tu tập.

“*Hệ niệm*”: Khi La Thập đại sư dịch Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đã dịch ý chữ này; bởi thế, trong kinh vẫn có những câu như “*nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo*”. Trong quá khứ, tôi cũng đã từng nghe có người nói: “Nhất tâm bất loạn, bọn phàm phu chúng ta chẳng thể làm được; bởi thế, đối với pháp môn này bèn nầy sanh ngờ vực, chẳng dám đảm đương”. Nhưng kinh A Di Đà còn có bản dịch của Huyền Trang đại sư. Huyền Trang đại sư dịch thẳng, chiếu theo bản tiếng Phạn mà dịch thẳng ra. Trong bản Phạn ngữ có mười phương Phật, bản của La Thập đại sư chỉ có sáu phương Phật, cho thấy La Thập đại sư đã dịch rút gọn. Trong bản Huyền Trang, “*nhất tâm bất loạn*” được dịch là “*nhất tâm hệ niệm*”. Nếu nói “*nhất tâm hệ niệm*” thì phàm phu có thể làm được, chứ mức độ nhất tâm bất loạn thì cao quá.

Nếu chúng ta hỏi: La Thập đại sư có dịch sai nghĩa chẳng? Thưa cùng quý vị, chẳng bao giờ sai! Phàm là người vãng sanh, nhất định phải niệm đến nhất tâm hệ niệm, lúc lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn,

⁶ Tục ấn: lần in thứ hai, thứ ba v.v... sau lần in đầu tiên.

lúc tiếp dẫn quý vị, nhất định Phật phải phóng quang. A Di Đà Phật phóng quang, Phật quang chiếu gọi; Phật quang vừa chiếu, công phu của quý vị được nâng cao, từ Nhất Tâm Hệ Niệm đạt đến Nhất Tâm Bất Loạn. Vì thế, đại sư La Thập chẳng hề dịch lầm. Đích thực là đại sư thấy vấn đề này rất rõ ràng, rất minh bạch!

Chữ “*niệm*” (念) trong văn tự Trung Quốc thuộc loại hội ý. Quý vị thấy ở trên là chữ Kim (今), dưới là chữ Tâm (心); nghĩa là trong cái tâm hiện tại có Phật. Trong tâm phải có thì mới gọi là Niệm. Chẳng phải là quá khứ có, chẳng phải là vị lai có, mà là “*kim*” (nay), hiện tại có, đó gọi là Niệm. “*Hệ niệm*” là niệm niệm chẳng bỏ.

“*Tam thời*”: Trong pháp sư có đệ nhất thời, đệ nhị thời, đệ tam thời. Ở Ấn Độ vào thời cổ, một ngày đêm được chia thành ngày ba thời, đêm ba thời. Do đây biết rằng, phải hiểu nghĩa chữ “*tam thời*” theo nghĩa rộng, tức là ngày đêm chẳng biếng nhác.

“*Pháp*” là phương pháp, “*Sư*” là chuyên cầu vãng sanh Tịnh Độ. Hiện tại, mọi người tu pháp sư này, dùng chữ “*tam thời*” theo nghĩa hẹp. Ở Trung Quốc, chia ngày đêm thành mười hai thời thân: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Một thời thân bằng hai giờ hiện thời. Nếu để giúp người khác, như các vong linh được nhắc đến trong bản này, thì cả hai nghĩa rộng và hẹp đều dùng được, hoàn toàn phụ thuộc vào thời tiết, nhân duyên.

“*Pháp*”: Trung Phong quốc sư vì chúng ta chế định pháp bản này, chiếu theo pháp bản này để tu pháp sư cầu vãng sanh, pháp sư ở đây là cầu vãng sanh. Bản này gồm ba thời hoàn chỉnh nên gọi là “*toàn tập*”. Quý vị hãy xem chữ “*tập*”; Tập nói như bây giờ là bản hội tập. Pháp sư này do Trung Phong quốc sư hội tập. Quý vị thấy đó, nội dung gồm tán tụng, có Hương Tán, có kệ Tán Phật, có tán Phật, có tụng kinh, có kinh A Di Đà, có niệm chú, có chú Vãng Sanh, có lễ bái, có sám hối, có hồi hướng. Tu pháp (cách thức tu tập) rất viên mãn, ý nghĩa tương đồng với Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát. Trong Vãng Sanh Luận, Thiên Thân Bồ Tát nói đến Ngũ Niệm pháp môn, bản Hệ Niệm này cũng là ngũ niệm pháp môn. Tu hành Tịnh Độ là phương pháp tốt đẹp, trong ấy có khai thị. Chúng tôi đề xướng bản này đã mấy năm, mọi người đều rất thông thuộc. Trong nghi quỹ, có phần chúng tôi tinh lược⁷, và trong Tam Thời có phần nào trùng lặp, chúng tôi chỉ giảng một lần là đủ, làm như

⁷ Trong nghi quỹ trước khi vào Đệ Nhất Thời, có những phần tụng Tâm Kinh, tụng các chú Khai Yết Hầu, Thí Thực, Thí Thủy... Hòa Thượng lược đi không giảng.

vậy sẽ tiết kiệm thời gian.

C. CHÁNH THỨC GIẢNG VÀO KINH VĂN

1. Giới Định Hương Tán

*Giới định chân hương,
Phân khởi xung thiên thượng,
Đệ tử kiên thành,
Nhiệt tại kim lư phóng,
Khoảnh khắc nhân uân,
Tức biến mãn thập phương.
Tích nhật Da Thủ,
Miễn nạn tiêu tai chướng.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.*

戒定真香
焚起衝天上
弟子虔誠
熱在金爐放
頃刻氤氳
即遍滿十方
昔日耶輸，
免難消災障。
南無香雲蓋菩薩摩訶薩

*(Giới định chân hương,
Đốt xông tận trời thăm,
Đệ tử dốc lòng thành,
Thắp đặt trong lư vàng,
Khoảnh khắc khói bốc cuộn cuộn,
Tỏa khắp mười phương,
Xưa bà Da Du,
Thoát nạn tiêu tai chướng.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát).*

Đoạn thứ nhất là Hương Tán. Ở đây, đại sư vì chúng ta kết tập bài “Giới Định Chân Hương”, dùng bài Hương Tán này. Vì sao chẳng dùng

bài “Lư Hương Tán”? Bài Lư Hương Tán phổ biến nhất; vì sao dùng bài Giới Định Chân Hương? Cả đời đại sư dạy người chú trọng đức hạnh. Ngài sống cách chúng ta hơn bảy trăm năm, hơn bảy trăm năm, Sư cảm nhận sâu xa phong hóa thế gian ngày một suy đồi, hàng đệ tử Phật môn (chỉ người xuất gia tu hành) chân tu đã ít ỏi lắm rồi. Sáng hôm nay, tôi đã giới thiệu ngắn gọn, đơn giản về Ngài rồi, quý vị đã nghe qua. Vì đâu tham Thiền chẳng được lợi ích, Sư giảng vì đâu tham Thiền chẳng linh? Vì sao chẳng bằng cổ nhân? Có nguyên nhân cả, ta phải tìm cho ra nguyên nhân. Bởi thế, trong phần Hương Tán, chúng ta đừng nghĩ Ngài tùy tiện dùng bài Giới Định Chân Hương đấy nhé, có dụng ý rất sâu đây!

Pháp sám hối xuyên suốt toàn bộ sự tu hành trong Phật pháp, bất luận là Tông Môn, Giáo Hạ, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, không một hạnh môn nào chẳng phải là pháp sám hối! Sám hối phải có thành ý, phải có hành động, chẳng phải là miệng nói xuông, miệng nói xoén xoét chẳng ích gì! Vậy, rốt cuộc phải sám hối theo cách nào? Phải y giáo phụng hành, quý vị tích cực nỗ lực làm theo mọi điều Phật, Bồ Tát dạy dỗ, đó là chân sám hối! Chúng tôi thường nhắc mọi đồng học phải cùng gắng sức dốc công gạt bỏ tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, triệt để buông xuống, chẳng để có mảy may xen tạp, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Đó là đại sự sanh tử! Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta luân hồi trong lục đạo chẳng thể giải quyết được vấn đề, chúng ta phải giác ngộ, phải hiểu rõ.

Điều này thật chẳng dễ dàng gì! Nhà Phật thường nói: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”, một đời này gặp được Phật pháp; gặp được Phật pháp là gặp cơ hội để liễu sanh tử, xuất tam giới. Gặp được cơ hội chớ coi thường, bỏ lỡ, nhất định phải ghi chặt lấy, trong một đời này quyết định thành tựu, chẳng bị luân hồi nữa. Tùy thuận tập khí phiền não là tạo luân hồi, vẫn luân hồi trong sáu nẻo y như cũ. Đây là điều Quốc Sư trông thấy, rất mực cảm thán; đây là một nhân tố quan trọng khiến công phu tu hành chẳng đắc lực. Trong suốt cuộc đời dạy dỗ của lão nhân gia, Ngài thường cảnh tỉnh “*sanh tử sự đại*”. Phải biến sự việc này thành một sự lớn lao nhất mà chúng ta phải thực hiện trong một đời này thì chúng ta mới được cứu. Bởi thế, mở đầu [Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự], Ngài chọn bài Giới Định Chân Hương.

Quý vị hãy xem [ý nghĩa của] danh tự, thế nào là Chân Hương? Giới và Định là Chân Hương, nói thật đấy, chẳng phải giả đâu! Ngay trong thời đại chúng ta đây, những năm trước đây, không lâu mấy; chúng tôi không được thấy sự việc trong nửa thế kỷ trước, nhưng có rất nhiều

người thấy, chúng tôi nghe đích thân họ kể lại. Hur Vân lão hòa thượng tu Giới, tu Định, chân tu. Lão hòa thượng cả năm tắm một lần, cạo tóc một lần; bởi vậy, chúng ta thấy rất nhiều ảnh chụp tóc Ngài rất dài. Quý vị xem tóc Ngài dài như thế mà một năm mới cạo tóc một lần, tắm một lần, cổ áo Ngài ghét (hờm) đóng dày cộp, đen thui, nhưng thơm tho, không hề khó ngửi chút nào. Đây là Giới Định Chân Hương, thân tỏa mùi thơm.

Ngoài ra còn có vị Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn), Ngài sống suốt hai mươi mấy năm Dân Quốc, rất tiếc là khi ấy chúng tôi còn nhỏ tuổi quá, không biết Ngài. Suốt đời, Kim Sơn Hoạt Phật không rửa ráy, tắm gội. Trên thân khoác một bộ quần áo, bộ quần áo ấy chưa hề được giặt giũ. Suốt đời chưa từng giặt quần áo, Ngài cũng chưa từng tắm gội, trên thân tỏa mùi thơm. Đó là Giới Định Chân Hương.

Chúng ta thắp một cây nhang, phải tưởng đó là Giới, phải tưởng đó là Định. Hương tượng trưng cho Pháp. Đệ tử Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, cúng Phật nhất định phải thắp nhang, phải đốt đèn, phải dâng nước. Đó là ba thứ vật cúng đơn giản nhất để cúng Phật, Bồ Tát; bớt đi những thứ khác không ăn nhằm gì, nhưng những thứ trên không thể bớt được! Hương tượng trưng cho gì? Hương tượng trưng cho Giới, Định; thấy hương, nghe mùi hương, phải tưởng Giới Định. Chư Phật, Bồ Tát tu Giới, tu Định thành tựu. Giờ đây, các Ngài cũng dạy chúng ta như thế.

Đăng (đèn) tượng trưng cho ánh sáng trí huệ, ngụ ý đốt mình soi sáng người khác. Trí huệ chẳng phải là Tự Thọ Dụng, mà là Tha Thọ Dụng. Trí huệ do đâu mà có? Trí huệ phát xuất từ Giới, Định. Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ.

Nước tượng trưng cho tâm tánh. Tất cả hết thảy vật cúng khác đều chẳng cần thiết lắm, bởi lẽ hiện tại cuộc sống con người bước vào thời đại công nghiệp, nhà cửa (đặc biệt là tại đô thị) quá nửa sống trong chung cư (apartment). Một tòa cao ốc có cả mười gia đình sống, có tòa nhà cả trăm gia đình sống. Nhà càng dựng về sau càng thấp lè tè. Vì sao vậy? Để tiết kiệm năng lượng. Mùa Đông mở máy ấm, mùa Hè mở máy lạnh, bởi thế trần nhà càng thấp, phòng ốc cũng hẹp hơn để tiết kiệm năng lượng. Gian phòng thấp như thế, chúng ta vói tay là đụng trần nhà rồi. Bởi thế, nếu thờ Phật ở nhà, nói chung phải thờ tượng Phật nhỏ, đương nhiên đốt nhang chẳng thích hợp.

Hương đốt, đèn dầu, nến đều chẳng thích hợp, vì sao vậy? Chúng có chất muội (bồ hóng), muội dầu làm đen nhà. Nhà cửa hẹp quá, chẳng

như tự viện điện đường rất lớn, không khí lưu thông, nhà cao, nên chẳng có vấn đề gì. Bởi thế, hiện tại ở chung cư [cúng hương, đèn] chẳng thích hợp lắm, tốt nhất là cúng nước. Nước rất quan trọng, nó tượng trưng thanh tịnh bình đẳng. Tâm ta trong sạch như nước, bình đẳng hết như nước. Nước biểu thị những ý nghĩa đó. Trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, phải luôn giữ được thanh tịnh - bình đẳng - giác, chỉ cần tâm thanh tịnh tự nhiên sẽ có trí huệ, Giác là trí huệ.

Vật cúng nhằm biểu thị pháp, nước chẳng phải để cho Phật, Bồ Tát uống; phải hiểu ý nghĩa này. Chén cúng tốt nhất là dùng thứ trong suốt, biểu thị ý nghĩa vô cùng sáng rõ. Ngoài chén có thể nhìn thấy nước trong sạch đựng bên trong. Chớ nên cúng trà, trà có màu, chẳng trong sạch, phải cúng bằng nước. Bởi thế, hiểu được ý nghĩa biểu thị pháp thì mỗi khi trông thấy chén nước cúng, liền nghĩ tâm ta phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Từ việc cúng nước phải biểu lộ được ý nghĩa của pháp được biểu thị. Bất luận nơi đâu, hễ trông thấy nước, như lúc quý vị đang khát, uống một chén nước, thấy nước bèn nghĩ đến “thanh tịnh - bình đẳng - giác”. Giáo học Phật pháp dùng phương pháp này để thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chúng ta, vừa trang nghiêm lại vừa đẹp mắt, lại bao hàm ý nghĩa thật phong phú.

“*Giới định chân hương*”: Đây là lúc thấp hương.

“*Phần khởi xung thiên thượng*”: Hương vừa thấp lên, khói hương bốc tận trời. “*Xung thiên thượng*” (xông lên trời) là mong cầu cảm ứng. Chư Phật, Bồ Tát, thiên thần đều ở phía trên chúng ta. Phía dưới có chẳng? Có! Phía dưới là hạ phương thế giới. Vì thế, đối với chữ “*thiên thượng*” ở đây, chúng ta phải hiểu nó hoàn toàn chẳng chỉ có nghĩa là phương trên, mà còn có nghĩa là pháp giới. Như trong kinh Hoa Nghiêm, [nói] Thiện Tài tham học năm mươi ba lần, thiện tri thức đều ở phương Nam là có đạo lý đấy! Chúng ta sống tại Bắc bán cầu, phương Nam của Bắc bán cầu thuộc Hỏa, phương Nam là gì? Là xích đạo, là nhiệt đới. Phương Bắc là hàn đới. Phương Bắc là nước, phương Nam là lửa. Lửa tượng trưng cho quang minh. Bởi thế “phương Nam” chẳng phải là phương vị, mà có nghĩa là quang minh. Phạm những nơi thiện tri thức cư ngụ đều gọi là phương Nam, ở bất cứ phương hướng nào cũng đều gọi là phương Nam cả. Phạm thành đô nào có thiện tri thức cư ngụ đều gọi là Phước Thành cả. Vì sao vậy? Vì có thiện tri thức. Có thiện tri thức thì địa phương ấy có phước, nên gọi là Phước Thành nhằm biểu thị ý nghĩa pháp.

Bởi thế, chôn “*thiên thượng*” ở đây không có nghĩa là phương

trên, chẳng biểu thị phương vị phía trên, chẳng ngụ ý như thế, mà có nghĩa là thượng phương tôn kính, phương trên tôn kính nhất của chúng ta. Ở “thượng phương” đó, chư Phật, Bồ Tát đang ở. Chúng ta đọc kinh A Di Đà, Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, đâu đâu đều có Phật, Bồ Tát. Dùng chữ “*thiên thượng*” để biểu thị ý tôn kính của chúng ta. “*Phản khởi xung thiên thượng*” là mong cầu cảm ứng.

“*Đệ tử kiên thành*”: Người tu hành theo Hệ Niệm Pháp Sư, chúng ta đối với Phật, Bồ Tát xưng là “đệ tử”; Phật, Bồ Tát là thầy, là thiện tri thức của chúng ta. Đạo thầy trò cốt ở “kiên thành”. Ấn Quang đại sư giảng rất hay: “*Nhất phần thành kính tức nhất phần cảm ứng, thập phần thành kính tức thập phần cảm ứng*” (Một phần thành kính là một phần cảm ứng, mười phần thành kính bèn được mười phần cảm ứng). Khi xưa, thầy Lý dạy tôi như vậy. Chúng ta dùng tâm tư thái độ nào để học tập thì mới đạt được lợi ích chân chánh? Chúng ta kém cổ nhân rất xa, đừng nói đến thời cổ, chỉ sánh với Trung Phong quốc sư, chúng ta làm sao sánh bằng Ngài được? Ngài chỉ mười lăm tuổi, chẳng những dốc chí nơi việc học, lại còn dốc chí nơi đạo; so với học, đạo lại cao hơn một tầng. Quý vị xem trong truyện ký thì thấy đêm ngày Ngài siêng gắng nơi pháp thể gian lẫn xuất thế gian. Đúng là dũng mãnh tinh tấn như kinh điển đã nói, đêm ngày chẳng ngưng nghỉ. Kinh điển sách vở Nho - Thích - Đạo ba tông, Ngài đều xem cả, căn bản rất sâu dày.

Năm hai mươi bốn tuổi Ngài khai ngộ. Tuy chưa phải là triệt ngộ, chúng tôi nói đến tiểu ngộ, đại ngộ; thế nào là đại ngộ? Kinh điển, sách vở thế gian, xuất thế gian Ngài đều có thể dung hội, quán thông, chân chánh khai ngộ. Thiên sư Cao Phong Diệu ấn chứng cho Ngài vào năm hai mươi bảy tuổi, Ngài xuất gia năm hai mươi lăm tuổi. Chúng ta không cách chi sánh bằng Ngài được! Tự mình phải biết hổ thẹn, phải biết gắng sức. Trung Phong quốc sư chỉ cho chúng ta biết chúng bệnh tu hành chẳng đắc lực là vì đâu? Ngài nói rất hay, nhưng trong đó trọng yếu nhất là “*chẳng biết sanh tử là việc lớn*”. Trong các nhân tố, nó trọng yếu nhất, nhưng ta lại coi thường nó! Bởi thế, chẳng có tấm lòng chân thành học đạo như cổ nhân. Ấn Quang đại sư bảo người như vậy là không có thành ý, làm sao thành tựu được? Không có thành ý, không biết sanh tử là việc lớn, đã thế còn chẳng chịu buông bỏ tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay, đó là đại chướng ngại!

Tôi thường khuyên lon các đồng học, mỗi một người chúng ta, đặc biệt là người hiện thời, “*tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, tôi nói mười sáu chữ này quý vị phải thực

sự buông xuống. Trung Phong quốc sư nói rất hay, chẳng những phải thực sự buông xuống, mà còn phải buông sạch sành sanh, mảy may nào cũng chẳng giữ lại, tiêu chuẩn của lão nhân gia là như vậy. Chỉ cần có chút mảy may nào, quý vị khó lòng thành tựu. Triệt để buông xuống thì chúng ta mới có chút tiến bộ nơi Bồ Đề đạo. Những thứ căn bản chương đạo ấy nếu quý vị chẳng dẹp trừ, sẽ vĩnh viễn bị loại ra ngoài cửa Phật, chẳng bước vào cửa được!

Chúng ta phải thường tự suy nghĩ, ngày ngày phản tỉnh vì sao chẳng buông xuống được? Phải chiếu theo lời Trung Phong quốc sư thuyết pháp! Nói cách khác là tham sống sợ chết. Tham sống, chẳng sống hoài được; sợ chết, chẳng thể tránh khỏi được. Thực sự chịu buông xuống thì cả sống lẫn chết đều xong, sau đây mới dần dần cầu thông đạt Phật pháp. Bởi thế, hai chữ “*kiền thành*” này hết sức trọng yếu: Quý vị phải có thành ý. Trong lúc quý vị cắm vào lư hương, hương cháy trong lư: “*Nhiệt tại kim lư phóng*”.

“*Khoảnh khắc*”: Rất nhanh chóng.

“*Nhân uân*”: Diễn tả khói hương bốc cuộn cuộn, sau khi đốt hương xong, đàn hương này – toàn là nói đàn hương – khói hương xông mù mịt.

“*Tức biến mãn thập phương*” (liền trọn khắp mười phương): Ở trên đã nói là “*phân khởi xung thiên thượng*”, “*thiên thượng*” là “*biến mãn thập phương*”. Chữ “*phương*” ở đây chỉ mười phương chư Phật, Bồ Tát. “*Thiên thượng*” có nghĩa như thế đấy. Tiếp đó, bài kệ nêu lên một công án:

“*Tích nhật Da Thâu, miễn nạn tiêu tai chướng*”: Bà Da Thâu Đà La (Yasodharā) là phi tử của Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì sao lại nêu tên bà? Vì Giới Định. Thích Ca Mâu Ni Phật quyết định muốn xuất gia, phụ vương bảo: “Người muốn xuất gia thì phải có con để lại rồi mới được xuất gia. Người xuất gia rồi, gia tộc ta bị đứt dòng ư?” Ngay lúc đó, Thích Ca Mâu Ni Phật bèn chỉ vào phi tử Da Thâu Đà La, nói: “Nàng đã mang thai!” Da Thâu Đà La nghe lời ấy rùng mình một cái, quả thật bà đã hoài thai; sáu năm sau mới sanh La Hầu La. Bởi thế, đương thời rất nhiều người hoài nghi La Hầu La (Rāhula) chẳng phải là con của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chồng bà Da Thâu Đà La đã bỏ đi cả sáu năm rồi, sao [bây giờ] mới sanh đứa bé này? Bởi thế, họ hủy báng, phê bình, đơm đặt đủ chuyện hết sức khó chịu. Bà Da Thâu Đà La bèn bồng đứa bé, phát thệ: “Nếu quả thật đứa bé này là con Thích Ca Mâu Ni Phật, hai mẹ con chúng tôi nhảy vào hầm lửa sẽ chẳng bị lửa thiêu!” Bà làm như thế, quả

nhiên cả hai mẹ con an nhiên vô sự trong lửa hừng. Khi đó mọi người đều tin, mọi lời đồn nhảm cũng chấm dứt. Giới Định Chân Hương đấy! Bởi thế “*miễn nạn tiêu tai chướng!*” Phụ vương cha bà cũng tin tưởng, trong là gia tộc, tức vương tộc, ngoài là nhân dân, toàn quốc thấy sự kiện ấy, mọi người chẳng dị nghị nữa! Đây là một mẫu chuyện về cuộc đời của tôn giả La Hầu La. Đây là sự cảm ứng của Giới Định. Tiếp đó, xưng ba lần:

“Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Nam-mô là tiếng Phạn, nghĩa là quy y, quy mạng. Hương Vân Cái là tỷ dụ khói hương kết thành lọng báu trên không trung. Bồ Tát là Giác Hữu Tình, Ma Ha Tát là đại Bồ Tát. Hương Vân tượng trưng cho Giới Định, Giới Định giác ngộ hết thủy hữu tình chúng sanh, Hương Vân mang ý nghĩa như vậy.

Hương Vân Cái chẳng phải là Bồ Tát ư? Hương Vân Cái đúng là Bồ Tát. Chỉ cần chân chánh giác ngộ chúng sanh, chúng sanh do người ấy được khai ngộ thì người ấy là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có hình tướng nhất định, Như Lai cũng chẳng có hình tướng nhất định, hóa thân trong hữu tình chúng sanh, hóa thân trong vô tình chúng sanh, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó là đại ý bài Hương Tán.

Bây giờ đã hết giờ rồi.

2. Kệ Giác Hải

Chư vị đồng học!
Xin xem tiếp bốn câu kệ:

***Giác hải hư không khởi,
Sa Bà nghiệp lãng lưu,
Nhược nhân đăng bỉ ngạn,
Cực Lạc hữu quy châu.***

覺海虛空起。

娑婆業浪流。

若人登彼岸。

極樂有歸舟。

(Biển giác khởi hư không,

Sa Bà sóng nghiệp trào,

Ai muốn lên bến giác,

Cực Lạc sẵn thuyền về).

Nội dung bốn câu kệ này hết sức phong phú. Hai câu đầu thuyết minh khởi nguyên của vũ trụ và sanh mạng; đó là hiện tượng do đã mê mà có. Hai câu sau dạy chúng ta phương pháp “quay đầu là bờ” (hồi đầu thị ngạn).

Vì sao chúng ta mê mất tự tánh? Vì “giác hải hư không khởi!” Biển Giác vốn chẳng có hư không, biển Giác là tánh hải, trong kinh luận thường gọi “tâm tánh” là biển Giác. Vì vậy, quý vị phải nhớ kỹ chỗ này, tự tánh bản giác. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: “Bản giác vốn có, bất giác vốn không!” Bản giác là tự tánh, tự tánh là bản giác; [nghĩa là] nó vốn là giác, cũng chưa hề bị mê hoặc. Nay chúng ta nói “mê mất tự tánh” chỉ là tùy thuận phàm phu mà nói, thật ra, tự tánh là chân tánh, chân tánh sao mê được? Nếu mê, làm sao có thể gọi là chân?

Trong Hệ Niệm Pháp Sự, Trung Phong đại sư khai thị điều này rất minh bạch. Tuy lời khai thị không nhiều, nhưng nói rất rõ, chỉ là mê và ngộ. Mê và ngộ cũng chẳng phải là thật, càng nói càng u huyền. “Hư không”: Trước hết phải có hư không rồi mới có thế giới. Có thế giới rồi mới có chúng sanh. Nói có trước - sau, nhưng trên thực tế là sanh khởi, chỉ do tâm hiện, hiện khởi hết sức nhanh!

Hiện tại, các nhà khoa học cũng nói như thế. “Nhất thời đốn hiện” (nhanh chóng hiện cùng lúc), chẳng có thứ tự trước - sau. Thật ra, quý vị không có cách nào để nói thứ tự trước - sau được cả, tốc độ của nó phải là một phần ức vạn phần của một giây, làm sao quý vị phát hiện thứ tự trước sau cho được? Bởi thế, kinh Đại Thừa thường nói là “nhất thời đốn hiện”. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật cũng nói đến việc này: “Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận” (do ngay nơi đó mà hiện ra, cũng từ nơi đó mà diệt hết). “Đương xứ” là gì? Là hiện tiền, chẳng có xa - gần. Không có xa - gần là không có không gian, không có trước - sau là không có thời gian. Thời gian, không gian đều là tình chấp (chấp trước trong tình thức) của phàm phu, chẳng phải là sự thật! Rốt cuộc, thế nào là sự thật? Là mê - ngộ! Ở đây nói đến giác, là giác bị mê⁸. Mê là mê cái

⁸ Nói “giác bị mê” chỉ là một cách nói cho dễ hiểu, chứ thật ra giác không bao giờ mê. Chẳng qua, do chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, vô minh của chúng ta che lấp khiến cho giác không khởi công dụng được, nên gọi là “giác bị mê”, chứ giác tánh không bao giờ mê!

gì? Mê chân vậy! Trong kinh Phật hình dung rất ý vị, nhất niệm bất giác là mê; thời gian một niệm rất ngắn.

Trong kinh Nhân Vương, đức Phật đã nói [về một niệm]; rất nhiều các đồng học đã từng niệm kinh Nhân Vương rồi! Trong quá khứ, chúng tôi ở Đài Loan, dường như năm nào Đài Loan cũng đều mở pháp hội Nhân Vương để cầu phước cho quốc gia. Trong kinh Nhân Vương, đức Phật giảng một cái khảy tay là sáu mươi sát-na, tức là một sát-na bằng một phần trên sáu mươi của khoảng thời gian khảy ngón tay. Mỗi một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, mỗi một lần sanh diệt là một niệm. Nếu tính theo giây, thì một lần khảy ngón tay rất nhanh, một giây khảy được bốn lần, bốn nhân sáu mươi nhân chín trăm⁹ ước chừng hai mươi vạn tám ngàn, tức là trong một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Trong một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt, quý vị làm sao có thể nhận biết được? Nhất niệm bất giác thì một niệm ấy là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt trong một giây. Điều tôi vừa thưa cùng quý vị ấy chỉ là Như Lai nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Đó là nói phương tiện, chứ quý vị không có cách gì nhận biết tốc độ quá nhanh như thế; nói thật ra, còn nhanh hơn tốc độ vừa nói đó nữa!

Đừng nói chi khác, hiện tại chúng ta biết tốc độ ánh sáng nhanh nhất, tốc độ sóng điện từ (electromagnetic wave) chẳng kém tốc độ ánh sáng mấy, một giây đi được ba mươi vạn cây số. Ánh sáng đi một cây số chỉ mất một phần ba mươi vạn giây; trong một phần ba mươi vạn giây, ánh sáng đi được một cây số. Nếu chúng ta [lần lượt tính thời gian] ánh sáng đi được một mét, đi được một centimetre, một milimetre, thì trong một phần ức vạn của một giây, trong tình huống như thế, ánh sáng bất động. Do vậy, chúng ta mới thấu hiểu điều được nói trong kinh Phật “*thanh tịnh tịch diệt tướng*”, đó là cảnh giới sở chứng của bậc Bát Địa trở lên. Quý vị nghĩ xem: Công phu định lực ấy thật sâu! Trong đại định ấy, chẳng có ánh sáng nữa; ánh sáng bất động. Đây là biển Giác. Nếu động một cái, hề động là rắc rối liền: Không gian xa - gần, thời gian trước - sau liền từ đó sanh khởi. Đó gọi là thế giới; Thế là thời gian, Giới là không gian, thời gian và không gian cùng phát sanh. Thế nhưng quý vị phải hiểu đó là huyền tướng, kinh Kim Cang giảng rất hay: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào ảnh, như lộ, diệt như điện, ung tác như thị quán*” (Hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như

⁹ Một giây khảy ngón tay bốn lần, một khảy ngón tay có 60 sát-na, một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Như vậy là trong một giây có 4x60x900 lần sanh diệt.

sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Quý vị phải thực sự thấy rõ ràng, thấy minh bạch, nhìn ra chân tướng sự thật.

Những gì ta thấy trong hiện tại là huyền tướng, là tướng tiếp nối liên tục hư huyền. Cho rằng tướng tiếp nối hư huyền là chân thật, khởi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. A! Đó là “*Sa Bà nghiệp lãng lưu*”. “*Nghiệp lãng lưu*” (sóng nghiệp trào dâng) là gì? Là lục đạo luân hồi! Hãy xem hoàn cảnh chúng ta đang sống: Thế giới Sa Bà, tam đồ lục đạo là cảnh giới biến hiện từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Huyền tướng giống hệt như nằm mộng, nhưng giấc mộng ấy là ác mộng, đã ác mộng lại còn chẳng tỉnh, cứ tiếp diễn hoài, khổ quá! Ngày ngày gặp ác mộng, niệm niệm trong ác mộng, vô lượng kiếp đến nay vẫn chẳng tỉnh ra, càng mê sâu hơn, càng hãm trong cái khổ!

Phải nói thật, nếu nói theo ngôn ngữ bây giờ, người thời cổ thiện căn so với chúng ta sâu dày hơn nhiều. Vì sao vậy? Vọng tưởng chẳng nhiều bằng người hiện tại, dễ dạy hơn! Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này giáo hóa dễ dàng, vừa thị hiện, thực sự có không ít người quay đầu. Hiện tại, Phật, Bồ Tát ứng hiện trong thế gian này có nhiều chẳng? Hết sức nhiều. Chúng sanh dễ độ chẳng? Chẳng dễ độ! Họ chẳng thể hồi đầu! Xác thực là họ chẳng thể hiểu rõ chân tướng sự thật. Họ cứ tưởng những gì họ nghĩ, họ thấy đều tuyệt đối chính xác, cho những gì Phật nói đều là mê tín, lẽ đâu có đạo lý ấy, lẽ đâu có những chuyện ấy! Họ nói Phật mê tín, bảo Phật giáo chẳng phù hợp hiện thực.

Kính thưa cùng quý vị dăm câu: Bọn họ theo chủ nghĩa lý tưởng, chẳng thiết thực. Họ nói những lời lẽ rất dễ nghe, chứ thật ra khó lắm, thực sự chẳng dễ dàng! Hãy quay đầu, kéo làm, Phật giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. “*Chư pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (Các pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp), Phật nói như thế đấy; nhưng đối với căn tánh của con người hiện tại, trừ Tịnh Độ ra, không có pháp nào thành tựu được cả! Đừng nói tu hành chứng quả phải hiểu rõ chân tướng sự thật, quý vị nghiên cứu kinh giáo mà không hiểu rõ chân tướng sự thật thì cũng vô ích, không chuyển cảnh giới được!

Đó là lời chân thật, cũng chính là lời Trung Phong quốc sư đã giảng. Vọng tưởng, tập khí, phiền não từ vô thủy kiếp đến nay quý vị chưa buông xuống được. Đây là lời thành thật: Nếu quý vị có thể buông xuống được thì chẳng thành vấn đề, pháp môn nào cũng tu thành tựu cả! Nếu không buông xuống được, sẽ chẳng thể thành tựu. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, không có pháp nào đối nghiệp thành tựu, chỉ có tiêu nghiệp mới thành tựu. Quý vị thấy kinh luận Đại,

Tiểu Thừa thường nói: Kiến, Tư phiền não tiêu rồi bèn chứng quả A La Hán; Trần Sa phiền não tiêu bèn chứng quả vị Bồ Tát. Vô minh phiền não cũng tiêu sẽ thành Phật, chẳng có đói nghiệp. Bây giờ quý vị hãy xem kỹ nhé, tôi thường nói: Khoan nói tới Kiến Tư phiền não! Kiến phiền não trong Kiến Tư phiền não là thô nhất, đức Phật nói nó gồm tám mươi tám phẩm, nếu quý vị có năng lực tiêu trừ được nó thì mới chứng Tu Đà Hoàn, [Tu Đà Hoàn] là Sơ Quả của Tiểu Thừa. Quý vị cứ nghĩ thử xem! Do vậy, trong thời kỳ Mạt Pháp, rất khó vậy!

Một ngàn năm thứ nhất sau khi đức Phật diệt độ là thời kỳ Chánh Pháp, Phật tử nghiêm trì giới luật, dùng phương pháp Trì Giới chứng được Tứ Quả, Tứ Hướng của Tiểu Thừa. Hết một ngàn năm ấy, tiến vào thời kỳ Tượng Pháp, trì giới chẳng thể chứng quả, căn tánh con người chẳng được như trước. Phật giáo hóa chúng sanh phải thay đổi phương pháp, tu Định. Thiền Định thành tựu trong thời Tượng Pháp, Tượng Pháp dài một ngàn năm. Sau một ngàn năm ấy, căn tánh của chúng sanh tệ hơn thời Tượng Pháp rất nhiều. Nói cách khác, tu Định chẳng thể khai ngộ, gần đây nhất là như Đàm Hư đại sư thường nói. Sách Ảnh Trần Hồi Úc Lục là tự truyện của Ngài, tôi đã đọc qua. Tôi chẳng có duyên phận với cụ Đàm, chưa từng được gặp mặt. Năm 1977, tôi giảng kinh tại Hương Cảng, trụ nơi đạo tràng của Ngài, tức Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán ở đường Giới Hạn thuộc khu Cửu Long do lão nhân gia sáng lập. Trong Đồ Thư Quán ấy, Ngài có một căn phòng nhỏ, lúc tôi giảng kinh ở đó, ngụ tại căn phòng của lão nhân gia. Tôi giảng kinh ở Đồ Thư Quán ấy không ít lần, coi như rất có duyên phận.

Lão nhân gia từng nói: *“Trong thời kỳ Mạt Pháp, người tham Thiền khai ngộ chưa từng thấy được một người”*. Chẳng những chưa từng thấy mà cũng chưa từng nghe nói đến nữa. Đó là lời lão hòa thượng nói. Ngài từng gặp người tham Thiền đắc định, nghe nói lại càng nhiều hơn, tham Thiền đắc Định nhưng chưa khai ngộ. Nghe lời này chúng ta phải hiểu rõ: Tham Thiền đắc Định chưa khai ngộ thì chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, tương lai sẽ đi về đâu? Người đắc Thiền Định sanh thiên. Tùy theo công phu Thiền Định sâu hay cạn! Định lực cạn chẳng thoát được Dục Giới. Chúng ta biết từ tầng trời thứ ba của Dục Giới trở lên, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, [muốn sanh lên] bốn tầng trời này đều phải tu Thiền Định. Công phu Thiền Định sâu - cạn bất đồng, quý vị sanh trong tầng trời nào? Nói thật ra, ngay cả những mức Thiền Định đó mà còn chưa có ai thành tựu cả! Chân chánh thành tựu Thiền Định chẳng sanh trong Dục Giới, mà sanh vào Sắc Giới. Tứ

Thiên, Bát Định sanh trong Sắc Giới hay Vô Sắc Giới, nhưng vẫn chưa thoát luân hồi lục đạo!

Thiên Định nhất định phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, mới siêu thoát luân hồi; cụ Đàm nói (Ngài vãng sanh khi đã hơn chín mươi tuổi) suốt một đời Ngài chưa từng gặp được một ai [tham Thiên được đại triệt đại ngộ]. Quý vị thấy đó, khó khăn quá! Bởi thế, thời Mạt Pháp chỉ có Tịnh Độ thành tựu. Trong kinh Đại Tập, đức Phật dạy: “*Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối nghiệp vãng sanh, nhưng cổ đức giảng rất nhiều về đối nghiệp: Đối nghiệp là mang theo chủng tử của nghiệp, chẳng phải là mang theo tập khí. Câu nói này hết sức trọng yếu! Đối nghiệp là mang theo nghiệp cũ, chứ không phải vác theo nghiệp mới. Điều này rất phiền phức đây nhé! Chúng ta ngày ngày tạo nghiệp nên niệm Phật chẳng bảo đảm vãng sanh. Ai đảm bảo vãng sanh? Người chẳng tạo nghiệp mới! Người chẳng tạo nghiệp mới, chưa đoạn chủng tử của nghiệp và tập khí, nhưng làm thế nào chẳng tạo nghiệp?

Trong đề mục pháp sư này, Trung Phong quốc sư đã chỉ rõ “*hệ niệm*”, nhất tâm hệ niệm A Di Đà Phật. Trong ý niệm của chúng ta từ sáng đến tối, ngày đêm chẳng ngưng dứt, chỉ có một niệm A Di Đà Phật, ngoài ý niệm A Di Đà Phật ra, niệm gì cũng chẳng có. Đây nào phải là chuyện dễ! Thành Phật lẽ nào dễ dàng? [Tu tập] như vậy là dễ dàng nhất rồi! So với tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn này dễ dàng nhất. Phương pháp này có nghĩa là bất luận niệm nào cũng đều gọi là vọng niệm cả. Bất luận ý niệm gì, hễ ý niệm khởi lên bèn quy về A Di Đà Phật hết. Đó là điều cổ nhân thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Niệm là mê, niệm gì cũng là mê, đều là vọng tưởng cả!

Quý vị phải chuyên cho nhanh, chẳng để cho vọng niệm tiếp nối; niệm vừa mới khởi lên thì niệm thứ nhất vừa khởi, niệm thứ hai bèn là A Di Đà Phật. Cốt sao quý vị vừa phát hiện thì ngay lập tức chuyển niệm đó thành A Di Đà Phật. Hệ niệm giống như dùng dây cột chặt, cột chặt vào A Di Đà Phật. Nếu quý vị thực sự làm được điều này, thì xin chúc mừng quý vị, quý vị sẽ sanh về thế giới Cực Lạc làm Phật ngay trong một đời này.

Quý vị hãy nghĩ đến câu chuyện pháp sư Đàm Hư thường kể: Thầy của Ngài là pháp sư Đế Nhàn, người đệ tử làm thợ vá nồi của pháp sư [Đế Nhàn] chẳng phải là nhất tâm hệ niệm đó ư? Lão hòa thượng dạy ông ta một phương pháp, ông ta thực sự làm theo! Lão hòa thượng dạy ông ta một phương pháp chẳng khó, chỗ khó khăn là trì cho bền, thực sự

làm! Chỉ đơn giản như thế này: “*Một câu Nam Mô A Di Đà Phật niệm một bèn nghỉ, nghỉ xong lại tiếp tục niệm*”. Thực sự làm như vậy chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Niệm thấy một chẳng hề gì, cứ nghỉ ngơi cho khỏe xong, tinh thần sung túc lại tiếp tục niệm. Thân, tâm, thể giới, hết thấy buông xuống hết, không nghĩ đến cái gì hết. Ông ta niệm hơn ba năm, bèn đứng mà tịch. Pháp sư Đế Nhân tán thán, bội phục ông ta thực sự thành công. Sư khen ngợi: “*Phương trượng trụ trì các đạo tràng từng lâm trong thiên hạ chẳng bằng được ông ta, những pháp sư thuyết giáo giảng kinh cũng chẳng bằng được ông ta!*” Vì sao thành công? Ông ta thực sự làm được hệ niệm pháp sư!

Hai câu tiếp đó là “*Nhược nhân đặng bỉ ngạn, Cực Lạc hữu quy châu*” (Ai muốn lên bến giác, Cực Lạc sẵn thuyền về). Trong thời đại Mạt Pháp chỉ có một biện pháp, đức Phật dạy chúng ta, ngoài biện pháp ấy ra, chẳng có biện pháp thứ hai. Bởi thế, Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thế gian dạy những người tu hành chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới. Lão nhân gia dạy chúng ta ở chùa nhỏ, những đồng học cùng tu không quá hai mươi người, có một cái Niệm Phật Đường nho nhỏ là đủ rồi. Trong Niệm Phật Đường chẳng cần phải trần thiết tráng lệ, không cần thiết làm như thế! Chỉ cần thờ một bức tượng A Di Đà Phật, hoặc thờ Tây Phương Tam Thánh là được rồi, sạch sẽ, thanh tịnh, vì sao? Nhất tâm hệ niệm. Thấy Phật, Bồ Tát quá nhiều sẽ bị phân tâm. Tất cả hết thấy chư Phật Như Lai đều được đại diện bằng A Di Đà Phật, dùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đại diện cho hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát. Toàn bộ đều được niệm đến, mười phương ba đời chẳng sót vị nào. Tâm định, chẳng tán loạn, tập trung ý chí tinh thần, chẳng lãng phí chút thời gian nào.

“*Bỉ ngạn*” (bờ kia) là bờ Giác. Nay chúng ta đang ở bên mê, chư Phật, Bồ Tát ở bên Giác. Giờ đây chúng ta muốn phá mê khai ngộ, muốn bỏ mê về với giác thì thế giới Cực Lạc có biện pháp. “*Châu*” (舟: thuyền) là công cụ chuyên chở. “*Quy châu*”, Quy (歸) là quay đầu, thế giới Cực Lạc có chiếc thuyền đưa chúng ta quay đầu. “*Quy châu*” chính là pháp sư này; quý vị nương theo pháp sư này giống như có chiếc thuyền để nương về vậy. Quý vị ngồi vững vàng, chắc chắn trên chiếc thuyền ấy sẽ phản vọng quy chân, phản mê quy ngộ, trở vào trong Giác Hải. “*Cực Lạc hữu quy châu*” [nghĩa là như vậy đó!]

Bởi thế, bốn câu kệ này chỉ có hai mươi chữ, nhưng ý nghĩa rộng sâu vô tận. Chỉ có “*phản vọng quy chân, phá mê khai giác*” là chân. Đó gọi là Phật pháp, Phật pháp chân chánh. Bốn câu kệ này phơi bày toàn

bộ tông chỉ của Tam Thời Hệ Niệm. Vì sao chúng ta phải nương theo pháp sự này mà tu hành? Đã nói rồi, phương pháp này là phương pháp để một đời bất thoái thành Phật.

3. Kỳ Đảo Văn

Tiếp đó, chúng ta thấy có một đoạn văn. Đoạn văn này có thể gọi là văn kỳ đảo (câu nguyền), mở đầu là bốn câu kệ:

*Pháp vương lợi vật,
Bi trí hồng thâm,
Phổ biến thập phương.
Minh dương mị cách.*

法王利物。
悲智洪深。
普遍十方。
冥陽靡隔。

*(Pháp vương lợi vật,
Bi trí rộng sâu,
Trọn khắp mười phương,
Âm, dương chẳng cách).*

“*Pháp vương*” là Như Lai, ở đây chỉ A Di Đà Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật. Sao nói là ba vị Phật? Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân Phật, A Di Đà Phật là Báo Thân Phật, Thích Ca Mâu Ni là Ứng Thân Phật. Pháp, Báo, Ứng, ba thân một mà ba, ba nhưng một, toàn là Tự Tánh Phật.

“*Lợi vật*”: Chữ “*vật*” (物) chỉ chín pháp giới chúng sanh. Đại sư chẳng nói “*lợi nhân*”, nếu “*lợi người*” thì chỉ nói đến loài người, chẳng bao gồm các đường khác; bởi thế nói là “*lợi vật*”. Chữ “*vật*” có ý nghĩa như “*chúng sanh*”, phạm vi hết sức rộng lớn. Chúng sanh là các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Bởi thế, chữ “*chúng sanh*” bao quát; như nay ta nói bao gồm động vật, thực vật, khoáng vật, bao gồm tất cả hết thảy hiện tượng tự nhiên. Vì sao vậy? Chúng đều là do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Vì sao ở đây chẳng nói “*pháp vương lợi ích chúng sanh*”? Bởi mỗi câu chỉ có năm chữ, dùng chữ “*vật*” hợp cách hơn. Chư Phật Như Lai lợi ích hết thảy chúng sanh, Vật là hết thảy

chúng sanh, bao gồm cả hữu tình lẫn vô tình.

“*Bi trí hồng thâm*”: Chư Phật Như Lai dùng gì để lợi ích chúng sanh? Đại bi, đại trí. “*Hồng*” (洪) là lớn, chúng ta thường nói bi trí rộng sâu không ngần mé. “*Hồng*” là rộng, sâu, giống như biển cả. Phật dùng bi trí như thế ấy. Có trí mà không có bi, không có tâm từ bi thì chẳng thể lợi ích chúng sanh. Có tâm từ bi nhưng thiếu trí huệ cũng chẳng thể lợi ích chúng sanh. Bi trí là tánh đức, trong tự tánh vốn sẵn đủ đức năng. Chúng sanh mê mất tự tánh, tức là mê mất trí huệ rộng lớn, sâu thẳm, mê mất tâm từ bi. Do mê tâm từ bi bèn biến thành tự tư tự lợi, mê mất trí huệ nơi tự tánh, người thế gian chúng ta gọi [sự mê mất ấy] là “ngu si, hồ đồ”. Ngụ si hồ đồ là mê mất Bát Nhã trong tự tánh. Tự tư tự lợi là mê mất tâm từ bi trong tự tánh. Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Ngộ điều gì? Ngộ tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã, ngộ tự tánh vốn sẵn có đại từ đại bi, chúng ta và chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau.

“*Phổ biến thập phương, minh dương mị cách*”: “*Mị cách*” là không chướng ngại, “*thập phương*” là mười pháp giới. Mười pháp giới là nói toàn thể, “*minh dương*” (cõi âm và nhân gian) là nói đến cảnh giới hiện tiền. Nay chúng ta thuộc dương gian, chúng ta muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong ba đường ác. Đối với những người nhà, quyến thuộc, bằng hữu đã mất của chúng ta, chúng ta chịu cảnh âm dương cách biệt; nhưng âm gian hay dương cảnh chẳng thể chướng ngại chư Phật, Bồ Tát. “*Mị*” (靡) là không, “*mị cách*” là chẳng cách trở.

Pháp sự này được cử hành nhất định phải có người phát khởi, hoặc chính chúng ta chủ động phát khởi, như tại học viện chúng ta, mỗi Chủ Nhật đều cử hành một lần, tức là do học viện chủ động phát khởi. Nói chung đều là có người khai thỉnh, bởi thế, trong kinh văn có câu:

Kim môn trai chủ.

今蒙齋主。

(Nay nhờ trai chủ).

“*Trai chủ*” là người phát khởi. Phát khởi nhất định phải hữu sự, tức là nhất định vì việc gì đó mà toan đặc biệt hồi hướng. Nhưng đặc biệt hồi hướng thì quý vị phải hiểu như trong kinh Địa Tạng đã giảng rất rành rẽ. Người tu hành pháp này là tự lợi, trong bảy phần công đức, bản thân người tu pháp hưởng sáu phần, vong linh chỉ được hưởng một phần, một

phân bầy kia hồi hướng về đâu chúng ta phải hiểu. Nếu chẳng phải để siêu độ họ thì mọi người chúng ta đã chẳng tu pháp sự này! Chúng ta tu pháp sự này thực sự được lợi ích thì lợi ích ấy là do họ mà có, họ được hưởng một phần lợi ích. Nếu chúng ta tu pháp sự này mà người tu học hiểu thấu, thực sự hiểu rõ sanh tử là việc lớn và hiểu rõ tầm quan trọng của việc cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; nếu thực sự thấu hiểu, chúng ta nhất định hạ quyết tâm, một đời này chẳng thể không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì những vong nhân được ta siêu độ sẽ được hưởng lợi ích rất lớn.

Chúng ta chiếu theo phương pháp này tu học, đạt được bao nhiêu lợi ích thì những vong linh chỉ được hưởng được một phần bầy. Chúng ta được lợi ích nhiều thì họ hưởng được nhiều, chúng ta được ít, họ hưởng được ít. Nếu chúng ta chỉ làm pháp sự xuông ngoài miệng, qua quýt tắc trách thì sẽ chẳng được lợi ích gì, vong linh cũng chẳng được hưởng gì. Phải hiểu đạo lý này! Thời cổ cũng có những pháp sự siêu độ, hiện thời [pháp sự] phổ biến nhất ai nấy đều biết là Lương Hoàng Sám. Lương Hoàng chính là Lương Võ Đế. Lương Võ Đế thỉnh ngài Bảo Chí Công siêu độ cho phi tử nhà vua. Vợ ông ta đọa trong ác đạo, ngài Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tu pháp sự ấy, vợ ông ta lìa khỏi ác đạo, sanh lên trời Đạo Lợi.

Sớm hơn nữa, chúng tôi đọc trong An Thế Cao Truyện Ký thấy vào thời xa xưa kia, nhằm đời Hậu Hán, khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc chưa lâu, ngài An Thế Cao siêu độ bạn đồng học, tức long vương hồ Cung Đình. Siêu độ bằng cách nào? Long vương đem toàn bộ những thứ tín đồ cúng dường cho y ta quyên tặng hết, ngài An Thế Cao vì hẳn ta dựng một ngôi chùa thờ Phật ở Nam Xương, dùng tiền của long vương để dựng chùa, dùng ngôi chùa ấy để thực hiện sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Nhờ công đức ấy, long vương lập tức thoát thân súc sanh, sanh lên trời Đạo Lợi thật nhanh, thật hữu hiệu. Bởi thế, long vương là trai chủ, Lương Võ Đế là trai chủ của Lương Hoàng Bảo Sám, nhằm siêu độ thân thuộc, bằng hữu của họ.

Đặc thỉnh sơn tăng đăng tọa.

特請山僧登座。

(Riêng thỉnh sơn tăng lên tòa).

Đặc biệt lễ thỉnh, “*sơn tăng*” (ông sư sống trong núi) là khiêm hư,

khiêm xung.

Y bằng giáo pháp.

依憑教法。

(Nhờ vào giáo pháp).

Căn cứ, nương tựa, nhờ vào phương pháp của đại sư Trung Phong đã biên soạn.

Tác Tam Thời Hệ Niệm Phật sự.

作三時繫念佛事。

(Làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm).

Phật sự Tam Thời Hệ Niệm vốn do Trung Phong thiên sư biên tập.

Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên.

迺爾亡靈。遭此勝緣。

(Vong linh các người, gặp duyên thù thắng này).

Những vong linh các người – dù chỉ nhằm siêu độ một người, thì những người đến nghe ké rất nhiều, không ai chẳng hưởng lợi ích. Bây giờ hết giờ rồi, buổi học sau chúng tôi sẽ tiếp tục giảng từ đoạn này, giảng từ đoạn “*nãi nhĩ vong linh*”.

Hôm nay giảng đến đây thôi.

Tập 03

Hôm qua giảng đến phần văn tác bạch sau bài kệ “*giác hải*”, đầu đoạn văn này trước hết thuyết minh đạo lý cảm ứng. Đạo lý ấy rất sâu, chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng chắc chắn có chuyện như thế ấy, nghĩa lý rất sâu. Tu pháp sự này là vì một nhân duyên đặc biệt, tức là siêu độ vong linh, đó là nhân duyên đặc biệt. Trên thực tế, pháp môn này đúng là vô cùng thù thắng; bởi thế, Tịnh Tông Học Hội mỗi Chủ Nhật cử hành một lần, tạo thành một khoa mục trong chương trình tu học của chúng ta. Trung Phong đại sư khai thị vô cùng tinh vi, chúng ta có dịp thường xuyên đọc tụng, theo văn nhập quán, giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, nâng cao cảnh giới, rất hữu ích. Chúng tôi đọc đoạn văn ấy một

lượt:

**Pháp vương lợi vật,
Bi trí hồng thâm,
Phổ biến thập phương,
Minh dương mị cách.**

法王利物。

悲智洪深。

普遍十方。

冥陽靡隔。

(Pháp vương lợi vật,
Bi trí rộng sâu,
Trọn khắp mười phương,
Âm, dương chẳng cách).

Mười sáu chữ trong bài kệ bốn câu này, ngày hôm qua đã thuật cùng quý vị rồi. Trước hết chúng ta phải hiểu rõ chân tướng của sự thật: Trong chân tướng, không gian chẳng có xa - gần, thời gian chẳng có trước - sau. Bởi thế, đối với chư Phật, Bồ Tát, đối với tất cả hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, chúng ta thực sự chẳng chướng ngại gì, đúng như kinh Hoa Nghiêm dạy lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Hễ có cảm bèn lập tức có ứng. Giờ đây, nhờ vào trai chủ, tức là vì nhân duyên đặc biệt, vì một chuyện nào đó mà họ thực hiện pháp sự này.

Đặc thỉnh sơn tăng đăng tọa.

特請山僧登座。

(Riêng thỉnh sơn tăng lên tòa).

“Sơn tăng” là pháp sư chủ trì pháp hội nói tự khiêm, tự xưng một cách khiêm nhường.

“Y bằng giáo pháp, tác Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự”.

依憑教法。作三時繫念佛事。

(Nhờ vào giáo pháp, làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm).

Hôm qua chúng tôi đã giảng đến đây.

Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên.

迺爾亡靈。遭此勝緣。

(Vong linh các người, gặp duyên thù thắng này).

“Thần linh” là tiếng để gọi chung chúng sanh trong chín pháp giới. Chuyên gọi một người nào đó đã qua đời khuất núi thì nói là “vong linh”; còn như trong công khóa tu học thường ngày, thì gọi là “thần linh”, tức là nói trọn khắp hết thấy tôn thần trong pháp giới, tận hư không giới. Vì nguyên nhân nào? Vì cầu sanh Tịnh Độ. Thần linh trong chín pháp giới vẫn phải cầu sanh Tịnh Độ ư? Đúng vậy! Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ, bao gồm cả Văn Thù, Phổ Hiền đều cầu sanh Tịnh Độ. Có vậy, quý vị mới hiểu pháp môn Tịnh Độ thù thắng!

Chúng sanh trong chín pháp giới vẫn còn mê hoặc, chẳng biết đại sự nhân duyên thù thắng; chúng ta đem tin tức này báo cho họ. Chúng ta tin tưởng sâu xa họ nghe được tin tức này, trong đời quá khứ ai nấy đều có thiện căn, ta khơi dậy thiện căn của họ khiến họ giác ngộ. Giác ngộ đây chẳng phải là minh tâm kiến tánh, mà giác ngộ là gì? Do thiện căn trong đời quá khứ phát hiện, tất nhiên họ sẽ niệm A Di Đà Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, cùng dự pháp hội này với chúng ta, cùng mọi người chúng ta thực hiện khóa lễ này.

“Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên”: “Tao” (遭) là gặp gỡ, chúng ta gặp được pháp duyên thù thắng này, pháp duyên thù thắng này chẳng dễ gặp được, đúng là “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”, [mà nay may mắn] gặp được pháp duyên thù thắng này.

Tự nghi nghiêm túc oai nghi.

自宜嚴肅威儀。

(Hãy tự nghiêm túc oai nghi).

“Nghiêm túc oai nghi” ở đây như cổ nhân Trung Quốc thường nói: “Thành ư trung nhi hình ư ngoại” (lòng Thành bên trong thể hiện ra ngoài). Từ “nghiêm túc oai nghi” bên ngoài thấy được nội tâm kiên thành cung kính. Cứ hễ có tâm cung kính thì rất nhiều việc tự nhiên thành, chẳng cần phải tạo tác gì, cũng chẳng cần ai phải dạy, chẳng cần ai dẫn dắt, tự nhiên biểu hiện thái độ hết sức cung kính. Điều này tôi thấy rất nhiều.

Lai lâm tọa hạ, cung linh diệu pháp.

來臨座下。恭聆妙法。

(Đến dự dưới tòa, kính nghe diệu pháp).

Đến tham dự pháp hội cùng chúng ta, cung cung kính kính lắng nghe. Ở đây chúng ta sẽ đọc kinh A Di Đà, hãy nghe kinh, trong Tam Thời Hệ Niệm có những khai thị hết sức tinh vi, chúng ta hãy cùng nhau tu học.

Nhất tâm thọ độ.

一心受度。

(Một dạ lãnh nhận giáo huấn).

“Thọ độ” nghĩa là tiếp nhận lời răn dạy, trong Phật pháp thường gọi là “độ”, tức là “giáo đạo” (教導: Chỉ dạy). Vì sao chẳng dùng chữ “giáo đạo”, lại dùng chữ “độ”? Độ là nói từ mặt Quả, từ thành tựu mà nói. “Giáo đạo” là nhân, là dạy học. Dạy học có được thành tựu hay không? Nếu có thành tựu thì gọi là Độ. Ý nghĩa gốc của chữ Độ vốn là tỷ dụ, giống như vượt qua sông vậy, chúng ta từ bờ bên này vượt sang bờ bên kia. Nếu chúng ta vượt được sông qua đến bờ đối diện thì gọi là “độ quá” (vượt qua). Bởi thế, kinh Phật thường dùng tỷ dụ sau: Chúng ta đang ở bờ mê hoặc bên này, bờ đối diện là giác ngộ, chúng ta muốn từ mê vượt lên giác. Phật răn dạy nhằm giúp chúng ta phá mê khai ngộ, giúp chúng ta đoạn ác làm lành. Nay chúng ta đang ở bờ ác bên này, ta muốn vượt qua bờ thiện bên kia. Vì thế, Độ là từ quả mà nói, Giáo là từ nhân mà nói. Do vậy, chữ Độ rất sâu sắc, rất viên mãn, Giáo có lúc chẳng viên mãn, Độ là đã đưa ra thành tích hết sức tốt đẹp cho quý vị thấy.

Muốn “thọ độ” thì trọng yếu nhất là phải “nhất tâm”. Có nhất tâm thì quý vị mới tiếp nhận được sự giáo huấn, mới thực sự chuyển được cảnh giới. Nhất tâm là chân thành, nhị tâm chẳng chân thành. Trước kia, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đời Thanh, nói thật ra, ông ta cũng là một học giả bất phàm, thích đọc sách; trong bút ký đọc sách của ông ta có định nghĩa chữ Thành. Thế nào là Thành? Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc rất coi trọng chữ Thành này, bất luận pháp thế gian hay xuất thế gian, mâu chột để thành tựu hay không là do quý vị có lòng Thành hay không? Thế nào là Thành? Tăng Quốc Phiên nói: “Nhất niệm chẳng sanh là Thành”.

Ông ta giải thích cách này rất giống với thuyết nhà Phật. Nhất niệm chẳng sanh, niệm ở đây là vọng niệm; không có vọng niệm. Cũng có thể nói phân biệt, vọng tưởng, chấp trước đều là vọng niệm, đều phải đoạn sạch những vọng niệm ấy, gì cũng chẳng còn, đó gọi là Thành. Nếu vẫn còn có một niệm, một niệm vui thích hay một niệm sân hận, quý vị chưa buông xuống được thì chưa có được chữ Thành ấy!

Một con người tốt, hết sức từ bi, đối với người, đối với hết thảy chúng sanh đều có tâm yêu thương, nhưng trong tâm còn có điều gì đó, như là tham luyến, hoặc là nóng giận vĩnh viễn chẳng buông xuống được thì do một niệm ấy, tấm lòng Thành bị phá hoại mất. Vì sao đức Phật dạy chúng ta tu thành kính? Đức Phật biết quý vị nóng giận, tham ái là do đầu dây mối nhợ từ đời quá khứ, chứ chẳng phải là nhân duyên một hai đời. Bởi thế, hiện thời, các bác sĩ tâm lý ngoại quốc đều chữa tâm bệnh. Vì sao họ không buông xuống những chuyện ấy xuống được, có ấn tượng sâu đến thế? Thực sự là niệm niệm chẳng quên, chứa trong chỗ sâu kín của tâm hồn. Đây là chỗ thương tích trí mạng cho việc tu hành chứng quả, chẳng những không thể chứng quả, mà còn chẳng thể khai ngộ nổi.

Bác sĩ tâm lý ngoại quốc dùng thuật thôi miên khiến những người đó trở về đời quá khứ, một đời quá khứ, hai đời quá khứ, ba đời quá khứ. Tôi từng nghe nói: Có trường hợp thôi miên đến mức rất sâu, người được thôi miên có thể nhớ việc trong hơn tám mươi đời trước, kể ra hết. Hơn tám mươi đời trước tức là cách hiện tại gần như ba bốn ngàn năm. Những sự việc khiến cho kẻ ấy bị đả kích nghiêm trọng trong thuở đó, như bị người khác hãm hại, bị người khác lăng nhục đau đớn không thiết sống nữa. Những ý niệm ấy ghi khắc rất sâu; trong A Lại Da Thức hàm tàng những chủng tử đó, mấy ngàn năm sau, mấy chục đời sau, những chủng tử ấy vẫn hiện hành, vẫn khởi tác dụng. Quý vị nói có phiền phức hay chẳng? Thông qua phương thức [thôi miên] đó khiến cho [bệnh nhân] tự nói ra.

Hiện thời khoa học phát triển, dùng máy ghi âm thâu lại, chờ lúc họ tỉnh dậy, mở cho họ nghe. Họ nghe xong, vấn đề chi cũng được hóa giải hết, là vì sao? Biết rõ tiền nhân hậu quả, không sự gì là ngẫu nhiên cả. Người này tốt với mình là vì trong đời trước mình tốt với kẻ ấy; người này chơi xấu mình là do mình trong đời trước xử tệ với hắn, oan oan tương báo! Nghĩ vậy không bận lòng nữa, coi như xong, chuyện đó xong rồi, kết liễu rồi! Hy vọng đời sau kiếp sau gặp được bạn bè tốt, chẳng cần phải trở thành oan gia, chẳng cần đối đầu nữa, hóa giải hết.

Đức Phật có năng lực như thế, đức Phật biết được sự tình của hết thảy chúng sanh trong vô lượng kiếp trước. Bởi thế, đức Phật thuyết pháp cao minh, Ngài có thể lôi ra hết những chủng tử nghiệp chướng, tập khí ẩn sâu trong Tạng Thức của ta khiến cho ta giác ngộ, khiến ta tự dẹp yên (nói theo cách bây giờ) những mâu thuẫn, nghi ngờ, lo lắng trong nội tâm, hóa giải hết tất cả, [vì thế], nhất tâm và lòng thành kính của ta bèn hiện tiền. Có điều kiện ấy thì quý vị mới có thể tu đạo, nhất tâm thọ độ!

4. Lư Hương Tán

Tiếp theo là phần Lư Hương Tán là bài tán tụng phổ biến nhất trong Phật môn. Trước hết, mở đầu bằng bài Giới Định Chân Hương. Bài này tôi đã thưa cùng quý vị rồi, Trung Phong đại sư có dụng ý đặc biệt. Không có Giới, không có Định, tu pháp môn gì cũng chẳng được lợi ích, bởi thế phải nêu Giới Định trước hết.

Bài Lư Hương Tán thuộc thể loại tán tụng. Nếu dùng thuật ngữ tôn giáo thông thường để nói thì nó thuộc thể loại kỳ đảo, dùng hình thức thi ca để diễn đạt. Tôi nói như thế này chắc mọi người rất dễ hiểu, rất dễ lãnh hội. Đây là bài cầu nguyện, mong nhờ vào lời cầu nguyện này mà được cảm ứng đạo giao cùng chư Phật, Bồ Tát, đến gia trì pháp hội này. “*Gia trì*” là danh từ trong Phật giáo, nói theo cách bây giờ là “đền che chở, ban phước, giúp sức” khiến cho việc làm này của chúng ta được thành công viên mãn. Việc làm ở đây chính là pháp sư Hệ Niệm. Những đại chúng cùng dự hội, đại chúng gồm chúng sanh trong chín pháp giới đây, ai nấy đều được lợi ích, đặc Pháp Hỷ. Chúng ta hãy xem bài Hương Tán.

Lư hương sạ nhiệt.

爐香乍爇。

(Lò hương vừa đốt).

“*Sạ*” (乍) là mới vừa. Cái đỉnh báu, cái lò hương vừa mới đốt lên, khói hương tỏa khắp.

Pháp giới môn熏.

法界蒙熏。

(*Pháp giới khắp xông*).

Pháp giới rất lớn! “*Xông khắp pháp giới*” là sự thật, có phải là khoa trương hay không? Trong bài văn tác bạch ở trên có câu “*phổ biến thập phương, minh dương mị cách*” (trọn khắp mười phương, âm dương chẳng ngăn cách). Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng sanh). Tâm tướng ấy là sóng tâm chuyển động, tốc độ nhanh không có cách gì tưởng tượng được. Hiện tại, vật lý học nghĩ tốc độ ánh sáng nhanh nhất, nhưng các nhà vật lý cận đại biết chắc chắn trong vũ trụ quả thật còn có những thứ có tốc độ nhanh hơn ánh sáng; nhưng trong Thái Dương Hệ của chúng ta, tốc độ ánh sáng nhanh nhất, một giây đi được ba mươi vạn cây số. Thừa thật cùng quý vị, nhanh nhất là ý thức, ý niệm. Ý niệm vừa nảy sanh, tốc độ lan truyền của nó liền trọn khắp hư không pháp giới, ánh sáng chẳng thể sánh bằng được. Tổ sư đại đức dạy chúng ta: Tâm càng thanh tịnh, càng định, thì phạm vi lan truyền của sóng niệm càng lớn. Kinh Lăng Nghiêm nói “*tịnh cực quang thông*”, [nghĩa là] tịnh đến mức cùng cực thì quang (quang là tâm quang, quang minh của trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh) bèn thông suốt. Thông suốt ở đây là khắp hư không pháp giới, thật đấy! Chẳng giả đâu!

Bây giờ, nếu hỏi: Lữ phạm phu tục tử chúng ta vọng niệm toi bời thì có được năng lực lớn lao như thế chẳng? Nói như trên là thật đấy, chẳng sai đâu! Nhưng quý vị phải hiểu: Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát mỗi vị đều là “*tịnh cực quang thông*”. Nói cách khác, năng lực tiếp thu của các Ngài rất lớn, tuy chúng ta phát sóng, tin tức của chúng ta không đến được các Ngài, nhưng các Ngài có năng lực tiếp thu đến tận chỗ chúng ta, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, chúng ta khởi tâm động niệm ở đây, dầu xen tạp vọng tưởng, xen tạp ác nghiệp, các Ngài vẫn có thể tiếp nhận được, năng lực tiếp nhận của các Ngài trọn khắp hư không pháp giới. Bởi thế “*pháp giới môn huân*” là thật, chẳng giả!

Chư Phật hải hội tất dao văn.

諸佛海會悉遙聞。

(*Hải hội chư Phật thầy xa nghe*).

Bao gồm Pháp Thân Bồ Tát. “*Dao văn*” là quan niệm của phàm phu chúng ta: Ở rất xa, các Ngài cũng nghe thấu; nhưng trong cảnh giới

các Ngài, chẳng có xa hay gần, người học Phật chúng ta chẳng thể không biết điều này! Minh tâm kiến tánh, sau khi kiến tánh, không gian lẫn thời gian đều chẳng còn nữa, đều quy nhất hết. Chúng ta cảm thấy có xa - gần, nhưng đối với các Ngài sẽ là hết như trước mắt, ở ngay trước mắt.

Tùy xứ kết tường vân.

隨處結祥雲。

(Khắp chốn kết mây lành).

Khắp chốn kết mây lành là chuyện dĩ nhiên. Tiếp theo đó:

Thành ý phương ân.

誠意方殷。

(Lòng thành mới ân cần)

“Thành ý phương ân” là chúng sanh năng cảm. Chúng sanh phải có thành ý, thành ý ân cần, thì quý vị mới nhờ vào lưu hương [để cảm Phật, Bồ Tát] được. Lưu hương nhằm biểu thị pháp, biểu thị một chút thành ý của chúng ta, vừa đốt bèn ân cần. Quý vị thấy hương [cúng dường ấy] được [chư Phật, Bồ Tát] ứng như thế này: “Tùy xứ” là chư Phật ứng, “kết tường vân” là khí thể gian ứng. Đạo vị này quá sức sâu đậm. Chư Phật, Pháp Thân Bồ Tát ở khắp mọi nơi khởi cảm ứng đạo giao cùng chúng ta, “kết tường vân” là khí thể gian ứng. Ý nghĩa này rất nồng đậm. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát ở khắp các nơi bèn cảm ứng đạo giao. “Kết tường vân” là nói khí thể gian, tức vô tình thể gian. Điều này đã được khoa học gia Giang Bồn Thắng của Nhật Bản chứng minh: Nước kết tinh tạo thành dạng thức (pattern) mỹ lệ, đấy chính là “kết tường vân”. Tâm yêu thương, tâm cảm tạ, mỹ ý, thiện hạnh có thể làm cho thiên địa vạn vật kết tinh thành dạng đẹp đẽ nhất, đấy chính là ý nghĩa của chữ “tường vân”.

Chư Phật hiện toàn thân.

諸佛現全身。

(Chư Phật hiện toàn thân).

Ở đây, “chư Phật” có hai nghĩa: Thứ nhất là rất nhiều các đức Phật Như Lai; thứ hai là gồm cả các Pháp Thân Bồ Tát. Trong Viên

Giáo, từ Sơ Trụ trở lên đều là “*phần chứng tức Phật*”¹⁰. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ lên đến Đẳng Giác, Diệu Giác gồm bốn mươi hai địa vị, thầy đều là “*chư Phật*”. Cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang giải thích chữ “*chư Phật*” như vậy, [bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ và Diệu Giác] chính là bốn mươi hai địa vị chư Phật. Ở đây, hai nghĩa này đều hợp lý cả. Nói theo chiều ngang là hết thầy chư Phật, Bồ Tát; nói theo chiều dọc là bốn mươi hai địa vị chư Phật. Đây là chư Phật đến cảm ứng, trí Chánh Giác thế gian. Trong chữ “*chư Phật*” còn có một ý nghĩa nữa là tam thân chư Phật, tức Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân. Nói như vậy rất hoàn thiện, tất cả đều hiện toàn thân, thực sự hiện thân, chứ chẳng phải giả. Quý vị phải hiểu thấu suốt, minh bạch, biết cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị chẳng thể thấu suốt, minh bạch điều này thì quý vị chỉ xướng bài tán này, chỉ niệm theo văn mà thôi, chẳng nhập được cảnh giới, chẳng thể thụ dụng chân thật. Tiếp đó là Phật hiệu:

Nam mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無雲來集菩薩摩訶薩。

Ở đây không phải là Hương Vân Cái Bồ Tát. “*Vân Lai Tập*”: Chư Phật, Bồ Tát vô lượng vô biên như mây, đều nhóm đến đạo tràng này, từ mười phương nhóm đến. Danh hiệu này phải xưng ba lần, biểu thị chúng ta ân cần khẩn thiết khẩn thỉnh, thỉnh ba lần nhưng niệm một câu. Lần niệm Vân Lai Tập cuối cùng thường thêm hai chữ Hải Hội thành Nam Mô Vân Lai Tập Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Hai lần đầu là Nam Mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát, lần thứ ba là Nam Mô Vân Lai Tập Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Đây thường là cách tán tụng kỳ đảo dùng trong các pháp hội quy mô lớn. Bởi vậy, quý vị phải nhớ kỹ: Tất cả hết thầy tán tụng đều là những bài cầu nguyện như trong tôn giáo thường nói, giống như thơ ca ngợi, thi ca tán dương; trong nhà Phật gọi là Phạm Bái, là Tán Tụng.

Trong bài Hương Tán ở phần trước, chúng tôi từng nhắc đến công án Da Thủ Đà La, nay tôi giới thiệu rất đơn giản cùng quý vị. Da Thủ Đà La là phi tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, bà ta mắc nạn; chuyện ấy

¹⁰ Phần chứng tức Phật: một trong sáu loại Phật theo giáo nghĩa Thiên Thai. Phần chứng tức là giác ngộ một phần, người giác ngộ một phần hoặc vài phần, tức là bậc Sơ Trụ trở lên được coi như là Phật.

chúng tôi chẳng cần thuật chi tiết. Nói kỹ rất mất thời gian; nếu quý vị muốn biết rõ hãy coi trong sách Kinh Luật Dị Tướng. Sách Pháp Uyển Châu Lâm càng chép rõ hơn, tự hồ có ba cách giải thích vì sao Da Thủ Đà La mắc nạn? Vì sao tôn giả La Hầu La ở trong thai mẹ sáu năm mới sanh? Đều có nhân quả! Trong kinh thuyết minh cặn kẽ, tra cứu kinh rất phiền, phải biết tra đúng bộ kinh nào; cổ nhân đã làm việc ấy rồi, làm rất kỹ. Họ đem các công án, nhân duyên trong các kinh gom lại một chỗ, soạn thành một loại sách, nay gọi là Phật Học Từ Điển. Sách cổ nhân soạn mang tên Kinh Luật Dị Tướng và Pháp Uyển Châu Lâm, quý vị có thể tham khảo những sách đó. Tiếp theo là một đoạn bạch văn, đoạn bạch văn này thuộc thể loại kỳ đảo.

5. Kỳ Đảo Văn

Thử nhất biện hương.

此一瓣香。

(Một nén hương này).

Hương này là hương hình thức. Chúng ta đốt Đàn Hương, cắt Đàn Hương thành từng mảnh, từng nén, nhằm tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho tâm hương của chúng ta, biểu thị một tấm lòng kiên thành lễ kính. Do vậy, nó là một nén tâm hương. Những câu tiếp theo toàn nói về tâm hương, chứ chẳng phải là hương vật chất.

Căn bàn kiếp ngoại.

根蟠劫外。

(Gốc cuộn ngoài kiếp).

“Kiếp” (kalpa) là thời gian, đây là nói bằng thí dụ. Đàn Hương là gỗ Chiên Đàn, dùng để sánh ví Pháp Thân của chúng ta, Pháp Thân của chúng ta là cây Chiên Đàn. Một mảnh hương này là tâm hương của chúng ta, cội rễ của Pháp Thân vượt ngoài thời kiếp, Kiếp là thời gian, câu này có nghĩa là siêu việt thời gian.

Chi bá trần hoàn.

枝播塵寰。

(Nhánh trùm vũ trụ).

“Trần hoàn” là không gian, hư không pháp giới. Tám chữ này (tức “căn bản kiếp ngoại, chi bá trần hoàn”) có nghĩa là siêu việt thời gian lẫn không gian. Siêu việt cả thời gian lẫn không gian chỉ có chân tâm. Chẳng phải là chân tâm, chẳng phải là bản tánh, sẽ chẳng có cách gì siêu việt được!

Bất kinh thiên địa dĩ sanh thành.

不經天地以生成。

(Chưa từng được trời đất sanh thành).

Nó chẳng phải do trời đất sanh ra. Chẳng phải do trời đất sanh ra thì từ đâu đến? Tự tánh vốn sẵn có đủ. Câu này nói rất rõ hương này là loại hương gì? Hương chân tánh, chân hương tâm tánh. Chúng ta dùng hương ấy để cúng dường Phật. Vậy thì chúng ta phải hỏi: Phật là gì? Tiếp đó, [lời bạch văn] lại nói ta dùng chân hương tâm tánh để cúng dường.

Khởi thuộc âm dương nhi tạo hóa?

豈屬陰陽而造化。

(Há lẽ thuộc âm dương tạo hóa?)

“Tạo” là tạo tác, “hóa” là biến hóa. “Khởi thuộc âm dương tạo hóa” ý nói hương ấy vĩnh hằng bất biến. Vĩnh hằng bất biến là chân, bị Âm - Dương tạo tác, biến hóa thì chẳng phải là chân, chẳng phải là chân tâm. Quý vị hãy nghĩ xem: Làm sao không cảm ứng cho được? Chúng ta đốt một mảnh Đàn Hương, mảnh Đàn Hương này là giả, là huyền hóa, chẳng phải thật, nó có sanh diệt, nhờ vào nó để biểu thị chân hương tâm tánh, vĩnh hằng bất biến, bất sanh bất diệt. Hương là tánh đức, Quang là trí huệ sẵn có nơi tự tánh; vì thế, thường gộp chung thành “*hương quang trang nghiêm*”. Ở đây:

Nhiệt hướng lô trung.

熱向爐中。

(Đốt đặt trong lò).

Cái lò này cũng biểu thị pháp. Mảnh hương này đốt trong lò hương, hương là tánh đức của chúng ta. Lò là gì? Lò là pháp giới! Mật tông sử dụng Mạn Đạt Lạp (Mandala), Mạn Đạt Lạp biểu thị pháp giới;

trong Hiền giáo thì dùng hư hươg để biểu thị pháp giới. Cúng dường khắp pháp giới, tận hư không giới.

Chuyên thân cúng dường.

專伸供養。

(Chuyên dâng cúng dường).

Ở đây nói rất rõ đối tượng cúng dường...

Thường trụ Tam Bảo, sát hải vạn linh.

常住三寶。剎海萬靈。

(Thường trụ Tam Bảo, vạn linh trong các cõi nhiều như biển).

Bao gồm hết cả, Thường Trụ Tam Bảo là Trí Chánh Giác thế gian, Sát Hải Vạn Linh là hữu tình thế gian và khí thế gian, thầy đều cúng dường trọn khắp pháp giới, hư không giới, không sót một thứ gì. Chúng ta xướng bài tán này, cầu nguyện như thế, quý vị có cái tâm ấy hay chẳng? Cổ đức thường dạy chúng ta “*tùy văn nhập quán*”, [tức là] dựa theo kinh văn mà biến hóa tâm lượng giống hết như trong kinh văn đã nói, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Bởi thế, nếu quý vị chẳng hiểu ý nghĩa, quý vị chỉ xướng theo chứ không có ý nghĩ gì, chỉ là đeo miệng, chẳng thể tương ứng! Nhất định phải hiểu được ý nghĩa. Thường xuyên xướng tụng, thường niệm theo, sẽ tự nhiên biến thành tâm hạnh của chính mình. Ta dùng ngay trí huệ, Giới, Định, tánh đức của chính mình, niệm niệm chẳng quên cúng dường trọn khắp pháp giới, hư không giới hết cả chúng sanh. Trên là chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục, hữu tình, vô tình, đều cúng dường hết, cây cối hoa cỏ, sơn hà đại địa cũng đều gộp hết trong đó, “*sát hải vạn linh*” mà! Tiếp đó, đặc biệt chỉ ra:

Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng.

極樂導師。阿彌陀佛。觀音勢至。清淨海眾。

Đặc biệt nêu lên Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong câu trước là thầy đều cúng dường trọn khắp; ở đây, đặc biệt nêu rõ, bởi mục tiêu của chúng ta là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà

Phật. Dùng cách nào để cầu? Dùng cúng dường trọn khắp để cầu. Vì sao? Di Đà cúng dường như thế, Quán Thế Âm, Thế Chí cúng dường như thế; nay ta cũng cúng dường như thế bèn đầy đủ điều kiện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị không có điều kiện ấy mà muốn sanh về thế giới Cực Lạc thì chỉ là vọng tưởng vì chẳng đầy đủ điều kiện!

Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng ta nghỉ vài phút.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta hãy xem tiếp, trên đây là một đoạn văn kỳ đảo, chúng ta hãy đọc qua một lượt:

Thử nhất biện hương, căn bàn kiếp ngoại, chi bá trần hoàn, bất kinh thiên địa dĩ sanh thành, khởi thuộc âm dương nhi tạo hóa, nhiệt hướng lô trung, chuyên thân cúng dường thường trụ Tam Bảo, sát hải vạn linh.

此一瓣香。根蟠劫外。枝播塵寰。不經天地以生成。豈屬陰陽而造化。薰向爐中。專伸供養。常住三寶。剎海萬靈。

(Một nén hương này, gốc cuộn ngoài kiếp, nhánh trùm vũ trụ, chẳng do trời đất sanh thành, há thuộc Âm Dương tạo hóa? Đốt đặt trong lò, chuyên dâng cúng dường, thường trụ Tam Bảo, vạn linh trong các cõi nhiều như biển).

Mấy câu này thật hết sức trọng yếu, nhất định chẳng được nói niệm xuống đoạn văn này là đủ, tâm ta nhất định phải hoàn toàn ứng với văn, đây là cái nhân chân thật để cảm ứng. Vì sao được cảm ứng? Cái nhân chân thật là ở chỗ này (tức tâm hoàn toàn ứng với lời văn trong bài Kỳ Đảo này), chúng ta chẳng thể không biết điều này. Do vậy, ta biết: Người chân chánh giác ngộ, thực sự minh bạch, họ cũng thực sự có cùng một Thể với pháp giới và hư không giới, niệm niệm chẳng lia, niệm niệm chẳng cách ngăn, chướng ngại. Họ cảm ứng cùng pháp giới, hư không giới; trên là chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục, tình và vô tình (vô tình là sơn hà đại địa, hoa cỏ, cây cối, bao gồm hết thảy tất cả hiện tượng tự nhiên, nói theo khoa học hiện thời là các hiện tượng vật chất trong vũ trụ), thảy đều được bao gồm trong ấy.

Thành ý! Chúng tôi nói tâm chân thành trọn khắp, tâm thanh tịnh trọn khắp, tâm bình đẳng trọn khắp, tâm chánh giác trọn khắp, tâm từ bi trọn khắp vừa cảm thì ba thứ thế gian trong pháp giới, tức trí Chánh Giác thế gian là chư Phật, Bồ Tát, hữu tình thế gian là hữu tình chúng sanh, khí thế gian là vô tình, ba thứ thế gian (là toàn thể vũ trụ) đều có ứng. Một niệm của chúng ta cảm thì mọi thứ trong toàn thể vũ trụ thấy đều ứng, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta dùng điều này để hồi hướng như trong đoạn văn sau đây:

Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng.

極樂導師。阿彌陀佛。觀音勢至。清淨海眾。

Đây là chuyên chỉ (tức nói rõ đối tượng hồi hướng), bởi lẽ, công khóa chúng ta đang tu đây nhằm để cầu sanh Tịnh Độ, cầu được thân cận Di Đà, thân cận Quán Âm, Thế Chí, thân cận hết thầy đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu tâm hạnh chúng ta chẳng thuần tịnh, thuần thiện, sẽ chẳng thể cảm ứng. Bởi thế, trong tâm chẳng được xen tạp mảy may; nếu không, sai mất rồi! Trong tâm ắt chẳng có kẻ oán hận nào, chẳng có oán hận gì; hễ có một thứ nào thì sẽ là xen tạp, tâm thuần tịnh thuần thiện bị phá hoại. Nhất định phải biết buông xuống; chẳng thể buông xuống được là hại mình, hại tự tánh, hại chân tâm. Tự tánh mê thì chân tâm trở thành hư vọng, vì đã bị một vọng niệm xen tạp. Ngàn vạn phần chẳng được xem thường vọng niệm, vọng niệm đó gây hại; không có pháp thế gian, xuất thế gian nào gây hại bằng nó đâu! Có như thế thì mới thấy tánh chất nghiêm trọng của vọng niệm. Sau cùng là hai câu tổng kết:

Tát trượng chân hương, phổ đồng cúng dường.

悉仗真香。普同供養。

(Đều cậy vào chân hương, bình đẳng cúng dường khắp cả).

Chân hương này là hương quang tánh đức, “phổ đồng cúng dường” là tu đức, tương ứng với tánh đức. Đức Phật nói: Trong hết thầy các thứ cúng dường, pháp cúng dường bậc nhất. Sự cúng dường ở đây thuộc về pháp cúng dường, nay chúng ta đang tu hành pháp cúng dường; như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã dạy chúng ta “*nư giáo tu*

hành cúng dường” (cúng dường bằng cách tu hành theo đúng lời dạy). Phật dạy chúng ta như thế nào, chúng ta học làm theo như thế ấy, mọi sự Phật chỉ dạy chúng ta đều thực hành, đó là cúng dường. Chúng ta thấy những lời trần thuật trong đoạn văn kỳ đảo này đều là những lời đức Phật thường răn dạy trong kinh luận, chúng ta phải học tập, niệm niệm chẳng quên, niệm niệm thực hiện, khế nhập cảnh giới, đó là “*phổ đồng cúng dường*”. Tiếp đó, đọc ba lần:

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無香雲蓋菩薩摩訶薩。

Ý nghĩa giống như ở phần trên, niệm danh hiệu này phải hiểu được ý nghĩa của danh hiệu. “*Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát*” là tiếng gọi chung hết thầy Bồ Tát, chứ chẳng phải chuyên chỉ một vị nào, hoặc chuyên chỉ một “*quần thể*” nào! Nay chúng ta gọi “*quần thể*” là đoàn thể. Tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát trong khắp giới, hư không giới đều được bao gồm trong ấy, đều là Hương Vân Cái. [Bài văn kỳ đảo trong phần này của] pháp sự giống như đoạn văn kỳ đảo vừa được nói trong phần trên, đều cùng là Tự Phần của pháp sự.

Dưới đây, chánh thức bước vào pháp sự Tam Thời Hệ Niệm. Tam Thời Hệ Niệm có ba thời: Thời thứ nhất, thời thứ hai và thời thứ ba. Quý vị phải biết ba thời này cùng lấy “*trì danh niệm Phật*” làm chủ, nhưng với mỗi thời pháp sự, mở đầu bằng niệm kinh, đại sư chọn Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Trước hết là niệm kinh, rồi mới niệm chú, tức là niệm chú Vãng Sanh. Tiếp đó là nghe kinh, tức là nghe giảng khai thị. Mỗi chữ, mỗi câu trong phần khai thị đều là kinh văn, nay chúng ta gọi là “*tập hội*”, tức là tóm gộp những khai thị trọng yếu nhất, tinh túy nhất trong kinh luận nhà Phật, hòng cảnh tỉnh chúng ta, khiến cho chúng ta thời thời khắc khắc chẳng quên, cùng học tập.

ĐỆ NHẤT THỜI

Trước khi niệm kinh, trước hết phải niệm ba câu:

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.

南無蓮池海會佛菩薩。

Nam-mô nghĩa là quy mạng, quy y, lễ kính, chí thành cung kính. “*Liên Trì Hải Hội*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới, hội này vĩnh hằng chẳng tan, nếu nói bằng thuật ngữ Phật pháp thì là pháp hội bất sanh bất diệt. “*Liên Trì*” có thật! Trong kinh đức Phật đã nhắc đến ao báu, nước tám công đức. Ao ấy do các báu hợp thành, đáy ao chẳng phải là cát bùn mà là cát bằng vàng. Phật nói như vậy. Trong ao ấy nở đầy hoa sen, hoa sen do đâu mà có? Hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong ao sen trước giảng đường của Phật A Di Đà bèn mọc một đóa hoa sen. Trên hoa ghi tên họ kẻ ấy, chẳng nhầm lẫn! Hoa sen do đó mà có, tốt bậc tuyệt diệu vậy!

Nếu tâm quý vị lui sụt, không còn ý nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa, hoa sen ấy bèn chết khô, chẳng còn hoa sen đó nữa. Có thể nói: Trong thế giới Cực Lạc, tất cả hết thấy hoa cỏ, cây cối, tình và vô tình đều là bất sanh bất diệt, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ thấy có một tướng sanh diệt là hoa sen trong ao sen, hoa sen thực sự có sanh có diệt. Cá nhân đó nhất niệm muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì trong ao đó mọc lên một đóa sen; tâm thoái thất thì hoa sen chẳng còn nữa. Trong thế giới Cực Lạc, chỉ có mỗi chuyện này là thấy có tướng sanh diệt. Nếu quý vị phát tâm rất chân thành, thiết tha, tu hành thật dũng mãnh, hoa của quý vị tăng trưởng rất nhanh, ánh sáng, màu sắc xinh đẹp. Nếu quý vị tu hành xen tạp quá nhiều, hoa kém tươi đẹp, tựa hồ có quá nhiều màu sắc hỗn tạp, hoa sen cũng chẳng to.

Nói tóm lại, người chuyên tu Tịnh nghiệp, hết thấy chẳng xen tạp thì hoa sen của người ấy tăng trưởng vừa nhanh, vừa đẹp, vừa lớn. Trong tương lai, khi vãng sanh, A Di Đà Phật cầm hoa sen đó đến tiếp dẫn [hành giả] vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hóa sanh trong hoa sen đó! Có phải là sanh về thế giới Cực Lạc là sẽ biến thành một đứa bé ở trong hoa sen ấy hay không? Thừa cùng quý vị, không phải vậy! Nếu biến thành giống như một đứa bé dần dần lớn lên thì Tây Phương Cực Lạc thế giới có tướng sanh - lão - bệnh - tử. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có những chuyện như thế, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hình dạng sẽ vĩnh viễn cố định như thế, hóa sanh mà! Tướng hảo quang minh chẳng khác Phật cho lắm!

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã giới thiệu bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật rất rõ ràng, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thể chất đều là thân kim cang tử ma chân kim sắc, thân kim cang bất hoại, tướng mạo chẳng chỉ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ

đẹp đâu nhé, chẳng phải chỉ vậy! Ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình chỉ là Ứng Liệt Thân trong thế gian chúng ta mà thôi. A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng vẻ đẹp*”, đến chỗ nào bèn mang thân [tương xứng với] nơi đó. Trong kinh đức Phật dạy rất rõ ràng: A Di Đà Phật tiếp dẫn quý vị vãng sanh, liên hoa hóa sanh, quý vị ở trong hoa sen ấy, do vì quý vị mang nghiệp theo nên hoa sen chưa nở, đó là đời nghiệp.

Bài kệ Hồi Hương chúng ta thường đọc cũng là lời cầu nguyện nơi tâm: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. Do đây ta biết: Câu ấy đâu phải là nói tùy tiện, lúc nào hoa nở? Lúc chúng được Vô Sanh Pháp Nhẫn, hoa sẽ nở! Vô Sanh Pháp Nhẫn là pháp chứng đắc của Bồ Tát Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Thất Địa Bồ Tát chứng được hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa chứng trung phẩm, Cửu Địa chứng thượng phẩm. Do đây ta biết rằng: Trong hoa sen, quý vị chứng đắc quả vị rồi hoa sen mới nở. “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. Do đây biết rằng: Nếu chưa thực sự chứng đắc Thất Địa thì hoa chưa nở. Khi hoa chưa nở, có phải là rất cô độc hay chẳng? Chẳng phải, trong hoa có thế giới, thế giới gì vậy? Thế giới Cực Lạc.

Trong hoa là thế giới Cực Lạc, ngoài hoa cũng là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc trong hoa chẳng nhỏ, thế giới Cực Lạc ngoài hoa chẳng lớn, trong - ngoài là một, chẳng phải hai. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí giáo hóa quý vị ở trong hoa, hải hội đại chúng cũng ở trong hoa. Quý vị cảm thấy kỳ quá ư? Không có chút gì kỳ quái hết. Vì sao vậy? Quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm còn có những việc càng kỳ quái hơn nữa kia! Kinh Hoa Nghiêm nói sao? Trong vi trần có thế giới. Mỗi một vi trần – nơi thân chúng ta chẳng biết có bao nhiêu là vi trần – vi trần được nói trong nhà Phật chính là cơ bản của vật chất. Khoa học hiện tại nói cơ bản của vật chất là gì? Là nguyên tử, điện tử (electron), lạp tử (leptons). Hiện thời họ còn phát hiện những hạt nhỏ hơn lạp tử, hình như được đặt tên là khoa-khắc (quark), nhỏ hơn lạp tử nhiều, trong kinh Phật gọi chúng là “vi trần”. Trong vi trần có thế giới, thế giới lớn cỡ nào? Hoàn toàn giống với thế giới chúng ta hiện đang cảm nhận đây!

Vì thế, đức Phật thường nói: Trong một lỗ chân lông hay nơi đầu một sợi lông, Phật chuyển đại pháp luân. Chuyển đại pháp luân là khai đại pháp hội, vạn ức Bồ Tát cùng ở một chỗ nghe đức Phật giảng kinh thuyết pháp. Ở đâu vậy? Trên đầu một sợi lông. Đầu lông chẳng phóng to, pháp hội chẳng rút nhỏ. Trong tự tánh chẳng có lớn - nhỏ, chẳng có dài - ngắn, chẳng có trước - sau, chẳng có xa - gần. Mấy năm gần đây,

hằng ngày chúng ta đọc Hoa Nghiêm, đối với những điều đức Phật đã nói như thế, chúng ta nghe quen tai rồi, chẳng còn cảm thấy kỳ quái nữa. Có những người nghe như thế bèn có thể tiếp nhận được, chúng tỏ tâm lượng họ dần dần mở rộng. Sự việc này quả thật rất khó hiểu, thực sự khó hiểu; chúng tôi sẽ nêu thí dụ để quý vị hiểu được. Trong kinh Phật, tỷ dụ được dùng nhiều nhất là “*mộng, huyền, bọt, bóng*”. Trong bốn thứ mộng, huyền, bọt, bóng ấy, lấy mộng làm chủ, huyền, bọt, bóng là nói thêm.

Mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, quý vị nói cảnh giới trong mộng là lớn hay nhỏ? Cảnh giới trong mộng là gì? Theo Phật pháp, mộng là do một chủng tử trong A Lại Da Thức hiện hành, nhớ kỹ: Một chủng tử! Chủng tử ấy lớn cỡ nào? Hiện nay, khoa học nêu ra một thuyết tôi nghe bèn gật đầu, cũng có lý đôi chút! Các nhà khoa học nói khởi nguyên của vũ trụ là từ một điểm bất thành linh “*bùng vỡ*” biến hiện ra vũ trụ. Tôi nghe vậy, không đồng ý “*bùng vỡ*” là chân tướng sự thật, nhưng từ trong một điểm đột nhiên biến hiện ra thì đúng. Một điểm lớn cỡ nào? Các nhà khoa học tính toán, cho rằng lấy một sợi tóc trên đầu chúng ta đem cắt ngang, nhìn vào thiết diện của sợi tóc thấy rất nhỏ. Họ nói một điểm lớn cỡ nào? Đem thiết diện (mặt cắt ngang) của một sợi tóc đó chia thành một trăm ức phần, những phần chia nhỏ như vậy có thể xếp bày thành một trăm ức phần, cảnh giới được hiện đó gọi là “*nhất thời đốn hiện*”. Điều này có thể giải thích mộng cảnh của chúng ta.

Mỗi ngày từ sáng đến tối chúng ta đều nằm mộng. Những tướng được hiện trong mộng cảnh sẽ hiện như thế nào? Hiện khởi những chủng tử trong A Lại Da Thức. Những chủng tử ấy tự hồ không có hình tướng, chẳng những mắt thịt không thấy được mà kính hiển vi cũng chẳng thể thấy. Các nhà khoa học do đâu mà biết? Họ suy diễn từ lý luận Số học. Về căn bản, khoa học kỹ thuật hiện đại vẫn chưa làm được, vẫn chưa có biện pháp để phát hiện điều này; nhưng cách giải thích ấy khiến chúng tôi nghĩ đến những điều được dạy trong kinh: Trong A Lại Da Thức tàng trữ chủng tử, những chủng tử ấy không có hình tướng. Nếu chúng có hình tướng, đức Phật nói “*trộn hư không cũng chẳng thể chứa hết được nổi*”, nhưng chúng thực sự tồn tại. Mỗi một chủng tử đều có thể nhất thời đốn hiện, hiện ra cảnh giới, cảnh giới chẳng có lớn hay nhỏ.

Làm thế nào để nhập cảnh giới ấy? Theo kinh Hoa Nghiêm mà chúng ta đã đọc trước đây, Phổ Hiền Bồ Tát nhập được. Trên thực tế, Phổ Hiền Bồ Tát nói Đẳng Giác có thể nhập được, nhưng Phổ Hiền là

Đẳng Giác, có vị Đẳng Giác Bồ Tát nào chẳng tu hạnh Phổ Hiền? Vì thế, Phổ Hiền chẳng phải là một người, Văn Thù cũng chẳng phải là một vị. Quán Âm, Thế Chí [cũng giống như thế], chỉ cần là một vị Đẳng Giác Bồ Tát [tu hạnh giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí], chúng ta đều có thể coi [những vị Đẳng Giác Bồ Tát ấy] như là một người. Danh hiệu bất đồng biểu thị trí huệ, năng lực bất đồng, chứ trên thực tế, trí huệ năng lực của các Ngài đều viên mãn. Danh hiệu tượng trưng cho sự viên mãn của một bộ phận [trí huệ, năng lực] nào đó. Ý nghĩa là như vậy đó. Đẳng Giác Bồ Tát có thể nhập vô lượng vô biên thế giới, thế giới trùng trùng vô tận, chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho chúng ta biết: Hoa sen trong ao sen “*đại như xa luân*” (to như bánh xe), chẳng phải như hạt cải, chẳng phải là vi trần. Do đây, chúng ta hiểu rõ: Mỗi hoa sen là một thế giới, kẻ ấy (người được liên hoa hóa sanh trong thế giới Cực Lạc) tu hành trong đó, hoạt động trong đó. Ở trong hoa sen, hằng ngày cúng dường mười phương vạn ức chư Phật chẳng chướng ngại. Tây Phương Cực Lạc thế giới và Hoa Tạng giống nhau. Chẳng những giống nhau mà Cực Lạc còn là cốt lõi của Hoa Tạng, là phần tinh túy của Hoa Tạng, là bộ phận tinh hoa nhất, được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tác dụng chẳng thể nghĩ bàn. Đến khi hoa nở sẽ thấy Phật, sau khi hoa nở là cảnh giới nào? Là cảnh giới Thật Báo Trang Nghiêm Độ của A Di Đà Phật! Quý vị phải hiểu Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ đều là lúc hoa chưa nở, khi hoa nở là Thật Báo Trang Nghiêm Độ.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói rất rõ ràng, vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ, ở trong hoa sen bao lâu mới nở? Mười hai kiếp. Chúng ta nghe thời gian mười hai kiếp [cảm thấy] lâu quá! Trên thực tế, hãy nghĩ xem, trong các kinh Đại Thừa, đức Phật nói, kể từ ngày quý vị chứng được quả Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tính từ ngày đó trở đi, tu hành trong thế giới Hoa Tạng, tu trọn bốn mươi một địa vị, cuối cùng chứng được địa vị Diệu Giác, phải mất bao nhiêu thời gian? Trong kinh thường nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp!

Ba đại A-tăng-kỳ kiếp! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là mười hai kiếp, quý vị mới thấy trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành nhanh hơn nhiều lắm. Trong các cõi Phật khác phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ tu mười hai kiếp, [đó là sự tu hành của những người thuộc] Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Vì thế, mười phương Bồ Tát có ai mà chẳng

muôn biết pháp môn này? Có ai chẳng muốn học pháp môn này? Quả thật do nhân duyên mỗi người bất đồng, thực sự có rất nhiều Bồ Tát chẳng biết [pháp môn Tịnh Độ]. Thiên Đạo đại sư bảo: “*Tổng tại duyên bất đồng*” (nói chung là do gặp duyên khác nhau). Chúng ta nay gặp được pháp duyên thù thắng này, chẳng phải là việc đơn giản. Tây Phương Cực Lạc là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nhất quyết chớ nên hoài nghi. Quý vị hoài nghi là đã bỏ lỡ cơ hội trong một đời này vậy!

Trong ba kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta biết cõi Tịnh Độ nào của Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ngài toàn giới thiệu cho chúng ta Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Những điều nói trong kinh A Di Đà là [nói về] Phạm Thánh Đồng Cư Độ, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng đều nhằm giới thiệu cõi ấy. Phạm Thánh Đồng Cư Độ đã thù thắng như thế, những cõi [Tịnh Độ] cao hơn [trong Tây Phương Cực Lạc thế giới] thì cần phải nói chi nữa? Người học Phật bỏ Tịnh Độ Di Đà, tu các pháp môn khác, chẳng những là khó, mà thật ra còn đúng như thầy Lý Bình Nam đã viết trong bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, đó là những kẻ ngu si, mê hoặc – “*phi ngu tức mê*” (không ngu thì cũng là mê). Vứt bỏ pháp chúng ta hết sức có khả năng thành tựu ngay trong một đời này, vứt bỏ pháp như vậy quả là đáng tiếc!

Ao sen, nước tám công đức do tự tánh biến hiện, duy tâm sở hiện, hải hội đại chúng chẳng ngoại lệ. Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, bởi thế trong khai thị ở phần sau, Trung Phong thiên sư nói: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta), “*thử phương tức Cực Lạc, Cực Lạc tức thử phương*” (phương này tức Cực Lạc, Cực Lạc tức phương này). Những lời ấy hết sức sâu xa, nhưng là chân tướng của sự thật, chẳng giả chút nào. Những người học Phật, đem mình và Phật chia thành hai, Phật chẳng phải là ta, ta chẳng phải là Phật; đem hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta và thế giới Cực Lạc chia thành hai, Cực Lạc chẳng phải là Sa Bà, Sa Bà chẳng phải là Cực Lạc. Quý vị thấy Trung Phong Thiên Sư đã hợp hai thứ ấy thành một.

Vì sao tướng khác nhau? Tướng khác nhau là do tâm tướng sanh. Do quý vị nghĩ “chẳng phải là một” nên tướng chẳng giống nhau. Nếu cách nghĩ, cách nhìn của quý vị là một, thì tướng bèn thành một. Hiện tại, chúng ta khởi tâm, động niệm, nói năng, tạo tác, thực sự chẳng giống với người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tâm họ thuần tịnh, thuần thiện, tâm chúng ta bất tịnh, bất thiện. Dù có nói là tịnh thì trong tịnh vẫn xen tạp bất tịnh, nói là thiện thì vẫn xen tạp bất thiện, nên chẳng giống

nhau được! Do vậy, đương nhiên cảnh giới chẳng thể giống nhau.

Trong sách, tiên sĩ Giang Bồn Thắng cho biết đã nhiều năm, ông ta hằng ngày quan sát nước kết tinh giống như hoa tuyết, chưa bao giờ thấy hai mẫu kết tinh giống nhau. Mùa Đông hoa tuyết kết tinh cũng giống như thế. Nhìn dưới kính hiển vi, chắc chắn [mỗi hoa tuyết hay hình dạng kết tinh của nước] chẳng giống nhau, chúng ta hiểu rõ đạo lý này. Ai thấy tất cả hết thấy kết tinh đều tương đồng? Kinh Đại Thừa nói “*Phật Phật đạo đồng*”. Chúng ta hãy nghĩ xem: Sau khi thành Phật, một phẩm sanh tướng vô minh tối hậu đã đoạn sạch rồi; nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng còn mảy may gì xen tạp, chư Phật thấy hết thấy hiện tượng trong vũ trụ nhất định tương đồng. Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát thấy hết thấy cảnh giới hết sức giống nhau, hết sức gần gũi, nhưng xem kỹ vẫn chẳng tương đồng, huống chi lục đạo phàm phu! Đương nhiên [phàm phu thấy các cảnh giới] chẳng tương đồng! Mỗi một người chúng ta thấy nước kết tinh cũng chẳng tương đồng, vì sao? Tiên niệm khác với hậu niệm. Đức Phật này giống hết đức Phật kia vì các Ngài đều chẳng có ý niệm, cách thấy của các Ngài hoàn toàn tương đồng, trong mỗi niệm các Ngài thấy tương đồng.

Quý vị nhất định phải biết tất cả hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều sanh diệt trong từng sát-na. Đây là Thật Tướng! Bất sanh bất diệt chỉ là Tánh, tự tánh bất sanh bất diệt. Tánh là gì? Ở đây, Trung Phong đại sư nói tới “*linh tri*”, tức là Ngài nói đến tâm. Theo Ngài, tâm có ba thứ:

1) Một là “nhục đoàn tâm” (trái tim thịt), tất cả hết thấy chúng sanh đều có.

2) Hai là “duyên lự tâm”, tức là tâm vọng tưởng phân biệt, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là vọng tâm. Ai nấy đều có, chẳng giống nhau.

3) “Linh tri tâm” giống nhau. Linh tri tâm là chân tâm, chân tâm bất sanh bất diệt.

“*Linh, tri*”: Kinh Lăng Nghiêm nói hơi tỉ mỉ hơn một chút, kinh dùng bốn chữ “*kiến, văn, giác, tri*” (thấy, nghe, hay, biết), Trung Phong thiền sư gộp “*kiến, văn, giác*” thành một chữ Linh. Linh Tri là chân tâm, hư không pháp giới do nó biến hiện; bởi thế, hư không pháp giới đương nhiên đầy đủ “*kiến, văn, giác, tri*”. Tâm là năng biến (chủ thể thực hiện hành động biến hiện), vạn pháp là sở biến (cái được biến hiện bởi tâm). Cổ nhân nói: “*Đĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng). Vàng là bản chất, có món vật nào lại chẳng

mang đặc tánh của vàng? Đương nhiên là có, món nào cũng có đủ [đặc tánh ấy], chắc chắn chẳng khiếm khuyết mảy may. Từ tỷ dụ này, chúng ta suy ra: Tất cả hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có linh tri.

Hiện tại, tôi có liên lạc với tiên sĩ Giang Bồn Thắng, ông ta cũng rất hoan nghênh tôi đến Nhật Bản tham quan phòng thí nghiệm của ông. Ông ta cũng muốn hiểu rõ cảnh giới Hoa Nghiêm. Tôi yêu cầu ông ta làm thật nhiều thí nghiệm để tìm hiểu sâu hơn “tất cả hết thảy vạn vật trong vũ trụ đều có linh tri”. Tất cả hết thảy vạn vật đều là sống, chẳng có thứ nào chết cả, thứ nào cũng có đủ “kiến, văn, giác, tri”. Chúng ta muốn cuộc sống của chính mình tốt đẹp, hoàn cảnh tốt đẹp, chẳng phải là không làm được, mà thực sự là chẳng dễ thực hiện. Thực hiện bằng cách nào? Thiện ý, thiện tâm thì tất cả cảnh giới đều biến thành tốt, núi sông đại địa đều sung mãn linh khí. Vì sao có tai nạn? Vì tâm chẳng lành. Trong tâm đầy áp tự tư, tự lợi, đầy áp tham-sân-si-mạn, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình, khiến cho phản ứng của tất cả hết thảy vạn vật thay đều biến thành xấu xa. Phản ứng tốt đẹp là mô thức kết cấu tươi đẹp, dưới kính hiển vi, quý vị sẽ thấy được [điều này]. Tâm tình bất hảo, ý niệm bất hảo, phản ứng sẽ rất khó coi!

Do vậy, thế giới Cực Lạc là tâm thanh tịnh của chính mình, do thiện ý, mỹ ý biến hiện ra. Thế giới Sa Bà của chúng ta là do tâm nhiễm ô, do ác ý, ác niệm biến hiện ra. Bản thân hết thảy vạn vật vốn chẳng có ý niệm, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chỉ là có linh tri, chứ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hữu tình chúng sanh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vô tình chúng sanh bị chuyển theo ý nghĩ của quý vị. Do vậy, kinh thường nói “*cảnh tùy tâm chuyển*” (cảnh chuyển theo tâm). Đó là một nguyên lý, nguyên tắc căn bản, phải tin tưởng sâu xa, chớ nên nghi ngờ! Từ nơi đâu để thực hiện [chuyển cảnh theo tâm]? Từ thiện ý, từ nơi ý niệm của quý vị mà thực hiện, sửa đổi toàn bộ hết thảy ý niệm ác và tư tưởng ác, đổi thành thiện ý, đổi thành mỹ ý thì thế giới này trở thành tốt đẹp, thành thiện mỹ, thành “*liên trì hải hội*”.

Chữ “*Phật Bồ Tát*” chẳng cần phải giải thích nữa. Do vậy, quý vị hãy nghĩ xem: Câu này bao gồm những nghĩa lý rộng sâu vô tận, dù chúng tôi ngày ngày giảng nói, giảng suốt cả trăm năm cũng chẳng giảng hết.

Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 04

6. A Di Đà Kinh

6.1. Giải Thích Tựa Đề Kinh

Chư vị đồng học!

Xin xem Đệ Nhất Thời Pháp Sự. Trước phần Đệ Nhất Thời Pháp Sự, đọc ba lượt Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát, tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi. Đoạn văn lớn kế tiếp đó là tụng kinh, tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Cũng cần phải đem toàn văn bản kinh này giới thiệu giản lược cùng quý vị, bởi lẽ, trong phần pháp sự Hệ Niệm này, chúng tôi đã tinh lược [phần giải thích] huyền nghĩa kinh A Di Đà; nhưng phần đầu [của kinh này] là đề mục kinh, phải giảng qua đề mục kinh cái đã.

Trong kinh đã nêu rất rõ, kinh này vốn có tên là ***Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*** (稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經). Đó là tên gốc của bản kinh này, danh xưng ấy do chính đức Thế Tôn nói ra. Từ tựa đề kinh, chúng ta có thể thấy được nghĩa thú¹¹ của bộ kinh này. “*Xung Tán*” có năng xưng tán và sở xưng tán. Năng xưng tán (người xưng tán) là “*nhất thiết chư Phật*” (hết thầy chư Phật), chứ chẳng phải ai khác, thực sự chẳng thể nghĩ bàn, sở xưng tán (cái được xưng tán) là “*bất khả tư nghị công đức*”, tức là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công là “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn*”; Đức là “*đối nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng*”. Ở đây, chúng tôi lại phải giải thích sơ lược như sau: “*Nhất thiết chư Phật*” là nói mười phương ba đời, chẳng sót một đức Phật nào. Chẳng phải một đức Phật xưng tán hay một vài đức Phật xưng tán, chẳng phải vậy! Mười phương ba đời hết thầy chư Phật đều xưng tán. Ngoài ra còn có nghĩa là bốn mươi một địa vị Phần Chứng Phật cũng đều xưng tán. Đây là hiểu theo nghĩa rộng, ý nghĩa này là thật, chẳng phải giả vậy!

Pháp Thân Bồ Tát có năng lực quán sát căn cơ, trí huệ, đức năng, thân thông rất gần với Như Lai, các Ngài tiếp dẫn hết thầy chúng sanh, đều có năng lực quán sát những kẻ đó từ xưa đến nay, thấy được đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của kẻ đó. Vì sao thấy được? Vì đối với người đã minh tâm kiến tánh, thời gian và không gian không còn nữa. Không có không gian nên chẳng có xa - gần; không có thời gian nên chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai. Dầu là đời quá khứ trong bao kiếp lâu xa cũng giống hệt như ở trước mắt, rõ ràng, rành rẽ, hết sức minh bạch. Biết kẻ ấy trong đời đời kiếp kiếp thưở quá khứ đã từng học những gì, hiện tại

¹¹ Nghĩa thú: Chỗ quy kết của toàn bộ nghĩa lý trong một bộ kinh.

gặp gỡ bèn dạy kẻ ấy tu học pháp môn tương ứng với những điều kẻ đó đã học trong quá khứ, kẻ ấy sẽ học rất hào hứng, chẳng cảm thấy khó khăn chi, lại tiến bộ rất nhanh. Vì sao? Trong A Lại Da Thức đã có chủng tử rồi!

Lúc thiện tri thức dạy kẻ đó pháp môn ấy, chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức bèn phát khởi. Người tu hành chúng quả có năng lực ấy, những vị đại đức chưa chứng quả không có năng lực đó; nhưng nếu như đã từng dạy dỗ trong một thời gian dài, tiếp xúc nhiều người, vị đó sẽ có kinh nghiệm phong phú, giống như những kẻ xem tướng đoán mạng, trong một đời người ấy đã gặp bao nhiêu người, gặp người nhiều quá, cũng có phần nào năng lực phân tích, nhưng phương pháp quán sát căn cơ của họ chẳng thể mùi phần chuẩn xác. Những ai thực sự có học vấn, thực sự có công phu, gần như đương nhiên là phải có khả năng phỏng đoán đúng tới sáu bảy phần. Vị đó chỉ dạy, đề nghị quý vị tu học pháp môn nào; nếu quý vị thực sự nghiêm túc nỗ lực tu học thì cũng sẽ có thành tựu. Đó là từ kinh nghiệm của vị ấy; nếu chẳng có kinh nghiệm, sẽ khó lòng làm được!

Chúng ta gặp được một vị thiện tri thức chẳng phải là chuyện dễ. Cổ nhân thường nói đó là “duyên thầy trò”, thầy trò có duyên phận cũng là có thể gặp gỡ, chứ chẳng thể cầu được. Thật vậy, thế tục thường nói “quý vị do vận hên bèn gặp”. Có người suốt đời mong gặp thiện tri thức, cầu gặp được một vị thầy tốt, mà suốt đời chẳng gặp, vì chẳng có duyên phận. Nói đúng ra, cốt lõi của cái duyên phận ấy là quý vị có chân thành ham học hay không. Đây chính là nhân tố trọng yếu nhất! Tâm chân thành ham học, biết đạo, biết tôn sư trọng đạo, đầy đủ Tín - Giải - Hạnh; chưa cần nói đến Chứng, tối thiểu là có thể tin, có thể hiểu, có thể y giáo phụng hành. Có đủ những điều kiện đó, đương nhiên là có khả năng gặp được chân thiện tri thức. Nhà Phật thường nói: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (Trong cửa Phật, chẳng bỏ một ai), đó là Cảm. Chính bản thân ta phải có đủ những điều kiện ấy là Cảm; hễ có Cảm thì Phật, Bồ Tát liền Ứng. Nói tóm lại, pháp thế gian hay xuất thế gian đều chẳng ngoài đạo lý cảm ứng.

Trong kinh này, người xưng tán là hết thầy chư Phật, cái được xưng tán là “*bất khả tư nghị công đức*”. Công là gì? “*Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn*”, công chẳng thể nghĩ bàn; thấy đơn giản quá! Càng đơn giản, đạo lý càng sâu! Nếu chẳng thấu triệt đạo lý, sẽ chẳng thể khen ngợi sự việc ấy. Mọi người cứ nghĩ chấp trì danh hiệu là chuyện của mấy bà già, dễ dàng quá, há có thể thành tựu được sao? Tôi

học Phật từng gặp rất nhiều người như thế, phê bình Tịnh Độ, miệt thị Tịnh Độ, chẳng coi Tịnh Độ ra gì, coi đó là pháp thấp hèn nhất của Phật pháp: Người trình độ tệ nhất không còn cách nào dạy được thì dạy họ niệm A Di Đà Phật vậy!

Lúc tôi mới học Phật cũng nghĩ như thế. Tôi sanh khởi tín tâm đối với pháp môn này là nhờ đọc kinh Hoa Nghiêm. Mọi người đều ca tụng Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản, là vô thượng bảo điền của Phật pháp, ai nấy đều công nhận như vậy, không ai chẳng tôn trọng nó. Kinh A Di Đà đem so với Hoa Nghiêm thì khác biệt nhiều lắm, như trời với đất vậy.

Trước kia, ba mươi mấy năm trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Bắc. Lúc đó là năm Dân Quốc 60 (1971), năm nay là Dân Quốc 92 (2003), đúng ba mươi hai năm trước. Mỗi Chủ Nhật tôi giảng ba lần, hình như lúc ấy mỗi lần giảng một tiếng rưỡi. Hai lần giảng Bát Thập Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm bản 80 cuốn), một lần giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm bản 40 cuốn). Tứ Thập và Bát Thập giảng đồng thời. Giảng một thời gian khá dài, có một bữa tâm huyết sôi nổi, nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền học pháp môn gì? Đệ tử đặc ý nhất của Văn Thù là Thiện Tài, Bồ Tát dạy Thiện Tài học pháp môn nào? Tôi khởi lên nghi vấn ấy, tra kinh, đương nhiên đọc đến cuối kinh vẫn không thấy nói.

Tra kỹ lần nữa, tôi bèn nghi hoặc: Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, lại xem kỹ phần nói về Thiện Tài, Thiện Tài đắc Căn Bản Trí trong hội của ngài Văn Thù, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân trong hội của ngài Văn Thù. Thiên tông gọi đó là đại triệt đại ngộ, bên Giáo Hạ gọi là đại khai viên giải. Lúc ấy, Văn Thù Bồ Tát dạy đồng tử đi tham học. Tham học là thành tựu Hậu Đắc Trí. Trong kinh Đại Bát Nhã nói: *“Bát Nhã vô tri, nhưng không gì chẳng biết”*. “Vô tri” là Căn Bản Trí, “không gì chẳng biết” là Hậu Đắc Trí. Thiện Tài đã thành tựu Căn Bản Trí, thầy của Ngài dạy Ngài đi tham học, tức là năm mươi ba lần tham học trú danh.

Phương pháp tu học Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí hoàn toàn chẳng giống nhau. Căn Bản Trí là *“thâm nhập một môn, huân tu dài lâu”*, chẳng thể tiếp xúc tùy tiện với bất cứ ai, chẳng thể tiếp xúc tùy tiện với bất cứ pháp nào, tâm phải định. Dùng Thiền Định rất sâu để buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khôi phục chân tâm bản tánh. Đó là kiến tánh. Kiến tánh rồi, phương pháp dạy của thầy thay đổi một trăm tám mươi độ, dạy như thế nào? Bất cứ ai cũng tiếp xúc được, bất cứ việc

gì cũng tham dự được, chẳng còn thâm nhập một môn nữa, mà là học rộng nghe nhiều! Bởi vậy, lúc đó tôi mới thực sự hiểu rõ Tứ Hoàng Thệ Nguyên nói gì. “*Phiền nào vô tận thệ nguyên đoạn*” là Căn Bản Trí, “*pháp môn vô lượng thệ nguyên học*” là Hậu Đắc Trí. Chúng tôi mới hiểu rõ thế nào là “*không gì chẳng biết*”: Không nhất định là một vị thầy nào, ai cũng đều là thầy cả, mọi sự, mọi vật đều là tài liệu để học tập, bởi thế mới thành tựu “*không gì chẳng biết*”.

Chúng ta thấy một vị thiện tri thức ban đầu hết sức quan trọng! Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Tiên nhập vi chủ*” (Điều gì học đầu tiên sẽ là chánh yếu), vị thiện tri thức đầu tiên quan trọng hơn mọi thứ khác. Hãy xem kỹ phần tỳ-kheo Cát Tường Vân¹²; vì tôi giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, Tứ Thập Hoa Nghiêm là bản hoàn chỉnh của Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm¹³, gồm bốn mươi quyển. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn gì? Pháp môn Niệm Phật. Ngài dạy Thiện Tài hai mươi một pháp môn Niệm Phật, hai mươi một môn ấy bao gồm hết thầy Phật pháp, không môn nào chẳng phải là pháp môn Niệm Phật, diệu kỳ chẳng thể nói nổi.

Nếu chúng ta vẫn chưa nắm được yếu lĩnh, hãy quan sát kỹ Ngài tu pháp môn Niệm Phật nào? Nhìn kỹ hơn sẽ thấy: Ngài tu pháp môn niệm A Di Đà Phật, đã thế, lại còn tu Trì Danh Niệm Phật; trong Tịnh tông gọi là Phật Lập Tam Muội, chuyên niệm A Di Đà Phật câu sanh Tịnh Độ. Pháp này còn gọi là Ban Châu Tam Muội, dững mãnh tinh tấn đêm ngày chẳng nghỉ ngơi, suốt ngày suốt đêm. Thông thường hạn kỳ tu hành Ban Châu Tam Muội là ba tháng, lấy ba tháng làm một giai đoạn hay một kỳ. Trong ba tháng chẳng được ngủ nghỉ nên gọi là Phật Lập. Có thể đứng hoặc đi, nhưng quan trọng nhất là chẳng được ngồi xuống, chẳng được nằm, rất khổ sở! Đại khái tu pháp môn này, tuần lễ đầu rất khổ, qua được một tuần rồi bèn thấy bình thường. Phá được cửa ái bèn thấy bình thường. Khế nhập cảnh giới nên pháp hỷ sung mãn!

Xưa kia có người tu pháp môn này, người hiện tại chẳng làm được! Căn tánh người hiện tại chẳng bằng tiền nhân, quyết tâm, nghị lực chẳng bằng tiền nhân, thân thể chẳng bằng tiền nhân; trước kia, người ta

¹² Tỳ-kheo Cát Tường Vân (Meghasrī-bhikṣu), còn được dịch là tỳ-kheo Đức Vân (trong Bát Thập Hoa Nghiêm).

¹³ Bản Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm hiện đang lưu hành hiện thời là quyển cuối bị thiếu trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, bản Bát Thập Hoa Nghiêm gọi phẩm tên phẩm này là Nhập Pháp Giới. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, phẩm này có tên gọi là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, gồm 40 quyển.

khỏe mạnh hơn. Nói thật ra, về chuyện tu hành, cổ nhân thường nói tu hành phải bắt đầu từ lúc tuổi trẻ, có tinh thần, có thể lực, tuổi cao chẳng làm được! Nói chung, từ bốn mươi tuổi trở lên là khó khăn rồi, thể lực đã suy, tinh thần chẳng đủ. Bốn mươi mấy tuổi mới tu là “mất dê mới lo làm chuông”, nhưng có tu vẫn hơn không tu. Chúng tôi thấy cổ nhân thành tựu đều là người trẻ tuổi. Lục Tổ Huệ Năng đại sư của nhà Thiền khai ngộ năm hai mươi bốn tuổi, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho. Hôm qua tôi giới thiệu Trung Phong quốc sư cùng quý vị, năm hai mươi lăm tuổi xuất gia, năm hai mươi bảy khai ngộ, tuổi đều rất trẻ. Thật là đại triệt đại ngộ, thấu triệt nguồn đáy. Đương nhiên, từ truyện ký ta thấy các Ngài chẳng phải là hạng tầm thường, mà là bậc tái lai. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Năm ba mươi tuổi khai ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, chứng đắc Phật quả. Thành Phật rồi bèn khởi đầu công việc hoằng pháp lợi sanh, nói theo cách chúng ta bây giờ là giáo dục, dạy học trong xã hội đa nguyên văn hóa suốt bốn mươi chín năm, mãi cho đến khi viên tịch năm tám mươi tuổi.

Trong bốn mươi chín năm ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật chưa từng nghỉ phép, chưa từng nghỉ ngơi. Vì sao vậy? Đó là chuyện sanh tử đại sự, chẳng phải chuyện tầm thường. Liễu sanh tử, xuất tam giới, làm sao nghỉ ngơi được? Nghỉ một chút, công phu gián đoạn giữa chừng, bèn thoái chuyển. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: “*Cầu học như nghịch thủy hành châu, bất tấn tắc thoái*” (Cầu học như chèo thuyền ngược nước, chẳng tiến ắt lùi). Tu đạo cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, chỉ cần quý vị chẳng tiến, ngay lập tức bị lùi, vĩnh viễn phải tiến lên mới hòng đảm bảo mình chẳng bị thoái chuyển. Phải khắc phục hết thấy phiền não tập khí của chính mình, dùng sức mạnh nào để khắc phục? Điều này trong những lần giảng pháp chúng tôi đã nói rất nhiều: Hiếu học! Nói cách khác là làm thế nào để vun bồi ý nguyện ham học của chúng ta! Ý nguyện ham học mạnh mẽ sẽ chẳng bị thoái chuyển. Ý nguyện ham học mạnh mẽ sẽ dễ khế nhập cảnh giới, thực sự khế nhập, pháp hỷ sung mãn!

Trong sách Luận Ngữ có một câu ý vị vô cùng! “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (tạm dịch: Học rồi thực hành theo, cũng chẳng sướng sao?): SỰ SƯỚNG SƯỚNG ẤY KHIẾN TA QUÊN HẾT TẤT CẢ, gian nan khổ sở nào cũng đều quên hết, cũng chẳng vui sướng sao? Vui sướng gì vậy? Vui sướng học. Các đồng học xuất gia chúng ta, các đồng học học Phật vui nơi Đạo, mùi vị của Đạo so với Học càng nồng đượm hơn. Quý vị học Phật, nghiên cứu giáo pháp mà vẫn chẳng khởi tâm hoan hỷ thì quý vị chưa vào được cửa. Đối với kinh giáo, quý vị là người học tập kinh

giáo, phải sanh lòng hoan hỷ thì quý vị mới vào được cửa. Niệm lạc thú đó, nổi hoan hỷ đó, tất cả hết thấy pháp trong thế gian không gì có thể sánh bằng, đây là cảnh giới tương ứng.

Tôi thấy đầu tiên là tỳ-kheo Cát Tường Vân hành Ban Châu Tam Muội, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, tinh tấn như thế đó; Thiện Tài tham phỏng Ngài đầu tiên, chẳng phải là nhập pháp nào trước hết thì pháp đó là chủ yếu hay sao? Sau đó, lại tham phỏng các thiện tri thức khác, mỗi một vị thiện tri thức tu học pháp môn bất đồng, Thiện Tài đều tham học hết. Chúng tôi lại thấy cuối cùng, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát. mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Quý vị thấy đó: Pháp môn đầu tiên là Niệm Phật, pháp môn cuối cùng là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tôi liền hiểu rõ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Suốt từ đầu đến cuối là niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Do đây, tôi hiểu rõ, không ai giảng cho tôi cả, nhờ kinh Hoa Nghiêm tôi dứt sạch mọi ngờ vực ấy, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiên hư sát đất niệm Phật. Thật chẳng dễ dàng, kinh A Di Đà nói [trì danh niệm Phật] là pháp khó tin, quả thật là khó! Tôi học Phật mười mấy năm mới phát sanh tín tâm đối với Tịnh Độ, mới hiểu được ý nghĩa của tên kinh - **“Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức”**, mới lãnh hội được đôi chút. Thật cảm tạ Thiện Tài, Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát.

“Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, đời nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng”, câu này thật trọng yếu. Đối nghiệp vãng sanh, phẩm vị vãng sanh cũng chẳng phải là thấp lắm. Dầu cho vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ cũng là đốn siêu viên chứng. Trước đây tôi đã thưa cùng quý vị, chúng tôi đọc trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, chính đức Phật nói: Hạ Hạ Phẩm Vãng Sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ tối đa là mười hai kiếp, hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh. Đó là sanh về đâu? Sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm Độ là Địa Thượng Bồ Tát (bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên).

Đối với các pháp môn thông thường, như trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật nói rất nhiều pháp môn khác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Tính từ ngày đó trở đi cho đến khi thành tựu [Phật quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác] phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Quý vị phải nghe cho thật rõ: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp! A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất tu ba mươi địa vị:

Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, ba mươi địa vị [phải tu chứng] trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị, từ Sơ Địa cho đến Thất Địa. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Bởi thế, tu xong ba đại A-tăng-kỳ kiếp sẽ thực sự chứng đắc quả vị gì? Pháp Vân Địa Bồ Tát, rất gần với quả vị rốt ráo, sở chứng của địa vị này là Tịch Diệt Nhân. Pháp Vân Địa là hạ phẩm Tịch Diệt Nhân, Đẳng Giác là trung phẩm Tịch Diệt Nhân, Diệu Giác là thượng phẩm Tịch Diệt Nhân.

Nói “ba đại A-tăng-kỳ kiếp” là từ Sơ Trụ của Viên Giáo cho đến Pháp Vân Địa Bồ Tát, bốn mươi địa vị phải tu mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mang theo nghiệp, đến khi hoa nở thấy Phật, hãy nhớ kỹ tiếp đó là “*ngộ Vô Sanh*”, câu này rất trọng yếu! Ngộ Vô Sanh là gì? Vô Sanh Pháp Nhân là sở chứng của Thất Địa Bồ Tát. Quý vị hãy nghĩ xem, trong thời gian mười hai kiếp ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, Bồ Tát ở các nơi khác phải tu hành hai đại A-tăng-kỳ kiếp, trong khi ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ mất thời gian mười hai đại kiếp, không gì sánh bằng được! Tu hành trong thế giới Tây Phương rất nhanh chóng!

Chúng ta nghĩ xem vì sao họ thành tựu nhanh chóng như thế? Nói theo thuật ngữ trong kinh Phật, họ được “*oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì*”, nâng cao [cảnh giới] thật nhanh. Nếu nói theo cách nói của người thế gian thông tục chúng ta, họ được quang minh của A Di Đà Phật tưới gội, vì sao vậy? Họ là học trò của A Di Đà Phật, chứ còn sao nữa! Quý vị thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, đó là Ngài đã thay mặt cho mười phương ba đời hết thấy chư Phật để tán thán, đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (ánh sáng tôn quý nhất, là vua của các vị Phật). Bởi thế, hết thấy chư Phật, dù các đức Phật đều bình đẳng, địa vị thực sự bình đẳng, trí huệ bình đẳng, đức tướng bình đẳng, nhưng trong sự bình đẳng ấy, có riêng một đức Phật được hết thấy chư Phật tôn kính. Không đức Phật nào chẳng tôn kính A Di Đà Phật, không vị Phật nào chẳng kính ngưỡng A Di Đà Phật. Học trò của A Di Đà Phật được quang minh chiếu đến, bất luận thân cận một vị Phật nào, vì là học trò của A Di Đà Phật nên được đặc biệt chiếu cố, thật là hy hữu!

Phật Di Đà thực sự gia trì kẻ đó, dù phiền não tập khí chưa đoạn, kẻ ấy vẫn có năng lực tham phông mười phương hết thấy Như Lai. Trong kinh không nói nhiều, chỉ nói là tham phông mười phương mười vạn ức Phật; nói như vậy là có dụng ý, dụng ý gì vậy? Tây Phương Cực

Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật. Ý nói: Quý vị đến thế giới Cực Lạc rồi, trở về thế giới này rất dễ dàng, mỗi ngày đều có thể trở về, muốn về là về, dụng ý là đây: Có năng lực như thế đó! Tham phòng chư Phật, đương nhiên quý vị nghe chư Phật thuyết pháp, mở mang trí huệ, chẳng phải là pháp sư tầm thường, mà chính là chư Phật đích thân giảng kinh thuyết pháp cho ta. Quý vị ra đi, đương nhiên cúng Phật, cúng Phật là tu phước báo. Bởi thế, quý vị đến tham phòng chư Phật là phước huệ song tu, hằng ngày tham phòng, còn gì tuyệt hơn! Bởi thế, người ấy tu hành chứng quả chỉ cần mười hai kiếp là thành công. Quý vị tu hành trong mọi cõi Phật khác phải mất hai A-tăng-kỳ kiếp, tu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ mười hai kiếp là thành.

Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, vì sao cũng muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ở đây có hai ý nghĩa:

1) Nghĩa thứ nhất là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu nhanh hơn so với thế giới Hoa Tạng. Trong thế giới Hoa Tạng phải mất một A-tăng-kỳ kiếp, đến thế giới Cực Lạc chỉ cần một hai ngày là thành công, đương nhiên phải về đó.

2) Nghĩa thứ hai là làm gương cho chúng ta thấy. Trong các vị Bồ Tát, chúng ta ngưỡng mộ, sùng bái Văn Thù Bồ Tát. Nghe nói Văn Thù, Phổ Hiền cũng đều phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta còn nói gì nữa, đương nhiên theo gót các Ngài.

Từ đây ta mới thực sự thấu hiểu “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, đời nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng*” là tán thán “*công đức chẳng thể nghĩ bàn*”.

Kinh này là “*nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh*”, tức là kinh được hết thầy chư Phật hộ trì, được hết thầy chư Phật nghĩ tới. “*Hộ*” (護) là hộ pháp! Pháp môn Niệm Phật là đại pháp bậc nhất để hết thầy chư Phật độ chúng sanh, là đại pháp bậc nhất chẳng thể nghĩ bàn! Hết thầy chư Phật tán thán, hết thầy chư Phật tuyên dương, hết thầy chư Phật đều giới thiệu [pháp môn này] cho chúng sanh. Như Thích Ca Mâu Ni Phật vì hết thầy chúng sanh giảng bất luận kinh nào, chẳng cần biết là căn tánh của chúng sanh là giống nhau hay khác nhau, trong những thời điểm khác nhau, có rất nhiều kinh chẳng giảng, nhưng ba kinh Tịnh Độ nhất định phải giảng. Vì sao? Vì ba kinh ấy thích hợp mọi căn tánh, là những kinh điển chư Phật ắt phải giảng, cũng là pháp môn chư Phật nhất định phải giới thiệu với chúng sanh. Nếu căn lành của chúng sanh chín muồi, tin được, nguyện được, hành được, một đời này thành tựu, thỏa

mãn đại nguyện độ chúng sanh của Phật.

Đó là Hộ! Quý vị xem điều thứ hai là “*nhất thiết chư Phật sở hộ*”, đây là hóa tha, “*hoằng hộ Như Lai huệ mạng*” (hoằng dương, gìn giữ huệ mạng của Như Lai).

“*Sở niệm*” là tự hành, “*viên chứng Vô Thượng Bồ Đề*”. Văn Thù, Phổ Hiền không vị nào chẳng nêu gương cho chúng ta xem. Bốn vị đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, đều đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, nay ở trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật thả chiếc bè Từ, họ là cổ Phật tái lai, xuất hiện dưới thân phận Bồ Tát để làm khuôn mẫu, nêu gương, các Ngài đều niệm Phật, đều niệm A Di Đà Phật, trong hội Hoa Nghiêm đều phát nguyện vãng sanh. Bởi thế, hét thả chư Phật sở hộ, sở niệm chẳng hai: Hộ là niệm, niệm là hộ. Nếu hộ nhưng không niệm, hoặc niệm nhưng không hộ thì đều chẳng đúng. Đây chẳng phải là hộ pháp, mà cũng chẳng phải là niệm Phật! Hộ pháp nhất định phải niệm Phật, niệm Phật nhất định phải hộ pháp. Đây là tên gốc của kinh này.

Khi đại sư La Thập dịch kinh này, Ngài đã thay đổi tên kinh, đổi thành “**Phật Thuyết A Di Đà Kinh**”. Dưới tựa đề này, tôi đã chú giải đơn giản là “*thâm khế bốn kinh tông chỉ*” (khế nhập sâu xa tông chỉ kinh này). Vì sao vậy? Kinh này khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, đại sư La Thập thẳng gọn, dùng ngay A Di Đà Phật làm tên kinh, hay lắm, tên kinh tuyệt diệu! Từ việc ngài La Thập đặt tên kinh như vậy, ta biết tâm Ngài từ bi sâu nặng, tâm độ sanh tha thiết.

“*Phật thuyết*”: Thuyết là “*sưống duyệt sở hoài*” (vui thỏa điều mình mong mỏi). Chữ Thuyết (說: nói) thời cổ còn đọc là Duyệt (悅). Quý vị đọc Luận Ngữ có câu: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (學而時習之，不亦說乎). Chữ Duyệt trong câu này là chữ Thuyết (說), sau này mới thêm bộ Tâm đứng bên cạnh thành chữ Duyệt (悅: vui sưống). Thời cổ chữ ít, Thuyết và Duyệt chỉ cùng một chữ, nhưng lúc đọc trở thành hai âm, hai ý nghĩa riêng biệt. Duyệt là hoan hỷ từ bên trong tâm, chẳng phải vui vẻ bề ngoài. Bề ngoài là như lúc gặp rất nhiều bè bạn rất vui sưống thì gọi là Lạc. Còn Duyệt có thể là không có một người nào khác, tự mình cảm thấy rất vui sưống, trong lòng cảm thấy rất sung sưống, vui vẻ thì gọi là Duyệt.

“*Sưống duyệt sở hoài*”: Hoài (懷) là nguyện vọng. Nguyện vọng của Ngài là gì? Nguyện vọng độ cho hết thả chúng sanh mau chóng thành Phật, đây là điều chư Phật Như Lai ưa thích nhất. Nay cơ duyên

chúng sanh thành Phật đã chín muồi. Đã chín muồi rồi thì Phật bèn nói cho chúng sanh pháp môn này, họ sẽ tin được, hiểu được, hành được. Đây là chúng sanh thành thực, cơ duyên thành thực, thiện căn thành thực, “*vị thuyết thử pháp, linh nhất thiết chúng sanh nhất sanh cứu cánh thành Phật cố*” (bèn nói pháp này, khiến cho hết thảy chúng sanh trong một đời rốt ráo thành Phật). Chẳng cần đợi đến đời sau, hễ đời này vãng sanh thì kể như thành Phật, thành Phật rất nhanh. Chúng ta chẳng vãng sanh thì thôi, hễ vãng sanh thì tuyệt đối chẳng thuộc ba phẩm dưới. Vì sao vậy? Ba phẩm dưới tội nghiệp rất nặng! Chúng ta chẳng tạo những tội nghiệp nặng dường ấy, lúc mọi người chúng ta vãng sanh đại khái thuộc ba phẩm Trung, chẳng thuộc ba phẩm Hạ. Ba phẩm Trung vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*hoa khai kiến Phật*”, đại khái là ba bốn kiếp, chẳng cần đến mười hai kiếp, ắt hẳn ba bốn kiếp, năm kiếp là thành Phật, có phải là càng nhanh hơn nữa hay không?

Chư vị đồng học! Xin xem tiếp tựa đề kinh “*A Di Đà Phật*”. Danh hiệu này toàn là dịch âm tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán thì A là Vô, Di Đà là Lượng. Bởi thế, nếu hiểu nghĩa theo tiếng Hán là Vô Lượng. A Di Đà là đức hiệu của bậc đạo sư thế giới Cực Lạc, “*bỉ độ đạo sư đức hiệu, biểu thử pháp bảo vô lượng giác dã*” (đức hiệu của đạo sư cõi ấy, biểu thị pháp bảo này là vô lượng giác). Phật dịch là Giác; bởi thế, A Di Đà Phật dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Lượng Giác. Nghĩa lý và cảnh giới của danh hiệu này nói chẳng cùng, chẳng có ngần mé. Vô Lượng là nói đến tự tánh: Tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ vô lượng, vốn sẵn có đức năng vô lượng, vốn sẵn có tướng hảo vô lượng. Hết thảy những sự vô lượng của mọi thứ vô lượng trong vũ trụ chẳng ra ngoài ba loại lớn kể trên, ba loại trên đây bao gồm hết tất cả. Đây là tự tánh, [A Di Đà Phật là] đức hiệu của tự tánh. Bởi thế, trong phần khai thị, Trung Phong quốc sư nói: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta). Quý vị thấy lời nói đó có đúng hay không? Hoàn toàn chính xác!

Nói thật ra, người thế gian hằng ngày khởi vọng tưởng, mê mất tự tánh, đầu óc chật cứng mong cầu điều gì? Cầu tiền tài! Họ chẳng biết trong A Di Đà Phật có vô lượng của cải, của cải ấy được bao gồm trong tướng hảo, tướng hảo thuộc về phước báo. Trong thế gian có một hạng người, cả đời nỗ lực liềm mạng học nghề, học lấy một kỹ năng, học lấy một môn kỹ hơn nữa, bất cứ kỹ thuật, tài khéo nào cũng đều viên mãn cả, rốt ráo cả! Bữa nay chúng tôi chỉ nói đôi chút. Người thế gian chẳng thể sánh bằng, chín pháp giới cũng chẳng thể sánh bằng. Kể ấy chẳng

cầu nơi tự tánh, lại cầu bên ngoài tâm! Cầu pháp ngoài tâm thì một đời học được bao nhiêu? Rất hữu hạn! Bởi thế, nếu quý vị hiểu được những ý nghĩa bao hàm trong danh hiệu A Di Đà Phật, quý vị sẽ bất tri bất giác bị nhiếp thọ, nói theo cách bây giờ là chúng ta bị Ngài hấp dẫn, nhà Phật gọi là “*nhiếp thọ hết thầy chúng sanh*”.

Chữ cuối cùng trong tựa đề là “**Kinh**”. Kinh (經) là tiếng Hán, cổ Ấn Độ gọi là Tu Đa La, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Khế Kinh. Khế (契) là trên phù hợp với lý chur Phật đã chứng, dưới phù hợp với căn cơ chúng sanh được độ. Đây là ý nghĩa được bao hàm trong kinh điển Phật giáo, vì thế gọi là Khế Kinh.

Điều thứ hai “*hựu cụ quán, nhiếp, thường, pháp*” (lại còn đủ các nghĩa: Quán, Nhiếp, Thường, Pháp). Đây là cách các pháp sư thường dùng nhất, dùng bốn chữ trên đây để giải thích chữ Kinh.

“*Quán*” (貫) là “*quán xuyên*” (貫穿: xuyên suốt). Một bản kinh văn bất luận dài ngắn, chương pháp, kết cấu, ý tưởng được hệ thống hết sức nghiêm chỉnh. Nhìn từ chỗ nào? Quý vị thấy trong Phật pháp có thể loại Khoa Phán (科判). Khoa Phán là nghiên cứu kết cấu chương pháp của kinh, kinh có thứ tự từng điều, chẳng lộn xộn. Văn chương đạt đến mức tuyệt diệu, chẳng thể thêm một chữ, thêm một chữ thì sao? Dư quá, không cần thiết. Chẳng thể bớt một chữ, bớt một chữ là đứt đoạn, chẳng liên tục. Văn chương đạt đến mức ấy, quả là văn chương bậc nhất, kinh Phật là như vậy đó.

Trong văn chương của cổ nhân Trung Quốc, [tác phẩm] văn chương nào hay thì cũng đúng là như thế. Phổ biến nhất, được mọi người thích đọc nhất là sách Cổ Văn Quán Chi, đây là bản hợp tuyển tinh tế của những bản văn chương hay trứ danh trong hơn hai ngàn năm của Trung Quốc, gồm hơn ba trăm thiên. Đây là những tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc, thiên nào cũng đều là những áng văn chương hay, đều có thể dùng phương pháp Khoa Phán của kinh Phật để phân tích thật mạch lạc. [Những thiên văn chương ấy] thứ tự phân minh, dùng phương pháp Khoa Phán liền phán định được. Lại xem văn chương, sách vở của người hiện tại viết, văn chương trong tạp chí, báo chí, nếu dùng Khoa Phán, sẽ phán định chẳng ra. Từ đây quý vị mới hiểu rõ văn chương rốt cục là hay hoặc dở thì tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn nằm ở chữ Quán, có phải là từ đầu đến cuối hoàn toàn xuyên suốt hay không, khoa phán xuyên suốt hay không!

Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm. Khoa phán và biểu giải của kinh

Hoa Nghiêm là cả một cuốn sách to! Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm to lớn dường ấy, nhưng nó có mạch lạc, có thứ lớp, chẳng loạn một điểm nào. Kinh lớn nhất trong những bộ kinh Phật là kinh Đại Bát Nhã, gồm sáu trăm cuốn, có khoa phán hay chẳng? Có! Khoa phán gồm mấy chục cuốn, tôi đã từng thấy qua, cũng là dùng biểu đồ vẽ ra, công sức của cổ nhân thật phi thường. Bởi thế, quý vị đồng học muốn học giảng kinh thì quan trọng nhất là phải biết lập khoa phán. Quý vị nắm chắc được một bộ kinh, có thể nắm từ đầu đến cuối là nhờ biểu giải¹⁴; chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy. Thông đạt kết cấu, chương pháp trên mặt văn tự, ắt hẳn cũng thông đạt nghĩa lý, chẳng bị giảng lầm. Trước kia tôi học kinh giáo ở Đài Trung, thầy Lý Bình Nam thường bảo chúng tôi: “*Khoa Phán là một môn học vẫn chẳng thể không hiểu*”. Bắt đầu học bằng cách nào? Bắt đầu bằng việc học theo người khác. Tôi học Khoa Phán tại thảo am của pháp sư Sám Vân. Pháp sư Sám Vân (tôi ở thảo am của Ngài năm tháng rưỡi) giao cho tôi ba cuốn sách, A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư, A Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, và A Di Đà Kinh Viên Trung Sao của U Khê đại sư, đều là ba tác phẩm chú giải kinh A Di Đà đầy thâm quyền trong lịch sử.

Trong bản chú giải Sớ Sao có khoa phán, đại sư phân chia rất kỹ, nhưng dùng Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân¹⁵ để phân chia. Đương nhiên, nếu đọc cổ thư đã quen thì chẳng có vấn đề gì, đã hiểu rõ rồi, nhưng đối với người hiện thời thì rất khó khăn! Bởi thế, pháp sư Sám Vân dạy tôi vẽ thành biểu giải (biểu đồ). Cách vẽ biểu giải là như thế nào? Theo cách của Hoàng Nhất đại sư. Hoàng Nhất đại sư soạn rất

¹⁴ Biểu giải là chia nội dung của một văn bản thành những đoạn (gọi là khoa mục), lập tựa đề cho từng đoạn (khoa đề) nhằm nói lên những ý nghĩa chính của đoạn đó, rồi vẽ thành biểu đồ. Nói cách khác, lập “biểu giải” trong khoa phán giống như lập một sườn bài ghi những chủ đề chính yếu cho một văn bản, nhằm thể hiện kết cấu của văn bản ấy. Nhìn vào biểu giải, người giảng kinh sẽ dễ dàng nắm được ý nghĩa của toàn bộ bản kinh cũng như tùy ý nói rộng hay hẹp mà không sợ lạc đề, quên mất ý chính. Để lập biểu giải, phải nghiên ngẫm ý kinh, tìm ra được những ý tưởng chính yếu trong từng đoạn cũng như ý chính tổng quát của bản kinh, nên lão pháp sư mới nói: “*Chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy*”.

¹⁵ Đây là cách phân đoạn bản chú giải thuở xưa. Chẳng hạn phân đoạn thứ nhất là Giáp, trong phân đoạn đó có ba đoạn nhỏ, thì mỗi đoạn nhỏ được đánh số là Ất. Trong mỗi đoạn Ất, lại chia thành nhiều ý nhỏ thì mỗi ý nhỏ được đánh số là Bính v.v...

nhiều chú sớ, đều có vẽ biểu đồ. Pháp sư Sám Vân dạy tôi dùng phương thức đó, dựa theo phương thức đó để vẽ biểu giải của ba bản chú giải. Vẽ xong biểu giải rồi, tôi vui sướng khôn cùng, vì sao? Ý nghĩa của kinh vừa nhìn liền thấy rõ rệt ngay, hết thấy đều rõ ràng. Sau này, đến Đài Trung Học với thầy Lý, cách này rất hữu ích. Học kinh giáo với thầy Lý mấy năm, chính tôi soạn được mấy bộ khoa phán, rất đáng tiếc là dọn nhà trong nhiều năm như thế, lúc dọn nhà đi các nơi, những bản ấy bị mất hết.

Bản khoa phán của bộ kinh dài nhất tôi viết bằng bút lông, hình như viết hơn bốn mươi trang giấy, mỗi trang mười hàng, đó là khoa phán của kinh Phật Thuyết Vị Tăng Hữu Nhân Duyên, kinh này gồm hai quyển. Bản khoa phán ấy soạn rất tỉ mỉ, gần như câu nào cũng chia nhỏ ra, chia thành từng tầng lớp gần như hơn hai mươi tầng. Phối hợp cả Thiên Can lẫn Địa Chi¹⁶ thành hai mươi hai chữ vẫn không đủ; tôi phải dùng số Ả Rập¹⁷, dùng mẫu tự Anh văn. Tôi nhớ hình như đến hơn hai mươi tầng. Khoa Phán là giải thích kinh; vì thế, nếu quý vị biết sử dụng Khoa Phán, biết viết Khoa Phán, tự mình soạn được Khoa Phán thì quý vị thông đạt được kinh ấy, hiểu rõ ý nghĩa chính. Sớ và Sớ Sao nhằm giải thích ý nghĩa một đoạn, một câu kinh nào đó, còn giải thích toàn bộ bản kinh là khoa phán.

Sau khi nền học vấn Phật pháp được truyền đến Trung Quốc, Nho Gia có lối học chương cú; thật ra, có người nói cách học chương cú là học theo cách lập Khoa Phán của Phật pháp. Chúng tôi biết rõ cách

¹⁶ Thiên Can là Giáp, Ất, Bính, Đinh v.v... Địa Chi là Tý, Sửu, Dần, Mão v.v... Can có nghĩa là thân chính, Chi là cành nhánh. Cách đánh số thứ tự này được đặt ra từ nhà Hạ. Có nhiều cách giải thích tên gọi của Thiên Can, phổ biến nhất là dựa theo ý nghĩa chu kỳ sinh trưởng của thực vật, chẳng hạn Can là vừa nứt mầm, Ất là mầm cây trồi lên khỏi mặt đất, Bính là tăng trưởng là mạnh mẽ, cho đến Tân là hạt đã chín rơi xuống, chuẩn bị cho chu kỳ sinh trưởng kế tiếp, Nhâm là cây bắt đầu suy kiệt, Quý là cây tàn lụi, vùi trở lại trong lòng đất. Địa Chi là cách chia quỹ đạo vận hành của Mộc Tinh (sao Jupiter) thành 12 cung, họ gọi Mộc Tinh là Tuế Tinh (ngôi sao chỉ sự vận hành của một năm), tương ứng với chu kỳ vận hành của Mộc Tinh trong 12 năm. Để dễ nhớ, họ gán mỗi cung cho một con vật. Dần dà Thiên Can, Địa Chi được phối hợp với Âm Dương Ngũ Hành, vận dụng trong bói toán, mang nhiều ý nghĩa rắc rối phức tạp hơn là những ký hiệu để ghi nhớ năm tháng như thuở đầu.

¹⁷ Số Ả Rập (Arabic numeric system): tức những số 1, 2, 3, 4... ta thường dùng hiện tại. Gọi là số Ả Rập vì hệ thống này do người Ả Rập truyền vào châu Âu. Trước kia, châu Âu chỉ biết dùng số La Mã.

phanh âm (pinyin) của Trung Quốc đúng là học từ Hoa Nghiêm tự mẫu¹⁸ mà ra, bởi lẽ Phạm văn là phanh âm (có nghĩa là mỗi chữ Phạm được ghép bằng các mẫu tự). Đây là nói về sự ảnh hưởng của kinh Phật đối với văn học Trung Quốc, [Phật pháp đã] trao truyền rất nhiều chỉ dạy hữu ích cho các văn học gia Trung Quốc khiến cho họ có những phát minh. Chữ Quán là xuyên suốt, tức là văn chương đến mức hay khéo, ba chữ sau không có nghĩa như vậy.

“*Nhiếp*”(攝) là gì? Là nhiếp thọ, chữ này không dễ hiểu cho lắm. Chúng tôi nói theo cách thông tục là “có sức hấp dẫn”. Kinh có sức hấp dẫn hết sức mạnh mẽ, thu hút quý vị khiến quý vị chẳng bỏ được. Tôi cũng hiểu điều đó. Khi tôi học Tiểu Học, tôi nhớ lúc học lớp Bốn Tiểu Học, bắt đầu đọc tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc. Những tác phẩm trứ danh trong loại tiểu thuyết chương hồi như Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện, tôi bắt đầu đọc năm lớp Bốn. Chúng rất hấp dẫn! Xem tới đêm chẳng muốn ngủ; coi hồi thứ nhất lại muốn xem tiếp hồi thứ hai. Đến năm đầu cấp Sơ Trung (Trung Học đệ nhất cấp), trong bốn năm ấy, những truyện tiểu thuyết chương hồi cổ của Trung Quốc tôi đã đọc hết, tôi có căn bản về quốc văn là nhờ các tiểu thuyết đó.

Trong đó, những tác phẩm hay, thực sự hay, đúng là cổ nhân đánh giá không sai, có bốn bộ lớn là Tam Quốc Diễn Nghĩa, Hồng Lâu Mộng, Tây Du Ký và Thủy Hử Truyện. Bốn bộ tiểu thuyết lớn này, tôi thiếu đọc bốn lần, đọc từ đầu đến cuối bốn lần, tôi đa là xem mười mấy lần, đọc từ đầu đến cuối mười mấy lần. Đọc như cháo rồi, từ đây về sau tốc độ đọc rất nhanh, chúng có sức hấp dẫn rất mãnh liệt như thế đó, nhưng chỉ như thế nào? Nhiều nhất là đọc chừng mười lăm lần, đọc hết mười lăm lần, sau đó không muốn đọc lại nữa! Sức hấp dẫn của chúng đến đó thôi, không còn muốn xem lại nữa!

Kinh điển của cổ nhân có sức nhiếp thọ. Như Tứ Thư đó, quý vị thấy mình từ nhỏ đã đọc Tứ Thư, đại khái là ở trường tư, trẻ nhỏ độ chừng mười tuổi phải học Tứ Thư, đọc đến già vẫn càng đọc thấy thú vị tràn trề. Sức nhiếp thọ của bốn tác phẩm văn học chẳng thể sánh bằng Tứ

¹⁸ Phanh âm (hay còn đọc là bình âm) là một cách phiên âm tiếng Quan Thoại bằng hệ thống ký hiệu (người Hoa còn gọi nó là “chú âm phù hiệu”) cũng như dùng mẫu tự Latin để ghi âm, chẳng hạn như chữ “phóng hạ” (buông xuống) trong tiếng Hán Việt, âm Quan Thoại được ghi là fāng xià. Hoa Nghiêm tự mẫu tức là 42 chữ cái của Phạm văn (Tất Đàm văn tự - Siddham Sankrit), mỗi một chữ được kinh Hoa Nghiêm giảng tương ứng với một pháp môn giải thoát.

Thư. Sức nhiếp thọ của bốn tác phẩm [tiểu thuyết chương hồi] lớn tính hết mức không quá hai mươi lần. Nếu quý vị đọc một bộ sách từ đầu đến cuối hai mươi lần, đọc hai mươi lần xong, tôi tin rằng quý vị chẳng thể xem lại nữa, quá đủ rồi! Nhưng một bộ Tứ Thư này đọc cả trăm lần chẳng chán! Sức nhiếp thọ của Phật pháp thực sự lớn lao, trong kinh từng nói từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, đời đời kiếp kiếp, thời gian ấy phải tính bằng A-tăng-kỳ kiếp, vĩnh viễn chẳng chán. Nhiếp là có sức thu hút như thế đó.

“*Thường*” (常) nghĩa là những đạo lý được nói trong kinh đều là chân lý vĩnh hằng, quyết định chẳng bị hạn chế bởi thời gian hay không gian. Sách vở thế gian chẳng thể đạt được như vậy. Sách vở thế gian, dầu là trước tác của thánh nhân, vẫn bị hạn cuộc trong một khu vực, trong một giai đoạn, chỉ hữu hiệu trong lúc đó thôi. Có rất nhiều tác phẩm cổ xưa của Trung Quốc thực sự chẳng còn hiệu quả trong thời hiện đại nữa, hiệu quả thời gian đã mất rồi! Những trước tác thực sự của thánh nhân, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, về mặt tinh thần đúng là siêu thời gian, siêu việt không gian, nhưng những nguyên tắc được nhắc đến trong những tác phẩm đó có những điều cần phải tu chỉnh trong thời đại hiện tại vì chẳng còn thích hợp với thời hiện tại nữa!

Phật pháp không như vậy, Phật pháp vĩnh hằng bất biến, thật chẳng thể nghĩ bàn, siêu việt thời gian, siêu việt không gian. Khi xưa, lúc tôi mới học Phật, đối với Phật pháp hết sức ngưỡng mộ, yêu thích, nhưng vẫn còn nghi hoặc. Vấn đề nghi hoặc lớn nhất là Giới Luật. Chương Gia đại sư thấy rõ điều này. Vì sao tôi nghi hoặc? Tôi nói những đạo lý được giảng trong kinh Phật hay lắm, thực sự đáng nên tán thán, yêu thích vô cùng; nhưng Giới Luật là khuôn mẫu để sống. Chúng ta biết nếp sống Trung Quốc khác với ngoại quốc; người đời nay chẳng giống người thời xưa. Tôi thấy, tôi hiểu có nhiều phương thức sinh hoạt, điển chương¹⁹, chế độ thời cổ đối với thời đó thì được, nhưng chẳng thể áp dụng cho hiện thời. Quan niệm như vậy biến thành thứ gì? Biến thành chấp trước rất cứng chắc.

Tôi học Phật, chẳng thể học làm cổ nhân! Lẽ nào người đời nay học làm người thời cổ, mà lại người ngoại quốc thời cổ? Phật là người Ấn Độ, nay chúng ta làm người Ấn Độ thời cổ còn ra thể thống gì? Nói cách nào cũng chẳng thông! Bởi thế, đối với Giới Luật tôi rất lãnh đạm,

¹⁹ Điển chương là danh xưng để gọi chung tất cả những quy định, pháp lệnh, sắc lệnh trong một triều đại.

đôi với kinh luận thì tỏ ra hứng thú rất nồng hậu. Khi đó, mỗi Chủ Nhật tôi được gặp Chương Gia đại sư một lần, gần như luôn nghe Ngài hữu ý hoặc vô ý dùng một câu cảnh tỉnh tôi: “*Giới Luật rất trọng yếu*”. Bởi thế, sau khi lão nhân gia vãng sanh, tôi ở bên lò thiêu Ngài; lò thiêu ấy chỉ dành riêng cho mình Ngài sử dụng, tôi dựng lều tranh ở đó suốt ba ngày. Trong ba ngày, ba đêm tôi suy nghĩ, tôi theo thầy học ba năm, Ngài dạy tôi những gì? Không nghĩ đến thì thôi, chứ nghĩ đến thì ấn tượng sâu đậm nhất là câu “*Giới Luật rất trọng yếu*”.

Tôi nghĩ không ra; thật ra, tôi rất coi nhẹ chuyện đó, rất xem thường, bị Ngài nhìn thấy được, Ngài dùng câu đó đánh thức tôi. Nếu Ngài không viên tịch, tôi chẳng phản tỉnh, chẳng nhận biết được điều ấy. Ngài khuất núi rồi, tôi mới phản tỉnh, nhận biết điều ấy, tôi cho rằng nhất định phải có đạo lý. Bởi thế mới giờ xem giới luật, nhờ đó, đột nhiên hiểu ra. Trung Quốc nói đến Lễ, Nho Gia nói đến Lễ, chính là pháp thế gian. Pháp thế gian lễ nhạc của Tam Đại (ba vương triều) khác nhau; Hạ, Thương, Châu không giống nhau. Qua khắp các đời sau đó, lễ nhạc đều phải đặt mới, phải cải cách, phải tu chỉnh, đều đổi mới quy chế; giống như luật pháp cận đại, ngay cả hiến pháp của quốc gia, cứ bao nhiêu năm đó lại phải tu chỉnh một lần; nếu không tu chỉnh thì sao? Không tu chỉnh sẽ không thích hợp với nhu cầu của mọi người trong hiện thời; bởi thế, pháp luật phải luôn tu chỉnh.

Chúng ta thành lập một tổ chức nhỏ, tôi lập Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ở Đài Bắc, chúng tôi có chương trình và nguyên tắc làm việc chi tiết. Đối với chương trình và nguyên tắc làm việc chi tiết, nhất là nguyên tắc làm việc chi tiết, cứ mỗi nửa năm chúng tôi lại phải kiểm thảo, tu chỉnh một lần; còn chương trình thì mỗi năm phải kiểm thảo một lần, tu chỉnh thường xuyên. Bởi thế, chương trình, nguyên tắc làm việc chi tiết của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội rất kiện toàn, vì sao? Tu chỉnh hơn mười mấy lần, rút kinh nghiệm khiến cho chúng rất hoàn chỉnh. Những thứ này là pháp thế gian, vì thế phải tu chỉnh theo thời gian, theo địa phương. Do nghĩ Phật pháp là pháp xuất thế gian, chẳng phải pháp thế gian, từ đây tôi bèn nghĩ thông suốt. Giới Luật là ranh giới phân chia giữa pháp thế gian và xuất thế gian, nó chẳng phải là pháp thế gian. Nếu quý vị muốn siêu việt thế gian, muốn siêu việt luân hồi lục đạo, siêu việt mười pháp giới thì Giới Luật rất hữu dụng.

Giới Luật là khuôn phép tu hành bao nhiêu kiếp của chư Phật, Bồ Tát, là khuôn phép để thoát khỏi luân hồi lục đạo, là khuôn phép vượt khỏi mười pháp giới, chẳng phải là khuôn phép để sống bình thường; bởi

thế, chẳng thế sửa đổi Giới Luật được! Đặc biệt là Ngũ Giới, quý vị nói Ngũ Giới có đổi được hay không? Chẳng sát sanh, quý vị có thể nói là sai hay không? Chẳng trộm cắp, tại gia chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, không thay đổi được! Có đổi cũng không được. Mấy đại giới mang tánh nguyên tắc ấy đúng thật là siêu việt không gian, siêu việt thời gian, làm sao thay đổi được? Pháp ấy là Thường, đó là Thường.

“*Pháp*” (法) là pháp tắc, nay ta gọi là nguyên lý, nguyên tắc. Bởi thế, trong pháp thế gian tìm chẳng ra Thường và Pháp, chỉ riêng Phật pháp mới có. Phật pháp vĩnh hằng, dù pháp thế gian biến đổi thế nào, Phật pháp vẫn bất biến. Đó là bốn chữ mọi vị giảng kinh thường dùng để giảng ý nghĩa chữ Kinh.

Tiếp đó là câu: “*Chư đa diệu nghĩa như Hoa Nghiêm Sớ thuyết*” (Các diệu nghĩa khác như Hoa Nghiêm Sớ nói). Trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, Thanh Lương đại sư dùng mười phương thức để giải thích chữ Kinh này. Quán - Nhiếp - Thường - Pháp là bốn cách; Ngài dùng mười cách giải thích, giải thích chữ Kinh rất tỉ mỉ, thấu triệt nhất, không chi hơn được Hoa Nghiêm Sớ Sao. Khi trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đã từng nói qua, đó là việc đã lâu lắm rồi. Trong tương lai có thể tôi muốn giảng một lần nữa, giảng gì? Giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Khi tôi khai giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm vẫn phải giảng đề mục kinh và huyền nghĩa; bởi thế, sẽ còn có cơ hội giới thiệu tường tận.

Đã giới thiệu tựa đề Phật Thuyết A Di Đà Kinh cùng quý vị xong; dưới đây là kinh văn, nay chúng ta xem kinh văn, đoạn thứ nhất của kinh văn là từ đoạn:

6.2. TỰ PHẦN

Như thị ngã văn:

Nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà.

Như thị đẳng chư đại đệ tử, tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích

Đề Hoàn Nhân đấng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

如是我聞。一時佛在舍衛國。祇樹給孤獨園。與大比丘僧。千二百五十人俱。皆是大阿羅漢。眾所知識。長老舍利弗。摩訶目犍連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶俱絺羅。離婆多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅睺羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩訶劫賓那。薄拘羅。阿[少/兔]樓駄。如是等諸大弟子。並諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。與如是等諸大菩薩。及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

Cho đến đoạn sau đây:

Nhĩ thời, Phật cáo Trưỡng Lão Xá Lợi Phát:

- *Tùng thị Tây phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.*

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

Đối với đoạn kinh này, Ngẫu Ích đại sư phán định từ đầu cho đến đây là Tự Phần. Liên Trì, Ngẫu Ích, U Khê mỗi vị phân đoạn khác nhau, mỗi vị có cách hiểu riêng. Hôm nay tôi giới thiệu [kinh A Di Đà] cùng quý vị bèn dùng những điều tôi đã giảng trong Di Đà Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo (Báo cáo những điều nghiên cứu, học tập từ tác phẩm Di Đà Yếu Giải) là tác phẩm giảng nghĩa tôi đã soạn, thừa dịp này ôn tập cùng các đồng học một lượt.

Trong đoạn này, tôi đặt một tiêu đề nhỏ “*kinh tự đích khái thị*” (khái thị về tựa đề kinh). Trong phần này, trước hết là giải thích danh nghĩa, tức là giải thích ý nghĩa của danh từ, thuật ngữ. Chữ “*nhu thị*” biểu thị ý nghĩa tín thuận, “*ngã văn*” biểu thị sự thừa (sự truyền thừa từ thầy sang trò); “*nhất thời*” biểu thị cơ cảm (căn cơ cảm ứng), “*Phật*” là giáo chủ, “*Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*” là xứ sở. Cả một đoạn từ “*Xá Lợi Phát*” cho đến “*chư thiên đại chúng câu*” nói đến thánh chúng (những người đến nghe pháp). Đó là “*lục chủng thành tựu*” (sáu món thành tựu) mở đầu kinh Phật, giống như biên bản buổi họp trong

hiện tại, ghi lại thời gian, địa điểm, những người tham dự, ai là chủ tịch, phần đầu biên bản hội nghị luôn có những khoản đó. Kinh Phật cũng vậy, đề thủ tín cùng đời sau kinh này chẳng phải là ngụy tạo, mà thực sự là do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói.

6.2.1. Thông Tự

6.2.1.1. Giới Thiệu Khái Lược Lục Chung Thành Tự

Câu đầu tiên của kinh là “*nư thị ngã văn*”; do khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, lão nhân gia dạy dỗ toàn là ngôn thuyết, chẳng dùng văn tự, giống Khổng Tử của Trung Quốc. Sách của Khổng Tử đứng là sau khi Khổng lão phu tử đã qua đời, học trò đem những lời thầy thường răn dạy ghi lại, mọi người cùng nhau biên tập thành. Một đời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp, giảng rất nhiều; sau khi Phật diệt độ, đồ đệ đa văn bậc nhất, người học trò có ký ức tốt nhất là tôn giả A Nan. Trong tất cả đồng học, A Nan có trí nhớ tuyệt hảo, nghe một lần ghi nhớ vĩnh viễn, cũng là một thiên tài, không phải ai cũng có khả năng như thế.

Lúc tôi còn đi học, năng lực ra sao? Tôi cũng là một kẻ nghe nhiều nhớ dai. Tôi nghe một lần có thể nhớ được chín mươi lăm phần trăm, tôi có năng lực đó; bởi thế, kêu tôi nhắc lại là chuyện dễ dàng, chẳng khó khăn gì; nhưng tôi thua ngài A Nan rất xa! Ngài A Nan một đời chẳng quên, tôi nhớ nhiều lắm là được một tuần, chừng một tuần sau quên mất quá nửa, một tháng sau khỏi tính nữa. Hiệu quả nhất là trong vòng một tuần, đã gọi là “nhớ dai”. Là học trò cũng có điều hay, hay ở chỗ nào? Đối phó với chuyện thi cử khá dễ dàng; nhưng cũng có chỗ tệ, tệ là chẳng đọc sách. Đối phó với thi cử quá đơn giản, trước giờ thi cho tôi mười phút, tôi ôn lại bài vở một lượt, chắc chắn sẽ đạt, chắc chắn như thế. Vì thế, tôi dùng tất cả thời gian làm gì? Xem tiểu thuyết. Bởi thế, trong bốn năm, tiểu thuyết Trung Quốc khoảng chừng đâu một hai trăm bộ tôi đọc sạch, tốc độ xem cũng nhanh, thực sự cũng có thể nhớ lâu.

Tôn giả A Nan đảm trách nhiệm vụ trùng tuyên. Tôi đã thừa cùng quý vị rồi đó, nếu không lâu hơn một tuần, tôi có thể nhắc lại những gì thầy đã giảng không sai mấy. Tôi chẳng thêm thắt ý mình, thầy giảng thế nào, tôi nói như thế đó, trong vòng một tuần chẳng có vấn đề gì, tôi thiếu nhắc lại được chín mươi lăm phần trăm, tôi có năng lực ấy. Ngoài ra, tôi cũng có khả năng hiểu rất tốt, có ngộ tánh, đó là điều kiện chẳng thể thiếu để học kinh giáo. A Nan rất lợi hại, quý vị thấy đức Phật thuyết

pháp bốn mươi chín năm, những gì giảng trong bốn mươi chín năm trước Ngài nhớ kỹ, thật phi thường, chẳng thể không khiến người ta [bội phục] năm vóc sát đất. Ngài lên đài nhắc lại, đem những lời Phật đã giảng khi trước như thế nào thành thực nói ra, chẳng thêm vào một câu. Tôi nghĩ rất có khả năng bị thiếu mấy câu, sức ký ức của Ngài rất mạnh!

[Những lời A Nan nói] được các đồng học thẩm tra, chấp nhận, thính chúng là ai? Năm trăm vị đại A La Hán, đều là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật. Họ đến nghe, nghe xem A Nan có nói sai hay không. Nói không sai! Chỉ cần một cá nhân nêu nghi vấn là đoạn đó bèn bị gạt bỏ. Năm trăm vị, vị nào cũng đồng ý, chép xuống, tạo thành kinh điển. Bởi thế, đầu kinh ghi “*nư thị ngã văn*”.

“*Nư thị*” là lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã nói như thế. “*Ngã*” (我) là tôn giả A Nan tự xưng, đích thân tôi nghe đức Phật nói, chẳng phải nghe qua người khác. Ở đây, chúng ta phải hiểu, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật hai mươi năm rồi A Nan mới xuất gia, A Nan sanh đúng ngày Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo. A Nan xuất gia năm hai mươi tuổi. Trong hai mươi năm ấy, Phật giảng không ít kinh. Quý vị coi những điều ghi chép về sự giảng kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật thì sau khi thị hiện thành đạo, tại vườn Lộc dã độ năm tỳ-kheo, bắt đầu giảng kinh. Giảng Tiểu Thừa, giảng A Hàm mười hai năm. Giảng A Hàm mười hai năm xong bèn giảng Phương Đẳng tám năm, cộng thành hai mươi năm. Nói cách khác, A Nan chưa từng nghe A Hàm, Phương Đẳng. A Nan đích thân bắt đầu nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh là nghe những gì? Nghe Bát Nhã. Bát Nhã giảng hai mươi hai năm, Pháp Hoa - Niết Bàn tám năm, cộng thành ba mươi năm. A Nan nghe được [những kinh Phật giảng trong] ba mươi năm sau, hai mươi năm trước không được nghe, làm sao kết tập?

Trong kinh điển có một câu chuyện, quý vị phải hiểu rõ. Thích Ca Mâu Ni Phật độ A Nan xuất gia, A Nan nêu điều kiện: Tôi thích kinh giáo, những kinh nào Phật đã thuyết trước kia, xin Ngài vì tôi nhắc lại một lượt. Thích Ca Mâu Ni Phật chấp thuận. Bởi thế, kinh A Hàm, Phương Đẳng trong hai mươi năm A Nan chưa từng nghe qua, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng lại một lượt. Nói cách khác, bốn mươi chín năm dạy dỗ của đức Thế Tôn, A Nan được nghe rất hoàn chỉnh, khác nào chẳng thiếu một buổi học nào. Bởi thế, tôn giả A Nan là người truyền Phật pháp, chúng ta phải tin tưởng.

Ngoài ra, còn có thuyết nói A Nan là bậc đại quyền thị hiện đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, lẽ nào chẳng thông đạt

đạo lý! Điều này cũng hợp lý, đây là nói theo mặt Lý, nói như trên là nói theo mặt Sự, Lý - Sự đều thông suốt. Bởi thế, đức Phật dạy A Nan mai sau kết tập kinh điển, câu đầu tiên là “*nhu thị ngã văn, nhất thời Phật tại thậm ma địa phương*” (Chính tôi nghe như thế này: Một thời đức Phật tại chỗ nào đó), đoạn kinh này là do đức Phật dạy A Nan nói như vậy.

Thăng tòa giảng kinh được Phật lực gia trì, A Nan lên tòa trùng tuyên, người nghe ở dưới thấy A Nan được Phật gia trì, giống như đức Phật, bởi vậy có kẻ hoài nghi: “Chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni trở lại hay sao?” Có người nói: “Không phải đâu, A Nan thành Phật rồi!” A Nan vừa nói “*nhu thị ngã văn*”, mỗi nghi hoặc ấy của đại chúng không còn nữa, tôn giả A Nan chỉ nhắc lại mà thôi!

“*Nhất thời*”: Vì sao chẳng chép là năm, tháng, ngày, lại nói “*nhất thời*” (một thời). “*Nhất thời*” là nói thật, nếu ghi năm, tháng, ngày thì năm, tháng, ngày là giả, vì sao? Ấn Độ thời ấy chưa thống nhất, năm tháng mỗi quốc gia khác nhau. Việc ấy ở Trung Quốc cũng có. Đền hiện tại, mọi người trên thế giới đều dùng dương lịch, chúng ta gọi là Công Nguyên. Hiện thời chánh phủ Trung Quốc cũng dùng Công Nguyên, nhưng tại Đài Loan dùng Dân Quốc, năm nay là năm Dân Quốc 92, Công Nguyên là năm 2003, không giống nhau. Tại Nhật Bản dùng niên hiệu Bình Thành (Heisei)²⁰, lại khác nữa! Lịch pháp Hồi giáo²¹ của thế gian cũng khác. Như vậy, trên địa cầu này cho đến hiện tại, lịch pháp vẫn chưa thống nhất, quý vị muốn ghi lại năm, tháng, ngày, giờ rất phiền phức, chẳng dễ tra cứu!

Huống chi thời gian là khái niệm trừu tượng, “*nhất thời*” là đúng, thầy trò đạo hợp, cơ duyên chín muồi thì gọi là “*nhất thời*”. Ý nghĩa chữ “*nhất thời*” giống với ý nghĩa chữ Kinh trong Khế Kinh, cơ cảm tương

²⁰ Bình Thành là niên hiệu của vua Nhật hiện tại (Minh Nhân thiên hoàng - Akihito), được sử dụng kể từ năm 1989 (Bình Thành nguyên niên). Theo hoàng gia Nhật, niên hiệu này xuất phát từ phần Ngũ Đế Bản Kỷ sách Sử Ký Tư Mã Thiên: “*Phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu, bình nội, ngoại thành*” (Cha có nghĩa, mẹ nhân từ, anh nhường nhịn, em cung kính, con hiếu thảo, trong bình yên, ngoài thành tựu).

²¹ Lịch Hồi Giáo (At-taqwīm al-hijrī) là âm lịch, cách tính toán rất phức tạp. Mỗi năm có 354 hoặc 355 ngày, chia thành 12 tháng. Năm thứ nhất trong lịch Hồi giáo là năm 622, tức năm giáo chủ sáng lập đạo là Muhammad (Mohamed) và bảy tôi là Abu Bakr phải bỏ trốn từ Mecca sang Medina nhằm tránh né một cuộc mưu sát (cuộc lưu vong này thường được gọi là Hijra trong sử Hồi Giáo). Cách tính của lịch Hồi Giáo rất phức tạp, tháng quan trọng nhất là tháng Chín (Ramadan), tức mùa chay, tín đồ Hồi Giáo phải nhịn ăn từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn trong suốt tháng ấy.

ứng, thời tiết nhân duyên chín muồi, giảng đúng lúc đó mới phát sanh hiệu quả.

A! Bây giờ đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 05

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ nhất kinh A Di Đà, từ “*như thị ngã văn*” đến “*kim hiện tại thuyết pháp*”. Trong phần tiêu chú, đoạn thứ nhất là giải thích danh nghĩa, tức là giải thích danh từ, thuật ngữ.

“*Như thị ngã văn*”, “*như thị*” là Tín Thành Tụ. “*Ngã văn*” là Văn Thành Tụ, cũng là sư thừa. “*Nhất thời*” là Thời Thành Tụ. Phật là Chủ Thành Tụ, đây là người chủ giảng. “*Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*” là Xứ Sở Thành Tụ, giảng tại địa phương nào. “*Xá Lợi Phất*”, toàn bộ đại chúng là Thính Chúng Thành Tụ. Giống như cách thức ghi biên bản hội nghị, dưới đây tôi sẽ trình bày giản lược từng điều cùng quý vị.

6.2.1.2. Giảng về Tín Thành Tụ

Trước hết giải thích hai chữ Như Thị. “*Thật tướng diệu lý, cổ kim bất biến*” (Lý mâu Thật Tướng, xưa nay chẳng đổi) đó là Như. Trước hết, chúng tôi nói hai câu này. Chúng ta thường gọi Thật Tướng là Chân Tướng, Thật (實) là chân thật, Tướng (相) là hiện tượng; hình dáng chân thật của hiện tượng vũ trụ là gì? Phạm phu chúng ta không thấy được chân tướng vũ trụ, chúng ta chỉ thấy được huyền tướng, giả tướng, tướng thiên biến vạn hóa; chẳng thấy được chân tướng. Giống như chúng ta trông thấy biển cả ba đào trào dâng, bên bờ biển thấy sóng trào bọt trắng xóa, chúng ta trông thấy những tướng trạng đó, trông thấy con sóng, trông thấy bọt sóng, chân tướng của chúng là gì? Chân tướng là nước; chỉ biết thường thức sóng vỗ tung bọt, chỉ thấy được tướng ấy, quên mất nước đi, tướng thực sự là nước.

Chúng ta trông thấy vũ trụ thiên biến vạn hóa, không một giây, một phút nào ngừng nghỉ, kinh Phật gọi là “*sanh diệt trong từng sát-na*”. Như sóng trào trong biển, sóng nhô lên là sanh, sóng chìm xuống là diệt. Sóng vỗ tung bọt là sanh, sau khi sóng tan, bọt sóng tiêu mất là diệt. Trong vũ trụ, sự sanh diệt biến hóa vĩnh hằng không ngừng, chúng ta bình thường chỉ biết được tướng biến hóa ấy, bản thể của sự biến hóa là

gì? Sóng và bọt sóng do nước biển ra, bản thể của chúng là nước. Vũ trụ to lớn như thế, thiên biến vạn hóa trong đó, bản thể của nó là gì? Trong kinh Phật gọi bản thể ấy là Thật Tướng.

“*Thật Tướng diệu lý, cổ kim bất biến*”: Tất cả hết thấy hiện tượng sanh diệt trong từng sát-na, thiên biến vạn hóa, nhưng bản thể của sự biến hiện ấy vĩnh viễn không biến đổi, bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng khác (bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị); Trung Quán Luận gọi là tám cái “*Bất*” (bất bất) để hình dung [đặc tánh của bản thể]. Đó là bản thể của vũ trụ, là “bản lai diện mục của chúng ta trước khi được cha mẹ sanh ra”. Đức Phật cho nó một danh xưng là Như, Như Như, Chân Như, Tự Tánh, Chân Tâm, Lý Thể. Trong kinh điển, đức Phật nêu ra mấy chục danh từ, không quan trọng gì cả. Vì sao đức Phật nói nhiều danh từ như thế? Nhằm dụng ý dạy chúng ta đừng chấp trước danh từ, danh từ là pháp phương tiện, chẳng phải thật; nhưng trong giáo học, dùng những danh từ này khiến cho quý vị ngộ nhập chân thật. Chớ nên chấp trước danh từ; nếu chấp vào một danh từ, quý vị chẳng thể ngộ nhập chân thật. Vì vậy, chớ nên chấp trước tướng danh từ! Đức Phật nói nhiều danh từ như thế, với dụng ý làm cho quý vị biết “nói sao cũng đều đúng”, chỉ cần chẳng nói về điều này thì không sai! Ngàn vạn phần chớ nên chấp trước danh từ.

Bộ kinh này là kinh A Di Đà. Mục đích tu học của kinh A Di Đà là cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành, chúng tôi phải nói theo cách thông thường là “đến học tập”. Học tập trong thế gian này có chi không tốt? Hoàn cảnh học tập trong thế gian này không tốt, hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) càng chẳng tốt! Trong thế gian này không có thầy tốt, không có đồng học tốt, thọ mạng lại ngắn, thời gian quá ngắn, chẳng đủ dùng! A Di Đà Phật sáng tạo cho chúng ta một hoàn cảnh tu học hoàn bị nhất, chỉ cần chúng ta muốn sang đó, chúng ta thực sự có thể đến đó được.

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta đến học tập trong hoàn cảnh ấy, chư Phật Như Lai là thầy, các vị thượng thiện nhân là đồng học, đồng học đều là bậc thượng thiện. Chữ “*thượng thiện*” chỉ cho ai? Chỉ Đẳng Giác Bồ Tát. Như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là đồng học, là trưởng tràng, là lớp trưởng của chúng ta. Nơi đó là hoàn cảnh tu học hoàn bị nhất, trong hoàn cảnh ấy quý vị chẳng khởi tham - sân - si. Vì sao? Tất cả hết thấy, bất luận vật chất hay tinh thần lẫn thọ dụng đều được biến hóa ra. Nghĩ đến thứ gì,

thứ ấy hiện ra, chẳng có tâm tham. Trong xã hội ấy đều là thiện nhân, chẳng có người ác, không ai có ác niệm, không ai có ác ý, không ai nói năng thô lỗ, dù có tâm sân khuê, quý vị cũng chẳng thể do đâu phát khởi được. Nói cách khác, quý vị chẳng có điều kiện nổi nóng, thật chẳng thể nghĩ bàn! Không dấy lên tâm sân khuê được, sáu căn tiếp xúc hoàn toàn là Phật pháp, toàn là giáo huấn của thánh hiền, nhất định quý vị chẳng ngu si. Nói cách khác, chẳng cần phải đoạn sân si, cũng chẳng cần phải quan tâm đến nó! Đến ở lâu trong thế giới ấy, sẽ tự nhiên đoạn được sân si sạch sành sanh, mục đích là ở chỗ này.

“*Y Thật Tướng lý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vô phi*” (Nương theo lý Thật Tướng, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ quyết định chẳng sai), “*vô phi*” là chẳng sai lầm, quyết định chẳng lầm, tức là Thị (đúng). Lời giải thích ấy căn cứ vào tông thứ²² của kinh này, nêu thành điều thứ nhất. Thuyết pháp như vậy, bất luận trong thời điểm nào, bất luận chỗ nào, nơi này, phương khác, thầy đều chính xác, đều chẳng sai lầm; nói trong thế giới Hoa Tạng cũng vẫn chính xác. Vì sao? Chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm nơi thế giới Hoa Tạng, dùng mười Ba La Mật, mười đại nguyện vương khuyên lơn, hướng dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật. Quý vị hãy nghĩ xem: Đó cũng là lý do tại sao hội Hoa Nghiêm nơi thế giới Hoa Tạng cũng là “*quyết định chẳng sai*”. Từ chỗ này quý vị tự nhiên nhận hiểu pháp môn này thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Hiện tại chúng ta cùng học tập kinh Hoa Nghiêm, mục đích học tập kinh Hoa Nghiêm là gì? Nhằm triệt để hiểu rõ pháp môn Tịnh Độ. Kinh Hoa Nghiêm giảng thật tường tận, giảng cho thật nhiều, giảng thật rõ ràng, thì không có gì khác ngoài nhằm làm cho chúng ta tin sâu chẳng ngờ, hạ quyết tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu quý vị học kinh A Di Đà, học kinh Vô Lượng Thọ mà bán tín bán nghi, chẳng thể giải quyết vấn đề, hãy học kinh Hoa Nghiêm. Huân tu kinh Hoa Nghiêm trong một thời gian dài, sẽ trừ được gốc nghi, đều thấy rõ, đều minh bạch hết. Kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là cương yếu của Tịnh tông, nắm được cương lĩnh thì công phu tu học đắc lực, nguyện vọng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể trở thành sự thật.

²² Tông: Điều chánh yếu hay pháp môn chánh yếu được đề cao bởi một bộ kinh. Hay nói theo ngôn ngữ hiện thời là chủ đề chính của một bộ kinh.
Thú: Kết quả, mục tiêu sẽ đạt được do tu tập pháp môn ấy.

Tiếp đó, có một cách giải thích khác, xin mọi người hãy đọc: “*Hữu vạn pháp câu tịch, nhất tâm bất loạn vi Như, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, vi Thị*” (Lại nữa, muôn pháp đều tịch, nhất tâm bất loạn là Như; tâm này là Phật, tâm này làm Phật, đó là Thị). Đây cũng là căn cứ vào chỉ thú của Tịnh tông mà nói, nhưng trên phạm vi lớn hơn. Đạo lý “*vạn pháp câu tịch*” rất sâu. Chúng ta thấy vạn pháp đều động, sanh diệt trong từng sát-na, đều là động. Vạn pháp đều động, chẳng Như; Như là nói về Thể. Cái chúng ta thấy là tướng, vướng mắc vào tướng. Tướng là động, tác dụng là động, Thể bất động. Giống như trong biển cả, chúng ta thấy có sóng mồi, bọt sóng sanh ra, tan mất là động, tùy thuộc hướng gió, tùy thuộc phương hướng của dòng chảy²³ mà di động không ngừng, đó là tác dụng của nó. Nổi lên, chìm xuống là tướng, lưu động là tác dụng của nó; nhưng quý vị phải hiểu Thể của nó không động, Thể là Như.

Nhất tâm bất loạn, nhất tâm, tâm bất động; nhị tâm, nhị tâm là động. Nhị tâm là trong tâm quý vị có vọng tưởng. Sở dĩ gọi “tưởng” là “vọng tưởng” là nhằm bảo cho quý vị biết nó chẳng thật. Chân tâm là gì? Trong chân tâm chẳng có ý niệm, chân tâm lìa niệm, chân tâm vô niệm, đây là điều kinh Đại Thừa thường giảng. Hữu niệm thì chẳng phải là chân tâm, vô niệm là chân tâm. Ở đây lại phải hiểu rõ, vô niệm không phải là không nghĩ gì, chẳng phải là cái gì ta cũng chẳng thêm nghĩ đến, nếu ngỡ như vậy là vô niệm thì đã sai mất rồi! Đây đúng là “*sai chỉ hào ly, lầm lạc ngàn dặm*”. Vì sao? Quý vị tưởng “không nghĩ” gì là vô niệm thì quý vị thực sự tu thành công Vô Tướng Định, quả báo trong tương lai là [sanh lên] trời Vô Tướng thuộc Tứ Thiên Thiên, chẳng thể giải quyết vấn đề, lầm lạc rồi!

Không nghĩ gì cũng chẳng dễ, cũng phải có mức Thiên Định kha khá! Quý vị thấy đó, phải là Tứ Thiên! Vì sao sanh trong trời Vô Tướng của Tứ Thiên Thiên chẳng thể giải quyết vấn đề? Kẻ ấy đọa trong vô minh, vô minh vẫn là Tướng. Chẳng tướng động thì tướng tịnh, tướng cái bất động, kẻ ấy vẫn suy tưởng [ý niệm] “vô tướng”. Chẳng nghĩ đến hữu tướng sẽ nghĩ đến vô tướng, biến thành Vô Tướng Định. Vô niệm khác hẳn, phải hiểu cho rõ! Vô niệm không phải là vô tướng (không nghĩ

²³ Dòng chảy ở đây chính là “hải lưu” (ocean current). Những dòng hải lưu ấy thường chuyên động theo chiều kim đồng hồ ở Bắc Bán Cầu và ngược chiều kim đồng hồ ở Nam Bán Cầu. Chúng sanh ra do tỷ trọng và nhiệt độ của nước, hướng gió khác nhau trên từng vùng biển. Nổi tiếng nhất là hải lưu Gulf Stream chảy từ cực Nam bán đảo Florida, dọc theo bờ biển Đông Hoa Kỳ và vùng Newfoundland trước khi đổ ra Đại Tây Dương.

tướng gì), vô niệm là không có vọng niệm; trong pháp Đại Thừa gọi “không có vọng niệm” là “có chánh niệm”. Nếu trong tâm vẫn phân biệt là “có chánh niệm” thì là vẫn chấp trước vào “có chánh niệm”, chánh niệm ấy lại biến thành vọng niệm, điều này rất khó hiểu!

Rốt cuộc, thế nào mới là chánh niệm, thế nào mới là vô niệm? Trong kinh Phật có một nguyên tắc chung: “*Lìa hết thấy vọng tướng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Vô Niệm*”. Thấu hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch hết thấy sự - lý, nhân - quả, tánh - tướng trong vũ trụ thì gọi là “chánh niệm”. Bởi vậy, trong chánh niệm có trí huệ, có đức năng, có tướng hảo, sống động, hoạt bát! Trong ấy, nhất định chẳng có vọng tướng, phân biệt, chấp trước, khác hẳn với Vô Tướng Định, chẳng giống với Thiên Chân Niết Bàn²⁴ của Tiểu Thừa. Vô Tướng Định, Thiên Chân Niết Bàn vô ích, có Thể nhưng không có Dụng; nói thật ra, chính mình chẳng đạt được lợi ích viên mãn, mà cũng chẳng thể làm lợi cho chúng sanh được.

Trong hội Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật quở trách người Tiểu Thừa, khen ngợi Bồ Tát. Bồ Tát có Thể và Dụng, Tiểu Thừa có Thể nhưng không khởi tác dụng. Vì thế phải hiểu “*vạn pháp đều tịch*”, tướng của vạn pháp là ở đâu? Tướng ấy ở ngay trước mắt, nhưng nó chẳng sanh, chẳng diệt, trọn khắp hư không pháp giới, sao chúng ta không thấy? Trong hội Hoa Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã rất cảm thán nói: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ đức tướng*” (Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai), ngay cả hiện tại, chưa bao giờ mất; điều hết sức đáng tiếc là “*đản dĩ vọng tướng, chấp trước, bất năng chứng đắc*” (chỉ vì vọng tướng, chấp trước, chẳng thể chứng đắc). “*Như thị*” vốn có sẵn nơi thân chúng ta, mỗi ngày từ sáng đến tối chúng ta luôn dùng nó mà không biết. Là thứ gì trên thân ta vậy? Chính là căn tánh của sáu căn; phải thưa rõ cùng quý vị, căn tánh của sáu căn! Căn tánh nơi sáu căn là “*diệu lý Thật Tướng*”, là tướng tịch diệt, tịch diệt thanh tịnh, là chân tâm, là bản tánh không hai, không khác với chư Phật Như Lai.

Nếu lại cùng quý vị luận định sâu hơn thì ngay nơi nhục thể chúng ta, các khoa học gia hiện tại đã thấy và hiểu rất rõ: Thân thể chúng ta đây do gì tạo thành? Do tế bào tạo thành; tế bào do gì tạo thành? Do nguyên

²⁴ Thiên chân Niết Bàn: Niết Bàn của Tiểu Thừa chưa viên mãn, thấy chân tướng sự thật còn thiên lệch, chưa viên mãn, chấp vào tịch diệt, nên còn gọi là “trầm không, trệ tịch”.

tử tạo thành; nguyên tử do gì tạo thành? Do lạp tử tạo thành. Kinh Hoa Nghiêm nói mỗi một lạp tử ấy đều đầy đủ rất trọn vẹn pháp tánh. Pháp tánh là Chân Như. Chân Như ở tại đâu? Chân Như không chỗ nào chẳng tồn tại. Trong mỗi một lạp tử đều có, mỗi một nguyên tử đều có, trong mỗi tế bào trên thân thể chúng ta đều có, rất đáng tiếc là quý vị đang mê, chẳng giác ngộ.

Nếu quý vị thực sự giác ngộ thì mới hiểu “*vạn pháp đều tịch*”! Chúng ta chẳng thấy thanh tịnh tịch diệt, mà thấy những gì? Thấy vô lượng vô biên tướng sanh diệt, tướng biến hóa. Chuyện này là như thế nào? Chỉ thấy tướng, không thấy tánh! Các vị Phật, Bồ Tát, những người chân chánh tu hành giác ngộ thấy được tánh, thấu hiểu tướng, hiểu rất rõ hiện tượng, thấy được tánh, thấy trong tướng sanh diệt có tánh không sanh diệt. Đây mới là hiểu rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật. Như thị, nguyên lai như thị (như thế đó, vốn là như thế đó). Nhất tâm bất loạn cũng tức là nói “không có vọng tưởng”. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều đoạn hết thì gọi là Như.

Tịnh tông chẳng phải là tu hành mê tín, chẳng khác gì lắm với Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Pháp Tướng, Tam Luận, Tông Môn, Giáo Hạ. Trong kinh Kim Cang, đức Phật nói: “*Pháp môn bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp). Tịnh tông chẳng nằm ngoài các pháp môn, so với hết thảy pháp môn khác, nó thực sự bình đẳng, chẳng có cao - thấp. Vì sao? Chỗ y cứ đều là Chân Như, đều là Thật Tướng. “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (tâm này là Phật, tâm này làm Phật), ấy là Thị! Một mảy chẳng sai! Tâm này là đức Phật vốn sẵn có, vốn sẵn là như vậy, tâm chính là Phật, Phật chính là tâm; tâm là Chân Như, Chân Như là tâm. Nay quý vị lại phát tâm muốn làm Phật, quý vị nghĩ coi mình có thể làm Phật được hay chẳng? Trong kinh Đại Thừa, Thích Ca Mâu Ni Phật thường nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thảy pháp đều từ tâm tướng sanh), hằng ngày nghĩ làm Phật, đương nhiên sẽ làm Phật. Hiện tại vì sao bệnh truyền nhiễm SARS dữ dội đến thế? Vì sao nó lây lan rộng đường ấy? Chẳng có gì khác ngoài chuyện quý vị hằng ngày nghĩ đến SARS, SARS bèn xảy đến, chuyện là như vậy đó! Quý vị không nghĩ đến nó, dần dần nó không còn nữa. Hết thảy pháp từ tâm tướng sanh, sao quý vị không nghĩ đến điều tốt, chẳng nghĩ đến điều lành?

Sáng sớm hôm nay, bên Mỹ gọi điện thoại cho tôi, không ít người thấy tôi trước đây trên TV có mấy lần giảng về bệnh SARS, nay họ biên tập lại, phát lên đài truyền hình vệ tinh. Tôi đặc biệt bảo mọi người:

Chúng ta phải tin tưởng lời Phật, “*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh), chẳng cần phải quan tâm đến nó, chẳng cần phải nghĩ đến nó; mà nghĩ đến điều gì? Chân thành, thanh tịnh. Chân thành thanh tịnh nhất định sẽ chẳng bị nhiễm hết thấy virus, chẳng bị lây nhiễm. Trong tâm, trong tư tưởng quý vị chẳng có độc, làm sao bị nhiễm độc cho được? Chẳng tương ứng mà! Bình đẳng từ bi hóa giải virus, hóa giải được chất độc của vi khuẩn SARS, có thể hóa giải hết. Hai câu này hết sức trọng yếu; chỉ cần chúng ta thực sự tu hành “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi”, ôn dịch bị hóa giải rất nhanh, không còn nữa. Thiên tai nhân họa do đâu mà có? Từ vọng tưởng khởi, từ tham - sân - si khởi, đó mới là cội gốc. Bởi thế, chúng ta hằng ngày tưởng Phật, hằng ngày niệm Phật, hằng ngày thấy Phật, nhìn tượng Phật, hằng ngày đọc kinh Phật, lẽ đâu chẳng thành Phật? Đó gọi là Thị. Đến đây là giảng xong chữ Như Thị. Tiếp theo đây, chúng ta lại xem tiếp chữ Nhất Thời.

6.2.1.3. Giảng về Thời Thành Tự

“*Tế ngộ lương thời, sư tư đạo hợp*” (gặp đúng dịp tốt, thầy trò đạo hợp), đó là “*nhất thời*”. Bởi thế, chẳng ghi chép năm, tháng, ngày đức Phật giảng kinh, dụng ý rất hay! Chẳng ghi chép năm tháng ngày giờ lại có ý nghĩa rất sâu: Khiến cho chúng ta lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bởi lẽ thời gian và không gian phát sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng phải là sự thật. Trong Pháp Tướng Duy Thức Học, không gian và thời gian bị xếp vào “*bất tương ưng hành pháp*”. Vì sao gọi là bất tương ưng hành pháp? Nói theo cách bây giờ, chúng thuộc về khái niệm trừu tượng, chẳng phải là sự thật. Bởi thế, nhà Phật dùng danh từ “*bất tương ưng hành pháp*”, người hiện thời gọi là “khái niệm trừu tượng”, chẳng có sự thật. Chữ “*nhất thời*” hay lắm!

“*Tế ngộ lương thời*” (gặp nhằm dịp tốt), nay ta gọi “*tế ngộ*” là cơ hội, điều kiện đầy đủ, nhằm vào lúc ấy “*sư tư đạo hợp*” (thầy trò đạo hợp), thầy gặp được trò ngoan, trò ngoan gặp được thầy giỏi, trò vui thích học, thầy vui vẻ dạy, gặp nhằm lúc đó là “*nhất thời*”. Thầy dù có hay nhưng chẳng gặp được trò tốt thì cũng uổng công; dù trò có tốt chẳng gặp được thầy giỏi, tình hình ấy rất nhiều. Bởi thế, Thiệu Đạo đại sư nói mấy câu khiến chúng tôi càng nghĩ càng bội phục, lão nhân gia nói “*tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (nói chung là gặp duyên khác nhau). Duyên quan trọng nhất là nhân sự (quan hệ giữa người với người);

chúng ta có thể thành tựu hay không? Cá nhân tu hành có thể thành tựu hay không? Đối với xã hội, đối với đại chúng có thể cống hiến hay không? Đều là do gặp duyên khác nhau! Quan trọng nhất là chí đồng đạo hợp.

Trong Phật pháp nói đến Lục Hòa Kính, điều thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, tức là cách nghĩ và cách nhìn của mọi người nhất trí. Kiến lập sự nhất trí bằng cách nào? Nhất trí là buông bỏ cách nghĩ và cách nhìn của riêng mình. Ta là phàm phu, đầu tiên phải thừa nhận, phải khẳng định điều đó. Ta là phàm phu, ta chưa giác ngộ, ta vẫn đang mê. Đã chưa giác ngộ thì cách nghĩ, cách nhìn của ta không chính xác. Mọi người chúng ta đều là phàm phu, hãy buông bỏ thành kiến của chính mình, tạm thời bỏ cách nghĩ, cách nhìn của mình sang một bên, chúng ta nghe lời Phật, chúng ta tiếp nhận lời Phật dạy răn, học theo cách nghĩ và cách nhìn của Phật, làm theo cách Phật làm, đó gọi là “*học Phật*”. Có giữ được cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của Phật hay không, điều này cần phải có tín tâm. Tín tâm do đâu mà có? Chấp nhận Phật là bậc giác ngộ, Phật là bậc minh tâm kiến tánh, tư tưởng, hành vi của Phật lưu lộ từ tánh đức trong tự tánh. Đến khi chúng ta chứng đắc Phật quả rồi (chúng đắc Phật quả là minh tâm kiến tánh, là thực sự đạt được Như Thị), thì cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của chúng ta hoàn toàn giống với chư Phật Như Lai, Phật Phật đạo đồng.

Vì sao? Vì thấy tánh rồi, tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của quý vị toàn bộ đều từ tự tánh lưu lộ ra. Chưa kiến tánh thì chúng lưu lộ từ phiền não tập khí; bởi thế, chúng dính mắc tự tư, tự lợi, dính mắc tham - sân - si - mạn. Chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát chắc chắn không tự tư tự lợi, nhất định chẳng có tham - sân - si - mạn, như vậy là rất hợp lý. Do vậy, chúng ta phải tự phản tỉnh xem chúng ta còn có tự tư, tự lợi hay chăng? Chúng ta còn có tham - sân - si - mạn hay chăng? Vẫn còn một chút. Còn một chút là trật rồi, còn một mảy may là trật rồi, quý vị chưa giác ngộ, chưa kiến tánh; phải đoạn cho đến một mảy cũng chẳng còn, đó là Kiến Tánh. Chúng ta vẫn còn có tư tâm, [tức là] vẫn còn có yêu - ghét, yêu thích cái này, chán ghét cái kia, trật rồi! Ai ưa thích? Ta yêu thích. Ai chán ghét? Ta chán ghét. Quý vị vẫn còn có cái Ta (Ngã). Hễ có Ngã là có tự tư, tự lợi.

Trong kinh luận Duy Thức Học thường nói “*bốn đại phiền não thường theo sát*”, điều này chẳng cần phải học, mà là tập khí trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay. Đầu tiên là Ngã Kiến, đây là gốc! Ngã Kiến là chấp trước nghiêm trọng, chấp trước thân này là Ngã,

chấp trước cái có khả năng tư duy tưởng tượng này nọ là Ngã, đó là Ngã Kiến. Hễ có Ngã Kiến, chắc chắn sẽ chấp trước Ngã Ái, có Ngã Si, có Ngã Mạn, bốn đại phiền não, đó là phàm phu! Người thực sự giác ngộ sẽ chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, bốn thứ phiền não trên đây không còn nữa. Bởi thế, phải thường tự nghĩ mình là hạng người gì? Là phàm phu, chẳng phải là Phật, chẳng phải là Bồ Tát!

Đã là phàm phu, thực sự biết mình là phàm phu, hãy buông bỏ thành kiến của chính mình, buông bỏ cách nghĩ, cách nhìn, cách làm, cách nói của chính mình, buông bỏ hết! Tùy thuận đức Phật dạy răn, đó là hạng người thông minh bậc nhất, người như vậy gọi là “chân chánh học Phật”. Người ấy thực sự tu hành, chẳng cần phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mà có thể thành công trong một đời. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói với ai? Nói với hạng người bán tín bán nghi. Quý vị nói họ chẳng tu ư? Họ tu hằng ngày, quý vị nói họ thực sự tu ư? Chẳng thấy! Họ chưa quên được mình. Lúc cảnh giới hiện tiền vẫn là vọng tưởng, tập khí làm chủ, hạng người như vậy muốn thành tựu phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, phải mất vô lượng kiếp. Thực sự buông phiền não, tập khí xuống được, hoàn toàn nghe theo lời Như Lai giáo huấn; câu cuối cùng của kinh này là “*y giáo phụng hành*”, thực sự y giáo phụng hành sẽ nhanh lắm! Nhất là đối với pháp môn này là pháp môn thành Phật ngay trong một đời. “*Nhất thời*”: Có thể thành tựu được trong một thời.

6.2.1.4 Giảng về Chủ Thành Tựu

Câu thứ tư là Chủ Thành Tựu “*Phật*”. Phật là dịch âm tiếng Phạn “*Phật Đà Da*”, người Hoa thích đơn giản, lược bớt những âm cuối, chỉ gọi gọn là Phật. Phật có nghĩa là “*tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, đại sư của trời người, gọi là Phật*”. Chữ Phật này gồm rất nhiều ý nghĩa, bản thể của nó là trí huệ, có ba thứ trí: Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, Nhất Thiết Chứng Trí. Trí khởi tác dụng là giác, tự mình giác; sau khi tự giác, phải giúp người khác giác ngộ. Vì sao? Tự và Tha là một, chẳng phải hai. Phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ chân tướng sự thật, phải thấu suốt. Giác hạnh viên mãn là trí huệ, giác ngộ đến mức viên mãn, vạn sự vạn pháp trong vũ trụ nhân gian không gì chẳng hiểu rõ. Rất nhiều tôn giáo ca ngợi thần, ca ngợi Thượng Đế là “toàn tri, toàn năng”; giác hạnh viên mãn là toàn tri toàn năng, không gì chẳng biết, không gì chẳng giác, không gì chẳng thể, đến lúc ấy, ta gọi người ấy là Phật. Phật là tiếng Phạn, “*nhân thiên đại sư*”: Thầy dạy tốt của nhân gian lẫn cõi trời. “*Đại*

su” là tiếng tôn xưng tối cực, tôn xưng đến cùng cực, “đại su” là Phật.

Nay có không ít người tự xưng là Đại Sư, thời cổ không có việc này. Quý vị thấy những vị pháp sư dịch kinh thời xưa, đạo đức, học vấn, tu dưỡng đều đạt đến mức độ cao, nhưng họ khiêm hư. Chúng ta thường thấy trong phần ghi tên người phiên dịch đề là Tam Tạng Pháp Sư; khiêm tốn hơn một chút là Sa Môn, chẳng dám xưng là Pháp Sư. Thông đạt Kinh - Luật - Luận xưng là Tam Tạng Pháp Sư, chỉ thông đạt một loại trong Kinh - Luật - Luận, không dám xưng là Tam Tạng Pháp Sư. Thông đạt Giới Luật xưng là Luật Sư, thông đạt luận điển xưng là Luận Sư, thông đạt kinh giáo thường xưng là Pháp Sư, chẳng dám thêm chữ Tam Tạng. Tam Tạng Pháp Sư thông suốt hết thảy. Chẳng ai dám xưng là Đại Sư cả! Đại Sư là Phật. Các đồng học chúng ta phải nhớ kỹ điều này, ngàn vạn phần trong tương lai chẳng được tự xưng là Đại Sư! Quý vị xưng là Đại Sư là quá kiêu mạn, quá vượt phạm. Người khác gọi quý vị là Đại Sư thì phải giảng rõ cho họ hiểu minh bạch chẳng được xưng hô như vậy. Xưng “đại pháp sư” vẫn là miễn cưỡng, chữ Đại ấy là tôn xưng, xưng là Đại Pháp Sư, chẳng thể xưng là Đại Sư, phải hiểu nhé!

Giống như trong thế gian, danh xưng chẳng được dùng loạn xạ. Đại Sư là Phật, kẻ kia chưa phải là Phật mà xưng Đại Sư là đã vượt phạm rồi. Ví như quý vị chẳng phải là Tổng Thống, quý vị bảo mọi người “ta là Tổng Thống”, người ta đều gọi quý vị là Tổng Thống, thành ra thứ gì? Người thế gian làm như vậy là phạm pháp! Trong Phật pháp có phạm pháp hay chẳng? Phạm pháp chứ! Pháp thế gian chẳng xử phạt quý vị thì thần hộ pháp sẽ ra tay, quý vị vượt phạm quá đáng rồi! Nhưng rất nhiều bậc tổ sư, đại đức sau khi đã viên tịch rồi, người đời sau gọi các Ngài là Đại Sư nhằm đặc biệt tỏ lòng lễ kính các Ngài, vậy là đúng. Các vị chẳng biết đến, người đời sau tôn kính, như vậy là đúng.

Thế nhưng có một ngoại lệ, tổ sư Tịnh Độ tông nhất loạt được gọi là Đại Sư, nhưng gọi là Đại Sư cũng chẳng phải lúc họ đang còn sống, mà đều là sau khi đã vãng sanh, người đời sau tôn xưng. Bởi lẽ, những vị Tổ Sư ấy cũng là do người đời sau tôn trọng [mà tôn làm tổ sư], chứ Tịnh Độ tông không có truyền thừa, chẳng phải do đời này truyền cho đời kia. Các tông các phái khác đều là từ đời này truyền sang đời kia, Tịnh Độ tông không như vậy, Tịnh Độ tông không có! Do đâu có Tổ Sư Tịnh Độ tông? Do người đời sau tuyển chọn, giống như tuyển cử dân chủ vậy. Cá nhân ấy tu hành đạt thành tựu trong Tịnh tông, đối với Tịnh tông có công hiến rất lớn, người đời sau bèn xưng vị ấy là Tổ Sư, chẳng phải chính vị ấy xưng là Tổ Sư. Vì thế, tổ sư Tịnh Độ tông là tuyển chọn

dân chủ, nhưng được xưng là Đại Sư chẳng nhằm lúc họ đang còn sống.

Quý vị biết lúc Ấn Quang đại sư còn tại thế, đều xưng là “pháp sư Ấn Quang”. Quý vị thấy bản Văn Sao đầu tiên, lúc lão nhân gia còn tại thế, mang tựa đề Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, không xưng là đại sư. Sau khi lão nhân gia đã vãng sanh, người đời sau gọi tác phẩm ấy là Ấn Quang Đại Sư Văn Sao thì được! Lúc Ngài còn tại thế, chẳng thể xưng như vậy. “*Nhân thiên đại sư*”, Phật xưng như vậy thì được, Bồ Tát đều chẳng được. Bồ Tát xưng là Đại Sĩ, xưng là Khai Sĩ, xưng là Chánh Sĩ, chẳng thể xưng Đại Sư. Đó là kiến thức thông thường, chúng ta phải hiểu.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

6.2.1.5. Giảng về Xứ Thành Tựu

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp phần sau:

Tại Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên.

在舍衛國，祇樹給孤獨園。

(Trong nước Xá Vệ, vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà).

Xá Vệ (Srāvastī) là dịch âm tiếng Phạn, dịch nghĩa là Văn Vật, “*thử vân Văn Vật*” (ở đây kêu là Văn Vật). Văn Vật có hai nghĩa:

1) “*Văn*” ngụ ý ở nơi ấy có rất nhiều người đa văn, nói theo cách bây giờ là có rất nhiều người thấy nhiều biết rộng, có học vấn, có đạo đức, có kiến thức. Nói cách khác, nói như cách chúng ta hiện thường nói, khu vực ấy trình độ văn hóa rất cao. Chữ “*Văn*” biểu thị ý nghĩa này.

2) “*Vật*” là sản vật phong phú.

Nói như bây giờ thì Vật là văn minh vật chất, Văn là văn minh tinh thần, đều thù thắng phi thường. Đó là địa phương tốt, rất khó có được.

Xá Vệ vốn là danh xưng của một thành thị, thành thị ấy rất nổi danh, nên dùng tên thành thị ấy để đặt tên cho quốc gia. Giống như trong xã hội hiện tại, chúng ta lấy Bắc Kinh đại diện cho Trung Quốc, lấy Washington DC đại diện cho Mỹ Quốc, ý nghĩa giống như vậy.

Kỳ Đà cũng là tiếng Phạn, Tu Đạt Đa cũng là tiếng Phạn; đó là tên của hai người. Kỳ Đà (Jeta) là tiếng Phạn, Tu Đạt Đa (Sudatta) cũng là tiếng Phạn, đây là tên của hai người. Kỳ Đà là thái tử, Tu Đạt Đa là đại thần, trưởng giả. Hai người này bố thí một khu đất, dâng cho Phật kiến lập đạo tràng tại đó để giáo hóa chúng sanh. Câu chuyện này không cần giảng, trong Kinh Luật Di Tướng có ghi, trong Pháp Uyển Châu Lâm cũng có, rất nhiều chú giải kinh A Di Đà của các vị pháp sư cũng giảng rất tường tận, ở đây chúng tôi lược đi không nói.

Tu Đạt Đa dùng vàng ròng trải đất để mua hoa viên của thái tử Kỳ Đà, thái tử Kỳ Đà thấy ông ta làm như vậy, bị cảm động. Chàng hỏi: “Thích Ca Mâu Ni Phật là hạng người nào mà ông tôn trọng đến thế? Hy sinh lớn lao như vậy?” Vườn hoa của Thái Tử đẹp vô cùng, Tu Đạt Đa đòi mua lại, Thái Tử cười giỡn: “Nhà ông giàu có, vàng ròng rất nhiều, ông đem vàng ròng trải kín chỗ này, tôi sẽ bán cho ông!” Tu Đạt Đa làm thật, Kỳ Đà cảm động nói: “Hai người mình chung sức, chúng ta cùng cúng Phật”. Tu Đạt Đa không chịu, nói: “Công đức là một mình tôi làm”.

- Tốt lắm! Vậy cũng tốt! Đất này ông trải vàng ròng, tôi bán đất cho ông; hoa cỏ trong vườn này là của tôi, ông không có cách nào dát vàng được. Tốt! Đất bán cho ông, tôi phá sạch toàn bộ hoa cỏ cây cối đi!

Tu Đạt Đa hết cách: “Tốt! Tốt! Hai người hợp tác”. Bởi thế gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên (Jetavane Anāthapindikassa Ārāma, vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà).

“*Cấp Cô Độc*” (Anathapindika) là Tu Đạt Đa. Người đương thời trong thành thị đó tặng cho ông ta danh xưng ấy, bởi ông thường bố thí người cô độc, già cả; nói như bây giờ, trưởng giả Tu Đạt Đa rất thích làm công tác từ thiện xã hội, giúp đỡ người cô khổ và người già cả. Kể không nơi nương dựa ông đều chiếu cố, bởi thế được tặng danh hiệu Cấp Cô Độc. Đạo tràng ấy gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên vì Kỳ Đà là thái tử, đặt tên chàng ta lên trước. Câu chuyện “*hoàng kim bố địa*” (vàng ròng phủ đất) chỉ có vậy mà thôi!

Hai người bọn họ cúng dường nơi ấy để Phật giáo hóa chúng sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật có tiếp nhận hay chẳng? Đức Phật hoan hỷ tiếp nhận. Nhưng ở đây, chúng ta phải quan sát tỉ mỉ cho rõ, đức Phật tiếp nhận sự cúng dường của họ là tiếp nhận quyền sử dụng, chứ nhất định không tiếp nhận quyền sở hữu. Nếu nói vườn hoa này của tôi cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, quyền sở hữu đều giao cho Thích Ca Mâu Ni Phật, thì Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia, bây giờ lại có một cái nhà,

chẳng phải là “*hồi gia*” (trở về nhà) ư? Quý vị nghĩ có phải đúng như vậy hay chẳng? Cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật tiếp nhận quốc vương, đại thân, cư sĩ, trưởng giả cúng dường, thấy đều là quyền sử dụng, quyết định chẳng có quyền sở hữu, nhất định phải hiểu điều này! Tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, chắc chắn không khởi tâm tham, nhất định chẳng có phân biệt, chấp trước. Hành vi của lão nhân gia làm gương cho những người đời sau như chúng ta. Chúng ta phải nhớ rõ, nếu coi quyền sở hữu tài sản là của chúng ta thì trật rồi, quý vị *hồi gia* mất rồi!

Người chân chánh tu đạo chẳng hề tham luyến mảy may gì trong thế gian này. Bởi thế, nay chúng ta kiến lập đạo tràng, nhất định phải thành lập một nhóm đại biểu về mặt pháp lý. Tài sản ấy chẳng thuộc quyền tư hữu của một cá nhân nào cả, những người ấy hợp thành *Đồng Sự Hội* (hội đồng quản trị). *Đồng Sự Hội* có thể thỉnh người tại gia hay xuất gia đảm nhiệm, người ấy có quyền xử lý tài vật, nhân sự trong đạo tràng, ủy thác người chân chánh hữu tu hữu học, đức cao trọng vọng, dù là pháp sư hay là cư sĩ đều được cả. Ủy thác cho người ấy, tức là mời người đó, *Đồng Sự Hội* thỉnh người đó trụ trì, mời người ấy lãnh trách nhiệm làm người quản lý đạo tràng. Người ấy đến quản lý, đến phụ trách việc dạy dỗ, thực hiện sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh.

“*Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên*” là người giữ chủ quyền đạo tràng ấy, tức là thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Cấp Cô Độc, họ giống như *Đồng Sự Hội*, mời mọc (trong nhà Phật gọi là “*lễ thỉnh*”) Thích Ca Mâu Ni Phật và các học trò của Ngài đến thường trụ nơi đó, đến đó tu hành, giảng kinh, thuyết pháp. Đương nhiên dân chúng nơi ấy đến nghe kinh, người đến học tập hết sức đông đảo. Trong kinh điển thường nói là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, nên lại phải nêu tên vài vị thượng thủ. Trên thực tế, nêu tên những vị thượng thủ nhằm biểu thị pháp nghĩa nên phần đầu của các một bộ kinh không hoàn toàn giống nhau. Lấy vài người đại biểu cho nội dung của pháp môn ấy, nhằm dụng ý này. Bởi thế, chẳng thể tùy tiện nêu tên, chúng ta phải chú ý học tập điều này.

Người tu đạo, người giác ngộ chắc chắn chẳng vướng mắc danh văn, lợi dưỡng, thiền sư Trung Phong đã làm gương cho chúng ta. Từ truyện ký của Ngài, chúng ta đã thấy: Chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu là một ngôi phạm sát²⁵ bậc nhất, nay chúng ta gọi là một ngôi chùa to, thỉnh

²⁵ Phạm sát (Brahmākshetra): Phạm có nghĩa là thanh tịnh. Sát có nghĩa là khu vực, chẳng hạn Phật độ, Phật quốc, đều gọi là Phạm sát. Phạm sát có nghĩa là ngôi chùa thanh tịnh.

Ngài làm phương trượng trụ trì, Ngài từ tạ không làm. Vì sao? Nhằm răn dạy hậu học tránh xa danh văn, lợi dưỡng, đa sự chẳng bằng thiếu sự, thiếu sự chẳng bằng vô sự! Cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật theo đuổi công tác giáo huấn, là gương mẫu cho chúng ta. Người xuất gia làm gì cho xã hội? Người sống trong cõi đời chẳng thể không làm gì, đều phải công hiến đôi chút cho xã hội và đại chúng. Sự công hiến là sự nghiệp cả đời mình theo đuổi, mọi người vì mình, mình vì mọi người. Người xuất gia tiếp nhận sự cúng dường của mọi người trong xã hội, chúng ta đền đáp bằng cách nào? Trước hết, phải hiểu rõ người xuất gia đảm nhiệm vai trò gì trong xã hội?

Chúng ta cứ nhìn kỹ đức Thích Ca Mâu Ni Phật là biết ngay, suốt đời dạy dỗ. Dạy dỗ là giáo dục. Bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp, giảng kinh hơn ba trăm hội. Hơn ba trăm hội đó nói theo ngôn ngữ bây giờ là thực hiện các hoạt động; thực hiện các hoạt động quy mô lớn nhỏ, trường kỳ, đoản kỳ hơn ba trăm lần. Giống như chúng ta hiện nay thực hiện các khóa giảng Phật học, mở lớp bồi dưỡng huấn luyện ngắn hạn, lập học viện trường kỳ; cũng có lúc nhận lời các nơi khác mời đến giảng kinh ngắn hạn, các hoạt động giảng diễn như vậy; hơn ba trăm hội của đức Thế Tôn giống như vậy đó. Hằng ngày theo đuổi công tác giảng dạy, giáo hóa chúng sanh, sự nghiệp ấy là sự nghiệp gì? Nói như hiện tại là giáo dục xã hội. Đối tượng được giáo hóa chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, người đến chẳng cự tuyệt, người đi không níu kéo, đó là điều người hiện tại gọi là “*giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên*”. Chúng ta phải hiểu rõ, phải thấy minh bạch. Thích Ca Mâu Ni Phật cả một đời không làm những pháp hội như hiện tại, không hề có! Siêu độ? Không có! Vì người chết tụng kinh? Không có!

Chúng ta phải chú ý quan sát, những pháp hội siêu độ giống như hiện tại là do người đời sau lưu truyền, chứ chẳng phải do đức Phật lưu truyền. Đối với lịch sử chúng ta phải hiểu, phải thấu suốt, đừng lầm lẫn phương hướng, mục tiêu. Đức Phật dạy dỗ chúng ta nhằm mục đích gì? Mục đích là dạy chúng ta giác ngộ. Thành Phật là thành tựu giác ngộ rốt ráo viên mãn, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, đó là Phật. Vườn rừng, đạo tràng, thế nào là đạo, phải hiểu cho rõ! Cái Đạo nói bởi Nho gia Trung Quốc là luân lý đạo đức; cái Đạo nói trong nhà Phật là luân lý giác ngộ, phương pháp giác ngộ, cảnh giới giác ngộ, đó là Đạo, là con đường Đạo. Con đường chuyên phạm thành thánh, con đường phá mê khai ngộ, con đường đoạn ác tu thiện, đó là

con đường Đạo! Những nơi chôn chỉ dạy những điều ấy được gọi là “đạo tràng”. Giới thiệu cùng quý vị đoạn đầu tiên như thế.

6.2.1.6. Đại Chúng Cùng Nghe (Chúng Thành Tụ)

6.2.1.6.1. Thuyết Minh Thính Chúng

Đoạn thứ hai là “đại chúng đồng văn” (đại chúng cùng nghe). Từ “*dữ chư đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A La Hán chúng sở tri thức*” (và các đại tỳ-kheo tăng, một ngàn hai trăm năm mươi người câu hội, đều là đại A La Hán, được mọi người hay biết) cho đến “*cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu*” (và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm). Đó là đoạn thứ hai nói về “đại chúng đồng văn”. Đối với đoạn này, tôi viết: “*Vị hậu học thị phạm, thiện tự thủ sự*” (vì hậu học nêu khuôn phép, khéo giữ phép tắc làm thầy). “*Thủ*” là “*thủ pháp*” (tuân thủ phép tắc), *Su* là pháp sư. Những vị ấy đều là gương mẫu, làm mô phạm cho đại chúng, chúng ta phải học theo các Ngài.

Kinh văn ghi rất rõ “đại tỳ-kheo tăng”. Tỳ-kheo là Tiểu Thừa, trước đó thêm chữ Đại, ý nói chẳng phải Tiểu Thừa, mà là Đại Thừa tỳ-kheo, học tập pháp Đại Thừa. Đây là các đệ tử thường theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, trường kỳ theo học với thầy. Thầy đi đến đâu họ theo đến đấy, theo suốt đời! Bởi thế, họ là một đoàn thể khá quy mô, một đoàn thể giáo học, một đoàn thể hoạt động giáo dục xã hội, tổng số là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, lược đi con số năm người lẻ, chỉ lấy số chẵn, thành một ngàn hai trăm năm mươi người, chứ trên thực tế là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Trong chú giải kinh A Di Đà đã nhắc đến rồi, đã giới thiệu rất tường tận rồi.

Lại xem tiếp, những người ấy “*giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức*”. Thật là bất phàm! Thế nào là A La Hán (Arhat)? A dịch là Vô, La Hán là học hỏi; bởi thế A La Hán dịch sang tiếng Trung Quốc là Vô Học. Vô Học nghĩa là gì? Giống như nay chúng ta đã tốt nghiệp rồi, họ đã viên mãn các học phần (credits) rồi, tốt nghiệp rồi. Tốt nghiệp là vô học (không còn học nữa). Bậc Vô Học Tiểu Thừa tu viên mãn pháp Tứ Đế, gọi là A La Hán, đắc Chánh Giác. A La Hán là danh xưng học vị (degree); [các vị đại tỳ-kheo ấy] đã đạt học vị A La Hán, họ thực sự thành tựu Chánh Giác. Có nghĩa là tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của họ đều không lầm lỗi, đoạn sạch Kiến Tư phiền não. Kinh luận thường nói tám mươi tám phẩm: Tu Đà Hoàn đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến

Hoặc phiền não trong tam giới. Tám mươi một phẩm Tư Hoặc thuộc tam giới cửu địa cũng đoạn sạch, Kiến Tư phiền não đoạn sạch thì chúng quả A La Hán.

Nói cách khác, họ chẳng có cái nhân luân hồi trong lục đạo nữa; do nhân không còn nên siêu việt luân hồi lục đạo. Nếu họ muốn trở lại luân hồi trong lục đạo nhằm giáo hóa chúng sanh thì đó là “*thừa nguyện tái lai*” (nuông theo bốn nguyện trở lại). Chúng sanh có cảm, họ bèn có ứng, nuông theo nguyện mà đến, chẳng do nghiệp lực. Phạm phu trong sáu đường không ra khỏi luân hồi lục đạo là vì nghiệp lực. Nghiệp lực là gì? Là Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não chẳng đoạn, làm sao quý vị thoát khỏi luân hồi lục đạo được! Quý vị phải từ đó quán sát, suy nghĩ thì mới biết là khó, rất ư là khó! Bởi thế, chúng ta chẳng thể không cảm tạ A Di Đà Phật. Nếu A Di Đà Phật chẳng mở ra cho chúng ta pháp môn đối nghiệp vãng sanh này, nhất định chúng ta chẳng thể thành tựu trong một đời này được!

Mỗi một vị đồng học nghe rồi phải tự phản tỉnh, quý vị đã đoạn được vọng tưởng, tạp niệm hay chưa? Trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, cho đến lúc đêm ngủ, quý vị chưa hề đoạn vọng tưởng. Đêm ngủ bèn nằm mộng, mộng do đâu mà có? Do vọng tưởng biến hiện ra. Quý vị không đoạn sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không ra khỏi luân hồi lục đạo được! May sao có pháp môn đối nghiệp vãng sanh này. Trong kinh, đức Phật nói rất rõ rệt: Pháp môn này là pháp khó tin. Khó tin mà tin được, thế là quý vị phước đức khôn sánh, trí huệ khôn sánh. Quý vị có thể chọn lựa pháp môn này, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất tu học, trong một đời sẽ siêu việt lục đạo, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng quý vị. Quý vị thù thắng hơn họ rất nhiều!

Đại Thừa A La Hán chỉ những ai? Tốt nghiệp Đại Thừa rồi, không học nữa. Thừa cùng quý vị, đó là Pháp Vân Địa Bồ Tát, tức là Thập Địa Bồ Tát, tốt nghiệp rồi. Đại A La Hán tức là Pháp Vân Địa Bồ Tát. Ở đây, đức Phật bảo những vị này “*đều là đại A La Hán*”, chẳng phải là Tiểu Thừa. Chẳng phải là Tiểu Thừa nghĩa là sao? Họ đến đóng tuồng, sắm vai Tiểu Thừa. Ở đây, họ diễn vai Tiểu Thừa, chứ trên thực tế họ là đại A La Hán. Trong số ấy, có không ít vị sẽ sớm thành Phật, chẳng hạn như các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, ai nấy đều biết, họ là Cổ Phật Tái Lai.

Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí đều là Cổ Phật Tái Lai, nhưng làm chúng Bồ Tát [trong kinh này]. Còn ở đây, [các vị Thập Địa

Bồ Tát] thị hiện làm chúng Thanh Văn. Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ, đều nhằm làm gương cho chúng ta. Còn chúng ta thì nếu kẻ nào thành tựu, rất nhiều kẻ khác muốn đả kích, ghen ghét, phá hoại, chướng ngại, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, đây là mê! Người giác ngộ thấy kẻ khác thành tựu thì mọi người giúp đỡ, ủng hộ kẻ ấy. Giống như diễn tuồng, anh đóng vai chánh, tôi thay anh đóng vai phụ, không ai chẳng hoan hỷ, đề cao anh. Tuồng hát đó diễn hay, nhằm mục đích gì? Để giáo hóa hết thầy chúng sanh, giúp hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ.

Bởi thế, cổ đại đức thường nói: “*Nhược yếu Phật pháp hưng, duy hữu Tăng tán Tăng*” (Nếu muốn Phật pháp hưng khởi thì chỉ có Tăng khen ngợi Tăng). Người xuất gia khen ngợi lẫn nhau thì Phật pháp hưng vượng. Nếu hủy báng lẫn nhau, khen mình, chê người, Phật pháp bèn diệt mất. Phật pháp hưng vượng sẽ có lợi cho chúng sanh, có lợi cho mình; Phật pháp diệt mất, mình chẳng được lợi gì, chúng sanh cũng chẳng lợi gì. Do vậy ta biết: Cát, hung, họa, phước đều chỉ trong một niệm của ta. Pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều là đạo lý này. Một nhà hưng vượng, quý vị thầy người trong nhà đó hòa thuận, khen ngợi lẫn nhau, vui sướng, gia đình ấy hưng vượng. Nếu gia đình ấy ngờ vực, dò xét lẫn nhau, không tin tưởng nhau, mỗi cá nhân đều thấy khuyết điểm của đối phương, trọn chẳng nói tới ưu điểm của đối phương, không lâu sau, gia đình ấy sẽ bại vong, đó là điều chắc chắn!

Đoàn thể, công ty, hãng tiệm, cho đến quốc gia, đều không ra ngoài lệ ấy. Quốc gia làm thế nào để hưng vượng? Thế giới phải làm sao mới được hòa bình? Thánh nhân thấy rất rõ ràng, giảng rất thấu triệt. Nếu ta thực sự giác ngộ, hiểu rõ, y giáo phụng hành, bắt đầu từ trong gia đình, “*gia hòa, vạn sự hưng*”. Trong đoàn thể nhỏ của chúng ta, tứ chúng đồng tu ở cùng một chỗ, khen ngợi lẫn nhau thì đạo tràng ấy sẽ hưng vượng. Chứ ngờ vực, ghen ghét, chướng ngại lẫn nhau thì đạo tràng ấy chẳng có tương lai. Đạo lý, chân tướng sự thật ấy đều là nhân quả báo ứng, chẳng thể không hiểu rõ, chẳng thể không kiêng dè!

Người chết đi có đời sau, có kiếp sau, chẳng phải chết là hết. Nếu chết đi, mọi việc đều xong thì sao? Chẳng cần phải học Phật nữa. Chính vì chết đi vẫn còn có đời sau, sau đời sau còn có đời sau khác nữa, một đời này mình không tu cho tốt, chết đi không làm gì được, phiền phức rất lớn. Người thông minh, cổ nhân gọi là “*tiền hậu nhãn nhân*” (“*Tiền hậu nhãn*” tức là biết nghĩ đến tương lai, biết nghĩ đến mai sau), suy nghĩ nhiều về chuyện quá khứ, tương lai, nghĩ đến đời đời kiếp kiếp, nghĩ đến

xã hội đại chúng, con người ấy là người hiểu rõ, là người giác ngộ. Nếu chỉ vì mình, chẳng biết vì người khác thì là kẻ hồ đồ, là điên đảo, mê hoặc. Bởi vậy, những người kẻ cận Phật, kẻ cả tại gia cư sĩ, trong số ấy có những vị cổ Phật tái lai, đại Bồ Tát thị hiện, biểu hiện bề ngoài giống phạm phu, phạm nhân, thật ra là thánh nhân.

6.2.1.6.2. Biện Định Thính Chúng Duyên Do

6.2.1.6.2.1. Biện Định Duyên Do và Vai Trò của Thanh Văn Chúng

Chúng tôi thấy [sách Yếu Giải] nêu lên ba điều chánh yếu: “*Thanh Văn cư thủ, xuất thế gian tướng cố, thường tùy tùng cố, Phật pháp lại Tăng truyền cố*” (Thanh Văn đứng đầu [trong thính chúng] vì là tướng xuất thế gian, vì thường theo hầu Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đó là lý do đặt hàng Tiểu Thừa vào vị trí đầu tiên, bởi hình tướng của họ là hình tướng xuất gia, Bồ Tát không nhất thiết mang hình tướng xuất gia, phần đông mang hình tướng tại gia. Bồ Tát không nhất quyết thường theo Phật; Thanh Văn thường phải theo Phật. Vì sao? Còn chưa tốt nghiệp, tỳ-kheo là học trò chưa tốt nghiệp; chưa tốt nghiệp đương nhiên hằng ngày phải theo thầy. Bồ Tát tốt nghiệp rồi nên có thể tách khỏi thầy. Bởi thế, những học sinh ấy là học sinh còn đang theo học, vẫn chưa tốt nghiệp.

Thuở ấy, đức Phật dạy học không có trường sở cố định, trường học đặt tại đâu? Trong rừng, bên sông, bên khe nhỏ, chẳng có phòng ốc, chẳng có hết thầy trang bị, điều này chúng ta đều biết rất rõ. Các Ngài sanh sống và ngủ dưới gốc cây, ăn một bữa trưa, chẳng có phòng nhà, thiết bị gì cũng không có, sống ngoài thiên nhiên. Trong quá khứ, chúng tôi có đọc cuốn “*Âm thanh hoang dã*”, do người Mỹ viết về thổ dân Úc châu. Hiện thời, thổ dân châu Úc vẫn còn, bọn họ ở chính giữa nước Úc, thuộc khu vực sa mạc, thiết bị gì cũng chẳng có, giống như cuộc sống của Thích Ca Mâu Ni Phật thời Ngài tại thế, ngủ dưới gốc cây. Họ ăn toàn những thứ mọc hoang, giống như những người du mục đi đây đó kiếm ăn, chẳng ở chỗ nào nhất định. Họ cũng chẳng có y phục để mặc, thân thể khỏe mạnh, không hề ưu lự, không có gì vướng mắc, không có phiền não, tâm linh cảm ứng. Phương thức sanh sống của đức Phật lúc tại thế cũng giống như thế đó.

Sau này, đạo đức, học vấn, sự giáo hóa của đức Thế Tôn được đề vương, đại thân biết đến. Họ nghe rồi đều sanh tâm hoan hỷ, rất mong mỗi đức Thế Tôn đến sống và dạy dỗ trong đất nước của họ. Đức Thế

Tôn tùy duyên, chẳng cố chấp tí nào, địa phương nào mời, Ngài liền đến nơi đó. Nhờ vậy, tiếp xúc xã hội rộng lớn, khuếch đại hiệu quả giáo dục, đúng là lợi ích hết thảy chúng sanh. Bồ Tát phân tán đến các nơi giáo hóa chúng sanh. Cũng có lúc Phật phái Thanh Văn đi; rất nhiều địa phương thỉnh, đức Phật chẳng thể đến hết mọi nơi được, bèn phái học trò đi. Dạy một thời gian bèn quay về, thay phiên, luân lưu dạy học, rất nhiều phen như thế.

Có những vị Bồ Tát, Thanh Văn có duyên rất sâu đậm với người nơi đó, nói cách khác, là thời gian dạy học ở nơi ấy rất dài, họ là những học trò hết sức ưu tú. Mỗi năm, đức Phật an cư kết hạ ba tháng. Trong ba tháng ấy, tất cả học sinh đi dạy bên ngoài đều phải quay về, đều phải về bên đức Phật, tiếp nhận tái giáo dục. An cư mùa Hạ là tái giáo dục, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Vì sao? Xã hội vĩnh viễn tiến bộ; nếu chính mình không tiến bộ, ắt sẽ thụt lùi, sẽ bị đào thải. Do đây, quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật suy nghĩ rất châu đáo! Quý vị ở bên ngoài giáo hóa người khác, mỗi năm lại quay về học ba tháng để tự nâng cao trình độ của mình.

Như hiện nay chúng ta biết, trong nước, ngoài nước rất nhiều viên chức, nhân viên kỹ thuật thuộc các công ty lớn mỗi năm đều có thời gian cố định được tái huấn luyện. Nếu họ chẳng được tái giáo dục, sẽ chẳng theo kịp tiến bộ kỹ thuật. Lúc tôi ở Mỹ quốc, có những đồng tu làm việc trong các công ty, mỗi năm độ chừng từ hai đến ba lượt đi tái huấn luyện. Thời gian mỗi lần khoảng chừng từ một tuần đến hai tuần, để nâng cao năng lực, kỹ thuật, học thức của chính mình. Nếu chẳng đi dự huấn luyện, quý vị lập tức bị đào thải, khoa học kỹ thuật mới lạ mỗi tháng, mỗi ngày, chúng ta phải đón đầu trước. Ba ngàn năm trước Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành lập chế độ ấy, mỗi năm có ba tháng tẩn tu giáo dục, tái giáo dục, đó gọi là An Cư mùa Hạ.

Người xuất gia, “*Phật pháp lại Tăng truyền có*” (Phật pháp phải dựa vào Tăng để truyền), câu này rất quan trọng. Trách nhiệm của người xuất gia là truyền thừa giáo học của Như Lai. Nền giáo học xã hội đa nguyên văn hóa chẳng thể gián đoạn nửa chừng, chẳng những phải truyền từ đời này sang đời khác, mà còn phải khuếch trương rộng lớn; nhất là trong xã hội hiện thời, [giáo học Phật pháp] càng cần thiết cấp bách. Bởi thế người xuất gia phải biết thân phận của chính mình, biết sứ mạng, chức trách của chính mình. Tăng là một đoàn thể, chẳng phải là danh xưng cá nhân. Phần sau có một bản biểu giải. “*Tăng-già*” (Sangha), chúng ta gọi là Tăng, tinh lược âm cuối, có nghĩa là Hòa Hợp Chúng,

nay ta gọi Chúng là “đoàn thể”. Đoàn thể ấy được tôn kính nhất trong tất cả hết thảy đoàn thể thế gian, vì sao? Người trong đoàn thể ấy hòa hợp.

Hòa hợp có Lý, có Sự. Lý là “*đồng chứng nhất tâm bất loạn vô thương Bồ Đề*”, đây là Tịnh Độ tông của chúng ta. Mọi người chúng ta cùng ở một chỗ, mỗi cá nhân đều có cùng một mục tiêu, một phương hướng, tức là đều muốn chúng đắc Nhất Tâm Bất Loạn. Chúng đắc Nhất Tâm Bất Loạn thì mới thực sự nắm được điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là chúng đắc Vô Thượng Bồ Đề! Về Lý, chúng ta cùng vì mục tiêu ấy.

Về Sự, chúng ta cùng sinh hoạt chung, cùng sinh hoạt chung là Sự. Phật dạy chúng ta sáu điều kiện nhất định phải tuân thủ:

1) Thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, chúng ta phải nhất trí cách nghĩ, cách nhìn, nhất trí như thế nào? Hết thảy đều chiếu theo kinh điển.

2) Giới Hòa Đồng Tu: Giới là Giới Luật, chúng ta nhất định phải tuân thủ những quy định sinh hoạt.

3) Thân Hòa Đồng Trụ: Chúng ta sống trong tăng đoàn, đối xử hòa thuận với nhau.

4) Khẩu Hòa Vô Tránh: Chẳng tranh luận với nhau, bất luận ý kiến gì thảy đều quy nạp vào A Di Đà Phật.

5) Ý Hòa Đồng Duyệt: Tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi.

6) Lợi Hòa Đồng Quân: Chúng ta sống bình đẳng, không sai biệt, mười phương cùng dường đều bình đẳng thọ dụng.

Cuối cùng còn có một điều nữa là Đồng Yết-ma. Yết-ma (karma) là tiếng Phạn, nói theo cách bây giờ là Hội Nghị. Việc gì mọi người cũng phải cùng nhau hợp lại thương lượng, chẳng cá nhân nào độc đoán, độc tài cả, chẳng được như vậy. Bởi thế, Tăng đoàn thực sự phù hợp với những điều người hiện tại nói là “dân chủ, tự do, cởi mở”. Người hiện thời nói “dân chủ, tự do, cởi mở”, ba ngàn năm trước Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật đã tự do, dân chủ, cởi mở. Bởi thế, Phật pháp phải nhờ vào Tăng đoàn để duy trì, để truyền thừa, để phát dương quang đại.

Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 06

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem Hệ Niệm Pháp Sự. Trước hết là trì tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tôi đã giới thiệu sơ lược sáu thứ Thành Tựu của tựa đề kinh cùng quý vị rồi. Nay chúng ta đang xem đoạn văn từ câu “*dữ đại tỳ-kheo Tăng, thiên nhị ngũ bách thập nhân câu*” cho đến “*cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu*”.

Đoạn kinh này được Ngẫu Ích đại sư phân khoa là “*đại chúng đồng văn*” (đại chúng cùng nghe). Đây là nêu gương cho hàng hậu học, nhằm mục đích mong cho chúng ta biết học theo loại nào [trong ba loại thính chúng] Những vị này đã làm gương cho chúng ta, hãy suy nghĩ căn tánh của chính mình, thực sự lấy những vị đại đức ấy làm gương để tự khích lệ chính mình tích cực nỗ lực học tập Phật pháp.

Ở đây đại chúng được chia thành ba loại, thứ nhất là Thanh Văn xuất gia chúng. “*Thanh Văn cư thủ, xuất thế tướng cố, thường tùy tùng cố, Phật pháp lại Tăng truyền cố*” (Thanh Văn đứng đầu, vì là tướng xuất thế, vì thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đó là lời chú giải trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Lần này chúng tôi giới thiệu tóm tắt sách Yếu Giải, văn tự không nhiều, nhưng hàm nghĩa rất sâu. Ai nấy đều biết rõ vấn đề hiện thời là Phật pháp trong thời đại hiện tại suy thoái đến tận cùng, không còn có thể suy hơn được nữa, suy hơn nữa thì Phật pháp bị diệt mất. Vì sao Phật pháp lại biến thành như thế? Câu “*Thanh Văn cư thủ*” (Thanh Văn được nêu đầu tiên) ở đây đã giải đáp vấn đề. Đối với ba câu này của Ngẫu Ích đại sư, chúng ta phải chăm chú phản tỉnh, ta có làm được như ba câu ấy hay không?

Thứ nhất là “*tướng xuất thế*”, tướng xuất thế chân chánh! Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta thấy: Đối với pháp thế gian, Ngài thực sự chẳng nhiệm trước mảy may. Chúng ta niệm niệm dính mắc pháp thế gian, tham ái thế gian; điều này ta chưa làm được, làm sao có thể đứng hàng đầu? Bởi thế, đối với điều này nhất định chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh. Giáo nghĩa Đại Thừa trọng thực chất, chứ không trọng hình dáng, nhưng hề có thực chất, ắt có hình dáng. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc nói: “*Thành u trung, tất định hình chi u ngoại*” (Lòng Thành bên trong, nhất định hiện ra ngoài). Nếu tư tưởng, quan niệm của anh vượt ngoài thế gian, tất nhiên hành vi của anh là xuất thế.

Pháp xuất thế gian được hiển thị tại nơi đâu? Đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian, chẳng hề có mảy may tâm tham luyến, niệm niệm giống như Phật, Bồ Tát. Đến thế gian này để làm gì? Đối với chính bản thân họ là để tu hành, tu hành là trải qua sự việc để luyến tâm;

ta đến thế gian này để đào luyện, rèn giũa, hoặc là để khảo nghiệm, xem ta đối với thế gian này còn khởi tâm động niệm hay không, còn có vọng tưởng, chấp trước hay không? Đến khảo nghiệm là vì chính mình. Còn đối với đại chúng, ta đến thay thế Phật, Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh, dùng bản thân thực hiện lòng đại từ đại bi, phương tiện thiện xảo của Phật, Bồ Tát, hồng giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn.

Giúp đỡ nhằm ba mục đích:

1) Giúp hàng thượng căn trong một đời này liễu sanh tử, xuất tam giới, vãng sanh Tịnh Độ, bất thoái thành Phật. Đó là giúp hàng thượng căn.

2) Giúp hàng trung căn phá mê khai ngộ, giúp họ nâng cao cảnh giới.

3) Giúp kẻ hạ căn gieo thiện căn Bồ Đề.

Nói cách khác, bất luận thượng, trung, hay hạ căn, chúng ta đều phải như chư Phật, Bồ Tát, bình đẳng lợi ích. Nói về phía mình, Lý - Sự bình đẳng. Nói về phía chúng sanh, Lý bình đẳng, nhưng Sự chẳng bình đẳng. Vì sao Sự không bình đẳng? Thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi người khác biệt, đạo lý là đây! Tướng xuất thế chính là thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại tùy duyên, chất phác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

“*Thường tùy tùng cố*” (Vì thường theo Phật): Lúc Phật tại thế, họ chẳng rời khỏi đức Phật; Phật đến đâu, học trò theo đến đó, làm “*thường tùy chúng*”, chẳng tách rời! Nay Phật không còn tại thế, chúng ta phải thường tùy học như thế nào? Thường nương theo kinh giáo, thường nương theo thánh tượng Phật, Bồ Tát. Thánh tượng khiến cho lòng chân thành cung kính của ta có chỗ quy hướng, cái tâm chân thành, cái lòng cung kính của ta từ đâu sanh khởi? Từ hình tượng của Phật, Bồ Tát. Chúng ta thấy tượng Phật, thấy tượng Bồ Tát, đương nhiên khởi lòng kính ngưỡng, cung kính lễ bái, mỗi một Phật tử đều làm được điều này; nhưng phải dùng một phần tâm tình chân thành cung kính ấy dành cho hết thảy chúng sanh hiện hữu. Nói cách khác, chúng ta cung kính chân thành đối với hết thảy chúng sanh như đối với Phật không hai, không khác. Đây là ý nghĩa chân chánh của việc cúng dường tượng Phật, tượng Bồ Tát.

Trong sự “*thường tùy*” này, quan trọng nhất là “*thường tùy kinh luận giáo hối*” (thường tuân theo những răn dạy trong kinh luận), điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Nếu chúng ta chẳng thể tuân theo những gì kinh luận dạy răn thì chúng ta đã tách khỏi Phật, Bồ Tát.

Những đệ tử thường theo Phật khi ấy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, gồm những ai? Thầy trò ba anh em họ Ca Diếp tổng cộng một ngàn vị, thầy trò Xá Lợi Phất là một trăm vị, thầy trò Mục Kiền Liên cũng gồm một trăm vị. Con ông trưởng giả Da Xá cũng có một đoàn thể nhỏ gồm năm mươi lăm vị. Bởi thế cộng lại là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Những vị này “*thường tùy Phật học*” (thường theo học với Phật), chứ chẳng phải là theo Phật đi chơi.

Các Ngài thị hiện điều gì? Tự thị hiện buông xuống hết thấy, thuận theo sự dạy răn của đức Phật. Quý vị có nhận ra ý nghĩa này chăng? Nói như bây giờ, các Ngài buông bỏ thành kiến, cách nghĩ, cách thấy, cách nói, cách làm của chính mình, hết thấy đều tùy thuận sự dạy răn của đức Phật. Đức Phật dạy ta nghĩ thế nào, dạy ta thấy thế nào, dạy ta nói thế nào, dạy ta làm thế nào, đều làm theo như thế, đó gọi là “*học Phật*”. Chúng Thanh Văn nêu một tấm gương rất tốt cho chúng ta!

Câu thứ ba là “*Phật pháp lại Tăng truyền cố*” (Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đúng là vì người xuất gia hiện tướng xuất thế, thị hiện thường theo học với Phật, nên Phật pháp mới có thể tồn tại lâu dài trong thế gian. Chúng ta thường nghe nói “*chánh pháp cứu trụ*”, nhưng phải làm được như vậy thì chánh pháp mới có thể trụ lâu dài. Nếu người xuất gia (ở đây gọi là Thanh Văn) tâm lòng, ý niệm, hành vi đều là tham - sân - si - mạn, háo danh, háo lợi, tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, không có tướng xuất thế, khiến đại chúng trong xã hội thấy người xuất gia còn thua cả người tại gia, thì sao? Thì là diệt Phật pháp. Đây chẳng phải là hưng khởi Phật pháp, mà là diệt Phật pháp. Quý vị lại chăm chú xem xét trong cuộc sống thường ngày của kẻ ấy, xử sự, đãi người, tiếp vật, tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, hoàn toàn chẳng tuân thủ sự dạy răn của Phật, Bồ Tát. Há Phật pháp nhờ vào những kẻ ấy để truyền thừa được ư? Họ đâu có Phật pháp!

Hôm trước tôi xuống núi, buổi chiều ở lại Tịnh Tông Học Hội ở Bồ Lý Tư Bản (Brisbane), cư sĩ Cát Lai Mẫu (Martha Graham) ở Tất Ni (Tuyết Lê: Sydney) cùng các đại biểu Phật giáo Úc Châu (Úc châu có sáu tiểu bang) mở cuộc họp hai ngày tại Tịnh Tông Học Hội. Đại biểu Phật giáo các tiểu bang thảo luận thành lập Úc Châu Phật Giáo Hội. Tổ chức Phật Giáo toàn châu Úc vẫn chưa có, họ đề xướng, thảo luận chương trình, trong cuộc họp ấy bắt đầu công tác soạn thảo chương trình. Tôi xuống núi cùng với chín đại biểu gặp gỡ nhau. Trong số đó, tôi thấy có một vị xuất gia ăn mặc theo lối Nam Tông, nêu vấn đề sau: “*Bản thân Phật giáo chúng ta tông phái bất đồng, thậm chí trong cùng một*

tông phái, các tự viện bất đồng, mọi người chẳng ai qua lại với nhau, mỗi người một cách”. Sư cảm thấy rất khó chịu, nên mới nêu lên vấn đề đó.

Tôi bảo ông ta năm ngoái tôi sang thăm Nhật Bản, họp mặt cùng rất nhiều vị phương trượng trụ trì lãnh đạo trọng yếu trong Tịnh Độ Tông Nhật Bản. Lần họp mặt thứ nhất là để hoan nghênh tôi đến thăm Nhật Bản, lần thứ hai là để tôi đáp tạ. Trong đáp từ, tôi có nói, như ai nấy đều biết Phật Giáo có Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo. Tại Trung Quốc còn có Tông Môn, Giáo Hạ. Trung Quốc có mười tông phái Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, trong Tông môn (Thiền) lại phân thành các phái, trong mỗi phái lại chia thành hệ, có tình trạng như vậy! Hệ phái bất đồng, thậm chí trong cùng một hệ phái, nếu không cùng một đạo tràng, quả thật có chuyện không qua lại với nhau; đã thế còn mắc phải chứng bệnh rất lớn, khen mình, chê người, tự mình khen ngợi mình, hủy báng người khác. Đó là nguyên nhân khiến Phật giáo đọa lạc.

Bất kể tông phái chẳng tương đồng, thấy đều y chiếu kinh luận của Thích Ca Mâu Ni Phật để làm căn cứ tu học cho chúng ta. Kinh luận đều do đức Phật nói, bởi vậy, thực sự là người một nhà, là anh em ruột. Chúng tôi nghĩ: Cha mẹ sanh ra rất nhiều con, những đứa con ấy chẳng thương yêu, hòa thuận với nhau, mà kinh chống nhau, không qua lại với nhau, chúng tôi nghĩ lòng cha mẹ rất buồn bực. Gia đình ấy trở thành như thế, cha mẹ buồn uất, thật là đại bất hiếu! Nhiều tông phái trong nhà Phật chẳng qua lại với nhau, đều cùng khen mình, chê người, chúng tôi nghĩ Thích Ca Mâu Ni Phật buồn lòng lắm! Phạm lỗi gì với Phật? Lỗi đại bất kính, đại bất hiếu!

Nói chẳng dễ nghe, đó chẳng phải hoằng dương Phật pháp, mà là phản Phật giáo, phản đối sự răn dạy của đức Phật trong kinh luận. Phật dạy chúng ta “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao thái hư, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát), Phật chỉ dạy chúng ta “*từ bi vi bản, phương tiện vi môn*” (từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa), Phật dạy chúng ta “*nhân từ bác ái, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui*”. Chúng ta nghĩ, nói, làm, hoàn toàn trái ngược với những điều ấy thì có còn là học Phật hay chẳng? Đây chẳng phải học Phật, mà là phản Phật! Đệ tử Phật phản đối sự răn dạy của đức Phật, há chẳng phải là dùng chiêu bài Phật giáo mà phản đối Phật ư? Họ tin tưởng vào điều gì? Họ tin tưởng vào phiền não tập khí của chính mình, tin tưởng danh văn lợi dưỡng của chính mình, tin vào những thứ đó, chứ chẳng tin vào sự răn dạy của đức Phật.

Đối với tình hình ấy, phải làm sao? Thừa cùng quý vị, phải bắt đầu từ chính bản thân mình. Trong thời đại hiện nay, tự do, dân chủ rộng mở, đề xướng nhân quyền, nhân quyền cao hơn bất cứ gì khác! Chúng ta không thể can thiệp vào chuyện người khác, mà cũng chẳng thể phê bình người khác, chỉ có tự kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới, [tự xét] chính mình có mắc căn bệnh tệ hại ấy hay không? Điều trọng yếu là phải bắt đầu từ chính mình. Người khác khen mình chê người, chúng ta phải khác họ, ta phải khiêm hư, khen ngợi người khác. Dù người khác có chín mươi chín điều bất thiện, họ vẫn còn có một chuyện lành, chín mươi chín điều chẳng lành không cần nhắc tới, cũng chẳng để bụng, tự mình tu cho thuần tịnh, thuần thiện, thì tiền đồ Phật pháp mới có chút ánh sáng.

Tôi khuyến khích các vị đại biểu Phật giáo các nơi đến dự hội, chúng ta phải tự giác ngộ, phải tự đoàn kết, phải chủ động đi thăm các tông phái khác biệt, người này với người kia phải thường qua lại, phải khích lệ lẫn nhau. Ai có thể tiếp nhận, chúng ta sẽ nắm tay cùng thực hiện nhiệm vụ hoằng pháp lợi sanh; ai không thể tiếp nhận, đừng miễn cưỡng! Chẳng những chúng ta phải làm như thế đối với những tông phái khác biệt trong nhà Phật, mà đối với hết thảy các tôn giáo khác biệt trong thế gian, chúng ta cũng phải chủ động đi thăm hỏi.

Chúng tôi muốn đem quan niệm trong ba câu “*vì tương xuất thế, vì thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền*” để chân thành, cung kính cúng dường tất cả tôn giáo trong thế gian; hy vọng mỗi tôn giáo đều có thể tích cực học tập kinh điển của họ, thực hiện kinh điển, khiến cho những giáo huấn trong kinh điển được tỏa sáng rạng rỡ bởi chính những giáo đồ và hàng giáo phẩm, chức sắc, thì hạnh phúc, hòa bình, mỹ mãn vĩnh cửu trên thế gian này mới hòng thực sự thực hiện được.

Giáo học Phật pháp, giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta những gì? Lúc giảng kinh chúng tôi thường nói: Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của ba sự thật. Thứ nhất là hiểu rõ quan hệ giữa người và người; thứ hai là dạy chúng ta hiểu rõ quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên; thứ ba là dạy chúng ta hiểu rõ mối quan hệ giữa con người và trời đất quỷ thần. Hiểu rõ ba điều này! Hiểu rõ rồi mới giác ngộ, không hiểu rõ là mê hoặc, hiểu rõ sẽ giác ngộ!

Giác ngộ rồi, trong đời này ta có phương hướng và mục tiêu chính xác, sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát; tức là dùng thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh, thiện ngôn, dùng tịnh tâm, tịnh ý, tịnh hạnh, tịnh ngữ để đối đãi hết thảy chúng sanh, đối đãi hết thảy vạn vật. Đức Phật thường nói:

“*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, chúng ta thực sự học tập được điều đó, giống như chư Phật, Như Lai, như Pháp Thân Bồ Tát, tâm tịnh khắp pháp giới, ý lành trọn Sa Bà. Để thực hiện trong cuộc sống, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta “*đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*” (giữ vẹn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ). Phương hướng, mục tiêu nhất định là như vậy.

Thanh Văn là thành tựu vô lượng vô biên công đức lợi ích cho mình lẫn người. Bởi thế, cốt lõi của ba câu ấy, quan trọng nhất là “*thường tùy Phật học*”. Họ thường theo học với Phật, tuyệt! Câu này nói rất hay. Nay chúng ta nhất định phải tuân theo sự giáo huấn của đức Phật, lời giáo huấn của Phật nằm trong kinh luận. Kinh luận rất nhiều, “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Quý vị chọn tu theo bộ kinh luận nào cũng được, đều giống nhau cả. Cần nhất là phải biến những đạo lý được giảng trong kinh luận đó thành tư tưởng, kiến giải của chính mình, đó là điều quan trọng, chúng ta phải thực sự học theo, phải buông xuống thành kiến của chính mình, thuận theo lời Phật răn dạy. Trong kinh luận, đức Phật dạy chúng ta sống như thế nào, làm lụng như thế nào, xử sự, đãi người, tiếp vật ra sao, chúng ta phải hoàn toàn học theo. Sống như Phật, Bồ Tát, sống cuộc đời giác ngộ, chẳng còn mê hoặc nữa!

6.2.1.6.2.2. Biện Định Duyên Do và Vai Trò của Bồ Tát Chúng

Thứ hai, “*Bồ Tát cư trung, tướng bất định cố, bất thường tùy cố, biểu Trung Đạo cố*” (Bồ Tát xếp vào giữa vì hình tướng không nhất định, vì chẳng thường theo Phật, vì biểu thị Trung Đạo). Bốn câu này cần phải giải thích, chớ nên hiểu lầm! “*Tướng bất định*”: Bồ Tát hiện tướng tại gia. Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, năm mươi ba vị [thiện tri thức] đều là Bồ Tát. Trong kinh Hoa Nghiêm, nếu nhìn từ bên ngoài, các vị ấy đều là Pháp Thân Bồ Tát, từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giác trở lên. Mang những thân phận nào? Nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề! Tướng bất định mà! Chẳng hiện tướng xuất gia, mà là tướng bất định.

“*Bất thường tùy*”: Chẳng thường tùy là nói theo phương diện hình tướng. Bọn họ chẳng giống với Thanh Văn hằng ngày kề cận Thích Ca Mâu Ni Phật, họ thường đơn độc giáo hóa một phương, nhưng hết sức coi trọng cơ hội giáo dục, ấy là Bồ Tát! Nhưng quý vị phải nhớ kỹ: Bồ Tát học tập kinh luận của Phật, Bồ Tát không một giây phút nào phóng

túng; so ra, Thanh Văn không sao bằng được; Bồ Tát hoàn toàn dung hóa, hoàn toàn thực hiện được. Bởi thế, trong khi sắp xếp, Bồ Tát được xếp vào giữa “*đế biểu thị Trung Đạo*”, chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Thanh Văn giống như học trò Tiểu Học, phải theo thầy, tự mình chưa thuần thục, thầy đặt ra rất nhiều quy củ, nhất định phải tuân thủ. Bồ Tát như sinh viên Đại Học, như nghiên cứu sinh (post-graduate student), chẳng còn có nhiều quy củ như thế nữa. Vì sao? Họ đã có năng lực tự kiểm chế. Học trò Tiểu Học không có năng lực tự kiểm chế nên thầy phải đặt ra rất nhiều quy củ để uốn nắn chúng. Bồ Tát là sinh viên Đại Học, là nghiên cứu sinh, thầy chẳng cần phải bận tâm đến những điều nhỏ nhặt, họ đã có năng lực tự chăm sóc mình. Bồ Tát có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, lợi - hại. Bồ Tát có những năng lực ấy, họ tự biết cách tránh xấu, đón tốt, chẳng giống học trò Tiểu Học chẳng biết gì, thầy phải luôn trông chừng. Bồ Tát biểu thị Trung Đạo.

6.2.1.6.2.3. Biện Định Duyên Do và Vai Trò của Ngoại Hộ Chúng

“*Thiên nhân lệ hậu*” (trời người được nêu sau cùng), tức “*cập Thích Đề Hoàn Nhân đấng vô lượng chư thiên đại chúng câu*”, họ được xếp sau cùng. “*Thế gian tướng cố*”: là người cõi tục, “*phàm thánh phẩm tạp*”: Dù là người thế gian, nhưng trong người thế gian lại có Phật, có Bồ Tát ứng hóa trong đó. Dù ứng hóa trong ấy, nhưng họ biểu diễn vai trò phàm phu trong thế gian. Bởi thế, họ vẫn được kể vào sau cùng. “*Ngoại hộ chức cố*”: Công việc chủ yếu của họ là ngoại hộ (bảo vệ bên ngoài), hộ trì Phật pháp, đến giúp sức, ủng hộ việc giáo dục của Phật. Bởi thế, họ thị hiện thành quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, hết sức nhiệt tâm đến giúp Thanh Văn, đến giúp Bồ Tát giáo hóa đại chúng, đặc biệt là Thanh Văn; bởi lẽ, Thanh Văn mang hình tướng xuất gia. Giáo hóa chúng sanh phải có rất nhiều tầng thượng duyên, họ đều làm công tác ngoại hộ.

Hiện thời, ta thường nói là xúc tiến một hoạt động, nhất là trong những hoạt động có quy mô lớn, chúng ta biết rõ cần phải có nhân lực, vật lực, tài lực tương đương. Một hoạt động hoàng pháp quy mô lớn trong Phật pháp, nếu có từ một vạn người, hai ba vạn người trở lên tham gia, chúng ta hãy nghĩ xem cần phải có địa điểm to lớn. Tất nhiên người từ bốn phương tám hướng dồn đến, phương tiện giao thông, chỗ ở, ăn uống cho ngàn ấy người chẳng phải là chuyện dễ. Bởi thế, phải có một tổ

chức có khả năng mạnh mẽ mới có thể chu toàn hoạt động ấy. Trong hoạt động đó có những người đến diễn giảng, giảng kinh, đương nhiên cũng có khả năng là mọi người đến cùng nhau niệm Phật, ai sẽ lãnh chúng niệm Phật? Chắc chắn cũng có những người nhân cơ hội đó cầu được truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới.

Trong công tác trừ bị, nhóm mời những nghĩa công (volunteer, người làm công quả) đảm nhiệm việc tiếp đãi, nghĩa công đảm nhiệm các bộ phận, số người chẳng thể ít được! Tổ chức một đại hoạt động như thế, rất có thể phải cần đến một hai ngàn nghĩa công, lại phải trừ bị tài nguyên, tài lực, vật lực thấy đều phải đầy đủ, thì hoạt động ấy mới thành công, mới tổ chức viên mãn được. Những việc ấy do quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ hộ pháp thực hiện, trong xã hội họ ủng hộ sự giáo học của Phật pháp, thúc đẩy sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Nhà Phật chúng ta gọi là “pháp hội”, người thời nay gọi là “hoạt động”. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, những hoạt động ấy lớn hay nhỏ, thời gian dài hay ngắn không nhất định, suốt đời Ngài thực hiện hơn ba trăm lượt, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Trong bốn mươi chín năm, Ngài thực hiện hơn ba trăm lần hoạt động. Hoạt động nhỏ thì năm ba ngày, hoạt động lớn có khi hai ba năm. Xưa nay, trong nước, ngoài nước đều chẳng ra ngoài lệ này; vì thế, ngoại hộ hết sức quan trọng.

Có rất nhiều vị ngoại hộ nhiệt tâm dường ấy, ngoại hộ là những chuyên viên, chứ không phải tay mơ; chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong ấy. Trong nhà Phật thường nói: “*Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ*”. Trong số ngàn đức Phật ấy, có khả năng là quá nửa hiện tướng thế gian, mang thân phận tại gia đến hộ trì Phật pháp, chứ chẳng phải là phạm nhân. Mọi người cùng diễn một vở tuồng hay trên sân khấu, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích giáo hóa chúng sanh, dạy dỗ, hướng dẫn xã hội. Chẳng riêng gì Phật giáo như thế, quý vị hãy chú tâm quan sát kỹ, tất cả hết thấy tôn giáo đều là giáo học của thần thánh.

Tôi cùng một số hiệu trưởng các trường Đại Học bên này cũng thường bàn luận về vấn đề này. Hiện thời, sự giáo dục trong nhà trường chỉ dạy khoa học kỹ thuật, công thương nghiệp, dạy người ta cách kiếm tiền ra sao. Còn quan hệ giữa người với người, con người phải yêu thương, giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau thì không hề giảng đến. Bởi thế, tuy nền giáo dục của các trường hiện nay rất phát đạt, nhưng vấn đề xã hội ngày càng thêm nghiêm trọng. Rốt cuộc là do nguyên nhân nào, có ai thực sự nghiêm túc nghĩ đến hay chẳng? Trong giáo dục hiện tại, chẳng có sự giáo dục của thánh hiền, cho nên chẳng có giáo dục về hạnh phúc.

Chỉ có giáo dục thánh hiền mới hòng đạt được hạnh phúc, an định, hòa bình chân chánh.

6.2.1.6.3. Giảng Trường Tận về Thanh Văn Chúng

6.1.1.6.3.1. Minh Định Quả Vị

Xin hãy xem tiếp:

Giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.

皆是大阿羅漢。眾所知識。

(Đều là các vị đại A La Hán, được mọi người quen biết).

“*Giai thị*” nghĩa là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người ấy “*đều là*”. Chúng ta nghe nói như vậy, biết rõ họ đều chẳng phải là người tầm thường. A La Hán vốn là danh xưng của quả vị Tiểu Thừa, quả vị tối cao trong Tiểu Thừa gọi là A La Hán. A là Vô, La Hán là Học; bởi thế, A La Hán dịch sang tiếng Hán là Vô Học. Vô Học nghĩa là như nay chúng ta nói “*đã tốt nghiệp*”. Công khóa tu học của anh thầy đều viên mãn cả rồi, chẳng còn gì để học nữa, thì gọi là tốt nghiệp nơi pháp Tiểu Thừa. Nay ở đây, kinh chép là “*đại A La Hán*”, chỉ rõ họ chẳng phải là Tiểu Thừa, mà là Đại Thừa. Địa vị Vô Học trong Đại Thừa là Thập Địa, tức là địa vị Pháp Vân Địa thứ mười trong mười Địa. Nói cách khác, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị đây, học vị thấp nhất là Pháp Vân Địa Bồ Tát, địa vị cao lắm!

Kinh Nhân Vương chia Bồ Tát thành năm bậc, đều dùng chữ Nhân để gọi, cao nhất là Tịch Diệt Nhân. Pháp Vân Địa Bồ Tát là Tịch Diệt Nhân. Thấp hơn một bậc là Vô Sanh Pháp Nhân, Vô Sanh Pháp Nhân ai nấy đều nghe quen, trong kinh nhắc đến rất nhiều. Trong kệ Hồi Hướng cũng thường nói đến, còn Tịch Diệt Nhân ít nghe đến hơn. Tịch Diệt Nhân cao hơn Vô Sanh Pháp Nhân. Trong bài kệ Hồi Hướng của Tịnh tông, chúng ta thường niệm: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”, thường niệm hoài! Ngộ Vô Sanh tức là Vô Sanh Pháp Nhân. Vô Sanh Pháp Nhân là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, ba địa vị này chúng được Vô Sanh Pháp Nhân. Địa thứ mười, Đẳng Giác, Diệu Giác (Diệu Giác là quả vị Như Lai), ba địa vị này là Tịch Diệt Nhân, thanh tịnh tịch diệt. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền*” (Sanh diệt đã diệt rồi, tịch diệt hiện tiền), nói về cảnh giới này, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy, quý vị mới hiểu thân phận rất ráo của những vị

đó. Trên sân khấu, họ đóng những vai khác nhau, chứ sự thật đều là Phật, Bồ Tát Tịch Diệt Nhân.

Đã nói đến A La Hán thì cũng phải giới thiệu đơn giản như thế này:

Trong danh từ A La Hán bao gồm ba ý nghĩa:

1) Thứ nhất là Ứng Cúng. Phước huệ viên mãn, trong Tiểu Thừa là tiểu viên mãn, trong Đại Thừa là đại viên mãn. Ngài xứng đáng tiếp nhận đại chúng cúng dường, cho nên gọi là Ứng Cúng. Vì sao? Ngài thực sự là ruộng phước cho hết thảy chúng sanh, cúng dường Ngài có phước báo, gieo phước điền! Phước báo rốt cuộc ở tại đâu? Ta gieo phước ấy, ta được những gì? Con người hiện thời khởi tâm động niệm chẳng lia khỏi tánh thực dụng, đúng là rất thực dụng, không giả chút nào! Vị A La Hán đó có trí huệ, có đạo đức, có năng lực, chúng ta cúng dường Ngài, phục vụ Ngài, chúng ta không có trí huệ, chẳng có phước báo, Ngài trụ trong thế gian này, hoặc bất luận trụ trong thế giới nào, Ngài luôn mang thiện tâm thiện ý giáo hóa chúng sanh, dạy những gì? Dạy làm sao tu phước, dạy làm sao tu huệ. Quý vị nói xem hạng người như vậy ta có nên cung kính cúng dường hay chẳng? Chúng ta cung kính cúng dường có phải là được phước báo hay chẳng? Thực sự được phước báo.

Trong sự nghiệp của Ngài, ta có một phần duyên trong đó. Cúng dường bất luận là bao nhiêu, thành tâm, thành ý, đó là pháp bình đẳng. Cúng dường bao nhiêu không bàn đến, thành tâm thành ý cúng dường, tận tâm tận lực cúng dường, quý vị đạt được phước huệ trọn phần. Tận tâm tận lực cúng dường, thành tâm thành ý cúng dường, quý vị đạt phước huệ chân thật. Quý vị ức niệm Ngài, quan sát Ngài, thường xuyên nghĩ đến Ngài, tự nhiên ta sẽ sanh trí huệ, sanh phước đức. Chúng ta học Phật, thử hỏi có phải là chúng ta thường nghĩ đến Thích Ca Mâu Ni Phật, hoặc thường nghĩ đến A Di Đà Phật, thường xuyên quán sát Thích Ca, Di Đà. Các Ngài chẳng ở đây, ta quan sát bằng cách nào? Trong kinh điển giới thiệu rất rõ ràng, đọc tụng kinh điển là quan sát những hành vi của các Ngài.

Ngài đối với hết thảy mọi người, đối với hết thảy chúng sanh - hết thảy chúng sanh ở đây bao gồm cả hoàn cảnh tự nhiên, thực vật, khoáng vật. Hiện tượng tự nhiên đều do các duyên hòa hợp mà sanh; bởi thế, đều gọi là “chúng sanh”. Quán sát Ngài đối đãi thiên địa quỷ thần bằng cái tâm gì, thái độ như thế nào, hành vi ra sao? Chúng ta phải học tập theo đó. Bởi lẽ, tấm lòng, thái độ, cách làm của Ngài đều là thuần chánh,

chánh chứ không tà, giác chứ không mê, tịnh chứ chẳng nhiễm, thuần tịnh, thuần chánh, thuần giác. Quý vị tụng kinh, hằng ngày niệm kinh, miệng có, tâm không, chẳng thể đạt được lợi ích. Quý vị xem chẳng phải là cô đức thường dạy chúng ta: “*Tụng kinh phải tùy văn nhập quán*” đó sao? Đối theo kinh văn, khiến cho kinh văn và tâm mình dung hợp thành một thể, thì gọi là “*tùy văn nhập quán*”, thực sự biến thành của mình thì mới thực sự được lợi ích.

Nếu kinh văn là kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, tư tưởng kiến giải của chính mình vẫn là phiền não tập khí thì có ích gì? Đọc kinh kiểu đó chỉ là tốt lành ngoài miệng mà thôi, tâm hạnh chẳng hề thay đổi, chẳng dung nhập, chẳng khế nhập. Bởi thế, quý vị chẳng thể khế nhập cảnh giới nói trong kinh luận. Quý vị chẳng hấp thụ được một tí xíu xiu chất bổ nơi kinh luận! Kinh ấy chỉ niệm xuôi; thời gian, tinh lực đều lãng phí hết. Nói dễ nghe hơn một chút là “*một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đao*”, gieo hạt giống vào A Lại Da Thức mà thôi, hiện tại chẳng khởi tác dụng. Nói như vậy cũng là thật, chẳng giả đâu! Do vậy, có đọc vẫn hơn tốt hơn không đọc. Bất luận quý vị hữu tâm hay vô tâm, trong A Lại Da thức đều được gieo hạt giống. Hữu tâm, có ý thức đọc thì sức của chủng tử ấy mạnh hơn một chút. Vô tâm, vô ý, bất đắc dĩ miễn cưỡng tiếp nhận thì sức của chủng tử ấy rất yếu mỏng. Bồ thí, cúng dường là tu phước! A La Hán là Ứng Cúng.

Trước lúc chúng A La Hán thì ôm bát khát thực, bởi thế trong nhà Phật gọi Khất Sĩ; tỳ-kheo xưng là Khất Sĩ (chữ tỳ-kheo có ba ý nghĩa); chúng A La Hán rồi, chẳng gọi là Khất Sĩ nữa, mà gọi là Ứng Cúng. Khất là khát thực, người Trung Quốc gọi là “khất cái” (ăn mày), nhưng họ chẳng phải là Cái mà là Sĩ. Sĩ là gì? Là người đọc sách ở Trung Quốc. Tỳ-kheo có đạo đức, có học vấn, nên gọi là Sĩ.

2) Ý nghĩa thứ hai, A La Hán có nghĩa là Sát Tặc (giết giặc). Trong quá khứ, trước kia tôi ở Đài Loan, đã từng có một vị linh mục Thiên Chúa giáo cũng thường xem kinh Phật. Có lần, ông ta hỏi tôi: “Sao A La Hán vẫn còn bất thiện như thế? Ông ta còn sát tặc! Phật giáo các ông nói chẳng sát sanh, sao ông ta lại giết giặc?” Đó là đọc theo văn tự, chẳng hiểu rõ ý nghĩa bên trong. “Tặc” ở đây không phải là người, mà là gì? Là phiền não, ví phiền não như kẻ giặc. Bởi lẽ, nếu chúng ta gặp phải giặc, tài vật sẽ bị chúng nó cướp hết, tổn thất tài vật.

Phật nói con người có phiền não (Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não) chướng ngại pháp tài công đức nơi tự tánh, khác nào bị kẻ trộm đoạt đi, chẳng dùng được, chẳng thọ dụng

được. Bởi thế, ví phiền não như giặc, Sát Tặc là đoạn phiền não, là chuyển biến phiền não, có nghĩa như vậy, chứ chẳng phải là thực sự giết người! Phật, Bồ Tát dầu gặp kẻ trộm vặt hay cường đạo đến uy hiếp, cướp đoạt, các Ngài vẫn gặt gù, cười mỉm, hoan hỷ, sung sướng, chắc chắn chẳng so đo, lẽ đâu giết nó! Bởi thế, Tặc ở đây là phiền não. Tại nhân địa (khi còn tu nhân), tức là nơi tỳ-kheo thì xưng là Phá Ác, tức là đoạn ác tu thiện.

3) Thứ ba, A La Hán có nghĩa là Vô Sanh. Tiểu Thừa A La Hán chẳng còn thọ sanh trong luân hồi lục đạo, đã dứt sanh tử trong luân hồi lục đạo. Họ có vào luân hồi lục đạo là thừa nguyện tái lai, chứ chẳng vì nghiệp lực, bởi thế gọi là Vô Sanh. Nơi nhân địa, tỳ-kheo xuất gia gọi là Bồ Ma. Một người thực sự phát tâm xuất gia, Ma Vương đau đầu, cảm thấy hoảng sợ, vì sao? Ma Vương ái dục hết sức nặng, mà cũng hết sức chấp trước. Hẳn thống trị thế gian này, tất cả hết thầy người, hết thầy chúng sanh trong thế gian hẳn đều cho là quyền thuộc của mình. Nay quyền thuộc đó phát tâm xuất gia, muốn lìa khỏi hẳn, muốn vượt khỏi tam giới lục đạo, hẳn rất bức bối, cho nên hoảng hốt. Đó là ý nghĩa thứ ba.

Nay chúng ta hiểu Đại A La Hán, Đại A La Hán Vô Sanh, phải nhanh chóng đoạn hết vô minh, bốn mươi một phẩm vô minh chỉ còn hai phẩm chưa đoạn, thực sự vô sanh. Sát Tặc cũng là đoạn phiền não, đoạn sạch Trần Sa phiền não, đoạn sạch Kiến Tư phiền não, Vô Minh phiền não cũng sẽ phải đoạn sạch. Trí huệ, năng lực, tướng hảo giống như Phật quả, chẳng kém Như Lai cho mấy, hết sức gân, Bởi thế, Ngẫu Ích đại sư lại bảo chúng ta: Các vị ấy đều là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện thân phận Thanh Văn để vì chúng ta chứng minh pháp môn Tịnh Độ trì danh niệm Phật này chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, gọi là Đại.

Những vị ấy gân bên đức Phật, mỗi cá nhân đều thị hiện có năng lực thù thắng, nay chúng ta gọi là “chuyên trường” (sở trường). Mỗi cá nhân đều có sở trường thù thắng, được đại chúng trong xã hội biết đến, cũng như nay ta nói “mức độ nổi danh rất cao”. Những vị ấy hằng ngày theo Phật, học tập theo Phật, người thế gian trông thấy như vậy sẽ chịu ảnh hưởng của họ: Nhất định là Phật rất có đạo đức, rất có học vấn; nếu không, những vị kia sao lại học với Ngài? Bởi thế, các vị ấy là Ảnh Hưởng Chúng của hết thầy đại chúng. Giúp Phật giáo hóa chúng sanh, đó là “*chúng sở tri thức*”. “*Chúng*” là đại chúng trong xã hội. Đại chúng trong xã hội đều hay biết, mức độ nổi danh rất cao, ai nấy đều nhận biết (“*tri thức*”). Hoặc có thể nói: Tri là nghe tiếng, Thức là từng gặp mặt.

Hiểu ở mức độ sâu hơn, Tri là biết người ấy, cũng như đã từng gặp gỡ người ấy; Thức là gì? Thức là khá hiểu rõ, biết rõ người ấy. Tiếp đó, kinh nêu danh hiệu các bậc Thượng Thủ.

6.2.1.6.3.2. Nêu Tên Chúng Thanh Văn Thượng Thủ

Trưởng lão Xá Lợi Phất.

長老舍利弗。

Tổng cộng gồm mười sáu vị. Ngẫu Ích đại sư chia thành sáu loại lớn:

1) Loại thứ nhất là đạo đức, trí huệ, tài năng, “*đức huệ tài năng*” là loại thứ nhất.

2) Loại thứ hai tương phản sát sao, “*ngu muội độn căn*”. Ngụ muội độn căn chỉ có một vị, trong mười sáu vị chỉ có một vị, khi nào giảng đến, tôi sẽ giới thiệu cùng quý vị.

3) Loại thứ ba là “*hiển thị nhân quả*”. Hiển (顯) là tỏ rõ, Thị (示) là trình bày. Quá khứ gieo nhân, hiện tại chịu quả báo.

4) Loại thứ tư hoàn toàn tương phản, “*thiện tàng dưỡng hối*” (khéo giấu công phu tu dưỡng). Các vị này thực sự có đạo đức, có học vấn, có năng lực, nhưng chẳng tỏ lộ. Quý vị thấy họ tựa hồ tầm thường, nhìn chẳng ra đâu. Người Trung Quốc thường nói những người như vậy là “*thâm tàng bất lộ*”; nhưng Ngẫu Ích đại sư dùng nhóm chữ ấy rất hay, thâm tàng bất lộ không bằng “*thiện tàng dưỡng hối*”.

5) Loại thứ năm là “*thế pháp phương tiện*”, tức là tùy thuận thế gian, hành pháp phương tiện.

6) Cuối cùng là “*tinh tấn phá chướng*”, dũng mãnh, tinh tấn phá nghiệp chướng.

Chia thành sáu loại, nay chúng tôi giới thiệu từng vị một.

Vị thứ nhất là Xá Lợi Phất (Śāriputra), “*trưởng lão Xá Lợi Phất*”. Trong Phật pháp, Ngài đức cao trọng vọng, lại còn cao tuổi. Tuổi tác trẻ quá chẳng thể xưng là “*trưởng lão*”, nói chung phải có tuổi một chút. Trong quá khứ phải từ bốn mươi tuổi trở lên. Người bốn mươi tuổi trở lên, có đạo đức, có học vấn mới xưng là Trưởng Lão. Phật môn cũng chẳng ngoại lệ, nhà Phật tính theo thời gian xuất gia. Quý vị xuất gia đã lâu, có đạo đức, có học vấn, mọi người tôn xưng là Trưởng Lão. Trong các đồng học, ngài Xá Lợi Phất đại diện cho trí huệ bậc nhất. Nếu nói theo cách bây giờ, Ngài là một triết gia.

Trong xã hội đương thời, vị này đức cao trọng vọng, mọi người đều biết Xá Lợi Phất trí huệ trác tuyệt, biện tài vô ngại, suốt cả đời chưa từng gặp đối thủ. Thử nghĩ con người như thế theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời chẳng lìa khỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, ở sát bên Thích Ca Mâu Ni Phật thì Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế nào mà có thể khiến cho Xá Lợi Phất tâm phục, khẩu phục, biểu hiện ra hành động như thế? Tất nhiên Thích Ca Mâu Ni Phật đáng để chúng ta tôn kính, đáng để chúng ta học theo. Quý vị nhìn vào Xá Lợi Phất thì hiểu Ngài giúp Phật giáo hóa chúng sanh. Chúng tôi đọc trong kinh thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nói Xá Lợi Phất là cổ Phật tái lai, đã thành Phật từ bao nhiêu kiếp trước. Nay Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật tại nơi đây, Ngài cũng đến, thị hiện thân phận Thanh Văn, giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa. Vị thứ hai là:

Ma Ha Mục Kiên Liên.

摩訶目犍連。

Ma Ha (Mahā) là tiếng Phạn có nghĩa là Lớn. Đương thời, tôn giả Mục Liên (Maudgalyāyana) cũng rất nổi danh, được biết đến rất nhiều. Sở trường của Ngài là “*thần thông đệ nhất*”, cũng giống như nay ta nói Ngài là nhà khoa học. Thần thông của các nhà khoa học hiện nay thực sự chẳng thể so sánh với ngài Mục Kiên Liên. Thiên nhãn của ngài Mục Kiên Liên thấy được tam thiên đại thiên thế giới, thấy được thế giới nhỏ li ty. Khoa học gia hiện tại phát minh ra những khí cụ: Viễn vọng kính có thể thấy được rất xa, kính hiển vi thấy được thế giới vi sinh vật; nhưng các nhà khoa học sáng chế rất nhiều khí cụ, lợi dụng những khí cụ đó để quan sát, chứ ngài Mục Liên không cần đến chúng. Ngài thị hiện thần thông biến huyền khiến cho người ta tôn kính. Hai vị tôn giả này đều là đạo đức, trí huệ, tài nghệ vượt trội hơn người, trong tất cả các đồng học, nói theo cách chúng ta hiện thời, hai ngài là bậc nhân tài kiệt xuất. Vị thứ ba là:

Ma Ha Ca Diếp.

摩訶迦葉。

Vị này cũng thị hiện rất nhiều tài nghệ. Ma Ha dịch là Đại, Đại Ca Diếp (Mahā-Kāśyapa). Ngài có năm trăm đồ chúng (đệ tử), sau đều quy

y Thích Ca Mâu Ni Phật, toàn bộ biến thành Thường Tùy Chúng của Phật. Danh hiệu Ca Diếp có nghĩa là Âm Quang (uống ánh sáng); trên thân Ngài có ánh sáng vàng, ánh sáng vàng rờn từ đâu có? (Bởi thế Ngài cũng là thị hiện nhân quả). Trong quá khứ, Ngài dùng vàng rờn tu bồ tượng Phật. Tượng Phật cũ rồi, tượng Phật thép vàng, nhưng vàng thép bị rớt mất, chẳng còn trang nghiêm nữa. Ngài phát tâm thép vàng, bởi thế, cảm được quả đời đời kiếp kiếp thân có ánh sáng vàng rờn. nhục nhãn phàm phu không thấy được sự việc này, chứ nói thật ra, hoàn toàn không khó thấy, người tu Định đều có thể thấy. Tâm địa thanh tịnh thì quý vị sẽ thấy thân của mỗi cá nhân đều có ánh sáng vàng rờn, màu sắc chẳng giống nhau, lớn nhỏ khác nhau. Từ màu sắc của ánh sáng có thể biết được tình trạng sức khỏe, đó là điều người hiện thời rất quan tâm. Rất nhiều người luyện Khí Công có chút thành tựu, thấy được khí của người khác, nhà Phật chúng ta gọi là Quang, họ gọi là Khí.

Khi trước tôi ở Mỹ Quốc, ở Gia Nã Đại, từng gặp những người có công năng đặc dị từ Trung Quốc đến. Họ là bậc thầy Khí Công, bọn họ dạy Khí Công ở đó. Họ đều có thể thấy được, thấy người nào trên thân có quang minh hoàng kim là tốt nhất. Ánh sáng vàng, ánh sáng trắng, ánh sáng đỏ, ánh sáng lam, ánh sáng màu tro, rất nhiều thứ. Thầy Khí Công cũng trị bệnh cho người ta, họ trị bệnh bằng cách nhìn màu của Khí, tìm ra bộ vị mắc bệnh, sau đó mới trị liệu, cũng có hiệu quả khá. Bởi thế, người theo học rất nhiều. Giống như họ thấy được, người tu Định cũng thấy được.

Tôn giả Ca Diếp là kim quang, quang minh màu vàng rờn, Ngài là vị Đầu Đà đệ nhất. Đầu Đà (Dhuta) là khổ hạnh, khổ hạnh Tăng. Ngài Ma Ha Ca Diếp nhà cửa giàu có, xuất thân là con cháu gia đình giàu có mà có thể tu khổ hạnh, thật hiếm có, đáng quý! Nếu xuất thân từ gia đình bần cùng mà tu khổ hạnh thì nói trắng ra chẳng khiến mấy ai chú ý. Ngài xuất thân từ gia đình phú quý, lại muốn tu khổ hạnh, đại chúng trong xã hội rất chú ý. Vì sao Ngài sống cuộc đời như thế? Trong phương thức sinh hoạt ấy nhất định có đạo lý, nếu không, sao Ngài lại vứt bỏ phú quý, buông bỏ hết thầy hưởng thụ, đi tu khổ hạnh? Tu khổ hạnh, tham, sân, si, mạn, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thầy đều thực sự buông xuống. Buông xuống liền được đại tự tại! Thích Ca Mâu Ni Phật “*niêm hoa vi tiếu*” (cầm cành hoa giơ lên mỉm cười), đại chúng trong pháp hội khi ấy đều cảm thấy hoang mang, chẳng biết Thích Ca Mâu Ni Phật ngụ ý gì?

Thật ra, chư vị phải hiểu các Ngài đều diễn tuồng. Một ngàn hai

trăm năm mươi lăm vị ấy, đừng nói chi khác, chi đơn giản là Thường Tùy Chúng của đức Thế Tôn, đều là đại A La Hán, lẽ đâu chẳng biết! Đương nhiên là biết! Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều là cổ Phật tái lai, ngài Ca Diếp cũng là cổ Phật tái lai. Vai kịch cuối cùng giao cho Ngài diễn, dành cho ngài Ma Ha Ca Diếp biểu diễn. Bởi thế, ngài Ca Diếp thấy động tác ấy của đức Thích Ca Mâu Ni Phật bèn mỉm cười, Thích Ca Mâu Ni Phật giao cành hoa cho tôn giả, nói: “*Ta có Niết Bàn diệu tâm, Ca Diếp hiểu được ý ấy, bèn giao cho ông ta*”. Ngài trở thành Sơ Tổ Thiên tông. Câu chuyện này có chép trong kinh điển.

Bởi vậy, Ngài “*khổ hạnh thanh cao*”, Thiên tâm là chân tâm, mọi người chúng ta thấy Ngài rất khổ, cuộc sống rất khổ. Thật ra, Ngài sướng ta không hiểu nổi. Ngài ở trong cảnh giới Thiên, chúng ta sống trong ngũ dục lục trần, khổ lắm! Các Ngài thấy đó là khổ. Ta thấy các Ngài khổ, các Ngài thấy ta khổ. Ta cho mình rất vui, ta chẳng hiểu được niềm vui của các Ngài. Niềm vui Thiên Duyệt, đừng nói chúng ta không thể hiểu tí xít gì về niềm vui Thiên Duyệt, ngay cả niềm vui đọc sách chúng ta cũng chưa thể hiểu nổi. Khổng lão phu tử nói “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi làm theo, cũng chẳng vui ư), nay chúng ta “*học rồi làm theo, chẳng khổ lắm ư?*” Khổ quá chừng, vui ở chỗ nào? Bởi thế, đừng nói là cảnh giới của Phật, Bồ Tát; cảnh giới của Khổng lão phu tử đã có mấy ai hiểu nổi? Trong lịch sử Trung Quốc, người thực sự hiểu được niềm vui đọc sách chẳng có mấy ai! Hiểu được niềm vui đọc sách đều là thánh hiền. Hiểu được niềm vui Thiên Duyệt là cảnh giới của Bồ Tát, đâu phải cảnh giới phàm nhân!

Tôi cao là “*sanh diệt đã diệt, tịch diệt là vui*”, là sở chứng thuộc quả vị Như Lai. Từ Cửu Địa Bồ Tát trở về trước đều không có cách chi hiểu được. Vì thế, trong pháp tánh có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là chuyện thật, chứ không phải giả. Thường là bất sanh, bất diệt, vĩnh hằng bất biến. Lạc là niềm vui thực sự, quyết định chẳng khổ. Ngã là chủ tử, là tự tại. Tịnh là thanh tịnh, mây trần chẳng nhiễm. Trong tự tánh vốn sẵn có [những đức năng] như thế, đức Phật gọi là “*tứ tịnh đức*”, [tức là] bốn thứ đức lớn thanh tịnh, hết thầy chúng sanh ai nấy đều có đủ.

Vì sao bốn tịnh đức của quý vị chẳng hiện tiền? Vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Lia vọng tưởng, chấp trước là Thiên Định rất sâu. Bởi thế, Thiên Định chẳng phải là “*diện bích*” (nhìn vào vách), Thiên Định diện bích chẳng khởi tác dụng. Thiên Định là sống động, trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, đi, đứng, nằm, ngồi thầy đều là Thiên, vì hết thầy chúng sanh thị hiện mọi thứ, giáo hóa đủ cách.

Tâm kẻ ấy là tâm thanh tịnh, chẳng hề khởi tâm, động niệm; phân biệt, chấp trước, thấy đều chẳng có. Vì sao họ làm được như vậy? Tánh đức tự nhiên lưu lộ, pháp vốn là như vậy, người ấy vốn sẵn là như vậy.

Vì vậy, nếu quý vị hỏi vì sao những mẫu nước kết tinh của tiến sĩ Giang Bồn Thăng lại có những biến hóa như thế? Nó vốn sẵn là như thế, chắc chắn chẳng hề có mảy may vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nào, nhất định chẳng có; nhưng nước có năng lực, năng lực ấy là bản năng (năng lực sẵn có) có thể phản ứng thuận theo hoàn cảnh bên ngoài. Do phản ứng nên tạo thành biến hóa. Tình hình, năng lượng bên ngoài thiên biến vạn hóa, nước cũng phản ứng biến hóa theo. Bởi vậy, chắc chắn chẳng có hai kết tinh giống nhau. Điều này cho thấy hết thấy chúng sanh chẳng có hai người có cùng ý niệm, vì ý niệm sanh diệt trong từng sát-na. Trong một đời này, đời đời kiếp kiếp, chắc chắn quý vị chẳng có hai ý niệm nào hoàn toàn tương đồng! Từ phản ứng kết tinh của vật chất, quý vị có thể chứng minh được điều đó. Lại xem tiếp vị thứ tư:

Ma Ha Ca Chiên Diên.

摩訶迦旃延。

Đây cũng là bậc đức huệ, tài năng, luận nghị bậc nhất. Ca Chiên Diên (Katyayana) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán, thì cổ nhân có vị dịch là Văn Súc. Văn (文) là văn thái (phong cách văn chương), Súc (飾) là bóng bảy. Nói theo ngôn từ hiện thời, Ngài là nhà văn học, cũng là vị rất nổi danh trong xã hội đương thời, luận nghị bậc nhất. Luận nghị, có thể nói theo cách bây giờ là bình luận gia. Muốn trở thành một bình luận gia, nhất định phải biết nhiều thấy rộng, học rộng nghe nhiều thì mới làm được. Ngài có học vấn cao thâm, thực sự có trí huệ, học thức phong phú, mới có thể thành một bình luận gia hạng nhất được, luận nghị bậc nhất.

Nay đã hết giờ rồi.

Tập 07

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp Hệ Niệm Pháp Sự, phần A Di Đà Kinh. Lần trước đã giảng đến vị thứ tư trong mười sáu vị tôn giả.

Nay bắt đầu từ vị thứ năm:

Ma Ha Câu Hy La.

摩訶俱絺羅。

Vị này là cậu ngài Xá Lợi Phất. Trước kia, Ngài cũng là một nhân vật nổi tiếng trong xã hội, cũng khá tự phụ, thích cùng người khác biện luận. Trước kia, biện luận cùng chị, Ngài luôn chiếm thế thượng phong; từ khi bà chị mang thai, mỗi lần tranh luận Ngài đều thua. Ngài nghĩ: “Không đúng rồi! Thật ra chị mình chẳng có năng lực ấy, không cãi hơn được mình, chắc là đứa bé đang nằm trong bụng phải là một đứa trẻ có trí huệ. Đứa trẻ này sanh ra, nó là cháu ruột mình, mình là cậu nó. Nếu ta biện luận thua nó, còn mặt mũi gì làm cậu nữa!” Bởi thế, bèn đi học đạo, đến các nơi cầu thầy hỏi bạn, trong nhà Phật gọi là “*tham học*”. Dũng mãnh tinh tấn, ngay cả thời gian để cắt móng tay cũng không có; vì thế Ngài để móng tay rất dài. Người được mọi người kêu là Trường Trảo Phạm Chí (thầy tu Bà La Môn để móng tay dài) chính là Ngài vậy.

Sau này, Xá Lợi Phất sanh ra, quả nhiên trí huệ phi phạm. Sau đây, Xá Lợi Phất theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, ngài Câu Hy La chẳng phục, tìm Thích Ca Mâu Ni Phật toan tranh luận. Cuối cùng, Ngài chẳng thể không bội phục, cũng phát nguyện xuất gia, làm đệ tử thường tùy của Phật. Ngài là bậc “*vấn đáp đệ nhất*”, bác học, đa tài, học rộng, nghe nhiều. Từ điểm này, ta thấy Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật đúng là có đủ mặt những đại biểu thuộc tầng lớp văn hóa tối cao đương thời. Trong phần trên, Ngẫu Ích đại sư đã hé lộ sự thật: Các vị ấy đều là cổ Phật, hoặc Pháp Thân Bồ Tát tái lai, thị hiện đủ cách, hồng báo cho đại chúng trong xã hội biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Đây thực sự là một pháp môn khó tin. Nếu quý vị có thể tin được, học được, hiểu được thì lợi ích vô lượng vô biên, đúng là chẳng thể kể được hết. Vị thứ sáu là:

Ly Bà Đa.

離婆多。

Những vị này đều thuộc loại “*đức huệ tài năng*”. Ngài là bậc “*vô đảo loạn bậc nhất*”. Ly Bà Đa (Revata) dịch sang tiếng Hán là Tinh Tú. Trong kinh Di Đà, chúng ta niệm đến những câu “*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”, ngài Ly Bà Đa đúng là đại diện cho những cảnh giới ấy. Cảnh giới ấy ta cũng thường gọi là “*chánh giác chẳng mê*”. Ngài thực hiện viên mãn Tam Quy Y, thực sự thực hiện “giác chứ không mê,

chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm”.

Đồng học các nơi thường có người đến hỏi: “Đạo tâm chẳng dễ giữ gìn, thường bị thoái chuyển”. Với những vị đồng học ấy, tôi đều nói lời thành thực sau: “Đúng là rất dễ bị thoái chuyển, làm thế nào giữ cho không thoái chuyển? Quý vị phải tự nghĩ biện pháp!” Vì sao tôi phải nói như vậy? Mỗi cá nhân căn tánh bất đồng, nghiệp duyên bất đồng. Do vậy, không có cách nhất định nào để nói cả! Nếu có một phương pháp [duy nhất], Thích Ca Mâu Ni Phật cần gì phải giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, phải nói vô lượng pháp môn? Nói một môn là đủ rồi! Căn tánh chẳng tương đồng, cơ duyên chẳng giống nhau vậy!

Về phương pháp mỗi người sử dụng cũng phải thường biến hóa. Ví như chúng ta đi đường, thấy phía trước không thông, bị chướng ngại vật ngăn trở, làm cách nào đây? Chẳng thể tiến thẳng được, thì phải đi vòng, đi quanh, thông hiểu quyền biến! Bản thân mỗi cá nhân có rất nhiều chướng ngại, mình phải có trí huệ, phải có phương tiện. Phương tiện là phương pháp ôn hòa, tốt đẹp nhất để đột phá chướng ngại thì quý vị mới có thể thành tựu. Theo kinh nghiệm của chính tôi, làm thế nào để chẳng bị thoái chuyển ư? Lên đài giảng kinh! Cả một đời tôi dùng phương pháp này.

Bởi thế, có người nói tôi rất thích giảng, kẻ ấy không thấy rõ, kẻ ấy không hiểu vì sao tôi phải giảng kinh? Giảng kinh nhằm buộc chính mình chẳng thoái chuyển. Trong giai đoạn mới học, tôi đã thưa cùng quý vị rồi đó, vừa mới ra học giảng kinh, giảng một tiếng đồng hồ, phải mất bốn mươi tiếng chuẩn bị, toàn tâm toàn lực chuẩn bị cho công tác lên tòa giảng, không có thời gian, cũng chẳng có tinh thần khởi vọng tưởng. Đây là một phương pháp rất tốt, tự mình phải dùng phương pháp hữu hiệu để bức bách chính mình thì quý vị mới có thể thành tựu, quyết định chẳng được buông lung, lười nhác.

Tôi ở Mỹ quốc chẳng có cơ duyên giảng kinh hằng ngày: Không có thính chúng! Tôi làm cách nào? Tôi mua một cái máy thu hình nhỏ, loại máy thu hình nhỏ thời đó lớn hơn [máy thu hình] hiện nay, tôi để trong phòng tôi, mỗi ngày đối trước nó giảng hai tiếng đồng hồ. Giảng xong mở lại cho mình coi, lại lấy chính mình làm thính chúng. Nếu không học như thế, làm sao có thể học cho thông được. Phương pháp ấy tôi dùng ở Mỹ quốc từng bị các đồng học phát hiện, vì tôi cứ nhốt mình trong phòng làm chuyện đó. Nếu chẳng giảng kinh, nhất định bị thoái chuyển. Từ phương pháp ấy, tôi tạo thành một thói quen, mỗi ngày đều phải đọc kinh, mỗi ngày đều phải tìm cơ hội giảng pháp, giữ cho mình

không bị thoái chuyển. Bởi thế, phải dựa vào đó, chẳng thể dựa vào người khác, chẳng thể dựa vào đạo tràng. Nói thật ra, trong kinh đức Phật dạy chúng ta: “*Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy*” (thế gian vô thường, cõi nước mỏng manh). Phật xưng là Vô Y Đạo Nhân (ông đạo không nương tựa ai), lời răn dạy ấy chúng ta phải thường ghi trong lòng, người nương dựa duy nhất là chính mình, nương tựa vào sự tỉnh giác cao độ của chính mình.

Trong phần trước, chúng tôi đã thưa cùng quý vị, chúng Thanh Văn này chẳng tách rời Phật, thường theo Phật, tôi nói chúng ta cũng phải là Thường Tùy Chúng của Phật. Phật ở tại đâu? Ở trong kinh điển, kinh điển là trụ xứ của chư Phật. Chúng ta phải nương nhờ kinh điển, kinh điển là Phật, đáng nương cậy nhất, vĩnh viễn chẳng bị biến đổi. Nhân tình thế sự thiên biến vạn hóa, tâm chẳng thể chạy theo bên ngoài, đuổi theo bên ngoài phiền não rất nhiều. Quý vị nói học theo các pháp sư giảng kinh ư? Trước kia, tôi ở Đài Trung Học kinh giáo, học giảng kinh, thầy Lý đã nhiều lần bảo tôi: “Tương lai ông giảng kinh không hay, mọi người chê cười ông, vẫn không sao! Nếu giảng rất hay, ông không còn đường nào để đi đâu!” Vì sao giảng kinh hay sẽ không còn đường nào để đi? Cổ nhân Trung Quốc có một câu rất có lý: “*Đồng hành tương kỵ*” (người đi cùng đường ghét nhau), ghen ghét ấy mà! Trong đạo tràng này, nếu quý vị giảng hay hơn người khác, tất cả mọi người đều ghen ghét mình, nhất định quý vị phải ra đi, bị dồn vào đường cùng!

Lời thầy nói, tôi có ấn tượng rất sâu đậm, dấu vậy, vẫn không lo lắng, chưa hề nghĩ sau này thực sự bị dồn vào đường cùng. Nếu chẳng phải là nhờ cả nhà Hàn Quán Trưởng phát tâm từ bi, đón tôi về ở trong nhà bà, ở suốt mười bảy năm, mãi cho đến khi chúng tôi có được một cái Đồ Thư Quán, tôi mới có thể rời khỏi nhà bà Hàn Quán Trưởng, sống trong Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội, sống trong Hoa Tạng Đồ Thư Quán. Lời thầy Lý nói đã thành sự thật! Người có học vấn, học vấn chân chánh, nhất định phải hiểu được thế nào là thực sự thâm tàng bất lộ, mới hồng bảo toàn chính mình. Bởi thế, phải biết khiêm hư, nhường nhịn, chỗ nào cũng chẳng dám hơn người khác, thì chính mình mới tự bảo toàn được, cả một đời nhất định chẳng nghĩ chuyện vượt trội người khác, điểm này rất trọng yếu!

Ta học xong để hoằng pháp lợi sanh trong tương lai ư? Không sai! Phải đợi cơ duyên, chớ nên lo lắng. Quý vị có thành tựu, Phật, Bồ Tát sẽ an bài thay cho quý vị. Tôi thực sự đắc lực nhờ một câu giáo huấn của Chương Gia đại sư. Thời tiết, nhân duyên đã chín muồi thì Phật, Bồ Tát

sẽ an bài cho quý vị, tự mình chẳng phải nhọc lòng. Nếu ta vội vàng gấp gáp, sẽ thường có khó khăn chẳng ngờ xuất hiện! Đúng là muốn nhanh chẳng được! Hoằng pháp lợi sanh chắc chắn chẳng đơn thuần, phải hội đủ rất nhiều điều kiện; duyên chín muồi rồi thì chư Phật, Bồ Tát, thiên long thiện thần ủng hộ quý vị. Nếu thời tiết, nhân duyên chưa chín muồi, ngàn vạn phần chính mình chẳng nên khinh thường, vọng động.

Đương nhiên, đặc biệt đối với kẻ sơ học, có thầy ở bên cạnh chiếu cố thì tốt rồi. Gặp phải nghi hoặc gì, bèn thỉnh giáo thầy, thầy cho ý kiến để tham khảo. Thế nhưng giờ đây, địa cầu đã thu nhỏ lại, có người bảo nay nên gọi quả địa cầu này là “*địa cầu thôn*”, tôi cảm thấy địa cầu so với một thôn vẫn còn nhỏ hơn, phải nói đơn giản, thẳng thắn là một đại gia đình. Nhất là trong lúc kỹ thuật thông tin phát đạt, ở bất cứ xó xỉnh nào trên toàn thế giới vừa phát sanh một sự kiện nhỏ nhặt gì, toàn thế giới đều biết cả; từ mạng Internet, từ vệ tinh, truyền hình, lập tức truyền đi.

Bởi thế, nay ta ở trong thế gian này, có thể nói là chẳng bị khoảng cách nào ngăn trở. Thầy của chúng ta, bạn đạo đồng tham, thiện tri thức chẳng cần biết ở nơi nào, chúng ta cứ bấm điện thoại liền có thể tiếp cận. Quý vị thấy những máy điện thoại cầm tay (cell phone) hiện thời rất thuận tiện; có nghi hoặc gì bèn có thể lập tức thỉnh giáo. Loại điện thoại tối tân có màn hình, năm ngoái tôi đã từng thấy [loại này] ở Nhật Bản. Gọi điện thoại cho đối phương, về mặt của đối phương bèn hiện hình trong cell phone; trên máy điện thoại có một màn huỳnh quang nhỏ, trông thấy mặt người đối diện rất rõ rệt; cho thấy khoảng cách không còn nữa, không gian chẳng còn nữa. Chúng ta có còn phải giống như thời Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt ngày phải theo chân thầy nữa hay chẳng? Chẳng cần nữa! Quần bên chân thầy thì có rất nhiều việc chúng ta không thể làm được.

Tôi tin là khoảng sau ba năm nữa, có lẽ loại cell phone thấy được hình đối phương chắc chắn rất phổ biến. Hình như năm ngoái tôi đã từng nói, mạng Internet quốc tế (hiện thời gọi là broadband) phát triển không ngừng. Tôi tin là chẳng đầy mấy năm nữa, mạng Internet và cell phone rất có khả năng thay thế cho hệ thống TV vệ tinh hiện thời. Là vì sao? Chúng thực sự không thuận tiện cho lắm, nhất định sẽ phát triển theo phương hướng trên. Chúng ta học tập, mọi đồng học ở cùng một chỗ học tập Phật pháp, cần phải lợi dụng khoa học kỹ thuật cao để tạo rất nhiều sự thuận tiện cho chúng ta. Chúng ta có thể đối diện trò chuyện qua màn ảnh nhỏ “như đang ở ngay trước mặt”, khoa học kỹ thuật đã giúp cho

chúng ta như vậy.

Trong đoạn này, tôn giả Ly Bà Đa là một vị đức huệ tài năng. Vị thứ bảy là:

Châu Lợi Bàn Đà Già.

周利槃陀伽。

Vị này hoàn toàn tương phản với những vị vừa kể trên. Ngài là kẻ ngu si độn căn, đây cũng là biểu thị nhân quả, nhưng giới tuyến giữa “hiển thị nhân quả” và “tinh tấn phá chướng” chưa được vạch ra. Rất nhiều vị đồng học biết ngài Châu Lợi Bàn Đà Già (Suddhipanthaka), trong các đệ tử của đức Thế Tôn, Ngài là người ngốc nhất, trí nhớ tệ nhất. Phật dạy bài kệ bốn câu, niệm bao nhiêu ngày vẫn niệm không xong, niệm câu trên, quên câu dưới, dạy cho câu dưới, quên tuốt câu trên. Anh Ngài cũng xuất gia, khuyên Ngài nên trở về nhà: “Không xong rồi! Người không có cách gì học được! Ngu đến thế thì thôi!” Ngài khóc lóc, gào khóc âm ỉ; đức Phật trông thấy, hỏi:

- Vì sao con khóc?
- Anh con muốn con quay về nhà.

Đức Phật bảo Ngài:

- Không sao cả, ông cứ ở đây mà chăm học.

Đức Phật đưa cho Ngài cây chổi, dặn Ngài hằng ngày quét đất, [vừa quét vừa] niệm “tảo chửu” (quét dọn). Đức Phật dạy Ngài đừng nghĩ đến gì khác, tay cầm chổi liền quét dọn, ngày ngày quét tước, tinh thần ý chí tập trung vào việc quét dọn. Đức Phật dạy Ngài phương pháp như vậy. Không ít lâu sau, Ngài khai ngộ, chứng quả A La Hán. Bạn đồng học đều lấy làm lạ: “Sao ông lại có thể khai ngộ, chứng quả được?”

Đức Thế Tôn bèn bảo đại chúng:

- Đời trước, Châu Lợi Bàn Đà Già là một vị Tam Tạng pháp sư, chẳng phải tầm thường, giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, phải giữ lại một chút, tiếc pháp mà! Sợ người khác đều học cao hơn mình. Vì thế, dạy người khác luôn giấu bót, chẳng chịu dạy trọn vẹn cho người khác.

Đức Phật nói đời này [ngài Châu Lợi Bàn Đà Già] ngu si là do quả báo của tội tiếc pháp; đến lúc ấy, mọi người mới hiểu rõ sự việc. Trong kinh Phật thường nói tiếc của bị quả báo bần cùng, tiếc pháp bị quả báo ngu si, đều có nhân quả cả! Thích Ca Mâu Ni Phật có đủ trí huệ viên mãn, thần thông, đạo lực, Ngài biết cội gốc chứng bệnh ngu si của ngài Châu Lợi Bàn Đà Già nằm tại đâu; do vậy, có phương pháp đối trị giúp

ngài Châu Lợi khôi phục. Mọi người chẳng có năng lực ấy, cho nên đành phải bỏ mặc Ngài, chẳng dạy Ngài nữa. Ngài là bậc “*nghĩa trì đệ nhất, khôn học thành công*” (giữ gìn nghĩa lý bậc nhất, học hành khó khăn mà thành công).

Bởi vậy, có kẻ tự biết căn tánh của chính mình rất tệ, chẳng có tư chất, trí nhớ cũng dở, ta làm sao có thể học Phật? Ở đây, ngài Châu Lợi Bàn Đà Già thị hiện cho quý vị thấy, căn tánh của quý vị, trí nhớ của quý vị so với ngài Châu Lợi Bàn Đà Già thì như thế nào? Nghĩ ra, ta còn đỡ hơn Ngài một chút, Ngài có thể thành công thì sao quý vị chẳng thể thành công? Ngài cổ vũ kẻ Hạ Hạ căn rất lớn. Pháp môn này thích hợp khắp ba căn, thấu tóm lợi căn lẫn độn căn, những người như vậy được nêu gương ở chỗ này. Quý vị nói mình có trí huệ ư? So với trí huệ của ngài Xá Lợi Phất thì sao? Chẳng bằng! Ngài Xá Lợi Phất cũng niệm A Di Đà Phật, quý vị có nên niệm hay chẳng? Vị thứ tám là:

Nan Đà.

難陀。

Nan Đà (Nanda) là em ruột Thích Ca Mâu Ni Phật. Anh em Thích Ca Mâu Ni Phật gồm hai người, hai anh em ruột cùng xuất gia. “*Nghi dung thanh diệu đệ nhất*” (đẹp đẽ, oai nghi, tiếng nói hay bậc nhất). Tướng mạo đẹp đẽ, rất oai nghi, tiếng nói cũng hay. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng độ Ngài xuất gia; sau khi xuất gia theo đuổi công tác giảng dạy trong xã hội đa nguyên văn hóa. Thích Ca Mâu Ni Phật vứt bỏ ngôi vua, chỉ có hai anh em, cũng đem em theo luôn! Nếu nói theo thông tục, [chừng như] cả tình lẫn lý đều chẳng thông, mình xuất gia, lẽ ra phải lưu lại đời sau cho gia đình; nhưng con trai Thích Ca Mâu Ni Phật cũng cho xuất gia luôn. Da Thân Đà La là phi tử của Phật, về sau cũng xuất gia nốt. Nếu xuất gia chẳng phải là việc tốt, sao Thích Ca Mâu Ni Phật lại làm như thế? Thực sự đạt được lợi ích viên mãn rốt ráo, vĩnh viễn liễu thoát sanh tử. Vị thứ chín là:

A Nan Đà

阿難陀。

Tức là tôn giả A Nan (Ānanda), danh tiếng vị này rất lớn, ai nấy đều biết cả. Chúng ta nói đến tôn giả A Nan chính là vị này đây. Ngài là thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là em họ của Phật. Anh em họ

của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng tám người; trong các anh em họ, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn tuổi nhất, Ngài là “lão đại”, tôn giả A Nan trẻ nhất, là em họ út. Ngài nhỏ hơn Thích Ca Mâu Ni Phật chừng ba mươi tuổi. “*Đa văn đệ nhất, bác văn cường ký*” (Đa văn bậc nhất, nghe rộng, nhớ dai). Sở trường của ngài A Nan tương phản một trăm tám mươi độ với ngài Châu Lợi Bàn Đà Già! Tôn giả A Nan nghe Phật giảng kinh, nghe một lần vĩnh viễn chẳng quên mất.

Vì thế, sau khi Phật diệt độ, chuyện kết tập kinh tạng phải cậy tôn giả A Nan đem những kinh do đức Phật đã nói trong cả một đời nhắc lại một lượt; đại chúng căn cứ vào lời trùng tuyên của Ngài. Như vậy, Phật pháp được hoằng truyền cả mấy ngàn năm, học kinh giáo theo phương pháp nào? Thấy đều là chọn lối “phúc giảng” (nhắc lại); trong nhà Phật gọi là “phúc tiêu tòa”²⁶. Phương pháp này khởi đầu từ ngài A Nan, là nguyên do đó. Sau này, chư Tổ các đời truyền dạy cho nhau cũng đều dùng phương pháp này, nhất định chưa hề nói quý vị phải tự lấy kinh luận mà nghiên cứu, phải tham khảo tư liệu để soạn bài giảng, chẳng phải vậy! Chỉ có phương pháp này, nhất định chẳng thể biến đổi, phải phúc giảng (nhắc lại lời thầy đã giảng) thì quý vị mới hòng tránh khỏi lầm lỗi! Tự mình chưa có ngộ xứ, chắc chắn chẳng thể phát huy²⁷, nếu phát huy sẽ lầm lạc.

Đời Đường, thiền sư Bách Trượng độ một con chồn, công án ấy rất nhiều người biết: “*Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngũ bách thế dã hồ thân*” (Trót nói làm một chữ chuyển ngữ, năm trăm đời đọa kiếp chồn hoang). Con chồn ấy đời trước là pháp sư giảng kinh, có người hỏi ông ta một câu, ông ta đáp sai, phải chịu trách nhiệm nhân quả, vì ông ta dạy sai người khác. Bởi thế, vị pháp sư ấy chết đi, bèn đọa làm thân súc sanh, biến thành con chồn. Đến đời Đường, con chồn ấy tu hành cũng khá, cũng có thần thông, biết nghiệp chướng đời trước, nhưng không có cách nào thoát thân chồn. Đúng ngay lúc đó, may sao gặp được thiền sư Bách Trượng là một vị Bồ Tát khai ngộ, là bậc minh tâm kiến tánh. Bách Trượng đại sư giảng kinh thuyết pháp, chồn thường đến nghe, hiện làm

²⁶ Phúc tiêu tòa là lối tập giảng, trong đó, học trò sẽ lên tòa giảng, giảng lại dựa theo lời giảng của thầy trước đó. Tham dự những buổi giảng như vậy chỉ có thầy và các đồng học, không có người ngoài tham dự nên gọi là “tiêu tòa”. Mục đích của phúc tiêu tòa nhằm giúp cho người giảng luyện tập, cũng như tiếp nhận sự đóng góp ý kiến của thầy và đồng học.

²⁷ Phát huy ở đây có nghĩa là tự mình lập ra ý kiến riêng nhằm giải thích những điều người trước chưa nói tới, hay chưa giảng cặn kẽ.

một vị lão cư sĩ râu tóc bạc phơ thường đến nghe kinh, người trong đạo tràng đều biết ông ta. Chỉ có Bách Trọng đại sư biết ông ta không phải là người, mà là hồ ly tinh, mọi người không biết!

Có một ngày, lão hồ ly đem đoạn công án trước kia của ông ta thưa hỏi pháp sư Bách Trọng, cầu pháp sư Bách Trọng cứu vớt. Bách Trọng đại sư nói: “Ngày mai ông đến, ngày mai ta thượng đường thuyết pháp, ông đem câu hỏi trước kia người ta hỏi ông, đem đúng câu ấy hỏi tôi” A! Hôm sau ông ta đến thật. Trong quá khứ có người hỏi ông ta, tức là khi ông ta làm pháp sư có người hỏi: “Bậc đại tu hành còn thuộc trong nhân quả hay không?” Ông ta đáp như thế nào? “*Bất lạc nhân quả!*” (chẳng thuộc trong nhân quả). Nói vậy là sai! Ngày hôm sau, ông ta đem chuyện đó hỏi Bách Trọng đại sư, Bách Trọng đại sư chỉ đổi một chữ. Do vậy, ông cũng hỏi: “Người tu hành còn rớt trong nhân quả hay không?” Bách Trọng đại sư nói: “*Đại tu hành nhân bất muội nhân quả!*” (Bậc đại tu hành chẳng lầm nhân quả).

Quý vị thấy đó một đằng là “*bất lạc*”, một đằng là “*bất muội*”. Đổi một chữ thôi, ông ta bèn thoát thân chồn. Ngày hôm sau, con chồn già chết, Bách Trọng đại sư mới dẫn vài người, mang cuốc, mang ky ra sau núi, bảo mọi người: “Con chồn già sau núi đã chết rồi!” Đến nơi, quả nhiên thấy con chồn già đã chết rồi, Bách Trọng chỉ vào chồn nói: “Con chồn già này hôm qua đến hỏi ta”, kể cho mọi người nghe đoạn công án ấy. Đại chúng nghe xong lông tóc dựng ngược. Nếu anh giảng kinh thuyết pháp sai lầm, dạy lầm chúng sanh, tội lỗi ghê gớm lắm! Bởi thế, đời này truyền cho đời kia là phúc giảng, nhất định chẳng dám xen tạp ý nghĩ riêng của mình vào đó, thì mới khỏi gánh trách nhiệm nhân quả. Nếu giảng lầm là thầy mình giảng lầm chứ ta không giảng lầm.

Bởi thế, chúng tôi học giảng kinh, thầy dạy chúng tôi cách giảng như thế nào? Chính mình chưa khai ngộ (đừng nói là đại ngộ, tiểu ngộ cũng chưa có) thì nhắc lại lời thầy, nhắc lại lời cổ nhân. Quý vị nghe tôi giảng kinh A Di Đà, tôi giảng theo bản chú giải Sớ Sao của Liên Trì đại sư, tôi giảng theo sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Đối với Yếu Giải, tôi cũng tham khảo hai bản, bản A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh và bản A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký của pháp sư Bảo Tịnh, tôi giảng theo bản chú giải của các Ngài. Các Ngài chú giải bằng thể loại Văn Ngôn, tôi đem Văn Ngôn biến thành văn nói,

biến thành văn Bạch Thoại²⁸. Nếu có giảng sai là các vị đó chú giải sai, tôi chẳng giảng sai.

Lúc mới học giảng kinh, học theo thầy. Trước kia, chúng tôi học tập rất khổ sở, vì sao? Không có máy thâu âm, không có máy thâu hình, thầy giảng kinh, chúng tôi toàn phải chép tay, phải dựa vào bút ký, khá là khó nhọc. Thường bị ghi sót, làm sao ghi hoàn toàn được? Ghi sót thì làm sao? Hỏi bạn đồng học, xem vị đồng học nào chẳng ghi sót câu ấy. Vì thế, mấy bạn đồng học hợp lại, chỉnh lý bút ký. Các đồng học chúng tôi lúc mới đầu giảng kinh, thầy đều dựa theo lời giảng của thầy Lý, phúc giảng, phúc tiêu tòa, đều xuất thân từ phương pháp ấy.

Tôi nhớ năm 1977, đến Hương Cảng giảng kinh Lăng Nghiêm lần thứ nhất, bản chú giải tôi dùng làm cơ sở là bản Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, tham khảo bản Lăng Nghiêm Kinh Trực Giải của Tôn Trọng Hà. Trong thời gian giảng kinh, có một hôm gặp pháp sư Diễm Bồi, Ngài có không ít tin đồ tại Hương Cảng, thuê bao cả một xe du lịch, đi ngắm phong cảnh Hương Cảng, cũng kéo cả tôi cùng đi. Chúng tôi trò chuyện trên xe, nói tới chuyện giảng kinh, Ngài rất cảm khái nói: “Chúng ta đều xuất thân từ giảng tiêu tòa!” Ngài chỉ vào tôi bảo: “Tịnh Không! Ông cũng chẳng ra ngoài lệ đó. Ông cũng xuất thân từ giảng tiêu tòa!” Không sai chút nào! Những học sinh được huấn luyện từ Phật học viện chẳng thể lên giảng đài thuyết pháp, người thực sự có thể thăng tòa, giảng được, đều xuất thân từ giảng tiêu tòa.

Bởi thế, giảng tiêu tòa do tôn giả A Nan là người thứ nhất khởi đầu, kết tập kinh tạng là phúc giảng. Phương pháp này truyền mãi đến ngày nay. Nay tôi dạy học trò, dạy học viên thuộc Bồi Huấn Ban (lớp huấn luyện bồi dưỡng) ở Tân Gia Ba đều dùng biện pháp này. Hiện tại rất thuận tiện, ngày nay có băng thâu hình, có băng thâu âm, quý vị có thể nghe đi nghe lại không ngừng, chép thành bài giảng. Thời chúng tôi rất nhọc nhằn, hết sức khó khăn, chẳng có thứ gì hỗ trợ cả, phải dựa vào ký ức, phải dựa vào bút ký rất cực nhọc.

²⁸ Văn ngôn và Bạch Thoại là hai thể văn của Trung Quốc. Bạch Thoại còn gọi là Ngữ Thể, một thể viết theo tiếng nói. Nói cách khác, đó là hình thức văn viết của tiếng Phổ Thông (Mandarin) hay Hán Ngữ hiện đại. Văn Ngôn là loại bút ngữ dùng trong biên chép hoặc trước thuật, là loại Hán ngữ được dùng phổ biến từ phong trào Ngũ Tứ (1919) trở về trước. Đối với người Trung Quốc, một cách thực hành để phân biệt hai thể văn ấy là: “*Hễ dùng tai nghe và hiểu được là Bạch Thoại; hễ không dùng mắt để xem thì không hiểu được thì là Văn Ngôn*”. (Theo Trần Văn Chánh, *Từ Điển Hư Từ Hán ngữ cổ đại và hiện đại*, nxb Trẻ, TPHCM, 2002).

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp vị thứ mười trong mười sáu vị tôn giả:

La Hầu La.

羅睺羅。

Tôn giả La Hầu La (Rāhula) “*mật hạnh bậc nhất*”, Ngài là nhà thực hành, là con của Thích Ca Mâu Ni Phật. Danh tự này là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Phú Chương, tên nghe không hay, có chướng ngại! Ở phần trên, trong bài Hương Tán có niệm câu “*Tích nhật Da Thâu miễn nạn tiêu tai chướng*” (Xưa bà Da Thâu thoát nạn tiêu tai chướng), Da Thâu Đà La là mẹ La Hầu La, Thích Ca Mâu Ni Phật là cha. Ngài mắc phải nạn gì? Mẹ Ngài mang thai sáu năm mới sanh ra Ngài. Người thông thường chỉ ở trong thai mười tháng, La Hầu La sáu năm. Do duyên có gì? Quả báo đấy! Đời trước gây nhân chẳng lành, đời này phải chịu nỗi khổ thai ngục. So với người thông thường Ngài phải chịu khổ nhiều gấp bội, người ta thông thường mười tháng, Ngài phải chịu sáu năm, hơn bảy mươi tháng, dài gấp bảy lần mọi người. Vì nguyên nhân gì? Trong kinh luận nêu nhiều lẽ, trong Kinh Luật Di Tướng và Pháp Uyển Châu Lâm đều có ghi chép.

Theo một thuyết, cũng là theo kinh nói, trong đời quá khứ, ngài La Hầu La từng bít hang chuột, bít hang chuột sáu ngày, con chuột không chui ra khỏi hang được. Hành vi ác dữ cảm lấy quả báo như thế, ở trong bụng mẹ cũng chẳng ra được. [Ngài La Hầu La] lên chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên độ cho La Hầu La xuất gia, Phật môn bắt đầu có sa-di, La Hầu La là vị đầu tiên. Trẻ nít ham chơi, người khác thấy La Hầu La hằng ngày chơi đùa, Thích Ca Mâu Ni Phật biết trong chơi đùa có tu hành, “*mật hạnh bậc nhất*”. Ngài tu Giới - Định - Huệ chẳng để lộ ra bóng dáng, người khác không thấy. Trước kia, Chương Gia đại sư bảo tôi điều này: “*Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức*”. Tôi nghe Chương Gia đại sư nói như vậy là lần thứ nhất. Lần thứ hai, tại Tân Gia Ba gặp tổng thống Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan), ông ta cũng nói như thế. Lúc ấy, tôi rất kinh ngạc, ông ta

nói giống hệt như Chương Gia đại sư: Phật giáo trọng thực chất, chứ không trọng hình thức. Đúng là người tầm thường chẳng thể nói được như vậy. Vị thứ mười một là:

Kiều Phạm Ba Đề.

憍梵波提。

Là bậc “*được trời cúng dường bậc nhất*”, nay ta gọi Ngài là nhà tôn giáo. Ngài cũng là “*hiển thị nhân quả*”, làm gương cho chúng ta thấy. Kiêu Phạm Ba Đề (Gavāmpati) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Nguu Ty (trâu nhoi). Miệng Ngài suốt ngày từ sáng đến tối nhóp nhép, giống như trâu đang nhoi, Ngài vương tập khí ấy. Rốt cuộc là vì nguyên nhân gì? Đức Phật đã giảng rất rõ: Trong đời quá khứ, tôn giả làm sa-di, trông thấy lão hòa thượng đang niệm kinh, tuổi đã già lụn, răng cỏ rụng mất nhiều, niệm chẳng rõ tiếng, chú sa-di ở bên cạnh chê cười: “Lão hòa thượng! Ông niệm kinh giống trâu nhoi quá!” Vị lão hòa thượng ấy lập tức kêu chú sa-di sám hối, bảo: “Ta đã chứng quả A La Hán, do khẩu nghiệp ấy, tương lai ngươi sẽ bị đọa địa ngục”. Chú sa-di nghe xong hết sức hoảng sợ, kinh hoàng, lập tức sám hối. Dù sám hối, do dư báo, vẫn bị đọa vào súc sanh đạo, năm trăm đời làm thân trâu. Vì vậy, tập khí rất sâu.

Trước kia châm chích người khác, ngỡ là chẳng có chuyện gì, đâu biết là quả báo nghiêm trọng. Phật, Bồ Tát thị hiện cho chúng ta thấy, đó là quả báo của ác khẩu, chẳng phải là vọng ngữ (nói dối), lưỡng thiệt (nói đôi chiều), ý ngữ (nói thêu dệt). Quả báo của ác khẩu là như thế. Những nghiệp khác: vọng ngữ là lừa dối người, lưỡng thiệt là khêu dậy thị phi, đáng tội rồi! Còn ở đây bắt quá là gì? Ôm lòng làm khổ người khác, châm chích người khác, chẳng gây thương hại lớn cho lắm mà phải đọa làm thân trâu năm trăm đời!

Đời này tuy xuất gia học Phật, chứng đắc quả A La Hán, nhưng tập khí vẫn còn. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Ngài hằng ngày phải khát thực trên cõi trời, vì sao? Để người khác khỏi trông thấy Ngài như thế, lại chê cười Ngài, lại mắc phải quả báo đó, chẳng phải là hại người ư? Làm thế nào đây? Lên trời, lên đó ứng cúng. Chư thiên có thần thông, biết Ngài là đại A La Hán, sẽ tôn kính Ngài, chẳng dám chê cười. Bởi thế, mỗi ngày Ngài lên trời khát thực, chẳng ở trong nhân gian, được trời cúng dường bậc nhất. Sau tên Ngài, tôi viết “*nhà tôn giáo*” vì Ngài chẳng phải là kẻ tầm thường. Vị thứ mười hai là:

Tân Đầu Lô Phả La Đọa.
賓頭盧頗羅墮。

Tôn giả Tân Đầu Lô Phả La Đọa (Pindola Bharadvaja), danh hiệu của Ngài dịch thành Bất Động. Ngài cũng có nhân duyên đặc biệt. Sau khi đức Phật nhập diệt, chúng ta biết rất nhiều vị đệ tử cũng trước sau nhập Niết Bàn; chỉ có vị tôn giả này tuân lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, chẳng thể nhập Niết Bàn. Vì thế, vị tôn giả này vẫn còn hiện hữu trên thế gian. Phật giữ Ngài lại trong thế gian nhằm ý gì? Dạy Ngài làm phước điền cho chúng sanh thời Mạt Pháp, “*ứng mạt thế cúng, vi nhân thiên phước điền*” (nhận đời mạt cúng dường, làm ruộng phước cho trời người).

Vị tôn giả này sống lâu trong thế gian. Chúng ta muốn cúng dường Tam Bảo, cũng học đòi cổ nhân làm đại hội Vô Già một lần. Vô Già đại hội là thuật ngữ chuyên dụng trong Phật học, tức là bình đẳng cúng dường cho người xuất gia, hay “trao tặng”. Nhà Phật thường nói Thiên Tăng Trai (cúng trao tặng một ngàn vị), ngày nay chúng ta mời một ngàn vị xuất gia đến ăn cơm, cúng dường cơm chay, vật cúng dường hoàn toàn bình đẳng, đó là Vô Già đại hội. Nhất định có thánh hiền tặng đến thọ cúng (nhận cúng dường), người cúng cơm có phước, thực sự gieo phước điền. Tôn giả Tân Đầu Lô thường đến ứng cúng, ở đâu có người tu phước, Ngài bèn đến ứng cúng. Ngài dùng thân biến hóa mà đến, quý vị nhìn không ra đâu, chẳng khác gì người xuất gia thông thường. Trai chủ cúng cơm trong tâm thành kính, thành kính là Cảm, tôn giả bèn Ứng, cảm ứng đạo giao. Nếu cúng Trao Tặng chẳng có thành ý, Ngài chẳng đến, phải có thành ý! Tu phước, ta cúng Trao Tặng là vì cầu phước báo, cầu trí huệ, mong cầu chư Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì. Vị thứ mười ba là:

Ca Lưu Đà Di.
迦留陀夷。

“*Giáo hóa bậc nhất*”, nay ta gọi Ngài là nhà giáo dục. Ca Lưu Đà Di (Kaludayin) dịch là Hắc Quang. Ngài còn là sứ giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, có trí huệ, có phương tiện thiện xảo, đầy đủ những điều kiện ấy mới có năng lực giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh quan trọng nhất là lấy thân mình làm gương, ngôn hạnh, oai nghi thầy đều có thể

cảm hóa chúng sanh. Công tác quan trọng nhất của đệ tử nhà Phật là gì? Cũng có rất nhiều người đã từng nghe nói qua! Chính là lấy hoằng pháp làm gia vụ, sự việc lớn nhất trong nhà Phật là giáo hóa chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật làm gương cho chúng ta, giảng kinh hơn ba trăm hội, hoằng pháp bốn mươi chín năm, làm cho chúng ta thấy. Lúc nào mới ra giảng kinh? Trước hết phải tu đức hạnh, lại phải thành tựu học vấn. Cổ nhân Trung Quốc thường nói là “*phẩm học kiêm ưu*” (đạo đức lẫn học vấn đều cao), Phẩm (品) là đức hạnh, vừa có đạo đức vừa có học vấn thì mới có thể tự hành dạy người. Tôn giả nêu tấm gương tốt cho chúng ta. Tiếp đó là vị thứ mười bốn:

Ma Ha Kiếp Tân Na.

摩訶劫賓那。

Danh hiệu vị này dịch nghĩa sang tiếng Hán là Phòng Tú (sao Phòng)²⁹ hay Tinh Tú. Tôn giả Ma Ha Kiếp Tân Na (Mahākapphina) là bậc “*tri tinh tú đệ nhất*”, nói như bây giờ Ngài là nhà thiên văn học, cũng là một loại khoa học gia.

Bạc Câu La.

薄拘羅。

Tôn giả Bạc Câu La (Vakkula), Bạc Câu La dịch nghĩa sang tiếng Hán là Thiện Dung. Thiện Dung là tướng mạo đẹp đẽ, tướng mạo Ngài tốt đẹp phi thường, vẻ mặt khiến người thoát trông thấy liền sanh tâm vui thích, “*thọ mạng đệ nhất*”, nhân lành, quả lành. Trong kinh luận Đại Thừa, Tiểu Thừa Phật giáo thường dạy chúng ta: Sở cầu của hết thảy chúng sanh đều nhiều, nhưng quy nạp lại thì không ngoài ba loại lớn, thứ

²⁹ Sao Phòng (Phòng Tú, gọi đầy đủ là Phòng Nhật Thố) là một trong Nhị Thập Bát Tú. Nhị Thập Bát Tú không phải là 28 ngôi sao riêng lẻ mà là hai mươi tám chòm sao (tinh cung) theo Chiêm Tinh Học Trung Hoa. Người Hán chia bầu trời thành bốn khu vực, gọi là Thanh Long (phương Đông), Huyền Vũ (phương Bắc), Bạch Hổ (phương Tây), và Châu Tước (phương Nam). Trong mỗi khu, lại chia thành 7 tinh cung. Do vậy, có khái niệm Nhị Thập Bát Tú. Phòng Tú là tinh cung thứ tư trong bảy tinh cung thuộc phương Đông, được coi là “bụng rỗng” vì nằm chính giữa vị trí Thanh Long. Chòm sao này được gọi tên theo ngôi sao chính là sao Phòng (Phòng tinh). Phòng Tú Tinh Cung gồm bảy ngôi sao là Phòng, Câu Linh, Kiện Bế, Phạt, Đông Hàm, Tây Hàm, Nhật Tinh và Tùng Cung.

nhất là giàu có, thứ hai là thông minh trí huệ, thứ ba là mạnh khỏe sống lâu. Quý vị nghĩ xem có ai không mong cầu ba thứ này? Ba thứ này đều là quả báo. Quả ắt có nhân, nhân quả phải tương ứng. Ngạn ngữ thường nói: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng). Chúng ta hãy nghĩ xem trong nhà Phật, vì sao có cầu ắt ứng? Cầu chỗ khác không được, cầu trong nhà Phật bèn được. Vì sao? Phật biết nhân quả, nhân như thế nào, được quả như thế đó, đức Phật hiểu rõ.

Nói chung, nhân là tu Bồ Thí. Đức Phật dạy con người phước huệ song tu. Trong phước huệ song tu, đặt phước lên đầu. Nhà Phật thường nói: “*Tu Huệ bất tu Phước, La Hán thác không bát*” (Tu Huệ chẳng tu Phước, La Hán ôm bát rỗng). Anh tu Huệ, chứng đắc quả A La Hán, nhưng chẳng tu Phước, đi khất thực chẳng được ai cúng dường, ngày ngày đói meo. Trái lại là “*tu Phước bất tu Huệ, đại tượng quải anh lạc*” (tu Phước chẳng tu Huệ, voi to đeo anh lạc). Phước báo rất lớn, nhưng chẳng có trí huệ, đời sau đọa trong đường súc sanh, đầu thai làm thân voi lớn. Con voi lớn ấy có phước báo, được vua nuôi. Quốc vương muốn ra ngoài, cưỡi con voi lớn đó, khắp thân voi phủ đầy anh lạc, châu báu, châu tỏa ánh sáng chói lòa, có phước nhưng không trí huệ! Bởi thế, đức Phật dạy nếu ai phước huệ song tu thì quả báo của quý vị sẽ vừa có trí huệ vừa có phước báo. Nếu cả hai thứ đều chẳng tu, người ấy tất nhiên đời đời kiếp kiếp bần cùng, hạ tiện. Chúng ta phải tin tưởng lời Phật, lời Ngài trọng yếu hơn bất cứ gì khác.

Hiện nay rất nhiều trường Đại Học, viện nghiên cứu đang nghiên cứu, khám phá cách làm giàu. Chúng tôi trông thấy cảm khái vạn phần, quan sát cận kề coi họ dạy, họ học những gì? Toàn là đồ công sức nơi duyên, chẳng có nhân! Ví như quản lý công thương, mọi kỹ thuật cho đến các mối quan hệ, họ căn cứ theo số liệu thống kê. Trên thế giới có bao nhiêu đại tài chủ, họ khởi đầu từ đâu? Kinh doanh như thế nào? Làm sao kiếm được nhiều tiền như thế? Nghiên cứu những thứ đó, muốn học đòi, muốn bắt chước theo. Chuyên gia, giáo sư giảng rành rẽ từng điều, nhưng chúng ta đứng bên cạnh nghe ngóng, bản thân họ chẳng phát tài, thậm chí cuộc sống của họ còn khá khó khăn. Cả đời dạy trong trường Đại Học, lúc về hưu (dạy khá thì được phong danh hiệu Giáo Sư), được các công ty mời mọc làm cố vấn, chẳng làm tài chủ! Anh hiểu được con đường làm giàu như thế, sao anh không phát tài? Bởi thế, chúng ta đứng ngoài thấy rất rõ, những điều họ học, họ dạy toàn là duyên, chẳng có nhân gì cả!

Giống như thế nào? Giống như chúng ta canh tác, trồng trọt. Đồi

với kỹ thuật trồng trọt, có thể nói là họ nghiên cứu rất kỹ, phân tích đất đai, thành phần nước, phân bón, khí hậu, ánh nắng, không khí, với những điều ấy họ đều nghiên cứu rất kỹ lưỡng, khuyết điểm của họ là gì? Họ không có hạt giống. Là những chuyên gia, nhưng không có hạt giống thì không trồng được gì hết! Hạt giống là gì? Trong mạng của quý vị phải có của cải. Trong mạng của quý vị chẳng có của cải, dù kỹ thuật, phương pháp hay đến đâu đi nữa, cũng chẳng thể phát tài! Trong mạng thực sự có của, chẳng cần hiểu phương pháp gì, bất luận làm cách nào, tài nguyên vẫn cuộn cuộn đổ tới.

Sự thật ấy chỉ có đức Phật biết rõ, đức Phật nói rất minh bạch. Trong mạng của quý vị có tiền của, trong bói toán gọi trường hợp này là “tài khố” (kho của cải), của cải ấy từ đâu mà có? Do bố thí mà có! Trong quá khứ, quý vị tu Tài Bố Thí rất nhiều, nên “tài khố” trong mạng quý vị phong phú, rất lớn. Bất luận làm nghề gì cũng đều phát tài. Trong quá khứ kiếp của, chẳng chịu bố thí, trong đời này kho đụn trống rỗng, học nghề khéo gì vẫn chẳng thể phát tài. Tôi đa là học xong khóa học, tốt nghiệp rồi bèn vào công ty giúp người ta kiếm tiền, làm nhân viên cho người ta, chính mình chẳng phải là ông chủ!

Thông minh trí huệ do bố thí pháp, khỏe mạnh sống lâu do bố thí vô úy. Tôn giả Bạc Câu La thọ mạng bậc nhất, chúng ta thấy như vậy, biết là trong quá khứ, tôn giả đời đời kiếp kiếp bố thí vô úy rất nhiều. Ngài là thiện nhân, đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, trông thấy hết thấy chúng sanh mắc phải tai nạn, Ngài vui vẻ ra tay giúp đỡ, do vậy, được quả báo trường thọ. Vị cuối cùng là:

A Nậu Lô Đà.

阿耨樓駄。

Danh hiệu này dịch thành Vô Bần, đây cũng là hiển thị nhân quả. A Nậu Lô Đà (Aniruddha) cũng là trong đời kiếp quá khứ lâu xa về trước, từng bố thí cúng dường một vị Bích Chi Phật. Bích Chi Phật đi khát thực, Ngài cung kính cúng dường. Ngài được phước báo dài nhiều kiếp (chẳng thể tính số năm, phải dùng số kiếp để tính). Bao kiếp chẳng chịu quả báo bần cùng. Duyên phận tốt đẹp, gặp Bích Chi Phật, tự mình có thể cung kính cúng dường, được phước báo ấy. Ngài cũng là em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật, lúc nghe kinh pháp thường ngủ gật, tinh thần chẳng tỉnh táo, bị Thích Ca Mâu Ni Phật quở trách. Đức Phật mắng Ngài

giống như loài ốc, loài nghêu, ngủ một giấc là ngủ cả ngàn năm, chẳng nghe được danh hiệu Phật.

Ngài A Nậu Lô Đà rất buồn bực, sau khi bị Phật quở, thật dừng mãnh, tinh tấn, suốt bảy ngày bảy đêm không ngủ, bị mù mắt vì dụng công quá độ. Thích Ca Mâu Ni Phật thương xót, dạy Ngài tu một pháp môn, Ngài tu thành công. Tu thành công rồi, mở được Thiên Nhân, trong Tăng đoàn được xưng là “*bán đầu thiên nhân*”. Ngài nhìn chẳng cần trông mắt, nửa đầu đều là mắt, đều thấy được, thấy phía trên, thấy khắp bốn phía, thấy cả đằng sau, “*bán đầu thiên nhân*” đây! Trong các vị A La Hán, Ngài là bậc “*thiên nhân đệ nhất, phước đức khôn học*” (thiên nhân bậc nhất, phước đức, nhọc nhằn học hành).

Trong kinh Phật dạy chúng ta, Thiên Nhân của Tiểu Thừa A La Hán thấy được một tiểu thiên thể giới, thông thường, mọi A La Hán có thể thấy được một tiểu thiên thể giới. Tiểu thiên thể giới bao lớn? Nếu nói như cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta biết một thể giới là một Ngân Hà Hệ (Milky Way, Galaxy). A La Hán thấy được một ngàn Ngân Hà Hệ chẳng cần dùng đến máy móc. Tất cả hết thấy tinh cầu trong một ngàn Ngân Hà Hệ đó, muôn hình muôn sắc, Ngài đều thấy rõ ràng, rành mạch; nhưng thiên nhân do ngài A Nậu Lô Đà tu thành có năng lực thù thắng, thấy được một đại thiên thể giới, tức là một tam thiên đại thiên thể giới. Thế giới Sa Bà này của đức Thích Ca Mâu Ni Phật đối với Ngài cũng chẳng có vấn đề, toàn thể thế giới Sa Bà, trên đến Phi Tướng Phi Tướng Xứ Thiên, dưới đến A Tỳ địa ngục, Ngài đều thấy rất rõ, đều hiểu rõ, “*thiên nhân đệ nhất*” mà!

Sau đó, chúng ta tổng kết phần nói về những vị ấy, từ ngữ “*thử đẳng đại chúng*” (các đại chúng này) chỉ tất cả những vị thường tùy của đức Thế Tôn, gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, “*bốn thị Pháp Thân đại sĩ*” (vốn là Pháp Thân đại sĩ). Trong phần trên chúng tôi đã nói, những vị ấy là “*đại A La Hán, chúng sở tri thức*” (đại A La Hán, được mọi người hay biết). Đại A La Hán là tôn hiệu của Pháp Vân Địa Bồ Tát, chẳng phải là danh hiệu của người tầm thường. Thất Địa Bồ Tát, Bát Địa Bồ Tát, Cửu Địa Bồ Tát đều chẳng thể xưng [là Đại A La Hán]. Pháp Vân Địa Bồ Tát là Pháp Thân đại sĩ! Huống hồ trong số đó, lại có không ít vị là cổ Phật tái lai, “*tác thị Thanh Văn*” (thị hiện làm Thanh Văn), họ đến nơi này để thị hiện, chẳng thực sự là Tiểu Thừa A La Hán, Thanh Văn là Tiểu Thừa!

Giống như diễn tuồng trên sân khấu, Ngài được phân công diễn vai Tiểu Thừa A La Hán, chứ trên thực tế đã sớm thành Phật. Nay trên

sân khấu đóng vai Tiểu Thừa A La Hán, hoặc là quốc vương, đại thân, hoặc là trưởng giả, cư sĩ; thế gian này là một sân khấu lớn. Diễn xuất nhằm mục đích “*chứng thử bất tư nghị pháp*”, tức là chứng minh [pháp chẳng thể nghĩ bàn này] cho đại chúng! Trong câu “*thử bất tư nghị pháp*”, chữ “*thử*” chỉ kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà thực sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, chỉ dạy hết thấy chúng sanh đời nghiệp vãng sanh, thân cận Phật Di Đà, viên thành Phật đạo trong một đời, chẳng cần đợi đến kiếp sau, một đời bèn viên mãn, mà cũng chẳng cần phải nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp gì cả, không cần đến! Một đời thành tựu, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng thọ.

Đến thế giới Cực Lạc thành Phật, thành một vị Phật viên mãn rốt ráo, chẳng cần phải mất một thời gian rất dài. Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho biết: Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chứng đắc quả Phật viên mãn cũng chỉ mất mười hai kiếp thôi! Quý vị hãy nghĩ nhé! So với ba A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thì mười hai kiếp chẳng phải là quá ngắn hay sao? Mà đó là gì vậy? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm đây nhé! Nếu Thượng Thượng Phẩm vãng sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, vừa về đó bèn “*hoa khai kiến Phật, ngộ Vô Sanh*”, lập tức thành tựu, trở thành Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát. Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, thực sự chứng đắc! Trước khi chứng đắc thì sao? Khi chưa chứng đắc thì thọ dụng, thân thông, đạo lực của quý vị cũng chẳng kém Thất Địa, Bát Địa Bồ Tát cho mấy. Khi đức Phật giới thiệu cùng chúng ta bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật đã nói: “*Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*”. A Duy Việt Trí Bồ Tát là Thất Địa Bồ Tát, từ Thất Địa trở lên; bởi thế, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Các vị ấy đến chứng minh cho Thích Ca Mâu Ni Phật, những gì Phật dạy họ đều thị hiện, đều biến thành sự thật.

“*Tùng Phật chuyển luân, quảng lợi nhân thiên*” (theo đức Phật chuyển pháp luân, lợi ích rộng khắp trời người). “*Chuyển luân*” là giáo hóa chúng sanh, giúp đức Phật thực hiện công tác giáo dục trong xã hội đa nguyên văn hóa. “*Quảng lợi*” là lợi ích rộng lớn, bố thí, cúng dường đại chúng trời người. Chúng ta tu bố thí, cúng dường thì chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát cũng tu bố thí cúng dường tại đây. Phước trí như biển trọn khắp pháp giới, hư không giới. Trong kinh nói “*quảng lợi nhân thiên*”, tức là đem pháp môn Trì Danh Niệm Phật này giới thiệu cùng đại chúng trời người. Người thiện căn chín muồi sẽ thành tựu trong một đời này. Họ hiểu rõ, họ giác ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm

chuyên niệm A Di Đà Phật.

“*Kim văn Tịnh Độ nhiếp thọ công đức*” (nay nghe công đức nhiếp thọ của Tịnh Độ), nghĩa là đối với bộ kinh này, “*tín thọ phụng hành, thật nãi dĩ thân tác tặc, khuyến ngô nhân thâm tín mạc nghi dĩ*” (tin nhận phụng hành, thực sự lấy bản thân làm gương, khuyến chúng ta tin tưởng sâu xa, đừng nghi ngờ). Ở đây, mười sáu vị tôn giả khuyên dạy chúng ta, vì đại chúng thực nghiệm. Chớ cậy mình rất thông minh, ta chẳng cần phải học pháp môn này, ta có thể học pháp môn khác cao sâu hơn pháp môn này. Quý vị có thông minh, trí huệ bằng ngài Xá Lợi Phất hay không? Thần thông, năng lực có sánh bằng ngài Mục Kiền Liên hay không? Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều chắc thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quý vị hãy suy nghĩ kỹ đi!

Nếu quý vị nói tôi không có thiện căn, tôi tội nghiệp sâu nặng, tôi chẳng có năng lực, hãy xem ngài Châu Lợi Bàn Đà Già, so với Ngài thì sao? Ta thấy ngài Châu Lợi Bàn Đà Già đâu được như mình, thế mà ngài Châu Lợi Bàn Đà Già niệm A Di Đà Phật bèn thành công; sao quý vị chẳng thể tu được? Mười sáu vị tôn giả, ai nấy đều có sở trường, giáo hóa các căn tánh bất đồng trong thế gian này, nêu gương mẫu rất khéo cho mọi người. Chỉ cần quý vị tin được, tiếp nhận được, y giáo phụng hành, chẳng có ai không thành công! Pháp môn này gọi là “*vạn người tu, vạn người đến*”, chẳng sót một ai hết!

Hiện tại, vì sao niệm Phật chẳng dễ dàng như vậy? Giống như thầy Lý thường hay nói: “*Một vạn người niệm Phật, thực sự vãng sanh cũng chẳng qua hai ba người mà thôi!*” Do nguyên nhân nào? Hai ba người đó tin nhận phụng hành, còn những người niệm Phật kia, hơn chín ngàn chín trăm chín mươi bảy người kia, chẳng chịu tin nhận phụng hành! Họ chỉ niệm Phật “miệng có, tâm không”, không buông xuống phiền não tập khí thế gian, đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian vẫn tham ái, vẫn lưu luyến, vậy thì không có cách chi hết! Trong Phật pháp thường nói “*Phật chẳng thể độ kẻ vô duyên*”, bọn họ là người vô duyên, vậy thì không có cách chi hết! Thực sự tin tưởng, thực sự tiếp nhận, thực sự phụng hành, buông xuống vạn duyên, buông thân tâm thế giới xuống, nhất tâm nhất ý chuyên cầu Tịnh Độ, chẳng một ai không được vãng sanh!

A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 08

6.2.1.6.4. Giảng Rõ về Bồ Tát Chúng

Chư vị đồng học!

Xin xem Hệ Niệm Pháp Sự, phần Bồ Tát chúng trong Tụ Phần của A Di Đà Kinh:

Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát.

并諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。與如是等諸大菩薩。

(Và các vị Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, và các vị đại Bồ Tát như thế).

6.2.1.6.4.1. Quảng Thích Bồ Tát Chúng

Đoạn này là Bồ Tát chúng. Trong phần trên đã giới thiệu chúng Thanh Văn gồm mười sáu vị đại A La Hán, chủ yếu là tượng trưng cho Tín. Bồ Tát chúng chỉ nêu bốn vị: Văn Thù và Di Lặc là khuyên nên nguyện, Càn Đà Ha Đề và Thường Tinh Tấn là khuyên nên hành, cùng với mười sáu vị tôn giả ở phần trên là khuyên nên tin. “Tín, Hạnh, Nguyện” là ba điều kiện trọng yếu nhất của việc niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba điều kiện ấy thiếu một chẳng được, nhất định phải có đủ. Bởi thế, toàn bộ kinh, bất luận Tụ Phần, Chánh Tông Phần hay Lưu Thông Phần, chúng ta đều thấy khuyên tin, khuyên nguyện, khuyên hành. Tuy kinh văn không dài, nhưng kết cấu chương pháp, hệ thống tư tưởng hết sức tinh vi, thâm mật, viên mãn, trọn đủ, chúng ta phải tích cực học tập kinh này.

Bồ Tát tiếng Phạn là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva), người Trung Quốc thích nói gọn, chữ Bồ Đề tinh lược âm cuối, chữ Tát Đỏa cũng tinh lược âm cuối, nên ta gọi Bồ Đề Tát Đỏa là Bồ Tát. Ma Ha Tát (Mahasattva) là Đại Bồ Tát, Ma Ha là Đại, vị Bồ Tát lớn trong chúng Bồ Tát. Chữ Đại Bồ Tát thường chỉ bậc Bồ Tát địa thượng, tức mười một địa vị từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác được gọi là Đại Bồ Tát, hay gọi là Ma Ha Tát. Trước đó, có ba mươi địa vị, nếu thêm Tín Vị vào thành ra bốn mươi địa vị, tức Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương;

bốn mươi địa vị này đều xưng là Bồ Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát bao gồm các địa vị từ Sơ Tín cho đến Đẳng Giác Bồ Tát.

Tiếng Phạn Bồ Đề Tát Đỏa, lúc dịch sang tiếng Hán thì thời cổ dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh. Ngẫu Ích đại sư khi chú giải vẫn theo lối cổ dịch nên viết “*đại đạo tâm thành tựu hữu tình*”. Bồ Tát vẫn là hữu tình, chẳng giống như Phật, Phật hoàn toàn biến tình thành trí huệ. Trước kia, lúc tôi mới học Phật, tôi còn nhớ đã từng thỉnh giáo Chương Gia đại sư: “Bồ Tát khác với Phật như thế nào?” Chương Gia đại sư dạy tôi một tỷ dụ: Lúc đó, trong khách sạn có treo một cái đồng hồ, vẫn phải lên dây thiêu, chưa dùng điện, vẫn phải vặn dây thiêu. Chúng ta đều biết – dây là kiến thức thông thường – dây thiêu là một sợi dây thép cuộn lại, có tính đàn hồi, cuộn chặt nó lại, nó sẽ dần dần bung ra, sức bung ấy sẽ thúc đẩy đồng hồ chạy. Lúc nó bung ra hết, nó vẫn cuộn lại, chẳng hoàn toàn thẳng đơ. Chương Gia đại sư dùng chuyện đó làm tỷ dụ, Bồ Tát như sợi dây thiêu, dù đã bung ra hết, nhưng vẫn còn một chút cuộn lại, chẳng phải là bằng phẳng hết. Dây thiêu của Phật đã tháo bung ra hết, thẳng đơ rồi, Ngài đem tỷ dụ ấy nói với tôi, ngụ ý: Bồ Tát chưa một trăm phần trăm biến tình thành trí huệ.

Ví như Đẳng Giác Bồ Tát, chín mươi chín phần là Trí, vẫn còn một phần là Tình. Nhìn đâu cũng dường như đã bình rồi, nhưng nhìn kỹ vẫn còn một chút Tình, chẳng như Như Lai đã một trăm phần trăm chuyển Thức thành Trí. Bởi thế, Trí và Tình là cùng một chuyện, chẳng phải hai; lúc giác thì gọi là Trí, lúc mê thì gọi là Tình. Tình là mê tình, Trí là giác trí. Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh tối hậu còn chưa phá, đó vẫn là Tình. Phải phá sạch một phẩm vô minh ấy thì trí huệ mới rốt ráo viên mãn.

Bởi thế, chữ Bồ Tát được dịch là “*đại đạo tâm thành tựu hữu tình*”. Sau này, ngài Huyền Trang chẳng dùng chữ “*đại đạo tâm*” để dịch, Ngài dịch là Giác Hữu Tình. Nếu gộp cả hai lối tân dịch và cựu dịch lại để hiểu, ý nghĩa càng sáng tỏ. Thế nào là đại đạo tâm? Giác ngộ là đại đạo tâm. Giác tâm là đại đạo tâm, giác chứ không mê. Huyền Trang đại sư dịch Bồ Đề Tát Đỏa thành “*chúng sanh hữu tình giác ngộ*”, thời cổ dịch là “*đại đạo tâm thành tựu hữu tình*”, hợp hai cách nói này lại, chúng ta càng hiểu rõ ý nghĩa.

Bồ Tát địa vị càng cao, trí huệ càng lớn, tình chấp càng ít. Phàm phu hoàn toàn bất giác. Phàm phu có giác ngộ, thông minh, có trí huệ, thì trong Phật pháp gọi cái giác ấy là “*Tương Tụ Giác*”, tức chẳng phải Chân Giác, chẳng phải là Chánh Giác. Tiêu chuẩn của Chánh Giác là gì?

Đoạn sạch Kiến Tư phiền não thì mới gọi là Chánh Giác, bởi thế, đối với lục đạo phàm phu chưa đoạn Kiến Tư phiền não, nếu dùng kinh Kim Cang để nói, dùng tiêu chuẩn đó để nói thì lục đạo chúng sanh có “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”. Chỉ cần có đủ bốn tướng ấy thì chưa giác. Dù rất thông minh, rất có trí huệ, trong nhà Phật chỉ gọi là Tương Tự Giác, chẳng phải là Chánh Giác, chỉ hơi giống thôi.

Chánh Giác nếu phá được bốn tướng, phá Tứ Kiến rồi, tâm địa người ấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, thì mới gọi là Bồ Tát. Vì sao chẳng thể gọi lục đạo chúng sanh là Chánh Giác? Chỉ vì lục đạo chúng sanh có Ngã, có Ngã tức là có tư niệm, [tức là] có lòng mong lợi ích riêng tư. Nói cách khác, khởi tâm động niệm có vấn đề, nghĩ đến “lợi ích của riêng mình”, chỉ bận lòng đến lợi ích của chính mình, chẳng đoái hoài lợi ích của người khác; bởi thế, khởi tâm động niệm đều là “tôn người, lợi mình”.

Nói thật ra, người tốt hay kẻ xấu đều chỉ là mức độ khác biệt. Người tốt là ý niệm và hành vi “tôn người, lợi mình” nhẹ một chút, ít một chút; kẻ bất thiện thì ý niệm “tôn người, lợi mình” rất nặng, gây thành nhiều việc! Sai khác ở chỗ này! Chẳng giống như Bồ Tát, Bồ Tát hoàn toàn chẳng tự tư, tự lợi; Ngài vào trong thế gian này để làm gì? Vào trong thế gian này để độ chúng sanh. Thế nào là độ chúng sanh? Giúp cho hết thấy chúng sanh giác ngộ. Giúp hết thấy chúng sanh giác ngộ mà nếu còn có chút tự tư, tự lợi, làm sao giúp chúng sanh giác ngộ cho được? Phải hiểu đạo lý ấy! Thế gian và xuất thế gian khác biệt ở chỗ này, một niệm khác biệt vậy.

Thế nào là xuất thế gian? [Những người] vô tư, vô ngã, vì hết thấy chúng sanh phục vụ, chẳng cần biết anh mang thân phận gì, già, trẻ, nam, nữ, nghề nghiệp ra sao, đều là Bồ Tát. Nếu vẫn còn có một ý niệm tự tư tự lợi, vẫn có một niệm vị kỷ, dù quý vị có ở trong chùa miếu, có sống trong núi thẳm, sống trong một ngôi chùa quý báu (bảo sát), quý vị vẫn là thế gian, chẳng phải xuất thế gian. Chúng ta phải hiểu đạo lý này! So với Thanh Văn ở trên, Bồ Tát cao hơn nhiều lắm! Thanh Văn là “tướng” xuất thế gian, “tâm” chẳng thấy xuất thế gian. Quý vị thấy rất nhiều người xuất gia (cổ nhân thường gọi là “*cổ tròn tay thụng*”). Nay dùng chữ “*cổ tròn tay thụng*” để chỉ người xuất gia), “*thân xuất, chứ tâm không xuất*”. Trong tâm vẫn là nhân ngã thị phi, vẫn là tham - sân - si - mạn, niệm niệm quan tâm lợi ích của chính mình, “tâm” chẳng hề

xuất! Thân tợ hồ là người xuất gia, nhưng tâm chẳng xuất.

Quá nửa Bồ Tát thị hiện tại gia, đây là “*tâm xuất, thân chẳng xuất*”, cao hơn Thanh Văn nhiều! Thấy họ là hạng tại gia, có vợ con, họ có công ăn việc làm, cuộc sống chẳng khác gì người thế gian cả. Họ không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, họ chẳng tự tư, tự lợi. Họ buôn bán, họ là thương nhân, họ là thương nhân Bồ Tát. Họ là công nhân, họ là công nhân Bồ Tát. Nếu họ làm công chức, làm quan, làm quan lớn thì họ là tể quan Bồ Tát. Bất luận làm nghề gì, đều là Bồ Tát hết!

Bởi thế, quý vị thấy ở Trung Quốc tạo tượng Bồ Tát, nổi tiếng nhất là bốn vị Bồ Tát ở bốn đại danh sơn. Quý vị xem kỹ tượng bốn vị Bồ Tát, chỉ có Địa Tạng Vương Bồ Tát thị hiện tướng xuất gia, Quán Âm Bồ Tát là tướng tại gia, Văn Thù Bồ Tát cũng là tướng tại gia, Phổ Hiền Bồ Tát cũng là tướng tại gia luôn. Ấn Độ tạo tượng Bồ Tát Di Lặc cũng là tướng tại gia. Người Trung Quốc tạo tượng Di Lặc Bồ Tát theo hình dạng của hòa thượng Bồ Đại, là tướng xuất gia. Vì sao tạo tượng hòa thượng Bồ Đại? Hòa thượng Bồ Đại là người thời Nam Tống, cùng một thời đại với Nhạc Phi. Ngài xuất hiện trong vùng Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang, là một người xuất gia, chẳng ai biết tên Ngài là gì. Mỗi ngày, Ngài quảy một cái túi vải lớn, người khác cúng dường đều bỏ vào trong túi. Bởi thế, mọi người gọi Ngài là Bồ Đại hòa thượng, bèn thành tên hòa thượng Bồ Đại. Nhắc đến hòa thượng Bồ Đại ai nấy đều biết.

Hằng ngày du hóa bên ngoài, có ai hỏi về Phật pháp, Ngài cười hì hì, buông cái túi xuống đất, bỏ thông hai tay. Quý vị hỏi Ngài thế nào là Phật pháp? Ngài làm như vậy cho quý vị thấy: “*Buông xuống!*” Phật pháp là buông xuống. Buông xuống rồi làm sao? Quảy túi vải lên, khoác trên vai bỏ đi. Ngài dạy quý vị điều gì? Trước hết, Phật pháp dạy quý vị buông xuống, buông xuống hết thấy, buông xuống xong rồi bèn giúp đỡ hết thấy chúng sanh, quý vị phải khởi lên ý niệm đó. Bởi thế mới nói buông xuống được, đưa lên được, đó là Bồ Tát. Một câu chẳng nói, ý nghĩa rất sâu, mọi vấn đề của quý vị đều được giải quyết hết!

Lúc Ngài vãng sanh, Ngài chẳng sanh bệnh, nói đi là đi; bảo với mọi người ta là Di Lặc Bồ Tát phát tâm tái lai, nói xong là đi. Ngài chẳng dối người. Lúc lâm chung, đem bản lai diện mục của chính mình nói ra; bởi thế, sau này, người Hoa hễ tạo tượng Di Lặc Bồ Tát bèn tạo giống hình tượng hòa thượng Bồ Đại, duyên do là như vậy. Các địa phương, quốc gia khác trên toàn thế giới chẳng tạo tượng Di Lặc Bồ Tát

giống như vậy. Tại Ung Hòa Cung³⁰ ở Bắc Kinh có thờ một tượng Di Lạc Bồ Tát rất cao. Lúc chúng tôi đến tham quan, [tăng sĩ ở Ung Hòa Cung kể] tượng Di Lạc Bồ Tát ấy đem từ Ấn Độ qua, tạc bằng cả một cây gỗ rất to lớn, đại khái cao chừng sáu bảy tầng lầu. Lúc chúng tôi ngắm tượng, vị phương trượng (họ gọi là Lạt-ma) bảo tôi tượng này chìm dưới đất tám thước nữa.

Bất luận Bồ Tát thị hiện tại gia hay xuất gia, nếu chú tâm quán sát, nhất định thấy rõ Ngài học Định lẫn Huệ đều bình đẳng, vận dụng cả Bi lẫn Trí, tự lợi, lợi tha. Tự lợi chính là lợi tha, chính mình thời thời khắc khắc, nơi nơi chôn chôn nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, đó là “*đến trong thế gian này giáo hóa chúng sanh*”. Bất luận dưới thân phận nào, đều theo đuổi công tác giáo dục, giáo dục xã hội, nay chúng ta gọi là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa.

6.2.1.6.4.2. Nêu Tên Các Vị Thượng Thủ Trong Bồ Tát Chúng

“*Văn Thù Sư Lợi*” (Mañjuśrī) gọi là Pháp Vương Tử, vì Phật là Pháp Vương, Bồ Tát kế thừa sự nghiệp của Như Lai, hoằng pháp lợi sanh, bởi thế gọi là Pháp Vương Tử. Văn Thù Sư Lợi là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán thì trong Bát Thập Hoa Nghiêm dịch là Diệu Đức, hoặc Diệu Cát Tường. Ở Trung Quốc, Ngũ Đài Sơn là đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát; trong các vị Bồ Tát, Ngài biểu thị trí huệ đệ nhất, giống như Xá Lợi Phất đại diện cho trí huệ đệ nhất trong các vị Thanh Văn. Trong kinh, danh hiệu các vị Thượng Thủ nhằm biểu thị pháp, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này! [Xá Lợi Phất và Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát] biểu thị bộ kinh này, pháp môn này và phương pháp lý luận tu học này là trí huệ đệ nhất. Trong chúng Thanh Văn lẫn chúng Bồ Tát đều kể tên bậc trí huệ đệ nhất ngay đầu tiên, dụng ý rất sâu sa.

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng: “*Phi dững mãnh thật trí, bất năng chứng giải Tịnh Độ pháp môn*” (Chẳng phải là trí huệ dững mãnh, chân thật, chẳng thể chứng hiểu pháp môn Tịnh Độ). Câu nói này

³⁰ Ung Hòa Cung chính là một ngôi chùa theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng rất lớn tại Bắc Kinh. Đây chính là vương phủ cũ của hoàng tử Dẫn Chân, tức hoàng thứ tư của vua Khang Hy. Dẫn Chân được phong tước Ung Hòa thân vương nên vương phủ được gọi là Ung Hòa vương phủ. Khi Dẫn Chân trở thành vua Ung Chánh đã biến nơi này thành hành cung, rồi ban cho Hoạt Phật Chương Gia Hồ Đồ Khắc Đồ cư ngụ. Ung Hòa Cung chính thức trở thành chùa Tây Tạng vào năm Càn Long thứ 9 (1744).

rất hay, chẳng phải là trí huệ dũng mãnh, chân thật, sẽ chẳng thể thực sự chứng nhập, hiểu rõ pháp môn này; vì thế, phải lấy Văn Thù Bồ Tát để chứng minh. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy chính bản thân ngài Văn Thù Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhằm hiển thị [pháp môn này] thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong cuốn Nghiên Tập Báo Cáo, [chúng tôi đã nhận định] Văn Thù “*tượng trưng cho Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, pháp môn trong kinh A Di Đà này, tức là pháp môn Tịnh Độ chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vị thứ hai là A Dật Đa Bồ Tát, “*A Dật Đa*” (Ajita) là Di Lặc Bồ Tát. Có người nói Di Lặc (Maitreya) là họ của Bồ Tát, A Dật Đa là tên. Cũng có người nói A Dật Đa là họ, Di Lặc là tên. Thật ra cái nào là tên, cái nào là họ không quan trọng, chúng ta chẳng cần phải phân biệt chấp trước. Ở Trung Quốc, chúng ta quen gọi Ngài là Di Lặc Bồ Tát; đương thời ở Ấn Độ thường gọi là A Dật Đa, gọi Ngài bằng danh hiệu ấy. A Dật Đa là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Năng Thắng, ý nói Ngài từ bi không ai hơn được. Lòng từ bi của Ngài là từ bi chân thành, là từ bi thanh tịnh, là từ bi bình đẳng. Tâm từ bi quả thật trọn khắp pháp giới hư không giới; bởi thế, tại Trung Quốc Ngài còn được gọi là Từ Thị Bồ Tát, từ bi bậc nhất.

Đối với hình tượng Bồ Đại hòa thượng, cổ đức có mấy câu tán thán như sau: “*Sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*”. Hai câu này rất hay, hai câu này dạy chúng ta: Đối với hết thảy chúng sanh, chúng ta phải sanh tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh phải hoan hỷ, “*hỷ duyệt tướng*” nay gọi là tâm yêu thương, vui thích. Trong Đại Thừa Phật pháp thường nói từ bi, từ bi là hỷ ái; nhưng sự hỷ ái ấy chẳng phải là cảm tình. Vì thế, Phật pháp chẳng dùng chữ “*hỷ ái*” mà dùng chữ “*từ bi*”, sợ người đời thấy danh từ “*hỷ ái*” bèn hiểu lầm.

Lòng hỷ ái ấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, là trí huệ. Nhà Phật gọi lòng hỷ ái ấy là Từ Bi. Do đây biết rằng: Người thế gian hỷ ái chẳng chân thành toàn vẹn, chẳng đủ thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ, chẳng có đủ những điều ấy. Bởi thế, lòng hỷ ái của họ chẳng vĩnh hằng, thường bị biến chuyển. Đối với hết thảy chúng sanh, Phật, Bồ Tát hỷ ái vĩnh hằng bất biến, nếu quý vị hỏi vì sao ư? Vì các Ngài không tự tư, không tự lợi, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lòng hỷ ái ấy xuất phát từ tự tánh, tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ. Nói cách khác, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác được biến thành hiện thực. Nếu không có từ bi, làm sao gọi là “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác” cho được? Đều trở thành danh từ trừu tượng

hết! Từ “*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*” trở thành hiện thực, phải hiểu điều này, phải nhận rõ điều này!

Ở đây, Bồ Tát thể hiện ý nghĩa rất sâu, ngài Di Lặc “*tượng trưng cho Nhất Sanh Bồ Xứ*”, điều này rất trọng yếu. Di Lặc Bồ Tát là vị Phật thứ năm trong thế giới Sa Bà của chúng ta, hiện tại Ngài là vị Phật hậu bồ của Thích Ca Mâu Ni Phật, trụ trong Đâu Suất nội viện. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới chuyện thành Phật; đầy đủ những điều kiện nào thì mới thành Phật? Tri túc! Người tri túc bèn thành Phật. Bởi thế, Bồ Xứ Bồ Tát cũng chẳng ở nơi nào khác, Ngài nhất định phải trụ tại Đâu Suất. Đâu Suất (Tushita) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là “*Tri Túc*”. Đâu Suất thiên là Tri Túc thiên. Có tri túc mới có thể thành Phật; không tri túc, chẳng thể thành Phật! Người tri túc chẳng mong cầu, người không tri túc bèn tham cầu. Quý vị thấy Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho ý nghĩa này rất khéo! Ở đây, Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho pháp gì? Tượng trưng cho pháp môn này, người tu học pháp môn này giống như Bồ Xứ Bồ Tát, tuyệt quá! Thực sự là pháp khó tin, nhưng sự thật đúng như thế đó. Bởi lẽ, quý vị tu pháp môn này, một đời thành Phật, đó chẳng gọi là Bồ Xứ, thì gọi là gì đây?

Nay Di Lặc Bồ Tát đang ở trên trời Đâu Suất, tương lai sẽ hạ sanh trong thế gian này, thị hiện thành Phật. Chúng ta tu học pháp môn này vãng sanh thế giới Cực Lạc, theo học với A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, cũng là một đời viên mãn thành Phật, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Bởi thế, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thế giới ấy, “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các thượng thiện nhân cùng họp một chỗ), “*thượng thiện*” là Đẳng Giác Bồ Tát. Phạm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ta đều có thể gọi họ là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong tương lai, người ấy đến đâu để thành Phật? Chẳng phải ở thế giới Cực Lạc, mà là ở các nơi trong khắp pháp giới, hư không giới, chỗ nào có duyên bèn đến đó thành Phật. Vì thế, tổ sư đại đức thường chỉ dạy chúng ta hãy rộng kết pháp duyên, rất trọng yếu! Pháp duyên của quý vị thù thắng thì trong tương lai nơi để quý vị thành Phật sẽ rất nhiều! Vì sao? Kinh luận thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, quý vị muốn độ người hữu duyên thì quý vị phải rộng kết pháp duyên đối với hết thảy chúng sanh, không kết duyên chẳng được.

Dưới đây, lại mở ngoặc: “*Trung Quốc tạo tượng, biểu bình đẳng hỷ duyệt - Cực Lạc chi ý*” (Trung Quốc tạo tượng nhằm thể hiện sự bình đẳng, vui sướng, thể hiện ý nghĩa Cực Lạc). Tôi vừa mới thưa cùng quý

vị, cô đức tán thán tượng ngài Di Lạc là “*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*”, thành tựu tướng hỷ duyệt. Người tu Tịnh Độ chúng ta phải giống như Di Lạc Bồ Tát, bất luận ở đâu, bất luận gặp ai, đều chấp tay cười hì hì: “A Di Đà Phật”. Người tu Tịnh Độ ấy chẳng cần phải phân biệt người khác nói năng lành hay chẳng lành, đều chẳng ăn nhằm gì hết! Họ nói lời lành, ta A Di Đà Phật; họ nói lời chẳng lành, ta cũng A Di Đà Phật. Hết thấy thị phi, thiện ác đến chỗ ta thấy đều hóa thành A Di Đà Phật, đại từ đại bi!

Hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian đều quy vào A Di Đà Phật, vạn pháp quy nhất, nhất quy Tịnh Độ. Nhà Thiền hỏi: “*Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ?*” (Vạn pháp quy nhất, cái nhất đó quy về đâu?) Chúng ta có câu trả lời: “*Vạn pháp quy nhất, nhất quy Tịnh Độ*”. Cái quy nhất ấy là quy vào một câu danh hiệu, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn; chúng ta chấp trì danh hiệu, quy tâm Tịnh Độ.

Bởi thế, hai vị Bồ Tát này khuyên nên nguyện, khuyên chúng ta hãy phát nguyện, nhất định phải khẳng định, nhận biết pháp môn này là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp môn này “*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*”, là pháp môn Nhất Sanh Bồ Xứ, quý vị còn cầu ở đâu nữa? Bởi lẽ, [những ai] vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát! A Duy Việt Trí là chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái! Chúng ba thứ Bất Thoái là chúng đặc của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, tuy họ chứng được, nhưng chưa viên mãn. Chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái là hạng Bồ Tát nào? Tổ sư đại đức bảo: Từ Thất Địa trở lên, chẳng phải là hạng Bồ Tát bình thường, mà là Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát, gọi là A Duy Việt Trí. Trong A Duy Việt Trí, cũng chia thành ba phẩm thượng, trung, hạ. Hạ phẩm là Thất Địa, trung phẩm là Bát Địa, thượng phẩm là Cửu Địa; trên nữa là Như Lai quả địa. Quý vị thấy pháp môn này thù thắng như vậy đó, chẳng cần phải trải qua nhiều A-tăng-kỳ kiếp, hay ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng cần! Một đời thành tựu, chẳng cần phải trải qua năm mươi một địa vị, không cần! Pháp môn này là pháp môn viên đốn, là pháp môn hy hữu khôn sánh!

Vị Bồ Tát thứ ba là Càn Đà Ha Đề. Càn Đà Ha Đề (Gandhahastin) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa Trung Quốc là Bất Hưu Tức (chẳng ngơi nghỉ), dũng mãnh tinh tấn.

Vị Bồ Tát thứ tư là Thường Tinh Tấn. Quý vị thấy “Bất Hưu Tức, Thường Tinh Tấn”, hai vị Bồ Tát này tượng trưng cho hạnh môn, khuyên hãy nên hành. “*Như Thiện Tài chi tham học, nhất sanh tu chứng Tịch Quang Tịnh Độ*” (như Thiện Tài đi tham học, trong một đời tu

chứng Tịch Quang Tịnh Độ). Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, thị hiện cho chúng ta thấy [Ngài tu học] chẳng ngơi nghỉ, luôn tinh tấn. Thiện Tài nêu gương ấy cho ta thấy, một đời viên mãn thành tựu.

Bốn vị Bồ Tát này, Ngẫu Ích đại sư bảo ngài Văn Thù là cổ Phật tái lai, ai nấy đều biết điều này. Trong quá khứ, Ngài là thầy của bảy đức Phật. Nói cách khác, bảy người học trò của Ngài nay đã đều thành Phật, Ngài là thầy của bảy vị Phật. Nay Ngài đến đây vì chúng ta chứng minh: Pháp môn này trí huệ đệ nhất, thù thắng khôn sánh, Ngài có tư cách để chứng minh điều ấy cho chúng ta.

Di Lạc Bồ Tát là Đẳng Giác hậu bồ Phật; Bất Hưu Tứ, Thường Tinh Tấn đều là các Bồ Tát thuộc địa vị cao, địa vị cao tức là Pháp Vân Địa hoặc Đẳng Giác, vì chúng ta thị hiện, khuyên lơn, chỉ bảo chúng ta: Pháp môn này chẳng dễ gì gặp được! Bài Khai Kinh Kệ có câu: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (Trăm ngàn vạn ức khó gặp gỡ). Đầu đời Thanh, cư sĩ Bàn Tế Thanh viết: “*Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng chi nhất nhật*” (Ngày gặp được pháp môn Tịnh Độ là ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay). Nay chúng ta gặp được, trong ngàn vạn kiếp hy hữu khó gặp, mà chúng ta gặp được; người ta thường nói quý vị rất hên! Gặp được rồi thì sao? Phải tin tưởng, phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, phải dũng mãnh, tinh tấn, chẳng thể phụ bạc một đời này, phải khéo niệm Phật! Phải biến việc này thành việc quan trọng bậc nhất trong cuộc đời này, làm sao thực hiện cho tốt? Phải nhớ lời Ấn Quang đại sư. Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thời cận đại, rất nhiều đồng học biết Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Trong thời đại hiện tại, đạo tràng như thế nào sẽ thích hợp nhất để tu hành, tu tập, bảo đảm quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ngài dạy chúng ta nguyên tắc: Đạo tràng có quy mô nhỏ, người cùng tu chẳng quá hai mươi người. Đạo tràng nhỏ, ít người, dễ duy trì cuộc sống, chẳng cần hóa duyên, chẳng phải làm pháp hội, chẳng phải làm Phật sự siêu độ, cũng chẳng truyền giới, cũng chẳng giảng kinh, công khóa mỗi ngày đều giống như Phật thất, Phật thất suốt năm. Phật thất là bảy ngày, ở đây chúng tôi đề xướng mười Phật thất, tức là bảy mươi ngày, còn “thường niên Phật thất” tức là suốt cả năm đều giống như công khóa lúc đã Phật thất. Buông xuống vạn duyên, nhất tâm cầu Tịnh Độ.

Đồng tham đạo hữu như thế chẳng dễ cầu. Đạo tràng của chúng ta chẳng thể hoàn toàn tuân theo chỉ thị của Ấn Quang đại sư, vì ở đây chúng ta thêm một buổi giảng kinh. Vì sao phải giảng kinh? Nếu chẳng

hiều rõ đạo lý Tịnh tông, chẳng nhận rõ cảnh giới, thường bị ngã lòng. Nghe kinh nhiều, hiểu rõ đạo lý, giúp quý vị buông xuống, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, tín nguyện kiên định, đảm bảo quý vị một đời thành tựu, đạo lý là đây. Mọi chuyện khác chúng tôi đều không làm, đạo tràng này là giảng kinh, niệm Phật, tâm vĩnh viễn định.

Bây giờ hết giờ rồi!

*

6.2.1.6.5. Quảng Thích Ngoại Hộ Chúng

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đoạn thứ ba của phần Thông Tự.

Cập Thích Đề Hoàn Nhân đấng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

(Và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... Vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm họp).

“Thích Đề Hoàn Nhân” (Śakro Devānām Indrah) là tiếng Phạn, có nghĩa là Năng Vi Chủ. Trí huệ, đức hạnh của ông ta đều trọn đủ để lãnh đạo chúng sanh, tên ông ta có nghĩa như vậy. Ông ta là chúa trời Đạo Lợi (Trayastrimśa), ta gọi là Đạo Lợi thiên vương. Vị được dân gian Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế chính là ông ta.

“Đấng, vô lượng chư thiên đại chúng câu”: “Đấng” (等) là vân vân, phía dưới ông ta có Tứ Vương Thiên (Cātummahārājika), phía trên là các trời Dạ Ma (Yāma), Đâu Suất (Tushita), Hóa Lạc (Nirmānarati), Tha Hóa Tự Tại (Parinirmita-vaśavartin), lên trên nữa lại có Sắc Giới (Rūpadhātu), Vô Sắc Giới (Ārūpyadhātu) “vô lượng chư thiên”, lấy ông ta làm đại diện. Chư thiên nhiều như thế, vì sao lại chỉ lấy ông ta làm đại biểu. Điều này cũng có đạo lý. Thứ nhất là ông ta cách loài người chúng ta không xa lắm. Nếu nói những tầng trời cao hơn, như Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, trong thế gian này rất nhiều người không biết, họ cách xa chúng ta quá, chẳng hiểu được! Mọi người đều biết Đạo Lợi thiên chúa, đều rất ngưỡng mộ Đạo Lợi thiên chúa. Mức độ nổi danh của Đạo Lợi thiên chúa rất cao, duyên rất thù thắng. Bởi thế, lấy ông ta làm đại biểu, đó là một ý nghĩa.

Thứ hai, ông ta là hộ pháp rất đặc lực của đức Thế Tôn. Đương nhiên, chư thiên đều là hộ pháp, Phật pháp cũng chẳng trái nghịch tình cảm của con người, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; người thế gian đều tôn kính Đạo Lợi thiên chúa, đều phụng thờ Ngọc Hoàng thượng đế, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật hằng thuận chúng sanh, lấy Đệ Thích làm đại biểu. “*Biểu nhất thiết tôn giáo chi sĩ ưng tu*” (Biểu thị hết thảy những người thuộc hết thảy tôn giáo đều nên tu). Ở đây, Đệ Thích biểu thị pháp: Mục tiêu giáo học của tất cả hết thảy tôn giáo là Thiên Đường; nay Thích Đề Hoàn Nhân cũng tham dự pháp hội này, tiếp nhận lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị muốn đến Thiên Đường, nhưng Thiên Chúa của quý vị nay đang niệm Phật, quý vị cũng phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vì thế, năm xưa khi tôi mới học Phật, trong số bạn bè có không ít tín đồ Cơ Đốc, chúng tôi đều là bạn bè rất thân. Sau khi tôi học Phật, tôi khuyên họ nỗ lực chiếu theo kinh điển Cơ Đốc để tu học cho tốt; tôi chẳng khuyên họ học Phật. Do vậy, có rất nhiều người ngạc nhiên: “Sao ông lại dạy như vậy?” Tôi nói: “Đạo Lợi thiên chúa thường lễ thỉnh Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp trên thiên cung. Hiện thời, người kia chẳng có duyên với Phật, tôi có khuyên ông ta cũng chẳng tin. Khi ông ta sanh lên trời rồi, ông ta thấy Thiên Chúa và rất nhiều thiên chúng nghe kinh nghe pháp!” Đi đường vòng như thế chẳng hề gì, vẫn là cùng một chuyện mà! Do vậy, tôi chẳng khuyên những người đó học Phật, làm như vậy không hay, không hợp lý. Khi khuyên họ học Phật là [khuyên họ] phản giáo, điều ấy có ảnh hưởng không tốt đối với xã hội. Khuyên họ tích cực tu học, thực sự sanh lên Thiên Đường, Phật cũng đang giảng kinh thuyết pháp trên thiên đường!

Nếu chúng ta thực sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thiên cung có rất nhiều bằng hữu, chúng ta có thể tùy thời đến tụ hội với họ. Họ chẳng tự tại, chúng ta tự tại. Giống như trong thế gian hiện tại này, có rất nhiều người ra ngoại quốc chẳng dễ dàng, có kẻ không có hộ chiếu (passport), có kẻ có hộ chiếu nhưng không được chấp thuận. Chúng tôi có rất nhiều hộ chiếu, xin phép rất thuận tiện, đến đâu cũng được; ai không đến đây gặp tôi được, tôi bèn đến đó gặp họ. Chúng ta về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư thiên đến thế giới Cực Lạc chẳng dễ dàng, nhưng người của thế giới Cực Lạc đến bất cứ tầng trời nào đều rất thuận lợi. Chúng ta có thể thường chiếu cố kẻ ấy, thường xuyên gặp họ, hàn huyên chuyện cũ, thật là sung sướng.

Thứ ba là “đại chúng, biểu nhất thiết chúng sanh dục ly khổ, đắc cứu cánh lạc giả, ưng đương tu” (đại chúng: biểu thị hết thảy chúng sanh muốn lìa khổ để đạt được sự vui rất ráo thì phải nên tu). Phạm vi của “đại chúng” rất rộng, chẳng những là hết thảy loài người, mà trong ấy còn gồm cả loài súc sanh, loài ngựa quý, loài địa ngục, thảy đều gộp cả trong ấy, hết thảy chúng sanh trong lục đạo. Nếu quý vị thực sự muốn lìa khổ, đạt được sự vui rất ráo, trừ pháp môn này ra, các pháp môn khác chẳng thể thành công dễ dàng. Pháp môn này thực sự giúp quý vị một đời thành tựu. Bởi thế, đoạn kinh văn này là “*phàm chúng khuyến tu*” (khuyến các phàm phu nên tu), hoằng hộ (hoằng truyền, gìn giữ), “*hoằng hộ thử kinh, sứng Phật bốn hoài*” (hoằng truyền, gìn giữ kinh này, thỏa thích bản hoài của Phật).

Việc hoằng hộ này bất luận người tại gia hay xuất gia ai nấy đều nên làm. Sao gọi là Hoằng? Tự mình y giáo tu hành là Hoằng, tôi làm như vậy cho anh coi, bởi thế, Hoằng và Hộ không thể tách rời nhau. Thiên chức của bọn đệ tử Phật chúng ta là hoằng hộ chánh pháp, trong thời kỳ Mạt Pháp bèn hoằng hộ pháp môn Tịnh Độ. Đây là thiên chức của chúng ta. Nói đến “hoằng hộ” lại khiến tôi liên tưởng đến người Trung Quốc, thiên chức của quý vị phải là hoằng hộ truyền thống đạo đức, văn hóa của dân tộc; đó là thiên chức của quý vị.

Quý vị là người quốc gia nào, là người thuộc dân tộc nào, hoặc tín ngưỡng một tôn giáo nào đó, thiên chức của quý vị là phải thực hiện sứ mạng hoằng hộ dân tộc, quốc gia, tôn giáo đó. Nếu quý vị chẳng thể làm trọn sứ mạng hoằng hộ, thì truyền thống đạo đức, văn hóa sẽ bị suy vong! Suy đến cùng cực bèn diệt vong! Sao quý vị chẳng có lỗi với tổ tông? Sao chẳng mắc lỗi với những người đời trước? Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm khẳng định pháp nào cũng bình đẳng, không có cao, thấp. Văn hóa của mỗi quốc gia đều hay, truyền thống của mỗi một dân tộc đều hay, mỗi một tôn giáo đều hay, đều cần có người hoằng dương rực rỡ, rộng lớn.

Hiện tại, ở Trung Quốc rất bất hạnh, phát sanh cơn bệnh dịch SARS, rốt cuộc là Trung Y giỏi hay Tây Y giỏi? Lời ông Đặng Tiểu Bình nói rất có lý: “*Chẳng cần biết là mèo trắng hay mèo đen, mèo nào bắt được chuột là mèo giỏi*”. Dùng câu đó để nói, chẳng cần biết Trung Y hay Tây Y, thứ y học nào chữa lành bệnh nhân thì nên y học đó giỏi. Sao lại tranh cãi lời thôi trong lúc này? Tranh cãi lời thôi sẽ hỏng chuyện, bao nhiêu người chết oan uổng! Đối với những người chết oan uổng ấy, quý vị không phải gánh trách nhiệm nhân quả ư? Đối với thế

gian, quý vị chẳng chịu trách nhiệm pháp luật, nhưng quý vị chịu trách nhiệm nhân quả. Quý vị có cảm thấy lương tâm cắn rứt hay không? Nếu quý vị không có lương tâm, đương nhiên chẳng cảm thấy lương tâm cắn rứt, không có lương tâm mà! Nhưng quý vị chẳng thoát khỏi nhân quả báo ứng đâu nhé!

Lúc này chớ nên tranh chấp, cứu người khẩn yếu hơn! Cứu một mạng người hơn tạo phù-đồ (tháp) bảy tầng, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị không cẩn thận, lơ đãng, hại một mạng người, tương lai phải đền mạng. Người Trung Quốc tin tưởng nhân quả, tin vào luân hồi báo ứng. Nay người Tây phương cũng dần dần giác ngộ, có không ít người rất tích cực nghiên cứu sự việc này.

Nếu như bây giờ nói hết thầy đều lấy khoa học làm căn cứ, chẳng hợp khoa học bèn chẳng tin, khoa học đến nay có được bao nhiêu năm lịch sử? Tính cho cùng thì không quá ba trăm năm, ba trăm năm trước đó người ta sống ra sao? Chưa có khoa học họ sống làm sao? Ba trăm năm trước kia có ôn dịch, chẳng phải là không có ôn dịch, trong lịch sử Trung Quốc có ghi chép. Y dược, phương pháp cứu người thời đó đều chẳng có căn cứ khoa học!

Chúng tôi hoàn toàn chẳng phản đối khoa học, chúng tôi tôn trọng khoa học; nhưng vẫn còn có rất nhiều điều mà khoa học hiện tại không thấu suốt, chưa phát hiện được. Y dược Trung Quốc được phát minh rất sớm, tối thiểu có lịch sử năm ngàn năm, chỉ riêng năm ngàn năm kinh nghiệm đã chẳng thể coi thường. Khoa học có thể lật đổ nó hay chẳng? Nếu như khoa học tiêu diệt, hủy sạch mọi thứ vốn sẵn có như những thứ truyền thống ưu tú nhất của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, khoa học vạn năng, thì kết quả tối hậu của khoa học là gì? Nhà khoa học sẽ tự nói “thế giới đến ngày tàn!”

Người Trung Quốc đáng thương! Vô cùng đáng thương! Trước kia, tôi cùng tiên sinh Hồ Thu Vân trò chuyện, hết sức cảm khái. Từ cuối đời nhà Thanh trở đi, người Trung Quốc chôn vùi lòng tự tin dân tộc, Trung Quốc có tai nạn vì đâu? Là vì lý do đó. Hiện tại, ôn dịch gây chết người, rất nhiều người bị chết. Nguyên nhân vì đâu? Chẳng tin vào y dược Trung Quốc; vì nguyên nhân nào? Chôn vùi lòng tự tin dân tộc, chẳng tin tưởng vào bất cứ thứ gì do tổ tông truyền lại. Nếu nói theo nhân quả, họ đáng phải nhận lãnh kết quả ấy. Đó là đại bất hiếu! Tổ tông nào chẳng yêu thương con cháu, truyền lại những thứ tốt nhất cho đời sau, quý vị không tin tưởng thì không còn cách nào hết! Quý vị cứ muốn vứt sạch, cứ muốn tiêu diệt đi, tội ấy nặng lắm!

Bởi vậy, nói đến rột ráo là vấn đề giáo dục của Trung Quốc. Trong thiên Học Ký [của sách Lễ Ký] có hai câu rất hay: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, đầu lấy giáo dục làm đầu). Giáo dục triết học Trung Quốc, quan niệm giáo dục từ thời Hán Vũ Đế³¹ chế định chính sách giáo dục cho đến đời Mãn Thanh chẳng thay đổi. Trước kia, chúng tôi học lịch sử, đối với việc này chúng tôi cảm thấy rất lạ lùng. Mỗi một triều đại đều có những chuyện hưng khởi, thay đổi, cơ sao giáo dục vẫn chẳng biến động? Người Mông Cổ vào làm chủ Trung Quốc chẳng biến cải, người Mãn Thanh vào làm chủ Trung Quốc cũng không thay đổi. Chúng ta chú ý xem kỹ, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, đặc biệt là Nho gia, trong bách gia chư tử, Hán Vũ Đế chọn giáo học Nho gia làm giáo dục truyền thống của quốc gia. Nho giáo dạy chúng ta điều gì? Châu phu tử, tức Châu Hy đời Tống lập ra trường học tư, bản yết thị ở thư viện hang Bạch Lộc là cương lĩnh, tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc giảng dạy của Nho gia, đơn giản dễ hiểu. Giáo dục Trung Quốc mấy ngàn năm chẳng lìa khỏi chuẩn mực sau đây:

a) “*Phụ tử hữu thân*” (cha con thương yêu nhau). Điều ấy có sai lầm chẳng? Nay chẳng còn nữa, cha chẳng từ, con chẳng hiếu. Trước kia tiếp nhận giáo dục Nho gia, cha từ, con hiếu, gia đình hòa thuận, yên vui.

b) “*Quân thần hữu nghĩa*” (vua tôi có nghĩa), nay vua hoài nghi bầy tôi, bầy tôi chẳng trung với vua. “Vua” là người lãnh đạo một đoàn thể, “bầy tôi” là người được lãnh đạo, bằng mặt không bằng lòng, tốt gì đâu?

c) “*Phu thê hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*” (Chồng vợ có nhiệm vụ sai khác trong gia đình và xã hội, lớn nhỏ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ Tín), nguyên tắc ấy có gì không tốt?

³¹ Hán Vũ Đế (156-87 trước Công Nguyên) là hoàng đế thứ bảy của nhà Hán, tên là Lưu Triệt, tên tự là Thông, là con trai thứ 10 của Hán Cảnh Đế (Lưu Khải), được phong làm Thái Tử từ lúc mới lên bảy, làm vua lúc 16 tuổi, được coi là một minh quân có công đặt nền móng vững vàng cho kỷ cương, điển chế, pháp luật, hệ thống quan chức, thuế má và giáo dục hoàn chỉnh cho Trung Hoa. Ông ta theo chủ trương pháp trị, chú trọng phát triển nông thương, cũng như đổ nhiều công sức khai thác quặng sắt, nấu muối v.v... Nghe theo kiến nghị của Đổng Trọng Thư, ông đã độc tôn Nho Giáo, bãi bỏ bách gia chư tử. Tuy vậy, ông ta có nhược điểm thiếu khoan dung, quá khắc nghiệt, khiến cho nhiều người phải chịu hình phạt oan uổng như sử gia Tư Mã Thiên chẳng hạn. Tư Mã Thiên chỉ vì khuyên vua đừng phạt tội chém cả gia đình Lý Lăng khi ông này bại trận dưới tay quân Hung Nô, Hán Vũ Đế cho là Tư Mã Thiên cấu kết với Lý Lăng bèn phạt Tư Mã Thiên phải chịu tội “cung hình” (thiến).

Đây là năm điều dạy người ở Trung Quốc từ cổ đến nay, có thể nói là bắt nguồn thời Nghiêu - Thuấn! Bắt nguồn từ thời Nghiêu - Thuấn thì trong lịch sử Trung Quốc, phỏng chừng hơn bốn ngàn năm trước, giáo dục Trung Quốc dạy như vậy đó. Dạy chúng ta phương pháp tư duy thông thường: “*Bác học, thâm vấn, thận tư, minh biện, đốc hành*” (Học rộng, hỏi kỹ, suy nghĩ cẩn thận, làm sáng tỏ, đốc thúc thực hành). Phương pháp này có thích hợp cho hiện tại hay không? Xử sự, đãi người, tiếp vật, cương lĩnh đều rất đơn giản, “*ngôn trung tín, hành đốc kính*” (lời lẽ trung tín, việc làm dốc hết lòng thành kính), quý vị nghĩ có tốt hay không? Ngôn ngữ phải chân thành, người hiện tại hay bịp người. Toàn là nói dối, nói đâm thọc, ác khẩu, nói thêu dệt. Đại khái, [người hiện thời cho rằng] giáo học Trung Quốc từ cổ đến nay chẳng phù hợp khoa học, hiếu - đễ - trung - tín chẳng phù hợp khoa học, người với người tôn trọng nhau, kính yêu nhau chẳng hợp khoa học! Khoa học hoàn toàn chống trái những điều đó thì thế giới này sẽ biến thành thế giới gì? “*Xử sự, chánh kỳ nghĩa, bất mưu kỳ lợi*” (Xử sự, phải đúng với đạo nghĩa, chẳng mưu cầu lợi lộc), điều này chắc chắn chẳng hợp khoa học; khoa học nói lợi - hại, Nho gia nói đạo nghĩa, cốt sao hợp đạo nghĩa, chẳng cần biết đến lợi - hại.

Bởi thế, cổ thánh tiên hiền có thể bỏ mình vì người, đối đãi người “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (điều gì mình không muốn, chớ làm cho người khác). Giáo huấn như vậy có sai lầm hay chẳng? Phải nên làm gì? Đúng là khoa học dạy chúng ta phải cạnh tranh, đấu tranh, chiến tranh, vĩnh viễn tranh đấu, đấu tranh suốt đời, đến chết vẫn tranh giành chẳng thôi, sống trong đau khổ. Giáo dục của Nho, Phật, thánh hiền dạy ta sống trong hoan lạc, sống trong an ninh; nhưng bây giờ nói đến an ninh chẳng có ai hiểu được, vì sao? Từ trước đến giờ, họ chưa từng sống an ninh, từ trước đến giờ, họ chưa biết thế nào là niềm vui thiên luân³², chưa hề có, chưa hề thấy qua, chưa hề nghe đến. Họ toàn thấy, nghe tranh giành, đấu tranh, chiến tranh, vĩnh viễn phải chiến thắng hết thấy, không chiến thắng là thất bại, biết làm sao được!

Bởi thế, nay chúng ta nói đến hộ pháp, quả thật chẳng phải dễ! Trong thời đại này, giáo huấn của thánh hiền, truyền thống đạo đức văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều bị băng hoại toàn bộ. Do vậy, rất

³² Thiên luân là những mối quan hệ luân thường chánh đáng chẳng hạn cha con, anh em, vua tôi v.v... Niềm vui thiên luân là niềm vui sống giữ đúng luân thường, mọi người thương yêu, kính trọng lẫn nhau.

những tiên đoán từ xưa của Tây phương, trong Thánh Kinh cũng có nói, ngay cả Cổ Lan Kinh (Koran³³) cũng nói đến ngày tận thế. Kinh Cổ Lan lại còn dạy tín đồ phải tin vào một vị Chúa thật (chân chúa), phải tin vào ngày tận thế.

Trong thời đại này, chúng ta phải hướng về đâu? Quý vị phải thực sự giác ngộ, phải nhớ kỹ những giáo huấn của Ấn Quang đại sư, Ngài chỉ cho chúng ta một sanh lộ: Đạo tràng quy mô nhỏ, ít người cùng tu, chẳng phan duyên, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Nếu có cơ duyên bèn dạy mấy tên học trò, truyền lại đạo của thánh hiền. Không cần nhiều học trò, có được một người là được rồi, có thể truyền được rồi. Quý vị hãy nghĩ lúc Thiên tông vừa truyền đến Trung Quốc, Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc, truyền cho một mình Huệ Khả. Sau đó Đạo Tín, Tăng Xán đều là đời đời đơn truyền, đến Lục Tổ Huệ Năng đại sư, duyên chín muồi, phước báo của chúng sanh hiện tiền, bởi thế, Thiên tông mới hưng vượng mạnh mẽ. Chỉ cần ngọn lửa đèn ấy chẳng tắt, chỉ cần một tia ánh sáng, duy trì giềng mối đạo chẳng để nó suy đọa, sau này nhất định có ngày phát dương quang đại. Đây là chuyện chúng ta phải làm trong hiện tại.

Nhưng trong công tác ấy, tự mình nhất định phải hiểu có chủ và khách. Chủ là gì? Chủ là tự cầu sanh Tịnh Độ. Truyền đạo, truyền pháp phải dựa theo duyên phận! Chẳng có duyên phận thì quý vị có muốn làm cũng chẳng thành công. Phải có duyên phận, chúng sanh có phước báo, được oai thần của chư Phật gia trì, tự mình thành tâm thành ý, chẳng có chút lòng riêng tư nào, đây chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nhưng bất luận như thế nào, trước hết phải thành tựu chính mình, đây là điều kiện tiên quyết bậc nhất.

Trong thời kỳ Mạt Pháp, chương duyên rất nhiều, bởi thế, đạo tràng nhỏ ít người, chương ngại bèn ít. Đạo tràng của chúng ta, sau khi dựng xong giảng đường, tôi bảo mọi người: “Làm đến đây là thôi!” Chúng tôi hy vọng làm được điều Ấn Quang đại sư giáo huấn, chúng tôi y giáo phụng hành. Mười người, hai mươi người hằng ngày chắc thật niệm Phật, học kinh giáo, giải hạnh tương ứng. Chúng ta có Học Hội ở Bồ Lý Tư Bản (Brisbane), Học Hội chúng ta cũng phải làm gương, tuân

³³ Koran (còn viết là Qur'an, Quran, Kuran, Koran, Qur'ān, Coran, al-Qur'ān) là thánh kinh của đạo Hồi bằng tiếng Ả Rập. Hồi Giáo tin đây là những lời mặc khải của Thượng Đế (Allah) truyền cho giáo tổ đạo Hồi là Đại Tiên Tri Muhammad trong vòng 22 năm (610-632) qua sự truyền rao của thiên sứ Jibril (Gabriel). Những lời giảng này được biên tập thành thánh kinh Koran ngay khi Muhammad còn sống.

thủ lời pháp sư Ấn Quang giáo huấn, mong rằng chúng thường trụ chẳng quá hai mươi người. Chúng ta có thể tổ chức Phật thất, giúp đỡ những người ngoài đạo tràng chân chánh phát tâm đến tu học. Vẫn chiếu theo phương pháp trước kia, một năm tổ chức bốn lần hoạt động là Phật thất. Hoạt động Phật thất của chúng ta kể cả người trong nhà không quá bốn mươi tám người, bốn mươi tám người ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, gồm cả người trong nhà. Nếu trong nhà có hai mươi người, chúng ta chỉ tiếp nhận hai mươi tám người bên ngoài. Nếu trong nhà có ba mươi người, chúng ta chỉ có thể tiếp nhận mười tám người ngoài, nỗ lực tu tập!

Trong studio, chúng ta không ngừng mời mọc những vị thầy giỏi dạy cho chúng ta một vài lớp. Những lớp ấy chúng ta không bắt buộc phải học, vì sao? Sau khi chúng ta thu hình bèn phát lên mạng Internet, lưu thông trên đài truyền hình vệ tinh, thực hiện hoạt động giáo dục xã hội. Đó là chúng ta hoằng hộ chánh pháp, hoằng hộ mỗi đạo của Nho, Phật, thánh hiền giáo huấn, chúng ta làm công tác ấy, hy vọng cái tâm mình sẽ nhờ đó mà định, sẽ có thành tựu thực sự. Chúng tôi dùng cách đó để báo ân Phật, báo ân cha mẹ, báo ân tổ tông, báo ân hết thảy chúng sanh, phải thực hiện bằng hành động, phải đạt được thành tích mới được, chứ chẳng phải là miệng nói xuông. Miệng nói xuông là giả, nào phải là thật. Bởi thế, hôm nay trông thấy hai chữ Hoằng Hộ, tôi vô cùng cảm xúc sâu xa!

Trong đoạn cuối cùng này, có một điều “*vô vấn tự thuyết*” (không ai hỏi tự nói). “*Từ mẫn thâm thiết, cấp độ chúng cố, nghĩa lý huyền bí nan tín, vô nhân khả thỉnh*” (lòng từ mẫn sâu đậm, thiết tha, vì gấp độ chúng sanh, nghĩa lý u huyền, kín mật, không có người khả thỉnh). Bộ kinh này không ai hỏi, tự đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. Tình hình này không nhiều, đức Thế Tôn giảng kinh hơn quá nửa là vì có người nêu câu hỏi, ở đây đức Phật tự nói. Nói thật ra, pháp môn này không có ai có khả năng đề hỏi cả. Đức Phật thấy trong đại chúng khi ấy có rất nhiều người căn cơ chín muồi, chín muồi là có thể tin được, có thể tiếp nhận được, họ sẽ được lợi ích. Trong pháp Đại Thừa thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”.

Như trong cơn dịch SARS lần này, có rất nhiều vị thầy lang rất giỏi, tâm rất từ bi, muốn giúp đỡ, nhưng người ta không tin, ấy là vô duyên. Trông thấy người bệnh chết, mà không có cách gì cứu được. Hữu duyên là gì? Tin tưởng, bằng lòng hợp tác với mình, để cho mình cứu. Tôi nghe nói ở Bắc Kinh có ông đạo diễn họ Tạ, tên là Tạ Phi, bị mắc

bệnh SARS. Thầy lang họ Lưu ở Bắc Kinh bốc thuốc cho ông Tạ, hết mười tám đồng nhân dân tệ³⁴, ông Tạ lành bệnh, được xuất viện. Đưa vào bệnh viện cũng là lúc gặp hồi nguy ngập, chữa theo Tây y phải gần ông này nọ, rất phiền phức. Chuyện được tiến hành cũng là nhờ một bạn đồng hành của ông ta, cũng là một Phật giáo đồ, tức là cư sĩ Lăng Tư, van nài bệnh viện, xin bệnh viện cho ông Tạ thử dùng thuốc Bắc trong thời gian ba ngày. Hay quá! Vị thầy lang trong bệnh viện đó thật đại từ đại bi đáp ứng. Ông Tạ bèn uống thuốc Bắc, ba ngày sau kiểm tra lại, đã khỏe, đã bình thường, bèn cho về, chỉ tốn mười tám đồng nhân dân tệ mà thôi!

Chuyện đó nhà Phật gọi là hữu duyên, Phật độ người hữu duyên. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, chẳng hợp tác, không có cách gì hết! Đối với hết thầy chúng sanh, đức Phật cũng giống như thế. Sở dĩ, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy học trò Ngài trong thế gian này có người tin tưởng được, có người hiểu được, có người hành được, chẳng đợi người khác hỏi, bèn tự mình nói ra! “*Lòng từ mẫn sâu đậm, thiết tha, gấp độ chúng sanh*”. Pháp môn này dạy quý vị thành Phật trong một đời, khó tin nhất. Chẳng những người bình thường không tin, Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát rất nhiều vị chẳng tin tưởng pháp môn này. Vậy thì cũng tốt thôi! Quý vị cứ từ từ đi theo con đường dài xa, quý vị mất vô lượng kiếp, ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cứ đi thông thả! Pháp môn này một đời viên mãn, hữu hiệu phi thường, phương pháp đơn giản, dễ dàng, “*nghĩa lý u huyền, kín mật, khó tin*”, đạo lý, lý luận rất sâu, rất huyền! Nếu chờ Phật đem những sự việc này giảng thật rõ thì quý vị mới tin nổi, quý vị chẳng có thọ mạng dài như thế đâu!

Trong các kinh Phật, có một bộ kinh nhỏ tên là Tiển Dụ Kinh (kinh thí dụ mũi tên) để tỷ dụ việc này. Một người trúng phải tên độc, thời cổ đối với khoảng cách xa người ta dùng cung tên [tấn công]. Ông ta trúng phải tên độc, độc ngấm rất sâu. Nay có thầy thuốc cho uống thuốc giải, rịt thuốc vào [vết thương] sẽ ngay lập tức lành mạnh. Nếu ông ta chẳng tin tưởng, cứ muốn biết chất độc ấy là gì? Dùng thuốc gì để giải? Đến lúc hiểu rõ những lý luận ấy thì chất độc đã phát tác mất rồi, mạng còn đâu nữa? Bởi thế, lúc ấy điều gì cũng không buồn hỏi, cứ tin là dùng ngay, sẽ hữu hiệu, bèn được lành. Quý vị khỏe rồi mới lại nghiên cứu thì được, vì quý vị có thời gian. Còn trong lúc đó, lúc tánh mạng nguy cấp mà vẫn đòi nghiên cứu, chẳng phải là tự kiếm cái chết ư?

³⁴ Nhân dân tệ (Renminbi): Đơn vị tiền tệ của Trung Hoa Đại Lục.

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta tin vào thiện tri thức, đối với họ ta phải có tín tâm. Quý vị không tin tưởng họ, dù họ có đại trí huệ, có đại năng lực cũng giúp không nổi! Đức Phật có trí huệ rốt ráo viên mãn, đức năng viên mãn, chúng ta tin tưởng hay không? Chẳng tin tưởng thì không có cách gì hết! Ai có thể tin? Những người thiện căn sâu dày. Trong đời quá khứ đã gieo thiện căn sẽ tin được, hiểu được. Nói thật ra, tín tâm của chúng ta đối với Phật pháp cũng phụ thuộc vào thời gian vun bồi, trưởng dưỡng mà có. Lúc thoát đầu, bước vào cửa Phật bán tín bán nghi, nhưng vị thầy giỏi khéo kiên trì dẫn dụ, bởi thế, thái độ dạy học của thầy là mấu chốt quan trọng trong sự tiếp dẫn học sinh.

Đối với học trò, tâm thầy thực sự yêu thương, từ ái, quan tâm, tôn trọng, khiến cho kẻ làm học trò chẳng nhẫn tâm xa lìa thầy. Dạy Phật pháp cho tôi, là hai vị thầy, người đầu tiên là Chương Gia đại sư, người sau là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Lúc đó, tôi vẫn còn đang đi làm, chỉ có ngày Chủ Nhật mới đến gặp thầy, mỗi Chủ Nhật đến một lần. Nếu Chủ Nhật ấy có việc không đến được, qua mấy ngày sau, Chương Gia đại sư gọi điện thoại cho tôi: “Sao ông không đến? Không khỏe hay sao?” Ngài an ủi, thăm hỏi tôi. Quý vị nghĩ xem: Trong tình hình đó, chẳng thể không đến, chuyện gì cũng mặc kệ, đến gặp thầy cái đã. Ngài đối với tôi quan tâm, thực sự yêu thương, che chở, khiến chúng tôi nghĩ đến Tứ Nhiếp Pháp do đức Thế Tôn đã dạy.

Chúng tôi thân cận đại sư, đại sư dạy chúng tôi bồ thí pháp. Quan tâm, yêu thương che chở như thế đối với chúng tôi là bồ thí vô úy, khiến chúng tôi lúc tiếp xúc Ngài, cảm thấy hết sức an toàn, hết sức hoan hỷ, [đó là] nhiếp thọ chúng sanh. Chúng tôi phát sanh lòng tin đối với lời Ngài răn dạy, Ngài đối với mình tốt như thế, quan tâm như thế, những gì Ngài dạy mình nhất định là tối hảo. Khởi lòng tin đối với thầy, nhất định làm theo lời thầy răn dạy, dù chẳng làm được một trăm phần trăm, ít ra cũng làm năm, sáu chục phần trăm. Năm sáu chục phần trăm cũng rất hữu ích rồi.

Do vậy, trong nhiều năm, bản thân chúng tôi sống, xử sự, đãi người, tiếp vật, đều tuân thủ lời thầy giáo huấn. Thầy dạy tôi một nguyên tắc chung “*đời người khổ đau, ngăn ngừa*”, đời người khổ, thọ mạng lại ngắn, nhất định phải “*đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, không tranh chấp cùng người, không mong cầu chuyện gì*”. Thầy chỉ dạy chúng tôi tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc như thế. Bởi thế, gặp ai tranh chấp, tôi nhường; một đời học nhường nhịn, học chịu thiệt thòi, vì sao? Chịu thiệt thòi là phước, chúng ta có thể tiếp nhận, thực sự chịu lép là phước. Cứ

mỗi lần nhường nhịn, mỗi một lần chịu lép, sau đây đều rất thù thắng, bất cứ phương diện nào đều tốt hơn, cảnh giới ngày càng tốt hơn; do vậy, đối với giáo huấn của thầy, của Phật, Bồ Tát càng thêm tin tưởng.

Lúc tôi mới học Phật, thừa cùng quý vị là bán tín bán nghi, lời thầy răn dạy tôi chỉ thực hành được năm sáu chục phần trăm là khá lắm rồi! Học sinh như vậy chẳng dễ kiếm lắm đâu! Nay tôi đối với giáo huấn của thầy, kinh giáo của Phật, Bồ Tát tin tưởng một trăm phần trăm, phụng hành một trăm phần trăm. Theo thời gian tu học, tín tâm kiên định, tri giải thâm nhập, đạt lợi ích chân thật, pháp hỷ sung mãn!

Tâm Kinh nói “*chiếu kiến Ngũ Uẩn, độ nhất thiết khổ ách*” (soi thấy Ngũ Uẩn đều không, độ hết tất cả khổ ách); tuy tôi chưa nhập được cảnh giới này, mới mon men, gần kề mà thôi. Đây là ân đức của thầy, Phật, Bồ Tát giáo huấn, công lao của hộ pháp. Được khéo che chở như thế trong những lúc gian nan khốn khổ tột bậc, các vị ấy ra tay giúp đỡ, khiến cho tôi cảm thấy âm áp, chẳng đến nỗi thoái đọa, đó là ân đức hộ pháp. Con đường Bồ Đề xa lắm, chẳng gần gũi gì! Quan trọng nhất là phải chịu đựng được thử thách, chịu đựng được gian nan, phải như cỏ nhân nói: “*Càng vấp ngã, càng hăng hái*”, càng tiếp tục gắng công thì đạo nghiệp mới có thể thành tựu. Người thế gian tranh giành danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, rất tốt! Ta chẳng cần những thứ đó. Bởi thế, chúng ta chẳng xung đột với họ, họ cần cái ta không cần, ta cần cái họ không cần. Ta cần đạo đức nhân nghĩa, họ không cần. Ta chẳng cần danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, họ cần. Bởi thế, chúng ta đối xử hòa thuận với nhau, chẳng xung đột quyền lợi. Đọc đến đoạn này, hết sức cảm thán.

A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 09

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Biệt Tự Tam Cương (ba cương lãnh trong phần Biệt Tự), chúng tôi đọc kinh văn một lượt, may là kinh A Di Đà mọi người rất thông thuộc rồi.

6.2.2. Biệt Tự

Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới

danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà kim hiện tại thuyết pháp.

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Từ đây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật về phương Tây, có thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp).

Mọi người hãy coi đoạn này, đoạn này rất chẳng thể nghĩ bàn, đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta điều trọng yếu nhất. Trong đoạn này có ba điều:

1) Thứ nhất là: “*Hữu thế giới danh viết Cực Lạc*” (Có thế giới tên là Cực Lạc), chú ý chữ “*có*”. Chữ Có này hết sức khẳng định, khiến cho chúng ta chẳng nảy sanh mấy may hoài nghi; đúng thật là có, có một thế giới tên là Cực Lạc.

2) Điều thứ hai là trong thế giới ấy có một đức Phật tên là A Di Đà Phật. Quý vị thấy “*kỳ độ hữu Phật*” (cõi ấy có Phật), vậy là hai chữ Có. “*Hiệu A Di Đà*”, A Di Đà Phật làm gì ở đó? “*Kim hiện tại thuyết pháp*” (Nay hiện đang thuyết pháp). Như vậy là đã nêu ra vì sao thế giới ấy là Cực Lạc? “*Y báo trang nghiêm*”: Đem thế giới Cực Lạc so sánh với thế giới của chúng ta, thế giới chúng ta là thế giới cực khổ, còn của người ta là Cực Lạc, không có khổ; chỉ có lạc, không có khổ. Kinh văn còn giới thiệu vì sao thế giới ấy là Cực Lạc? Vì y báo trang nghiêm!

Câu thứ hai là Chánh Báo Trang Nghiêm: “*Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà*” (Cõi ấy có Phật, hiệu A Di Đà).

3) Thứ ba là sự nghiệp trang nghiêm: “*Thuyết pháp*”, thuyết pháp là sự nghiệp, “*nay hiện đang thuyết pháp*”. Đức Thế Tôn đem sự kiện hy hữu khó có này giới thiệu cùng chúng ta, chúng ta nghe xong bèn có cảm tưởng gì? Nói theo kiểu người hiện thời là có phản ứng gì? So với thế giới của chúng ta, khác rất xa. Thế giới này của chúng ta, nhất là trong hiện thời, có thể nói là thế giới cực khổ, khổ chẳng thể nói nổi; bởi thế, nghĩ đến thế giới kia là thế giới Cực Lạc.

Tiếp đó, kinh văn giới thiệu cùng chúng ta vì sao thế giới ấy cực lạc? Trong thế giới ấy không có khổ, nên gọi là thế giới Cực Lạc. Vì sao không có khổ? Có thầy giới chỉ dạy. Nhân dân trong thế giới Cực Lạc đều là người thiện căn chín muồi; chẳng như người trong thế giới này

của chúng ta. Thầy trong thế giới chúng ta khá lắm. Nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật chẳng khác nhau, nhưng chánh báo của thế giới Sa Bà chẳng trang nghiêm, nguyên nhân là do đâu? Chúng sanh ở đây phiền não tập khí rất nặng, nghiệp chướng rất sâu, ương ngạnh khó hóa độ. A Di Đà Phật có đến đây cũng bó tay, mọi người chẳng chịu tiếp nhận, làm cách nào được nữa? Chẳng thể sánh với Tây Phương Cực Lạc thế giới được.

Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới người người thiện căn đều thành thực? Chúng ta phải hiểu điều này. Thế giới Tây Phương là quốc độ mới thành lập, A Di Đà Phật thành Phật đến nay chỉ mới mười kiếp; giống như một quốc gia mới được thành lập trong thế giới này. Thế giới Sa Bà này của chúng ta giống như một nước cổ đã mấy ngàn năm; bởi thế, đời đời kiếp kiếp tích lũy rất nhiều tệ hại, chẳng thể dễ dàng sửa đổi được. Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ tu học do A Di Đà Phật tạo thành, thoát đâu không có nhân dân, người trong thế giới Cực Lạc từ đâu đến? Từ mười phương thế giới di dân đến. Phạm những ai sanh về thế giới Cực Lạc đều phải thỏa điều kiện, không phù hợp điều kiện sẽ chẳng đến được. Điều kiện gì? Thầy đều là thiện căn, phước đức, nhân duyên chín muồi; trong kinh nói rất rõ: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Do đây biết rằng: Di dân đến nơi đó đã được A Di Đà Phật chọn lọc kỹ càng. Bởi thế, nhân dân trong thế gian ấy dễ giáo hóa, chẳng ương ngạnh khó hóa độ như ở đây.

Nếu chúng ta muốn vãng sanh, nay thấy thế giới kia tốt đẹp như thế đó, đúng là hiếm có, khó gặp, chúng ta muốn đến đó thì đến bằng cách nào đây? Nhất định phải đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Nhân duyên dễ có, vì sao? Người khác có thể giúp mình được. Chứ riêng thiện căn, phước đức phải do chính mình tu, người khác chẳng thể giúp được. Thế nào là thiện căn? Thế nào là phước đức? Khi giảng kinh Vãng Sanh (quý vị phải nhớ kỹ, kinh Vãng Sanh chính là ba kinh một luận trong Tịnh Độ, chuyên môn giảng về chuyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, gọi chung là kinh Vãng Sanh), đã nói đến rất nhiều lượt.

Thiện căn là tin được, hiểu được, đó là thiện căn. Quý vị tin tưởng, hiểu được kinh văn, quý vị nhìn hiểu được, nghe hiểu được, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Hành được, chứng được, quý vị chịu y giáo phụng hành là có phước; quý vị không y giáo phụng hành thì không có cách gì hết! Nhân duyên là điều kiện bên ngoài; nhân duyên quan trọng nhất là gặp được thiện tri thức chân chánh đem pháp môn này giới thiệu

cùng quý vị. Nhân duyên ấy chúng ta đã có.

Xưa kia, vị xuất gia giới thiệu pháp môn này cho tôi là pháp sư Sám Vân; vị tại gia giới thiệu pháp môn này là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Pháp sư Sám Vân giới thiệu pháp môn này với tôi vì tôi vốn hoài nghi pháp môn này, chẳng thể tiếp nhận. Pháp sư Sám Vân dạy tôi đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao, Yêu Giải, Viên Trung Sao, lại dạy tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Mấy bộ sách ấy tôi rất chuyên tâm học trong vòng nửa năm. Học xong khá tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, chẳng hoài nghi nữa, cũng hết sức tán thán, nhưng vẫn chưa phát tâm học pháp môn này. Biết pháp môn này thù thắng, nhất là trong Văn Sao, pháp sư Ấn Quang đã đau lòng rất miệng giáo hóa đại chúng hiện tiền, khẩn thiết giới thiệu pháp môn này.

Về sau, tôi rời khỏi Phố Lý, đến Đài Trung theo học kinh giáo với thầy Lý. Hứng thú, chí nguyện đích thực của tôi là kinh giáo. Thầy Lý thường khuyên tôi tu pháp môn Tịnh Độ, thầy giảng kinh Di Đà. Tôi nghe xong, thực sự rất cảm động, điều này thầy Lý cũng nhìn ra. Đối với bọn đồng học chúng tôi, trong lúc trò chuyện cùng đại chúng, cụ từng nói tôi sẽ có dịp được thọ dụng kinh Di Đà. Tôi thực sự chết sạch lòng mong ngóng so đo, khiêm hư sát đất, chẳng hoài nghi nữa, chuyên tu, chuyên hoằng Tịnh Độ là lúc giảng kinh Hoa Nghiêm, tôi đã từng kể cùng quý vị rồi. Giảng kinh Hoa Nghiêm lần đầu giảng được một nửa, tức là giảng một nửa Bát Thập Hoa Nghiêm, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng được một nửa. Có một ngày, tôi đột nhiên nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn nào? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Quan sát kỹ càng, thấy đều là pháp môn Niệm Phật, nên mới chết sạch lòng mong ngóng so đo, khiêm hư sát đất.

Văn Thù, Phổ Hiền là hạng người nào? Chúng ta còn chưa đủ tư cách làm thị giả cho các Ngài. Các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mới biết pháp môn này thù thắng khôn sánh. Bởi thế, sự giáo học là khẩn yếu nhất, trước kia tôi đã hiểu được đạo lý này. Lúc đọc Lễ Ký, có một câu gây ấn tượng hết sức sâu đậm: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Dựng nước, cai trị nhân dân, dạy dỗ làm đầu), trong thiên Học Ký có câu như thế. Có thể nói một thiên Học Ký là triết học giáo dục tối cổ của Trung Quốc.

Sau này học Phật, thấy sự nghiệp của chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát là gì? Giáo học! Giáo học là sự nghiệp của Bồ Tát, là gia nghiệp của Như Lai, nay gọi là “giáo dục đa nguyên văn hóa”. Đòi đòi kiếp kiếp (người Trung Quốc nói là “*thế thế đại đại*”) thực hiện sự

nghiệp này, đời trước truyền cho đời sau, trong hết thủy hạnh nghiệp, nó là một hạnh nghiệp tối thù thắng.

Bởi thế, Khổng lão phu tử từng nói, tôi hiểu được ý Ngài: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thực hành, cũng chẳng vui sao?) Tôi hiểu: Nếu quý vị học tập hay dạy học chẳng khế nhập cảnh giới, chẳng thể áp dụng những gì quý vị đã học, đã dạy vào cuộc sống, sẽ chẳng đạt được pháp hỷ. Pháp hỷ sung mãn, khoái lạc khôn sánh! Sự vui ấy chẳng phải là niềm vui ngũ dục lục trần bên ngoài, chẳng phải do bên ngoài kích thích, mà từ nội tâm lưu xuất, giống như suối chảy từ nguồn. Từ tự tánh phát xuất “*cũng chẳng vui sao?*” Là sự vui lớn nhất trong hết thủy pháp thế gian, xuất thế gian. Tôi cũng thường hay nói “duyên của Khổng lão phu tử rất thù thắng”, Ngài không có ý nguyện giáo hóa xã hội. Ý nguyện cả một đời Ngài là gì? Làm quan! Ngài mong mỗi có một chức vị, đem cái học bình sinh của mình cống hiến cho xã hội, cống hiến cho quốc gia. Chúng tôi tin nếu Khổng lão phu tử làm được Tể Tướng trong thời Liệt Quốc, rất có thể Ngài trở thành một Châu Công thứ hai.

Nhưng thời tiết nhân duyên của phu tử chẳng giống với thời đại Châu Công. Phu tử sống nhằm thời Xuân Thu Chiến Quốc, xã hội loạn lạc bất an, nước lớn kiêm tính nước nhỏ; bởi thế, thời cuộc thật bất lợi đối với Khổng lão phu tử. Ngài có muốn làm sẽ rất khó khăn, bất quá chỉ được như Quán Trọng là cùng, khá khó khăn! Thuở ấy, vua chúa các nước chẳng ai chịu dùng Ngài, chu du các nước, cầu làm được một chức quan nhỏ cũng không ai chịu dùng. Tình thế bất đắc dĩ, phải quay về nhà dạy học, hy vọng truyền cái học của mình cho thế hệ sau, mong mỗi đồ đệ sẽ phát huy hoài bão của mình, cho nên mới về nhà dạy học!

Lúc quay về nhà, lão nhân gia đã sáu mươi tám tuổi, Khổng lão phu tử mất năm bảy mươi ba tuổi. Vì thế, trên thực tế, Ngài mở trường dạy học tổng cộng chỉ có năm năm, không lâu! Nhưng duyên ấy thù thắng phi thường, thành tích dạy dỗ khả quan, trong lịch sử Trung Quốc không tìm được người thứ hai nào! Học trò ba ngàn người, vậy là một ngôi trường tư khá quy mô. Học trò có thành tựu (nay ta gọi là học trò xuất sắc) gồm bảy mươi hai người – Thất Thập Nhị Hiền. Trong lịch sử Trung Quốc mãi cho đến ngày nay, không có một nhà giáo dục nào có cách gì làm được như Khổng Tử! Đương nhiên là có học trò thành tựu, nhưng không nhiều như thế. Ngài được trong triều ngoài nội, các đời cùng tôn xưng là Chí Thánh Tiên Sư, đây là điều lúc còn sống Khổng lão phu tử chưa bao giờ nghĩ đến, Ngài chưa hề nghĩ đến việc theo đuổi

công tác giáo dục.

Nhưng ngay từ lúc trẻ tuổi Thích Ca Mâu Ni Phật đã biết rõ; Không lão phu tử mong cầu một chức quan, Thích Ca Mâu Ni Phật là người kế thừa vương vị, nhưng chẳng cần. Đức Phật chân chánh giác ngộ, giúp cho hết thảy chúng sanh trong thế gian phá mê khai ngộ, giúp cho xã hội quốc gia yên bình dài lâu. Dùng phương pháp nào mới hòng đạt được mục đích ấy? Giáo dục. Thích Ca Mâu Ni Phật thực sự buông xuống vạn duyên, theo đuổi công tác giáo dục xã hội, thực sự là đa nguyên văn hóa, chẳng phân biệt giới hạn quốc gia, chẳng phân biệt sắc dân, cũng chẳng phân biệt văn hóa, chẳng phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, đúng là giáo dục không phân biệt, người tìm đến chẳng cự tuyệt, người đi không níu kéo. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, chứng thực hai câu ghi trong thiên Học Ký là chính xác, “*giáo học vi tiên*” (giáo dục làm đầu). Bất cứ hạnh nghiệp thế gian, xuất thế gian nào, bất luận xây dựng cái gì, điều đầu tiên là gì? Giáo học là bậc nhất!

Không lão phu tử tự thuật cả một đời mình: Ngài nói về kinh nghiệm học vấn. Năm mười lăm tuổi dốc chí nơi sự học, học khá lắm. Ba mươi tuổi thành tài, bốn mươi chẳng sai lầm, năm mươi biết mạng trời, sáu mươi tai nghe đã thuận, bảy mươi tuổi việc làm thuận theo lòng mong muốn, nhưng chẳng vượt khỏi quy củ. Năm bảy mươi ba tuổi Ngài mất. Lời tự thuật ấy thuyết minh cảnh giới học vấn của cả một đời Ngài, không ngừng tự hoàn thiện. Luôn tự hướng thượng tức là tinh tấn chẳng lười, trong đạo Phật gọi là “*tinh tấn, dũng mãnh*”, ở phần trên chúng ta đã thấy Bồ Tát biểu thị pháp nhằm ngậm chỉ cho chúng ta, chỉ dạy chúng ta “*chẳng ngơi nghỉ, thường tinh tấn!*” Học vấn của phu tử đúng là như thế đó.

Thích Ca Mâu Ni Phật hướng đến toàn thế giới, Ngài theo đuổi việc dạy dỗ suốt bốn mươi chín năm, theo cách tính của người Hoa là năm mươi năm, từ đầu đến cuối là năm mươi năm. Ngài bắt đầu dạy dỗ năm ba mươi tuổi, tám mươi tuổi tịch. Người Hoa nói tám mươi tuổi là “*hư tuế*”³⁵, trên thực tế là bảy mươi chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật tịch diệt năm bảy mươi chín tuổi. Học trò có thành tựu của Ngài so với Không lão phu tử nhiều hơn rất nhiều, đơn giản nhất là như ta thấy hàng Thường Tùy Chúng thường được nhắc đến trong kinh. Mỗi vị trong số Thường Tùy Chúng ấy đều có thành tựu, không thành tựu sẽ chẳng nhắc

³⁵ Hư tuế là cách tính tuổi, ta thường gọi là tuổi ta, tức là vừa sinh ra đã tính là được một tuổi, không chờ đến sinh nhật đầu tiên mới là một tuổi.

đến. Phải thực sự chứng quả mới được nêu tên, ở đây nói rõ là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, đều là bậc chứng quả. Ở đây, chúng ta thấy một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị “*giai thị đại A La Hán*” (đều là đại A La Hán). Trong phần trên chúng tôi đã thưa cùng quý vị: Đại A La Hán là Pháp Vân Địa Bồ Tát, là thánh nhân, không phải phàm phu.

Bởi thế, chúng ta lắng lòng quán sát: Hạng người thông minh bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, người thực sự có trí huệ sẽ tuyển chọn nghề nghiệp nào trong thế gian? Dạy học. Người ấy chẳng làm nghề gì khác. Vì sao? Dạy học là nghề nghiệp cống hiến rất lớn cho thế gian, xuất thế gian. Dạy người căn cơ chín muồi, dạy người ta chuyên phàm thành thánh; để dạy người căn tánh chưa thành thực thì dạy kẻ ấy phá mê khai ngộ; để dạy hết thầy kẻ trung hạ căn, phàm phu thì chỉ dạy họ chuyển ác làm lành. Phật, Bồ Tát giáo hóa hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; bất luận quý vị muốn học điều gì, Phật, Bồ Tát đều rất hoan hỷ dạy cho quý vị. Nếu nay có kẻ hỏi: “Tôi muốn cầu phát tài, Phật có dạy hay không?” Phật dạy chứ, đúng là trong nhà Phật “*hữu cầu tất ứng*”. Phật có thể dạy cho quý vị đời đời kiếp kiếp được giàu sang lớn, chẳng giả đâu! Cầu trí huệ, đời đời được đại trí huệ. Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian phải vào trong Phật pháp mới hòng thực sự viên mãn rốt ráo.

Trong đời quá khứ chúng ta đã gieo thiện căn, trong đời quá khứ đã kết pháp duyên thì trong một đời này mới gặp được Phật pháp, đã gặp được Đại Thừa, lại còn có thể cùng nhau học tập. Nếu chúng ta chẳng thể gặp mặt nhau, quý vị có thể nối mạng Internet, có thể nhìn vào màn huỳnh quang của máy TV, thấy đều là người hữu duyên. Chỉ cần y giáo phụng hành, quan trọng nhất trong việc y giáo phụng hành là buông thành kiến của chính mình xuống, đây là điều tôi thường nói: Buông xuống cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của chính mình đối với hết thầy vũ trụ, nhân sinh, con người, sự vật, phải buông những điều này xuống. Vì sao? Những thứ ấy toàn là lầm lạc, thực sự là lầm lạc. Chẳng buông những thứ lầm lạc ấy xuống, dù chúng ta có học theo Phật, Bồ Tát thì vẫn chẳng giống, vẫn học không ra gì! Nếu thực sự buông xuống, triệt để buông xuống, trong một đời này, chắc chắn quý vị học rất giỏi, học rất giống, học rất thành công.

Trong thời đại hiện tại này, chúng ta bên trong có phiền não tập khí, đây là điều mọi đồng tu chúng ta chẳng thể chối cãi được, đều phải thừa nhận, đúng là nghiệp chướng rất nặng, bên ngoài sức dụ dỗ mê hoặc hết sức mạnh mẽ. Dụ dỗ mê hoặc bên ngoài là Ma, là Thiên Ma trong

bốn thứ Ma. Thiên Ma là ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng từ bên ngoài mê hoặc. Bởi thế, rất khó thành tựu, không lưu tâm một chút là thoái chuyển liền, ngã lòng liền. Bởi thế, người học Phật thì nhiều, người thành công lại ít chính là vì nguyên nhân này. Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta một hoàn cảnh tu học tốt nhất là thế giới Cực Lạc. Quý vị sang thế giới Cực Lạc ấy, dù phiền não tập khí nghiêm trọng đến mấy cũng không sao, vì chẳng có duyên. Chẳng có duyên bên ngoài, dù trong tâm quý vị có phiền não tập khí, nó cũng chẳng thể phát khởi được. Chẳng như thế giới Sa Bà này, duyên bất thiện trong thế giới Sa Bà rất nhiều, lôi kéo phiền não tập khí. Thế giới Cực Lạc không như vậy, thế giới là nơi “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các thượng thiện nhân cùng ở một chỗ).

Ở nơi đây, cơ hội học tập, nghe pháp đều chẳng dễ dàng, đều hết sức khó khăn. Trong thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật, chư đại Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp, nghiên cứu, giảng dạy, tu hành chưa hề gián đoạn. Vô lượng vô biên pháp môn, quý vị muốn học pháp môn nào, quý vị bèn vào phòng học đó, ở đó có Bồ Tát chỉ dạy quý vị. Duyên tốt quá! Ở đây, chúng ta muốn học điều gì, tìm thầy chẳng ra, tìm hoàn cảnh tu học chẳng được; hưởng hò lại còn rất nhiều chướng duyên chướng ngại chẳng thể tưởng tượng được, khiến quý vị chẳng học cho tốt được, khiến quý vị chẳng đạt được tiến bộ. Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên chúng ta thay đổi hoàn cảnh tu học, lấy thế giới Cực Lạc để thay đổi hoàn cảnh. A! Chúng ta biết có Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta muốn qua Tây Phương Cực Lạc thế giới, khó hay dễ? Nói khó thì chẳng khó, nói dễ cũng chẳng dễ, vẫn là phải có đủ ba điều kiện: thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Thiện căn là:

1) Tín tâm kiên định, quyết định chẳng có mảy may nghi hoặc đối với pháp môn Tịnh Độ.

2) Nguyện tâm kiên định, trong một đời này, ta chỉ có nguyện vọng: Cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngoại trừ nguyện vọng ấy ra, tổ sư đại đức thường bảo là thân tâm thế giới thầy đều thực sự buông xuống hết, thực sự buông xuống!

Ất phải có đủ hai điều kiện ấy thì mới là thiện căn.

Phước đức: Gặp thiện tri thức là phước đức, quý vị phải có phước mới được gặp. Gặp được thầy tốt, đồng học tốt, đều là những chuyện chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu! Thầy dạy dỗ, đồng học thiết tha giùi mài, quý vị sẽ hiểu được, sẽ phát ngộ. Hiểu rõ rồi, chắc chắn trong cuộc sống

thường nhật, quý vị sẽ thực hiện những điều quý vị tin và hiểu. Quý vị làm được “*nhất tâm xưng niệm*”, kinh Vô Lượng Thọ bảo là “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Đây là phước đức thực sự. Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm có bị chướng ngại hay chẳng? Có đồng học đã từng hỏi tôi [chuyện ấy]. Người công phu đắc lực chẳng gặp chướng ngại, nếu công phu chẳng đắc lực bèn có chướng ngại.

Chúng tôi nêu lên hai ví dụ rõ ràng nhất. Trước kia, chúng tôi ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) biết một người thân thích của Cam lão cư sĩ niệm Phật vãng sanh. Sự việc ấy cách nay chừng hai mươi năm, trong thập niên 1980. Tôi nhớ bà ta kể chuyện này với tôi vào năm 1984, khoảng chừng hai năm trước đó, một bạn già của bà là một bà cụ niệm Phật vãng sanh. Người con bà đang theo học tại Mỹ, tốt nghiệp xong làm việc tại Mỹ, kết hôn, sanh được một đứa bé. Đứa con đón mẹ qua Mỹ để làm gì? Để trông cháu. Ở Mỹ, hai vợ chồng đều đi làm, để mẹ ở nhà trông nhà, chăm sóc cháu. Bởi thế, bà mẹ làm việc nhà, chăm sóc cháu.

Ở Mỹ chẳng bao lâu, đứa trẻ đã lớn, vào Tiểu Học. Bà cụ vẫn trông nom việc nhà, mỗi ngày dọn dẹp nhà cửa, nấu hai bữa cơm. Bởi lẽ, buổi sáng ăn điếm tâm, người đi làm bèn đi làm, đứa đi học bèn đi học, chiều về ăn cơm tối, nói chung đều ăn trưa ở ngoài. Bà cụ ở nhà rất thanh tịnh! Gia đình ấy trở thành đạo tràng của bà, công phu niệm Phật chẳng gián đoạn, cũng chẳng ai biết đến. Đến một ngày mới nhận ra, mới biết bà cụ ấy chẳng tầm thường. Bà mất vào một buổi tối, cũng chẳng biết mất lúc nào. Sáng dậy, con trai, con dâu, cháu nội đều dậy cả rồi, muốn ăn điếm tâm để đi học, đi làm, thế nhưng ngày hôm ấy không có điếm tâm, bà cụ không thức dậy. Họ bèn mở cửa phòng tìm bà cụ: “Sao hôm nay lạ quá! Cụ chẳng thức dậy?” Mở cửa ra, thấy bà cụ ngồi trên giường, ngồi xếp bằng trên giường, đã mất từ lâu, ngồi mà qua đời. Mọi người cũng sững sờ.

Coi kỹ, bà cụ đã viết sẵn di chúc đặt trước mặt trên giường để dặn dò hậu sự. Kỳ diệu hơn nữa là đồ tang của con trai, con dâu và cháu, bà cụ đã may sẵn. Cụ biết trước lúc ra đi, chẳng biết đã chuẩn bị sẵn từ lúc nào, tự đã chuẩn bị sẵn hậu sự cả rồi, đồ tang cũng bày sẵn trên giường. Bà Cam kể cho tôi nghe chuyện này. Người tu hành thực sự không có chút gì để có thể nhận ra, cụ bà chẳng gặp trở ngại gì. Vẫn thường chăm sóc việc nhà, biết trước lúc mất, chẳng bệnh, nói đi là đi, đi rất đẹp đẽ, đi rất tự tại đường ấy. Đó là người có công phu tốt đẹp, chẳng có trở ngại gì.

Ngoài ra là một vị xuất gia, quý vị thường nghe pháp sư Đàm Hu

kê: Một lần, chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân [tổ chức lễ] truyền giới lần thứ nhất, thầy Tu Vô là một vị xuất gia không được ai coi trọng. Thầy không biết chữ, trước khi xuất gia làm thợ nề, làm việc nặng. Sau khi xuất gia, ở trong chùa đều làm những việc nhọc nhằn nhất; người khác chẳng muốn làm, thầy đều tình nguyện làm: dọn nhà cầu, trồng rau, chẻ củi, gánh nước, thầy chuyên làm những việc đó. Cái gì thầy cũng không biết, chỉ có một câu A Di Đà Phật chẳng buông lung, bất luận làm gì đều niệm A Di Đà Phật. Bởi thế, thầy làm rất vui vẻ. Với ai thầy cũng đều cung kính vì thầy chẳng biết làm gì, chẳng bằng ai cả.

Trong thời gian truyền giới, thầy phát tâm săn sóc bệnh nhân, chùng mấy bữa sau thừa với lão hòa thượng xin nghỉ. Lão hòa thượng nói:

- Ông đến chưa được mấy ngày đã muốn đi. Muốn đi thì đợi truyền giới xong hãy đi!

Thầy thưa:

- Con chẳng phải là đến nơi nào khác, mà là về thế giới Cực Lạc.

Lão hòa thượng thoát nghe, thật bất ngờ, hỏi:

- Chùng nào thầy đi?

- Chẳng quá mười ngày!

Ngày thứ hai, thầy lại đến gặp lão hòa thượng, lão hòa thượng hỏi:

- Chuyện gì?

- Ngày mai con đi!

Quý vị thấy tám gương tốt, khuôn mẫu tốt cho chúng ta là như thế đó: Ở trong chùa làm việc nặng, suốt ngày chẳng nghỉ ngơi mà tu hành thành công, chẳng có chướng ngại chi hết. Thầy Tu Vô buông xuống được, chuyện gì cũng chẳng tranh giành, người ta đi trước, thầy luôn lùi ra sau.

Chẳng tranh cùng mọi người, “*ư nhân vô tranh, ư sự vô cầu*” (với người chẳng tranh, với sự chẳng cầu), bởi thế, đối với mỗi cá nhân đều cung kính, dẫu người khác coi thường thầy, nhưng đối với bất cứ ai thầy chẳng bị trở ngại. Thầy sống cuộc đời của thầy, thầy niệm Phật cũng chẳng ai biết. Lúc mất rất đẹp đẽ, tự tại dương ấy, thật là tám gương tốt cho chúng ta! Nay chúng ta nghe người khác nói mấy câu, trong tâm chẳng mặc kệ được, còn đúng hay chẳng? Thầy Tu Vô là như thế, sao thầy chẳng được vãng sanh? Quý vị đánh thầy, chửi thầy, làm nhục thầy, thầy vẫn cười hì hì, đánh lễ quý vị, chấp tay với quý vị, cung kính quý vị, chẳng bận lòng! Vì sao? Thầy muốn về thế giới Cực Lạc, còn quý vị chẳng muốn đến đó. Thầy muốn đến bèn thực sự đến.

A! Bây giờ hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp phần ba điều chánh yếu trong phần Biệt Tự, chúng ta đọc kinh văn một lượt:

Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Từ đây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật ở phương Tây, có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp).

Trong đoạn kinh văn này, quan trọng nhất là hai chữ Hữu: “Hữu thế giới” và “hữu Phật”, nay hiện tại “có”, “nay hiện tại” là khuyến tín, “thế giới, Cực Lạc” là khuyến nguyện, “A Di Đà Phật” là khuyến hành diệu hạnh Trì Danh. Đây là ba điều chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh, ba sự việc hết sức quan trọng trong ba câu kinh. Trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, vừa mở đầu, Ngài đã giảng: “*Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, dứt bất đối đãi một cách viên dung, chẳng thể nghĩ bàn*”.
Mấy câu ấy hết sức quan trọng.

Kích thước tác phẩm Yếu Giải không lớn; cuối Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư có viết lời Bạt không dài lắm, trình bày duyên khởi Ngài viết Yếu Giải. Tác phẩm Yếu Giải ấy được hoàn tất trong chín ngày. Cận đại, Ấn Quang đại sư nói tác phẩm Yếu Giải ấy dù A Di Đà Phật tái lai chú giải kinh A Di Đà cũng chẳng thể hay hơn được. Quả thật đã khen ngợi đến mức cùng cực.

Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, đối với bản Chú Giải ấy, Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như thế, vậy thì người viết chú giải là ai? Chúng tôi nghĩ nếu chẳng phải là A Di Đà Phật, thì chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ Tát; nhưng Ngẫu Ích đại sư chẳng bộc lộ

thân phận, chẳng biết Ngài là vị nào tái lai? Ân Quang đại sư nói lời ấy là có ngụ ý. Nếu chúng ta chú tâm cảm nhận, sẽ hiểu tác phẩm Yếu Giải ấy giá trị càng cao, phân lượng càng nặng. Chúng ta gặp được bản chú giải hiếm có khó gặp này, đều là do chúng ta có phước. Chúng ta gặp được bản Yếu Giải này là do phước đức, do có duyên phận tốt.

Trước kia, tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, có một bữa tôi đến gặp pháp sư Diễn Bồi, Ngài đãi tôi cơm trưa; tại bàn ăn chúng tôi bàn đến vấn đề này. Pháp sư Diễn Bồi hỏi tôi: “Ân Quang đại sư tán thán như thế có phải là quá mức hay chẳng?” Tôi đáp lời lão nhân gia: “Không quá lộ chút nào! Lời Ngài tán thán rất hay”. Chúng ta biết Ngẫu Ích đại sư là đệ tử sau khi thầy đã mất của Liên Trì đại sư, trong nhà Phật rất khó được như thế, cũng giống như Mạnh Tử là học trò sau khi thầy đã mất của Khổng Tử. Đây là hai nhân vật tiêu biểu thế gian và xuất thế gian. Mạnh Tử mong tìm được một vị thầy giỏi, tìm không ra. Học theo Khổng Tử, Khổng Tử đã qua đời, nhưng trước tác của Khổng Tử còn đó, Mạnh Tử tìm được. Chiếu theo trước thuật của Khổng Tử, y giáo phụng hành! Có chỗ nào không hiểu rõ, có nghi ngờ bèn thỉnh giáo nơi học trò của Khổng lão phu tử, bèn học thành công.

Nhưng Ngài học ra sao? Vượt trội hơn bảy mươi hai hiền nhân sống cùng thời Khổng lão phu tử, Ngài giỏi hơn bọn họ. Bởi thế, Trung Quốc đời đời tôn sùng Mạnh Tử là Á Thánh. Khổng lão phu tử là Chí Thánh, Mạnh phu tử là Á Thánh, tức là bậc thánh nhân chỉ kém Khổng Phu Tử, học trò sau khi thầy đã mất mà thành công! Ngẫu Ích đại sư là đồ đệ sau khi thầy đã mất của ngài Liên Trì, Liên Trì đại sư đã mất rồi, trước tác của Liên Trì đại sư còn đó. Bởi thế, với pháp môn Tịnh Độ, Ngài đọc bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, đọc bản Viên Trung Sao của U Khê đại sư, hai vị ấy đều là trưởng bối, [ngài Ngẫu Ích đọc tác phẩm của hai vị trưởng bối] được lợi ích rất nhiều. Vì sao Ngài soạn Yếu Giải? Trong bộ Yếu Giải, Ngài có kiến giải riêng, khác với kiến giải của hai vị đại sư tiền bối. Trong tác phẩm này có rất nhiều câu thuyết pháp trọng yếu, người xưa chưa từng đề cập đến.

“*Tuyệt đãi viên dung*” là tuyệt đối viên dung, chẳng thể nghĩ bàn. “*Gồm thấu trọn vẹn, siêu việt trọn vẹn hết thảy pháp môn*”. Câu nói này được nêu lên trong sách Yếu Giải, trong quá khứ chưa có ai nói như thế. Đây là điều được phát hiện bởi Ngẫu Ích đại sư, là kiến giải độc đáo của Ngẫu Ích đại sư, khiến hậu nhân sinh lòng tin kiên định đối với bản kinh này. Chúng tôi nhiều năm học tập kinh Hoa Nghiêm, giảng giải Hoa Nghiêm, đối với Sớ Sao và Yếu Giải càng khế nhập sâu hơn. Vì sao?

Tuy kinh không dài, nhưng nghĩa thú đã bao trọn kinh Hoa Nghiêm, truyền cùng một mạch. Bởi thế, đến cuối đời Thanh, trong niên hiệu Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, tức là phẩm cuối cùng “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” [của kinh Hoa Nghiêm] ghép vào Tịnh Độ Tam Kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Nếu quý vị thấy có bản khắc gỗ đề Tịnh Độ Tứ Kinh, quý vị biết bản Tịnh Độ Tứ Kinh đó do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm biên tập. [Lúc đó], Tịnh Độ gồm bốn kinh một luận.

Đến đầu thời Dân Quốc, Ân Quang đại sư ghép Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Các bạn đồng học Tịnh Độ chúng ta phải hiểu rõ ràng lai lịch kinh điển Tịnh tông. Thoạt đầu, vốn chỉ có ba kinh một luận, một luận đó chính là Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, tức là tác phẩm nói lên sự tu hành của chính Bồ Tát, có thể nói là bản báo cáo tâm đắc. Trong bản báo cáo ấy, Ngài cho chúng ta biết Ngài thực hiện ba kinh trong cuộc sống, trong công khóa như thế nào, rất đáng cho chúng ta tham khảo. Bởi thế, chúng ta phải coi trọng mấy câu của Ngẫu Ích đại sư.

“*Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị*”, đều là nói về A Di Đà Phật. Những ý nghĩa được nêu ở đây chúng tôi đều tóm tắt từ sách Yêu Giải. Một câu A Di Đà Phật đầy đủ Tam Học, Tam Học là Giới, Định, Huệ. Tam Huệ là Văn, Tư, Tu, “*đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, hết thấy pháp môn*”. Cổ nhân nói: “*Trong tám vạn pháp môn, Niệm Phật bậc nhất*”. Sự đầy đủ ấy nay ta thấy rất rõ, rất minh bạch từ Vô Lượng Thọ Kinh; nhất là từ bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư, cực diệu, thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Bản hội tập của cụ do năm bản dịch gốc hội tập thành. Mấy năm nay, có người phản đối bản hội tập ấy, ai phản đối chúng tôi gởi cho bốn chữ: “*Mạc danh kỳ diệu*” (tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được). Chưa nêu được chỗ diệu nên họ mới phản đối. Nếu họ hiểu rõ chỗ áo diệu của đạo lý, họ sẽ tán thành cả hai tay, kẻ ấy chưa hề nghiên cứu, chưa hề học tập, ai nói sao mình hòa theo như vậy, như thế là trật rồi!

Ở Đài Loan, có một vị cư sĩ hết sức hiếm có. Ông ta đem bản hội tập đối chiếu với năm bản nguyên dịch rất tường tận, soạn thành một cuốn sách. Có người gởi cho tôi xem, tôi xem xong rất hoan hỷ, nhờ ông ta in một ngàn cuốn, nay sách đã gởi tới rồi. Một ngàn cuốn sách ấy chẳng phải là tôi muốn xem, mà chuyên để gởi tặng những ai hoài nghi bản hội tập. Quý vị có hoài nghi gì, cứ viết thư gởi cho chúng tôi, tôi sẽ

gửi một bản, quý vị đọc kỹ. Trong lời tựa cho bản ấy, cư sĩ Mai Quang Hy³⁶ có viết: “*Mạt Pháp chín ngàn năm, tu Tịnh Độ đắc độ nhất định là do bản kinh này*”. Trong kinh, đức Phật có dự ngôn: “*Tương lai Phật pháp diệt hết, bản kinh này lưu thông một trăm năm, kinh này diệt sau cùng*”. Mai đại sĩ khẳng định, trong tương lai hết thấy kinh điển diệt hết, chỉ còn mỗi bản Vô Lượng Thọ kinh này, khẳng định [bản được lưu lại] là bản hội tập này. Tôi tin như vậy, chẳng hoài nghi chút nào.

Duyên của bản hội tập ấy hết sức thù thắng, trong quá khứ lão cư sĩ Triệu Phác Sơ từng tán thán. Cụ Phác Sơ đã từng đọc bản Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tại Trung Quốc đại lục. Cuốn Giảng Ký [ghi chép lời giảng] kinh này của tôi được chính cụ Phác Sơ đề tựa sách, hết sức hoan hỷ. Có một lần, tôi gặp cụ nhằm đúng khóa thứ hai lớp huấn luyện bồi dưỡng tại Tân Gia Ba, chúng tôi dạy khóa đó, dùng bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ [làm tài liệu giảng dạy], trọng điểm là soạn lại khoa phán. Chúng tôi chỉ viết cái sườn khoa phán, để các đồng học mỗi ngày nghiên cứu thảo luận, cuối cùng tạo thành bản cố định. Bản ấy

³⁶ Cư sĩ Mai Quang Hy (1880-1947) là cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ có tên tự là Hiệt Vân, quê ở huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây. Gia đình cụ có truyền thống thư hương nhiều đời, rất được trọng vọng. Cụ đỗ khóa thi Hương năm 19 tuổi, được bổ làm Đạo Viên tỉnh Hồ Bắc năm 23 tuổi, rất được tổng đốc Hồ Quảng là Trương Chi Động coi trọng, cử làm giám đốc trường Võ Bị Hồ Bắc, sau đấy, ông Trương phái cụ Mai sang Nhật theo học trường Lục Quân Chấn Vũ Học Đường, để được huấn luyện thành sĩ quan chỉ huy. Sau khi tốt nghiệp, cụ còn theo học tại Nhật Bản Tào Đạo Điền Đại Học, ngành chính trị kinh tế. Khi ấy, nhà Thanh đứng trước tình thế đất nước nghiêng ngửa, phải nghĩ đến chuyện duy tân, chiêu mộ hiền tài cải cách đất nước. Bạn bè khuyên cụ tham chánh, cụ khẳng khái bảo: “*Công thành bị đọa, danh thành bị thiếu đức, thầy ta là cụ Dương chẳng dạy ta như thế*”. Cụ Dương ở đây chính là nhà học giả Phật giáo Dương Nhân Sơn. Cụ Mai học Phật là do người cùng làng là Khuê Bá Hoa hướng dẫn, cụ Khuê là anh một người bạn học của cụ Mai. Cụ Mai theo học Đại Thừa Khởi Tín Luận, Hoa Nghiêm, Tam Luận và các kinh điển trọng yếu của Tịnh Độ với cụ Dương. Từ đấy, cụ Mai chuyên tâm học Phật, trở thành một hành giả Tịnh Độ nhiệt thành và là một nhà nghiên cứu Duy Thức Học có uy tín, cụ từng nói: “*Chẳng phải sách Phật sẽ không đọc, chẳng phải Phật hạnh sẽ chẳng hành*”. Cùng với cư sĩ Hạ Liên Cư là hai nhân vật nổi danh với tài diễn giảng thời ấy “*Bắc Hạ, Nam Mai*”. Cụ để lại những tác phẩm nổi tiếng như Tướng Tông Cương Yếu, Tướng Tông Cương Yếu Tục Biên, Tướng Tông Sử Truyện Lược Lục, Đại Thừa Tướng Tông Thập Thắng Luận.

chúng tôi in theo lối xếp đôi giấy³⁷, hoàn toàn vẽ bằng biểu đồ.

Tôi gởi cho cụ Phác Sơ một bộ, cụ cầm trên tay: “Vô Lượng Thọ kinh nay mới hoàn chỉnh, có khoa hội tường tận, có giảng giải tường tận như thế, có bản Đại Kinh Giải tuyệt luân tinh vi của Hoàng Niệm Tổ”. Cụ trông thấy hết sức cao hứng. Nhà Phật thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Duyên phận tốt đẹp dường ấy, quý vị gặp được không tin, chẳng thể tiếp nhận thì là kẻ vô duyên, thì đúng như thầy Lý nói kẻ ấy phải luân hồi nhiều kiếp. Khi nào anh tin tưởng, anh tiếp nhận, anh chiếu theo phương pháp lý luận trong kinh ấy tu hành, nhất định anh sẽ vãng sanh.

Tiếp đó, trong phần biểu giải tôi đã soạn, quý vị có thể đọc thấy: “*A Di Đà Phật, duy tâm vi tông, duy Phật vi tông, tuyệt đãi viên dung vi tông, siêu tình ly kiến vi tông*” (A Di Đà Phật, dùng duy tâm làm tông, chỉ lấy Phật làm tông, lấy viên dung tuyệt đối làm tông, lấy siêu tình ly kiến làm tông), như vậy mới là nêu rõ sự chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị thường học tập (đây cũng là điều chúng tôi thường đề xướng gần cả năm nay) Tam Thời Hệ Niệm. Pháp sư Tam Thời Hệ Niệm (là phương pháp tu hành), do thiền sư Trung Phong lão nhân gia biên định vào đầu đời Nguyên. Quý vị thấy trong phần khai thị, lão nhân gia nói: “*Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm đã nói. Quý vị phải thực sự hiểu rõ “*tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta*”, “*phương này tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức phương này*”. Vấn đề ở chỗ mê - ngộ bất đồng. Ngài Trung Phong xác thực là bậc Bồ Tát đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chẳng phải người tầm thường. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, địa vị thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, phải là từ Sơ Trụ trở lên. Thế giới Cực Lạc do đâu mà có? A Di Đà Phật do đâu mà có? Chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Đây là điều thứ nhất. Tông là căn nguyên, phải biết do đâu mà có.

“*Tâm*”: Tâm rất khó hiểu. Mọi người trông thấy chữ Tâm bèn nghĩ đến Nhục Đoàn Tâm (quả tim thịt), quả tim trong thân thể, là một cơ quan trong thân ta. Chẳng phải nói về cái tâm ấy, cái tâm ấy chẳng có tác dụng gì hết. Loại thứ hai là Duyên Lự Tâm, nay ta thường gọi là tư tưởng, có thể nghĩ tưởng. Triệt học gia Tây phương cũng nói như thế này: “*Tôi suy tưởng nên tôi tồn tại*”. Chúng ta suy nghĩ, đại khái cái suy

³⁷ “*Xếp đôi giấy*” (trịệp điệp bản) là lối in theo sách cổ, sách được in từng trang trên một tờ giấy dài, khi in xong sẽ gấp sách thành từng trang không đóng gáy, chỉ gấn bìa ở hai đầu.

nghĩ ấy là do tâm ta. So ra, Duyên Lự Tâm cao hơn Nhục Đoàn Tâm một bậc, nhưng vẫn chưa trúng. Có thể suy tưởng, có thể phân biệt, có thể biết tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác; đó là Thức. Chỉ do Thức hiện, đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong Phật pháp gọi là “vọng tâm”, chẳng phải là chân tâm. Vẫn còn có cái chân tâm, vậy chân tâm là gì?

Chân tâm là “linh tri”, chúng ta cũng có thể nói: Chân tâm là trí huệ Bát Nhã như trong nhà Phật thường nói. Trí huệ Bát Nhã vốn có sẵn trong tự tánh. Trí huệ Bát Nhã là Thể của tự tánh; đức năng, tướng hảo là tự tánh khởi tác dụng. Thể của tự tánh thuần túy là trí huệ, sau khi mê biến thành vô minh, biến thành phiền não. Kinh Hoa Nghiêm thường nói là biến thành vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bởi thế, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hiện tượng được đẩy lên sau khi chân tâm bị mê, chúng được gọi là vọng tâm, chẳng gọi là chân tâm. Chân tâm không vương mắc phân biệt, vọng tưởng, chấp trước; chân tâm ở đâu? Chân tâm chẳng hề rời khỏi ta, chẳng lìa hết thủy pháp.

Tôi đã trình bày cùng quý vị, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm kết tinh nước, có vị đồng học ghi tóm tắt lại từ mạng Internet đưa cho tôi xem. Đây là chuyện khoảng chừng hai tháng trước. Tôi xem xong, lập tức nghĩ trong kinh Lăng Nghiêm; đức Phật nói mấy câu : “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện*” (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện). Các pháp là hết thủy pháp, hư không, pháp giới, sát-độ, chúng sanh. Chúng sanh là hết thủy hiện tượng do các duyên hòa hợp sanh ra, nên gọi là chúng sanh. Nay chúng ta nói động vật, thực vật, khoáng vật, bao gồm tất cả hết thủy hiện tượng tự nhiên, đều là chúng sanh, đó đều là “các pháp”. Các pháp ấy từ đâu sanh ra? Chỉ do tâm hiện.

Tiếp đó, lại nói: “*Hết thủy nhân quả*”, hết thủy nhân quả là mười pháp giới, “*thế giới, vi trần*”, lớn là thế giới, thế giới là tinh hệ (galaxy), cõi nước tam thiên đại thiên thế giới của Phật, đó là nói về cái to lớn. Hiện tại, khoa học hướng về hai cực đoan: Một là hướng về cái lớn vô cùng, tức vật lý không gian; hai là hướng về cái nhỏ vô hạn, tức lượng tử lực học (quantum mechanics). Những điều này trong kinh Phật đều có nói. “*Thế giới, vi trần*”, thế giới là lớn nhất, vi trần là nhỏ nhất, “*do tâm mà thành Thế*”, từ đâu mà có? Từ tâm biến hiện ra. Tâm ở đâu? Không có thứ gì chẳng phải là tâm, tâm biến ra hết!

Giống như cổ đại đức giảng Phật pháp, nói hết thủy Phật pháp do tâm biến, mọi người chẳng hiểu, bèn nêu tỷ dụ, thí như “*dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”, rất dễ hiểu. Dem tâm ví với vàng;

đem thể giới, vi trần, hết thấy các pháp ví như các món vật, những món đồ ấy do đâu có? Do vàng biến hiện ra, tức do tâm biến hiện ra. Đặc tánh của tâm là gì? Đặc tánh của nó là linh tri, trong phần khai thị, Trung Phong đại sư gọi [chân tâm] là “*linh tri tâm*”. Linh tri cũng chẳng dễ hiểu, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng rõ hơn. Kinh Lăng Nghiêm dùng bốn chữ “*kiến, văn, giác, tri*” (thấy, nghe, hay, biết); Trung Phong đại sư gọi là Linh, trong chữ Linh bao gồm khả năng thấy, nghe, cảm nhận. Không gì chẳng linh, tất cả hết thấy vạn vật đều linh! Bởi vậy, hết thấy vạn vật là do tâm biến, đặc tánh của tâm là có thể thấy nghe, có thể hay biết; ông Giang Bồn Thắng từ việc kết tinh nước phát hiện ra điều đó. Quả thật nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người, linh minh giác tri.

Bởi thế, chúng tôi biết tin đó, lập tức nghĩ đến những điều kinh Lăng Nghiêm đã nói. Chẳng riêng gì nước, nếu ông ta thí nghiệm trên tất cả hết thấy vạn vật, đúng là sẽ đều như thế. Thí nghiệm đơn giản nhất là trên hoa quả, cây cỏ chúng ta vun bón. Bất luận quý vị trồng thứ gì trong sân, hoặc với những cây Bồn Tài (bonsai), mỗi ngày đều nhìn nó, quan tâm đến nó, trò chuyện cùng nó, hoa cỏ mọc rất tươi tốt, mọc rất đẹp. Mỗi ngày quý vị chỉ đơn giản nói với nó mấy câu, ngày ngày nói với nó, quý vị thấy một tuần sau nó càng lớn càng đẹp. Quý vị lại làm thí nghiệm khác: Để riêng một chậu cây, mỗi ngày chán ghét nó, nó lớn nhưng rất xấu. Một tuần lễ sau, nó càng ngày càng xấu, có thể làm thí nghiệm như vậy!

Chúng tôi nghe nói: Hiện tại ở không ít trường học, bọn học trò nhỏ làm thí nghiệm đối với cây cỏ, hoa lá; quả nhiên phát hiện nếu chúng thường nghe lời khen ngợi, cây cối sẽ đặc biệt phát triển tốt. Nếu thường bị chửi mắng ác độc, bị miệt thị, cây ử rũ, thiếu sanh khí. Điều đó chứng tỏ lời Phật dạy trong kinh là đúng, chẳng phải giả! Nếu quý vị lại thí nghiệm, bùn cát đều có cảm ứng, đều thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được, không có một vật nào chẳng như vậy. “*Do tâm mà thành thể*”: Triết Học thường gọi Thể là “bản thể”, [chữ Thể nói trong kinh Phật chính là] bản thể của vũ trụ vạn hữu. Bản thể của vũ trụ vạn hữu là “*kiến, văn, giác, tri*”, đây là Bát Nhã vốn sẵn có nơi tự tánh. Bởi vậy, hết thấy đức năng, hết thấy tướng hảo thấy đều trọn đủ, không có pháp nào chẳng đầy đủ kiến - văn - giác - tri.

Ông Giang thực hiện thí nghiệm kết tinh nước đã tám chín năm, tổng kết những sự kiện nào sẽ khiến nước kết tinh thành hình dạng đẹp nhất? Một là yêu thương, hai là cảm ơn, cảm tạ. Dùng những điều đó

ngày ngày nói với nước, nước sẽ xuất hiện những kết tinh đẹp nhất. Bởi thế, tiên sĩ Giang nói thân thể con người chúng ta bảy mươi phần trăm là nước, nếu chúng ta có tâm yêu thương, có ý niệm cảm ơn, đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, thường đem lòng yêu thương, có tâm cảm tạ thì tất cả hết thầy vạn sự, vạn vật và bảy mươi phần trăm nước trong nội tâm, thân thể đều xuất hiện những kết tinh đẹp đẽ nhất. Người ấy nhất định mạnh khỏe sống lâu, hoàn cảnh bên ngoài nhất định biến thành tốt đẹp vô cùng. Đây là như các nhà Phong Thủy thường nói: “*Phong Thủy chuyển biến theo ý niệm của con người*”, trong nhà Phật gọi là “*cảnh chuyển theo tâm*”.

Ý niệm của con người, ý niệm thiện có thể cải biến toàn thể thế giới. Trái lại, ý niệm ác có thể tạo thành mối nguy hại lớn nhất cho thế giới. Bởi vậy, thế giới an hay nguy, thế giới sướng hay khổ, căn nguyên là vì đâu? Căn nguyên là ý niệm của chúng sanh sống trong thế giới ấy. Ông ta rút ra kết luận ấy từ chứng minh khoa học, trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật đã giảng rất rõ ràng, minh bạch.

“*Duy tâm làm tông*” là nói về Lý; “*chỉ lấy Phật làm tông*” là nói theo phương pháp tu học. Pháp môn này của chúng ta là “chấp trì danh hiệu A Di Đà Phật”. A Di Đà Phật nghĩa là gì? A dịch là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Trí hoặc Giác. Toàn bộ danh hiệu này dịch ra là “vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ”, ý niệm ấy tốt đẹp. Vô lượng trí giác là Phật tánh, nơi hết thầy vạn vật thì gọi là Pháp Tánh, [còn nơi hết thầy hữu tình chúng sanh thì gọi là Phật tánh]. Chúng ta niệm A Di Đà Phật là niệm điều gì? Niệm pháp tánh. Vạn sự, vạn vật, không pháp nào chẳng giác, không pháp nào chẳng trí, trí giác trọn khắp hư không pháp giới. Bởi vậy, pháp môn này chủ trương Trì Danh Niệm Phật, tuyệt đối viên dung, hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm. Lại còn nói thêm: “*Đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, hết thầy pháp môn*”, đó là viên dung tuyệt đối.

Bởi vậy, ngay từ tựa đề bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, chúng ta đã thấy ngay, tựa đề kinh rất dài: ***Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh***. Quá nửa tựa đề kinh này nói về quả đức, “*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*” là quả đức! Phần tiếp đó nói về tu đức, tu những gì? “*Thanh tịnh bình đẳng giác*”. Trong Tam Học, Thanh Tịnh là Giới học, Bình Đẳng là Định học, Giác là Huệ học. Quý vị thấy chẳng những là Tam Học mà còn là Tam Bảo, Thanh Tịnh là Tăng Bảo, Bình Đẳng là Pháp Bảo, Giác là Phật Bảo. Tam Học, Tam Bảo! Tam Học cũng là Tam Tạng, Giới là Luật Tạng, Định là Kinh Tạng, Huệ là Luận Tạng. Tam

Huệ là một Thê, một mà ba, ba nhưng một. Kinh Hoa Nghiêm nói “*một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, tuyệt đối viên dung.

Kinh Hoa Nghiêm là viên dung, đại pháp viên đôn, chỗ quy túc cuối cùng của đại pháp viên đôn là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng nhập vào đâu? Vào Vô Lượng Thọ Kinh, nhập vào kinh A Di Đà. Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh là tổng kết của kinh Hoa Nghiêm, là quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Theo kinh Lăng Nghiêm, “*siêu tình ly kiến*” (vượt khỏi kiến giải do chấp trước tình thức) là cảnh giới của quả Như Lai, không phải là cảnh giới của Bồ Tát, đó chính là một câu A Di Đà Phật!

Mọi người chẳng hiểu rõ ý nghĩa này, bởi thế, thường hay coi thường: Câu A Di Đà quá dễ dàng, ai chẳng niệm được? Đứa trẻ lên ba còn niệm được. Sự áo diệu trong một câu Phật hiệu không ai biết đến. Ai có thể hiểu rõ ràng thấu triệt? Chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rõ ráo, chỉ có đạt đến quả vị Phật mới biết một câu danh hiệu này chẳng thể nghĩ bàn. Nói cách khác, ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát còn chưa hiểu trọn. Cổ nhân có tỷ dụ: Đẳng Giác Bồ Tát như ngắm trăng qua một bức màn, sợi màn bằng loại trù đoan³⁸ rất mỏng, dẹt rất mịn. Thời cổ dùng loại the này làm cánh cửa sổ, ánh sáng lọt qua được. Đêm tối ngắm trăng sáng, dù màn hay cửa sổ bằng the che khuất, vẫn ngắm trăng rất rõ, nhưng là sao? Vẫn còn cách một tầng. Đối với sự việc này, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn như cách bức màn ngắm trăng, chẳng dễ dàng! Bởi vậy, pháp môn này gọi là pháp khó tin, quý vị thực sự tin được là quý vị có phước khí, thực sự có thiện căn. Trong kinh dạy một câu hay lắm: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi đó). Xác thực là quý vị có thiện căn, có phước đức, có nhân duyên thì quý vị mới có thể tin được, rất u là khó vậy!

Chúng tôi chẳng thể giảng tường tận sách Yếu Giải, vì trong tương lai tôi sẽ giảng tường tận kinh A Di Đà một lần nữa. Khi giảng lần nữa, tôi sẽ giảng Yếu Giải. Trước kia đã giảng Sớ Sao một lần, còn giữ được băng ghi âm, hình như không phải là băng ghi hình. Chúng tôi nhớ có hơn ba trăm cuốn, mỗi cuốn dài chín mươi phút, hơn ba trăm cuốn đó nghe! Trong tương lai giảng lần nữa, chúng tôi sẽ đem Yếu Giải cùng các đồng học học tập lần nữa, chúng ta sẽ tích cực học tập tốt đẹp một lần nữa.

³⁸ Trù đoan: Các loại the lụa rất mịn.

Tuy mấy câu kinh văn này không dài, nhưng trong Yếu Giải đại sư chú giải chẳng ít, chứng tỏ mấy câu này nói lên cương lĩnh của toàn bản kinh, ba đại cương lĩnh “*khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến tu*”. Chấp trì danh hiệu là tu. Sau phần chú giải của Ngài, còn có mấy câu: “*Di Đà tự Phật, thuyết pháp tự Pháp, hiện tại hải hội tự Tăng*” ([Kinh nói] Di Đà là giới thiệu Phật, nói thuyết pháp là giới thiệu Pháp, nói hải hội hiện diện là giới thiệu Tăng). Phật -Pháp - Tăng Tam Bảo, Tam Bảo cùng một Thật Tướng, đó là “*giới thiệu Thế*”. Từ đây khởi lòng tin, phát nguyện, tu hành, đó là “*nêu Tông*”. “*Tín nguyện hạnh thành, tất đắc vãng sanh kiến Phật, văn pháp, tự Dụng*” (Tín nguyện hạnh thành, ắt được vãng sanh thấy Phật, nghe pháp, là nêu lên Dụng). “*Duy nhất Phật giới vi sở duyên cảnh, bất tạp dư sự, tự giáo tướng*” (Chỉ một Phật giới là cảnh sở duyên, chẳng xen tạp những việc khác, là nêu ra giáo tướng). Lời lẽ, văn tự rất đơn giản, nhưng ý nghĩa châu toàn phi thường, rất khó lãnh hội.

Trong phần chú sớ, Ngài nói “*Phật - Pháp - Tăng cùng một Thật Tướng*”, Thật Tướng là chân tướng sự thật của vũ trụ và chúng sanh (chúng tôi chẳng nói “*nhân sinh*”, phạm vi của nhân sinh quá hẹp, chúng sanh có phạm vi lớn hơn). Vì thế mọi người phải hỏi vũ trụ do đâu mà có? Hư không xuất hiện như thế nào? Vũ trụ do đâu có? Sanh mạng từ đâu có? Hết thấy chúng sanh từ đâu đến? Câu hỏi lớn đấy! Trong Phật pháp có lời giải đáp rất minh xác, tuy nói rất tỉ mỉ, rất minh xác, nhưng ít người hiểu nổi.

Có lần cư sĩ Chung Mậu Sâm thấy trên mạng Internet các nhà khoa học trình bày những sự việc ấy gần giống với Phật pháp, ông ta đã báo cáo những điều đó với chúng ta ở nơi đây. Bản báo cáo ấy khá lắm, tiếc là vẫn chưa hiểu rõ, chưa giải thích rõ được những sự việc ấy. Thực sự giảng rõ ràng, minh bạch vẫn là kinh Phật. Các nhà khoa học phát hiện “*hữu*” thực sự phát sanh từ “*không*”, tức là trong Vô sanh ra Hữu, “*không vô*” có thể sanh ra Hữu. Đó là phát hiện mới nhất của khoa học. Vũ trụ hình thành là “*nhất thời đốn hiện*” (xuất hiện ngay trong cùng một lúc), sự giải thích ấy không sai. Nhất thời đốn hiện, một thời nào? Không nói rõ được. Nay đã hết giờ rồi, đợi đến phần sau thấy có những câu nào liên quan đến vấn đề này, chúng tôi sẽ trình bày tiếp cùng quý vị. Hiểu rõ chân tướng sự thật đó, tâm chúng ta bèn định, vọng tưởng tự nhiên buông xuống được. Dù chẳng buông xuống hoàn toàn, cũng giảm thiểu được hơn một nửa, có ích rất lớn cho việc tu học.

A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 10

6.3. Chánh Tông Phần

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn lớn thứ hai của kinh A Di Đà trong Hệ Niệm Pháp Sự, tức phần Chánh Tông. Đoạn lớn này là một bộ phận trọng yếu nhất của kinh A Di Đà; được chia thành ba đoạn vừa (trung đoạn):

1) Đoạn thứ nhất là “*quảng trần bỉ độ y chánh diệu quả dĩ khởi tín*” (trình bày rộng rãi về diệu quả y báo và chánh báo của cõi kia để khơi gợi lòng tin).

2) Đoạn thứ hai là “*đặc khuyến chúng sanh ưng cầu vãng sanh dĩ phát nguyện*” (đặc biệt khuyến chúng sanh nên phát nguyện cầu vãng sanh).

3) Đoạn thứ ba là “*chánh thị hành giả chấp trì danh hiệu dĩ lập hạnh*” (dạy hành giả chấp trì danh hiệu để lập hạnh).

Phần Chánh Tông cũng là ba đoạn tương ứng với Tín, Nguyện, Hạnh. Cả ba đoạn này đều khá dài; nay chúng ta học tập một đoạn.

6.3.1. Rộng Bày Diệu Quả Y Báo, Chánh Báo Để Khởi Tín

Xin hãy xem kinh văn từ:

Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc?

舍利弗。彼土何故名為極樂。

(Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao có tên là Cực Lạc?)

Đây là đoạn bắt đầu cho đến:

Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

諸菩薩眾亦復如是。舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Các vị Bồ Tát cũng giống như vậy. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó).

Chúng ta lại phải chia [đoạn lớn này] thành những tiểu đoạn để

nghiên cứu, học tập.

6.3.1.1. Minh Định Tông Chỉ: Tín - Nguyện - Trì Danh

Tiểu đoạn thứ nhất là “*Tín nguyện trì danh, nhất kinh yếu chỉ, tín nguyện vi Huệ hạnh, trì danh vi Phước hạnh*” (Tín nguyện trì danh là tông chỉ trọng yếu của kinh, tín nguyện là hạnh thuộc về Huệ, trì danh là hạnh thuộc về Phước). Học tập kinh này, trước hết phải nhận biết chính xác mới hòng nhận thức chính xác, hiểu rõ ràng. Ở phần trên, tôi đã báo cáo cùng quý vị sự thù thắng của bản kinh này, mười phương chư Phật cùng tán thán! “*Tuyệt đối viên dung, siêu tình lý kiến, chẳng thể nghĩ bàn*”. Tông chỉ trọng yếu của bản kinh này là giềng mối để ta học tập, trong nhà Phật nói: Cương lãnh tu hành, tông nguyên tác tu hành chính là “*tín nguyện trì danh*” hay Tín - Nguyện - Hạnh. Tín - Nguyện là Huệ, tức là thiện căn như đã nói ở phần trên. Trì Danh là phước! Người chịu niệm Phật là có phước. Không thể niệm Phật là vì sao? Vì bạc phước! Đúng là có không ít người, dạy họ niệm một câu Phật hiệu sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, thậm chí đơn giản hơn một chút là bốn chữ A Di Đà Phật, họ cũng chẳng thể niệm được.

Nếu chẳng nghiên cứu, thảo luận kinh điển thì chúng tôi chẳng nói; nhưng nếu nghiên cứu, thảo luận kinh điển, tự bản thân chúng ta phải hiểu rõ, phải biết rõ tướng trạng ấy là tướng trạng bạc phước; ta thường nói là “*không có phước báo*”. Trong mười hai thời, chấp trì danh hiệu; đó là phước báo thù thắng khôn sánh, phước báo hiếm có trong thế gian. Chúng ta thấy có rất nhiều người nghèo khổ, suốt ngày miệng chẳng lia A Di Đà Phật, tay chẳng lia xâu chuỗi, một ngày niệm mười vạn tiếng. Niệm rất siêng năng, nhanh lẹ! Tôi nghe nói trước khi vãng sanh độ hai, ba tháng, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ mỗi ngày niệm Phật mười sáu vạn câu. Ngài là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật tông, lúc lâm chung nhất tâm niệm Phật, nêu khuôn phép, làm gương cho chúng ta, chúng ta phải biết như thế. Đây là Ngài đại từ đại bi thị hiện.

Các vị hãy chú tâm suy nghĩ, có phước báo thế gian, xuất thế gian nào lớn bằng phước báo niệm Phật hay chẳng? Quý vị tìm không ra. Ai là người có phước báo? Nếu chú tâm quan sát, đó là người “*tay chẳng lia xâu chuỗi, miệng chẳng lia Phật hiệu*”. Người như vậy phước báo lớn nhất. Vì sao biết? Người ấy trong một đời này sẽ sanh về thế giới Cực Lạc làm Phật, ai sánh bằng người ấy được? Đừng nói là trong nhân gian không ai sánh bằng, Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên

Vương trên trời cũng không có cách gì sánh bằng được! Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương còn là phàm phu trong sáu đường, chưa ra khỏi lục đạo, chẳng niệm Phật! Người ấy chịu niệm Phật, vãng sanh ngay trong một đời này; thực sự hiểu rõ, thực sự minh bạch, thực sự giác ngộ, quyết định tu tập pháp này. Trong thế gian này, dù có cho họ vinh hoa, cho họ hưởng thụ thế nào, người ấy đều chẳng thích thú. Hứng thú, chí hướng của người ấy là sống qua ngày tháng, thật thà niệm Phật! Đây phải là người chân chánh giác ngộ, triệt để giác ngộ thì mới có thể làm được như vậy!

Thế gian đã loạn quá, cụ Lý Bình Nam nói rất hay: “*Dù Phật, Bồ Tát, thần tiên đến cũng cứu không được!*” Dù chúng ta có tâm đại từ bi, nói trắng ra là tâm có thừa nhưng sức chẳng đủ, trong tình huống ấy, chúng ta phải làm như thế nào? Dốc lòng trì danh niệm Phật, quyết định vãng sanh bất thoái thành Phật! Bởi thế, trong thế gian này thọ mạng dài - ngắn không cần đếm xia tới, hết thủy đều tùy duyên. Buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, tự độ, độ người. Chính mình đã thành tựu, người khác trông thấy, học tập theo, mình bèn hóa độ người khác. Nay đối với pháp môn này, chúng ta có tín nguyện kiên định như thế; há chẳng phải là từ xưa đến nay có rất nhiều người niệm Phật thành tựu, nêu gương cho ta thấy, đó gọi là “*chứng truyền*”; [tức là] họ chứng minh, chứng minh sự việc này là thật, chẳng giả. Chúng ta thấy rõ ràng, nghe minh bạch, mới bèn kiên định tín nguyện, mới buông xuống vạn duyên, chuyên tu, chuyên hoằng. Chuyên tu và chuyên hoằng chỉ là một việc, chẳng phải hai; chuyên tu là chuyên hoằng, chuyên hoằng chính là chuyên tu. Phải nhớ kỹ, phải hiểu rõ cương lĩnh này. Tiếp theo đây, tôi trích lục mấy câu hết sức trọng yếu, đều là những câu trích từ sách Yếu Giải.

“*Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiểu*” (Được vãng sanh hay không, hoàn toàn là do tín nguyện có hay không? Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn). Có được vãng sanh hay không do tín nguyện quyết định, tín nguyện có nghĩa rất sâu. Quý vị thực sự tin tưởng, thực sự phát nguyện, tự nhiên quý vị rất lãnh đạm đối với thế gian này. Thấy thế gian này như thế nào? Coi như một cuộc lữ du, nơi này như lữ điểm (quán trọ), như lữ quán. Tốt cũng được, không tốt cũng xong, ở đôi ba ngày rồi đi. Chỗ này chẳng mảy may liên quan gì đến ta, nó có chủ nhân, ta là khách đi đến. Tự nhiên quý vị có ý tưởng ấy; bởi thế, đối với hết thảy mọi sự trong thế gian này, quý vị tuyệt đối chẳng để tâm.

Có rất nhiều người trong cõi đời niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, suốt đời niệm Phật rốt cuộc chẳng thể vãng sanh, là vì nguyên nhân nào? Quý vị nói họ chẳng tin ư? Họ rất tin tưởng, tin rất kiên thành. Quý vị nói họ chẳng có nguyện ư? Suốt ngày miệng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì sao chẳng đến được? Vì xen tạp! Xen tạp duyên cõi đời, chẳng buông xuống được! Trong tâm kẻ ấy vướng mắc, đến lúc lâm chung vướng mắc chẳng dứt, bị chúng lôi lại! Duyên do là như vậy. Khi xưa, thầy Lý rất cảm khái nói: “*Một vạn người niệm Phật, thực sự được vãng sanh chỉ có hai, ba người mà thôi!*” Trong một vạn người mà chỉ có hai, ba người, chín ngàn chín trăm chín mươi bảy người kia chẳng được vãng sanh.

Chúng ta phải hiểu nguyên nhân vì sao chẳng được vãng sanh, đó là vì tâm có vướng mắc. Vì sao tâm họ có vướng mắc? Chẳng thực sự tin, nguyện chẳng chân, hành chẳng hết sức, luống uổng một đời, chỉ tăng cường được chủng tử tịnh nghiệp trong A Lại Da Thức, đến khi nào lại gặp được duyên phận để tiếp nhận tu tập thật rất khó nói! Chắc chắn là có lần sau, nhưng thời gian lần sau ấy dài hay ngắn, khó nói lắm. Có kẻ lui sụt, bèn lui sụt mấy đời, thậm chí có kẻ lui sụt bèn lui sụt cả mấy kiếp, đáng sợ lắm! Nếu quý vị hỏi là do nguyên nhân gì ư? Thiện Đạo đại sư nói rất rõ: “*Gặp duyên bất đồng*”. Phải biết: Được làm thân người, nghe Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, đúng là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, là một ngày khó gặp gỡ từ vô lượng kiếp đến nay.

Mọi người chúng ta cũng là đối với một ngày khó gặp trong vô lượng kiếp mà ngày hôm nay chúng ta được gặp. Gặp được mà chẳng biết quý tiếc, chẳng biết sốt sắng nỗ lực tu tập, đáng tiếc lắm! Đối với cơ hội, người thế gian thường nói là “hễ bỏ lỡ là xong luôn”, chẳng biết năm nào, tháng nào, ngày nào mới gặp lại. Phàm những người có thành tựu xuất thế gian hay thành công trong thế gian, chẳng có bí quyết màu nhiệm chi khác, chỉ là nhận biết cơ hội, chụp lấy cơ hội bèn thành tựu. Người chẳng nhận biết cơ hội, hoặc nhận biết cơ hội nhưng không chịu chụp lấy, đều thất bại! Chẳng thể buông duyên trong cõi đời (thế duyên) xuống được! “*Buông xuống*” không có nghĩa là mặc kệ, chẳng quan tâm tới. Quý vị thấy điều gì phải quan tâm cứ quan tâm, nhưng đồng thời lại buông xuống, tuyệt diệu như thế đó! Đây là gì? Là trí huệ. Người thế gian nếu đã quan tâm bèn bận lòng, chẳng buông xuống được. Vì nguyên nhân nào? Vì tình chấp, do họ có tình chấp.

Sao Phật, Bồ Tát vừa quan tâm, vừa chiếu cố, lại buông xuống được? Các Ngài có trí huệ, trí huệ chân thật, hoàn toàn chuyển tình chấp

thành trí huệ, ta thường nói là “trí huệ viên mãn rốt ráo”. Phương tiện thiện xảo thù thắng diệu tuyệt, nói theo kiểu bây giờ là “thủ đoạn khéo léo cao độ”. Trong nhà Phật gọi thủ đoạn khéo léo cao độ là “*phương tiện thiện xảo*”. Trong tâm chẳng vướng mắc mảy may dấu vết nào thì gọi là “*buông xuống*”. Lại đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, dù phổ độ chúng sanh nhưng tâm chẳng có mảy may nhiễm trước, đây là diệu dụng của tánh đức.

Đức Phật thường dạy chúng ta: Loại diệu dụng trí huệ ấy chẳng phải chỉ riêng một cá nhân nào có, mà hết thầy chúng sanh ai nấy đều sẵn có. Trọn chẳng phải chỉ mình Phật, Bồ Tát mới có, không phải vậy! Vì sao nay các Ngài có, chúng ta không có? Các Ngài giác, chúng ta còn mê. Giác chẳng có chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Mê thì nơi nào cũng thành chướng, chón chón đều là chướng ngại. Chúng ta cam bẻ chịu mê, mê mất tự tánh. Chân tướng sự thật ấy chúng ta chẳng thể không biết. Nay Phật, Bồ Tát giúp chúng ta, giúp điều gì? Phá mê khai ngộ! Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đều coi giúp hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ là công đức bậc nhất, không gì có thể thù thắng hơn được, không gì tốt hơn được nữa. Đó là lợi ích chân thật rốt ráo viên mãn, là sư đạo (đạo làm thầy).

Trong kinh Phật dạy “*sư ân siêu quá phụ mẫu*” (ơn thầy vượt trời ơn cha mẹ), vị thầy vừa nói đó chẳng phải là những thầy giáo thông thường trong thế gian. Trong tâm mục của người Trung Quốc, thường xem những vị thầy trong thế gian như cha mẹ. Ân đức của thầy lớn như ân đức của cha mẹ, tương đương, bằng với ân cha mẹ; nhưng trong Phật pháp, những vị thầy vừa nói trên đây chính là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, ân đức các Ngài vượt trời ân đức cha mẹ; vì sao? Ân đức cha mẹ đối với chúng ta là ân đức một đời; nhưng chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát có ân đức vĩnh hằng đối với chúng ta, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chiếu cố, vĩnh viễn quan tâm. Chỉ cần ta có một chút giác ngộ, các Ngài chẳng lìa bỏ, liền nhanh chóng đến giúp đỡ, mong mỗi một điểm giác ngộ ấy được khuếch đại, trở thành sâu đậm hơn. Ân đức ấy cả thế gian lẫn xuất thế gian không có gì sánh bằng được!

Do đây biết rằng: Nói trên mặt hiện thực, công đức lợi ích thù thắng bậc nhất là gì? Là giúp cho chúng ta **TIN** pháp môn này, nguyện sanh Tịnh Độ. Đây là đức bậc nhất, là đại sự bậc nhất của hết thầy Như Lai độ chúng sanh. Chúng sanh căn tánh chưa chín muồi thì không có cách nào hết. Chưa chín muồi thì Phật, Bồ Tát giới thiệu các pháp môn khác. Quý vị phải biết: Giới thiệu các pháp môn khác cho quý vị là

chuyện bất đắc dĩ! Bởi vậy, Thiện Đạo đại sư nói một câu mà chúng tôi cho khắc thành ấn chương. Ngài nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ nhằm để nói biển bốn nguyện Di Đà). Câu nói này thật hay. Hết thầy chư Phật Như Lai, hết thầy Pháp Thân Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới của hết thầy cõi nước trọn khắp pháp giới hư không là vì lẽ nào? Vì thành thực nói cùng quý vị, vì giúp cho quý vị tin có Tây Phương Cực Lạc thế giới, tin có A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh, tin chính mình có duyên vãng sanh cõi Phật. Giúp cho quý vị tin tưởng sự việc ấy, giúp cho quý vị phát nguyện, giúp cho quý vị niệm Phật!

Do đây biết rằng: Chư Phật Như Lai hóa độ chúng sanh chỉ có một môn là pháp môn Tịnh Độ, một môn như vậy. Nếu đối với một môn này, quý vị có chướng ngại, chẳng thể tiếp nhận, có nghi hoặc, có hứng thú khác thì Phật luôn hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đức Phật tuyệt đối chẳng miễn cưỡng. Thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị chưa chín muồi, miễn cưỡng cũng vô ích! Chẳng những miễn cưỡng vô tác dụng, mà phải nói thật là: Miễn cưỡng còn tạo thành chướng ngại bất lợi. Chẳng miễn cưỡng, quý vị thích học điều gì, bèn dạy quý vị học điều đó. Thích Thiền dạy Thiền, thích Mật dạy Mật, thích Giáo dạy Giáo, thích Giới Luật bèn dạy Giới Luật, thích môn gì, dạy môn đó. Do đây biết rằng: Tất cả hết thầy pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn là phụ; pháp môn cốt lõi, pháp môn chủ chốt của hết thầy pháp môn là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Bởi thế, quý vị thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni tán thán là thay mặt cho mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai tán thán A Di Đà Phật “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các Phật), tán thán đến cùng cực. Chúng ta nghe hết thầy chư Phật tán thán A Di Đà Phật như thế mà vẫn còn nghi hoặc, chẳng thể hạ quyết tâm, vẫn chẳng thể buông xuống muôn duyên, đây chẳng phải là nghiệp chướng sâu nặng thì là gì vậy? Nghiệp chướng sâu nặng đây!

Kinh Bát Nhã giảng thế gian rất rõ ràng: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (phàm tất cả hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Người thông minh, người có trí huệ phải lắng tĩnh, phải chú tâm quán sát, nhìn thấu suốt thế giới. Vì sao nói là hư vọng, là mộng, huyễn, bọt, bóng? Lời Phật nói là chân thật, Phật giảng

cho chúng ta biết chân tướng của vũ trụ. Từ kinh điển Đại Thừa, chúng ta thường đọc thấy cảnh giới của Như Lai, của Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài thấy mười phương các cõi Phật như ở ngay trước mắt. Mười phương các cõi Phật ở tại đâu? Ở ngay trước mắt, chẳng xa cách gì!

Chẳng phải giống như chúng ta hiện nay đối trước màn ảnh máy truyền hình, chúng ta có thể nghe họ nói, nhưng họ chẳng nghe thấy chúng ta nói, chúng ta có câu hỏi gì cũng không hỏi họ được. Trong cảnh giới của các Ngài, quý vị thấy mười phương chư Phật. Mười phương chư Phật không đến đây, quý vị cũng không đi qua đó, nhưng ở ngay trước mắt, có thể nắm tay, có thể trò chuyện! Điều đó nói lên điều gì? Cho thấy trong Nhất Chân pháp giới không có không gian, ta muốn thấy Phật quá khứ, chư Phật cũng như đang ở ngay trước mắt; chúng ta muốn thấy Phật vị lai, vẫn là như ở ngay trước mắt. Trong cảnh giới ấy, chẳng có không gian, chẳng có thời gian, nên gọi là Nhất Chân. Nếu có quá khứ, hiện tại, vị lai thì là ba chẳng phải một; có xa - gần thì là hai, cũng chẳng phải một. Chẳng có hai, ba, nên gọi là Nhất Chân Pháp Giới.

Hiện tại, các nhà khoa học dùng Toán Học suy tính bèn nhận thấy “*chẳng có thời gian, chẳng có không gian*” là điều hoàn toàn có khả năng. Trong một điều kiện nào đó, thời gian và không gian hoàn toàn tiêu mất, đây chính là điều kinh Phật thường nói, thường gọi là “*chân tướng sự thật*”. Ngoài ra, họ còn phát hiện Hữu từ Vô biến hiện ra, trong Vô sanh Hữu. Thật ra, kinh Bát Nhã đã giảng đạo lý này quá nhiều lần rồi: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Sắc là Hữu, Không là Vô, Hữu do đâu mà có? Từ Vô sanh Hữu. Bởi thế, cái Vô ấy chẳng thể nói là cái gì cũng đều không có! Cái gì nó cũng có, lại còn hết sức viên mãn. Đó là gì vậy? Là tự tánh! Kinh Phật gọi là “*pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như vậy), đó là đức năng của tự tánh, chúng ta thường nói “*tự tánh vạn đức vạn năng*”.

Thật ra, ai cũng biết nói “*vạn đức, vạn năng*”, nhưng không ai thực sự hiểu được ý nghĩa. Thế nào là vạn đức, vạn năng? Vốn chẳng có, cái gì cũng không có, lại có thể biến hiện hư không, biến hiện thế giới, biến hiện vạn vật, đó là vạn đức vạn năng. Kinh Hoa Nghiêm gọi cái có khả năng, có khả năng hiện ấy là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Thức vẫn là tự tánh. Do vậy, Chân Như bản tánh là vạn đức vạn năng, có khả năng hiện, có khả năng biến. Chân Như bản tánh cái gì cũng không có, nhưng có thể hiện ra vạn pháp, biến hiện toàn thể vũ trụ.

Hiện thời, các nhà khoa học cũng khẳng định, họ nói toàn thể vũ

trụ lúc chưa biến hiện thì giống như thế nào? Toàn thể vũ trụ co rút, đậm đặc, cô đặc lại thành một lap tử rất bé. Bé đến mức độ nào? Các nhà khoa học nói bé đến mức nhỏ một sợi tóc, đem sợi tóc đó cắt ngang; nơi mặt cắt ngang đó, ta có thể xếp khít những lap tử bé tí. Mỗi lap tử bé tí ấy là vũ trụ co rút lại. Nơi mặt cắt ngang của một sợi tóc ấy, có thể xếp được bao nhiêu hạt nhỏ ấy? Họ nói sau con số một trăm vạn, phải thêm ba chữ Úc, tức là một trăm vạn ức ức ức; hết sức nhỏ bé! Mỗi một lap tử bé tí ấy có thể biến thành đại thế giới. Phương pháp tính toán của họ là dùng số thập phân. Sau dấu phẩy có ba mươi ba con số zéro, lap tử nhỏ bé như vậy đó lại biến hiện thành thế giới lớn như thế đó.

Trong kinh đức Phật dạy tự tánh không lớn hay nhỏ; phát hiện khoa học nói trên đã chứng minh kinh Hoa Nghiêm. Ở phần trên tôi đã nói qua, trong vi trần có thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào được. Vi trần ấy nhỏ đến đâu chúng ta chẳng có cách gì tưởng tượng được, kính hiển vi hiện thời chưa thấy được. Mặt cắt ngang của sợi tóc chứa được một trăm vạn ức ức ức lap tử bé xíu như thế, xếp theo hàng ngang, xếp kín mặt cắt ngang của một sợi tóc. Các nhà khoa học nói những thứ ấy sau một cơn bùng nổ lớn (Big Bang) sẽ biến thành thế giới.

Thế giới này, tức thế giới chúng ta đang cảm nhận đây, biến hiện ra như thế nào? Hiện thời, các nhà khoa học cũng phát hiện thế giới này chẳng phải là tiến hóa (phát triển từ từ), họ gọi là “*nhất thời đốn hiện*”, [tức là] đột nhiên hiện ra. Cách giải thích ấy rất gần gũi kinh Hoa Nghiêm.

Rất giống! Hãy nhớ những gì đức Phật thường dạy chúng ta, bốn câu kệ trong kinh Kim Cang là:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ, diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*
(Hết thấy pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương, cũng như chớp,
Phải thường quán như vậy!)

Chúng ta thấy những điều các nhà khoa học nói giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, đúng là nhất thời đốn hiện! Cái “nhất thời” ấy là lúc nào? Nhất thời đó là “*đương hạ*” (ngay trong lúc ấy). Chẳng phải là quá khứ. Không có quá khứ mà cũng không có vị lai; ấy chính là “*đương*

hạ”. Việc này rất khó hiểu. Trước hết, chúng tôi dùng huyền đăng phiến³⁹ [để tỷ dụ]. Trong quá khứ, ở Hoa Tạng Đồ Thư Quán hình như có ba cái máy chiếu huyền đăng phiến (slide projector). Lúc ấy, chúng tôi có khoảng chừng sáu, bảy ngàn tờ, rất có thể có đến cả vạn tờ huyền đăng phiến; rất nhiều lúc chúng tôi dùng chúng trong giảng dạy.

Huyền đăng phiến là một tấm phim trong suốt, chúng tôi bỏ vào máy, liền thấy hiện hình toàn bộ trên màn chiếu, nhất thời đốn hiện! Chẳng có trước - sau, chẳng có xa - gần, thời gian, không gian đều chẳng có, nhất thời đốn hiện một trang. Trang thứ hai đặt lên rồi, trang đầu tiên biến mất ngay, trang thứ hai lại nhất thời đốn hiện! Quý vị hãy nghĩ kỹ lời tôi vừa nói đó, hãy nghĩ đến cảnh giới ấy. Máy chiếu huyền đăng phiến chạy bằng điện, quý vị ấn nút một cái bèn đổi được một trang, trang thứ ba đưa lên thì trang thứ hai bèn mất, trang thứ ba nhất thời đốn hiện. Mỗi trang đều nhất thời đốn hiện. Hiện tượng ấy, chúng ta nghĩ kỹ xem, có phải là như đức Phật đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Ngay nơi đây sanh ra, cũng từ nơi đây diệt mất) chẳng? Huyền đăng phiến chiếu nhanh chậm tùy ý chúng ta. Nếu ta thấy ảnh đó nhìn rất đẹp, xem hai ba phút mới đổi qua trang khác; ảnh không đẹp thì chừng mấy giây liền đổi qua trang khác, đều là nhất thời đốn hiện.

Sau đó, chúng ta lại tăng tốc độ nhanh hơn, khi tăng tốc, quý vị sẽ thấy những tấm phim trở thành điện ảnh. Trong quá khứ ở Hoa Tạng, chúng tôi có một cái máy chiếu phim tám ly (8mm); hình như có một máy chiếu phim, hai máy quay phim, ra bên ngoài quay phim rồi đem về chiếu lại. Toàn bộ thiết bị chúng tôi đều có. Lúc đó, chúng tôi tự chiếu, tự mình cắt ghép phim rồi chiếu cho mọi người xem. Máy chiếu phim tám ly có hai tốc độ: Tốc độ chậm thì một giây chiếu được mười tám tấm ảnh; tốc độ nhanh một giây chiếu được hai mươi bốn tấm. Quý vị tưởng tượng xem: Những hình ảnh hiện trên màn bạc, mỗi một tấm (vì tốc độ chiếu nhanh) lọt vào ống kính lúc nó mở ra, bèn nhất thời đốn hiện, lập

³⁹ “Huyền đăng phiến” (reversal film) tức là những tấm slide trong suốt, hoặc microfilm, có in những văn bản hay hình ảnh đen trắng hay có màu, ta thường dùng trong máy slide projector để chiếu lên một tấm màn cho thính chúng thấy để trình bày một vấn đề. Chúng tôi không biết tiếng Việt gọi chính xác là gì nên đành để nguyên tiếng Hán. Trong nước, thường dùng từ ngữ “phim đèn chiếu” để gọi những tấm phim này; nhưng loại máy chiếu được nói ở đây (slide projector) có thể tự động đổi qua trang khác khi ta bấm nút, không cần phải đặt từng trang lên như trong loại máy “phim đèn chiếu” thường dùng trong nước.

tức hiện hình, rồi ông kính đóng lại, biến mất. Chiều qua tám thứ hai có phải là tám thứ nhất “*tùy xứ diệt tận*” hay không? Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, chẳng phải là hiện tượng đó hay sao? Đây là chân tướng vũ trụ. Bởi thế, nhất thời đôn hiện là hiện tiền, chẳng phải là quá khứ, cũng chẳng phải là vị lai.

Thế giới được cảm nhận bởi sáu căn của chúng ta trong hiện tại cũng giống như các nhà khoa học nói, nhưng dùng phim gì? Tầm phim rất nhỏ, trong mặt cắt ngang của một sợi tóc có thể xếp kín một trăm vạn ức ức ức, tốc độ chiếu rất nhanh, đại khái là một ức vạn phần của một giây, chẳng phải là một phần hai mươi bốn giây, mà là một phần vạn ức giây, thế giới hiện tiền của chúng ta là như vậy đó! Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận! Bởi thế, kinh Kim Cang nói: “*Như lộ diệc như điện*” (như sương cũng như chớp), “*điện*” (電) là “*thiểm điện*” (閃電: ánh chớp), ví cho cái gì rất nhanh (thật ra, tốc độ của tia chớp còn chậm rất nhiều). Rất nhanh! Làm sao phàm phu chúng ta biết được? Đức Phật nói: Phải là Bát Địa Bồ Tát mới thấy được chân tướng của những hiện tượng ấy!

Các nhà khoa học hiện thời chẳng thể thấy được, chỉ từ Toán Học mà tính toán ra, chứ không thấy. Nếu thấy được, phải là Bát Địa Bồ Tát. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nếu quý vị thực sự thấu hiểu chân tướng của sự thật, há còn tham luyến thế giới này chẳng? Há còn khởi tâm động niệm nơi thế giới này chẳng? Thật đấy! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều đoạn hết. Vì sao thế giới này biến hóa nhiều như thế? Những biến hóa ấy đều do năng lượng của vọng tưởng, chấp trước, phân biệt; những thứ đó khiến cho tất cả hết thấy hiện tượng phát sanh phản ứng. Biến hóa là do đạo lý như vậy. Trong Nhất Chân pháp giới vì sao chẳng có những phản ứng đó? Trong Nhất Chân Pháp Giới, chư Phật, Bồ Tát đều đã giác ngộ, thấy đều không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, cảnh giới của họ vĩnh hằng bất biến, chân thật viên mãn, chẳng có một chút khuyết hãm nào; đạo lý là đây!

Chúng ta hy vọng khoa học không ngừng phát triển, sẽ chứng thực hết thấy mọi điều kinh Phật đã nói. Họ chứng thực được, nhưng họ chẳng nhập cảnh giới. Vì sao chẳng nhập cảnh giới? Do chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đoạn được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi, quý vị liền khế nhập cảnh giới, mới thấy được chân tướng sự thật. Bởi vậy, kiến lập tín tâm không dễ! Tín tâm kiến lập, nguyện tâm kiến lập, hành tâm kiến lập, triệt để liễu giải chân tướng sự thật, sẽ giải quyết được vấn đề. Nếu quý vị chẳng triệt để liễu giải chân

tướng sự thật ấy, chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước được, sẽ có chướng ngại.

A! Nay đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta coi tiếp tiểu tiết thứ nhất trong đoạn lớn thứ nhất của phần Chánh Tông. Chúng ta đọc qua một lượt, tiểu đoạn thứ nhất là: *“Tín nguyện trì danh, nhất kinh yếu chỉ, tín nguyện vi Huệ hạnh, trì danh vi Phước hạnh; đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô”* (Tín nguyện trì danh là tông chỉ trọng yếu chỉ của kinh này, tín nguyện là hạnh thuộc về Huệ, trì danh là hạnh thuộc về Phước. Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không). Lần trước, chúng tôi đã giảng đến chỗ này, hãy xem tiếp đoạn dưới đây:

“Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển, tín nguyện vi tiền đạo, trì danh vi chánh tu” (Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn. Tín nguyện đề dẫn đường, trì danh là cách tu hành chánh yếu). Chúng tôi sẽ giảng đoạn này. Tín - Nguyện - Hạnh có thứ tự, đặc biệt là đối với hàng Sơ Học. Trước hết, chúng ta phải phát khởi được tín tâm, tín tâm thực sự chẳng dễ dàng. Trong phần trước, chúng tôi đã nói khá nhiều, không điều nào chẳng nhằm khiến cho chúng ta phát khởi tín tâm đối với Phật pháp, liễu giải chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Hiện nay, khoa học đã chứng thực, nhưng nói thật ra, chỉ chứng thực ở một mức độ hết sức hữu hạn. Đối với sự tướng, lý luận ở một mức độ sâu hơn, khoa học chẳng có cách nào để giải thích được cả.

Ví như nói đến sự trang nghiêm nơi y báo, chánh báo của mười pháp giới, khoa học không có cách nào giải thích được. Các nhà khoa học biết trong vũ trụ này tồn tại những chiều không gian (spatial dimensions) khác biệt; sự trang nghiêm nơi y báo, chánh báo của mười pháp giới chính là tình trạng thuộc về những chiều không gian khác biệt, khoa học không có cách nào hiểu được. Thù thắng hơn cảnh giới của chúng ta là thiên đạo. Trong thiên đạo có Dục Giới thiên, có Sắc Giới thiên, có Vô Sắc Giới thiên. Ngoài lục đạo lại còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; dưới đó lại có nga quý, súc sanh, địa ngục. Trong súc sanh lại phức tạp hơn nữa! Hiểu biết của chúng ta hết sức hữu hạn! Bởi thế, theo nhận định của Phật pháp, tri thức khoa học nói trắng ra, thật hết sức hữu hạn, thật nhỏ nhoi, chẳng đáng để nói tới!

Một nhà khoa học chân chánh sẽ có thái độ rất rõ ràng, điều gì ông ta chứng thực được bèn tin tưởng, điều gì chẳng thể chứng thực, chẳng dám nói là không có. Vì sao? Khoa học kỹ thuật vẫn còn đang tiến bộ không ngừng. Trong quá khứ, các nhà khoa học tưởng những gì họ đã phát hiện là chân lý; chẳng ngờ không lâu sau, các nhà khoa học lớp sau lại có những phát hiện mới, phải thay đổi những định luật. Tình trạng như thế rất nhiều! Bởi vậy, nhà khoa học thông minh trong hiện tại luôn nói những chân lý được phát hiện chỉ là tạm thời, nói như vậy rất thông minh. Sau này lại có những phát hiện mới, những phát hiện mới vượt trội hơn [những phát hiện cũ]. Những điều uyên áo, kỳ diệu trong vũ trụ không có giới hạn, sâu không đáy, rộng vô biên, còn đang đợi con người từ từ phát hiện ra. Dùng kỹ thuật khoa học và phương pháp cơ giới thì những gì quý vị nghiên cứu được vẫn là hữu hạn. Kinh Phật nói họ dùng “*nhất thời*” để nghiên cứu; hiện tại [khoa học] vẫn chưa tách rời “*nhất thời*”, nên [những sự phát hiện] có hạn chế.

Theo Phật pháp, “*nhất thời*” chỉ có thể duyên A Lại Da Thức, chứ không thể duyên Chân Như tự tánh. Bởi vậy, đối với Chân Như tự tánh, đức Phật chỉ nói gọn một câu “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Chẳng thể nghĩ là chẳng thể dùng cái tâm ý thức để hiểu rõ nó; chẳng thể bàn là chẳng thể dùng ngôn ngữ để trình bày rõ rệt được. Đối với chân tướng của sự thật, ngôn ngữ chỉ có năng lực hữu hạn, không diễn tả được nổi. Năng lực tư duy cũng hữu hạn, quý vị tư duy, suy nghĩ cũng có mức giới hạn tột cùng. Cái giới hạn tột cùng nằm trong A Lại Da Thức. Chân Như bản tánh chẳng phải là A Lại Da thức nên [cái tâm ý thức của] quý vị duyên không được. Bởi vậy, trong lúc ấy, tất cả hết thảy phương pháp khoa học đều vô tác dụng.

Điều này do tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với tôi. Do vì trước kia, tôi ở Đài Loan, pháp sư Đạo An chủ trì Phật Giáo Hội. Khóa Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa do hội Phật giáo Trung Quốc tổ chức, mời tôi đảm nhiệm vai trò tổng chủ giảng. Tôi rất mong mở lớp Nhân Minh trong khóa giảng ấy. Nhân Minh⁴⁰ là la-tập (logic), thuộc biện chứng

⁴⁰ Nhân Minh (Hetuvidyā) là một trong Ngũ Minh (Pañcavidyā, tức năm chủng loại kiến thức cần thiết mà Bồ Tát cần phải hiểu biết. Ngũ Minh là Thanh Minh, Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Nhân Minh và Nội Minh). Nhân Minh là môn nghiên cứu lý luận trong Phật giáo nhằm biện luận khuất phục ngoại đạo, xiển dương chánh giáo và khơi gợi tín tâm cho người nghe bằng lý luận chặt chẽ. Lý luận căn bản của Nhân Minh là mỗi vấn đề, luận thuyết đều gồm ba phần Tông, Nhân, Dụng. Tông là chủ đề lập luận, Nhân là nguyên nhân, Dụng là thí dụ để giải thích vì sao có nguyên

pháp, cũng thuộc vào phương pháp khoa học. Chúng tôi rất hy vọng mời được tiên sinh Phương Đông Mỹ đến giảng môn học này. Tôi đến tìm cụ, Phương tiên sinh nói: *“Phật pháp giảng đến một mức độ cao thì môn này vô dụng. Nhân Minh, biện chứng pháp lẫn la-tập thủy đều vô ích”*. Không sai! Cụ nói chẳng sai chút nào. Trong Phật pháp ở trình độ cao, đúng là chúng vô dụng. Giảng những môn đó cho ai? Cho hàng sơ học. Với sơ cấp, trung cấp còn có ích, chứ với cao cấp, chúng trở thành vô dụng. Họ vượt khỏi rồi, những môn ấy đều thuộc về phương pháp luận của khoa học. Vì thế, sau này chúng tôi không mở lớp đó.

Phật pháp cao cấp dùng gì? Dùng Thiên Định, dùng tâm thanh tịnh. Thiên có nghĩa là *“tịnh lực”*, Tịnh là Chỉ, Lực là Quán. Bởi vậy, Thiên còn gọi là Chỉ Quán. Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy được chân tướng sự thật. Tất cả phương pháp luận thế gian hay xuất thế gian đều chẳng lìa khỏi ý thức. Nguyên nhân thực sự vì sao bản chú giải Lăng Nghiêm Chánh Mạch của Giao Quang đại sư có mặt cũng là vì đạo lý này. Kinh Lăng Nghiêm do tôn giả Bát Lạt Mật Đế truyền sang Trung Quốc vào cuối đời Võ Tắc Thiên. Kinh Lăng Nghiêm phiên dịch xong nhằm thời vua Đường Trung Tông. Kinh được phiên dịch xong, tất cả chú sớ, giảng giải đều dùng nguyên lý, nguyên tắc Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai để giải thích.

Giao Quang đại sư là người đời Minh, đồng thời với Liên Trì đại sư. Ngài cho rằng cách suy nghĩ trên (tức là cách dùng Tam Chỉ Tam Quán để giải thích kinh Lăng Nghiêm) chẳng phải là chỉ thú của kinh Lăng Nghiêm ; bởi lẽ, Tam Chỉ Tam Quán là dùng Ý thức, chẳng lìa khỏi tâm ý thức. Bởi vậy, lão nhân gia chủ trương ứng dụng giáo nghĩa *“xả Thức dùng Căn”* của chính kinh Lăng Nghiêm, hoàn toàn chẳng dùng đến thức thứ sáu là Ý Thức. Dùng gì? Dùng căn tánh của lục căn. Cách giảng này chính xác, chứng minh được. Ngài Giao Quang cũng là người niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đại khái, thọ mạng Ngài đã hết, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, Ngài thấy A Di Đà Phật, thưa cùng A Di Đà Phật: *“Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh trọng yếu trong Đại Thừa Phật pháp, điều hết sức đáng tiếc là từ cổ đến nay, rất*

nhân. Đây là cách lý luận căn bản. Do chú trọng đến Nhân nên gọi là Nhân Minh. Vị luận sư nổi tiếng của Nhân Minh là Trần Na (Mahādināga) với tác phẩm Nhân Minh Chánh Lý Môn Luận được coi là người đã hệ thống và tập thành môn Nhân Minh. Pháp sư Huyền Trang rất ưa thích Nhân Minh và đã phiên dịch nhiều tác phẩm thuộc Nhân Minh.

hiều người chú giải bộ kinh này đều chẳng năm được chỉ thủ chân chánh”. Ngài muốn viết một bộ chú giải mới, “xin A Di Đà Phật cho phép con nay tạm thời chẳng vãng sanh, đợi khi con chú giải bộ kinh này xong xuôi, sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc”. A Di Đà Phật chấp thuận, Phật liền rời đi. Câu chuyện này được ghi trong Lời Tựa của sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch, chúng tôi tin tưởng Giao Quang đại sư chẳng dối người, chẳng bịa ra câu chuyện ấy.

Xả Thức dùng Căn, nói thật chẳng sai, nhưng khó quá, không ai có thể tu được! Dùng phương pháp Tam Chỉ Tam Quán, người căn tánh trung hay thượng làm được, vẫn còn có thể tu học được. Nếu bỏ Thức dùng Căn thì giống như Thiên tông, người thượng thượng căn mới hành được; chẳng phải thượng thượng căn sẽ chẳng có phần. Kinh Lăng Nghiêm giảng chân tướng của nhân sinh và vũ trụ; bởi vậy, nó là một bộ kinh rất nổi danh trong Phật môn. Từ cổ, tổ sư đại đức thường nói: “*Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, thành Phật là kinh Pháp Hoa*”, hai câu nói ấy, những người học Phật đều biết. Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, vì sao nói thành Phật là kinh Pháp Hoa?

Bởi lẽ, trong quá khứ, trong rất nhiều kinh, đức Phật đều nói Nhất Xiển Đề chẳng thể thành Phật. Nhất Xiển Đề (Icchantika) là gì? Nhất Xiển Đề dịch nghĩa sang tiếng Hán là “người không có thiện căn”, hoặc dịch là “người đoạn thiện căn”. Không có thiện căn làm sao thành Phật được? Đây là điều đức Phật thường nói! Nhưng trong hội Pháp Hoa, đức Phật lại nói Nhất Xiển Đề cũng có Phật tánh, Nhất Xiển Đề cũng có thể thành Phật, tức là “*không một ai chẳng thể thành Phật*”. Ý nghĩa này tương ứng với câu kinh Hoa Nghiêm: “*Tinh và vô tinh đều viên mãn Chứng Trí*”.

Kẻ ngũ nghịch thập ác, tạo tội ác cùng cực trong thế gian đều có Phật tánh, chẳng thể nói kẻ ấy tội ác lớn cùng cực, chẳng thể thành Phật được! Chẳng có đạo lý ấy! Kẻ ấy có Phật tánh, nếu kẻ ấy gặp duyên cũng thành Phật. Thiện Đạo đại sư nói tuyệt diệu: “*Tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (Đều do gặp duyên khác nhau). Kẻ ấy chưa gặp duyên bèn tạo tội nghiệp, phải chịu quả báo, quả báo cũng có ngày xong. Khi nào xong hết quả báo? Không nhất định, nghĩa là sao? Nếu kẻ ấy giác ngộ thì tội báo đó tiêu diệt; nếu kẻ ấy chẳng giác ngộ thì vẫn còn tội báo phải thọ. Giống hệt như nằm mộng, gặp ác mộng khổ ghê lắm, nhưng nếu tỉnh giấc, mộng ấy không còn nữa. Khi nào kẻ ấy tỉnh mộng? Tỉnh mộng rất nhanh thì thọ tội rất ngắn, lia khổ rất nhanh. Nếu tỉnh mộng chậm, thọ tội lâu dài.

Bởi vậy, người phạm tội đại cực ác, đọa A Tỳ địa ngục, lúc nào sẽ thoát ra? Không nhất định! Tùy thuộc lúc nào người ấy giác ngộ, lúc nào sám hối, hồi đầu, tự mình thực sự biết mình lầm. Do một niệm sám hối ấy, Phật tánh bột khởi. Vì thế, trong kinh giáo, Phật thường chỉ dạy chúng ta đừng coi thường kẻ ác, vì sao? Không chừng kẻ ấy thành Phật trước chúng ta, ta phải làm đệ tử kẻ ấy, rất có khả năng! Sức mạnh của sám hối chẳng thể nghĩ bàn! Thực sự biết sai, thực sự hồi đầu, ngàn ngữ Trung Quốc có câu: “*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Bởi vậy, tín nguyện trọng yếu hơn bất cứ điều gì.

Chúng tôi hết sức kính ngưỡng Giao Quang đại sư, tán thán Ngài là một vị đại thiện tri thức. Pháp sư Viên Anh suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm. Qua truyện ký viết về Ngài, chúng ta thấy năm hai mươi lăm tuổi, Ngài hết sức thích thú kinh Lăng Nghiêm, lập chí chuyên dốc công nghiên cứu, đến năm bảy mươi lăm tuổi, hoàn thành Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, nay rất phổ biến. Chúng tôi xem kỹ bản ấy, hơn sáu phần mười lý luận trong ấy dựa theo sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch, cho thấy Ngài chịu ảnh hưởng sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch rất sâu. Nay chúng ta học Lăng Nghiêm, học theo sách Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh. Tốt! Ngài là người cận đại, văn tự khá đơn giản, rõ ràng; Giao Quang đại sư là người đời Minh, văn tự đúng là sâu hơn.

Nhất là trong thời hiện tại, chúng ta coi thường văn học cổ Trung Quốc, không có căn bản Hán học, đọc những tác phẩm của cổ nhân khá khó khăn. Học kinh Lăng Nghiêm hãy nên bắt đầu bằng sách Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, sau đây mới đọc chú giải của cổ nhân. Quý vị phải có cơ sở trước rồi quý vị đọc chú giải của ngài Giao Quang, ngài Trường Thủy. Kinh Lăng Nghiêm được chú giải rất nhiều, những chú giải trừu tượng có tới hai mươi, ba mươi loại. Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ! Nhưng những vị đại gia, thiện tri thức ấy cuối cùng đều cầu sanh Tịnh Độ. Giao Quang đại sư vãng sanh Tịnh Độ. Quý vị thấy Tam Cầu Đường của Viên Anh Pháp Sư: “*Cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ*”. Bậc thực sự có trí huệ, có kiến địa, chẳng một ai không cầu sanh Tịnh Độ.

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta đọc được rất nhiều về Tây Phương Cực Lạc thế giới từ kinh Vô Lượng Thọ. Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng mười lần bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Giảng lần này ở Tân Gia Ba là lần thứ mười một, vẫn chưa giảng xong. Cứ cách một, hai tháng, chúng tôi lại phải qua Tân Gia Ba giảng tiếp. Lần này, chúng tôi chẳng bị hạn chế thời gian, có thể nói tường tận,

các đồng tu bên ấy thích nghe, người đến nghe giảng ước chừng một hai ngàn người. Kinh Vô Lượng Thọ cho chúng ta biết bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, phẩm vị trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do đâu hình thành phẩm vị cao - thấp? Ngẫu Ích đại sư nói: “*Toàn do trì danh chi thâm thiển*” (Hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn). Ngài nói vậy có lý chẳng? Có đạo lý! Còn như bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, Thiện Đạo đại sư bảo là “*tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (đều do gặp duyên bất đồng), Ngẫu Ích đại sư bảo “*hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn*”. Lời hai vị đại sư nói chẳng hề mâu thuẫn, mà có thể bổ túc lẫn nhau. Trì danh sâu hay cạn cũng chính là nói quý vị niệm Phật có biết niệm hay không? Đúng là gặp duyên bất đồng. Vì sao? Nếu quý vị gặp được thiện tri thức chân chánh, dạy cho quý vị phương pháp chẳng giống nhau. Duyên trọng yếu nhất là thầy! Quý vị học với ai? Công phu tu hành của người đó như thế nào? Kế đó là đồng học. Đồng học cũng là duyên hết sức trọng yếu. Bạn đạo đồng tham khích lệ, thiết tha giùi mài lẫn nhau. Kế đến là hoàn cảnh học tập. Những điều đó đều là gặp duyên bất đồng.

Trong hoàn cảnh thì đại hoàn cảnh là quả địa cầu chúng ta đang sống, hoàn cảnh kế đó là khu vực chúng ta đang sanh sống, hoàn cảnh nhỏ hơn nữa là đạo tràng. Thiện duyên giúp ích cho chúng ta tu học. Duyên bất thiện thường dẫn dụ, phát khởi những tập khí phiền não trong A Lại Da Thức của chúng ta, những duyên ấy là bất thiện! Thiện duyên là gì? Những gì có thể hóa giải phiền não tập khí, tăng trưởng đạo tâm, tăng trưởng Tín - Nguyện - Hạnh, đó là duyên thù thắng. Bởi vậy, hết thấy duyên đều thù thắng, hết thấy đều đạt được, đây chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chúng tôi thấy rất nhiều người lúc mới học rất giỏi, học chừng đâu mười mấy năm sau, thậm chí hai mươi năm sau, ba mươi năm sau, gặp phải chướng duyên, bèn buông bỏ, chẳng còn học pháp môn này nữa, xoay sang pháp môn khác. Những người như vậy rất nhiều, trong nước lẫn ngoài nước thấy rất nhiều, há chẳng phải là gặp duyên bất đồng ư?

Hoàn cảnh căn bản nhất là sư thừa, anh không có sư thừa, hoặc chẳng gặp được thầy giỏi, chẳng có lòng tin đối với thầy, trí huệ chẳng khai, làm việc theo cảm tình, chẳng chống đỡ nổi dụ dỗ, mê hoặc, nhà Phật gọi những điều đó là “*ma chướng*”, anh gặp phải ma chướng. Nhìn từ nhân quả, chúng ta hiểu rõ ma chướng có nghĩa là trong đời đời kiếp kiếp quá khứ có lầm lỗi, toàn là mình chướng ngại người ta, đời này mình tu đạo, lại gặp phải người ta đến chướng ngại mình, oan oan tương báo mãi không xong!

Vì vậy, thiện căn chân chánh dù là pháp thể gian hay xuất thể gian đều kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Thiện căn chân chánh là hiếu đạo. Việc này khó lắm! Một đời chúng tôi gặp rất nhiều chướng ngại, thử thách rất nhiều, bị đả kích rất nhiều, vẫn có tín tâm, vẫn có nguyện tâm, vẫn chẳng lui sụt, vẫn có thể tinh tấn nỗ lực, là do nguyên nhân nào? Do thực sự có chút cơ sở lúc nhỏ. Cơ sở ấy chẳng phải là khi học Tiểu Học, mà là khi học ở trường tư, lúc nào? Lúc sáu, bảy tuổi, được “bén rễ” trong khoảng thời gian đó, thầy dạy học trò hiếu thuận cha mẹ, cha mẹ dạy con cái tôn sư trọng đạo, có căn cơ từ đó. Nếu bây giờ tôi chẳng tôn kính thầy, chẳng xem trọng đạo nghiệp, tôi cảm thấy mình có lỗi với cha mẹ, chẳng dám! Đây là như cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (Lúc nhỏ tập thành bẩm tánh, theo thói quen trở thành tự nhiên): Giáo dục lúc nhỏ ảnh hưởng cả một đời! Một đời tôi có được một chút thành tựu đều là do lúc nhỏ, lúc đó học đâu chừng hai năm, còn sống ở quê nhà. Sau này học ở trường, sự giáo dục trong trường dạy những điều này rất ít!

Bởi thế Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Thành tựu dữ phủ, tại ư thành kính*” (Có thành tựu hay không là do thành kính [hay không]). Chân thành, cung kính, “*một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Nếu chẳng thành, chẳng kính, chẳng đáng bàn tới nữa! Nói cách khác, chẳng thành tựu gì! Bởi thế, chúng tôi có thể chịu đựng được đả kích, chịu đựng được thử thách; người khác tranh, chúng tôi nhường, người khác chửi chúng tôi, sỉ nhục chúng tôi, chúng tôi quyết chẳng đáp trả. Người khác đánh chúng tôi, chúng tôi nhất định không đánh trả. Kinh luận dạy chúng ta: “*Chẳng những không có tâm oán hận mà còn phải có tâm cảm ơn*”. Cảm cái ơn gì? Ôn tiêu nghiệp chướng. Họ hủy báng tôi, nhục mạ tôi, vì sao họ chẳng hủy báng người khác, chẳng nhục mạ người khác, chỉ tìm tôi? Nếu tôi có thần thông, tôi sẽ biết chuyện trong đời quá khứ, rất có thể trong quá khứ tôi đã đối xử với kẻ ấy như vậy, ngày nay họ đối với tôi như vậy là đền trả. Lần lượt đền trả, người hiểu biết cứ tiếp nhận sẽ hóa giải được. Đời sau, đời kế, gặp nhau nữa bèn thành bạn tốt, báo đền xong rồi!

Chẳng nên tranh, chẳng nên có chút lòng oán hận. Có một chút tâm oán hận, oan kết ấy vĩnh viễn tồn tại, sẽ biến thành gì? Oan oan tương báo chẳng xong, vậy là không được rồi! Đời đời cả hai bên đều đau khổ, đó là sai lầm vô cùng. Người giác ngộ, người hiểu biết chẳng tạo chuyện tội tệ ấy. Vì vậy, giữ gìn cõi lòng mình thanh tịnh, quyết định

chẳng mê, quyết định chẳng loạn, quyết định chẳng điên đảo, vĩnh viễn trong tình trạng trong lặng, tỉnh thức, chúng ta chịu đựng quả báo. Chịu đựng quả báo, nghiệp chướng bèn tiêu! Nghiệp chướng tiêu rồi, phước huệ liền hiện tiền. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng ra ngoài lệ đó. Bởi vậy, công phu trì danh sâu hay cạn vẫn cần phải có trí huệ, vẫn cần có thiện tri thức chỉ dạy. Trong đây, để có thể tránh được hết thủy chướng nạn thì điều trọng yếu nhất là phải nhờ vào trí huệ, phải nhờ vào công phu định lực, phải nhờ vào nhẫn nhục. Thực sự học theo người tu đạo thời cổ, làm một người có học vấn, vĩnh viễn tuân giữ “*không tranh cùng người, không cầu nơi sự*”.

Vì thế, pháp sư Ấn Quang dạy con người hiện tại chúng ta: Nếu các đồng học chí đồng đạo hợp cùng tu một chỗ, số người chẳng được quá hai mươi người, đạo tràng theo quy mô nhỏ. Tại Trung Quốc, trước kia chúng tôi nói ở am tranh rất tốt. Cuộc sống rất đơn giản, ít người! Chẳng cần hóa duyên, chẳng phải lôi kéo tín đồ, chẳng cần phải làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự, Phật thất suốt năm, đá Phật thất theo cách thông thường⁴¹, Phật thất suốt năm! Nỗ lực tu! Nếu thực sự có thể tu học theo đúng phương pháp ấy của Ấn Quang đại sư, tôi tin tưởng sâu xa rằng trong vòng từ ba năm đến năm năm, hai mươi người ấy thấy đều vãng sanh.

Nếu quý vị nghe lời đó mà run sợ là không được rồi! Trong vòng từ ba năm đến năm năm phải chết ư? Thôi đi! Không tu nữa! Vậy là không có cách gì hết! Vì sao? Mục đích của quý vị chẳng phải là cầu vãng sanh ư? Thế giới Cực Lạc tốt như vậy, ở đây khổ nạn quá chùng, bên kia không có khổ nạn. Do đây biết rằng: Quý vị chỉ nói cái miệng là vãng sanh; chứ thật ra, tâm quý vị tham sống sợ chết, chẳng thể thành tựu nổi! Cụ Lý nói một vạn người tu, thực sự chỉ có hai ba người vãng sanh rất có lý! Hai ba người đó thực sự muốn đi, còn đại đa số miệng nói muốn vãng sanh, nhưng mong sống ở đây đến một trăm tuổi, hai trăm tuổi, họ không muốn đi, không còn cách nào nữa cả!

Nói tóm lại, những chuyện như thế vẫn là gặp duyên bất đồng, chẳng gặp được thiện tri thức chân chánh, chẳng được nghe lời chỉ dạy chân chánh, tự mình vẫn mê chứ không giác, đối với duyên thế gian vẫn tham luyến rất sâu, nên công phu niệm Phật chẳng đắc lực! Bởi thế,

⁴¹ Đây là “phổ thông Phật thất” nhằm phân biệt với “tinh tấn Phật thất”. Phổ thông Phật thất niệm Phật chỉ có sáu thời, còn tinh tấn Phật thất là niệm Phật suốt 24 tiếng đồng hồ.

người chân chánh tu hành trong hiện tại, chí đồng đạo hợp, đồng tham đạo hữu tìm được hai ba người, nói thật ra là rất khó! Tìm đâu được hai mươi người? Tìm không ra! Nói thật đó!

Thích Ca Mâu Ni Phật đầu tiên độ năm vị tỳ-kheo tại vườn Lộc dã, kể cả chính Ngài là sáu người. Sáu người đồng tâm đồng đức có thể lập giáo, chí đồng đạo hợp. Bởi thế, trong quá khứ tôi đã từng nói: Vào thập niên bảy mươi, pháp sư Tây Trần ở Hương Cảng đến Đài Loan tìm tôi, cùng tôi thảo luận cách nào hưng vượng Phật giáo. Tôi bảo pháp sư: “*Muốn hưng vượng Phật giáo thì phải có người chân chánh phát tâm, chân tâm cầu đạo*”. Tôi nói: Bao nhiêu người? Năm người là được rồi! Thích Ca Mâu Ni Phật năm người lập giáo. Nay có được năm người thì có thể hưng giáo; nhưng năm người ấy hành trì nhất định phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, phải thực hành chế độ khát thực. Ngày nay ngủ dưới gốc cây, chúng ta chẳng cần phải cắt đạo tràng nào; tôi nói năm người đó du hóa nhân gian. Lúc ấy tôi đề nghị: “Chúng ta ở trong một cái lều tranh nhỏ, mỗi một người sống một lều, năm người thôi!”

Những cái lều hiện tại, quý vị thấy lều cắm trại của đồng tử quân (hướng đạo sinh hay thiếu sinh quân) hết sức gọn nhẹ, mỗi một cái lều (tôi đã hỏi rồi) dùng được ba năm. Năm người sống vây quanh dưới gốc cây, là một Tăng đoàn nhỏ. Ngày ăn một bữa, đi khát thực. Chúng tôi làm như vậy, nhất định có thể xin được một bát cơm. Mỗi ngày một bát cơm là được rồi, trở về năm người chúng ta cùng nghiên cứu kinh giáo, niệm Phật. Tăng đoàn như thế nhất định có thể hưng vượng Phật giáo. Lúc ấy, pháp sư rất có hứng thú, tôi nói: “Thầy về Hương Cảng trừ bị. Lúc nào trừ bị sẵn sàng, tìm được năm người, tôi nhất định đến tham gia”. Sư trở về bên đó, dần dần bật tin tức, tìm đâu ra năm người chịu đựng khổ sở, thực sự có thể buông xuống được? Chẳng dễ đâu!

Bởi thế, hiện thời chúng tôi có một đạo tràng nhỏ như thế này, đạo tràng nhỏ này cũng là gặp duyên bất đồng. Hàn Quán Trưởng sáng lập Hoa Tạng Đồ Thư Quán, bản thân tôi thì suốt đời chẳng có ý niệm tạo dựng đạo tràng. Hoa Tạng Đồ Thư Quán do bà ta lập, chúng xuất gia ở Đồ Thư Quán cũng do bà ta tuyển chọn. Thâu được nhiều vị xuất gia như thế xong, bà ta bèn tịch. Bà ta tịch rồi, tôi chẳng thể không coi sóc. Nếu tôi chẳng coi sóc là có lỗi với bà ta. Thành tựu của tôi chính là thành tựu của bà ta, tôi thất bại chính là bà ta thất bại; mọi người đều hiểu như vậy. Bà ta hộ trì tôi suốt ba mươi năm, tôi mới có thành tựu như ngày nay, mở được một chút trí huệ, có nhận biết đôi chút đối với Phật pháp. Chúng tôi cảm cái ơn của bà ta, nay ở đây kiến lập được đạo

tràng thể này, đạo tràng được lập to lớn như thế này cũng là quá vượt phạm; nhưng so với đạo tràng của bà ta, đạo tràng chúng tôi vẫn là đạo tràng nhỏ. Bởi thế, hết thấy kiến thiết làm đến đây là thôi, chúng tôi hạ quyết tâm nghiên cứu kinh, niệm Phật!

Kinh Vô Lượng Thọ và Di Đà Yếu Giải là nguyên tắc chỉ đạo trọng yếu nhất của chúng ta. Vì thế, hai câu tiếp đó: “*Tín nguyện vi tiền đạo, trì danh vi chánh tu*” (Tín nguyện để dẫn đường, trì danh là phương cách tu hành chánh yếu). Chánh tu không phải là giảng kinh, chánh tu là niệm Phật. Giảng kinh giúp cho chúng ta tin sâu, nguyện thiết, khiến cho chúng ta có nhận thức chính xác đối với y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng như y báo và chánh báo của thế giới Sa Bà chúng ta đang sống và mười pháp giới khắp hư không pháp giới. Tuyển chọn ôn thỏa nhất là tuyển chọn Tây Phương Tịnh Độ. Nếu quý vị chẳng thể nhận biết, trong tâm có nghi hoặc: Còn có pháp môn nào tốt hơn pháp môn này, còn có thế giới nào lý tưởng hơn thế giới Cực Lạc, tâm sẽ chẳng thể buông xuống được! Quý vị phải hiểu rõ, phải minh bạch, chết sạch tâm lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất tu hành pháp môn này.

Tiếp đó là: “*Trì danh thời, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, tất nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*” (Lúc trì danh, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, hành như Phật, thì một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật). Đó gọi là Niệm Phật, đó gọi là Trì Danh. Trì Danh tuyệt đối chẳng phải là “miệng có, tâm không”. Tâm quý vị có phải là tâm Phật hay chẳng? Phật có tâm gì? Mười năm trước, chúng tôi đã nêu rõ: “*Chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm*”. Chúng ta có những tâm ấy hay không? Những tâm ấy là tâm Phật. Tuy những thứ đó là tâm Phật, nhưng tâm A Di Đà Phật còn thù thắng hơn nữa. Thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng ở nơi bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện tổng kết: Niệm niệm vì cứu độ hết thấy chúng sanh. Cứu độ bằng cách nào? Niệm niệm giúp cho hết thấy chúng sanh cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là tâm A Di Đà Phật.

“*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” là tâm của hết thấy chư Phật, chúng ta có hay không? Nếu chẳng có cái tâm ấy, niệm Phật chẳng tương ứng! Bởi thế, quý vị công phu chẳng đặc lực, suốt ngày vẫn suy nghĩ bậy bạ, tâm chẳng thanh tịnh, ngu si, chẳng có trí huệ, tự tư, tự lợi, chẳng từ bi, cái ải đầu tiên không vượt qua được. Niệm

Phật như thế chỉ là một loại thiện căn, chẳng thể dễ dàng vãng sanh trong một đời. Bởi vậy, đầu tiên là “*tâm phải như Phật*”.

Nay đã hết giờ rồi, buổi học hôm nay giảng đến đây thôi!

Tập 11

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn Tín Nguyện Trì Danh trong cuốn A Di Đà Kinh Nghiên Tập Báo Cáo, chúng tôi giảng đến: “*Trì danh thời, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, tất nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*” (Lúc trì danh, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, hành như Phật, thì một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật).

Ở trên, tôi đã thưa cùng quý vị, tâm chúng ta vốn là tâm Phật, đáng buồn là bản thân chúng ta mê mất nên mới luân lạc làm phàm phu, luân lạc trong lục đạo bao kiếp chẳng thể xuất ly, càng mê càng lún sâu, càng hãm càng khổ trong ấy. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng nghe đến Phật pháp, làm sao hiểu được chuyện ấy? Chẳng biết chân tướng sự thật ấy, làm sao có thể quay đầu? Đây là một vận hên lớn nhất trong đời này, là duyên phận thù thắng khôn sánh, được nghe Phật pháp, được nghe Đại Thừa, được nghe pháp môn Tịnh Độ, đây chẳng phải là chuyện dễ dàng gì!

Bao nhiêu Bồ Tát, Thanh Văn trong thế gian này muốn được nghe pháp môn này, nhưng chẳng có cơ hội. Chính như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, mỗi một vị đồng học chúng ta trong vô lượng kiếp đến nay đã kết pháp duyên rất sâu dày với A Di Đà Phật, nên trong một đời này mới có cơ hội gặp gỡ. Kết pháp duyên rất sâu, nhưng vì sao vẫn chẳng thể vãng sanh? Pháp duyên dù sâu vẫn chưa đủ, trong kinh, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy). Chữ “*thiểu*” (ít) thông cả ba câu, tức là chẳng thể ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên. Nói cách khác, thiện căn phải nhiều, phước đức phải nhiều, nhân duyên phải nhiều thì một đời này nhất định được vãng sanh. Ba điều kiện ấy thiếu một điều không được, đều thành chướng ngại!

Chúng ta làm thế nào để đầy đủ cả ba điều kiện trên trong một đời này? Câu hỏi này rất hợp lý. Thật ra, có đủ ba điều kiện ấy hay không, tự mình biết, thiện tri thức biết, thậm chí quỷ thần cũng biết. Nói chung,

quỷ thần có Ngũ Thông, họ có thể thấy được. Chuyện đó không quan trọng, quan trọng nhất là chính mình. Chính mình làm sao biết? Tổ sư đại đức thường nói: Quý vị có chân tín hay không? Chân tín đã có thì tư tưởng, kiến giải, hành vi tự nhiên khác rất nhiều so với lúc chưa gặp Phật pháp! Lòng tin chân thành mà!

Quý vị có thực sự nguyện được sanh về thế giới Cực Lạc hay không? Nếu thực sự nguyện sanh thế giới Cực Lạc, hết thấy người, sự, vật trong thế gian này, quý vị tự nhiên buông xuống hết. Nếu quý vị không buông được, chỉ cần một sự chưa buông được, cái nguyện của quý vị chẳng chân thật. Có chân tín, chân nguyện, lại phải coi quý vị có chân hạnh hay không! Nếu quý vị thực sự niệm Phật, coi niệm Phật là chuyện quan trọng nhất trong một đời này, biến niệm Phật thành chuyện quan trọng nhất trong suốt một ngày từ sáng đến tối. Việc xảy đến phải làm, đành để Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc. Lúc xong việc, buông công việc xuống, Phật hiệu lại dấy lên, thực sự niệm!

Tịnh Tông Học Viện chúng ta đề xưng kinh giáo; kinh giáo là chuyện chúng ta làm kèm thêm, chẳng phải là quy củ chánh yếu, chỉ là phụ thuộc! Phải phân định chủ - khách rõ ràng; bởi lẽ, kinh giáo không phải là chuyện ai cũng có thể học được, chính mình phải hiểu rõ điều này, muôn vàn chẳng được điên đảo! Vãng sanh là chuyện lớn! Chúng ta học kinh giáo ở đây là do chính mình có đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên kinh giáo nên quý vị học được. Chẳng hoài nghi kinh giáo, hiểu được kinh giáo thì có hai điều kiện trọng yếu: Một là ký ức, hai là giải ngộ. Quý vị thực sự nhớ được kinh giáo là trí nhớ tốt. Trước kia, thầy Lý bảo chúng tôi: “Nghe pháp sư giảng kinh, nghe xong, anh nhắc lại một lần, anh có khả năng giảng được tối thiểu sáu phần. Anh có năng lực ấy thì có thể học kinh giáo được. Không có năng lực ấy thì tùy hỷ. Vì sao? Không có năng lực thì đừng miễn cưỡng quá phận, học chẳng thành công!”

Khi xưa, lúc tôi cầu học ở Đài Trung, tôi quen biết pháp sư Huệ Nhẫn là một người rất thông minh. Nếu vị này thực sự khéo học, trong tương lai sẽ trở thành một nhân tài giảng kinh hoằng pháp. Tôi giới thiệu ông ta đến Đài Trung, thầy Lý gặp mặt cũng rất hoan hỷ. Ông ta lớn hơn tôi chừng năm tuổi, cùng tuổi với Hàn Quán Trưởng, xuất gia từ nhỏ, chưa từng học kinh giáo, nghe tôi giảng kinh hết sức hoan hỷ. Tôi nói: “Chúng ta cùng đến học với nhau”. Đến Đài Trung, tôi học Lăng Nghiêm với thầy Lý, khi đó thầy Lý đang giảng kinh Lăng Nghiêm. Chúng tôi học từ đầu, còn ông ta thầy dạy được một nửa mới đến học,

tôi khuyên ông học một bộ kinh nhỏ, đừng học Lăng Nghiêm. Lăng Nghiêm lớn quá! Tôi bảo ông ta: “Tôi đã nghe thầy Lý giảng hơn ba mươi bộ kinh nhỏ”. Nói cách khác, tôi đã có hơn ba mươi bộ kinh nhỏ làm cơ sở, hề nghe qua bộ nào một lần tôi đều có thể giảng được.

Tôi từng bảo các vị đồng học tôi có khả năng phúc giảng lại chín mươi lăm phần trăm, tôi có khả năng ấy. Có trí nhớ như vậy, cũng như có khả năng hiểu. Tôi khuyên ông ta nên học dần dần từ những kinh nhỏ, theo học từng bộ; ông ta chẳng vui lắm, nghĩ tôi coi thường ông ta: “Ông học Lăng Nghiêm, sao tôi không thể học được?” Vậy là hết cách, chịu thôi! Đương nhiên, căn tánh của mỗi người không giống nhau, cũng có thể ông ta có căn tánh cao hơn tôi, tôi chẳng bằng được ông. Tôi từ những bộ kinh nhỏ tiến lên dần dần, ông vừa bắt đầu đã học ngay kinh lớn, thật bất phàm!

Pháp sư Huệ Nhẫn hết sức dụng công, ngày đêm chẳng gián đoạn nghe thầy giảng kinh, đọc chú giải của cổ nhân, tìm kiếm tài liệu tham khảo, mỗi tối đều học đến hai, ba giờ sáng. Tôi thấy ông ta thật dũng mãnh, tinh tấn, được khoảng mười tháng, thân thể suy sụp. Có một buổi tối đang xem kinh, bỗng thấy tối đen, không thấy gì nữa cả. Đến hôm sau, Sư bảo tôi vì dụng công quá độ, không có cách nào nữa, đành phải rời Đài Trung lên Đài Bắc. Ông ta xuất gia từ nhỏ, xướng niệm hết sức hay. Khi đó, trong số những pháp sư trẻ tuổi giỏi xướng tụng, ông cũng là người có hạng. Do giới dùng pháp khí, ông đi làm pháp hội, làm kinh sám Phật sự. Làm độ hai năm, dành dụm được không ít tiền, mua một ký nhi viện (nhà giữ trẻ) ở vùng Mộc San thuộc Đài Bắc. Người ta muốn bán ký nhi viện ấy, ông ta liền mua ngay, lập một tiểu đạo tràng, gọi là Pháp Tạng Liên Xã. Đến Đài Trung bảo tôi: “Nay tôi có đạo tràng, thỉnh thầy lên Đài Bắc giảng kinh”. Tôi nói: “Tốt lắm! Chúng ta là bạn bè cũ mà!”

Lúc ấy, ông ta bảo tôi: “Tôi hối hận không nghe lời ông. Nếu tôi bắt đầu từ những kinh nhỏ, học dần dần từng bộ, há cũng chẳng thành công ư?” Đúng vậy! Khi đó, tôi đã đề nghị, khuyên chỉ ông ta lời hay, tuyệt đối chẳng coi thường ông ta. Học tập pháp thế gian hay xuất thế gian đều có thứ tự, từ cạn đến sâu, từ bộ nhỏ sang bộ lớn mới không mất sức vì dụng công quá độ. Vị pháp sư ấy hình như mấy năm trước, độ chừng bốn năm năm trước đã vãng sanh tại Hương Cảng. Về sau, ông ta qua Hương Cảng, chúng tôi rất ít qua lại với nhau.

Bởi thế, học kinh giáo phải có điều kiện học kinh giáo. Mục đích trọng yếu nhất của việc học kinh giáo là tự mình đoạn nghi sanh tín. Tôi

đề xuất “*tâm, nguyện, giải, hạnh*”, vì sao chúng ta chẳng được như Phật? Chúng ta chẳng thể lý giải thấu triệt. Nếu quả thật lý giải thấu triệt khá, tức là đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, chân tướng của nghiệp nhân quả báo có trình độ lý giải khá khá sẽ đoạn nghi hoặc rồi, chẳng còn vấn đề gì nữa! Khi trước, tôi thường nói: “Các đồng học niệm Phật, quý vị gặp tôi nêu lên rất nhiều câu hỏi, tôi dùng một câu chung để đáp, câu gì vậy? Chẳng thật thà!” Nếu quả thật quý vị thật thà niệm, há còn vấn đề gì nữa ư? Vấn đề gì cũng chẳng có! Đó là lời thật. Vì sao chẳng thật thà? Vọng tưởng quá nhiều, phân biệt, chấp trước quá nhiều; bởi vậy, quý vị không chắc thật. Vì sao vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhiều đến thế? Vì chưa hiểu rõ chân tướng sự thật.

Do vậy, chúng ta học kinh giáo nhằm mục đích gì? Mục đích chủ yếu nhất là giúp chính mình đoạn nghi sanh tín, chân chánh chắc thật niệm Phật, tự mình được thọ dụng, tự mình có thành tựu! Tôi chẳng giúp chúng sanh hay sao? Quý vị đã giúp, nhưng chính mình không hiểu. Tôi giúp như thế nào? Quý vị đã là tấm gương niệm Phật tốt nhất cho người khác nhìn vào. Người hữu duyên trông thấy hành vi, ngôn ngữ quý vị, kẻ ấy sẽ cảm động, giác ngộ. Người vô duyên nhìn chẳng ra, người hữu duyên nhìn ra: Đây là người chân chánh niệm Phật!

Bởi vậy, tự hành chính là hóa tha, chúng tôi thường nói bất luận tại gia hay xuất gia, đệ tử Phật môn niệm niệm, thời thời, chốn chốn đều phải là gương tốt cho hết thầy đại chúng trong xã hội. Làm người phải là một con người tốt, làm gương tốt cho hết thầy mọi người. Những đồng học tại gia, gia đình mình phải là gương tốt cho mọi gia đình khác trong xã hội, là gia đình mô phạm. Trong đạo tràng này, nhất định phải biến đạo tràng này thành gương tốt cho hết thầy các đạo tràng. Chớ cầu ai hết, phải cầu chính mình; người khác làm gì chẳng ăn nhập gì đến mình! Nhất là trong thời đại hiện tại, dân chủ, tự do, cởi mở, mỗi cá nhân có tự do ngôn luận, được tự do xuất bản. Bởi thế, phải dốc lòng nhớ kỹ giáo huấn chân thật của các cổ đức, ta đối xử với người, quyết định chẳng thể nói lỗi lầm của người khác. Nói lỗi lầm của người khác, gây thị phi, kết oan cừ, tự mình đã sai mất rồi!

Cổ đức dạy chúng ta: “*Tịnh tọa thường tư kỷ quá*” (Tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình). Tự mình phản tỉnh, kiểm điểm, sám hối, sửa đổi cho tốt hơn, “*nhàn đàm mạc luận nhân phi*” (chuyện gẫu đừng bàn luận khuyết điểm của người khác), chẳng những không nên nói mà hết thầy những điều bất thiện của người khác đừng ghim vào lòng. Quý vị để tâm là sai rồi. Tôi thường hay nói như vậy: “Để tâm đến hết thầy

những chuyện bất thiện của người khác, tâm quý vị biến thành cái thùng rác!” Chuyên môn thâm thập những thứ phế thải của người ta, tâm ta biến thành thùng rác, tâm hỏng mất rồi, chẳng còn là tâm Phật nữa, tâm mình làm sao biến thành tâm Phật được? Quý vị chuyên môn thâm thập mọi ngôn luận, mọi đức hạnh của chư Phật Như Lai, tâm không còn chứa đựng những thứ gì khác, chỉ toàn trang hoàng bằng những thứ tốt đẹp của chư Phật Như Lai. Đọc tụng kinh điển, tư duy ý nghĩa kinh, nghiên cứu làm sao để thực hiện những giáo huấn trong kinh vào cuộc sống, áp dụng vào công việc, áp dụng vào xử sự, đãi người, tiếp vật. Đây là tâm Phật.

Tâm giống Phật, nguyện như Phật, Phật nguyện gì? Nói chung, các nguyện của mười phương tam thế hết thấy chư Phật đều rất nhiều, nhưng quy nạp lại, không ngoài bốn nguyện lớn, đức Thế Tôn gọi là Tứ Hoàng Thế Nguyện; quy nạp lại, chẳng ngoài bốn nguyện lớn! Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nếu quý vị quy nạp lại cũng chẳng ngoài bốn đại nguyện ấy. Chúng tôi thường nói bốn đại nguyện ấy thực sự chỉ gồm một nguyện, chỉ có một điều thôi: “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Những chúng sanh nào? Chúng sanh trong chín pháp giới, ai chưa chứng đắc Phật quả đều là chúng sanh. “Độ” (度) có nghĩa là gì? Nói theo ngôn ngữ hiện tại, độ là giúp đỡ, thành tựu cho người ấy. Chư Phật Như Lai chỉ có một nguyện ấy, giúp đỡ hết thấy chúng sanh, chẳng riêng gì loài người mà là chúng sanh trong chín pháp giới. Trong đó bao gồm ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, bao gồm cả yêu ma quỷ quái, họ đều là chúng sanh. Quý vị phải giúp họ thành Phật. Vì sao họ lại biến thành ra như thế? Mê mất tự tánh, do vậy mới biến thành ra như thế.

Phật đã giác ngộ, đã hoàn toàn hiểu rành hết thấy chân tướng. Hết thấy chúng sanh có quan hệ gì với mình? Quan hệ rất mật thiết! Trong kinh điển Đại Thừa chúng ta thường đọc thấy “*tự - tha bất nhị*”. Tôi và anh về hình dáng chẳng giống nhau, nhưng Phật tánh giống hệt như nhau, cùng một Phật tánh. Bởi thế, trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật đã nói bao nhiêu lần: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (Mười phương tam thế Phật cùng chung một Pháp Thân). Mười phương tam thế Phật bao gồm cả anh lẫn tôi, loài người chúng ta, thậm chí tất cả chúng sanh trong lục đạo, ngạ quỷ, địa ngục, hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật. Nói tam thế là quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật; vị lai Phật là hết thấy chúng sanh hiện tiền, cùng chung một Pháp Thân, “*một tâm, một trí huệ*”. Chúng ta thường nói một tâm một đức, chẳng sai chút nào.

Chúng sanh mê mất tự tánh, chẳng biết chân tướng sự thật, khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong hết thảy cảnh giới. Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lại khởi tham - sân - si - mạn. Mê mất tự tánh, càng đi càng xa. Mê quá lâu, càng mê sâu hơn, chẳng biết mối quan hệ giữa mình và chúng sanh, chẳng những ta cùng hết thảy hữu tình chúng sanh là một thể, mà với vô tình chúng sanh (như cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa), toàn thể vũ trụ đều là Pháp Thân thanh tịnh của chính mình. Ai biết? Pháp Thân Bồ Tát biết, họ chứng đắc được. Chứng đắc là hiểu rõ, chẳng còn nghi hoặc. Bởi thế, họ chủ động giúp hết thảy chúng sanh vô điều kiện. Tự mình giúp chính mình, tự mình thành tựu chính mình! Sự nhận biết ấy trong Phật pháp gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Hiểu rõ ràng quan hệ giữa hết thảy người, sự, và vật trong vũ trụ, hiểu minh bạch; đến lúc đó, nguyện của người ấy tự nhiên giống hệt như nguyện của Phật.

Quý vị muốn độ chúng sanh thì độ bằng cách nào? Phải biết chúng sanh đang mê, chính mình khai ngộ rồi, giác ngộ rồi, làm thế nào khiến cho chúng sanh hồi đầu, giúp họ thành tựu bằng cách nào? Ba điều nguyện sau chính là phương pháp: “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Quý vị phải cho họ thấy đoạn phiền não như thế nào, họ thấy rồi sẽ giác ngộ, sẽ hiểu rõ: Phải làm như thế nào! Bồ Tát sơ học thì chư Phật Như Lai vì kẻ ấy thị hiện, có đức Phật nào chẳng thị hiện trì giới trong chín pháp giới? Trì giới để làm gì? Để đoạn phiền não! Trì giới là phương pháp, đoạn phiền não là mục đích. Nhân Giới đắc Định, Định khuất phục được phiền não. Nhân Định khai Huệ, Huệ chuyển được phiền não, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Đây là công khóa tu hành thứ nhất, tức đức hạnh! Giáo học thế gian lẫn xuất thế gian đều lấy đức hạnh làm đầu. Quý vị muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh, bọn họ là chúng sanh đang điên đảo, mê hoặc, là chúng sanh mê mất tự tánh. Quý vị muốn giúp đỡ họ, điều trước tiên là phải thành tựu đức hạnh của chính mình. Nay chúng ta chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai; chúng ta xác thực là phàm phu. Phàm phu thì càng phải làm! Vì sao? Độ chính mình, đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh của chính mình.

Điều này tôi phải học mất năm mươi năm, chẳng phải trong thời gian ngắn. Thoạt đầu, Chương Gia đại sư dạy tôi, quả thật lão nhân gia dùng trí huệ chân thật, thiện xảo phương tiện khiến tôi thay đổi quan niệm, tiếp nhận Giới học. Tôi vốn nầy sanh quan niệm sai lầm nghiêm trọng đối với Giới học, hết sức ưa thích kinh luận, nhưng đối với Giới Luật rất coi nhẹ, chẳng buồn để mắt đến. Chương Gia đại sư lao tâm khổ

tứ khiến tôi giác ngộ. Giới Luật chẳng phải là những khuôn mẫu sinh hoạt thế gian như ta thường tưởng; nó chính là ranh giới phân chia phàm - thánh, là khuôn mẫu sinh sống của thánh nhân, chẳng phải của phàm nhân. Vì vậy, nó vĩnh hằng bất biến, siêu việt không gian lẫn thời gian. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

Thông thường, Đại Thừa Phật pháp thường nói hai mươi sáu món phiền não, tức hai mươi sáu loại. Phiền não vô lượng vô biên; vì để dạy dỗ cho thuận tiện, đức Thế Tôn quy nạp thành hai mươi sáu loại. Trong hai mươi sáu loại này, lại chia thành hai loại lớn: Thứ nhất là Căn Bản phiền não, thứ hai là Tùy phiền não. Căn Bản phiền não sáu điều, Tùy phiền não hai mươi điều. Trong Tùy phiền não lại chia thành Đại Tùy phiền não, Trung Tùy phiền não và Tiểu Tùy phiền não. Nếu đoạn được hai mươi sáu loại phiền não này thì mọi phiền não đều đoạn sạch, khởi công từ đó. Đặc biệt là căn bản phiền não; sáu điều căn bản phiền não cũng là sáu loại lớn: Tham - sân - si - mạn, nghi, ác kiến. Trong ác kiến lại chia thành năm loại lớn: Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Bởi thế, trong sáu món phiền não, ác kiến lại chia ra thành năm thứ, trên thực tế thành ra mười điều. Mười điều đó chia thành Kiến phiền não và Tư phiền não, gọi chung là Kiến Tư phiền não.

Đức Phật bảo luân hồi lục đạo là do năm món tham, sân, si, mạn, nghi trong Kiến Tư phiền não biến hiện. Nếu quý vị thực sự đoạn được Kiến Tư phiền não, sẽ không còn luân hồi lục đạo nữa. Kiến Tư phiền não chưa đoạn, vĩnh viễn ở trong lục đạo luân hồi, lục đạo do đâu mà có? Do Kiến Tư phiền não biến hiện thành. Quý vị muốn vượt thoát lục đạo, đức Phật dạy rất đơn giản: Quý vị phải bỏ hết những thứ có khả năng biến hiện ra luân hồi lục đạo thì lục đạo luân hồi sẽ chẳng còn nữa! Ai làm được? A La Hán làm được. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi.

Trong Chúng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có mấy câu:

*Mộng lý minh minh hữu lục thú,
Giác hậu không không vô đại thiên.
(Trong mộng rành rành phân sáu nẻo,
Giác rồi ba cõi rộng toang hoang).*

A La Hán giác ngộ rồi, hễ giác ngộ thì sáu nẻo không còn nữa, sáu nẻo trống rỗng không còn tam thiên đại thiên thế giới. Chúng tôi nói thế giới Sa Bà là một đại thiên thế giới, tức là lục đạo luân hồi. Trong kinh

giáo, Phật thường giảng về tam thiên đại thiên thể giới rất rõ ràng: Trong kinh Phật gọi tinh cầu mà chúng ta đang sống đây là Nam Thiệm Bộ Châu (Jambudvīpa). Tinh cầu này di chuyển trong hư không, xoay chuyển quanh núi Tu Di (Sumeru). Núi Tu Di là trung tâm. Thái dương, mặt trăng, rất nhiều tinh cầu đều xoay quanh eo (khoảng giữa) núi Tu Di. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giảng rất có lý. Quý vị thấy đó: Chẳng phải là Thái Dương hệ (solar system) chuyển động trong Ngân Hà Hệ đó ư?

Hoàng lão cư sĩ gọi trung tâm của Ngân Hà Hệ là núi Tu Di. Núi Tu Di chẳng ở trên địa cầu, cũng chẳng thuộc Thái Dương hệ. Thiên văn học cổ truyền Trung Quốc gọi trung tâm của Ngân Hà Hệ là Hoàng Cực. Hoàng Cực là núi Tu Di. Chúng ta biết Hoàng Đạo là quỹ đạo của chín đại hành tinh⁴² xoay quanh mặt trời, chúng ta gọi quỹ đạo ấy là Hoàng Đạo. Trước kia, người ta không biết địa cầu xoay quanh mặt trời, ngỡ địa cầu là trung tâm, trông thấy các hành tinh (mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao) có quỹ đạo nên gọi là Hoàng Đạo. Lúc các hành tinh xoay quanh địa cầu, họ phát hiện ra Nam Cực và Bắc Cực, hoàn toàn lấy địa cầu làm bản vị. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo trên thực tế, Phật đã dạy trong kinh, nếu quý vị chú tâm quan sát, tư duy, sẽ thấy núi Tu Di chính là trung tâm của Ngân Hà Hệ.

Hiện nay có người nói trung tâm của Ngân Hà Hệ là lỗ đen (black hole), có năng lượng rất lớn, ngay cả ánh sáng chiếu đến lỗ đen cũng bị nuốt mất. Đến bên nó, chịu ảnh hưởng bởi dẫn lực (sức hấp dẫn, sức hút), ánh sáng đều bị co rút lại. Năng lượng lớn như thế đó. Một Ngân Hà Hệ như vậy là một đơn vị thể giới, một ngàn đơn vị thể giới gọi là một tiểu thiên thể giới. Ở ngay thiên đỉnh của một đơn vị thể giới (Ngân Hà Hệ) là Sơ Thiên Thiên; một Ngân Hà Hệ chỉ có một Sơ Thiên Thiên. Như vậy, một ngàn đơn vị thể giới, tức là một ngàn Ngân Hà Hệ, là một tiểu thiên thể giới. Ở ngay thiên đỉnh của một tiểu thiên thể giới chính là Nhị Thiên Thiên. Một tiểu thiên thể giới chỉ có một Nhị Thiên Thiên. Tiếp đó, lấy tiểu thiên thể giới làm đơn vị, hợp một ngàn tiểu thiên thể giới thành một trung thiên thể giới, trên thiên đỉnh của trung thiên thể giới là Tam Thiên Thiên. Rồi lại dùng trung thiên thể giới làm đơn vị, gộp một ngàn trung thiên thể giới lại, gọi là một đại thiên thể giới, một đại thiên thể giới chỉ có một Tứ Thiên Thiên.

⁴² Chín đại hành tinh là Thủy Tinh (Mercury), Kim Tinh (Venus), Địa Cầu, Hỏa Tinh (Mars), Mộc Tinh (Jupiter), Thổ Tinh (Saturn), Thiên Vương Tinh (Uranus) và Hải Vương Tinh (Neptune).

Vì vậy, lục đạo là thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà là một tứ thiên hạ, một ngàn Tam Thiên Thiên, một ngàn nhân một ngàn, thành một trăm vạn Nhị Thiên thiên, lại nhân cho một ngàn, thành mười ức Sơ Thiên Thiên. Vậy thì nếu coi một Ngân Hà Hệ là đơn vị thế giới, phạm vi sẽ rất lớn. Chúng ta độ chúng sanh, tối thiểu phải phát nguyện độ một cõi như vậy. Sa Bà thế giới là bốn quốc, quý vị phải có tâm lượng lớn như thế. Quý vị phải dùng tâm lượng ấy đối với hết thấy chúng sanh. Nếu ai đối với chúng sanh thấy chẳng thuận mắt, tức là có thành kiến đối với kẻ ấy, người ấy chẳng phải là học Phật, chẳng đoạn được phiền não. Làm sao đoạn được phiền não? Quý vị còn học pháp môn nào nữa? Nguyện chẳng phải là chuyện dễ!

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng tôi lại giảng tiếp về “*nguyện đồng Phật*”, chẳng thể giảng quá nhiều, chỉ đơn giản giảng Tứ Hoàng Thệ Nguyện.

Phải hiểu chính xác Tứ Hoàng Thệ Nguyện, phải phát nguyện, phải thực hiện, phải làm được những nguyện đó. Bởi lẽ, đoạn được Kiến Tư phiền não bèn vượt khỏi lục đạo, thoát ly biển khổ Sa Bà. Niệm Phật là một pháp môn nhanh chóng, ôn hòa, thích đáng, dễ dàng, đơn giản, lại thành tựu thù thắng khôn sánh. Bởi vậy, trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lần khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, một rồi hai, hai rồi ba, ba rồi bốn lần khuyên, buốt lòng rát miệng như thế, tất cả chúng ta phải nhớ kỹ. Bởi vậy, chẳng thể không đoạn phiền não, chẳng thể không học pháp môn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, nay chúng ta chỉ học một môn, học đến mức áp dụng được, chuyên tu Tịnh nghiệp. Pháp sư Ấn Quang thường dùng bốn chữ “*chuyên tu Tịnh nghiệp*” để khích lệ, khuyến tấn học nhân.

Đối với các kinh luận khác, tôi đã có nói rồi, quý vị tu Tịnh nghiệp thì phải nắm cho chắc, có nghĩa là nắm chắc vắng sanh. Nếu quý vị còn có nhiều thời gian thì nghiên cứu các kinh giáo khác chẳng trở ngại gì, có thể học được. Nếu chưa nắm chắc Tịnh nghiệp, quý vị hãy nghĩ xem có nên buông xuống, chuyên tu hay không? Rất nhiều kinh luận mình chưa học đến thì làm thế nào đây? Về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ học sau, còn trong thế gian này, ta không quan tâm đến chúng; vì sao vậy? Ta là hạng căn tánh trung hạ, ta không có năng lực

ấy!

Nếu quý vị thực sự đủ sức, đủ điều kiện như vậy thì được! Quý vị học những điều đó để làm gì? Để giúp đỡ người khác. Trong thế gian này có những người không thuộc căn cơ Tịnh Độ, họ chẳng thể tiếp nhận kinh giáo Tịnh Độ. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, trong một đời Ngài, đức Phật giảng rất nhiều kinh luận, rất phong phú! Bất luận ai tìm đến, đức Phật đều có khả năng dạy hết, đúng như vậy. Chúng ta không có năng lực như Phật, tốt nhất là ngoan ngoãn nghe lời, thâm nhập một môn. Thực sự thông được một môn; thế nào là thông? Ngộ nhập môn ấy, khai ngộ, đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong Tông môn gọi là “minh tâm kiến tánh”, Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”, pháp môn Niệm Phật gọi là “nhất tâm bất loạn”. Danh từ khác nhau, nhưng cảnh giới hoàn toàn tương đồng, đều là minh tâm kiến tánh, đều cùng một cảnh giới. Đến lúc ấy, cái gì cũng thông. Bởi thế, nói: “*Một kinh thông, hết thấy kinh thông*”. Quý vị thông suốt toàn bộ, chẳng có gì quý vị chẳng thể giảng được!

Đến lúc đó, tôi có cần phải giảng hết thấy các kinh nữa hay không? Rất có thể. Hết thấy các kinh là để tiếp dẫn các căn cơ bất đồng, nhưng tự mình thì chuyên tu Tịnh Độ. Quý vị chẳng tin tưởng ư? Quý vị hãy nhìn vào Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát! Văn Thù, Phổ Hiền giáo hóa hết thấy chúng sanh, pháp môn gì cũng nói, nhưng như quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm đó, chính họ phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tự mình nêu gương cho chúng ta thấy, hòng bảo với đại chúng: “Bất luận các người tu học pháp môn nào, rốt cuộc quay về Tịnh Độ là bậc nhất; bất luận tu học pháp môn nào, phải đem công đức tu học của mình hồi hướng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều vãng sanh”.

Chúng ta thấy trong khoa phán của Vô Lượng Thọ Kinh, pháp sư Từ Châu phán định đoạn cuối của phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) là “*nhất tâm tam bối*”, nghĩa là đoạn kinh ấy nói về những người tu các pháp môn Đại Thừa khác, chẳng phải là chuyên tu Tịnh tông. Bất luận tu theo tông phái Đại Thừa Phật pháp nào, Hiền giáo, Mật giáo, đến cuối cùng đem công đức đã tu học hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, thì đều được vãng sanh cả. Pháp môn rộng lớn thay! Trọn chẳng nhắc tới A Di Đà Phật, chẳng tu pháp môn Tịnh Độ, quý vị chẳng thể vãng sanh ư? Không phải vậy! Bất luận quý vị tu học pháp môn nào, chỉ cần quý vị tu có thành tựu; thành tựu điều gì? Đoạn được phiên nào, mở mang trí huệ, có đại nguyện độ chúng sanh, [Phật] đều nhất loạt hoan

nghe. Pháp môn rộng lớn thay! Nói rõ hơn, bản kinh ấy giảng về bốn mươi tám đại nguyện của A Di Đà Phật.

Chúng tôi thành lập Tịnh Tông Học Hội, đặc biệt lấy chương thứ sáu “*phát đại thế nguyện*” của kinh Vô Lượng Thọ làm kinh văn đề đọc tụng trong khóa sáng, nhằm dụng ý gì? Nguyện như Phật! Dụng ý là đây! Kinh văn đề tụng vào khóa chiều chọn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ nhằm dụng ý gì? Hành như Phật. Từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy là Như Lai hạnh, nội dung những phẩm ấy quý vị đều đã biết cả rồi: Ngũ Giới, Thập Thiện, chẳng giảng quá cao, quá huyền, quá diệu, rất chất phác, thành thật. Đây là ưu điểm của kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt là bản hội tập, càng đọc, càng thích thú.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bậc tái lai, chẳng phải người tầm thường! Không phải là tôi nói như vậy, một người có công năng đặc dị ở Miami (Miami), Mỹ quốc, nói như thế đó. Trong Phật pháp, ta thường nói là có thần thông, người Hoa gọi là “*công năng đặc dị*”. Vị ấy không phải là người Hoa, mà là người Mỹ, chưa hề gặp mặt cụ Hạ, trông thấy ảnh cụ Hạ, liền bảo với mọi người: “Vị này thân thể trong suốt”. Chúng ta chỉ cần nghe nói “thân thể trong suốt” thì hiểu có nghĩa là gì? Phiền não đoạn sạch rồi. Phiền não thuộc về vô minh, chẳng trong suốt. Thân thể trong suốt, tức phiền não đoạn sạch. Phiền não đoạn sạch, há phải người tầm thường ư? A La Hán đoạn sạch Kiến Tư phiền não, nhưng chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Nói cách khác, thân A La Hán trong suốt một phần, chẳng trong suốt hoàn toàn. Mức độ trong suốt của Bồ Tát phải cao hơn A La Hán, đạt đến quả địa Như Lai sẽ hoàn toàn trong suốt, chúng ta thường nói là giống như thủy tinh, như lưu ly.

Hội tập chẳng phải là việc dễ dàng gì, cụ hội tập khéo như thế. Cư sĩ Vương Long Thư đời Tống là người thứ nhất soạn hội tập, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm là người thứ hai, các bản hội tập ấy vẫn còn! Quý vị mở ba bản hội tập ra so sánh, quý vị mới thấy bản hội tập của cụ Hạ rất tuyệt, đúng là khiến cho người đời phải khen là quán chí⁴³. Lão cư sĩ Mai Quang Hy tán thán khẳng định: “*Trong kinh, Phật từng thọ ký, đến lúc*

⁴³ Quán chí (觀止): Hiểu theo mặt văn tự, “quán chí” là đáng khen ngợi hết lời, tuyệt diệu tốt bậc. “Quán chí” thường được dùng như một mỹ từ để khen ngợi những tác phẩm văn chương hay. Thuật ngữ “quán chí” xuất phát từ một câu nói của Quý Trát trong Tả Truyện: Công tử Quý Trát của nước Ngô đi sứ sang nước Lỗ, nghe nhạc Thiệu xong, nức nở ca ngợi: “*Quán chí tai! Nhạc hữu tha nhạc, ngô bất cảm thính dĩ*”. Câu này được chú giải là: “Nhạc Thiệu đã đạt đến mức cao tốt nhất trong các

Phật pháp diệt, tất cả hết thầy kinh giáo thầy đều diệt mất, kinh Vô Lượng Thọ còn lưu lại trong thế gian này hơn một trăm năm nữa. Bản diệt sau cùng chắc chắn là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư”.

Chúng tôi tin tưởng điều này! Nếu quý vị hỏi vì sao tôi tin tưởng? Tôi có số liệu thống kê để làm căn cứ. Trong mười mấy năm qua, bất luận quốc nội hay quốc ngoại, chưa có ai chẳng yêu thích bản kinh này, cho thấy bản này rất khế cơ! Khế lý, khế cơ, bản này đương nhiên trường tồn trong thế gian, đó là đạo lý! Bởi thế, chúng tôi hữu duyên được giảng kỹ càng bản này một lần nữa để lưu lại cho hậu học tham khảo. Vì vậy, chúng tôi dùng bốn mươi tám nguyện làm khóa sáng, dùng một đoạn kinh lớn đức Phật giảng rất tường tận về Ngũ Giới, Thập Thiện làm khóa tối. Khóa sáng là cảnh tỉnh chính mình: Ngày hôm nay tâm nguyện chúng ta phải giống như Phật. Khóa tối là để phản tỉnh, phải sám hối, những gì Phật dạy ta làm, ta có làm được không? Những gì Phật dạy chúng ta đừng làm, chúng ta có vi phạm hay không? Phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới.

Trước khi Hành, nhất định phải Giải, chữ Giải (解) ở đây hiểu theo nghĩa rộng, tức là liễu giải chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, liễu giải hết thầy người, sự, vật, giống như trí huệ của Phật, hiểu rõ mọi thứ, thấu hiểu mọi thứ, đối với mọi thứ chẳng mê hoặc; xử sự, đãi người, tiếp vật chẳng sai lầm. Có như vậy thì mới có thể thực sự diễn nói cho người khác. Chúng ta thường nghe cổ đức nói: “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật; niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Một niệm ấy tương ứng với gì? Tương ứng tâm, nguyện, giải, hạnh của Phật. Nếu quý vị chẳng biết rõ, chẳng hiểu rõ tâm, nguyện, giải, hạnh của Phật thì làm sao tương ứng được? Muốn hiểu rõ, muốn thấu hiểu thì phải nương vào lời dạy. Bởi thế, khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài theo đuổi việc dạy học suốt bốn mươi chín năm. Dạy điều gì? Vẫn dạy chẳng ngoài những điều “*tâm như Phật tâm, nguyện như Phật nguyện, giải như Phật giải, hành như Phật hành*”, dạy những điều như thế.

Chớ lấy tri kiến của mình làm tiêu chuẩn, chớ lấy cách nghĩ, cách làm, cách nhìn của mình làm tiêu chuẩn. Vì sao? Chúng ta là phàm phu, thành kiến sai lầm; tư tưởng, kiến giải chẳng chính xác. Những điều Phật dạy trong kinh thật ra cũng là phương tiện nói, vẫn chưa phải là nói chân thật. Phật nói: Đợi đến khi nào quý vị chứng đắc quả A La Hán rồi, tức

thứ âm nhạc, đã được thưởng thức xong ta không còn muốn nghe loại nhạc nào khác nữa!”

là khi đoạn được Kiến Tư phiền não rồi, quý vị mới có thể tin vào ý nghĩ, cách nghĩ, cách nhìn của chính mình, đức Phật nói phương tiện như thế. Bây giờ đừng nói chi quả A La Hán, ngay Sơ Quả Tu Đà Hoàn ta cũng chẳng có phần, vì sao? Tu Đà Hoàn đã đoạn hết Kiến phiền não, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến, thực sự đoạn sạch. Kiến giải như Phật, nhưng suy tưởng vẫn chưa giống hết như Phật. Kiến giải như Phật, chứng Tiểu Thừa Sơ Quả, trong kinh Hoa Nghiêm của Đại Thừa gọi [địa vị ấy] là Sơ Tín Vị Bồ Tát. Ngay địa vị ấy chúng ta còn chưa đạt được, làm sao có thể tin vào chính mình được?

Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán là bốn quả Tiểu Thừa, quý vị thấy đối với ba quả đầu, đức Phật chẳng nói: “Các người có thể tin vào suy nghĩ của chính mình!” Nói cách khác, đều chưa thể tin vào suy nghĩ của chính mình. Tôi thường hay nói: “Phải buông xuống thành kiến, vứt bỏ cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của chính mình, tùy thuận sự giáo huấn của đức Phật”. Trong cách nghĩ, cách nhìn đối với vũ trụ, đối với hết thảy con người, sự vật, chúng ta phải coi đức Phật nghĩ như thế nào thì học theo như thế đó. Phật thấy như thế nào, ta phải học theo thế ấy. Như vậy là đúng! Dù đã chứng quả A La Hán, Tiểu Thừa thoát khỏi lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới; dẫu mình là chánh giác, nhưng còn kém Bồ Tát rất xa, Bồ Tát là chánh đẳng chánh giác. Bởi vậy, tốt nhất vẫn là tiếp tục không ngừng tùy thuận lời Phật răn dạy, sẽ chẳng sai, chúng ta sẽ sớm có một ngày thành Vô Thượng Đạo.

Lời giáo huấn chân thật của chư Phật Như Lai là khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ; như Thiên Đạo đại sư đã nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ nhằm nói ra bốn nguyện của Phật Di Đà). Chúng ta phải nhớ kỹ, đây mới là giáo huấn chân thật bậc nhất. Tùy thuận lời giáo huấn của đức Phật là tương ứng, đây mới là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”.

“*Cổ kinh vân: Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Bởi thế, kinh dạy: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”). Mười hai chữ ấy nằm trong kinh văn của chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm. Nhớ Phật, niệm Phật là nhớ gì, niệm gì? Phải biết điều này! Nhớ tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật, niệm tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Đó gọi là “thực sự niệm Phật”, chẳng phải là nghĩ đến tướng hảo hay danh hiệu Phật. Tướng hảo và danh hiệu là phương tiện. Chẳng

thê buông bỏ phương tiện, do phương tiện mà nhập chân thật, chân thật là tâm - nguyện - giải - hạnh.

Chúng ta nghĩ đến tướng hảo của Phật, trông thấy tượng Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trông thấy tượng Phật bèn nghĩ đến tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật phải nghĩ đến thực chất của danh hiệu Phật. Thực chất của danh hiệu Phật là gì? Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải, Phật hạnh! Ta tự mình niệm một câu Phật hiệu, hoặc nghe người khác niệm một câu Phật hiệu, lập tức nhắc nhở, đánh thức chính mình, phải giữ tâm mình sao cho tâm giống hệt như Phật, nguyện giống hệt như Phật, giải giống hệt như Phật (giải là trí huệ), hạnh giống hệt như Phật (hạnh là đức hạnh). Một câu Phật hiệu chứa đựng thật viên mãn tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật, không thiếu sót chút nào.

Nếu chúng ta lại hỏi: “Có tài liệu tham khảo nào để chúng ta học tập tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật hay không?” Có chứ! Đơn giản nhất là kinh A Di Đà. Đó là tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Tỉ mỉ hơn chút nữa là kinh Vô Lượng Thọ, tỉ mỉ hơn chút nữa là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. Cổ đức nói Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh là đại bản của kinh A Di Đà; nay chúng ta niệm kinh A Di Đà chính là niệm tiểu bản kinh Hoa Nghiêm. Vô Lượng Thọ kinh là trung bản. Ba kinh này giảng những điều rộng lược khác nhau. Kinh A Di Đà nói lược, nói rất đơn giản, rất thiết yếu, nói lược. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh nói rộng, nói rất chi tiết. Toàn kinh giảng điều gì? Giảng Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải, Phật hạnh. Quý vị nghĩ xem có phải như vậy hay không? Hiểu được đạo lý này, quý vị sẽ hiểu vì sao chúng tôi coi trọng nghiên cứu kinh giáo và nghiên cứu giáo lý đến thế! Chẳng có gì khác cả, chúng ta học Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải, Phật hạnh. Đó là niệm Phật, đó là nhớ Phật.

Sau câu “*ức Phật, niệm Phật*” là Quả: “*Hiện tiền, tương lai, tất định kiến Phật*”. Hiện tiền là hiện tại, tương lai là sau khi vãng sanh; hiện tiền là lúc ta chưa vãng sanh. “*Tất định*”: Chúng ta thấy ngữ khí câu này rất khẳng định, người ấy lúc lâm chung thấy Phật đến tiếp dẫn, nói với người bên cạnh: “Tôi thấy A Di Đà Phật rồi!” Đó là hiện tiền thấy Phật. Kẻ ấy được thấy, chúng ta cùng ở trong phòng bệnh, chẳng ai thấy cả mà kẻ ấy thấy được. Chuyện này chẳng phải giả, là thật đấy!

Vào lúc ấy, người bình thường sẽ trông thấy người nhà thân quyến, bảo mọi người chung quanh: “Tôi thấy ông X. đến, ông đứng ngoài cửa”. Những người được nhắc đến ấy đều là người nhà, thân

quyển của kẻ ấy, đều đã chết rồi, lúc ấy kẻ sắp chết trông thấy. Đó có phải là người nhà, thân quyến của kẻ ấy hay chăng? Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên giảng rõ sự tình này: Chẳng phải là người nhà, quyến thuộc của kẻ ấy, mà là ai vậy? Là oán thân trái chủ. Oán thân trái chủ biến hiện ra hình dạng người nhà, quyến thuộc đến để làm gì? Đến kéo kẻ ấy đi, kéo kẻ ấy đi tính số, trong kinh Địa Tạng, đức Phật dạy như vậy.

Người niệm Phật phải đặc biệt cẩn thận, người lâm chung nói những câu ấy, phải đặc biệt cảnh tỉnh kẻ ấy: “Đừng quan tâm đến! Bất luận thấy ai cũng đừng quan tâm đến, cứ nhất tâm niệm Phật. Ông (bà) thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn thì ông (bà) có thể theo Ngài; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, Phật, Bồ Tát nào khác đến cũng chẳng được theo. Trong số đó chỉ có Quán Âm, Thế Chí, A Di Đà Phật, đó là Tây Phương Tam Thánh; còn tất cả Phật, Bồ Tát khác, ông (bà) trông thấy đều chẳng được theo. Vì sao? Ma có thể giả mạo đấy!”

Ma giả mạo Phật, Bồ Tát, giả mạo người nhà, quyến thuộc đều chẳng phạm pháp, nhưng nó chẳng thể giả mạo Bản Tôn. Chúng ta tu Tịnh Độ, Tây Phương Tam Thánh là Bản Tôn của chúng ta. Yêu ma quỷ quái chẳng thể giả mạo Bản Tôn, giả mạo Bản Tôn, thân Hộ Pháp bèn trừng phạt nó, nó chẳng dám làm vậy. Nó giả mạo Phật, Bồ Tát khác, hộ pháp thân chẳng can thiệp, nhất định chẳng được giả mạo Bản Tôn. Bởi thế, mọi người đừng sợ hãi: Lúc lâm chung gặp A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, cứ an tâm đi theo, đó là thật, chẳng giả đâu! “Hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”.

6.3.1.2. Y Báo diệu nghiêm

6.3.1.2.1. Tổng thuyết y báo diệu nghiêm

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, giảng về sự màu nhiệm của Y Báo. Đoạn kinh văn này tiếp theo đoạn Tự Phần ở trên, trước hết là:

Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc?

舍利弗。彼土何故名為極樂。

(Này Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc?)

Còn đây là câu giải đáp:

Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên tên là Cực Lạc).

Vì sao thế giới ấy có tên là thế giới Cực Lạc? Câu này giải thích: Chúng sanh sống trong thế giới ấy gồm có trời, người, Thanh Văn, Bồ Tát, không có ba ác đạo, Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ba ác đạo. Cư dân nơi đó không khổ, không khổ là lạc; vì vậy thế giới ấy tên là Cực Lạc.

Dưới đoạn này, chúng tôi thuyết minh đơn giản “*tổng thuyết, vô chúng khổ, thọ chư lạc*” (nói chung, không có các khổ, hưởng các sự vui). Các khổ rất ư là nhiều, trong kinh Đại Thừa, đức Phật nói có vô lượng khổ; lại nói đến tám vạn bốn ngàn nỗi khổ. Tám vạn bốn ngàn chẳng phải là nói tùy tiện, quý vị hãy tra trong Phật Học Từ Điển, hoặc tra Giáo Thừa Pháp Số, [những sách ấy] sẽ thực sự liệt kê từng điều cho quý vị thấy tám vạn bốn ngàn sự khổ! Trong nền giáo học nhà Phật, tất cả hết thảy sự khổ quy nạp thành ba loại lớn, thường được nói đến rất nhiều trong khi dạy dỗ. Đại Thừa Phật pháp cũng thường gọi ba loại lớn ấy là Tam Khổ, tức là ba loại khổ lớn: Thứ nhất là Khổ Khổ, thứ hai là Hoại Khổ, thứ ba là Hành Khổ. Trong các từ ngữ này, chữ thứ nhất là động từ, chữ thứ hai là danh từ. Như Khổ Khổ, chữ đầu là động từ, chữ sau là danh từ.

Gì gọi là Khổ? Nói chung là “*phiền não bức bách thân tâm*” (nay ta gọi là “áp lực”), thân chịu áp lực, tinh thần chịu áp lực. Thân thể có áp lực, chẳng tự tại, rất đau khổ, nỗi khổ ấy nói mãi chẳng tận. Phật lại chia [Khổ Khổ] thành tám loại lớn. Vì thế, Khổ Khổ cũng gọi là Bát Khổ, tức là tám thứ Khổ Khổ. Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ gọi là Tam Khổ; đó là ba loại lớn. So Bát Khổ với Tam Khổ thì Tam là ba loại lớn, còn Bát [là những sự khổ nói chi tiết hơn], thuộc về một loại trong ba loại [khổ lớn]. Bát Khổ thuộc về Khổ Khổ, tám cái khổ nào vậy? “Sanh khổ, tử khổ, bệnh khổ, lão khổ” là bốn loại lớn; “Cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội ngộ khổ, ngũ ấm xí thành khổ” (khổ vì cầu chẳng được, khổ vì yêu thương biệt ly, khổ vì chán ghét mà cứ phải gặp gỡ, khổ vì năm ấm lũng lầy) là bốn loại lớn nữa, gộp thành tám loại, gọi là Bát Khổ. Khổ được định nghĩa như sau: “*Phiền não bức bách thân tâm*”.

Chúng ta thấy hết thấy chúng sanh đều chẳng thể tránh khỏi tám loại khổ lớn ấy như đức Thế Tôn đã nói. Đã ở trong lục đạo thì phải chịu đựng hết. Đúng là người người bình đẳng. Đừng nói là đế vương, ngay cả thiên vương – thiên ở đây là Dục Giới. Sắc Giới thiên không có Khổ Khổ, nhưng có Hoại Khổ, có Hành Khổ – trong Dục Giới thiên, Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ thấy đều đầy đủ. Đúng là khổ chẳng thể nói nổi!

Cái ả Sanh Khổ chúng ta đã trải qua, khổ đến mức nào nay đã quên hết rồi. Trong kinh đức Phật đã giảng, chúng ta phải chú tâm tư duy quán sát mới hiểu được đôi chút. Chúng tôi lấy con người làm thí dụ, tất cả hết thấy hữu tình chúng sanh chẳng ra ngoài lệ ấy. Quý vị sanh vào thế gian này là vì có duyên với cha mẹ; không có duyên chẳng thể biến thành người cùng một nhà. Đức Phật nói những duyên nào? Duyên rất phức tạp! Đức Phật giảng kinh quả thật có phương tiện thiện xảo, Ngài đem những thứ duyên phức tạp đó quy nạp thành bốn loại lớn, rất dễ nói. Thứ nhất là báo ân, thứ hai là báo oán, thứ ba là đòi nợ, thứ tư là trả nợ. Người cùng một nhà chẳng ra ngoài bốn mối quan hệ này. Nếu chẳng có bốn mối quan hệ ấy, chẳng thể trở thành người một nhà!

Trong một đời quý vị, quý vị quen biết bất cứ ai, bất luận nhân vật nào cũng đều là bốn mối duyên ấy. Bốn mối duyên ấy sâu, cạn, dày, mỏng khác nhau. Duyên sâu, duyên dày sẽ biến thành người một nhà. Người duyên cạn, duyên mỏng hơn một chút biến thành thân thích, bằng hữu. Cạn hơn nữa, mỏng hơn nữa, sẽ biến thành những người quen thân. Thậm chí, ngay cả những người ta gặp trên đường, cười với họ, gật đầu chào nhau là duyên rất cạn. Phải có duyên! Không có duyên, họ chẳng chào quý vị. Thậm chí, người ta bất ngờ gặp ngoài đường, vốn chẳng quen biết, người ta thấy mình ngửa mắt, trừng mắt một cái cũng là duyên, nhưng duyên ấy rất cạn, cũng có thể là những người ấy cả đời ta chỉ gặp một lần. Cổ nhân thường nói: “*Hữu duyên thiên lý lai tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng*” (Hữu duyên ngàn dặm gặp nhau, vô duyên đối diện nhìn nhau chẳng màng).

Vì thế, Phật, Bồ Tát, thiện tri thức thường chỉ dạy chúng ta phải kết thiện duyên cùng người khác, phải kết pháp duyên, điều này rất có lý. Đã hiểu bốn mối quan hệ giữa người với người, nếu ai trong quá khứ chịu ơn mình, họ sẽ đối xử hết sức tốt với ta. Lúc ta gặp gian nan, khốn khổ gì, kẻ ấy chẳng tiếc nuôi mây may, toàn tâm toàn lực giúp mình, báo ân mà! Còn báo oán thì kẻ ấy thấy mình hoàn toàn gai mắt, thường hay lăng nhục, hủy báng, dối trá, thậm chí làm thương tổn mình, báo oán

đây! Kẻ đến lừa đảo tài vật, trộm cắp của cải của mình đều là đòi nợ. Ai đến giúp quý vị kiếm tiền, giúp cuộc sống quý vị được giàu có, dư dật, là trả nợ vậy!

Chú tâm quan sát, tùy thuận lời đức Phật răn dạy, ai báo ân thì hy vọng đôi bên chúng ta ân đức càng sâu, chẳng những càng sâu thêm mà còn phải giác ngộ, chúng ta đền đáp bằng cách nào? Phải giúp cho kẻ ấy giác ngộ. Với kẻ báo oán, muốn hóa giải oán thì phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo. Phương pháp không nhất định, cốt sao vận dụng hết sức thích đáng, oán ấy sẽ hóa giải; nhưng nguyên tắc, cương lĩnh quan trọng nhất để hóa giải oán kết là nhẫn nhục, nhường nhịn.

Cổ nhân thường dạy chúng ta nghịch cảnh xảy đến phải thuận chịu, ta vĩnh viễn gìn giữ tấm lòng nhân từ, lòng khoan dung, tha thứ, lòng báo ân. Người ta đến lừa dối hay đến báo oán là có ân gì với mình? Hóa giải oán kết là ân. Huống hồ chẳng cần biết những kẻ ấy có lý hay vô lý, họ đến lừa dối, hủy báng, khinh nhục mình, không phải là quý vị chẳng có khả năng báo thù, quý vị có năng lực ấy, nhưng không báo thù, đó chính là đức hạnh, chính là giác ngộ. Trong tâm không oán hận, hiểu rõ ràng, minh bạch, số nợ của mình với họ đến đây thanh toán xong. Vui mừng, cũng như tôi ghi số nợ trong quá khứ: Tôi lừa dối anh, trong đời này, anh cũng lừa dối tôi, có đi, có lại là huê, rất vui mừng, xóa nợ rồi!

Ân ở chỗ nào? Thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật cho mình, Nhẫn Nhục Ba La Mật được hiển thị vào lúc nào? Trong những lúc ấy, quý vị thấy có Nhẫn Nhục Ba La Mật hay chẳng? Có Bát Nhã Ba La Mật hay chẳng? Có Thiền Định Ba La Mật hay chẳng? Có Trí Giới Ba La Mật hay chẳng? Có Bồ Thí Ba La Mật hay chẳng? Nhẫn một điều là tu trọn sáu Ba La Mật. Người ta giúp mình, thành tựu “lục độ đều tu” cho mình, quả là việc tốt, chứ không phải việc xấu! Bởi vậy, quý vị phải hiểu đạo lý ấy, tự mình thực sự thọ dụng, sao chẳng cảm ơn?

Nếu quý vị chẳng tiếp nhận sự răn dạy của thánh hiền, do thói quen, nhất định chúng ta sẽ làm sao? Ôm lòng sân hận, nay ta chẳng có năng lực thì trong tương lai sẽ báo thù, nếu ta có năng lực sẽ phản kháng ngay trong hiện tại. Nhất định là như vậy! Thế thì oan oan tương báo đến bao giờ xong? Chẳng phải chỉ một đời này đâu! Một đời này làm lỗi nhỏ nhất, đời sau càng nghiêm trọng hơn, cứ mỗi một đời lại càng nghiêm trọng hơn; hai bên cùng đau khổ, làm lạc quá! Bởi thế, phải có trí huệ cao độ, phải thực sự nhẫn nhục, hóa giải oán kết, đôi bên cùng có lợi. Chỉ có bậc thánh hiền mới dạy chúng ta như thế, còn những kẻ tầm thường chẳng thế. Vậy thì bốn mối duyên ấy chúng ta phải hiểu biết rõ

ràng. “Sanh” chính là đến thọ sanh. Sanh vẫn chưa giảng xong, bây giờ đã hết giờ rồi.

A! Ngày mai chúng tôi giảng tiếp.

Tập 12

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*Y báo diệu*” (y báo màu nhiệm), chúng ta đọc kinh văn tới câu này:

Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc. Cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(*Chúng sanh cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui, nên cõi ấy có tên là Cực Lạc.*)

Tiết trước, chúng tôi đã giảng “*vô chúng khổ*”, đã nói đến Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ. Trong Khổ Khổ, giảng tám thứ khổ: sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, thương yêu chia lìa, chán ghét phải gặp gỡ, năm Ám lầy lừng. Tám thứ phiền não ấy bức bách thân tâm, nói theo kiểu bây giờ là “thân thể chịu áp lực rất lớn, tâm tình chịu áp lực rất lớn”. Ở phần trên, chúng tôi đã giảng đến Sanh, tức Sanh Khổ. Thật ra, chúng tôi nói Sanh Khổ vẫn chưa xong. Trước hết, nói đến việc thọ sanh hay đầu thai, đầu thai (sanh vào thai mẹ) thì có bốn duyên: Báo Ân, Báo Oán, Trả Nợ, Đòi Nợ.

Con người, thật ra là hết thủy động vật, xả thân thọ sanh trong lục đạo, nói chung chẳng ngoài bốn duyên. Chúng ta liễu giải chân tướng của sự thật ấy, nhất định phải nhớ cho thật kỹ: Nhất định đừng để thiếu nợ, nhất định chẳng nên kết oán. Hai việc ấy trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Trong một đời này, chúng ta gặp được thánh nhân giáo huấn nên hiểu biết. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng gặp được thánh nhân giáo huấn sẽ chẳng hiểu, chẳng biết, chẳng thể liễu giải đạo lý ấy, chẳng liễu giải chân tướng sự thật; thử hỏi có kết oán cừu với chúng sanh hay chẳng? Chắc chắn là có! Có thiếu nợ hay chẳng? Chắc chắn là có! Thiếu nợ người những gì? Chiếm tiện nghi của người ta, đó là thiếu nợ. Thiếu nợ thì phải trả nợ, kết oán phải bị báo đền, oan oan tương báo mãi chẳng thôi. Sự tình ấy đáng sợ, đáng hoảng hốt hơn bất cứ chuyện gì khác.

Con người chẳng biết chịu lép! Chịu lép là có phước, nói như vậy

chẳng sai chút nào! Vì sao chịu lép là phước? Chịu lép thì nghiệp chướng từ trước bèn tiêu, tu như thế nào? Tu hành: Hành (行) là hành vi, hành vi sai lầm; Tu (修) là sửa cho đúng, sửa đổi cho đúng những hành vi sai lầm thì gọi là “tu hành”. Từ trước đến nay, chúng ta chẳng chịu thiệt; ý niệm ấy, hành vi ấy là sai lầm. Nói chung, khi chúng ta bị thiệt thòi, bị lừa gạt, bèn oán hận, bèn mong báo thù. Hễ tâm niệm ấy khởi lên thì chúng tử bèn gieo vào A Lại Da Thức, tương lai gặp duyên, chúng tử ấy sẽ khởi hiện hành rất phiền phức, rất đáng sợ!

Phải làm sao chân chánh giác ngộ, thực sự hiểu thấu suốt giống như Phật! Trong một đời này, nhất định chẳng kết oán cừu với người khác. Mình bị thiệt thòi chuyện chi, bị người khác lừa gạt điều gì, bị người khác hãm hại như thế nào, trong tâm cảm thấy như không chuyện gì xảy ra, nhất định chẳng để tâm, đó gọi là “tu hành”. Chẳng có tâm oán hận, chẳng có tâm báo thù. Sửa đổi như thế; đời sau lúc gặp lại sẽ thành bạn bè tốt. Giải được oán kết rồi, hóa giải rồi thì đó chính là phước. Người bị thiệt thòi trong tương lai nhất định có phước báo. Chẳng chịu thiệt thòi, ôm hận trong lòng, niệm niệm chẳng quên, sau này gặp lại nhau, báo thù, oan oan tương báo. Báo thù như vậy chẳng phải là đôi bên đều đau khổ ư? Đó là họa, đâu phải phước! Đời đời kiếp kiếp, oan oan tương báo không xong, quý vị nói xem: Chẳng phải là rất khổ ư?

Oan gia đối đầu phải là hai bên, nếu một bên đã giác ngộ sẽ bèn hóa giải. Chúng ta chẳng cần đợi người khác giác ngộ, tự mình hãy giác ngộ; hễ tự mình giác ngộ sẽ hóa giải. Cam lòng chịu thiệt, cam lòng bị lừa gạt, nhất tâm nhất ý tích cực nỗ lực tu học, học tập, nỗ lực niệm Phật, quyết định trong một đời này sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, trí huệ mở mang, đức năng, thần thông hiện tiền, thả chiếc bè Từ, lại trở vào chín pháp giới giúp đỡ chúng sanh hữu duyên trong quá khứ. Duyên gì vậy? Chính là những kẻ ân, oán, đền nợ, đòi nợ, họ có những duyên ấy cùng ta, chúng ta giúp đỡ họ, độ họ.

Hãy nhớ kỹ “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, chỉ cần có duyên là quý vị đều có thể dùng trí huệ, phương tiện thiện xảo giúp đỡ họ phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh. Phải hiểu đạo lý này, phải liễu giải chân tướng sự thật. Thành tựu người khác chính là thành tựu đức hạnh, trí huệ, thần thông, phước báo của chính mình. Chướng ngại, ngăn trở người khác, dù hữu ý hay vô ý gây thương tổn người khác, ngạn ngữ gọi là “*tổn người, lợi mình*”. Nhất định chớ nên tổn người lợi mình! Nếu

quý vị vị kỷ⁴⁴, một đời này thọ mạng rất ngắn, có thể hưởng nhiều lợi ích, thọ hưởng lâu dài ư? Nhưng tội báo trong tam đồ, trong địa ngục, chẳng biết phải chịu khổ như thế gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, có gì cứ phải làm những chuyện như thế?

Trước kia, thầy Lý có kể cho chúng tôi một câu chuyện, thuộc loại chuyện ngụ ngôn, thầy kể đâu chừng mấy lần. Bởi vậy, chúng tôi có ấn tượng rất sâu. Thầy kể chuyện một gã thầy lang bắt tài giết người. Chẳng phải là cố ý, nhưng y thuật không cao minh nên chẩn đoán sai lầm, dùng trật thuốc! Phàm ai để cho thầy lang chữa bệnh, bệnh nhẹ không sao, còn bệnh nặng mời gã đến, trị một cái là chết, làm chết chẳng ít người! Đến lúc chính gã chết, tiểu quỷ bắt đi, giải đến chỗ vua Diêm La. Gã ta đến trước điện Diêm La, thấy trong điện Diêm La có không ít người, đều là những người bị gã làm chết. Vua Diêm La phán đày gã thầy lang xuống tầng địa ngục thứ mười tám, gã tâu cùng vua Diêm La:

- Oan uổng! Tôi đâu cố ý hại người! Vì tôi y thuật không cao minh, dùng sai thuốc, tôi chẳng cố ý giết hại họ!

- Chẳng phải cố ý, nhưng mạng người nhiều như thế, mi phải gánh chịu. Trước hết đọa địa ngục, từ địa ngục trở ra lại phải đền mạng. Hữu ý thì hữu ý đền mạng, vô ý thì vô ý đền mạng, vô ý là ngộ sát. Chẳng tránh khỏi nhân quả, cố nhân nói đúng đấy, chẳng giả đâu; nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai, tổng hấn xuống địa ngục tầng thứ mười tám!

Xuống đến địa ngục vẫn kêu oan, chẳng cam lòng, chạy loạn lên trong địa ngục. Gây náo loạn như thế, chợt nghe phía dưới có người nói: “Lão huynh! Ông đừng chạy lung tung như thế. Ông vừa cất bước, tro bụi đều rớt đầy xuống người tôi!” Ông ta nghĩ: “Mình đã ở tầng địa ngục thứ mười tám, sao còn có tầng địa ngục thứ mười chín?” Bèn hỏi: “Lão huynh làm gì vậy?”

- Tôi dạy học! Thầy thuốc dở làm chết người đọa tầng địa ngục thứ mười tám. Thầy dạy dở đọa tầng địa ngục thứ mười chín, tức là anh dạy học, dạy lầm con em người ta còn nặng tội hơn thầy thuốc dở làm chết người.

Nhưng quý vị phải biết: Một vị thầy giỏi có công đức cả pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian không gì sánh bằng được. Ở Trung Quốc, quý vị thấy có ai sánh bằng Không lão phu tử hay chăng? Ngài có công đức gì? Dạy học! Ông thầy tốt chẳng dạy lầm con em người ta. Quý vị

⁴⁴ Vị kỷ (selfish), chỉ biết nghĩ đến mình, không hề biết quan tâm, nghĩ đến lợi ích của người khác.

thầy Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy tốt, tuyệt đối chẳng dạy người lầm lạc, dạy suốt bốn mươi chín năm. Bởi thế, công đức dạy học của đức Phật là bậc nhất trong mọi pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Dạy học phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả, giống như thầy thuốc vậy. Dạy học vụng về phải đọa tầng địa ngục thứ mười chín! Đó là ngụ ngôn, chưa chắc là sự thật, nhưng quý vị phải hiểu, như chúng ta mới vừa đọc trong kinh, tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già đời xưa kia là Tam Tạng pháp sư: Tuy không dạy sai lầm, nhưng vì tiếc pháp, dạy cho người ta, chỉ dạy một nửa, nửa sau không dạy. Vì sao? Sợ người trong tương lai hơn mình, đây là gì? Tâm ghen ghét, tiếc pháp! Đọa địa ngục, tội báo địa ngục mãi rồi, được ra, tuy được làm thân người, nhưng ngu si! Tiếc pháp mắc quả báo ngu si như thế, chúng ta phải hiểu việc ấy.

Ở Trung Quốc, công án “dã hồ” (chồn hoang) trong Thiền tông rất nhiều người biết. Con chồn hoang ấy trong năm trăm năm trước là một pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, nói sai một câu, tức là nói câu chuyện ngữ sai một chữ. Nói sai một chữ thôi, bị quả báo đọa làm thân chồn hoang năm trăm năm, được Bách Trượng đại sư cứu vớt. Nếu chẳng gặp ngài Bách Trượng, vẫn phải thọ tội trong đường súc sanh; nghĩa là gì? Dạy học chẳng thể không cẩn thận.

Biết thì nói biết, không biết nói không biết, chẳng được miễn cưỡng không biết nói biết, chẳng được thể diện hão. Người ta đến hỏi mình, mình không biết cảm thấy quê quá, phải dùng đại điều gì đó để đáp cho xong, làm vậy rất đáng sợ! Nếu quý vị dạy điều gì sai lầm, hãy nghĩ đến chuyện con chồn hoang trong nhà Thiền, hãy nghĩ đến Châu Lợi Bàn Đà Già, mình sẽ gặp phải quả báo. Nếu nói người ta đến hỏi mình, cái gì mình cũng không biết thì làm cách nào đây? Niệm A Di Đà Phật là xong. A Di Đà Phật là vô thượng pháp môn, quyết định chẳng hại người, quyết định chẳng dối người. Khuyến mọi người cầu sanh Tịnh Độ, thù thắng hơn bất cứ gì khác. Sao chúng ta không làm như vậy? Các đại đức, thiện tri thức xưa kia làm như vậy không ít; bất luận quý vị hỏi các Ngài điều gì, các Ngài đều niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật. Ngoại trừ một câu A Di Đà Phật ra, chẳng có câu thứ hai nào hết. Các Ngài tự mình tu hành thành công, dạy hết thầy chúng sanh cũng thành công, đạo lý ấy hết sức sâu xa.

Chúng tôi giảng pháp nhiều năm, nói thật ra, cũng nêu lên vô lượng vô biên Phật pháp, nhưng đến cuối cùng đều quy vào một câu A Di Đà Phật. Quý vị nêu lên một câu A Di Đà Phật, đây chính là vô thượng pháp bảo. Vạn pháp quy nhất, nhất là gì? Nhất chính là một câu

danh hiệu, vạn đức hồng danh. Nhất quy về đâu? Quy về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, được oai thần và bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Tu học trong hoàn cảnh ấy, một đời chứng đắc quả Phật rốt ráo viên mãn chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là như trong kinh nói: “*Vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc*” (không có các khổ, chỉ hưởng các vui) nên thế giới ấy tên là Cực Lạc, quyết định chẳng sai!

Bởi vậy, chúng ta phải hiểu rõ nhân duyên của việc đầu thai, giữa con người với nhau không tránh khỏi bốn duyên ấy. Sinh là khổ, phần trên đã giảng rồi, chúng tôi đã nói rồi, [quý vị] quên rồi! Trong kinh đức Phật giảng rất rõ ràng, quý vị đầu thai thì đầu thai là mê hoặc; nếu quý vị hiểu rất rõ ràng, rất tinh tảo, sẽ chẳng đầu thai nữa. Hữu tình đến đầu thai, đến thọ sanh trong lục đạo do nguyên nhân nào? Trong kinh Phật nói là vì dâm dục. Hết thầy chúng sanh (chỉ lục đạo chúng sanh) đều lấy dâm dục làm tánh mạng chánh, đều đến đầu thai như thế. Nếu lúc đầu thai, quý vị mang thân nữ, tức là quý vị thích thân nữ bèn mang thân nữ; nếu thích thân nam, bèn mang thân nam. Bởi vậy, chẳng đoạn tình dục, chẳng thể không đầu thai.

Do đó, chẳng đoạn tình dục, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì vậy, giới luật tại gia, đặt Sát làm đầu, chẳng sát sanh, chứ không phải tà dâm; còn trong giới luật xuất gia, chẳng dâm là điều đầu tiên. Vì sao? Xuất gia muốn liễu sanh tử, muốn thoát tam giới, chẳng đoạn dâm dục sẽ chẳng thể thoát tam giới được. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói rất tường tận: Dục là cội gốc của luân hồi lục đạo; chẳng nhổ tận rễ, làm sao ly khai lục đạo được? Bởi vậy, quý vị đầu thai, sau khi đầu thai, nằm trong bụng mẹ, đức Phật gọi mười tháng hoài thai ấy là “thai ngục”, trong bụng mẹ chịu nỗi khổ giống như trong địa ngục. Khi mẹ uống một chén nước lạnh, quý vị cảm thấy như đang ở trong địa ngục Hàn Băng. Mẹ ăn thứ gì nóng, cảm thấy như đang ở trong Đại Hỏa địa ngục, khổ chẳng thể nói nổi, “thai ngục” là như vậy! Bởi thế, mười tháng hoài thai, quên sạch sành sanh những ký ức thuộc đời trước, rất khổ! Chúng ta phải tin vào sự kiện này.

Trong quá khứ, tôi có một người bạn già, đưa con của ông ta độ chừng mười mấy tuổi, rất khờ khạo. Ông ta bảo tôi: “Đứa nhỏ này hồi bé hết sức thông minh, lên ba bốn tuổi mắc phải một trận bệnh nặng. Lành bệnh rồi, thông minh, ký ức đâu mất hết!” Một trận bệnh nặng trong thế gian còn có thể khiến ký ức bị mất, mất sạch thông minh, trí huệ. Thời gian mười tháng rất dài, ở trong thai, tất cả hết thầy ký ức đời trước đều

quên sạch hết, để ra không biết gì hết. Trong kinh Phật nói: Thai nhi nằm trong bụng mẹ cứ mỗi bảy ngày lại biến hóa, đức Phật giảng sự biến hóa cách mỗi bảy ngày rất tường tận, đó là “*khổ chẳng thể nói nổi*”. Bởi vậy, đứa nhỏ sanh ra, âm thanh thứ nhất là gì? Quý vị có chú ý chăng? Âm thanh thứ nhất là “*khô a!*” Sanh ra là khổ, khổ suốt đời, đó là Sanh Khổ!

Có một số nhỏ trẻ sanh ra còn nhớ được chuyện đời trước là do nguyên nhân gì? Trong kinh, đức Phật gọi tình trạng đó là “*đọa thai*”. Lúc mẹ nó hoài thai chẳng phải là hoài thai nó, mà là mang thần thức của người khác. Kẻ ấy đến đời nọ, nhưng không thiếu nợ nhiều lắm. Người mẹ mang thai phải thọ tội, phải chịu tội hoài thai mười tháng, thân thể chẳng được thông dong. Vừa sanh ra liền chết, tức là thần thức ly khai liền, vì sao? Hai bên chỉ có quan hệ đến đó mà thôi; nhưng kẻ khác có duyên đối với gia đình đó, khi thần thức kẻ kia vừa ly khai, thần thức kẻ này bèn dựa ngay vào thân thể đó. Nói cách khác là thay đổi thần thức, trong nhà Phật gọi chuyện ấy là “*đọa thai*”. Lúc hoài thai chẳng phải kẻ này, lúc sanh ra kẻ này mới đến. Vì thế, cái gì nó cũng hiểu rõ, chẳng quên một mảy sự tình đời trước; nhưng hiện thời biến thành một đứa trẻ nhỏ. Cũng có lúc đứa trẻ [mới sanh ra đã] nói được, mọi người chẳng chấp thuận, cho nó là quái vật. Bị quở như vậy chẳng dám nói nữa, nhưng hiểu rành rẽ, minh bạch. Đọa thai chỉ là một số ít, nhưng không phải chẳng có. Người đọa thai như vậy không có Sanh Khổ, không phải ở trong thai mười tháng, chẳng chịu nổi khổ thai ngục; nhưng đó chỉ là thiểu số, hết sức là ít!

Hễ có sanh thì nhất định có lão, cho nên con người phải giác ngộ. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Ngài có giác tánh rất cao, hết sức linh mẫn, linh hoạt mẫn tiệp. Tuy mình chưa già, nhưng trông thấy người già, trông thấy nỗi khổ của người già cả, lập tức nghĩ trong tương lai mình có bị già hay không? Già rồi có giống như người kia hay không? Cảm thấy rất hoảng sợ. Người sống trong thế gian sống nhờ vào ngũ cốc và các món lương thực, chẳng thể không sanh bệnh. Dầu tự mình chưa sanh bệnh, nhưng thấy người khác mắc bệnh khổ sở mọi bề như thế liền giác ngộ. Những tướng ấy (sanh, lão, bệnh, tử) không một cá nhân nào có thể tránh khỏi được.

Sanh - lão - bệnh - tử là tướng bày ra trước mắt ta mỗi ngày, vây bủa ta khắp bốn phía, thời thời khắc khắc cảnh cáo chúng ta, nhưng quý vị có nhận biết hay không? Trong Phật pháp nói người thiện căn sâu dày rất dễ nhận biết. Nhận biết rồi, liền nghĩ cách giải quyết vấn đề như thế

nào? Tất cả hết thầy phương pháp thế gian đều chẳng thể giải quyết được chuyện này! Thích Ca Mâu Ni Phật vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ sự hưởng thụ vinh hoa, phú quý, đi tu, đi xuất gia, để giải quyết vấn đề “tử sanh đại sự” ấy.

Chư vị đồng tu phải nghe cho kỹ! Tôi chẳng nói “sanh tử” mà nói là “tử sanh”. Sanh tử là từ sanh đến tử đã xong, tử sanh không có ý nghĩa như vậy. Chết rồi, cách mấy ngày lại sanh ở chỗ nào đó. Tử sanh vĩnh viễn tuần hoàn, vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Đây là luân hồi, chuyện này rất rắc rối. Nếu tử lẫn sanh đều chẳng có thì tốt quá, không còn có chuyện gì nữa. Tử rồi lại sanh, sanh rồi lại tử, tử rồi lại sanh, phiền phức quá! Trong kinh, đức Phật nói lục đạo chúng sanh nhọc nhằn sanh tử, đều là chân tướng sự thật. Chúng ta có bao giờ nghĩ đến sanh - lão - bệnh - tử hay chẳng? Sanh Khổ có nhân là dục ái, phải trừ dục ái, phải đoạn cái nhân sanh tử. Đó là điều đức Phật dạy.

Suy lão, ngạn ngữ cổ Trung Quốc nói rất hay: “*Ưu năng sử nhân lão*” (Lo buồn lo khiến con người già cỗi). Một con người trong đời ưu lự quá nhiều, vướng mắc quá nhiều, buông không được, rất dễ dàng suy lão. Ưu tư khiến con người già cỗi! Lại nói: “*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*”, những câu như vậy đều rất có lý. Nhiều chứng bệnh, đa phần là vì tham ăn, tham uống, ăn bậy bạ. Gần đây nhất, có nhiều báo cáo cho thấy virus gây bệnh SARS do đâu mà có? Không ít người nói do từ động vật hoang dã. Ở phía Nam Trung Quốc, người ta thích ăn thịt động vật hoang dã (“*dã vị*”). Hiện tại, người ta truy tìm căn nguyên bệnh SARS, nghi ngờ bệnh này hình như truyền từ các món dã vị. Đây đều là truy tầm trên sự tướng biểu hiện, thực sự đã chứng minh “*họa tùng khẩu nhập*”, tham ăn! Phật dạy chúng ta: Nguyên nhân chân chánh chẳng ngoài nhân quả nghiệp báo; nói như vậy mới là thực sự thấu triệt, mới giải thích minh bạch được.

Như trong kinh nói, lục đạo phàm phu trong tâm chẳng buông Kiến Tư phiền não xuống được, liền phải thọ nghiệp báo. Thiện nghiệp thì được thiện quả nơi ba đường lành; ác nghiệp thì nhất định phải thọ báo nơi ba đường ác. Nhưng đối với hết thầy chúng sanh, ta chẳng tìm được người nào thuần thiện không ác, tìm không ra; cũng chẳng tìm được một ai thuần ác vô thiện. Hạnh nghiệp của hết thầy chúng sanh là thiện - ác lẫn lộn, mỗi một chúng sanh vừa có thiện vừa có ác, nhưng có nặng - nhẹ, nhiều - ít, lớn - nhỏ chẳng giống nhau. Vì thế, sau khi thọ sanh, quả báo chẳng giống nhau. Thiện nhiều, ác ít, trong đời này sẽ hưởng phước báo nhiều, tai nạn ít. Nếu ác nhiều, thiện ít, một đời này

phải gặp lắm đồ võ; nhưng vì có chút điều thiện, nên cũng có những thời gian ngắn rất bình tịnh. Nói chung, chẳng ngoài nhân quả báo ứng, quý vị phải thực sự hiểu được đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, mới hòng bỏ cứu trong một đời này, tức là có thể xoay chuyển quả báo và vận mạng.

Thiền sư Vân Cốc dạy Viên Liễu Phàm điều này. Tiên sinh Liễu Phàm là người đọc sách, có trí huệ, vừa nghe bèn hiểu rõ, lại chịu làm theo. Đổi lỗi, hướng lành hết sức tích cực, thực sự thay đổi quả báo, thay đổi rất nhanh, thay đổi rất hữu hiệu. Cuốn sách thứ nhất tôi đọc khi học Phật là Liễu Phàm Tứ Huân do lão cư sĩ Châu Kính Trụ tặng. Khi tôi có được cuốn sách nhỏ đó, xem từ đầu đến cuối hơn ba mươi lần, hết sức cảm động; vì tôi lúc trẻ tuổi đã phạm những tội giống như tiên sinh Viên Liễu Phàm, nhưng bất luận trí huệ hay phước báo của tôi đều chẳng bằng tiên sinh Liễu Phàm, cuộc sống của tôi còn đáng thương hơn nữa, càng khổ hơn nữa! Có một phương pháp thay đổi vận mạng như thế thì tốt quá, như gặp được vật quý báu nhất, tiếp nhận lời thầy răn dạy, tiếp thọ thiện tri thức chỉ dạy.

Tôi quen biết lão cư sĩ Châu Kính Trụ, hình như cụ đã sáu mươi tám tuổi, tôi mới hai mươi sáu. Lão cư sĩ hết sức yêu thương, che chở bọn người trẻ tuổi chúng tôi, nhất là thấy ai đọc thiện thư liền nảy lòng ưa thích, có thể y giáo phụng hành thì cụ bèn đặc biệt yêu mến người ấy. Đúng là xem như con của chính mình vậy. Cụ dạy chúng tôi phải biết nhân quả báo ứng, dạy chúng tôi phải biết sửa lỗi làm lành, “*chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Chúng tôi tiếp thọ sự giáo huấn từ bi, thiện ý của cụ, được thật nhiều lợi ích, có dịp chuyển được sanh - lão - bệnh - tử của cả một đời mình. Đúng là giảm chậm sự lão hóa, chẳng phải là không già, nhưng là giảm chậm, giống như kéo dài thời gian vậy. Điều này về sau học Phật, mới dần dần hiểu ra đạo lý, đó chính là như cổ nhân nói “*ưu lực khiến con người già cõi*”. Đối với hết thầy sự trong thế gian tôi xem nhẹ hơn, chẳng còn bận lòng nữa.

Từ nhỏ hiếu học, thích đọc sách, lúc tuổi trẻ sống rất khổ, đầu nhập ít ỏi. Vì thế, những người tuổi trẻ thường tìm đến những nơi ăn chơi, chúng tôi tuyệt đối chẳng dám la cà, gần gũi. Nguyên nhân gì? Chẳng có tiền bạc. Bởi thế, tuổi trẻ sanh trong nhà giàu có chưa phải là chuyện tốt. Người gia cảnh bần cùng chẳng dám đến những nơi ăn chơi, suy nghĩ cuộc sống tương lai của mình sẽ ra sao? Nếu chẳng phát phần, chẳng nỗ lực, chẳng gắng học hành giới giang, sau này sẽ ra sao? Bởi thế chúng tôi có quan niệm khác với những người tuổi trẻ. Khi họ rảnh rỗi,

thường đến những nơi ăn chơi vui thú, tôi gần gũi những vị thầy nổi tiếng. Tôi đi đến đâu? Đến thư viện, tiệm sách, đây là những nơi tôi la cà.

Không có tiền mua sách thì đến tiệm đọc sách. Ở tiệm sách có lúc giờ sách ra, đọc cả một hai tiếng. Xem xong, đặt trả sách lên giá, đi qua tiệm khác xem sách. Người thời đó rất tử tế, tôi thường ghé tiệm sách, chủ tiệm quen mặt, có lúc còn giới thiệu sách hay cho chúng tôi xem. Chúng tôi muốn mua, không có tiền, không sao cả! Cứ lấy trước, khi nào có tiền trả sau. Chủ tiệm tin tôi, hễ lúc nào tôi có tiền sẽ mau mắn đem đến trả, có tín nhiệm. Hầu như mấy tiệm sách ở Đài Bắc, tôi đến mua sách đều có thể ghi nợ, có tín nhiệm mà! Vì tâm địa thanh tịnh, chẳng bị ngũ dục lục trần ô nhiễm, con người chẳng dễ bị suy lão. Sống cuộc đời đơn giản, chẳng ăn quà vặt (không có tiền ăn!), sống quy củ, ít đổ bệnh.

Sau khi học Phật, phải hai ba chục năm mới hiểu ra, hết thấy chúng sanh vốn đều chẳng sanh chẳng diệt. Chẳng riêng gì chư Phật, Bồ Tát, mà tất cả hết thấy chúng sanh đều chẳng sanh chẳng diệt. Chết giống như thay một bộ y phục. Tôi thường nói là thân thể này đã già rồi, đã dùng không ít năm, dùng cũ mòn rồi, chẳng tái sử dụng được nữa, phải thay đổi, càng thay càng tốt, càng đổi càng thù thắng. Đó chẳng phải là chết, chỉ thay đổi thân thể mà thôi, giống như quần áo mặc cũ, mặc rách rồi, không cần đến nữa, bỏ đi, đổi lấy bộ mới.

Trong sanh - lão - bệnh - tử, phải hiểu rõ, thấu hiểu lý sự thì chính mình mới làm chủ được! Nếu chẳng hiểu rõ lý, chẳng minh bạch sự tướng thì đối với bốn sự việc này, ta rất sợ sệt, ta suy nghĩ không thích đáng, xử sự chẳng thích đáng, càng rắc rối to!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!
Chúng ta coi tiếp:

Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên tên là Cực Lạc).

Trong Khô Khô, chúng tôi giới thiệu đơn giản Sanh - Lão - Bệnh -

Tử, thứ năm là Cầu Bất Đắc. Hết thấy chúng sanh có ai không có dục vọng? Cá nhân nào chẳng mong cầu? Dục vọng, mong cầu, hết thấy chúng sanh đều có; nhưng dục vọng, mong cầu chẳng có giới hạn, mong cầu phần nhiều đều thất vọng, chân tướng sự thật ấy rất khổ. Dục vọng nhiều, khổ càng nhiều; mong mỏi nhiều, thất vọng càng nhiều! Người chân chánh tu đạo đối với sinh hoạt vật chất lẫn sinh hoạt tinh thần đều tùy duyên, thế nào cũng xong, chẳng mong cầu nên ít khổ. Trong tâm ít vọng niệm, ít mong cầu, chỉ cần duy trì được cuộc sống đã hết sức thỏa mãn. Người như vậy luôn luôn mạnh khỏe, sống lâu, thế mà rất ít người hiểu được!

Xưa kia, lúc Trung Quốc mới mở cửa, rất nhiều người đến thăm viếng du lịch, nhận thấy nội địa Trung Quốc bần cùng lạc hậu, nói như bây giờ là điều kiện vệ sinh, điều kiện vệ sinh gì cũng không có, thế mà dân cư sống rất lâu khỏe mạnh. Tám chín mươi tuổi vẫn là trẻ, người một trăm hai mươi, một trăm ba mươi tuổi không ít, do nguyên nhân nào? Tôi nghe nói người ngoại quốc đến đó khảo sát, tìm chẳng ra nguyên nhân. Nguyên nhân thực sự rất đơn giản, trong kinh Phật thường nói là tâm thanh tịnh, ít ham muốn, ít mong cầu. Đây là nguyên nhân khỏe mạnh sống lâu. Biết đủ, thường vui, chẳng có những sự phiền muộn trong tâm, chẳng có điều gì phải lo lắng, mỗi ngày được no bụng đã rất đẹp dạ rồi! Bởi thế, ngạn ngữ thường nói: “*Ưu lự khiến cho con người già cỗi*”. Những quốc gia đã phát triển, cuộc sống người dân hết sức giàu có, nhưng thường ưu lự, chẳng tri túc, ngày đêm truy cầu hưởng thụ, theo đuổi việc nâng cao phẩm chất cuộc sống, sao không bị lão hóa? Rất dễ dàng suy lão, đạo lý là đây.

Thế gian cũng có hiền thánh, vấn đề là chưa thấy ai gặp được, chưa thấy ai gặp được thánh nhân mà có thể tiếp nhận giáo huấn, chuyện này tùy thuộc phước báo của mọi người. Thánh hiền thế gian, xuất thế gian chỉ dạy chúng ta, ta có thể cầu được, chẳng phải là không cầu được. Trong Phật pháp càng nói hay hơn: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong cửa Phật, có cầu ắt ứng). Chẳng có gì không cầu được, nhưng quý vị phải hiểu đạo lý và phương pháp để cầu! Nếu mong cầu đúng lý, đúng pháp, không gì chẳng đạt được. Những gì thiền sư Vân Cốc truyền cho tiên sinh Liễu Phàm chính là đạo lý này. Tiên sinh Liễu Phàm nghiêm túc làm theo, quả nhiên có ứng nghiệm, cầu công danh được công danh, cầu con cái được con cái, chứ trong mạng ông ta không có.

Số mạng ông ta không có công danh, thời cổ gọi “*công danh*”, nay

gọi là “học vị”, Trung Quốc vào thời cổ chẳng gọi là học vị, mà gọi là công danh. Công danh còn chia thành ba đẳng cấp: Thấp nhất là Tú Tài, nói thật ra, Tú Tài chẳng thể tính là công danh. Cao hơn Tú Tài một bậc là Cử Nhân, Cử Nhân có thể tính là công danh. Cao nhất là Tiến Sĩ. Trên thực tế, Tiến Sĩ có thể sánh với học vị Bác Sĩ⁴⁵ hiện tại. Học vị tối cao là Tiến Sĩ, thấp hơn là Cử Nhân, tương đương với Thạc Sĩ [hiện tại], Tú Tài tương đương Học Sĩ, hiện thời. Đó là ba đẳng cấp của người có học ở Trung Quốc vào thời cổ.

Liễu Phàm tiên sinh chỉ đậu Tú Tài, trong mạng không có Cử Nhân, Tiến Sĩ đương nhiên khỏi bàn tới. Quý vị thấy trong mạng ông ta không có công danh, ông ta cầu công danh, quả thật ông ta đậu Cử Nhân, đỗ Tiến Sĩ. Trong mạng không có con cái, kết quả ông ta cũng có con cái. Đúng là “*trong nhà Phật, hữu cầu tất ứng*”. Mạng ông ta chỉ thọ năm mươi ba tuổi, gần như kéo dài tuổi thọ hai mươi năm nữa, sống đến năm bảy mươi bốn tuổi, đúng là hữu cầu tất ứng!

Thánh nhân chẳng lừa dối người, phàm muốn cầu phải hiểu lý luận, hiểu phương pháp. Lý luận là nhân quả, gieo nhân thế nào, được quả báo thế ấy. Nay trong thế gian này, mong mỗi, dục vọng đã biến thành chuyện lớn nhất trong tư tưởng con người hiện tại, cả đời người theo đuổi phương hướng ấy, hướng theo mục tiêu ấy liễu mạng truy cầu. Chẳng hiểu lý luận, chẳng biết phương pháp, cứ cậy vào phiền não tập khí, tri kiến thế tục để phán đoán, cho nên cạnh tranh! Tranh có được hay chẳng? Tranh không được! Tranh không được bèn dùng thủ đoạn phi pháp, tổn người, lợi mình, xâm phạm người khác, xâm đoạt người khác nhằm thỏa mãn dục vọng của chính mình. Có lúc tự hồ có hiệu quả, thực sự đoạt được của cải người ta, nào biết mình đoạt được rồi, hưởng thụ trong một thời gian ngắn, vẫn là vì trong mạng mình có. Nếu mạng mình không có, đấu tranh cũng chẳng được, có đoạt cũng chẳng được. Ví dù đoạt được, chính mình chẳng thể hưởng dụng được, trong mạng không có mà! Đây mới là cái nhân chân chánh, trong mạng đã có, có gì phải tranh?

Thoạt đầu, Liễu Phàm tiên sinh được Không tiên sinh đoán mạng, đoán mạng ông ta có của cải, mỗi năm có bao nhiêu thâm nhập nhất định.

⁴⁵ Bác Sĩ ở đây chính là học vị Tiến Sĩ (PhD). Người Hoa không gọi bác sĩ y khoa là “bác sĩ” như người Việt mà gọi là y sinh. Người Hoa gọi ba bậc học vị hiện thời như sau: Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor), Thạc Sĩ (Cao Học, Master) và Bác Sĩ (Tiến Sĩ, PhD).

Mỗi năm ông ta thử thí nghiệm, chẳng sai chút nào, chẳng sai chạy chút mây may nào so với lời đoán của Khổng tiên sinh. Bởi thế, ông ta tin tưởng con người có vận mạng chẳng thể miễn cưỡng. Vì thế, ý niệm cạnh tranh, tranh thủ đều buông xuống hết, cũng chẳng cầu, cũng chẳng tranh. Vì sao? Cầu không được, tranh chẳng được, trong mạng không có mà! Những vọng niệm ấy thầy đều không có, tâm định, nên mới cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong thiền đường ba ngày ba đêm không có một vọng niệm nào. Thiền sư Vân Cốc cảm thấy rất hy hữu, ba ngày ba đêm chẳng khởi vọng niệm, chẳng phải người tâm thường làm được như vậy, rất bội phục: “Công phu tu hành của ông khá quá!”

Tiên sinh Liễu Phàm nói:

- Chẳng phải là tôi không có vọng niệm, nhưng khởi vọng niệm cũng vô ích, chẳng làm được gì, nên tôi mặc kệ, không nghĩ tới nữa.

Thiền sư Vân Cốc hỏi:

- Tại sao?

- Mạng tôi đã được Khổng tiên sinh đoán định rồi. Những gì tôi gặp gỡ, thành tựu trong một đời này, tôi đều đã biết rõ cả rồi, đều hiểu hết rồi, khởi vọng tưởng ích gì cơ chứ?

Thiền sư Vân Cốc nghe xong bèn cười ha hả:

- Tôi vốn tưởng ông có công phu tu hành, nào ngờ là như vậy, phàm phu, phàm phu!

Bèn khai thị cho ông ta:

- Không sai! Phàm phu đúng là có vận mạng, ai cũng chẳng thoát khỏi vận mạng, vì sao? Chỉ cần ông có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ông bèn có vận mạng. Ai không có vận mạng? Người đoạn sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thánh nhân đã vượt khỏi vận mạng.

Nói cách khác, nếu anh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chắc chắn anh là lục đạo chúng sanh, anh đương nhiên bị câu thúc bởi mạng số trong lục đạo, động đậy chẳng được, “nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định” (một hớp uống, một miếng ăn không gì chẳng phải là tiền định). Nếu anh không hiểu đạo lý này, cứ muốn cùng người tranh đoạt, làm bậy làm bạ thì sao? Tổn hại phước báo nơi mạng. Chẳng hạn như (chúng tôi nêu thí dụ để giảng), trong mạng anh giàu có đến một triệu, trong mạng anh có như vậy, giàu có một ức, nhưng anh khởi tâm động niệm, toàn làm chuyện bất thiện, toàn làm chuyện ác, ác niệm, ác hạnh. Kết quả là một ức của cải trong mạng anh bị hao tổn, chỉ còn năm ngàn vạn. Anh kiếm được năm ngàn vạn tự cảm thấy rất phi thường, nhưng phải dùng phiền não làm như thế này như thế nọ, bị giảm bớt rồi. Nếu

tạo thành ác nghiệp rất nặng, đoạt được tài sản bằng cách thương thiên hại lý, đại khái càng bị hao tổn lớn hơn nữa. Rất có khả năng một ức tiền tài của anh biến thành một ngàn vạn. Cổ nhân Trung Quốc bảo “*tôn phước, tôn thọ*”. Đây là chẳng hiểu đạo lý, chẳng biết phương pháp chính xác, làm sai!

Trong mạng chẳng có của cải, người ấy phải biết tích đức, tu thiện, dùng thiện tâm, thiện hạnh đãi người, tiếp vật, có thể bỏ mình vì người. Của cải là Tài Bố Thí, dầu tự mình chẳng có tiền của, ta vẫn có một bát cơm ăn, người ta không có gì ăn, mình xẻ nửa bát cho. Đó đều là cái nhân của giàu có. Trong mạng đã có của cải, càng chứa, càng nhiều, của cải hiện tiền, phước báo hiện tiền, trí huệ hiện tiền. Trong mạng của tiên sinh Liễu Phàm có một chút của cải, chẳng nhiều, rất ít! Thiên sư Vân Cốc dạy ông ta như vậy, ông ta hiểu rõ, hoảng nhiên đại ngộ. Mạng do đâu mà có? Do đời trước tạo, mạng do chính mình tạo, tự mình tạo thì tự mình thay đổi. Bởi thế, hiểu được đạo lý, hiểu phương pháp, vấn đề bèn được giải quyết.

Trong kinh luận, đức Phật thường dạy chúng ta rất nhiều, bố thí được giàu to. Những người giàu có trong thế gian này, của cải do đâu mà có? Do đời trước tu Tài Bố Thí; bởi vậy, trong mạng có kho tàng dư dật đến thế, bất luận làm việc gì, của cải cuồn cuộn kéo tới. Tài Bố Thí càng thí càng nhiều, nhất định chẳng được keo lẩn. Làm nhiều việc tốt, chẳng sợ bị gạt, chẳng sợ người khác dối mình. Hiện tại, rất nhiều người làm việc tốt, người xấu trong thế gian này rất nhiều, ta làm việc tốt đều bị họ lừa gạt. Chẳng sao, cứ lừa đi, trong tương lai họ sẽ phải trả nợ. Nhân quả thông ba đời, mình bị người ta gạt thì sao? Của cải mình lưu lại kiếp sau, trong đời sau, bọn chúng đền trả cho mình. Quý vị hoàn toàn chẳng bận tâm; quyết định chẳng để chuyện đó gây chướng ngại rồi chẳng dám làm việc tốt.

Ví như cứu tai ách, cứu tai nạn, chúng ta biết quả thật phải qua tay rất nhiều người lo liệu, có rất nhiều người nói phát tài nhờ tai nạn, đó là chuyện của họ, ai có nhân quả nấy. Có người nói: “Như vậy khác gì tôi giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp đâu?” Nếu quý vị có tâm giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp thì quý vị mắc tội báo. Ta không có tâm đó, nhưng người ta ôm lòng bất thiện, trộm tiền tài để cứu tế tai nạn, nhân quả kẻ đó phải gánh! Chúng ta phát thiện tâm, là cứu tế tai nạn. Thiện tâm, thiện hạnh ấy của quý vị không bị hao tổn một chút nào, đó là chánh lý. Nếu vì có vài kẻ thừa cơ nuốt mất tiền bạc ấy, người mắc tai nạn chẳng được hưởng, hoặc được hưởng rất ít, mà quý vị không làm thì chính mình chẳng có phước

báo, đã đánh mất cơ duyên tu phước báo. Như vậy là không có trí huệ, là làm việc theo cảm tính. Người chân chánh tích đức tu phước không có tâm niệm ấy, đối với ai cũng tin tưởng, đúng như cổ nhân nói: “*Nghi nhân bất dụng, dụng nhân bất nghi*” (Ngờ người chẳng dùng, dùng người chẳng ngờ). Tôi tin tưởng anh, chính anh làm sai thì anh phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả!

Toàn bộ vấn đề là giáo dục, nhưng hiện tại giáo dục băng hoại, chúng ta chỉ có thể cảnh tỉnh, khuyên người tu phước. Quý vị phụ trách vấn đề cứu tế tai ương, tất cả tiền tài nằm trong tay quý vị, nếu đối với tiền tài ấy quý vị chẳng chút tư tâm, đem đi cứu tai nạn, quý vị sẽ có phước báo rất lớn, phước sau này vô cùng! Quý vị nuốt mất tiền tài cứu tế tai nạn, hậu quả chẳng thể tưởng tượng được! Kẻ ấy chẳng hiểu đạo lý đó, ngu si, chúng ta chỉ có thể cảnh tỉnh kẻ đó. Cảnh tỉnh nhưng hấn vẫn cứ làm, tương lai hấn đọa lạc ta chẳng lạ gì hết, hấn vẫn phải cảm tạ: “Đáng tiếc khi ấy, tôi không nghe lời ông, hiện thời phải chịu khổ nạn lớn lao như thế!”

Giáo dục phải bắt đầu từ lúc nhỏ, đã trưởng thành rồi thì tập khí đã dưỡng thành thói quen, quan niệm sai lầm đã ăn sâu, chẳng dễ gì cải biến. Nhưng phải nhớ kỹ: “*Trong cửa Phật, chẳng bỏ một ai*”, phải có lòng nhẫn nại, phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo, thành tựu chính mình, thành tựu chúng sanh. Đừng sợ! Phải tin tưởng Phật, Phật dạy chúng ta càng thí sẽ càng nhiều. Thí tài được của cải, quý vị liên tục đem của cải bố thí cho hết thấy chúng sanh khổ nạn, vĩnh viễn chẳng ngơi nghỉ. Cuộc sống của chính mình tạm tạm là được rồi, chớ mong cầu hưởng thụ quá phận, kéo tạo oan nghiệt! Người thế gian khổ rất nhiều.

Bố thí Pháp tăng trưởng thông minh, trí huệ. Vô úy bố thí, thường hay nói ăn chay là bố thí vô úy, chẳng sát sanh! Tích cực hơn nữa thì phóng sanh, bố thí thuốc men, giúp kẻ quan quả cô độc⁴⁶, chúng sanh tàn tật đau khổ. Quý vị toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, sẽ được quả báo gì? Mạnh khỏe, sống lâu, vô úy bố thí sẽ được sống lâu mạnh khỏe. Quý vị phải làm! Không làm là không đúng. Bởi thế, phước báo, trí huệ, khỏe mạnh sống lâu là do chính mình tu được, cầu được, chẳng phải là không cầu được. Thánh nhân hiểu đạo lý, hiểu nhân quả, muốn có quả tốt thì phải tu nhân tốt. Nếu quý vị tạo nhân sai trái, gieo đủ mọi nhân bất thiện, hậu quả sẽ rất khổ, khổ chẳng thể nói nổi! Bởi vậy, chúng tôi thấy chữ “*Cầu Bất Đắc*”, đúng là người thế gian cầu chẳng được, nhưng chúng ta

⁴⁶ Quan: góa vợ, quả: góa chồng, cô: không cha mẹ, độc: không con cái.

có cầu ắt ứng.

Thứ sáu là Ái Biệt Ly (yêu thương phải chia lìa). Phạm vi sự khổ này rộng lớn phi thường. Quý vị chẳng thường được kề cận người mình yêu mến, đó là Ái Biệt Ly. Những thứ vật chất quý vị yêu thích đâu có thừa, nhưng không hưởng thụ được; điều mình ưa thích, thường hay có biến hóa. Phàm những gì quý vị yêu, ưa thích, nhưng chẳng dễ gì đạt được, chẳng dễ gì hưởng thụ được thì đều thuộc về loại này. Nhất là sanh ly tử biệt, lúc sống rất ít khi được đoàn tụ, thậm chí những người mình rất yêu thích, tuổi trẻ mất sớm để lại người già buồn tủi, khổ lắm!

Oán Tắng Hội là oan gia đối đầu, chẳng thích gặp, chẳng thích gặp thì sao? Ngày ngày chạm mặt nhau. Khi xưa, lúc tôi mới giảng kinh, giảng đến tám nổi khổ, tôi nêu lên thí dụ: Khi còn đi học, đa phần là nêu những thí dụ trong thời gian đi học, có rất nhiều bè bạn tốt, rất ưa thích ngày ngày ở cùng một chỗ, rồi sao? Đến khi chia lớp, học trong những lớp khác nhau. Oan gia đối đầu, người mình chán ghét nhất cứ ở gần mình suốt, thầy xếp hai đứa ghét nhau vào cùng một bàn, quý vị nói có bực hay không? Tôi nghĩ mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm đó, đúng là Oán Tắng Hội. Người mình chán ghét cứ gặp mặt hoài, người mình ưa thích mong gặp không gặp được. Trong nổi khổ này có người, có sự, có vật, cảnh giới rộng lớn không ngần mé.

Đức Phật dạy chúng ta tất cả đều là duyên, thiện duyên hay ác duyên, chẳng ngoài bốn mối duyên quan hệ như phần trên đã nói: Báo oán, báo ân, đòi nợ, trả nợ. Làm sao lìa được nổi khổ này? Phải giác ngộ, khổ đều do mê sanh khởi. Mê chấp, tình chấp, những thứ khổ ấy. Giác ngộ rồi trí huệ nắm quyền, trí huệ làm chủ. Bởi thế, đối với Ái nhất định chẳng tham luyến, đối với Oán tuyệt đối chẳng sân hận, hai thứ khổ đó được hóa giải. Trong Ái chẳng thể không có tình chấp. Cái Ái của lục đạo phàm phu chẳng rời khỏi tình chấp, bởi thế mới khổ. Lòng thương yêu to lớn của chư Phật, Bồ Tát là đại từ đại bi, tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác. Tâm ấy chẳng có tình chấp, bởi thế không khổ, chẳng thuộc vào loại này.

Chúng ta phải hiểu đạo lý này, chúng ta phải chuyển biến, hóa tình chấp thành trí huệ. Bởi vậy lòng ái của Phật, Bồ Tát là chân thành, là thanh tịnh, là bình đẳng, là trí huệ. Phật pháp sợ mọi người hiểu lầm chữ Ái này, nên gọi bằng danh từ khác là Từ Bi, hoặc chỉ nói độc một chữ là Từ. Lòng Từ ấy là Ái. Trong lòng Từ Ái ấy chẳng có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, chỉ có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ. Ái tình của lũ phàm phu chúng ta chẳng bình đẳng,

trong lòng ái đó chẳng chân thành, vì sao không chân thành? Lòng ái ấy biến thành luyến, thậm chí luyến như thế nào, luyến đến mức độ nào chính mình cũng chẳng biết, không tin tưởng được.

Vì thế, qua lại cùng lục đạo phàm phu, quý vị phải có trí huệ cao độ, giác ngộ cao độ. Vì sao? Lục đạo phàm phu như đứa trẻ lên ba, quý vị phải nhìn họ bằng tâm thái ấy, tánh tình họ chẳng ổn định. Vừa mới nói tôi rất thích anh, rất mến anh, chập sau lại chán ghét anh lắm. Chẳng nghiêm túc gì cả! Nếu quý vị nghiêm túc sẽ khổ đấy. Quý vị biết sao không? Họ hỷ nộ vô thường, biến hóa quá chùng, biến hóa không lường được. Họ sử dụng vọng tâm, bị chuyên theo cảnh giới, bị bên ngoài kích động, tâm tình sanh ra biến hóa. Vì vậy, chẳng ổn định! Không như chư Phật, Bồ Tát, tâm chư Phật, Bồ Tát định, chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu; do vậy, lòng ái của các Ngài vĩnh hằng, từ bi vĩnh hằng.

“*Từ bi là gốc, phương tiện là cửa*”, thế nào là phương tiện? Rất nhiều người không hiểu. Phương (方) là phương pháp, tức là ta dùng phương pháp nào để biểu lộ; người hiện thời gọi là “biến thành hiện thực”. Quý vị có phương pháp [làm như vậy]. Tiện (便) nghĩa là gì? Tiện là tiện nghi. Nói cách khác, đó là phương pháp thích đáng nhất. Phương pháp rất nhiều, phương pháp nào đối phương thích nhất, dễ dàng tiếp nhận nhất, đó là tiện nghi. Mình có phương pháp, nhưng người ta không tiếp nhận, chẳng hoan hỷ, thì phương pháp ấy không thuận tiện. Bởi vậy, phương tiện là cửa, lòng từ bi, trí huệ, đức năng của quý vị nếu không có phương tiện thì hoàn toàn chẳng thể bày tỏ được. Từ bi là như trong các buổi giảng tôi thường nói, trong Đại Thừa Phật pháp, từ bi nhất định phải bao gồm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác. Từ bi? Phương tiện! Quý vị khiến cho người ta thực sự sanh tâm vui thích, khiến người ta vui vẻ tiếp nhận, y giáo phụng hành.

Do đây biết rằng, đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện, dạy dỗ chúng ta, nguyên tắc tối cao của phương tiện là vì người khác diễn thuyết; đặc biệt chú trọng đến diễn. Diễn là biểu diễn, quý vị phải thể hiện ra. Nói cách khác, trước hết phải thực hiện ngay trên thân mình, áp dụng ngay trong cuộc sống của chính mình, thực hiện ngay trong cách mình xử sự, đãi người, tiếp vật. Quý vị chẳng thực hiện được, há phải là phương tiện ư? Độ người trước hết phải độ mình, cứu người trước hết phải cứu mình; nói chung, chính mình phải niệm niệm đều là gương tốt cho xã hội đại chúng, phải có ý niệm đó. Hễ có ý niệm ấy sẽ tự nhiên có hành vi ấy; không có ý niệm ấy, chẳng thể khởi lên hành vi. Đây là Phật tâm, đây là

chân tâm. Trong vọng tâm chẳng có! Vọng tâm là tự lợi, khởi tâm động niệm chỉ nghĩ đến lợi ích của chính mình!

Phật tâm, chân tâm nghĩ lợi ích hết thấy chúng sanh trong pháp giới hư không giới. Nếu khởi tâm động niệm được như vậy, sẽ chẳng khác gì Phật, Bồ Tát. “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Thực hiện tám chữ này ra sao? Là khởi tâm động niệm đều nghĩ đến lợi ích hết thấy chúng sanh trong hư không pháp giới, mình phải giúp đỡ họ như thế nào. Quý vị có được ý niệm ấy, phước báo của quý vị sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Lại còn có những hành vi như thế thì phước báo của quý vị sẽ hiện tiền rất nhanh chóng. Tâm yêu thương trọn khắp pháp giới, thiện xảo phương tiện đầy ấp Sa Bà. Nỗ khổ Ái Biệt Ly, Oán Tắng Hội tự nhiên hóa giải. Tâm lượng càng nhỏ càng khổ, người tự tư tự lợi đáng thương nhất. Người tự tư tự lợi khổ nhất, hiện tại đã khổ, tương lai càng khổ hơn. Vì sao nói tương lai càng khổ? Hiện tại tự tư tự lợi, việc làm đều là tổn người, lợi mình, tổn người thì chẳng tránh khỏi quả báo! Đừng nói tổn người lợi mình không sao! Sau này ắt có quả báo. Anh hại người càng sâu, tương lai người ta báo đền chẳng chỉ có thể thôi đâu mà còn gấp bội, có phiền phức hay không vậy?

Bởi thế, có nên ở thế gian này hay chẳng? Nói thật ra, chẳng thể ở được. Vì sao chẳng thể ở được? Vì chắc chắn chẳng thể bảo đảm tương lai gặp được Phật pháp, chẳng thể bảo đảm đời sau giác ngộ. Đời sau chẳng gặp được Phật pháp, lại hồ đồ tùy thuận phiền não, chẳng hiểu lại tạo nghiệp nhiều đến đâu nữa! Lại làm bao nhiêu chuyện làm lỗi! Chúng ta phải hiểu rõ, phải minh bạch lẽ này: Tiền đồ càng ngày càng tệ! Một đời sau chẳng bằng được đời trước, đi lên rất khó khăn, đọa lạc đi xuống rất dễ dàng!

Trong thế gian hiện tại này, các đồng học học Phật chúng ta nếu thực sự giác ngộ một chút sẽ bèn hiểu rõ: Trong thế giới này, làm quan lớn, đại phát tài, cuộc sống tợ hồ rất khiến cho người khác hâm mộ, chết đi quá nửa đọa trong tam đồ. Rất nhiều đồng học đều hiểu đọa tam đồ là khổ! Quý vị thấy người trong thế gian hưởng thụ phước báo nhân gian, hưởng được mấy năm? Nếu quý vị chú tâm quan sát, có thể nói là họ chẳng hưởng được ngày nào cả! Sống trong địa vị cao như thế, dẫu có tài sản nhiều như thế, tâm chẳng được tự tại! Bận tâm, lo lắng quá nhiều, lo được, lo mất, một mặt phải nghĩ cách làm sao để giữ gìn, làm sao kiếm nhiều hơn một chút, thời thời khắc khắc nhọc lòng, chẳng có một ngày có thể buông xuống hết thấy để sống được một ngày thanh nhàn, chẳng bao giờ có! Vui ở chỗ nào?

Địa vị cao nhất là làm người lãnh đạo một quốc gia, bị kẻ dưới lừa dối, chẳng báo trình chân tướng sự thật, bị che giấu! Chuyện như vậy từ cổ đến nay thường có; có được bao nhiêu vị minh quân chẳng bị dối gạt đâu? Văn võ đại thần đều lừa dối vua: “Thiên hạ thái bình, rất tốt!” Nhân dân phải chịu khổ nạn to lớn đến mấy cũng không cách nào tâu lên được. Bản thân vua chẳng biết một điều gì, tự nghĩ cả đời mình là một vị thái bình thiên tử. Đâu đâu cũng tạo tội nghiệp như thế, chết đi đều có báo ứng.

Lúc tôi còn trẻ, Chương Gia đại sư dạy tôi trì giới, Ngài dạy tôi đừng dính đến chánh trị. Một quan niệm lầm, một chánh sách lầm, bao nhiêu người mắc hại! Anh phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả, có dám chắc cả đời anh không làm sai điều gì hay không? Cả một đời chẳng hại ai hay không? Có rất nhiều trường hợp vô ý tổn hại người, hữu ý càng không được, tội càng nặng hơn, đây đâu phải là chuyện dễ dàng. Vì vậy, đại sư chỉ cho tôi một con đường ra: “Đã muốn phát tâm giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, phục vụ hết thảy chúng sanh khổ nạn, ngài bảo tôi xuất gia tốt nhất! Hoảng pháp lợi sanh, theo đuổi việc giảng kinh thuyết pháp, làm công tác dạy dỗ, vậy là tốt! Tôi thích đọc sách, đây cũng là điều anh ham thích”. Ngài chỉ dạy tôi như vậy, tôi đi theo con đường đó. Con đường ấy do Chương Gia đại sư thay tôi chọn lựa, tôi tin tưởng Ngài. Vì sao? Ngài hết sức thương yêu tôi. Ngài thương yêu tôi, tôi cũng tôn kính Ngài, y giáo phụng hành. Ngài chỉ cho tôi con đường chẳng lầm.

Vậy thì hết thảy khổ nạn trong nhân gian chẳng dễ dàng lìa thoát. Nói cách khác, không có cách nào thoát được. Muốn thoát khỏi, phải ra khỏi lục đạo. Muốn thoát ly, trừ Phật pháp ra, không còn gì hết. Bao nhiêu tôn giáo trong thế gian, cảnh giới tối cao của họ là thiên đạo, Dục Giới thiên, Sắc Giới thiên, Vô Sắc Giới thiên, chẳng có cách nào vượt thoát lục đạo, nên Thích Ca Mâu Ni Phật mới xuất thế. Thích Ca Mâu Ni Phật nói lời chân thật, lão nhân gia thân tâm thanh tịnh: “*Nhiều thêm một việc chẳng bằng ít đi một việc, ít đi một việc chẳng bằng vô sự*”. Nếu có kẻ có thể giúp cho chúng sanh trong thế giới Sa Bà thoát ly luân hồi lục đạo, chắc chắn Ngài chẳng giáng sanh. Ngài đến đây làm chi? Chẳng có gì để làm cả! Thực sự nghĩ [chúng sanh muốn] siêu việt lục đạo luân hồi mà chẳng có biện pháp nào cả, quý vị nói xem Phật có cần phải vào thế gian này chẳng? Ngài không vào không được; Ngài chẳng vào thế giới này là chẳng từ bi. Trong lục đạo, quả thật có không ít người giác ngộ, mong cầu vượt khỏi lục đạo luân hồi, đó là Cảm, Phật phải

Ứng. Chúng sanh hữu Cảm, Phật bèn Ứng, bèn đến nơi đây. Phật giúp chúng ta siêu việt luân hồi, siêu việt mười pháp giới. Vì vậy, Phật đến trong thế gian này.

Đây là Ái Biệt Ly, Oán Tắng Hội, chúng ta phải nhận biết rõ ràng, Ái chẳng được tham luyến, Oán nhất định phải hiểu cách hóa giải.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 13

Chư vị đồng học!

Trong phần Y Báo giảng đến:

Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, dẫn thọ chư lạc. Cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh trong cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên có tên là Cực Lạc).

Loại thứ nhất trong “*chúng khổ*” (các khổ) là Khổ Khổ. Trong Khổ Khổ có tám thứ: Sanh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tắng hội – bảy thứ này là quả báo của Khổ; nỗi khổ cuối cùng là nói tổng quát, khổ rốt cuộc từ đâu có? Đức Phật dạy: Ngũ Âm Xí Thanh (năm Âm hùng hực). Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, thân thể của chúng ta là một phần vật chất thuộc về Sắc, [thân thể thuộc] Sắc pháp. Nay ta gọi Tưởng, Thọ, Hành, Thức là “*tinh thần*”. Tất cả hết thảy động vật, chúng ta gọi là “*hữu tình chúng sanh*”, đều là thân Ngũ Âm. Nói cách khác, sanh mạng là do tinh thần và vật chất tổ hợp thành. Vật chất là nhục thể (cái thân xác thịt); vì thế, phải gánh chịu sanh - lão - bệnh - tử; nơi tinh thần luôn phải hứng chịu những nỗi khổ cầu bất đắc (cầu chẳng được), ái biệt ly (thương yêu mà bị chia lìa), oán tắng hội (chán ghét mà cứ phải gặp gỡ).

Thọ - Tưởng - Hành - Thức, Thức là thân nhân duyên của hết thảy khổ. Phật pháp nói trong A Lại Da Thức chứa đựng các chủng tử tập khí, những chủng tử ấy là thân nhân duyên của hết thảy khổ, vui. Tưởng, Hành là Sở Duyên Duyên, là Vô Giáns Duyên⁴⁷. Thọ (受) là quả báo, Thọ

⁴⁷ Thân nhân duyên: Nhân duyên trực tiếp, thân mật, có công năng sanh khởi các pháp hữu vi.

là gì? Quý vị cảm nhận, chịu khổ, chịu vui. Quý vị gây tạo thiện duyên, thiện nhân, bèn có lạc thọ. Nếu tạo tác ác nhân, ác duyên, những gì quý vị cảm nhận là khổ thọ. Toàn bộ tam giới chẳng ra khỏi định luật này. Nói thật ra, bọn phàm phu chúng ta chẳng biết đến đạo lý này, đâu có hiểu trong thế gian có chuyện này. Đức Phật xuất hiện trong thế gian nói cho chúng ta biết chân tướng của nhân sinh.

Thực sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta mới hòng được cứu, mới biết mình phải nên làm gì. Hết thấy chúng sanh dù thọ sanh trong đường nào, cũng đều có nhân duyên. Phật pháp gọi cái dẫn ta đi đầu thai trong một đường nào là “dẫn nghiệp”. Nghiệp lực làm chủ tể, tự mình chẳng làm chủ được, nghiệp lực lôi ta đi. Nhất định phải hiểu sự việc này! Phật, Bồ Tát chẳng thể làm chủ cho chúng ta; Thượng Đế, vua Diêm La cũng chẳng thể làm chủ cho ta. Ai làm chủ tể? Nghiệp lực làm chủ tể, nghiệp chướng lôi ta đi!

Quý vị sanh vào nhân đạo, rốt cuộc là do nghiệp lực gì? Đức Phật dạy chúng ta: Trong đời trước, ta đã từng tu Ngũ Giới, Thập Thiện. Nghiệp lực Ngũ Giới, Thập Thiện dẫn ta đầu thai vào nhân đạo. Sanh vào thiên đạo là thượng phẩm Thập Thiện, lại còn phải có Tứ Vô Lượng Tâm: Từ - Bi - Hỷ - Xả; tu thượng phẩm Thập Thiện, do nghiệp lực ấy lôi kéo, sanh vào Dục Giới thiên. Dưới đó là ba ác đạo. Tâm tham không chán, nghiệp lực ấy dẫn sanh vào đường ngạ quỷ, quỷ tham lam! Tâm sân khúe dẫn vào đường địa ngục, ngu si dẫn vào đường súc sanh. Đó là dẫn nghiệp, dẫn quý vị sanh vào một đường nào đó.

Sanh vào một đường nào đó xong, hiện nay trên thế giới này có gần bảy mươi ức người, những người ấy sanh vào địa cầu này đều được mang thân người. Nói cách khác, trong đời quá khứ họ từng đã tu Ngũ Giới, Thập Thiện, đời này được thân người; nhưng được làm thân người rồi, ngay trong một đời này, có người hưởng thụ vinh hoa phú quý, có người cả đời chịu khổ thọ nạn, bần cùng, hèn hạ, là do nguyên nhân gì?

Sở duyên duyên: Sở duyên là đối tượng của nhận thức, chẳng hạn như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sở duyên của sáu thức. Nếu khi đối tượng được nhận thức bởi tâm và tâm sở trở thành nguyên nhân làm cho tâm và tâm sở sanh ra kết quả, thì nó sẽ được gọi là Sở Duyên Duyên. Ví dụ như Sắc là sở duyên duyên của Nhãn Thức và pháp. Câu Xá Luận, quyển 7 giải thích: “*Tánh của sở duyên duyên tức tất cả pháp, tâm và tâm sở ứng hiện tùy theo sở duyên duyên này. Như nhãn thức và Pháp tương ứng lấy tất cả Sắc làm sở duyên duyên*”.

Vô gián duyên: Sự sanh khởi của tâm và tâm sở do niệm trước dẫn sanh niệm sau không xen hở (theo Huệ Quang tự điển).

Đức Phật gọi đó là “mãn nghiệp”. Nghiệp có hai thứ:

1) Một là dẫn nghiệp, dẫn quý vị sanh vào một con đường nào đó.

2) Mãn nghiệp là tình trạng cuộc sống của một đời trong đường đó, tức cuộc sống tinh thần và cuộc sống vật chất của quý vị. Đó là gì? Phật pháp nói là do quý vị tu phước hay tạo nghiệp trong quá khứ.

Điều trọng yếu nhất trong việc tu phước là Bồ Thí; bởi thế, bồ thí chẳng bị thiệt thòi. Trong đời quá khứ, quý vị thường thích tu Tài Bồ Thí, trong một đời này sẽ được giàu có. Nói cách khác, nhất định được hưởng cuộc sống vật chất rất tốt, nhưng chưa chắc quý vị thông minh, trí huệ. Thật đấy! Chúng ta thấy trong thế gian này có rất nhiều chủ xí nghiệp rất giàu có, thậm chí còn chưa học đến Trung Học, chỉ học xong Tiểu Học, hoặc tốt nghiệp Sơ Trung (cấp 2, Trung Học Đệ Nhất Cấp), nắm giữ gia tài ức vạn. Trong kinh, đức Phật giảng đó là do trong quá khứ tu phước nhưng không tu huệ, tức là tu Tài Bồ Thí, chẳng biết tu Pháp Bồ Thí. Có của cải, nhưng không thông minh, trí huệ.

Loại người thứ hai thông minh, trí huệ tốt vời, nhưng chẳng có của cải gì, đời sống vật chất khá gian nan. Tôi thấy rất nhiều, các giáo sư đấy! Tiên sinh Phương Đông Mỹ, tiên sinh Hồ Thu Vân đúng là thông minh tuyệt đỉnh, có đại trí huệ, nhưng chẳng có của cải gì. Phần lớn, một bộ sách họ không có tiền mua, phải sống nhờ dạy học, suốt đời phải dạy học, lãnh một chút lương tháng hay lương giờ. Trong kinh Phật nói những vị ấy trong quá khứ chỉ chú trọng Pháp Bồ Thí, coi thường Tài Bồ Thí. Bởi thế, đức Phật dạy chúng ta phải nỗ lực tu tập cả hai thứ bồ thí, tu phước và tu huệ thì quả báo mới viên mãn.

Phước huệ song tu, phước là Tài Bồ Thí, huệ là Pháp Bồ Thí; đương nhiên trong ấy cũng bao gồm Vô Úy bồ thí. Thương xót chúng sanh khổ nạn, tùy thời giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, sẽ được quả báo mạnh khỏe sống lâu. Nếu từ kinh điển, quý vị tham cứu thấu suốt đạo lý này, sau đó lắng lòng quan sát những người chung quanh ta, quý vị sẽ thấy rất rành rẽ, sẽ tự biết một đời này mình phải nên làm gì.

Học Phật, quý vị noi theo Phật, lúc chúng ta niệm Tam Quy Y: “*Quy y Phật, nhị túc tôn*”. Nhị là hai sự việc, hai sự gì? Phước và Huệ. Túc (足) là trọn đủ, là viên mãn. Đức Phật viên mãn cả Phước lẫn Huệ. Tôn (尊) là tôn kính, tôn trọng, tôn quý. So với hết thảy người xuất thế gian và thế gian, Phật phước huệ bậc nhất, không có thể sánh bằng Phật. Vì thế, Phật là “*phước huệ nhị túc tôn*”. Từ vô lượng kiếp đến nay, đức Phật tu phước, tu huệ. Thích Ca Mâu Ni Phật một đời dạy học suốt bốn mươi chín năm. Dường như chúng ta chẳng thấy trong kinh nói đức Phật

Thích Ca Mâu Ni Phật bồ thí tài vật lớn lao chi cả! Thích Ca Mâu Ni Phật đã xuất gia, toàn bộ tài sản chỉ là ba y một bát, tay chẳng cầm đến tiền, mỗi ngày khát thực, người ta cúng dường chỉ một bát com, chẳng cúng dường tài vật. “Phật không tu Tài Bồ Thí”, nếu quý vị thấy như vậy là đã thấy trật rồi!

Tài có nội tài, có ngoại tài. Ngoại tài là vật ngoài thân, tiền tài là vật ngoài thân! Nay chúng tôi nói đến Tài Bồ Thí, mọi người đều nghĩ đến ngoại tài, chẳng nghĩ đến nội tài. Nội tài là gì? Thân thể! Thân thể là nội tài, nay chúng ta gọi là “nghĩa công” (làm công quả, làm việc thiện nguyện - volunteer). Chúng ta phục vụ người khác chẳng cần báo đáp, hoàn toàn là nghĩa vụ. Dùng gì? Dùng chính thân ta để bồ thí, dùng sức lực và thời gian của mình, đó gọi là “nội tài”. So với ngoại tài, bồ thí nội tài được phước còn lớn hơn nhiều. Ngoại tài: Quý vị có tiền bồ thí một chút, đúng là không đáng kể gì, không phải nhọc lòng, chẳng phải mệt sức. Bởi thế, lao tâm lao lực thuộc về Nội Tài bồ thí, Tài Bồ Thí đấy!

Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật hằng ngày dạy học, dạy dỗ, giảng kinh, thuyết pháp, nội dung là pháp, dùng thân thể biểu diễn cho đại chúng xem, miệng vì đại chúng giải thích, thuyết minh tường tận. Trong khi dạy học, có đủ cả ba thứ bồ thí. Tài Bồ Thí (nội tài bồ thí), đức Phật biểu diễn nhất cử nhất động đều nhằm khai phát sự giác ngộ cho chúng sanh, mỗi câu mỗi chữ trong ngôn ngữ hoàn toàn là Pháp Bồ Thí, khuyên mọi người đoạn ác tu thiện, khuyên mọi người phá mê khai ngộ; đây chính là Vô Úy Bồ Thí.

Đức Phật suốt đời giáo hóa chúng sanh, chẳng lấy học phí của người đời, chẳng yêu cầu người khác cúng dường, Ngài là tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Bởi vậy, tu phước, tu huệ, tu trường thọ như thế đều trọn vẹn. Phàm phu chẳng biết bỏ mình vì người khác, chẳng biết tu ba thứ bồ thí. Vì vậy, mạng vận khuyết tài, khuyết trí huệ, lại còn bị quả báo đoản mạng. Quả báo đoản mạng là do đâu? Trong kinh, đức Phật thường nói là do sát sanh hại mạng. Vì thế, Ngũ Giới dạy rất rõ rệt: Chẳng sát sanh! Chẳng giết sẽ được khỏe mạnh, sống lâu; quả báo là trường thọ, khỏe mạnh; chẳng trộm cắp, được giàu có lớn; chẳng dâm, được đoan nghiêm, tướng mạo trang nghiêm; chẳng uống rượu, được trí huệ, không mê hoặc, không điên đảo; chẳng vọng ngữ, được tin cậy, lời nói được nhiều người tin tưởng, học theo.

Mỗi một khoa mục tu học đều có quả báo thù thắng. Phàm phu chẳng hiểu đạo lý này, chẳng hiểu chân tướng sự thật, cứ mê hoặc, điên đảo. Những chủng tử trong A Lại Da Thức, chủng tử thiện chẳng hiện

hành, chúng tử ác khởi hiện. Vì sao? Do gặp duyên, nghĩ đến ý niệm chẳng thiện! Hành vi chẳng lành, làm sao được hưởng vui ư? Tư tưởng chẳng lành, hành vi chẳng lành, nhất định phải chịu khổ, chẳng được vui. “Ngũ Âm Xí Thanh Khổ”. Phiền não nơi thân tâm bức bách quý vị, hiện thời gọi là “bị áp lực”, đó là Khổ Khổ.

Loại lớn thứ hai là Hoại Khổ. Đức Phật dùng sự kiện này để cảnh cáo chúng ta: Dầu cho mãi nghiệp của quý vị khá lắm, trong đời quá khứ tu được chút thiện nghiệp, trong một đời hiện tại này có địa vị, có quyền lực, có quyền thế, có của cải, mãi nghiệp tốt, sung sướng nhỉ! Nhưng quý vị có nghĩ tới lời cổ nhân nói: “*Lạc cực sanh bi*” hay chẳng? Niềm vui đạt đến cùng cực sẽ khó gìn giữ, “*bất cứu trụ cố*” (chẳng tồn tại lâu dài), “*lạc thị Hoại Khổ*” (lạc là Hoại Khổ). Vì sao vậy? Vui đến mức cùng cực, bèn có biến hóa, khổ bèn xảy ra. Chúng ta thường nói là “*lạc cực sanh bi*”. Cổ nhân nói rất hay, nói cũng nhiều, nhưng mọi người nghe qua rồi thôi, chẳng lưu tâm, thường hay không chú ý, coi thường, lúc hưởng lạc bèn tạo ác nghiệp.

Đừng nói gì khác, người đời coi những gì là vui? Nói chung, chẳng ngoài tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ; những điều này dễ khiến tâm tham phát khởi nhất. Nhất là sắc dục và thực dục, ham ăn ngon! Thích ăn ngon chẳng tránh khỏi sát sanh. Quý vị sát hại chúng sanh, ăn thịt chúng nó, lúc đó cảm thấy rất sướng, có nghĩ trong tương lai sẽ phải đền nợ hay không? Những lời đức Phật nói trong kinh điển đều là sự thật. Người chết thành dê, dê chết thành người, ăn nuốt lẫn nhau, oan oan tương báo. Mang thân dê là do nghiệp chẳng lành, gặp phải duyên không lành, đọa làm thân súc sanh. Hôm nay gặp phải quý vị, quý vị ăn nó, nó chẳng cam tâm tình nguyện cho quý vị ăn thịt. Hiện tại, chúng tôi thường nghe có kẻ nói: “*Nhược nhục cường thực, thích giả sanh tồn*” (Mạnh ăn thịt yếu là hợp lẽ sanh tồn). Hai câu này khiến hết thảy chúng sanh lầm lạc. Ai thốt ra câu ấy phải chịu trách nhiệm nhân quả. Hai câu ấy là sai lầm. Nếu làm theo hai câu ấy, quý vị phải hiểu là còn hai câu tiếp theo nữa, nhưng quý vị không biết. Hai câu sau đó là gì? “*Oan oan tương báo, chẳng lúc nào xong*”. Nếu quý vị niệm cả bốn câu ấy, tâm tinh giác sẽ được nâng cao; chứ lúc quả báo hiện tiền mới hối thì chẳng kịp nữa.

Ấn Quang đại sư lão nhân gia suốt đời giáo hóa chúng sanh, Ngài hết sức coi trọng nhân quả báo ứng. Nói đến nhân quả báo ứng, Ngài luôn nhắc đến An Sĩ Toàn Thư, [khen sách đó] giảng nhân quả báo ứng rất thấu triệt, giảng rõ ràng nhất. Kế tiếp, Ngài còn giới thiệu, khuyên

người ta nhất định phải đọc *Cảm Ứng Thiên Vựng Biên*. Đại sư khuyên người đời đọc hai cuốn sách ấy. Sự tình nhân quả báo ứng thiên chân vạn xác (ngàn phần đúng, vạn phần chính xác), quý vị phải lắng lòng quan sát sẽ thấy nhân quả báo ứng luôn hiển hiện sống động quanh chúng ta. Những kẻ mê hoặc, điên đảo không nhận thấy, hết sức đáng sợ, hết sức kinh hãi. Vì thế, người giác ngộ, người hiểu rõ ràng, có đại phước báo, có đại quyền thế thì có chịu hưởng chăng? Không hưởng gì!

Tiên sinh Phạm Trọng Yên là người được *Ấn Quang* đại sư bội phục nhất. Ông ta là người đời Tống, làm *Tể Tướng*, từng làm *Nguyên Soái*, đúng là “xuất tướng, nhập tướng”⁴⁸, đại phú, đại quý. Cuộc sống thường ngày trong nhà ông hết sức đơn giản, chất phác. Ông đem tiền tài nuôi sống những gia đình bần cùng khốn khổ, hơn ba trăm gia đình! Nói như bây giờ là “sự nghiệp từ thiện”, ông ta làm việc đó. Chúng ta thấy trong sách *Liễu Phàm Tứ Huấn*, tiên sinh *Liễu Phàm* làm tri huyện *Bảo Trì*, thâm nhập khá dư giả, nhưng cuộc sống cũng rất đơn giản, tiết kiệm, dùng tiền của dư ra để giúp người nghèo cùng.

Qua sách ấy, chúng ta thấy một điều: Trời mùa Đông, vợ ông ta cho con mặc áo bông do chính tay bà ta may, chứ không thuê người ngoài làm để đỡ tốn tiền một chút. Thấy vợ dùng bông vải⁴⁹ để may áo bông, tiên sinh *Liễu Phàm* hỏi: “Nhà mình có bông sợi rất nhiều, sao không dùng bông sợi mà lại dùng bông vải?” Bà vợ đáp: “Bông sợi bán hết rồi, bông sợi đắt tiền, bông vải rẻ hơn. Em bán bông sợi, mua thêm một tấm bông vải nữa, con có áo mặc, lại còn có thể may áo cho người nghèo mặc”. Quý vị thấy bà ta ôm tấm lòng gì? Niệm niệm nghĩ đến người khổ trong thế gian rất nhiều, niệm niệm nghĩ giúp đỡ những người đó. Tâm ấy chẳng tầm thường! Giúp người khác chẳng cầu báo đáp; quý vị giúp những người nghèo cùng, họ có báo đáp được chăng? Không thể được! Chẳng cầu báo đáp, tích phước đức lớn lao!

Thời thời khắc khắc, niệm niệm đều nghĩ đến người khổ sở trong thế gian, xưa nay những ai đọc sách hiểu lý giác ngộ không ai chẳng vậy. Bởi thế nhà họ *Phạm*, tiên sinh *Phạm Trọng Yên* một đời tích được phước đức lớn lao, mãi cho đến hiện tại, con cháu gia đình ở *Tô Châu*

⁴⁸ “Xuất tướng nhập tướng” (出將入相): Tướng (將) là tướng quân cầm quyền bên ngoài biên cương hay các tỉnh, nên gọi là “xuất tướng”, còn Tướng (相) là Thừa Tướng trong triều đình, thân cận vua nên gọi là “nhập tướng”. Câu này ca ngợi những người nắm quyền cao chức trọng trên cả phương diện văn lẫn võ.

⁴⁹ Bông vải, nguyên tác là “miên hoa” tức quả của cây bông vải (cotton) chưa đánh thành sợi.

đều khá. Suốt đời Ân Quang đại sư tôn kính Khổng lão phu tử nhất, kế đó là Phạm Trọng Yên; khi giảng kinh, thuyết pháp, Sư thường nhắc đến. Họ đều là những tấm gương, là khuôn thước cho chúng ta.

Nay chúng ta hiểu rõ: Hưởng thụ lớn nhất trong đời người là gì? Đọc sách. Thiện sự lớn nhất là “giảng học”. Đọc sách thánh hiền, truyền cái đạo của thánh hiền, đây là sự nghiệp thế gian bậc nhất, không có gì thù thắng bằng! Nhưng không phải ai cũng có duyên ấy, chúng ta phải hiểu, phải nhận thức rõ ràng. Thực sự hiểu biết rõ ràng, quý vị sẽ nỗ lực tích cực giống như cỏ nhân, dũng mãnh tinh tấn, chẳng buông lung.

Nghiêm túc đọc sách thì phải ghi bút ký, đó là gì? Là thành tích mỗi ngày. Nội dung bút ký có thể chia thành hai bộ phận lớn: Một bộ phận là trích yếu những câu kinh điển trọng yếu. Kinh điển quá dài chẳng dễ gì nhớ, nhưng những câu trọng yếu nhất phải ghi vào bút ký để đọc cho nhuần. Phần thứ hai là tâm đắc, cảm tưởng. Mỗi ngày quý vị chỉ cần ghi hai loại này. Lâu ngày chầy tháng nghiêm túc nỗ lực làm như vậy, dăm ba năm sẽ đổi khác, không giống như cũ nữa. Giống như đi học trong trường, phải ghi bút ký, phải viết báo cáo; trên Đại Học phải viết luận văn, quý vị phải làm thực sự! Nếu chẳng làm theo cách này, cứ hằng ngày nghe, nghe bao nhiêu năm nhưng cái gì cũng không biết. Nghe tai này lọt qua tai khác; bởi thế, lâu ngày chầy tháng chẳng thu thập được gì, chẳng bằng chất phác niệm Phật! Quý vị nghĩ xem có đúng vậy hay không? Chẳng thực sự đổ công học tập, nhưng quý vị thật tà niệm Phật, chuyên tu Tịnh nghiệp thì cũng thành tựu chẳng thể nghĩ bàn.

Thế Tôn nêu lên Hoại Khổ, nhằm khiến cho chúng ta tỉnh giác cao độ; đây là chuyện kinh điển thường nói đến: “*Thế gian vô thường quốc độ nguy thùy*” (Thế gian vô thường, cõi nước mong manh), thường nghĩ đến Thành - Trụ - Hoại - Không, người hiện thời gọi là “định luật tự nhiên”.

Loại thứ ba là Hành Khổ. Hành (行) là gì? Không khổ, không vui. Không khổ không vui là chuyện tốt, sao lại bảo là Khổ? Vì chẳng thể giữ được lâu dài, vì tánh nó đổi dời, chẳng thể giữ được vĩnh viễn; đó là khổ! Dục Giới khổ nào cũng có đủ. Nếu quý vị tu Thiền Định, tu Tứ Vô Lượng Tâm, sanh vào Tứ Thiên Thiên của Sắc Giới. Tứ Thiên Thiên không có Khổ Khổ, tức Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Cầu Bất Đắc, Ái Biệt Ly, Oán Tắng Hội, Ngũ Ấm Xí Thanh đều không có; họ đã đoạn dục hay chưa? Thừa cùng quý vị: Họ chưa đoạn! Dục chưa đoạn, làm sao ly dục được? Công năng Thiền Định của họ đã khuất phục dục, khiến dục không còn khởi tác dụng nữa, công phu Thiền Định sâu xa! Chư thiên

Sắc Giới có sắc tướng, có thân thể, nhưng không cần ăn uống. Vì thế, Sắc, Danh, Âm Uống, Ngũ Nghi đều chẳng có. Họ chẳng cần ngũ nghi, chẳng cần ăn uống, phước báo rất lớn. Họ có cung điện, không có Khổ Khổ, nhưng như thế nào? Có Hoại Khổ!

Lúc nào chịu Hoại Khổ? Đến khi thọ mạng sắp chấm dứt, thân thể bị biến đổi, hoàn cảnh cư trú cũng nảy sinh biến hóa. Lúc ấy, họ cảm thấy rất khổ. Bình thường, họ chẳng biết đến khổ, thực sự vui. Người Sắc Giới hóa sanh, không bị Ái Biệt Ly, không bị Oán Tắng Hội (chán ghét mà phải gặp gỡ), vì sao vậy? Người trong cảnh giới ấy đều tu Định, đều có công phu Thiền Định, đều có thiện hạnh, tu Từ - Bi - Hỷ - Xả. Quý vị chẳng hội đủ những điều kiện ấy, chẳng thể sanh vào cảnh giới ấy được. Vì vậy, đức Phật đã từng nói đến ba thứ Thiên, đệ tam Thiên chính là “thế giới Cực Lạc”⁵⁰ trong thế giới Sa Bà này, sung sướng lắm! Sướng như thế nào? Không khổ, nhưng phải nhớ rõ, đến lúc hết thọ mạng, Hoại Khổ bèn hiện tiền. Bởi vậy, họ có Hoại Khổ, có Hành Khổ; trời Sắc Giới có hai mối Khổ sau, không có mối khổ đầu tiên (Khổ Khổ).

Lên cao hơn là trời Vô Sắc Giới, Vô Sắc Giới thiên không có thân thể. Không có thân thể, đương nhiên chẳng cần cung điện lầu gác, không cần thiết! Vì thế, Hoại Khổ cũng không có. Họ không có Khổ Khổ, Hoại Khổ cũng không, nhưng có khổ gì? Có Hành Khổ. Hành Khổ tức là cảnh giới của họ chẳng thể giữ vĩnh viễn, nó có thời gian tánh. Lên tầng trời cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên, đức Phật nói thọ mạng của họ là tám vạn đại kiếp; nhưng đến khi thọ mạng hết, vẫn phải đọa lạc. Hết lối đi lên chỉ còn cách đọa xuống. Bởi đã đạt đến cảnh giới ấy, họ (chư thiên Vô Sắc Giới) đều làm tưởng mình đã thành Phật, tưởng mình đã chứng đắc Đại Bát Niết Bàn. Thọ mạng còn có lúc hết là không được rồi! Cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát dạy “bát Niết Bàn là giả”, các Ngài nói bất sanh bất diệt, vì sao mình còn có sanh diệt? Nguyên do như sau: Vừa khởi lên ý niệm báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, hủy báng Tam Bảo; do tội nghiệp ấy, đọa vào địa ngục A Tỳ, đó gọi là “trèo cao, ngã đau”. Bò lên tới đỉnh diêm, ngã lăn xuống, rớt tồm vào địa ngục A Tỳ. Vì thế, đức Phật nói “ba cõi đều khổ”. Kinh Pháp Hoa dùng tỷ dụ: “*Tam giới hỏa trạch*” (ba cõi như nhà bốc lửa).

Trái lại, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới những nỗi khổ ấy đều

⁵⁰ Thật ra, Đệ Tam Thiên không phải là thế giới Cực Lạc. Đây chỉ là cách nói ví von vì cõi trời ấy có sự hưởng thụ tự nhiên, không có Khổ Khổ, cơm áo tự nhiên, không bị ái dục chi phối nên tạm gọi là Cực Lạc.

chẳng có. Chúng ta phải hiểu như vậy. Từ Vân đại sư từng nói (Ngài là người sống vào thời Càn Long nhà Thanh): “Cõi này (tức thế giới Sa Bà) so với thế giới Cực Lạc có mười thứ khó - dễ. Nơi thế giới của chúng ta có mười điều khó, thế giới Cực Lạc có mười điều dễ”. Bọn họ chẳng có khổ, tức là “*hưởng các sự vui*”.

Thứ nhất, không có nổi khổ tội báo. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ác báo, vì sao không có ác báo? Không có cơ hội hưởng thụ để tạo ác nghiệp; cũng là nói người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định không có ác niệm, nhất định chẳng nói lời ác, nhất định chẳng tạo ác nghiệp. Ba nghiệp thân - ngữ - ý thuần tịnh, thuần thiện, làm sao có khổ báo? Dẫu là đời nghiệp vãng sanh, nhưng đó là mang theo chủng tử của ác nghiệp trong đời quá khứ. Chúng ta biết chủng tử nếu chẳng gặp duyên sẽ chẳng thể khởi hiện. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ác duyên, cho nên những chủng tử mang theo ấy vĩnh viễn chẳng thể hiện hành được. Tức là trong hoàn cảnh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thấy người, sự, vật đều thuần thiện, thuần tịnh. Chúng ta mong mỗi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể không hiểu chuyện này. Phải tu thuần thiện thuần tịnh ngay từ bây giờ, há còn đợi đến lúc nào nữa đây?

Tâm thuần tịnh, tu tâm thanh tịnh, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chẳng để mảy may bất tịnh xen tạp, quyết định chẳng vướng ô nhiễm. Tu tâm thanh tịnh bằng cách nào? Phải buông xuống vạn duyên. Trong thế gian này, tùy duyên cho qua ngày tháng, không tranh với người, không cầu nơi sự, tâm quý vị mới thanh tịnh. Nếu quý vị phải tranh, phải cầu, sẽ chẳng thể thanh tịnh. Có đồng học hỏi: “Tôi tranh đấu với chính mình là đúng hay sai?” Tranh đấu với chính mình tâm đã chẳng thanh tịnh, huống hồ tranh với người khác? Tất nhiên phải buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, hết thấy thuận theo sự dạy răn của đức Phật, tùy thuận những giáo huấn trong kinh luận thì mới có thể thực sự thoát ly biển khổ Sa Bà, chẳng tạo nghiệp nữa. Chẳng những là không tạo ác nghiệp, mà ngay cả thiện nghiệp cũng không tạo. Vậy thì chúng ta có cần đoạn ác tu thiện không? Cần chứ! Đoạn ác tu thiện chẳng phải là vừa tạo thiện nghiệp vừa đoạn ác nghiệp hay sao? Đúng rồi, đó là Sự. Về mặt sự thì phải làm như vậy, nhưng trong tâm chẳng chấp trước.

Đoạn ác chẳng phải là đoạn ác về mặt hình tướng, tu thiện chẳng phải là tu thiện trên mặt hình tướng. Tâm quý vị thanh tịnh; tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, đây là điều kiện hết sức quan trọng để vãng sanh. Lục Tổ

Đàn Kinh có câu: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần?*”, kinh Kim Cang nói: “*Phàm hữu sở tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng). Đâu đâu cũng đều nhằm cảnh tỉnh chúng ta, khởi tâm động niệm là trật rồi. Chúng ta đoạn ác tu thiện, đoạn ác là tiêu nghiệp chướng, tu thiện là vun đắp phước huệ, chẳng để lại dấu tích là vượt thoát. Để lại dấu tích (chấp trước) thì sao? Chẳng thể ra khỏi lục đạo; quý vị đoạn ác chẳng đọa vào ba đường ác, tu thiện sanh vào ba thiện đạo, chẳng phải là chuyện dễ! Vì thế, phải thông thuộc, phải hiểu thấu tường tận kinh giáo, thì chính mình mới là người hiểu rõ ràng, mới thực sự có thể liễu sanh tử xuất tam giới.

A! Bây giờ đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại tiếp tục xem phần “*thọ chư lạc*” (hưởng các sự vui). Ở trên đã nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng những không tạo ác nghiệp mà ngay cả ác niệm cũng chẳng sanh. Đây chính là hoàn cảnh tốt đẹp ở nơi ấy, thánh hiền đông đảo, đều là thượng thiện nhân cùng họp mặt một chỗ. “*Thượng thiện*” là Đẳng Giác Bồ Tát, bậc Địa Thượng Bồ Tát rất nhiều. Những gì lục căn quý vị tiếp xúc đều là thuần thiện, thuần tịnh; vì thế, nhất định chẳng có ác duyên, những chủng tử tập khí mang theo trong A Lại Da Thức của quý vị không có gì để dẫn khởi phát xuất cả. Ở nơi ấy, Định lực dần dần thành thực, mở mang trí huệ, phiền não tự nhiên chuyển thành Bồ Đề, chuyển phiền não thành Bồ Đề!

Thứ hai, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thoái chuyển, dầu người Hạ Hạ phẩm vãng sanh thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ cũng đều viên chứng ba thứ Bất Thoái, “*vô cầu tịch diệt chi thoái chuyển, vô tu đạo chi chướng ngại*” (không bị thoái chuyển trong việc cầu Tịch Diệt, tu đạo không bị chướng ngại). Cầu Tịch Diệt: Tịch Diệt là Đại Bát Niết Bàn, thanh tịnh tịch diệt, đây là mức độ tu hành cao nhất. Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thấp hơn mức độ ấy một chút, vì sao? A Duy Việt Trí Bồ Tát là Vô Sanh Pháp Nhãn Bồ Tát. Trong bài kệ Hồi Hương, ta thường niệm “*hoa khai kiến Phật, ngộ Vô Sanh*”, đây chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cao hơn nữa là quả địa Như Lai, tức Tịch Diệt Nhãn. Bởi vậy, cầu Phật quả viên mãn rốt ráo, chỉ có tiến, chứ không lùi sụt, chẳng giống như những thế giới khác, thế giới Sa

Bà của chúng ta dĩ nhiên không cần phải nói nữa, tiền thì ít, lui thì nhiều, chẳng thể thành tựu dễ dàng!

Nói đến tu đạo, tu hành, chướng duyên rất nhiều. Bao nhiêu người tu hành chúng ta vừa phát tâm, giống như người chạy đua, nhóm chân từ mức xuất phát, có người vọt lên dẫn đầu, có người tụt lại đằng sau, có người bị loại. Do nguyên nhân nào? Quá nhiều chướng duyên chướng ngại mình. Có người chướng ngại ta, có sự chướng ngại ta, có vật chướng ngại ta, lại còn có oán thân trái chủ chướng ngại ta, hữu hình, vô hình rất nhiều. Đó là chướng duyên. Ai có thể vượt khỏi tầng chướng duyên ấy? Ai có thể thành tựu được? Chẳng có gì khác cả! Một dạ hướng về đạo! Ngày ngày đọc kinh, ngày ngày nghiên cứu giáo pháp, không biếng nhác một ngày nào, tất cả chướng duyên chẳng cần quan tâm đến, cốt sao tâm ta nơi đạo, hạnh ta nơi đạo. Tự mình chú ý quán sát, tư duy, nếu tâm hạnh mình chẳng rời khỏi đạo, chẳng trái nghịch sự giáo huấn của Phật, tất cả hết thảy chướng duyên chẳng cần quan tâm đến là được rồi! Ngàn vạn phần chẳng được dùng tinh thần lẫn thời gian để nghiên cứu cách đối phó chướng ngại. Nếu làm như vậy, chướng ngại càng lớn.

Chẳng hạn như người ta hủy báng mình, quý vị muốn tìm cách trả đũa, chẳng phải tự mình chuốc phiền đó ư? Lúc ấy, sẽ như thế nào? Một khi có ý niệm ấy, tâm quý vị đã trái nghịch đạo nghĩa, Phật chẳng dạy chúng ta trả đũa! Đức Phật dạy chúng ta phương pháp nào? Mặc Tẫn. Mặc Tẫn nghĩa là gì? Hoàn toàn không đếm xỉa đến, anh hủy báng cứ việc hủy báng, tôi đi đường tôi. Giống như anh đâm tôi, tôi không phản kháng, cái đâm đó như không. Người ta hủy báng, mình liền trả đũa. A! Vậy thì đôi bên đập lộn. Bị chửi không trả miếng, bị đánh không đập lại, để tâm nơi đạo, hạnh dốc nơi đạo, dũng mãnh, tinh tấn, nói thật ra, việc đó khó lắm! Người tầm thường chẳng thể nhẫn được. Khó nhẫn mà nhẫn được, khó hành mà hành được thì mới đi xuống sẽ trên đường Bồ Đề được! Càng đến gần cửa ải quan trọng, càng gặp nhiều chướng duyên nghiêm trọng, chúng ta phải dùng những chướng duyên ấy để khảo nghiệm chính mình.

Hiện tại, chúng ta đã đạt đến mức độ công phu ấy thì phải vượt được cuộc khảo thí ấy. Bởi vậy, chướng duyên chẳng có gì là xấu. Trong kinh giáo, đức Phật thường dạy chúng ta: Thế gian, xuất thế gian chẳng có gì là đúng hay sai tuyệt đối cả. Cát - hung, họa - phước do đâu? Nói thật ra, đều do một niệm của chính mình. Một niệm của chính mình “chánh” sẽ hóa hung thành cát, chuyển họa thành phước, có gì không tốt

đâu? Công phu tu hành của quý vị hữu dụng, khởi tác dụng. Nếu quý vị chẳng thể nhẫn, có một niệm sân hận, có một niệm báo thù, sẽ bị thoái chuyển một mức rất lớn, quý vị bị đào thải khỏi đường Bồ Đề. Người như vậy chẳng phải chỉ là chín mươi chín phần trăm đâu nhé, không phải vậy! Chỉ sợ là trong một ngàn người, trong một vạn người, người thực sự có thể đột phá chỉ là một phần vạn; nói thật ra còn chưa được một phần vạn nữa cơ đấy!

Quý vị nghĩ xem: Người học Phật nếu thực sự là một phần vạn [có thể đột phá được] mà người học Phật chẳng ít, có đến trăm vạn, ngàn vạn; nếu là một phần vạn, thì người thực sự có thành tựu cũng được vài trăm, cũng có thể cả ngàn người, [nhưng trên thực tế] đâu có được như vậy! Do đó, quý vị mới hiểu chuyện này rất khó, phải hàng phục phiền não tập khí của chính mình. Chúng tôi hết sức may mắn, nếu quý vị hỏi vì sao chúng tôi có thể hàng phục được phiền não tập khí ư? Chẳng có gì khác cả, ngày ngày đọc kinh, ngày ngày giảng kinh, ngày ngày nghiên cứu, toàn bộ tinh thần tâm lực đều đặt nơi kinh giáo. Do vậy không có tinh thần, không có thời gian để quan tâm đến gì khác, thực sự là như vậy. Chẳng những không có thời gian quan tâm đến thứ gì khác, mà cũng chẳng có tinh thần. Rất nhiều đồng tu viết thư cho tôi, tôi không có thời gian đọc. Bởi thế, tôi hay khuyên mọi người đừng gửi thư cho tôi, tôi thực sự chẳng muốn xem.

Vô tình giờ sách cũ thấy thư kẹp trong đó, bì thư chưa xé, mở ra xem, đại khái là bảy tám năm trước, quên bằng luôn! Bởi vậy, tôi hy vọng mọi người đọc kinh, niệm Phật. Nếu có vấn đề thì niệm Phật nhiều, đọc kinh nhiều sẽ tự nhiên hiểu ra. Việc tốt bậc nhất trong pháp thế gian lẫn xuất thế gian là đọc kinh, niệm Phật, vì người khác diễn nói, trong kinh, đức Thế Tôn gọi là “*đọc tụng thọ trì, vì người diễn nói*”. Đây chính là việc tốt lành bậc nhất, thiện hạnh bậc nhất, thuần tịnh thuần thiện trong các pháp thế gian và xuất thế gian. Pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng nhiệm trước, đấy mới thực sự là đại tự tại. Dầu chẳng đạt được tự tại, nhất định đạt được tiểu tự tại. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tu hành chẳng có chướng ngại, ở bên ấy không có chướng duyên.

Do vậy, đức Thế Tôn mới giới thiệu cho chúng ta biết “*kỳ quốc chúng sanh*” (chúng sanh trong cõi ấy), chúng sanh cõi ấy đều là những người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ chẳng có các sự khổ, “*đản thọ chư lạc*” (chỉ hưởng các sự vui). Những niềm vui trong các sự vui ấy rất nhiều, chỉ nêu lên hai điều: Một là chẳng thoái chuyển, hai là

không có chướng ngại, “*cố danh Cực Lạc*” (nên gọi là Cực Lạc).

6.3.1.2.2. Địa Lợi Chi Lạc (sự vui nơi hoàn cảnh cư trú)

Lại xem tiếp đoạn thứ hai, đoạn thứ hai là “*địa lợi chi lạc*”. Bốn câu trên đây là nói tổng quát, phần tiếp theo cho biết: Rốt cuộc cõi ấy có những sự vui nào. “*Địa lợi chi lạc*” là sự vui về mặt cư trú, sự vui nơi hoàn cảnh cư trú. Chúng ta hãy đọc kinh văn:

Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuân, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo, châu táp vi nhiểu. Thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc.

又舍利弗。極樂國土。七重欄楯。七重羅網。七重行樹。皆是四寶。周匝圍繞。是故彼國名為極樂。

(Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc, bảy tầng lan can, bảy tầng lưới màn, bảy tầng hàng cây, đều bằng bốn báu, bao quanh trọn khắp. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc).

Đoạn này nói đến địa lợi. “*Chúng bảo lan thụ*” (lan can, cây cối bằng các thứ báu), sự vui về mặt địa lợi. [Sách Yếu Giải viết]: “*Thất trùng biểu thị thất khoa đạo phẩm, hựu biểu viên mãn chi ý, tứ bảo biểu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tứ đức*” (Bảy tầng biểu thị bảy khoa đạo phẩm, còn biểu thị ý nghĩa viên mãn. Tứ bảo biểu thị bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh). Ta nhất định phải hiểu ý nghĩa biểu pháp trong đoạn kinh văn này. Đức Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp trọn chẳng ngoài những ý này. Bảy khoa Đạo Phẩm chính là ba mươi bảy Đạo Phẩm. Ba mươi bảy Đạo Phẩm chia thành bảy loại lớn, những môn này các đồng học đã biết rồi: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo. Khoa (科) là loại, [thất khoa Đạo Phẩm] nghĩa là ba mươi bảy Đạo Phẩm xếp thành bảy loại. Những Đạo Phẩm này thông cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, Hiền lẫn Mật, Tông lẫn Giáo, dùng ba mươi bảy Đạo Phẩm này đại diện cho toàn bộ Phật pháp.

Do đây biết rằng: Chẳng riêng mình đức Phật thuyết pháp, mà sáu trăm cũng đều thuyết pháp, biểu thị pháp mà! Biểu thị ba mươi bảy Đạo Phẩm, có gì không thuyết pháp? Tình và vô tình thảy đều thuyết pháp. Quý vị nghĩ thử xem, trong hoàn cảnh ấy, quý vị có thoái chuyển được

chăng? Chẳng thể được! Không có chướng duyên! Ở nơi này, người, sự, hoàn cảnh vật chất thường xuyên gây chướng ngại, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng vậy! Số Bảy biểu thị ý nghĩa viên mãn, bởi vậy, đọc kinh này nhất định phải hiểu ý nghĩa. Có rất nhiều người đọc đến đoạn kinh văn này, bảo tôi:

- Thưa pháp sư! Thế giới Cực Lạc hay ở chỗ nào? Chỗ nào cũng giống hết nhau. Đâu đâu cũng là bảy tầng lan can, bảy tầng lưới幔, chỗ nào cũng giống vậy, có đẹp mắt gì đâu? Chẳng như thế giới của chúng ta. Tới đâu cũng giống hết nhau, chẳng ra nghĩa lý gì! Xem một chỗ xong, đâu còn muốn đi coi chỗ khác!

Họ chẳng biết Bảy chẳng phải là con số, con số ấy nhằm biểu thị pháp, tượng trưng cho viên mãn. Điều gì viên mãn? Quý vị thích thấy như thế nào, [cảnh tượng] bèn biến hóa như thế đó thì mới gọi là “viên mãn”! Thật đó, hoàn cảnh cư trú của Tây Phương Cực Lạc thế giới thuận theo lòng muốn, quý vị nghĩ đến điều gì liền biến ra giống hết như vậy. Y phục cũng như vậy, thức ăn cũng như vậy, tuyệt đối chẳng cần đến sức người lo liệu. Hoàn cảnh cư trú chẳng cần dùng đến sức người xây đắp, tạo dựng, mà là do biến hóa ra, tùy thuận lòng muốn nên gọi là “viên mãn”. Quý vị thấy trong kinh có nói, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều có nói: Quý vị thích nhà cửa to, nhà cửa liền biến ra to. Quý vị thích nhà cửa hẹp, thích ở trong phòng nhỏ, phòng bèn rất nhỏ. Quý vị thích nhà ở trên mặt đất, liền ở trên mặt đất; thích nhà trên không, nhà cửa liền bay lên không trung.

Thuận theo lòng muốn, đúng là tự tại như ý, đây mới là sung sướng thực sự, quyết định chẳng trở ngại người khác, chẳng xung đột quyền lợi với người khác, không hề có! Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có lợi - hại, chẳng có xung đột, chỉ có tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau hợp tác. Chẳng có phiền não, chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, hoàn cảnh sinh hoạt tốt như thế đó, thù thắng như thế đó! Bởi vậy, con số Bảy ấy biểu thị sự viên mãn. “Bảy” có nghĩa là bốn phương, trên, dưới, chính giữa; Bảy biểu thị điều này. Đây chính là viên mãn, chẳng có chút nào khuyết hãm.

“*Tứ bảo*” (bốn món báu) cũng là biểu pháp. Báu gì vậy? “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” là báu. Thường: Vĩnh hằng bất biến, chẳng giống như thế giới chúng ta vô thường. Hiện thời mọi người đều biết chuyện này. Lúc nhỏ, chúng tôi đọc sách thấy nói “*thương hải tang điền*” (biển xanh, ruộng dâu), chẳng biết nghĩa là gì! Mấy năm gần đây thiên tai nhân họa quá nhiều, một trận đại địa chấn (động đất), không

còn núi nữa, ruộng nương cũng không còn nữa, hồ ao cũng không còn nữa, đến lúc ấy mới thực sự hiểu thế nào là “*thương hải tang điền*”. Thuở bé, tôi sống ở nông thôn, thôn trang không lớn, thôn trang nhỏ thôi, chỉ có mười mấy gia đình. Trước mặt thôn trang là một cái hồ, lúc nhỏ chúng tôi thường chơi bên hồ, nhặt vỏ ốc, bắt cá. Chúng tôi xa quê nhà năm mười năm, lúc trở về lần thứ nhất, vừa đúng năm mười năm. Lúc trở về, hồ không còn nữa, cạn khô rồi. Nay cái hồ ấy đã biến thành đất canh tác, biến đổi quá nhiều! Tôi ra đi năm hai mươi tuổi, trong năm đó, có trở về một lần, ở lại hai tháng, không thấy thay đổi gì nhiều. Trở về lần này, hoàn toàn khác hẳn, rất khác với những gì trong ký ức. Đây là vô thường! Thân thích, bè bạn chơi chung lúc nhỏ không còn ai nữa. Thấy rồi vô hạn cảm khái, hơn bảy mươi năm chỉ là một cái khảy ngón tay. Nghĩ đến chuyện thuở xưa tựa hồ chuyện mới vừa hôm qua! Đời người há còn có bảy mươi năm nữa ư? Chẳng thế! Vì vậy, trong kinh đức Phật dạy chúng ta chân tướng sự thật: “*Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy*” (Thế gian vô thường, cõi nước mong manh). Cõi nước còn mong manh, cái thân này thấm vào đâu?

Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn! Tây Phương Cực Lạc thế giới là chân thường, bất biến! Nếu chúng ta hỏi vì sao cõi ấy bất biến, còn tại sao cõi chúng ta lại biến ư? Nơi này bị biến đổi là do ta có vọng niệm, ý niệm sanh diệt trong từng sát-na, niệm niệm chẳng trụ. Hoàn cảnh biến đổi theo ý niệm; gần đây chúng tôi càng lãnh hội ý niệm này sâu hơn qua thí nghiệm kết tinh nước của một khoa học gia Nhật Bản. Nước là một loại vật chất thuộc hoàn cảnh, biến hóa theo ý tưởng của chúng ta, trong từng sát-na chẳng trụ. Nếu quý vị hỏi vì sao hoàn cảnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng biến đổi ư? Tất cả cư dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trên từ A Di Đà Phật, dưới đến những ai vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ, đều chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên bất biến.

Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm nói “*duy tâm sở hiện*”: Chỉ biến hiện bởi tâm. Chín pháp giới chỉ do thức biến, Cực Lạc do tâm hiện, chẳng phải do thức biến. Bởi thế, cõi ấy thường hằng là hợp lý! Do đây biết rằng: Chỉ cần chúng ta có ý niệm, khởi tâm động niệm sẽ chắc chắn phải biến. Lúc biến chính là vô thường. Lúc nào không có vọng niệm, không có vọng tưởng, hoàn cảnh bên ngoài sẽ chẳng biến đổi. Đạo lý này chúng ta có thể hiểu được. Chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới có ý niệm hay không? Nói thật ra, do oai thần và bản nguyện của A Di

Đà Phạt gia trì, chư thượng thiện nhân làm bạn đạo đồng tham của chúng ta, chúng ta có muốn khởi tâm động niệm cũng không được. Nhất Chân pháp giới mà!

“Ngã” (我) có nghĩa là gì? Ngã nghĩa là chủ thể, tự mình có thể làm chủ. Ngã có nghĩa là tự tại, tự mình được đại tự tại, tự mình làm chủ. Chúng ta ở đây chẳng thể làm chủ. Chẳng hạn như: Ta không muốn già, nhưng cứ già dần đi, chẳng làm chủ được! Mình không muốn sanh bệnh, cứ bệnh hoài, việc trái nghịch với tâm. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mình làm chủ được. Thân thể muốn to liền biến thành cao to, muốn nhỏ một chút liền nhỏ đi, làm chủ được! Nhà cửa mình ở như tôi vừa mới nói, muốn to bèn to, mong nhỏ bèn nhỏ, nghĩ thế nào biến ra như thế nấy, thuận theo lòng muốn, chính mình làm chủ được. Qua thế giới khác lễ Phật, nhà cửa mình ở cũng tùy thân, chẳng cần ra khỏi nhà, nhà cửa bay đi được, nhà cửa cũng là công cụ giao thông. Đây chỉ là nói về Phạm Thánh Đồng Cư Độ! Đức Thế Tôn giới thiệu cõi Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta, hầu như toàn là cảnh giới của Phạm Thánh Đồng Cư Độ, khiến cho quý vị thấy nó tốt đẹp đến thế đó.

Nếu sanh về Thật Báo Độ, Thật Báo Độ mỗi ngày đều tham phỏng mười phương hết thầy chư Phật Như Lai, có cần phải đi qua đó tham phỏng, đi qua rồi trở về hay không? Chẳng cần. Vì sao? Đạt đến cảnh giới ấy, thời gian, không gian không còn nữa. Chỉ cần quý vị muốn thấy một đức Phật nào, đức Phật ấy liền ở ngay trước mặt. Ngài giảng kinh, thuyết pháp trong thế giới kia, dường như quý vị đến trong đạo tràng của Ngài, chứ thật ra, quý vị bất động! Không có trước - sau, không xa - gần. Không có trước - sau là chẳng có thời gian, quý vị có thể thưa hỏi quá khứ Phật, cũng có thể thưa hỏi vị lai Phật. Tam thế chư Phật đều ở ngay trước mặt, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó là Ngã!

Tam Học Giới - Định - Huệ tăng thượng, mỗi ngày trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, khoái lạc khôn sánh! Đó là Lạc. Người thế gian có lạc, nhưng chẳng thanh tịnh; người trong thế giới Cực Lạc có lạc, đại lạc thanh tịnh. Thanh tịnh như thế nào? Cõi lòng chẳng tơ hào nhiễm trước, chân tịnh! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có vào trong lục đạo hay chẳng? Vào chứ! Thường vào để giúp đỡ lục đạo chúng sanh, chiếu cố lục đạo chúng sanh, giáo hóa lục đạo chúng sanh. Tâm địa thanh tịnh, quyết định chẳng nhiễm. Trong thiên đường tuyệt đối chẳng tham luyến, trong địa ngục quyết định chẳng phiền não. Trong tâm họ, mười pháp giới bình đẳng. Người trong lục đạo mười pháp giới có khổ - vui, có thọ; Phật, Bồ Tát đến giáo hóa chúng sanh

không có khổ hay vui. Tuy không khổ - vui, nhưng có lúc làm bộ tợ hồ có khổ - vui. Vì sao? Để an ủi chúng sanh; chẳng muốn chúng sanh lấy làm lạ: “Sao Ngài khác với mình?” Nếu như vậy là chưa khéo dạy rồi!

Bởi Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, nói chung là khiến cho hết thấy chúng sanh cảm thấy Phật, Bồ Tát chẳng khác mình lắm, có vậy mới hòng khơi dậy chí hướng của họ: “Họ thành tựu được, sao mình không thể?” Khích động đạo tâm kẻ đó. Do đây biết rằng: Không gì chẳng nhằm giáo hóa chúng sanh, không gì chẳng nhằm giúp đỡ chúng sanh. Thật ra, chẳng những mảy trần chẳng nhiễm, mà còn chẳng đến, chẳng đi, cùng một lúc có thể phân thân vô lượng vô biên, cùng một lúc có thể trụ trong vô lượng vô biên pháp giới, chân lạc, chân tịnh. Thế gian không có bốn tịnh đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, thế gian vô thường, ba cõi thế gian đều khổ, nào có vui chi? Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ. Thế gian vô ngã, chỉ có giả ngã, chẳng làm chủ, chẳng tự tại. Thế gian chẳng thanh tịnh, khởi tâm động niệm đều nhiễm ô, tự tư, tự lợi, tham - sân - si - mạn. Đây là chân tướng sự thật. Tiếp đó, [sách Yếu Giải] viết:

“*Tự đức thâm, tha hiền biến*”: [Nghĩa là] đức của chính mình ngày càng sâu, ngày càng rộng, đức sâu, trí rộng; đồng học với mình đều là thánh hiền. “*Thánh*” là địa thượng Bồ Tát (Bồ Tát từ phẩm vị Sơ Địa trong Viên Giáo trở lên). “*Hiền*” là Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng). Tất cả những người mà quý vị tiếp xúc đều là Tam Hiền Thập Thánh Bồ Tát. Trong Tam Hiền Thập Thánh thì Thập Thánh chẳng cần phải nói nữa, địa vị Tam Hiền trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, đây là oai thần bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta nghĩ coi: Tìm đâu ra hoàn cảnh sinh hoạt tu học như thế? Trong các thế giới của chư Phật tại mười phương, có [những thế giới khác tốt đẹp như vậy] chứ chẳng phải là không có; nhưng vấn đề là quá nhiều điều kiện, quý vị không đến đó được!

Muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng khó, [để sanh vào] các thế giới khác quý vị phải đoạn Hoặc thì mới đến được. Nói cách khác, đoạn Kiến Tư phiền não rồi mới có thể sanh về Phương Tiện Hữu Dư Độ của các đức Phật khác. Phương Tiện Hữu Dư Độ là gì? Chúng ta thường nói đến Tứ Thánh Lục Phạm, lục đạo là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, bốn thánh pháp giới là Phương Tiện Hữu Dư Độ, vượt khỏi mười pháp giới. Vượt khỏi mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, phải là hạng người nào mới

đến được? Phải đoạn Kiến Tư, phải đoạn Trần Sa, Vô Minh, tối thiểu là phá được một phẩm vô minh. Quý vị có đủ điều kiện ấy thì mới có thể sanh vào Thật Báo Độ của chư Phật trong các thế giới ở những phương khác.

Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng ở chỗ nào? Phàm Thánh Đồng Cư độ và Thật Báo Trang Nghiêm Độ không hai, không khác. Đức Thế Tôn nói: Trong mười phương thế giới, chưa từng nghe nói tới [điều ấy]. Trong hết thảy các cõi Phật, chỉ có cõi nước của A Di Đà Phật là đặc biệt, bốn cõi cùng hợp lại. Các cõi Phật khác, bốn cõi đều phân biệt, chẳng hợp lại. Thế giới Sa Bà này của Thích Ca Mâu Ni Phật có bốn cõi: Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Thường Tịch Quang Độ, có hết, nhưng không ở cùng một chỗ! [Bốn cõi Tịnh Độ trong] thế giới Cực Lạc ở cùng một chỗ, chúng ta phải biết như vậy. Chúng ta lại xem tiếp đoạn kế:

“Thị Cực Lạc chi chân thật nhân duyên” (Là nhân duyên chân thật của Cực Lạc). Câu này rất quan trọng, đây là tổng kết. Nhân duyên thực sự của cõi Cực Lạc được câu này nêu lên rất chính xác, hiển thị điều gì? Y báo chuyển theo chánh báo. Bản thân quý vị không có phiền não, lại có đạo đức, có trí huệ, những người khác đều là hiền thánh, thì nói cách khác, chính quý vị cũng là hiền thánh. Đối với hoàn cảnh cư trú của hiền thánh, ắt quý vị có thể suy ra biết được hoàn cảnh ấy sẽ biến thành như thế nào? Biến thành cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta xem tiếp đoạn dưới:

“Thử đẳng trang nghiêm, Đồng Cư thị tăng thượng thiện nghiệp sở cảm” (Đối với những sự trang nghiêm như vậy, cõi Đồng Cư là do thiện nghiệp tăng thượng cảm ứng) - thiện nghiệp tăng thượng ở đây là niệm Phật, *“diệc Viên Ngũ Phẩm Quán sở cảm”* (cũng do Ngũ Phẩm Quán trong Viên Giáo cảm thành). Viên là Viên Giáo, Viên Ngũ Phẩm Quán là Ngũ Phẩm Quán của Viên Giáo. Ngũ Phẩm Quán sẽ giảng ở phần dưới, bao gồm *“tùy hỷ, đọc tụng, giải nói, kiêm hành lục độ, chánh hành lục độ”*, đều là tu hành cả. Nếu chúng ta thắc mắc: Kẻ Hạ Hạ Căn vãng sanh, những trường hợp như vậy rất nhiều, thời cổ cũng có, hiện tại cũng có, họ không biết chữ, chưa từng đi học, cũng chưa từng nghe kinh, điều gì cũng không biết, nhưng như thế nào? Chính người ấy biết đời người rất khổ, có người bảo họ: “Niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ lìa khổ được vui”. Họ tin là thật, như có được món quý báu nhất, chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất, niệm một câu A Di Đà Phật. Họ thành công, thực sự vãng sanh. Vì sao

vậy? Đó là như phần trên đã nói: “Tăng thượng thiện nghiệp sở cảm” (Do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành).

Quý vị phải hiểu thế nào là thiện nghiệp tăng thượng? Niệm A Di Đà Phật là thiện nghiệp tăng thượng. Quý vị nghĩ xem: Người nhất tâm niệm A Di Đà Phật, Thập Thiện, Ngũ Giới đều trọn đủ, họ còn có ý niệm hại người hay chẳng? Chẳng có ý niệm hại người, há còn sát sanh ư? Chẳng thế nào! Họ cũng chẳng trộm cắp, cũng chẳng dâm dục, cũng chẳng nói dối, họ giữ được hết những giới ấy. Họ hoàn toàn buông thế giới này xuống, không tham, không sân, không si. Không si là niệm một câu Phật hiệu suốt ngày từ sáng đến tối, họ chẳng ngu si đâu, thiện nghiệp tăng thượng đây!

Người căn tánh trung thượng thì như Trí Giả đại sư đã thị hiện cho chúng ta thấy: Ngài là tổ sư tông Thiên Thai, thị hiện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngài là pháp sư vừa giảng kinh thuyết pháp, lại còn lãnh đạo đồ chúng, lúc sắp mất đồ đệ hỏi: “Su phụ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đạt phẩm vị nào nơi đó?” Ngài bảo cùng đại chúng: “Vì ta lãnh chúng, lãnh chúng phải lo liệu công việc, bận tâm, chẳng thể chuyên tinh; vì thế, chỉ vãng sanh trong Ngũ Phẩm Vị”. Ngài thị hiện vãng sanh trong Ngũ Phẩm Vị. Ngũ Phẩm Vị là địa vị gì? Là Phẩm Thánh Đồng Cư Độ.

Chúng ta biết Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, chẳng phải là phạm nhân! Ở Nhật Bản cũng nói như vậy. Năm ngoái, tôi sang thăm Nhật Bản, thấy người Nhật vẫn thờ tượng Trí Giả đại sư. Lúc tôi tham bái, tôi bảo những pháp sư Nhật: “Theo truyền thuyết của Trung Quốc, Trí Giả đại sư là hóa thân của Thích Ca Mâu Ni Phật”. Họ bảo: “Người Nhật chúng tôi cũng nói như thế!” Thị hiện cho chúng ta xem! Vì sao? Phương pháp tu hành cao không làm được, cũng không sao! Tùy hỷ quý vị có làm được chẳng? Chẳng khó đâu, tùy hỷ công đức mà!

Thông thường, “tùy hỷ” để đối trị một món phiền não rất nghiêm trọng của chúng ta, món gì vậy? Ganh ghét. Nếu quý vị ganh ghét, sẽ không thể tùy hỷ được. Lúc tùy hỷ, tâm ganh ghét không có. Ganh ghét phát xuất từ sân khuê. Ai không có tâm ganh ghét, chắc chắn tâm sân khuê rất mỏng yếu. Dù chưa đoạn hết, tâm ấy rất yếu ớt. “Đọc tụng” là ngày ngày chẳng lìa Phật. Vậy thì người ấy có thể tùy hỷ, có thể đọc tụng. “Giải nói” là vì người khác diễn nói. “Kiêm hành lục độ” là tùy hỷ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, Bát Nhã. “Chánh hành lục độ” là kiêm hành lẫn chánh hành đều có. “Chánh hành” là nhất tâm nhất ý vì chúng sanh, “kiêm hành” là tùy duyên, gặp việc gì bèn tùy

hỷ làm, tùy duyên làm, chánh hành là chủ động làm.

Chẳng hạn như tu Bồ Thí, trông thấy người ta làm những việc bố thí gì, chúng ta cũng tùy hỷ một chút, đó là Kiêm Hành. Nếu tự mình phát khởi làm chuyện gì tốt cho xã hội, chủ động làm, đây là Chánh Hành. Kiêm tu, chánh hành đều phải làm. Chẳng hạn như chính quyền thành phố Đồ Văn Ba (Toowoomba), ông thị trưởng muốn xướng xuất lập trung tâm cai nghiện ma túy cho thanh thiếu niên, đó là chuyện tốt, chúng ta tùy hỷ bố thí. Đây là kiêm tu Lục Độ. Nếu chúng ta thấy trong xã hội này có nhiều thanh thiếu niên lầm lạc như thế, chúng ta muốn phát động xây dựng một trung tâm cai nghiện, thì là chánh tu. Kiêm và Chánh có nghĩa là như vậy.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 14

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ ba, [sách Yếu Giải viết]: “*Nhân dân biểu nhân duyên sanh pháp, Thanh Văn biểu tức Không, Bồ Tát biểu tức Giả, Phật biểu tức Trung, viên dung vô ngại dã*” (Nhân dân biểu thị các pháp do nhân duyên sanh, Thanh Văn tức là Không, Bồ Tát tức là Giả, Phật tức là Trung; viên dung vô ngại vậy). Đoạn này rất trọng yếu. Trong cảnh giới Như Lai, chẳng những chúng sanh bình đẳng, không chỉ hữu tình chúng sanh mà vô tình báo độ⁵¹ cũng là bình đẳng. Vì thế, gọi chung là “Nhất Chân pháp giới”. Trong Nhất Chân pháp giới có Phật, có Bồ Tát, có chúng sanh hay chăng? Không có! Nếu vẫn còn phân biệt, chấp trước ấy thì đâu phải là Nhất Chân! Trong Nhất Chân có tịnh độ, uế độ hay chăng? Có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm hay chăng? Thấy đều chẳng có thì mới gọi là Nhất Chân! Đây mới là chân tướng sự thật. Tâm hiện, thức biến, phải chú tâm thấu hiểu, quán sát lý này thì quý vị mới có thể hiểu được chân tướng.

Đối với thế giới Hoa Tạng và thế giới Cực Lạc, trong kinh đức Phật thường nói “*duy Phật nhất nhân cư Tịnh Độ*” (chỉ mình đức Phật ở Tịnh Độ). “*Chỉ một mình đức Phật*” không có nghĩa là chỉ có một người, đừng hiểu lầm như vậy! Người đạt đến Phật quả viên mãn rất ráo rất nhiều, chỗ của những vị Phật quả viên mãn rất ráo ở gọi là Nhất Chân

⁵¹ Báo độ: Cõi nước do quả báo biến hiện, thường chỉ cõi nước có Báo Thân Phật ngự. Do “báo độ” không có tình thức, nên gọi là “vô tình báo độ”.

pháp giới thực sự. Chỗ Đẳng Giác Bồ Tát ở là Tương Tự Nhất Chân pháp giới, không phải là chân thật. Vì sao? Họ vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn sạch, đạo lý là đây. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, bốn mươi một đẳng cấp ấy do đâu mà có? Quý vị hãy nghĩ xem: Vô minh phiền não chưa đoạn hết. Bốn mươi một phẩm vô minh, cứ phá một phẩm liền thăng lên một cấp, duyên do là như vậy! Nhưng quý vị phải hiểu, Vô Minh, Trần Sa, Kiến Tư phiền não tánh Không, trong Chân Như tự tánh vốn không có!

Khởi Tín Luận nói rất hay: “*Bốn giác vốn có, bất giác vốn không*”. Vô minh là bất giác, phân biệt, chấp trước đều là bất giác, bất giác vốn không! Trong ấy há có giai cấp? Trong ấy há nào có Phật, há có chúng sanh? Trong cảnh giới ấy, không có Phật, không có chúng sanh, đó là Đệ Nhất Nghĩa. Phải rơi vào Đệ Nhị Nghĩa mới có Phật, có chúng sanh; trong Đệ Nhất Nghĩa không có. Trong Đệ Nhị Nghĩa có Thường Tịch Quang, có Thật Báo Độ, có Đồng Cư độ; trong Đệ Nhất Nghĩa không có. Đây mới là chân tướng, Thật Tướng của các pháp. Nếu có những vọng tướng, phân biệt, chấp trước như vậy thì đều là tướng hư vọng! Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng). Nghĩa là sao? Chúng sanh trong chín pháp giới, kể cả Đẳng Giác Bồ Tát, trong những cảnh giới của họ, tất cả những gì có tướng thì đều là hư vọng.

Nơi Thật Tế Lý địa của Như Lai, phàm những gì có tướng đều là Thật Tướng, kỳ diệu thay! Tuyệt diệu ở chỗ Thật Tướng và vọng tướng (tướng hư vọng) dung hợp thành một, chẳng thể phân ra. Vọng tướng không còn, Thật Tướng cũng không còn. Thật Tướng giống như thân người, vọng tướng giống như bóng người khi ánh nắng chiếu vào thân. Quý vị nghĩ xem: Bóng và thân có tách rời nhau được chăng? Không tách rời được! Có trở ngại nhau hay chăng? Không trở ngại! Thân ta chẳng trở ngại bóng, bóng chẳng trở ngại thân, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Quý vị phải giác! Nếu bất giác thì bất giác là bậy rồi, là coi cái bóng như chính mình, quên mất chính mình. Đó là gì? Chúng sanh trong chín pháp giới cùng mắc phải căn bệnh này. Chân thân của chúng ta là thanh tịnh Pháp Thân, tứ thánh, lục phàm, y báo, chánh báo trang nghiêm đều là bóng; kinh Kim Cang đã chẳng nói rất hay đó ư? Như mộng, huyễn, bọt, bóng!

Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là mộng, huyễn, bọt, bóng, là tương tự Thật Tướng trong Nhất Chân pháp giới, phải là quả vị Như Lai thì mới là Thật Tướng chân thật. Phải hiểu đạo lý

này! Nếu quý vị chẳng hiểu, học tập tu hành sẽ không có phương hướng, chẳng có mục tiêu, rốt cuộc chẳng có kết quả. Nếu quý vị hiểu được, thấy rõ, thì ta có phương hướng, ta có mục tiêu, tương lai ta sẽ chứng nhập cảnh giới ấy, đó là cảnh giới Phật. Chẳng cần biết quý vị chứng đắc cảnh giới ấy sâu hay cạn, chứng đắc rộng, chứng đắc hẹp, [cảnh giới ấy] sẽ giúp ích rất lớn trong việc nâng cao phẩm vị khi cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong tương lai. Bởi thế, nhất định phải hiểu y báo, chánh báo trang nghiêm là mộng, huyễn, bọt, bóng, do đâu mà có? Do từ vọng tưởng của chúng ta biến hiện ra!

Ở đây, nói nhân dân là “*nhân duyên sanh pháp*”, “*nhân duyên sanh pháp*” (pháp được sanh bởi nhân duyên) là gì? Nói cách khác, mọi người sẽ dễ hiểu hơn: Nhân dân là nhân quả báo ứng, điều này mọi người hiểu được. Pháp do nhân duyên sanh là nhân quả báo ứng, không gì chẳng sanh từ tâm tưởng. Tâm quý vị nghĩ điều lành, được quả báo lành, y báo, chánh báo trang nghiêm đều lành. Tâm quý vị nghĩ chuyện chẳng lành, y báo, chánh báo đều bất thiện. Chẳng phải do ai khác tạo ra cho mình gánh chịu, mà là tự mình tạo, tự mình gánh chịu. Không hiểu lẽ “tự làm, tự chịu”, đổ thừa người khác, oán trời, trách người: “Lão trời già không công bằng, khiến tôi phải khổ đến thế này, đối đãi tốt với người khác như thế, xử tệ với tôi dường này!” Chẳng hiểu người khác tốt lành là do thiện tâm, thiện nghiệp của người ấy biến ra, những điều xấu của chính mình do tâm bất thiện, nghiệp bất thiện của mình biến ra, chẳng liên can đến ai cả! Bởi thế, người thực sự giác ngộ, thấu hiểu, sẽ sửa đổi quan niệm lầm lạc ấy, chẳng oán trời, chẳng trách người, biết chuyện đó chẳng ăn nhập đến ai, đúng là “tự làm, tự chịu”. Đó là chân tướng sự thật.

Trong thế giới Cực Lạc có nhân dân, nhân dân là những người đời nghiệp vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thật ra, họ vẫn thuộc trong cảnh giới nhân thiên, thù thắng ở chỗ nào? Điều thực sự thù thắng chẳng thể nghĩ bàn là được bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Được trí huệ phước báo của A Di Đà Phật gia trì, nâng cao [cảnh giới, phẩm vị] lên, chẳng do chính họ tu chứng. Điều thù thắng nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là chỗ này!

“*Thanh Văn tức là Không*”: Thanh Văn là nói về Phương Tiện Hữu Dư độ, cảnh giới cao, biết vạn pháp đều là Không: “*Nhất thiết vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thấy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc). Bởi thế, tâm họ định. Dầu có định, công phu định

vẫn chưa đủ, vì sao? Chưa khai trí huệ. Vì thế, đức Phật bảo họ trụ vào Thiên Chân Niết Bàn, Chân là Chân Không. Trụ Thiên Chân Niết Bàn chỉ có tự thọ dụng, không có tha thọ dụng. Tự thọ dụng là chẳng được tự tại, chẳng viên mãn nơi thanh tịnh tịch diệt.

Trong kinh, đức Phật dạy: A La Hán trụ Thiên Chân Niết Bàn lâu nhất là hai vạn đại kiếp, nghĩa là họ ở trong cảnh giới ấy lâu đến như thế bèn hồi đầu, bèn giác ngộ, giác ngộ hồi đầu! Bích Chi Phật thông minh hơn, Bích Chi Phật cũng trụ Thiên Chân Niết Bàn, thời hạn dài nhất là một vạn đại kiếp, một vạn kiếp bèn hồi đầu, Thanh Văn tối đa hai vạn kiếp mới hồi đầu. Chúng ta thường gọi “hồi đầu” là “*hồi Tiểu hướng Đại*”; họ không còn mong nghỉ ngơi nữa, thời gian nghỉ ngơi đã đủ rồi, lại phải nỗ lực cầu học. Thiên Chân Niết Bàn của Thanh Văn giống như lúc ta nghỉ học. Ví như đi học đến lúc tốt nghiệp Trung Học, tốt nghiệp rồi không học nữa, tạm ngừng học. Ngừng học độ mấy năm, biết là chưa được, vẫn phải học, lại thi vào Đại Học. Đại Học giống như Đại Thừa.

“*Bồ Tát tức là Giả*”, chữ “*tức*” ở đây có nghĩa là “*hết thầy*”. Một thứ Không, hết thầy đều Không. Một thứ giả thì hết thầy đều giả. Bồ Tát biết y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là giả tướng; giả tướng ấy chẳng trở ngại Chân Không. Vì thế, tâm trụ vào Chân Không, trong giả tướng, Bồ Tát có thể giáo hóa chúng sanh, giáo hóa không chướng ngại. Chúng ta hiện đang là phàm phu, nếu chúng ta giáo hóa chúng sanh sẽ gây ra chướng ngại cho tâm thanh tịnh của chính mình, tâm chẳng được thanh tịnh. Nếu là Bồ Tát thì chẳng có chướng ngại; suốt ngày từ sáng đến tối bận bịu phục vụ hết thầy chúng sanh, nhưng quyết định chẳng chướng ngại cái tâm thanh tịnh của chính mình, quyết định chẳng chướng ngại công phu tu hành của chính mình. Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh. Người niệm Phật chúng ta tu nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo, đó là Niệm Phật tam-muội. Bất luận làm việc gì, bất luận bận bịu đến thế nào đi nữa, tâm chẳng điên đảo, nhất tâm bất loạn.

Tâm của Bồ Tát vĩnh viễn định, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Phàm phu chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, rất đáng thương! Bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển là gặp phải cảnh giới bèn lập tức dấy lên phản ứng, chẳng có công năng Thiên Định. Vì thế, có thể nói là từ lúc sanh ra cho đến hiện tại, ý niệm ngày đêm không hề gián đoạn, niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh, tốc độ rất nhanh, quyết định chẳng có hai niệm nào giống nhau. Ý niệm nhanh hơn thời gian, thời gian tính bằng phút, bằng giây; theo như kinh Phật nói, ý niệm của chúng ta khởi lên, diệt mất

trong một phần vạn giây. Nói cách khác, trong khoảng thời gian chừng một giây, ý niệm của chúng ta đã một vạn lần sanh diệt. Đây là những điều được nói trong kinh Nhân Vương. Tôi đã thưa cùng các vị đồng học rồi, đây chưa phải là chân thật, chỉ là đức Phật phương tiện nói. Nói phương tiện mà đã phi thường lắm rồi! Vì sao?

Theo kinh Nhân Vương, có bao nhiêu ý niệm sanh diệt trong một giây? Hai mươi một vạn sáu ngàn niệm, hai mươi một vạn sáu ngàn niệm sanh diệt đấy nhé! Bản thân ta không tự biết, điều không biết đó được gọi là “thô tâm đại ý”. Một niệm sanh khởi chính là hiện ra tướng trạng giống như chúng ta xem phim: Tầm ảnh vừa lọt vào ống kính của máy chiếu phim thì tầm ảnh đó bèn được rọi lên màn bạc. Màn bạc là hư không, là thế giới, chúng sanh sanh trong đó thoáng một cái rồi diệt mất. Diệt rồi lại lập tức sanh: Tầm ảnh thứ hai hiện ra, tốc độ rất nhanh. Chúng ta thấy dường như là thực sự có [một cảnh tượng đang diễn biến liên tục], chứ thật ra là từng tấm phim riêng rẽ, hình ảnh trong mỗi tấm lại khác nhau, tuyệt đối chẳng có hai tấm ảnh nào giống nhau! Đó là tướng “tương tục” (tiếp nối).

Kinh Kim Cang nói: “*Như lộ, diệt như điện*”, Lộ (露) là sương móc. Lộ ví như tướng tương tục, Điện (電: chớp) ví như chân tướng. Mỗi một tấm phim được chiếu lên là chân tướng, bao nhiêu tấm tiếp nối nhau là tướng tương tục. Vì sao hình ảnh trong mỗi tấm không giống nhau? Các ý niệm của chúng ta không giống nhau. Kinh Phật giảng ý niệm là “thức”, chỉ là do thức biến hiện. Mỗi niệm khác nhau biến hiện tướng trạng cảnh giới khác nhau. Bồ Tát đã giác ngộ, Ngài có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Công đức là gì? Công đức là bất biến, chẳng chuyển theo cảnh giới bên ngoài. Đó là công đức. Chuyển theo cảnh giới bên ngoài thì chẳng có công đức, mà là phiền não, vì quý vị lệ thuộc vào cảnh giới bên ngoài. Người học Phật nói đến “công phu”, vậy công phu là gì? Là chẳng chuyển theo cảnh giới bên ngoài, ấy là Định; hiểu rõ rệt rành rõ cảnh giới bên ngoài, hiểu thấu suốt thì là Huệ. Định Huệ cùng học cân bằng, cùng vận dụng Định và Huệ thì chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới ấy sâu lắm.

Vì sao Bồ Tát luôn độ chúng sanh, Tiểu Thừa trụ Niết Bàn rất tự tại, sao Bồ Tát chẳng trụ Niết Bàn? Bồ Tát trụ trong Niết Bàn, nhưng Niết Bàn ấy lại chẳng trở ngại việc độ chúng sanh, tuyệt diệu! Niết Bàn là như như bất động, thanh tịnh tịch diệt. Bởi vậy, Niết Bàn chứng bởi Đại Thừa Bồ Tát gọi là Vô Trụ Niết Bàn, nơi quả địa Như Lai cũng giống như vậy. Thế nào là Vô Trụ Niết Bàn? Chẳng trụ vào sanh tử,

chẳng trụ vào hai bên. Nói cách khác, chẳng trụ vào Niết Bàn bèn có sanh tử, chẳng trụ sanh tử chính là Niết Bàn. Nếu nói Niết Bàn lẫn sanh tử hai bên đều trụ cả, đều chiếu cố cả hai thì hai bên không xung đột, hai bên không mâu thuẫn, hai bên viên dung, hai bên tự tại, viên dung vô ngại! Bởi thế, đạt đến địa vị Bồ Tát thì thực hiện được điều đó, bởi Không - Giả - Trung hoàn toàn dung hợp, vừa là Không, vừa là Giả, vừa là Trung.

Do trong cảnh giới phàm phu, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hết sức nghiêm trọng, Không - Giả - Trung chẳng thể viên dung, Không chẳng phải là Giả, Giả chẳng phải là Trung! Trí huệ chân chánh hiện tiền, biết chúng là một, một mà ba, ba nhưng một; giống như cái nắp của chén trà, chúng ta hãy quan sát như sau: Nếu lật ngược lên nó bị lõm xuống; lật ngược lại, nó bèn lồi lên. Người chẳng liễu giải chân tướng sự thật, chỉ đứng tại một bên [để nhìn sự việc] ắt sẽ đôi co. Kẻ này nói: “Tôi thấy nó lõm xuống”, người kia bảo: “Tôi thấy nó lồi lên”. Hai người cãi cọ, tri kiến khác nhau, chẳng thấy chân tướng sự thật. Nếu lật nó lại thì mới hoảng nhiên đại ngộ: Lõm vốn là lồi, lồi vốn là lõm, là một, chứ không phải hai.

Phật, Bồ Tát thông minh ở chỗ nào? Mặt nào cũng thấy cả. Phàm phu và Tiểu Thừa chỉ thấy được một bên, vì thế, có chấp trước. Vì chỉ thấy một bên nên nếu quý vị nói cái này lõm xuống, họ chẳng tin: “Rõ ràng là nó lồi lên, sao anh lại nói lõm xuống?” Người thấy bên kia bèn nói: “Rõ ràng là nó lõm xuống, sao anh bảo nó lồi lên?” Tranh luận chẳng thôi! Họ không thấy mọi mặt, thấy mọi mặt là trí huệ viên mãn. Đức Phật dạy chúng ta đối với pháp giới, hư không, thế giới, chúng sanh, vi trần phải nhìn mọi mặt, có như thế mới viên dung vô ngại.

6.3.2.3. Bảo Trì Đức Thủy (nước tám công đức trong ao báu)

Lại xem tiếp đoạn kể là “*bảo trì đức thủy*” (nước tám công đức trong ao báu), chúng ta đọc kinh văn một lượt. Trong đoạn này không trích đoạn sách Yếu Giải.

Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy sung mãn kỳ trung. Trì để thuần dĩ kim sa bố địa, tứ biên giai đạo, kim ngân lưu ly, pha lê hiệp thành.

又舍利弗。極樂國土。有七寶池。八功德水。充滿其中。池底純以金沙布地。四邊階道。金銀琉璃。玻璃合成

(Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, nước tám công đức đầy ắp trong ấy. Đáy ao thuần dùng cát vàng trải đất. Bốn phía là bạc lên, lối đi, dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành).

Trong đoạn này, vàng là một thứ, bạc là một thứ, lưu ly là một thứ, pha lê là một thứ, ở đây nói đến bốn thứ. Nay chúng ta gọi Lưu Ly là Phỉ Thúy (Jadeite), tức một thứ ngọc màu xanh lá cây; Pha Lê nay gọi là thủy tinh. Trước kia, chưa chế ra pha lê (crystal), pha lê được cổ nhân nói đến cũng như pha lê trong kinh Phật, đều là thủy tinh, là một chất tìm thấy trong thiên nhiên, hoàn toàn trong suốt. Hiện tại, chúng ta biết thủy tinh được chế thành rất nhiều thứ, thường thấy nhất là tròng mắt kiếng. Mắt kiếng thủy tinh bảo vệ tròng mắt. Lại xem tiếp đoạn dưới:

Thượng hữu lâu các.

上有樓閣。

(Phía trên có lầu gác).

Ý nói phía trên bờ ao bảy báu, “*lại có lầu gác*”, những lầu gác ấy...

Diệc dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê.

亦以金。銀。琉璃。玻璃。

(Cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê).

Lại còn thêm:

Xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi.

磔磔。赤珠。瑪瑙。而嚴飾之。

(Xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng).

Đây là bảy báu, nói đến bảy báu là chỉ những thứ đó.

Trì trung liên hoa.

池中蓮華。

(Hoa sen trong ao).

Trong ao sen báu ấy lại có hoa sen.

Đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

大如車輪。青色青光。黃色黃光。赤色赤光。白色白光。微妙香潔。

(To như bánh xe, màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng, vi diệu thơm sạch).

Đến đây là một đoạn. Chúng ta nói đến nước tám công đức trong ao báu, đã đọc qua kinh văn rồi. Nghĩa thú trọng yếu trong đoạn này là “không có cái khổ lão - tử”. Dưới đây, chúng tôi chia thành hai tiểu đoạn “thượng minh trụ xứ, thử tiết minh sanh xứ” (đoạn trên nói về trụ xứ, tiết này nói về chỗ để vãng sanh). Các cây báu, lan can báu được nói trong phần trên chính là “địa lợi chi lạc”, tức là hoàn cảnh cư trú như hàng cây bảy báu v.v... Còn ao báu, nước tám công đức là nói đến “sanh xứ” (chỗ hóa sanh) của chúng ta khi vãng sanh thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc chẳng giống với thế gian của chúng ta. Trong thế giới chúng ta là thai sanh, thai sanh rất khổ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là hóa sanh, hóa sanh là biến hóa.

“Thử độ Đồng Cư thị hữu lậu Hoặc nghiệp sở cảm” (Đồng Cư trong cõi này (Sa Bà) là do Hoặc nghiệp hữu lậu cảm vời). “Thử độ” tức là thế gian, là quả địa cầu của chúng ta, địa cầu này là Phàm Thánh Đồng Cư độ. Cõi này do đâu mà có? Trong kinh, đức Phật dạy “do Hoặc nghiệp hữu lậu”. Lậu là tên khác của phiền não. Hữu Lậu là có phiền não, có tập khí. Chỉ cần quý vị có phiền não, tập khí, quý vị không có cách chi thoát khỏi luân hồi lục đạo được. Lục đạo luân hồi do Hoặc nghiệp hữu lậu cảm thành. Chúng ta thấy trong kinh luận, đức Phật giảng như thế rất nhiều lần, đúng là vô số lần, ngàn kinh muôn luận đều giảng cho chúng ta biết chân tướng sự thật này.

Lục đạo do Kiến Tư phiền não biến hiện. Bởi thế, đức Phật nói chỉ cần buông Kiến Tư phiền não xuống được thì lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Trong Chúng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư có viết rất hay: “Mộng lý minh minh hữu lục thú” (Trong mộng rành rành phân sáu nẻo), “lục thú” chính là lục đạo. “Giác hậu không không vô đại thiên” (tỉnh rồi, ba cõi rỗng toang hoang). Lục đạo luân hồi chẳng thật, nó là cảnh giới trong mộng, do mê hoặc, điên đảo biến hiện, nhưng quý vị chẳng biết đây là

mộng, nên phải chịu đựng trong giấc mộng đó. Bởi thế, quý vị tạo thiện nghiệp sẽ hưởng phước trong mộng, có lạc thọ; tạo ác nghiệp thì thọ tội trong mộng, có khổ thọ. Quý vị chẳng tỉnh giấc mộng ấy. Đến lúc nào mới tỉnh? Khi nào đoạn được nghiệp nhân lục đạo, quả sẽ không còn nữa. Nghiệp nhân chính là Kiến Tư phiền não.

Trong Kiến Tư phiền não có một thứ là Thân Kiến: Chấp trước thân này là Ta. Quý vị suy nghĩ xem: Lục đạo chúng sanh có ai không vì chính thân mình hay không? Hành thiện cũng vì cái thân này, tạo ác cũng vì cái thân này, tưởng thân này là Ta, đó là sự lầm lạc thứ nhất. Bởi vậy, tôi thường khuyên lớn các đồng học: Nếu chúng ta thực sự mong được giác ngộ, mong được thấu hiểu, thấu suốt, thì phải dụng công nơi đâu? Đầu tiên là phải bỏ được ý niệm tự tư, tự lợi mới hòng vào được cửa. Quan niệm tự tư tự lợi sai lầm, hành vi sai lầm ấy nếu chẳng thể triệt để buông xuống được, dù quý vị có duyên phận tốt tới đâu đi nữa, quý vị vẫn chẳng thể vào được cửa nhà Phật. “*Cửa nhà Phật*” nghĩa là gì? Chẳng thể tiến nhập cảnh giới Phật được!

Lục đạo phàm phu đáng thương! Từ vô lượng kiếp đến nay lăn lóc trong luân hồi, thời gian trong ba đường thiện ngắn ngủi, thời gian trong ba đường ác dài lâu. Quý vị nói xem vì lẽ nào vậy? Vì tự tư, tự lợi. Tự tư, tự lợi làm hại quý vị, khiến quý vị đời đời kiếp kiếp phải chịu khổ báo trong tam đồ. Đức Phật đúng là từ bi đến cùng cực, đem toàn bộ chân tướng sự thật, nhân quả trước sau giảng rõ ràng, minh bạch cho chúng ta, hiềm rằng chẳng ngộ! Thế nào là ngộ? Buông tự tư, tự lợi xuống thì người ấy liền giác ngộ! Buông tự tư, tự lợi xuống không được, không thể giác ngộ. Nghiêm trang như tượng, nói đến nổi hoa trời rơi lả tả, nhưng không buông tự tư, tự lợi xuống được, vẫn chưa thực sự giác ngộ! Kinh giáo gọi kẻ đó là “*thế trí biện thông*”, chẳng phải trí huệ chân thật. Kẻ trí huệ chân thật thay đổi quan niệm, đó là tu hành! Sửa đổi quan niệm lầm lạc cho đúng, khởi tâm động niệm là tâm gì? Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi; khởi tâm động niệm trong cuộc sống thường nhật toàn là những tâm ấy.

Trong những tâm ấy không có tự tư, tự lợi, trông thấy chúng sanh khổ sở bèn muốn giúp họ, toàn tâm toàn lực xả kỷ vì người. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải giống như thế hay sao? Vứt bỏ cuộc sống an vui, giàu có của chính mình, vứt bỏ địa vị xã hội, vứt bỏ hết thầy quyền thế, dùng thân thể, dùng trí huệ của Ngài để giúp hết thầy chúng sanh giác ngộ, giúp hết thầy chúng sanh đoạn ác tu thiện, giúp hết thầy chúng sanh lìa khổ được vui, giúp hết thầy chúng sanh chuyển phàm

thành thánh. Những việc Ngài thị hiện suốt ngày từ sáng đến tối là vì người khác diễn nói, hy sinh, phụng hiến, không có chút nào tự tư, tự lợi. Hành vi luôn lợi ích xã hội, lợi ích hết thảy chúng sanh. Có vậy Phật mới có thể nhập cảnh giới Phật. Cảnh giới Phật chính là cảnh giới của tánh đức chính mình, mình tâm kiến tánh.

Sở dĩ phàm phu, Quyền Tiểu tu hành bao kiếp chẳng thể khổ nhập, nguyên nhân vì đâu? Chưa buông tự tư, tự lợi xuống được. Đây chẳng phải chuyện dễ! Nói chung, chúng ta căn tánh hạ liệt rất sâu, phiền não tập khí quá nặng, há dễ dàng buông xuống được ư? Phật gặp những chúng sanh như vậy thì làm sao? Không khuyên kẻ ấy buông xuống, vì sao? Không có cách chi hết, không thực hiện được! Khuyên họ làm gì? Khuyên họ tạo thiện nghiệp, chớ tạo ác nghiệp, Phật giáo hóa chúng sanh tu Ngũ Giới, Thập Thiện, mục đích chẳng nhằm dạy họ thoát luân hồi, mục đích là ngăn ngừa khỏi bị đọa trong ba ác đạo. Do tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của quý vị chẳng lành; chẳng lành thì quý vị sẽ chiêu cảm khổ báo trong tam đồ, rất đáng thương, rất thâm trọng! Quý vị có thể đoạn ác tu thiện, quý vị trì Ngũ Giới, tu Thập Thiện thì đời sau sẽ hưởng phước báo trời - người. Quý vị chẳng thể buông tự tư tự lợi xuống được, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, [nên đành phải] giúp cho quý vị hưởng phước báo trời - người. Đức Phật giáo hóa chúng sanh đúng là ứng cơ thuyết pháp (thuyết pháp ứng theo căn cơ), căn cơ quý vị như thế nào, nguyện vọng như thế nào, Phật đều thỏa mãn quý vị. Đây là nói [về những điểm mà] thế giới Sa Bà của chúng ta khác với Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“Bỉ độ nãi vô lậu tịnh nghiệp sở thành, hữu vị A Di Đà Phật nguyện hạnh chi sở trang nghiêm” (Cõi kia do tịnh nghiệp vô lậu cảm thành, lại được trang nghiêm bằng nguyện hạnh của A Di Đà Phật). Câu *“được trang nghiêm”* có nghĩa là gia trì. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, công đức tu hành trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật gia trì chúng ta. Quý vị muốn tu vô lậu tịnh nghiệp thì quý vị phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không thể chẳng hiểu đạo lý này. Lại thưa cùng quý vị: Trong tâm quý vị còn oán hận kẻ nào đó, vẫn còn có kẻ nào ta thấy gai mắt, sẽ chẳng đến được thế giới Cực Lạc. Vì sao? Tâm thái ấy chính là Lậu nghiệp trọng, chưa phải là Vô Lậu, mà là Hữu Lậu. Hữu Lậu tu Tịnh nghiệp thì nghiệp ấy cũng chẳng tịnh, cũng biến thành Hoặc nghiệp. Bởi thế, muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sao không nhìn vào những bà cụ già niệm Phật, lúc vắng sanh rất tự tại đường ấy? Quý vị phải chú tâm quan sát họ, lúc họ còn sống có oán hận

ai chẳng? Không có! Vì sao? Đều một nét bút sỗ toẹt cả rồi! Tôi muốn sanh về thế giới Cực Lạc; đợi khi tôi thành Phật, tôi sẽ trở về độ mấy người. Đó là một điều kiện hết sức quan trọng để được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Tu hành trọng yếu nhất là phải sửa đổi những hành vi làm lạc. Còn có một ai chẳng vừa ý, có chuyện gì chẳng khoan khoái thì đều là những thứ chướng ngại vãng sanh, tâm mình chưa thanh tịnh. Điều ấy giải thích vì sao vãng sanh khó, một vạn người niệm Phật chỉ có một, hai người được vãng sanh; đạo lý là đây. Nếu quý vị chưa chuyên được phiền não thì dùng một câu A Di Đà Phật đè xuống, đè chặt cho nó khỏi khởi tác dụng. Nếu trông vào vận may thì lúc lâm chung, trong hơi thở cuối cùng, không đè giữ được phiền não, nó bộc phát ra; bộc phát rồi bèn đọa tam đồ.

Vì vậy, bình thời phải dùng công phu để chuyển biến nó, ta không oán hận nữa, càng tăng thêm từ bi. Người ta đem tâm oán hận mình, mình dùng tâm từ bi đối đãi họ, ta dùng tâm cảm ơn đối xử với họ. Nếu quý vị hỏi: Kẻ ấy đối với ta có ân gì vậy? Thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật cho ta, đó là ân. Thành tựu Trì Giới Ba La Mật cho ta. Vì sao nói thành tựu Trì Giới? Ta đối với kẻ ấy chẳng báo thù, đó là Trì Giới, giới chẳng sát sanh, chẳng có ý niệm báo thù. Chẳng có ý niệm sân khuê là Nhẫn Nhục. Chẳng có ý niệm báo thù là không sát sanh, chẳng sát là Trì Giới. Thành tựu sáu Ba La Mật cho quý vị, đây chẳng phải là ân huệ thì là gì? Phiền não tập khí từ vô thủy kiếp đến nay từ đây được hóa giải, niệm Phật như vậy sẽ chẳng chướng ngại vãng sanh, mới thực sự cảm được A Di Đà Phật tiếp dẫn lúc lâm chung. Bởi thế, nếu có một chuyện trong thế gian nào mình không buông xuống được thì đều là phiền phức cả!

Nếu quả thật thân tâm, thế giới, hết thấy đều buông xuống được, phiền não, tập khí chẳng khởi hiện hành, người ấy niệm Phật vãng sanh hết sức bình an, ổn thỏa, thích đáng, lúc lâm chung Phật đến tiếp dẫn. Vì thế, thế giới Cực Lạc hoàn toàn do vô lậu tịnh nghiệp tạo thành. Vô lậu là chuyển biến được phiền não, tập khí, câu này rất trọng yếu. Đợi nghiệp vãng sanh chỉ có thể mang theo những chủng tử tập khí trong A Lại Da thức, chứ chẳng thể mang theo những nghiệp hiện hành. Hiện hành là gì? Trong hiện tại vẫn thường phát tác, đó gọi là “hiện hành”, những nghiệp ấy không mang theo được! Chúng ta mỗi ngày từ sáng đến tối sanh sống, làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật đều là tu hành, sửa đổi hết những chứng bệnh, tập khí từ trước. Trước kia, ta hận người, nay ta

yêu thương người; trước kia mình chán ghét người, nay mình có thể giúp đỡ họ.

Bây giờ đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới [trong sách Yếu Giải]. Phần thứ năm:

“Tứ sắc liên hoa, vô thai sanh khổ, vô ái biệt ly khổ” (Hoa sen bốn màu, không có nỗi khổ thai sanh, không có nỗi khổ ái biệt ly): Trong thế gian này, chúng ta là thai sanh, thai sanh có nỗi khổ mười tháng thai ngục. Thai sanh có duyên rất sâu với cha mẹ nên có nỗi khổ ân ái biệt ly. Đây là điều hết thảy chúng sanh thai sanh chẳng thể tránh khỏi được, trong ấy có ân tình. Thế giới Tây Phương không như vậy, hóa sanh trong hoa sen. Vì thế, chắc chắn không có mười tháng thai ngục, không có hiện tượng ấy. Sanh về thế giới Cực Lạc hóa sanh trong hoa sen, nên không có các hiện tượng ân tình, ân ái; hiện tượng tình chấp cũng không có. Thế giới Cực Lạc chẳng giống như thế giới của chúng ta. Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới nói gì.

“Liên hoa đại tiểu quang sắc bất đồng. Kinh vân: ‘Chúng sanh phát tâm tín nguyện trì danh, trì trung tức sanh nhất liên nhụy, tiêu danh ư thượng. Nhược tinh tấn niệm Phật, hoa tắc nhật đại, quang sắc nhật tiến. Như trung đồ thoái tâm, hoặc tập tha pháp môn, tắc liên tiệp khô” (Hoa sen lớn, nhỏ, ánh sáng, màu sắc khác nhau. Kinh nói: ‘Chúng sanh phát tâm tín nguyện trì danh, trong ao liền sanh một búp sen, đề tên người ấy. Nếu tinh tấn niệm Phật, hoa càng ngày càng to, ánh sáng, màu sắc ngày càng tươi tắn. Nếu giữa chừng ngã lòng, hoặc đổi sang tu pháp môn khác, hoa ấy dần dần tàn khô). Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật chẳng thấy có hiện tượng sanh - lão - bệnh - tử, chẳng trông thấy hiện tượng sanh - trụ - dị - diệt. Chẳng hạn như nói người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là hóa sanh, chứ không phải là sanh làm đứa bé con trong Tây Phương Cực Lạc thế giới dần dần lớn lên. Nếu là như vậy, sẽ thành ra có sanh - lão - bệnh - tử. Sanh vào thế giới ấy sắc thân không khác gì Phật A Di Đà, chứ không phải hiện làm một đứa bé con dần dần lớn lên, chẳng phải vậy! Vì thế, họ không có sanh trưởng. Sắc thân được hiện không khác gì như trong bốn mươi tám nguyện đã nói, đều là thân vàng

ròng sắc tia được giới mài, đầy đủ tướng hảo, quang minh viên mãn. Đó là do bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng phải chỉ có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, mà là thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, nhưng tất cả chúng sanh đều như nhau. Thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, rất chẳng thể nghĩ bàn!

Chỉ riêng hoa sen trong ao là thấy có tướng sanh diệt. Hoa sen từ đâu có? Đúng như trong Đại Thừa Phật giáo thường nói: *“Từ tâm tướng mà sanh”*. Mười phương ba đời hết thấy chúng sanh, chẳng hạn như bản thân chúng ta, trong tâm muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, trong ao bảy báu bên thế giới Cực Lạc bèn mọc lên một búp sen, *“liên nhụy”* (蓮蕊) là búp sen, nhưng trên búp sen ấy có ghi tên tuổi quý vị. Quý vị niệm Phật rất tinh tấn, tinh tấn niệm Phật, hoa sen ấy sẽ dần dần ngày càng to, tinh tấn niệm Phật hoa bèn to ra. Màu sắc và quang minh của hoa hoàn toàn tương ứng với độ lớn của hoa. Ánh sáng, màu sắc tươi sáng. Đây là nói niệm Phật rất tinh tấn.

Nếu quý vị niệm một khoảng thời gian, về sau không niệm nữa, do nhân duyên nào khác chướng ngại quý vị, quý vị bị ảnh hưởng, đổi sang học môn khác, chẳng tu Tịnh Độ nữa, đổi sang học pháp môn khác, đóa sen ấy của quý vị dần dần bị héo khô, không còn nữa. Vì vậy, trong thế giới Cực Lạc chỉ có thể thấy hiện tượng sanh diệt nơi hoa sen trong ao sen. Chuyện hoa sen mỗi ngày lớn lên lại vừa to vừa đẹp là có; mỗi ngày cũng thường có rất nhiều hoa bị khô héo đi. Chúng tôi suy tưởng: Chắc chắn là trong số các hoa sen, búp sen rất nhiều, nhưng những hoa thực sự nở hoa kết quả trong tương lai chẳng nhiều; rất nhiều búp sen bị héo khô đi. Giống như thầy Lý đã nói: *“Một vạn người niệm Phật, chỉ có hai ba người được vãng sanh”*. Đây chẳng phải là nói một vạn búp sen, chỉ có hai ba búp tương lai nở hoa, còn hơn chín ngàn chín trăm búp kia đều bị héo khô! Nhưng quý vị phải hiểu đây là hiện tượng hiện tại trong thế giới Sa Bà của chúng ta, thế giới phương khác không nhất định phải giống như vậy.

Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có rất nhiều thế giới thuận tịnh, người trong những nơi ấy rất khá, rất có thể là một vạn người niệm Phật, một vạn người vãng sanh. Tổ sư đại đức nói *“vạn người tu, vạn người đến”*, chẳng sót một ai. Chỉ trong thế giới này của chúng ta rất tệ, các đồng học niệm Phật không chịu đựng nổi khảo nghiệm. Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp hiện tại, tà tri tà kiến rất nhiều, người chánh tri chánh kiến quá hiếm hoi. Người tà tri tà kiến rất nhiều, trong xã hội nhất định này sanh hiện tượng *“sai lầm chât chứa lâu ngày trở thành đúng”*. Ai

này đều tà kiến nên tà kiến trở thành chánh kiến, người chánh kiến hiếm hoi, chánh kiến biến thành tà kiến. Đó là khảo nghiệm nghiêm trọng đối với người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Muốn đảm bảo chẳng bị tà tri tà kiến ảnh hưởng, chỉ có một phương pháp: Hằng ngày đọc kinh, hằng ngày nghiên cứu giáo pháp, giống như đạo tràng của chúng ta đang duy trì. Nếu quý vị hỏi vì sao có thể duy trì ư? Mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày đều học tập, không cần biết quý vị tích cực hay không tích cực, không tích cực cũng không ăn nhằm gì, cốt sao mỗi ngày quý vị thực hành thực sự, hành lâu ngày, giả cũng biến thành chân. Dần dần, từ từ, mỗi ngày hiểu một chút, mỗi ngày hiểu một tí, dần dần! Quý vị tích lũy mười năm, hai mươi năm, chẳng biến thành chân hay sao? Vì thế, công phu chẳng được gián đoạn. Chúng ta sanh trong thời đại này - trong thời đại của Ân Quang đại sư không có vấn đề, thời đại Ngài thiện căn vẫn rất sâu dày, vì sao? Hết thầy người đọc sách không ai chẳng đọc sách cổ, không ai chẳng hiểu Văn Ngôn, người niệm Phật đều có căn bản kha khá. Vì thế, lão nhân gia chủ trương chân chánh tu hành cầu sanh Tịnh Độ, đạo tràng chẳng được lớn, đạo tràng nhỏ thôi; đồng học chẳng được nhiều, chẳng được quá hai mươi người. Thực sự ra, Ngài dạy như vậy quả thật đều là vì nghĩ đến chúng ta hiện tại.

Nay theo đường lối dân chủ, tự do, cởi mở, tự viện không có hằng sản (tài sản cố định), thâm nhập chẳng ổn định. Đạo tràng lớn, người đông, chi tiêu nhiều, chẳng dễ duy trì, quý vị phải nhọc lòng. Nếu nhọc lòng sẽ chẳng thể vãng sanh, vì tâm chẳng thanh tịnh. Vì thế, người ít, đạo tràng nhỏ, chi phí duy trì tiêu xài ít, dễ dàng duy trì, chắc chắn không cần hóa duyên, chắc chắn không phải quyên góp, trong đạo tràng chẳng làm pháp hội, không có kinh sám Phật sự, không truyền giới, không giảng kinh, chỉ có niệm Phật. Hằng ngày đã Phật thất, Phật thất suốt năm, công khóa thường nhật chiếu theo nghi thức Phật thất phổ thông, chiếu theo cách thức tu tập tại núi Linh Nham ở Tô Châu. Nếu thực sự có thể tuân theo lời lão pháp sư khai thị, không ai chẳng thành tựu. Trong số hai mươi người ấy, hai mươi người sẽ vãng sanh trong tương lai. Chính xác! Hết sức chính xác, chẳng cầu lấy náo nhiệt! Cầu lấy náo nhiệt thì đạo tâm và tâm thanh tịnh của ta ắt bị chướng ngại; đúng là dạy chúng ta thân cận A Di Đà Phật.

Nhưng hiện tại có khó khăn, khó khăn ở chỗ nào? Chúng ta biết kinh giáo quá ít, thiện căn chẳng sâu dày như người đời trước. Đây là nói so với những người thuộc năm đầu Dân Quốc, người thuộc lứa tuổi cao

hơn một Giáp Tý (sáu mươi năm), chúng ta không bằng họ, họ có căn bản sâu dày hơn chúng ta. Vì thế, người hiện tại nếu hiểu rõ Tịnh tông được mấy phần thì sẽ có ích rất lớn cho tín tâm và nguyện tâm của quý vị. Vì thế, chúng tôi tuân thủ mỗi điều tổ Ấn Quang răn dạy, ngoại trừ điều răn “không giảng kinh”, chúng tôi đổi thành “nhất định phải giảng kinh”, Giải lãn Hạnh cùng coi trọng.

Chúng ta niệm Phật ở đây phải thực sự đảm bảo có trí huệ, có định lực mới hòng phòng chống tà tri tà kiến. Mỗi ngày tối thiểu giảng kinh hai tiếng, thì quý vị mới được che chở, chẳng bị dao động bởi tà tri tà kiến. Đương nhiên, mỗi ngày có thể giảng bốn tiếng sẽ chắc chắn an toàn. Theo tôi nghĩ, đạo tràng lý tưởng là mỗi ngày giảng kinh bốn tiếng, hai mươi giờ kia niệm Phật, một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ Niệm Phật Đường không để gián đoạn. Con người cũng cần phải nghỉ ngơi thì thay phiên nhau nghỉ ngơi; luân lưu không cần quy định. Hễ quy định bèn có áp lực, phải làm sao? Phải làm như cách lão hòa thượng Đế Nhân dạy người đồ đệ vá nôi: Một cứ nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại vào Niệm Phật Đường niệm Phật tiếp. Chẳng có mấy may áp lực nào, thực sự tinh tấn.

Người niệm Phật chân chánh niệm Phật trong Niệm Phật Đường, lúc mệt bèn nghỉ, tôi nói chẳng cởi áo hải thanh. Chúng ta đắp y, lúc nghỉ ngơi, phải cởi y, nhưng không cởi áo hải thanh. Lúc nghỉ khỏe lại đắp y, lập tức lên Niệm Phật Đường, có như vậy thì mới hòng thành tựu. Phần đầu kinh A Di Đà có nhắc đến Bất Huru Túc Bồ Tát và Thường Tinh Tấn Bồ Tát để làm gương mẫu về mặt Hạnh môn cho chúng ta. Giải môn nhằm giúp cho tín tâm và nguyện tâm của ta sâu thêm, tăng trưởng Định - Huệ. Chúng ta có Định, có Huệ, có Tín, có Nguyện thì tự nhiên hết thấy tà tri tà kiến chẳng thể xâm nhập tâm ta, chẳng thể lọt vào tai chúng ta, khiến chúng ta có thể giữ gìn sự thuần tịnh thuần thiện.

Hết thấy chuyện bên ngoài chẳng ăn nhập gì đến ta, chúng ta không hỏi tới. Bởi vậy, truyền hình, tạp chí, radio, nhật báo chẳng cần phải xem, nghe, ngày ngày thiên hạ thái bình, ngày ngày chẳng có việc gì, tâm định, tâm tịnh. Chỗ như vậy mới gọi là “đạo tràng”, tịnh nghiệp đạo tràng. Những người đến đạo tràng, chúng ta phải khuyên dạy họ buông xuống vạn duyên, cùng chúng ta niệm Phật, cùng nhau nghe kinh. Hết thấy mọi sự thế gian rồi ren tạp nhạp trong xã hội chẳng cần bàn đến ở nơi đây thì nơi đây là Tịnh Độ, nơi đây thiên hạ vốn vô sự. Chúng tôi tin hoa sen trong ao bảy báu của những người phát nguyện cầu vãng sanh trong đạo tràng nhỏ ấy nhất định mỗi ngày tăng trưởng, quang minh, màu sắc đẹp đẽ. Lại xem tiếp đoạn kè:

“*Tín tâm kiên cố, nhất sanh bất cải, tắc lâm mạng chung thời, Phật tri thử hoa, tiếp dẫn vãng sanh, tức sanh thử liên trung, danh vi thác chất liên thai, thanh tịnh thọ sanh. Hoa khai kiến Phật*” (Tín tâm kiên cố, một đời chẳng thay đổi, đến lúc lâm chung, Phật cầm hoa ấy tiếp dẫn vãng sanh, [hành giả Tịnh Độ] liền sanh trong hoa ấy, gọi là ‘thác chất liên thai’ (gởi thân trong hoa sen), thanh tịnh thọ sanh, hoa nở thấy Phật). Tín Tâm Kiên Cố, bốn chữ này trọng yếu hơn hết, một đời chẳng thay đổi. Thầy Lý truyền bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ cho chúng tôi, đó là sự truyền pháp trong Tịnh tông chúng ta. Tôi tiếp nhận rồi, trong mười mấy năm hoàng dương toàn thế giới. Theo con số dè dặt nhất mà chúng tôi có được, thì tôi thiếu bản hội tập này được lưu thông phải hơn hai trăm vạn cuốn trên toàn thế giới, phải từ hai trăm vạn cuốn đến ba trăm vạn cuốn đang lưu thông trên toàn thế giới, rất nhiều người đọc tụng, thọ trì, hưởng lợi ích chân thật.

Hai năm gần đây, kể từ tháng Mười, tháng Mười Một năm 2000 trở đi, chúng tôi mới bắt đầu nghe thấy những tiếng hủy báng, phản đối, công kích bằng lời lẽ, công kích bằng văn tự, công kích đích danh rất nhiều, đều nhắm vào tôi. Tôi có ngã lòng hay không? Nếu tôi tín tâm chẳng kiên cố, nếu tôi thoái chuyển, đổi sang học tập bản khác, quý vị nghĩ xem làm sao tôi xứng đáng với thầy? Như vậy “tri ân, báo ân” chẳng phải là chuyện dối người hay sao? Thầy truyền bản ấy cho tôi, phó thác pháp môn ấy cho tôi, lúc tôi nghe người ta hủy báng, liền lập tức thay đổi, còn ra thể thống gì? Bởi thế, tôi đã từng nói với các đồng học: “*Dù người trong cả thế giới phản đối, tôi vẫn cứ kiên trì, tôi quyết định không thay đổi!*” Tôi không phụ lòng thầy, thầy chẳng nhìn lầm tôi!

Nếu như tôi biến đổi, tín tâm dao động, thầy đã nhìn lầm người rồi, tôi chẳng xứng đáng. Tất cả những ai hủy báng, tôi đều cảm tạ. Cảm tạ chuyện gì? Họ khảo nghiệm xem tín tâm tôi có đủ kiên cố hay chẳng? Tôi chịu đựng được thử thách, dùng điều đó để dạy hàng hậu học: Con người chỉ cần có tín tâm kiên định, bất luận tu học một pháp môn nào, nhất định thành tựu. Bởi thế, tám chữ sau đây rất trọng yếu: “*Tín tâm kiên cố, một đời chẳng đổi*”. Không có áp lực lớn lao ngàn ấy, không bị đả kích nghiêm trọng như vậy thì sự kiên định, tín nguyện, định huệ của quý vị sẽ do đâu được biểu hiện? Làm sao biết “Tín, Nguyện, Định, Huệ” của mình đạt đến mức độ nào? Từ đây vỡ lẽ ra: Càng bị đả kích nghiêm trọng, khảo nghiệm nghiêm trọng, cảnh giới của mình càng thực sự được nâng cao.

Bởi thế, thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác duyên, thuận -

ngịch, thiện - ác không có tiêu chuẩn, hoàn toàn do Định - Huệ của chính quý vị. Nếu quý vị có Định, có Huệ, ác duyên sẽ biến thành thiện duyên, nghịch cảnh chuyển thành thuận cảnh, tự mình đối với pháp môn này càng thêm kiên định, hạnh nguyện càng khẩn thiết, đó là chuyện tốt chứ không phải xấu. Nếu chúng ta cứ phải chống đỡ, phải biện bạch thì sai mất rồi. Quý vị mắc lỡm to rồi, đã tự trái nghịch lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy. Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy chúng ta điều gì? Mặc Tẫn. Mặc Tẫn có nghĩa là hoàn toàn chẳng quan tâm đến! Người ta hủy báng, tùy ý người ta, người ta sỉ nhục cứ để người ta sỉ nhục, quyết định chẳng đếm xỉa tới. Người ta chửi mình, chúng ta chẳng đáp lại một câu nào. Người ta đánh mình, quyết định chẳng đánh trả! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy! Như vậy thì chẳng phải là thiệt thòi ư? Không sai! Thiệt thòi là phước, phước về sau này! Chỉ cần quý vị cam chịu thiệt thòi, phước báo hiện tiền, trí huệ hiện tiền, vĩnh viễn giữ lòng lắng tĩnh, chớ nên bộp chộp. Tịnh sanh Huệ, thiện sanh phước, vĩnh viễn giữ được tâm hạnh thuần tịnh, thuần thiện.

Đời này, chúng ta sanh vào thế gian này, chúng ta hiểu rõ mục đích là “liễu sanh tử, xuất tam giới”. Chẳng những liễu sanh tử, xuất tam giới, mà còn là vãng sanh Tây Phương, thân cận Di Đà. Ta sống trong thế gian này, phương hướng và mục tiêu của ta là như vậy, những thứ khác đều không phải. Ngoài ra, bất luận người ta làm chuyện gì cũng chẳng ăn nhập gì đến ta cả, ta đi đường mình.

Rất nhiều năm trước (khoảng mười mấy năm trước), tôi ở Đạp Lạp Tư (Dallas), có một bữa, cư sĩ Doãn Kiến Duy hỏi tôi: “Nếu đối với hết thầy kinh, Đại Tạng Kinh bày ra ngay đây, nếu chỉ được phép chọn một bộ kinh để tu hành, thì xin hỏi pháp sư sẽ chọn bộ nào?” Tôi bảo ông ta: “Tôi sẽ chọn Di Đà Kinh Yếu Giải, chẳng chọn bộ thứ hai, nói thật đấy! Hoàng dương kinh Vô Lượng Thọ là vì thầy tôi phó chúc, giảng kinh Hoa Nghiêm là vì rất nhiều vị đại đức xuất gia và tại gia khả thỉnh. Bản thân tôi tu học chỉ đơn giản một môn, thiết yếu, tôi không thích rắc rối, càng đơn giản càng hay! Di Đà Yếu Giải quá tuyệt, Ấn Quang đại sư coi trọng bản này, tôi cũng coi trọng bản này”.

Nhưng tu Tịnh Độ thì kinh Vô Lượng Thọ rất trọng yếu. Kinh Vô Lượng Thọ tường thuật cặn kẽ toàn bộ Tây Phương Cực Lạc thế giới cho quý vị được hiểu trọn vẹn. Hiểu trọn vẹn rồi sẽ chân chánh tu hành, những chỉ dạy trong sách Yếu Giải là thù thắng bậc nhất. Nói cách khác, Vô Lượng Thọ kinh tiếp dẫn quý vị, giúp quý vị kiến lập tín tâm kiên cố. Giúp quý vị phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải

nhờ vào kinh Vô Lượng Thọ. Có tín tâm, có chí nguyện, vậy thì tu hành như thế nào? Sách Yêu Giải tốt nhất! Sách Yêu Giải giúp chúng ta tu hành.

Bởi thế, kiên định, kiên trì pháp môn này, một đời chẳng thay đổi, bất biến. Lúc lâm chung, A Di Đà Phật cầm hoa sen ấy đến tiếp dẫn; hoa sen đó do chính tâm tướng của chính quý vị biến hiện. Càng tinh tấn, hoa sen càng to, màu sắc, quang minh càng đẹp, đây là chỗ xuất sanh, tức là chỗ hóa sanh trong tương lai của quý vị nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện này rất trọng yếu! Bởi thế, bây giờ người ta nói tới chuyện tranh giành, thì mình tranh cái gì? Tranh sao cho hoa sen của mình to hơn, sáng đẹp hơn, đây mới là đúng. Vì sao? Đây là điều quý vị có thể đạt được trong tương lai, còn ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng của thế gian này là giả, không mang theo được gì cả. Vì vậy, cô nhân thường luôn cảnh tỉnh rất cao độ: “*Sanh bất đới lai, tử bất đới khứ*” (Sanh không mang theo gì đến, chết chẳng mang theo gì đi). Bởi vậy, đối với hết thảy người, sự, vật trong thế gian này, chẳng lưu luyến mảy may, phải chuyển biến cái tâm tham luyến những thứ ấy thành cái tâm tham luyến hoa sen trong ao bảy báu. Lúc tâm tướng ta biến hiện ra cái hoa sen ấy, hoa sen của ta phải to, quang sắc phải đẹp, phẩm vị phải cao. Ta chỉ chuyên tâm cầu chuyện đó, quyết định chẳng nên có ý niệm nào khác. Có ý niệm gì khác, sẽ biến thành chướng ngại.

Do vậy, đức Phật cầm đóa hoa này tiếp dẫn vãng sanh, [hành nhân Tịnh nghiệp] liền sanh trong hoa ấy, trong kinh thường gọi là “*thác chất liên thai*”, thanh tịnh thọ sanh. So với nằm trong thai mười tháng, nằm trong thai không thanh tịnh. Lúc quý vị nhập thai chẳng thanh tịnh, ý niệm chẳng thanh tịnh, dâm dục mà! Quý vị ở trong thai mười tháng, tức trụ xứ chẳng thanh tịnh, chung quanh trụ xứ của mình là ruột già, ruột non. Trong ruột già, ruột non có thứ gì vậy? Phẩn uế, nước tiểu bao vây quý vị, chẳng thanh tịnh. Thế giới Cực Lạc khác hẳn: Hoa sen thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, lại còn là liên hoa hóa sanh. Vừa sanh vào thế giới ấy, thân thể liền cao lớn, sắc tướng trang nghiêm. Thế giới Cực Lạc chẳng có người già, kẻ trẻ, mỗi một người hình dáng giống hệt nhau. Thế giới bình đẳng, vì thế, tâm họ bình.

Tâm con người trong thế giới này bất bình, tướng mạo sai biệt. Người có phước báo tướng mạo xinh đẹp, tự nhiên có tâm kiêu mạn. Người thiếu phước báo, nghèo hèn, khổ sở, trước mặt người khác không ngóc đầu lên được, sanh tâm tự ty. Đây là những hiện tượng ta thường thấy trong xã hội. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có những chuyện

ấy, mọi người tướng mạo giống hệt như nhau, thể chất giống hệt, tình trạng cuộc sống đồng nhất, học tập như nhau, chẳng có gì bất bình đẳng. Vì thế, họ chẳng sanh khởi phiền não. Quý vị thấy: Phiền não ngạo mạn chẳng thể sanh khởi trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi cá nhân chẳng khác gì nhau. Phiền não tự ty cũng chẳng thể sanh khởi được, vì mình bình đẳng với hết thảy mọi người. Vì thế, dầu vẫn có tập khí phiền não, nhưng đến nơi ấy, không có duyên lôi kéo, dẫn dụ những phiền não đó. Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng khôn sánh như thế đó, mười phương chư Phật khen ngợi. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn như vậy đều do bốn nguyện oai thần và công đức tu hành trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật gia trì.

Thanh tịnh thọ sanh, “*hoa nở thấy Phật, ngộ vô sanh*”, hoa nở thấy Phật thì cái quý vị thấy chính là báo độ của Như Lai, chúng ta thường gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Phạm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ ở đâu? Thừa cùng quý vị: Ở trong hoa sen! Lúc hoa sen chưa nở, những cồi ấy ở ngay trong hoa sen. Chúng ta xem trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, vãng sanh Hạ Hạ Phẩm thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ, phải bao lâu hoa mới nở? Mười hai kiếp. Đây là thời gian dài nhất ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau mười hai kiếp hoa mới nở. Trong mười hai kiếp hoa chưa nở, tình trạng sinh hoạt trong hoa như thế nào? Đọc kinh Hoa Nghiêm mới hiểu, kẻ ấy ở trong hoa cảm nhận hoa là thế giới, thế giới ở trong hoa. Thế giới trong hoa không khác gì Tây Phương Cực Lạc thế giới. Không đọc Hoa Nghiêm sẽ chẳng hiểu cảnh giới này!

Kinh Hoa Nghiêm dạy cho chúng ta biết: Đại thế giới, đại vũ trụ này và thế giới trong một vi trần không hai, không khác. Trong một hạt vi trần là một thế giới, vào thế giới trong vi trần đó và vào trong đại thế giới không khác gì nhau, không lớn, không nhỏ. Vì vậy, thế giới trong hoa thật ra hoàn toàn tương đồng với thế giới Cực Lạc; về căn bản, bản thân quý vị chẳng biết mình đang ở trong hoa. Ở trong hoa, ngày ngày quý vị thấy Phật, ngày ngày cùng các vị thượng thiện nhân ở chung một chỗ. Do đây biết: Thế giới Cực Lạc vô lượng vô biên. Nơi mỗi một đoá sen đã có người thác chất nơi liên thai thì hoạt động trong hoa sen ấy và hoạt động trong cả thế giới Cực Lạc chẳng khác gì nhau. Đúng là ở trong hoa ấy, quý vị trường dưỡng thánh thai, tu hành trong ấy.

Dầu hoa chưa nở, quý vị muốn đến mười phương thế giới tham phỏng chư Phật chẳng bị trở ngại! Theo như kinh nói, quý vị thấy rất nhiều đại chúng, mỗi ngày cúng Phật, nghe pháp. Cúng Phật là tu phước

báo, nghe pháp mở mang trí huệ, phước huệ song tu. Nghe Bôn Sư A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp; đồng thời lại có thể nghe mười phương hết thảy chư Phật giảng kinh, thuyết pháp. Còn có nhân duyên thế gian, xuất thế gian nào thù thắng hơn được nữa? Tìm không thấy! Vì thế, mười phương chư Phật khen ngợi A Di Đà Phật “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, vua trong các Phật). Nếu chúng ta hiểu được như vậy thì sau đây tâm ta mới định, không còn có vọng tưởng nữa.

Nếu các đồng học muốn học kinh giáo, trước hết phải nắm chắc Tịnh Độ rồi mới học những kinh giáo khác; dẫu có chướng ngại cho việc nâng cao phẩm vị, nhưng quý vị quyết định được vãng sanh. Nếu quý vị chẳng nắm chắc mình sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc, trong hiện tại, quý vị học kinh giáo rất nhiều, tinh lực lẫn thời gian đều bị phân tán. Nói cách khác, đến lúc lâm chung có được vãng sanh hay không vẫn là ẩn số, vẫn là một câu hỏi bỏ ngõ! Từ cổ đến nay, rất nhiều pháp sư giảng kinh, nhân vì một ý niệm sai lầm nên lầm lỡ. Một phen lầm lỡ rất phiền! Đời đời kiếp kiếp vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ. Vì người ấy đời trước làm pháp sư, giảng kinh, thuyết pháp, [đấy là thực hiện] pháp bố thí và tài bố thí! Giảng kinh là nội tài bố thí, đổi lấy phước báo trong đời sau!

Quý vị hãy nhớ đến đồng học của ngài An Thế Cao. Ông ta thông hiểu kinh, thích bố thí, nhưng tâm sân khuê chưa đoạn. Lòng sân khuê của ông ta không nghiêm trọng lắm. Ông ta đi khát thực – lúc bấy giờ còn theo chế độ khát thực – thí chủ cúng dường ông ta cơm, thức ăn không ngon, tâm ông cảm thấy rất khó chịu, có một chút như vậy thôi mà đọa làm thân súc sanh! Đọa vào loài rắn, trở thành long vương, tức long vương hồ Cung Đình. Vị đồng học của An Thế Cao khi thọ mạng sắp hết, tự biết mình sẽ đọa địa ngục, vì sao? Lúc làm long vương, ông ta đã tạo không ít tội nghiệp. Tâm sân nặng nề: “Ngươi đến lễ ta, cúng dường ta, ta đối xử với ngươi rất tử tế, che chở ngươi thượng lộ bình an. Nếu ngươi không lễ ta, không cung kính ta, không cúng dường ta, cho ngươi ném một chút ma thuật, khiến đường ngươi đi chẳng được bình an, thậm chí ngươi bị lật thuyền”; tạo rất nhiều tội nghiệp! Có thần thông như thế thì có thể quậy phá chúng sanh, nhưng quả báo sau khi chết đi chẳng kham tưởng tượng nổi. May là An Thế Cao chưa đọa lạc, Ngài là một vị cao tăng khai ngộ, đắc đạo, nên long vương bèn cầu Sư siêu độ.

Mẫu chuyện này được chép trong truyện ký về ngài An Thế Cao, quý vị đều đọc cả rồi. Vàn muôn phần chớ tạo ác nghiệp! Nhất định phải hiểu “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng phải tiền định*”.

Nhân quả của mỗi người, người ấy phải tự gánh vác, không ai có thể gánh chịu giùm! Ấn Quang đại sư là một vị đại thiện tri thức thời cận đại, cả đời giáo hóa của Ngài nói thật ra chỉ là hai việc: Một là khuyên người ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; hai là khuyên người ta hãy chú trọng nhân quả báo ứng. Trong các sách nhân quả báo ứng, Ngài nói sách An Sĩ Toàn Thư tốt nhất, kể đến là Cảm Ứng Thiên Vọng Biên; suốt đời Ngài dùng những sách này để giáo hóa chúng sanh.

Nhân quả báo ứng là định luật thẳng - trảm trong lục đạo luân hồi, quý vị làm lành nhất định cảm được thiện báo, quý vị làm ác nhất định có ác báo. Cát - hung, họa - phúc, thiện - ác báo ứng thuộc quyền quý vị, chẳng do ai khác cả! Bị người khác hãm hại không sao cả! Nói thật ra, bị người khác hãm hại mà chính ta không có tâm sân khuê, không có tâm báo thù, tai nạn bèn tiêu. Chính mình trong đời quá khứ từ vô lượng kiếp đã tạo tội nghiệp, mọi người thường nghe nhà Phật nói “*tội nặng, báo nhẹ*”, thế nào là “*tội nặng báo nhẹ*”? Ta bị người khác sỉ nhục, bị người khác hủy báng, bị người khác hãm hại, đầy đều là quả báo. Rất có thể tội ta rất nặng, do những chuyện ấy, ta trả báo từng chút một. Ta gặp phải những chương nạn ấy, không có tâm sân khuê, không có tâm báo thù, mình phải tự khéo kiểm điểm. Cổ đức từng nói: “*Hữu tất cải chi, vô tất gia miễn*” (có lỗi bèn sửa đổi, không có lỗi thì càng thêm cố gắng). Nghiệp chương tiêu trừ, tội nặng báo nhẹ!

Bởi vậy, đối với người hủy báng, người sỉ nhục, người hãm hại, ta chỉ cảm ơn! Nếu họ gặp phải chương nạn, ta sẽ toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, chớ nên oán hận mảy may. Đó gọi là “*học Phật*”, đó gọi là “*chân chánh thọ dụng Phật pháp, hưởng lợi ích nơi Phật pháp*”. Oán kết hóa giải, oan gia nên mở đờng nên buộc, chớ kết oán cùng người. Lúc kết oán sẽ oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, hai bên cùng đau khổ, còn làm liên lụy người khác. Bởi thế, phải nghĩ kỹ những lý sự ấy, vì muốn tránh khỏi những buộc ràng đời đời kiếp kiếp, quý vị phải hạ quyết tâm, trong một đời này nhất định phải sanh về Cực Lạc thế giới, nhất định phải thấy A Di Đà Phật! Chuyện gì cũng bỏ ra sau, không quan trọng, chẳng đáng kể.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 15

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ ba của phần “*hoa sen bốn màu*”:

“*Quang sắc thật vô lượng, lược ngôn tứ sắc nhĩ*” (Thật ra, quang minh, màu sắc vô lượng, chỉ lược nói bốn màu mà thôi). Trong kinh này chỉ nói bốn màu là xanh, vàng, đỏ, trắng; nhưng thật ra, quang minh và ánh sáng rất nhiều thứ. Bốn màu ấy nay được gọi là “nguyên sắc” (màu gốc)⁵², bốn màu ấy pha chế thành vô lượng màu sắc. Điều cuối cùng:

Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

極樂國土，成就如是功德莊嚴。

(Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế).

Câu này tổng kết cả đoạn. “*Di Đà nhân địa, dĩ tứ thập bát nguyện, nhiếp thủ nhị bách nhất thập ức Phật sát*” (Lúc Phật Di Đà còn tu nhân, dùng bốn mươi tám nguyện nhiếp thủ hai trăm mười ức cõi Phật), chúng ta đã đọc thấy điều này trong kinh Vô Lượng Thọ. Con số “hai trăm mười ức” hàm nghĩa viên mãn. Trong Mật giáo - Phật pháp có Hiền giáo và Mật giáo - Hiền giáo thường dùng con số Bảy, con số Mười, hoặc con số Một Trăm để biểu thị ý nghĩa viên mãn, Mật giáo dùng con số Mười Sáu hay con số Hai Mười Một để biểu thị ý nghĩa viên mãn. Hai Trăm Mười Ưc là đại viên mãn! Vì thế, hai trăm mười ức không phải là con số [thực sự], vì nếu đúng là một con số [cố định] thì hai trăm mười ức chưa phải là nhiều lắm. Con số này biểu thị ý nghĩa đại viên mãn, không sót một cõi Phật nào, trọn pháp giới hư không giới không sót một cõi Phật nào.

Chẳng những không sót một cõi Phật nào, mà như nay ta đã biết, chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm hiểu được thế giới trùng điệp, trùng trùng vô tận. Trong mỗi một vi trần đều có thế giới, trong mỗi thế giới lại có vi trần, trong mỗi vi trần lại có thế giới, đó là Tánh Đức chẳng thể nghĩ bàn! “Hai trăm mười ức” hoàn toàn bao quát, trùng trùng vô tận thế giới đều được gộp trong ấy. Nói cách khác, khi A Di Đà Phật còn là Bồ Tát, vô lượng vô biên trùng điệp cõi nước thuộc pháp giới hư không giới

⁵² Nguyên sắc (primary colors) là những màu cơ bản, phối hợp, pha trộn chúng theo những tỷ lệ khác nhau sẽ có được nhiều màu sắc khác. Trong hội họa, ba màu cơ bản chính là đỏ, xanh dương và vàng. Màu trắng thật ra không phải là màu nguyên bản, nhưng thường được dùng để giảm độ đậm của các màu khác. Chẳng hạn, pha vàng với đỏ ta sẽ có màu cam, pha xanh dương với màu vàng, ta sẽ có màu xanh lá cây v.v...

Ngài đều từng đến thăm. Mục đích thăm viếng là gì? Lấy ưu điểm, bỏ khuyết điểm để kiến lập một hoàn cảnh tu học tối hảo, tức là thế giới Cực Lạc!

Thế giới Cực Lạc do đâu mà có? Chẳng phải do A Di Đà Phật bỗng dung tưởng tượng ra. Ví như một người thực sự có trí huệ, có đại phước đức, mong kiến lập một quốc gia, sao cho quốc gia ấy thù thắng nhất, tốt đẹp nhất trong hết thảy tất cả các quốc gia trên thế giới này; chí nguyện ấy rất hy hữu, thực hiện bằng cách nào đây? Người ấy phải đi thăm mỗi quốc gia, đến học hỏi những ưu điểm của mỗi một quốc gia. Ưu điểm thì chọn lấy, khuyết điểm thì hết thảy phải sửa đổi; lẽ đương nhiên quốc gia ấy đứng đầu thế giới. Phải rất nghiêm túc học tập một cách không thành kiến, ngay cả những quốc gia rất lạc hậu, nay ta gọi là “quốc gia chưa khai hóa”, vẫn có những điểm đáng để học hỏi.

Chẳng hạn như mấy năm trước đây, có một vị đồng học đề nghị tôi xem cuốn sách Âm Thanh Hoang Dã do một người Mỹ viết. Bà ta vào nội địa châu Úc, sống cùng thổ dân một thời gian, [trong cuốn sách ấy, bà ta] miêu tả tình hình cuộc sống của chính bọn họ. Điều đáng quý nhất là bọn họ có tâm yêu thương, đoàn kết, niệm niệm luôn quan tâm đến bộ lạc của mình, hoàn toàn quay về sống trong thiên nhiên, không tự tư tự lợi, không có dục vọng chiếm hữu. Quý vị nghĩ xem: Mọi người chúng ta hiện nay ai nấy đều chiếm hữu, tôi sống trong căn nhà này là tôi chiếm hữu, đất đai quanh nhà tôi thuộc quyền tôi chiếm hữu! Thổ dân châu Úc không có những quan niệm ấy, họ cảm thấy rất lạ lùng [trước những quan niệm ấy], đất đai thuộc thiên nhiên, là của chung của hết thảy chúng sanh, sao anh lại có thể chiếm hữu một khoảnh được? Quan niệm ấy hay lắm! Bởi thế, từ trước đến nay họ chưa hề có tranh chấp về quyền chiếm hữu, không hề có. Mọi người cùng chung hưởng thụ, bình đẳng hưởng thụ, hy hữu thay!

Vậy thì quý vị nói họ không có văn tự, không có văn hóa, nhưng họ có rất nhiều quan niệm tốt, cách nghĩ tốt, hành trì tốt đáng cho chúng ta học hỏi, ta không thể coi thường họ được. Đặc biệt là y dược, những thổ dân ấy có cách chữa trị riêng, chúng ta hoàn toàn không hiểu được. Có một thổ dân bị thương rất nghiêm trọng, bọn họ dùng một loại thảo dược bôi lên. Mấy giờ sau, người ấy khôi phục, hoàn toàn bình thường; tuy trước đó bị ngã gãy lòi xương! Loại y dược ấy có đạo lý riêng, chúng ta không hiểu nổi. Kinh nghiệm dược lưu truyền cả mấy ngàn năm, vạn năm, đời đời truyền cho nhau. Sống ngoài hoang dã gặp phải độc xà, mãnh thú, họ biết loại dược thảo nào có thể giải độc, thực sự trị được

bệnh. Họ chẳng hề có máy móc, phòng thí nghiệm hóa học, cũng chẳng có lý luận gì để bàn thảo, nhưng trong ấy có đại đạo lý.

Bởi vậy, dầu cho những thô dân chưa được khai hóa, họ cũng có văn hóa riêng, có đặc sắc riêng. Nếu chúng ta đều học hỏi tất cả những ưu điểm, sửa đổi tất cả các khuyết điểm, quốc gia của quý vị sẽ đứng đầu thế giới. A Di Đà Phật sử dụng biện pháp ấy. Ngài chu du tất cả hết thủy cối nước trong pháp giới hư không giới, chọn lấy ưu điểm, loại bỏ khuyết điểm, kiến lập thế giới Cực Lạc. Vì thế, thế giới Cực Lạc biến thành đệ nhất.

“*Xưng tánh công đức chi sở thành tựu dã*” (Được thành tựu bởi công đức xưng tánh): Chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất, hoàn toàn do tánh đức lưu lộ, chẳng phải là tuyệt vời ư? A Di Đà Phật chẳng có mảy may lòng riêng tư, niệm niệm đều vì giúp đỡ rất nhiều người hữu chí học đạo trong pháp giới, hư không giới. Hết sức đáng tiếc là bọn họ chẳng có hoàn cảnh tu học rất tốt, thường gặp phải chướng ngại, đạo nghiệp khó thành tựu. Phật vì những người như vậy, tạo nên một hoàn cảnh tu học tối hảo, hoàn cảnh tu học ấy chẳng phải do Ngài vất kiệt trí óc tưởng tượng ra, mà do tham phỏng khắp pháp giới. Sau đây, chúng tôi phải nêu lên một chi tiết để các đồng học tham khảo.

“*Độc kinh sử nhiếp thủ cổ nhân chi kinh nghiệm*” (Độc kinh sử để thâm thập kinh nghiệm của cổ nhân). Ngàn vạn phần chớ nghĩ cổ nhân chẳng bằng người hiện tại, nếu nghĩ như vậy thì làm mất rồi. Trí huệ, kinh nghiệm của cổ nhân thường cao hơn người hiện nay rất nhiều. Đương nhiên người đời nay cũng có những phát minh, ta không thể phủ nhận được. Học hỏi từ cổ nhân thì học vấn của chúng ta sẽ có căn bản. “*Tham học nhiếp thủ kim nhân chi thành quả*” (Tham học, thâm thập thành quả của người hiện thời). Cổ nhân trong nước, ngoài nước ta đều phải học, học theo A Di Đà Phật. A Di Đà Phật thông minh, tâm rộng rang cầu học, thâm gom những thành tựu lớn lao nơi kinh nghiệm, học thuyết trong ngoài xưa nay để kiến lập thế giới Cực Lạc, đây đúng là “*độc vạn quyển thư, hành vạn lý lộ*” (đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường), chúng ta phải “*sư pháp A Di Đà hạnh*” (thờ A Di Đà Phật làm thầy, học theo hạnh A Di Đà Phật). Những gì A Di Đà Phật dạy chúng ta ở đây, chúng ta phải học tập theo, trọn chẳng coi thường người khác thì mới có thể thành tựu học vấn, đức hạnh chân chánh.

Trung Quốc lần này bất hạnh gặp phải bệnh truyền nhiễm SARS tấn công. Qua lịch sử, ta có thể thấy rõ từ cổ đến nay, tại mỗi một quốc gia, khu vực đều có ôn dịch phát sanh. Cứ mỗi lần ôn dịch phát sanh,

cũng đều có người tìm ra cách trị liệu. Chúng ta thấy nhà tiên tri Nặc Tra Đan Mã Tư (Nostradamus) người Pháp sống vào thế kỷ 16, cũng là một thầy thuốc. Ông ta sanh nhằm thời đại bị ôn dịch nghiêm trọng, ông ta cũng là danh y, phương thuốc của ông chữa trị bệnh dịch ấy rất hữu hiệu. Trong lịch sử Trung Quốc cũng có mấy lần ôn dịch rất nghiêm trọng, đều có những thầy thuốc cao minh tìm ra phương thuốc hóa giải được những bệnh ôn dịch ấy.

Tinh thần khoa học rất đáng tán dương, nhưng nếu tinh thần khoa học đi theo hướng thiên kiến, quá khích, hẹp hòi, không bao dung, chẳng thể nghiên cứu, học tập rộng rãi, thì khoa học chuốt nhọn sừng trâu chạy vào tử lộ. Chúng ta hãy nghĩ xem phương pháp học tập của A Di Đà Phật có hợp với khoa học hay chẳng? Ngài cái gì cũng học, quyết chẳng buông bỏ một phương diện, lãnh vực nào, cổ kim trong ngoài đều học hết, thành tựu học vấn và đức năng cho chính mình, đây là một tấm gương tốt.

6.3.2.4. Thiên Nhạc Vũ Hoa (nhạc trời, mưa hoa)

Lại xem tiếp đoạn thứ sáu kể đó, “*thiên nhạc vũ hoa*”. Chúng tôi đọc đoạn kinh văn này một lượt.

Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa. Trú dạ lục thời, vũ thiên mạn-đà-la hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đàn, các dĩ y kích, thanh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đảo bổn quốc, phạn thực kinh hành.

又舍利弗。彼佛國土。常作天樂。黃金為地。晝夜六時。雨天曼陀羅華。其土眾生。常以清旦。各以衣祴。盛眾妙華。供養他方十萬億佛。即以食時。還到本國。飯食經行。

(Lại này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thường tấu nhạc trời, vàng ròng làm đất. Ngày đêm sáu thời, tuôn mưa hoa mạn-đà-la cõi trời. Chúng sanh cõi ấy, thường vào sáng sớm, ai nấy dùng y kích đựng hoa trời cúng dường mười vạn ức Phật phương khác, chỉ trong thời gian một bữa cơm, trở về nước mình, dùng cơm, kinh hành).

Đoạn kinh văn này chúng tôi phải phân thành mấy tiểu đoạn để

giới thiệu. Đoạn này giảng về thiên thời, nói về sự vui về mặt thiên thời: “*Y kích thanh hoa*”, “*tha phương cúng Phật*”, “*phạn thực kinh hành*”. Chúng ta đọc đoạn kinh văn này, văn tự không nhiều, cảnh giới đúng là có thể hiện hiện ngay trước mắt. “*Y kích thanh hoa*” (giỏ hoa đựng hoa), “*y kích*” giống như cái người Hoa gọi là “hoa lam” (giỏ hoa), vật dụng mà người cổ Ấn Độ dùng để đựng hoa được gọi là “*y kích*”. Cũng có người nói [“*y kích thanh hoa*” là] dùng y phục túm lại đựng hoa⁵³, điều này không [có cách giải thích] nhất định; bởi lẽ, chúng ta không hiểu rõ phong tục tập quán thời ấy cho lắm; nhưng để đựng hoa thì người Hoa dùng giỏ hoa đựng hoa. Đây chính là “*vô Cầu Bất Đắc khổ, y thực hành lạc*” (không có nỗi khổ Cầu Chẳng Được, cơm áo sung sướng). Quần áo tự tại, uống ăn tự tại, trong phần ăn uống thì “*phạn thực, kinh hành*” (dùng cơm, kinh hành). Chủ yếu vẫn là “*không có nỗi khổ Cầu Bất Đắc*”.

Chúng ta qua các thế giới phương khác cúng Phật “*cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*”, hoa để cúng Phật. Quý vị thích loại hoa nào, trên không bèn rơi xuống loại hoa ấy, “*vũ thiên mạn-đà-la hoa*” (mưa hoa mạn-đà-la cõi trời). Chữ Vũ (雨) có nghĩa là từ trên rơi xuống, đọc [theo âm Quan Thoại] là Yù, là động từ chỉ hành động rơi xuống. Hoa trời rơi xuống, từ trên không trung rơi xuống. “*Mạn-đà-la*” là tiếng Phạn, có nghĩa là gì? Dịch sang tiếng Hán là Thích Ý. Quý vị thích hoa nào, loại hoa đó sẽ rơi vào y kích của quý vị.

Quý vị thích hoa sen, sẽ thấy hoa rơi xuống là hoa sen. Quý vị thích hoa mai, sẽ thấy hoa mai rơi xuống. Thích hoa mẫu đơn, hoa mẫu đơn rơi xuống. Thích hoa lan, hoa lan rơi xuống. Thích Ý nghĩa là vừa ý mình, tự mình thích hoa gì, hoa đó bèn rơi xuống. Đó gọi là Mạn Đà La, bởi thế, Mạn Đà La không phải chỉ một thứ. “*Không có nỗi khổ Cầu Bất Đắc*”, đúng là tâm tưởng sự thành, thuận theo lòng muốn. Chuyện này trong thế gian chúng ta không thể có được, thế giới của chư Phật cũng ít có, thế giới Cực Lạc do được Di Đà bốn nguyện oai thần gia trì, công đức viên mãn không khiếm khuyết.

“*Tha phương cúng Phật*” là “*cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*” (cúng dường mười vạn ức Phật ở các phương khác), “*đắc thần thông lạc, thị Phật lạc*” (niềm vui do có thần thông, niềm vui hầu nhiều đức Phật). Trong thế gian này, chúng ta muốn thân cận một đức Phật chẳng dễ dàng, chẳng có phước báo lớn như thế! Quý vị vãng sanh Tây

⁵³ Đây là cách giải thích dựa theo văn tự, “kích” (袂) là cái vạt áo.

Phương Cục Lạc thế giới cũng giống như vãng sanh hết thấy thế giới chư Phật, phải hiểu điều này! Có rất nhiều người không hiểu đạo lý này! Lúc tôi còn trẻ, có những đồng tham đạo hữu hết sức ngưỡng mộ Di Lạc Bồ Tát, nhất tâm nhất ý cầu sanh về tịnh độ Di Lạc. Tịnh độ Di Lạc ở đâu? Trên trời Đâu Suất là tầng trời thứ tư của Dục Giới. Đâu Suất thiên là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, có nội viện và ngoại viện. Ngoại viện là phạm phu, tức chư thiên của tầng trời thứ tư trong Dục Giới. Nội viện là tịnh độ của Di Lạc Bồ Tát. Trên trời Đâu Suất, những thiên chúng bình phạm của trời Đâu Suất không thấy được Di Lạc Bồ Tát.

Tốt! Rất hy hữu! Trong tương lai, Di Lạc Bồ Tát giáng sanh trong thế gian này thị hiện thành Phật, bọn họ đều là đại đệ tử của Di Lạc Bồ Tát, giống như những vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên trong pháp hội này của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhưng quý vị có dám chắc được sanh về Đâu Suất nội viện hay không? Yêu cầu của Đâu Suất nội viện rất cao, điều kiện rất nghiêm ngặt, người bình thường chẳng đạt được tiêu chuẩn ấy, quý vị không có cách nào vãng sanh được! Chúng ta biết Di Lạc Bồ Tát là chuyên gia về Duy Thức, Ngài thực sự là tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức tông, đương nhiên phải tu học tương ứng với Ngài, Ngài tu pháp môn nào? Duy Tâm Thức Định. Trong Pháp Tướng tông có nói tới năm thứ Duy Thức Quán; quý vị phải tu thành tựu thì mới có thể vãng sanh [Đâu Suất nội viện]. Năm thứ Duy Thức Quán chẳng phải là chuyện dễ, khó hơn Niệm Phật rất nhiều!

Tu Tịnh Độ Di Lạc có bao nhiêu người? Thực sự được vãng sanh về nội viện có mấy người? Chúng ta biết trong thời cận đại có lão hòa thượng Hư Vân sanh về Di Lạc nội viện. Trong Niên Phở của Ngài, chúng tôi thấy Ngài đã từng nhập Định lên được trời Đâu Suất, Di Lạc Bồ Tát đang giảng kinh ở đây. Tại pháp tòa, có mấy người quen biết với đại sư. Đó là những người tu Tịnh Độ Di Lạc thành công mà lão hòa thượng Hư Vân quen biết, Ngài kể ra. Những người ấy chắc chắn được sanh. Vẫn còn có rất nhiều người tu Tịnh Độ Di Lạc mà lão hòa thượng Hư Vân không thấy, không biết họ lưu lạc trong đường nào rồi! Bởi vậy, khó lắm, rất ư là khó! Tôi từng nói với các đồng tham đạo hữu, tôi nói rất cận kề: “Quý vị khéo gắng tu. Nếu quý vị thực sự thành tựu, vãng sanh Di Lạc nội viện, tôi có thể thường đến thăm quý vị”. Họ cũng sợ: “Ông có bản lãnh gì mà thường đến thăm tôi?”

Tôi nói:

- Ông không biết đâu! Tôi tu Tịnh Độ Di Đà, sau khi tôi vãng sanh Tây Phương Cục Lạc thế giới, ông thấy đó “*cúng đường tha phương*

thập vạn ức Phật”, tôi mỗi ngày đều có thể đến Di Lạc nội viện đi chơi rong. Quý vị tu thành công, tu đến Di Lạc nội viện, nhưng không đến được thế giới Cực Lạc. Tôi có thể thường đến chỗ quý vị dạo loanh quanh, quý vị không có cách chi đến chỗ tôi được. Do nguyên nhân nào? Di Lạc Bồ Tát thường đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến làm chi? Đến để dạy học! Pháp Tướng Duy Thức là môn học tại Tây Phương Cực Lạc thế giới do Di Lạc Bồ Tát dạy, Ngài là thầy dạy học, là giáo viên của thế giới Cực Lạc, chúng tôi là học sinh. Học sinh của A Di Đà Phật thì vị Phật nào, Bồ Tát nào cũng đều rất tôn trọng. Chúng tôi thừa cùng Di Lạc Bồ Tát: “Hôm nay con đến nội viện Ngài chơi”; chắc chắn Di Lạc Bồ Tát rất hoan nghênh: “Đến đi, xin mời!”, cho nên đi được!

Như vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh về thế giới của hết thầy chư Phật, Bồ Tát, bất luận một Tịnh Độ Phật, Bồ Tát nào, muốn đến bèn đến, chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị muốn tu Tịnh Độ Di Lạc chưa chắc đã thành tựu, nhưng tôi thực sự có thể thành tựu. Quý vị tu cái khó, tôi tu cái dễ. Tôi “một thành, hết thầy đều thành”; quý vị có tu thành tựu thì chỉ thành tựu được một cái đó, chẳng thể đến thế giới chư Phật ở những phương khác được! Chớ nên không hiểu đạo lý này. Hiểu rõ chân tướng sự thật của đạo lý này, thì đối với pháp môn Tịnh Độ, quý vị sẽ chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất. Bởi vậy, sanh vào thế giới Cực Lạc có sự vui hầu hạ nhiều đức Phật, mười phương tam thế hết thầy chư Phật Như Lai, thầy đều thân cận hết thầy Pháp Thân Bồ Tát.

Trong điều thứ hai, giảng về “*cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*”, nhất định phải hiểu ý nghĩa câu “*đặc vị thử độ chúng sanh nhi thuyết*” (riêng vì chúng sanh cõi này mà nói). “*Ý hiển vãng sanh chi hậu, hữu năng lực tùy thời phản lai, cúng dường Bốn Sư, Di Lạc, phổ độ oán thân, giai bất nan nhi*” (Nêu rõ ý: Sau khi vãng sanh, có năng lực tùy thời quay lại cúng dường Bốn Sư, Di Lạc, phổ độ kẻ oán người thân, đều chẳng khó khăn gì). Mười vạn ức cõi Phật rất gần, không phải là khoảng cách xa. Phạm ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều có thể cúng dường vô lượng vô biên các đức Phật Như Lai trong các cõi Phật phương khác, há chỉ mười vạn ức cõi! Mười vạn ức cõi đáng kể chi! Sở dĩ nói “*mười vạn ức cõi*” là vì thế giới Sa Bà chỉ cách thế giới Cực Lạc mười vạn ức cõi, nên đặc biệt nói như vậy với hàm ý: Mười vạn ức cõi thường có thể qua lại, ngày ngày đều qua lại, muốn qua là qua.

Đó là vì có một loại chúng sanh còn lưu luyện thế giới Sa Bà [mà nói]. Trong thế giới này (thế giới Sa Bà) vẫn còn có rất nhiều người nhà

quyền thuộc, vẫn còn có bạn bè thân thiết, thường nghĩ tới họ, ta về thế giới Cực Lạc rồi, có trở lại gặp họ được hay chẳng? Thừa cùng quý vị: Quý vị sanh về thế giới Cực Lạc, bất cứ lúc nào đều có thể quay về! Nếu chúng ta hỏi: Bất cứ lúc nào đều có thể quay về, có ai đã vãng sanh thế giới Cực Lạc mà quay về đâu? Vì sao họ không quay về? Có phải là họ đã quên hết rồi hay chẳng? Chúng ta hằng ngày nhớ đến họ, họ cũng không quay về. Phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, kinh Vô Lượng Thọ giảng rất rõ, người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc Hạ Hạ Phẩm, được bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, thiên nhãn thấy thấu suốt, thiên nhĩ nghe thông triệt, Tha Tâm Thông biết khắp mọi chuyện. Không hề có chuyện họ chẳng nghe được, thấy được, chẳng biết được tình hình chúng ta! Không hề có chuyện ấy!

Vì sao họ chẳng trở về? Không trở về chắc chắn là có nguyên nhân không về! Nguyên nhân gì vậy? Thiện Đạo đại sư nói: “*Nói chung là gặp duyên bất đồng*”, vì duyên chưa chín muồi! Hễ duyên đã chín muồi bèn đến. Ở trên, tôi đã nói cùng quý vị, pháp sư Giao Quang soạn Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Sư, thực sự có đến. Sư vì muốn chú giải kinh Lăng Nghiêm, xin khát lại cùng A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chấp thuận, Phật liền rời đi. Sư đang mắc bệnh, bệnh liền khỏi.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha đời Tống, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, một câu Phật hiệu niệm suốt ba ngày ba đêm, thực sự niệm được A Di Đà Phật đến. A Di Đà Phật bảo Sư, đúng là chí thành cảm thông, đức Phật bảo: “Ngươi còn thọ mười năm nữa. Ngươi hãy khéo niệm Phật dụng công, đến mười năm sau ngươi hết tuổi thọ, ta lại đến tiếp dẫn ngươi”. Oánh Kha thông minh: “Con không cần sống thêm mười năm, con muốn theo Phật ngay bây giờ!” Thực sự buông xuống được! A Di Đà Phật cũng đáp ứng, bảo Sư: “Tốt! Ba ngày sau nữa ta đến tiếp dẫn ngươi!” Ba ngày sau quả thật được vãng sanh. Sư không sanh bệnh. Lúc vãng sanh, đại chúng trong tự viện niệm Phật trợ niệm Sư. Niệm chưa được bao lâu, Sư bảo mọi người: “A Di Đà Phật đến rồi, đến tiếp dẫn tôi, nay tôi theo Ngài”. Nói xong bèn mất.

Phàm mọi sự ắt có thời tiết, nhân duyên, chẳng phải họ không đến gặp chúng ta, chỉ vì chính chúng ta có nghiệp chướng, nghiệp chướng của chúng ta sanh ra chướng ngại. Chướng ngại chẳng do nơi họ, mà do nơi chúng ta. Trước kia, Chương Gia đại sư bảo tôi: “*Chỉ cần tích cực sám trừ nghiệp chướng, cảm ứng tùy thời hiện tiền chẳng thể nghĩ bàn*”.

Bởi vậy, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa câu “mười vạn ức cõi Phật” là có ý nói với chúng sanh thế giới Sa Bà, tỏ rõ ý nghĩa: Sau khi vãng sanh, quý vị có thần thông, có năng lực tùy thời qua lại như thế, nếu đối với Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đối với Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Phật vẫn còn có tình chấp, vẫn có lòng tưởng niệm, thường mong đến gặp gỡ, được! Không có vấn đề gì! Trong nhà quý vị còn có cha mẹ anh em, thân thích bằng hữu, “*phổ độ kẻ oán người thân*” đều chẳng khó khăn, tùy thời đều có thể đến. Lúc ấy, quý vị có năng lực quán sát căn cơ, lúc nào cơ duyên thành thực, lúc nào nên đến.

“*Phạn thực kinh hành*”: Lúc ăn cơm; “*thanh đán*”: sáng sớm, “*thường dĩ thanh đán*” (thường vào sáng sớm), [sách Yếu Giải giảng] “*cổ viết tức dĩ, minh kỳ thân tức bất khả tư nghị, bất ly bỉ độ, thường biến thập phương, bất giả du thời hồi hoàn*” (vì thế nói “*tức dĩ*” (ngay trong lúc ấy), nhằm chỉ rõ Thần Túc Thông chẳng thể nghĩ bàn, chẳng lìa cõi kia, mà thường ở khắp mười phương, chẳng tổn thời gian trở về). “*Thần tức chẳng thể nghĩ bàn*” ta gọi là Thần Túc Thông, phi hành tự tại. Kinh nói “*tức dĩ thực thời*” (ngay trong giờ cơm), nghĩa là trong thời gian ăn một bữa cơm, thời gian không lâu! Trong khoảng thời gian một bữa ăn đã đến được vô lượng vô biên cõi Phật tham phỏng rồi trở về.

Tham phỏng các cõi Phật cùng một lúc thì đi bằng cách nào? Hóa thân mà đi. Một thân có thể hiện vô lượng thân. Nếu chẳng hiện vô lượng thân, đến gặp mỗi đức Phật, phải cần không ít thời gian! Ở chỗ mỗi đức Phật chừng một giờ, không cần nói nhiều chư Phật Như Lai, chỉ nói mười vạn ức cõi như ở đây thôi, đã phải mất mười vạn ức giờ, còn nói gì được nữa! Phân thân đi. Đồng thời trong mỗi cõi Phật, trước mỗi một đức Phật đều có quý vị. Quý vị ở đó dâng hoa, cúng dường bằng hoa, nghe Phật thuyết pháp. Quý vị chẳng lìa thế giới Cực Lạc, vẫn nghe A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp, nhưng phân vô lượng thân đi cúng dường hết thầy Phật, nghe hết thầy chư Phật thuyết pháp. Mỗi ngày học không biết là bao nhiêu!

Trong thế gian này của chúng ta, quý vị ở trong lục đạo, chẳng thoát khỏi lục đạo. Trong lục đạo, quý vị học vô lượng kiếp, thì ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ một ngày là xong. Bởi vậy, nghĩ đến chỗ này, cần gì phải học kinh giáo siêng khổ đường ấy? Học rất khổ sở! Do đó, những người thông minh bậc nhất sẽ buông xuống vạn duyên, ngay cả kinh giáo cũng buông luôn, vì sao? Đến thế giới Cực Lạc sẽ học tiếp; hiện thời, phải thủ đắc (nắm chắc) thế giới Cực Lạc một cách ổn thỏa, thích đáng cái đã! Học một kiếp ở đây vẫn không bằng học một ngày

trong thế giới Cực Lạc. Vì sao? Trong khoảng thời gian một ngày, người ta có thể đi tham phỏng vô lượng vô biên Phật, nơi mỗi một đức Phật chẳng cần nghe nhiều, nghe một câu là đã tuyệt diệu rồi! Quý vị dạo một vòng như thế nghe được vô lượng vô biên Phật pháp. Vì thế, quý vị ắt hiểu rõ vì sao ở Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật dễ dàng dường ấy!

Ở đây, chúng ta học rất khổ sở, gian nan ngàn này, bên kia người ta học rất dễ. Đã thế, họ chẳng phải nghe những pháp sư tầm thường giảng, tuyệt đại đa số pháp sư chưa khai ngộ, còn là phàm phu! Còn ở bên kia, quý vị đi nghe giảng kinh thuyết pháp là nghe từ chư Phật Như Lai, không phải là Đẳng Giác Bồ Tát, không phải là Bồ Tát Ma Ha Tát, quý vị học trực tiếp với chư Phật Như Lai. Hoàn cảnh tu học như vậy quý vị tìm ở đâu ra? Ngoại trừ thế giới Cực Lạc, không tìm được ở đâu hết! Bởi vậy, ở đây có hai câu: *“Bất ly bỉ độ, thường biến thập phương”* (Chẳng lìa cõi ấy, thường ở khắp mười phương). Hai câu này rất trọng yếu. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, do năng lực của Thần Túc Thông, có thể phân vô lượng vô biên thân; Tôn Ngộ Không chẳng thể sánh kịp! Tôn Ngộ Không chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa, thua xa lắm!

Đoạn tiếp đó viết: *“Thử văn”* (Văn này), tức là đoạn kinh văn này, *“hiển thị Cực Lạc thế giới, nhất thanh, nhất trần, nhất sát-na, nữ chí khoa bộ, đàn chỉ, tất dữ thập phương Tam Bảo, quán triệt vô ngại”* (hiển thị trong thế giới Cực Lạc, một âm thanh, một hạt bụi, một sát-na, cho đến cất bước, khảy ngón tay, thấy đều quán triệt vô ngại mười phương Tam Bảo). Quý vị phải hiểu chữ *“mười phương”* ở đây có nghĩa là trùng trùng vô tận mười phương thế giới. Trùng trùng vô tận thế giới, phải đọc kinh Hoa Nghiêm mới có một chút ấn tượng! Nếu không đọc Hoa Nghiêm [sẽ không hình dung được, bởi] các kinh Đại Thừa khác rất ít khi nhắc tới thế giới trùng trùng vô tận! Hết thầy chư Phật Như Lai, Bồ Tát, Thanh Văn, Tam Bảo ở trong ấy. *“Quán triệt”* là thông đạt, không có chướng ngại.

“Hựu hiển thị Sa Bà, tắc trực trọng ác chướng, dữ Cực Lạc bất cách nhi cách” (Lại hiển thị Sa Bà do trực nặng, ác chướng [nên Sa Bà] không cách ngăn Cực Lạc mà thành ra ngăn cách). Câu này nói rõ ý nghĩa được hiển thị bởi đoạn kinh văn này. Nay chúng ta là chúng sanh trong thế giới Sa Bà dầu không tệ lắm, vì trong đời quá khứ từng có thiện căn, có phước đức, nên nghe được pháp môn này, nhưng thế giới của chúng ta đúng là ngũ trực ác thế, nghiệp chướng sâu nặng! Cực Lạc

đúng là chẳng ngăn cách gì với ta, như thiền sư Trung Phong đã nói rất hay: “*Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta*”, “*Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ*”, chẳng ngăn cách! Thiền sư Trung Phong không bị ngăn cách, nhưng chúng ta bị. Vì sao chúng ta bị cách ngăn? Chưa tiêu nghiệp chướng, chưa chuyển được ngũ trược! Ngài chuyển được, ta chưa chuyển được; Ngài đã tiêu nghiệp chướng, chúng ta chưa tiêu, [do vậy, Sa Bà và Cực Lạc] chẳng ngăn cách mà thành ra ngăn cách!

“*Tại Cực Lạc tắc công đức thậm thâm, dữ Sa Bà cách nhi bất cách, tư ý cực thâm hỹ*” (Trong Cực Lạc thì công đức rất sâu, tuy ngăn cách với Sa Bà mà chẳng ngăn cách. Ý ấy rất sâu): Ý nghĩa này rất sâu, cũng nhằm giảng rõ vì sao chúng ta tu pháp môn này, vì sao mong cầu Tịnh Độ? Đền Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả chướng ngại đối với chúng sanh trong tất cả hết thảy pháp giới không còn nữa, tất cả hết thảy chướng ngại đều bị phá trừ. Chẳng phải là lúc ấy quý vị có thể nói là mình nhớ được đời trước, một đời, hai đời, ba đời, các đời trong quá khứ, vô lượng đời đều nhớ lại hết, ký ức hoàn toàn khôi phục ư? Thấy hết oán thân trái chủ trong đời đời kiếp kiếp, cá nhân nào cơ duyên đã chín muồi, quý vị nhất định giúp đỡ, đến độ kẻ đó. Lúc đó tâm rộng mở, tâm thực sự bao trùm thái hư, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát, đối với kẻ oán người thân nghĩ là bình đẳng, người oán lẫn kẻ thân đều là những người có duyên với mình. Phật chẳng độ kẻ vô duyên, chỉ cần có duyên với ta, ta đều có phương pháp giúp đỡ kẻ ấy, thành tựu kẻ ấy. Quý vị nói xem có tự tại lắm hay chẳng? Ý nghĩa này sâu xa lắm thay!

Nay đã hết giờ rồi!

6.3.2.5. Thuyết Pháp Trang Nghiêm

Chư vị đồng học xin xem tiếp đoạn thứ bảy “*thuyết pháp trang nghiêm*”, chúng ta đọc qua kinh văn một lượt:

Phục thứ, Xá Lợi Phất! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi diệu, bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng chi diệu. Thị chư chúng diệu trú dạ lục thời xuất hòa nhĩ âm. Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp, kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

復次舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。白鶴。孔雀。鸚鵡。舍利。迦陵頻伽。共命之鳥。是諸眾鳥。晝夜六時。出和雅音。其音演暢五根。五力。七菩提分。八聖道分。如是等法。其土眾生。聞是音已。皆悉念佛念法念僧。

(Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi ấy thường có các loài chim kỳ diệu nhiều màu như chim: Bạch hạc, không tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, công mạng. Các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, hát tiếng hòa nhã. Tiếng ấy diễn nói lưu loát Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp như vậy. Chúng sanh cõi ấy, nghe tiếng ấy rồi, thảy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Đến đây là một đoạn, tức là đoạn kinh thuyết minh “*chúng điểu hóa tích*” (các loài chim do đức Phật hóa hiện). Ở đây chúng ta phải hiểu rõ: Như trong phần sau đức Phật sẽ thuyết minh, những loài chim bên cõi ấy đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra, tuyệt đối chẳng thuộc vào súc sanh đạo. Vì sao đức Phật chẳng hiện thân Phật thuyết pháp, lại phải biến ra những thân chim ấy để thuyết pháp? Đó là vì Phật thương yêu, che chở chúng sanh không một điều con con nào Ngài chẳng quan tâm. Nếu Phật hiện thân Phật để thuyết pháp, học trò nghe pháp sẽ nhất định cung kính, quy củ ngồi ở đó, chẳng thể không giữ oai nghi. Còn nếu chim thuyết pháp, họ sẽ rất thoải mái, không bị bó buộc, có thể tùy tiện một chút! Ngồi nghe cũng được, đứng nghe cũng xong, vừa đi vừa nghe cũng được, nằm nghe cũng chẳng sao. Đây là vì A Di Đà Phật thương yêu, săn sóc chúng sanh, chúng ta phải hiểu rõ điều này!

Trước kia, tôi cũng thường nghĩ đến đạo tràng trong thế kỷ hai mươi mốt. Tôi nói đạo tràng của thế kỷ hai mươi mốt chẳng cần phải là tự viện, am đường, không mang hình thức ấy. Đạo tràng tu hành của đại chúng phải giống như làng nghỉ hưu của Úc châu, Úc châu thực hiện làng nghỉ hưu rất tốt. Chúng tôi đã đến rất nhiều quốc gia và các nơi trên thế giới; mỗi lần đến địa phương nào, trước hết tôi đều tìm hiểu sự nghiệp phước lợi (benefits) dành cho người già. Tại Mỹ, Gia Nã Đại, tôi thường đến thăm khu chung cư dành cho người già. Tôi đến Úc châu, trước hết đi thăm làng nghỉ hưu của bọn họ. Tôi ghé thăm sáu bảy làng nghỉ hưu, tôi hết sức vui mừng, những nơi ấy đáng là đạo tràng của thế kỷ hai mươi mốt, thực sự học Phật, niệm Phật.

Về nghỉ hưu, trong làng nghỉ hưu có giảng đường, có thư viện, có rạp chiếu bóng, có thiết bị dạy học từ xa; âm thanh niệm Phật cũng giống như bên chỗ A Di Đà Phật, học theo Ngài hóa hiện các loài chim. Nay bản thân chúng ta không cách gì biến hóa, chúng ta có thể đặt những cái loa nhỏ trên cây, âm thanh thuyết pháp từ trên cây truyền ra. Con người nhàn tản thông dong dưới gốc cây, có thể nghe kinh hay niệm Phật theo. Nếu có lầu, đài, đình, gác, thì trong tiểu đình có thể đặt máy truyền hình dây cáp (cable TV), mấy người ngồi trong đình vừa nghe kinh vừa có thể thấy hình ảnh pháp sư. Với kỹ thuật khoa học hiện tại, có thể làm được những chuyện này.

Mỗi đạo tràng có khóa trình tu chánh yếu, có thể nói là mỗi một tông phái đều có thể thực hiện được. Nghỉ hưu rồi ở những nơi đó, bất luận ở bất cứ chỗ nào trong làng nghỉ hưu cũng là đạo tràng, có phải rất tự tại hay không? Đại chúng cùng tu học một chỗ, nhưng không nhất định phải tụ tập vào một giảng đường. Quy mô các làng nghỉ hưu ở Úc Châu đều rất lớn; vì thế, mỗi một làng nghỉ hưu giống như một công viên, diện tích đất đai rất lớn. Trong ấy, hoa cỏ cây cối, cầu nhỏ, suối nước, quý vị vào đó thăm quả thật rất đáng lưu luyến. Nếu có thể gắn thêm những thiết bị điện tử, tùy thời có thể thấy hình ảnh, nghe tiếng niệm Phật, tiếng giảng kinh, nơi đó sẽ giống như thế giới Cực Lạc. Thời thời khắc khắc đều nhắc nhở chính mình đừng quên niệm Phật.

“*Lục thời diễn pháp*” (sáu thời diễn pháp), nghe kinh, nghe pháp ngày đêm chẳng gián đoạn, đó là “*sáu thời*”, cũng như nay ta nói là hai mươi bốn giờ. Ở đây, nói sáu thời là theo người Ấn Độ thời cổ. Cổ Ấn Độ chia mỗi ngày làm sáu thời thần, ban ngày ba thời thần, ban đêm ba thời thần. Trong kinh, ta thường thấy nói Sơ Nhật Phần, Trung Nhật Phần, Hậu Nhật Phần của ban ngày, tức là mười hai giờ ban ngày. Đêm xuống cũng có Sơ Dạ Phần, Trung Dạ Phần, Hậu Dạ Phần; đó là ba thời ban đêm. Bởi thế, một Thời của họ bằng với bốn giờ hiện thời của chúng ta.

Lúc đức Phật còn tại thế, thời gian nghỉ ngơi của Tăng đoàn là Trung Dạ. Trung Dạ là lúc ngủ nghỉ. Trung Dạ là từ mười giờ đêm đến hai giờ sáng. Bởi vậy, mười giờ đêm đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Phật dạy mọi người phải tinh tấn, chẳng được giải đãi, chẳng được ham ngủ, con người hiện tại phải ngủ tám tiếng, quá nhiều! Bởi vậy, phải tinh tấn, phải dũng mãnh, thời gian quý hơn bất cứ gì khác, chẳng được lãng phí thời gian.

Nhưng con người hiện tại nghiệp chướng nặng hơn trước, vọng

niệm nhiều, chẳng ngủ nghỉ thì thể lực chẳng thể khôi phục. Vì thế, chúng ta hết sức khen ngợi lời răn dạy của lão hòa thượng Đế Nhân: “Chẳng cần biết ngày đêm, cứ mệt bèn nghỉ ngơi, cái gì cũng buông xuống, nghỉ ngơi cho khỏe, nghỉ ngơi xong lại lập tức làm tiếp. Lúc nào mệt nghỉ ngơi lúc ấy, lúc nào nghỉ khỏe khoản rồi bèn làm lúc ấy”. Phương pháp này phải nói là đối với chúng ta không có áp lực, đúng là phương pháp tốt. Nếu công phu đặc lực, quý vị sẽ càng ngày càng ngủ ít, tinh thần ngày càng sung mãn.

Sáu thời diễn pháp, ngày đêm không gián đoạn, điều này hiện thời chúng ta có thể làm được. Chúng ta có thể dùng băng ghi hình để giảng kinh, niệm Phật. Mỗi ngày giảng kinh suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không gián đoạn bằng cách chiếu băng ghi hình. Niệm Phật cũng hai mươi bốn tiếng đồng hồ không gián đoạn, niệm Phật bằng máy. Mỗi chỗ đều có thiết bị, bên cạnh thiết bị có nút bấm. Quý vị muốn nghe niệm Phật, ấn nút, Phật hiệu bèn phát ra; muốn nghe kinh, ấn nút thì màn hình bèn hiện ra [hình ảnh]. Nếu ta chẳng muốn nghe cũng chẳng muốn nhìn thì tắt đi, có phải rất tự tại hay không? Nghe kinh, nghe pháp không lúc nào gián đoạn, đó là “*văn chánh pháp lạc*” (niềm vui do nghe chánh pháp).

“*Tát niệm Tam Bảo, đặc chánh niệm lạc, minh vô tam đồ*” (Đều niệm Tam Bảo, được niềm vui chánh niệm, chỉ rõ không có tam đồ), thuyết minh thế giới Cực Lạc không có ba ác đạo, nên chẳng có nỗi khổ đọa lạc. Những loài chim ấy đều do A Di Đà Phật biến hóa ra, “*đều niệm Tam Bảo*”: Ở đây, Tam Bảo được hiểu theo nghĩa rộng, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Phật là giác ngộ, giác chứ không mê; Pháp là chánh tri chánh kiến, chánh chứ không tà; Tăng là thanh tịnh bất nhiễm, tịnh chứ không nhiễm. Tăng còn biểu thị sự hòa hợp và lực hòa kính. Mười phương tam thế hết thấy chư Phật giảng vô lượng vô biên các pháp, đều chẳng thể vượt khỏi ba loại lớn này: Giác - Chánh - Tịnh là ba loại lớn. Giác là Huệ học, Chánh là Định học, Tịnh là Giới học. Tam Học Giới - Định - Huệ, hết thấy chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chẳng ngoài ba loại lớn này. Ở đây, lấy Phật - Pháp - Tăng làm đại biểu, quý vị phải hiểu: Nếu dùng Tam Tạng để luận thì Phật tượng trưng cho Luận Tạng, Pháp tượng trưng cho Kinh Tạng, Tăng tượng trưng cho Luật Tạng. Tam Tạng Kinh Luật Luận, đều niệm Tam Bảo!

Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định chẳng có ba ác đạo. Không có ba ác đạo thì rõ ràng chỉ có nhân thiên đạo. Trong Phạm Thánh Đồng Cư độ là nhân thiên đạo, bởi quý vị là đời nghiệp vãng

sanh, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát chẳng phải do quý vị tu được, mà do A Di Đà Phật bản nguyện oai thần gia trì, khiến cho trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị rất giống với A Duy Việt Trí Bồ Tát. Chuyện này chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng phải do quý vị tự chứng đắc! Lúc quý vị tự chứng đắc là khi hoa khai kiến Phật. Quý vị phải hiểu lúc “hoa khai kiến Phật” chính là lúc quý vị tự chứng đắc. Lúc hoa chưa nở, quý vị đã được dự vào hàng A Duy Việt Trí Bồ Tát là vì Phật lực gia trì, điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn!

Lại xem tiếp đoạn thứ hai: “*Cực Lạc phổ nhiếp pháp giới chúng sanh*” (Cực Lạc thâm nhiếp chúng sanh trọn khắp pháp giới). Câu này rất trọng yếu. “*Pháp giới*” là tất cả hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới. Do vậy, quý vị thấy: Phạm vi giáo hóa chúng sanh trong thế giới Cực Lạc rất rộng lớn, không có ngăn mé. Giống như trong một trường học, học sinh đến học từ rất nhiều địa phương; nhưng trường học nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới có một điểm khá giống với chương trình dạy học hàm thụ hiện tại, dù xa đến đâu cũng không bị ngăn trở. Mười phương vô lượng vô biên thế giới đều thuộc phạm vi giảng dạy của trường này. Thế giới Cực Lạc không chỉ là một tam thiên đại thiên thế giới, chẳng giống các cõi Phật khác. Các cõi Phật đúng là một trường học, chỉ có một học khu, tức là có phạm vi nhất định. Chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới không có phạm vi; tất cả hết thảy trường học đều thuộc phạm vi của nó. Nghĩ là hết thảy các cõi Phật đều là phạm vi giáo hóa của A Di Đà Phật, quý vị nói xem: Có phải là phạm vi rất lớn hay chẳng?

“*Căn trần nhất nhất viên diệu*” (Mỗi một căn và mỗi một trần đều viên mãn vi diệu). Viên là viên mãn, Diệu là vi diệu. “*Tri thủ văn diệc đặc vị thủ độ nhi thuyết*” (Phải biết kinh văn này cũng chỉ là riêng vì thế giới này mà nói). Đây là đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói phương tiện, đặc biệt vì thích ứng với căn cơ của chúng sanh trong thế giới Sa Bà mà nói. Phật đặc biệt vì chúng ta mà nói phương tiện như thế; chứ trên thực tế, phạm vi giáo hóa của A Di Đà Phật rộng lớn vô hạn. Bởi lẽ, đệ tử của A Di Đà Phật đến bất cứ cõi Phật nào, đều được hoan nghênh đặc biệt, đều được tiếp đãi như khách quý, được hưởng lây vinh dự của A Di Đà Phật. Người ta vừa thấy mình là đệ tử A Di Đà Phật, bèn đối đãi khác với đệ tử của chư Phật khác. Đoạn tiếp đó nói về nội dung thuyết pháp:

“*Đại Trí Độ Luận vân: Tam thập thất phẩm*” (Đại Trí Độ Luận nói: ‘Ba mươi bảy phẩm’), tức ba mươi bảy Đạo Phẩm, “*vô sở bất nhiếp, tức vô lượng Đạo Phẩm, diệc tại kỳ trung*” (không gì chẳng

nhiệp, dầu cho vô lượng Đạo Phẩm cũng đều được gộp trong ấy). Chúng ta nhất định phải hiểu điều này; nếu không, quý vị sẽ thấy phạm vi thuyết pháp của những loài chim ấy rất bó buộc, tựa hồ chỉ nói pháp Tiểu Thừa. Mọi người nghĩ ba mươi bảy Đạo Phẩm là pháp Tiểu Thừa, có gì hiếm có, lạ lùng đâu? Đại Trí Độ Luận nói rất rõ: “*Ba mươi bảy Đạo Phẩm không gì chẳng nhiếp*”. Nói cách khác, nếu triển khai ra thì tất cả hết thấy pháp do mười phương chư Phật đã nói, không một pháp nào thoát khỏi phạm vi của ba mươi bảy Đạo Phẩm; cũng có nghĩa là ba mươi bảy Đạo Phẩm là cương yếu của Phật pháp, là pháp môn tổng trì của Phật pháp. Mở rộng ra là hết thấy pháp, hết thấy pháp quy nạp lại chẳng ngoài ba mươi bảy loại lớn này! Quý vị phải hiểu như vậy! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật thuyết pháp, Bồ Tát thuyết pháp, các loài chim thuyết pháp đều là rốt ráo viên mãn. Nói cách khác, quý vị muốn học bất cứ pháp môn nào cũng đều rất dễ dàng. Bất luận muốn học một pháp môn nào, không có gì chẳng thành tựu; bởi lẽ, trong mười hai thời quý vị không gián đoạn.

Đến được thế giới Cực Lạc rồi, nếu chúng ta hỏi trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ có còn phải ăn uống hay không, có còn phải ngủ nghỉ hay không? Không cần nữa! Chúng ta biết trong lục đạo của thế giới Sa Bà, Sắc Giới Thiên không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ, quý vị nghĩ xem: Rất tự tại! Chẳng cần ăn uống giảm bớt biết bao phiền phức! Ăn uống tốn rất nhiều thời gian, lãng phí biết bao tinh thần. Trong thế gian pháp, ăn uống thuộc về Ngũ Dục; tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ là dục vọng, ngũ dục đấy! Trong Phật pháp, chúng còn được gọi là Ngũ Cái (năm thứ che đậy), Cái (蓋) là tử dụ, ý nói chúng che đậy Tánh Đức. Cái là chướng ngại. Tài, sắc, danh vọng, ăn, ngủ là chướng ngại, chướng ngại Bát Nhã trí huệ sẵn có trong Tánh Đức, chướng ngại vô lượng đức năng nơi Tánh Đức, chướng ngại tướng hảo, quang minh của Tánh Đức. Đó là năm thứ chướng ngại.

Vậy thì trong Sắc Giới Thiên, từ Sơ Thiên Thiên trở lên, dưỡng thân bằng dưỡng chất nào? Lấy Thiên Duyệt làm thức ăn, dùng Thiên Duyệt để thay thế. Người thế gian chúng ta cũng có cách nói giống như vậy: “*Nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng*” (Người gặp chuyện vui tinh thần sáng khoái). Chư thiên Sắc Giới vui sướng trong Thiên Định, đó là chất bổ tốt nhất. Dục Giới Thiên không được như vậy, vẫn cần phải ăn; Sắc Giới Thiên không cần nữa. Nếu cật vấn ở Tây Phương Cực Lạc thế giới có cần ăn nữa hay không? Không cần đâu!

Nếu không cần, sao vẫn còn có những hiện tượng ăn uống? Đó là

vì tập khí phiền não. Ở đây lâu ngày sẽ không còn ăn nữa. Vì sao không ăn uống? Tâm vừa nghĩ đến ăn, cơm bèn hiện ra. Cơm bày ngay trước mặt, nêu nghĩ mình nay là Bồ Tát trong Cực Lạc thế giới không còn là phàm phu, chẳng cần đến những thứ này nữa; vừa nảy sanh ý niệm đó, cơm và thức ăn bèn lập tức không còn, chúng được biến hóa ra mà! Vì thế, trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới có hiện tượng như vậy, trong Phương Tiện Hữu Dư Độ không có. Thích Ca Mâu Ni Phật toàn giới thiệu Phạm Thánh Đồng Cư Độ cho chúng ta. Vì thế, phải hiểu vô lượng đạo phẩm đều được gộp trong ấy. Tiếp đây, chúng tôi giới thiệu đơn giản bảy khoa của ba mươi bảy Đạo Phẩm, tức là bảy loại lớn.

Thứ nhất là Tứ Niệm Xứ, “*dĩ trí quán cảnh*” (dùng trí quán cảnh) tức là thấy thấu suốt; vì thế, Tứ Niệm Xứ là trí huệ. Trong thế giới Sa Bà của chúng ta, trong kinh điển, đức Thế Tôn thường nói bốn phép quán chính là trí huệ chân chánh. Thứ nhất “*quán thân bất tịnh*”, thứ hai là “*quán Thọ là khổ*”, thứ ba là “*quán tâm vô thường*”, thứ tư là “*quán pháp vô ngã*”. Quý vị phải thường quán như thế thì mới mở mang trí huệ được.

Thân rất nhơ bẩn, chẳng sạch sẽ! Con người hiện tại không tắm rửa ba ngày, thân hôi hám rất khó chịu. Mùi hôi trên thân do đâu mà có? Từ bên trong phát xuất ra, bên trong rất dơ bẩn; các đại đức bên Thiên tông thường ví thân người như cái gì? Như “*xú bì nang*” (cái dĩa da thối)! Cái dĩa da này bên trong chứa đựng những thứ gì? Đựng toàn phân, tiểu, máu, mủ, không có gì sạch sẽ cả, ba mươi sáu thứ vật bất tịnh⁵⁴, trong túi da này chứa những thứ đó. Nếu quý vị giác ngộ, thực sự thấu hiểu rõ ràng, thấy mình bạch, sẽ chẳng lưu luyến cái thân này nữa.

Làm cách nào? Chúng ta nhờ cái thân giả này để tu chân, mình

⁵⁴ Theo kinh Đại Bát Niết Bàn, ba mươi sáu thứ vật bất tịnh nơi thân được chia thành ba loại lớn:

1. Mười hai món bên ngoài: Tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước mắt, nước miếng, đờm, nước tiểu, phân, hờm (cáu ghét), mồ hôi.
2. Mười hai món nằm bên trong thân gồm: lớp da ngoài cùng, lớp da bên trong, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ, mỡ sa, não, những mô bao bọc quanh các nội tạng hoặc cơ quan (như nhãn mô, hoành cách mô, niêm mạc, màng nhầy ở mặt trong của ruột...)
3. Những nội tạng gồm: gan, mật, ruột, bao tử, tỳ, thận, tim, phổi, sanh tạng (phần trên của cơ quan tiêu hóa, như lưỡi gà, thực quản v.v.), thực tạng (phần dưới của cơ quan tiêu hóa, như các tuyến tiết chất enzyme tiêu hóa, thực tạng bao gồm cả ruột già ruột non v.v.), đàng đỏ, đàng trắng.

tâm kiến tánh là chân. Chúng ta phải nhờ vào giả tướng này để tu chân. Ngàn vạn phần đừng bị sắc thân này lừa gạt! Yêu tiếc sắc thân này, tham luyến sắc thân này, phải dùng các thứ chất bổ để gìn giữ sắc thân này, là trật rồi! Đức Phật chẳng nói chúng ta không cần yêu tiếc thân thể này, nếu bảo “chẳng cần” là hiểu lầm ý Phật mất rồi. Phật dạy ta phải thực sự nhận thức sắc thân này là gì, phải nhận hiểu rõ ràng, rồi mới khéo lợi dụng thân này, nhờ vào giả để tu chân, như vậy mới là đúng!

Thứ hai là “*quán Thọ*”. Thọ (受) là hưởng nhận, sự cảm nhận trong cả một đời. Bất luận là thân phận nào, là phú quý hay nghèo hèn; nói chung, nếu quý vị chú tâm quán sát, những gì quý vị nhận lãnh là khổ hay vui? Ở trên, tôi đã thừa cùng quý vị, sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương chia lìa, chán ghét cứ phải gặp mặt, ngũ âm lừng lẫy, quán Thọ là khổ! Nếu quý vị nói nay ta vẫn có lạc, rất khoái lạc ư? Lạc là Hoại Khổ. Còn “chẳng khổ chẳng vui” thì sao? Chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ. Tam giới đều khổ! Kinh Pháp Hoa ví von [tam giới] như nhà lửa, thân giống như một cái nhà, bên trong bốc lửa. Giác ngộ như vậy. Chẳng giác ngộ sẽ không biết “*quán Thọ là khổ*”.

Thứ ba là “*quán tâm vô thường*”. Tâm ở đây là niệm. Niệm sanh - diệt không trụ, bởi nó sanh diệt chẳng ngừng nên nó là vọng niệm. Vô thường, nói đơn giản là không có niệm nào giống niệm nào! Sanh diệt trong từng sát-na, biến hóa trong từng sát-na, tự mình không thể làm chủ được. Tự mình không làm chủ được nên mới gọi là Vô Ngã (Ngã là chủ thể). Không làm chủ được! Tự mình làm chủ được thì mình không muốn già, không muốn đổ bệnh, không muốn chết, có được hay không? Không được! Kinh điển không gọi tâm ấy là chân tâm, mà gọi là vọng tâm. Vọng tâm là gì? Kinh Hoa Nghiêm giảng là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tâm vọng tưởng, tâm phân biệt, tâm chấp trước, vô thường, thiên biến, vạn hóa.

Câu thứ tư là “*quán pháp vô ngã*”, có nghĩa là hết thấy pháp không có chủ thể. Hết thấy pháp là nhân duyên sanh pháp (pháp do các nhân duyên hòa hợp mà sanh ra), không có chủ thể, không tự tại.

Quý vị có bốn pháp quán ấy, nói chung là gần như hiểu “*thân bất tịnh, thọ là khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã*” quý vị mới hòng thấy thấu suốt được. Thấy thấu suốt rồi mới có thể buông xuống, buông xuống những gì? Buông xuống tự tư, tự lợi, buông xuống danh văn, lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục lục trần, buông xuống tham - sân - si - mạn. Vì sao người ta không buông xuống được? Vì chẳng thấy thấu suốt; thấy thấu suốt sẽ tự nhiên buông xuống được!

Thế giới Cực Lạc chẳng giống thế giới chúng ta. Trong thế giới Cực Lạc, “*thường - lạc - ngã - tịnh*” là sự thật, liên hoa hóa thân nên là tịnh, chẳng phải là bất tịnh. Thân thể trong suốt, một mảy nhiễm ô cũng không có. Thân thể chúng sanh ở Tây Phương Cực Lạc thế giới trong suốt, không nhiễm ô! Khi nào chúng ta đoạn sạch được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tập khí phiền não, thân thể chúng ta sẽ trong suốt; hễ còn một mảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng nào thì toàn thân đen thui!

Thế giới Tây Phương không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, thực sự có vui. Ở đây, chúng ta quán tâm vô thường, người ta ở bên kia “*nhất tâm bất loạn*”, nhất tâm bất loạn là Thường. “*Tự tại chủ tử*” chính là Ngã. Do đây biết rằng: Ở đây, chúng ta phải tu Tứ Niệm Xứ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tứ Niệm Xứ kết quả hiển hiện, thành tựu, đến thế giới ấy sẽ được viên mãn. Vì thế, kinh Di Đà chẳng nhắc đến ba khoa trước, mà nói từ Ngũ Căn, Ngũ Lực trở đi. Chúng ta phải tu Tứ Niệm Xứ Quán ở đây, nhưng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, [Tứ Niệm Xứ] không được nhắc tới vì không cần đến nữa. Ở bên đó, họ không có những vấn đề [bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã] ấy.

Lại xem tiếp Tứ Chánh Cần. Tứ Chánh Cần cũng là chuyện chúng ta phải tu, nhưng thế giới Cực Lạc không cần đến. Tứ Chánh Cần là “*đoạn ác, sanh thiện*”. Cần (勤) là siêng gắng, nỗ lực, Chánh (正) là chính xác, chánh đáng. Trong cuộc sống thường nhật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chúng ta chẳng được quên, phải thực sự tu tập. Đoạn ác gồm hai câu:

1) “*Dĩ sanh ác linh đoạn*” (Ác đã sanh phải đoạn): Đối với tiêu chuẩn thiện - ác, Phật dạy kẻ sơ học dùng “*Thập Thiện Nghiệp đạo*”, tức là Thập Thiện Nghiệp; trái với Thập Thiện nghiệp gọi là Thập Ác. Đối với những ác niệm đã sanh khởi và những ác nghiệp đã tạo, ta phải giác ngộ, nhanh chóng đoạn trừ. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, si, là ác! Những ý niệm ấy vừa sanh khởi thì phải lập tức đoạn trừ!

2) “*Vị sanh ác bất sanh*” (Ác chưa sanh đừng sanh): Ta lại còn phải không có những ý niệm ấy. Quý vị phải nhớ rõ: Chẳng được sanh khởi những ác niệm ấy. Chẳng những chúng gây tổn hại nghiêm trọng cho mình, mà còn gây tổn hại cho người khác.

“*Ác đã sanh phải đoạn, ác chưa sanh đừng sanh*”, không có chuyện ác, không có ý niệm ác, hành vi ác cũng không có!

Đoạn ác thì phải sanh thiện, “*dĩ sanh thiện tăng trưởng, vị sanh*

thiện linh sanh” (thiện đã sanh phải tăng trưởng, thiện chưa sanh phải sanh). Chỉ có thiện! Không có ác, chỉ có thiện! Thiện - ác vẫn lấy Thập Thiện Nghiệp làm tiêu chuẩn, chúng ta là kẻ sơ học phải lấy những điều này làm cơ sở; sau đây, mới nâng cao lên, sau đây mới khuếch đại. Thập Thiện Nghiệp là căn bản. Chẳng giết, chẳng trộm, chẳng dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng thêu dệt, chẳng ác khẩu, không tham, không sân, không si, thường phải sanh khởi những tâm niệm này. Nếu những tâm niệm này chưa sanh, phải nhanh chóng sanh khởi. Ác niệm phải đoạn, thiện niệm phải sanh; hành vi ác phải đoạn, hành vi thiện phải sanh. Tâm hạnh của quý vị phải là “*không ác, chỉ có thiện*” như thế, “*tịnh niệm tiếp nối, vô thượng Bồ Đề*”, vô thượng Bồ Đề được kiến lập từ đây.

Bốn câu này thông hết thấy pháp, chẳng hạn như Lục Độ trong Đại Thừa pháp: Keo tham là ác, bố thí là thiện; ý niệm keo lẩn, ý niệm tham cầu đều chẳng thiện, phải đoạn. Ý niệm bố thí, hành vi bố thí, bố thí cúng dường là thiện, phải sanh. Ác nghiệp là bất thiện, trì giới là thiện. Sân khuê là bất thiện, nhẫn nhục là thiện. Giải đãi là bất thiện, tinh tấn là thiện. Tán loạn là bất thiện, Thiền Định là thiện. Ngu si là bất thiện, Bát Nhã là thiện. Nói chung, mười thiện nghiệp đạo là cơ sở tiêu chuẩn tối sơ (đầu tiên trước hết), nâng cao dần lên, nâng dần lên thành hết thấy pháp. Hết thấy pháp thể gian và xuất thể gian đều có hai mặt thiện và ác, đoạn ác, tu thiện.

Đoạn thứ ba là Tứ Như Ý Túc, Túc (足) là mãn túc (trọn đủ). Mãn Túc (満足) là như ý. Bởi thế, đức Phật dạy chúng ta: Nếu chúng ta làm trọn vẹn bốn thứ này, sẽ được như ý. “*Phóng đắc hạ, hồi thủ như ý, hồi đầu thị ngạn*” (Buông xuống được, như ý quay đầu lại, quay đầu là bờ). Bởi vậy, bốn điều này là Định, là Phước, [Tứ Như Ý Túc là] bốn thứ Định, bốn thứ Phước. Người Trung Quốc thường nói “*hồi thủ như ý*” (cây Như Ý gập đầu xuống). Quý vị thấy xưa kia trong tay những kẻ phú quý thường cầm một cây Như Ý. Cầm cây Như Ý có nghĩa là gì? Đầu cây Như Ý⁵⁵ cong ngược lại, tức là thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chính

⁵⁵ Như Ý là một vật trang trí, thoát đầu là dụng cụ để gãi lưng, về sau dùng để tượng trưng cho những điều tốt lành, chúc tụng. Như Ý làm bằng xương, sừng, trúc, gỗ quý, ngọc, đá, đồng, sắt có cán dài chừng ba tấc, hơi uốn cong trông như chữ S bị kéo dài ra. Đầu to có uốn cong lên hơi hướng về phía cán, chạm hình nắm Linh Chi hoặc áng mây, ở giữa thường nắm Linh Chi gắn ngọc hay đá quý, hoặc chạm tổ nhiều vờn mây uốn lượn, bao quanh một chữ Thọ, Phước, Lộc v.v... khắc theo kiểu chữ triện. Chỗ tay cầm cũng làm hơi to ra, thường khắc chữ Tâm, chữ Phước, hoặc

mình, bất luận làm gì không được quá lộ, phải biết hồi đầu! Chẳng biết hồi đầu rắc rối lắm, nảy sanh mối loạn liền. Người bây giờ gọi là “tiết chế”, biết tiết chế! Bất luận làm chuyện gì cũng có một chừng mực nhất định, đến khi đó phải biết tiết chế. Cổ nhân Trung Quốc gọi là “*phải biết quay đầu*”. Phàm tạo tác tội lỗi, oan nghiệt đều là do không biết tiết chế, chẳng biết quay đầu, đúng là “mặc sức tự làm”, rắc rối xảy đến liền, đến khi quả báo hiện tiền, có hồi cũng không kịp nữa!

Đức Phật dạy chúng ta bốn việc, thứ nhất là Dục Như Ý Túc. Dục (欲) là dục vọng, nhất định phải biết tri túc, biết đủ, ắt thường vui. Điều thứ hai là Tinh Tấn, Tinh Tấn Như Ý Túc thì thường vui. Để giải thích tôi dùng hai câu: “*Biết đủ, thường vui, tâm an, lý đắc*”. Tôi giải thích như vậy ắt mọi người dễ hiểu. Cổ đức giải thích bốn câu này chẳng dễ hiểu, quý vị đọc lời giải thích của tôi, đọc xong hiểu liền. Việc gì sung sướng nhất? Ngày ngày có tiến bộ, đúng là sung sướng, thực sự pháp hỷ sung mãn. Trong Luận Ngữ, Khổng phu tử nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi thường tu tập theo, cũng chẳng vui u?) Hằng ngày có tiến bộ; tinh tấn là hằng ngày có tiến bộ, khổ là gì? Chẳng có tiến bộ là khổ.

“*Niệm Như Ý Túc*” còn gọi là “*Tâm Như Ý Túc*”. Trong tương lai, quý vị thấy trong Phật pháp nhắc đến Tứ Như Ý Túc, có khi dùng chữ Niệm, có khi dùng chữ Huệ; nhưng cũng có chỗ dùng “*Tâm Như Ý Túc*” hoặc “*Tư Duy Như Ý Túc*”. Dùng “niệm” và “tâm” tôi đều đã từng thấy rồi. Trong kinh có những cách nói như vậy, đều là một cả! Niệm Như Ý Túc là an tâm! An tâm là nếu tâm quý vị biết tri túc, tâm bèn an! Tinh Tấn Như Ý Túc, hôm nay tinh tấn, hôm nay ta thực hiện công khóa viên mãn, luôn có tiến bộ, luôn thực hiện được, thường vui sướng. Tinh tấn chẳng thể không tri túc; chẳng tri túc sẽ tinh tấn quá lộ, phải quay đầu lại kéo tổn hại thân thể! Công khóa một ngày phải thực hiện xong trong một ngày, chẳng được trong một ngày toan tính hoàn tất công khóa của mười ngày, mất mạng đấy!

Đức Phật không dạy người như thế, đức Phật dạy tùy theo căn tánh, trình độ của quý vị, dạy bảo những thứ nhất định thích hợp với căn

chữ Thọ, hoặc không khắc chữ. Trong nhà Phật cũng thường dùng Như Ý làm pháp khí để vị pháp sư chủ pháp cầm trong các pháp hội như Du Già Diệm Khâu hoặc Thủy Lục. Đối với những cây Như Ý dùng trong các nhà phú quý, cán thường gắn thêm một đôi tua kết bằng chỉ màu đỏ hoặc vàng. Đây cũng là vật dụng mà vua thường ban tặng cho các quan trong những dịp khánh hạ, nhất là ban cho mẹ hay phu nhân của các quan cao cấp.

tánh và trình độ của quý vị. Trước kia, trẻ đi học trong trường tư, thầy dạy học trò mỗi đứa mỗi khác, mức độ tiến bộ của mỗi trẻ mỗi khác. Đứa có tư chất cao, trí nhớ tốt, hiểu biết khá, khóa trình mỗi ngày (trước kia gọi là “*thượng thư*”, tức là tốc độ dạy ta đọc), đứa thượng thượng căn có thể dạy đọc hai mươi hàng, mỗi hàng gồm hai mươi chữ. Hai mươi hàng là bốn trăm chữ, mỗi ngày nó có thể tiêu hóa được chừng ấy thì là thượng căn. Căn tánh bậc trung mỗi ngày đọc được mười lăm hàng, từ mười hàng cho đến mười lăm hàng. Căn tánh hạ đẳng rất đần, trí nhớ không tốt, dạy nó bao nhiêu hàng? Từ ba hàng đến năm hàng, ba hàng là ba mươi sáu chữ, năm hàng là một trăm chữ, phải đọc thuộc, phải học thuộc.

Tiêu chuẩn để trắc nghiệm học trò, nói đúng ra trắc nghiệm khá dễ dàng. Thầy kêu học trò đọc, ví dụ như: “Ta dạy trò đọc hai mươi hàng, thử coi trò có phải là thượng căn hay không? Mười lần phải thuộc, lấy đó làm tiêu chuẩn!” Nếu mười biến không thuộc, được! Lập tức giảm xuống, nhất định mười lần bèn thuộc, thích hợp với trình độ của nó: Nếu mười biến không thuộc là [thầy đã bắt nó đọc] quá nhiều. Bởi thế, trẻ đó phải là hạ căn, dạy nó ba hàng tức sáu mươi chữ, đọc ba lần bèn thuộc là tốt. Đứa trẻ nào đọc một trăm chữ, mười lần thuộc được, tư chất nó cao hơn đứa kia một chút. Vì thế, cùng dạy một bài giống nhau, nhưng mức độ tiến bộ của mỗi cá nhân mỗi khác. Mười lần thuộc rồi thầy bèn đốc thúc trẻ, đọc lớn lên, đọc một trăm lần, nhìn vào sách lớn tiếng đọc, đọc cả trăm lần. Đọc một trăm lần xong, xếp sách lại, đọc nhắm một trăm lần, có tiến bộ! Đó là bài học ngày hôm nay, ngày mai có bài học của ngày mai. Đó là Tinh Tấn Như Ý Túc.

Tôi nêu thí dụ trên đây chắc mọi người dễ hiểu. Mỗi ngày phải có tiến bộ. Tiến bộ có chừng mực, thích hợp trình độ và căn tánh của mình thì chẳng khó khăn chút nào. Hằng ngày đều có tiến bộ, hằng tháng có tiến bộ, hằng năm có tiến bộ; sao không vui sướng cho được? Niệm Như Ý Túc (Tâm Như Ý Túc) tâm an. Huệ Như Ý Túc (Tư Duy Như Ý Túc) là hiểu thấu suốt minh bạch. Lý giải minh bạch, tâm bèn an, tâm đã an thì lý bèn minh bạch, “*thành tựu nhất tâm, bất thoái Bồ Đề*”, tôi nói như vậy chắc mọi người hiểu được. Có thể áp dụng vào cuộc sống thường nhật, áp dụng vào dạy học, áp dụng vào niệm Phật, áp dụng vào tu hành, đó là cương lĩnh, là nguyên tắc.

A! Nay đã hết giờ rồi, hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 16

Chư vị đồng học!

Chúng tôi giảng tiếp đoạn nhỏ thứ tư Ngũ Căn và đoạn nhỏ thứ năm Ngũ Lực trong phần “*thuyết pháp trang nghiêm*”. Ngũ Căn và Ngũ Lực có thể cùng gộp lại để giảng, đó là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ.

Căn (根) có nghĩa là giống như thực vật có rễ. Rễ có thể sanh và trì. Trì (持) là “bảo trì” (gìn giữ), Sanh (生) là có thể sanh trưởng, chữ Căn có nghĩa như vậy. Căn gồm có năm thứ nên gọi là Ngũ Căn, tức Tín Căn, Tấn Căn, Niệm Căn, Định Căn, Huệ Căn. Nói đến đây, chúng ta phải nhớ kỹ: Trong phần đầu [của bảy khoa Đạo Phẩm] là ba khoa, có tổng cộng mười hai phương pháp tu học, tức là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc. Mười hai khoa mục này hết sức quan trọng, thông cả thế pháp lẫn xuất thế pháp.

Tứ Niệm Xứ dạy chúng ta thấy thấu suốt, nhận thức, hiểu rõ chân tướng nhân sinh và vũ trụ, chẳng mê hoặc; bởi thế, chúng thuộc về trí tuệ. Chúng tôi nói Tứ Chánh Cần là học tập tích công lũy đức; đoạn ác tu thiện phải căn cứ trên những chuẩn tắc này. Ba mươi bảy Đạo Phẩm là ba mươi bảy công khóa siêu việt thời gian lẫn không gian, cũng như siêu việt hết thảy pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Chúng là nguyên tắc, nguyên lý, giống như công thức trong Toán Học; ứng dụng triển khai của chúng đúng là vô lượng vô biên, không một pháp nào chẳng dựa theo nguyên lý, nguyên tắc này để đạt đến thành tựu viên mãn cả.

Hôm nay, chúng tôi giảng đến Ngũ Căn và Ngũ Lực, kinh Di Đà chỉ nói bắt đầu từ những pháp này. Vì sao vậy? Giảng về đại pháp xuất thế gian. Phần trên là những pháp chung cho cả thế gian lẫn xuất thế gian; nay phải giảng đại pháp xuất thế gian. Chúng ta cầu điều gì? Cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật quả viên mãn rốt ráo. Căn là gì ta phải hiểu rõ! Căn là tự tánh của đương nhân, đương nhân là chính mình, chính bản thân mình, là tự tánh của chính mình; chân tâm, bản tánh chính là Căn. Trong Phật pháp thường nói hết thảy chúng sanh vốn sẵn là Phật, vốn sẵn là Phật chính là Căn. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói: “*Bản Giác vốn có*”, Bản Giác là Căn. “*Vốn sẵn thành Phật*” và “*Bản Giác vốn có*”, hai câu này cùng một ý nghĩa, cùng nói về một sự. Kẻ học Nho nói: “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*” (Con người lúc đầu vốn là lành), “*bản thiện*” chính là Căn.

Trong Hệ Niệm Pháp Sự, Trung Phong đại sư nói: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta), “*tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm*” (tâm chính là Phật, Phật chính là tâm). Tâm và Phật là một, chẳng

phải hai. Đó chính là Căn! Tất cả hết thảy thiện pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều sanh từ Căn này. Người thế gian chẳng tin trong thế giới này có người tốt, chúng ta nghe rất nhiều người nói: “*Tánh con người đều là thiện*”, hay “*tánh con người đều là ác*”, “*người như vậy không có căn!*” Chẳng phải không có căn, kẻ ấy chỉ không tin chính mình có Căn, chẳng tin tưởng hết thảy chúng sanh đều có Căn, nên phiền toái rất lớn. Tất cả hết thảy ác niệm, ác pháp, ác nghiệp đều sanh từ đó, nó là gốc của hết thảy tội ác, hết thảy tai nạn. Kẻ ấy chẳng tin tưởng tánh con người vốn lành, chẳng tin hết thảy chúng sanh vốn sẵn thành Phật, chẳng tin “*tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm*” (tâm chính là Phật, Phật chính là tâm). Chuyện này rắc rối lắm đây!

Kẻ ấy chẳng tin tưởng, ta cũng chẳng thể trách móc hẳn được! Nho và Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch; vì sao kẻ ấy chẳng tin. Tam Tụ Kinh nói: “*Câu bất giáo, tánh nãi thiên*” (Nếu không dạy, tánh bèn đổi), “*tánh tương cận, tập tương viễn*” (tánh vốn gần [điều thiện], nhưng do hoàn cảnh, huân tập mà tánh bèn xa dần [điều lành]). Luận trên phương diện “*tánh người vốn lành*” thì tất cả hết thảy chúng sanh đều có bản tánh là lành, đều giống hết như nhau, vì sao trở thành khác biệt? Biến thành khác biệt là vì tập tánh, chứ chẳng phải là bản tánh. Nhưng vì các chúng sanh ngộ tập tánh là bản tánh, hiểu sai lầm. Sự sai lầm ấy đúng là sai chỉ hào ly, lầm đến ngàn dặm. Chẳng dễ dàng đâu! “*Câu bất giáo, tánh nãi thiên*” (nếu không dạy, tánh bèn thay đổi [theo chiều hướng xấu]). Nếu chúng ta gặp được thầy tốt dạy dỗ, chúng ta sẽ hiểu rõ, sẽ giác ngộ. Chúng ta khẳng định tự tánh của chính mình vốn lành, tâm mình đích xác là Phật, khẳng định chính mình có chân tâm.

Tâm của chính mình đích xác là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, chẳng còn chút nào nghi ngờ; nay vì sao Tánh Đức ấy chẳng có? Do vì đối với người, đối với sự, đối với vật đều hư ngụy, nhiễm ô, bất bình đẳng, ngu si, tự tư, tự lợi. Vì đâu mà đến nỗi như thế? Do tập tánh, do không có người dạy, chẳng được thầy tốt dạy dỗ. Ngày nay xã hội bất hảo, xã hội là một cái chum lớn dơ bẩn, trong kinh Phật gọi là “*ngũ trược ác thế*”, Trược (濁) tức là nhơ bẩn. “*Kiếp trược*”: Thời đại này bất hảo, là đời loạn. Nói “*kiếp trược*” thì mọi người không hiểu lắm, nói “*đời loạn*” mọi người hiểu dễ dàng. “*Phiền não trược*”: Chúng sanh đông đảo ai mà chẳng có phiền não? Ai nấy đều phiền não hết sức nghiêm trọng. “*Kiến trược*” là nói đến phiền não nơi tư tưởng và kiến giải. Tư tưởng hỗn loạn, kiến giải ngoắt ngoéo; đó là Kiếp Trược, đây là gốc của Ngũ Trược. Nếu đối với vũ trụ và nhân sinh, đối với hết thảy

người, sự, vật, quý vị nhìn lầm lạc thì đó là Kiến Trược. Suy nghĩ sai lầm là Phiền Nảo Trược. Một thứ đã trược thì hết thầy đều trược, phiền nảo cũng xảy ra liền.

Như vậy, chúng ta hiện đang sống trong thời đại nào? Vì sao lại có thứ thời đại như vậy? Thời đại này không có bậc thánh hiền răn dạy, nên thành ra như thế. Mọi người chẳng tin tưởng lời giáo huấn của thánh hiền. Sách vở của thánh nhân hết sức quý báu, nhưng quý vị đâu có tin! Dầu sách vở còn đó, quý vị chẳng buồn giờ ra xem. Quý vị cứ cho những thứ đó là đồ cũ rích, chẳng hợp thời nữa, nên không có cách chi tìm được căn bản, không cách nào thấu hiểu. Đây là sai lầm, chẳng phải là thái độ của người học vấn, tâm không chút cởi mở nào!

Người thực sự có học vấn thì nếu người ta nói điều gì hay, ta phải chú tâm tìm hiểu; ai nói thứ khác bất hảo, ta cũng phải chú tâm quan sát. Ai cũng nói [điều gì đó là] tốt thì ta phải biết nó tốt tại chỗ nào! Ai cũng chê không tốt, ta phải biết nó xấu tại chỗ nào. Đều phải nghiêm túc nghiên cứu, có như vậy mới trở thành học vấn chân chánh. Những lời trên đây do tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy cho tôi để làm cơ bản cho thái độ học vấn, quyết chẳng đến nỗi thấy người ta bảo tốt bèn mù quáng hòa theo, người ta chê xấu mình bèn cự tuyệt. Nếu vậy là lầm lạc mất rồi. Nhất định phải đích thân mình tiếp xúc, nghiên cứu. Rất nhiều khi mình nghiên cứu mới phát hiện những thứ người khác chê dở lại thực sự là hay, có những điều thực sự là tốt! Người ta nói tốt, mình nghiên cứu kỹ, thấy cả trăm điều tệ hại, chưa chắc đã thực sự tốt. Người ta nói sao mình nghe vậy, sẽ thường hay bị mắc lừa, bị người ta che mắt.

Người học vấn chân chánh vĩnh viễn khiêm hư, cung kính, thì mới có thể thành tựu đạo đức, học vấn thực sự được. Đạo lý này nói thật ra chẳng khó hiểu chi, chúng tôi cho rằng: Trong thời cổ, dường như tất cả những ai đọc sách đều biết đến đạo lý này; nhưng hiện nay, trong thế kỷ này, người ta lại không biết. Những người trẻ tuổi, chúng tôi nói “những người trẻ tuổi” thì đại khái là những ai vào độ tuổi năm, sáu chục, cả đời chưa từng nghe đến chuyện này, có đáng buồn bã chẳng? Lũ chúng tôi đã gần tám mươi, chỉ là thiếu số con con, đúng là ít ỏi, sau này không còn ai nói đến nữa. Nếu tôi không nói ra, quý vị làm sao biết được? Sẽ chẳng nghe được những thanh âm này. Vì thế, thiện tâm, thiện ý phải phát sanh từ sự nhận biết chính xác, khẳng định hết thầy chúng sanh tánh vốn lành, khẳng định hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, khẳng định hết thầy vô tình có pháp tánh, pháp tánh và Phật tánh chỉ là một tánh.

Nếu quý vị thâm nhập Đại Thừa, quý vị khẳng định tất cả hết thầy

vạn pháp “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” thì đó là Căn, là căn cội của vũ trụ vạn hữu! Chúng ta tin cái căn này tương đồng, căn là bình đẳng, căn chẳng có hai. Tôi và anh, tôi cùng người khác, mọi người chúng ta chẳng giống nhau, đều thực sự là dòng dõi thổ dân Úc châu bị biến chất. Vì sao biến? Mê rồi! Mê mất căn bản. Mê mất căn bản sẽ trở thành chủng loại bị biến đổi, chủng loại bị biến đổi đáng thương thay! Suy nghĩ bậy bạ, làm bậy, làm càn, chuốc lấy rất nhiều tai nạn, tự gây, tự chịu. Người nào nhận biết Căn, hiểu rõ Căn, đối với hết thầy chẳng quên căn bản, cuộc đời người ấy rất mỹ mãn, rất hạnh phúc, hoàn cảnh sống của người ấy là Nhất Chân pháp giới, là thế giới Cực Lạc. Hễ có Căn bèn có Lạc. Đại Học vấn thế gian hay xuất thế gian đều đặt nền tảng trên đây.

Quý vị thầy thế giới ngày nay tranh chấp tung bưng, người mắt sáng, Phật, Bồ Tát, đại thiện tri thức trông thấy đều cảm thán! Thật đúng như kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Tiên nhân vô tri*”: Người đời trước coi thường, “*bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả*” (không biết đạo đức, không có ai nói): Bọn họ chẳng nói với chúng ta, chẳng dạy chúng ta, “*thù vô quái dã*” (còn trách móc gì được nữa). Ngày nay, chúng ta tạo tác những tội lỗi gì, chịu những khổ nạn quả báo gì, bậc thánh hiền chẳng trách móc ta. Vì sao? Vì những kẻ này chưa từng được dạy dỗ! Sự làm lạc của họ phải truy từ sự coi thường của người đời trước; đời trước đó của đời trước cũng coi thường. Chúng tôi truy cứu tối thiểu phải là hai trăm năm trước; từ hai trăm năm trước [con người] đã coi thường sự răn dạy của thánh hiền. Lúc đó cũng có dạy, nhưng chẳng tích cực, dạy trẻ con, dạy người trẻ tuổi chẳng nghiêm khắc, chẳng nghiêm ngặt như thời cổ. Tam Tự Kinh có câu: “*Giáo bất nghiêm, sư chi nọa*” (Dạy chẳng nghiêm vì thầy lười), cha mẹ, sư trưởng chưa tận hết trách nhiệm!

Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới biết căn nguyên làm lỗi nằm đâu! Căn nguyên ở nơi cha mẹ, sư trưởng; vì thế, làm cha mẹ chẳng đơn giản! “*Dưỡng bất giáo, phụ chi quá; giáo bất nghiêm, sư chi nọa*” (Nuôi không dạy là lỗi cha, dạy không nghiêm do thầy lười). Đời sau không đi theo chánh đạo, đi theo đường tà, cha mẹ, sư trưởng phải chịu trách nhiệm nhân quả. Trách nhiệm nhân quả ấy lớn lắm. Từ chỗ này chúng ta mới có thể nhận hiểu sâu xa, công đức bậc nhất, đại thiện bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian là gì? Dạy học, đem chánh pháp truyền trao cho chúng sanh. Ở Trung Quốc thấy rõ nhất: Khổng lão phu từ dạy học năm năm, năm năm chuyên tâm, tận hết trách nhiệm, nghiêm khắc dạy dỗ học trò, [nên

Không Tử] trở thành vị Vạn Thế Sư Biểu (bậc thầy gương mẫu của muôn đời).

Vì sao? Có rất nhiều người suốt đời theo đuổi công tác giáo dục, nhưng mười mấy năm vẫn âm thầm không có tiếng tăm. Vì sao Không lão phu tử chỉ dạy học năm năm lại có thành tựu như vậy? Do tận tâm tận lực dạy, thực sự hy vọng đời sau có nhân tài. Học sinh thực sự giác ngộ, thực sự tu dưỡng đạo đức, đoạn ác tu thiện, vì nhân dân, vì quốc gia, vì chúng sanh tạo phước, đó là thành tựu của thầy! Thầy (dùng cách nói của nhà Phật là “*phổ độ chúng sanh*”) phổ độ chúng sanh, khiến cho học sinh thực sự thực hiện được những điều đó. Nếu chẳng thể tận tụy dạy dỗ, học sinh chẳng thể thành tựu, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” trở thành chuyện hư dối.

Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Vứt bỏ tất cả hết thầy danh văn, lợi dưỡng thế gian, địa vị, quyền lực đều vứt bỏ, theo đuổi công tác giáo dục xã hội, vì sao? Thị hiện cho chúng ta thấy sự việc này là đại sự nghiệp bậc nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian. Không có trí huệ chân thật sẽ không thể làm được, chẳng bằng lòng làm! Trí huệ chân thật chính là sự nghiệp chân thật! Xưa nay trong nước, ngoài nước, biết bao là đế vương trái bao đời, có mấy ai biết đến? Nhưng người thực sự theo đuổi giáo học trên thế gian thì không ai là chẳng biết, không ai chẳng kỷ niệm! Mỗi một vị sáng lập tôn giáo đều là những nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa vĩ đại nhất, ngàn năm vạn đời, bao nhiêu người tôn kính, sùng bái, lại còn học theo. Bởi thế, Căn hết sức trọng yếu. Quý vị phải nhận biết gì là Căn, gì là Thiện Căn, gì là Ác Căn? Tùy thuận Tánh Đức là thiện căn, trái nghịch Tánh Đức là ác căn.

Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ ai mà không có, nhưng vấn đề ở chỗ Tín của quý vị là gì? Theo các chú giải của cổ đức, Tín có Chánh Đạo và Trợ Đạo. Thế nào là Chánh Đạo, thế nào là Trợ Đạo, phải hiểu thật rõ, thật thấu suốt, không thể hàm hồ! Chánh Đạo: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác viên mãn rớt ráo mỗi chúng sanh đều có, vốn sẵn có, nay quý vị mê mất. Thế nào là Trợ Đạo? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đây là Trợ Đạo.

Ở đây, chúng ta phải chú tâm kiểm điểm, quan sát pháp môn nào thích hợp với mình thì ta chọn lấy pháp môn ấy, thâm nhập một môn thì pháp môn ấy biến thành Chánh Đạo để ta tu học. Quý vị phải hiểu Chánh Đạo và Trợ Đạo này. Trong Chánh Đạo lại có Chánh Đạo và Trợ Đạo; trong Trợ Đạo cũng có Chánh Đạo và Trợ Đạo! Nay chúng ta chọn

lựa pháp môn Tịnh Độ, kinh điển y cứ (căn cứ để lập luận, tu học) của pháp môn Tịnh tông là “*năm kinh một luận*”, đó là Chánh Đạo của chúng ta. Các kinh luận khác do các vị tổ sư đã chọn lựa cho chúng ta, khuyên chúng ta phải xem, phải tu học để hỗ trợ pháp môn Niệm Phật, đó là Trợ Đạo. Chúng ta phải tin tưởng điều này.

Tin Chánh Đạo và Trợ Đạo thì phải có Căn, Căn chẳng thể biến. Lúc tin, lúc ngờ, lúc tin, lúc không tin, tức là niềm tin của quý vị không có Căn. Lòng tin có Căn, tức là lòng tin của quý vị đối với Tịnh Độ tông có Căn thì trong ao bầy báu bên Tây Phương Cực Lạc thế giới mọc lên một đóa sen, trên hoa có tên quý vị. Lòng tin phải có Căn, nhất định chẳng được ngờ vực. Hiện tại, nguyên bản và bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ tông cộng có chín bản, chớ có hủy báng, chớ có ý kiến, quý vị thích bản nào thì chọn dùng bản đó. Giống như ăn uống, khẩu vị mỗi người khác biệt: chua, ngọt, đắng, cay, mặn; tôi thích ăn ngọt, chẳng thể ép mọi người đều ăn ngọt hết. Nếu không như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật cần gì phải giảng nhiều kinh điển đến thế? Cần gì phải nói nhiều pháp môn như vậy? Một môn không đủ hay sao? Quý vị thấy đức Phật rất từ bi, rất tùy thuận nhân tình, quý vị thích điều gì, đức Phật dạy điều đó, chẳng miễn cưỡng mảy may! Đó là chỗ vĩ đại của đức Phật, đức Phật đại đức đại trí, khiến cho hết thầy chúng sanh tôn kính, ngưỡng mộ.

Chúng ta mở xem chín bản ấy; trước kia, chúng tôi in chín bản ấy thành một bộ, tức là với một bản Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản quý vị đọc được toàn bộ [chín bản dịch và hội tập của kinh Vô Lượng]. Trong chín bản ấy, quý vị thích bản nào thì dùng bản đó, không có bản nào chẳng tốt cả! Bởi lẽ, chúng đều giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như sách thuyết minh hay sách giới thiệu, đều dạy cho quý vị phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Kinh dạy chẳng sai một chút nào, “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”. Cả chín bản đều nói như vậy. Người niệm Phật tu điều gì? Quý vị phải biết nhé: Tu nhất tâm bất loạn, tu tâm chẳng điên đảo! Nếu đối với hết thầy các pháp, quý vị có nghi hoặc, làm sao tâm quý vị định được? Làm sao có thể thành tựu nhất tâm? Làm sao bất loạn được? Bất loạn là trí huệ, nhất tâm là Thiền Định. [Tu nhất tâm bất loạn] là tu Định - Huệ. Quý vị có quá nhiều ý kiến, chấp trước rất nặng là tự mình chướng ngại mình, không ai chướng ngại quý vị cả!

Chính mình tuyên chọn thì có một tiêu chuẩn rất đơn giản: Thứ nhất, lý luận, phương pháp, cảnh giới không sai lầm. Đối với kinh điển Đại Thừa chúng ta có thể so sánh không sai lạc: Kinh văn nào rõ ràng, không quá sâu, dễ đọc tụng, dễ hiểu, thích hợp với trình độ người hiện

thời thì bản đó là bản kinh hay. Nay đem chín bản đó bày trước mặt, quý vị đọc mỗi bản một lượt, bản nào đọc hay nhất? Bản này đọc hay nhất. Bản của cụ Hạ khá lắm, là bản dễ đọc nhất trong chín bản, chẳng có câu nào khó khăn, trúc trắc, vậy cụ hội tập có sai lầm hay không? Đem năm bản dịch gốc đối chiếu tỉ mỉ thì tín tâm bèn trọn đủ.

Xin thưa cùng các đồng học: Tôi không bằng mọi người, tôi chẳng bằng ai, mọi người tâm tư rất tế nhị, tôi không được tế nhị như vậy; nhưng tôi có ưu điểm là tin tưởng thầy. Thầy đem bản này giao cho tôi, tôi hoàn toàn chẳng đối chiếu với năm bản dịch gốc, tôi chẳng làm chuyện đó; cho đến tận bây giờ cũng không làm chuyện ấy. Tôi tin tưởng thầy, thầy chẳng hại tôi. Thầy học suốt đời, trí huệ, đức hạnh, giáo huấn của thầy rất đáng để tôi tôn kính, tôi chẳng hoài nghi thầy chút nào. Vì thế, thầy dạy gì, tôi bèn tiếp nhận, tôi bèn y giáo phụng hành. Ai ở trước mặt tôi nói ba điều bốn chuyện, tôi không tiếp nhận, cũng không phản đối, vì sao?

Tôi tuân thủ lời đức Phật răn dạy, tôi tuân thủ lời tổ sư răn dạy. Đức Phật dạy chúng ta: Đối với những tri kiến bất đồng, kiến giải bất đồng - trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư cũng dạy chúng ta như thế - nên làm như thế nào? Dùng tâm tư thái độ gì? Chắp tay hoan hỷ! Tôi chẳng biện bác cùng anh, chắp tay cung kính anh; nhưng tôi vẫn đi đường cũ, vẫn dùng phương pháp cũ của tôi để tu hành, chẳng bị anh làm dao động. Tôi tôn kính anh, tôi không phản bác anh một câu nào, Phật dạy chúng ta “mặc tẫn”⁵⁶. Nói thật ra, Nho Gia gọi mặc tẫn là “kính

⁵⁶ Mặc tẫn (Brahmadanda): Còn phiên âm là Phạm Đàn hoặc Phạm Đát, theo nghĩa gốc là một hình thức nhằm đối trị những kẻ ngoan cố, bướng bỉnh trong Tăng chúng. Hành Sự Sao, quyển 22 ghi: “Nói Mặc Tẫn, là như luật Ngũ Phần dạy: ‘Pháp Phạm Đàn là hết thầy thất chúng (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di), đều chẳng nói chuyện với kẻ phạm lỗi’”. Sách Tư Trì Ký giảng rõ hơn: “Phạm Đàn là trước cung điện của Phạm Vương lập một cái đàn cao, chư thiên nếu có vị nào chẳng đúng pháp, sẽ bị bắt đứng trên đó, không được nói chuyện với bất cứ ai qua lại. Trong luật Ngũ Phần, do tỳ-kheo Xiển Đàn (tức Xa Nặc) náo loạn Tăng chúng nên Phật chế định dùng phương pháp ấy [để đối trị]”. Nói chung, đây là phương pháp ngăn dứt tranh cãi. Kẻ biết phục thiện thì khuyên can; chứ nếu với kẻ ương bướng, ngang ngược, tốt nhất là dùng phương pháp im lặng, không tranh cãi với hắn, tránh xa, không quở trách, không phê bình, nhưng không giao thiệp với hắn, hắn sẽ không có cơ gì quấy rối được nữa. Ở đây, “mặc tẫn” được dùng với ý nghĩa rộng: Không tranh cãi với những kẻ cãi chày cãi cối. Ta giữ chủ kiến của ta, tu theo pháp môn của ta, không mất hơi sức tranh cãi với những kẻ chẳng thêm đọc kinh sách Tịnh Độ mà cứ nhơn nhơn cao giọng phỉ báng pháp môn Tịnh Độ.

nhi viển chi”. “Viển” không phải là tách rời ra xa, không có nghĩa như vậy. “Viển” nghĩa là cách nghĩ, cách làm của anh tôi không bắt chước theo, tôi vẫn đi theo kinh luận. Nếu tự tôi có năng lực, tôi sẽ tuyển chọn kinh luận; nhưng tôi không có năng lực, thầy giúp tôi chọn kinh luận. Những kinh luận tôi học trong một đời này đều là do thầy giúp tôi chọn lựa, đều là do thầy chỉ dạy.

Nói thật ra, bản thân tôi vẫn chưa có năng lực chọn lựa kinh luận, tôi thừa nhận mình thuộc căn tánh trung hạ, chẳng phải là thượng căn. Người thượng căn phải có, chắc chắn có người thượng thượng căn, nhưng tôi chưa từng gặp được. Chuyện ấy không quan hệ, dầu là hạ hạ căn mà gặp được thiện tri thức, giống như người đồ đệ làm nghề vá nôi của pháp sư Đệ Nhàn, ông ta là hạ hạ căn, gặp vị chân thiện tri thức là pháp sư Đệ Nhàn dạy một câu Nam-mô A Di Đà Phật niệm một cú nghỉ, nghỉ khỏe lại niệm tiếp. Thực sự chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, ông ta thực sự thành công. Nếu ông ta hoài nghi hay xen tạp sẽ chẳng thể thành công. Bí quyết thành công của ông ta là “chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn”, nên thành công. Tín chẳng phải là chuyện dễ, tín phải có Căn. Tín quyết định chẳng bị dao động, cả đời chẳng biến đổi, người như vậy đạo nghiệp nhất định thành công!

Thứ hai là Tấn Căn. Tấn là đối với Chánh Đạo và Trợ Đạo, cầu tiến bộ chẳng ngại, dũng mãnh, tinh tấn, quyết định chẳng có một ngày nào buông lung, có chút khế nhập cảnh giới bèn vui sướng chẳng mệt. “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), đúng là vui sướng chẳng mệt.

Niệm là hệ niệm nơi tâm. Điều được hệ niệm nơi tâm là Chánh Đạo và Trợ Đạo. Nay mục tiêu của người niệm Phật chúng ta là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật; đây chính là Chánh Đạo và Trợ Đạo của chúng ta trong giai đoạn này. Trợ Đạo là gì? Đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức. Cổ đức thường dạy chúng ta: “*Đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện*”. Tự mình phải hiểu rõ, phải minh bạch tiêu chuẩn thiện - ác. Gì là ác? Tự tư tự lợi là ác; đại công vô tư, lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh là thiện. Có người nghe nói như thế chẳng đồng ý, làm sao mà có lợi cho bản thân ta lại là ác được cơ chứ? Với pháp thế gian nói như vậy thì được, chứ đối với pháp xuất thế gian, nói như thế là sai lầm quá sức. Sai lầm ở chỗ nào? Ngã Chấp không thể phá được! Cửa ải đầu tiên của pháp xuất thế gian là phá Ngã Chấp. Có lợi cho mình là tăng trưởng Ngã Chấp! Kinh Kim Cang nói “ngã tướng, ngã kiến” niệm niệm đều chấp trước kiên cố, tăng trưởng ngã tướng, tăng

trường ngã kiến thì tới lúc nào mới có thể phá hết sạch Ngã Chấp được? Chẳng phá Ngã Chấp, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế, đức Phật đặt điều này lên đầu.

Chúng ta khởi tâm động niệm đúng là vô ngã. Nói cụ thể, vô ngã là nhất định không vì lợi ích của chính mình; bởi thế, phải triệt để buông tự tư tự lợi xuống. Phá Ngã Chấp bằng cách nào? Bí quyết để phá Ngã Chấp là khởi tâm động niệm, làm hết thấy chuyện gì đều vì xã hội, vì chúng sanh, vì để chánh pháp tồn tại lâu dài, nhất định không có mảy may ý niệm nào làm lợi cho cá nhân mình, một chút gì khiến việc vãng sanh Tây Phương thế giới bị vướng mắc cũng không có, ra đi rất tự tại. Thường xuyên nhớ kỹ đức Phật dạy chúng ta phải sửa đổi, uốn nắn cách nhìn lầm lạc đối với vũ trụ, nhân sinh và hết thấy người, sự, vật. Kinh Kim Cang nói rất khéo: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Vậy thì, khởi lên một niệm rất ưa thích một cảnh giới, đó chính là tâm tham luyến, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, bị một chén nước lạnh ấy hắt vào, tâm ta bèn bình tịnh. Gặp phải oan gia đối đầu rất trái mắt, gặp người, gặp sự, gặp vật trong tâm rất chán chường, [liền khởi tâm niệm] “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, tâm lập tức bình ngay, dậy lên một câu “A Di Đà Phật”, biết mình đến thế giới này là lữ du, [tạm ngụ] hai ba ngày rồi sẽ đi, thế giới này tốt cũng được, xấu cũng xong, ăn nhằm gì đến mình? Có chi phải nhọc lòng? Có duyên để khuyên thì khuyên người ta, khuyên người ta làm lành; không có duyên thì làm gương cho người ta thấy, người ta thấy mà hiểu thì họ có phước báo; họ dấu thấy nhưng không hiểu thì cũng đành thôi. Chẳng cần phải so lường từng chút! Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian, khởi tâm động niệm, nói năng, tạo tác, từng điểm, từng giọt đều nhằm giáo hóa chúng sanh, vì người khác diễn nói từ trước đến nay chưa từng ngưng nghỉ.

Vì người diễn nói, “*diễn*” là biểu diễn, làm cho người ta thấy, “*nói*” là thuyết minh cho người ta; chẳng hề có chút mảy may danh lợi nào xen vào đó, chẳng xen tạp một mảy nào. Vì thế, các Ngài làm nhưng không làm, không làm mà làm, rất tự tại! Xen tạp chính mình vào đó sẽ phiền lắm, vì sao? Quý vị có lợi - hại, được - mất trong ấy; chỉ cần có lợi - hại, được - mất trong ấy. Hễ quý vị vừa khởi tâm động niệm, bèn nghĩ ngay đến lợi ích của chính mình, sẽ thường mắc sai lầm. Người hoàn toàn không có lợi - hại, được - mất mới có thể thực sự buông xuống được, hết thấy thân tâm, thế gian đều buông xuống, tâm được giải thoát,

trí huệ mở mang. Trừ điều này ra, không được xen tạp niệm gì, bất luận niệm gì xen tạp trong đó cũng không được. Đứng là chẳng dung một hào, một phân bất tịnh nào xen tạp! Chẳng dung một hào, một phân bất thiện nào xen tạp! Tâm phải thuần tịnh, thuần thiện.

“*Định*” là nhiếp tâm, thâm tâm. Mạnh phu tử nói rất hay: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn không có gì khác, cốt sao thâm hồi cái tâm đã buông lung mà thôi!). Đó là công phu định lực. Tâm ta chẳng còn hướng ra ngoài năm níu nữa, chẳng những không năm níu pháp thế gian, mà Phật pháp cũng chẳng năm níu thì tâm quý vị thực sự định! Ấn Quang đại sư cả đời dạy chúng ta phương pháp này, chính là như trong kinh Đại Tập đức Thế Tôn đã gọi Trì Danh Niệm Phật là “*vô thương thâm diệu Thiên*”. Thiên Định sâu mầu vô thương chính là Niệm Phật! Nhiếp tâm nơi Phật hiệu, trừ một câu Phật hiệu ra, niệm gì trong tâm cũng không có. Đó là Định Căn. Định ấy là Niệm Phật Tam Muội, Niệm Phật Tam Muội có Căn vậy! Trừ điều này ra, cái gì cũng không có. Niệm niệm tương ứng với A Di Đà Phật, niệm niệm tương ứng với kinh giáo Tịnh tông. Đó chính là “*nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”.

Huệ Căn: Trí huệ quán chiếu, soi thấy chân tướng của hết thầy pháp thế gian, xuất thế gian. Quý vị có Huệ Căn, có căn thì khá lắm! Quý vị chẳng bị dao động, tự mình chân bước vững vàng, như như bất động, thực hiện xong việc tự độ, lại còn nghĩ giúp cho người khác được đắc lực. Ngũ Căn tăng trưởng bền chắc lực. Nói tới Lực thì thật ra chính mình phải có Căn càng sâu thì mới có thể giúp người khác phá trừ nghi hoặc, giúp người khác kiến lập Ngũ Căn.

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin tiếp về phần Ngũ Lực. Lực là đoạn nghi, thành tựu phẩm đức. Danh tướng của Ngũ Lực hoàn toàn giống với Ngũ Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Ngũ Lực là sự tăng trưởng của Ngũ Căn. Đạo lý này đối với chúng ta không khó hiểu. Cái được Huệ Căn tăng trưởng quan trọng nhất là trí huệ, sau khi Huệ Căn tăng trưởng, Ngũ Căn sẽ có sức mạnh; giống như thực vật, nó có rễ rồi, từ rễ dần dần tăng trưởng trở thành mầm cây. Mầm cây lại dần dần tăng trưởng trở thành cây lớn, nó có sức như vậy, chịu đựng được gió thổi, mưa dập vì đã trưởng thành rồi.

Tín Căn tăng trưởng bèn phá được nghi hoặc; quyết định chẳng nghi hoặc đối với chánh pháp, chánh tri kiến. Bởi thế, nó có thể phá được nghi, phân biệt tà tri tà kiến; nó có năng lực như thế, tất nhiên có thể làm cho phiền não nhẹ đi. Chúng sanh trong thế gian phiền não tập khí nặng nề, chẳng tin tưởng chánh pháp, chẳng tin vào giáo huấn của thánh hiền. Nếu chúng ta có lòng tin sâu xa chẳng nghi đối với chánh pháp, đạo đức, tánh đức và giáo huấn của thánh hiền thì phiền não đã giảm quá nửa! Điều tốt nhất đối với chính mình, như tôi thường hay nói, là con người chẳng thể không già, nhưng người có tín tâm kiên định sẽ lão hóa khá chậm chạp, đây là đạo lý nhất định. Vì sao? Kẻ ấy sống cuộc đời sung sướng, có phương hướng, có mục tiêu, chẳng mê hoặc chút nào, mỗi ngày có tiến bộ, thường sanh tâm hoan hỷ! Cuộc đời người ấy rất sung mãn, rất khoái lạc, đều là do từ trong tâm phát sanh. Tín tâm có sức mạnh như vậy.

Tinh Tấn có sức mạnh, chẳng lười nhác. Quý vị phải biết lười nhác chính là phiền não nghiêm trọng; trong Lục Ba La Mật của Bồ Tát, Tinh Tấn đối trị giải đãi. Nếu một con người chẳng giải đãi, bất luận làm chuyện gì, dù pháp thế gian hay xuất thế gian, chẳng lẽ nào không thành tựu. Vì sao chẳng thành tựu? Vì sao thất bại? Vì giải đãi! Lúc vừa mới làm, tinh thần đầy đủ trăm phần; làm được ít lâu bèn giải đãi, chẳng thể duy trì được, chẳng có tâm thường hằng. Đây là nguyên nhân thứ nhất khiến cho rất nhiều sự nghiệp thế gian hay xuất thế gian chẳng thể thành tựu, không có cách gì gìn giữ được! Học Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ, cổ đức chẳng thường nói: “*Học Phật nhất niên, Phật tại nhãn tiền*” (Học Phật một năm, Phật ngay trước mặt) đó ư? Vừa mới học Phật, bèn nhiệt tâm, bèn chân thành như thế, quý vị phải gìn giữ, cổ nhân nói “*thành Phật hữu dư*” (thành Phật có thừa), [nghĩa là] người giữ được cái tâm ban đầu thành Phật cả đống. “*Học Phật lưỡng niên, Phật tại thiên biên*” (Học Phật hai năm, Phật ở trên trời), cái tâm kiên thành, cái tâm tinh tấn đã suy thoái rồi. “*Học Phật tam niên, Phật hóa vân yên*” (Học Phật ba năm, Phật hóa thành mây khói), không còn nữa! Học Phật bèn biến thành một con cáo già, vậy thì sao vẫn phải học Phật?

Học Phật có lợi cho chính mình, chẳng nghĩ đến Phật, chẳng nghĩ đến chúng sanh, chỉ nghĩ đến mình, vì có lợi cho mình, giương chiêu bài nhà Phật, lợi dụng chiêu bài nhà Phật để lừa bịp, mưu cầu danh văn, lợi dưỡng cho chính mình, hồng hưởng thụ ngũ dục, lục trần, vì những thứ đó mà thôi! Những lợi dưỡng họ đạt được, nói trắng ra, chỉ là vì trong mạng họ có, nhưng tâm ấy là tâm chẳng lành, hành vi ấy chẳng phải là

thiện hạnh, khiến cho phước báo trong mạng họ bị tổn thất lớn lao. Chúng tôi thường nói: Phước báo một trăm phần trăm trong mạng rất có thể bị tổn hoại chỉ còn có hai mươi phần trăm hay ba mươi phần trăm mà thôi! Tổn thất với một mức độ lớn, tâm hạnh chẳng lành mà! Người thành công, tu hành chứng quả, chẳng có bí quyết chi khác, chỉ là giữ được cái tâm ban đầu, tinh tấn chẳng lùi, bền thành công, có bí quyết gì đặc biệt đâu!

Mỗi đồng học chúng ta bắt luận tại gia hay xuất gia, hãy nghĩ lúc mình mới phát tâm là như thế nào, tâm hiện nay là như thế nào? Quý vị có thấy rõ vì sao mình chẳng tiến bộ hay không? Vì sao học nhiều năm như vậy mà đối với việc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có một chút nào nắm chắc cả, vẫn cứ nửa tin nửa ngờ, biết làm sao được! Bởi thế, trong kinh luận, đức Phật thường nói thế pháp thiện căn (thiện căn trong lục đạo, thiện căn nơi thế gian pháp) là ba thiện căn, không ngoài “chẳng Tham, chẳng Sân, chẳng Si”. Ba thiện căn này thành tựu hết thấy thiện pháp của thế gian. Nay chúng ta muốn thành một người lành trong thế gian thì quý vị phải nhớ kỹ lời Phật giáo huấn: Đối với hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Thiện căn xuất thế gian chỉ có một: Tinh Tấn! Tinh Tấn là thiện căn duy nhất của Bồ Tát! Bồ Tát có thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề chẳng có gì khác cả, vĩnh viễn giữ được cái tâm ban đầu chẳng biến đổi đó thôi!

Chúng ta phải hiểu đạo lý này, ứng dụng vào pháp xuất thế gian sẽ thành Vô Thượng đạo, ứng dụng vào pháp thế gian sẽ thành tựu đại đức, đại nhân đại đức! Chúng ta giao thiệp cùng hết thấy chúng sanh, lúc mới tiếp xúc, đầu tiên đều hết sức khiêm hư, hết sức lịch sự, hết sức thân thiện, quý vị có giữ mãi được như vậy hay không? Nếu quý vị giữ mãi được như vậy thì chính là đại nhân đại đức. Thánh nhân chẳng có gì khác cả, giao tiếp cùng hết thấy chúng sanh lâu lâu ngày vẫn không thay đổi, không lui sụt. Vì sao? Các Ngài dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, vĩnh viễn chẳng biến đổi! Đối phương biến đổi là chuyện của đối phương, chẳng phải là chuyện của mình. Ta chỉ có thể bảo đảm chính mình, chứ không bảo đảm cho người khác được! Ta thành tựu đức hạnh của chính mình.

Chư Phật, Như Lai cũng chẳng thể thành tựu đức hạnh cho người khác. Nếu có năng lực thành tựu đức hạnh cho người khác thì hết thấy chúng sanh chẳng cần phải tu hành nữa, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi chẳng làm cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật hay sao? Làm không được! Chúng ta phải hiểu điều này! Thành tựu đức hạnh của chính mình để

giúp đỡ người khác, làm cho người khác thấy, người ta thấy mình cũng là phàm phu, mình thành tựu được thì họ cũng có thể thành tựu. Đó là biểu diễn, biểu diễn cho người khác xem. Nếu ta cả đời giữ vững chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi bất biến, trong thuận cảnh chẳng có tâm tham luyến, trong nghịch cảnh cũng chẳng có tâm sân khuể, nhất định phải giữ vững, nhất định phải làm được, vĩnh viễn chẳng lui sụt; đó là thanh tịnh. Tinh tấn có thể hoàn thành hết thấy mọi sự thế gian và xuất thế gian.

Niệm Căn tăng trưởng, tà niệm chẳng sanh, từ bản thân mình thì nói là “tà niệm chẳng sanh”, từ hoàn cảnh thì nói “tà niệm chẳng nhập”. Chúng ta biết những tà tri tà kiến trong xã hội hiện thời có thể nói là tràn ngập cả thế gian, quý vị mỗi ngày hai mươi bốn giờ đều tiếp xúc với những tà tri tà kiến được truyền bá trong thế gian. Nếu Niệm Căn của quý vị hữu lực thì tà tri tà kiến chẳng thể ảnh hưởng quý vị. Dù quý vị mắt thấy, tai nghe, tiếp xúc, cũng không bị ảnh hưởng tí nào! Giống như các đại đức trong Tông Môn thường nói: “*Bách hoa từng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*” (Qua rừng trăm hoa nở, mảnh lá chẳng dính thân). Vì sao vậy? Vì Niệm hữu lực! Có thể thành tựu hết thấy công đức chánh niệm thế gian và xuất thế gian.

Định Căn tăng trưởng, trong tâm có chủ tử, quyết định chẳng bị dao động. Nhìn trên mặt hình tướng, tối thiểu là như tiên sinh Liễu Phàm và hòa thượng Vân Cốc cùng ở trong Thiền Đường không khác gì nhau, ba ngày ba đêm không có vọng niệm. Người niệm Phật định lực hiện tiền, tối thiểu là công phu thành phiến, công phu thành phiến là Niệm Phật tam-muội, đã đạt được Niệm Phật tam-muội! Niệm Phật tam-muội là gì? Trong hết thấy thời, hết thấy nơi, trong tâm niệm của quý vị đều là A Di Đà Phật; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, quyết định chẳng có một tạp niệm nào, đó là Niệm Phật tam-muội! Ngoại trừ một câu A Di Đà Phật ra, nếu vẫn còn ý niệm nào khác thì công phu chưa thành phiến. Bởi thế, nhất định phải nhớ kỹ, phải chịu thừa nhận mình là kẻ sơ học. Con người quý nhất là tự biết rõ mình, quý nhất là tự mình hiểu mình, tự mình hiểu bản thân là hạng người nào: Ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân, ta là sơ học, chẳng phải tu thuần thực.

Phàm phu sơ học thì quan trọng nhất là thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Tam Tự Kinh nói: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đạo dạy dỗ, quý nơi chuyên tinh). Thế nào là chuyên? “*Thâm nhập một môn, trường thời huân tu*” là chuyên đấy! Chẳng được tham quá nhiều, chẳng được quá tạp! Quá tạp, quá nhiều là tạp tu, loạn tu; ta đã là phàm

phu lại còn sơ học, làm sao thành tựu được? Bởi thế, nếu quý vị chú tâm suy nghĩ [sẽ thấy] bao nhiêu năm qua, ta đã lãng phí ngàn ấy thời gian, thật đáng tiếc quá! Nếu chịu chuyên tu, chịu buông xuống vạn duyên, dẫu trong nhà Phật có kinh giáo nào đi nữa cũng đều chẳng động tâm. Ba năm khéo công phu sẽ đắc nhất tâm bất loạn; công phu kém hơn một chút là công phu thành phiến. Công phu thành phiến sẽ có năng lực sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư độ, muốn đi lúc nào là đi, rất tự tại vậy! Nếu đắc Sự nhất tâm bất loạn sẽ sanh vào Phương Tiện Hữu Dư độ. Công phu thành phiến đã có thể sanh tử tự tại thì Sự nhất tâm bất loạn chẳng cần phải nói nữa!

Vì sao chúng ta chẳng đạt được mức độ ấy? Là vì cái gì cũng muốn học, cái gì cũng thích hết, rốt cuộc cái gì cũng chẳng thể thành tựu. Sai lầm rồi, lầm quá đỗi rồi! Phạm những ai thành công nơi pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng có bí quyết nào khác để thành công cả, chỉ chuyên nhất mà thôi! Toàn bộ tinh thần, ý chí, thời gian đều tập trung, sẽ thành tựu được việc ấy. Quý vị thấy rất nhiều các chủ nhân đại xí nghiệp, dẫu các hạng mục trong xí nghiệp của họ rất nhiều, nhưng nếu hỏi họ, sẽ thấy thoát đầu chỉ là một dạng, một thứ, chuyên môn kinh doanh một thứ. Thành công rồi, sau khi thành công mới có tài lực, có thừa lực lượng bèn kinh doanh thêm thứ khác, dần dần mới có thể phát triển đến mấy chục thứ. Sanh từ một căn bản, chẳng phải là vừa thoát đầu đã có được bao nhiêu thứ như thế. Có nhiều thứ như thế chắc chắn thất bại, chúng ta phải thấy rõ như vậy!

Có người không hiểu, tính gom tiền vốn bỏ vào nhiều ngành để kiếm lời, làm chưa được mấy năm công ty phải đóng cửa. Do nguyên nhân nào? Chẳng có căn bản. Rất nhiều người chẳng hiểu đạo lý này! Quý vị cứ chú ý quan sát một đại xí nghiệp gia thực sự hay một tay công thương nghiệp lão luyện, quý vị sẽ thấy họ rất có căn bản. Nếu chúng ta chú tâm quan sát về mặt xuất thế pháp, sẽ thấy chư Phật, Bồ Tát học rộng nghe nhiều, điều gì cũng thông đạt là vì có cơ sở, tuyệt đối chẳng phải là vừa bắt đầu đã học quá nhiều thứ. Chẳng phải vậy, họ có căn bản. Sau đấy, học rộng nghe nhiều, vẫn là do căn bản ấy sanh trưởng. Dẫu căn bản khác nhau, mỗi cá nhân học một pháp môn bất đồng, nhưng không hề chi, pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp, quý vị phải hiểu đạo lý này.

Biết đạo lý này thì cái tâm tham luyện, cái tâm hâm mộ sẽ chẳng sanh khởi. Nếu chúng ta không chuyên học một môn, cứ mãi mãi hâm mộ rất nhiều pháp môn, kết quả cuối cùng là môn gì cũng chẳng thành.

Phải chết chặt một môn! Chết tươi lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất! Sau khi thành một môn rồi, một môn thông thì hết thấy các môn đều thông. Một kinh thông thì hết thấy các kinh đều thông! Một pháp môn thông, tất cả hết thấy pháp môn đều thông. Tiêu chuẩn của “thông” là gì? Là minh tâm kiến tánh. Mỗi một pháp môn đều có thể giúp quý vị minh tâm kiến tánh, bởi vậy, pháp môn bình đẳng, không có cao - thấp. Quý vị phải thâm nhập, không thâm nhập sẽ chẳng kiến tánh. Cổ nhân cầu học cũng tốt đẹp, tu đạo cũng tốt đẹp, chưa đạt đến cảnh giới kiến tánh thì nhất định chẳng lạm tu pháp môn thứ hai, quý vị phải liên tục nỗ lực, không ngừng ra sức.

Trong phương diện Trợ Đạo, thầy dạy, đồng học, hoàn cảnh tu học đều là duyên trợ đạo. Đức Phật giảng rất rõ bốn thứ duyên: Thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, tăng thượng duyên. Trợ Đạo là tăng thượng duyên. Tăng thượng duyên cũng rất quan trọng, quý vị phải tin tưởng thầy dạy, phải tin vào đồng tham đạo hữu, trong nhà Phật còn gồm cả “hộ pháp”, đều là trợ đạo. Những vị hộ pháp dùng tài lực, vật lực giúp đỡ quý vị, khiến cho quý vị sống an định, thân tâm an ổn. Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (Pháp luân chưa chuyển, bánh xe ăn đã xoay trước). Nếu cuộc sống quý vị chẳng an định, làm sao quý vị yên lòng tu tập đạo? Giúp cho quý vị thân tâm an định, đó là hộ pháp. Hộ pháp có đại ân, nội hộ có đại đức, khiến quý vị thân tâm an ổn, vô ưu, vô lự, một lòng tu đạo dễ dàng thành tựu.

Điều cuối cùng là Huệ Lực, Huệ Căn tăng trưởng, trí huệ hiện tiền, có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt thị - phi, thiện - ác, lợi - hại. Những điều này bày ra trước mắt rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, không mê hoặc chút nào. Tư tưởng kiến giải thuần chánh, ngôn ngữ, hành vi thuần chánh, đoạn nghi, thành tựu đức hạnh, thành tựu đại đức đại năng của chính mình, toàn là nhờ vào trí huệ. Trong kinh điển, đối với ba mươi bảy Đạo Phẩm, đức Thế Tôn khởi sự nói từ Ngũ Căn, Ngũ Lực, ba khoa trước lược đi. Trong chú sớ, chú giải của Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư, đều đức Phật không nói, nhưng các Ngài đều nói thêm vào, có lợi rất lớn cho bọn sơ học chúng ta.

Kế đó là tiêu đoạn thứ sáu: “*Thất Bồ Đề phần*”. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, phiên dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác. Bồ Đề có nghĩa là giác ngộ, bởi thế “*còn gọi là Thất Giác Phần*”. Giác chứ không mê. “*U nhất thiết pháp thiện năng giác liễu*” (khéo có thể hiểu hết thấy các pháp), đây là công phu! Đối với những khoa mục lớn, chúng tôi đều

dùng phương pháp giới thiệu đơn giản để nhắc nhở quý vị: Tứ Niệm Xứ là thấy thấu suốt, trước tiên là phải thấy thấu suốt. Tứ Như Ý Túc là buông xuống, quý vị phải buông xuống được. Khi tôi vào cửa Phật, thân cận vị xuất gia thứ nhất, vị thứ nhất ấy dạy tôi “*khán đắc phá, phóng đắc hạ*” (thấy cho thấu suốt, buông xuống được). Thất Bồ Đề Phần là công phu chân chánh, bảy thứ này đều là giác ngộ chân chánh, “*Huệ Lực sở phát, vô lậu chánh trí*” (do Huệ Lực phát sanh, là chánh trí vô lậu). Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần do đâu mà có? Do Huệ Lực mà có; Thất Bồ Đề Phần cũng phải nương vào Huệ Lực. Nếu Huệ Quán vô lực, nhờ vào đâu mà giác được?

Tiếp đây sẽ giảng bảy hạng mục. Cả bảy hạng mục này đều là giác ngộ, trong Phật pháp gọi giác ngộ là Bồ Đề.

Thứ nhất là trạch pháp (chọn lựa pháp); tức Trạch Pháp Giác Phần. Trạch pháp là “*thiện biệt*” (khéo phân biệt), “*biệt*” (別) là phân biệt. Quý vị khéo có thể phân biệt chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, chẳng lấy pháp hư nguy. Đó gọi là Trạch Pháp Giác Chi (ở đây gọi là Giác Phần). Người học Phật hoặc cầu học trong thế gian, tu đạo - đạo có thể gian đạo và xuất thế đạo. Thế gian đạo có thiên đạo, tiên đạo; xuất thế gian đạo có Thanh Văn đạo, Duyên Giác đạo, Bồ Tát đạo, quý vị phải biết chọn lựa. Tiêu chuẩn chọn lựa phải dựa vào lý, tức chánh lý. Lại phải dựa vào sự, sự là gì? Sự là những điều kiện bản thân ta sẵn có. Chánh pháp không phải chỉ có một loại, trong Đại Thừa Phật pháp thường nói là vô lượng pháp môn, trong Tứ Hoảng Thệ Nguyên có câu “*pháp môn vô lượng thệ nguyên học*”, vô lượng pháp môn đều là chánh pháp. Với những điều kiện sẵn có của chúng ta thì trong vô lượng pháp môn, hoặc nói là tám vạn bốn ngàn pháp môn, ta có thể học được pháp nào?

Tôi đã thưa cùng quý vị đồng tu rất nhiều lần, trong những buổi giảng cũng đã nói rất nhiều. Tôi thích học kinh giáo, tôi thích thâm nhập một môn, tôi có nguyện vọng học đòi tổ sư đại đức; tôi nhớ hình như Đạo Xước đại sư một đời giảng Quán Kinh hơn hai trăm lần. Ngài không giảng kinh nào khác, chỉ giảng một loại, cũng giống như những vị thiện tri thức trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử: “Pháp môn vô lượng vô biên, tôi chỉ hiểu một môn, anh đến đây thì tôi có thể nói cho anh nghe [môn này]. Giảng xong, nếu anh muốn nghe pháp khác thì hãy đến chỗ vị thiện tri thức khác. Những vị đó biết nhiều hơn tôi, tôi chẳng bằng các vị đó. Thành tựu một môn thôi!”

Năm mươi ba lần tham học, năm mươi ba vị thiện tri thức, mỗi vị

đều là “thâm nhập một môn”, đều không có pháp môn thứ hai. Vì thế, Thiện Tài tham học: “Anh đến đây, tôi đem pháp do chính mình tu bảo cho anh biết. Nếu anh muốn học rộng, nghe nhiều, tôi giới thiệu anh đến chỗ khác”. Tự mình khiêm hư, tán thán người khác. Đây đều là thị hiện để dạy chúng ta! Căn bệnh lớn của chúng ta là “khen mình, chê người”, tự cho mình là phi phạm, coi rẻ người khác. Sai rồi, sai lầm quá rồi! Chẳng biết hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật, hết thấy chúng sanh là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, chẳng biết gì cả! Cuồng vọng tự đại. Bởi thế, trên con đường Bồ Đề, quý vị đi rất khổ sở, đi chẳng thành công dường ấy. Thường là nửa đường ngã lòng, thất bại hoàn toàn, chẳng phải là không có nguyên nhân: Tâm tư thái độ tu học của quý vị đã sai bét rồi!

Nói thật ra, cội rễ là do chẳng biết hiếu thuận đối với cha mẹ, chẳng biết tôn kính sư trưởng, đã hư từ căn bản! Đạo Nho của Trung Quốc và đạo Phật đều kiến lập trên cơ sở Hiếu đạo, Hiếu đạo là gốc! Sư đạo (đạo thầy trò) kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Nho là sư đạo, Phật cũng là sư đạo. Tôn sư trọng đạo kiến lập trên cơ sở hiếu thảo với cha mẹ. Nếu ai chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng hiếu đạo Hiếu, làm sao kẻ ấy tôn trọng sư trưởng cho được? Bởi vậy, học tập không có căn bản, giống như cát nhà, xây lâu không có nền móng, làm sao thành công được? Trong Ngũ Căn, Ngũ Lực đã giảng ở phần trên, tôi đặc biệt đề xuất Tín Căn, hết sức trọng yếu! Một bề tu dần dần cho tăng trưởng, trí huệ bèn mở ra, có năng lực chọn lựa pháp môn; lúc mình chưa có năng lực thì thầy thay thế mình chọn lựa.

Pháp môn thầy đã chọn, mình có được thay đổi hay không? Được chứ! Quý vị tu học đến một giai đoạn nào đó, nhận thấy mình còn có thể tu một pháp môn khác, chính quý vị đã có năng lực chọn pháp. Nếu mình không có năng lực ấy, thì cứ ngoan ngoãn tuân thủ lời thầy chỉ dạy là an toàn, bảo đảm! Nếu quý vị thực sự thấy rõ các pháp bình đẳng, không có cao - thấp, pháp nào thầy chọn lựa cho ta rất thích hợp với căn tánh, lại phù hợp với trình độ của mình, mà cũng thích hợp với hoàn cảnh sinh hoạt của mình thì đó là chọn lựa tốt! Chết sạch tâm lòng mong ngóng, chup giựt, thâm nhập một môn, có ai chẳng thành tựu? Đến khi chính mình thực sự thành tựu, mới cảm mộ ân đức thầy. Nếu thầy không răn dạy, nếu thầy không thay mình chọn lựa, làm sao ta có thể thành tựu được?

Phương hướng chung, mục tiêu lớn của cả đời tôi là học Phật. Chương Gia đại sư thay tôi chọn lựa, Ngài dạy tôi bỏ đi các nghề nghiệp

khác, đi theo con đường xuất gia hoàng pháp, Chương Gia đại sư dạy tôi như vậy đó. Ngài đã suy nghĩ rất lâu, Ngài nói: “Bất cứ sự nghiệp nào khác đều chẳng tốt bằng; sự nghiệp này đối với chính mình, đối với chúng sanh là trăm điều lợi, chẳng có một điều tệ”. Tôi nghe dạy xong, suy nghĩ rất lâu, quyết định tiếp nhận lời thầy giáo huấn. Lúc ấy tôi vẫn đang đi làm, tôi từng hỏi Chương Gia đại sư: “Nếu con xuất gia thì phải tu pháp nào?” Đại sư bảo tôi: “Ông phát tâm ấy, ông không cần phải tìm pháp sư”. Ngài dạy rất hay: “Nếu ông cần tìm một vị pháp sư thế độ cho ông, nếu vị ấy không đáp ứng, ông có sanh phiền não hay chẳng?” Tôi thưa có. Chẳng cần tìm thầy, cũng chẳng cần tìm đạo tràng. Tôi hỏi làm như thế nào đây? [Ngài đáp]: “*Cầu Phật, Bỏ Tát gia trì!*”

Rồi Ngài dạy tôi: “*Nếu tâm ông phát là chân tâm, nguyện là chân nguyện, Phật, Bỏ Tát sẽ thay ông an bài cả một đời, ông không cần phải lo lắng chi cả, đến khi duyên thành thực, ông sẽ biết ngay!*” Đây là chuyện tốt, tôi cảm ơn thầy. Một đời chịu ân huệ của thầy! Đúng là chuyện gì cũng chẳng bận lòng, một đời tùy duyên, chẳng phan duyên. Độ mấy năm sau, quả nhiên có một vị sư phụ xuất gia đến tìm tôi, mời tôi xuất gia. Thọ giới cũng như thế. Khai giới rồi, tôi rất muốn đến thọ giới, nhưng không có duyên phận. Lúc đó, lại có người đến mời tôi đi thọ giới. Lúc đó thọ giới phải đóng lệ phí, khi tôi mới xuất gia cũng chẳng có cúng dường, khoản tiền chi phí ấy rất lớn, kiếm chẳng ra. Có người đã chuẩn bị đầy đủ mọi khoản lệ phí thọ giới đưa cho tôi, bảo tôi đi thọ giới, duyên chín muồi vậy! Cả đời bị động, chưa hề chủ động, bất luận đến địa phương nào cũng đều là bị động, tùy duyên, chẳng phan duyên, không có vọng tưởng, cuộc sống quá sướng! Rất là khoái lạc, rất tự tại, thầy dạy tôi như vậy đó!

Nếu quý vị chẳng tin tưởng thầy thì không có cách nào hết! Tự mình hằng ngày khởi vọng tưởng, cuộc sống ấy chắc chắn chẳng sung sướng, tự tại như tôi đang được hưởng. Vì thế, tôi thường rất cảm thán nói: “Người thế gian hiện thời chẳng nghe lời người xưa, chịu đựng thiệt thòi trước mắt”. Tôi được hưởng một chút tiện nghi là nhờ tin tưởng thầy, tôi rất nghe lời. Những vị thầy tôi được thân cận đúng là chân thiện tri thức, thực sự có đức hạnh, có trí huệ, có học vấn, có tu dưỡng. Cả đời tôi có ba vị thầy, mọi người đều biết cả, vị tại gia là tiên sinh Phương Đông Mỹ, những vị dạy tôi Phật pháp thì thứ nhất là Chương Gia đại sư, vị thứ hai là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Tôi học với Chương Gia đại sư ba năm, học với Lý lão cư sĩ mười năm. Cả đời chẳng trái nghịch lời thầy dạy dỗ, những gì thầy dạy tôi đều tốt lành, đều có đạo lý, quyết định

chẳng phải là ác pháp, hoàn toàn đúng với kinh giáo. Bởi thế, tự bản thân chúng tôi không có năng lực chọn lựa pháp (trạch pháp), thầy vì tôi chọn lựa pháp môn Tịnh Độ.

Sau này, tôi đọc kinh Đại Tập, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng sanh đời Mạt Pháp chọn lựa pháp môn này. Đức Phật dạy trong thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; thời kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu; thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu. Chúng ta chọn lựa pháp môn này đúng với ý Phật, rất khế hợp căn tánh của chính mình. Tôi tự chọn Di Đà Kinh Yếu Giải vì nó khế hợp với căn tánh của mình nhất. Trước kia, ở Dallas có một vị đồng học hỏi tôi:

- Đại Tạng kinh nhiều như vậy, nếu chỉ cho phép thầy chọn một môn, thầy chọn môn nào?

- Tôi chọn A Di Đà kinh, nhưng trong những chú giải kinh A Di Đà, tôi chọn sách Yếu Giải.

Tôi nhớ đã giảng Yếu Giải một lần ở Gia Châu (California), cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi thành sách Di Đà Yếu Giải Thân Văn Ký. Lúc ấy, tuổi cụ đã rất cao, cụ sống ở Tây Nhã Đồ (Seattle). Những đồng học ở bên tôi thật hiếm có, họ đem băng thâu âm lời giảng mỗi ngày gửi qua đó, từ băng giảng, cụ Lưu chép ra thành sách.

Có rất nhiều kinh luận được giảng chẳng do chủ ý của tôi. Vì nguyên nhân gì? Trong thời đại này, pháp sư giảng kinh rất ít. Có nhiều vị đồng học đến khai thỉnh, bắt buộc dĩ phải phân tâm giảng những kinh luận ấy! Nếu pháp sư giảng kinh nhiều, mỗi một tông phái đều có pháp sư giảng kinh thì quý vị biết đó: Cả đời tôi chỉ nhất định học đòi bậc cổ đại đức, một đời chuyên giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải, trở thành chuyên gia, chứ không làm bậc thông gia. Hiện tại thế giới to lớn như thế này, đến mỗi thành phố giảng một lần, giảng cả ba trăm năm cũng chưa giảng xong, có phải là rất tự tại hay chẳng?

Tôi đã thưa cùng thầy Lý chuyện này, thầy cười cười: “Ông rất tự tại, nhưng những lời sau đây rất khó nghe: Ông chẳng thể độ chúng sanh”. Tôi hỏi vì sao? Thầy dạy: “Ông có thấy lúc nào chúng sanh nhờ nghe một bộ kinh mà khai ngộ, chứng quả hay chẳng?” Thực sự chẳng có! Vì thế, lão nhân gia dạy thật chính xác, đúng là phải giúp đỡ chúng sanh, thành tựu chúng sanh, phải ở một nơi, chẳng đi cùng khắp mọi nơi được. Đây là những điều thầy dạy tôi.

A! Nay đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 17

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem đến phần Thất Bồ Đề Phần trong kinh.

Trong Thất Bồ Đề phần, phần thứ nhất là Trạch Pháp: Trạch Pháp Giác Phần. [Sách Yếu Giải giảng]: “*Thiện biệt chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, bất thủ hư ngụy pháp*” (Khéo phân biệt chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, chẳng lấy pháp hư ngụy). Trong điều này, quan trọng nhất vẫn là dạy chúng ta phải khéo chọn lựa pháp môn. Trên thực tế, chuyện này chẳng dễ dàng đâu nhé! Giống như thầy lang trị bệnh, kê toa nhất định phải phù hợp căn bệnh. Toa hoàn toàn tương ứng với bệnh thì uống thuốc vào, bệnh sẽ lành. Muốn hiểu rất rõ, muốn nắm rất chắc căn tánh của hết thầy chúng sanh, thì so với việc thầy lang chẩn đoán nguyên nhân gây bệnh càng khó khăn hơn rất nhiều. Bởi vậy, chuyện này đúng là chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu rất ráo; nếu chúng sanh gặp được Phật là một vị thầy thuốc tốt lành dường ấy thì không có vấn đề gì, trong kinh thường gọi đức Phật là Đại Y Vương. Ngài có trí huệ viên mãn, thần thông viên mãn, đức năng viên mãn, đức Phật thấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của mỗi cá nhân, Ngài làm được chuyện này rất tốt!

Bởi thế, khi đức Phật vì chúng sanh thuyết pháp, trong kinh chúng ta thường thấy, khi một bộ kinh chưa giảng xong, đã có khá nhiều thính chúng khai ngộ, chứng quả rồi. Vì sao nay chúng ta dù nghe, nhưng lại không đạt được như vậy? Đức Phật biết rõ chuẩn xác căn bệnh của chúng ta, thuyết pháp đúng với căn cơ. Nói trắng ra, sau khi Phật nhập diệt, đúng là hàng đệ tử mỗi đời sau kém hẳn đời trước. Vì sao chư Phật, Bồ Tát chẳng đến ứng hóa trong thế gian? Nói đúng ra, chư Phật Bồ Tát, đúng là vẫn ứng hóa trong thế gian, nhưng chúng sanh căn tánh bất đồng, chẳng được như trước. Trước kia, chúng sanh căn tánh sâu dày, dù đối với người, với sự, hay với vật, đều có lòng thành kính, hiện thời chẳng được vậy. Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích; mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Hiện nay chẳng có thành kính, dẫn cho Phật, Bồ Tát đến giáo hóa, chúng ta vẫn không đạt được lợi ích là vì không có tâm cung kính! Bởi vậy, trách nhiệm hoàn toàn chính nơi bản thân chúng ta, chứ chẳng phải là Phật, Bồ Tát!

Đối với Trạch Pháp, trong thời đại này chúng ta chẳng thể không lưu ý. Tự mình nhất định phải biết trình độ của bản thân, biết căn tánh của chính mình, biết hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Chúng ta tu tập pháp môn này, chúng ta chiếu theo đó tu hành, trong hiện tại sẽ giảm thiểu

chương ngại đến mức tối thiểu, mong rằng thành tựu tu học của chúng ta càng ngày càng lớn. Chẳng được nói pháp môn này hay, pháp môn nọ hay. Pháp môn nào cũng hay cả, chẳng có pháp môn nào không hay! Vấn đề là [pháp môn ấy] có thích hợp cho ta tu học, có thích hợp với hoàn cảnh sinh hoạt hiện tại của chúng ta hay không, chuyện đó mới rất quan trọng!

Tự chúng ta không có năng lực tuyển chọn, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã ban cho chúng ta rất nhiều tài liệu tham khảo. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta chọn lấy pháp môn Tịnh Độ trong thời kỳ Mạt Pháp; chúng ta hiện đang sống trong thời kỳ Mạt Pháp. Kinh luận Tịnh Độ ít nhất, kể cả những kinh do các tổ sư cận đại thêm vào, tổng cộng chỉ có năm kinh một luận. Năm kinh một luận ấy thứ nào hợp với chúng ta, chỉ chọn lấy một loại là đủ. Tu học một thứ có thành tựu thì sẽ đạt được pháp ích (lợi ích nơi pháp). Nếu vẫn còn có sức thì lại học thêm một thứ, hai thứ nữa, chẳng được lan man quá nhiều. Lan man quá nhiều thì tinh thần, tâm lực của chúng ta bị phân tán, rất khó thể thành tựu!

Ở đây, câu cuối cùng rất trọng yếu: “*Bất thủ hư ngụy pháp*” (Chẳng lấy pháp hư ngụy). Trong những pháp hư ngụy, đặc biệt là tà tri trà kiến, chẳng phải là chánh pháp. Chúng ta phải phân biệt chuyện này cho rõ ràng! Trong pháp môn Tịnh Độ, hai năm gần đây nhất, có rất nhiều người phản đối bản hội tập, chê bản hội tập là ngụy kinh, những lời lẽ ấy đúng là khiến những vị thông hiểu phải phì cười. Thế nào là ngụy kinh? Ngụy kinh là kinh do tự mình bịa đặt ra, ngụy tạo! Bản hội tập này không ngụy tạo, từng chữ từng câu đều có căn cứ, đều do chính Phật nói, sao gọi là ngụy kinh được? Nếu bảo những bản hội tập đều là ngụy tạo thì ngụy kinh quá nhiều. Hiện tại, những sám nghi (nghi thức bái sám) trong tất cả đạo tràng, cho đến khóa bản đề tụng trong khóa lễ sáng tối đều là những bản hội tập, vậy thì toàn bộ đều ngụy kinh. Vậy thì những gì Phật pháp thực hành trong hơn hai ngàn năm đều là tầm bậy ư? Có đạo lý ấy hay chẳng? Chẳng thể nói tùy tiện như vậy được! Nói năng là cả một môn học vấn lớn.

Trong nền giáo dục của Khổng lão phu tử, ngôn ngữ là khoa thứ hai, đức hạnh là khoa thứ nhất. Do đây biết rằng: Ngôn ngữ được coi là rất quan trọng. Cát - hung, họa - phúc, ngôn ngữ chiếm quá nửa. Thiện ngôn, thiện hạnh công đức vô lượng. Nếu như vọng ngữ, nói đôi chiều, tội lỗi vô biên, chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể không biết. Nếu nói bản hội tập là ngụy kinh, chính là nhục mạ toàn bộ tổ sư đại đức trong quá khứ! Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Vương Long Thư

được xếp vào Càn Long Đại Tạng Kinh. Trong quá khứ, những kinh điển được xếp vào Kinh Tạng, phải được tất cả cao tăng đại đức đương thời thẩm tra, xem xét, công nhận là không sai sót mới được đưa vào Kinh Tạng. Những ý kiến thẩm sát được gửi lên hoàng đế, hoàng đế phê chuẩn nhập tạng. Bởi thế, “*được nhập tạng*” (được đưa vào Đại Tạng Kinh) là tiêu chuẩn tuyệt đối, nguy kinh làm sao đưa vào Tạng được?

Nói đây là nguy kinh, không phải là nhục mạ toàn bộ cao tăng đại đức [đã tham gia] thẩm sát hay sao? Đúng là một mẻ lưới bao trùm hết. Giống như cho rằng hiểu Phật pháp chỉ có một mình anh thôi, ngoại trừ anh ra, mắt tổ sư đại đức đều mù hết. Quý vị phải biết tội đó rất nghiêm trọng! Chẳng biết nhân quả đáng sợ; Phật, Bồ Tát tha thứ cho quý vị, nhưng nhân quả chẳng tha đâu! Phật, Bồ Tát từ bi, “*tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*” (người đời trước không biết, chẳng biết đạo đức, chưa từng nói đến, chẳng có lạ gì). Người thực sự có học vấn, có đức hạnh nghe đến những lời đó, trông thấy chuyện như vậy, chỉ cảm thán mà thôi. Đáng tiếc anh chưa được thân cận thiện tri thức chân chánh, không ai dạy cho anh, đúng là tự mình nhìn lầm, chứ người khác không lầm. Chuyện này rốt cuộc ai đúng ai sai, tự có người đời sau phân định, chẳng phải trong đương thời mà lịch sử sẽ phán xét.

Điều thứ hai trong Thất Bồ Đề Phần là: “*Tinh tấn, thường cần u chân chánh, bất thủ vô ích khổ hạnh*” (Tinh tấn là thường siêng năng chân chánh, chẳng giữ lấy khổ hạnh vô ích). Cả bảy điều đều dựa trên Huệ Căn, Huệ Lực trong Ngũ Căn, Ngũ Lực, trí huệ hiện tiền; nhưng quý vị phải hiểu Ngũ Căn, Ngũ Lực dựa vào đâu? Dựa vào Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc ở trước đó. Ba mươi bảy Đạo Phẩm có thứ tự, nếu không có khoa trước, chắc chắn chẳng có khoa sau. Nay chúng ta không có năng lực chọn lựa, vì sao? Không có trí huệ! Vì sao không có trí huệ? Không tu Ngũ Căn, Ngũ Lực. Vì sao chẳng thể tu thành công Ngũ Căn, Ngũ Lực? Đều vì chẳng dốc sức nơi Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc ở phần trên; chúng là cơ sở của những cơ sở.

Học nhân thời cô, bất luận tại gia hay xuất gia, gặp được chân thiện tri thức, thầy tốt, đúng là theo thứ lớp dạy dỗ, bồi dưỡng, thành tựu. Trí huệ của quý vị chưa mở mang, thầy giúp đỡ. Đến khi nào chính quý vị đã mở mang trí huệ, sẽ có năng lực quyết định chọn lựa pháp môn. Lúc ấy bèn tinh tấn, siêng năng chân chánh. Trong Tịnh tông, chân chánh là một câu Phật hiệu; chư Phật Như Lai, cổ thánh tiên hiền dạy

chúng ta phương pháp này chính là pháp Trì Danh Niệm Phật trong bốn cách niệm Phật. Cận đại, Ấn Quang đại sư cực lực đề xướng, hồng dương, khuyên dạy chúng ta niệm Phật.

Lão pháp sư Đệ Nhàn dạy ông thợ vá nồi đừng khổ hạnh vô ích, phương pháp của Ngài rất hay! Một câu A Di Đà Phật ấy niệm đến khi mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp, khiến cho thân thể, tinh thần của quý vị chẳng hề có mảy may áp lực nào, nhưng cần phải buông xuống vạn duyên. Ta đến trong thế gian này, chuyện gì đã qua bèn cho qua luôn, nhất định không kéo trở lại nữa, sau này ta còn có thể sống thêm được mấy năm nữa? Thời gian quý báu hơn bất cứ thứ gì khác, phải thực sự giác ngộ! Thân, tâm, thế giới, hết thầy buông xuống hết, bất cứ sự gì dù thế gian hay xuất thế gian đều chẳng ăn nhằm gì đến ta, ta nhất tâm niệm Phật, sống được một ngày bèn niệm một ngày, nhất định thành công!

Niệm Phật chẳng thể vãng sanh là vì nguyên nhân nào? Vị chỉ dạy đầu tiên hết là Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp “*đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Nhiếp trọn sáu tâm là gom cái tâm lại. Đó là buông xuống vạn duyên! Thân hồi con mắt từ nơi Sắc Trần lại, thân hồi cái tai từ nơi Thanh Trần lại, sáu căn chớ đeo đuổi bên ngoài, thân hồi lại, nhất tâm chuyên niệm. Đại Thế Chí gọi đó là “*nhiếp trọn sáu căn*”, tức là như Mạnh tử nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn không có gì khác, cốt sao thân hồi được cái tâm đã phóng dật mà thôi). Đó là học vấn thực sự, thân hồi sáu căn lại, chẳng phan duyên nơi cảnh giới lục trần là đúng. Đó gọi là “*nhất tâm chuyên niệm, nhất hướng chuyên niệm*”, chỉ một phương hướng, chỉ một mục tiêu, chẳng xen tạp! “*Bất hoại nghi, bất giáp tạp, bất gián đoạn*” (không hoại nghi, không xen tạp, không gián đoạn) là “*tịnh niệm tiếp nối*”. Tịnh là không xen tạp, tiếp nối chẳng gián đoạn.

Chín chữ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói có cùng một ý nghĩa với lời dạy của Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong tập sách nhỏ Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói: “*Bất hoại nghi, bất giáp tạp, bất gián đoạn*” (Không hoại nghi, không xen tạp, không gián đoạn) rất dễ hiểu! Bí quyết niệm Phật là đây. Nếu thực sự làm được như thế thì gọi là chân tinh tấn, vạn người tu vạn người vãng sanh. Chớ có suy nghĩ bậy bạ! Cả đống nghi vấn! Chúng tôi thường thấy các đồng tu đến hỏi, [than thở bản thân họ] nghiệp chướng sâu nặng, nhưng nghiệp chướng nặng nề là ở chỗ nào? Nghiệp chướng là như thế này đây: Lo

lãng, ngờ vực quá nhiều, chẳng thật thà! Tâm không định được! Nếu công phu đặc lực, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, người ấy tuyệt đối chẳng đến tìm tôi! Vì sao chẳng tìm tôi? Tôi chẳng bằng họ, họ tìm tôi để làm gì? Người ta muốn thành Phật ngay lập tức, tôi tụt sau họ, họ tìm những gì ở trước chứ tìm đằng sau làm gì? Họ nhất định tìm những gì cao minh hơn, chẳng thể tìm kẻ kém họ!

Quý vị phải biết giảng kinh không bằng Niệm Phật! Niệm Phật công phu đặc lực đúng như lão hòa thượng Đệ Nhàn nói (lão hòa thượng Đệ Nhàn là pháp sư giảng kinh), Ngài thấy người đồ đệ làm thợ vá nồi của mình vãng sanh, Ngài cảm thán. Ngài nói gì? *“Thành tựu của ông cao hơn phương trượng trụ trì các tông lâm trong thiên hạ nhiều lắm, những thiện tri thức hoằng Tông nghiên Giáo (hoằng dương Thiền tông, nghiên cứu Giáo Hạ) trong thiên hạ, những pháp sư ấy chẳng bằng được ông!”* Đúng vậy, nói không sai, kể cả chính bản thân Ngài. Người thợ vá nồi duyên tốt, thực sự làm được! Duyên của pháp sư Đệ Nhàn chưa được, Ngài muốn niệm Phật, người ta đến thỉnh giáo, người ta thỉnh mình đi giảng kinh, mình làm cách nào đây? Người thợ vá nồi không ai biết đến, chắc chắn không có ai tìm. Ông ta không biết chữ, đó là duyên thù thắng. Do đây, chúng ta chẳng thể không hiểu rõ: Nổi danh, tiếng tăm lớn có tốt hay chẳng? Không tốt đâu!

Lúc càng nổi danh, chướng ngại càng nhiều! Người tìm đến mình nhiều quá, bị người ta tìm thì bận rộn, khiến cho công phu của mình bị gián đoạn, khiến mình bị xen tạp, công phu chẳng thuần. Dù có vãng sanh, phẩm vị cũng không cao. Nếu như quý vị thực sự hiểu được đạo lý này, quý vị có còn muốn tranh danh hay chẳng? Tranh danh, tranh lợi chỉ khiến cho chính mình chuốc phiền, những điều này đều phải có trí huệ chân thật mới hiểu rõ nổi, không có trí huệ chân thật là không xong! Người thế gian ngõ danh lợi là tốt, đối với người tu đạo, danh lợi là chướng ngại, đại chướng ngại, chướng ngại quý vị tinh tấn. Vì thế, phương pháp ấy của lão hòa thượng Đệ Nhàn hết sức đáng tuân thủ.

Trước kia, tôi ở rất nhiều đạo tràng tại Mỹ quốc, tôi đều khuyên mọi người dùng phương pháp sau đây, họ bảo tôi phương pháp này hết sức hay. Cùng tu một chỗ, dẫn cùng tu chung một chỗ vẫn là mỗi người mỗi tu, chỉ có âm thanh niệm Phật, âm điệu thống nhất. Ngoài ra, đều tùy thuộc vào sự thuận tiện cho chính mình. Một Niệm Phật Đường chia thành ba khu vực: Trong đó một bộ phận đối trước tượng Phật lễ Phật, đó là khu vực lễ Phật. Hai bên Phật đường, dựa sát tường là khu vực tịnh tọa. Giữa khu vực tịnh tọa và lễ Phật là khu vực nhiều Phật. Anh thích

nhiều Phật thì đi nhiều Phật theo đường đó. Anh nhiều Phật mệt rồi, muốn ngồi xuống nghỉ một chút, “chỉ tịnh” nhìn vách, đi đến bên tường anh bèn ngồi xuống. Chỉ có người nhiều Phật niệm Phật ra tiếng, người tịnh tọa không niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm, hoặc niệm theo lời Kim Cang Tri: Miệng động, nhưng không vang ra tiếng, dưỡng thần, khôi phục thể lực. Lễ Phật chẳng niệm ra tiếng, nghe âm thanh Phật hiệu, hoặc là cứ một câu Phật hiệu lễ một lạy, hoặc hai câu Phật hiệu lễ một lạy. Lễ Phật nhanh hay chậm miễn sao tiện cho chính mình.

Phương pháp này tốt hơn bất cứ phương pháp nào khác, đúng là già trẻ đều thích hợp. Người già cả thể lực yếu, tốc độ lễ Phật rất chậm, người trẻ tuổi lễ Phật rất mau. Nếu quý vị muốn gỡ dẫn khánh, cùng lúc lạy xuống, cùng lúc đứng lên; có lúc người cao tuổi theo không kịp, ắt sanh phiền não. Bởi vậy, chúng tôi không dùng dẫn khánh, mỗi người tự lễ, hoàn toàn không có áp lực, hoan hỷ! Hết sức thích hợp cho xã hội hiện thời, cốt ý chẳng giữ những khổ hạnh vô ích. Nói thật ra, những khổ hạnh ấy đối với chúng ta vô ích, chúng tôi không dùng.

Hỷ Giác Phần: “*Trụ chân pháp hỷ, bất y điên đảo chi pháp nhi hỷ*” (Trụ vào chân pháp hỷ, chẳng vui theo pháp điên đảo). Chân pháp hỷ thì công phu tu học đặc lực, sự hỷ duyệt ấy từ nội tâm lưu xuất; “*vui nơi pháp điên đảo*” nghĩa là gì? Chính là những gì kích động bên ngoài! Người thế gian ham thích ngũ dục, lục trần, chỗ vui chơi, dạ hội trong thế gian. Lúc tôi ước chừng hai mươi tuổi, lúc đó vừa mới ra trường, từng ở Thượng Hải bốn tháng. Tối đến, bè bạn thường cùng nhau đi hộp đêm (nighclub) chơi, những hộp đêm đó là những nơi chốn “*vui theo pháp điên đảo*”. Những nơi ca vũ, những nơi hí kịch đều là “*vui do nương theo pháp điên đảo*”.

Trụ trong chân pháp hỷ, nương vào giáo huấn của thánh hiền để tu hành; trong tu hành có pháp hỷ, công phu đặc lực có pháp hỷ, đặc định, khai huệ. Nghiên cứu kinh giáo cũng có pháp hỷ, khế nhập cảnh giới, pháp hỷ sung mãn. Thánh hiền thế gian đọc sách của thánh hiền thế gian khế nhập cảnh giới, Phu Tử nói cũng chẳng vui ư: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường thực hành, cũng chẳng vui ư?). Đó là nương theo chánh pháp mà sanh lòng hoan hỷ. Hỷ trong Thất Giác Chi chẳng phải là sự vui mừng thông thường, không có nghĩa như vậy. Hỷ lạc như vậy chẳng gọi là Giác Chi, chẳng ăn nhập, chẳng dính dáng gì tới Bồ Đề cả. Nhất định phải tương ứng với Giới - Định - Huệ, phải là Pháp Hỷ.

Thứ tư là Trừ Giác Chi, Trừ (除) là đoạn trừ. “*Đoạn trừ chu kiến*

phiền não, bất tổn chân chánh thiện căn” (Đoạn trừ các kiến phiền não, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh), phải hiểu điều này! Vừa đoạn trừ phiền não vừa chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh bằng cách nào đây? Chỗ này quý vị nhất định phải hiểu. Trong kinh luận, đức Phật nói rất nhiều, chúng ta nghe cũng đã quen tai: “*Phiền não tức Bồ Đề*”. Quý vị thấy trong Thất Bồ Đề Phần, nếu phiền não chính là Bồ Đề, phải đoạn trừ phiền não thì chẳng phải là Bồ Đề cũng cần phải đoạn u? Thiện căn bị tổn thật rồi! “*Đoạn các kiến phiền não*”, các kiến ở đây là tà kiến, lại còn “*chẳng tổn thiện căn chân chánh*”, nghĩa là sao? Chuyển phiền não thành Bồ Đề thì phiền não không có nữa, phiền não biến thành Bồ Đề, duyên do là như thế.

Chuyển như thế nào? Ở đây là giác và mê, lúc mê là phiền não, sau khi giác ngộ là Bồ Đề. Chúng tôi nêu thí dụ dễ hiểu nhất! Dường như trong cuộc đời của mỗi một vị đồng học đều gặp phải người khác hữu ý hay vô ý hủy báng mình, quý vị nghe xong rất tức giận; đó là sanh phiền não. Người ta hủy báng quý vị, quý vị tiếp nhận. Trong tâm quý vị sanh sân hận, lại còn nghĩ cách báo thù, ấy là sanh phiền não. Nếu quý vị đã giác ngộ, quý vị chẳng thêm để ý. Càng hủy báng nghiêm trọng, quý vị càng niệm A Di Đà Phật, tôi thường nói quý vị phải cảm tạ người đó. Vì sao? Người ta tiêu nghiệp chướng thay cho quý vị! Quý vị thấy đó: Phiền não chẳng có thì Bồ Đề bèn sanh khởi! Trong những thí dụ giống như vậy đó, thì một niệm là giác hay mê; một niệm giác thì phiền não bèn chuyển thành Bồ Đề!

Tai nạn nghiêm trọng nhất là như trong kinh Phật đã kể: Nhẫn Nhục tiên nhân gặp phải vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Đó là tai nạn nghiêm trọng nhất, đúng là oan uổng! Nhẫn Nhục tiên nhân chẳng có chút lầm lỗi gì, có sao vua Ca Lợi lại nổi nóng? Vì sao lại phát sanh sân tâm lớn như thế, xử tử Nhẫn Nhục tiên nhân? Câu chuyện này được chép tường tận trong kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh Kim Cang chỉ nhắc tới, chứ không nói kỹ. Vua Ca Lợi dẫn theo rất nhiều đại thân văn võ và quyền thuộc trong cung đi săn, cũng đáng là chuyện rất cao hứng, rất hưng phấn. Những cung nữ được vua dẫn theo gặp Nhẫn Nhục tiên nhân, trông thấy một vị tu đạo khổ hạnh trong núi, rất hiếu kỳ, bèn hỏi han tiên nhân. Nhẫn Nhục tiên nhân thuyết pháp cho họ, họ nghe pháp hết sức hoan hỷ. Vua Ca Lợi thấy như vậy, đương nhiên [trong số những tùy tùng của vua] cũng có oan gia đối đầu, tâu “*gã này giả tu hành, chứ không phải thật tu, đang trêu gheo cung nữ*”. Vua Ca Lợi nghe xong, hết sức giận dữ, truyền xử tử hình, xử tử bằng cách lăng trì.

Đây là oan uổng rất lớn, si nhục rất lớn, nhưng Nhẫn Nhục tiên nhân giác chứ không mê, chẳng những không hận vua, tâm không oán hận một chút nào, Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn, chẳng hề có mảy may tâm báo thù, Trì Giới Ba La Mật viên mãn, lại còn cảm tạ vua Ca Lợi, phát nguyện: “*Trong tương lai tôi thành Phật, người thứ nhất tôi sẽ độ chính là nhà vua*”. Đó chẳng phải là “*đoạn các kiến phiền não, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề*” ư? Chẳng những [thiện căn] không bị tổn, mà còn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề! Chúng ta phải nhớ kỹ, nghịch cảnh ác duyên thường gặp phải, khi gặp rồi, quý vị hãy nghĩ Phật, Bồ Tát thị hiện, dạy chúng ta phải xử sự trong nghịch cảnh, đối xử với ác duyên như thế nào, phải học theo trí huệ cao độ của Phật, Bồ Tát, chuyển phiền não thành Bồ Đề.

Tiếp đến là Xả Giác Chi. “*Xả sở kiến niệm trước cảnh, vĩnh bất truy ức*” (Bỏ chấp trước vào những cảnh đã trông thấy hay nghĩ đến, vĩnh viễn chẳng nhớ lại). Giữa Xả và Trừ thì: Trừ là đối nội, bên trong ta có sân khuê, báo thù, thì đó là phiền não bên trong. Xả là đối với cảnh giới bên ngoài, tức cảnh giới ngũ dục, lục trần bên ngoài thường dụ dỗ, mê hoặc ta, ta trông thấy hay nghe thấy, nhưng chẳng chấp vào tướng. Đối với những cảnh giới ấy, quý vị chẳng chấp tướng, cảnh nào đã qua, vĩnh viễn chớ nên hoài niệm. Cứ mỗi lần quý vị hoài niệm là lại gieo một chủng tử vào A Lại Da Thức, đó là tạo nghiệp! Khâu không tạo, thân cũng không tạo, nhưng ý tạo nghiệp. Phải thường nhớ rằng: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng); đức Phật giảng chân tướng sự thật như thế. Phàm phu rất khó giác ngộ, rất khó liễu giải. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đúng là thiên ngôn vạn ngữ, nhưng Ngài chẳng ngừng lập đi lập lại những điều quan trọng nhất, chúng ta nghe đã quen tai, nhưng chẳng thể thọ dụng, hễ cảnh giới hiện tiền bèn mê lập tức. Vì sao biết là mê? Vọng tướng, phân biệt, chấp trước sanh khởi, vô dụng!

Các nhà khoa học hiện tại cũng rất cần cù, họ dùng phương pháp khoa học, dùng cách suy đoán cao sâu của Toán Học để dần dần làm sáng tỏ đôi chút Thật Tướng của các pháp như đã được nói trong kinh Phật. Ví dụ như Phật nói “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Những điều này mọi người nghe quá quen rồi, kinh Kim Cang nói như vậy. Hiện thời, các nhà khoa học phát hiện (cư sĩ Chung Mậu Sâm hỏi trước đã

từng giảng diễn về chuyện này ở đây) rằng dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian sẽ bằng zéro. Kinh Đại Thừa thường nói thời gian dài vô lượng kiếp, một sát-na là thời gian ngắn ngủi. Vô lượng kiếp có thể rút ngắn thành một sát-na, một sát-na có thể triển khai thành vô lượng kiếp. Thời gian không còn nữa!

Cõi Phật ở phương khác khoảng cách xa xôi, như kinh Di Đà đã nói: Sa Bà cách Cực Lạc mười vạn ức cõi Phật. Trong cảnh giới nào đó, chúng ta ngồi ở đây, A Di Đà Phật ở đâu? Ở ngay trước mặt chúng ta. A Di Đà Phật không đến, ta cũng không đi, nhưng ở ngay trước mặt nhau, vậy là xa - gần không còn nữa, không gian không còn nữa. Hiện tại, do suy luận Toán Học, các khoa học gia thấy dưới một điều kiện nào đó, không có không gian, không có xa - gần, không có quá khứ, hiện tại, vị lai, không có thời gian. Kinh Phật nói như vậy, khoa học gia gật đầu: “Tin tưởng được!” Nói đến khởi nguyên của vũ trụ là như thế nào, các nhà khoa học cũng dần dần phát hiện giống như kinh Phật dạy: “*Nhất thời đốn hiện, sát-na chẳng trụ*”. Dần dần khoa học cũng chứng minh được những chuyện này.

Dẫu họ chứng minh được, chứng minh trên mặt lý luận thì không có vấn đề gì: “Có khả năng có những chuyện như vậy!”, nhưng họ chẳng thể khế nhập cảnh giới ấy. Những cảnh giới kinh luận dạy cho chúng ta biết đều thuộc về định lực rất sâu. Định lực rất sâu làm cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta đều bị đoạn trừ hết, chân tướng của vũ trụ hiển hiện rõ ràng. Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật thường gọi chân tướng sự thật là “*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*”. Sự giải thoát ấy là đại tự tại, đại tự tại chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có xa - gần, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng có sanh - diệt; tức là “*bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị*” (không sanh, không diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, không một, không khác); Trung Quán Luận gọi là “*bát bát*”. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, là cảnh giới Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới là một, chứ không phải hai, lạ lùng lắm! Một niệm giác thì thế giới này đúng là Nhất Chân pháp giới; một niệm mê, thế giới này là ngũ trược ác thế. Thế giới không có giác hay mê, giác hay mê, nhiễm hay tịnh là do chính mình.

Bởi vậy, như chúng tôi thường nói Xả là buông xuống, buông xuống vạn duyên, buông thân tâm thế giới xuống, quan trọng nhất là buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì sao? Cảnh giới bên ngoài không chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Chướng ngại là

do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước phát sanh. Do đây biết rằng: Chướng ngại chẳng do cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài không chướng ngại. Phàm phu chúng ta lầm lạc, cứ tưởng chướng ngại ở bên ngoài; đức Phật dạy chúng ta cảnh giới bên ngoài không gây chướng ngại.

Thứ sáu là Định Giác Phần: “*U chur Thiên Định cảnh giới, bất sanh ái kiến vọng tưởng*” (Trong các cảnh giới Thiên Định, chẳng sanh ái kiến vọng tưởng). Câu sau hết sức quan trọng. Cảnh giới Thiên Định hết sức khoái lạc, Thiên Duyệt làm thức ăn mà! Bởi thế, lắm người đắc Thiên Định chẳng thể nâng công phu lên một mức cao hơn là vì tham đắm cảnh giới Thiên Định. Tứ Thiên Bát Định là như vậy, họ chẳng thể ra khỏi luân hồi, đắm say mùi vị Thiên Định, vị ấy là pháp vị. Chấp vào đó, chấp không chịu bỏ, trong Phật pháp thường gọi là “chấp tướng”. Do chấp tướng nên sanh khởi tham ái. Tham ái vẫn là vọng tưởng. Bởi thế, phải đặc biệt cảnh tỉnh chính mình: Quý vị có trí huệ cao độ thì trong bất luận cảnh giới Thiên Định nào, quý vị cũng có thể hưởng thụ, nhưng chớ nên chấp trước; vậy mới là đúng, chẳng nầy sanh một chút tác dụng phụ nào. Cảnh giới hiện tiền của chúng ta cũng như vậy, chúng ta có thể hưởng thụ cảnh giới ấy, nhưng chớ nên chấp trước. Nếu quý vị sanh khởi phân biệt, chấp trước, thì là làm mất rồi, rắc rối xảy ra liền.

Cuối cùng là Niệm Giác Chi. Niệm Giác Chi là “*Định Huệ cân bằng*”. Nếu Định vượt quá Huệ bèn hôn trầm; Huệ vượt quá Định bèn lao chao. Lao chao là trong tâm vọng niệm toi bời. Có hiện tượng vọng niệm toi bời là Huệ nhiều Định ít. Hôn trầm là Định nhiều, Huệ ít. Vì thế phải luôn giữ cho Định Huệ quân bình, đều là thuộc về trí huệ.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Phần trên chúng tôi đã giới thiệu Thất Bồ Đề Phần; bình thường dụng công tu học bất cứ một pháp môn nào thì Thất Bồ Đề Phần luôn là nguyên lý nguyên tắc. Trong cuộc sống thường nhật, xử sự, đãi người, tiếp vật, quan trọng là phải biết sử dụng [những nguyên tắc đó], biết tu luyện trong sinh hoạt thường nhật, dùng sự việc để luyện tâm! Nói thật ra, trong năm mươi ba lần tham học, Thiện Tài đồng tử đã thực hiện công phu ấy rất thuần thực, chúng ta cũng phải học tập điều này.

Đoạn cuối cùng, “*Bát Thánh Đạo phần*”. “*Bát Thánh Đạo, hựu*

đanh Bát Chánh Đạo, tu học thành tựu, chánh trí hiện tiền, giác bất mê đã” (Bát Thánh Đạo, còn gọi là Bát Chánh Đạo, tu học thành tựu, chánh trí hiện tiền, giác chứ không mê). Bất luận tu học pháp môn nào, quý vị nhất định phải dựa vào Căn và Lực; để có thể điều tiết thân tâm qua việc tu tập trong cuộc sống hằng ngày thì nhất định phải có Thất Bồ Đề phần; chúng giúp quý vị biến chuyên cảnh giới, thành tựu công phu chân thật. Bát Chánh Đạo là “chánh trí hiện tiền”, quý vị mới có thể thực sự đạt đến “giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm”. Trong Giác - Chánh - Tịnh, hề đạt được một điều thì hai điều kia đều đồng thời đạt được. Người giác chứ không mê nhất định chẳng tà tri tà kiến, nhất định chánh chứ không tà, tâm địa nhất định thanh tịnh, tịnh chứ không nhiễm. Nếu tâm địa người ấy nhiễm ô là không giác, nếu kiến giải bất chánh thì người ấy cũng không giác. Vì thế một mà ba, ba nhưng một, đạt được một điều bèn đạt được hết.

Trước hết, chúng ta xem điều thứ nhất trong Bát Chánh Đạo: “Chánh Kiến: Tu vô lậu hạnh quán, kiến Tứ Đế phân minh” (Chánh Kiến: Tu vô lậu hạnh quán, thấy Tứ Đế phân minh). Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não. Thế nào là Vô Lậu? Nói đơn giản nhất, dễ hiểu nhất thì Lậu là tên gọi khác của phiền não. Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Như vậy, nếu nói theo kinh Hoa Nghiêm thì mọi người sẽ dễ hiểu: Lậu là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vô Lậu là không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị quan sát vũ trụ, nhân sinh, hết thấy sự, hết thấy người, hết thấy vật trong cuộc sống thường nhật trọn chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đó là “tu Vô Lậu Quán”.

Kiến giải chính xác, chánh trí chánh kiến, quý vị “thấy Tứ Đế phân minh”. Tứ Đế là hai thứ nhân quả. “Khổ, Tập” là nhân quả thế gian; “Diệt, Đạo” là nhân quả xuất thế gian. Chúng tôi thường nói: Tánh - tướng, sự - lý, nhân - quả trong vũ trụ rõ ràng, rành mạch, phân minh; đó là Chánh Kiến. Nói theo cách của người hiện thời thì là “có Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan chính xác”. Nói đúng ra, người thế gian không hề có Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan chân chánh. Vì sao không có? Vì bị vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xen tạp vào đó, chẳng thấy rõ rệt chân tướng. Đức Phật đúng là tuyệt diệu! Đức Phật dạy chúng ta trừ bỏ chướng ngại, quan sát chính xác thì mới thực sự thấy được chân tướng. Đó là Chánh Kiến.

Thứ hai là Chánh Tư, còn gọi là Chánh Tư Duy. “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri, thị Tư*” (Bát Nhã vô tri nhưng không gì chẳng biết, là Tư). Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng là “*dĩ vô lậu tâm tương ứng tư duy, động phát giác tri trừ lượng, vị linh tăng trưởng nhập đại Niết Bàn*” (dùng sự tư duy tương ứng với tâm vô lậu để khởi lên sự nhận biết, tính toán, ngộ hầu tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn). Đó là Chánh Tư Duy. Chúng tôi giải thích đơn giản hơn, dễ hiểu hơn, nhưng không trái nghịch ý nghĩa. Tôi dùng kinh Bát Nhã để nói: “*Bát Nhã vô tri*”. Vô Tri là Căn Bản Trí, Vô Tri là Thiên Định rất sâu, chứ không phải là chẳng biết gì cả, nó biết chứ! Nhưng nó không khởi tác dụng, tác dụng ấy là Tự Thọ Dụng, chưa phải là Tha Thọ Dụng. Hiểu rõ hết thấy nhưng lại như như bất động, trong kinh Đại Thừa chúng ta thường đọc thấy: “*Tịch mà thường chiếu, chiếu nhưng thường tịch*”. Bát Nhã vô tri là như vậy đây.

Tịch là một niệm chẳng sanh, Chiếu là rành rẽ, rõ rệt, minh bạch, tỏ tường. Giống như gì? Giống như nước, gió im, sóng lặng, nước thanh tịnh, chẳng ô nhiễm mây may, giống hệt như một tấm gương, thường chiếu, thường tịch! Nước chẳng lay động một chút nào, chúng ta nghĩ xem trong cảnh giới ấy, nước giống như gì? Như tâm! Lúc tâm tịch tĩnh bất động bèn chiếu, chẳng phải là không chiếu, tự nhiên chiếu, chẳng phải hữu ý chiếu, cũng chẳng phải vô ý, hữu ý lẫn vô ý đều không có, nó vốn sẵn là như vậy. Bởi thế, trong Phật pháp thường nói: “*Pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như thế). “*Pháp nhĩ như thị*” nghĩa là tự nhiên, vốn sẵn là như thế. Một tấm gương chiếu rất rõ ràng, rành rẽ, cảnh giới ấy thuộc về quả địa của chư Phật Như Lai.

Chẳng những Phật đã nhập cảnh giới ấy, chúng tôi nói mọi hàng Bồ Tát Tịch Diệt Nhẫn cũng đều nhập cảnh giới ấy. Tịch Diệt Nhẫn là Pháp Vân Địa Bồ Tát, những Đẳng Giác Bồ Tát đều thuộc cảnh giới ấy, cao hơn cảnh giới Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nếu đem Vô Sanh Pháp Nhẫn so với Tịch Diệt Nhẫn thì Tịch Diệt Nhẫn giống như nước hoàn toàn lặng yên, chẳng động chút nào; còn Vô Sanh Pháp Nhẫn vẫn còn một chút lăn tăn. Quý vị phải rất chú tâm mới có thể nhận biết; nếu không chú tâm thì về căn bản quý vị chẳng biết tâm mình đang động. Dù sóng gợn rất nhẹ, vẫn có thể chiếu được cảnh giới bên ngoài rất rõ ràng. Chúng ta thấy mặt hồ lặng yên khi im gió, mặt hồ phản chiếu bóng núi soi ngược xuống, cảnh ấy hết sức đẹp. Nếu quý vị nhìn kỹ vẫn thấy mặt hồ gợn sóng lăn tăn, dầu chẳng phải là sóng lớn, nhưng chưa phải là hoàn toàn bình lặng, điều đó giống như cảnh giới của Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Cảnh giới Tịch Diệt Nhẫn dầu chỉ một tí sóng gợn cũng không có. Bát Nhã vô tri

giống như thế đó, “*không gì chẳng biết*” là khởi tác dụng. Quý vị đồng học nhất định phải hiểu: Đối với chư Phật, Bồ Tát, đừng nói đến những Bồ Tát nào khác, hễ là Vô Sanh Pháp Nhãn Bồ Tát thì phải là từ Thất Địa Bồ Tát trở lên.

Tịch Diệt Nhãn của Phật, Bồ Tát đúng là trọn pháp giới khắp hư không giới, hễ nơi nào có chúng sanh Cảm (tức là có duyên, có cảm đối với Phật, Bồ Tát), Phật, Bồ Tát lập tức hiện thân thuyết pháp ở nơi đó. Hiện thân là Ứng Hóa Thân. Đáng dùng thân nào để [người nghe pháp đắc] độ, bèn hiện thân đó, tuyệt đối chẳng nghĩ ta phải hiện thân nào! Không hề có ý tưởng như vậy, hoàn toàn tự nhiên! Nếu quý vị phải nghĩ “ta muốn hiện thân nào?” thì quý vị là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. Chúng ta nghĩ không ra [cảnh giới siêu việt ấy] nên nói là “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Hiện thân hữu tình, hiện thân vô tình. Ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát thực sự chẳng hề khởi tâm, chẳng hề động niệm, tức là Ngài vĩnh viễn trụ trong cảnh giới tịch tĩnh.

Ngài đến ứng hóa bên chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này thị hiện tám tướng thành đạo, Ngài có thực sự động niệm hay chẳng? Không hề có! Nếu Ngài thực sự động niệm là bị thoái chuyển mất rồi, thoái chuyển với một mức độ rất lớn. Thực sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, Ngài vĩnh viễn trụ trong Tịch Diệt Nhãn, trong thanh tịnh tịch diệt, tự nhiên hiện thân. Hiện thân, khởi tác dụng là “*không gì chẳng biết*”. “*Không gì chẳng biết*” do đâu mà có? Không đâu chẳng biết là do “*vô tri*” mà có. Bởi đâu đức Phật có trí huệ lớn lao đến như thế? Bất luận ai, bất luận nghi nan tạp chứng cỡ nào, cứ đến thỉnh giáo đức Phật, đức Phật lập tức giải đáp, chưa hề nghĩ ngợi gì, không hề có! Hễ quý vị hỏi là đức Phật lập tức đáp ngay; tại sao vậy? Tịch Diệt Nhãn giống như chúng tôi vừa mới nói: Nước hồ bình tịnh, không có chút sóng gợn nào, chiếu rất rõ ràng. Nếu quý vị hỏi Phật, Phật có biết chẳng? Đương nhiên biết rất rõ!

Còn quý vị vì sao không rõ? Vì tâm quý vị chẳng thanh tịnh! Chúng sanh và Phật có cùng một tâm, nhưng tâm Phật thanh tịnh chẳng khởi sóng mồi, tâm chúng sanh nổi ba đào vô minh. Ba đào không nhỏ đâu, bốn mươi một phẩm vô minh chẳng phải là ba đào nhỏ nhất, “*phân biệt*” là sóng gió lớn, “*chấp trước*” là ba đào đáng kinh hãi. Quý vị thấy chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thật phiền quá! Do vậy, cái gì cũng chẳng rõ, Phật, Bồ Tát có đến dạy ta, ta nghe cũng chẳng hiểu rõ. Các Ngài vì ta thị hiện, chúng ta cũng chẳng thấy rõ. Vì nguyên nhân nào? Tâm thủy của ta ba đào cuộn cuộn, sóng to, gió lớn. Gió là gì?

Là gió cảnh giới thời động, chẳng kháng cự được sự dẫn dụ, mê hoặc của cảnh giới bên ngoài. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng lập tức khởi tâm động niệm, một chút công phu định lực cũng chẳng có. Không có công phu định lực thì một tí trí huệ cũng chẳng thể có!

Huệ do đâu mà có? Huệ từ Định mà có, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Bởi thế, đức Phật có Chánh Tư Duy, Pháp Thân Bồ Tát có Chánh Tư Duy, minh tâm kiến tánh. Các Ngài có Chánh Tư Duy, nghĩa là các Ngài suy nghĩ đúng đắn, như phần trên đã nói đến Chánh Kiến (kiến giải đúng đắn), tư duy như vậy là chánh tri. Trong nhà Phật thường nói “chánh tri chánh kiến”, chánh tri là Chánh Tư Duy, chánh kiến chính là Chánh Kiến trong Bát Chánh Đạo. Cách nghĩ, cách nhìn của quý vị không sai lầm, hoàn toàn là trí huệ. Tôi nói như vậy chắc quý vị dễ hiểu.

Thứ ba là Chánh Ngữ: “*Trừ tứ tà mạng, nhiếp chư khẩu nghiệp, danh Chánh Ngữ*” (Trừ bốn thứ tà mạng, nhiếp các khẩu nghiệp gọi là Chánh Ngữ). Thế nào là bốn thứ Tà Mạng? Trong Chú Giải có giải thích, trong Phật Học Đại Từ Điển và Giáo Thừa Pháp Số cũng có nói. Bốn thứ này quá nửa nói về người xuất gia, nhưng hiện thời kẻ tại gia cũng phạm bốn bệnh này.

1) Thứ nhất là Phương Khẩu Thực (方口食):

Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta thích bợ đỡ kẻ quyền quý, giống như thời cổ gọi là “thuyết khách”, du thuyết tứ phương để hưởng danh văn, lợi dưỡng. Ở đây, phải đặc biệt chú ý một điều: Vì làm lợi cho chính mình, vì đạt danh văn, lợi dưỡng cho chính mình. Mục đích là như vậy! Từ đây mà khởi tâm thì gọi là Tà Mạng. Nếu chánh tri chánh kiến, tuyệt đối chẳng vì bản thân mình, mà vì an toàn xã hội, nhằm lợi ích cho chúng sanh, thì lại là cứu khổ cứu nạn, đại từ đại bi. Đó là Chánh Ngữ.

Phương Khẩu Thực như trong thời cổ có Tô Tần, Trương Nghi, bọn họ hoàn toàn vì bản thân, vì công danh phú quý của bản thân, nên du thuyết nơi các chư hầu [của nhà Châu], nơi quý nhân hiền đạt, mưu cầu địa vị cao sang bất ngờ, chẳng phải vì quốc gia, dân tộc, chẳng vì lợi ích của chúng sanh, mà vì lợi ích cá nhân. Vì thế, họ chẳng phải là thánh nhân, mà là phàm phu. Đó là một loại. Chúng ta phải hiểu (chỉ sợ quý vị hiểu lầm): Nếu người ta thực sự cần quý vị, nếu quý vị quả thật có trí huệ, có duyên phận, vì an toàn xã hội, vì lợi ích của chúng sanh mà có thể làm chút việc gì đó, nhưng quý vị không làm thì thật mất rồi! Bởi vậy, ở đây một đằng là vì bản thân, một đằng là vì người khác. Vì người khác là Chánh Ngữ; vì bản thân thì là Tà Mạng.

2) Loại thứ hai là Duy Khẩu Thực (維口食):

Thật ra chữ Thực ở đây nếu nói như bây giờ thì chính là “cách kiếm sống”. Duy Khẩu Thực là dùng chú thuật, xú quẻ, đoán mạng, xem tướng, xem Phong Thủy. Dùng những phương cách kiếm sống ấy để được chúng sanh cung phụng thì gọi là Duy Khẩu Thực.

3) Loại thứ ba là Ngưỡng Khẩu Thực (仰口食):

Ngưỡng Khẩu Thực bây giờ gọi là “dự ngôn”. Ngửa trông tinh tú tiên đoán tốt - xấu, họa - phúc, cũng nhằm để được người ta cung phụng, nuôi nấng. Từ xưa đến nay, xưa nay trong ngoài nước đều có [những hạng người này]. Nói chung, chúng sanh đều mong “xu cát ty hung” (hướng lành, tránh dữ); bởi thế, đối với những dự ngôn cũng rất quan tâm, xem trọng. Trước mỗi năm đầu tiên của một thế kỷ, xưa nay trong nước ngoài nước luôn có những dự ngôn tiên đoán lúc đó ắt có tai nạn lớn, thậm chí những kinh điển viết về ngày tận thế: Vào những lúc ấy có rất nhiều tai nạn xảy ra! Những kiểu như vậy thuộc loại Ngưỡng Khẩu Thực.

4) Loại thứ tư là Hạ Khẩu Thực (下口食):

Hạ Khẩu Thực là tự mình trồng trọt. Đức Phật quy định đệ tử xuất gia phải khát thực, tự mình chẳng gieo trồng. Vì sao? Gieo trồng ắt có thâm hoạch, ắt có sản phẩm, dễ khởi tâm tham. Phật chế định phương thức như vậy đều nhằm đoạn trừ tham - sân - si - mạn. Mỗi ngày đi khát thực, người ta cho gì ăn nấy, chẳng có tâm tham, chẳng có phân biệt, kiêu căng, ngạo mạn chắc chắn không khởi lên được. Tự mình trồng trọt sản xuất, ta có thâm hoạch, khởi tâm tham, khởi ngạo mạn: “Năm nay ta trúng mùa nhiều, các người coi ta thâm hoạch hơn bọn người nhiều lắm” nên dẫn khởi phiền não. Đức Phật chẳng hứa khả, chỉ chấp nhận cho ta khát thực, những phương thức sanh sống khác đức Phật đều không cho. Đó là bốn thứ Tà Mạng.

Vì những phương thức sanh sống này đều liên quan đến khẩu nghiệp, chúng ta gọi là ý ngữ (nói thêu dệt), hoa ngôn xảo ngữ, trong ấy chẳng thể tránh khỏi vọng ngữ, lưỡng thiệt (nói đôi chiều). Ý ngữ nhằm đánh động tâm người khác, hy vọng người khác cung phụng, châu cấp, đó đều là Tà Mạng, đều là sai trái. Do đây, chúng ta cũng thấy được chỗ dụng tâm của đức Thế Tôn nhằm làm cho chúng ta chẳng khởi phiền não, thường sanh chánh niệm. “*Nhiếp các khẩu nghiệp*”: Khẩu nghiệp là vọng ngữ, lưỡng thiệt, ý ngữ, ác khẩu, quyết định chẳng có, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ý ngữ, không ác khẩu. Đó là Chánh Ngữ.

Thứ tư là Chánh Nghiệp: “*Trừ thân nhất thiết tà nghiệp*” (Trừ hết

thầy tà nghiệp nơi thân). Nghiệp là tạo tác, chính đang trong lúc tạo tác thì gọi là Sự. Quý vị làm chuyện gì, đang trong lúc tạo tác thì gọi là Sự, làm xong việc thì kết quả của nó gọi là Nghiệp. Bởi thế, người thế gian thường nói gom lại là “sự nghiệp”. Sự là đang trong lúc tạo tác, Nghiệp là kết quả của tạo tác. Hết thầy những nghiệp nào trái nghịch trí huệ chân thật thì những nghiệp đó chẳng phải là Chánh Nghiệp. Nói cách khác cho mọi người dễ hiểu hơn: Quý vị theo đuổi một sự nghiệp nào, kể cả việc học Phật, tu hành, nếu trong đó xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì những nghiệp ấy đều là tà nghiệp, chẳng phải là Chánh Nghiệp! Chánh Nghiệp chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì mới là Chánh Nghiệp.

Nói “*trụ thanh tịnh chánh thân nghiệp*” cũng là nói quý vị theo đuổi bất cứ việc gì, hạnh nghiệp tốt đẹp đến đâu thì dù là xuất gia hay tại gia đều như nhau, quý vị nhất định phải tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi thì mới là Chánh Nghiệp! Chẳng tương ứng với những điều trên thì là tà nghiệp. Hàng xuất gia giảng kinh, thuyết pháp, mục đích giảng kinh thuyết pháp là gì? Mục đích nhằm nâng cao danh tiếng, hy vọng mọi người tôn kính mình, hy vọng mọi người cúng dường mình, đó là tà nghiệp, chẳng phải chánh nghiệp. Giảng kinh thuyết pháp nhằm tiếp nối huệ mạng của Phật, vì hoằng pháp lợi sanh, vì giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển ác thành lành, tuyệt đối chẳng có xen tạp mảy may lợi ích cho bản thân vào đó, đây là Chánh Nghiệp. Nói cách khác, có chút xíu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nào xen tạp vào đó thì Chánh Nghiệp biến thành tà nghiệp, chánh - tà do đây mà phân định!

Thứ năm là Chánh Mạng: “*Trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng, trụ thanh tịnh chánh mạng*” (Trừ khử năm thứ tà mạng nơi tam nghiệp, trụ trong chánh mạng thanh tịnh). Mạng ở đây là sanh mạng, phàm phu đều hy vọng sống lâu hơn một chút, mạng tốt hơn một chút. Ở trên, trong phần Ngũ Nghiệp (tức phần Chánh Ngũ) đã nói đến bốn thứ Tà Mạng là những phương thức sanh sống; năm thứ Tà Mạng nói ở đây rất gần với bốn thứ Tà Mạng ấy, nhưng vẫn có sai biệt. Chánh Mạng không chỉ có nghĩa là sống đúng lý, mà chữ Chánh trong Bát Chánh Đạo có nghĩa là “*vô lậu huệ, nương vào trí huệ chân thật*”. Trong trí huệ chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Vô Lậu Huệ, nói như vậy thì quý vị dễ hiểu hơn.

Trong trí huệ xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hoặc nói dễ hiểu hơn nữa là trí huệ xen tạp tự tư, tự lợi, xen tạp lòng mong cầu

danh văn, lợi dưỡng cá nhân, xen tạp tham - sân - si - mạn thì hết thấy đều bất chánh, đều biến thành tà. Không xen tạp, trọn chẳng xen tạp tự tư, tự lợi, trọn chẳng xen tạp danh văn, lợi dưỡng, trọn chẳng xen tạp tham - sân - si - mạn thì là trí huệ chân chánh, hết thấy đều chánh. Trong ba nghiệp thân - khẩu - ý, bốn thứ Tà Mạng nói ở trên toàn là khẩu nghiệp; ở đây bao gồm cả thân và ý, phạm vi của năm thứ Tà Mạng này càng lớn hơn nữa.

Loại Tà Mạng thứ nhất là “*trá hiện dị tướng kỳ đặc*” (dối hiện tướng tướng lạ đặc biệt), tâm thuật bất chánh, cố ý làm ra vẻ khác người, thời cổ cũng có! Tu khổ hạnh: Khổ hạnh là điều được tôn giáo Ấn Độ cổ xưa kính ngưỡng, Phật pháp cũng hết sức tôn trọng. Tu hành khổ hạnh nhằm mục đích gì? Mục đích nhằm làm cho người khác nấy sanh lòng tin, sanh tâm cung kính, cúng dường mình, mục đích là như vậy. Tâm thuật bất chánh, như tôi vừa mới nói “xen tạp danh văn, lợi dưỡng, xen tạp tự tư, tự lợi”. Do chẳng có đức hạnh chân chánh nên dùng những phương pháp ấy. Đó là loại thứ nhất.

Thứ hai là tự mình khen công đức của chính mình, “*vì lợi dưỡng, tự thuyết công đức*” (vì lợi dưỡng nên tự nói công đức của mình). Mục đích nhằm dẫn dụ người khác, vẫn là mong cầu danh văn, lợi dưỡng cho chính mình, vì danh văn, lợi dưỡng nên tự khoe công đức.

Thứ ba là “*chiêm tướng cát hung*” (xem tướng tốt xấu), vì người khác thuyết pháp, nhưng trong khi thuyết pháp lại xen tạp bói toán, xem tướng, đoán mạng, xem Phong Thủy, dạy người ta xu cát ty hung (hướng lành, tránh dữ) như thế nào, mục đích đều là vì tham lam, tham cầu lợi dưỡng.

Thứ tư là “*cao thanh hiện oai, linh nhân úy kính*” (lớn tiếng ra oai khiến cho người ta nể sợ). Dùng đủ mọi phương pháp đều nhằm cùng một mục đích: Tự mình không có oai đức bèn dùng những phương thức khác [để ra oai], với hy vọng thỏa dục vọng, thỏa tự lợi của chính mình.

Thứ năm là “*thuyết sở đắc cúng dường*” (khoe những thứ mình được cúng dường), nói người này cúng dường bao nhiêu, người nọ cúng dường bao nhiêu, cốt ý dụ dỗ người khác làm theo. Những kiểu như vậy chắc chắn không thể chấp nhận được!

Năm thứ này, đức Phật đều gọi là dùng những ý niệm thiếu chánh đáng để đoạt lấy danh văn, lợi dưỡng’ nhờ vào đó để nuôi thân nên gọi là năm thứ Tà Mạng. Phật pháp nhất định không chấp nhận!

“*Thanh tịnh chánh mạng*”, câu này nghĩa là sao? Người học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, nhất định phải tuân thủ sự giáo huấn của

đức Phật. Đối với của cải, đức Phật đã nói rất rõ, bất luận tại gia hay xuất gia, bố thí là chánh nhân của giàu có. Quý vị chịu tu bố thí thì làm sao cuộc sống vật chất của quý vị thiếu hụt cho được? Hết thầy cúng dường bố thí chẳng cầu mà tự nhiên có, vì nguyên nhân nào? Do mình thường tu bố thí cúng dường. Tín đồ cúng dường bố thí nhiều quá, chính mình chẳng dùng hết, liền đem bố thí cho người khác, thay họ tu phước, phước của mình cũng nằm trong đó. Quý vị thấy đó: Người ta cúng dường mình, mình đem cúng dường bố thí lại cho người khác, mình có phước, người ta cũng có phước, mình lẫn người đều có phước. Nếu mình chẳng chịu bố thí, muốn tham cầu hưởng thụ, tự mình chẳng có phước báo gì, người cúng dường mình cũng chẳng được phước. Không gieo được phước thì sao? Nhà Phật thường nói: “*Kim sanh bất liễu đạo; phi mao đới giác hoàn*” (Đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng dê), tương lai vẫn phải trả nợ. Người ta bố thí cúng dường quý vị bao nhiêu, tương lai quý vị phải trả lại bấy nhiêu, lại còn phải trả thêm tiền lời, phiền phức lắm!

Vì thế, người có trí huệ không tích góp, hề thấy trong thế gian chỗ nào cần thiết bèn nhanh chóng bố thí. Kinh luận thường nói bố thí cúng dường phước vô biên! Tà mạng đều là mê hoặc điên đảo, thiếu trí huệ, tâm tự tư lợi quá nặng. Tâm hạnh ấy là tạo nghiệp, có phước ở chỗ nào? Dùng những thủ đoạn dối trá để đối phó người khác, lầm lẫn quá lớn.

Thứ sáu, Chánh Tinh Tấn: “*Cần hành tinh tấn, tu Niết Bàn đạo*” (Siêng hành tinh tấn, tu đạo Niết Bàn). Do vậy, mọi thứ đều nương theo trí huệ chân thật. Nay Chánh Tinh Tấn của chúng ta là gì? Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Cầu sanh Tịnh Độ là đạo Đại Niết Bàn. Trong một đời này, chúng ta nhất định phải thực hiện viên mãn, có thành tựu được hay không toàn là do quý vị có tinh tấn hay không? Nếu quý vị vẫn biếng nhác, vẫn buông lung, tinh thần ý chí chẳng thể tập trung thì rất khó nói. Đời này quý vị kết thiện duyên cùng A Di Đà Phật, nhưng đời này chưa về được. Vì sao? Chẳng phù hợp điều kiện thành cư dân Tây Phương Cực Lạc thế giới, đơn giản vậy thôi! Quý vị chẳng đạt yêu cầu, yêu cầu quan trọng nhất là “*tâm tịnh thì cõi nước tịnh*”, tâm quý vị chẳng thanh tịnh!

Vì sao tâm chẳng thanh tịnh? Vì xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Điều này thực sự là quan trọng nhất, vọng niệm quá nhiều. Bởi thế, chúng tôi thường hay nói: “Chúng ta không bằng những bà cụ già, không bằng những kẻ ngu si, cái gì họ cũng không hiểu, chữ cũng

không biết luôn, nhưng họ có đức hạnh thực sự. Đức hạnh của họ là gì? Họ không ngạo mạn, luôn khiêm tốn nhún nhường, trong hết thầy lúc, hết thầy chỗ chẳng dám đứng trước người khác. Khiêm nhường! Đó là đức hạnh. Chất phác là đức hạnh của họ, họ không mong mỗi điều gì xa xỉ, không có bất cứ mong cầu gì, chất phác, thật thà niệm Phật. Vọng tưởng gì cũng chẳng sanh, đều buông xuống hết, niệm mấy năm bèn thành công”. Chúng ta cậy mình thông minh, tự cho mình là phi phạm nên chẳng thể vãng sanh. Chúng ta coi những người ấy không ra gì, chẳng thèm để vào mắt, nhưng họ thành Phật rồi, bọn họ chánh tinh tấn! Còn bọn chúng ta loạn tấn, tạp tấn, cái gì cũng muốn học, chuyện gì cũng không buông xuống được, tệ hại là vì vậy!

“*Chánh Niệm: Niệm chánh đạo cập trợ đạo pháp*” (Chánh Niệm: Niệm pháp chánh đạo và trợ đạo). Trong pháp môn này, Chánh Đạo là gì? “*Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*” là chánh đạo! Trợ đạo là gì? Đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện, tích công chứa đức, hồi hướng Tịnh Độ. Chúng ta tu Ngũ Giới, tu Thập Thiện, tu Lục Độ, tu Tứ Nhiếp, tu ba mươi bảy Đạo Phẩm đều gọi là pháp Trợ Đạo. [Những gì] giúp chúng ta dứt tập khí, đoạn phiền não, giúp chúng ta kiên định tín nguyện, giúp chúng ta nhất tâm tinh tấn thì là pháp trợ đạo. Đó là Chánh Niệm.

Cuối cùng là Chánh Định: “*Dĩ vô lậu huệ tương ứng nhập Định*” (Dùng vô lậu huệ tương ứng để nhập Định). Tâm phải định, kinh Di Đà nói “*nhất tâm bất loạn*” chính là Chánh Định; “*tâm chẳng điên đảo*” là Chánh Huệ. Nhất tâm bất loạn là đã khuất phục được phiền não của chính mình (chúng tôi không nói “diệt” hay “đoạn phiền não” vì công phu ấy rất sâu, chúng ta chưa thể làm được). Một câu A Di Đà Phật niệm cho khéo, tín tâm, nguyện tâm, tâm niệm Phật khiến cho tất cả phiền não tập khí, tức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều bị khuất phục, đè nén được chúng, chẳng cho chúng khởi hiện hành, đó là bước đầu của Niệm Phật tam-muội, chúng ta thường gọi là “*công phu thành phiền*”. Công phu thành phiền là như thế nào? Là như thế này đây: Phiền não tập khí chưa đoạn, nhưng chẳng thể hiện hành.

Sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, nhưng chấp trước chẳng khởi, phân biệt chẳng khởi, vọng tưởng chẳng khởi thì chính là “*công phu thành phiền*”. Đó là Niệm Phật tam-muội sơ cấp. Quý vị đạt được Niệm Phật tam-muội, chắc chắn vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư độ là chuyện nắm chắc! Chúng ta thấy sắc nghe hương mà vẫn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị phải nhớ kỹ: Chưa có công phu chân thật, vẫn bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển.

Dù có niệm Phật, vẫn chưa đạt được công phu thành thiền. Chẳng đạt được công phu thành thiền thì không thể đoạn chắc sẽ vãng sanh. Quý vị nghĩ xem: Việc này lớn lao lắm, trọng yếu lắm!

Kinh nói đến “*vô lậu huệ*”, tức là trong trí huệ không xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị phải nhớ thật kỹ câu này: Xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì vô lậu huệ không còn nữa, kinh Phật gọi cái trí huệ quý vị có đó là “*thế trí biện thông*”, không phải là trí huệ chân thật, mà là thế trí biện thông! Thế trí biện thông khác với trí huệ chân thật ở chỗ này: Một đấng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; một đấng không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là thế trí biện thông; không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là trí huệ chân thật, là “*vô lậu huệ*”. Tâm định rồi, “*dùng vô lậu huệ tương ứng nhập Định*”. Tốt! Tám điều danh tướng đã giới thiệu cùng quý vị xong rồi.

Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 18

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*thuyết pháp trang nghiêm*”, đoạn cuối cùng là Bát Chánh Đạo.

Tám điều này trong lần trước chúng tôi đã giới thiệu danh tướng và ý nghĩa đại lược cùng quý vị; nhưng chúng ta biết tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều tương ứng với cương lĩnh, nguyên tắc dạy dỗ của đức Thế Tôn, nhưng trong mỗi pháp môn bát đồng bèn có cách giải thích bất đồng, quý vị nhất định phải hiểu điều này thì sự tu học hiện tiền của chúng ta mới đạt lợi ích, mới hòng đạt được mong cầu. Ngày nay chúng tôi cùng các đồng tu học pháp môn Tịnh Độ; nay trong pháp môn Tịnh Độ, Bát Chánh Đạo được giải thích bằng cách nào? Nhất định phải biết điều này.

“*Chánh Kiến*”: Chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới như đức Thế Tôn đã dạy trong kinh bèn tin chắc, chẳng hoài nghi; đó là Chánh Kiến. Chánh Kiến của chúng ta chẳng do trực tiếp thấy được thế giới Tây Phương, mà là do được nghe đức Thế Tôn giới thiệu. Đối với đức Thế Tôn, chúng ta có tín tâm kiên định. Lão nhân gia tuyệt đối chẳng lừa dối chúng ta, lời lão nhân gia quyết định giống như kinh Kim Cang đã nói: “*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuồng ngữ giả*” (Như Lai là bậc chân

ngữ, thật ngữ, như ngữ, bậc chẳng nói lừa dối). Chúng ta tin tưởng mỗi câu mỗi chữ trong lời Phật đều là chân thật. Chánh Kiến của chúng ta được kiến lập trên Tịnh Độ tam kinh, tin sâu chẳng nghi. Đó là Chánh Kiến của Tịnh Độ tông.

Chánh Tư Duy của Tịnh Độ tông là như Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), đó là Chánh Tư Duy! Để nghĩ nhớ y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, cũng phải đọc thuộc kinh điển, phải thường nghĩ tới y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới được nói trong kinh điển, phải thường nhớ tưởng! Chánh Kiến vừa nói ở trên là Tín tâm, còn ở đây là tư duy, thường xuyên nghĩ đến. Vì sao? Nếu chẳng nghĩ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ suy nghĩ loạn xạ liền! Suy nghĩ loạn xạ là nghiệp luân hồi. Trong tâm suy nghĩ bậy bạ chính là tạo nghiệp luân hồi, trong tương lai phải chịu quả báo luân hồi. Bởi vậy, chúng ta phải chuyển cái tâm luân hồi, chuyển ý niệm luân hồi, chuyển cái nghiệp luân hồi thành tịnh nghiệp Tây Phương. Chúng ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc, nghĩ đến y báo và chánh báo trang nghiêm dạy trong kinh Vô Lượng Thọ, nghĩ đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nghĩ cách thực hiện những điều đó trong cuộc sống thường nhật như thế nào, chúng ta nghĩ như vậy thì ý nghĩ ấy tốt lành!

Thế nào là Chánh Ngữ của Tịnh Độ học nhân? Chánh Ngữ là một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, câu ấy là Chánh Ngữ của chúng ta. Bởi thế, chúng ta chào hỏi nhau đều chấp tay “A Di Đà Phật”; người ta gọi tên mình, mình đáp A Di Đà Phật. Chúng ta nhận điện thoại, cầm điện thoại lên bèn “A Di Đà Phật”, Chánh Ngữ của chúng ta là như vậy. Thời thời khắc khắc niệm niệm chẳng quên A Di Đà Phật.

Chánh Nghiệp của chúng ta là ý nghiệp tưởng A Di Đà Phật, thân nghiệp lễ bái A Di Đà Phật, khẩu nghiệp niệm A Di Đà Phật, đó là tam nghiệp của Tịnh tông.

Chánh Mạng: Tùy theo cái nghiệp báo thân của chính mình, sống được một ngày thì suốt ngày đó niệm A Di Đà Phật, y giáo phụng hành. Ba nghiệp thân - ngữ - ý diễn nói, vì người khác diễn nói; lúc lâm chung tâm chẳng điên đảo, rõ ràng rành rẽ, minh bạch, phân minh, không bị bệnh khổ, đứng mà mát, ngồi mà mát, biểu diễn cho người khác thấy, chẳng dễ dàng đâu! Con người có ai không chết? Ai nấy đều phải chết, nhưng ai ra đi tự tại, tiêu sái, rõ ràng minh bạch như thế được? Phải là người niệm Phật! Đó là vì người khác biểu diễn, vì người khác diễn nói,

vô cùng có sức thuyết phục. Những chuyện ấy khoa học không thể giải thích, vì đó là siêu khoa học! Khoa học là hữu hạn, có hạn cục, có giới hạn, thế nhưng vẫn có một nền học vẫn không có hạn cục, không có giới hạn mà khoa học chưa phát hiện được. Chúng ta nhất định phải biết điều này.

Thế giới tâm linh siêu việt khoa học, nói cách khác, phạm vi của khoa học chỉ thuộc nhân đạo (thế giới loài người). Nhân đạo chỉ là một pháp giới trong mười pháp giới, pháp giới này hữu hạn, chẳng có biện pháp đột phá không gian nhiều chiều, chẳng thể thích hợp cho mười pháp giới. Nhất định phải hiểu đạo lý này, nếu không hiểu, quý vị sẽ bị hạn chế trong phạm vi của lục đạo luân hồi, chẳng thể ra khỏi lục đạo luân hồi! Không ra khỏi lục đạo luân hồi thì nói cách khác: Đúng như sự thật đã được giảng trong kinh Phật, thời gian quý vị ở trong tam ác đạo dài lâu, thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi.

Phật pháp nói đến giác và mê; nói đến mê tín thì nói đúng ra là mê tín tôn giáo, mê tín cổ thánh tiên hiền. Nếu chúng ta rất lắng tĩnh, rất khách quan quan sát thì những niềm mê tín ấy so ra có lợi hơn nhiều so với mê tín khoa học. Vì sao? Cổ thánh tiên hiền, tôn giáo nói đến không gian nhiều chiều vượt ngoài nhân gian, nó có thật, chứ chẳng phải không có. Linh giới (thế giới tâm linh) thực sự tồn tại, hiện nay có không ít những người trong giới khoa học chấp trước cứng ngắc vào khoa học, nhưng khi tiếp xúc với những “linh môi” (Medium: Những người có khả năng giao tiếp với cõi âm⁵⁷), họ bèn tin tưởng. Từ kinh nghiệm bản thân, [họ nhận thấy] quả đúng là có linh giới. Những nhà khoa học này cả mấy chục năm mê muội khoa học, rốt cục tin tưởng. Họ viết rất nhiều báo cáo, gần đây được in thành sách, quý vị hãy tự tìm đọc.

Ở Trung Quốc và ngoại quốc có rất nhiều người quay đầu tin tưởng, khẳng định sự tồn tại của linh giới. Chữ “linh giới” là phiếm chỉ, nói chung, chín pháp giới ngoài pháp giới của con người ra đều gọi là “linh giới”. Linh⁵⁸ có cao thấp khác nhau, trong tất cả các tôn giáo thì Phật giáo giảng rõ ràng nhất, giảng thấu triệt nhất. Chẳng những giảng chánh báo rất rõ rệt, mà ngay cả y báo cũng được giảng hết sức rõ ràng: “*Y chánh trang nghiêm*” (y báo, chánh báo trang nghiêm). Bởi thế,

⁵⁷ Chúng tôi không dịch “linh môi” thành ông đồng bà cốt, mà để nguyên tiếng Hán với dụng ý nhấn mạnh những người thực sự có khả năng giao tiếp với linh giới, chứ không phải hạng đồng bóng quảng xiên bịp bợm.

⁵⁸ Chữ “linh” (spirits) ở đây chỉ những hữu tình chúng sanh không phải là con người như chư thiên, naga quỷ, a-tu-la v.v...

NGHIỆP là những gì tạo tác bởi thân - ngữ - ý. Nếu không trái nghịch kinh giáo thì là Chánh Nghiệp, trái nghịch kinh giáo là tà nghiệp, là sai lầm.

Thế nào là Chánh Mạng? Ân Quang đại sư giảng rất hay: Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không hóa duyên, không làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự, mỗi ngày đều giống như đang tu Phật thất. Học Hội và Tịnh Tông Học Viện của chúng ta thêm vào một môn công khóa nữa là giảng kinh, giải hạnh tương ứng. Đó là Chánh Mạng của chúng ta, chúng ta lấy đó làm mạng sống. Đạo tràng hiện thời không có hằng sản, không có nguồn kinh tế cố định, chúng ta không hóa duyên thì sống bằng cách nào? Chuyện này không một ai phải lo ngại cả. Tôi không quan tâm, vì sao tôi không quan tâm? Chương Gia đại sư dạy tôi: *“Nhất tâm hướng về đạo, nhất tâm vì pháp, vì chúng sanh, Phật, Bồ Tát sẽ an bài cả đời này cho mình, mình không cần phải nhọc lòng”*.

Hôm nay không có gì ăn, nhịn đói một ngày cũng là Phật, Bồ Tát an bài, không một chút gì phải bận lòng cả! Phật, Bồ Tát an bài cho mình chịu đói một ngày thì cái ngày nhịn đói ấy chắc chắn có cái hay, chẳng dở đâu. Huống hồ chúng ta mỗi ngày *“vì người khác diễn nói”* là tu bồ thí, tôi đã nói điều này rất nhiều. Tuy chúng ta không có Tài Bồ Thí (ngoại tài bồ thí), nhưng chúng ta nội tài bồ thí, mỗi ngày diễn nói cho mọi người xem. Nội tài bồ thí, pháp bồ thí, vô úy bồ thí ngày ngày chẳng gián đoạn nên quả báo rất thù thắng, cái gì cũng không thiếu, chẳng cầu mà có.

Năm mươi năm nay đích thân chúng tôi thể nghiệm đúng thật là như vậy, tôi không hoài nghi chút nào, quyết chẳng vì cuộc sống vật chất mà sanh khởi vọng niệm, không hề có. Quý vị có tín tâm ấy hay không? Quý vị có thể tin nổi hay không? Đạo tràng có thần hộ pháp hộ trì, ngoài Phật hộ niệm ra còn được thần hộ pháp hộ trì, quý vị dốc tâm nơi đạo, hạnh nơi đạo, thần hộ pháp cũng phải chiếu cố. Nếu tâm hạnh của quý vị trái nghịch với đạo, thế nào là đạo? Đạo là những đạo lý, những phương pháp được giảng trong kinh điển, chúng ta luôn tuân thủ thì là *“tâm và hạnh đều ở nơi đạo”*. Nếu chúng ta không tuân thủ thì tâm và hạnh đã tách rời khỏi đạo. Tách khỏi đạo thì Phật, Bồ Tát không còn cảm ứng nữa, thần hộ pháp cũng bỏ đi luôn, chẳng còn chiếu cố nữa.

Khi nào quý vị sanh tâm sám hối: *“Tôi lầm, tôi quay đầu”*, Phật, Bồ Tát lại đến, thần hộ pháp cũng quay lại. Thần hộ pháp, Phật, Bồ Tát chẳng giận, tâm và hạnh của quý vị tương ứng với đạo, các Ngài bèn đến, trái nghịch với đạo, họ bèn đi. Bởi vậy, phải tương ứng mới tốt. Ngày ngày niệm kinh vì có gì? Cầu cho kiến giải, tư tưởng, ngôn hạnh

của chính mình tương ứng với kinh điển, chẳng trái nghịch. Mục đích và dụng ý chân chánh của việc đọc tụng kinh điển là ở chỗ này. Sống như thế gọi là Chánh Mạng.

Chánh Tinh Tấn: Thâm nhập một môn, trường thời huân tu, nhất định không biếng nhác. Trước hết là thành tựu “công phu thành phiền” của chính mình. Công phu thành phiền sẽ hoàn toàn không chế được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đúng là những thứ ấy chưa đoạn, nhưng chúng chẳng thể phát tác. Trong nghịch cảnh và ác duyên cũng chẳng sanh phiền não, chẳng sanh tâm nóng giận. Trong thuận cảnh thiện duyên cũng chẳng khởi tham luyến, đó là công phu thành phiền, quý vị khuất phục được chúng. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta: Công phu như vậy mới bảo đảm vĩnh sanh, nhưng quý vị nhất định phải giữ được công phu ấy mãi mãi, chẳng thể hờ hững, xem nhẹ được. Phải biết: Tập khí phiền não rất nặng, thời gian tích lũy tập khí phiền não rất dài. Nếu chúng ta lãng ý một chút, chúng lại bùng phát liền, rắc rối to! Bởi thế, thời thời khắc khắc đều phải đề cao cảnh giác, chẳng dám lơ là chút nào.

Đạt đến Sự Nhất Tâm sẽ hoàn toàn không chế được chúng, chẳng cần phải tác ý nó vẫn bị không chế. Đạt đến Lý Nhất Tâm là tốt nhất, chuyển hết những phiền não ấy thành Bồ Đề, đây thực sự là đoạn phiền não. Cảnh giới Lý Nhất Tâm hoàn toàn tương đồng với “minh tâm kiến tánh” của Tông môn, thường gọi là “phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”. Niệm Phật đạt đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn chính là cảnh giới này. Cảnh giới ấy không phải cá nhân nào cũng đều có thể chứng được, nhưng đối với công phu thành phiền có thể nói là nếu mỗi người chịu dụng công, tuân thủ những điều kinh điển răn dạy, y giáo phụng hành, ai cũng đều có thể đạt được công phu thành phiền.

Đạt được mức ấy thì như chúng tôi vừa nói đó, trong thuận cảnh thiện duyên chẳng khởi tham luyến, trong nghịch cảnh ác duyên chẳng sanh sân khuể, hết sức tự nhiên, chẳng phải là cố ý không chế, cố ý đè nén! Nếu phải cố ý đè nén thì quý vị còn đang trong giai đoạn tu học, chưa đạt được công phu thành phiền. Thực sự đạt được công phu thành phiền thì chẳng cần phải tác ý, mà là tự nhiên, phản ứng rất tự nhiên, cảnh giới tốt đẹp mà! Không khó! Điều này mọi người thực sự có thể làm được. Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy những người niệm ba năm đạt được cảnh giới này rất nhiều. Vì sao người khác đạt được, mình không làm được? Do vậy, ta phải sanh tâm hồ thẹn!

Luyện công phu tại đâu? Trong cuộc sống thường ngày, trong xử

sự, đãi người, tiếp vật. Người này đối xử tốt với tôi, tôi đối xử tốt hơn; cứ hễ tôi gặp người ấy, tôi nhất định xử tốt với người ấy hơn người ấy xử tốt với tôi, tôi báo đáp người ấy, như câu nói: “*Thọ nhân trích thủy chi ân, thường tư dùng tuyến vi báo*” (Nhận cái ơn nhỏ bằng giọt nước của người, thường nghĩ dùng cả mạch suối để báo đáp). Thế nhưng người ấy chẳng ở trước mặt tôi, trong tâm rỗng rang, chẳng lưu lại dấu tích gì, đó là trí huệ, quyết định không tham luyến. Hễ gặp mặt bèn báo ân, tâm cảm kích tự nhiên sanh khởi. Đó mới là đúng, chẳng phải là tình thức mà là trí huệ, tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, giác.

Cũng có những đồng học hỏi tôi, có rất nhiều người hỏi tôi, Quán Trưởng đã mất nhiều năm như vậy, sao thầy vẫn còn tưởng niệm bà ta mãi? Đúng vậy! Đây có phải là tham luyến hay chẳng? Nếu thuộc vào tình thức thì là tham luyến, nếu thuộc vào chánh trí thì là giáo học. Ở đây chúng ta dựng một Kỷ Niệm Đường kỷ niệm Quán Trưởng, đó là giáo dục, giáo dục xã hội, dạy đại chúng trong xã hội biết ân, báo ân. Trong quá khứ, bà ta đối xử tốt đối với chúng ta, chúng ta niệm niệm chẳng quên, biết ân, báo ân mà! Đây chính là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, đặc biệt là trong xã hội hiện thời. Xã hội hiện thời “biết ân, báo ân” rất ít, toàn là vong ân phụ nghĩa. Quả báo của vong ân phụ nghĩa là tam đồ, quả báo của tri ân báo ân là nhân thiên. Làm thế nào để giúp hết thầy chúng sanh chẳng đọa tam đồ, lại còn có thể hưởng phước báo nhân thiên, công đức giáo dục ấy rất to lớn. Nếu làm được như vậy mà tâm địa vẫn giữ được thanh tịnh bình đẳng giác sẽ siêu việt lục đạo luân hồi. Những điều đó ở đây gọi là Chánh Nghiệp, Chánh Mạng; vì thế, quý vị phải hiểu ý nghĩa này.

Đối với người oán hận, kẻ oan gia đối đầu, trong tâm chớ nên có chút sân khuê, chớ nên có mảy may ý niệm báo thù. Chẳng những không có, mà còn thời thời khắc khắc phải chú ý, hễ khi nào họ gặp phải khó khăn, mình đến giúp đỡ, thường biết oan gia phải hóa giải. Túc oán quá khứ, oán kết hiện tại đều phải hóa giải hết, “*oan gia nghi giải, bất nghi kết*” (oan gia nên gỡ, không nên buộc). Trong lúc kẻ ấy gặp khó khăn, ta toàn tâm toàn lực giúp đỡ, mặc kệ ty hiềm xưa kia, oán kết bèn hóa giải. Phật pháp có vai trò gì trong thế gian? Chẳng thể không biết điều này, Phật pháp có mặt trong thế gian là để giáo hóa chúng sanh, không một mảy may nào không nhằm dạy dỗ Giác - Chánh - Tịnh, dạy dỗ Bát Chánh Đạo.

Thứ bảy là Chánh Niệm, niệm ở đâu tâm bèn ở đó, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định*

kiến Phật” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật). Đó là Chánh Niệm. Trong mười hai thời chấp trì danh hiệu là Chánh Niệm. Hết thấy ngôn hạnh hoàn toàn tương ứng với những điều kinh luận dạy dỗ là Trợ Niệm. Chánh - Trợ song tu nhất định được vãng sanh, nhất định được thấy A Di Đà Phật, tương ứng với Phật.

Chánh Định: Một đời một kiếp này, ta tu hành pháp môn này, quyết định chẳng thay đổi, nương theo kinh điển này, quyết chẳng dao động, đó là Chánh Định. Bát Chánh Đạo của Tịnh Độ Tông là như thế đó!

Chúng ta lại xem tiếp câu kệ: “*Bát Chánh Đạo do Trạch Pháp Giác Phần*”, tức là điều thứ nhất trong Thất Bồ Đề Phần, “*bất y thiên tà, cố nhập Chánh Đạo*” (chẳng nương theo [những kiến giải, tư tưởng, quan niệm, hành vi] lệch lạc, tà vạy, nên vào được Chánh Đạo): Chọn lựa dứt khoát pháp môn ta tu học cả đời. “*Vô lậu thánh pháp*” là Chánh, “*năng thông Niết Bàn*” (có thể thông với Niết Bàn) là Đạo, Tịnh tông thực sự là chánh đạo của mọi chánh đạo. Thế giới Cực Lạc và phương pháp vãng sanh thế giới Cực Lạc là Chánh! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một đời nhất định thành tựu viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, đó là Đạo, đại đạo đây!

“*Tam thập thất phẩm, thâm pháp tuy tận*” (Tuy ba mươi bảy phẩm gồm thâm trọn hết mọi pháp), ba mươi bảy môn này là đại cương, bao quát tất cả những pháp do mười phương ba đời hết thấy chư Phật đã nói, đã tu, không có pháp nào ra khỏi ba mươi bảy phẩm này; nhưng quý vị phải biết “*cơ duyên bất đẳng*” (cơ duyên chẳng giống nhau): Cơ (機) là cơ hội, Duyên (緣) là duyên phận; duyên phận, cơ hội của mỗi cá nhân trong từng đời chẳng giống nhau. Vì thế, “*tác chủng chủng khai hợp*” (tạo thành các thứ pháp môn mở rộng hay gộp lại [ba mươi bảy Đạo Phẩm này]), Khai (開) là triển khai, Hợp (合) là gộp lại. Triển khai [ba mươi bảy môn Đạo Phẩm] sẽ thành vô lượng vô biên pháp môn. Nếu quy nạp lại, gộp lại thì chẳng ngoài Giác - Chánh - Tịnh, chẳng ngoài Giới - Định - Huệ, thấy đều bao gồm trong ấy.

“*Danh nghĩa bất đồng, vô bất diễn sớng*” (Danh nghĩa sai khác, không gì chẳng diễn bày, giải nói thông suốt): Diễn (演) là chư Phật, Bồ Tát ngày ngày làm như vậy cho chúng ta thấy. Quý vị phải thực sự hiểu hữu tình lẫn vô tình đều là biểu diễn. Chư Phật Như Lai biểu diễn ở chánh diện, biểu diễn mặt Giác, lục đạo chúng sanh biểu diễn mặt Mê. Chúng ta ngồi dưới sân khấu xem diễn kịch, thấy rất rõ ràng: Bên Giác

thì sáng sửa, bên Mê thì tối tăm; hành thiện được thiện quả, hành ác mắc ác báo, khắp pháp giới trọn hư không giới vốn là một sân khấu lớn. Chúng ta vừa là diễn viên, vừa là khán giả trong ấy. Nơi sân diễn thông thường thì diễn viên chẳng phải là khán giả, khán giả chẳng phải là diễn viên. Chúng ta tuyệt vời lắm, tuyệt vời đến tột bậc! Vừa là diễn viên, vừa là khán giả, đã là khán giả, lại là diễn viên. Vì thế, pháp này gọi là “điệu pháp”.

Người tu hành chân chánh, người tu Giác - Chánh - Tịnh, cái gì cũng quan sát, cái gì cũng nhìn, thấy toàn thể vũ trụ đều là diễn viên. Ở trong ấy, họ thành tựu Giới - Định - Huệ, thành tựu Giác - Chánh - Tịnh, không pháp nào chẳng rõ. Mười pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm, tánh tướng, sự lý, nhân quả vắng vặc phân minh là Huệ. Trong Bát Nhã không gì không biết; tuy không gì chẳng biết nhưng trong tâm thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần, như như bất động, đó là Đại Định! Đại Định ấy là chân tâm, Huệ là chân tâm sanh khởi tác dụng. Tâm là tịch diệt, nhất định phải hiểu điều này.

Qua danh hiệu, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy rõ: “*Mâu Ni*” (Muni) là thanh tịnh tịch diệt. Đối với bản thân chúng ta, nhất định phải tu thanh tịnh tịch diệt. “*Diệt*” là diệt phiền não, diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không có phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, đó chính là tướng tịch diệt. Tâm đúng là như vậy, đã thế, lại còn hết sức từ bi: Năng Nhân. Thích Ca (Śākya) là Năng Nhân: Sống động chứ không chết cứng, năng lượng và thông tin từ cảnh giới bên ngoài đưa vào bèn lập tức có phản ứng. Phản ứng ấy sanh khởi từ lý thể của Tịch Diệt, nhất định không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xen tạp trong ấy; đây là Phật, là Pháp Thân Bồ Tát. Nếu chúng ta không liễu giải, không hiểu rõ, không minh bạch cảnh giới ấy, làm sao có thể tu được? Phải hiểu rõ, phải minh bạch, hiểu Phật, Bồ Tát là như vậy. Chúng ta phải khéo học theo, thực sự nhập pháp giới vô chương ngại. Năng Nhân: Phổ độ hết thảy chúng sanh, nhưng quý vị thấy đó, chẳng hề trở ngại sự thanh tịnh tịch diệt của chính mình, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Nay chúng ta mới biết chương ngại phát sanh từ đâu? Chương ngại phát sanh từ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước; lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sự sự vô ngại.

Bởi vậy, đến cuối cùng sách *Yếu Giải* tổng kết: “*Vô bất diễn sướng, cố linh văn giả niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não dã*” (Không gì chẳng diễn bày thông suốt, nên khiến cho người nghe niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, chế phục, diệt trừ phiền não). Chế phục

và diệt trừ là hai giai đoạn. Trong công phu niệm Phật của chúng ta, thấy rất rõ rệt: Công phu thành phiền là chế phục, Sự nhất tâm bất loạn là chế phục, Lý nhất tâm bất loạn là diệt, phiền não bị chuyển hết, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Phải là Lý nhất tâm mới có thể chuyển được. Do đây biết rằng: Công phu thành phiền không ra khỏi lục đạo vì nó là công phu trong lục đạo; Sự nhất tâm bất loạn siêu việt lục đạo vì thuộc về tứ thánh pháp giới, nhưng vẫn là chế phục; đến khi phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân mới chuyển, mới thực sự diệt phiền não.

Chúng ta lại xem tiếp đoạn kể đó: “*Tam Bảo lược thích*” (giải thích Tam Bảo một cách sơ lược). Tam Bảo nói đơn giản thì có “*biệt tướng Tam Bảo*”, có “*nhất thể Tam Bảo*”, danh tự Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng.

1) Phật có ba thân Pháp, Báo, Ứng Hóa: Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, Ứng Hóa Thân Phật. Đó là chuyện thường nghe nói.

2) Pháp có bốn thứ: giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp, tức là Giáo - Lý - Hành - Quả. Quý vị phải hiểu: Mỗi một bộ kinh bất luận lớn - nhỏ như thế nào, bất luận kinh văn sâu hay cạn thế nào, thấy đều đầy đủ Giáo - Lý - Hành - Quả. Nếu một bộ kinh chẳng có đủ bốn ý nghĩa ấy, kinh ấy chẳng thể gọi là kinh Phật được! Hễ là kinh Phật thì nhất định phải có đủ bốn phần sau đây: Giáo - Lý - Hành - Quả.

3) Tăng, “*Tam thừa thánh hiền*”: Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Trong ấy có hiền, có thánh, thánh khác với hiền. Trong địa vị Bồ Tát, hiền nhân là từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thập Hồi Hướng, thánh nhân là từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, tam hiền thập thánh⁵⁹, đó là hiền thánh nơi địa vị Bồ Tát. Hiền thánh trong Tiểu Thừa: Tứ Quả là Thánh, Tứ Hướng là Hiền. Sơ Quả Hướng là Hiền, Tu Đà Hoàn tính là Thánh. Nhị Quả Hướng là Hiền, Tư Đà Hoàn là Thánh. Trong mỗi một tầng cấp của Tam Hiền, Hiền Thánh lại khác nhau! Hiền là còn đang trong địa vị tu học, Thánh là đã chứng quả. Giống như chúng ta đi học trong nhà trường vậy! Quý vị còn đi học chưa tốt nghiệp, đang còn học là Hiền, học xong, tốt nghiệp là Thánh, lấy được học vị rồi thì là Thánh. Giống như quy chế trong các trường Đại Học hiện tại trong thế gian, còn đang học trong Đại Học là Hiền, ngày nào đó quý vị lấy được bằng Học Sĩ (Cử Nhân) bèn thành Thánh, tiểu thánh! Tiếp tục học

⁵⁹ Tam hiền thập thánh: Tam Hiền là các địa vị Bồ Tát trước khi đạt đến Thập Địa, gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Thập Thánh là mười địa vị Bồ Tát thuộc Thập Địa.

theo ban Thạc Sĩ (Cao Học), sinh viên ban Thạc Sĩ là Hiền, sinh viên đều là Hiền. Tốt nghiệp chương trình Thạc Sĩ, giành được học vị Thạc Sĩ (Master) gọi là Thánh, trung thánh. Nếu học tiếp theo chương trình Tiến Sĩ thì sinh viên của ban Tiến Sĩ là Hiền, tốt nghiệp Tiến Sĩ, lấy được học vị Tiến Sĩ là thượng thánh. Thượng - trung - hạ, tam thừa hiền thánh giống như vậy đó.

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên tông vào đời Đường chẳng nói đến Phật - Pháp - Tăng, Sư nói đến Giác - Chánh - Tịnh. Lúc tôi mới đọc Đàn Kinh, tôi cứ suy nghĩ vì sao Ngài lại nói như thế? Ai cũng nói là Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, sao Ngài lại nói Giác - Chánh - Tịnh? Nhất định phải có duyên cớ. Rất có khả năng là vào đời Đường, đối với khái niệm Phật - Pháp - Tăng người ta khá hồ đồ, chỉ biết danh hiệu, chẳng biết ý nghĩa được bao hàm trong danh từ. Nói cách khác, chưa thọ dụng được. Lục Tổ đại sư có trí huệ, đại từ, đại bi, Ngài đem ý nghĩa của Tam Bảo chỉ rõ ra, khiến cho chúng ta dễ hiểu hòng thọ dụng được. Ngài truyền trao Tam Quy, chẳng nói là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, Ngài không làm vậy! Lúc Ngài truyền trao Tam Quy bèn nói “*quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*”. Ngài truyền trao như vậy, quý vị đọc Đàn Kinh sẽ thấy, rồi mới giải thích: “*Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh*”.

Bởi thế, nếu với Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, chúng tôi thêm vào mấy chữ nữa, mọi người càng nhận hiểu rõ ràng. Thế nào là Phật? Giác chứ không mê là Phật. Thế nào là Pháp? Chánh chứ không tà là Pháp. Thế nào là Tăng? Tịnh chứ không nhiễm là Tăng. Giải thích như vậy mọi người đều hiểu rõ rệt, chẳng còn nói Phật Giáo là mê tín nữa! Nếu không, người ta chẳng hiểu rõ ý nghĩa này, quý vị nói đến Phật, người ta nghĩ đến tượng Phật bằng đất nặn hay gỗ khắc thành; quý vị nói đến Pháp, người ta nghĩ đến kinh điển; quý vị nói đến Tăng, người ta tưởng là người xuất gia. Nói cách khác, hoàn toàn chấp vào tướng, chỉ chấp vào tướng chẳng biết đến ý nghĩa! Bởi thế, xã hội đại chúng đâm ra hiểu lầm Phật giáo là mê tín!

Lục Tổ đại sư thuyết pháp như vậy thì quan niệm sai lầm ấy lập tức bị hóa giải. Như vậy, người ta hỏi quý vị Phật giáo là gì, quý vị cứ đem lời của Lục Tổ đại sư bảo với họ: Phật giáo là giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Lấy mười hai chữ ấy để giới thiệu Phật giáo một cách đơn giản cho người ta, chánh pháp đây! Đó là thường thức, đó là học vấn đây!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem phần “*Tam Bảo lược thích*”. Ở trên, tôi đã giới thiệu đơn giản cùng quý vị Biệt Tướng Tam Bảo, tiếp theo đây là nói về Nhất Thể Tam Bảo.

Trong Nhất Thể Tam Bảo, Phật có nghĩa là gì? “*Trạm nhiên trí chiếu, linh minh giác liễu*” (trí chiếu soi thanh tịnh, bất động, linh thông, sáng suốt, hiểu biết trọn vẹn) chính là Phật. Trong tự tánh vốn có sẵn đức năng, nói theo thuật ngữ khoa học hiện thời, [đức năng] là năng lượng. Năng lượng chẳng phải từ bên ngoài mà có, cũng chẳng do tu thành, mà từ tự tâm. Chân tâm ta vốn sẵn có, kinh Phật thường gọi những gì sẵn có là “*pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như vậy). Chuyện ấy chẳng liên quan gì đến tu chứng, bất sanh, bất diệt, không đến, không đi. “Bất sanh, bất diệt” là không có sanh tử, “không đến, không đi” là chẳng có không gian lẫn thời gian; “không tăng, không giảm” là khi mình giác ngộ, tâm ấy chẳng tăng thêm, khi đang mê hoặc, tâm ấy chẳng giảm thiểu, cho nên thường nói: “*Tại thánh không tăng, tại phàm chẳng giảm*”, tánh đức mà! Hết thấy chúng sanh ai nấy đều có đủ, hoàn toàn bình đẳng. “*Trạm nhiên*” là thanh tịnh, xưa nay chưa hề dao động, đó là bản thể của tự tánh chân tâm, không có hình tướng, nhưng không đâu chẳng tồn tại. Hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh do đâu mà có? Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” (chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến). Đây là nói theo mặt Thể. Chân tâm, bản tánh là bản thể của vũ trụ, nhân sinh, ta - người, là một chẳng phải hai.

Pháp Bảo là gì? “*Thật Tướng lý thể thanh tịnh viên diệu*”, đây là Pháp. Thật Tướng là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Tướng chân thật chỉ do tâm hiện, đó là Thật Tướng! “*Thanh tịnh viên diệu*”. Tướng ấy đúng là mây trần chẳng nhiễm, vi diệu viên mãn, hoặc có thể nói là vi diệu viên dung! Diệu là chúng ta không có cách gì tưởng tượng được, chẳng thể nghĩ bàn! Đó chính là Pháp Bảo trong Nhất Thể Tam Bảo. Trên thực tế, Phật - Pháp - Tăng là một, chẳng phải hai, một nhưng ba, ba nhưng một, chẳng thể tách lìa, chỉ tùy theo quý vị nhìn từ góc độ nào mà thôi. Như vậy, Phật là nhìn từ Thể; Pháp là nhìn từ Tướng; Tăng là nhìn từ Dụng, tức là nhìn từ mặt tác dụng.

Tăng Bảo: “*Lý Trí bất nhị, hòa hợp vô vi*” (Lý - Trí không hai, hòa hợp không chống trái). Quý vị phải thực sự tham thấu, hiểu rõ: Vũ trụ là cả một khối hòa đồng lớn. Văn hóa Nhật Bản từ Trung Quốc

truyền qua. Tổ tiên người Nhật rất thông minh, họ gọi dân tộc mình là “*dân tộc Đại Hòa*” (Yamato Minzoku). Ý tưởng Đại Hòa ấy chính là tinh túy (tinh hoa, cốt tủy) của Nho và Đạo của Trung Quốc và Phật pháp; tổ tiên dùng điều đó để dạy dỗ con cháu đời sau. Nếu con cháu đời sau hiểu được ý nghĩa này, đều có thể thực hiện được thì Thiên Hoàng⁶⁰ của Nhật Bản sẽ chính là Kim Luân Thánh Vương như trong kinh Phật nói, là lãnh tụ của toàn thế giới, chứ chẳng phải chỉ của một quốc gia hay một dân tộc nào. Vì sao? Ông ta cổ động hòa bình, hòa bình cho thế giới, cả thế giới là một nhà. Mình yêu người nhà mình, ta yêu dân tộc ta, ta yêu quốc gia ta, ta yêu toàn thế giới như yêu chính người nhà ta, đại hòa rồi!

Tuy tổ tông xướng xuất, con cháu chẳng làm được! Chúng ta chớ coi thường tổ tông, đừng nghĩ trong thời tổ tông không có khoa học kỹ thuật, tinh thần văn minh của họ bọn hậu nhân chúng ta thực sự không có cách gì tưởng tượng được đâu! Trí huệ, học vấn, tâm tư, kiến thức của họ thực sự đều là rộng lớn, tinh tường, sâu thẳm, tương ứng với pháp tánh. Phật pháp là văn hóa Ấn Độ, Nho và Đạo là văn hóa Trung Quốc, là chân lý tích tụ cả ngàn vạn năm, kẻ trí cạn tuyệt đối chẳng thể trộm nhìn [mà thấu hiểu] được. Đó là Nhất Thể Tam Bảo.

6.3.2.6. Hàng Thụ Diễn Pháp (hàng cây diễn pháp)

Đoạn kế tiếp là “*hàng thụ diễn pháp*”, chúng tôi đọc kinh văn một lượt. Chúng ta đọc tiếp đoạn kinh văn sau:

Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo.

Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huống hữu thật? Thị chư chúng điều, giai thị A Di Đà Phật dụng linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác.

⁶⁰ Thiên Hoàng (Tennō) là danh xưng của hoàng đế Nhật Bản, nhưng khi trực tiếp xưng hô với vua thì dùng chữ Mikado (hoàng đế). Thiên Hoàng được coi là con cháu trực tiếp của Thái Dương Thần Nữ, và là lãnh tụ tôn giáo cao nhất của Thần Đạo (Shinto) Nhật Bản. Hoàng gia Nhật là hoàng gia là dòng dõi cai trị lâu đời nhất từ năm 660 trước Công Nguyên đến nay, theo Nhật Bản Sử Ký và Cổ Sự Ký, Thiên Hoàng đầu tiên là hoàng đế Thần Vũ (Jimmu Kamuyamato Iwarebiko) và ngôi vua được truyền liên tục từ đó cho đến Nhật Hoàng hiện đại là Minh Nhân Thiên Hoàng (Akihito Tennō).

Xá Lợi Phát! Bĩ Phật quốc độ, vi phong xuy động chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm. Thí như bách thiên chủng nhạc đồng thời câu tác. Văn kỳ âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。舍利弗。彼佛國土。微風吹動諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生念佛念法念僧之心。

(Này Xá Lợi Phát! Ông chớ có nói những con chim ấy thực sự do tội báo sanh ra. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác.

Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật đó còn không có cái tên ba đường ác, huống hồ có thật? Các loài chim ấy đều do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được tuyên lưu bèn biến hóa ra.

Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và lưới màn báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc hòa tấu. Nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Đoạn này là “*hàng cây diễn pháp*”. Cây và gió thổi nhạc. Gió lùa qua cây báu. Chúng ta biết cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do các thứ báu hợp thành, gió thổi qua, cành, nhánh, hoa, lá cọ vào nhau phát ra những âm thanh giống như những cái phong linh (wind chime) chúng ta thường dùng trong thế gian này. Hiện tại ở ngoại quốc, chúng tôi cũng thường thấy phong linh; chúng tôi treo ngoài cửa, lúc gió thổi qua, tự nhiên nó vang ra những âm thanh rất vi diệu. Tây Phương Cực Lạc thế giới càng chẳng cần phải nói nữa, cây báu quá nhiều, giống như nay ta gọi là “nhạc giao hưởng”, mỹ diệu cùng cực. Gió thổi cây tấu nhạc, chẳng do con người chế tác. Những âm thanh do chúng phát ra, quý vị phải nhớ kỹ: Trong kinh luận Phật thường dạy: “*Y báo tùy trước chánh báo chuyển*” (Y báo chuyển theo chánh báo).

Chuyện gần đây nhất là chúng tôi thấy tiến sĩ Giang Bản Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm kết tinh nước, ông ta thí nghiệm suốt tám chín năm, rất có thành tích. Chúng tôi đã xem những tấm ảnh do ông ta chụp, đọc sách của ông ta, chứng thực điều Phật đã nói trong kinh: “Y

báo chuyển theo chánh báo”, chứng minh pháp tánh, chân tâm pháp tánh “*trạm nhiên trí chiếu, linh minh giác liễu*”, kinh Lăng Nghiêm gọi điều này “*kiến văn giác tri*” (thấy, nghe, hay, biết). Chân tâm và bản tánh của quý vị có đầy đủ bản năng (những năng lực sẵn có), người hiện tại gọi [những năng lực sẵn có ấy] là “*năng lượng*”. Năng lượng vốn sẵn có, có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Tất cả hết thảy vạn vật đều có năng lượng đó! Bởi vậy, thí nghiệm trên nước đã chứng minh nước có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Chúng ta cung cấp thông tin nào cho nó, nó lập tức có phản ứng. Nếu thông tin ấy tốt lành thì phản ứng hết sức đẹp. Đó là phản ứng chúng ta thấy được qua sự kết tinh của nước.

Cũng có những người luyện Khí Công. Hiện thời, luyện Khí Công cũng rất thịnh hành. Trắc nghiệm nơi những đứa trẻ nhỏ từ bảy tám tuổi cho đến mười bốn tuổi trở xuống, chưa từng bị nhiễm ô gì, tâm địa rất thanh tịnh. Những trẻ nhỏ rất thiên chân ấy chỉ cần huấn luyện một giờ, chúng bèn có thể sờ được chữ, nhận được mặt chữ bằng đầu ngón tay. Quý vị viết một số chữ, viết từ một cho đến một trăm, cả trăm chữ, không cho chúng nhìn thấy, chỉ cho chúng lấy tay sờ vào chữ, rồi bảo chúng nó đọc ra chữ gì, chúng bèn nói được. Thí nghiệm mấy chục lần chẳng trật một lần nào, nói lên điều gì? Tay nhìn được. Kinh Đại Thừa thường gọi chuyện này là “*lục căn hỗ dụng*” (sáu căn dùng thay thế lẫn nhau). Tâm phải thanh tịnh thì mới có năng lực ấy.

Nhưng có một điều rất kỳ quái, điều gì vậy? Quý vị viết danh hiệu Phật, Bồ Tát, danh hiệu quý thân, những chữ ấy chúng không biết, nhưng có cảm giác. Nếu quý vị viết chữ “*Phật*”, trẻ nói chữ ấy phóng ra ánh sáng màu vàng, phóng kim quang, mở ra xem là chữ “*Phật*”. Có trẻ lúc sờ chữ, nói chữ này phóng quang, trong ấy lại có mùi thuốc, mở ra xem thì thấy viết “*Dược Sư Phật*”. Chỉ những khi viết những chữ thuộc về linh giới, chúng nhận không ra mặt chữ, nhưng có thể mô tả hình tượng rất rõ ràng. Những người ấy làm thí nghiệm, kiểm những trẻ nhỏ làm thí nghiệm, đại khái là trong một trăm đứa, có chừng mười mấy đến hai mươi đứa thí nghiệm thành công. Lúc nhiều nhất là trong một trăm đứa trẻ tham gia thí nghiệm, gần như hơn bốn mươi đứa thành công, đó là con số tối đa. Tối thiểu thì không ít hơn mười đứa bé tuổi từ bảy tuổi đến mười bốn tuổi. Trong những thí nghiệm khoa học ấy, ta không có cách nào giải thích được cả, chứng minh thực sự có thể thấy được bằng cách lấy tay sờ.

Bởi vậy, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới gió và cây tấu nhạc

[là vì] người ở Tây Phương Cực Lạc thể giới tâm đều tịnh, đều thiện, thuần tịnh thuần thiện, âm thanh của âm nhạc bên ngoài và tâm linh của họ khởi cảm ứng đạo giao trở thành khúc nhạc du dương nhất, chẳng do ai soạn, tự nhiên mà! Nói thật ra, gió và cây ở ngay cõi chúng ta đây, hết thảy âm thanh cũng đều có nhạc khúc, thuận theo chúng sanh đang sống trong thế gian này, do tâm niệm của họ mà phản ứng, vang ra âm thanh. Người trong thế gian tâm bất thiện, tâm chẳng thanh tịnh, vì thế, âm thanh nghe rất đáng sợ, khiến cho ta nghe không cảm thấy an toàn, gió dữ, mưa cuồng! Nhớ kỹ, nhất định phải nhớ kỹ, đức Phật dạy: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Chánh báo là gì? Ý niệm của chúng ta, khởi tâm động niệm là chánh báo. Tất cả hết thảy hoàn cảnh vật chất, mỗi một tế bào trên thân thể chúng ta đều chẳng phải ngoại lệ, đều là vật chất. Bởi thế, tâm và vật gắn liền, chẳng thể phân ly, chẳng thể xem như hai việc được!

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói: “*Nhất thiết nhân quả, thể giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (Hết thảy nhân quả, thể giới, vi trần đều do tâm mà thành Thể). Câu này thuyết minh hết thảy các pháp, lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, vật chất và tâm gắn liền, nhất định chẳng thể tách rời được. Nếu có thể tách rời thì làm sao có cảm ứng được? Chẳng thể có cảm ứng! Bản thể của chúng là Chân Tâm, là pháp tánh. Pháp tánh tự nhiên đầy đủ “*linh minh giác liễu*”, kinh Lăng Nghiêm gọi [điều này] là “*kiến văn giác tri*” (thấy, nghe, hay biết). Đó là bản năng của nó, lẽ đâu nó chẳng thể nghe, chẳng thể thấy? Quý vị phải biết: Chúng ta khởi tâm động niệm, hết thảy hành vi, bất cứ điều gì núi, sông, đại địa cũng thấy hết, ta còn che mắt ai được? Chúng ta nói năng gì, nói khế cách mấy, chúng cũng nghe được. Nhất là hiện tại dùng điện thoại cầm tay (cell phone), nhờ vào làn sóng vô tuyến điện, những lời lẽ của quý vị truyền đi khắp cõi hư không. Đối phương phải cầm cell phone mới nghe được quý vị; chứ chúng sanh trong linh giới chẳng cần đến điện thoại, họ nghe trọn vẹn. Chân tướng sự thật đấy!

Cổ thánh tiên hiền thường dạy chúng ta phải cẩn thận, mỗi người phải cẩn thận, như thường nói: “*Thập thủ sở chỉ, thập mục sở kiến*” (Mười cánh tay chỉ vào, mười mắt nhìn vào), giống như thường có mười ngón tay chỉ vào mình, có mười con mắt nhìn mình, nay chúng ta hiểu không phải chỉ có thế! Vô lượng vô biên con mắt nhìn vào mình, vô lượng vô biên ngón tay đang chỉ mình, đâu phải chỉ mười! Nếu nói theo ý nghĩa biểu thị pháp trong Phật pháp thì con số Mười biểu thị ý nghĩa viên mãn, nghe rất hợp lý. Tất cả hết thảy sinh vật (nay chúng ta gọi là

sinh vật), [ngoài ra] còn có những loài phi sinh vật, sinh vật là hữu tình chúng sanh, phi sinh vật là thực vật, khoáng vật, kể cả hư không, toàn bộ đều thấy được, toàn bộ đều nghe được.

Con người chớ nên khởi ác niệm, chớ nói lời ác, chớ làm chuyện ác, tất cả hết thấy chúng sanh, thiên địa quỷ thần thấy đều thấy biết, điều này đã được khoa học hiện đại dần dần chứng thực. Trước kia, chúng ta chỉ thấy những điều này được ghi trong sách vở cổ, người hiện tại cho là mê tín, người tin vào khoa học cho đó là mê tín, nay khoa học chứng thực thực sự có những chuyện đó. Tất cả hết thấy vạn vật đều có linh tánh; trong Phật pháp nói là “hết thấy vạn vật đều có pháp tánh”. Pháp tánh vốn có đủ linh minh giác tri, nhà khoa học Nhật Bản cũng phát hiện điều sau đây: Chúng có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật gọi [khả năng ấy] là “*kiến văn giác tri*”. Đây là bản năng, là tự tánh, pháp tánh vốn sẵn trọn đủ năng lượng phân bố khắp hư không pháp giới, phân bố trong hết thấy chúng sanh.

Đoạn kế tiếp là “*phong thụ tác nhạc, vi diệu pháp âm, văn chánh pháp lạc*” (gió và cây tấu nhạc, pháp âm vi diệu, [đó là] niềm vui do nghe chánh pháp). Nghe những pháp âm ấy đều mở mang trí huệ, khiến cho cõi lòng của quý vị càng thêm thanh tịnh, tự nhiên bèn niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh “*tự niệm Tam Bảo, đắc chánh niệm lạc dã*” (tự niệm Tam Bảo, đạt được niềm vui Chánh Niệm). “*Thử trung hiển hóa cầm, vi phong, thụ, vãng đẳng âm, nãi nhất thiết y chánh giả thật*” (Đoạn này thể hiện những âm thanh của loài chim biến hóa, gió nhẹ, cây cối, lưới màn v.v... chính là y chánh giả - thật). “Y” là y báo, “chánh” là chánh báo; Giả là Tướng Phần, tức là cái được biến hiện (sở biến), còn Thật là pháp tánh năng biến (chủ thể thực hiện hành vi biến hiện). Pháp tướng được biến hiện ra là giả, vì sao? Chúng sanh diệt trong từng sát-na, pháp tánh năng biến là chân. “*Đương thể tức thị A Di Đà Phật tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã*” (Bản thể của chúng là ba thân, bốn đức của A Di Đà Phật, không mảy may sai biệt), [những giả tướng như các loài chim được biến hóa, gió nhẹ, hàng cây v.v..] là do A Di Đà Phật biến hiện ra. Ba thân của A Di Đà Phật là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân; bốn đức là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Không những kinh này dạy những con chim ấy không phải là súc sanh vì Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ba ác đạo, mà ngay cả đến những tên gọi ba ác đạo cũng đều không có, huống là có thật, toàn là A Di Đà Phật biến hóa ra đó thôi! Phải biết những chuyện biến hóa này

chỉ thuộc Phạm Thánh Đồng Cư độ, vì sao? Người thuộc Phạm Thánh Đồng Cư độ là những người mới vừa vãng sanh, phạm tình còn chưa đoạn hết. Vì thế, A Di Đà Phật rất từ bi, đúng là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức biến hóa ra những sự ấy. Từ chỗ này, chúng ta có thể thấy đúng là đức Phật từ bi đến cùng cực, A Di Đà Phật thực sự là một vị thầy tốt, khéo ra rả khuyên dụ.

Tiếp đó là “*tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp, tứ giáo đạo phẩm, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn thuyết, tùy loại các giải, năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã*” (hữu tình và vô tình cùng tuyên nói diệu pháp, [ba mươi bảy] Đạo Phẩm trong bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), vô lượng pháp môn đồng thời diễn nói, tùy mỗi loại đều hiểu, có thể khiến cho người nghe thấy đều niệm Tam Bảo vậy). Vì sao nghe xong tự nhiên ai nấy khởi lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng? Do hoàn cảnh quá tốt. Hoàn cảnh ấy do A Di Đà Phật biến hóa ra. Ở nơi đây, nếu chúng ta muốn thiết kế một hoàn cảnh tốt đẹp, chúng ta phải dùng rất nhiều tâm tư để thiết kế, phải tưởng tượng mới thiết kế được!

Chúng ta biết ở Trung Quốc vào thời cổ, có rất nhiều khu vườn rừng do sức người tạo thành. Tại Tô Châu, Dương Châu, Hàng Châu, Bắc Kinh, có rất nhiều chỗ, thuở xưa kia, quốc vương, đại thần, trưởng giả giàu có lớn lập ra những hoa viên trong nhà họ với quy mô rất lớn. Có lẽ cái hoa viên mọi người quen thuộc nhất (do đọc bộ tiểu thuyết Hồng Lô Mộng) là vườn Đại Quan trong Hồng Lô Mộng, nó được dụng tâm thiết kế tinh vi. Tây Phương Cực Lạc thế giới là vườn Đại Quan thực sự chẳng dùng đến thiết kế, tự nhiên biến hóa ra. Cõi đó vì diệu đến mức cùng cực, không có cách nào tưởng tượng có một thế giới tốt đẹp đến thế! Cõi ấy do tánh đức tự nhiên lưu lộ. Nếu quý vị thực sự đạt đến cảnh giới thuần thiện thuần tịnh, khôi phục hoàn toàn tự tánh, thì trong tự tánh sẽ hết sức tự nhiên lưu lộ những thứ tốt đẹp như vậy, một tí xíu khuyết hãm tìm cũng chẳng ra.

Do nhân công thiết kế thì dù khéo đến đâu vẫn có sai sót, vẫn có khuyết hãm, không có cách gì thập toàn thập mỹ được. Do tự tánh lưu lộ thì chân thiện, thuần thiện, trong đó, tình và vô tình (“tình” là những con chim, “vô tình” là cây cối hoa cỏ) đều thuyết pháp. Ở đó, lúc chim hót nếu quý vị nghe kỹ sẽ thấy là tiếng thuyết pháp. Khi gió lùa qua lá, cây toàn là cây báu, lá cây chạm vào nhau, phát ra những âm thanh cũng là thuyết pháp. Âm thanh thuyết pháp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn khắp pháp giới, trong hết thủy thời, hết thủy nơi không hề gián đoạn.

Nội dung thuyết pháp là “*Đạo Phẩm thuộc bốn giáo, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn nói*”. Đồng thời diễn nói há chẳng phải là nghe thành tiếng loạn xạ ư? Chẳng phải vậy. Quý vị muốn nghe pháp môn nào, quý vị sẽ nghe pháp môn đó được nói. Hai người chúng ta cùng ngồi một chỗ, tôi muốn nghe kinh A Di Đà, lắng nghe toàn thấy là kinh Di Đà; anh ngồi bên cạnh tôi, anh thích nghe kinh Hoa Nghiêm, những gì anh nghe được toàn là kinh Hoa Nghiêm. Tuyệt diệu! Đây thực sự chính là như trong Phật pháp thường nói: “*Phật dĩ nhất âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, mỗi loại chúng sanh đều hiểu). Vô lượng vô biên pháp môn, quý vị muốn nghe pháp môn gì liền được nghe pháp môn ấy.

Trong thế gian hiện tại này của chúng ta chẳng thể làm được chuyện ấy! Ví dụ như với những thiết bị ta hiện đang có như thế này, chúng ta có phòng phát âm, chúng ta đem mấy chục bộ kinh điển thậm chí mấy trăm bộ kinh điển (quá nhiều cũng không được) cùng phát trên các băng tần (phát trên mấy chục băng tần, hay mấy trăm băng tần khác nhau), đồng thời phát đi. Quý vị muốn nghe một loại kinh nào, vẫn phải vặn nút này nút nọ, bắt đúng tần số mới nghe được, không đúng tần số chẳng nghe được! Hai người chúng ta ngồi cùng một chỗ, mỗi người có một cái máy thu âm nhỏ, tôi nghe kinh Hoa Nghiêm, tôi vặn sang tần số kinh Hoa Nghiêm; bạn nghe kinh Di Đà, bạn phải vặn sang tần số kinh Di Đà.

Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần phải phiền phức như vậy, chẳng có băng tần chi hết, mà cũng chẳng cần đến máy móc gì. Thuận theo lòng muốn, muốn nghe gì liền được nghe thứ đó, muốn thấy gì bèn thấy những hình ảnh đó, thật chẳng thể nghĩ bàn! Nếu như đang ở Tây Phương Cực Lạc thế giới mà đột nhiên nghĩ: Ta từ thế giới Sa Bà đến đây, những thân thích bè bạn của ta trong thế giới Sa Bà hiện thời ra sao? Ý niệm ấy vừa khởi lên, thế giới Sa Bà liền hiện ngay trước mắt quý vị, đều thấy rõ hết, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, đến được thế giới Cực Lạc là thực sự đạt được đại viên mãn, không giả chút nào. Nay chúng tôi nói như vậy, người tin tưởng ngày càng nhiều hơn, vì sao? Khả năng tánh (possibility) ấy được khoa học thừa nhận, được những nhà khoa học gần đây phát hiện ra.

Cư sĩ Chung Mậu Sâm đã từng báo cáo với chúng ta ở đây. Mấy hôm trước, ông ta gọi điện thoại cho tôi: Lần báo cáo trước ông ta chưa thỏa ý lắm, ông ta muốn báo cáo lại. Được chứ! Tôi hoan nghênh ông ta lên núi bất cứ lúc nào để báo cáo tường tận lần nữa tại xưởng phát hình

của chúng ta. Nội dung bản báo cáo lần này của ông ta gồm ba sự kiện:

1) Phát hiện thứ nhất: Dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian không còn nữa. Thời gian và không gian bằng zéro. Nếu nói không có thời gian thì không có xa - gần, Tây Phương Cực Lạc thế giới ở đâu? Ở ngay nơi đây, A Di Đà Phật đối diện với chúng ta, giống như kinh Phật đã nói. Thời gian không còn nữa thì quý vị có thể thấy được quá khứ, có thể thấy được vị lai. Quá khứ, hiện tại, vị lai không còn nữa, biến thành một. Kinh Phật thường ghi: “*Như thị ngã văn: Nhất thời...*” (Tôi nghe như thế này: Một thời...). “Một thời” có nghĩa là như vậy, thời gian và không gian bằng zéro. Đây là điều phát hiện thứ nhất của khoa học.

2) Phát hiện thứ hai: Trong Không sanh ra Có. Kinh Bát Nhã đã nói vậy, Mọi người thường đọc Tâm Kinh: “*Sắc chính là Không, Không chính là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*” đủ chứng minh đạo lý này. Dưới một điều kiện nào đó, trong Không sẽ sanh ra Có; dưới một điều kiện nào đó, Có trở thành Không. Có lại quy về Không!

3) Điều thứ ba được báo cáo là khởi nguyên của vũ trụ. Khởi nguyên của vũ trụ là “nhất thời đốn hiện”, chứ không phải là tiến hóa (phát triển dần dần tốt hơn). Trước kia mọi người tin tưởng vào thuyết tiến hóa, nay khoa học tiến bộ hơn, phát hiện vũ trụ không phải là tiến hóa, mà là nhất thời đốn hiện. Điều này hoàn toàn tương đồng với những gì kinh Phật đã giảng. Cho thấy kinh Phật không phải là ngụ ngôn, chẳng phải là thần thoại. Người xưa thiện căn sâu dày, họ tin tưởng! Người hiện tại thiện căn chẳng sâu dày như thế, cứ phải dùng chứng cứ khoa học để chứng minh thì mới chịu tin. Điều này cho thấy tiền nhân so với con người chúng ta hiện tại, nếu nói một cách thông tục, họ lợi hại hơn chúng ta. Trí huệ của họ cao hơn chúng ta, thiện căn sâu dày hơn chúng ta.

Nếu ngày nay không có những chứng thực khoa học ấy, chúng ta sẽ dùng hai chữ “mê tín” để gạt bỏ sạch, có phải là đáng tiếc quá hay không? Chúng là chân lý, là sự thật chân chánh mà trong một đời này ta bỏ lỡ mất. Vì thế, nay chúng ta đọc được những điều này, đọc đến những cảnh giới như kinh điển đã nói, có khoa học giúp phần chứng minh thì tín tâm càng sâu thêm hơn, tư duy càng thêm rộng mở; do vậy, phát sanh lòng tin, sanh khởi ý muốn vãng sanh, có nguyện vọng cầu được chứng. Nếu quý vị mong được vãng sanh, mong được cầu chứng thì hãy hành theo những phương pháp dạy trong kinh điển, quý vị sẽ chứng thực.

Phần sau, [sách Yếu Giải] có một đoạn tổng kết nhỏ, tổng kết về y

báo trang nghiêm: “*Linh thâm tín nhất thiết trang nghiêm, giai Đạo Sư nguyện hạnh sở thành, Chứng Trí sở hiện*” (Làm cho [người nghe kinh] tin tưởng sâu xa rằng hết thảy sự trang nghiêm đều do nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành, do Chứng Trí hiện ra). Đây là nói về Phật lực gia trì khiến cho người học tin sâu, đúng là chẳng dễ dàng! Bởi vậy, trong kinh đức Phật đã nói [pháp môn Tịnh Độ] là “*pháp khó tin*”. Nếu không có khoa học làm chứng cho chúng ta thì đúng là trong một vạn người tìm không ra được một người [thực sự tin tưởng]. Đối với hiện thời thì phải nói ra sao? Phải nói đến một ức người. Chỉ sợ trong một ức người, chỉ tìm được có một người! Trên thế giới hiện thời có gần bảy mươi ức người (bảy mươi tỷ); như vậy, trong toàn thế giới, người thực sự thâm tín chỉ có khoảng bảy mươi người là cùng, họ nhất định vãng sanh, quý vị thấy tỷ lệ ấy không cân xứng! Trong một ức, tức là trong một vạn vạn người (một trăm triệu), chỉ có một người. Hy vọng với luận chứng khoa học này, chúng ta phổ biến tuyên dương cho mọi người đều biết, khiến cho người tin tưởng kinh giáo sâu xa càng ngày càng nhiều. Vì sao? Có chứng cứ khoa học, không phải mê tín, đó là chuyện thật, chẳng phải giả đâu!

Hôm qua tôi nghe nói ở Trung Quốc Đại Lục xây đập nước trên Trường Giang, ngày hôm qua bắt đầu ngăn nước. Đại khái, mực nước trong hồ chứa trong tương lai sẽ cao hơn một trăm bảy mươi mét. Rất nhiều cổ tích hai bên bờ sông đều bị ngập dưới nước. Rất nhiều thần miếu, ngay cả thành Phong Đô (thành Phong Đô⁶¹ là Quỷ Thành) trứ danh trong lịch sử Trung Quốc cũng bị chìm mất. Một giải Trường Giang có rất nhiều miếu thờ long vương, miếu long vương lớn nhỏ gì cũng bị chìm ngập hết. Chúng tôi xem bản tin đó, có người fax cho chúng tôi xem, cho biết họ thông cáo những quỷ thần bên bờ sông, kể cả

⁶¹ Phong Đô là một huyện của thành phố Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên. Tại Phong Đô có một nơi gọi là Quỷ Thành nằm ngay trên núi Phong Đô, tương truyền đây là nơi cư ngụ của Phong Đô Đại Đế (vị chưởng quản cõi Âm) theo tín ngưỡng dân gian của Trung Hoa. Từ thời Hán Hòa Đế, Quỷ Thành đã được triều đình sắc phong là Quỷ Quốc Kinh Đô, và được Đạo Giáo coi là một trong số 72 nơi gọi là “động thiên phước địa” tại Trung Hoa. Theo các nhà nghiên cứu, tại núi Phong Đô, theo truyền thuyết (được Cát Hồng ghi lại trong bộ Thần Tiên Truyện), thoát đầu có hai vị đạo sĩ là Vương Phương Bình và Âm Trường Sinh tu luyện thành tiên tại núi này, Đạo giáo về sau coi hai vị này là “Thiên Sư” của núi, và ghép hai tên hai vị này thành Âm Vương dẫn đến sự ngộ nhận nơi này là chỗ cư ngụ của vua cõi Âm (âm vương), dẫn đến hình thành niềm tin Phong Đô là chỗ âm tào quản lý linh hồn người chết. Với công trình xây đập thủy điện Tam Hiệp, nơi này đã bị vùi sâu dưới nước.

những yêu ma quỷ quái sống ở hai bờ Trường Giang, khuyên họ phải dọn nhà, càng quan trọng hơn là khuyên họ phải niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ.

Hoàn cảnh cư trú, đạo tràng hương hỏa của bọn họ nay hoàn toàn bị nước nhận chìm, nhất định chẳng thể trách móc cư dân trong lưu vực Trường Giang, hy vọng những quý thần ấy hiểu đạo lý, phát tâm từ bi, di cư đến chỗ đất báu tốt đẹp hơn, quyết chẳng giáng tai ương xuống đầu quần chúng. Mọi người cho là mê tín, hoàn toàn không hợp khoa học, thế nhưng hiện thời có rất nhiều khoa học gia tin tưởng linh giới quả thật tồn tại. Họ gởi những tin tức ấy cho chúng tôi, tôi nói: “Rất tốt! Làm như vậy rất là hay, thực sự có cảm ứng”.

Mẹ bà cư sĩ họ Hồ vãng sanh trong ngày thứ Sáu, ngày hôm đó đạo tràng chúng ta phát khởi Tam Thời Hệ Niệm để siêu độ bà. Đến ngày hôm sau, ở chỗ chúng ta có cảm ứng, có đồng tu bảo tôi: “Mẹ bà ta đến chỗ chúng tôi”. Có thật đấy, chẳng giả đâu! Tuy Hàn quán trưởng vãng sanh đã hơn năm năm rồi, không ít người cảm nhận bà ta đến các đạo tràng của chúng ta để hộ trì, chẳng hề rời khỏi. Rất nhiều đồng tu chúng ta không hoài nghi, đều biết chuyện đó. Bởi vậy, những điều đó khiến chúng ta càng phải tin sâu chẳng nghi, hết thấy sự trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là do hạnh nguyện của A Di Đà Phật tạo thành, do Chứng Trí hiện ra, do trí huệ Bát Nhã trong tự tánh biến hiện. Đó là nói về phía Phật.

Đoạn kế tiếp là: “*Giai ngô nhân tịnh nghiệp sở cảm, duy thức sở biến*” (Đều do tịnh nghiệp của chúng ta cảm vờ, chỉ do thức biến), chẳng phải là hoàn toàn do Phật hiện, không liên quan gì đến chúng ta. Tâm, nguyện, giải, hạnh của chúng ta phải tương ứng với Phật thì cảnh giới ấy đồng thời hiện tiền. Nếu tâm - nguyện - giải - hạnh của chúng ta hoàn toàn trái nghịch, chúng ta chẳng thấy được cảnh giới do đức Phật đã hiện. Phải tương ứng thì mới thấy được! “*Đều do tịnh nghiệp của chúng ta cảm vờ*” là nói về người niệm Phật vãng sanh. Chúng tôi thường nói: Tâm - nguyện - giải - hạnh của người niệm Phật vãng sanh tương ứng với A Di Đà Phật; bởi vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ thấy được cảnh giới ấy, có thể thọ dụng!

“*Phật tâm, sanh tâm hõ vi ảnh chất*” (Tâm Phật và tâm chúng sanh làm ảnh chất cho nhau): Ảnh chất là gì? Chất (質) là thực chất, ảnh (影) là huyền ảnh; giống như thân một người đứng dưới bóng mặt trời, thân ta đây là chất, tức thực chất, mặt trời chiếu xuống có bóng, có bóng của chúng ta, cái bóng đó là huyền ảnh. A Di Đà Phật là thực chất,

chúng ta là huyễn ảnh; chúng ta là thực chất, A Di Đà Phật là huyễn ảnh: “*Hỗ vi ảnh chất*” (làm ảnh chất cho nhau). Chẳng thể nói nhất định A Di Đà Phật là thực chất, bọn phàm phu chúng ta là huyễn ảnh, không thể nói như vậy được! Nói như vậy là bất bình đẳng, nói như vậy không phải là chân tướng sự thật, phải là “*làm ảnh chất cho lẫn nhau*”. Chúng sanh - Phật, ảnh - chất là một, không phải hai, chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp đó, sách lại nêu một tỷ dụ: “*Như chúng đặng chiếu, các biến dĩ nhất*” (Như các ngọn đèn chiếu sáng, ánh sáng mỗi ngọn đèn chiếu khắp mọi nơi, giống như là ánh sáng của một ngọn đèn), giống như chúng ta thắp rất nhiều đèn trong một gian nhà, ngọn đèn nào cũng thắp hết, quý vị thấy giống như chỉ có một ánh sáng; thật ra, ngọn nào tỏa sáng ngọn đó. Vì sao? Nếu chúng ta thổi tắt đi, ánh sáng của ngọn đèn ấy không còn nữa, trọn chẳng trở ngại các ngọn đèn khác. Thắp lên, nó lại sáng bừng, hòa lẫn ánh sáng với những ngọn khác. Thật ra, mỗi ngọn tỏa sáng riêng, ánh sáng của mỗi ngọn đều rọi khắp cả phòng, ánh sáng rọi lẫn nhau, tựa hồ như một, nhưng không phải là một, không phải là một mà dường như là một.

“*Toàn lý thành sự, toàn sự tức lý, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, diệc bất khả thâm tư hỹ*” (Toàn bộ lý trở thành sự, toàn bộ sự chính là lý, dùng toàn bộ tánh ấy để khởi tu, cũng chẳng thể không suy nghĩ sâu xa vậy). Đây mới là chân tướng của sự thật, chân tướng của nhân sinh và vũ trụ là như vậy, thế giới Cực Lạc là như vậy, mà tình trạng hiện tại của địa cầu chúng ta trong thế giới Sa Bà này cũng là như vậy. Bất đồng là vì tâm nhiễm - tịnh bất đồng, hạnh có thiện - ác bất đồng. Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm thuần tịnh, hạnh thuần thiện. Ở nơi chúng ta đây, nhiễm nhiều, tịnh ít, ác nhiều, thiện ít! Bởi vậy, trong thế giới này tai nạn nhiều, khổ nạn nhiều, nguyên nhân là vì đây.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 19

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn cuối cùng của phần “*hàng cây diễn pháp*”. Để tổng kết kinh văn, đức Phật bảo:

Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。

(*Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế*).

Ở phần trên, tôi đã thừa cùng quý vị đại ý của đoạn tổng kết. Nói chung, đức Thế Tôn kỳ vọng chúng ta sẽ sanh lòng tin sâu đậm chẳng nghi ngờ đối với hết thấy sự trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, chúng được thành tựu bởi hạnh nguyện của A Di Đà Phật, cũng như do “*tịnh nghiệp của mỗi hành nhân vãng sanh Tịnh Độ cảm thành, chỉ do Thức biến*”. Tâm Phật và tâm chúng sanh dung hợp thành một thể, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Cuối cùng, chúng tôi nói: “*Toàn Lý thành Sự, toàn Sự tức Lý, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh*” (toàn bộ Lý chính là Sự, toàn bộ Sự chính là Lý, hoàn toàn khởi tu nơi tánh, toàn bộ tánh dốc hết nơi tu). Bốn câu này bàn luận đến mức cùng tuyệt, tức là “*Tánh và Tu không hai*”, Tánh Đức và Tu Đức dung hợp thành một Thể. Đạo lý này hết sức sâu xa, nhưng nếu luận trên mặt sự tướng tu học của Tịnh Độ thì lại vô cùng “*thiền hiển*” (rõ ràng, dễ hiểu). Nói tới chỗ này chính là thâm - thiền bất nhị (sâu và cạn chẳng hai).

Câu cuối cùng chính là lời cảm thán thiết tha của đại sư Ngẫu Ích: “*Nại hà, ly thử Tịnh Độ, biệt đàm duy tâm Tịnh Độ, cam đoạ thử tức điều không chi tiểu dã*” (Sao lại lìa Tịnh Độ này để bàn riêng lẽ duy tâm Tịnh Độ, cam chịu tiếng chê ‘thử tức điều không’). Hết sức cảm thán! Đây là lời trách những kẻ chẳng chất phác, thật thà niệm Phật, coi rẻ pháp môn Niệm Phật, thích “đàm huyền thuyết diệu” (bàn luận những chuyện huyền diệu). Nếu bảo là Có thì thật ra, kẻ ấy chưa hiểu được lý Diệu Hữu. Nếu nói là Không, kẻ ấy cũng chẳng biết đạo lý Chân Không; toàn là nghe lỏm nói mò đó thôi! Nói chung, không thoát khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Cuối câu nói trên đây, Tổ nêu thí dụ: “*Thử tức*” là tiếng chuột kêu, “*điều không*” là chim bay trên không chẳng lưu lại dấu tích. Dùng những hình ảnh này để tỷ dụ: Dùng Thử Tức⁶² để tỷ dụ những kẻ nói Có nhưng chẳng biết lý Diệu Hữu; dùng Điều Không để tỷ dụ những kẻ ưa thích nói Không, nhưng thực sự chẳng hiểu thế nào là Chân Không. Chân Không và Diệu Hữu là một, chứ không phải hai.

Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật thường giảng: “*Tướng có, tánh không; từ trong Không sanh ra Có, Có trở về Không*”, sanh ra rồi quay về, trong thực tế, chúng ta không có cách gì hiểu được, tốc độ [diễn

⁶² Ý nói: Kẻ không hiểu lý Diệu Hữu, cứ lải nhải “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc... tâm tức Phật, Phật tức tâm*”, giống như tiếng chuột kêu chút chút (ở đây dùng chữ Tức để mô phỏng tiếng chuột kêu).

biến] quá nhanh. Vì thế, đức Phật nói là “*bất sanh, bất diệt*”. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy: “*Như lộ, diệt như điện, ưng tác như thị quán*” (Như sương cũng như chớp, nên thường quán như vậy). Kinh Lăng Nghiêm giảng: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Ngay chỗ này xuất sanh, ngay nơi này diệt mất). Sanh - diệt hầu như đồng thời, bởi thế gọi là “*bất sanh, bất diệt*”. Niệm thứ nhất vừa diệt, niệm thứ hai bèn sanh tiếp theo ngay. Niệm thứ hai vừa diệt, niệm thứ ba liền sanh tiếp theo ngay. Tốc độ nhanh chóng, chẳng những phàm phu không thể biết, kinh Đại Thừa nói ngay cả hàng Thất Địa Bồ Tát cũng không biết, từ Bát Địa Bồ Tát trở lên mới thấy được. Dùng công phu định lực rất sâu như vậy thì Bát Địa Bồ Tát mới thấy được cái tướng Động cực kỳ vi tế ấy (tướng Động ấy chính là vô minh, là nghiệp tướng vô minh).

Hiện tại các nhà khoa học đã từ phương pháp suy luận Toán Học tìm ra đạo lý này; họ nói Hữu từ đâu mà có? Hữu từ Không sanh ra, “*vô trung sanh hữu*”. Hữu lại trở về Không trong từng sát-na. Chúng ta nói là từng sát-na, chứ thật ra thời gian tính bằng sát-na vẫn còn dài lắm! Không có cách gì diễn tả được hết! Người “luận Không, bàn Có” chẳng tách khỏi ý thức; nói cách khác, hoàn toàn không rời được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, giống như chuột kêu, như chim bay trên không, chẳng tìm được dấu tích. Đại Sư cảm thán cho những kẻ có duyên phận gặp được pháp môn này, nhưng chẳng chịu thật thà tu tập, thật đáng tiếc!

Đàm huyền thuyết diệu là những ai? Những hạng người trong Tông Môn, Giáo Hạ, đặc biệt là trong thời Mật Pháp này. Chúng ta biết niên đại của đại sư Ngẫu Ích cách chúng ta không xa, Ngài sanh vào niên hiệu Vạn Lịch 26 đời Minh (tức năm 1598), tính ra Ngài là người thuộc thế kỷ 16. Lão nhân gia viên tịch nhằm năm Thuận Trị 11 đời Thanh (tức năm 1654). Đại Sư trụ thế năm mươi bảy năm, không lâu! Ngài vãng sanh lúc năm mươi bảy tuổi. Thành tựu của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, là một vị nhất đại tông sư của Tịnh tông. Ấn Quang đại sư tán thán bộ Yếu Giải như sau: “*Dẫu cho cổ Phật tái lai chú giải kinh Di Đà một lần nữa, cũng chẳng thể hay hơn bản này được*”. Lời khen này chẳng sai một tí nào. Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí khen ngợi đại sư như thế, thì Ngẫu Ích đại sư là ai? Chúng tôi nghĩ nếu không phải là A Di Đà Phật thì cũng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát, chứ chẳng phải ai khác nên Đại Thế Chí Bồ Tát mới tán thán như thế.

Thời gian Phật, Bồ Tát ứng hóa trụ trong thế gian dài hay ngắn đều do duyên cảm ứng của chúng sanh. Chúng sanh có Cảm, Phật, Bồ

Tát liền Ứng. Không còn duyên nữa, Phật, Bồ Tát bèn đi. Ấn hiện vô thường, ấn hiện tự tại, đúng là “*thiên xứ hữu cầu thiên xứ ứng*” (ngàn chỗ mong cầu, ngàn chỗ ứng). Nay chúng ta xem tiếp đoạn tiếp theo.

6.3.3. Chánh Báo Trang Nghiêm

Đoạn tiếp theo nói về Chánh báo Trang Nghiêm. Trước hết, chúng ta hãy đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phát! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà?

舍利弗。於汝意云何。彼佛何故號阿彌陀。

(Này Xá Lợi Phát! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà?)

Đây là lời đức Thế Tôn hỏi tôn giả Xá Lợi Phát. Tiếp đó, đức Phật giải đáp.

Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quang minh vô lượng chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà.

舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號為阿彌陀。

(Này Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu các cõi nước mười phương không bị chướng ngại. Vì thế, Ngài hiệu là A Di Đà).

Chúng ta đọc tiếp luôn đoạn dưới.

Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Cố danh A Di Đà.

又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。

(Lại này Xá Lợi Phát! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên tên là A Di Đà).

Chúng ta phải đọc đến đây mới thấy ý nghĩa chung của cả đoạn. [Sách Yêu Giải nhận định]: “*Thử kinh đích thị trì danh diệu hạnh, cố đặc trưng thích danh hiệu, dục nhân thâm tín vạn đức hồng danh bất khả*

tu nghị, nhất tâm chấp trì, vô phục nghị nhị dã” (Kinh này chỉ bày đích xác diệu hạnh Trì Danh; vì thế đặc biệt trình bày, giải thích danh hiệu, ngõ hầu làm cho con người tin sâu vào vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn, nhất tâm chấp trì, không còn nghi ngờ gì nữa). Trước hết, phải hiểu đức Phật dạy điều gì trọng yếu nhất trong kinh này? Chính là dạy chúng ta “chấp trì danh hiệu”. Trong bốn cách niệm Phật thì thuận tiện nhất, dễ dàng nhất, thù thắng nhất không pháp nào hơn được Trì Danh. Bốn pháp Niệm Phật là Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật. Kinh này chủ trương Trì Danh Niệm Phật, hoàn toàn có cùng chủ trương với kinh Vô Lượng Thọ. Bởi vậy, danh hiệu rất trọng yếu! Đặc biệt muốn nêu bật danh hiệu, nên đức Phật kêu Xá Lợi Phất để hỏi: “Ý ông nghĩ sao? Đức Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vì lý do gì hiệu là A Di Đà?”

“*A Di Đà*” là tiếng Phạn, “*chánh phiên Vô Lượng*” (dịch thành Vô Lượng). A là Vô, Di Đà là Lượng. Dịch theo mặt chữ là Vô Lượng. “*Bốn bất khả thuyết*” (vốn chẳng thể nói), vô lượng như thế nào? Không có gì chẳng phải là vô lượng, điều gì cũng vô lượng, đó là ý nghĩa của danh hiệu. Hết thủy pháp thế gian và xuất thế gian, bất cứ pháp nào cũng đều vô lượng, vì sao? Xứng tánh! Trong Thiên tông, lão hòa thượng phải khảo sát coi học trò có đại triệt đại ngộ hay không. Trong rất nhiều công án Thiên tông, chúng ta thường thấy lão hòa thượng khảo học trò: “Người thực sự hiểu à? Vậy thì cầm lấy một pháp đưa cho ta xem”. Học trò đúng là tùy tiện lấy một pháp, cầm một phiến lá, cầm một nhánh cỏ, giơ một ngón tay, nghĩa là sao? Chúng ta không hiểu gì hết. Lão hòa thượng gật đầu, ấn chứng. Chúng ta chỉ biết là nhiệm màu không thể nói nổi!

Bất cứ một pháp nào cũng đều là vô lượng; trong Chân Như bốn tánh không có dài - ngắn, chẳng có sanh - diệt, chẳng có đến - đi, chẳng có trước - sau. Nói thật ra, không có cách gì để giảng chữ A Di Đà cả, chẳng thể nghĩ bàn! Vậy thì ở đây đức Phật dùng hai nghĩa quang minh và thọ mạng trong [những sự vô lượng ấy], “*Bốn Sư dĩ quang thọ nhị nghĩa, thâm tận nhất thiết vô lượng*” (Bốn Sư dùng hai nghĩa quang minh và thọ mạng để gồm thâm hết thủy vô lượng). Quang minh và thọ mạng biểu thị pháp, Quang biểu thị không gian, Thọ biểu thị thời gian. “*Quang thị hoành biến thập phương, Thọ thị thụ cùng tam tế*” (Quang là chiếu khắp mười phương theo chiều ngang, Thọ là tới cùng ba đời (tam tế) theo chiều dọc). “Tam tế” (三際) là quá khứ, hiện tại, vị lai. “*Hoành thụ giao triệt*” (cùng khắp cả chiều ngang lẫn chiều dọc), tức là “*pháp*

giới thể”. A Di Đà Phật là gì? A Di Đà Phật là pháp giới thể. “*Cử thử Thể tác Di Đà thân độ*” (Nêu lên cái Thể này để làm thân và cõi của A Di Đà Phật): Thân A Di Đà Phật là pháp giới, tức là pháp giới thể. Cõi nước Cực Lạc cũng là pháp giới thể.

“*Diệc tức cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu*” (Cũng chính là nêu lên cái Thể này để tạo thành danh hiệu A Di Đà). Như vậy thì danh hiệu A Di Đà là gì? Chính là danh hiệu của tự tánh, danh hiệu của Chân Như bản tánh. Niệm một câu A Di Đà Phật là niệm Tự Tánh Phật. Nếu chúng ta thắc mắc: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có A Di Đà Phật hay không? Có chứ! Không những có, mà còn thực sự có. Có tướng ấy, Tánh và Tướng là một, không hai. Chẳng những Tánh và Tướng là một, không hai; mà tự - tha cũng là một, không hai. Toàn thể vũ trụ và ta là một, không hai. Sự kiện này ai hiểu được? Càng nói chúng ta càng mê hoặc, nhưng đó là sự thật. “*Trọn pháp giới hư không giới là một con mắt của Sa-môn*”, đây là một công án nổi tiếng trong nhà Thiền, rất nhiều người nói được. Toàn là lời thật, lời của những người thực sự khế nhập cảnh giới.

Bởi thế, sách Yếu Giải viết tiếp: “*Tức chúng sanh bốn giác lý tánh, trì danh tức Thi Giác hợp Bốn*” (Chính là bốn giác lý tánh của chúng sanh, Trì Danh là Bốn Giác hợp cùng Thi Giác). Pháp này nhiệm mầu đến cùng cực! Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật là Thi Giác hợp với Bốn Giác. A Di Đà là Bốn Giác, tức là Bốn Giác nơi tự tánh [của mỗi hành nhân Tịnh Độ], nay chúng ta phát tâm niệm một câu A Di Đà Phật thì cái tâm niệm ấy là Thi Giác. Thi Giác và Bốn Giác là một, không phải hai. “*Thi, Bốn bất nhị, sanh - Phật bất nhị*” (Thi Giác và Bốn Giác chẳng hai; chúng sanh và Phật không hai). “*Sanh*” là chúng sanh, là chính chúng ta. Bản thân chúng ta và A Di Đà Phật bất nhị, Thi Giác và Bốn Giác bất nhị. “*Cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Niệm Phật nhân bất khả bất tri thử nghĩa dã*” (Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Người niệm Phật chẳng thể không biết nghĩa lý này). Người niệm Phật chúng ta hiện nay rất nhiều, có mấy ai hiểu được ý nghĩa này? Chẳng hiểu ý nghĩa này! Chẳng hiểu ý nghĩa này thì niệm Phật không tương ứng, nên chỉ là “*miệng có, tâm không*”. Nếu quý vị hiểu được nghĩa lý này thì sẽ biết niệm, người biết niệm Phật sẽ chẳng thể nghĩ bàn.

Nghĩa là sao? Kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương đã giảng rất hay: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền*

tương lai, tất định kiến Phật” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật). Tâm tự được khai, “*tâm khai*” là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Dùng pháp môn Niệm Phật để minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là Lý nhất tâm bất loạn. Vì vậy, có người niệm Phật đắc Lý nhất tâm, có người đắc Sự nhất tâm, có người đắc công phu thành phiền, có người cái gì cũng không đạt, tâm vẫn là một mớ lộn xộn. Vấn đề chính là quý vị niệm có biết niệm hay không, có tương ứng hay không tương ứng mà thôi! Do đây biết rằng: Kinh giáo này chẳng chỉ dạy điều chi khác, chỉ là kinh Vãng Sanh! Trong những kinh Vãng Sanh, tôi thiếu phải hiểu kỹ kinh A Di Đà. Vì sao? Nếu thực sự hiểu rõ, minh bạch thì Phật hiệu sẽ tương ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu chẳng hiểu lý, chẳng rõ cảnh giới, phương pháp cũng mơ hồ, dấu thời gian niệm Phật dài lâu cũng khó lòng thành tựu. Bởi lẽ, quý vị niệm Phật chẳng tương ứng, chẳng tương ứng với tự tánh, tự tánh là Phật. Không tương ứng với tự tánh thì ta và A Di Đà Phật (chúng tôi thường nói là tâm - nguyện của A Di Đà Phật, “*tâm - nguyện - giải - hạnh*” của A Di Đà Phật, chúng tôi hay nói bốn chữ này) chẳng tương ứng. Trong mỗi niệm đều tương ứng với tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật là Đệ Nhị Nghĩa. Ở đây, sách Yếu Giải nói đến Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa rất khó đạt, tương ứng với Tánh - Thể là Lý nhất tâm bất loạn. Đệ Nhị Nghĩa chưa đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, nhưng có thể đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, tương ứng với tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật. Nếu quý vị chẳng thông giáo nghĩa, sẽ rất khó khăn!

Nếu như có ai vặn hỏi: “Từ cổ đến nay, chúng ta thấy có rất nhiều ông già bà cả niệm Phật, chưa từng đi học, chẳng biết chữ, xưa nay chưa hề nghe [giảng] giáo nghĩa, cái gì cũng không biết, cứ niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, sao họ vẫn thành công?” Chớ nên coi thường hạng người bậc nhất ấy! Thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ đã chín muồi, không có vọng niệm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều không có, nên tự nhiên tương ứng với một câu Phật hiệu. Chính bản thân họ cũng không biết chính mình đã tương ứng! Dấu thiện căn của họ sâu hay cạn, công phu siêng hay lười, vẫn có thể thực sự thành công vãng sanh. Sanh về cõi Đồng Cư là người thiện căn, công phu nông cạn. Sanh về cõi Phương Tiện là hạng người thiện căn, công phu sâu hơn một bậc nữa. Người tôi thượng thừa, tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi thật hiếm có. Vừa sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen liền nở gặp Phật ngộ Vô Sanh,

chớ nên xem thường!

Ngày nay chúng ta gặp chướng ngại, tập khí phiền não quá nặng, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước không buông xuống được. Vọng niệm quá sức nhiều, dùng bất cứ phương pháp gì cũng không ngưng dứt được, chẳng thể không biết điều này. Người thực sự dụng công phải tìm ra phương pháp ngưng dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thực sự sám hối, khẩn thiết cầu Phật gia trì. Phật trên mặt Lý là có, mà trên mặt Sự cũng có. Thực sự có Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự có A Di Đà Phật, không giả chút nào hết! Chúng ta nghiệp chướng nặng dường ấy, làm cách nào đây? Không cầu Phật gia trì sẽ không thể giải quyết vấn đề ấy. Phải cầu Phật, khẩn thiết cầu Phật!

Trước kia, thầy Lý dạy tôi “*chỉ thành cảm thông*”: Chân thành đến cùng cực thì sự cảm ứng sẽ hiện tiền. Quý vị nói mình rất chân thành, nhưng trong sự chân thành ấy vẫn xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; chỉ cần xen tạp một tí tẹo, lòng chân thành đã bị phá hoại rồi. Chỉ là thành, chứ chưa phải chân thành, vì còn xen tạp vọng niệm, xen tạp nghi hoặc: “Mình cầu như vậy có đúng hay không? Phật có thực sự đến hay không? Cầu suốt hai ba ngày mà sao Phật vẫn không đến?” Không chân thành! Vẫn còn xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xen tạp dục vọng, chẳng tương ứng! Vì thế, chẳng thể không biết ý nghĩa này. Có hiểu ý nghĩa này rồi thì quý vị mới hiểu [vì sao] chẳng thể không tu pháp sám hối.

Lúc chúng tôi mới học Phật, còn chưa xuất gia, xin nghỉ việc, nghĩ muốn đi xuất gia; lão cư sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu cho tôi làm quen với pháp sư Sám Vân, đến tiểu thảo xá của pháp sư Sám Vân ở Phố Lý, sống trong tiểu thảo xá ấy để làm công quả. Gian tiểu thảo xá đó chỉ có năm người, ba vị xuất gia là pháp sư Sám Vân, pháp sư Đạt Tông, và pháp sư Bồ Diệu; hai người cư sĩ là lão cư sĩ Châu Kính Trụ và tôi. Lúc đó cụ Châu bảy mươi tuổi, tôi nhỏ tuổi nhất, hình như ba mươi một tuổi. Tôi làm công quả ở thảo xá, dọn dẹp vệ sinh, mỗi ngày nấu hai bữa (thảo xá chỉ ăn Ngọ, không ăn chiều, nấu hai bữa thôi), giặt quần áo. Đun bếp trên núi phải đi nhặt củi, không cần chở củi. Trên núi cây khô, cành nhánh lá cây rụng xuống rất nhiều; mỗi ngày đi nhặt, nhặt củi về đun bếp; trồng rau trên núi, đó là việc của tôi.

Ngoài ra, pháp sư Sám Vân dạy tôi phương pháp tu hành: Lễ Phật! Quy định công khóa lễ bái mỗi ngày là tám trăm lạy, hay lắm! Thực sự đặc lực, lễ Phật để sám trừ nghiệp chướng. Buổi sáng lễ ba trăm lạy, buổi chiều lễ ba trăm lạy. Buổi trưa ăn cơm xong liền nhiễu Phật kinh

hành khoảng chừng nửa giờ, nhiều xong, lễ Phật hai trăm lạy nữa. Còn dư một chút thời gian thì pháp sư Sám Vân chỉ định công khóa của tôi là xem chú giải kinh A Di Đà, Ngài trao cho tôi ba bản chú giải: Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, và Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Tôi tự xem, thầy chẳng dạy, chẳng giảng, bảo tôi phân tích thành biểu giải.

Hoàn tất ba bộ công khóa ấy xong, đọc xong rồi, thầy bảo tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, tôi lên núi đọc sách, đọc rất nhiều thứ. Ba bộ chú giải kinh A Di Đà, Văn Sao của Ấn Quang đại sư. Lúc đó Ấn Quang Văn Sao mới chỉ có bộ Chánh Biên và Tục Biên. Ở Đài Loan lúc đó, Văn Sao in thành một bộ bốn cuốn, mang tựa đề Văn Sao Chánh Tục Biên. Tôi lên núi học suốt năm tháng rưỡi. Trong năm tháng rưỡi, lạy mười mấy vạn lạy, đúng là tiêu nghiệp chướng. Trong lúc lễ Phật, tâm không tạp niệm, chỉ có A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, nghĩ đến A Di Đà Phật. Nay người mới xuất gia không có được phước khí như vậy. Tôi vào thảo xá chăm sóc ba vị pháp sư, một vị lão cư sĩ, mình tôi làm công quả để tu phước! Tôi một chút phước báo cũng không có, phước báo là do tu tại nơi đó, nhờ đó mới bắt đầu tu phước. Lễ Phật sám hối tiêu nghiệp, đọc chú giải kinh A Di Đà và Ấn Quang Văn Sao để mở mang trí huệ, phước huệ song tu. Quý vị phải thực sự thực hành mới được, chớ có sợ khổ.

Lúc ấy, lão cư sĩ Lý Bình Nam sáng lập một Đồ Thư Quán (thư viện) ở Đài Trung, tức là Từ Quang Đồ Thư Quán; phòng chừng Đồ Thư Quán xây cất chẳng bao lâu sẽ xong, tôi bèn rời Phố Lý đến Đài Trung, phát tâm học kinh giáo với thầy Lý. Tôi đến phục vụ trong Đồ Thư Quán. Lúc đó, tại Đồ Thư Quán có ba người, nếu tính cả người chuyên môn nấu bếp thì tổng cộng là bốn người, làm công quả có bốn người. Công việc rất nhẹ nhàng. Công việc cũng không có gì nhiều, tôi thiếu là tôi không phải giặt quần áo cho mọi người, không phải nấu cơm; có người khác nấu rồi! Chỉ giặt quần áo của mình rất tiện, có nhiều thời gian đọc sách. Lúc mới đến Đài Trung, tôi vẫn lễ Phật, mỗi ngày lạy ba trăm lạy, theo mọi người tụng công khóa sáng, buổi sáng lễ một trăm lạy, giữa trưa lễ một trăm lạy, buổi chiều lễ một trăm lạy. Giữ được như vậy trong một thời gian rất lâu, phải thực sự làm nghe! Vừa mới vào cửa Phật thì khổ hạnh là phương pháp tu học đặc lực nhất. Không chịu được khổ, chẳng chịu làm thì không có cách chi hết.

Chúng tôi thường khuyến khích mọi người phải lễ Phật, lễ Phật tiêu nghiệp chướng. Lúc lễ Phật tâm phải định. Quý vị muốn tìm phương

pháp ư? Lễ Phật là phương pháp, Niệm Phật là phương pháp, tịnh tọa là phương pháp, đọc kinh nghiên cứu giáo pháp cũng là phương pháp. Phương pháp nào có hiệu quả cho quý vị thì mỗi người không giống nhau, mỗi người căn tánh khác biệt. Bản thân tôi khi nhiếp tâm thấy vọng niệm nhiều quá, làm thế nào để vọng niệm bớt đi một chút đây? Đối với tôi, phương pháp hữu hiệu nhất chính là lễ Phật và nghiên cứu kinh giáo, trong những lúc làm như vậy bèn không có vọng tưởng. Vì thế, sau này tôi đi theo con đường giảng kinh, thời gian lễ Phật ngày càng ít hơn, nhưng tăng thêm thời gian đọc kinh nghiên cứu giáo lý. Mỗi ngày phải đọc, lúc đọc bèn khuyên hay chấm⁶³, những chỗ quan trọng tôi dùng bút màu khoanh lại, viết ghi chú hay tóm tắt đơn giản bên cạnh. Tập trung tinh thần, ý chí, không vọng tưởng; hễ có vọng tưởng là trật rồi!

Lúc lễ Phật không được có vọng tưởng, có vọng tưởng thì làm sao? Hễ có vọng tưởng sẽ quên mất mình đã lễ bao nhiêu lạy. Vì thế, lúc ấy chẳng thể khởi vọng tưởng, lễ được bao nhiêu bèn ghi nhớ rất rõ ràng. Lễ ba trăm lạy rõ ràng. Hễ khởi vọng tưởng là nhầm lẫn liền. Hễ nhầm lẫn thì sao? Nhầm lẫn thì lạy trở lại từ đầu. Vì thế, tinh thần, ý chí nhất định phải tập trung. Tự mình phải tìm ra cách đối trị phiền não tập khí của chính mình; phiền não tập khí nghiêm trọng nhất là vọng niệm. Phải làm thế nào để ngưng dứt vọng niệm? Thấu triệt, liễu giải Lý là tốt nhất, quý vị đã ở một mức độ sâu rồi. Chẳng liễu giải Lý cũng không sao, trước hết phải chế ngự được vọng niệm, đối với người mới học điều này quan trọng hơn hết. Sau này công phu đặc lực, bất luận tụng kinh hay là nghe giảng, trong nhà Phật gọi là “*thính giáo, đọc kinh*”; đọc kinh hay nghe giảng đều có chỗ ngộ, đều nhờ vào tâm thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì một tí biện pháp gì cũng không có.

Tiêu chuẩn của tâm thanh tịnh là phân biệt, chấp trước ít; càng ít càng hay. Lại còn một việc các đồng học chúng ta phải nên nhớ kỹ: Sự chẳng liên quan đến mình đừng tìm hỏi, trong cả đời tôi [thái độ này] rất đặc lực. Tôi tuyệt đối không nghe chuyện họ Trương giỏi, họ Lý dở, tôi không chịu nổi, từ nhỏ tôi đã tập quen như vậy, không có cái thói quen ấy. Tôi tuyệt đối chẳng hỏi tới chuyện của người khác! Người khác có

⁶³ Nguyên văn “*khuyên dừ điểm*” (khuyên và chấm): Khuyên là vẽ một cái vòng tròn, Điểm là chấm một cái bên cạnh. Người Hoa thường hay dùng son (hoặc mực đỏ) vẽ vòng tròn bao lấy một đoạn hay chấm son bên một số chữ để đánh dấu câu trọng yếu cũng như ta nay dùng bút màu tô đậm câu quan trọng khi đọc sách giáo khoa hay văn bản.

đem những chuyện thị phi như “họ Trương giỏi, họ Lý tệ hại” đến kể với tôi, tôi cũng không nghe; nhiều lắm là nói lấy lệ mấy câu, tuyệt đối chẳng lưu tâm. Đương nhiên càng chẳng thể kể lại. Đó là thói quen được huân dưỡng từ nhỏ, đối với việc học Phật sau này thực sự rất hữu ích, tâm dễ chuyên chú. Đây cũng thực sự là một nhân tố khiến cho sức lý giải được sâu hơn một chút.

Lại xem tiếp đoạn dưới [trong sách Yếu Giải]: “*Tâm tánh tịch nhi thường chiếu, cố vi quang minh. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi thể, cố phóng vô lượng quang minh, cụ hữu nhiếp thọ gia bị chi công, trừ chướng khai trí chi đức*” (Tâm tánh tịch nhưng thường chiếu, nên là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể của tâm tánh là vô lượng, nên phóng ra vô lượng quang minh, có đủ công năng nhiếp thọ, gia bị, có đức tánh trừ chướng, khai trí huệ). Câu này giảng về vô lượng quang. Quang từ đâu mà có? Tâm tánh vốn sẵn có quang minh: Bát Nhã quang minh, trí huệ quang minh, vốn sẵn có! Vốn sẵn có, nhưng sao nay chúng ta không có, trí huệ lẫn quang minh đều không có, quang gì cũng đều không có? Vì sao không có quang? Vì chúng ta mê mất tâm tánh. Vì sao mê? Tâm ta động. Quý vị phải biết: Tâm vốn chẳng động, làm sao động được! Nếu cái tâm thực sự động thì tâm ấy là vọng tâm, chẳng phải chân tâm. Thừa cùng quý vị: Chân tâm vĩnh viễn bất động. Xác thực vì chúng ta mê mất chân tâm, chẳng biết chính mình có chân tâm nên bèn tưởng cái gì là chân tâm? Tưởng ý niệm là chân tâm, tưởng “tâm ta có thể suy nghĩ, ta có thể phân biệt là chân tâm”. [Thật ra], đó là Duyên Lự Tâm, tức là gì? Trong Phật pháp, [Duyên Lự Tâm] được gọi là Thức.

Quý vị thấy chỉ do Thức biến, Thức tâm (vọng tâm) đầu thai trong luân hồi lục đạo. Ai đi đầu thai? Thức tâm. Trong Phật pháp thường nói: “*Tiên lai hậu khứ, tác chúa công*” (Đến trước, đi sau, làm chúa tể). Thức thứ tám là A Lại Da Thức đến đầu thai, nó đến trước hết. Khi con người chết đi, A Lại Da Thức rời đi sau cùng. Vì thế nói “đến trước hết”, nhưng ra đi sau cùng hết, “đến trước, đi sau, làm ông chủ”. Nó chính là nguyên tố chủ yếu của luân hồi lục đạo. Nó là vọng tâm, không phải chân tâm. Coi vọng tâm là chân tâm thì hỏng rồi! Vọng tâm không có trí huệ, chân tâm có trí huệ; nhưng chân tâm và vọng tâm vĩnh viễn ở chung một chỗ, chẳng thể tách lìa, chân và vọng hòa hợp. Ở nơi đâu? Ở ngay trong thân thể chúng ta. Kinh Lăng Nghiêm lấy thí dụ con mắt: Con mắt nhìn lần thứ nhất, cái thấy đầu tiên là chân tâm, ý niệm thứ hai tiếp theo ngay sau đó là vọng tâm.

Bây giờ đã hết giờ rồi, trong tiết sau chúng tôi sẽ dựa theo tình

hình chung mà báo cáo đơn giản cùng quý vị.

*

Chư vị đồng học!

Phần trước nói đến chân tâm và vọng tâm. Chân tâm “tịch nhưng thường chiếu” là quang minh, “chiếu nhưng thường tịch” là vô lượng thọ. Thế nhưng chúng ta chẳng thọ dụng được vì chúng ta toàn dùng vọng tâm. Vấn đề này rất nghiêm trọng. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã cùng A Nan luận về chân tâm và vọng tâm. Thích Ca Mâu Ni Phật lấy tánh Thấy làm thí dụ. Điều này chúng ta phải chú tâm một chút mới hòng thấu hiểu được. Chúng ta mở mắt ra bèn thấy, cái thấy đầu tiên khi mở mắt ra, lúc đó không phân biệt cũng như không có chấp trước, đó là “tâm tánh thấy”, đó là chân. Đó là cái thấy bởi tâm tánh. Đến niệm thứ hai bèn khởi phân biệt, bèn khởi chấp trước, lập tức biến thành “thức thấy”.

Quý vị phải hiểu Thức có phân biệt, chấp trước; Tánh không có. Tánh có thể hiện, còn Thức có thể biến. Chư Phật, Bồ Tát dùng tánh Thấy để nhìn, bởi vậy các Ngài thấy được Nhất Chân pháp giới. Chúng sanh trong chín pháp giới dùng năm mươi một Tâm Sở trong tám Thức để thấy, cho nên những gì họ thấy đều biến thành chín pháp giới. Chín pháp giới do đâu mà có? Đều là từ mức độ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sai khác mà có; phải hiểu điều này! Mê càng sâu thì trong chín pháp giới càng xuống thấp hơn, đọa lạc càng thấp hơn; mê cạn thì lên cao hơn. Nếu chuyển được tám Thức thành bốn Trí sẽ vượt khỏi mười pháp giới, chẳng còn thuộc trong mười pháp giới nữa, nhà Phật gọi [những người ấy] là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát đã chuyển tám Thức thành bốn Trí, các Ngài chẳng dùng Thức, đã kiến tánh rồi.

Bởi thế, ở con mắt thì Chân Tánh hay Chân Như bản tánh hoặc Chân Tâm được gọi là tánh Thấy, tại tai gọi là tánh Nghe, tại mũi gọi là tánh Ngửi, tại lưỡi gọi là tánh Nếm. Nếu nói gộp lại, nói đơn giản hơn một chút thì là “*kiến văn giác tri*” (thấy, nghe, hay, biết). Kiến là mắt thấy, Văn là tai nghe, nơi mũi, lưỡi, thân cảm nhận là Giác, nơi ý là Tri. Vì thế, kiến văn giác tri là căn tánh của sáu Căn. Căn tánh vốn sẵn đủ năng lượng đó, nhưng trong ấy nhất định chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, nó là chân, chẳng phải giả. Đó là chân tâm, là bản tánh, trong kinh Phật gọi nó là “tâm tánh”. Nó “*tịch nhưng thường chiếu, chiếu nhưng thường tịch*”, ở ngay trên thân chúng ta, chứ không

phải ở ngoài. Vì thế đức Phật nói: “*Nhất thiết chúng sanh bốn lai thành Phật*” (hết thầy chúng sanh vốn sẵn thành Phật), câu này là thật, chứ không phải giả. Xác thực là vốn sẵn thành Phật, chỉ cốt sao sáu Căn kiến văn giác tri tiếp xúc với cảnh giới sáu Trần bèn lia được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Quý vị phải biết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là vọng tâm. Vọng tưởng là thức A Lại Da thứ tám, phân biệt là Ý thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy. Trong tám thức, thực sự khởi tác dụng là ba thức này; năm thứ đầu chỉ nghe theo lệnh mà làm, chẳng làm chủ được, kể làm chủ chính là ba thức này. Chẳng dùng đến ba thức này thì chẳng phải là chuyển Thức thành Trí hay sao? Chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Quý vị có chuyển được hay chẳng? Không được! Thật đấy! Mắt thấy sắc, lập tức khởi phân biệt, vọng tưởng. Khởi phân biệt, vọng tưởng là rớt vào hai, rớt vào ba, rớt vào Thức rồi. Hai là gì? Là Ý Căn (Mạt Na) và Ý Thức. Ba là Ý Thức, Mạt Na Thức và A Lại Da Thức. Vừa động một niệm bèn lạc vào hai, vào ba! Rớt vào hai, ba bèn biến thành phàm phu; không rớt vào hai, ba bèn thành Phật hay Pháp Thân Bồ Tát. Phàm - thánh sai biệt là do đây!

Vì thế, chư Phật, Bồ Tát thấy quý vị rất đáng tiếc, có sao quý vị lại khởi phân biệt, chấp trước? Nếu quý vị chẳng khởi phân biệt, chấp trước, có phải là đã thành Phật rồi ư? Có sao lại khởi? Vừa khởi lên như vậy thì sự tướng đã bị vụn vẹo hết, không thấy được chân tướng nữa! Nếu chẳng khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy được chân tướng, đó gọi là Nhất Chân pháp giới. Khởi lên ý niệm rồi bèn rớt vào hai, vào ba, rớt vào ý thức và ý căn; mọi tướng bên ngoài đều bị méo mó. Bởi vậy, đối với tướng trạng của cảnh giới, quý vị bèn ưa thích hoặc chán ghét, có cảnh mong lấy được, có cảnh muốn vứt bỏ, [những ý niệm ấy] đều là phân biệt, chấp trước nghiêm trọng, là tạo nghiệp! Tạo nghiệp sẽ phải thọ báo; quý vị chẳng thấy được chân tướng sẽ chẳng có trí huệ.

Vì thế, Giao Quang đại sư chú giải kinh Lăng Nghiêm, chủ trương “bỏ Thức, dùng Căn”. “Xả Thức, dùng Căn” là gì? Dùng cái niệm thứ nhất, nhất quyết chẳng dùng cái niệm thứ hai. Có lý lắm, hay lắm, nhưng người bình thường làm không nổi. Đúng là làm như vậy không nổi; người làm được như vậy phải là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân. [Làm được như vậy] không chỉ siêu việt luân hồi lục đạo mà còn siêu việt mười pháp giới. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, chẳng thể không hiểu. Làm không được thì là chuyện khác! Học dần dần để

làm! Học như thế nào? Đối với cảnh giới bên ngoài, hãy nhạt lòng chút, đừng mong mỏi hết sức quá phận; chúng ta vẫn còn có phân biệt, nhưng phân biệt ít hơn một chút, chấp trước nhẹ đi một chút. Mỗi năm một ít dần, năm sau nhẹ hơn năm trước là có tiến bộ đấy!

Những người tầm thường chúng ta, những hạng người căn tánh trung hạ nên làm như vậy; đặc biệt hạng người căn tánh bậc trung, nếu có thể mài giũa như thế độ hai mươi, ba mươi năm, sẽ dần dần nhập được cảnh giới, trường thời huân tu mà! Thế nhưng quý vị phải thực sự huân tập, thực sự tu tập thì mới được! Thế nào là thực sự tu tập? Quý vị phải thực sự xem nhẹ [ngũ dục, lục trần] một chút, phải thực sự giảm bớt chấp trước một chút, đó là công phu thực sự! Phân biệt, chấp trước nghiêm trọng, hiếu cường, hiếu thắng, vĩnh viễn là chướng ngại, không có chút biện pháp chi hết! Con người hiện tại tâm tự tôn rất mạnh, tâm ngã mạn rất cao, khó lắm, hết sức khó khăn! Thích Ca Thế Tôn lúc còn tại thế đã thị hiện cho chúng ta thấy Ngài nhẫn nhục như thế nào! Cả một đời Khổng lão phu tử thị hiện, đâu đâu cũng khiêm hư, nhún nhường, việc gì cũng chẳng dám vượt trước người khác, đều chịu lui một bước. Thánh nhân dạy người là do từ Tánh Đức lưu lộ.

Chúng sanh và Phật bình đẳng, vạn pháp bình đẳng, có gì đáng để kiêu mạn đâu nhỉ? Chúng ta đọc đến phần năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy rất rõ năm mươi ba vị thiện tri thức là chư Phật Như Lai ứng hóa, thị hiện cho chúng ta thấy. Họ thị hiện những thân phận thuộc bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ, ai nấy đều khiêm hư, chẳng ai nói: “Ta đúng, kẻ khác sai”. Không ai như vậy cả, tìm không ra một vị nào! Họ đều rất khiêm hư: “Vô lượng pháp môn, tôi chỉ biết một pháp này, đối với các pháp môn khác, người hãy đến thỉnh giáo nơi những vị thiện tri thức khác, họ đều cao hơn ta, đều vượt trội ta, ta chẳng bằng được họ”. Quý vị thấy đó: Mỗi một vị thiện tri thức đều khiêm hư như thế. Cổ nhân Trung Quốc dạy chúng ta: “*Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích*” (Tự mãn chuốc lấy tổn hại, khiêm nhường hưởng lợi ích). Trong sáu mươi bốn quẻ của Kinh Dịch, mỗi một quẻ đều có sáu hào xấu tốt khác nhau. Chỉ có mỗi một quẻ có cả sáu hào đều tốt, không có hào nào hung, trong sáu mươi bốn quẻ chỉ có mỗi một quẻ mà thôi, quẻ nào vậy? Quẻ Khiêm⁶⁴, khiêm hư đại cát đại lợi, không lúc nào bất lợi cả.

⁶⁴ Tức quẻ Địa Sơn Khiêm (mỗi Hào trong quẻ là một vạch liền hay đứt). Quẻ này gồm quẻ Khôn (ba vạch đứt, tức ba hào Âm) chồng lên quẻ Cấn (một hào Dương,

Con người phải học khiêm hư, phải biết nhường nhịn. Quý vị nhường nhịn người khác, người khác nhường nhịn quý vị, nhường nhịn lẫn nhau, xã hội tự nhiên an định, thế giới tự nhiên hòa bình. Trong hai người, có một kẻ tranh, có một người nhường, cục diện ấy sẽ hóa giải hòa bình. Hai người cùng tranh, không nhường nhau, phiền phức xảy ra liền, chiến tranh nổ ra liền. Kết cuộc của chiến tranh là gì? Hai bên cùng bại vong, thương tổn; đây là chân lý! Vì sao hai bên cùng bại vong, thương tổn; chiến tranh có một bên thắng, một bên bại mà? Không sai! Nhìn bề ngoài thấy có kẻ thắng. Lúc quý vị thắng, quý vị giết bao nhiêu người? Hại bao nhiêu người? Những người ấy đều biến thành oán thân trái chủ của quý vị. Oán thân trái chủ sẽ làm gì? Họ đầu thai vào nhà quý vị, làm con, cháu, chắt, chụt của quý vị, họ đến làm gì? Đến báo cừ, há chẳng phải là hai bên cùng bại, cùng thương tổn ư? Vì thế, quý vị phải thấy được nhân quả báo ứng thì quý vị mới biết. Chẳng những giết người, người sẽ báo cừ, mà giết súc sanh, súc sanh cũng báo cừ. Thậm chí ta phá chặt cây cối, hoa cỏ, những hoa cỏ cây cối có linh tánh ấy cũng báo thù, phiền phức lớn lắm. Con người hiện tại chẳng hiểu đạo lý này, phá hoại môi trường tự nhiên, phá hoại cân bằng sinh thái thì thiên nhiên phải báo thù bằng thiên tai, ôn dịch!

Vì thế, lúc chúng ta cần phải sử dụng tài nguyên thiên nhiên, như chúng ta muốn cắt một thảo xá, phải chặt mấy cây gỗ để làm cột, làm kèo, thì đức Phật dạy chúng ta: Ba ngày trước khi chặt cây phải cúng bái, tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho nó. Ba ngày sau mới được chặt cây. Trên cây có thần cây, thỉnh thần cây dọn nhà, dọn qua chỗ khác, chẳng kết oán cừ. Người hiện tại có ai biết đến điều này? Như vậy, vì đâu mà thiên tai lại nhiều đến như thế? Vì chẳng hiểu rõ đạo lý, chẳng thể đối xử hòa bình. Lúc chúng ta thực sự có nhu cầu, đúng là họ có thể cúng dường, có thể phụng hiến, hai bên đều hoan hỷ, tốt hơn nhiều! Chẳng được cây thế hiệp người, cây thế hiệp người hậu quả chẳng thể tưởng tượng được đâu!

Cây cối hoa cỏ thực sự có linh tánh, sự cảm ứng ấy là thật, không giả một chút nào. Tôi nghe có vị đồng học đến kể với tôi trong nhà họ xảy ra chuyện. Thần gì vậy? Thần cỏ. Trong sân nhà ông ta có một khoảnh cỏ không được tưới nước đã lâu, cỏ khô rụi. Những hòn cỏ (thần hoa cỏ) có cách giao tiếp với quý vị, chúng tạo ra từ trường. Có một

hai hào Âm). Thoán Từ giảng: “*Khiêm, hanh quân tử hữu chung*”. Cụ Nguyễn Hiến Lê dịch: “*Nhún nhường: Hanh thông, người quân tử giữ được vẹn vẹn tới cuối*”.

ngày nọ, ông ta trở về nhà, về đến nhà cảm thấy từ trường bất ổn, cảm thấy rất lạ lùng, trong tâm nghĩ có quỷ thần gì chăng? Nếu thực sự có quỷ thần, mình làm sao đối thoại được? Ông ta đột nhiên nghĩ: “Buổi tối nhà tắt đèn điện, [quỷ thần] hãy làm cho đèn chớp lóa một cái”. Độ năm phút sau, ánh đèn điện quả nhiên chớp lóa một cái, ông ta sững sờ! Là thật, chứ không phải giả rồi! Đúng là có quỷ thần trong nhà. Ông ta nói: “Chúng ta đối thoại bằng cách nào đây? Tốt nhất là tối nay tôi ngủ, ngài báo mộng cho tôi hay vậy”.

Tối đó nằm ngủ, thực sự mộng thấy rất nhiều trẻ nhỏ cầu cứu, chúng nói: “Chúng tôi không phải là ai khác, mà là hoa cỏ trong sân nhà ông, chúng tôi sắp chết khô hết rồi, xin ông tưới nước cho! Đến cầu xin đây!” Sáng sớm hôm sau, ông ta ra vườn xem, quả nhiên đúng như vậy, đúng là đã lâu không tưới nước, cỏ úa vàng hết, vôi vàng tưới nước. Sự việc này phát sanh gần đây, mới năm ngoái thôi, chẳng lâu la gì. Tôi đến nhà ông ta xem thử; bởi lẽ, người săn sóc vườn tược là bố ông ta, ông cụ chỉ tưới hoa, tưới cây, không quan tâm đến đám cỏ nhỏ. Cỏ nhỏ đến cầu xin, thật chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, thực vật còn có linh tánh, hưởng gì động vật, hưởng chi con người! Như vậy, đừng ác tâm, đừng ác niệm để đối đãi sẽ kết thành oán. Kết oán rồi, oán oán tương báo lúc nào xong, đời đời kiếp kiếp đau khổ!

Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, mới biết chiến tranh là hai bên cùng bại, cùng tổn, tuyệt đối chẳng phải chỉ một bên thua thiệt. Nếu thực sự hiểu rõ, sẽ tuyệt đối chẳng phát sanh chiến tranh, chắc chắn sẽ tìm phương pháp hòa giải, quyết chẳng dùng đến thủ đoạn ấy. Sự việc này trong kinh đức Phật giảng rất rõ, rất thấu triệt, đáng tiếc con người hiện tại tin vào khoa học, coi mọi giáo huấn của bậc hiền thánh đều là mê tín. Tiếp theo [sách Yếu Giải có] một câu rất hay: “*Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể*” (Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh). Chứng thấu triệt thì dùng phương pháp nào để chứng? Dùng phương pháp Niệm Phật, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh. “*Cố phóng vô lượng quang minh, cụ hữu nhiếp thọ gia bị chi công, trừ chướng khai trí chi đức*” (Nên phóng vô lượng quang minh, có đủ công đức nhiếp thọ, gia bị, có đức năng trừ chướng khai huệ), mở mang trí huệ.

Tiếp đó là câu: “*Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng*” (Tâm tánh chiếu nhưng thường tịch, nên là thọ mạng. Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh, nên thọ mạng vô lượng). Quang

minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, quang minh là trí huệ, trí huệ vô lượng, thọ mạng vô lượng. “*Thị vô Phật tiền Phật hậu nạn chi công*” (Là công năng diệt trừ cái nạn [sinh ra] trước Phật hay sau Phật). Nay chúng ta gặp gỡ, chúng ta sanh trong thế gian này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, tức là “*sau Phật*”. Phật Di Lặc chưa xuất hiện, tức là chúng ta sanh trước thời Phật Di Lặc, sau thời Phật Thích Ca, “*trước Phật, sau Phật*” [là như vậy]. Nhưng cũng còn may, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa diệt, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, nay chúng ta gọi là “*sức ảnh hưởng*”. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế giáo hóa, phạm vi ảnh hưởng của Ngài lớn đến đâu? Thời gian ảnh hưởng dài đến đâu? Phạm vi ảnh hưởng là trọn khắp thế giới này, thời gian ảnh hưởng là một vạn hai ngàn năm.

[Nói đến] thời gian là nói đến thọ mạng, nói không gian là nói đến quang minh. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn còn chín ngàn năm nữa. Vì vậy, coi như chúng ta vẫn còn may mắn, còn có thể đọc những kinh điển được lưu lại, [những kinh điển ấy] quý báu hơn bất cứ gì khác, chính tự mình phải hiểu, phải tiếc nuối, phải thành tựu ngay trong một đời này. Thành tựu là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, phải thấy thấu suốt thế gian này: Thế gian này chẳng đáng để lưu luyến, chúng ta nhất định phải thấu hiểu, phải hiểu rõ điều này. Hễ còn lưu luyến thế gian này tí ti nào, sẽ chướng ngại sự vãng sanh. Nếu quý vị chẳng thể vãng sanh thì nói thật ra sẽ phải luân hồi trong lục đạo không biết bao nhiêu kiếp. Cơ hội được làm thân người, được gặp Phật pháp nói trắng ra không nhiều đâu! Chỉ khi nào quý vị hiểu rõ, minh bạch thì mới có thể chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất niệm Phật. Tiếp theo đây là đoạn kinh văn giảng tiếp về thọ mạng. Chúng ta hãy đọc một lượt.

Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。
。故名阿彌陀。

(Lại này Xá Lợi Phát! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên tên là A Di Đà).

Ý nghĩa của vô lượng quang, vô lượng thọ chúng tôi đều đã giảng trong phần trên; đoạn kinh văn này nói rõ thêm. Ở đây có một từ ngữ

đáng lưu ý là “A-tăng-kỳ kiếp”, A-tăng-kỳ kiếp nghĩa là gì? Chúng tôi cũng nói đại lược: “A-tăng-kỳ, vô lượng, vô biên đều là những con số để tính toán”. Chúng là những đơn vị số lượng của Ấn Độ thời cổ; giống như ở Trung Hoa có đơn vị, có mười, có trăm, có ngàn, có vạn, có ức, có triệu. Ở Trung Quốc, những danh từ như vậy đều là danh từ đơn vị số lượng. Ấn Độ cũng vậy, Ấn Độ gọi nào là A-tăng-kỳ, vô lượng, và vô biên.

Trong đoạn kinh văn giảng về Căn Tự Tại Chủ đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm cho biết Ấn Độ thời cổ có một trăm bốn mươi bốn danh từ để chỉ đơn vị số lượng, như A-tăng-kỳ chẳng hạn, nhiều hơn Trung Quốc nhiều lắm. Tên gọi số lượng trong tiếng Hán dường như chỉ có chừng hai mươi mấy loại. Ấn Độ có nhiều hơn, tính toán nhiều hơn, họ có một trăm bốn mươi bốn loại. Nếu tính cả “cơ số” (cơ số là một, hai, ba, bốn, năm, sáu... tức là những con số cơ bản) thì tổng cộng có đến một trăm năm mươi sáu thứ. Chúng ta gọi đơn vị, chục, trăm, ngàn, vạn là “cơ số”. [Ở Ấn Độ] nhiều đến một trăm năm mươi sáu thứ lận! [Sách Yếu Giải giảng] A-tăng-kỳ, Vô Lượng, Vô Biên “*thị mạt hậu thập đại số chi danh*” (là tên gọi của mười con số lớn cuối cùng), toàn là nhân gấp bội lên. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng, Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên. Điều này “*hiển thị Báo Thân trường cửu*”, thọ mạng dài lâu!

Ở đây nói là “vô lượng thọ”, một Vô Lượng là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ. Đừng nói chi nhiều, cứ tính là một Vô Lượng thôi, trong kinh Đại Thừa, chúng ta thường đọc thấy Bồ Tát tu hành thành Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Ba A-tăng-kỳ kiếp. Chúng ta gọi là “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp*”. Nếu nói thọ mạng của vị ấy là một Vô Lượng thì đã thọ A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, ba A-tăng-kỳ kiếp thắm vào đâu! Chắc chắn thành Phật, một đời thành Phật, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Huống chi “vô lượng thọ” ở đây chẳng phải chỉ là một Vô Lượng. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên, [cứ tính mãi như thế] khỏi cần phải nói nữa!

Quý vị cứ nghĩ đơn giản như thế này: Chúng ta hãy nghĩ đến hai điều;

a) Thứ nhất, thọ mạng của đức Phật trường cửu. Chúng ta theo Phật nhất định thành Phật, bởi lẽ, thời gian cần thiết để thành Phật không quá ba A-tăng-kỳ kiếp, mà thọ mạng của Phật là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, ba A-tăng-kỳ dễ dàng quá! Giống như con người sống được một trăm tuổi, nay học công khóa này phải mất bao nhiêu thời gian? Ba ngày

thôi. Thọ mạng một trăm năm thì ba ngày thấm vào đâu! Đây là một tin vui!

b) Thứ hai, đức Phật trụ thế lâu dài, thời gian giáo hóa chúng sanh dài lâu, vì thế “*hữu cứu độ bất tức chi công*” (có công năng hóa độ lâu dài chẳng ngưng dứt), hy hữu khó gặp! Chúng ta phải tiếc quý nhân duyên này! Đọc khắp Đại Tạng Kinh, trong hết thấy các cõi Phật khác chẳng có sự kiện này. Bởi thế, mười phương chư Phật thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho đại chúng pháp môn này đều liền đến chứng minh.

Ở Trung Quốc, từ cổ đến nay, tổ sư đại đức thuộc bất luận tông phái nào, không vị nào chẳng khuyên người ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quý vị mới hiểu pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng riêng gì Giáo Hạ! Quý vị thấy tông Hoa Nghiêm thuộc Giáo Hạ đó, chẳng phải họ đã nói “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” đó ư? Trí Giả đại sư của tông Thiên Thai vãng sanh thuộc Ngũ Phẩm Vị. Lão nhân gia làm đầu tàu nên các tổ sư tông Thiên Thai, lịch đại tổ sư lâm chung đều niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Cận đại, pháp sư Đàm Hư, pháp sư Đế Nhân là những vị thuộc [tông Thiên Thai] thời cận đại đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lão hòa thượng Hư Vân bên Thiên tông, những lời giảng cuối cùng năm Ngài một trăm mười bảy tuổi, được ghi trong cuốn Phương Tiện Khai Thị Lục, quý vị hãy đọc cuốn sách ấy. Năm một trăm mười bảy tuổi, đại sư giảng khai thị ở rất nhiều nơi, tám mươi phần trăm là khuyên người thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tỷ lệ [khai thị] nói đến tham Thiền rất ít. Đối với Mật tông thì ngay nơi vách studio phát hình của chúng ta có thờ một bức tượng A Di Đà Phật của Tây Tạng. Mật tông cũng tu pháp môn này, cũng cầu sanh Tịnh Độ. Đúng là như lão pháp sư Ân Quang đã nói: “*Thiên kinh vạn luận, xử xử chỉ quy*” (Ngàn kinh muôn luận, chốn chốn chỉ về). Chúng ta phải giác ngộ: Pháp môn nào khác có sự thù thắng như vậy hay chẳng? Hết thấy chư Phật, Bồ Tát đều tới khuyên thỉnh, chưa từng thấy! Mấy vị Phật khuyên thì có, chứ cả mười phương ba đời chư Phật cùng đến khuyên dạy thì chưa từng nghe thấy [trong các kinh khác]. Quý vị phải thực sự hiểu rõ, phải thực sự minh bạch thì quý vị mới quý tiếc phi thường nhân duyên hết sức khó gặp này!

Pháp sư Ân Quang dạy chúng ta một phương pháp tu hành đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Tức là đạo tràng nhỏ, đồng tu không quá hai mươi người, công khóa mỗi ngày giống như đá Phật thất, Phật thất suốt năm. Phương pháp này của lão nhân gia chính là phương pháp của Giác Minh

Diệu Hạnh Bồ Tát. Coi trong Tây Phương Xác Chỉ, chúng ta thấy số người học với Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát còn ít hơn nữa, chỉ có mười hai người thôi, ai nấy đều thành tựu. Viễn công đại sư ở Lô Sơn, Trung Quốc, là vị tổ sư đời thứ nhất của Tịnh tông chúng ta, dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tỉnh Giang Tây, chí đồng đạo hợp một trăm hai mươi ba người cùng tu một chỗ, đó là đại sự nhân duyên. Nay vì sao Ấn Quang pháp sư chẳng khuyến chúng ta cùng tu một trăm hai mươi ba người? Vì sao biến thành hai mươi người mà thôi? Thời đại không giống nhau. Trong thời cổ thì được, không có vấn đề gì. Nay vì sao lại dạy chúng ta cùng tu ít thế?

Thời đại hiện tại là thời đại theo hướng công nghiệp, thời đại khoa học kỹ thuật, đại chúng trong xã hội tin vào khoa học, chẳng tin tôn giáo, cho tôn giáo là mê tín. Nói cách khác, người cúng dường ít ỏi, nếu đông người phải tiêu xài nhiều, tình thế bắt buộc phải lo toan. Phải bận tâm vì hoàn cảnh sinh hoạt vật chất, tâm chúng ta không còn thanh tịnh nữa, khiến cho sự việc vãng sanh bị lỡ làng, rất đáng tiếc! Đạo tràng ít người thì vẫn còn một số người tin tưởng phát tâm cúng dường, Ấn Quang đại sư chú ý đến điều này. Vì vậy, người ít, tiêu xài ít, đạo tràng dễ duy trì, tâm định, lẽ đâu chẳng thành tựu? Ấn Tổ (tổ Ấn Quang) đặc biệt dạy không được hóa duyên, không quyên mộ, không cầu tín đồ bố thí cúng dường, họ tự động đem đến thì mình được phép tiếp nhận, chúng ta không đi xin. Người đến không cầu thì phẩm cách tự nhiên cao hơn, sống tiết kiệm một chút, chịu khổ một chút là được! Các đồng tu cùng tu Tịnh Độ trong thời đại này ở mọi nơi hãy nghĩ xem: Nếu chúng ta chú tâm suy nghĩ lời dạy của tổ Ấn Quang, quan sát tình huống xã hội hiện thời, mới thấy lão nhân gia dạy thật tuyệt vời làm sao!

Nơi đây, chúng tôi thường bảo các vị đồng tu: “Chúng ta tin vào nhân quả, nói theo nhân quả thì chúng ta phải tu phước. Chẳng tu phước làm sao có phước báo cho được? Phải biết tiết kiệm, bố thí, cúng dường chính là tu phước. Dụng công tu hành trong đạo tràng nhỏ của mình, thường chẳng ra khỏi cửa, không ra khỏi cửa có tu phước được không? Được chứ! Mỗi ngày chúng ta tu hành, niệm Phật, nghiên cứu kinh giáo, lễ Phật bằng cái tâm kiên thành, đem những công đức ấy hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, hồi hướng cho xã hội đại chúng, đầy đủ là tu phước. Nơi nào trong xã hội này mà chúng ta có thể phục vụ đại chúng được, chúng ta có năng lực làm được mà chẳng trở ngại đạo tâm của chính mình thì ta có thể vì xã hội đại chúng phục vụ, những chuyện như vậy đều thuộc về phước huệ song tu. Nhất là khi tiếp xúc đại chúng, đó

là cơ hội giáo dục.

Hiện thời, đạo tràng chúng ta mỗi tuần, vào thứ Bảy có bữa cơm tối đậm ấm, thứ Sáu là giảng tòa đa nguyên văn hóa, rất nhiều bằng hữu tại địa phương đến tham gia, đó là chúng ta bố thí. Giảng tòa đa nguyên văn hóa là Pháp Bố Thí, trong Pháp Bố Thí có Tài và Vô Úy. Bữa cơm tối đậm ấm là Tài Bố Thí, trong Tài Bố Thí có Pháp và cũng có Vô Úy Thí. Hơn nữa, ở địa phương này, phạm những sự việc hòng thực sự đoàn kết tôn giáo, đoàn kết các sắc tộc, an định xã hội, cầu nguyện thế giới hòa bình, đối với những việc như vậy, chúng ta đều dành một chút thời gian đến tham dự. Quý vị nghĩ xem: Những việc đó bao gồm cả ba thứ bố thí Tài, Pháp và Vô Úy. Chúng ta thực sự làm được cho nên có quả báo, mới có một chút phước báo hiện tiền, đạo tràng của chúng ta mới có thể duy trì được. Không hóa duyên, không làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự mà có thể sanh tồn thì đạo lý là đây: Thấu triệt, liễu giải nhân quả.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới [trong sách Yêu Giải]: “*Chúng sanh sanh Cực Lạc, tức sanh thập phương, kiến Di Đà, tức kiến thập phương chư Phật, năng tự độ, tức năng phổ lợi nhất thiết*” (Chúng sanh sanh về Cực Lạc chính là sanh về mười phương, thấy Di Đà chính là thấy mười phương chư Phật, có thể tự độ chính là có thể lợi khắp hết thảy chúng sanh). Đoạn này hết sức quan trọng. Sanh về thế giới Cực Lạc là sanh về hết thảy thế giới của chư Phật. Vì sao? Chúng ta chỉ cần đọc kinh Vô Lượng Thọ là thấy ngay: Hết thảy chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật, đều cung kính A Di Đà Phật, khẳng định A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, vua trong các Phật). Người ở thế giới Cực Lạc thời thời khắc khắc đến mười phương thế giới lễ Phật, nay chúng ta gọi là “*đi phủng vấn, đi thỉnh giáo*”. Hết thảy chư Phật hoan nghênh. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông tự tại, đến đi tùy ý.

Những gì Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta toàn là [sự tướng trong] Phạm Thánh Đồng Cư Độ, nếu là Thật Báo Trang Nghiêm độ thì chính là như kinh nói: “*Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh*”, [khi đó] quý vị ở trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, thời gian và không gian chẳng còn nữa. Quá khứ Phật cũng hiện tiền, vị lai Phật cũng hiện tiền [bởi vì] thời gian và không gian chẳng còn nữa! Đó là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, thấy Phật Di Đà là thấy mười phương chư Phật, tự độ được mình là độ khắp hết thảy chúng sanh. Đoạn kinh văn

tiếp theo là:

Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.

舍利弗。阿彌陀佛。成佛以來。於今十劫。

(Này Xá Lợi Phất! A Di Đà thành Phật đến nay là mười kiếp).

Kinh dạy: “Thành Phật đến nay đã là mười kiếp”. Hãy nhớ kỹ trong phần trên tôi đã nói, thọ mạng của A Di Đà Phật là vô lượng thọ, Vô Lượng là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ kiếp số. Thật ra là vô lượng vô biên, nay hiện tại Ngài mới thành Phật mười kiếp; nói cách khác, Tây Phương Cực Lạc thế giới mới khai trương được mấy ngày! “Hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị ương” (Hiện đang còn thuyết pháp, tức là thời kỳ Chánh Pháp còn chưa hết), vừa mới mở đầu thôi! “*Phổ khuyến nhất thiết chúng sanh, tốc cầu vãng sanh, đồng Phật thọ mạng, nhất sanh thành biện*” (khuyến khắp hết tất cả chúng sanh hãy mau cầu vãng sanh để có cùng thọ mạng như Phật, hoàn thành đạo nghiệp trong một đời). Như vậy, chúng ta đã biết chân tướng sự thật này, nay hãy nhất tâm nhất ý cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tương lai trở thành bậc nguyên lão nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới ấy mới thành lập được mười kiếp, chúng ta đã đến đó; thế giới ấy tồn tại vô lượng kiếp, quý vị đến thế giới ấy lúc nó mới tồn tại mười kiếp thì phải thuộc vào tầng lớp nguyên lão nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Ngàn vạn phần chớ coi thường, đừng nghĩ một đời này mình không vãng sanh cũng không quan hệ gì, ta đã kết duyên cùng A Di Đà Phật, đời mai sau, khi duyên chín muồi, ta sẽ lại sanh về Cực Lạc. Cái đời mai sau ấy chẳng thể nói nhất định là bao nhiêu kiếp, pháp môn này chẳng thể thường được gặp gỡ đâu nhé! Thân người chẳng thể thường có, được làm thân người khó lắm! Bởi vậy, hiện thời chúng ta phải tự suy nghĩ cẩn kẽ, mai sau ta có còn được làm thân người hay chẳng? Hãy nghĩ đến điều đó trước tiên, đừng nghĩ chi khác! Nếu đời sau chẳng được làm thân người là xong, đến kiếp nào mới lại được làm thân người khó nói lắm!

Muốn được làm thân người thì phải tu Ngũ Giới, tu Thập Thiện, trung phẩm Thập Thiện Nghiệp đạo. Phải tu Ngũ Giới và trung phẩm Thập Thiện Nghiệp đạo mới được làm thân người. Chúng ta phải suy nghĩ: Tính điểm Ngũ Giới và Thập Thiện nếu chẳng đủ điểm đậu, sẽ chẳng được làm thân người! Lúc không đạt được thân người là phải đọa tam đồ. Thời gian trong tam đồ dài lâu, [thời gian chịu khổ trong] A Tỳ

địa ngục là vô lượng kiếp, không xong rồi! Hết sức đáng sợ! Gặp được pháp môn này lần nữa, có thể nói thật là càng diệu vợi hơn nữa, đúng là thành ra vô lượng kiếp sau quý vị mới có thể vãng sanh. Nay vãng sanh mới là mười kiếp, không gì tốt hơn, vẫn phải khéo tranh thủ ngay trong hiện tại, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật!

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 20

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp đoạn cuối cùng của phần Chánh Báo Trang Nghiêm, đoạn kinh văn ấy như sau:

Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật, thành Phật dĩ lai, u kim thập kiếp.

舍利弗。阿彌陀佛。成佛以來。於今十劫。

(Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật đến nay là mười kiếp).

Hôm qua tôi đã trình bày cùng quý vị: Trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng vô lượng kiếp. Đức Thế Tôn giải thích danh hiệu A Di Đà Phật bằng cách quy nạp giản lược: Một là vô lượng quang, hai là vô lượng thọ. Quang chẳng những biểu thị trí huệ, mà còn biểu thị không gian. Thọ mạng còn biểu thị thời gian. Nói theo cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta là “thời gian và không gian vô lượng”, đó là phương tiện thuyết pháp thiện xảo của đức Thế Tôn. Chúng ta biết đức Thế Tôn thuyết pháp dựa trên Nhị Đế, ở đây là nói theo Tục Đế, chúng ta vừa nghe là hiểu, liền sanh khởi tâm ngưỡng mộ.

Dem mười kiếp so với vô lượng kiếp thì thời gian rất ngắn. Trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa, đức Thế Tôn dạy chúng ta: Phàm phu tu hành chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề phải cần đến thời gian vô lượng kiếp, chẳng dễ dàng gì! Chúng đắc bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo liền thành Pháp Thân Bồ Tát; Pháp Thân Bồ Tát tu cho đến khi viên mãn rất ráo phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đúng là chẳng dễ dàng. Thế nhưng lời Phật nói ấy chẳng thể nói là giả, mà cũng chẳng thể cho là thật, tức là sao? Chúng ta phải biết nghe. Nếu không thể buông tập khí phiền não xuống thì đúng là vô lượng kiếp, còn nếu thực sự có thể buông tập khí phiền não xuống được thì phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm.

Vô lượng kiếp có thể rút thành một niệm, một niệm có thể mở rộng ra thành vô lượng kiếp. Mở bằng cách nào? Rút bằng cách nào? Ở

đây tợ hồ chúng ta hiểu một chút diện mạo [của vấn đề]: Mở rộng hay rút ngắn là do chính bản thân mình, chứ không phải ai khác, cũng chẳng tại ngoại cảnh. Nói như chém đinh chặt sắt: “Hễ buông xuống được thì vô lượng kiếp biến thành một niệm; nếu trong bụng vẫn còn chút gì vướng mắc không buông xuống được thì một niệm biến thành vô lượng kiếp!” Đó là chân tướng sự thật! Đây chính là cái được các kinh Đại Thừa gọi là “*nhất thời đốn hiện*”, quý vị hãy suy nghĩ ý nghĩa này. Nhất thời đốn hiện là một niệm ngay lập tức hiện thành vô lượng kiếp, một niệm hiện ngay thành pháp giới, hư không giới, hết thủy cỗi nước, chúng sanh. Một niệm mê bèn đốn hiện, một niệm giác bèn hồi đầu, vô lượng kiếp biến thành một niệm.

Vĩnh Gia đại sư nói rất khéo: “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (giác rồi ba cõi rộng toang hoang). Giác rồi thì đại thiên thế giới không còn nữa, mất tiêu hết, Hữu trở về Vô; một niệm mê, Vô biến thành Hữu, mở ra Hữu. Toàn là trong một niệm giác hay mê! Nếu chúng ta hỏi: Chư Bồ Tát (ở đây là đại Bồ Tát), chư Phật ứng hóa trong chín pháp giới, họ là giác hay vẫn mê? Nếu họ giác sao chẳng thể hiện cảnh giới ấy: “*Giác hậu không không vô đại thiên?*” Nếu họ hiện cảnh giới ấy, họ khác gì phàm phu chúng ta đâu, mê mà! Như vậy, rốt cuộc các Ngài giác hay vẫn còn mê? Nếu câu hỏi như vậy rất hay! Trong cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát giác và mê không hai. Nếu quý vị nói các Ngài mê thì đó là các Ngài thị hiện trong pháp giới chúng sanh, nhưng chưa hề khởi tâm động niệm, chưa hề có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên các Ngài là giác. Dầu giác, nhưng nếu chúng sanh có Cảm, các Ngài bèn hiện tướng. Các Ngài vừa biểu diễn, vừa có thể vì hết thủy chúng sanh thuyết pháp, làm ra vẻ như các Ngài ở trong mê, chẳng khác gì phàm phu chúng ta!

Các Ngài là mê - giác bất nhị, còn phàm phu chúng ta bị thiệt thời chỗ nào? Giác là không mê, mê là không giác; giác và mê đối lập. Phật, Bồ Tát không đối lập, giác và mê thống nhất. Giác chính là mê, mê chính là giác. Quý vị thấy trong kinh chẳng thường nói “*phiền não tức Bồ Đề, Bồ Đề tức phiền não, sanh tử tức Niết Bàn, Niết Bàn tức sanh tử*” đó sao? Mọi người thường niệm Tâm Kinh, nhưng nói trắng ra, ai nấy đều vô tâm lơ đãng; Tâm Kinh giảng rất rõ: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”. Nếu gộp giác và mê lại thì giác chính là mê, mê chính là giác, giác chẳng khác mê, mê không khác giác.

Đây là Chánh Giác thuộc quả địa Như Lai, đây mới là chân tướng

của nhân sinh và vũ trụ, nó có Thể, có Dụng; chứ không phải là có Thể mà chẳng có Dụng. Ứng hóa trong mười pháp giới là từ Thể khởi Dụng; dù khởi Dụng, Dụng cũng chẳng mê. Vì thế, có thể độ chúng sanh. Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này phải giác ngộ, phải nên phát tâm. Giác ngộ như thế nào? Giác ngộ là thực sự phát tâm muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thực sự giác. Cuối cùng có mấy câu, trước hết chúng tôi đọc kinh văn một lượt. Đây là kinh văn:

Hưu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị. Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。諸菩薩眾。亦復如是。舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Lại này Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn, đều là A La Hán, chẳng thể tính toán để biết được nổi. Các vị Bồ Tát cũng giống như thế. Nay Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế).

Đoạn này nói về sự thành tựu của A Di Đà Phật trong việc dạy dỗ, thầy dạy học trò, trò có thành tựu hay không? Học trò có thành tựu là quý vị đã dạy thành công. Nếu quý vị dạy hay đến đâu, thời gian dạy dài đến đâu mà học trò không có thành tựu thì việc dạy học của quý vị đã thất bại rồi. Dựa vào đó để luận thành bại. Bởi vậy, cũng dùng tiêu chuẩn đó để luận định một đạo tràng là thù thắng hay kém cỏi. Đạo tràng này của quý vị thù thắng thì thù thắng ở chỗ nào? Trong đạo tràng ấy, thực sự có người niệm Phật vãng sanh, có người khai ngộ, có người chứng quả thì đạo tràng ấy thù thắng! Chứ chẳng quý ở chỗ đạo tràng có đông người. Đạo tràng của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát chỉ có mười hai người mà thù thắng bậc nhất. Vì sao thù thắng bậc nhất? Vì cả mười hai người ấy đều vãng sanh. Đạo tràng ấy suốt đời niệm Phật, không một ai chẳng thể vãng sanh, chỉ kết pháp duyên cùng A Di Đà Phật thì không thể coi là thành tựu được!

Những giảng sư nêu gương giảng kinh, hoàng pháp, trong số ấy có mấy ai khai ngộ? Có người khai ngộ là vị giảng sư ấy có thành tựu. Nếu không ai khai ngộ thì chẳng có thành tựu chi hết! Chúng ta phải biết tiêu

chuẩn là gì: Trong Niệm Phật Đường có bao nhiêu người đắc Nhất Tâm? Bao nhiêu người công phu thành phẩm? Công phu thành phẩm là thành tựu! Nếu chúng ta hỏi Tham Thiên vì sao chẳng thể minh tâm kiến tánh? Niệm Phật vì sao công phu chẳng thể thành phẩm? Học Giáo vì sao chẳng thể đại khai viên giải? Cái gốc bệnh là ba chữ này: “*Không buông xuống!*”

Bởi vậy, chúng ta phải thường tự phản tỉnh: Mình đã buông xuống được những gì? Tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham - sân - si - mạn, không buông xuống được chi hết! Tôi thường khuyên dạy các vị đồng tu: “Mười sáu chữ ấy không buông xuống được thì làm sao thành tựu cho được!” Đó là gốc bệnh, là chướng ngại căn bản của chúng ta. Nếu chúng ta có năng lực hiểu thấu suốt, thường xuyên nhận biết thì dù chẳng dễ buông xuống, nhưng nhất định phải buông xuống. Tôi cũng thường nói: “Việc này phải mỗi năm một nhẹ hơn, mỗi tháng một mỏng nhẹ dần”, rất quan trọng đấy nhé! “Mỏng nhẹ dần” chính là buông xuống dần dần. Buông xuống ngay lập tức là chuyện không thể nào làm được, quý vị không phải là căn tánh ấy cho nên học những điều ấy chưa được! Dần dần buông xuống, sao cho nhạt bớt một chút, đừng khát khe quá mức, chớ nên phân biệt quá mức, đừng chấp trước quá mức. Thường học hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, như vậy là tốt, đừng chấp chặt thành kiến của chính mình, chấp trước là điều tệ hại nhất!

Quý vị thấy tiên sinh Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm kết tinh nước, chúng ta đã xem hình chụp các kết tinh đó, nhận thấy điều gì? Tùy theo thái độ của con người: Một đặng là theo cách ra lệnh, một đặng là dùng phương cách thỉnh cầu thì nước kết tinh khác nhau. Hãy nêu một thí nghiệm của ông ta: “Mày làm đi!” đó là câu mệnh lệnh. Câu khác là: “Này! Chúng ta hãy cùng nhau làm!” Cùng là một việc, nhưng tâm tư thái độ khác nhau, nước kết tinh hoàn toàn khác nhau. Nói “chúng ta cùng nhau làm” thì nước kết tinh đẹp hơn rất nhiều. Nếu quý vị hạ mệnh lệnh: “Mày làm đi!” nước sẽ kết tinh không dễ coi cho lắm. Đó là phản ứng tự nhiên. Bởi thế, những đại nhân vật đối với thuộc hạ chẳng dùng mệnh lệnh, ngôn từ uyên chuyển, nhu hòa, giáo huấn thuộc hạ, khiến cho họ cả đời cảm kích quý vị thì quý vị thành công. Nếu quý vị dùng mệnh lệnh, đương nhiên họ chẳng thể không phục tùng, vẫn làm, nhưng tâm họ không hề cảm kích, hiệu quả khác hẳn.

Lúc chúng tôi còn trẻ, khoảng đầu hai mươi hai tuổi, có một ngày đang ở sở, công việc ít, làm xong việc rồi, ngồi xem sách. Lúc đó tôi

ngồi hay ngã người ra sau, hai chân trước cái ghế giờ hồng khỏi mặt đất, tựa hồ chúng tôi đang nằm ngửa ra, rất thông dong. Ông xếp tôi (tôi không biết đến từ lúc nào), từ sau đi tới, vỗ vào tai tôi. Tôi thấy ông ta vội đứng lên, ông ta bảo tôi: “Không được ngồi như vậy, ngồi vậy dễ bị té chổng gọng lăm!” Ông ta luôn luôn nghĩ giùm tôi; bởi thế, tôi bỏ được cái tật đó, suốt đời không dám phạm nữa, rất cảm kích ông ta. Nếu trái lại, ông ta xạc cho tôi một trận, tôi vẫn phải phục tùng, nhưng sẽ như thế nào? Ông ta đi rồi, tôi lại chứng nào tật nấy, bắt phục mà! Vì thế, người làm được sự nghiệp lớn khác với người tầm thường. Quý vị thấy những cán bộ trung cấp thường thích ra lệnh cho thuộc cấp, sự nghiệp bọn họ hữu hạn; từ chỗ này quý vị thấy được ngay.

Trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn, tiên sinh Viên Liễu Phàm kể: Ông ta quan sát những học trò đi thi, những sĩ tử nào đi thi ngôn hạnh đoan trang, khiêm hư, hòa hoãn, tôn kính hết thầy mọi người, ông ta đoan quyết những trò ấy nhất định thi đậu. Phỏng theo sách Liễu Phàm Tứ Huấn, chúng tôi quan sát mấy người, đúng là không trật một ai. Nhìn người ở chỗ nào? Khiêm kính, tức là khiêm hư, cung kính. Mình ở địa vị cao đối đãi với nhân viên cấp nhỏ nhất toàn bằng thái độ khiêm hòa như thế, mọi người vui vẻ thực sự phục tùng mình, chịu dốc hết sức, chịu tận tụy vì mình, tôn kính mình, ưa thích mình. Lúc dùng lời lẽ ra lệnh, tâm họ chẳng phục, lúc đó họ bị quý vị cai quản, quý vị là cấp trên, họ không làm gì được. Tương lai, lúc quý vị mất chức, không ai đốai hoài nữa. Cái trò ra oai của quý vị đã sai rồi, đã thất bại rồi!

Vì thế, chúng ta thấy thái độ khiêm kính của Phật, Bồ Tát, của Không Tử, Mạnh Tử như trong Luận Ngữ nói, chúng ta phải biết học theo, bởi các Ngài dạy dỗ thành công. Vì sao? Học trò khâm phục, học trò thực sự kính yêu thầy. Kính yêu thầy nên chẳng dám trái nghịch giáo huấn của thầy. Trái nghịch lời thầy dạy, lương tâm chẳng yên, cảm thấy mình có lỗi với thầy. Quý vị thấy sức ước thúc ấy rất lớn. Thầy không còn ở đời nữa, vẫn cứ như cũ, chẳng dám trái nghịch lời thầy dạy, vì nguyên nhân nào? Chân thành kính trọng thầy, yêu mến thầy sâu sắc, chứ chẳng có gì khác ngoài lòng kính yêu cả! Đó là điều chúng ta phải nên học theo. Vì vậy, khi đọc đoạn kinh văn này, chúng ta hiểu A Di Đà Phật dạy dỗ rất thành công, đệ tử Thanh Văn, đệ tử Bồ Tát số đến vô lượng vô biên.

6.3.3.1. Riêng khuyên chúng sanh phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ

Chúng ta xem tiếp ý lớn thứ hai: “*Đặc khuyến chúng sanh ưng cầu vãng sanh dĩ phát nguyện*” (Riêng khuyến chúng sanh phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ). Trước hết, chúng ta đọc kinh văn:

Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ chúng sanh sanh giả, giai thị A Bộ Bát Trí. Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, dẫn khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.

又舍利弗。極樂國土。眾生者。皆是阿鞞跋致。其中多有一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。

(Lại này Xá Lợi Phát! Chúng sanh sanh vào cõi nước Cực Lạc đều là A Bộ Bát Trí, trong số ấy nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, số ấy rất nhiều, chẳng thể tính toán hông biết được nổi, chỉ có thể nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ).

Chúng ta xem đoạn này trước. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của Tây Phương Cực Lạc thế giới, các thế giới khác không hề có. “*Đốn siêu viên chứng*”: Ở đây, chúng tôi phải phân ra mấy đoạn để nói. Đoạn thứ nhất là “*tịnh đức khuyến nguyện*”. Chúng ta có thể nói như thế này: Thế giới Cực Lạc giống như một trường Đại Học Phật giáo do mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai thiết lập, A Di Đà Phật là hiệu trưởng. Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc là từ đâu đến? Từ mười phương thế giới niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chẳng phải đến từ một quốc độ nào, chẳng phải đến từ một khu vực lớn nào mà đến từ vô lượng vô biên các cõi Phật trong mười phương. Đến như thế nào? Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Phật Như Lai giới thiệu cõi Cực Lạc với mọi người, khuyến mọi người đến cầu học nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới; bởi vậy, người đến đó rất đông.

Đương nhiên cũng có người dù nghe, giống như trong thế giới chúng ta vậy, tuy nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu [cõi Cực Lạc và pháp môn Tịnh Độ] nhưng chẳng hứng thú lắm, có một phần thân tình ái luyện Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng đành lòng tách lìa Bồn Sư. Dầu Bồn Sư khuyến chúng ta đến đó cầu học, chúng ta vẫn chẳng cam lòng đi: “Thầy mình rất tốt, tôi muốn ở gần thầy, chẳng muốn đi qua nơi khác”, rất nhiều người như vậy. Chúng ta thấy trong nhà Phật rất nhiều người học theo các tông phái khác, khóa tối đều niệm kinh A Di Đà, nhưng họ

chẳng niệm A Di Đà Phật, cũng chẳng cầu sanh thế giới Cực Lạc. Họ niệm Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi ngày lễ Phật cũng lễ Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, họ chẳng lễ A Di Đà Phật, cũng chẳng niệm A Di Đà Phật, chẳng nghĩ cầu sanh về thế giới Cực Lạc, rất nhiều! Tôi gặp không ít người như thế. Đây là một thứ tình chấp.

Nay chúng ta không niệm Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm A Di Đà Phật, chúng ta có trái nghịch Bổn Sư hay chẳng? Không hề có! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, chúng ta bèn niệm A Di Đà Phật, vâng lời mà! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta qua thế giới Cực Lạc học với A Di Đà Phật, giống như bậc trưởng thượng trong nhà (cha mẹ của quý vị) bảo quý vị: “Có một vị thầy tốt, con hãy nên tới bái sư, nên qua đó học tập”. Quý vị không rời được cha mẹ, không muốn rời khỏi cha mẹ, dù cha mẹ không thể ép buộc quý vị, nhưng lắc đầu: “Đứa con này không nghe lời!” Biết nghe lời bèn đi, đến đó đề sớm có ngày thành Phật. Nếu quý vị không đi, thời gian tu hành Vô Thượng Bồ Đề rất u là dài! Bởi vậy, “*chúng sanh sanh giả*” (chúng sanh sanh về đó) trong đoạn này đều là các chúng sanh biết nghe lời, nghe theo lời Bổn Sư của chính mình răn dạy. Bổn Sư của họ giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, chắc chắn các Ngài giảng kinh A Di Đà, giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng Quán Vô Lượng Thọ Kinh, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới với mọi người. Vì thế, những ai biết nghe lời đều phát tâm vãng sanh, người trong thế giới Cực Lạc đông đảo, không có cách gì tính đếm được.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thật là phi phạm, “*giai thi A Bệ Bạt Trí*” (đều là A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí (Avaivartika) là gì? A dịch là Vô. Trong chữ A Di Đà Phật, A là Vô, Di Đà là Lượng. Ở đây, A là vô, Bệ Bạt Trí là thoái chuyển. Người Trung Quốc không quen nói “*vô thoái chuyển*” mà nói là “*Bất Thoái chuyển*”. Vì thế, A Bệ Bạt Trí là Bất Thoái chuyển. Vì thế, sự học tập trong Tây Phương Cực Lạc thế giới gọi là đốn siêu, là viên chứng. Điều thứ nhất là “*sanh giai Bất Thoái*”: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định chẳng bị thoái chuyển. Thế giới này của chúng ta rất tệ hại, rất khó thể thành tựu học thuật thế gian hay xuất thế gian. Vì nguyên nhân nào? Tiến thì ít, lui rất nhiều. Điều này mỗi cá nhân đều hiểu rất rõ, đúng là sự thật. Thế giới Tây Phương quý nhất là A Bệ Bạt Trí. A Bệ Bạt Trí là một danh từ chuyên môn, chẳng phải là Bất Thoái Chuyển tầm thường đâu nhé, mà là một hạng Bồ Tát ở một mức độ rất cao sâu, kinh điển Đại Thừa thường

nói là từ bậc Thất Địa trở lên.

Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị phải chú ý đến hai chữ “*giai thị*” (đều là), hai chữ này rất quan trọng. “*Đều là*” nghĩa là gì? Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ người Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ cho đến Thượng Thượng Phẩm vãng sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ đều là A Duy Việt Trí (A Bộ Bạt Trí), bởi vậy pháp này gọi là “*pháp khó tin*”. Nói với mọi người tu học Đại, Tiểu Thừa chuyện này, họ đều lắc đầu không tin. Vì sao? Phải là Thất Địa Bồ Tát mới hòng được Bất Thoái Chuyển. Kiến Tư phiền não đoạn sạch, Trần Sa phiền não đoạn sạch, phá một phẩm vô minh mới thành Sơ Trụ Bồ Tát, chúng được ba thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái. A Bộ Bạt Trí là viên chứng ba thứ Bất Thoái, tức là chúng viên mãn ba thứ Bất Thoái. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo mới chúng được, thế nhưng còn kém xa bậc Thất Địa đến ba mươi bảy tầng; giống như đi học mới vào lớp Một, trong khi Thất Địa Bồ Tát đã học lớp thứ ba mươi bảy rồi. Quý vị mới học lớp Một, người ta đã học lớp thứ ba mươi bảy rồi, làm sao sánh bằng người ta được cơ chứ?

Nhưng xác thực là quý vị có thể đời nghiệp vãng sanh, quý vị là phàm phu, dầu cho một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chẳng đoạn, nhưng trí huệ, thần thông năng lực tự hồ chẳng kém Thất Địa Bồ Tát cho mấy. Vì nguyên nhân gì vậy? Được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì! Giống như hạng phàm phu tầm thường chúng ta, sanh trong một gia đình nghèo hèn, rất túng quẫn, không có gì hết, nhưng quý vị có một người họ hàng hay bè bạn rất sang cả, rất giàu có, họ mời quý vị đến nhà họ làm khách. Quý vị không có áo quần đẹp ư? Họ cho quý vị, họ cho quý vị chỗ ở, cho cơm áo, ăn xài chẳng khác gì họ cho mấy! Ra khỏi cửa cũng có xe ngựa, nhưng có điều khác biệt: Có cái gì là của mình hay không? Không có gì là của chính mình hết! Trường giả giàu to có phước báo có thể cho quý vị hưởng ké.

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như vậy đó. Chúng ta là hạng phàm phu lè tè sát đất, một phẩm phiền não chưa đoạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hưởng phước của A Di Đà Phật. Đương nhiên bản thân mình phải có một chút điều kiện vừa mắt người ta, nếu không dựa vào đâu để người ta mời mọc quý vị cơ chứ? Đó là tịnh nghiệp niệm Phật của quý vị thành tựu. Ngẫu Ích đại sư đã giảng điều này rất khéo, chúng ta niệm Phật phải niệm đến công phu như thế nào mới có thể tương ứng, mới có thể vãng sanh? Ở trên, tôi đã thừa cùng

quý vị rồi: “*Một niệm tương ứng một niệm sanh. Niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh*”. Ở chỗ này, đại sư giảng rất sâu, tôi nói rất nông cạn cho mọi người dễ hiểu. Tôi nói bốn chữ “*tâm, nguyện, giải, hạnh*”. Tâm của chúng ta phải giống như tâm Phật, nguyện của chúng ta phải giống với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Giải (解) là cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh phải giống như A Di Đà Phật, hạnh của chúng ta phải giống như hạnh của A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật tâm thanh tịnh, nguyện thanh tịnh, giải thanh tịnh, hạnh thanh tịnh, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Đó là Năng Cảm. Hằng ngày niệm Phật, nhưng tâm - nguyện - giải - hạnh của chúng ta không thanh tịnh sẽ không có cảm ứng, nhất định phải hiểu đạo lý này, chẳng thể không hiểu! Nơi nào là Tịnh Độ? Kinh điển Đại Thừa thường nói “*tâm tịnh thì cõi Phật tịnh*”. Chúng ta phải tu bằng cách nào? Chiếu theo Vô Lượng Thọ kinh mà tu là đúng. Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất rõ ràng; không theo kinh Vô Lượng Thọ, hành theo kinh A Di Đà có được hay không? Được chứ! Kinh A Di Đà lời lẽ đơn giản, nhưng ý trọn khắp, đúng là rất nhiều chỗ chúng ta đọc không hiểu, phải xem chú giải của các tổ sư. Bản chú giải đơn giản nhất, nhưng thiết yếu nhất thì không gì hơn được Yếu Giải. Chúng ta có thể tuân chiếu Yếu Giải mà tu tập thì sẽ đúng! Chắc chắn vãng sanh, tức là sao? Phải hiểu kinh A Di Đà, không hiểu không được!

Kinh Di Đà rất khó hiểu, nhất định phải đọc chú giải. Trong các chú giải, độ dày của bản Sớ Sao của Liên Trì đại sư còn nhiều hơn kinh Vô Lượng Thọ nữa. Bởi vậy, quý vị đừng thấy kinh này rất ngắn mà làm! Nếu giảng kỹ thì mỗi ngày giảng hai tiếng, cả năm vẫn chưa xong. Trước đây chúng tôi đã giảng Sớ Sao một lần, mười mấy năm trước đây, lúc đó chúng tôi chưa có thiết bị âm thanh, nhưng có máy thu âm. Mỗi lần giảng một tiếng rưỡi, hình như tổng cộng giảng tới ba trăm ba mươi buổi, một bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao thôi nhé! Chẳng dễ dàng đâu! Nếu quý vị chẳng thấu triệt, hiểu rõ, làm sao quý vị tu? “*Sanh giai Bất Thoái, cù hữu dụ bồi căn lực công*” (Người sanh về đó đều được Bất Thoái, có đủ công đức dẫn dụ, vun bồi căn lực), “*công*” ở đây là công đức. Chúng ta thấy điều này, trong tâm rất háo hức, Bất Thoái Chuyển như vậy rất khó được, bọn ta nên nhanh chóng sanh về đó.

“*Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ*” (Trong số ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ), Nhất Sanh Bồ Xứ là Đẳng Giác Bồ Tát, số người như thế rất nhiều, “*kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản*

khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết” (số ấy rất nhiều chẳng thể tính toán hòng biết được nổi, chỉ đành nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ). Chẳng tuyệt diệu lắm hay sao? Trong thế giới hiện tại của chúng ta, tìm không ra một vị Đẳng Giác Bồ Tát, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỗ nào cũng thấy. Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác, Đại Thế Chí là Đẳng Giác, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Sanh về đó, các Ngài đều là đồng học. Đẳng Giác Bồ Tát là trường lớp. “*Cụ trợ đương sanh thành tựu chi đức*” (Có đức tánh giúp cho ta được thành tựu ngay trong đời hiện tại): Ở cùng một chỗ với những vị đồng học ấy, quý vị cứ nghĩ xem, có thoái chuyển được hay chẳng? Không thể nào thoái chuyển được! Những vị ấy đều là vô lượng thọ. Vì thế, nhất định thành Phật ngay trong một đời, chẳng có nổi khổ chết chóc!

Thế giới Sa Bà thọ mạng ngắn ngủi, dẫu có vị thầy tốt chỉ dạy, có đồng học tốt giúp đỡ, quý vị công phu mới vừa đắc lực, thọ mạng đã hết, thật là phiền! Đời này tâm lành, hạnh lành, đời sau chắc chắn được làm thân trời người. Được làm thân trời người chắc chắn phước báo to hơn đời này, hưởng phước quá đậm ra hồ đồ, rất khó tiếp tục tu hành. Quý vị chỉ cần nhìn vào những người giàu sang sống quanh chúng ta, vì sao những người ấy phú quý? Do đời trước tu hành, nay được hưởng quả báo ấy. Họ có chịu tu hành nữa hay không? Quên sạch hết! Dẫu có nghĩ tu hành rất tốt, nhưng nay còn lắm việc chưa xong, đợi đến khi nào ta giải quyết xong mọi việc, hãy lại tu hành. Sự việc còn chưa xong thì thọ mạng đã hết rồi!

Trước kia tôi ở Đài Loan, tôi có một vị trưởng bối vừa là đồng học vừa là bạn rất thân của cha tôi, làm đến Trung Tướng. Lúc tôi học Phật, cụ cũng tán thành: “Khá lắm, rất tốt!” Lúc đó, cụ đã nghỉ hưu, kinh doanh một nông trường, bảo tôi: “Chừng nào tôi làm xong việc này, tôi cũng phải học Phật” Mấy năm sau cụ mất, sự nghiệp vẫn còn dang dở, thọ mạng đã hết rồi. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, quý vị mới hiểu tại sao chẳng thể không vãng sanh thế giới Cực Lạc. Không vãng sanh thế giới Cực Lạc, quý vị tu suốt một đời này, dẫu đời sau được làm thân người, bị mê khi cách âm, muốn tiếp tục tu hành hết sức khó khăn, chẳng dễ dàng chi! Quên hết sạch sự việc đời trước, từ lúc mới sanh ra cho đến khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, chắc chắn quý vị chịu ảnh hưởng của cha mẹ, người thân, quyến thuộc, những người ấy có chịu kêu quý vị tu hành hay chẳng? Có chịu kêu quý vị đi xuất gia hay không? Không có khả năng đó đâu!

Mười sáu, mười bảy năm chịu ảnh hưởng đó biến thành tập quán của mình, tức là: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” ([Chịu ảnh hưởng] từ nhỏ trở thành giống như tánh tình bẩm sinh, do thói quen biến thành tự nhiên). Quý vị chẳng dễ gì nảy sanh ý niệm tu hành, hầu như không có khả năng! Nếu như phước báo lớn lao, càng chẳng dễ dàng. Nếu quý vị sanh trong một gia đình nghèo khổ, chịu rất nhiều bần dập, may ra mới có ý niệm xuất thế, có ý niệm tu đạo. Nếu là có phước báo, sanh trong gia đình giàu sang thì chẳng có khả năng, tuyệt đối chẳng có khả năng! Chúng ta thấy rõ chân tướng sự thật này, quyết định chẳng chịu luân hồi, đời sau quyết định chẳng lâm vào tình cảnh ấy.

Phải thực sự cầu được vãng sanh! Phải thực sự nâng cao cảnh giới của mình lên! Phiền não tập khí nhất định phải đoạn, nhất định phải tu thành. Trong một đời này, tâm địa thanh tịnh, tâm địa thiện lương, đối với hết thảy người, sự, vật, chớ nên có mảy may oán hận. Có chút oán hận nào thì quý vị sẽ bị đọa lạc, đời sau lúc gặp phải oán thân trái chủ, oan oan tương báo, đáng thương lắm thay! Nếu đức Phật chẳng giảng cho chúng ta [điều này], chúng ta vĩnh viễn không biết. Vì vậy, phải thực sự tu hành. “Tu hành” là “sửa đổi hành vi của chính mình cho đúng”. Trong hành vi, quan trọng nhất là quan niệm, tức là hành vi nơi ý nghiệp.

Tôi thường khuyên các đồng học biến địch thành bạn, hóa oán thành thân, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quyết định chẳng được đối lập với hết thảy chúng sanh, chẳng những không được đối lập với người, mà với hết thảy động vật cũng không được, với hết thảy thực vật cũng không được! Chớ nên đối lập! Phải có lòng yêu thương, phải có lòng cung kính, cung kính đối với người. Đối với sự đều phải cung kính. Kinh gọi đó là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các thượng thiện nhân cùng ở chung một chỗ). Chúng ta phải vun bồi thượng thiện, vun bồi tâm hạnh thượng thiện thanh tịnh chân chánh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một đời này, một chút chướng ngại cũng chẳng có.

Ồ! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta cũng đọc qua đoạn kinh văn tiếp theo đó một lần:

Xá Lợi Phát! Chúng sanh vãng giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.

舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。

(*Này Xá Lợi Phát! Chúng sanh nghe nói, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy*).

Hai câu này rất quan trọng.

Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ.

所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。

(*Vì sao vậy? Được cùng với các thượng thiện nhân như vậy cùng nhóm họp một chỗ*).

Đoạn này nói cho chúng ta biết về các thượng thiện nhân. Từ ngữ “*chư thượng thiện nhân*” chỉ các Đẳng Giác Bồ Tát, tức những bậc Nhất Sanh Bồ Xứ. Nhất Sanh Bồ Xứ mới là Thượng Thiện Nhân! Nói bao quát là “*đầy đủ công đức tăng thượng, duyên thù thắng*”, duyên ấy rất thù thắng, nhân sự hoàn cảnh tốt đẹp, được sự vui “*nhân hòa*”. Thế giới Cực Lạc đúng là thiên thời, địa lợi, nhân hòa không khuyết hãm mảy may nào. Bởi vậy, đức Thế Tôn khuyên chúng ta: “*Ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (Hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Quý vị nghĩ lời nói ấy đúng hay sai? Khắp mười phương thế giới, tìm không ra hoàn cảnh nào thù thắng đến như thế, trọn đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Nếu thực sự chịu phát nguyện vãng sanh, sẽ vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ luân hồi lục đạo trong thế giới Sa Bà. Nếu quý vị chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại chẳng thể chứng đắc minh tâm kiến tánh, ắt phải chịu cái khổ luân hồi trong lục đạo. Quý vị kết ác duyên với hết thảy chúng sanh, oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, càng nghĩ càng đáng sợ!

Lại xem tiếp đoạn thứ hai [trong sách Yếu Giải]: “*Đối nghiệp vãng sanh hoành xuất tam giới, Đồng Cư hoành cụ tứ độ, khai hiển tứ giáo pháp luân*” (Đối nghiệp vãng sanh là thoát khỏi tam giới theo chiều ngang, cõi Đồng Cư theo chiều ngang có đủ bốn cõi, khai hiển tứ giáo pháp luân). Trước hết, chúng tôi nói dăm câu: Trong một đời này, chúng ta có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc đúng là do đối nghiệp vãng sanh. Nếu chẳng đối nghiệp thì về căn bản, chúng ta chẳng có cơ hội vãng

sanh! Đối nghiệp vãng sanh là thoát khỏi tam giới theo chiều ngang (hoành xuất tam giới). Quý vị phải biết: Mọi cách tu hành khác chẳng phải là “hoành xuất”, mà là “thụ xuất” (thoát ra theo chiều dọc). Nếu quý vị muốn vượt thoát lục đạo luân hồi, phải đi qua Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, thoát khỏi Dục Giới như vậy, lên đến Sắc Giới. Trong Sắc Giới phải trải qua Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, tất cả mười tám tầng trời, lại phải vượt qua bốn tầng Không Thiên để thoát khỏi luân hồi lục đạo, nên gọi là “thụ xuất”. Trong tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật là “thụ xuất”. Còn người đối nghiệp vãng sanh thì sao? Hoành siêu! Chẳng cần phải đi theo con đường trên, chúng ta từ nhân đạo vượt ngang ra, nên gọi là “hoành xuất tam giới”, chẳng phải là “thụ xuất”, thoát ra từ nhân đạo.

Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Cõi Đồng Cư có đủ cả bốn cõi [Tịnh Độ] theo chiều ngang. Chúng ta về đó đương nhiên là về Phạm Thánh Đồng Cư Độ, đối nghiệp mà! Bốn cõi [Tịnh Độ] trong thế giới chư Phật ở mười phương không ở cùng một chỗ, Thích Ca Mâu Ni Phật có Thật Báo Độ, nhưng Thật Báo Độ ấy chẳng ở trên địa cầu chúng ta, chẳng ở cùng một nơi. Ngài có Phương Tiện Hữu Dư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ thuộc tứ thánh pháp giới, còn Thật Báo Độ là Nhất Chân pháp giới, không ở cùng một chỗ. Giống như các trường học trong thế gian này: Tiểu Học, Trung Học, Đại Học tách rời nhau. Tiểu Học là Tiểu Học, Trung Học là Trung Học, Đại Học là Đại Học, không ở cùng một chỗ. Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc biệt, Đại Học, Trung Học, Tiểu Học, viện nghiên cứu cùng dạy trong một phòng học, rất đặc biệt; bởi thế, nó là pháp khó tin! Chúng ta đến đó là học trò Tiểu Học, nhưng cùng học chung một lớp với chúng ta có những sinh viên Đại Học, có nghiên cứu sinh, có sinh viên thuộc ban Tiến Sĩ, chúng ta gặp khó khăn gì họ bèn giúp cho, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ giống như sanh vào Phương Tiện Độ, vì sao? A La Hán là đồng học của mình, cùng học chung với mình trong một phòng học; giống như sanh vào Thật Báo Độ, vì ở chung một chỗ với Bồ Tát, giống như sanh vào Thường Tịch Quang Độ, vì sao? Chư Phật Như Lai cũng ở chung một chỗ với mình!

“*Khai hiển tứ giáo pháp luân*”, ý nói: Chúng ta đến đó tiếp nhận sự giáo dục viên mãn. Tứ giáo là Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Ngẫu Ích đại sư thuộc tông Thiên Thai, Ngài học giáo lý Thiên Thai. Trong tông Thiên Thai, Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đến Tây Phương Cực Lạc thế

giới được hưởng nền giáo dục viên mãn, một chính là bốn, bốn chính là một. Thầy dạy cao minh, đồng học cao minh, đồng học đều là Đẳng Giác Bồ Tát, là các thượng thiện nhân.

“*Chúng sanh viên tịnh tứ độ*”: “*Chúng sanh*” chính là chúng ta; chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi ấy tâm thanh tịnh, bốn cõi Tịnh Độ đều thanh tịnh. “*Viên*” là viên mãn, [“*viên tịnh tứ độ*”] là bốn cõi thanh tịnh viên mãn, cũng có nghĩa là tâm thanh tịnh đều tương ứng với bốn thứ Tịnh Độ. “*Viên kiến tam thân, viên chứng tam Bất Thoái*” (Thấy trọn ba thân, chứng trọn ba thứ Bất Thoái): Ở đây, phải chú ý đến ba chữ “*viên*”. Vì sao? Chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là hết thấy viên mãn. Lúc ở những thế giới phương khác, đâu có thể thấy, có thể nghe, nhưng không viên mãn! Chỉ riêng ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thấy đều viên mãn, đó là do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Tam thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Ba Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Ba thứ Bất Thoái này chúng tôi chưa lại để giới thiệu trong phần sau.

“*Nhân dân giai nhất sanh thành Phật*” (nhân dân đều thành Phật trong một đời): Hãy chú trọng chữ “*giai*”. “*Giai*” có nghĩa là phạm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều không có ngoại lệ, ai nấy đều thành Phật trong một đời. Thời gian một đời có khác biệt, có người sớm một chút, có kẻ chậm một chút, vì nguyên nhân nào vậy? Nguyên nhân chẳng ở bên ngoài, mà ở ngay nơi mình. Nếu quý vị siêng gắng tu hành, sẽ sớm có ngày thành Phật, vượt lên trước. Nếu quý vị biếng nhác, giải đãi, tán loạn một chút, thời gian để thành Phật của quý vị phải dài hơn. Đây chẳng phải là do thầy, chẳng phải do đồng học, chẳng phải do hoàn cảnh tu học, mà là vì chính mình dụng công siêng năng hay lười nhác. Muốn siêng học thì tốt nhất phải tập thành ngay từ bây giờ, nuôi dưỡng thành thói quen, thói quen ấy có thể mang sang thế giới Cực Lạc. Nói cách khác, đến thế giới Cực Lạc thời gian để thành tựu của quý vị sẽ rút ngắn lại.

“*Như thị đặng thắng dị siêu tuyệt*” (Sự thù thắng, lạ lùng vượt trội không còn gì hơn được nữa như thế đó): Thù thắng, lạ lùng là khác với mọi thế giới. Chẳng những vượt trội, mà còn siêu tuyệt (vượt trội mọi thứ, không gì hơn được nữa), “*toàn tại thử nhị khoa điểm thị, tu để nghiên chi*” (hoàn toàn được trình bày trong hai khoa này, phải nên nghiên cứu kỹ càng): Sự thù thắng trang nghiêm siêu tuyệt khôn sánh của thế giới Cực Lạc nằm ở trong hai đoạn kinh văn này: Y báo màu nhiệm và chánh báo màu nhiệm, tức là hai đoạn kinh văn này tường

thuật sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo. Ngẫu Ích đại sư đặc biệt dẫn dò chúng ta phải tích cực nghiên cứu, chẳng được coi thường.

Trong phần trên đã nói tới Bất Thoái. Bất Thoái có ba loại:

1) Vị Bất Thoái “*nhập thánh lưu, bất đọa phàm địa*” (nhập dòng thánh, chẳng đọa xuống địa vị phàm phu).

Hạng người nào vậy? Tiểu Thừa Sơ Quả, bậc Sơ Trụ của Biệt Giáo, bậc Sơ Tín trong Viên Giáo (tức là Sơ Tín Vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm), bọn họ đắc Vị Bất Thoái. Những địa vị này là địa vị thánh nhân, quyết định chẳng thoái chuyển làm phàm phu nữa. Các Ngài đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, kiến giải chính xác, chẳng phải là tà tri tà kiến. Để thuận tiện cho việc giảng dạy, đức Phật gộp tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thành năm loại lớn: Thứ nhất là Thân Kiến, thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Giới Thủ Kiến, thứ tư là Kiến Thủ Kiến, thứ năm là Tà Kiến. Nói chung đều là kiến giải sai lầm, cách thấy sai lầm, đối với vũ trụ, đối với nhân sinh, đối với hết thảy vạn pháp đều nhìn sai lầm. Những cách nhìn sai lầm ấy họ đều buông xuống được, có cách nhìn chính xác, chẳng còn thoái đọa làm phàm phu.

Phàm phu có cách nhìn sai lầm, cách nghĩ cũng sai lầm; nhưng phàm phu thì sao? Phàm phu chấp chặt cách nghĩ và cách nhìn của mình là chính xác, nghĩ người khác đều trật, bởi thế, họ vĩnh viễn là phàm phu. Con người phải biết sai mới thay đổi được; chẳng biết lỗi mình thì làm sao sửa? Kẻ ấy luôn nghĩ mình đúng, người khác sai, Phật, Bồ Tát có nói cũng cho là sai, là mê tín; vậy là không có cách nào hết. Lúc nào biết sai, lúc ấy mới sửa đổi được. Trong Phật pháp nói đến tu hành thì sửa đổi cho đúng những lầm lạc là tu hành, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Sơ Quả và Sơ Tín Bồ Tát thuộc Viên Giáo, dầu chưa thoát tam giới, chưa vượt khỏi luân hồi lục đạo, nhưng quyết định chẳng đọa ba ác đạo. Như Sơ Quả Tiểu Thừa chúng đắc Sơ Quả, bảy lần sanh vào cõi người hay cõi trời mới chúng A La Hán, bèn thoát tam giới. Các Ngài tu hành chẳng gián đoạn giữa chừng, chúng quả, đạt Vị Bất Thoái.

2) Loại thứ hai là “*Hạnh Bất Thoái, hằng độ sanh*”. “*Hằng*” (恆) là vĩnh viễn, tâm nguyện độ sanh chẳng bị thoái chuyển, chúng sanh vô biên thế nguyện độ, các Ngài chẳng đọa Nhị Thừa. Vì sao? Bậc Nhị Thừa là A La Hán, Bích Chi Phật không độ chúng sanh. Quý vị phải hiểu: Không phải các Ngài không độ sanh, các Ngài cũng độ sanh, nhưng không chủ động! Chúng sanh tìm đến Ngài, lạy Ngài làm thầy, học đạo với Ngài, Ngài tiếp nhận, nhưng Ngài chẳng đi tìm người khác, “không độ chúng sanh” có nghĩa là như vậy. Chẳng giống với Bồ Tát,

Bồ Tát đến tìm ta, nhưng lúc Bồ Tát đến tìm ta, Ngài xem xét cơ duyên, xem duyên có chín muồi hay chưa? Chín muồi là gì? Lúc tìm đến quý vị, nếu quý vị có thể tin tưởng, tiếp nhận thì Bồ Tát bèn đến. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị chưa chín muồi, Ngài đến tìm ta, ta chẳng thể tiếp nhận! Quý vị chẳng thể hiểu thấu thì lúc ấy Bồ Tát chẳng đến tìm quý vị!

Đây chính là điều nhà Phật thường nói: “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ vô duyên). Ở đây, “*vô duyên*” không phải thực sự là không có duyên gì, mà có nghĩa là duyên chưa chín muồi. Lúc chưa chín muồi, các Ngài không đến; duyên chín muồi bèn đến. Lúc chín muồi thì các Ngài giảng, quý vị tin được, hiểu được, lại còn có thể phụng hành, duyên chín muồi rồi mà! Do Bồ Tát tìm chúng sanh để độ nên trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy có câu: “*Vì chúng sanh tác bất thỉnh chi hữu*” (Vì chúng sanh làm người bạn chẳng mời). Chúng sanh không mời, Ngài cũng đến; không giống như A La Hán, Bích Chi Phật, chúng sanh phải mời mới đến; không mời, họ chẳng đến.

Bồ Tát không mời cũng đến nên là đại từ đại bi. Đó là những vị nào? Đó là bậc Bồ Tát trong Thông Giáo (trong Tạng Giáo không có Bồ Tát, trong Thông Giáo có Bồ Tát), bậc Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, Thập Tín trong Viên Giáo. Vì vậy, Thập Tín Bồ Tát của Viên Giáo là Hạnh Bất Thoái, đáng quý vô cùng. Bậc Thập Tín của Viên Giáo đặc hai thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái. Trong Tiểu giáo chỉ có một thứ là Vị Bất Thoái, chứ Hạnh vẫn còn thoái chuyển. Đây là chỗ thù thắng của Viên Giáo; bởi thế, chư Phật, Bồ Tát tán thán Viên Giáo đến tốt bậc, [căn tánh Viên Giáo] là căn tánh viên đốn. Hạng người ấy có tâm từ bi, có tâm trí huệ, niệm niệm chẳng xả chúng sanh, lúc nào cũng chịu giúp đỡ chúng sanh.

3) Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái. Thế nào là Niệm Bất Thoái? “*Tâm tâm lưu nhập biến Tát-bà-nhã*”.

Câu này chẳng dễ hiểu cho lắm. Biến Tát-bà-nhã là gì? Biến Tát-bà-nhã (Sarvajña) chính là Nhất Thiết Chúng Trí thường được Đại Thừa nói đến, nhưng vẫn chưa dễ hiểu. Chúng tôi nói một cách dễ hiểu hơn là: Quý vị niệm niệm tương ứng với trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh. Tôi nói cách này mọi người đều hiểu, nó có ý nghĩa như vậy đó! Niệm niệm tương ứng với trí huệ chân thật sẵn có nơi tự tánh không dễ dàng đâu! Phàm phu làm không được. Phàm phu niệm niệm sanh phiền não. Niệm niệm tương ứng với trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh là hạng người nào? [Phải là] người minh tâm kiến tánh; không minh tâm kiến tánh sẽ

không thể làm được. Bởi thế, bậc đương cơ của Niệm Bất Thoái chính là Sơ Trụ của Viên Giáo, Sơ Địa của Biệt Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, minh tâm kiến tánh. Nhà Thiền nói: “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đây chính là Niệm Bất Thoái.

Niệm niệm tương ứng với trí huệ quyết định chẳng sanh phiền não, chuyển phiền não thành Bồ Đề, thực sự chuyển biến được, đó là bậc Sơ Trụ của Viên Giáo. Trong Tông Môn gọi là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”; trong Giáo gọi là “đại khai viên giải”, trong pháp môn Niệm Phật gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”. Lý nhất tâm bất loạn chính là Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Biệt Giáo hay Viên Giáo tùy thuộc vào căn tánh của chính quý vị; nếu quý vị quả thật là căn tánh viên đốn thì quý vị nhập cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo; nếu quý vị không phải là căn tánh viên đốn thì là Sơ Địa của Biệt Giáo, tùy theo căn tánh bất đồng của từng người mà nói.

Biệt Giáo khác với Viên Giáo ở chỗ nào? Viên Giáo biến hết thấy thành rộng lớn, viên dung vô ngại; nhưng Biệt Giáo vẫn còn tính toán dè dặt, còn có chấp trước. Nói cách khác, tâm lượng chưa rộng mở, chưa được viên dung, còn chấp vào phương hướng, đường lối của mình. Viên giáo đáng quý, viên dung tự tại; còn Biệt giáo không viên dung, không được tự tại như Viên Giáo Bồ Tát. Căn tánh được vun trồng từ vô lượng kiếp, chẳng phải là trong một đời một kiếp. Bởi vậy, chúng tôi thường nói: Có người thiên tánh rất hoạt bát, có người thiên tánh rất cẩn thận, câu nệ. Câu nệ, cẩn thận là Tiểu Giáo hay Biệt Giáo; người hoạt bát rất có thể là Viên Giáo. Từ chỗ này có thể nhận biết phảng phất đôi chút hình dạng của Tạng, Thông, Biệt, Viên. Do vậy, có thể thấy được trọn vẹn ba thứ Bất Thoái.

Thấy trọn vẹn ba thân thì thấy ở đâu? Thấy ba thân ngay trên cái thân hiện tại của chúng ta. Mọi người chúng ta đều tưởng cái thân hiện tại chính là thân mình, thân ấy là thân nghiệp báo! Do nghiệp thiện hay ác đã tạo trong đời quá khứ chiêu tập, cảm được báo ứng, thì gọi là “thân nghiệp báo”. Nếu quý vị thực sự giác ngộ thì thân này là Pháp Thân, vì sao? Nó do các pháp sanh ra. Phật quy nạp các pháp lại, quy nạp đến mức đơn giản nhất là Ngũ Âm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Có gì chẳng phải là pháp? Nói rộng ra một chút là mười hai Xứ và mười tám Giới. Mười tám Giới là sáu Căn, sáu Trần, sáu Thức, hoàn toàn thuộc trong thân thể, chẳng tách rời khỏi thân. Thân ấy do các pháp tụ tập sanh ra, thân ấy chính là Pháp Thân.

Pháp Thân này cùng pháp giới bên ngoài là một, không phải hai. Nếu nói Pháp Thân này và pháp giới bên ngoài là hai chứ không phải một thì quý vị chưa chứng đắc. Sau khi chứng đắc, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ thân mình là tiểu vũ trụ, pháp giới bên ngoài là đại vũ trụ. Tiểu vũ trụ và đại vũ trụ là một, chứ không phải hai, tương dung, tương tức (dung nhập lẫn nhau, tiểu vũ trụ chính là đại vũ trụ, đại vũ trụ chính là tiểu vũ trụ), chẳng tách rời. Vì thế, đại vũ trụ bên ngoài chuyển theo tiểu vũ trụ bên trong, cảnh chuyển theo tâm! Đoạn hết vọng tưởng, trí huệ sẽ hiện tiền, thân này là Báo Thân. Báo Thân là thân trí huệ; nhục thể (cái thân xác thịt) trong thế gian là Ứng Hóa Thân, chẳng khác gì so với chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, xác thực là bậc thừa nguyện tái lai (nuơng theo bốn nguyện tái sanh). Vì sao? Trong thế gian này, quý vị vì người khác diễn nói, chẳng vì chính mình; nếu vẫn vì chính mình thì là phạm phu. Phải không vì chính mình; cái gì mới đúng là chính mình? Toàn thể vũ trụ là chính mình, hết thảy chúng sanh là chính mình, hư không pháp giới là chính mình, Tiểu Ngã và Đại Ngã hợp thành một. Đó là “*nhập pháp giới*”.

Tiểu Ngã chẳng hợp được thành một với Đại Ngã bên ngoài là chưa nhập pháp giới. Thế nào là “*nhập pháp giới*”? Quý vị hãy suy nghĩ từ đây. Lúc tôi giảng kinh đã nói khá nhiều lần: Tâm và hư không pháp giới dung hợp thành một thể, thân và vô lượng vô biên cõi nước cùng chúng sanh [trong vô lượng vô biên cõi nước ấy] hợp thành một thể, đó là nhập pháp giới, thực sự dung hợp. Lúc Tiểu Ngã và Đại Ngã hợp nhất, quý vị hãy nghĩ xem: Có còn sanh tử hay chẳng? Không có! Cầu sanh tử trọn chẳng thể được, sanh tử không còn nữa! Niết Bàn cũng không có, phiền não không có, trí huệ cũng không có; vì chúng đều là đối lập với nhau [nên cái này không có thì cái kia cũng không có]. Thực sự nhập pháp môn Bất Nhị, Bất Nhị gọi là Nhất Chân, không pháp nào chẳng phải là Nhất Chân, khi đó là Niệm Bất Thoái!

Bộ kinh điển Tịnh Độ này (tức kinh A Di Đà) bị không ít người coi thường vì kích thước quá nhỏ, chỉ là một tập sách nhỏ mỏng tanh. Nếu quý vị đọc rất quen thì chỉ cần năm phút là đọc xong, nhưng trong đây có những đạo lý lớn lao, đạo lý viên mãn rất ráo, Thật Tướng viên mãn rất ráo nhiều ngàn ấy, nào ai biết? Thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, kinh nói tường tận, nói rộng, giảng tỉ mỉ chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Hiện tại chúng tôi đang giảng một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, từ lúc mới bắt đầu đến nay đã mất hơn hai ngàn giờ, nhưng mới giảng đến cuốn thứ mười hai! Kinh ấy

tổng cộng chín mươi sáu cuốn; vì vậy, tôi tính hà tiện nhất thì cũng phải mất bảy năm mới có thể giảng xong. Tôi thiếu phải mất bảy năm, mỗi ngày giảng suốt bốn tiếng đồng hồ.

Cảnh giới, nội dung của kinh Hoa Nghiêm và kinh A Di Đà hoàn toàn tương đồng, một đằng là giảng kỹ, một đằng nói đại lược. Văn tự có rộng - hẹp sai khác, nhưng đạo lý và cảnh giới hoàn toàn tương đồng. Bởi vậy, trong quá khứ tôi từng bảo các đồng học: “*Nếu muốn giảng kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà cho hay thì quý vị phải thông kinh Hoa Nghiêm. Chẳng thông kinh Hoa Nghiêm, quý vị giảng hai bộ kinh trên đây sẽ không viên mãn*”. Bởi vậy, cô nhân nói ba bộ kinh này là một bộ kinh, [chỉ là] Đại Bản, Trung Bản, Tiểu Bản của cùng một bộ kinh. Thuyết này hết sức hợp lý.

Xem tiếp đến đoạn dưới, chính là đoạn văn của ngài Ngẫu Ích viết trong sách Yếu Giải: “*Tây Phương Tịnh Độ, Ngũ Nghịch Thập Ác thập niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái dã*” (Tây Phương Tịnh Độ, kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, thuộc vào Hạ Hạ Phẩm, đều đắc ba thứ Bất Thoái). Lạ lùng thật! Kinh nói Ngũ Nghịch Thập Ác là những kẻ tội nghiệp nặng nhất trong thế gian, họ có thể vãng sanh hay chẳng? Có thể! Lúc lâm chung niệm mười tiếng A Di Đà Phật bèn vãng sanh vẫn được hay sao? Dễ dàng quá vậy? Nhưng quý vị hãy nghĩ coi: Lúc lâm chung, mười tiếng niệm A Di Đà Phật có niệm ra được hay không? Nói về mặt Lý chắc chắn là được, lâm chung một niệm bèn vãng sanh. Vấn đề là lúc lâm chung có niệm được hay không? Quý vị có bảo đảm hay không? Quý vị cứ xét kỹ thì thấy: Lúc lâm chung, có mấy ai được tỉnh táo, sáng suốt? Đó là điều kiện đầu tiên.

Nếu lâm chung hôn mê là xong rồi! Lâm chung hôn mê thì trợ niệm cũng không nhờ vả được. Trợ niệm nhằm toàn tâm toàn lực cảnh tỉnh chúng ta. Phải làm sao mới được vãng sanh? Người sắp chết nghe người khác trợ niệm, đột nhiên giác ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm A Di Đà Phật, như vậy thì mới có thể vãng sanh. Nếu lúc lâm chung vẫn còn có sự tình vướng mắc trong dạ, vẫn còn chuyện gì đó chưa buông xuống được, khó buông xuống được nhất chính là thân tình, ân oán, những chuyện này khó buông xuống nhất. Thân tình không buông xuống được, ân oán không buông xuống được, lập tức đọa tam đồ. Lúc mạng chung, nghe một tiếng Phật hiệu mà cái gì cũng đều buông xuống hết thì có thể nói là do thiện căn tu Tịnh Độ trong đời đời kiếp kiếp thuộc quá khứ của người ấy phát hiện trong lúc ấy; người ấy cũng

chẳng phải là kẻ tầm thường! Người tầm thường dễ gì may mắn như thế? Bởi vậy, chẳng thể cầu may nơi chuyện này được. Lâm chung một niệm hay mười niệm vãng sanh chính là do thiện căn tu hành trong quá khứ hiện hữu. Trong một đời này không gặp được duyên thì đâu có thiện căn nhưng thiện căn chẳng thể hiện tiền, chẳng dẫn khởi lên được. [Thiện căn phát khởi thì] lúc lâm chung gặp được thiện tri thức khuyến kẻ ấy niệm Phật, kẻ ấy vừa nghe liền hoan hỷ, vừa nghe liền tin tưởng.

Trước kia, tiên sinh Châu Quảng Đại vãng sanh tại Hoa Thịnh Đốn (Washington), Hoa Kỳ. Ông ta cả đời chưa tiếp xúc Phật giáo, lúc lâm chung cũng hết sức đau khổ, hình như ông ta cũng bị ung thư. Hội Phật Giáo Hoa Thịnh Đốn có những đồng tu quen biết với vợ ông ta, ông ta có tiệm bánh mì. Lúc đó, bà vợ ông không biết làm sao, đem tình hình thống khổ của ông kể với những đồng học thuộc hội Phật giáo tại Hoa Thịnh Đốn. Lúc ấy, tôi còn làm hội trưởng danh nghĩa của hội, có đồng học gọi điện thoại cho tôi, tôi đang sống ở Dallas; tôi nói quý vị phải nhanh chóng trợ niệm, khai thị cho ông ta. Hết sức hy hữu là cư sĩ Cung Chấn Hoa đến khai thị cho ông ta. Cung cư sĩ khéo nói, vừa khai thị là ông ta bèn tiếp nhận, quả nhiên tin tưởng, bèn niệm Phật theo. Vừa niệm Phật, ông ta bèn bảo vợ: “Tôi không còn đau đớn nữa!”, ngay lập tức không còn đau đớn nữa. Ông ta bảo người nhà: “Mọi người đều vì tôi mà niệm Phật đi”. Ông ta kêu người nhà, bà vợ cho đến những đứa bé trong nhà ai nấy đều niệm Phật, niệm ba ngày ông ta được vãng sanh.

Lúc lâm chung mới học Phật, niệm ba ngày được vãng sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là buông xuống được, hạ người như vậy hết sức hiếm có! Tuy ông ta bệnh tật rất đau đớn, nhưng thần trí sáng suốt, đó là điều kiện đầu tiên. Điều kiện trọng yếu nhất là phải sáng suốt, không mê hoặc chút nào. Thứ hai là gặp được thiện tri thức chân chánh khuyến dạy mình, vừa nghe bèn có thể tin, hiểu, phát nguyện, cùng mọi người niệm Phật sẽ thực sự được vãng sanh. Hình như cư sĩ Cung Chấn Hoa cũng đã vãng sanh mấy năm trước rồi!

Ngay cả kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung đầu óc rất sáng suốt, không mê hoặc, một đời tạo tội nghiệp cực nặng, vì sao lâm chung vẫn được vãng sanh? Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ từng tu pháp môn Niệm Phật, thiện căn hết sức sâu dày, trong đời này chẳng gặp được thiện duyên, toàn gặp ác duyên mới bèn tạo ác, đó là mê hoặc nhất thời. Lúc lâm chung gặp được thiện duyên, thiện căn trong A Lại Da thức bèn dẫn khởi, đạo lý là như vậy; tuyệt đối chẳng thể nói kẻ ấy không có thiện căn. Không có thiện căn thì một chút biện pháp gì cũng không có. Trong

A Lại Da Thức có thiện căn từ những đời trước, lúc lâm chung thiện căn ấy được bạn lành dẫn khởi, bèn phát ra, mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh. Đây chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám đại nguyện của A Di Đà Phật.

Tiếp theo là một câu quan trọng: “*Cư Hạ Hạ Phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái*” (Người thuộc Hạ Hạ Phẩm đều đắc ba thứ Bất Thoái). Câu này trọng yếu hơn bất cứ gì khác! Quý vị nghĩ xem, trong ba thứ Bất Thoái, người đắc Niệm Bất Thoái là hạng người nào? Là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát tầm thường mà là Pháp Thân Bồ Tát! Chúng ta là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều đắc ba thứ Bất Thoái. Đắc ba thứ Bất Thoái chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát (Bất Thoái Chuyên Bồ Tát). Chuyện tốt như vậy tìm đâu ra được? Tìm không ra! Chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có. Đó gọi là “*ngoại trừ một mình nhà này*”. Nếu quý vị không thêm đến đó, quý vị có bản lãnh gì để đoạn phiền não? Có bản lãnh nào để minh tâm kiến tánh? Tự mình hãy cân nhắc hết sức cẩn thận đi!

Ngũ Nghịch là gì? Thập Ác là gì? Cũng cần phải giới thiệu đơn giản vậy. Nghịch là phản nghịch. Tội ác lớn nhất, hoàn toàn trái nghịch tự tánh, gồm có năm điều:

1) Thứ nhất là làm thân Phật chảy máu.

Phật phước báo vô cùng lớn, quý vị có muốn giết Phật, muốn hại Phật, cũng giết không được, Ngài có phước báo quá lớn! Nhưng quý vị có ác tâm, rất có khả năng quý vị ngẫu nhiên làm rách da Phật một chút, chảy chút máu. Như Đề Bà Đạt Đa biết Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày khát thực đi theo đường nào. Trên đường đức Phật đi, có một chỗ có vách đá cheo leo, Đề Bà Đạt Đa liền ở trên vách đá ấy quăng xuống một khối đá lớn. Thích Ca Mâu Ni Phật đi khát thực bước ngang qua đó; Đề Bà đẩy khối đá xuống mong đề chết Phật. Nhưng đức Thế Tôn có thần hộ pháp; lúc đó thần hộ pháp (như Vi Đà Bồ Tát là thần hộ pháp) dùng chày Kim Cang đỡ lấy khối đá đang lăn xuống. Khối đá bị chặn lại liền bị vỡ nát, mảnh vụn văng vào chân đức Thế Tôn, tróc một chút da, chảy một tí máu. Làm thân Phật chảy máu, ôm lòng hại Phật!

Đức Phật là đạo sư của ba cõi, là mắt của trời người, quý vị hại Phật chẳng phải là gây tội cùng Phật, [mà là khiến cho] hết thấy chúng sanh chẳng được đức Phật giáo hóa, kết thành tội là ở chỗ này! Do đó, tội ấy rất nặng: Chẳng phải quý vị hại một người mà là hại hết thấy chúng sanh. Hết thấy chúng sanh phải nhờ đức Phật dạy dỗ mà quý vị lại sát hại, quá sức rồi!

2) Thứ hai là giết A La Hán.

A La Hán là bậc đắc đạo, là người lành, cũng là vị thầy tốt, thiện tri thức, trụ trong thế gian này giáo hóa chúng sanh. Dầu chẳng giáo hóa chúng sanh, Ngài trụ tại địa phương nào, nơi ấy có phước. Ngài là bậc trí huệ chân chánh, phước đức chân chánh. Ngài trụ tại địa phương nào, nơi ấy không mắc nạn. Nay chúng ta hiểu đạo lý sau đây rất rõ ràng, minh bạch: A La Hán trụ tại địa phương nào, từ trường nơi ấy đều biến đổi. Quý vị muốn hại A La Hán cũng là hại hết thầy chúng sanh trong địa phương ấy, toan sát hại người có trí huệ chân chánh, có phước đức chân chánh khiến cho mọi người ở địa phương ấy không còn phước, không còn trí nữa.

3) Thứ ba là giết cha, thứ tư là giết mẹ.

Cha mẹ có ơn dưỡng dục, chẳng biết báo ân, lại còn giết cha mẹ. Đó là tội nghịch. Tội Ngũ Nghịch chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ.

4) Tội nghịch cuối cùng là phá hòa hợp Tăng.

Tội phá hoại đạo tràng chánh pháp rất nặng, là nhân của địa ngục Vô Gián, quyết định đọa vào Vô Gián địa ngục. Kinh Địa Tạng giảng rất rõ. Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo cũng giảng rất rõ, quyết chẳng được làm chuyện này. Đoàn thể Phật giáo không đúng pháp ta còn không được phá hoại, nếu là đạo tràng đúng pháp lại càng không thể được. Đạo tràng không đúng pháp là nhân quả của họ, không cần đến chúng ta phê bình, chẳng thể tùy tiện nói, vì sao vậy?

Phật, Tổ răn dạy chúng ta: “*Nếu muốn cho Phật pháp hưng thịnh thì Tăng phải khen ngợi Tăng*”. Khen ngợi lẫn nhau Phật giáo bèn hưng thịnh. Họ không đúng pháp, Phật dạy chúng ta “mặc tẫn”, tức là không đếm xỉa tới họ, cũng chẳng nói với họ. Kẻ ấy có nhân quả báo ứng của hắn, ta có nhân quả báo ứng của ta, như vậy là được! Quyết định chẳng tạo khẩu nghiệp, quyết định chẳng báng Tam Bảo. Nói “*báng Tam Bảo*” là vì tuy kẻ ấy làm chuyện chẳng đúng pháp, ta báng kẻ ấy, người khác đối với Phật giáo bèn vơ đũa cả nắm, tạo sự hiểu lầm rất lớn. Như vậy là ta có trách nhiệm, có nhân quả. Vì thế, phải hiểu đạo lý này. Hiểu rõ đạo lý này sẽ hiểu chính mình phải nên làm gì, thế nào là đúng pháp, làm sao mới là tu hành, thế nào mới là tích lũy công đức, không thể không biết.

Nay đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 21

Chư vị đồng học!

Phần trên chúng tôi giảng đến “*Tây Phương Tịnh Độ, Ngũ Nghịch Thập Ác thập niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái dã*” (Tây Phương Tịnh Độ, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, thuộc vào Hạ Hạ phẩm, đều đắc ba thứ Bất Thoái). Câu này thuyết minh vãng sanh thành tựu thù thắng, thuyết minh công đức lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của kinh này, “*thử điểm thị viên chứng thắng dị, tức thử kinh bất tư nghị đích lực dụng*” (điều này hiển thị viên chứng thù thắng, lạ lùng, đó chính là lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của kinh này). Chúng tôi đã giảng Ngũ Nghịch rồi, sách Yếu Giải có giảng về Ngũ Nghịch và Thập Ác. Thập Ác tương phản với Thập Thiện Nghiệp. “*Thân tam*”: Giết, trộm, dâm; đây là ba điều ác do thân tạo. “*Khẩu tứ*”: Tức là nói về ngôn ngữ có bốn điều ác lớn:

1) Vọng ngữ: Lừa dối chúng sanh, nói lời không thành thật, không đúng với sự thật.

2) Lưỡng thiệt: Khuấy động thị phi, khiến hai bên ghét nhau. Nhỏ là giữa hai người, lớn là khích động hiềm khích giữa hai quốc gia. Hai quốc gia bất hòa sẽ phát động chiến tranh. Bởi thế, tội ác lưỡng thiệt hết sức vô cùng nghiêm trọng. Tùy theo tai hại lớn hay nhỏ, thời gian gây ảnh hưởng dài hay ngắn mà quả báo tại A Tỳ địa ngục [sẽ dài hay ngắn].

3) Ác khẩu: Nói lời thô lỗ khó nghe. Hữu ý hay vô ý đều làm tổn thương người ta, khiến cho chúng sanh kết thành oán cừu. Rất nhiều khi chính kẻ nói không biết mình đã kết mối oán cừu, không hiểu vì sao kết thành oán. Vì vậy, nói năng không phải là chuyện dễ. Không lão phu tử dạy học, xếp ngôn ngữ vào khoa mục thứ hai, khoa mục thứ nhất là đức hạnh, khoa mục thứ hai là ngôn ngữ. Vì thế, cổ nhân nói: “*Khẩu vi họa phước chi môn*” (Miệng là cái cửa dẫn đến phước hay họa); tức là nói đến ngôn ngữ, lời lẽ hiền lành, dịu dàng mang đến hạnh phúc cho quý vị; nếu như ác khẩu, lưỡng thiệt sẽ mang đến hung tai. Bởi vậy, miệng đúng là cái cửa dẫn đến phước hay họa.

4) Ý ngữ: Hoa ngôn xảo ngữ dẫn dụ, mê hoặc người khác, đại đa số là dẫn dụ, mê hoặc con người làm chuyện chẳng lành. Trong xã hội hiện thời, chuyện này hết sức phổ biến. Quý vị xem đó: Đối với cái mà hiện thời gọi là nghệ thuật thì nội dung biểu diễn là gì? Ca múa là gì? Tuồng tích là gì? Âm nhạc là gì? Hầu như toàn là ý ngữ, nội dung chẳng ngoài giết, trộm, dâm, dối. Xã hội ngày ngày dạy đại chúng như thế thì xã hội làm sao an định được?

Người Trung Quốc bàn đến hòa bình, an lạc: Nếu có thể đối đãi

hòa thuận với hết thầy đại chúng, đối xử hòa thuận với thiên nhiên thì tâm liền bình. Tâm có bình thì ta mới có thể được an, nay chúng ta gọi là “cảm giác an toàn”. Thân tâm an ổn thì mới vui, người tu hành gọi là “có định”. Thân tâm không có cảm giác an toàn, người thế gian nào có vui chi? Người tu hành làm sao đắc định được! Vì sao không thể? Bốn lỗi nơi miệng chính là cội nguồn. Bởi vậy, nếu chúng ta muốn thực sự đạt đến hòa bình an lạc thì nhân tố bậc nhất của sự an lạc hòa bình là “lời lành”, khẩu nghiệp phải lành! Nhất định không vọng ngữ, không lường thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ thì xã hội mới hòng an định. Vì thế, ngàn vạn phần chẳng được vì bản thân mình mà nói mấy lời giả dối gạt gẫm người, cho là đùa chơi không can hệ gì, can hệ lớn lắm đây! Gây tai nạn cho cả thế giới đây! Nay muốn tiêu trừ ác nghiệp của chính mình, muốn giúp hết thầy chúng sanh khổ nạn trong thế gian được tiêu tai miễn nạn thì phải bắt đầu từ đâu? Từ “*khéo giữ nghiệp miệng*” mà khởi đầu là đúng. Ai nấy đều biết khéo giữ nghiệp miệng thì xã hội an định, thế giới hòa bình, nhân dân hạnh phúc.

Thực hiện từ đâu? Từ ngay chính bản thân mình, phải làm gương cho đại chúng xã hội thấy. Xã hội ngày nay dường như tất cả nghệ thuật diễn xuất tuyệt đại đa số là nội dung bất thiện; cái gì bất thiện chúng ta không xem, không nghe, không tiếp xúc. Cái gì thiện lương thì ta đến xem, thưởng thức. Giống như sinh viên phân ban âm nhạc của Đại Học Côn Sĩ Luân (Queensland) vào Chủ Nhật tổ chức nhạc hội quy mô lớn với hơn cả trăm người, diễn tấu âm nhạc cổ điển mời tôi, tôi cũng đến tham dự. Vì sao? Đó là sự vui thú chánh đáng, chúng ta phải đề xướng. Nội dung bất thiện, chúng ta quyết định chẳng đến dự hòng tu dưỡng đạo đức của chính mình.

Hiện tại, những người trẻ tuổi một chút định lực cũng không có, thật không hay. Theo cách giáo dục của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc thì phải tu dưỡng định lực từ nhỏ. Cái định lực ấy chẳng phải là ngồi xếp bằng tịnh tọa trong nhà Phật, mà chính là phải học tập cái tâm nhẫn nại, học tập tính ôn trọng. Tâm con người hiện tại thô phù, bộp chộp, chẳng phải là điều hay. Cái tâm nhẫn nại để nghe nhìn bài giảng trong một giờ không có. Hiện tại cái tâm kiên nhẫn lâu nhất không quá nửa giờ, nhất định phải có những trò biểu diễn phụ thêm thì quý vị mới có hứng thú. Nếu chỉ nghe giảng đơn điệu, khô khan vô vị, quý vị nghe không vô; bởi thế, phải có động tác, phải có biểu diễn. Điều này khiến chúng tôi nghĩ đến việc dạy học pháp xuất thế gian trong đời trước, chứ không cần nói đến cách dạy học trong nhà Phật, [học trò] hết sức cung kính lắng nghe,

mỗi một buổi học tối thiểu là hai tiếng đồng hồ.

Trước kia, trường tư dạy học, mỗi buổi học phải từ hai đến ba tiếng đồng hồ, giữa chừng không có giờ nghỉ. Sáng sớm liền vào học, đến lúc tan học gần đến giờ ăn trưa, khoảng chừng ba tiếng đồng hồ, thầy trò ở cùng một chỗ. Đó là sao? Vun đắp cái tâm nhẫn nại, vun quén định lực. Nay chúng ta giảng kinh trong giảng đường cũng là lên lớp, mỗi buổi học là hai tiếng đồng hồ, giữa chừng phải nghỉ mười phút để mọi người giãn gân giãn cốt. Dạy học suốt một tiếng đồng hồ như thế, có rất nhiều người bảo tôi: “Người trẻ tuổi không kham nổi buổi học kéo dài một giờ như vậy, nghe giảng suốt một tiếng đồng hồ không chịu nổi!” Không sai! Đúng là nghe không nổi. Vì sao vậy? Vì nghe không hiểu. Giống như ăn món gì đó chẳng thưởng thức được mùi vị. Nếu nghe mà hiểu được, nếm được mùi vị, sẽ không bỏ được. Đừng nói là mỗi buổi học một giờ, dù giảng đến bốn giờ, người ấy cũng chẳng buồn lung một phút nào. Vì sao? Nghe rất thú vị. Trong Phật pháp gọi là “*pháp vị*”, Nho gia gọi là “*bất diệc duyệt hồ?*” (cũng chẳng vui sao?); nhà Phật gọi là “*pháp hỷ sung mãn*”, nghe giảng thực sự nhập cảnh giới.

Lúc tôi còn bé đang học Tiểu Học, trong xã hội vẫn còn có lệ kể sách. Những đứa trẻ chúng tôi thường đến nghe, càng nghe càng thú vị, quên mất thời gian. Có lúc quên cả giờ cơm, càng nghe càng thấm thía. Nay nghệ thuật này còn tồn tại rất ít, may ra ở Trung Quốc Đại Lục hãy còn, chứ ở Đài Loan không còn nữa. Tại ngoại quốc đương nhiên càng tìm không ra. Đó là một loại nghệ thuật giáo dục xã hội, nội dung quá nửa là những chuyện lịch sử. Chúng tôi thích nghe kể nhất là Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tận Trung Thuyết Nhạc tức là truyện kể về Nhạc Phi, vị anh hùng dân tộc trong lịch sử. Nội dung là trung hiếu tiết nghĩa. Bởi vậy, trong quá khứ có rất nhiều người dân chẳng được giáo dục, nhưng họ thông hiểu đạo lý làm người, học từ đâu ra? Học từ nghệ thuật diễn xuất ấy. Đó là giáo dục đấy! Giáo dục ẩn trong trò vui, gần như trong mấy ngàn năm ở Trung Quốc cách giáo dục ấy rất có hiệu quả; nói đúng ra, [nghệ thuật kể sách ấy] rất đáng đề xướng. Như thế thì ngôn ngữ quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác, phải học nhé! Nếu khẩu nghiệp nặng thì mức độ nhẹ là ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi), mức độ nặng là A Tỳ địa ngục, chẳng tầm thường đâu!

“*Ý tam ác*”: Tham, sân, si. Keo kiệt, tham lam, nóng giận, ngu si. Đó là Thập Ác. Thập Ác là “*cực trọng chi tội, vi đọa địa ngục tam đồ chi nhân*” (tội hết sức nặng, là cái nhân của tam đồ địa ngục). Vì vậy, nay chúng ta phải chú tâm quan sát, con người rất ít ai tự biết rõ mình;

thấy lỗi người khác, chứ không thấy lỗi mình, đó là ngu si. Chẳng thấy lỗi mình, làm sao tự đổi lỗi sửa mới cho được? Tu hành chẳng có gì khác, tu hành là sửa lỗi, Tu là sửa đổi, Hành là hành vi làm lỗi. Sửa đổi cho đúng những hành vi lầm lạc thì gọi là Tu Hành. Thân chúng ta tạo Thập Ác, đây chính là hành vi bất thiện, quý vị sửa đổi những lỗi đó, thân không giết, không sát sanh. Chẳng những không sát sanh, mà còn phải yêu thương, che chở hết thấy chúng sanh, càng tích cực yêu thương, che chở chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh. Đó là thiện nghiệp, thiện hạnh.

Không trộm cắp: Giới kinh nhà Phật giảng cái tội trộm cắp hết sức vi tế, rất thấu triệt. “Đạo” (盜: trộm cắp) là không cho mà lấy. Phạm là vật có chủ, tài vật có chủ, không được chủ nhân đồng ý ta cứ tự động xài, hoặc đòi động đều không được. Quý vị đòi, cắt, chủ nhân tìm không ra. Vì thế phải luôn tính chuyện thuận tiện cho người khác. Phật pháp dạy không trộm cắp được đại phú, không giết được trường thọ, mạnh khỏe sống lâu. Không giết, không dâm sẽ đạt được tướng hảo, quang minh, dung mạo đoan chánh, nay chúng ta gọi là “tươi tắn, rạng rỡ, dung mạo tươi sáng, rạng ngời!” Chúng sanh trông thấy quý vị bèn tôn trọng, kính yêu, quả báo hết sức thù thắng.

Quả báo của không vọng ngữ là thành tín, lời nói của quý vị được người khác tin tưởng. Nói năng được đại chúng tín nhiệm, giáo hóa được thành tựu, có thành tích khả quan. Nếu không, quý vị chẳng có đức hạnh, dầu có lòng tốt, dầu có ý tốt dạy người đến mấy, người ta chẳng tin tưởng, gây nên rất nhiều vấn đề, khó khăn lắm! Thiện tâm, thiện ý giúp đỡ người khác, người khác chẳng bằng lòng tiếp nhận. Nguyên nhân là gì? Do nghiệp nhân vọng ngữ.

Lưỡng thiệt càng đáng sợ hơn, khiến người ta chẳng dám tiếp xúc quý vị. Vì sao? Sợ bị làm hại. Quý vị có cái tập khí ấy thì có lúc hữu ý tổn thương người, có lúc vô ý, vô ý cũng hại người. Lưỡng thiệt rất đáng sợ. Hiền thánh, thiện tri thức dạy chúng ta phải “*kính nhi viễn chi*” những con người như vậy để khỏi bị hại. Gặp phải người tổn hại mình, con người có hai thứ phản ứng khác nhau:

1) Nếu không giác ngộ kha khá, chắc chắn sẽ ôm lòng hận thù, đợi thời cơ trả đũa. Trong lịch sử Trung Quốc, những chuyện như vậy rất nhiều. Lịch sử là tấm gương: Oan oan tương báo khổ không thể kể nổi!

2) Người giác ngộ thì phản ứng tốt hơn. Người thực sự giác ngộ có phản ứng như sau: Họ nghe mình nói, nếu quả thật có lỗi, họ bèn sửa đổi. Nếu không thì càng cố gắng. Người ấy chẳng oán hận quý vị mà còn cảm kích. Vì sao? Quý vị nói ra khiến họ tích cực phản tỉnh, quả nhiên

mình có những sai lầm đó, tự mình không thấy được, nay nhờ quý vị nói ra, tự mình sửa đổi cho tốt hơn. Nếu quý vị nói lời giả dối, không chân thật, tức là vọng ngữ thì người giác ngộ nghe xong cũng chẳng trách móc quý vị, mà càng gắng sức chẳng phạm vào lỗi đó. Đó là phản ứng của người giác ngộ, của bậc thiện nhân!

Thế nhưng quý vị phải biết: Trong xã hội này, người giác ngộ thì ít, thiện nhân ít, người mê nhiều, người không giác ngộ nhiều, chuyện này phiền phức lắm! Nói những lời vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu với người mê, người không giác ngộ sẽ tạo thành oan gia đối đầu, rất phiền toái, phải chịu quả báo trong đời mai sau.

Như vậy, chúng ta tu hành là chuyển mười ác nghiệp thành mười thiện nghiệp, đối với người khác tuyệt chẳng vọng ngữ, mà nói lời thành thật, tâm và miệng như một, nói gì quyết phải làm đó. Chẳng được nghĩ con người trong xã hội hiện tại đều là lừa dối, có ai nói thật với người khác đâu? Lập luận như vậy, thoát nghe tưởng là đúng, nhưng thật ra là sai. Người khác đều nói lời không thật, nhưng nếu quý vị hiểu rõ nhân quả ba đời, quý vị biết kẻ đó tạo những nghiệp gì, tương lai đi vào con đường nào? Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh! Nếu quý vị cũng bắt chước họ, giống như họ, trong tương lai quý vị nhất định phải đi vào ba ác đạo, làm lạc mất rồi!

Đầu mọi người đều vọng ngữ, ác khẩu, lường thiệt, ý ngữ hết cả, ta vẫn nhất định không làm theo. Vì sao? Ta chẳng mong mỗi đi vào ba ác đạo. Ta hy vọng trong tương lai vẫn được thiện quả mang thân trời người thì ta chẳng được vọng ngữ, chẳng được lường thiệt; ác khẩu, ý ngữ đều không được. Nếu quý vị muốn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì lại càng không được [làm những điều đó]. Vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới “*giai thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (đều là thượng thiện nhân cùng nhóm lại một chỗ). Đức Phật dạy chúng ta như vậy, muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu Thập Thiện Nghiệp thượng phẩm. Trung phẩm Thập Thiện là nhân đạo. Thượng phẩm Thập Thiện là thiên đạo. Nói cách khác, chúng ta muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì tiêu chuẩn thấp nhất là thiên đạo. Như vậy, há có thể giết, trộm, dâm được ư? Há có thể vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ ư? Chẳng thể được! Quyết định chẳng thể được! Trong ý niệm chẳng thể có tham, sân, si, phải buông xuống, nhất định phải biết hết thấy tất cả thế gian, xuất thế gian đều là mộng, huyễn, bọt, bóng. Người khác muốn thì ta cứ nhịn, cứ nhường. Nhường nhịn (nhẫn nhượng) là lúc mới vừa học, học đến giai đoạn thành thực sẽ

nhường, vui vẻ nhường, không còn phải nhẫn nữa. Lúc mới học phải nhẫn, dần dần không còn nhẫn nữa. Nhẫn là có lúc thấy rất khó chịu, nhưng nhường lâu ngày sẽ vui vẻ làm!

Đức Phật dạy chúng ta trong mỗi niệm đều phải có tâm bố thí, cúng dường. Điều đó rất hay, bố thí cúng dường được đại phước báo. Người khác lừa mình, mình hoan hỷ. Vì sao? Kẻ đó gạt mình lấy của, là mình Tài Cúng Dường cho hắn. Không có chút áo nào chi hết! Hắn xâm chiếm mình, mình cũng rất vui vẻ, mình bố thí cúng dường cho hắn, hành đạo Bồ Tát mà! Nhất định phải nhớ kỹ: Đừng nói Phật pháp, ngay trong thế gian pháp, nếu trong mạng quý vị nhất định có thì đâu có bỏ cũng bỏ chẳng được. Trong mạng không có, có muốn ôm giữ cũng không được!

Bởi vậy, đối với của cải, người có trí huệ biết cách tán tài, trong Phật pháp gọi [tán tài] là “*quảng tu cúng dường*” (rộng tu cúng dường). Dùng cái tâm chân thành, cung kính để cúng dường, không một mảy keo tiếc, dứt keo tham! Chúng ta học được điều gì, nhất định phải thực hiện điều đó trong cuộc sống thường nhật thì mới thực sự được thọ dụng, thường sanh lòng hoan hỷ. Tâm bình khí hòa, tâm an lý đắc, môn học vấn ấy thực sự hữu dụng, mang lại hạnh phúc chân thật viên mãn cho cả một đời ta. Nếu không học Phật, trong xã hội hiện tại người bất thiện nhiều, chúng ta giao tiếp với họ bị thiệt thòi, ngày ngày uất ức. Hằng ngày bực bội thì điều tổn thất đầu tiên là thân thể bị tổn hoại đến nỗi thành bệnh.

Chúng tôi thấy thổ dân Úc châu, theo như tường thuật của một nữ bác sĩ người Mỹ, bà ta sống cùng với họ trong một thời gian, [nhận thấy] những lời họ nói rất có lý. Bà ta thấy cách họ trị bệnh, trong quan niệm của thổ dân, mỗi tế bào trên thân người đều có sanh mạng. Đứng đấy! Mỗi một người đều có rất nhiều sanh mạng chúng sanh cùng sống trên một thân thể. Trong số thổ dân có một người đi đường vô ý, té xuống vách núi, té từ vách núi cao hơn hai mươi mét xuống, chân dập nát, gãy xương. Chẳng dễ gì cứu anh ta lên được. Cứu lên xong, họ bèn đặt anh ta nằm ngửa, xương gãy hết sức nghiêm trọng, đầu xương gãy đã lòi ra. Toàn thân đẫm máu. Thầy lang của thổ dân đặt anh chàng nằm thẳng ra xong, bèn chữa trị. Cách chữa trị như thế nào?

Giống như xoa bóp vậy, nhưng xoa bóp từ từ, tay không chạm đến thân người bệnh, cái chân bị thương vẫn còn cách tay thầy thuốc rất xa. Xoa bóp nhưng không đụng đến thân người bệnh. Vừa xoa bóp, vừa trò chuyện, lúc nói, âm thanh ngữ điệu hết sức dễ nghe, giống như đang ca

hát. Bà bác sĩ hỏi ông ta làm như vậy nghĩa là sao? Thầy lang bảo ông ta đang trò chuyện với đầu xương bị tổn thương, trò chuyện với những tế bào ở bộ phận bị thương, hy vọng chúng nó sẽ hợp tác, khôi phục bình thường. Thần kỳ sao! Thực sự hữu hiệu! Ông ta làm như vậy độ ba bốn tiếng đồng hồ sau, đầu xương thực sự co lại, tự động lành lại.

Sau đó, thầy lang mới lấy cao trét lên vết thương. Dùng phương pháp của xứ đó: Lá cây và còn có thứ chi đó, chế thành cao dường như rất đậm đặc, bôi trét lên vết thương. Họ không có bông băng, cũng chẳng có kim khâu, cũng chẳng có thuốc sát trùng, cái gì cũng không có! Mọi người an ủi anh chàng bị thương, đến hôm sau anh ta hoàn toàn khỏe hẳn, có thể đi được! Bà bác sĩ thấy vậy sững sờ, đúng là một kỳ tích! Hỏi ông lang nguyên do? Ông ta bảo: “Mỗi một tế bào và xương, lúc tế bị thọ thương, chúng bị chấn động, kinh hoàng; nay dùng cách ca hát để vỗ về chúng, khôi phục sự ổn định, bình tĩnh của chúng thì chúng sẽ trở thành bình thường”, đúng là thẳng thừng, đơn giản chẳng thể nghĩ bàn!

Bởi thế, bà bác sĩ rất cảm khái. Y học Tây phương hoàn toàn tương phản với cách trị liệu tự nhiên này. Thổ dân dùng phương pháp tự nhiên, tự nhiên khôi phục. Xương gãy nghiêm trọng như vậy mà đến hôm sau bèn bình phục. Điều này cho thấy vũ trụ sống động hoạt bát; cách nói ấy hoàn toàn giống với kinh Lăng Nghiêm: “*Nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*” (Hết thủy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thế). Tâm là kiến văn giác tri. Bởi vậy, mỗi tế bào đều có thể thấy, nghe, hay, biết. Dùng lời lẽ tốt đẹp an ủi nó, vui vẻ giúp đỡ nó, nó cũng hợp tác với quý vị, nên tự nhiên khôi phục! Vì thế ngữ điệu của thầy lang rất thư thả, nhu hòa giống như đang ca hát.

Chúng tôi nghe sự kiện này, chúng tôi tin tưởng. Vì sao? Trong kinh đức Phật thường giảng. Chúng ta đọc thấy rất nhiều, nhưng chưa từng thấy, chưa từng thí nghiệm. Giống như thổ dân Úc châu nói, cách trị bệnh của họ là thí nghiệm, đúng là giống như kinh Phật dạy. Những thí nghiệm nghiên cứu của tiến sĩ Giang Bồn Thắng tại Nhật Bản cũng giống như kinh Phật nói. Ngày hôm qua chúng tôi liên lạc, mừng Hai tháng Tám ông ta sẽ đến Bồ Lý Tư Bản (Brisbane). Trước đó, có thể vào cuối tháng Bảy ông ta đến Mặc Nhĩ Bồn (Melbourne), đến Mặc Nhĩ Bồn tiện hơn, chúng tôi mời ông ta đến đó.

Đó là thiện ý, thiện tâm, thiện hạnh, chắc chắn có chỗ hay. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: “*Ngật khuy thị phước*” (Chịu thiệt thòi là phước), quý vị chẳng chịu thiệt thì một chút phước báo cũng không có. Chịu thua thiệt lớn, sẽ có phước báo lớn. Chịu thiệt thòi nhỏ,

có phước báo nhỏ. Con người hiện tại chẳng tin điều này, người hiện tại cho là mê tín, quan niệm ấy sai lạc sao! Nhất định phải làm gì? Phải cạnh tranh, phải tranh đấu, tranh đấu đến cuối cùng là hai bên cùng thua thiệt, thương tổn, họa hại thay! Quý vị chẳng biết con đường cầu phước, chỉ biết đến cái thân này, chẳng biết có đời sau.

Trong thế gian này, ngay đến cái thân chúng ta cũng chẳng được coi rất quan trọng. Vì sao? Chúng ta muốn chết đi bèn được thăng lên, càng thăng lên càng tốt. Chúng ta có được về thế giới Cực Lạc hay không hoàn toàn do quyết tâm, do ý chí, do tâm hạnh, đó là ba điều kiện. Quý vị có quyết tâm, có chí nguyện, có hành vi, nhà Phật gọi là Tín - Nguyện - Hạnh, hạnh ấy là thiện hạnh. Kinh Di Đà Tiểu Bản chú trọng chấp trì danh hiệu; chấp trì danh hiệu thì phải hiểu ý nghĩa của danh hiệu. Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong khai thị rất rõ ràng: Tín là quyết định chẳng hoài nghi, Nguyện phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Trong Pháp Sự, Ngài giảng Hạnh rất rõ ràng, rất minh bạch là chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo. Lão nhân gia lại nêu cả lời của Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhọc phương tiện, tâm được tự khai). Đó là chân hạnh!

Bởi vậy, cơ sở của tu hành là Thập Thiện Nghiệp Đạo, không có Thập Thiện Nghiệp Đạo thì cũng như quý vị tu hành không có cội rễ! Trong thế gian này, ngay cả thổ dân Úc châu cũng hiểu rõ điều đó; chúng ta đến thế gian này giống như lữ du, đến ngắm cảnh, thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, sẽ phải lìa khỏi nơi đây rất mau. Quyết định chẳng được mảy may lưu luyến hết thảy mọi thứ trong thế gian này. Hễ có chút lưu luyến, quý vị sẽ chẳng thể lìa thoát nơi đây; phải hiểu đạo lý ấy. Ở nơi này, chúng ta dựng được một đạo tràng, xây cất rất tráng lệ, vàng ngọc chói lộn, cũng chớ nên lưu luyến. Vì sao? Nếu lưu luyến, mai sau chết đi, quý vị chẳng thể lìa khỏi chỗ này. Quý vị lưu luyến nó, chẳng thể bỏ được nó. Trong đạo tràng này chẳng có nam nữ giao phối thì làm thế nào bây giờ? Trong đạo tràng có chuột, có gián, có ruồi nhặng, có kiến. Úi chà! Quý vị bèn đầu thai vào những loài động vật đó, cho rằng nơi này là nhà mình, như vậy là ngu si đấy nhé!

Nếu quý vị có thể lìa bỏ cái đạo tràng này, đến ở trong thiên đường, nơi ấy thù thắng hơn chỗ này nhiều lắm! Thiên đường cũng chẳng được lưu luyến, quý vị vẫn phải vượt lên chỗ thù thắng hơn nữa. Hễ lưu luyến là xong, chẳng được có chút mảy may tham luyến nào! Đối

với hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật, quyết định chẳng được có chút mảy may lưu luyến gì. Lời Phật thường giảng ta phải ghi nhớ: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Có năng lực, có phước báo, toàn tâm toàn lực giúp đỡ những chúng sanh cần thiết, nhất định phải bỏ mình vì người, hy sinh dâng hiến. Người thế gian hay nói “hy sinh dâng hiến” dường như có ý gắng chịu thống khổ trong ấy, người giác ngộ không giống vậy, họ vui thích cúng dường. Vì sao? Đây là cơ hội tu phước, cơ hội tu huệ, phước huệ song tu. Đạt đến địa vị Như Lai thì phước huệ mới thực sự viên mãn rốt ráo, không miễn cưỡng tu mà là hoan hỷ tu.

Tiểu đoạn thứ tư kế tiếp đó là: “*Thập Lục Quán Kinh, Hạ Phẩm Vãng Sanh Chương văn*” (Thập Lục Quán Kinh, chương Hạ Phẩm Vãng Sanh nói), phép Quán cuối cùng trong Thập Lục Quán Kinh là: “*Ngũ Nghịch Thập Ác, như thử ngu nhân, lâm chung ngộ thiện tri thức khuyến linh niệm Phật, như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới*” (Ngũ Nghịch, Thập Ác, kẻ ngu như thế, lâm chung gặp thiện tri thức khuyến niệm Phật, liên chí tâm [niệm Phật] như thế khiến cho tiếng niệm không dứt. Đầy đủ mười niệm liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc). “*Tuy cư Hạ Hạ Phẩm, giai dữ Bồ Xứ Bồ Tát câu, tức đắc viên chứng tam Bất Thoái, nhất sanh thành Phật*” (Tuy thuộc Hạ Hạ Phẩm, nhưng đều cùng ở chung với Bồ Xứ Bồ Tát, liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời). Câu cuối cùng này hết sức trọng yếu, là câu khai thị tinh yếu, đẹp đẽ nhất của Ngẫu Ích đại sư trong phần này. Trong phần trước, tôi đã trình bày cùng quý vị điều này: Một đời tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung, gặp được thiện tri thức khuyến dạy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy vừa nghe bèn hoan hỷ, liền tiếp nhận, liền sám hối nghiệp chướng, bèn thực sự được vãng sanh. Ở trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi: Kẻ ấy chẳng tầm thường, trong đời quá khứ đã tu học Tịnh tông, tu hết sức giỏi, có thiện căn hết sức sâu dày. Đáng tiếc là trong một đời này bị mê, không gặp được thiện tri thức, mê suốt cả đời; nhưng chùng tử thiện căn đời trước trong A Lại Da Thức của kẻ đó hết sức mạnh. Bởi thế, trong lúc lâm chung, gặp được thiện duyên khích động thiện căn ấy, thiện căn phát hiện, lập tức khởi tác dụng.

Nếu trong đời quá khứ không có thiện căn và phước đức ấy sẽ không xong! Người không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, quý vị

sẽ thường thấy bị hôn mê trong lúc lâm chung. Người bị hôn mê là xong rồi! Dầu đời này tu giỏi đến đâu đi nữa, lúc lâm chung mà bị mê là hỏng, đầu óc không sáng suốt, lúc ấy sẽ lưu chuyển theo nghiệp. Chúng ta trợ niệm cho họ chỉ có thể nói là trợ niệm tốt hơn không trợ niệm mà thôi, đó là điều chắc chắn. Có thể trợ niệm cho người ấy vãng sanh được hay không? Không dễ dàng gì, đúng là trợ niệm có thể giúp cho người ấy được vãng sanh, người ấy sẽ thực sự được vãng sanh nếu thiện căn và phước đức của người ấy hiện tiền. Nhờ vào sự trợ niệm để dẫn phát thiện căn và phước đức của người ấy, khiến người ấy phát nguyện vãng sanh niệm Phật cùng mọi người, bèn thành công. Nếu bản thân người ấy không có ý niệm gì thì người khác trợ niệm sẽ giúp người chết đó giảm nhẹ tội nghiệp, giảm nhẹ sự đau khổ, nhưng chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh nhất định phải do tự mình phát nguyện, người khác không có cách nào gia trì cho quý vị được. Nếu người khác có biện pháp gia trì cho mình, thì chúng ta khỏi cần phải niệm Phật nữa, A Di Đà Phật đại từ đại bi đã sớm tiếp độ chúng ta đi rồi.

Trong kinh giáo thường nói: “*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt). Quý vị phải hiểu đạo lý này. “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng), chẳng phải là tâm tướng người khác, mà là tâm tướng của chính ta. Trong tâm mình không có ý niệm ấy, không có cách nghĩ ấy thì một tí tí phương cách gì cũng không có. Chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, phải thấu hiểu. Ngàn vạn phần chẳng được bỏ lỡ đời này, phải thực sự buông xuống, phải thực sự tu thiện, đoạn ác, hy vọng ngay trong đời này chẳng còn bỏ lỡ cơ hội nữa. Nhất định phải nắm lấy cơ hội này. Cái gì cũng có thể buông xuống được cả, ngay cả thân thể cũng không lưu luyến, hướng chi vật ngoài thân? Quý vị buông xuống được thì đâu còn chướng ngại gì gây chướng ngại vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại tiếp tục đoạn thứ tư “*chương Hạ Phẩm Vãng Sanh trong Thập Lục Quán Kinh*”, chúng ta phải chú tâm học tập đoạn này, ngàn vạn phần chớ có hiểu lầm, chẳng được ôm lòng cầu may. Tâm cầu may sẽ làm lỡ việc, bỏ uổng cơ duyên đại sự vãng sanh trong một đời

này. Tôn thất ấy không có cách chi tính toán được. Câu sau cùng là: “*Tuy cư Hạ Hạ Phẩm, giai dữ Bồ Xứ Bồ Tát câu, tức đắc viên chứng tam Bất Thoái, nhất sanh thành Phật*” (Tuy thuộc Hạ Hạ Phẩm, đều cùng nhóm họp với Bồ Xứ Bồ Tát, liền viên chứng ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời). Câu này rất trọng yếu! Quý vị thấy đó: Ngũ Nghịch, Thập Ác cả một đời này hết sức đáng tiếc nuôi, chẳng gặp được thầy tốt, chẳng gặp được bạn lành, tuy tự mình có túc căn sâu dày trong đời quá khứ nhưng không có duyên gì phát khởi. Đây chính là như kinh Phật thường nói: “*Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn*” (Thân người khó được, Phật pháp khó nghe), chính là nói tới đạo lý này. Quý vị không có cơ hội tiếp xúc Phật pháp, tới lúc lâm chung mới được gặp.

Giống như xưa kia, tôi đã tường thuật cùng quý vị, ông Châu Quảng Đại ở Washington DC, trước khi lâm chung ba ngày mới gặp được bạn lành, đem chuyện niệm Phật vãng sanh báo cho ông ta biết. Ai nấy đều biết ông Châu Quảng Đại là người tốt, tâm địa rất thiện lương, làm ăn rất quy củ, chưa hề dối người, lại còn bố thí, đúng là người tốt. Đời trước có thiện căn, nhưng không được tiếp xúc Phật pháp. Lúc lâm chung cũng là lúc bác sĩ đã bó tay không chữa trị nữa, bà vợ ông ta không còn cách gì, tìm đến Tịnh Tông Học Hội. Các đồng học trong Tịnh Tông Học Hội đến thăm, trợ niệm giúp ông ta, khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ông ta vừa nghe liền lập tức tin tưởng, phát nguyện, niệm theo. Niệm chẳng lâu la gì, chúng ta hãy nghĩ coi: Ước chừng một hai tiếng đồng hồ bèn có cảm ứng! Ông ta kêu vợ cùng toàn gia đình hãy cùng niệm, bà vợ hỏi: “Tại sao?”

- Lúc tôi niệm Phật đau khổ giảm bớt, không đau đớn nữa (bệnh ung thư rất đau đớn), lúc tôi niệm Phật cảm thấy không đau.

Bởi thế, cả nhà cùng niệm Phật, niệm suốt ba ngày, Phật đến tiếp dẫn, ông ta bèn ra đi. Cư sĩ Cung Chân Hoa đem sự việc này kể tường tận với tôi.

Hiếm có ở chỗ nào? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, cũng vẫn ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát và các thượng thiện nhân trong thế giới Cực Lạc. Bồ Xứ Bồ Tát là những vị nào? Là những vị Bồ Tát ngang hàng với Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát... Hằng ngày ở cùng một chỗ với các Ngài, quý vị nghĩ xem mình có bị thoái chuyển hay chẳng? Chẳng thể thoái chuyển được! Thầy dạy là A Di Đà Phật và mười phương chư Phật Như Lai, bất luận quý vị muốn học kinh giáo nào, đều có chư Phật Như Lai đến giảng giải, truyền dạy cho. Các đại Bồ Tát, Bồ

Xứ Bồ Tát là đồng học của mình, cùng học với mình. Quý vị tìm đâu ra hoàn cảnh tu học như vậy? Chúng ta hãy suy nghĩ kỹ xem! Nếu quý vị thực sự hiểu rõ chân tướng sự thật ấy thì thế gian này há còn gì đáng để lưu luyến hay chẳng? Đừng nói là nhân gian, ngay cả [địa vị] Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương cũng chẳng thể giữ quý vị lại được. Quý vị quyết định không có mảy may lưu luyến, muốn đến thế giới Cực Lạc càng nhanh càng tốt, càng sớm càng hay. Còn có gì không buông xuống được ư? Còn một chuyện gì chưa buông xuống được sẽ chưa thể đi được! Thứ gì cũng buông xuống hết, không có gì không buông xuống được!

Đoạn tiếp đó cũng là lời khai thị rất sáng tỏ của Ngẫu Ích đại sư, chúng ta hãy đọc một lượt: “*Nhiên cứ giáo đạo*” (nhưng dựa trên kinh giáo), “*cứ*” (據) là căn cứ: Căn cứ trên lời dạy của đức Thế Tôn, “*nhược thị phạm phu, tắc phi Sơ Quả đẳng*” (nếu là phạm phu thì chẳng phải là hàng Sơ Quả): Quý vị là phạm phu, chưa phải là thánh nhân. Quý vị là phạm phu thì đương nhiên quyết định chẳng phải là Sơ Quả, chưa chứng được địa vị ấy. “*Nhược thị Nhị Thừa, tắc phi Bồ Tát*” (Nếu là Nhị Thừa thì không phải là Bồ Tát): Quý vị chẳng phải là Bồ Tát. “*Nhược thị Dị Sanh, tắc phi Đồng Sanh Tánh đẳng*” (Nếu là Dị Sanh thì chưa phải là hạng Đồng Sanh Tánh). Thế nào là “*Dị Sanh*”? Chính là Quyền Giáo Bồ Tát. Quyền Giáo Bồ Tát là gì? Là những Bồ Tát chưa kiến tánh, đó là Dị Sanh! Dị Sanh khác với Phật, khác như thế nào? Vẫn còn dùng tâm ý thức nên không giống Phật. Phật chẳng dùng tâm ý thức, Phật đã chuyển Thức thành Trí. Bởi vậy, Quyền Giáo Bồ Tát vẫn dùng tám thức, chưa rời khỏi tám thức, tám thức vẫn đang làm chủ nhân. Chư Phật Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát chuyển tám thức thành bốn trí, bốn trí làm chủ chứ không phải tám thức.

Như Lai là bốn trí, Pháp Thân Bồ Tát là bốn trí, bởi thế gọi là “*Đồng Sanh Tánh*”. Thiên tông Trung Quốc thường gọi Đồng Sanh Tánh là “*minh tâm kiến tánh*”. Như Lai minh tâm kiến tánh, những vị Bồ Tát ấy cũng là minh tâm kiến tánh, các ngài là Đồng Sanh; những vị chưa kiến tánh thì là Dị Sanh. Chúng sanh trong chín pháp giới đều là Dị Sanh Tánh. Từ chín pháp giới cho đến hàng Bồ Tát – Quyền Giáo Bồ Tát – thuộc về tứ thánh pháp giới. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới: A La Hán, Bích Chi Phật, Thanh Văn, Bồ Tát, Phật; ngay cả Phật trong mười pháp giới đều thuộc về Dị Sanh Tánh, chẳng phải Đồng Sanh Tánh. Đồng Sanh Tánh thoát ngoài mười pháp giới, người Đồng Sanh Tánh trụ trong Nhất Chân pháp giới, cùng ở chung một chỗ với chư Phật

Như Lai. Pháp giới mà các vị ấy trụ được gọi là Nhất Chân pháp giới; Di Sanh Tánh trụ trong mười pháp giới.

Tiếp đó, sách Yêu Giải viết: “*Lạc đẳng tắc đại vọng*” (tạm dịch: [Nếu nói] vượt quá địa vị [tức là nói người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm có địa vị ngang bằng với các vị Pháp Thân Bồ Tát] thì là đại vọng ngữ): Phàm phu chột đột ngột biến thành Pháp Thân Bồ Tát, đó là đại vọng ngữ, không thể nói như vậy được! Quý vị thấy Cực Lạc thế giới thuyết minh: Hạ Hạ Phẩm ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát, há chẳng phải là lạm phân bằng vai phải lứa với nhau ư? Chuyện này rất cuộc là như thế nào? Vì chỗ này mới nói pháp môn Tịnh tông rất khó tin! Dùng phương pháp suy luận của Giáo Hạ thì chuyện này không thể nào xảy ra được! Phàm phu làm sao ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát được, đâu có đạo lý ấy!

Lại xét ba thứ Bất Thoái: Niệm Bất Thoái là Đồng Sanh Tánh, chẳng phải Di Sanh Tánh. Niệm Bất Thoái là Pháp Thân Bồ Tát, thuộc Nhất Chân pháp giới, trong mười pháp giới không có. “*Hạnh Bất Thoái phi cần kiến đạo*” (Hạnh Bất Thoái chẳng phải chỉ thấy đạo): Hạnh Bất Thoái thuộc địa vị Kiến Đạo, ở phần trên chúng ta đã đọc qua. Bạc Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Đại Thừa Viên Giáo chứng đắc hai thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái; nhưng Tiểu Thừa Sơ Quả chỉ chứng được Vị Bất Thoái, hạnh vẫn thoái chuyển. Bởi thế, Hạnh Bất Thoái không chỉ là địa vị Kiến Đạo mà còn thuộc vào hàng Bồ Tát của Đại Thừa Viên Giáo, chẳng phải là một vị Bồ Tát tầm thường. “*Vị Bất Thoái, phi thị phàm phu*” (Vị Bất Thoái chẳng phải là phàm phu): Mức độ thấp nhất của Vị Bất Thoái phải là Tiểu Thừa Sơ Quả, đã chứng được địa vị thánh nhân, chẳng bị thoái chuyển thành phàm phu trở lại!

“*Tán bộ tắc xả cố xưng*” (vượt lên [địa vị mới] bèn bỏ tên gọi cũ): Địa vị được nâng lên, cái tên gọi cũ không còn nữa. Giống như nói quý vị đã chứng Tu Đà Hoàn, trước khi chứng Tu Đà Hoàn gọi là phàm phu. Chứng Tu Đà Hoàn rồi, không gọi là phàm phu nữa, mà gọi Tu Đà Hoàn! Nếu lại thăng lên cấp nữa, chứng đắc Nhị Quả Tu Đà Hàm, chẳng gọi là Tu Đà Hoàn nữa. Sau khi thăng lên một cấp, danh xưng trước kia không còn nữa, bỏ đi. Giống như chúng ta đi học, học Tiểu Học thì gọi là học trò Tiểu Học. Học xong Tiểu Học vào Trung Học, chẳng gọi học trò Tiểu Học nữa mà gọi là học sinh Trung Học. Tốt nghiệp Trung Học vào Đại Học không gọi là học sinh Trung Học nữa mà là sinh viên Đại Học. Những danh từ xưng hô trước kia không còn nữa, bỏ hết. Đó là pháp tắc thế gian, điều này không khó hiểu chi!

Hãy xem trong thế giới Cực Lạc: “*Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị*” (Trong cõi Đồng Cư ở Cực Lạc, hết thầy đều không phải, hết thầy đều là phải), chẳng thể nghĩ bàn! Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Cực Lạc, phạm phu ở chung một chỗ với thánh nhân, tợ hồ giống như gì? Trong cùng một phòng học, học trò Tiểu Học, học sinh Trung Học, sinh viên Đại Học, nghiên cứu sinh đều cùng học một lớp; phân ban, cấp lớp rất đặc biệt, rất chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị nói họ là sinh viên Đại Học ư? Trong đó có học trò Tiểu Học, quý vị nói đó là lớp học của học trò Tiểu Học ư? Trong ấy có Nghiên cứu sinh, nói làm sao bây giờ? “*Nhất thiết câu phi*” (hết thầy đều không phải), nói sao cũng trật. Chỉ có thể nói là cùng học trong phòng học đó. Chẳng thể nói là Tiểu Học; nói là Trung Học hay Đại Học cũng đều không thể nói như vậy được! “*Nhất thiết câu phi*” (hết thầy đều trật) mà! Cũng vẫn có thể nói trong phòng học ấy có Đại Học, có Trung Học, có Tiểu Học, “*nhất thiết câu thị*” (hết thầy đều là phải), chẳng thể nghĩ bàn!

Việc dạy học trong nhà Phật, trên thực tế, khi pháp sư đại đức giảng kinh, thuyết pháp tình hình đều giống như vậy: Thính chúng rất nhiều. Số là năm nay chúng tôi dự định Rằm tháng Năm sẽ sang Cát Long Ba (Kuala Lumpur) mở giảng tòa quy mô lớn bên đó, ngày Mười Bảy khai giảng. Cư sĩ Lý Kim Hữu báo cho chúng tôi biết thính chúng ước tính chừng hai vạn người. Hai vạn người cùng ở trong một lớp học, chắc chắn là có người trình độ Tiểu Học, có người trình độ Trung Học, có người trình độ Đại Học, có người trình độ Thạc Sĩ, có người trình độ Tiến Sĩ, đều ở cùng một chỗ, cùng một phòng học, chúng tôi giảng cho mọi người. Lớp học ấy đúng là “*hết thầy đều không phải, hết thầy đều là phải*”. Trong nhà Phật gọi trường hợp này là “*đại giảng tòa*”.

Cái gọi là “*đại giảng tòa*” có nghĩa là mọi trình độ bất đồng đều bao gồm hết, các độ tuổi bất đồng cũng bao gồm. Người đến nghe giảng từ những bạn nhỏ mười mấy tuổi cho đến những ông cụ tám chín mươi tuổi, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề, đại giảng tòa là như vậy đó! Lúc chúng tôi học kinh giáo, thầy Lý thường bảo Đại Giảng Tòa khó lắm! Khó ở chỗ nào? Chẳng dễ gì khế cơ được! Quý vị giảng điều gì sao cho mọi tầng lớp, mọi trình độ bất đồng, mọi nghề nghiệp bất đồng nghe giảng đều sanh tâm hoan hỷ, há phải dễ dàng ư? Hoàn toàn khác hẳn các ban, các lớp trong trường. Trong trường học, học trò thuộc cùng một lớp thì nói chung trình độ không chênh nhau nhiều lắm, dễ dạy, dễ giảng. Trong lớp học này, trình độ nào cũng có, rất khó giảng!

Khi chúng tôi học giảng kinh, thầy Lý dạy chúng tôi một nguyên

tắc: “*Nội dung một buổi giảng phải có sâu, có cạn, có rộng, có lược*”. Vì sao? Nhằm thích hợp khẩu vị của từng người. Nếu quý vị cứ một mực giảng sâu thì người nghe không đủ trình độ sẽ không đạt được lợi ích, buổi học sau họ không thêm đến nữa, họ nghe đâu có hiểu! Hoàn toàn giảng nông cạn thì người trình độ cao nghe chẳng thích thú gì, quá nông cạn! Buổi học sau họ cũng không buồn tới nữa! Nếu quý vị giảng sao cho nam nữ già trẻ mỗi trình độ đều nắm được, mỗi buổi giảng họ đều đến, quý vị thành công rồi, khá khó khăn đấy! Trong đại giảng đường ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, trình độ gì cũng có, quý vị xem đây: Chúng ta biết trong số những người niệm Phật vãng sanh, có không ít những vị vãng sanh chưa từng đi học, không biết chữ; có vị trình độ cao, đương nhiên có bậc Đẳng Giác Bồ Tát, có Pháp Thân đại sĩ, có A La Hán, có Bích Chi Phật thuộc trình độ cao. Đức Phật thuyết pháp trong đại chúng ấy, thật ra Ngài dùng một âm thanh để thuyết pháp, nhưng chúng sanh tùy theo căn tánh đều hiểu, đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp đó là đoạn văn: “*Thập phương Phật độ, vô thử danh tướng, vô thử giai vị, vô thử pháp môn, phi tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân, Di Đà chi đại nguyện, hà dĩ hữu thử!*” (Mười phương cõi Phật không có danh tướng này, không có địa vị này, không có pháp môn này. Nếu không do tâm tánh đã đạt đến mức cùng cực, công lao kỳ diệu của Trì Danh hun đúc, do đại nguyện của Phật Di Đà, há có những sự như thế này chẳng?) Mấy lời Ngẫu Ích đại sư vừa nói đó đúng là việc chân thật. Đúng là mười phương thế giới chẳng hề có, chẳng có những danh tướng này, mà cũng chẳng có địa vị như vậy. Mười phương thế giới kể cả thế giới Sa Bà chúng ta đang sống đây, cũng chẳng có pháp môn ấy. Chỉ mình Tây Phương Cực Lạc thế giới là có, thật chẳng thể nghĩ bàn!

Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới thù đặc như vậy? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư giảng cho chúng ta biết “*tâm tánh chi cực trí*” (là do tâm tánh đến mức cùng cực). Chúng ta học Phật chẳng có chi khác, mục tiêu chung cực (cuối cùng, tốt bậc) là trở về với tâm tánh. Nay chúng ta thường nghe người thế gian hô hào “*trở về với tự nhiên, trở về với sự thuần phác, quy chân*”. Hai câu này thiên hạ nói rất nhiều, ý nghĩa cạn - sâu rất lớn. Ý nghĩa cạn là quay về với tự nhiên, hy vọng một số người vì hoàn cảnh [không gần thiên nhiên] được tiếp xúc với thiên nhiên nhiều hơn. Vì thế, trong dịp nghỉ, người sống ở đô thị rời nhà, đi du ngoạn, thăm viếng những nơi có cảnh đẹp, sinh hoạt trong thiên nhiên một khoảng thời gian ngắn, trốn tránh những ồn ào, căng thẳng của đô thị, sống thung dung hơn trong tự nhiên. “*Trở về với sự thuần phác, quy*

chân” nghĩa là như vậy.

Ở Úc Châu, đất rộng người ít, nhất là tại những thành phố nhỏ như thành phố chúng ta, những kiến trúc đều được đặt ngay trong hoàn cảnh thiên nhiên, không phá hoại hoàn cảnh tự nhiên. Lúc tôi mới đến Úc Châu, thường nghe nói vấn đề ưu tư lớn nhất của Úc châu là xú dưỡng tầng (tầng ozone) bị xé rách, ánh sáng mặt trời rất mạnh, tia tử ngoại (ultra-violet ray) nhiều gấp sáu lần những nơi khác. Vì thế, ra khỏi cửa nhất định phải che dù, đội mũ, mặc áo dài tay để khỏi bị bỏng nắng. Cháy nắng lâu ngày sẽ dễ bị ung thư da. Hai năm gần đây, các nhà khoa học cho biết: “Không thấy tầng ozone ở trên bầu trời Úc châu bị thủng nữa”. Nó chuyển sang đâu? Sang Nam Mỹ rồi. Tầng ozone trên không trung cũng di động, không đứng yên, hiện tại nó đã di chuyển sang Nam Mỹ. Vấn đề bận tâm đối với không trung ở nơi này nay không còn nữa.

Cảnh quan nguyên thủy của Úc Châu chưa bị phá hoại, rừng rậm nguyên thủy rất nhiều. Chúng ta sống ở đây là quay về với tự nhiên, trở về với sự thuần phác, quy chân, đó là cách nói nông cạn. Trong nhà Phật, trở về với sự thuần phác quy chân chính là tâm tánh đạt đến mức cùng cực. Phải như thế nào thì mới đạt được? Tâm phải chân thành niệm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ dạy: “*Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”. Tám chữ ấy hết sức trọng yếu. Tám chữ ấy chính là mấy câu Ngẫu Ích đại sư đã nói ở đây. Bồ Đề tâm là gì? Nói nông cạn, Bồ Đề tâm là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta xử sự, đối người, tiếp vật bằng những tâm ấy. Dùng những tâm ấy nhất định chẳng bị thiệt thòi, dùng những tâm ấy nhất định sanh về Tịnh Độ, chiếm đại tiện nghi.

Nếu quý vị không sử dụng những tâm ấy, dù niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, thua thiệt rất lớn: Quý vị vẫn phải luân hồi trong lục đạo! Chúng ta quyết định dùng những tâm ấy, đối với thế duyên, hết thầy người, sự, vật trong thế gian đều thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, chẳng sợ thiệt thòi, chẳng sợ bị lừa gạt, chẳng những không sợ lại còn hoan hỷ. Vì sao? Mấy bữa là mình phải đi, mình đi qua thế giới Cực Lạc. Nghĩ tới đó, quý vị sẽ bố thí nhiều hơn một chút, cúng dường nhiều hơn một chút, tu nhiều hơn một chút, “*bố thí, cúng dường phước vô biên*”. Trong kinh Phật dạy như vậy. Ban cho chúng sanh thiện duyên, tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật xong, trở về thả bè Từ độ những người ấy. Bồ Tát phải phát đại nguyện thanh tịnh, đây chính là “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”. Một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật.

Bởi thế, lời dạy của Ấn Quang đại sư về Niệm Phật Đường phải nhớ kỹ, quyết định phải thực hiện, cộng tu trong Niệm Phật Đường hai mươi người là lý tưởng nhất. Nay ở đây chúng tôi hạn định tiêu chuẩn của Niệm Phật Đường là bốn mươi tám người, trong nhà có hai mươi người niệm Phật, bên ngoài có hai mươi tám người từ các nơi đến cùng tu. Bọn họ tham gia các hoạt động của chúng ta trong một thời gian ngắn, hoạt động của chúng ta là mười thất, tức bảy mươi ngày. Họ ở đây niệm xong một kỳ phải quay về, hai mươi người trong nhà chúng ta ở đây lâu dài, đặc biệt an bài hoạt động này. Chúng ta báo đền ơn thí chủ, báo ơn đồng học, chúng tôi hoan nghênh mọi người cùng niệm Phật, tuân thủ lời Ấn Quang đại sư dạy.

Trong lời dạy của tổ Ấn Quang không nhắc đến giảng kinh, nay chúng tôi thêm vào một buổi giảng kinh, vì sao phải thêm vào? Thời tổ Ấn Quang không thêm vào thì được, hiện tại thêm vào sẽ có cái hay: Giải - hạnh tương ứng. Quý vị đọc kinh A Di Đà, nếu quý vị không giảng rõ ràng, không giảng thấu triệt, sẽ chẳng thể phát khởi tín tâm kiên định cho người niệm Phật. Tín nguyện kiên định là những nhân tố quan trọng để vãng sanh. Đấy đều là như Ngẫu Ích đại sư nói: “*Được vãng sanh hay không, quyết định tại có tín nguyện hay không; phẩm vị cao hay thấp, do công phu sâu hay cạn quyết định*”. Bởi vậy, Tín - Nguyện có thể nói là Dẫn Nghiệp về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là nhân tố trọng yếu nhất để hướng dẫn chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, công phu niệm Phật sâu hay cạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là Mãn Nghiệp. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào một cõi nào, phẩm vị nào là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn.

Nay trong thế gian này, chúng ta phải tranh thủ hai chuyện; hai chuyện này chúng ta mang theo được, những thứ khác không thể mang theo được đâu! Sanh chẳng mang theo thứ gì đến, chết chẳng mang theo thứ gì đi. Nhất định phải hiểu như thế. Đã không mang theo được thì phải buông xuống. Nếu quý vị không buông xuống được, sẽ bị lôi kéo, sẽ bị hại. Phải bỏ hết những gì không mang theo được, phải có trí huệ quan sát cơ duyên, hễ có những cơ duyên phải lập tức bỏ ngay, không do dự mảy may, không tiếc nuôi mảy may. Dưỡng thành tập quán như vậy, lúc lâm chung vãng sanh một tí chướng ngại nào cũng không có. Bởi thế, “*tâm tánh đến mức cùng cực*” vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những hiện tượng trong thế giới Cực Lạc đều từ tự tánh viên mãn lưu lộ.

“Trì danh chi kỳ huân” (sự un đúc kỳ diệu của trì danh): “Huân” là công huân, công huân lạ lùng của trì danh niệm Phật, công huân chẳng thể nghĩ bàn! Trong bốn cách niệm Phật, đức Phật khuyên chúng ta nên dùng loại này, dễ thực hành, thành tựu cao. Trong chú giải có nói đến bốn cách niệm Phật: Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật (Thập Lục Quán Kinh là Quán Tướng Niệm Phật), Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật. Trì Danh tương ứng Thật Tướng, bởi thế, nó rất chẳng thể nghĩ bàn! Hiểu giáo lý Tịnh tông ít ỏi, chẳng hiểu sâu, nhưng nếu tín tâm kiên định, nguyện tâm kiên định, không có một điểm hoài nghi nào, trì danh như vậy sẽ thâm hợp đạo mâu, chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị thông đạt kinh giáo này mà trì danh thì niệm mỗi tiếng Phật hiệu đều tương ứng, niệm niệm tương ứng, tương ứng rõ ràng. Chẳng hiểu mà chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật thì sẽ ngầm tương ứng, tức là người [niệm Phật] ấy tương ứng nhưng không biết. Không biết cũng chẳng sao, đến thế giới Cực Lạc sẽ biết, sẽ hiểu rõ!

“Đại nguyện Di Đà”: Quý vị thấy ba việc này chứ? Di Đà đại nguyện là Phật lực; Trì Danh là tự lực; “tâm tánh đạt đến mức cùng cực” là tâm lực. Tâm, Phật, chúng sanh ba thứ không sai biệt; tâm, Phật, chúng sanh ba thứ tương ứng, cảnh giới này chẳng thể nghĩ bàn nên Tây Phương Cực Lạc thế giới mới hiện tiền, nhất là trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thù thắng nhất, khôn sánh bậc nhất chính là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Quý vị bảo là Thật Báo Trang Nghiêm Độ ư? Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới và Thật Báo Trang Nghiêm Độ của các thế giới chư Phật khác không hai, không khác, chẳng khác gì nhau. Sai khác nhiều nhất chính là ở cõi Đồng Cư. Trong cõi Đồng Cư của thế giới Tây Phương có cõi Thật Báo, có cõi Phương Tiện trong ấy, bốn cõi ở cùng một chỗ. Không như các thế giới Phật khác, bốn cõi tách rời nhau, chẳng dung hội lẫn nhau. Bốn cõi của Tây Phương Cực Lạc thế giới xen kẽ dung hợp lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn!

Lại xem tiếp đoạn lớn thứ hai: “Một đời thành Phật”. Trong đoạn này, chúng tôi chia thành sáu tiểu đoạn để giới thiệu:

1) Đoạn thứ nhất: “Nhất Sanh Bồ Xứ, tức thị viên chứng tam Bất Thoái chi biệt danh. Ý vị chỉ nhất sanh bồ Phật vị, như Di Lạc, Quán Âm đẳng. Cực Lạc nhân dân phổ giai nhất sanh thành Phật, nhân nhân tất thực chứng Bồ Xứ cố, kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện, bất khả số tri” (Nhất Sanh Bồ Xứ chính là tên gọi khác của “chúng trọn vẹn ba thứ

Bất Thoái”, ý nói: Chỉ trong một đời bèn dự vào địa vị bồ xứ làm Phật, giống như Di Lạc, Quán Âm... Toàn bộ nhân dân cõi Cực Lạc đều là thành Phật trong một đời, ai nấy đều thực sự chứng Bồ Xứ. Trong ấy, có nhiều hàng thượng thiện như vậy chẳng thể đếm nổi số). Đây chính là nội dung của đoạn kinh sau đây:

Xá Lợi Phát! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ.

舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。

(Này Xá Lợi Phát! Chúng sanh nghe vậy phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. Vì có sao vậy? Được cùng những vị thượng thiện nhân như thế ở cùng một chỗ).

Đây là câu đầu tiên nói đến vấn đề này trong kinh văn. Bồ Xứ là Đẳng Giác Bồ Tát, Bồ Tát là nhân vị (địa vị trong khi đang tu nhân), Phật là quả vị (địa vị khi đã chứng quả). Nhân vị đạt đến cùng cực, đến đỉnh điểm là Bồ Xứ Bồ Tát, một đời thành Phật. Bởi thế, Nhất Sanh Bồ Xứ chứng viên mãn ba thứ Bất Thoái, “viên” là viên mãn. Pháp Vân Địa Bồ Tát vẫn chưa viên mãn, vì sao? Trên các Ngài còn có địa vị khác, các Ngài chỉ tiếp cận viên mãn, chưa thực sự viên mãn, Bồ Xứ mới là nhân địa viên mãn. Chúng ta thường thấy những tấm biển gạch phía trên Đại Hùng Bảo Điện của Phật môn viết những chữ gì? “*Nhân viên quả mãn*”. “*Nhân viên*” là Đẳng Giác, “*quả mãn*” là Diệu Giác; dùng mấy chữ ấy để tán thán Phật Bồ Tát rất tuyệt! Thường thường, quý vị thấy trên Đại Hùng Bảo Điện thờ Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là Quả Mãn. Hai bên Phật Thích Ca là Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát. Văn Thù, Phổ Hiền là Nhân Viên, Phật là Quả Mãn. Chúng ta thường thấy trong các Đại Hùng Bảo Điện thờ một vị Phật, hai vị Bồ Tát như vậy.

Như vậy, [trong câu] “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”, phải chú trọng chữ Viên. Chúng ba thứ Bất Thoái thì hàng Sơ Trụ trong Viên Giáo chúng đắc, họ là Pháp Thân Bồ Tát, là Đồng Sanh Tánh, không phải Dị Sanh Tánh. Có nghĩa là thành Phật trong một đời, chẳng đợi đến đời thứ hai. Tiếp đó, sách nêu một thí dụ: “*Giống như Di Lạc Bồ Tát*”. Di Lạc Bồ Tát thành Phật trong một đời, Quán Âm Bồ Tát cũng thành

Phật trong một đời. Quán Âm Bồ Tát thành Phật trong thế giới Cực Lạc, Ngài là hậu bồ Phật của thế giới Cực Lạc. Di Lặc Bồ Tát là hậu bồ Phật trong thế giới Sa Bà của chúng ta. Sau đó, sách viết: “*Nhân dân Cực Lạc*”, phàm những ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ cũng đều một đời thành Phật. Điều này tôi đã thuật cùng quý vị trong phần trên, vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng dài lâu! Thọ mạng của nhân dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như thọ mạng của A Di Đà Phật; A Di Đà Phật là vô lượng thọ, mỗi cá nhân đều vô lượng thọ.

Hướng chi hoàn cảnh tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lại còn tốt đẹp, thầy dạy là chư Phật Như Lai, đồng học là Bồ Xứ Bồ Tát. Tìm đâu ra hoàn cảnh tu học tốt đẹp như thế? Tìm không ra! Trong mười phương hết thấy cõi Phật đều không có. Quý vị nhất định phải biết điều này. Khắp cả pháp giới hư không giới, chỉ có mỗi một chỗ này, chỉ có một nhà này thôi! Ngày nay đức Thế Tôn đại từ đại bi giới thiệu cho chúng ta, nếu chúng ta chẳng thể tiếp nhận, lại còn xem nhẹ, coi thường, chẳng biết là nghiệp chương nghiêm trọng đến mức độ nào! [Pháp môn này] giúp cho quý vị trong một đời thành Phật rất nhanh chóng, phải là ai mới hòng được gặp pháp môn này? Mười phương Bồ Tát vừa nghe liền hâm mộ cùng cực! Các Ngài tâm tâm mong cầu còn chẳng được gặp; quý vị được gặp, rất nhiều người được gặp nhưng lại sao? Chẳng tin tưởng. Chẳng tin tưởng là đúng quá rồi, vì sao vậy? Pháp khó tin mà! Cho dù quý vị tin tưởng, pháp này vẫn có thể gọi là “*pháp khó tin*” ư?

Một vạn người được tiếp xúc, nếu có một người tin tưởng thì pháp ấy khó tin. Ở trên, tôi đã có nói cùng quý vị, trong một vạn người tìm không ra một người thực sự tin tưởng. Vì sao? Trong thế giới hiện nay có gần bảy mươi ức nhân khẩu, trong một vạn người tìm được một người tin tưởng còn chưa được! Cho nên bao nhiêu người vãng sanh? Gần như là một vạn người mới có một người thực sự tin tưởng, thực sự vãng sanh trong một đời này. Trong một ức người có được một người, thì trong bảy mươi ức có được bảy mươi người. Trong một năm có bảy mươi người vãng sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Gần như tình hình thực tế là như vậy, trong một năm chỉ có khoảng bảy mươi người vãng sanh!

Năm xưa, thầy Lý khuyến dạy mọi người niệm Phật ở Đài Trung. Tại liên xã Đài Trung, lúc chúng tôi rời khỏi đó, có khoảng năm mươi vạn liên hữu. Thầy Lý bảo tôi trong số những người niệm Phật nhiều như thế, người thực sự được vãng sanh chỉ là một hai phần vạn, đại khái là trong một vạn người chỉ có hai ba người được vãng sanh. Đó là tính

trong nhiều năm [ra con số] như vậy. Chúng tôi thống kê thấy những người được thầy Lý dạy dỗ thực sự vãng sanh thế giới Cực Lạc phải có khoảng ba trăm đến năm trăm người, chẳng thể nghĩ bàn! Thầy dạy ở đó suốt ba mươi sáu năm. Xem kệ tụng của Đại Từ Bồ Tát, chúng ta sẽ hiểu: Người khuyên dạy được ba trăm đến năm trăm người vãng sanh, người ấy đúng là Bồ Tát! Pháp khó tin lắm! Pháp khó tin mà tin tưởng được thì chẳng dễ dàng đâu!

“*Nhân nhân tất thực chứng Bồ Xứ có*” (Ai nấy đều thực sự chứng Bồ Xứ): Một đời thành tựu, hoàn cảnh tu học quá tốt, bởi thế chẳng cần một thời gian rất lâu. Trong các cõi Phật khác, thời gian tu học rất lâu. Dẫu cho mình tâm kiến tánh, muốn đạt đến Nhất Chân pháp giới, tức thế giới Hoa Tạng, phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì quý vị mới có thể thực sự đạt đến nhân viên quả mãn; nhưng thời gian ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rất ngắn ngủi, rút lại rất ngắn ngủi, chỉ cần thời gian mấy kiếp là thành công. Trong kinh nói: “*Kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện*” (Trong ấy có những vị thượng thiện như vậy), kinh nói như vậy đó, số người rất ư là nhiều. Đó là giới thiệu những vị đồng học trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những đồng tham đạo hữu của quý vị đều là Duyên Giác Bồ Tát, đều là hậu bổ Phật, số người ấy tính đếm chẳng thể tặn, chỉ có thể nói là A-tăng-kỳ. A!

Nay đã đến giờ rồi!

Tập 22

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiết thứ hai của đoạn thứ hai “*nhất sanh thành Phật*” (thành Phật trong một đời) [trong sách *Yếu Giải*]:

“*Kinh vân: Di Đà Niết Bàn, Quán Âm tức bổ Phật vị, hiệu Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai, quốc danh Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, kỳ Phật diệt hậu, Đại Thế Chí Bồ Tát tức bổ Phật vị, hiệu Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai*” (Kinh dạy: Đức Phật Di Đà nhập Niết Bàn, ngài Quán Âm liền kế tục thành Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai, cõi nước tên Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, Đại Thế Chí Bồ Tát liền kế tục làm Phật, hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai). Đoạn kinh này thuyết minh Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật thù thắng khôn sánh, không giống với các cõi Phật phương khác. Thông thường, các cõi Phật khác sau khi Phật diệt độ nói chung sẽ có một

khoảng thời gian [không có Phật], thời gian ấy dài hay ngắn không giống nhau. Nói chung, sẽ giống như trong thế giới Sa Bà của chúng ta, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Bồ Xứ Bồ Tát nay đang ở trên trời Đâu Suất; thọ mạng trên cõi trời Đâu Suất hết rồi, Ngài mới đến thị hiện thành Phật trong thế gian này. Thọ mạng trong cõi trời Đâu Suất rất dài. Chúng ta biết một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Một ngày trên trời Đạo Lợi bằng một trăm năm dưới trần, thọ mạng của Đạo Lợi Thiên là một ngàn năm. Dạ Ma Thiên nhiều gấp bội: Một ngày trên Dạ Ma Thiên bằng hai trăm năm trong nhân gian; thọ mạng là hai ngàn năm. Trời Đâu Suất lại tăng gấp bội: Một ngày trên Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian; thọ mạng là bốn ngàn năm.

Chư vị cứ tính ra là biết ngay: Một ngày bằng bốn trăm năm, mỗi năm lại có ba trăm sáu mươi lăm ngày mà [thọ mạng] lại có đến bốn ngàn năm lận; vì thế, trong kinh Di Lặc Hạ Sanh nói: Đại khái nếu tính theo năm tháng trong nhân gian thì thọ mạng cõi trời Đâu Suất là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Sau năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, Di Lặc Bồ Tát mới từ cõi trời Đâu Suất giáng sanh thị hiện thành Phật trong nhân gian. Đâu Suất Thiên là Tri Túc Thiên, là nơi cư trụ của Bồ Xứ Bồ Tát. Vì vậy, nói thật ra, thời gian có Phật trong thế gian này của chúng ta rất ít, thời gian không có Phật rất dài. Quý vị thấy pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, phải năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lặc Bồ Tát mới giáng sanh; trong đêm tối dài dằng dặc ấy, chúng sanh đau khổ thay!

Thế nhưng, Phật, Bồ Tát hết sức từ bi, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Di Lặc Phật chưa xuất sanh, trong khoảng thời gian đó làm thế nào đây? Chúng ta thấy trong kinh Địa Tạng, Thích Ca Mâu Ni Phật đã ủy thác Địa Tạng Bồ Tát thay Phật giáo hóa chúng sanh. Sứ mạng của Địa Tạng Bồ Tát rất lớn, trong một thời gian dài dằng dặc như vậy phải giúp đỡ chúng sanh khốn khổ, hoạn nạn. Chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới khác xa thế giới của mình: A Di Đà Phật thị hiện nhập bát Niết Bàn, Quán Âm Bồ Tát lập tức thị hiện thành Phật. Quán Âm Bồ Tát thành Phật, thế giới ấy không gọi là Cực Lạc nữa, mà đổi thành thế giới Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Quán Âm Bồ Tát có đức hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta tiên đoán sự kiện trong vô lượng kiếp sau. A Di Đà Phật vô lượng thọ, mà A Di Đà thành Phật đến nay mới chỉ mười kiếp; nói cách khác, Ngài mới thành Phật chưa lâu. Thế giới Cực Lạc hết sức thù thắng!

Quán Âm Bồ Tát thị hiện thành Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Sau khi lão nhân gia nhập diệt, Đại Thế Chí Bồ Tát lại thị hiện thành Phật tiếp theo liền. Lúc đó, chẳng gọi là Đại Thế Chí Bồ Tát, mà gọi là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai. Thật đấy! Công đức bảo vương của Bồ Tát thù thắng khôn sánh, quý vị thấy Ngài tu tập, tích lũy công đức trong vô lượng kiếp lần vô lượng kiếp, thị hiện gương sáng cho chúng ta thấy. Cớ sao chúng ta không thể tích cực đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức? Tuy Pháp Thân Bồ Tát đã chứng đắc tâm tánh đến mức cùng cực, Ngài vẫn vì hết thảy chúng sanh thị hiện tu đức, từ bi đến mức độ cùng cực; dạy dỗ chúng ta, làm gương cho chúng ta thấy. Nếu chúng ta không giác ngộ, chẳng thể lãnh hội, làm sao xứng đáng với Phật, Bồ Tát đã vì chúng ta thị hiện, diễn nói?

Đoạn tiếp theo [trong sách Yếu Giải] là: *“Phục thứ, Thích Ca nhất đại thời giáo”* (Lại nữa, trong giáo pháp suốt một đời của đức Phật Thích Ca), ý nói Phật Thích Ca Mâu Ni bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp, *“duy Hoa Nghiêm minh nhất sanh viên mãn, nhi nhất sanh viên mãn chi nhân, tắc mạt hậu Phổ Hiền Hạnh trung, thập đại nguyện vương, đạo quy Cực Lạc. Thả dĩ thử khuyến tấn Hoa Tạng hải chúng, tư chi, tư chi”* (chỉ riêng mình kinh Hoa Nghiêm giảng rõ cái lẽ viên mãn trong một đời, nhưng đến cuối cùng cái nhân viên mãn trong một đời lại nằm ngay trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Lại còn dùng những điều đó để khuyến lon, khích lệ đại chúng đông như biển trong thế giới Hoa Tạng. Hãy nghĩ đi, xét đi). Tôi đã từng nhiều lần thưa cùng các đồng học rồi, phải suy nghĩ kỹ càng, chúng ta không phải là thượng căn, không phải lợi căn, nói miễn cưỡng thì là căn tánh bậc trung. Nói thật ra, Phật, Bồ Tát gia trì thọ mạng cho tôi. Nếu tôi không có thọ mạng, có thể nói là cả một đời này tôi chẳng có thành tựu gì cả. Vì sao?

Khi xưa, tôi theo thầy Lý, thầy Lý đau lòng rất miệng khuyên tôi tu học pháp môn Tịnh Độ, thậm chí còn nói: *“Anh thấy từ xưa đến nay không ít tổ sư đại đức, đức hạnh, đạo đức, học vấn của các Ngài, chúng ta thực sự không thể sánh bằng”*. Đúng là như vậy! *“Chúng ta không thể viết ra sách Yếu Giải như Ngẫu Ích đại sư, cũng không thể viết bộ Sơ Sao như Liên Trì đại sư. Họ là những bậc đại trí huệ, đại đức hạnh nhưng đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ”*, thầy Lý nêu những thí dụ như vậy. *“Nếu pháp môn này không đúng, các vị tổ sư đại đức, đại thiện tri thức nhiều ngàn ấy đều đi làm đường”*, thầy Lý bảo: *“Chúng ta cũng làm một phen đâu có sao!”* Nói những lời như vậy để khuyên tôi, tôi rất

cảm kích, nhưng vẫn không chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư dốc lòng nơi pháp môn này. Tôi chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư dốc lòng học pháp môn này là vào năm Dân Quốc 60 (1971) khi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Bắc. Lúc ấy tôi cũng thường ra ngoại quốc, vì vậy giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Bắc cứ gián đoạn hoài, tôi nhớ phải giảng gián đoạn như vậy chừng đâu mười mấy năm mà chỉ mới giảng được một nửa kinh, vẫn chưa giảng hoàn tất. Hàn Quán Trưởng vắng sanh rồi mà kinh Hoa Nghiêm vẫn còn giảng dang dở.

Mỗi lần về lại Đài Loan, tôi lại tiếp tục giảng kinh Hoa Nghiêm. Có một ngày tôi đột nhiên nghĩ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Do tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Loan là giảng đồng thời hai bản Bát Thập và Tứ Thập. Mỗi tuần giảng ba lần, hai lần giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một lần giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Cả hai bản đều giảng nửa chừng rồi ngưng. Chú tâm tra cứu kinh, chú tâm xem đọc, thật là bất phàm! Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Niệm Phật. Thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Ngài phát nguyện gần như hoàn toàn giống với Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù và Phổ Hiền đều cầu sanh Tịnh Độ. Thiện Tài là học trò đặc ý của ngài Văn Thù. Nếu học trò đặc ý chẳng thể kế thừa nguyện vọng của thầy thì chẳng phải là đệ tử truyền pháp!

Lại xem kỹ: Thiện Tài đồng tử đi tham phòng, gặp được vị [thiện tri thức] đầu tiên là tỳ-kheo Cát Tường Vân (bản Bát Thập Hoa Nghiêm ghi là Đức Vân, bản Tứ Thập dịch là Cát Tường Vân) dạy Ngài pháp môn Niệm Phật. Nay ta gọi phương thức mà bản thân tỳ-kheo Cát Tường Vân tu hành là Ban Châu tam-muội, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vị thiện tri thức đầu tiên mang ý nghĩa biểu pháp rất sâu, cổ nhân thường nói “*tiên nhập vi chủ*” (học pháp nào đầu tiên, pháp ấy là chủ). Pháp môn thứ nhất của Thiện Tài đồng tử là niệm Phật, tiên nhập vi chủ mà! Lại xem đến cuối cùng, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba, tức vị cuối cùng, là Phổ Hiền Bồ Tát: Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tôi hiểu rõ: Tỳ-kheo Cát Tường Vân khởi đầu, Phổ Hiền Bồ Tát kết thúc, từ đầu đến cuối Thiện Tài tu pháp môn nào? Tu pháp môn Niệm Phật! Lúc đó, tôi mới chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất, không còn nghi hoặc nữa, chẳng còn do dự nữa, tôi đã hiểu rõ rồi. Huống chi Văn Thù và Phổ Hiền khuyên dạy bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, những hải chúng (đại chúng đông nhiều như biển cả) trong thế giới Hoa Tạng này, ai nấy đều cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta hãy nghĩ xem: Trang nghiêm đến

mức độ nào?

Lại xem thấy Tỳ Lô Giá Na Như Lai (đều là thị hiện cho chúng ta thấy), Tỳ Lô Giá Na Như Lai hoan hỷ, không nói: “Văn Thù! Phổ Hiền! Sao các ông đem đại chúng của ta đi hết vậy? Mọi người trong đạo tràng của ta đều mang qua thế giới Cực Lạc thì đạo tràng này biến thành cái gì đây? Chắc chắn trong thế gian của ta sẽ nảy sanh hiểu lầm. Đừng có nói là các ông đem toàn bộ mọi người đi, dù chỉ đem một, hai người đi, ta cũng không chấp thuận!” Trong đạo tràng này, nhất là những người thông minh lanh lợi, dụng công tu hành, nếu quý vị đem đi hết mà không được lão hòa thượng của tự viện đồng ý là lỗi thôi liền!

Trong thế giới Hoa Tạng, chúng tôi tin Văn Thù, Phổ Hiền nhất định phải được Tỳ Lô Giá Na Phật đồng ý. Tỳ Lô Giá Na Phật chấp thuận: “Tốt lắm! Mọi người đều đi được”. Vì sao? Đến thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh chóng, so với Hoa Tạng nhanh hơn nhiều lắm, rút ngắn thời gian. Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng có tư tâm, Phật Phật đạo đồng, chư Phật chỉ có một nguyện vọng là hy vọng mọi người mau chóng thành Phật; nhanh nhất thì không gì hơn là đến thế giới Cực Lạc thân cận A Di Đà Phật. Bởi vậy, Văn Thù, Phổ Hiền suất lãnh các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi địa vị vãng sanh Cực Lạc thế giới, Tỳ Lô Giá Na Phật hoan hỷ! Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nếu chúng ta biết đạo tràng khác có vị thiện tri thức chân chánh, tôi không bằng vị ấy, các đồng học muốn đến thân cận vị ấy, tôi hoan hỷ, quý vị thân cận vị đó là đúng, không sai lầm chút nào!

Trước kia, tôi giảng kinh ở Đài Loan có những đồng học là sinh viên Đại Học, nghe tôi giảng hai ba năm, đến bảo tôi: “Thưa pháp sư! Con muốn qua Đài Trung thân cận thầy Lý”. Tốt lắm! Những vị ấy thông minh, tôi học từ thầy Lý. Các anh thân cận thầy tôi chính là điều tôi cầu không được. Nếu thực sự có duyên phận thì phải thân cận vị thiện tri thức hạng nhất. Vị thiện tri thức bậc nhất trong các cõi Phật được hết thầy chư Phật công nhận là A Di Đà Phật. Quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật mà! Bởi vậy, chỉ cần quý vị phát tâm thân cận A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc thì tất cả hết thầy chư Phật đều vỗ tay: “Người thật thông minh! Người chọn lựa đúng!” Những lời tôi thưa cùng quý vị ở đây câu nào cũng đều chân thật. Do vậy, đối với những lời khai thị trong đoạn này, chúng ta càng phải suy nghĩ kỹ càng.

Đoạn tiếp theo là: “*Ngẫu Công than viết*” (Ngẫu Công than rằng), Ngẫu Ích đại sư than thơ, “*Ta hồ! Phàm phu lệ đấng Bồ Xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ*” (Ôi chao! Phàm phu được liệt vào ngôi Bồ

Xứ, là một xứ xuất hiếm lạ, một bản luận cùng tốt chẳng thể suy lường được!). Trước hết, chúng tôi nói về câu này. Ngẫu Ích đại sư chú giải kinh, viết đến đây, tự mình hết sức cảm thán: Rành rành là phạm phu, một phẩm phiền não chưa đoạn, đời nghiệp vãng sanh đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên “liệt vào ngôi Bồ Xứ”. Kẻ ấy không thực sự là Bồ Xứ, chỉ ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát. Không phải là Bồ Xứ Bồ Tát sẽ chẳng thể ở chung một chỗ được, kẻ kia là phạm phu vì sao lại có thể ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát? Ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát là gần bằng Bồ Xứ, là không khác Bồ Xứ cho mấy. “Kỳ xứ xuất hiếm lạ, một bản luận cùng tốt), “Kỳ” (奇) ở đây là “hy kỳ” (希奇: hiếm lạ), chưa từng nghe đến, chưa hề thấy qua, nhưng thế giới Cực Lạc lại có chuyện như vậy đây! “Đàm” (談) là bản kinh giảng đạo đến mức cùng tốt. Ngẫu Ích đại sư tán thán: Thật sự có chuyện này, không giả đâu!

“*Hoa Nghiêm sở bản, khước tại thử kinh (chư Phật sở thuyết đệ nhất kinh, Bồ Tát tu hành đệ nhất pháp môn)*” (Những điều riêng mình kinh Hoa Nghiêm có (kinh bậc nhất của chư Phật đã nói, pháp môn tu hành bậc nhất của Bồ Tát) hoàn toàn được nêu lên trong kinh này). Câu trong ngoặc đơn là do tôi viết. Đối với câu này tôi cũng hiểu đôi chút. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, đọc đến cuối cùng “*thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc*” (mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc), tức là quy về kinh Vô Lượng Thọ. Cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm bản trung. Trong ba kinh Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất. Nếu chúng ta dùng ba phần Tự Phần, Chánh Tông Phần, Lưu Thông Phần của kinh điển để nói thì kinh Vô Lượng Thọ là phần Chánh Tông của Tịnh Độ; kinh A Di Đà là Lưu Thông Phần. Trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lượt khuyên chúng ta hãy phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật chẳng thể nghĩ bàn! Cổ nhân thường nói một mà hai, hai nhưng ba, ba nhưng bốn, bốn lượt khuyên dạy vãng sanh. Chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là quy hướng thế giới Cực Lạc. Kinh Di Đà là Hoa Nghiêm tiểu bản, kinh Vô Lượng Thọ là đại bản của kinh A Di Đà. Cư sĩ Vương Long Thư hội tập kinh Vô Lượng Thọ cũng đặt tên là Đại A Di Đà Kinh, ông đặt tựa đề kinh như thế. Bởi vậy, đây chính là kinh bậc nhất do chư Phật nói, là pháp môn bậc nhất để các Bồ Tát tu.

“Nhi thiên hạ cổ kim, tín tiền⁶⁵, nghi đa, dư duy hữu phẫu tâm lịch huyết nhi dĩ” (nhưng thiên hạ xưa nay, tin ít, nghi nhiều, tôi chỉ đành mò tìm vẩy máu mà thôi). Đây là lời cảm khái đau lòng buốt óc của Ngẫu Ích đại sư. Thiên hạ xưa nay, người tin tưởng ít ỏi, kẻ hoài nghi đông đảo, Ngẫu Ích đại sư viết đến đây, nghĩ đến đây, đúng là đau lòng đến cùng cực! Rõ ràng là trong một đời có thể thoát luân hồi viên thành Phật đạo, chẳng phải đợi đến đời thứ hai, chỉ một đời mà thôi! Một đời viên mãn; bởi lẽ, quý vị vãng sanh là ra đi khi đang còn sống, chẳng phải chết rồi mới đi. Bởi thế, tôi thường nói pháp môn này gọi là “*pháp môn không chết*”, thực sự không chết. Quý vị thấy đó: Lúc thời tiết nhân duyên chín muồi, người vãng sanh thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, từ tạ mọi người: “Phật đến rồi, tôi theo Ngài về thế giới Cực Lạc”. Nói rồi bèn đi, đi ngay trong lúc sống. Đi rồi thì sao? Không cần đến cái dây da thối này nữa, vứt bỏ, triệt để buông xuống, đi qua thế giới Cực Lạc đổi lấy thân khác.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh, hoa sen ấy do chính mình trồng, chẳng phải do ai khác trồng! Tất cả hết thầy chúng sanh chỉ cần thực sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, trong ao sen bảy báu nơi thế giới Cực Lạc sẽ mọc lên một búp sen. Quý vị tín nguyện kiên định, niệm Phật rất siêng, hoa sen trong ao ấy ngày càng to dần, càng tăng trưởng. Lúc quý vị hết tuổi thọ, A Di Đà Phật cầm hoa sen ấy đến tiếp dẫn quý vị. Hoa sen ấy của chính quý vị, chứ không phải của ai khác, trên hoa còn có đề tên, chắc chắn không lầm lẫn được. Quý vị vào trong hoa sen, chẳng phải là một đứa bé con dần dần lớn lên, mà là thân tướng giống hệt như Phật. Tây Phương thế giới là pháp giới bình đẳng, bỏ nhục thân, đạt được thân gì? Được thân vàng ròng sắc tía giới mài sáng bóng, trong bốn mươi tám nguyện [của A Di Đà Phật] có lời nguyện này. Tướng hảo, quang minh [của mỗi chúng sanh trong thế giới Cực Lạc] không khác gì A Di Đà Phật và Bồ Xứ Bồ Tát, thực sự bình đẳng.

Đó là vì trong quá khứ, lúc A Di Đà Phật đang tu đạo Bồ Tát trong khi tu nhân, đọc trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta sẽ thấy đoạn lịch sử ấy, Ngài đã từng tham phỏng hai trăm mười ức cõi Phật. “Hai trăm mười ức” biểu thị pháp chứ không phải là một con số; trong Mật tông, hai trăm mười ức biểu thị ý nghĩa viên mãn, hàm nghĩa “khắp pháp giới hư không

⁶⁵ Lưu ý, ở đây Ngẫu Ích đại sư dùng chữ Tiền (匙 :ít ỏi) chứ không phải là chữ Tiêu bị phiên âm sai.

giới, hết thấy các cõi Phật, không sót một cõi nào”, Ngài đều đến tham học hết. Đối với ưu điểm và những chỗ hay của mỗi một thế giới Ngài liền học lấy; những khuyết điểm Ngài đều bỏ đi. Vì thế, sự thành tựu nơi thế giới Cực Lạc chính là do kết hợp tất cả những ưu điểm trong hết thấy cõi Phật khắp pháp giới hư không giới, không có khuyết điểm, cõi ấy được kiến tạo như vậy. Sự kiện này là một sự khai thị rất lớn cho chúng ta! A Di Đà Phật kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là đóng cửa mà mù tịt tự chế, cũng chẳng phải ở riet trong nhà nghĩ cách; không phải vậy, mà là sở đắc từ sự tham học. Đây là học vấn chân chánh, học vấn thực sự!

Chắc chắn Ngài trông thấy thế giới Sa Bà (chắc chắn Ngài đã từng đến thế giới Sa Bà của chúng ta), thấy hết thấy chúng sanh tướng mạo khác biệt. Tướng mạo đẹp thì phiền não hiện tiền, phiền não gì vậy? Ngạo mạn! Tướng mạo không đẹp, phiền não cũng hiện tiền, phiền não gì vậy? Mặc cảm tự ty rất nặng! Những điều này chúng ta đều biết rất rõ. A Di Đà Phật biết điều này, nên tất cả hết thấy những ai vãng sanh về thế giới Cực Lạc tuyệt đối chẳng nẩy sanh phiền não, vì sao? Tướng mạo mọi người giống hết nhau, không một ai đẹp hơn ai, cũng không ai có khuyết điểm, thấy đều giống hết như nhau, thể chất giống hết, cao - thấp giống hết, gầy - béo giống hết, tướng hảo như nhau.

Nói như vậy thì chúng ta lại có vấn đề, vấn đề gì vậy? Nếu ta muốn tìm một người nào đó, ta biết ai là ai đây? Toàn bộ giống hết nhau. [Nếu thắc mắc vớ vẩn] như vậy là chúng ta lo xa quá đấy, vì sao? Chúng ta không có trí huệ, không có huệ nhãn, không có thần thông; nhưng người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều có thần thông nên nhất định chẳng nhận lầm người. Tất cả mọi người tướng mạo giống hết A Di Đà Phật, nhất định quý vị chẳng thể nhận lầm. Tuy tướng mạo của mỗi cá nhân vãng sanh cũng giống hết nhau, quý vị vẫn chẳng nhận lầm, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, đọc đến đoạn này, hãy nên phát nguyện! Trong kinh này đức Phật lại khuyên chúng ta nên phát nguyện lần nữa, phải nên vãng sanh cõi nước kia.

Lại xem tiếp đoạn dưới: “*Hạnh Nguyện Phẩm vân*” (Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói), tức là trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm có đoạn chép: “*Thị nhân dục lâm mạng chung thời, nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại, dĩ trí thân thuộc, oai thế, tợng, mã, trân bảo đẳng, tất giai tán diệt*” (lúc người ấy sắp mạng chung, hết thấy các căn thấy đều bại hoại, cho đến thân thuộc, oai thế, voi, ngựa, các món quý báu v.v... thấy đều tan diệt). Chúng tôi giảng đoạn này trước.

Đoạn này nói lên điều gì? Lúc thọ mạng con người đã hết, lúc lâm chung, “*nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại*” (hết thảy các căn thảy đều bại hoại), tức là không khởi tác dụng nữa. “*Chư căn*” như là mắt v.v., người chết rồi mắt không thể thấy nữa, tai không thể nghe được nữa, mũi không hô hấp, lưỡi cũng chẳng thể động, thân thể cũng chẳng thể cử động. Đó là “*nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại*” (hết thảy các căn thảy đều bại hoại), không khởi tác dụng, sáu căn mất đi năng lực. Thân thể của chính mình là như vậy đó.

Còn những vật ngoài thân của quý vị như “*thân thuộc*”, tức là người nhà, quyền thuộc của mình, mình phải chia lìa. “*Oai thế*” là địa vị, quyền lực. Dầu cho địa vị, quyền lực đạt đến cùng cực, làm đến quốc vương; lúc ấy có làm vua cũng không được nữa, thọ mạng đã hết, ngôi vua cũng vứt đi, quyền lực cũng buông xuôi. “*Tượng, mã*” (voi, ngựa) là công cụ giao thông sử dụng trong thời cổ. Công cụ giao thông hiện tại gồm xe hơi, du thuyền, thậm chí tư gia có máy bay, cái gì cũng không mang theo được, không mang theo cái gì được hết! “*Trần bảo*” là của cải; hết thảy các món quý báu do quý vị góp, không mang theo được gì! “*Giai tất tán diệt*” (thảy đều tan diệt), không cầm gì theo được, thuộc về người khác hết, quý vị phải giác ngộ điều này! Trong kinh luận, đức Phật thường cảnh tỉnh chúng ta: “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (Muôn thứ không mang được, chỉ mỗi nghiệp theo thân). Quý vị phải hiểu rõ ràng, minh bạch: Tất cả hết thảy những vật ngoài thân chắc chắn không phải là của chính mình. Bản thân ta cái gì cũng không có, ngay đến cái thân này cũng không có, thân thể cũng phải bại hoại.

Vì vậy, trong thế gian này, kinh Bát Nhã giảng rất rõ: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thảy pháp không có sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Đó là chân tướng sự thật. Nếu quý vị cho là hữu sở đắc, vẫn muốn giành lấy thì quý vị làm rồi! Quý vị có giành lấy, trong tương lai cũng không mang theo được, lại còn tạo thêm vô lượng vô biên nghiệp chướng. Trong thế gian có mấy ai giác ngộ? Có mấy ai thực sự hiểu rõ? Người giác ngộ buông bỏ toàn bộ pháp thế gian, ngay cả thân mình cũng không màng, quyết định chẳng lưu luyến.

“*Duy hữu nguyện vương, bất tương xả ly, nhất thiết thời trung, dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na gian tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới*” (Chỉ có nguyện vương chẳng hề lìa bỏ, trong hết thảy thời, nó thường dẫn đường đằng trước. Trong khoảng sát-na liền được vãng sanh thế giới

Cực Lạc). Nói về điều gì? Nói về cái quý vị mang theo được. Cái mang theo được là thiện nghiệp, ác nghiệp, tịnh nghiệp, ba thứ nghiệp này đi theo quý vị. Người thực sự giác ngộ đoạn trừ ác nghiệp, tuy vẫn tu thiện nghiệp nhưng quyết không chấp trước. Do không chấp trước nên biến thành tịnh nghiệp; nếu chấp trước liền biến thành thiện nghiệp. Chấp trước thì quả báo là ba thiện báo; không chấp trước thì quý vị phải hồi hướng cầu sanh về Tịnh Độ, quả báo của quý vị sẽ là vượt thoát tam giới, vượt thoát mười pháp giới, thù thắng khôn sánh!

Mười đại nguyện vương dạy chúng ta điều gì? Quý vị phải biết:

1) Thứ nhất là dạy chúng ta cung kính “*lễ kính chư Phật*”.

2) Thứ hai dạy chúng ta xưng tán, tức là khen ngợi điều lành, quyết định chẳng ăn nói sai trái. Thấy bất cứ sai trái gì cũng trọn chẳng rêu rao, hồng bôi dưỡng thiện tâm, thiện ý và thiện hạnh của chính mình, miệng không lầm lỗi, “*xưng tán Như Lai*”!

3) Thứ ba dạy chúng ta bố thí cúng dường “*quảng tu cúng dường*”.

4) Thứ tư dạy chúng ta “*sám hối nghiệp chướng*”, phải biết sám hối nghiệp chướng của chính mình.

5) Thứ năm là dạy chúng ta “*tùy hỷ công đức*”, tùy hỷ công đức hết sức trọng yếu! Hết thấy chúng sanh đều có tâm ghen ghét, tùy hỷ công đức nhằm phá trừ ghen ghét. Trông thấy chỗ hay của người khác, ta không ôm lòng ghen ghét chút nào, mà tùy tâm, tùy lực giúp đỡ người ta, thành tựu cho người ta. Đó là tùy hỷ công đức. Người ta có công đức nhiều lớn, mình tùy hỷ thì công đức cũng lớn như người ta vậy, công đức của người ta hoàn toàn chẳng bị giảm thiểu. Cũng giống như người khác có một cây nến đã thắp rồi, mình có một cây nến chưa thắp, người ta dùng cây nến ấy thắp sáng cho mình, quang minh nơi cây nến của người ta không tổn thất mảy may. Cây nến của mình được thắp xong, ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau, tùy hỷ công đức là như vậy đó!

6) Thứ sáu, “*thỉnh chuyển pháp luân*”.

7) Thứ bảy, “*thỉnh Phật trụ thế*”.

Thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế không vì chính mình, mà nhằm lợi ích chúng sanh. Quý vị gặp được thiện tri thức, chúng sanh không biết, ta biết. Ta biết thì ta thay họ thỉnh, thay mặt cho chúng sanh trong khu vực ấy, thay cho chúng sanh khắp cả thế gian lễ thỉnh thiện tri thức hãy vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp. Nhân duyên chín muồi, chúng ta phải thỉnh thiện tri thức trụ lâu dài trong khu vực của chúng ta. Thiện tri thức ở lâu dài nơi ấy thì người ở nơi ấy có phước. Chân thiện

tri thức được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, Ngài sống tại nơi này, mọi người chẳng lẽ không được hưởng lây ư? Không phải là ai nấy đều có phước hay sao? Phải là người có trí huệ chân chánh, phước báo chân chánh thì mới biết khai thính.

Trong thực tế, mười điều nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát chỉ gồm bảy điều, bảy điều trên đây chính là các nguyện [của Phổ Hiền Bồ Tát]. So với trước kia, hiện thời thính chuyển pháp luân thuận tiện hơn. Nay chúng ta có thể lợi dụng những kỹ thuật khoa học cao cấp, lợi dụng mạng thông tin quốc tế (Internet), lợi dụng truyền hình vệ tinh (satellite TV) thính pháp sư, thính thiện tri thức giảng kinh, thuyết pháp. Chúng ta đưa CD, băng âm hình lên Internet, phát trên truyền hình vệ tinh hòng lợi ích chúng sanh toàn thế giới. Làm như vậy chính là gì? Đều thuộc về thính chuyển pháp luân và thính Phật trụ thế. Hiện tại, hai nguyện trên có thể gộp thành một, hai nguyện gộp thành một, thật chẳng thể nghĩ bàn!

Ba điều nguyện sau đó đều thuộc về hồi hướng, “*thường tùy Phật học*” là hồi hướng Bồ Đề, “*hằng thuận chúng sanh*” là hồi hướng chúng sanh, “*phổ giai hồi hướng*” là hồi hướng pháp giới và hồi hướng pháp tánh. Do vậy, ba điều nguyện cuối này thuộc về hồi hướng viên mãn, đính kèm theo. Mười đại nguyện này dẫn dắt quý vị vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiêu đoạn thứ năm, câu cuối cùng là: “*Quán thử tắc phát nguyện cầu sanh, tự thuộc đương vụ chi cấp*” (Thấy như thế bèn phát nguyện cầu vắng sanh, tự lấy đó làm nhiệm vụ cấp bách). Thời thời, chón chón đều thấy Thế Tôn, Tổ Sư ân cần, khẩn thiết khuyên dạy chúng ta, chỉ sợ chúng ta lại bỏ lỡ cơ hội lần này. Bởi vậy, chúng ta chỉ nên nhớ kỹ: Như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói đến mười đại nguyện, mười đại nguyện ấy là cương lĩnh tu học. Ba điều nguyện cuối tôi nói là hồi hướng. Hồi hướng với ý nghĩa gì? Nhằm mở rộng tâm lượng, thực sự khôi phục “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Phải biết bốn nguyện của mình vốn sẵn tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Cái tâm này hiện thời nhỏ nhoi dường ấy, thật đáng thương, đáng xót xa lắm! Vì thế, dùng phương pháp hồi hướng này để mở rộng nó, khôi phục nó.

“*Thường tùy Phật học*” (thường học theo Phật), niệm niệm chẳng quên lời Phật dạy, đó là hồi hướng Bồ Đề. Trong những tôn giáo khác, chúng tôi cũng thường xem kinh điển của họ, hết thầy vinh diệu đều quy về Thượng Đế, đều quy về Chân Chúa! Trong Phật pháp, chúng ta không nói đến Thượng Đế, không có Chân Chúa, chúng ta nói đến thầy, thầy dạy dỗ chúng ta. Con người trong thế gian, vào thời cổ, mỗi người khi có thành tựu, nhất định sẽ quy sự vinh diệu về cha mẹ, về thầy, hồng báo ân dưỡng dục, báo ân thầy giáo hóa. Niệm niệm chẳng quên, tâm cảm ân. Cái tâm cảm ân ấy trọn khắp pháp giới hư không giới. Đó là hồi hướng Bồ Đề.

“*Hằng thuận chúng sanh*” là hồi hướng chúng sanh. Trong đây, quan trọng nhất là Thuận, chẳng phải thuận tạm thời, chẳng phải thuận hữu hạn, mà là hằng thuận, vô hạn, vĩnh hằng! Quý vị thầy chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát giáo hóa hết thầy chúng sanh trong chín pháp giới, nêu gương tốt cho chúng ta, đó là thuận! Quý vị muốn học điều gì bèn giúp cho, chỉ không giúp đỡ khi quý vị học sự bất thiện, học theo cái ác thì Ngài không dạy. Chứ nếu là thiện thì không gì không dạy! Đại thiện lẫn tiểu thiện đều dạy hết, chẳng nệ nhọc nhằn, chẳng sợ cay đắng, chẳng ngại gian lao, chỗ nào có cầu bèn ứng ở chỗ đó.

Đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện, lúc đức Phật còn tại thế - ta phải biết khi ấy đâu có công cụ giao thông, người xuất gia toàn đi bộ - Phật đi đến mọi nơi dạy dỗ. Vết chân Phật in dấu khắp Ấn Độ, luôn du hành, cực Nam đến tận đảo Tích Lan, ngày nay là Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka). Thị hiện ngàn chỗ mong cầu, ngàn chỗ ứng như vậy, địa phương nào muốn thỉnh Phật: “Xin giáo hóa chúng con!” Phật bèn đến. Hễ có người thỉnh, Phật bèn đến.

Học trò của Ngài không ít vị là Bồ Tát, Bồ Tát không cần ai thỉnh, chủ động đi đến, làm “bạn chẳng mời” (bất thỉnh hữu) của hết thầy chúng sanh; nhưng Phật nhất định phải thỉnh, vì sao? Phật đại biểu cho sư đạo, tôn sư trọng đạo, bởi thế, nhất định phải thỉnh. Bồ Tát là đồng học, đồng học chẳng cần phải nghiêm túc, “anh chẳng cần mời tôi cũng đến”; nhưng trong đây vẫn có một điều kiện, trước hết phải lắng nghe xem [người mà mình định tiếp độ] có thể tiếp nhận hay không. Nếu có thể tiếp nhận, hoan hỷ nghe, nghe được, hiểu được, Bồ Tát bèn đến. Chẳng thỉnh Ngài cũng đến, hằng thuận chúng sanh mà! Tuyệt đối chẳng chấp trước vào một pháp môn. Quý vị nói pháp môn Niệm Phật rất tốt, quá tốt ấy chứ! Nhưng người ta không thể tiếp nhận thì chẳng thể đem pháp môn này ra nói. Họ muốn pháp gì, quý vị phải biết! Người ấy có

thể tiếp nhận điều gì? Quý vị phải biết! Ưa thích điều gì? Quý vị phải biết thì quý vị thuyết pháp mới khéo. Điều này những đồng học muốn học kinh giáo phải đặc biệt chú ý, quán cơ (xem xét căn cơ). Chư Phật Bồ Tát vì thuyết pháp khéo lý, khéo cơ cho chúng sanh nên dạy dỗ thành công.

Nguyên cuối cùng là “*phổ giai hồi hướng*”, tức là hồi hướng khắp tất cả, tâm lượng hoàn toàn mở rộng, chẳng có một tí ti bó buộc nào, đúng là trọn khắp hư không pháp giới; khắp hư không pháp giới là Tánh Đức viên mãn, Tánh Đức mà! Hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh đều do tự tánh hiện, chỉ do Thức biến. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật giảng rất rõ: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Hồi hướng khắp tất cả là hồi hướng về tâm tánh, hết thấy đều quy về tự tánh, tất cả hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian phát sanh từ tự tánh, đến cuối cùng trở về tự tánh, đó gọi là đại viên mãn!

Bởi thế, nguyên vương này “*bất tương xả ly*” (chẳng hề bỏ lia), lúc con người lâm chung, tất cả hết thấy đều tách rời, không mang theo được gì, chỉ mang theo một mình nguyên vương này. Tịnh nghiệp thù thắng khôn sánh đi theo quý vị, “*nhất thiết thời trung, dẫn đạo kỳ tiền*” (trong hết thấy thời, nó dẫn đường đằng trước), dẫn dắt quý vị về đâu? Dẫn quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó chính là những nguyên của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Quán thử tắc phát nguyện cầu sanh, tự thuộc đương vụ chi cấp*” (Thấy như thế bèn phát nguyện cầu vãng sanh, tự lấy đó làm nhiệm vụ cấp bách trong hiện tại): “*Đương*” (當) là “*đương hạ*”, tức là hiện tiền. “*Vụ*” (務) là chuyện bắt buộc phải làm, “*cấp*” (急) là lập tức; [*đương vụ chi cấp*] tức là chuyện lập tức phải làm. Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, thấu hiểu, sẽ phải làm ngay lập tức, buông xuống hết thấy những thứ khác. Trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi, nhất định phải tương ứng với kinh giáo.

Tinh thần và nghĩa thú chân chánh của kinh giáo là gì? “*Thọ trì độc tụng, vị nhân diễn thuyết*” (thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói), là tám chữ ấy. Những gì Phật dạy trong kinh giáo chúng ta tiếp nhận toàn bộ, đó là “*thọ trì*”. Tiếp thu toàn bộ xong, biến chúng hoàn toàn thành của chính mình. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình là hư huyền, là giả, là nghiệp, nghiệp bất thiện; thấy đều buông xuống hết, thay thế toàn bộ bằng kinh giáo của đức Như Lai. Cách nhìn, cách nghĩ, cách làm của chúng ta hoàn toàn tương ứng với kinh giáo, đó

là thọ trì! Thọ (受) là tiếp nhận, Trì (持) là gìn giữ, chẳng để mất. Chẳng để mất dấu chỉ một ngày hay chỉ trong một sát-na. Đó là Thọ Trì!

“*Độc tụng*” là ôn tập. Hằng ngày ôn tập, ôn cố tri tân (ôn chuyện cũ để hiểu chuyện mới), trường thời huân tu. Huân tu lâu ngày bèn khai ngộ! Ngộ rồi thì sao? “*Vì nhân diễn thuyết*” (vì người khác diễn nói), tức là thực hiện trong cuộc sống thường nhật, thực hiện trong công việc, thực hiện trong việc xử sự, đãi người, tiếp vật, vì người khác biểu diễn, vì người khác diễn nói, hết thầy đều vì chúng sanh, chẳng vì chính mình. Hết thầy đều nhằm biểu diễn cho chúng sanh thấy: Đây là cuộc sống giác ngộ, cuộc sống của Phật, Bồ Tát, cuộc sống đại tự tại. Không lão phu tử nói: “*Học nhi thời tập chi*” (Học rồi luôn tu tập - tức thực hiện). “*Tập*” (習) chính là như nay ta nói là “thực hiện”, thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật. “*Thời*” (時) là luôn luôn, không gián đoạn; tiếp đó là “*bất diệc duyệt hồ*” (cũng chẳng vui sao); nói theo cách nói của nhà Phật là “*pháp hỷ sung mãn*”, thực sự sung sướng, pháp hỷ sung mãn! Sự vui sướng ấy không do bên ngoài mà có, mà là từ trong tự tánh lưu lộ. Tiểu tiết cuối cùng là:

“*Kinh vân: Đắc dữ chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (Kinh dạy: ‘Được cùng các thượng thiện nhân như vậy ở cùng một chỗ’). Kinh văn viết như vậy. “*Sở vị Quán Âm, Thế Chí, bả thủ cộng hành*” (Ý nói: Quán Âm, Thế Chí nắm tay cùng đi). “*Bả thủ*” (把手) là nắm tay, tay trong tay! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đi theo Quán Âm, Thế Chí tức là tay nắm tay cùng đi: Kinh hành, tản bộ, chuyện trò, đàm luận Phật pháp, có phải là vui sướng lắm hay không? “*Văn Thù, Phổ Hiền thân vi thắng hữu*” (Văn Thù, Phổ Hiền làm bạn bè thân thiết thù thắng). Văn Thù và Phổ Hiền đều là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng; các Ngài thường sống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Thắng hữu*” là bạn bè tốt nhất, bạn bè thù thắng nhất. Câu này miêu tả tình trạng cuộc sống và tình hình học tập tại Tây Phương Cực Lạc thế giới: Những người chung quanh ta toàn là thượng thiện nhân. “*Tắc huân đào tự hữu, thành Phật vô nan*” (Nên tự được un đúc, thành Phật chẳng khó), không sai chút nào! Chúng ta trường thời huân tu, huân tập, un đúc, là do nguyên nhân ấy, chứ không phải là chẳng có nguyên nhân.

Vậy thì vì sao trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu nhanh chóng đến thế? Thành tựu thù thắng dường ấy? Vì sao trong thế gian này chúng ta chẳng thể đạt được như thế? Xem đến đây quý vị hiểu

ngay. Trong thế gian chúng ta, làm sao có thể ngang vai sát cánh cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, chẳng có lẽ ấy! Bồ Tát quá cao! Nhưng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lại khác, vì sao khác? Đều là học trò của A Di Đà Phật, quan hệ giữa chúng ta là gì? Đồng học. Các vị ấy theo A Di Đà Phật đã lâu, chúng ta mới theo. Về thân phận, họ là lớp đàn anh, mình là đàn em, đàn anh đương nhiên phải chăm nom đàn em. Chúng ta có câu hỏi gì ngại không hỏi Phật, hỏi họ rất thuận tiện. Một ngày từ sáng đến tối sống cùng một chỗ, cho nên thành Phật không khó.

Tiếp đó là mấy câu tỏ ý mừng rỡ trước vận may: “*Thử sanh hữu hạnh, hoạch kiến, hoạch văn, khả bất nguyện sanh dư?*” (Đời này may mắn, được thấy, được nghe, há chẳng nguyện vãng sanh ư?) Một đời này chúng ta thực sự may mắn, nói đúng ra, mình may mắn quá đổi! Quý vị được thấy chuyện này, được nghe kinh điển này, há vẫn chẳng bằng lòng vãng sanh ư? Phải hiểu đây là chuyện thành Phật trong một đời, là đại sự nhân duyên bậc nhất trong các pháp thế gian và xuất thế gian, không có chuyện gì có thể sánh bằng chuyện này, chúng ta chẳng thể không biết như vậy. Đúng là không thể nào so sánh được. Nếu để lỡ việc này, đúng là tổn thất lớn lao không ai có thể diễn tả được, lớn lao quá mà! Nhân duyên để thành Phật trong một đời mà!

Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, vì đâu ta coi thường? Coi thường là vì lẽ gì? Rất mong đến đó, nhưng không nghiêm túc tu tập thực sự, nguyên nhân vì đâu? Không tin! Không thực sự tin, trong một đời này thậm chí hằng ngày đọc kinh này, hằng ngày giảng kinh này, nhưng bán tín, bán nghi. Kẻ ấy tin gì? Vẫn là tin vào danh văn, lợi dưỡng trong thế gian này, hưởng thụ ngũ dục lục trần, vẫn tin vào những thứ ấy. Nếu bày hai chuyện ấy ở trước mặt, họ sẽ chọn thứ gì? Chọn danh văn lợi dưỡng, chọn lấy ngũ dục lục trần thế gian, chẳng chọn lấy Niệm Phật, làm lẩn ở chỗ này! Bởi thế, đối với việc này Tổ Sư rất đau lòng, đau lòng vì không phải là vì trong một đời này [chúng sanh] không có cơ hội nghe được, không phải vì họ nghiệp chướng sâu nặng đến nỗi cả đời không được gặp gỡ pháp này, mà đau lòng bởi lẽ gì? Họ được gặp gỡ, nhưng lại ra sao? Ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, chẳng thể y giáo phụng hành, vẫn cứ tùy thuận phiền não tập khí của chính mình như cũ, vẫn tạo tác mười ác nghiệp như cũ, biết làm cách nào nữa đây?

Người thực sự hiểu rõ, thực sự tin tưởng sẽ làm hết sức rõ ràng như thế này: Ngay lập tức đoạn trừ mười ác nghiệp! Chẳng những không tạo mười ác nghiệp nữa, mà còn quyết định tu mười thiện nghiệp đạo. Vì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị ở cùng một chỗ với các

thượng thiện nhân, dầu chúng ta chưa phải là thượng thiện thì cũng phải là hạ thiện. Ngay cả hạ thiện cũng chưa có, làm sao quý vị có thể ở cùng một chỗ với các thượng thiện nhân cho được? Vì thế, người thực sự cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định đoạn ác tu thiện; đó là điều khẳng định, nhất định tương ứng với Đại Bồ Đề. Chúng ta thường gọi tâm Đại Bồ Đề ấy là chân thành. Người ấy nhất định chân thành, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, đúng là: “Tâm một mực chân thành”, không có nhị niệm, tâm nhất định thanh tịnh, tâm nhất định bình đẳng, tâm nhất định chánh giác, tâm từ bi, niệm niệm khởi tâm động niệm nhất định tương ứng với những thứ ấy.

Chúng ta biết con người giác ngộ, hồi đầu ấy trong một đời này nhất định được sanh về Tịnh Độ. Nếu nói tôi tin, tôi hằng ngày niệm Phật, trong mười hai thời chẳng thiếu khóa lễ nào tại Niệm Phật Đường, nhưng tâm địa chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, ngu si, tự tư, chẳng thành thật, vẫn chẳng thể vãng sanh! Cổ đức nói: “*Nhất thiên niệm thập vạn thanh Phật hiệu, hãm phá hầu lung dã uổng nhiên*” (Một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng cũng uổng công) là vì lẽ nào? Tâm hạnh chẳng lành. Chỉ tốt lành đặng miệng, trong ba nghiệp thân - khẩu - ý thì thân và ý bất thiện, chỉ có cái miệng từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, chẳng chửi người, như vậy thì chưa vãng sanh được! Quý vị xem kinh Vô Lượng Thọ thì thấy đúng là như vậy, vừa mở đầu kinh văn, đức Thế Tôn dặn dò chúng ta khéo giữ gìn tam nghiệp, đó là điều kiện cơ bản để cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều lành đầu tiên là khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi người khác; khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm. Đó là mười thiện nghiệp! Niệm Phật mà vẫn tạo nghiệp thì tương lai đi về đâu? Đi vào địa ngục đạo!

Quý vị xem bộ Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao do pháp sư Quán Đảnh soạn vào đời Càn Long nhà Thanh. Trong đoạn cuối cùng của bộ Sớ Sao này có nói đến một trăm thứ quả báo khác nhau của người niệm Phật, câu đầu tiên là người niệm Phật đọa A Tỳ địa ngục. Lúc tôi còn trẻ, vừa mới học Phật, đọc đến đoạn này hết sức nghi hoặc: Dù niệm Phật không tốt, lẽ ra chẳng đến nỗi đọa A Tỳ địa ngục, sao lại đọa A Tỳ địa ngục được? Tôi cầm sách đem hỏi thầy Lý: “Rốt cuộc là chuyện gì đây? Con nghĩ không ra, không có cách gì hiểu được!” Thầy Lý đọc rồi bảo: “Đây là câu hỏi lớn, tôi chẳng giảng cho một mình ông! Khi tôi giảng kinh, sẽ giảng cho khắp đại chúng”. Miệng niệm Di Đà nhưng chẳng đoạn ác nghiệp, kẻ ấy vẫn tạo

ác nghiệp. Ác nghiệp nghiêm trọng nhất là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng! Hủy báng Tam Bảo, lẽ đâu chẳng đọa địa ngục? Niệm vị Phật nào cũng vô ích, không ai cứu được hết!

Trong những tội ấy, mọi người dễ phạm nhất là tội tự khen mình, chê người! Hiện nay, chúng ta cũng thường thấy: Trong vô lượng pháp môn, chỉ có pháp môn của tôi tốt, người khác đều trật hết! Quý vị phải hiểu mỗi pháp môn đều do đức Phật nói. Quý vị nói một pháp môn nào không đúng thì quý vị nói bậy rồi, những pháp môn ấy do ai nói? Do đức Phật nói đấy. Chẳng phải quý vị đã báng Phật ư? Pháp do đức Phật nói! Đừng nói chi khác, cứ nói đơn giản là kinh Vô Lượng Thọ thôi. Ai nấy đều biết kinh Vô Lượng Thọ có mười hai bản dịch, nhưng trải qua nhiều đời bảy bản bị thất truyền, chỉ còn năm bản được truyền đến nay. Đối với năm bản đó, nếu nói bản này hay, chê bản kia dở thì đều là báng Phật, chẳng được nói như vậy. Nếu không hay thì làm sao được lưu truyền trong thiên hạ? Được lưu truyền trong thiên hạ, nhất định phải có giá trị lưu truyền. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc rất coi trọng giá trị ấy! Nếu anh không có giá trị, mọi người đâu chịu lưu thông; [thế mà các bản dịch ấy được] lưu thông thành sách rất nhiều. Chẳng giống như ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển, kỹ thuật ấn loát rất phát triển, in sách rất dễ dàng; thời cổ chẳng dễ dàng như vậy!

Ngay như thời đầu Dân Quốc mới đây thôi, kể ra rất thích hợp [để so sánh]; chúng ta thấy vào thời đầu Dân Quốc vẫn còn in sách bằng bản khắc gỗ, rất tốn công. Một người một ngày làm suốt tám chín tiếng đồng hồ, in được bao nhiêu bản? Trước kia, sách được in thành từng quyển, một quyển không nhiều, đại khái chừng sáu mươi hay bảy mươi trang. Một ngày chỉ in có thể in sáu bản! Tôi đến viếng Kim Lăng Khắc Kinh Xứ, họ ấn loát bằng bản khắc gỗ. Khi đó tiến bộ hơn trước nhiều, xưa kia phải dùng muội khói gỗ tùng [làm mực in], hiện thời vẫn dùng muội khói gỗ tùng nhưng pha thêm mực dầu, vậy là tiến bộ hơn trước nhiều! Nhưng khi in thì vẫn phải áp từng trang lên bản gỗ, đặt giấy lên đó, rồi mới ép xuống, rất tốn công! Làm tám tiếng một ngày, một người chỉ in được sáu quyển. Hiện tại, máy móc quá tiện lợi, in mấy ngàn bản trong vòng ba bốn ngày là xong, là hoàn tất, công việc được cơ giới hóa. Trước kia dùng sức người, cho nên giá trị của sách vở rất cao. Đúng là người bình thường không mua nổi sách.

Khoảng năm Dân Quốc hai mươi mấy, lúc đó tôi chưa đến mười tuổi, chừng tám hay chín tuổi chi đó, Thương Vụ Ấn Thư Quán in bộ [tử điển] Từ Nguyên, in bìa cứng đẹp để thành hai quyển thượng - hạ. Bộ

Từ Nguyên ấy chưa được in đẹp đẽ như bây giờ, giá bao nhiêu? Năm đồng Đại Dương. Năm đồng Đại Dương giá trị ra sao? Thừa cùng quý vị, bằng tiền ăn xài của một gia đình bốn người trong cả tháng. Phải mất một số tiền bằng tiền tiêu dùng của một gia đình bốn người trong cả tháng mới mua được sách, mà chỉ mua được một bộ tự điển thôi! Nói vậy, quý vị mới hiểu khi đó sách đắt như thế nào! Người giàu có mới tích lũy sách, sách khi ấy giống như đồ sưu tập của người chơi đồ cổ bây giờ vậy, coi sách như vật quý giá để tặng nhau.

Đọc sách cũng hết sức trân quý. Lúc đọc sách, nhất định chẳng được khuyên hay chằm, không được phép! Muốn khuyên hay chằm thì làm cách nào? Phải chép lại. Vì thế, trước kia người ta đọc sách, chắc chắn là sách nào mình ưa thích sẽ sao lại một bản. Tự mình sao lấy một bản thì có thể khuyên hay điếm, có thể dùng bút màu để đánh dấu. Sách bản gốc là bảo bối! Tự mình đọc xong lại còn truyền cho đời sau, đời sau lại truyền xuống đời sau nữa. Bởi thế, chẳng được có chút gì lơ đãng, nhất định chẳng được tổn hoại. Trước kia, sách vở được quý trọng như thế, bây giờ đâu có được như thế! Hiện nay, khoa học kỹ thuật quá phát triển, sách vở biến thành rẻ mạt, chẳng đáng giá, mọi người coi thường; trước kia, sách vở đúng là của báu!

Bây giờ, chúng ta lại xem tiếp đoạn thứ ba “*đốn siêu tuyệt đãi*” (nhanh chóng vượt thoát, dứt bật đối đãi), phần này có bốn tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là: “*Hạ phạm chúng sanh, Niệm Bất Thoái trung, siêu tận tứ thập nhất nhân vị (Sơ Trụ chí Đẳng Giác), vị thị phạm phu, khước bất lịch Di Sanh, tất bỏ Phật vị, dữ Quán Âm, Thế Chí vô biệt*” (Hạ phạm chúng sanh trong Niệm Bất Thoái, vượt hết khỏi bốn mươi một địa vị (từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác Bồ Tát) tu nhân, có nghĩa là kẻ ấy tuy là phạm phu nhưng chẳng trải qua [các địa vị] Di Sanh, ắt bỏ vào địa vị Phật, không khác gì Quán Âm, Thế Chí). Trước hết, chúng ta đọc đoạn này. Câu trên đây thuộc phần nửa trước của đoạn này. Chữ “*hạ phạm*” chỉ ai? Những kẻ vãng sanh trong bậc Hạ thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ, tức là ba phẩm Hạ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, liền đắc Niệm Bất Thoái. Chẳng những là Niệm Bất Thoái, mà còn viên chứng Niệm Bất Thoái. Nếu chỉ nói đơn giản là Niệm Bất Thoái thì có thể nói là kẻ ấy chỉ bằng với Sơ Trụ Bồ Tát, chúng ta có thể hiểu như vậy. Nếu nói là “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*” thì khác hẳn, vì bậc viên chứng ba thứ Bất Thoái là ai? Là Đẳng Giác Bồ Tát. Ở đây, Ngẫu Ích đại sư khẳng định viên chứng ba thứ Bất Thoái chính là Đẳng Giác Bồ Tát, cho nên Ngài viết: “*Siêu tận tứ thập nhất nhân vị*” (vượt hết khỏi bốn

mười một địa vị tu nhân). Bốn mươi một địa vị khi còn đang tu nhân của Bồ Tát là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, và Đăng Giác. Đúng là khó tin! Bởi thế, phải nói kẻ ấy là phàm phu nhưng trong một đời nhất định thành Phật “*tất bỏ Phật vị, dữ Quán Âm, Thế Chí vô biệt*” (tất bỏ vào địa vị Phật, chẳng khác gì Quán Âm, Thế Chí), không khác gì bậc Đăng Giác Bồ Tát cả! Kẻ ấy là hạ phàm chúng sanh, ở trong thế giới Cực Lạc có sao có thể thành được như vậy? Đó là chân tướng sự thật của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp theo đó là đoạn:

“*Nhược vị thị Nhất Sanh Bồ Xứ, khước khả danh phàm phu, bất khả danh Đăng Giác Bồ Tát*” (Nếu bảo là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chỉ có thể gọi là phàm phu, chẳng thể gọi là Đăng Giác Bồ Tát): Kẻ ấy là chúng sanh thuộc ba phẩm Hạ trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, nếu quý vị nói kẻ ấy là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chẳng thể nói như vậy được. Vì sao? Vì kẻ ấy thuộc ba phẩm hạ vãng sanh về Phạm Thánh Đồng Cư Độ, là phàm phu mà! Một phẩm phiền não chưa đoạn, chẳng thể gọi kẻ ấy là Đăng Giác Bồ Tát được! Sự việc này “*thử giai giáo võng sở bất năng thấu, sát võng sở bất năng liệt*” (chẳng thể tính gộp trong giáo võng được, chẳng thể xếp vào sát võng được). Chữ “*giáo võng*” chỉ giáo học; trong giáo học không thể có tình huống như vậy được. Trong giáo võng, theo Ngũ Thừa Phật giáo thì pháp để phàm phu học tập là pháp Nhân Thiên “*Ngũ Giới, Thập Thiện, tứ vô lượng tâm*”; họ học những thứ đó. Thanh Văn học pháp Tứ Đế, Duyên Giác học pháp Thập Nhị Nhân Duyên, Bồ Tát học lục độ vạn hạnh, đó là nói về Giáo! Những điều đó không có cách gì thích ứng với tình trạng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao phàm phu lại ở cùng một chỗ với Đăng Giác Bồ Tát được? Khác nào học trò Tiểu Học lại học cùng một lớp với nghiên cứu sinh, thành ra thể thống gì nữa?

“*Sát võng sở bất năng liệt*” (Chẳng thể xếp vào sát võng): Chữ “*sát võng*” chỉ thế giới. Trong tất cả thế giới không có sự việc này! Phàm phu quyết định phải thuộc vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ, quyết định chẳng dự vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát quyết định thuộc Phương Tiện Hữu Dư Độ, chẳng thuộc vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Pháp Thân Bồ Tát quyết định ở trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chẳng ngụ nơi Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Sát võng là như vậy đó. Tây Phương Cực Lạc thế giới phá cái lệ ấy, người thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ ở cùng một chỗ với Đăng Giác Bồ Tát, mà Đăng Giác Bồ Tát thuộc Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Bởi thế, Giáo Hạ của mười phương thế giới không có sự tình này, không có

cái lệ này. Trong bốn cõi [Tịnh Độ của một thế giới Phật] cũng không có trạng huống này, nên [pháp môn Tịnh Độ] gọi là pháp môn đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ nào? Ở đây chúng ta thấy rõ thật là đặc biệt!

Đoạn này giảng “*đốn siêu tuyệt đãi*” như thế đó, rất trọng yếu. Sau khi quý vị thực sự hiểu được rồi thì lòng tin nguyện đối với việc cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng những sẽ sanh khởi mà còn kiên định nữa. Đối với việc một đời sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đây chính là chỗ mấu chốt.

“*Dương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát*” (Nên biết trong đại sự nhân duyên của chúng ta thì một ải Đồng Cư khó vượt thoát nhất). Câu này luận về các cõi Phật thông thường. Phàm Thánh Đồng Cư Độ là gì? Là lục đạo luân hồi. Vượt khỏi luân hồi lục đạo rất khó khăn, “*tối nan thấu thoát*” (khó vượt thoát nhất). Phật, Tổ nói như vậy, chúng ta phải chú tâm suy nghĩ, quan sát, không được lảm lẩn chút nào. Hãy suy nghĩ: Nay chúng ta đang sống trong cái ải Đồng Cư này, chúng ta có năng lực gì để vượt thoát đây? Từ xưa, tổ sư đại đức nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, trừ Tịnh Độ ra, quý vị tu hành bất cứ pháp môn nào cũng không thể thành tựu trong một đời được! Không thể thành tựu sẽ chẳng thể vượt thoát luân hồi được! Vì sao? Bất luận quý vị tu học một pháp môn nào, công phu định lực nhất định phải là Cửu Thứ Độ Định thì mới có thể vượt thoát tam giới. Tứ Thiên Bát Định trong tam giới không thể vượt thoát lục đạo luân hồi được!

Bởi thế, nếu quý vị suy nghĩ: Quý vị muốn vượt thoát luân hồi lục đạo thì công phu định lực phải cao hơn Bát Định. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy sở chứng của A La Hán là Độ Cửu Định, Cửu Thứ Độ Định mới vượt thoát được! Chúng ta có năng lực ấy hay chẳng? Hiện tại, các nhà khoa học nói đến những chiều không gian khác nhau, Phật pháp gọi là “vượt thoát luân hồi lục đạo”. Cõi trời gồm hai mươi tám tầng, tức là trong Tam Giới có hai mươi tám tầng trời, nghĩa là hai mươi tám thứ không gian có chiều khác nhau. Quý vị phải vượt khỏi hai mươi tám thứ không gian có chiều khác nhau mới vượt được cái ải Đồng Cư này! Xưa kia vào thời Chánh Pháp và Tượng Pháp thì có người làm được, chứ trong thời kỳ Mạt Pháp thì không được! Đàm Hư đại sư đã nói về tình hình này rất khéo, quý vị cứ đọc sách của cụ Đàm sẽ biết ngay; hãy đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Ưc Lục là truyện ký của cụ Đàm.

Tôi chưa từng gặp mặt Sư, nhưng được nghe băng thâu âm lời Sư khai thị trong kỳ đả Phật Thất tại Hương Cảng. Băng ghi âm ấy nay

chúng tôi đã chế thành CD, chỗ chúng tôi có lưu truyền. Băng thâu âm lời khai thị ấy, tôi đã nghe ít nhất hơn trăm lần, nghe rất thích, rất cảm động. Sư giảng rất hay. Suốt một đời Sư (lúc đó Sư đã chín mươi tuổi), chưa hề thấy hay nghe nói có một người nào trong Thiên tông khai ngộ cả, chưa từng nghe nói đến. Sư nói đã từng gặp những người tham Thiên đắc Định, chứ chưa hề gặp người khai ngộ!

Đắc Thiên Định chẳng thể thoát khỏi luân hồi lục đạo. Nếu đắc Sơ Thiên hay Nhị Thiên thì nói thật ra sẽ sanh trong Tứ Thiên Thiên, không thoát khỏi luân hồi lục đạo. Bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới thoát khỏi được. Bậc đại khai viên giải bên Giáo, đại sư cũng chưa từng nghe nói có một ai. Người niệm Phật vãng sanh chẳng những nghe nói rất nhiều, mà cả đời Sư được chính mắt thấy phải hơn hai mươi trường hợp. Sư thường khuyên người khác niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ; trừ phương pháp này ra, không còn phương pháp thứ hai nào nữa cả. Đây là lời trình bày về kinh nghiệm suốt cả một đời của cụ Đàm. Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, lúc mất cũng là ngòi qua đời.

A! Nay đã hết giờ rồi.

Tập 23

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiêu đoạn thứ hai của đoạn thứ ba “*đốn siêu tuyệt đãi*”. Chúng tôi đọc một lượt: “*Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát, duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại. Liễu thử phương năng thâm tín Di Đà nguyện lực, tín Phật lực phương năng thâm tín danh hiệu công đức, tín trì danh phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bổn bất khả tư nghị dã*” (Nên biết trong đại sự nhân duyên của chúng ta, một cửa ải Đồng Cư khó vượt thoát nhất. Chỉ riêng cõi Đồng Cư của Cực Lạc vượt ngoài các cõi Đồng Cư của mười phương. Hiểu rõ điều đó thì mới có thể tin tưởng sâu xa vào nguyện lực của Phật Di Đà, tin vào Phật lực thì mới có thể tin tưởng sâu xa nơi công đức của danh hiệu. Có tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu xa tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn vậy!)

Tuy những điều được nói trong đoạn này trong phần trên chúng tôi đã nói không ít, nhưng đoạn này có ý nghĩa rất sâu, hết sức trọng yếu. Kinh Pháp Hoa giảng “*đại sự nhân duyên*” là “*khai thị ngộ nhập tri kiến Phật*”, đó là đại sự nhân duyên của chúng ta. Nói cách khác, cái gọi là đại sự nhân duyên chính là kiến giải, tư tưởng, và trí huệ của chúng ta

phải viên mãn rốt ráo giống như Phật. Hết thấy nhân quả, cõi nước, chúng sanh trong mười phương ba đời không gì chẳng biết, đó chính là đại sự nhân duyên.

Chẳng những không gì chẳng biết, mà còn không gì chẳng thể, chính mình thực sự làm chủ vũ trụ; Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, bốn việc này đều viên mãn hiện tiền. Nói thật ra, tự tánh của mỗi chúng sanh đều đầy đủ viên mãn bốn việc này; đầy đầy đủ nhưng lại mê mất tự tánh, nên bốn việc này hoàn toàn không có. Bởi vậy, chúng ta nói “[viên mãn] hiện tiền” thì đó chỉ là khôi phục tự tánh, nhà Phật thường gọi là “minh tâm kiến tánh”, hay là “đại sự nhân duyên”. Đó là cảnh giới tu học tối cao, là mục tiêu chung cục của chúng ta. Phải bắt đầu thực hiện từ đâu? Từ một cửa ải Đồng Cư, phải khởi đầu từ đó. Trước hết, ta phải đột phá được cửa ải này, cũng có nghĩa là phải vượt thoát luân hồi lục đạo. Khó lắm! Hôm qua, tôi đã thừa cùng quý vị, thực sự khó lắm!

Chúng ta không có năng lực vượt thoát, nay đức Thế Tôn dạy cho chúng ta một phương pháp, chẳng cần phải vượt thoát vẫn có thể đột phá được, làm thế nào vậy? Nay chúng ta đang mang thân phận con người trong lục đạo, dùng ngay thân phận này để di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn mang thân người. Chúng ta mang thân người không có cách gì di dân lên thiên đạo, nhưng từ nhân đạo [tại Sa Bà] di dân sang nhân đạo [bên Cực Lạc] chẳng phải là chuyện khó. Chúng ta di dân sang Phạm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phạm Thánh Đồng Cư Độ cõi ấy rất đặc biệt, “*duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại*” (chỉ riêng cõi Đồng Cư của Cực Lạc là vượt thoát ngoài các cõi Đồng Cư trong mười phương). Các cõi Đồng Cư của chư Phật, Bồ Tát trong mười phương ba đời đều chẳng sánh bằng cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc.

Ấy là vì trong thế giới Cực Lạc, cõi Đồng Cư, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, cõi Thường Tịch Quang dung hợp thành một thể, giống như bốn ngọn đèn vậy! Tịch Quang là ngọn đèn lớn, chúng ta nói nó có độ sáng là một vạn chi quang⁶⁶, ngọn đèn ấy sáng bừng. Cõi Thật Báo [là

⁶⁶ Chi quang ở đây có hai cách hiểu:

1. Đơn vị đo cường độ dòng điện cần thiết để bóng đèn cháy sáng, tức là Watt (còn phiên âm là Ngõa Đặc nhằm tránh nhầm lẫn với khái niệm thứ hai).
2. Đơn vị đo cường độ ánh sáng, còn gọi là “chúc quang” (dịch chữ Candela). Đây là đơn vị đo lường quốc tế nhằm đo đặc lượng ánh sáng tỏa ra từ một nguồn sáng theo một hướng nhất định. Đôi khi, nó còn được gọi thông dụng là candle (do vậy, thuở xưa, người Việt thường nói là “đèn sáng mấy nến”).

ngọn đèn] có độ sáng một ngàn chi quang. Độ sáng [của ngọn đèn] Phương Tiện Độ là một trăm chi quang. Cõi Đồng Cư chỉ sáng bằng một ngọn nến hay một chi quang. Nay cả bốn ngọn đèn ấy đều được đặt trong cùng một căn phòng, quý vị thấy có diệu kỳ hay không? Cây đèn một nến của ta cũng sáng khắp cả gian phòng, cây đèn sáng chói trăm nến cũng chiếu khắp phòng, cây đèn sáng chói một ngàn nến cũng chiếu khắp phòng. Cây đèn một vạn nến cũng chiếu khắp phòng, dung hợp thành một thể. Cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc giống như vậy đó. Cõi Đồng Cư của mười phương thế giới giống như mỗi căn phòng chỉ có một ngọn đèn một nến, không giống với Cực Lạc; vì thế, Cực Lạc vượt ngoài [các cõi Đồng Cư trong các thế giới ở] mười phương.

“*Liễu thử*” (hiểu rõ điều đó), Liễu (了) là “*minh liễu*” (hiểu rành rẽ, rõ ràng). Quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới có thể “*thâm tín Di Đà nguyện lực*” (tín tưởng sâu xa vào nguyện lực của Phật Di Đà), nguyện lực của bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao tinh hình cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc lại được như thế? Vì nó được hiển hiện bởi nguyện lực của A Di Đà Phật. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giải thích điều này rất khéo: Chủ yếu nhất là Di Đà nguyện lực, kể đến là công lực niệm Phật của chúng ta, tức là sức mạnh của tịnh nghiệp. Di Đà nguyện lực giống như ngọn đèn sáng một vạn nến, tịnh nghiệp của chúng ta giống như ngọn đèn một nến, đến nơi đó bèn có thể dung hợp. Nhờ vào nguyện lực của A Di Đà Phật, quang minh ngọn đèn một nến của chúng ta cũng lớn phồng lên, chẳng khác quang minh của A Di Đà Phật cho mấy, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Quý vị hãy suy nghĩ thí dụ này của tôi, hãy quan sát, dần dần quý vị sẽ lãnh hội được. Đó chính là điều chẳng thể tìm thấy trong các thế giới của mười phương chư Phật.

Chúng ta “*tín Phật lực, phương năng thâm tín danh hiệu công đức*” (tín vào Phật lực mới có thể tin tưởng sâu xa công đức của danh hiệu). Công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Đối với mỗi câu trong đoạn này, chúng ta phải đặc biệt chú ý đến chữ “*thâm tín*” (tín tưởng sâu xa), một mảy hoài nghi cũng chẳng có, tin tưởng sâu xa đầy nhé! Danh hiệu có công đức thù thắng. Trong những năm qua, chúng tôi giảng kinh luận Tịnh Độ, đã trình bày cùng mọi người rất nhiều lần. Qua việc so sánh nhiều tầng, chúng ta sẽ hiểu được công đức của danh hiệu, vì mỗi khi nói danh hiệu công đức thù thắng khôn sánh, chúng tôi thường nghe nói: “Thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng bằng cách nào?” Chẳng thể đoạn mỗi nghi hoặc ấy, sẽ không đạt được lợi ích nơi công

đức của danh hiệu.

Tôi đã từng trình bày cùng mọi người nhiều lần: Trong thời đại Tỳ - Đường, có không ít cao tăng đại đức nghiên cứu hết thấy các kinh do đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm, [muốn tìm ra] bộ nào đại biểu cho toàn bộ những lời dạy trong bốn mươi chín năm của đức Thế Tôn. Tìm được bộ kinh nào có thể đại biểu cho toàn bộ giáo pháp thì cũng chính là khẳng định kinh ấy là bậc nhất trong hết thấy các kinh; [kinh ấy] sẽ là một hội thù thắng khôn sánh trong bốn mươi chín năm thuyết pháp của đức Thế Tôn. Tổ sư đại đức các tông phái đều đồng ý, đều thừa nhận Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là kinh bậc nhất do đức Phật nói ra. Bởi thế, kinh Hoa Nghiêm được gọi là “*căn bản pháp luân*”. Lúc tôi vừa mới tiếp xúc Phật giáo sơ sài, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã giới thiệu kinh Hoa Nghiêm là khái luận Phật giáo, các kinh điển khác đều là những phần đặc biệt thuyết minh tường tận một bộ phận nào đó của kinh Hoa Nghiêm, còn kinh Hoa Nghiêm giảng về toàn thể. Thuyết này của tiên sinh Phương Đông Mỹ rất dễ hiểu! Phật pháp khái luận, đúng là như vậy!

So sánh hai bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh, các tổ sư đại đức cũng đều thừa nhận kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất. Hoa Nghiêm đã là đệ nhất, sao Vô Lượng Thọ Kinh lại là đệ nhất? Giải thích cách nào đây? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là “*mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc*”, kinh Vô Lượng Thọ chính là Cực Lạc; còn kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy vào Cực Lạc. Bởi thế, so với Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất! Cổ đức nói đến đây thôi.

Trên cơ sở này, chúng ta lại tiến thêm một bước nữa. Nay đối với kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta chọn bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư. Trong bản hội tập, cụ chia toàn bộ kinh văn thành bốn mươi tám phẩm, chúng ta phải hỏi phẩm nào là bậc nhất trong bốn mươi tám phẩm đó? Chúng ta phải tìm cho ra phẩm bậc nhất. Các tổ sư đại đức cũng đều nói, phần tinh vi đẹp đẽ nhất, không gì sánh bằng của kinh Vô Lượng Thọ chính là bốn mươi tám nguyện; tức là phẩm thứ sáu của kinh Vô Lượng Thọ, phẩm thứ sáu là bậc nhất. Phẩm kinh ấy do chính đức A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thuật lại cho chúng ta biết mà thôi. Thuật lại, không thêm, không bớt, nghĩa là A Di Đà Phật nói làm sao, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng kể lại như vậy, kể lại cho chúng ta nghe bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát thệ. Phẩm này là phẩm bậc nhất của toàn bộ cuốn kinh. Nói thật ra, bốn mươi tám nguyện giống như

hiến pháp của một quốc gia, chúng chính là hiến pháp của thế giới Cực Lạc.

Bốn mươi tám nguyện tức bốn mươi tám điều, điều nào là bậc nhất? Lại tìm tòi! Đây cũng chính là ý kiến của các tổ sư đại đức, nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám nói những gì? Mười niệm ắt sanh! Điều này nói lên danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Nguyện thứ mười tám nói về danh hiệu: “*Lâm mạng chung thời, nhất niệm, thập niệm, tất sanh Tịnh Độ*” (Lúc lâm chung, từ một niệm đến mười niệm ắt sanh về Tịnh Độ). Do đây biết rằng: Chấp trì danh hiệu là trung tâm của bốn mươi tám nguyện này; bốn mươi tám nguyện chỉ nhằm giải thích công đức của danh hiệu. Kinh Vô Lượng Thọ giải thích bốn mươi tám nguyện, kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm nhằm giải thích kinh Vô Lượng Thọ. Cả một Đại Tạng Giáo, giáo pháp của Đại Tạng Kinh chính là hết thầy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong suốt bốn mươi chín năm chỉ nhằm giải thích kinh Hoa Nghiêm đó thôi!

Có quan sát như vật quý vị mới hiểu danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, Thiện Đạo đại sư nói: “*Sở dĩ đức Như Lai xuất hiện trong thế gian, chỉ nhằm để nói biến bốn nguyện của A Di Đà Phật*”. Lời nói này chẳng nhằm nói riêng về Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài không nói “*sở dĩ Phật Thích Ca xuất hiện trong thế gian*” mà nói là “*sở dĩ Như Lai...*”. Nói “*Như Lai*” nhằm chỉ chung mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai ứng hóa trong chín pháp giới của vô lượng vô biên cõi Phật, chỉ nhằm một chuyện, nhằm vào một đại sự nhân duyên: Giới thiệu Tịnh Độ của A Di Đà Phật với hết thầy chúng sanh, chỉ để như vậy mà thôi! Thật tuyệt diệu! Bởi vậy, chúng ta tin vào Di Đà nguyện lực thì mới có thể tin sâu xa công đức chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu!

Nhất tâm trì danh ắt sanh về Tịnh Độ. Hãy nhớ kỹ trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thầy pháp sanh từ tâm tướng), kể cả trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, tâm tướng là chủ tể. Tâm của quý vị chẳng lành thì thân thể và hoàn cảnh chung quanh cũng trở thành chẳng tốt đẹp. Thân và tâm phải tốt lành! Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật dạy chúng ta: “*Thường niệm thiện pháp, tâm thiện; tư duy thiện pháp, ý thiện; quán sát thiện pháp, hạnh thiện*” (thường nghĩ đến thiện pháp là tâm thiện; tư duy thiện pháp là ý thiện; quán sát thiện pháp là hạnh thiện). Thuần thiện, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp thì chính là hạng người nào? Chính là Phật, là Như Lai. Chúng ta muốn làm Phật,

muốn làm Như Lai thì không có gì khác cả, phải thuần tịnh, thuần thiện, nhất định chẳng để nhiễm ô mảy may, đó chính là điều tự mình có thể làm được. Người khác gây nhiễm ô cho chúng ta! Nếu chúng ta tiếp nhận mình thì mới bị nhiễm ô; không tiếp nhận sẽ chẳng thể nhiễm ô. Bởi thế, tự mình phải biết giữ gìn sự thanh tịnh và thuần thiện của chính mình, điều đó rất trọng yếu. Vì sao không làm?

Trong quá khứ không biết thì còn tha thứ được, nay chúng ta đã tiếp xúc Phật pháp nhiều năm ngàn ấy, đã biết rồi. Biết rồi mà quý vị không làm, sai trái là do chính mình! Không thể sốt sắng làm thì nói chung là có nguyên nhân, nguyên nhân gì vậy? Quý vị chẳng hiểu biết triệt để, chẳng biết rõ ràng. Vì thế, biết một phần, hiểu một nửa, bán tín, bán nghi, tạo thành chướng ngại, cho nên chẳng thể làm được! Nếu quý vị thực sự biết thì lẽ đâu chẳng thể làm được! Lẽ đâu chẳng vui thích làm! Không hề có, trong thế gian tìm đâu ra một con người như vậy? [Hiểu biết triệt để] sẽ có lợi ích vô lượng vô biên cho chính mình, chúng ta quả thật phải khéo suy nghĩ cặn kẽ!

Trong đây lại có chân lý, chân lý gì vậy? “*Tin trì danh, phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bốn bất khả tư nghị dã*” (Tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu ra rằng tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn). Câu này là chân lý đấy! Tâm tánh của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn, kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn! Hư không do đâu mà có? Thế giới từ đâu mà có? Vô lượng vô biên cõi nước từ đâu mà có? Mọi loài chúng sanh từ đâu mà có? Do tâm hiện, thức biến! Tâm thuần tịnh thuần thiện, ngay cả thiện lẫn tịnh cũng chẳng có dấu vết, chẳng để lại dấu vết vì thuần mà! Trong Thức có thiện niệm, có ác niệm. Quý vị thấy trong kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức tông, đức Phật nói trong Tâm Sở có Thiện Tâm Sở và Ác Tâm Sở.

Tâm Sở vô lượng vô biên, đức Phật quy nạp thành năm mươi một loại. Trong đó, Thiện Tâm Sở gồm mười một loại, Tâm Sở bất thiện là phiền não gồm hai mươi sáu loại. Nay chúng ta phải làm sao dẹp hai mươi sáu Tâm Sở bất thiện qua một bên, không đếm xỉa đến chúng nữa, phải làm cho mười một Tâm Sở thiện được nảy nở, rạng rỡ. Nhất định phải vùi lấp, phải vượt qua hai mươi sáu Tâm Sở bất thiện thì chúng ta mới hòng thành công. Tâm tánh vốn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vấn đề là gì? Là giác, không giác thì mê, mê là phàm phu, giác là Phật, Bồ Tát. Phàm phu và Phật, Bồ Tát không hai, không khác, chỗ sai khác chính là giác hay mê khác nhau. Giác ngộ thì phàm phu thành Phật, chẳng giác

ngộ bèn là mê hoặc, sẽ thành phàm phu, chuyện là như vậy đó. Lại xem tiếp đoạn sau:

“*Cụ thử thâm tín, phương năng phát đại nguyện, kinh trung ‘ung đương’ nhị tự, tức chỉ thâm tín*” (Có đầy đủ lòng tin sâu xa ấy thì mới có thể phát đại nguyện, hai chữ “ung đương” (phải nên) trong kinh chỉ lòng tin sâu xa ấy). Trong kinh, đức Phật khuyên dạy chúng ta: “*Ung đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi nước kia), sách Yếu Giải nhắc đến hai chữ “*ung đương*” này. Vì thế, chúng ta hiểu rõ tuy chưa thể nói là triệt để, nhưng cũng là hiểu rõ khá khá. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới do đại nguyện và Chủng Trí của A Di Đà Phật hiện thành, do tịnh nghiệp niệm Phật của chúng ta cảm vơi, cảm ứng đạo giao! Do tâm tánh của chính mình hiện, tức là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, hết thấy pháp chẳng tách rời tự tánh, [tự tánh] chính là tâm tánh của chính mình. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cũng do tâm tánh của chính mình biến hiện, do nghiệp nhơ (nhiễm nghiệp) cảm thành. Tây Phương Cực Lạc thế giới do tịnh nghiệp cảm thành, do tịnh nghiệp “đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức với A Di Đà Phật” mà cảm thành. Nếu chúng ta chẳng dốc công phu vào ngay chỗ này thì là trật rồi! Bởi thế, hai chữ “*ung đương*” trong kinh chính là nói về lòng tin sâu đậm.

“*Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề*” (tin sâu phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề). Từ trước đến nay chưa có ai giảng như vậy. Chúng ta thấy rất nhiều người niệm Phật thực sự vãng sanh, nhưng họ là hạng người như thế nào? Không biết chữ, về căn bản chẳng hiểu kinh giáo chi hết, họ biết niệm kinh A Di Đà, nhưng kinh A Di Đà có ý nghĩa ra sao, họ hoàn toàn không biết, chỉ biết niệm A Di Đà Phật, vẫn nghiêm nhiên vãng sanh. Vãng sanh thực sự có tướng lành, đứng mát, biết trước lúc đi, lúc nào A Di Đà Phật sẽ đến đón mình; hoặc ngồi mát, người ấy không biết chữ! Vì thế, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thấy nói muốn vãng sanh ắt phải có đủ điều kiện là “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”, chúng ta biết: Đối với người ấy, một dạ chuyên niệm không có vấn đề gì, chúng ta có thể khẳng định điều này, nhưng người ấy chưa từng phát Bồ Đề tâm! Người ấy không phát Bồ Đề tâm, vì sao vẫn có thể vãng sanh? Tôi ôm nghi vấn ấy cả mười mấy năm, cứ nghi mãi. Về căn bản, bà lão niệm Phật vãng sanh kia chẳng biết Bồ Đề tâm là gì cả!

Khởi Tín Luận nói đến trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm; kinh Quán

Vô Lượng Thọ nói đến chí thành tâm, thâm tâm, và hồi hướng phát nguyện tâm, bà cụ làm sao hiểu được những thứ đó, nhưng sao vẫn vãng sanh? Lúc đọc Yếu Giải, đọc đến đây tôi mới hiểu rõ. Một câu nói này của Ngẫu Ích đại sư trọng yếu hơn tất cả, nó đã ban cho chúng ta lời giải đáp. “*Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề*”. Về căn bản, người ấy không hiểu Vô Thượng Bồ Đề là gì, nhưng tin rất sâu, phát nguyện, không hoài nghi chút nào, đó chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Khi ấy, đọc tới câu này, tôi suy nghĩ mãi, càng nghĩ càng có lý, Ngẫu Ích đại sư giảng không sai lầm!

Bởi thế, những người ấy là Hạ Hạ Căn, chúng ta thường gọi là kẻ ngu, không có trí huệ, là người ngu, ngu ngốc nhất, chính là như cổ nhân thường nói “*ngu bất khả cập*” (ngu không ai bằng), nhưng chúng ta thua xa họ. Họ cái gì cũng không biết, nhưng quý vị dạy họ, họ bèn tin, tin chân thành, tin tưởng thực sự, chẳng hoài nghi; dạy họ cầu sanh Tịnh Độ họ bèn thực sự phát nguyện, họ nghiêm nhiên buông thế gian này xuống, chẳng có mảy mảy lưu luyến nào! Kết quả: Niệm Phật dăm ba năm bèn thành công. Thọ mạng vẫn còn, nhưng họ không cần đến nữa, bèn vãng sanh. Bởi thế, đến đây chúng ta mới thực sự hiểu rõ: “*Tin sâu, phát nguyện*” chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Quý vị thấy họ đáp ứng tiêu chuẩn “*tin sâu, phát nguyện, một dạ chuyên niệm*”. Bản thân chúng ta vẫn hiểu lơ mơ, vẫn ngờ vực, lo âu trùng trùng, công phu không đặc lực. Những ông già bà cả kia chuyện gì cũng không hiểu, nhưng công phu đặc lực, nay ta gọi là “*tập trung tinh thần, tập trung ý chí*”, nên có sức mạnh to lớn! Tập trung vào đâu? Tập trung nơi thế giới Cực Lạc, tập trung nơi A Di Đà Phật, phát sanh năng lượng to lớn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật!

Mấy hôm trước, pháp sư Ngô Bình hạ tải (download) từ Internet xuống một vài văn kiện. [Theo những văn kiện đó], đại khái ở Đài Loan có bốn, năm trường Tiểu Học, thầy hướng dẫn học trò làm thí nghiệm: Dùng thiện ý, bất thiện ý và thái độ không thèm quan tâm để thử tác động lên thực vật và một số vật; dùng ba thứ đề mục đó để trắc nghiệm thực vật, trắc nghiệm hiệu quả đạt được. Thầy trò hết sức kinh ngạc [trước kết quả thu được]. Ông Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, còn trong bản báo cáo này, tại Đài Loan họ dùng hoa lan, ba giò hoa lan. Đại khái hình dạng lớn nhỏ không khác nhau chi mấy, chọn mỗi giò hoa xong, treo bên cửa để học sinh mỗi ngày ba lượt, chia thành mấy tổ: một tổ thiện ý, một tổ ác ý, một tổ chẳng thèm quan tâm, tức là mặc kệ không để ý đến.

Thiện ý là nói với hoa: “Hoa đẹp lắm, tôi rất thích hoa”, khen ngợi nó một ngày ba lần; bảo những học trò tham gia tổ ấy mỗi ngày ba lần bày tỏ thiện ý với hoa. Tổ bất thiện ý thì nói: “Tao chán ghét mày quá, tao không thích mày! Mày xấu xí quá đi!”, nói như vậy đấy. Độ mấy ngày sau, hoa được đối đãi bằng thiện ý chẳng thay đổi, rất thơm. Hoa bị đối xử ác ý dần dần héo rụi, không còn mùi thơm nữa. Còn hoa không được quan tâm đến thì bắt đầu tàn tạ, mục nát ra. Hoa thực sự có thể nghe, có thể tiếp nhận ý tưởng của con người. Họ thí nghiệm với “mạn đầu”⁶⁷, cũng dùng phương pháp trên đối với ba cái mạn đầu nhỏ. Kết quả là cái mạn đầu được đối xử bằng thiện ý, hai tuần lễ vẫn không bị biến đổi; thật đấy! Tợ hồ thiện ý là một loại thuốc chống mục nát vậy. Đối xử bằng ác ý thì mạn đầu bị biến hóa, mùi vị rất khó ngửi. Cái mạn đầu không được quan tâm đến cũng dần dần bị biến hoại.

Bọn họ dùng chuối, táo, dùng rất nhiều thứ khác. Lại còn dùng giá đậu, đậu xanh đã được ủ cho nẩy mầm thành giá. Dùng thiện ý đối xử, mầm giá mọc rất khỏe. Đối xử bằng ác ý, giá mọc rất chậm. Nếu không quan tâm đến, nó bèn chết khô. Họ nhận ra các loài thực vật, ngay cả bánh mạn đầu cũng hiểu được ý nghĩa của con người, đều có thể tiếp nhận hết. Trên thực tế, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng: Bất luận loại vật chất nào cũng đều có linh tri. Thiền sư Trung Phong gọi cái tâm này là “*linh tri tâm*”. Linh tri tâm chính là bản thể của hết thảy vạn sự vạn vật, Thể là linh tri.

Vì thế, mỗi tế bào trên thân thể chúng ta, mỗi một sợi lông đều có thể thấy, nghe, cảm nhận, hay biết, đừng tưởng chúng vô tri. Những bậc chân nhân thổ dân Úc Châu hiểu được điều này; bởi vậy, lúc họ trị bệnh, về căn bản là chẳng dùng đến thuốc men. Họ cho rằng khi mình bị thương ở chỗ nào thì trò chuyện cùng với những tế bào chung quanh vết thương, dùng thiện ý an ủi chúng, dần dần chúng sẽ khôi phục bình thường, tự nhiên khôi phục bình thường. Lúc bị thương chúng bị chấn động, kinh sợ, kinh hoảng nên trật tự bị rối loạn, không bình thường, nên chúng ta thấy chúng bị tổn thương. Nếu làm cho mỗi tế bào khôi phục bình thường thì chúng hết khủng hoảng, sẽ trở lại bình thường, rất hợp lý! Chẳng cần dùng đến thuốc men! Trên thân quý vị, chỗ nào bị đau nhức, chẳng thoải mái, chỗ đó nhất định phát sanh vấn đề, chúng ta phải mau điều hòa, giải trừ, an ủi nó, khiến cho nó được khôi phục bình

⁶⁷ Tức “mần thầu”, một loại bánh bao không nhân. Vùng Hoa Bắc thường dùng để ăn thay cơm.

thường thì quý vị sẽ hết bị đau nhức.

Mọi người cảm thấy [nói như vậy] quá thần kỳ, chứ trong Phật pháp, đạo lý này được giảng rất thấu triệt: Nhỏ là một thân, lớn là toàn thể vũ trụ, vũ trụ phải hài hòa. Vì thế, yêu thương và cảm ơn, cảm tạ chính là vũ trụ hài hòa. Hài hòa là nhân tố chẳng thể khuyết thiếu của sanh mạng vũ trụ. Sở dĩ Phật có thể thành Phật, sở dĩ Pháp Thân Bồ Tát có thể thành Pháp Thân Bồ Tát, không có chi khác cả, tôi thường nói: “*Chân thành trọn khắp hư không pháp giới, thanh tịnh, bình đẳng trọn khắp hư không pháp giới, chánh giác từ bi trọn khắp hư không pháp giới*”. Nói cách khác, tâm thương yêu trọn khắp hư không pháp giới, lòng cảm ơn trọn khắp hư không pháp giới. Ta gọi những vị như vậy là chư Phật Như Lai, là Pháp Thân Bồ Tát. Đáng thương hại thay! Tâm lượng chúng ta quá nhỏ nhen!

Nay từ những thí nghiệm ấy, chúng ta biết được tình hình trên, kinh Lăng Nghiêm đã từng giảng tình hình ấy như sau: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*” (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện. Hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần do tâm mà thành Thế). Tâm là linh tri, tâm là kiến văn giác tri. Bởi thế, mỗi một vật thể, dù nhỏ tí như vi trần cũng đều có thể thấy, có thể nghe; ta có thể nói là chúng có thể thấy, có thể nghe, có thể hay, có thể biết. Nhà khoa học Giang Bôn Thắng dùng phương pháp khoa học để quan sát nước kết tinh bằng kính hiển vi, là một khởi đầu tốt đẹp hòng làm cho mọi người trong hiện tại nhận biết, dần dần qua thí nghiệm, [chứng thực] hết thấy vạn vật quả thật đều có thể nghe và thấy, đều có thể tiếp nhận năng lượng và tín hiệu từ con người. Chúng ta có thiện ý, chúng sẽ hồi đáp hết sức tốt đẹp.

Chúng ta muốn thân thể của chính mình mạnh khỏe thì phải dùng thiện ý đối với mỗi một khí quan và mỗi một tế bào trên toàn thân. Thân chúng ta giống như một quốc gia, ý niệm của ta giống như ông Tổng Thống. Mỗi một tế bào giống như nhân dân trong nước. Quý vị phải dùng thiện ý đối xử với họ thì quốc gia mới cường thịnh, đạo lý là như vậy đấy! Dùng thiện ý để đối xử với mỗi một khí quan hay mỗi một tế bào trên thân chúng ta thì thân thể mạnh khỏe, cường tráng. Nếu hoài nghi một khí quan nào đó nơi thân: ‘Bao tử mình không tốt, chỗ này chỗ nọ không khỏe!’ Ái chà! Quý vị khởi ý niệm bất thiện đối với chúng, chúng bèn yếu đi. Quý vị có hiểu đạo lý này chăng? Đạo lý này đã được đức Phật đã giảng trong các kinh Đại Thừa, hy vọng các nhà khoa học sẽ dần dần thí nghiệm để khẳng định, chúng tôi tin rằng [những thí nghiệm

ấy] không khó đâu, chúng ta đều có thể chứng thực được.

Hiểu được đạo lý này, nếu quý vị muốn cầu thế giới hòa bình thì không có gì khác cả: Dùng thiện ý đối đãi hết thảy tất cả chúng sanh trên thế giới! Chẳng những đối với mọi người trên toàn thế giới, mà đối với hết thảy động vật, hết thảy thực vật, hết thảy khoáng vật, sơn hà đại địa trên toàn thế giới đều đối đãi bằng cái tâm thuần thiện, thuần tịnh thì thế giới này sẽ an định, hòa bình, hưng vượng, có thể chuyển thế giới Sa Bà thành thế giới Cực Lạc. “Sự thành do người”, người nào vậy? Phải là người giác ngộ mới được! Quyết định chẳng có tâm toan tính riêng tư thì hết thảy sẽ hóa thành rộng lớn, không có tư tâm, không có dục vọng. Nay chúng ta hiểu được mỗi một khí quan trên toàn thân là do các tế bào hợp thành; cái thân này của chúng ta là một tiểu thế giới, bên ngoài là đại thế giới. Tiểu thế giới và đại thế giới là một, không hai. Đây là Phật pháp, là pháp giác ngộ chân chánh. Đoạn tiếp theo nói:

“Hợp thử tín nguyện tức vì Tịnh Độ chỉ nam, do thử chấp trì danh hiệu, nãi vì Chánh Hạnh” (Tín và nguyện này hợp lại chính là kim chỉ nam của Tịnh Độ, do đây mà chấp trì danh hiệu thì đây là chánh hạnh). Bởi vậy, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta trong thời đại hiện tại, chẳng cần phải cất đạo tràng to, mà lập đạo tràng nhỏ, số người cùng tu chẳng được quá hai mươi người, nhất tâm trì danh niệm Phật, cầu sanh về Tịnh Độ, ai nấy đều thành tựu. Không hóa duyên, không làm pháp hội, chẳng làm kinh sám Phật sự, cũng chẳng truyền giới, cũng chẳng thọ đệ tử, niệm Phật tu hành tốt đẹp; ngay cả kinh cũng không giảng. Tôi thêm giảng kinh vào. Vì sao thêm giảng kinh vào? Là vì nếu quý vị không hiểu đạo lý này, sẽ có nghi hoặc, tin sâu, phát nguyện rất khó. Chúng ta không phải là kẻ hạ ngu; kẻ hạ ngu thì được, họ lợi hại hơn chúng ta nhiều lắm!

Chúng ta lại chẳng phải là thượng trí, vừa không phải là hạ ngu, lơ lửng ở giữa, trên không thấu, dưới không đến, nghi vấn đặc biệt nhiều. Nếu quý vị chẳng chú trọng nhờ vào kinh giáo để đoạn nghi sanh tín thì *“tin sâu, phát nguyện”* sẽ không có, công phu chẳng đắc lực. Nay chúng tôi giảng những kinh giáo cũng chẳng có gì khác, hoàn toàn quy về Cực Lạc! Giảng kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nhất định phải giảng đại đạo lý chân tướng của nhân sinh và vũ trụ cho rõ ràng, cho minh bạch thì chúng ta mới đoạn trừ nghi hoặc được, chết sạch lòng so đo, mong ngóng, khiêm hư sát đất tin sâu, phát nguyện. Như vậy thì mới tương ứng với một câu Phật hiệu, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Vì thế, đây là Chánh Hạnh.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn cuối cùng: “*Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệc quyết đắc sanh*” (Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hay một niệm cũng quyết định được vãng sanh). Trước hết, chúng tôi nói một câu: Từ xưa, tổ sư đại đức công nhận nguyện thứ mười tám là thù thắng nhất, là lời răn dạy thù thắng khôn sánh; nhưng điều kiện là “*tín nguyện kiên cố*”: Tín tâm quyết định không nghi hoặc, “*nguyện sanh*” (nguyện được vãng sanh) là nguyện vọng, suốt một đời này chỉ có một nguyện vọng này; trừ nguyện vọng này ra, không có nguyện vọng nào khác cả! Đơn thuần như vậy, kiên định như vậy, lâm chung niệm mười câu Phật hiệu, hoặc niệm một câu Phật hiệu, quyết định được vãng sanh. Chữ “*quyết*” này hết sức trọng yếu, khẳng định! Một chút nghi hoặc cũng không có, sẽ quyết định được vãng sanh.

Nhưng ở đây, quý vị phải hiểu: Thật ra, không phải ngẫu nhiên đâu nhé! Ngàn vạn phân chẳng được nghĩ vì đoạn kinh văn này được tổ sư đại đức coi trọng, tán thán dường ấy, chúng ta bèn nẩy sanh lòng cầu may: “Nay mình không niệm Phật, chẳng tu hành cũng không sao! Đến lúc lâm chung một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh”. Hễ có tâm lý cầu may như thế thì là hoàn toàn thất bại rồi. Ở phần trên tôi đã thừa cùng quý vị rồi đó, phải thường xuyên ghi nhớ, chớ quên: Lâm chung mười niệm hay một niệm vãng sanh thì nhất định phải hội đủ ba điều kiện. Lúc lâm chung quý vị có thể hội đủ ba điều kiện ấy hay chẳng?

1) Điều thứ nhất, lúc lâm chung thần trí phải sáng suốt, không mê hoặc tí xíu nào. Đó là điều kiện đầu tiên. Cả đời người chẳng thể không tu phước, chớ nên tạo tội nghiệp. Người Hoa nói có năm thứ phước báo, “*ngũ phước lâm môn*”, trong năm thứ phước ấy, quan trọng nhất là phước sau cùng. Phước sau cùng là phước gì vậy? Chết tốt lành! Lúc chết tỉnh táo, sáng suốt, chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo, đây là phước báo lớn nhất, là phước báo chân thật nhất. Vì sao? Nó ảnh hưởng đến đời sau của quý vị. Nếu lúc ấy, gặp được người niệm Phật dạy quý vị niệm Phật, quý vị thành Phật rồi! Trong năm phước, bốn thứ phước đầu không thật, chỉ là sự hưởng thụ trong một đời này, trong nhà Phật gọi [những phước ấy] là “*hoa báo*”, phước cuối cùng (chết tốt lành) là quả báo. Một đời hành thiện tích đức, dùng thiện tâm, thiện sự đối đãi hết thầy người, sự, vật, đối đãi thiên địa quỷ thần; lúc lâm chung sáng suốt, minh bạch, tâm không điên đảo, không tán loạn, lúc ấy niệm một niệm hay mười

niệm mới có thể vãng sanh. Bởi thế, lúc ấy phải có người cảnh tỉnh quý vị, sợ quý vị quên mất. Như vậy, điều kiện thứ nhất là thần trí sáng suốt, đó là điều kiện đầu tiên.

2) Điều kiện thứ hai là có người cảnh tỉnh quý vị.

3) Điều kiện thứ ba là quý vị có thể tiếp nhận. Người ta cảnh tỉnh bèn lập tức tiếp nhận, liền quyết tâm, tín nguyện lập tức kiên định, cầu sanh về Tịnh Độ chắc chắn được vãng sanh.

Quý vị hãy nghĩ xem lúc lâm chung mình có thể hội đủ ba điều kiện này hay chẳng? Quan trọng nhất là điều kiện đầu tiên, quý vị phải có phước báo. Chúng tôi thấy rất nhiều thân thích bằng hữu, lúc họ sắp mất, chúng tôi đến đưa đi, có người khi bệnh chuyển nặng, không còn biết gì hết, chẳng nhận biết được ai, vậy là hồng bét! Đáng sợ lắm! Lúc lâm chung chẳng biết gì hết, mê hoặc, điên đảo, sẽ lưu chuyển theo nghiệp, đáng sợ nhất là chuyện đó! Đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức để làm gì? Để cầu lúc lâm chung ra đi sáng suốt rõ ràng, minh bạch, rành rẽ. Không học Phật, không biết vãng sanh Cực Lạc thế giới thì cũng quyết định sanh vào đường lành. Quý vị hãy nghĩ xem: Con người sáng suốt, minh bạch rành rẽ ấy có thành nạ quý, có thành súc sanh được chẳng? Chẳng thể nào! Phạm những kẻ đọa vào ba ác đạo đều chết một cách mê muội, hồ đồ! Trong tam ác đạo có quý thần dẫn dụ, mê hoặc, quý vị không biết đó là sai trái, thấy rất hợp ý mình, lôi kéo tham - sân - si - mạn, dẫn khởi phiền não tập khí của chính mình, đọa lạc liền! Hết sức đáng sợ!

Bởi thế con người phải tu phước, biết tu phước, biết làm lành, chúng ta đều nhìn từ duyên, nhìn từ bên ngoài, không dễ gì làm được! Xin giảng sâu thêm một tầng nữa: Người thập niệm vãng sanh trong quá khứ đã tu tập, tích lũy thiện căn sâu dày, đó là cái nhân chân thật! Thiện căn tu tập, tích lũy trong bao kiếp, nhưng trong một đời này không gặp được thiện duyên, không gặp được Phật pháp. Nếu người ấy sớm gặp được Phật pháp thì thiện căn trong A Lại Da Thức đã sớm dẫn khởi, phát khởi tác dụng, người ấy nhất định là một người tu hành rất tốt đẹp, hay là một vị thiện tri thức rất tốt. Trong đời này không có duyên, không có duyên tiếp xúc với Phật giáo, không có duyên dẫn phát thiện căn. Trong một sát-na lúc sắp mạng chung, trong thời gian ngắn ngủi ấy, gặp được thiện tri thức vừa cảnh tỉnh, vừa chỉ dạy cho biết Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp vừa khuyên lơn, kẻ ấy vừa nghe thì thiện căn trong A Lại Da Thức bèn phát hiện, lập tức tin tưởng, bèn có thể tiếp nhận, bèn có thể phát nguyện, niệm Phật theo mọi người.

Tại Washington DC chúng ta đã thấy ông Châu Quảng Đại là một trường hợp như vậy. Ba ngày trước khi ông ta vãng sanh, tận cho đến lúc vãng sanh, thần trí ông sáng suốt, không mê hoặc tí nào, chẳng có chút gì tán loạn, dẫn dò mọi người trong nhà cùng niệm Phật giúp ông. Thân thích, bằng hữu đến thăm đều niệm A Di Đà Phật, vui sướng lắm! Tuy bệnh rất nặng, cõi lòng ông rất sung sướng, bởi lẽ, niệm Phật giảm thiểu bớt đau khổ, không đau đớn nữa, ông ta kêu mọi người đều niệm Phật giúp ông, niệm ba ngày rồi mất. Có tướng lành! Không biết là đồng học trong Tịnh tông Học Hội, hay là thân thuộc trong gia đình ông ta, thấy Phật đến tiếp dẫn, thấy tướng lành như sau: Thấy quang minh, ngửi thấy mùi thơm. Hình như có một người thấy Phật đứng trên nóc nhà, thấy như vậy đó! Tướng lành hy hữu sao!

Chúng ta không biết trong đời quá khứ mình có túc căn hay không, chính mình không biết, nhưng nếu chú tâm quán sát trên mặt dấu vết, chúng ta sẽ có thể thấy được. Nếu trong đời quá khứ thực sự có thiện căn thì trong đời này người ấy khá hiền lành; chúng ta thường gọi là “người có lương tâm”, chẳng hại người. Đó đều là hiện tượng chứng tỏ thiện căn sâu dày. Biết cảm thông với người khác, giúp đỡ những người khổ nạn là trong quá khứ từng có thiện căn! Có thể bỏ mình vì người, biết nghĩ đến đại cuộc, đó đều là hình tướng được biến hiện bởi thiện căn và trí huệ. Chúng ta lắng lòng quán sát sẽ biết ngay. Quan trọng nhất vẫn là chính mình phải nỗ lực tu hành, chú trọng tín nguyện kiên cố, tín - nguyện - giải - hạnh tương ứng với Phật. Lại xem tiếp đoạn dưới:

“Nhược vô tín nguyện, tưng tương danh hiệu, trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất tháp, như đồng tường thiết bích tương tự, diệc vô đắc sanh chi lý. Tu Tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã” (Nếu không có tín nguyện thì dù có trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa tạt chẳng ướt, giống hệt như tường đồng, vách sắt, cũng không lẽ nào được vãng sanh. Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này). Chúng ta phải hiểu rõ đoạn này: Tín tâm nếu lúc có, lúc không, có lúc tợ hồ tin, có lúc lại hoài nghi, nguyện chẳng khẩn thiết. Nguyện chẳng khẩn thiết là vì lẽ nào? Không buông danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần của thế gian này xuống được! Tín nguyện kiên cố thì bất cứ sự gì trong thế gian cũng buông xuống được, chẳng phải đến lúc mạng chung mới buông xuống, mà buông ngay trong hiện tại. Chúng ta phải hiểu lý sự này, những việc trong hiện tại có cần phải làm hay không? Phải làm chứ! Trong thế gian này, tuy chúng ta hòa quang đồng trần cùng hết thảy

chúng sanh, những việc gì nên làm chúng ta đều tích cực nỗ lực làm, nhưng trong tâm không vương mắc! Trong mười hai thời, một câu Phật hiệu trong tâm niệm niệm không quên.

Thực sự đầy đủ tín nguyện trì danh, cổ đức gọi phương pháp niệm Phật như vậy là “*bát hồi hướng pháp môn*”. Vì sao gọi là “bát hồi hướng?” Không dùng đến hồi hướng! Mục đích của một câu A Di Đà Phật đối với ta là để cầu sanh về Tịnh Độ, cho nên niệm niệm đều là hồi hướng, trì danh và hồi hướng hợp thành một. Chúng ta chẳng cầu bất cứ gì dù thế gian hay xuất thế gian, ta chỉ có một niềm cầu nguyện là cầu sanh về Tịnh Độ, thân cận Di Đà, nguyện vọng như vậy đó. Bởi thế, gọi là “*bát hồi hướng pháp môn*”.

Bậc thiện tri thức trong Niệm Phật Đường thường dạy chúng ta hồi hướng để làm gì? Để nhắc nhở quý vị, sợ quý vị quên mất, nhằm ý nghĩa này! Hồi hướng, phát nguyện không phải là nói với Phật mà là để thường tự nhắc nhở chính mình, phải biết chính mình niệm Phật để làm gì? Tu hành để làm gì? Ta đoạn ác tu thiện để làm gì? Ăn chay, niệm Phật để làm gì? Bồ thí, cúng dường để làm gì? Quyết định chẳng cầu danh văn, lợi dưỡng thế gian, quyết định chẳng cầu phước báo nhân thiên, chỉ cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cầu sớm có ngày thấy được A Di Đà Phật. Bởi thế, pháp môn này gọi là “*bát hồi hướng pháp môn*”. Dành trọn thời gian niệm kệ hồi hướng để niệm Phật hiệu, tín - nguyện - giải - hạnh của ta (hạnh bao gồm cả hồi hướng) đều gộp trong một câu Phật hiệu. Đó gọi là thuận tịnh, thuận thiện. Tâm địa thanh tịnh, thân, tâm, thế giới, hết thảy đều buông xuống.

Vậy thì nếu tín nguyện có vấn đề, bán tín, bán nghi, có lúc muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới, có lúc không muốn đi, có tâm thái như vậy thì niệm Phật “*túng tương danh hiệu, trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấp, như đồng tường thiết bích tương tự*” (Dẫu chấp trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa tạt không ướt, giống hệt như tường đồng vách sắt), mấy câu này hình dung: Dù quý vị niệm một câu Phật hiệu rất giỏi, cổ đại đức nói một ngày niệm mười vạn tiếng hay niệm hai mươi vạn tiếng, tâm - miệng chẳng tương ứng, cho nên rách toạc cổ họng cũng uổng công. Vì sao? “*Diệc vô đắc sanh chi lý*” (cũng chẳng có lẽ nào được vãng sanh). Quý vị chẳng thể vãng sanh vì quý vị niệm Phật mà tâm và miệng chẳng tương ứng, tâm là gì? “Tâm” chỉ cho tín và nguyện. Quý vị không có tín, chẳng có nguyện. Tin chẳng chân thành, nguyện chẳng thiết tha thì niệm Phật chẳng thể vãng sanh. Niệm Phật như thế nào mới có thể vãng sanh? Niệm Phật thế nào sẽ chẳng thể vãng

sanh? “*Tu Tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã*” (Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết vậy). Chúng ta phải nghiêm túc suy nghĩ, nhất định phải loại trừ những nhân tố khiến cho mình chẳng được vãng sanh, phải sửa đổi, nhất định phải thực sự đáp ứng những điều kiện để được vãng sanh.

“*Đại Bản A Di Đà Kinh (Đại Bản A Di Đà Kinh tụng thị Vô Lượng Thọ Kinh), diệc dĩ phát Bồ Đề tâm vi yếu, chánh đồng thứ kinh*” (Đại Bản A Di Đà Kinh (Đại Bản A Di Đà Kinh là kinh Vô Lượng Thọ) cũng lấy phát tâm Bồ Đề làm chủ, chính là giống với kinh này), lấy phát Bồ Đề tâm làm sự việc trọng yếu. Quý vị xem trong kinh Đại Bản A Di Đà hai phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) và Chánh Nhân Vãng Sanh chuyên giảng về những điều kiện cần phải hội đủ để được vãng sanh. Chúng ta có đủ những điều ấy hay không? Nếu không có đủ, phải gấp tu đi; đã đủ rồi thì phải gìn giữ, vĩnh viễn chẳng để bị mất đi. Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh, trong mỗi đoạn đức Phật đều nói “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” (phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm). Một phương hướng, một mục tiêu, quyết định chẳng được tam tâm, nhị ý.

Có một lần đúng vào lúc bệnh dịch SARS lan tràn khắp thế giới, tôi nghe nói hình như ở Úc Châu có một bài phát biểu cho biết chứng cảm mạo viêm phổi này rất bình thường, nhưng làm cho mọi người hoảng loạn, là do hệ thống truyền thông gây ra. Nếu truyền thông không đăng tin, ai biết? Bởi thế, chuyện này vừa phát sanh, có người đến hỏi tôi, tôi nói chuyện này bình thường, năm nào cũng có. Trời vừa cuối Xuân sang Hạ, hoặc khi cuối Thu chớm Đông, nhằm lúc đổi mùa thì trúng gió cảm mạo, bệnh truyền nhiễm lây lan thường phát sanh trong những lúc ấy, năm nào cũng có. Từ xưa đến nay, trong lịch sử Trung Quốc, ngoại quốc đều ghi nhận, chúng ta thấy rất nhiều, là chuyện rất bình thường. Nay chúng ta học Phật hiểu được đạo lý sau: Tâm thiện, hạnh thiện, ý niệm thiện thì những bệnh khuẩn (bacteria), bệnh độc (virus) ấy ta đều hóa giải được hết.

Lúc đó, tôi cứ tưởng bệnh dịch ấy nhiều lắm chừng một tháng là hết, nếu dài lắm cũng chừng một tháng rưỡi mà thôi, nay nó kéo dài đã hơn ba tháng, là do con người tạo nên như vậy. Từ các thí nghiệm (những bản báo cáo thí nghiệm này do các đồng học hạ tải từ Internet), chúng ta biết là chính mỗi cá nhân chúng ta đã đem những tin tức bất thiện truyền báo cho các vi khuẩn biết, khiến chúng cũng bị truyền nhiễm những ý niệm bất thiện của chúng ta. Chúng ta muốn giết chết,

muốn tiêu diệt nó. Lúc truyền cho chúng nó những ý niệm ấy, chúng bèn biến đổi, càng biến đổi càng độc địa hơn. Vì sao? Chúng cũng phải tự bảo vệ mình chứ! Có phải càng thêm phiền phức hay không? Giống như trên thế giới đang chạy đua vũ trang càng ngày càng nghiêm trọng hơn. Nếu chúng ta dùng thái độ rất ôn hòa, thái độ thiện ý để đối xử với chúng, quý vị thấy ở Trung Quốc từ xưa đến nay, đối với những loại virus hoặc những vi khuẩn có chất độc, người Trung Quốc nói “giải độc”, tức là hóa giải! Còn người Tây Dương nói sao? Tiêu độc! “Tiêu” là tiêu diệt, ý niệm khác hẳn nhau!

Bệnh truyền nhiễm này đã phát sanh, đối địch con người, nếu gây chiến với nó thì rắc rối nằm ở chỗ đối lập. Chuyện đối lập phiền phức nhất. Làm thế nào để hóa giải? Đối với đạo lý này, người học Phật chúng ta hiểu rõ lắm: Những bệnh khuẩn (bacteria) này cũng sanh từ tâm tưởng, cũng là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, làm sao có thể vượt ra ngoài tâm tánh cho được? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến đều là tốt cả. Nói cách khác, nó cũng có quyền sanh tồn, nay chúng ta gọi là “nhân quyền”, vi khuẩn có “khuẩn quyền”, chúng ta phải hiểu điều ấy. Chúng ta phải yêu thương, che chở chúng, chúng ta phải chăm sóc chúng, sanh mạng của chúng không dài! Chúng ta biết thời gian sanh tồn của vi khuẩn chẳng thể lâu hơn mười ngày, sao lại phải hận thù đến vậy? Bởi thế, muốn hóa giải thì phải dùng thiện ý để khen ngợi, chúng nó sẽ bị hóa giải, không tổn thương con người nữa. Điều này thật có lý! Quyết chẳng thể dùng ác ý, quyết chẳng thể đối địch cùng chúng nó.

Như vậy, từ cách đối xử với những vi khuẩn tí ti, chúng ta mở rộng ra đối với hết thầy người, hết thầy thế gian phải nhu hòa, nhẫn nhục như thế nào? Căn bản nhất vẫn là phải ngưng dứt tham, sân, si. Tham, sân, si được gọi là ba độc, điều này tôi đã nói từ lâu. Có người hỏi tôi: “Virus SARS từ đâu mà có?” Tôi bảo người ấy: “Từ ba độc mà có”. Những loài vi khuẩn ấy vốn không độc, vì sao trở thành độc? Là vì tham, sân, si của chúng ta truyền qua chúng, chúng cảm nhận cái độc nên biến thành độc. Chúng ta biến chúng thành độc, chúng lại truyền cái độc ấy cho chúng ta, hai bên cùng bị hại! Hiểu được đạo lý này rồi thì chúng ta hóa giải bằng cách nào? Phương pháp hóa giải thì trước hết là phải hóa giải tham - sân - si, cảnh giới bên ngoài không còn tham - sân - si nữa, ba độc cũng không còn nữa.

Nhưng con người hiện tại chẳng thể tiếp nhận đạo lý này, con người hiện thời tin vào khoa học, chẳng tin Phật học, tin vào những khoa học gia hiện thời, không tin tưởng cổ thánh tiên hiền. Do vậy, tôi thường

nói: Ngày nay thế giới loạn như vậy, con người khổ sở như vậy, truy tầm tới cội rễ thì là gì? “*Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhĩn tiền*” (Chẳng nghe lời người già, chịu thiệt thòi trước mắt). Kinh nghiệm và trí huệ của cổ thánh tiên hiền được tích lũy trong ngàn vạn năm, quý vị coi không đáng một đồng u? Dùng bốn chữ “không hợp khoa học” để sỗ toẹt hết thì quý vị phải chịu khổ, phải mắc nạn. Bởi thế, người thầy thuốc - thầy thuốc Tây phương hiện thời tôi không biết rành lắm - tôi biết thầy thuốc thời cổ Trung Quốc, tức Trung Y, hầu như trong nhà mỗi thầy thuốc đều thờ Quán Thế Âm Bồ Tát, phổ biến nhất! Nhà nhà Quán Thế Âm Bồ Tát, thờ Quán Thế Âm Bồ Tát, học theo hạnh đại từ đại bi của Quán Thế Âm Bồ Tát. Đúng là từ bi cứu thế, ôm tấm lòng cứu người, chẳng vì danh lợi của chính mình, chẳng phải vậy! Vì cứu người mà thôi!

Bởi thế, khi chẩn bệnh cho người ta, nhất định chẳng nói tới chuyện tốn bao nhiêu tiền, không hề có! Thầy thuốc không phải là buôn bán kiếm lợi, trị lành bệnh rồi; người ta đền đáp, tùy hỷ cúng dường quý vị. Người ta giàu có, quý vị được tặng nhiều một chút, nhà bản cùng thì người ta cho ít đi một chút. Thậm chí hoàn toàn không có gì, thầy thuốc còn phải bỏ thí thuốc men và chăm sóc! Bởi thế, địa vị người thầy thuốc ở Trung Quốc rất cao, đại chúng xã hội hết sức tôn kính, họ là những nhà đại từ thiện. Ở Trung Quốc, có hai hạng người được tôn kính nhất thì thứ nhất người đọc sách, theo đuổi công việc giảng dạy; thứ hai là thầy thuốc; bởi lẽ hai hạng người này đều hy sinh phụng hiến cho xã hội.

Dạy học chẳng hề thu nhận học phí. Thu học phí thì còn ai muốn theo học nữa! Khổng lão phu tử dạy dỗ không phân biệt, bất cứ ai chỉ cần thích học thì cứ việc đến. Học trò dâng thầy một chút lễ vật, chúng ta thấy trong sách Luận Ngữ ghi lễ vật rất đạm bạc: “*Thúc tu*” (束脩). Thúc Tu là gì? Người Hoa trong lục địa (Trung Quốc lục địa) gọi [“thúc tu”] là “*lạp nhục*” (thịt muối). Cắt một lát thịt muối đến biếu thầy, biếu thị lòng tôn kính đối với thầy, ngoài ra không có gì khác nữa. Thầy dạy học hết sức nghiêm túc, đâu biết đến học phí! Bởi thế, người dạy học cuộc sống rất thanh bần, bởi chính mình chẳng theo đuổi sự nghiệp có lời, học trò cung phụng thầy rất đơn bạc. Cuộc sống vật chất của người thầy rất khổ, nhưng cuộc sống tinh thần rất thoải mái, rất sung sướng, được hưởng niềm vui giáo dục những bậc anh tài trong thiên hạ. Đây là sự sung sướng bậc nhất trong thế gian.

Thầy có học vấn, có trí huệ, có năng lực, có thể sống đời sung sướng hơn một chút, vì sao cam chịu sống bần cùng? Thích Ca Mâu Ni

Phật là vị thầy tốt, cả đời khất thực, thân giáo đây! Con người nếu cam tâm tình nguyện sống cuộc đời khổ sở như thế thì xã hội này an định, thế giới hòa bình. Điều đó nói lên điều gì? Không cần tranh giành! Đâu đâu cũng phải học lùi bước, nhường nhịn chính là nhân tố thực sự khiến cho xã hội an định, thế giới hòa bình. Nếu chẳng biết nhường nhịn, lùi bước, đâu đâu cũng phải cạnh tranh thì thế giới này vĩnh viễn chẳng thể hòa bình được, có hòa bình cũng là giả, không thật! Muốn thực sự đạt đến hòa bình thì nhất định phải sống cuộc đời thanh bần, sống hết sức sung sướng. Chỉ cần ăn no, mặc ấm là đủ, chớ nên cầu xa xỉ quá phận. Mong cầu xa xỉ quá phận sẽ gây rắc rối cho xã hội. Mọi người hãy nghĩ đi: Quý vị muốn bất cứ chỗ nào, bất cứ điều gì đều đạt được, thì người khác cũng mong như thế. Tài nguyên trên địa cầu là hữu hạn, ai nấy đều tranh giành, thềm muốn, sẽ biến thành đấu tranh, biến thành chiến tranh. Phải hiểu đấu tranh và chiến tranh là đôi bên kết nối oán cừu, mối oán cừu ấy chẳng thể giải quyết xong trong một đời, đời đời kiếp kiếp vẫn chưa xong.

Hiện nay trên mạng Internet cũng có đăng tải những tin tức như vậy: Ở ngoại quốc đã chứng minh con người sau khi chết đi quả thật có linh hồn tồn tại. Ở ngoại quốc cũng đã có bác sĩ làm thí nghiệm: Đại đa số là những người bị bệnh tim phát ra đột ngột, chết đi, bác sĩ tuyên bố người ấy quả thật đã chết, ngưng trị liệu. Nào ngờ một hai hôm sau, người ấy tỉnh lại, mọi người cảm thấy hết sức kinh ngạc. Người bệnh tỉnh rồi bèn hỏi: “Lúc ông chết rồi còn có hay biết gì không? Thấy được những gì?” Tra vấn như vậy, có hơn sáu mươi trường hợp như thế, có khoảng bảy tám người trong số hơn sáu mươi người tỉnh dậy đó hiểu biết rất rõ ràng. Kinh nghiệm của mỗi người khác nhau, nhưng có cùng một điểm là họ đều thấy ánh sáng, thấy người nhà quyền thuộc toàn là những người đã mất từ lâu đến chỉ dẫn họ; có người còn thấy thiên sứ (angel).

Từ những cuộc khảo sát chứng thực ấy, ta thấy người chết đi không phải là hết, khiến cho những bác sĩ và các nhà khoa học càng nghiên cứu sâu hơn nữa. Hiện tại, báo cáo của những cuộc nghiên cứu như vậy ở ngoại quốc rất nhiều. Đời trước, đời này! Rất nhiều người nghiên cứu, nay họ thực sự tin tưởng con người có thân thể, có tâm, nhưng cái tâm ấy thật ra là Duyên Lự Tâm. Họ còn nói có “linh” (spirits), linh là quỷ thần, thuộc vào những chiều không gian khác. Tuyệt đối chẳng phải là con người chết đi thì hết thảy đều hết. Không phải vậy, quả thật là có quá khứ, có vị lai. Đã có quá khứ, vị lai thì tư tưởng, ngôn hạnh trong một đời này chẳng thể không cẩn thận, chớ nên đắc tội với

người khác. Người khác đắc tội với mình, mình phải tha thứ cho họ, quyết định chằng ghim trong lòng, phải hóa giải oán kết ấy, chớ nên đối lập, chớ nên oán hận.

Phật, Bồ Tát, thánh hiền dạy chúng ta: “*Oan gia nghi giải, bất nghi kết*” (Oan gia nên cởi, không nên buộc), ngàn vạn phần chớ nên kết oán cùng người khác. Người khác xử tệ với mình, mình không có thần thông, chẳng biết chuyện đời quá khứ, nếu mình biết được quá khứ, sẽ hiểu vì sao kẻ ấy lại có thái độ như thế đối với mình? Vì sao họ chẳng có thái độ ấy đối với người khác? Trong ấy, nhất định phải có nguyên nhân. Nếu hiểu rõ ràng, mình bạch nguyên nhân rồi, chẳng phải là cười khì cho qua chuyện hay sao?

Hiện tại, người Tây phương dùng phương thức phổ biến nhất là thôi miên. Thôi miên ở một mức độ sâu; trong lúc bị thôi miên, sẽ nói ra những chuyện trong quá khứ. Có rất nhiều trẻ nhỏ (chúng tôi đọc những báo cáo ấy) sợ tiếng nổ, nghe tiếng nổ bèn bất an, kinh hoảng hết sức, hoảng sợ trầm trọng. Có đứa sợ nước, trông thấy nước sợ điếng. Khi được thôi miên ở một mức độ sâu, chúng bèn nói ra: Sợ nước là vì trong quá khứ đã bị chết đuối. Đứa sợ tiếng nổ, nghe tiếng nổ kinh hoảng là vì trong quá khứ từng là binh sĩ, chết trên chiến trường. Bởi thế, nghe tiếng súng nổ liền hoảng sợ, là do mối quan hệ với đời trước như vậy.

Sau khi chúng nó hiểu rõ những chuyện như vậy rồi, những nỗi sợ không còn nữa, tiêu trừ hết. Tìm được nguyên nhân thực sự, nguyên nhân từ đời trước chứa trong ý thức, người hiện tại gọi là “*tiềm ý thức*” (subconscious, ta thường nói là Tiềm Thức). Thôi miên ở một mức độ sâu, lôi hết những gì trong tiềm thức ra, khiến cho người ấy tự nói ra, dùng máy ghi âm thu lại, đợi đến lúc người ấy tỉnh, mở cho người ấy nghe, tự mình đã nói, tự mình sẽ hiểu rõ; từ đây trở đi bèn khôi phục bình thường. Những chuyện này cho chúng ta biết một chuyện quan trọng nhất, một chân tướng sự thật là: Ai nấy đều có đời sau. Quan hệ giữa người và người, quan hệ giữa mỗi người và hết thảy chúng sanh đều là mối quan hệ đời đời kiếp kiếp, không phải ngẫu nhiên! Trong thế gian nhất định chẳng có chuyện gì phát sanh ngẫu nhiên; nói chung, chẳng ngoài những nhân tố trong đời trước và đời này tạo thành.

Giáo học nhà Phật cũng chẳng có gì khác cả, chỉ nhằm khiến cho quý vị liễu giải chân tướng sự thật, thuật ngữ nhà Phật gọi là “*Thật Tướng của các pháp*” (chư pháp Thật Tướng), nói theo cách hiện thời là hiểu rõ chân tướng sự thật của hết thảy pháp. Thông thường, nhà Phật chia chân tướng sự thật thành sáu hạng mục để thuyết minh:

1) Tánh - tướng: Tánh là tánh của hết thủy pháp, tức bốn tánh; Tướng là hiện tượng.

2) Lý - Sự: Lý là đạo lý của hết thủy các pháp, dần dần hình thành. Còn tác dụng của các hiện tượng được sanh ra, đều thuộc về Sự.

3) Nhân - quả: Tiên nhân, hậu quả. Hậu quả lại biến thành cái nhân hiện tiền, nhân ấy cảm thành cái quả trong đời sau. Nhân quả liên tục, nhân quả tuần hoàn. Vì thế mới nói “*nhân quả bất không*” (nhân quả chẳng không). Nhân có thể biến thành quả, quả lại có thể biến thành nhân, chuyển biến chẳng không, tuần hoàn chẳng không, tiếp nối chẳng không, phải hiểu đạo lý này! Hiểu được đạo lý này thì quý vị mới thực sự liễu giải ý nghĩa của việc tu hành, quý vị mới có thể thực sự thực hiện được. Nếu quý vị chẳng tích cực tu hành, đó là vì quý vị chưa hiểu rõ chân tướng sự thật! Bởi thế, trong thời đại hiện tại, đặc biệt là đối với kinh giáo Đại Thừa, nếu không giảng kỹ, nếu không tích cực nghiên cứu thì tín - nguyện - hạnh đều có vấn đề, cũng có thể nói là công phu không đắc lực!

Hiện tại, chúng tôi đến rất nhiều nơi ở Trung Quốc và ngoại quốc, cũng tiếp xúc với rất nhiều đồng tu, tợ hồ chuyện linh quỷ dựa vào thân thấy càng ngày càng nhiều. Bị quỷ dựa thân, nếu là báo oán, hoặc đến đòi nợ thì đau khổ không thể chịu đựng nổi! Bị vùi dập mà! Chứng trạng ấy không có cách gì trị liệu được, bó tay hết cách! Siêu độ cũng không hiệu quả, siêu độ là gì? Là làm trung gian để thương thuyết, vô hiệu! Trên thực tế, vì sao vô hiệu? Người siêu độ không có một phần thành ý nào cả. Cổ đại đức thường dạy chúng ta: “*Chí thành cảm thông*”, chúng ta không đủ chí thành. Nếu thực sự chí thành sẽ hóa giải, an ủi kẻ đó, chỉ dạy kẻ đó, giúp cho kẻ ấy nâng cao cảnh giới.

Trong các buổi giảng chúng tôi thường nói: “*Hóa địch thành bạn, chẳng cần đối địch, hóa oán thành thân. Mọi sự đều phải hóa giải, chẳng được đối lập*”. Thủ đoạn hóa giải trọng yếu nhất là phải thường giao lưu, phải thường gặp gỡ, chẳng thể không qua lại với nhau. Không qua lại với nhau thì mâu thuẫn ngày càng sâu, phải qua lại nhiều! Giao lưu nhiều! Vấn đề gì cũng hóa giải được hết! Sợ nhất là chẳng qua lại với nhau. Giống như quý vị làm thí nghiệm [phản ứng của thực vật và thức ăn đã nói trong phần trên], quý vị dùng thiện ý hay ác ý đối đãi là có qua lại. Còn về căn bản không quan tâm đến, không qua lại, [những thức ăn] hết sức dễ bị mục nát, tệ hại nhất là không qua lại! Cự tuyệt qua lại chính là sự việc đáng sợ nhất! Nhưng chúng ta phải biết: Chúng ta không có cách gì ép buộc người khác được, chính mình phải giữ tâm

lòng giao thiệp cùng hết thầy mọi người. Người khác cự tuyệt ta là chuyện của người ta, cửa nhà mình vĩnh viễn mở rộng đối với người đó. Người ta đóng cửa là chuyện của họ; chúng ta cứ đợi đến lúc họ mở rộng cửa.

Nay đã đến giờ rồi!

Tập 24

6.3.4. Chỉ Rõ Pháp Chấp Trì Danh Hiệu Để Lập Hạnh

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần tiếp theo “*Chánh hiển thị trì danh hiệu dĩ lập hạnh*”, chúng ta đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc.

Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn.

舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。

(*Này Xá Lợi Phất! Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi kia.*)

Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói đến A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn)

Lại xem tiếp:

Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn: ‘Nhược hữu

chúng sanh, vãng thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ’.

其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(Kẻ ấy lúc mạng sắp hết, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện trước mặt người ấy. Người ấy lúc mất, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về cõi Cực Lạc của A Di Đà Phật.

Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời sau: “Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, phải nên phát nguyện sanh về cõi kia”).

Đoạn kinh văn này dạy chúng ta phương pháp tu hành. Chúng tôi chia đoạn này thành chín tiểu đoạn. Đoạn kinh lớn này hết sức quan trọng! Chúng ta đã biết Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng rồi, nhưng làm thế nào thì mới có thể vãng sanh? Đoạn kinh này dạy chúng ta phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Trước hết, đức Phật dạy: **“Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc”** (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi kia). Nói cách khác, thiện căn, phước đức, nhân duyên phải đầy đủ. Chúng ta thảo luận những vấn đề được nêu trong đoạn thứ nhất này.

[Sách Yếu Giải viết]: **“Bất đắc sanh giả, thiện căn, phước đức lực bạc”** (Kẻ chẳng được vãng sanh là do sức thiện căn, phước đức kém). Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng: Thiện căn là **“Bồ Đề chánh đạo”**, là **“thân nhân”** (cái nhân gần gũi, thân thiết), **“Nhị Thừa nhân thiếu”** (hàng Nhị Thừa có ít ỏi), chẳng nói là không có, mà là ít! Đã ít thì sức kém, chẳng thể khởi tác dụng. **“Phước đức”** là bố thí, trì giới và hết thảy các pháp trợ đạo, đều thuộc về trợ duyên. **“Nhân thiên thiếu”** (hàng nhân thiên ít [thiện căn, phước đức]), do vậy, sức cũng kém; vì thế, chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh phải có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên (tương phản của ít là nhiều), nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên! Chúng ta thấy lời tiêu chú viết: **“Nhị Thừa đản cầu tự lợi, đắc thiếu vi túc, bất phát Bồ Đề tâm, có thiện căn thiếu”** (Nhị Thừa chỉ cầu tự lợi, được chút ít đã cho là đủ, chẳng phát Bồ Đề tâm, nên thiện căn ít). Đây là nói bậc Nhị Thừa chẳng cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu có cầu cũng không có cách gì cầu được, vì điều kiện không đầy đủ. **“Nhân thiên**

(ngộ đáo Đại Thừa liễu) tuy tu Lục Độ, dẫn cầu nhân thiên phước lạc, vị liễu vô vi, vị đắc vô lậu, cố phước đức thiếu” (Nhân, thiên (gặp được Đại Thừa), dẫn tu Lục Độ, nhưng chỉ cầu phước lạc trời người, chưa trọn vô vi, chưa được vô lậu, nên phước đức ít). Hai loại này đều chẳng được sanh về Tịnh Độ. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng về thiện căn, phước đức như vậy.

Tôi thường khuyên đại chúng tu học pháp môn Niệm Phật, so ra tôi nói đơn giản hơn, ai nấy đều dễ hiểu. Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Thiện căn là chúng ta có thể tin, có thể hiểu pháp môn này; tôi nói đây chính là thiện căn. Có thể nguyện, có thể hành thì người ấy có phước, chịu phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ, chịu niệm A Di Đà Phật, y giáo phụng hành là người ấy có phước. Chúng tôi thuyết pháp đơn giản như vậy, chắc mọi người đều hiểu. Nói cách khác, quý vị gặp được pháp môn này, là quý vị đầy đủ nhân duyên (ba điều kiện là thiện căn, phước đức, và nhân duyên), nhân duyên đầy đủ mới được gặp. Gặp được là do thiện căn và phước đức của quý vị, thiện căn là có thể tin, có thể hiểu. Quý vị đọc kinh hiểu rõ, hoặc là nghe giảng bèn hiểu rõ, đó là quý vị có thiện căn. Hiểu minh bạch rồi, thực sự phát nguyện. Đem hai thế giới so sánh, thế giới Cực Lạc rất thù thắng, còn sự vui trời người ở nơi đây là vui như thế nào? Là hưởng thụ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần; thử hỏi xem, quý vị có thể hưởng được mấy ngày? Thời gian rất ngắn ngủi!

Mọi người học Phật chúng ta, rất ít người sanh trong gia đình phú quý. Nói cách khác, đại đa số thuộc gia đình từ trung lưu trở xuống. Lúc trẻ tuổi, nếm đủ mùi cay đắng, toàn là siêng khổ phát phần, đến tuổi trung niên cuộc sống mới dần dần dư dả. Thực sự được hưởng thụ niềm vui ngũ dục, lục trần, nói chung phải từ sau tuổi ba mươi. Chúng tôi thấy rất nhiều người hầu như đến tuổi bốn mươi mới được như vậy. Bốn mươi tuổi rồi thì hưởng được bao năm? Cứ tính là quý vị sống đến bảy mươi tuổi thì hưởng được ba mươi năm. Đó là nếu quý vị thực sự có thể hưởng thụ, thực sự có phước báo, quý vị mới có thể hưởng thụ ba mươi năm. Thế nhưng trong ba mươi năm hưởng phước ấy, quý vị có phải trả giá hay không? Phước chẳng dễ hưởng! Từ xưa đến nay, có người hưởng phước nào mà chẳng phải trả giá nghiêm trọng hay không? [Trả bằng] tinh thần, thể lực, thời gian, nếu chú tâm tính toán kỹ, cái được chẳng bù nổi cái mất! Bởi thế, quả đúng là chẳng sánh bằng người xuất gia ẩn cư trong núi thẳm (đây là nói chuyện thời xưa, chứ không phải hiện tại), đúng là thực sự có phước báo, hưởng phước thanh tịnh, thân và tâm đều

thanh thân.

Quý vị thấy con người trong xã hội hiện tại có địa vị, có quyền thế, có của cải thì thân họ phải chịu áp lực trầm trọng. Họ có một bác sĩ chuyên môn và y tá để chữa trị mỗi ngày. Áp lực về mặt tinh thần lại càng nặng nề hơn, vì sao? Lo được, lo mất. Phước báo ấy đem tặng cho tôi, tôi cũng chẳng muốn tiếp nhận, vì sao? Phải gánh vác nặng nề quá! Tôi thấy rất nhiều rồi! Bởi thế, nếu quý vị lắng lòng quan sát kỹ, quý vị mới biết thế nào là hưởng phước: Thân lẫn tâm đều không có chuyện gì, tôi thường nói đọc một cuốn sách mình thích, làm việc mình yêu thích, đây mới đúng là có phước báo. Những người đại phước báo trong thế gian, những việc họ làm chẳng thấy vui thích gì, nhưng chẳng vui thích cũng phải làm, chẳng thể không làm được. Không có thời gian đọc một cuốn sách mình yêu thích thực sự, mỗi ngày phải xem biết bao giấy tờ thương lượng, do công việc bắt buộc phải xem những văn kiện ấy, còn thời gian đâu nữa!

Vì thế, người có học thời cổ đọc sách rất hay, đúng là hiểu rõ lý lẽ, họ không làm việc mà ẩn cư! Gia Cát Lượng, như các vị biết đó, đúng là người có đức hạnh, có học vấn, chẳng muốn ra làm việc, ẩn cư trong làng cày ruộng; tự mình cày cấy, bạn thân quây quần, lúc nhàn hạ bèn du sơn ngoạn thủy, sung sướng vô cùng. Kịp đến khi Lưu Bị ba lần đến lều tranh mời ra giúp sức, thịnh tình khó từ, chẳng thể không ra. Khi đã ra rồi, sức cung tận tụy đến chết mới thôi. Đó là nghĩa khí của một người có học, tôi không đáp ứng thì thôi, hễ đáp ứng thì nhất định phải tận tụy với công việc.

Thế nào là phước báo? Thiện căn, phước đức, chúng ta phải thực sự hiểu rõ. Trong Phật pháp, nhất là trong Tịnh tông, thế nào là phước báo lớn nhất? Niệm Phật trong Niệm Phật Đường là phước báo lớn nhất, nghe kinh trong giảng đường hồng tạng trường thiện căn. Đạo tràng nhỏ bé sẽ có hai “đường”: Một là giảng đường, hai là Niệm Phật Đường, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể giác ngộ hay chẳng? Giác tri! Quý vị có thể giác ngộ hay không? Có thể hiểu được hay không? Muốn đạo nghiệp thành tựu, trong một đời này quyết định vãng sanh thì chớ nên ly khai đạo tràng, [hễ chẳng rời khỏi đạo tràng], công phu nhất định chẳng bị gián đoạn. Xưa kia, Huệ Viễn đại sư là một vị nhất đại tông sư trong Tịnh tông chúng ta, dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, các đạo hữu đồng tham chí đồng đạo hợp đều là những người nhất tâm chân chánh lập chí, mong được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gồm một trăm hai mươi ba người. Họ dựng một Niệm Phật Đường, bên ngoài có

một cái khe nước nhỏ gọi là Hồ Khê, lấy Hồ Khê làm giới tuyến, quyết định chẳng vượt qua cái khe nước nhỏ ấy. Mọi người nghiêm ngặt tuân thủ, nên ai nấy đều thành tựu.

Bên ngoài vừa động, tâm bên loạn, công phu bị gián đoạn, lúc ấy quý vị có thể thành tựu hay chẳng? Chỗ này có người khai thính, chỗ kia có người khai thính, tợ hồ pháp duyên rất thịnh. Không sai! Pháp duyên rất là thịnh, nhìn bên ngoài rất thịnh, nhưng trên thực tế lại là tướng suy, chẳng phải tướng hưng thịnh. Vì sao? Không thể vãng sanh! Không thể vãng sanh mà tính là pháp duyên thù thắng cái nổi gì? Sự thành tựu trong đạo tràng của chúng ta phải là trong đạo tràng có bao nhiêu người vãng sanh, coi đó là thành tựu, chứ chẳng phải đạo tràng nào nhiệt đến mức nào, nhang đèn nhộn nhịp, không phải thế đâu! Trong đạo tràng này có bao nhiêu người khai ngộ, có bao nhiêu người đắc Thiên Định, có bao nhiêu người minh tâm kiến tánh, có bao nhiêu người vãng sanh. Đó mới là thành tựu thực sự. Trong những thành tựu ấy, vãng sanh là thành tựu bậc nhất. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh đều chẳng bằng Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, điều này có thể lấy kinh làm chứng.

Trong kinh Hoa Nghiêm, bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giác. Niệm Phật vãng sanh đầu là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng đã là A Duy Việt Trí Bồ Tát, Sơ Trụ Bồ Tát kém người ấy một khoảng xa. A Bộ Bát Trí, tổ sư đại đức chẳng giảng khác nhau, đều cùng nhất trí: Từ Thất Địa trở lên, phải tính từ Thất Địa. Từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thất Địa sai khác bao nhiêu địa vị? Ba mươi địa vị thuộc Tam Hiền; từ Tam Hiền lên đến Thất Địa là bảy địa vị nữa. Nói cách khác, kém hơn ba mươi sáu cấp. Người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh so với người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới kém hơn ba mươi sáu cấp. Vì thế, niệm Phật vãng sanh là thù thắng bậc nhất. Tổ sư đại đức, như Ngẫu Ích đại sư trong sách Yếu Giải nhìn thấy người thế gian tu hành, vô cùng cảm thán: Pháp môn thù thắng như thế đó, lúc họ gặp được, nhưng thiện căn ít, phước đức ít. Thiện căn ít là gì? Nửa tin, nửa ngờ. Lúc phước đức ít, sẽ chẳng chịu thực sự tu hành, tu hành như đùa, chẳng hề nghiêm túc. Làm như vậy chỉ có thể kết duyên cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới, đời này chẳng được về. Đời này chẳng được về, chắc chắn phải luân hồi lục đạo. Luân hồi trong lục đạo phải hứng chịu nỗi khổ.

Đừng nói gì khác, nội chuyện oan oan tương báo không thôi đã rất phiền phức rồi. Trong một đời này, chúng ta đã kết mối oan cừu cùng bao nhiêu chúng sanh, quý vị có biết nổi hay không? Quý vị dẫm chết

một con kiến, giết một con gián đều là kết mối oan cừu với chúng, phải đền mạng cả đấy! Giữa người với người quá chi ly không kể, cứ nói đơn giản giữa người và động vật thôi! Quý vị ăn thịt những động vật nào, trong kinh Đại Thừa đức Phật chẳng nói dối đâu! Quý vị ăn nửa cân thịt của chúng, đời sau chúng đòi quý vị trả đúng tám lạng⁶⁸. Lúc tôi chưa học Phật không biết điều này, không biết đã ăn bao nhiêu nữa! Học Phật rồi mới biết chuyện này, chẳng dám ăn thịt nữa, chọn cách ăn chay, bỏ hẳn ăn thịt. Thường xuyên phóng sanh để chuộc tội! Trong quá khứ ngu muội vô tri, sát hại bao nhiêu chúng sanh như thế!

Bởi thế, ta hữu ý hay vô ý kết mối oan cừu với hết thảy hữu tình chúng sanh, kể cả động vật! Chỉ có một phương pháp là trong một đời này phải thực sự buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ, thân cận Phật Di Đà. Tất cả hết thảy oán thân trái chủ đời trước đời này, đợi đến lúc tôi về Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu rồi, tôi sẽ trở về độ các người thành Phật. Thực sự hoàn nguyện, báo ân! Từ nay trở đi, chẳng có ác niệm nữa, chẳng có ác hạnh nữa, cũng chẳng nói lời ác, ba nghiệp thân - ngữ - ý thuần thiện, thuần tịnh. Người thế gian truy cầu chân - thiện - mỹ - huệ, tận thiện tận mỹ được thực hiện trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự thực hiện. Chúng ta hãy xem đoạn thứ hai.

“*Duy dĩ tín nguyện*” (chỉ dùng tín nguyện), trì danh niệm Phật, đó là ba tư lương: Tín - Nguyện - Hạnh, chấp trì danh hiệu, “*tất nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức, tán tâm xưng danh, phước thiện diệc bất khả lượng, hướng nhất tâm bất loạn tai!*” (thì mỗi một tiếng [niệm Phật] đều có nhiều thiện căn và phước đức. Tán tâm xưng danh thì phước thiện cũng chẳng thể lường được, hướng hồ là nhất tâm bất loạn ư?) Cách tu thiện căn, phước đức, nhân duyên như thế nào? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “*Chân tín*”, không hoài nghi một chút nào, “*thiết nguyện*” [tức là] nguyện chân thật, nguyện vọng khẩn thiết. Chân tín, thiết nguyện (lòng tin chân thành, nguyện thiết tha) thì thân, tâm, thế giới sẽ tự nhiên buông xuống được hết. Hễ còn điều gì chưa buông xuống được là lòng tin chẳng chân, nguyện chẳng thiết. Tin chân thành, nguyện thiết tha, chấp trì danh hiệu, một câu danh hiệu ấy quyết định

⁶⁸ Theo hệ thống đo lường cổ của Trung Hoa (vẫn còn sử dụng ở Hương Cảng và Đài Loan), một Cân gồm mười sáu Lạng. Một Cân tương đương 604,8 gram. Ở Hoa Lục, một Cân chỉ là 500 gram và được chia thành 10 Lạng. Để khỏi lầm lẫn, đơn vị Cân của Hoa Lục được gọi là Thị Cân.

không gián đoạn, nguyện khẩn thiết chẳng xen tạp, lòng tin kiên cố chẳng hoài nghi. Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chấp trì danh hiệu không gián đoạn, đó là phương pháp Niệm Phật do Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm! Phương pháp Niệm Phật của lão nhân gia là như vậy đó!

Ngài niệm như thế nào? “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối); ở đây, Ngẫu Ích đại sư gọi là “*tín nguyện trì danh*”, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với lời dạy của Đại Thế Chí Bồ Tát. Nhiếp trọn sáu căn bao gồm cả tín, nguyện. Nếu quý vị không tin, không có nguyện, thì lục căn suốt một ngày từ sáng đến tối rong ruổi trong cảnh giới sáu trần, không quay đầu. Nay thực sự tin tưởng Tịnh Độ, thực sự nguyện vãng sanh, thân cận Phật Di Đà, thân hồi cái tâm lại, sáu căn chẳng còn vịn nắm cảnh giới sáu trần bên ngoài, buông xuống cả rồi. Buông xuống không có nghĩa là mắt không thấy, tai không nghe! Sáu căn vẫn khởi tác dụng “thấy, nghe, hay, biết”, nhưng như thế nào? Quyết định chẳng ghim trong lòng! Cõi lòng thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, mắt chẳng nhiễm sắc trần, tai chẳng nhiễm thanh trần, mũi chẳng nhiễm hương trần, lưỡi chẳng nhiễm vị trần, hết thấy đều tùy duyên. Thứ gì cũng tốt, không hề có tính toán, so đo gì! Cái gì tốt thì rất tốt; cái gì không tốt cũng rất là tốt!

Xưa kia, Hoằng Nhất đại sư ở Nam Dương (Indonesia), Ngài là bạn thân của pháp sư Quảng Hiệp, bạn đồng tham cũ với nhau. Ngài đến Tân Gia Ba ngụ tại viện Chiêm Bặc của pháp sư Quảng Hiệp, đạo tràng không lớn, chúng tôi đã từng đến đó. Tôi nghe các đồng tu Tân Gia Ba kể lại. Họ nói Hoằng Nhất đại sư không hề cần nhân ai tí nào, đối xử hết sức hòa ái đối với mọi người. Ăn thứ gì, cho ăn cái gì cũng ngon hết. Thức ăn quá mặn, Sư cũng bảo không hề gì, mặn có vị riêng của mặn. Quá nhạt, cũng không ăn nhằm gì, nhạt có vị riêng của nhạt! Cái gì cũng tốt hết, không phân biệt, chấp trước mảy may! Đương nhiên chủ nhân lẫn người tiếp đãi đều tận tâm tận lực chăm sóc pháp sư, luôn trông chừng xem pháp sư thích gì, cần gì, nhưng pháp sư hết thấy tùy duyên, hết thấy đều miễn sao thuận tiện thì thôi, thế nào cũng tốt, “miễn sao thuận tiện cho quý vị là tôi vui rồi!”, không mảy may gây phiền phức thêm cho người ta. Pháp sư tâm đặt nơi đạo, đã buông thế gian này xuống rồi, một lòng gởi nơi Tịnh Độ.

Chúng ta biết Hoằng Nhất đại sư chuyên tu Tịnh Độ, Ngài không y vào kinh A Di Đà, cũng chẳng y kinh Vô Lượng Thọ. Khóa tụng mỗi ngày của Ngài là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Đó là trong năm kinh

một luận, tức sáu môn khóa của Tịnh Độ, Ngài chuyên tu Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Ngài tụng thuộc lòng Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, công khóa sáng tối đều niệm Hạnh Nguyện Phẩm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Bởi vậy, Ngài niệm Phật, tín nguyện trì danh, niệm Phật là tịnh niệm tiếp nối. Lúc niệm dùng cái tâm thanh tịnh để niệm, tâm thanh tịnh đương nhiên không có bất cứ thứ gì xen tạp. Hễ xen tạp, tâm quý vị sẽ không thanh tịnh; cũng chẳng thể hoài nghi, tâm hoài nghi thì cũng không thanh tịnh. Vì thế, trong chữ Tịnh chẳng có xen tạp, không hoài nghi. “*Tương kế*” (tiếp nối) là không gián đoạn, ở đây gọi là “*chấp trì*”, Trì (持) là giữ gìn cho không gián đoạn, Chấp (執) là cầm nắm. [Chấp trì] chính là nắm giữ danh hiệu A Di Đà Phật, cái gì khác cũng không màng, đều buông bỏ hết.

Niệm Phật như thế thì “*nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức*” (mỗi một tiếng niệm đều có nhiều thiện căn, phước đức). Vì sao? Giới, Định, Huệ đều gộp trong ấy, một câu A Di Đà Phật đồng thời trọn đủ Giới - Định - Huệ, trong một câu niệm viên mãn chẳng thể nghĩ bàn! Giới là gì? “*Phòng phi chỉ ác*” (ngăn ngừa điều sai trái, dứt điều ác) là giới Tiểu Thừa. Khi quý vị nhất tâm niệm Phật, trong tâm một ác niệm nào cũng không có, cũng chẳng thể có hành vi ác, đó là “*phòng phi chỉ ác*”. Trong giáo pháp Đại Thừa, vâng làm các điều thiện, niệm A Di Đà Phật là điều thiện bậc nhất trong các điều thiện, không có gì thiện hơn được nữa! Quý vị hãy nghĩ xem: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành) đã đầy đủ chưa? Đó là Giới học! Trong một câu niệm Phật, Giới viên mãn, giới Đại Thừa lẫn giới Tiểu Thừa đều bao gồm trong ấy. Lúc niệm Phật, tâm thanh tịnh, nhất tâm bất loạn là tâm thanh tịnh vậy! Thanh tịnh là Định. Phật hiệu sáu chữ hoặc bốn chữ, từng chữ phân minh, rõ rệt rành rẽ, chính là gì vậy? Là Huệ! Ấy là Căn Bản Trí. Vì thế, một câu Phật hiệu, Giới - Định - Huệ đều đầy đủ cả, đều viên mãn cả, há chẳng phải là nhiều thiện căn, nhiều phước đức ư? Nếu chúng ta hiểu được, sẽ nhất tâm xưng niệm.

Phần kệ đó nói: Dù quý vị chẳng thể nhất tâm, mà là tán tâm, “*tán tâm xưng danh, phước thiện diệt bất khả lượng*” (tán tâm xưng danh thì phước thiện cũng chẳng thể lường được), huống chi nhất tâm bất loạn! Nhất tâm xưng niệm còn đến như thế nào nữa? Kinh Vô Lượng Thọ nói “*nhất hướng chuyên niệm*” (một dạ chuyên niệm), một mục tiêu, một phương hướng, chuyên niệm, phước đức chẳng thể nghĩ lường! Ở đây nói “tán tâm”, chứ không phải là tán loạn tâm. Tâm tán loạn niệm Phật,

phước đức đương nhiên cũng chẳng thể nghĩ lường; nhưng cô đức nói “*rách toạc cuống họng cũng uống công*” là nói về cái tâm tán loạn đấy! Tâm tán loạn là gì? Trong tâm khởi vọng tưởng. Ngoài miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm khởi vọng tưởng, như vậy là trật rồi!

“*Tán tâm*” ở đây là chưa nhất tâm, nhưng cũng không được khởi vọng tưởng, cũng không có vọng tưởng, thì gọi là “*tán tâm*”. Nếu như quý vị không có cách gì tập trung ý chí tinh thần được, thì lúc niệm Phật nên làm sao? Nghĩ đến tượng A Di Đà Phật, nghĩ đến tượng ấy, thêm vào sự quán tưởng Phật, hoặc tưởng hoa sen, đây đều là những phương cách (quý vị không tưởng không được nghe! Không tưởng bèn có vọng tưởng liền). Tưởng tượng bạch hào hay hào quang của Phật đều được. Tâm lực không thể tập trung thì dùng phương pháp ấy. Niệm Phật như thế, thiện căn và phước đức cũng chẳng thể nghĩ lường! Đương nhiên, tốt nhất là nhất tâm bất loạn, nhưng khó lắm, rất u là khó! Bởi thế, kinh Vô Lượng Thọ dạy “*một dạ chuyên niệm*”, một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật, vậy là đúng!

Tiểu đoạn thứ ba là “*hiển thị chánh hạnh Trì Danh Tam Yếu*” (chỉ rõ ba điều quan trọng của chánh hạnh Trì Danh). Đoạn này quan trọng, hết sức quan trọng! Niệm Phật theo cách nào? Ba điều quan trọng là Tín, Nguyện, Hạnh, tức ba điều kiện trọng yếu để được vãng sanh thế giới Cực Lạc; cô nhân nhắc tới “*ba tư lương*”. Nay nói “*tư lương*” người hiện thời không hiểu, người hiện tại gọi là “*điều kiện*”; ba tư lương là ba điều kiện. Trước hết, nói đến tín - nguyện, “*tín nguyện đầy đủ*”, đầy đủ hai điều kiện tín và nguyện, điều kiện thứ ba là “*chấp trì danh hiệu*”. Với ba điều kiện ấy ở đây dùng tám chữ, nếu tám chữ ấy thấy đều có đủ, tức là “*tín nguyện cụ túc, chấp trì danh hiệu*” (tín nguyện đầy đủ, chấp trì danh hiệu) thì ngay trong hiện tại, quý vị đã không còn là chúng sanh của thế giới Sa Bà nữa. Vì sao? Đã báo danh ghi sổ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, nhưng còn chưa đi, giống như quý vị đã cầm sẵn hộ chiếu và thẻ thông hành của Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn đi lúc nào thì đi. Quý vị không còn là phạm phu luân hồi trong lục đạo của thế giới Sa Bà nữa, mà đã là một trong các vị thượng thiện nhân của thế giới Cực Lạc rồi!

Phần kế đó là lời giải thích về “*tín nguyện đầy đủ*”: “*Thường tu nhị khóa thời, tinh tấn kết thất thời*” (Lúc thường tu hai thời khóa công phu, lúc tinh tấn kết thất). Phương pháp tu học chẳng được gián đoạn, hai khóa sáng tối bình nhật, sáng tối đều niệm Phật. Thông thường hai khóa sáng tối đều phải niệm một quyển A Di Đà Kinh, niệm kệ Tán

Phật, rồi niệm Phật hiệu. Vì sao phải niệm một quyển kinh, niệm kệ Tán Phật? Để nhiếp tâm, tức là nhiếp trọn sáu căn, dụng ý ở chỗ này, nhằm để quý vị một dạ chuyên niệm. Thậm chí, khi mọi người cùng tụng công khóa sáng tối, trước đó còn niệm bài Tán Hương, tụng kinh, niệm kệ Tán Phật đều nhằm để định tâm. Nói cách khác, đó là những công phu dự bị trước lúc niệm Phật để thâm nhiếp cái tâm. Nếu cái tâm này định, trong mười hai thời không tán loạn, đều không có vọng tưởng thì những thứ vừa nói trên đây đều không cần thiết: Hương Tán, tụng kinh, xướng kệ Tán Phật đều chẳng cần đến nữa. Những người như vậy hiếm hoi, người một ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung thì nhiều. Nếu như đã thêm vào Hương Tán, lại còn tụng kinh, lại còn xướng kệ Tán Phật, niệm A Di Đà Phật mà vẫn khởi vọng tưởng thì không còn cách nào hết, ý chí vẫn không tập trung. Vì thế, từ đây chúng ta phải lãnh hội sâu xa: Niệm Phật không phải là chuyện dễ, chớ nên xem nhẹ! Bởi thế, Tinh Tán Phật Thất là một phương pháp tốt.

Nhưng trong thời đại hiện tại này, trên thực tế, Tinh Tán Phật Thất có chỗ khó khăn, thật đấy, không giả đâu! Thực sự đã Phật thất, rất có thể chúng ta chưa từng gặp một ai cả, tôi cũng chưa từng thấy một ai hết! Tôi thường nghe thầy Lý giảng về Phật Thất: Tinh Tán Phật Thất thì nhất định những người cùng tu một chỗ chẳng thể nhiều hơn mười người, đó là Tinh Tán Phật Thất. Vì sao? Từ mười người trở lên, Chủ Thất Sư không có cách gì trông nom được, trông nom không xuể! Bởi thế, đã Phật Thất nhưng người tham gia Phật Thất công phu có thể thành tựu hay không thì vị Chủ Thất Sư quan trọng nhất!

Ai mới có thể làm Chủ Thất? Đều là người có kinh nghiệm trong Niệm Phật Đường, chẳng những thông thạo nghi quy, mà trạng huống của mỗi người niệm Phật vị ấy đều hiểu rõ. Bởi thế, trong Niệm Phật Đường, chẳng những vị ấy phải thường thời thời khắc khắc cảnh tỉnh mọi người, mà còn đốc thúc, ngăn ngừa ma chướng. Tinh Tán Phật Thất ma chướng rất nhiều. Thầy Lý bảo tôi: Thầy ở tại Đài Loan ba mươi tám năm, chỉ đã Tinh Tán Phật Thất hai lần, về sau không dám mở nữa. Tôi hỏi vì sao? Gây nên chuyện, ma chướng nổi lên. Chỉ cần một người khởi ma chướng là đã phiền lắm rồi, cụ phải mất từ mười tháng đến một năm để chữa lành cho người ấy, chữa cho người ấy bình phục rất khổ sở.

Phật Thất như chúng ta thường thấy là pháp hội Phật Thất, chứ không phải thật tu. Thật tu ắt có ma chướng, chẳng phải chân tu, ma không thềm nhìn tới. Quý vị tu giả, chứ không tu thật, nó không cần gây chướng ngại! Quý vị đâu có thoát khỏi luân hồi; nó sẽ còn có ngày báo

thù quý vị. Chứ nếu quý vị thật tu, thực sự tu tập, muốn thoát khỏi luân hồi lục đạo, nó sẽ ở bên cạnh gây tai chướng liền: “Người thiếu mạng ta, vẫn chưa đền mạng; người thiếu nợ ta, nợ vẫn chưa trả”. Quý vị muốn đi, nó bèn đến đòi. Nó ở bên cạnh thấy rất rõ. Nếu quý vị tu giả, tu đùa bỡn, quý vị không vãng sanh được! Nó ở bên cạnh, cười hì hì, không đếm xỉa tới.

Bởi thế, Phật Thất niệm Phật gần như là niệm Phật công phu kha khá, cũng đã hiểu khá rõ, đã nhận thức đạo lý Tịnh tông, chính mình thực sự phát nguyện, nhất tâm niệm Phật. Trong Niệm Phật Đường có thể nhận biết điều này. Người nào thật thà, quy củ, vâng giữ pháp, khiêm hư, cung kính đối với người khác, không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước, người đó thực sự niệm Phật. Vọng niệm nhiều, phân biệt lắm, tạp tâm chuyện gẫu thì là giả tu, chứ chưa tu thật. Chân chánh tham gia Phật Thất, tức Phật Thất thông dụng, tâm luôn thanh tịnh, quyết định chẳng bàn tán chuyện gẫu! Niệm Phật trong Niệm Phật Đường, ra khỏi Niệm Phật Đường vẫn niệm Phật, công phu không gián đoạn. Đoạn tiếp là “*khả y Tây Phương Xác Chỉ biện pháp, thị Vô Hủ tiết*” (có thể dựa theo biện pháp nói trong sách Tây Phương Xác Chỉ, phân dạy ông Vô Hủ). Ta có thể tham khảo đoạn sách ấy.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiêu đoạn “*chấp trì danh hiệu*”. Chấp trì danh hiệu là “*thiện trung thiện, phước trung phước*” (điều lành bậc nhất trong các điều lành, phước bậc nhất trong các phước). Những ý nghĩa này tôi đã nói trong phần trên rồi. “*Thiện trung thiện, phát Bồ Đề tâm, cụ túc ngũ chủng Bồ Đề tâm*” (Điều lành bậc nhất trong các điều lành là phát Bồ Đề tâm, đầy đủ năm thứ Bồ Đề tâm). Năm thứ Bồ Đề tâm này được nói trong Đại Trí Độ Luận, luận ấy nói có năm thứ Bồ Đề tâm:

1) Thứ nhất là “*phát tâm Bồ Đề*”. Nay ta nói là “tín nguyện trì danh”, phát tâm cầu thoát khỏi tam giới, cầu sanh Tịnh Độ, tự độ, độ người, đó là “*phát tâm Bồ Đề*”. Người ấy mới vừa phát tâm, giác ngộ.

2) Thứ hai là “*phục tâm Bồ Đề*”. Phục (伏) là hàng phục, Tâm là tạp niệm và vọng niệm trong tâm. Lúc chúng ta chấp trì danh hiệu, nhất tâm niệm Phật, vọng tưởng, phân biệt và chấp trước chẳng khởi. Lúc ấy, tinh thần và ý chí hoàn toàn tập trung, có thể chế phục phiền não. Bồ Đề

(Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là giác ngộ, chế phục được phiền não là giác ngộ vậy.

3) Thứ ba là “*minh tâm Bồ Đề*”, thứ bậc ngày càng cao hơn! Trong minh tâm Bồ Đề có Huệ, chế phục tâm là Định, dùng phương pháp Niệm Phật để chế phục phiền não, chế phục lâu ngày bèn sanh trí huệ, trí huệ dần dần mở mang. Đó là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, tức là Phật hiệu quý vị đang niệm đó và cái tâm niệm Phật tương ứng với Tự Tánh Giác. Tự Tánh Giác rất khó hiểu, nó tương ứng với Tự Tánh Di Đà. Hoặc có thể nói rõ ràng hơn, dễ hiểu hơn một chút cho mọi người hiểu được, thì minh tâm là niệm niệm tương ứng với tâm - nguyện - hạnh - giải của A Di Đà Phật. Nói như vậy dễ hiểu hơn, minh tâm là như vậy đó. Rất rõ ràng, minh bạch! Lấy tâm nguyện của A Di Đà Phật làm tâm nguyện của chính mình, lấy giải hạnh của A Di Đà Phật làm giải hạnh của chính mình. Đó là minh tâm Bồ Đề.

4) Thứ tư là “*xuất đạo Bồ Đề*”. E rằng cả đời này chúng ta khó thể đạt được. Vì sao? Xuất đạo Bồ Đề là chứng quả vậy. Kinh Vô Lượng Thọ nói một, hai, ba thứ Nhẫn, nếu theo như kinh Đại Thừa thường nói thì đó là cảnh giới của bậc Địa Thượng Bồ Tát. Kinh Vô Lượng Thọ giảng là Âm Hưởng Nhẫn, Nhu Thuận Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn. Âm Hưởng Nhẫn là Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa; Nhu Thuận Nhẫn là Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa; Vô Sanh Pháp Nhẫn là Vô Sanh Pháp Nhẫn, là [cảnh giới của] Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Xuất đạo Bồ Đề là như vậy! Do đó, nói thật ra, công phu Niệm Phật của chúng ta chỉ có thể đạt được minh tâm Bồ Đề là đã khá lắm rồi! Minh tâm Bồ Đề là Sự nhất tâm bất loạn; phát tâm Bồ Đề và phục tâm Bồ Đề là công phu thành phiền, có thể đời nghiệp vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Đạt đến minh tâm Bồ Đề là Sự nhất tâm bất loạn, sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ, xuất đạo Bồ Đề bèn sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chẳng phải là hạng người tầm thường vậy!

5) Cuối cùng là “*vô thượng Bồ Đề*”, vô thượng Bồ Đề là Phật Quả, thành Phật. Bởi thế, Bồ Đề có năm thứ, chúng ta hãy nên hiểu như thế. Đầy đủ năm thứ Bồ Đề tâm, năm thứ ấy có từng giai đoạn. Tối thiểu, chúng ta phải đạt được một thứ, đạt được thứ thấp nhất là phát tâm Bồ Đề. Thực sự có cái tâm thoát lìa tam giới, hiểu rõ tam giới lục đạo, không thể trụ trong ấy nữa, nhất định phải giải quyết vấn đề này. Chúng ta được vãng sanh sẽ có năng lực độ những người có duyên với mình trong lục đạo, kinh Đại Thừa thường nói: “*Phật bất độ vô duyên chi*

nhân” (Phật chẳng độ kẻ không có duyên). Có duyên với mình là có ân, có oán, có dính líu trách nhiệm, nợ đòi phải trả, có duyên với mình là như vậy đấy! Bình thường chúng ta phải vui vẻ kết duyên với người khác, gặp người lạ, chào hỏi, mỉm cười với họ đều là hữu duyên, chẳng thể không quan tâm đến, không quan tâm đến là không có duyên.

Đã hai ngày qua tôi được nghe biết, người ta đem đến rất nhiều tài liệu cho tôi đọc. [Theo những tài liệu đó], ở Đài Loan có rất nhiều học trò Tiểu Học làm thí nghiệm, dùng thiện ý hay ác ý để đối xử với thực vật hoặc phẩm vật, xem chúng biến hóa ra sao. Quý vị dùng thiện ý là hữu duyên, dùng ác ý cũng là hữu duyên, chẳng quan tâm đến bèn không có duyên. Nhất định phải có duyên, rộng kết pháp duyên! Đến khi mình vắng sanh rồi, chẳng cần phải đợi đến khi thành Phật, cứ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là đã có năng lực ấy, được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị biết: Học một ngày ở nơi ấy là đã phi phạm rồi! Chúng ta học trong nhân gian cả vạn năm cũng chẳng bằng được người ta học một ngày [trong thế giới Cực Lạc]. Quý vị thấy người ta học trong một ngày bèn có thể thân cận mười phương hết thầy chư Phật Như Lai, mỗi đức Phật giảng cho mình một câu pháp đã thật là phi phạm rồi! Phân lượng ấy vượt xa Đại Tạng Kinh của chúng ta, tuyệt quá phải không? Dẫu chưa minh tâm kiến tánh, nhưng được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, do vậy bèn khởi tác dụng, không khác người minh tâm kiến tánh cho lắm! Quý vị có sức hiểu biết rất cao, có sức ghi nhớ, hằng ngày huân tập ở nơi ấy, tuyệt vời quá! Huân tập mấy ngày, thả chiếc bè Từ trở lại độ hết chúng sanh không sót; trí huệ, phước đức, và phương tiện thiện xảo không có ai sánh kịp! Đương nhiên thời gian sống tại Cực Lạc càng lâu thì trí huệ và đức năng càng cao, tiến bộ càng nhanh!

“*Kinh vân: Nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn, nhập Niết Bàn giới*” (Kinh dạy: Vừa xưng danh hiệu Phật thì do thiện căn ấy mà nhập Niết Bàn giới). Đây là chứng cứ do chính đức Phật nói. “*Phước trung chi phước, cụ túc vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, bách hạnh tề tu*” (Phước bậc nhất trong các phước, đầy đủ vạn đức, nhất tâm niệm Phật, trăm hạnh cùng tu). Tu một thứ là tu hết thầy, “*bách*” ở đây không phải là con số một trăm trong Toán Học, mà là tượng trưng cho viên mãn. Tu một pháp môn là tu hết thầy pháp môn qua một môn này, chớ nên coi thường một môn, môn nào cũng như nhau. Chúng ta đều phải nên nhớ kỹ kinh Hoa Nghiêm đã giảng: “*Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất*” (Một tức hết thầy, hết thầy tức là một). Trong pháp môn tu hành cũng

giống như vậy; chúng ta tu hành, chọn lấy một pháp môn. Pháp môn này đầy đủ hết thảy pháp môn; hết thảy pháp môn dung nhập trong một pháp môn này của chúng ta. Pháp môn Niệm Phật có đủ hết thảy các pháp môn, quý vị chỉ cần coi Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm và một chương tỳ-kheo Đức Vân sẽ thấy (nếu coi bản Tứ Thập Hoa Nghiêm thì xem chương Cát Tường Vân).

Tỳ-kheo Cát Tường Vân dạy Thiện Tài đồng tử pháp môn Niệm Phật, nói đến hai mươi một pháp môn Niệm Phật. Con số hai mươi một nhằm biểu thị ý nghĩa về mặt pháp! Trong Mật tông, gọi là “đại viên mãn”. Mật tông dùng con số mười sáu hoặc hai mươi một để biểu thị đại viên mãn. Một môn này có đủ hết thảy pháp môn, một chính là hết thảy, hết thảy chính là một. Một ở đây không phải là chuyên nhất, không phải là độc nhất, mà là bất cứ một pháp môn nào! Bất cứ pháp môn nào cũng có đủ hết thảy các pháp môn. Chẳng hạn như tham Thiền cũng là đầy đủ hết thảy các pháp môn, cũng bao gồm pháp môn Niệm Phật trong ấy. Trì giới cũng bao hàm hết thảy các pháp môn, Thiền và Tịnh cũng gộp trong ấy, Mật cũng gộp trong ấy, quyết định chẳng thể thiếu một môn nào. Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một! Kinh cũng giống như vậy: Trong một bộ kinh có đủ hết thảy các kinh, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Đó là viên dung vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại.

Vì sao vô ngại? Đầu từ Chân Như Tự Tánh lưu xuất, Chân Như Tự Tánh pháp vốn là như vậy. Chân Như tự tánh vĩnh viễn viên dung, vĩnh viễn viên mãn, chắc chắn không thể nói Chân Như tự tánh biến hiện ra vật gì mà vật ấy bị khuyết hãm, không hề có! Ở đây, nói thật ra, chỉ có mê hay ngộ; mê thì tự hồ có khuyết hãm, trên thực tế không hề khuyết hãm. Chính tự mình mê, chứ đức năng vốn chẳng hề khuyết hãm, phải hiểu đạo lý này! Có vậy, quý vị mới có thể thực sự tin tưởng, trong một câu Phật hiệu này đầy đủ “vạn đức hồng danh”, chữ “vạn” này cũng không phải là con số mà là tánh đức viên mãn.

“*Kinh vân: Văn Vô Lượng Thọ Phật danh (Vô Lượng Thọ Phật tự thị A Di Đà Phật), nhất tâm tụng trì, thử nhân đương đắc vô lượng chi phước*” (Kinh dạy: Nghe tên đức Phật Vô Lượng Thọ (Vô Lượng Thọ Phật chính là A Di Đà Phật), nhất tâm tụng trì, người ấy sẽ được vô lượng phước). Niệm một câu A Di Đà Phật có phước báo lớn ngàn ấy ư? Đúng vậy, không sai! Vậy sao tôi niệm vẫn không có phước báo gì? “*Nhất tâm*”! Quý vị không nhất tâm. Nếu quý vị nhất tâm niệm, phước báo sẽ phi phạm! Quý vị đâu có nhất tâm! Do đó, quý vị thấy: Đầy đủ vạn đức cũng là nhất tâm niệm Phật, được vô lượng phước vẫn là nhất

tâm niệm Phật, nhất tâm chẳng dễ dàng! Nhất tâm là thực sự thực hiện, không hoài nghi, không gián đoạn, đó gọi là “*nhất tâm*”. Ngoài miệng Phật hiệu có gián đoạn, nhưng trong tâm không hề gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Niệm là gì? Niệm là trong tâm có, “*kim tâm*”⁶⁹: cái tâm hiện tại, trong cái tâm hiện tại thực sự có thì gọi là Niệm Phật. Miệng niệm nhưng trong tâm không có, trong tâm vẫn khởi vọng tưởng thì chẳng thể gọi là niệm Phật, mà thật ra là “*miệng niệm Di Đà tâm tán loạn*”, trong tâm quý vị không hề có!

Ở trên đã nói đến “*tán tâm xưng danh*”. Ngoài miệng có Phật, niệm Phật; trong tâm lúc có lúc không thì gọi là “*tán loạn*”. Có lúc nghĩ đến Phật, có lúc khởi vọng tưởng, tưởng đến những thứ khác thì gọi là “*tán tâm*”. Tâm tán loạn là gì? Ngoài miệng có Phật, trong tâm hoàn toàn khởi vọng tưởng, không có chút hiệu quả gì! Chúng tôi nói về kiến thức thực dụng trong pháp môn Niệm Phật như vậy. Tín, Nguyện, Hạnh đều thuộc trong một câu Phật hiệu, một câu Phật hiệu đủ cả ba điều kiện, niệm như vậy mới có thể vãng sanh. Đoạn tiếp theo nói:

“*Thiện nam nữ giả (thiện nam tử, thiện nữ nhân), bất luận tại gia, xuất gia, quý tiện lão thiếu, lục thú, tứ sanh*” (Thiện nam nữ (thiện nam tử, thiện nữ nhân), bất luận tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu đường, bốn loài), phạm vi bao quát rất lớn. “*Lục thú*” là lục đạo, “*tứ sanh*” là nói về cách thức được sanh ra: Noãn, Thai, Thấp, Hóa, tức Noãn Sanh, Thai Sanh, Thấp Sanh, Hóa Sanh; tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh đều gồm trong đây. “*Đản văn Phật danh, tức đa kiếp thiện căn thành thực, Ngũ Nghịch, Thập Ác giai danh thiện dã*” (Chỉ nghe được danh hiệu Phật, tức là thiện căn trong nhiều kiếp đã chín muồi, dầu Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều gọi là lành cả), chẳng dễ dàng đâu! Câu này ý nói tất cả chúng sanh trong tam đồ lục đạo, đương nhiên là có chúng ta trong ấy, những kẻ được gọi là thiện nam nữ trong đó là những người đàn ông tốt lành, những người đàn bà tốt lành trong loài người, tại gia cũng được, xuất gia cũng được, giàu, nghèo, sang, hèn, nam, nữ, già, trẻ, bất luận quý vị thuộc thân phận nào, bất luận đang sống cuộc đời ra sao, thậm chí tất cả hết thảy chúng sanh trong lục đạo, chỉ cần quý vị hữu duyên nghe được danh hiệu A Di Đà Phật thì thiện căn trong nhiều kiếp của quý vị đã chín muồi. Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác nếu nghe được

⁶⁹ Chữ Niệm (念) gồm hai chữ Kim (今) và Tâm (心) ghép lại.

danh hiệu A Di Đà Phật thì cũng là do thiện căn chín muồi.

Thiện căn chín muồi thì trong một đời này có thể vãng sanh hay không? Không nhất định. Vì sao? Vãng sanh phải đầy đủ ba điều kiện: thiện căn, phước đức, và nhân duyên! Chỉ có mình thiện căn mà không có phước đức thì chẳng thể vãng sanh! Thiện căn đã chín muồi, nhưng trong ấy lại có sâu đậm hay mỏng nhẹ, tức là như ở phần trên đã nói là “ít thiện căn”. Thiện căn của kẻ ấy chín muồi, nhưng ít ỏi, không nhiều, quý vị có thể tin, nhưng tin không sâu. Quý vị cũng có nguyện, nhưng không thiết tha, chưa buông hết thảy danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, nhất là người nhà quyến thuộc, thân tình trong thế gian xuống được! Hễ còn một sự chưa buông xuống được sẽ đều trở thành chướng ngại. Vì sao không buông xuống được? Vì thiện căn chưa đủ sâu, phước đức chẳng đủ đầy! Vì thế, trong kinh đã nói rất khéo: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được vãng sanh cõi kia).

Duyên phải nhiều! Nhân duyên phải nhiều! Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có hai điều, một là “*thỉnh chuyển pháp luân*”, hai là “*thỉnh Phật trụ thế*”. Hai điều nguyện thứ sáu và nguyện thứ bảy là nhiều nhân duyên. Đó là lý do vì sao kinh luận thường dạy, thường nhắc nhở chúng ta phải thân cận thiện tri thức: là vì nhiều nhân duyên! Thân cận thiện tri thức thì thiện căn, phước đức, nhân duyên dẫu ít ỏi cũng không sợ, vì sao? Lúc thân cận thiện tri thức, thiện căn và phước đức của mình được nâng cao. Hằng ngày quý vị được khuyên dạy, hằng ngày cùng đại chúng huân tu, tiến bộ rất nhanh. Nếu như mình có thiện căn, phước đức, nhưng không có nhân duyên thì cũng chẳng dễ thành tựu. Vì sao? Quý vị không thường nghe pháp, không có ai cùng tu với mình, sẽ bị hoàn cảnh ảnh hưởng! Tự nhiên sẽ có bạn bè thân thiết hằng ngày bồi tiếp quý vị vui chơi, phổ biến nhất là chơi mạt-chược, khiêu vũ, thích xem tuồng, hiện thời lại còn thích đá banh, có rất nhiều cái được gọi là “hoạt động”, các cuộc họp mặt để quý vị đến tham gia. Những thứ đó hoàn toàn chẳng ăn nhập gì với thiện căn và phước đức của quý vị cả; duyên thế gian quá nồng, nhất định sẽ chướng ngại đạo, chướng ngại quý vị chẳng thể vãng sanh trong một đời này!

Bởi thế, mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát chính là trong vô lượng hạnh nguyện, chỉ nêu lên mười cương lĩnh đó thôi, “*thỉnh chuyển pháp luân*” quan trọng lắm! Thỉnh chuyển pháp luân là thỉnh thiện tri thức đến giảng kinh, thuyết pháp, khiến cho mọi người giác ngộ. Thỉnh thiện tri thức ở một chỗ lâu dài thì nơi ấy có phước báo. Trong Phật pháp

thường nói, chúng ta chẳng thể không tin: Thiện tri thức chân chánh, người tu hành chân chánh, người có đạo tâm trụ tại nơi nào, nơi ấy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ, ít tai ít nạn.

Người Trung Quốc và người Ấn Độ thời cổ đều hiểu “*thiện nhân là báu vật của đất nước*”. Thiên Thai đại sư nói hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch, Ngài chính là Trí Giả đại sư, cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản đều truyền ngôn Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Nếu lời truyền tụng ấy là đúng, thì lời của Trí Giả đại sư chính là lời của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài dạy chúng ta: “*Năng thuyết bất năng hành, quốc chi sư dã*” (Nói được nhưng không làm được là thầy cả nước), quý vị thấy đó: Ngài rất tôn trọng vị ấy! Quý vị giảng kinh điển rất thấu triệt, không giảng sai, hoàn toàn giảng được ý Phật, nhưng bản thân hoàn toàn chưa làm được, quý vị có thể chỉ dạy người khác, người khác chiếu theo lời quý vị làm sẽ được thành tựu. Đây chính là: “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (màu xanh phát xuất từ màu chàm, nhưng vượt trội màu chàm). Tức là học trò theo học với một vị thầy giỏi, tuy vị thầy tốt ấy không có thành tựu lớn lao gì, học trò có thành tựu vượt trội thầy. Thầy dạy chính xác, nhưng chính bản thân thầy hoàn toàn chưa thể làm được, nhưng học trò làm được. Thầy như vậy là quốc sư đấy! Phải thỉnh vị đó chuyên pháp luân, phải thỉnh Ngài trụ thế.

Nếu “*năng thuyết hựu năng hành, quốc chi bảo dã*” (Nếu vừa có thể nói lại vừa có thể hành thì là quốc bảo), là báu vật của đất nước! Lúc Cưu Ma La Thập đại sư còn tại thế, Ngài là quốc bảo của nước Khuru Từ (Kuche, Quy Tư, Cưu Ty) ở Tây Vực. Phù Kiên là vua nước Tần, có thể lực, nghe nói ở Tây Vực có một vị đại trí huệ như thế, bèn phái Lữ Quang suất lĩnh bảy vạn đại quân sang Khuru Từ. Phù Kiên bảo Lữ Quang: “*Xuất binh lần này chẳng vì lý do nào khác, chỉ là để thỉnh Cưu Ma La Thập đại sư sang nước Tần ta. Mục đích là như vậy. Nếu họ chịu để cho đại sư đi thì lập tức lui binh, nếu họ không bằng lòng, chúng ta sẽ đánh rớt, vì một người mà thôi!*” Nước Khuru Từ nhỏ, chống không nổi bảy vạn quân của nước Tần, cũng hết sức phiền não. Cưu Ma La Thập đại sư khuyên quốc vương: “*Trận này đánh không nổi, có đánh cũng không thể thắng, thương vong bao nhiêu người rồi rớt cuộc vẫn phải để cho tôi đi*”. Vua nước Khuru Từ bèn giao đại sư La Thập ra, nước Tần không đánh nữa, triệt thoái quân đội. Cưu Ma La Thập đại sư đến Trung Quốc là như vậy đó.

Người Trung Quốc biết là của báu, của báu thì người ta không chịu nhả, làm cách nào đây? Bức người ta không nhả ra cũng không

được! Nhưng khi La Thập đại sư đến Trung Quốc, quý vị phải biết Ngài từ chỗ này là khu vực phía Nam rừng Thiên Sơn thuộc Tân Cương đến Trường An phải đi mất mấy tháng. Lúc trở về, Lữ Quang đi đến Lương Châu (nay là tỉnh Cam Túc), từ Trường An đưa tin tới, Phù Kiên đã mất rồi. Phù Kiên đã mất, họ Lữ không trở về Trường An nữa. Lúc ấy, đất nước của Phù Kiên phát sanh chánh biến (biến cố chánh trị): Đại tướng Diêu Trành gây chánh biến, trở thành hoàng đế, cũng đặt quốc hiệu là Tần, tức nhà Diêu Tần. Diêu Trành và Lữ Quang cùng là tướng quân, Lữ Quang không phục. Bởi thế, họ Lữ chiếm cứ vùng Lương Châu, tự xưng là Lương Vương. Cưu Ma La Thập đại sư lại ở Tây Lương mấy năm. Lữ Quang không biết dùng Ngài, cũng giống như Ngài bị giam lỏng ở nơi ấy vậy. Họ Lữ biết Ngài rất tài hoa, rất thông minh, cũng chẳng thả cho Ngài trở về [nước Khuru Tù], mà cũng chẳng giao Ngài qua nước Tần.

Đến khi Diêu Trành chết, Lữ Quang cũng chết, đến đời sau, lúc Diêu Hưng tức vị, mới thỉnh đại sư La Thập đến Trường An, lúc đó Ngài đã già. Vì thế, đại sư La Thập chỉ theo đuổi việc dịch kinh ở Trung Quốc được bảy năm bèn viên tịch, nhưng ảnh hưởng của bảy năm ấy thật phi phạm! Từ chỗ này, quý vị hãy chú tâm lãnh hội: Thiện căn đúng là có, dù có, nhưng nhiều hay ít khác nhau. Phù Kiên và Diêu Trành thiện căn không nhiều, đến đời con kế thừa ngôi vua, Diêu Hưng khá lắm. Ông ta thực sự là người hữu tâm. Lúc ấy, đất nước của họ Diêu rất cường thịnh, Lữ Quang đã chết, cháu là Lữ Long kế vị, sức nước nhà suy nhược, dịch không lại nước Tần. Bởi thế, phải giao đại sư La Thập ra, đưa đến Trường An. Quý vị thấy những người đó trong thuở ấy đều là có thiện căn, nhưng nhiều hay ít khác nhau, phước đức lớn hay nhỏ cũng sai khác.

Trong mấy năm ngài La Thập dịch kinh, họ Diêu ở phương Bắc hưng vượng nhất. Ngài thực sự có trí huệ, không những có tu hành, mà còn là một vị cao tăng đắc đạo, đúng là quốc bảo, chúng ta phải hiểu điều này! Nếu chúng ta có duyên phận gặp gỡ [một vị như thế], nhất định phải biết “*thỉnh Phật trụ thế*”. Dầu Ngài chẳng phải là Phật, chỉ là thiện tri thức, chúng ta cũng phải thỉnh Ngài sống lâu nơi đây, đến dựng đạo tràng, trường kỳ giảng kinh, thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh.

Trong quá khứ, chúng tôi sống ở Đài Loan, cụ Lý Bình Nam hiện thân cư sĩ; người Đài Trung có thiện căn, có phước đức, nên lão nhân gia trụ tại Đài Trung. Ngài giáo hóa rất nhiều năm dường ấy, các địa phương thuộc Nam Bắc Đài Loan đều biết đến Ngài, cũng đều muốn thỉnh Ngài, Ngài không đi, cứ ở Đài Trung. Dùng phương pháp gì để lưu lại được?

Không có gì khác cả! Ngài không cần danh, cũng không màng lợi, bởi thế, cái lưu giữ Ngài không phải là danh lợi, mà là gì? Hiếu học! Người Đài Trung thân cận Ngài, thực sự học tập theo Ngài. Người hiếu học nhiều như thế, Ngài không thể đi được!

Tuyệt đối chẳng vì lợi dưỡng! Nếu vì lợi dưỡng thì khắp Nam Bắc như Đài Bắc, Cao Hùng, Đài Nam, chắc chắn đời sống vật chất khá hơn ở Đài Trung gấp bội, chắc chắn là như vậy! Nhưng trong những đô thị ấy, tâm tình học tập không được như thế. Kinh Phật thường nói: “*Phú quý tu đạo khó*”. Điều kiện sinh hoạt vật chất nơi đô hội cao, mọi người đều tranh danh đoạt lợi, đều hưởng thụ ngũ dục, lục trần. Dù có muốn học Phật thì ý nguyện và đạo tâm học Phật vẫn chẳng bằng người nơi nghèo khổ, lạc hậu. Vì thế, thiện tri thức chẳng nói “quý vị tiếp đãi tôi tốt đẹp như thế nào”! Không phải vậy! Có bao nhiêu người thực sự học, thực sự thực hành, mới thực sự giữ Ngài lại được. Thỉnh Phật trụ thế không phải là ta đãi ngộ tốt đẹp như thế nào, không phải vậy! Thực sự chịu học, Ngài bèn đến; thực sự chịu học, người khác muốn thỉnh cũng không được. Chúng ta phải hiểu đạo lý này! Gặp được một vị chân thiện tri thức, làm sao giữ được Ngài, tuyệt đối không phải là điều kiện vật chất! Các Ngài coi nhẹ những thứ ấy, mà [quan trọng] là có người thực sự học theo Ngài hay không!

Người thực sự học không cần nhiều, từ ba đến năm người, tám người, mười người là quý lắm rồi. Ở chỗ ấy, Ngài có thể truyền thọ đạo nghiệp, người thế gian chúng ta gọi [chuyện này] là “*huong hỏa đại đại tương truyền*” (huong hỏa lưu truyền đời đời), phải như vậy đó! Dẫu chỉ có một người, Ngài cũng không thể vứt bỏ; trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Người ấy đâu phải người học Phật tầm thường, người học Phật tầm thường chẳng thể thành tựu. Người ấy là ai? Là một người có thể thực sự thành tựu, người như vậy không thể bỏ được! Người ấy có thể truyền pháp! Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc gặp Huệ Khả, một người thô, chỉ một người là được rồi! Ngài truyền được pháp, truyền đến đời thứ sáu là Huệ Năng đại sư, duyên chín mươi, xiển dương rộng lớn! Xiển dương rộng lớn, phổ độ chúng sanh không nhất định nằm trong tay mình, bản thân không có duyên phận, không có duyên phận là do phước đức không nhiều. Giáo hóa chúng sanh phải có phước đức. Phước đức, nhân duyên đây nhé!

Bởi thế, chúng ta phải biết đạo lý này, biết vô lượng vô biên phước báo ấy. Do quý vị thỉnh chuyên pháp luân, quý vị phải biết vị pháp sư, đại đức, thiện tri thức ấy giảng một bộ kinh ở đây, chẳng nề hà

thời gian dài hay ngắn, hễ duyên chín muồi, người ta nghe kinh khai ngộ, giác ngộ, minh bạch. Duyên chưa chín muồi, thiện căn chưa chín muồi thì cũng đã gieo thiện căn, bao nhiêu người được lợi ích! Được lợi ích như thế nào? Quý vị thỉnh vị thiện tri thức ấy đến giảng kinh, quý vị đã gieo phước đức rất lớn. Ngoại trừ những người ấy ra, con mắt thịt của chúng ta chẳng thấy quý thân cũng được lợi ích càng nhiều hơn nữa, chúng ta mắt thịt không thể thấy được! Chúng sanh trong chín pháp giới đều được lợi ích. Quý vị thấy như trong phần trên đã nói là “lục thú, tứ sanh”, có bỏ công không chứ?

Nếu nói lưu thiện tri thức ở lại một chỗ nào, thì ở chỗ ấy thực sự phải có mấy người thực sự học theo Ngài, chẳng phải miệng nói xuông đầu! Thực sự là ở nơi đó có mấy người có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, thực sự có thể y giáo phụng hành. Không nghi hoặc, nghe có thể hiểu được, có thể lý giải, thực sự thực hành, nếu quý vị thỉnh vị thiện tri thức ở lâu tại nơi đó sẽ không có vấn đề gì, Ngài nhất định đáp ứng. Chẳng phải chỉ nhằm thành tựu mấy người đó, mục đích không phải chỉ có vậy, mà nhằm thành tựu mục đích khiến cho đại pháp được tồn tại lâu dài trong thế gian. Đại pháp muốn tồn tại lâu dài trong thế gian phải có truyền nhân, ở nơi này quả thật có người truyền pháp, trong tương lai Ngài ra đi, sau này có người thay thế. Quả thật có một người thì Ngài chẳng buông bỏ; nhất định Ngài có duyên với nơi này. Thỏa điều kiện ấy, Ngài rất vui thích ở lại đây. Nếu quả thật nhận thấy có người như vậy, dù nơi ấy thiếu điều kiện, ngoại duyên bất hảo, Ngài vẫn khuyên người như vậy đến học tập với Ngài, ta thường gọi là “*nhiep thọ chúng sanh*”, Ngài chẳng vứt bỏ.

Đương nhiên, nhân tố trọng yếu nhất ở đây chính là thầy trò cũng phải có duyên phận, không có duyên không được! Thầy và trò có duyên, học trò và thầy có duyên thì mới có thành tựu. Nếu thầy là vị thầy tốt, học trò cũng là học trò tốt, nhưng không duyên, miễn cưỡng cũng không được. Chuyện ấy chỉ có thể gặp gỡ, chứ không thể cầu, quả thật chẳng dễ đâu! Học trò mong tìm được một vị thầy giỏi khó lắm! Vị thầy giỏi muốn tìm được một đứa học trò để có thể truyền đạo nghiệp của chính mình càng khó hơn nữa, tìm ở chỗ nào? Trong Phật pháp thường gọi điều này là “duyên phận”. Không có duyên phận, làm vị thiện tri thức sau khi vãng sanh, đạo nghiệp bị thất truyền, không có ai truyền hết! Chuyện như vậy từ xưa đến nay rất nhiều, làm cách nào đây? Trước kia, các vị bèn viết sách. Ta không có học trò để truyền cái pháp của ta thì soạn sách lập thuyết, hy vọng dùng sách vở truyền lại, truyền cho người

đời sau hữu duyên. Sau này kẻ có duyên đọc được trước tác của vị ấy, khai ngộ, thậm chí chứng quả, dùng phương pháp ấy.

Trong Nho Gia, Mạnh Tử được truyền pháp của Khổng Tử cũng theo phương pháp ấy. Trong thời Mạnh Tử, Khổng Tử đã qua đời rồi, Mạnh Tử tìm được trước tác của Khổng Tử, làm “*tư thực đệ tử*”⁷⁰ của Khổng Tử, hoàn toàn y giáo phụng hành. Ngài thực sự học thành công, trở thành truyền nhân của Khổng Tử. Khổng Tử và Mạnh Tử chưa hề gặp nhau. Trong nhà Phật chúng ta, thí dụ rõ ràng nhất là Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư ra đời sớm hơn, khi ngài Ngẫu Ích quy y học Phật, Liên Trì đại sư đã vãng sanh. Ngài Ngẫu Ích đọc trước tác của Liên Trì đại sư. Hiện nay, trước tác của Liên Trì đại sư ở chỗ chúng ta cũng có. Liên Trì Đại Sư Toàn Tập hiện tại gồm bốn cuốn, đóng bìa cứng. Ngài học theo Liên Trì đại sư, thực sự học thành công, trở thành nhất đại tổ sư của Tịnh Độ tông, là tư thực đệ tử của ngài Liên Trì. Cổ nhân dùng phương pháp ấy!

Hiện tại, khoa học phát đạt, thuận tiện hơn trước kia nhiều lắm, hiện tại làm cách nào? Không có truyền nhân thì có thể thâm hình, có thể thâm âm, dùng băng thâm âm, thâm hình để lưu truyền hồng đời hậu nhân. Sau này người có duyên xem đến, học tập từ đây thì cũng có thể thành tựu. Trước kia chỉ nhờ vào sách, tức văn tự. Nay có những máy móc ấy, tiện hơn nhiều lắm. Bởi thế, hiện tại khoa học tiến rất xa, trước kia không có cách gì! Khoa học tiến triển tạo thuận lợi cho con người hiện tại, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn!

Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 25

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiêu đoạn thứ năm:

“A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận. Cố tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh Hạnh, bất tất cảnh

⁷⁰ Tư thực: Ở đây, chữ Thực (淑) thuộc bộ Thủy, khác với chữ Thực (塾) bộ Thổ (chữ Tư Thực với bộ Thổ có nghĩa là trường tư), từ điển Từ Hải giảng: “*Vị thân thọ nghiệp nhi tư tâm cảnh ngưỡng hiệu pháp đích ý tứ*” (có nghĩa là: Chưa đích thân theo học với thầy, tự ý kính ngưỡng, học theo). Gọi là “*tư thực đệ tử*” vì Mạnh Tử ra đời, Khổng Tử đã mất, không thể đích thân học với Khổng Tử, nhưng thầy Mạnh hâm mộ giáo pháp của Khổng Tử nên học theo và xiển dương rạch ròi giáo thuyết của Khổng Tử, nên Nho Gia tôn xưng Mạnh Tử là Á Thánh.

thiếp quán tướng, tham cứu đặng hạnh, chí giản dị, chí trực tiếp dã” (A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, dùng danh để chiêu vời đức không còn sót chút nào. Vì thế, bèn lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải tu kèm thêm các hạnh quán tướng, tham cứu..v.v.. [Trì danh niệm Phật] hết sức đơn giản, dễ dàng, hết sức thẳng chông). Tiêu đoạn này chỉ cho chúng ta thấy chỗ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của pháp môn này, đúng là pháp khó tin, quá dễ dàng, quá đơn giản; bởi thế, rất nhiều người được biết đến pháp này nhưng không thể nào tiếp nhận được.

Danh hiệu A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, nghĩa là sao? Danh hiệu ấy là danh hiệu của tự tánh, là danh hiệu của Tánh Đức. A Di Đà Phật là tiếng Phạn, nếu chiếu theo mặt chữ để dịch nghĩa ra thì A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật dịch là Giác, hoặc là Trí; dịch nghĩa toàn bộ danh hiệu sang tiếng Hán là Vô Lượng Trí hoặc Vô Lượng Giác. Quý vị hãy suy nghĩ danh hiệu này, Vô Lượng Trí là bản thể của tự tánh; Vô Lượng Giác là đức dụng của tự tánh, bao quát hết sạch! Bởi thế, cổ đức gọi danh hiệu này là “vạn đức hồng danh”, tức danh hiệu [nêu lên] toàn thể đại dụng của Chân Như tự tánh.

“Dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận” (Dùng danh hiệu để chiêu vời đức trọn chẳng còn sót): Danh nhất định phải tương ứng với Thực. Chúng ta niệm danh hiệu này để chiêu vời đức của ai? Chiêu vời đức của tự tánh, chiêu vời lấy tánh đức của chính mình. Nói cách khác, dùng một câu danh hiệu để kêu gọi, lay tỉnh tự tánh, tìm lại Tánh Đức của chúng ta. Thể và Dụng trong tự tánh của chúng ta không hề bị mất, chỉ bị gì? Bị mê mà thôi! Dùng một câu Phật hiệu này để phá vỡ cái ải mê muội, hồng chuộc lại Thể và Dụng của tự tánh. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, ắt mới chết sạch ý tưởng so đo, khiêm hư sát đất chấp trì danh hiệu, mới hiểu danh hiệu này và pháp môn này; mà cũng chẳng thể tìm đâu ra pháp môn nào khác thù thắng hơn được pháp môn này; đã thế, pháp môn này lại rất dễ dàng, rất đơn giản!

Tất cả hết thảy mọi thứ trong khắp hư không pháp giới đều bao gồm trọn vẹn trong danh hiệu này, *“khánh vô bất tận”* (trọn không còn sót). Trong Phật pháp có hai câu nói nếu như chúng ta thực sự có thể lãnh hội được thì quý vị sẽ hiểu rõ [vì sao nói *“khánh vô bất tận”*]: *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*; hai câu này chúng ta nghe đã quen tai, cũng như nói quen miệng, nhưng chúng có nghĩa là gì vậy? Người thực sự hiểu được không nhiều, đó là toàn thể pháp giới đầy. Con người hiện tại bảo là vũ trụ; còn trong Phật pháp gọi là pháp giới. Chữ *“pháp giới”*

hay hơn chữ “vũ trụ” nhiều, vì sao? Trong danh từ “vũ trụ” không có “linh tri”, trong pháp giới có “linh tri”. Pháp giới sống động, vũ trụ chết cứng. Vì thế, từ ngữ “pháp giới” hay hơn “vũ trụ”. Phạm vi của vũ trụ không lớn như pháp giới, bởi lẽ, pháp giới trùng trùng vô tận. Pháp giới không có lớn - nhỏ, không có đến - đi, không có sau - trước, không có sanh - diệt, không có hữu - vô, màu nhiệm đến mức cùng tuyệt, chẳng thể nghĩ bàn! Chữ “vũ trụ” không chứa đựng những tư tưởng ấy.

Danh tướng trong Phật học rất thù thắng! Danh dùng để chiêu vờl đức. Danh hiệu A Di Đà Phật là tổng danh hiệu (danh hiệu chung, danh hiệu tổng quát). Nói theo danh từ, thuật ngữ trong Phật pháp, danh hiệu ấy là tổng danh hiệu, [có nghĩa là] danh hiệu của tất cả hết thảy chư Phật đều lưu xuất từ danh hiệu này, danh hiệu của tất cả hết thảy Bồ Tát cũng lưu xuất từ danh hiệu này; tất cả hết thảy danh hiệu của hết thảy chúng sanh vẫn không thể tách rời được danh hiệu này. Đó chính là điều được phổ diễn bởi kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã đọc thấy như vậy trong phẩm Như Lai Danh Hiệu. Bởi vậy, “*tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh Hạnh*” (liền lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh). Tu pháp môn Tịnh Độ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu như thế nào? Chánh Hạnh, tức phương pháp tu hành chánh thức, chính là Niệm Phật. Phật pháp phải phá chấp trước, nhưng pháp môn này lại dùng chấp trước, tức là chấp trước danh hiệu; ngoại trừ danh hiệu ra, tất cả hết thảy những thứ chấp trước khác đều buông xuống, không còn chấp trước nữa, chỉ chấp trước danh hiệu mà thôi! Giữ gìn sao cho niệm niệm không đánh mất danh hiệu này là Trì (持); niệm niệm đều là A Di Đà Phật, đó chính là Trì. Hãy nhớ kỹ! A Di Đà Phật là “Vô Lượng Trí, Vô Lượng Giác”; nói cách khác, niệm niệm giác chứ không mê, niệm niệm chánh chứ không tà, niệm niệm tịnh chứ không nhiễm, đó là tự tánh A Di Đà! tự tánh Tam Bảo, Tam Bảo là nhất thể, một nhưng ba, ba mà một!

Ngoài ra, quán tưởng, tham cứu, trì chú, nghiên cứu giáo pháp thảy đều không cần đến, chẳng cần phải xen tạp những thứ ấy, cứ niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng cực! “*Chí giản dị*” (hết sức đơn giản, dễ dàng); chí (至) là đạt đến mức cùng cực, đơn giản đến cực độ, dễ dàng đến hết mức. Đơn giản, dễ dàng; lại còn thẳng chổng, không vòng vèo, thẳng chổng hướng về đâu? Thẳng chổng đạt đến minh tâm kiến tánh, thẳng chổng đạt đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thẳng chổng đạt đến Phật quả viên mãn rốt ráo. Bởi thế, có người hỏi (không phải người hiện tại hỏi, mà là cổ nhân hỏi): “Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ tu pháp môn nào?” Thuyết giáo thích ứng căn cơ, [bèn đáp]:

“Tùy thuộc quý vị muốn tu pháp môn nào, có thể thành tựu được pháp môn nào. Hoan hỷ!” Rất hay! Thừa thật cùng quý vị: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị sẽ đổi chủ ý. Đổi chủ ý ư? Chỉ một câu A Di Đà Phật này niệm đến cùng cực, không còn hành pháp môn nào khác nữa. Vì sao? Tất cả hết thảy pháp môn đều bao trọn trong một câu A Di Đà Phật, tức là “*vạn pháp quy nhất*”, “*nhất*” là tự tánh. A Di Đà Phật là tánh thể, tánh đức, tánh tướng, tánh dụng.

Vì vậy, chỉ cần quý vị khế nhập cảnh giới – trong kinh luận, tổ sư đại đức đã nói rất rõ – nếu quý vị niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ tự nhiên thông đạt tất cả hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị còn phải học nữa ư? Bất luận pháp môn nào, có ai đến thỉnh giáo, quý vị sẽ đối đáp như nước chảy, chẳng cần phải suy nghĩ. Lạ lùng thay! Chẳng thể nghĩ bàn được! Trên thực tế, không lạ lùng chút nào hết! Do nguyên nhân nào? Pháp thế gian hay xuất thế gian đều do tự tánh biến hiện ra, đã do tự tánh biến hiện thì chỉ cần thấy được tánh, há có đạo lý nào chẳng biết? Quý vị chẳng hiểu rõ, chẳng hay biết duyên do cũng như nguyên nhân căn bản của hết thảy các pháp là vì sao? Vì quý vị mê mất tự tánh vậy!

Lúc niệm một câu A Di Đà Phật này đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, thấy thấu suốt tự tánh, thấy trọn vẹn tự tánh, há lẽ chẳng thể giải quyết vấn đề ư? Há còn tìm lầy những phiền phức khác nữa ư? Những thứ phiền toái khác xen tạp vào đây là vì trong thế gian có những kẻ không biết, cứ đề xướng Thiền Tịnh song tu, Mật Tịnh song tu, lại còn có kiểu gì nữa? Thiền Tịnh Mật tam tu. Mọi người thế gian chúng ta thoát nghe thấy vậy, ngỡ là thật siêu phàm, cao minh hết sức! Thật ra, người nội hạnh⁷¹ biết kẻ ấy chỉ ôm đồm, đâu có thể thành tựu đi nữa, cũng chẳng thể thành tựu sâu xa được! Vì sao? Tinh thần, sức lực bị phân tán, chia thành hai mặt, ba mặt, chẳng chuyên chú! Muốn thành tựu nhanh chóng thì phải chuyên chú nơi một môn, một mục tiêu, một phương hướng, nhanh chóng lắm! Không gì nhanh hơn thế! Cùng đi hai con đường một lúc, cùng đi ba con đường một lúc, khó lắm nghe! Chẳng dễ đâu, chậm chạp lắm! Bởi thế, pháp môn này thẳng chóng đạt thành đạo Vô Thượng, chúng ta phải hiểu cho rõ. Chỉ có thực sự hiểu rõ thì lòng tin mới kiên cố, nguyện mới không nghi, quyết định chẳng biến đổi, pháp môn chẳng thể nghĩ bàn! Tiếp theo là tiểu đoạn thứ sáu:

⁷¹ “Nội hạnh nhân” là người thực sự tu tập, thông hiểu pháp môn, thật tu, thật chứng, khác với “ngoại hạnh nhân” là người chỉ biết lý thuyết chung chung, nói xuông.

“*Biệt minh Tam Huệ*” (Riêng nói về Tam Huệ): Tam Huệ là pháp được tu bởi Đại Thừa Bồ Tát. Văn, Tư, Tu là Tam Huệ. Ở đây, lại chia thành ba tiểu đoạn:

1) Tiểu đoạn thứ nhất, “*cụ túc Tam Tư phương danh Văn Huệ*” (đầy đủ ba món tư lương mới gọi là Văn Huệ), rất khó được! Nguyên văn trong sách Yêu Giải là “*văn nhi tín, tín nhi nguyện*” (nghe rồi tin, tin rồi nguyện). Nguyện rồi lại có thể chấp trì, “*nãi khẳng chấp trì, bất tín, bất nguyện, dữ bất văn đẳng! Tuy vi viễn nhân, bất danh Văn Huệ*” (dẫu chịu chấp trì, nhưng chẳng tin, chẳng nguyện, cũng giống như là chẳng được nghe, tuy tạo thành cái nhân xa xôi, nhưng chẳng thể gọi là Văn Huệ). Đó là nguyên văn trong sách Yêu Giải. Nếu không đầy đủ ba điều kiện này thì chỉ gọi là Văn (nghe), chứ không thể gọi là Văn Huệ. Đối với ba Huệ này, chỉ có thể gọi là Văn, Tư, Tu, chứ không có chữ Huệ. Phạm phu có Văn, Tư, Tu nhưng không có Huệ. Chẳng những phạm phu không có, xin thưa cùng quý vị, ngay cả Nhị Thừa cũng không có. Nhị Thừa tu Tam Học, Tam Học là Giới, Định, Huệ; Bồ Tát tu Tam Huệ Văn - Tư - Tu, Bồ Tát cao hơn Nhị Thừa.

Tam Huệ là Huệ nào? Chính là Huệ trong Giới - Định - Huệ; bởi lẽ, không có Giới, không có Định, lấy đâu ra Huệ? Nhất định phải hiểu rõ những thuật ngữ danh tướng này, nhất định chớ nên hiểu lầm. Đối với Giới - Định - Huệ, trí huệ mở mang, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ, trí huệ mở mang! Trí huệ áp dụng vào cuộc sống thường nhật, áp dụng vào công việc, thể hiện trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật, hoàn toàn là trí huệ. Sống trong trí huệ thì gọi là Tam Huệ, Tam Huệ Văn - Tư - Tu. Văn là gì? Văn là tiếp xúc: Mắt tiếp xúc sắc tướng, tai tiếp xúc âm thanh, mũi tiếp xúc mùi vị, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài. Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ; thông đạt, hiểu rõ thì gọi là “*khai huệ*”. Bởi thế, chữ Văn (nghe) đại diện cho sự tiếp xúc; dùng một chữ để đại diện chung, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài gọi là Văn. Huệ là hiểu rõ, thông đạt, hiểu tường tận. Trong sự hiểu rõ ấy, chắc chắn không lầm lẫn. Vì thế, từ sự tiếp xúc mà gọi là Văn, từ sự hiểu rõ bèn gọi là Tư.

Nói chung, bọn phạm phu chúng ta thường hay nghĩ: “Ta hiểu rõ rồi!” Các Ngài (các vị Bồ Tát) không cần nghĩ, vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, hễ hiểu rõ bèn chắc chắn không lầm lẫn; không lầm lẫn thì gọi là Tư. Bởi vậy, Văn - Tư - Tu chỉ là một chuyện, tuyệt đối không gồm ba giai đoạn; chẳng phải là nghe xong mới bèn suy nghĩ, suy nghĩ xong xuôi mới bắt đầu tu, đó là gì vậy? Là phạm phu đấy, còn Bồ Tát thì sao? Tam Huệ Văn - Tư - Tu một nhưng ba, ba nhưng một, hoàn thành trong một sát-

na, không có thứ tự trước - sau gì cả! Có như vậy mới là Bồ Tát. Nghe xong, thấy xong còn phải suy nghĩ thì chưa phải là Bồ Tát, họa chẳng là Nhị Thừa; tuyệt đối chẳng rơi vào ý thức, cũng nhất định không phân biệt, không vọng tưởng, chấp trước, mà thông đạt, hiểu rõ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Đại Thừa, không phải là Tiểu Thừa. Vì thế, Tam Huệ nói ở đây là vừa nghe đến danh hiệu A Di Đà Phật, vừa tiếp xúc bèn tin sâu chẳng nghi, bèn phát nguyện cầu vãng sanh, bèn chắt phác niệm Phật. Đó là Văn Huệ. Người như vậy thực sự thông minh, không hoài nghi, không xen tạp, thực sự thực hành, thực sự thành tựu! Chúng ta xem tiếp điều kiện thứ hai.

2) “*Tịnh niệm tương kế, vô hữu gián đoạn, cố danh Tư Huệ*” (Tịnh niệm tiếp nối, không gián đoạn, nên gọi là Tư Huệ). Ở đây, Ngẫu Ích đại sư giảng rộng hơn một chút, “*chấp trì tắc niệm niệm ức Phật danh hiệu, cố thị Tư Huệ*” (chấp trì là niệm niệm nhớ đến danh hiệu Phật, ấy là Tư Huệ). Niệm Phật: Niệm ở đây không phải là miệng niệm; vì thế, chẳng thể thêm chữ Khẩu vào chữ Niệm trong từ ngữ “niệm Phật”. Có rất nhiều người thêm chữ Khẩu vào là sai mất rồi, hoàn toàn chẳng hiểu được ý nghĩa chữ Niệm Phật. Niệm Phật là trong tâm thực sự có Phật. Chữ Niệm trong tiếng Hán là hội ý⁷², xem cách viết chữ Niệm (念), quý vị sẽ hiểu được ý nghĩa: “*Kim tâm*” (今心), Kim (今) là hiện tại, trong cái tâm hiện tại có Phật thì gọi là Niệm Phật, chứ không nhất định phải niệm tại miệng, trong tâm thực sự có. Trong tâm không có Phật, có Phật ngoài miệng thì chẳng linh nghiệm, chẳng cảm ứng. Trong tâm thực sự có Phật, dầu miệng không có, liền có cảm ứng.

Vì sao vẫn cần phải niệm Phật ra tiếng? Trong tâm có Phật là tự lợi, niệm Phật ra tiếng là lợi tha. Đem Phật hiệu niệm ra không nhằm niệm cho chính mình, mà là niệm cho người khác nghe, niệm cho hết thấy chúng sanh nghe. Ta dẫn dắt hết thấy chúng sanh niệm Phật. Vì thế, niệm Phật ra tiếng công đức rất lớn, tự lợi, lợi tha. Nếu không niệm Phật ra tiếng thì chỉ có thể tạo lợi ích cho những người có công phu Thiền Định Bát Nhã khá sâu, vì sao? Những người ấy trông thấy tướng trạng [người niệm Phật] bèn được lợi ích. Đối với người có định lực và trí huệ Bát Nhã rất sâu thì nếu trong tâm quý vị có Phật, tướng trạng của quý vị sẽ khác hẳn. Tức là như thường nói “*một niệm tương ứng Phật, niệm*

⁷² Hội ý: Một trong sáu cách tạo chữ của tiếng Hán, ghép hai hay nhiều chữ lại để tạo thành một chữ mới. Chẳng hạn chữ Niệm ở đây gồm hai chữ Kim và Tâm ghép lại. Hoặc như chữ Minh (明: sáng) được ghép bởi hai chữ Nhật (日) và Nguyệt (月).

niệm tương ứng Phật". Trong tâm quý vị tướng Phật, Phật hiện hữu trong tâm. Phật ở trong tâm bên gia trì quý vị, tự nhiên gia trì, thân quý vị phóng quang minh sắc vàng ròng, tướng mạo đoan nghiêm, từ bi, an tường, người khác (tức người có trí huệ và định lực sâu) nhìn vào có thể thấy thân quý vị phóng quang, quang minh sắc vàng ròng, nhưng phàm phu chẳng được lợi ích, vì phàm phu không thấy được, họ đâu có năng lực ấy!

Thế nhưng niệm Phật [ra tiếng] lại thích hợp, vì nhĩ căn của phàm phu lạnh lợi nhất, [trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát nói]: "*Sa Bà chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*" (chân giáo thể cõi Sa Bà thanh tịnh nơi nghe tiếng). Bởi vậy, nếu quý vị niệm ra tiếng, rất nhiều chúng sanh vốn không có cách gì trừ được nghiệp chướng rất sâu, họ không tin tưởng, không tiếp nhận; dù họ không tin tưởng, không tiếp nhận, nhưng vẫn nghe thấy, nghe thấy thì sao? Gieo chủng tử vào A Lại Da Thức. Bởi thế, niệm Phật ra tiếng độ khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn. Đây chính là chỗ hay của việc Niệm Phật. Tâm chân thành, nguyện vọng khẩn thiết cầu sanh Tịnh Độ. Đó là Tư Huệ.

Đại sư giảng cho chúng ta biết có Sự Trì và Lý Trì. "*Trì*" là trì danh.

1) Thế nào là Sự Trì? Sự là trên mặt sự tướng. "*Quyết chí cầu sanh*", ta có chí nguyện quyết định cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp đó là một câu tỷ dụ: "*Như tử ức mẫu*" (như con nhớ mẹ), giống như con tuy ở phương xa vẫn thường nhớ đến mẹ. Con không nói nhớ mẹ, nhưng trong tâm thực sự nghĩ đến. "*Vô thời tạm quên*" (không lúc nào tạm quên), đúng là trong hết thấy thời, tại hết thấy chỗ, trong tâm người ấy luôn chẳng rời mẹ, đó là Sự Trì. Thế nhưng con người hiện tại không được như vậy, đã sớm quên mẹ rồi. Thời cổ dùng tỷ dụ này thì đúng, đối với người hiện tại thì không đúng. Thời cổ được dạy từ nhỏ, cha mẹ dạy dỗ, thầy dạy dỗ, trưởng bối dạy dỗ, quan niệm hiếu thuận in sâu trong tâm. Đúng là niệm niệm không quên, tâm hiếu thuận! Nay từ nhỏ cha mẹ đã không dạy, ở trường học thầy cũng không dạy, trưởng bối cũng không dạy, chẳng hiểu thế nào là hiếu đạo!

Nhất là trong xã hội hiện thời là xã hội theo chủ nghĩa công lợi⁷³, chúng ta hãy lắng lòng quán sát xã hội theo chủ nghĩa công lợi, con người hiện tại trong xã hội cũng có một thứ "*không lúc nào tạm quên*",

⁷³ Công lợi chủ nghĩa (Utilitarianism) là một học thuyết còn gọi là Maximum Happiness do John Stuart Mill và Jeremy Bentham đề xướng, nội dung chủ yếu coi

lúc nào cũng nghĩ đến, cũng đều mong cầu, thứ gì vậy? Tiền! Nay chẳng thể nói là “như con nhớ mẹ”, phải nói là “như nhớ tiền bạc”! Niệm niệm chẳng quên vậy! Trong hết thấy thời, tại hết thấy chỗ luôn nghĩ đến, mẹ đã sớm bị quên mất rồi, có một thứ duy nhất luôn mong cầu. Chúng ta không học Phật sẽ không biết, sẽ giống hết người thế gian, cổ nhân bảo là “*nhân vị tài tử, diểu vị thực vong*” (người chết vì của, chim chết vì ăn). Ý niệm tham tiền tài trong xã hội hiện thời mạnh mẽ nhất, không gì mạnh hơn được, chỉ cần có tiền thì cha mẹ đều sớm vứt sạch hết; không như trước kia. Trước kia, cha mẹ đúng là quan trọng nhất, lại còn thù thắng hơn danh văn, lợi dưỡng nhiều; vì cha mẹ chuyện gì cũng vứt bỏ hết. Hiện tại, quan niệm biến đổi, ngày tháng đã khác rồi, không còn như vậy nữa.

2) Loại thứ hai là Lý Trí. Trên mặt lý luận, “*tâm tác, tâm thị, tâm - cảnh nhất như, Năng Sở bất nhị, tức thị Lý Trí*” (tâm làm, tâm là, tâm - cảnh hết như một, Năng - Sở bất nhị, chính là Lý Trí). Cảnh giới này hết sức cao. “*Tâm tác*”, tâm này là Phật, tâm này làm Phật, tức là thực sự hiểu rõ chân tướng của vũ trụ vạn hữu. Phạm vi của hai chữ “*tâm tác*” rất rộng lớn, chữ “*tâm tác*” bao gồm điều được diễn tả trong kinh Hoa Nghiêm: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Kinh Hoa Nghiêm nói tám chữ, Tịnh Độ tông dùng hai chữ “*tâm tác*”. Tâm làm ra những điều gì? Hư không do tâm làm thành, “*tác*” là có thể biến, có thể hiện; hư không do tâm làm ra. Tâm là năng tác (cái có công năng làm ra, tức biến hiện ra), hư không là sở tác (cái được làm thành, hiện thành). Sát-độ (ksetra): Sát-độ là thế giới, đại thế giới, người hiện tại gọi là “*tinh hệ*” (galaxy). Tinh hệ giống như thế nào? Về mặt thường thức, tinh hệ lớn nhất được gọi là Ngân Hà Hệ. Ngân Hà Hệ là tinh hệ lớn nhất; nhưng theo kinh Phật giảng, Ngân Hà Hệ là nhỏ nhất.

Ngân Hà Hệ chỉ là một đơn vị thế giới, một ngàn Ngân Hà Hệ hợp thành một đại thế giới, gọi là Tiểu Thiên Thế Giới. Lại lấy một Tiểu Thiên Thế Giới làm đơn vị, hợp một ngàn Tiểu Thiên Thế Giới - quý vị hãy nhớ kỹ, một Tiểu Thiên Thế Giới là một ngàn Ngân Hà Hệ, một ngàn nhân một ngàn - trở thành một Trung Thiên Thế Giới. Rồi lại lấy Trung Thiên Thế Giới làm đơn vị, một ngàn Trung Thiên Thế Giới gọi là một Đại Thiên Thế Giới. Kinh Phật thường gọi Đại Thiên Thế Giới là “*thế giới*”, thuật ngữ Phật học gọi là một “*Phật sát*” (một cõi Phật). Do

muu cầu hạnh phúc là mục đích rốt ráo, không cần biết đến phải sử dụng phương tiện nào.

trong một cõi Phật có ba loại Thiên, tức Tiểu Thiên, Trung Thiên, Đại Thiên, nên gọi là Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. Kinh Phật giảng thế giới như vậy đó, chẳng thể nghĩ bàn!

Thế giới như vậy có phải là lớn nhất hay không? Không! Kinh Hoa Nghiêm nói lớn nhất là Thế Giới Chủng, trong một Thế Giới Chủng có vô lượng vô biên đại thế giới. Chúng ta đọc phẩm Thế Giới Thành Tựu và phẩm Hoa Tạng Thế Giới [của kinh Hoa Nghiêm] sẽ thấy. Phẩm Hoa Tạng Thế Giới có nói đến một Thế Giới Chủng, thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc cùng nằm trong tầng thứ mười ba của Thế Giới Chủng ấy. Trong tầng đó có vô lượng vô biên tam thiên đại thiên thế giới, Sa Bà và Cực Lạc cùng nằm trong một tầng, chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Phật nói trong hư không pháp giới có vô lượng vô biên Thế Giới Chủng như thế, tuyệt đối chẳng thể tính toán được nổi. Đại Thế Giới là như vậy đó.

Trong thế giới có rất nhiều chúng sanh, từ đâu mà có? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, “*tâm tác*” đây! Tâm là năng tạo (chủ thể tạo dựng), Tác là tạo tác, tâm có thể tạo tác. Cái thân tôi, thân quý vị, thân người khác cũng đều do tâm tạo; thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, thân của Tỳ Lô Giá Na Phật, thân của A Di Đà Phật cũng là do tâm tạo. Hết thấy vạn pháp chẳng thể lìa khỏi tâm, tâm là năng biến (chủ thể có công năng biến hóa); vì thế, tâm là bản thể của vạn pháp. Kinh Lăng Nghiêm giảng “*thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*” (thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thế). Cái Thế ấy là hiện tượng, hiện tượng do đâu có? Do tâm biến ra, do tâm hiện ra. “*Tâm tác*” là như vậy.

Nay chúng ta giác ngộ, hiểu rõ sự tình này, “*tâm thị*” (tâm là), cái tâm của chúng ta đây chính là tâm Phật, là Phật. Cái tâm “*tâm tác*” là chân tâm, là bản tánh, nay chúng ta niệm Phật thì cái tâm niệm Phật này tương ứng với tự tánh, chân tâm, bản tánh, nên tâm này làm Phật. Ta phát tâm nhất định làm Phật, nên tương ứng với Phật. Quý vị thấy đó: Tâm ta vốn sẵn là Phật, hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, nay ta lại phát tâm muốn làm Phật thì nguyện vọng ấy chẳng uổng mất, trong một đời này, chắc chắn quý vị làm Phật, tin tâm vẹn mười, không có chút gì hoài nghi. Bởi vậy, chúng tôi thường nhắc nhở các vị đồng học: Tâm là Phật tâm, nguyện là Phật nguyện, giải là Phật giải, hạnh là Phật hạnh; tâm - nguyện - giải - hạnh phải cùng giống như Phật.

Tâm Phật là gì? Chúng ta chẳng thể nói từ mặt Tánh, nếu nói từ Tánh thì “*ngôn ngữ dứt bất, tâm hạnh xư diệt*”, không thể diễn tả được, không thể nói ra được. Chúng tôi phải nói theo mặt Sự, chẳng nói từ mặt Lý, nói theo mặt Lý không được. Về Sự thì tâm chân thành, thường giữ

lòng chân thành, tâm thanh tịnh, chẳng bị nhiễm ô bởi bất cứ điều gì, tâm bình đẳng không cao - thấp, tâm chánh giác không mê hoặc, tâm từ bi không tự tư. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm đều hoàn toàn tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thì tâm như thế là tâm Phật. Dùng cái tâm ấy để niệm A Di Đà Phật thì chính là tâm tâm tương ứng, vì sao? Tâm của A Di Đà Phật chính là tâm ấy, tâm ấy chính là tâm đại Bồ Đề. Chân thành là Thể, cái Thể của chân tâm, tâm chúng ta chân, tâm chúng ta thành, không có chút gì hư ngụy, không có chút gì hư giả, chính là tương ứng với cái Thể của chân tâm. Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác là Tánh Đức của chân tâm; đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn là tác dụng của chân tâm. Đối với tự tánh, đối với Thể - Tướng - Dụng của chân tâm, ta đều tương ứng, dùng cái tâm ấy để niệm A Di Đà Phật, dùng cái tâm ấy để cầu sanh về Tịnh Độ, dùng cái tâm ấy để thân cận A Di Đà Phật thì tâm cảnh nhất như (tâm và cảnh giống hệt nhau).

Ông Âu Dương Cán Vô bảo “*Phật giáo không phải là triết học*” là vì ý nghĩa trên đây. Trong triết học, tâm và cảnh đối lập; bởi thế, Phật pháp không phải là triết học. Trong Phật pháp, tâm và cảnh không đối lập mà viên dung, thống nhất. Bởi thế, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói như thế này: “*Bất nhất, bất dị*” (không một, không khác). Quý vị chẳng thể nói là một, vì sao? Nếu nói là một thì tâm là tâm, cảnh là cảnh, chẳng thể nói là một được! Quý vị cũng chẳng thể nói “không phải là một”; không phải là một vì tâm và cảnh do cùng một tánh biến hiện. Cách nói này không dễ hiểu cho lắm, chúng tôi dùng những vật dụng làm bằng vàng để tỷ dụ cho quý vị dễ hiểu hơn. Ví như quý vị có một cái nhẫn vàng, vàng ròng làm thành nhẫn, quý vị lại có một cái xuyên vàng; đem hai món đó bày ra nơi đây, quý vị nói xem: Chúng là một hay là hai? Nếu nói là một thì nhẫn không phải là xuyên, xuyên chẳng phải là nhẫn; nếu nói là hai thì chúng đều là vàng ròng, cái nhẫn là vàng ròng, cái xuyên cũng là vàng ròng, không khác gì nhau! Bởi thế, chẳng thể nói chúng là hai, nhưng cũng chẳng thể nói chúng là một, không phải một, cũng không phải hai, tâm - cảnh nhất như đây!

Chữ “*như*” là luận về Tánh, nay chúng ta nói tới “*tâm*”, hoặc nói tới Bồ Đề tâm thì chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi là do tự tánh biến hiện. Hết thấy cảnh giới cũng đều do tự tánh biến hiện. Trong cảnh giới, nhỏ là thân thể chúng ta, hoặc cái gài sát thân thể ta nhất chính là áo lót mình, lớn là trọn khắp hư không pháp giới. Đó là Cảnh. Cái tâm của chúng ta trong hiện thời là tâm Duyên Lự, nó có thể tư duy, có thể tưởng tượng. Chúng ta dùng cái tâm Duyên Lự ấy, cái tâm

ấy do Chân Tâm biến hiện, do Thức Tâm biến hiện. Toàn thể vũ trụ, toàn bộ pháp giới được gọi là Cảnh, cũng là do tâm này hiện, cũng do cái tâm này biến, không hai, không khác. Vì vậy, Năng - Sở bất nhị, câu này ý nghĩa rất sâu. Cái có công năng biến hiện (năng biến) là tự tánh; cái được biến (sở biến) chính là vạn pháp. Vạn pháp là Tướng, tự tánh là Thể, Thể không lìa Tướng, Tướng chẳng lìa Thể. Nếu Tướng lìa Thể thì Tướng chẳng thể tồn tại. Vì thế, hết thấy hiện tượng tất nhiên trọn đủ viên mãn đức năng trong thể tánh, nay chúng ta nói nó nhất định đầy đủ các bản năng (năng lực, khả năng sẵn có) của bản thể.

Bản năng của bản thể là gì? Trong Phật pháp gọi nó là “*linh tri*”; trong kinh Đại Thừa còn gọi nó là “*kiến văn giác tri*”. Kiến văn giác tri là bản năng của tự tánh, bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, phi hữu, phi vô. Hết thấy vạn sự vạn vật được nó biến hiện to như thế giới, nhỏ như vi trần, đều do tâm mà thành Thể. Chúng (tức những sự vật được biến hiện bởi tâm) chẳng hề mất đi đặc tánh của tâm, đặc tánh của tâm là linh tri; vì thế, hết thấy vật đều sống động, không chết cứng. Tánh là sống động, nó biến ra mọi vật, làm sao mà chết được? Bởi thế, hết thấy vạn sự vạn vật có bản năng thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được. Bọn phàm phu chúng ta tâm ý hời hợt, cứ tưởng thực vật và khoáng vật là vô tri vô giác, làm rồi! Chúng đều hay biết, trong Phật pháp gọi [sự hay biết ấy] là linh tri, không gọi là tri giác mà gọi là linh tri!

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng, họ là Giang Bồn (Emoto), không giống họ người Hoa chỉ có một chữ, họ là Giang Bồn, tên là Thắng (Masaru), qua thí nghiệm chứng minh nước (nước là vật chất) có đầy đủ những đặc tánh của tự tánh, cây cỏ cũng có đầy đủ những đặc tánh ấy, vi trần cũng có đủ. Vì thế, ông ta có thể thí nghiệm với bùn, cát, đá, thí nghiệm trên hết thấy vạn vật bèn phát hiện chúng đều có thể nghe, đều có thể thấy, đều có thể hiểu được ý tưởng của con người. Kinh Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Chuyện hy hữu là ông ta dùng phương pháp thí nghiệm khoa học để chứng minh, nhưng mới chỉ chứng minh được một việc, sau này, ông ta sẽ dần dần thí nghiệm tất cả hết thấy vạn vật thấy đều có trọn đủ bản năng “thấy, nghe, hay, biết” của tự tánh.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiêu đoạn thứ hai, Tư Huệ “*tịnh niệm tương kế, vô hữu gián đoạn, cố danh Tư Huệ*” (tịnh niệm tiếp nối, không gián đoạn, nên gọi là Tư Huệ). Chúng tôi giảng đến phần Lý Trì. Chúng ta hãy đọc nguyên văn đoạn này trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư một lượt: “*Lý Trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật thị ngã tâm cụ, thị ngã tâm tạo, tức dĩ tự tâm sở cụ sở tạo hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong dã*” (Lý Trì là tín A Di Đà Phật ở Tây Phương có sẵn trong tâm ta, là do tâm ta tạo, bèn lấy cái hồng danh tâm mình sẵn có, do tâm mình tạo ra ấy để làm cảnh ràng buộc cái tâm sao cho chẳng tạm quên mất). Nguyên văn sách Yếu Giải viết như vậy, lúc chúng tôi giới thiệu có phần đơn giản hơn, dùng ba câu gồm mười hai chữ để nói “*tâm tác, tâm thị, tâm cảnh nhất như, Năng - Sở bất nhị*”. Đó là Lý Trì. Xin hãy xem tiếp tiêu đoạn cuối cùng.

“*Khắc kỳ biện sự, lợi căn nhất nhất tức bất loạn, trung hạ bất định, đản năng nhất tâm, giai đắc vãng sanh, danh Tu Huệ*” (Định kỳ hạn để tu tập thì hàng lợi căn trong một ngày liền bất loạn, trung hạ căn thì không nhất định, nhưng nếu có thể nhất tâm thì đều được vãng sanh, gọi là Tu Huệ). Trong phần này, câu quan trọng nhất là “*đản năng nhất tâm, giai đắc vãng sanh*” (nhưng nếu có thể nhất tâm thì đều được vãng sanh). Do vậy, trong bản dịch kinh này của La Thập đại sư có câu “*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”. Hai câu này vô cùng trọng yếu, đều là Tam Huệ đầy đủ. Chỗ thù thắng khôn sánh của pháp môn Niệm Phật là thời gian học tập ngắn ngủi, không cần một thời gian quá dài, nhưng thành tựu thù thắng khôn sánh. Kinh Di Đà cho biết thời gian tu học phải mất bao lâu? Bảy ngày. Kinh Di Đà dùng con số Bảy để biểu thị pháp; nhưng ở đây kinh nói rõ ràng “*nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật*” (hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày) cho đến “*nhược thất nhật*” (hoặc bảy ngày). Vì sao? Nếu không ghi rõ như thế, chúng ta sẽ hiểu con số Bảy là biểu thị pháp, con số Bảy biểu thị sự viên mãn, chứ không nhất định là bảy ngày thực sự. Kinh đã dạy như vậy, chúng ta phải biết bảy ngày ở đây là nói trên mặt Sự, chứ không phải là biểu thị pháp, quả thực luận trên mặt Sự. Lợi căn là người có thiện căn hết sức sâu dày, người ấy niệm một ngày bèn nhất tâm bất loạn, có hay không? Có!

Trong kinh Địa Tạng, chúng ta thấy Bà La Môn nữ (cô gái thuộc giai cấp Bà La Môn) niệm Phật một ngày một đêm, quả thật niệm đến mức nhất tâm bất loạn, vì sao? Trong Định, cô ta đi thăm địa ngục. Quý vị thấy quỷ vương trong địa ngục trông thấy cô ta đi đến bèn ra tiếp đón,

gọi cô ta là Bồ Tát, hỏi: “Bồ Tát đến đây có việc gì chẳng?” Bà La Môn nữ là phàm phu, niệm đến mức nhất tâm bất loạn bèn thành Bồ Tát. Theo Đại Thừa, Sự nhất tâm chính là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Viên giáo, từ Sơ Tín đến Thập Tín đều là Sự nhất tâm bất loạn. Ở phần trên, chúng tôi đã nói: Trong ba thứ Bất Thoái, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Viên Giáo đặc hai thứ Bất Thoái, một là Vị Bất Thoái, hai là Hạnh Bất Thoái. Nếu nhất tâm này là Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì vị ấy là Pháp Thân Bồ Tát, thuộc vào địa vị từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo, phá một phàm vô minh, thấy một phần chân tánh. Bà La Môn nữ niệm Phật suốt một ngày một đêm thì đạt được Lý nhất tâm bất loạn hay Sự nhất tâm bất loạn? Không dám chắc là Lý nhất tâm bất loạn, nhưng Sự nhất tâm bất loạn chúng ta dám đoán chắc. Sự nhất tâm đã bắt phàm rồi, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ.

Thế nhưng Tây Phương Tịnh Độ hết sức vô cùng đặc biệt, bốn cõi ở cùng một chỗ; bởi thế, sanh vào một cõi là sanh trong hết thủy cõi, sanh vào một cõi bèn đạt được cả bốn cõi, bất luận sanh vào cõi nào. Công phu thành phiền sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Công phu thành phiền cũng là nhất tâm bất loạn, nhưng ở mức độ nông cạn nhất, không thực sự là nhất tâm bất loạn. Quý vị khuất phục được Kiến Tư, nhưng chưa đoạn được Kiến Tư phiền não, Sự nhất tâm là đoạn được Kiến Tư phiền não. Lý nhất tâm chẳng những đoạn được Kiến Tư phiền não mà Trần Sa phiền não cũng đoạn luôn, vô minh cũng phá được một phàm; [người đạt được] Lý nhất tâm bất loạn là hạng lợi căn! Lợi căn và độn căn nhìn theo mặt Tướng, thì là một đàng buông xuống được, một đàng không buông xuống được. Người lợi căn buông xuống được, người độn căn không buông được, duyên do là như vậy. Thân tâm, thế giới hết thấy buông xuống được, dầu sống trong thế gian này vẫn chẳng khác gì mọi người, giống hết mọi người, nhưng trong tâm nhất định chẳng nhiễm trước, không phải là buông xuống trên mặt Sự mà là buông trong tâm!

Vì sao người ấy có thể làm được? Vì trong tâm hướng về thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc là nhà cũ của mình, A Di Đà Phật là cha mẹ của mình, các thượng thiện nhân là anh em của mình. Trong nhà mình cái gì cũng tốt đẹp, không có chút gì khuyết hãm, luôn nghĩ đến nhà! Gấp rút trở về nhà, chẳng cần đến mọi thứ ở nơi đây nữa. Mình du hành đến đây thôi, nơi đây không phải là chỗ tốt đẹp! Hết thấy người, sự vật nơi đây quả thật không có thứ nào đáng cho mình vương vấn cả, không

có một thứ gì đáng cho ta bận lòng. Người ấy thực sự buông xuống được, chính là lợi căn! Vì vậy, trong thế gian này, quý vị nói là tốt đẹp, nhưng người ấy nhất định chẳng tham luyến; quý vị bảo là chẳng tốt, người ấy chắc chắn không nóng giận. Người ấy thực sự dùng cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để đối đãi với tất cả hết thầy người, sự vật, hết thầy vạn pháp trong thế gian này; trong tâm người ấy thực sự giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Đó là Sự nhất tâm bất loạn!

Gấp rút quay về nhà, nơi đây chẳng có gì vui thú, vui chơi đủ rồi, về nhà vẫn tốt hơn. Nếu tham luyến chốn này, quý vị sẽ không thể trở về nhà được. Ở đây, chúng tôi dùng tỷ dụ để quý vị dễ hiểu hơn. Lợi căn thực sự thành tựu trong một ngày. Sau khi đạt được nhất tâm bất loạn rồi sẽ chẳng bị mất đi, thực sự đạt được. Nay dường như có được chút cảnh giới nào, nhưng ra khỏi Niệm Phật Đường lại loạn, tức là quý vị chưa đạt được nhất tâm bất loạn! Phải nhớ kỹ, sau khi đạt được, không bị mất đi, thì mới thực sự là đạt được. Công phu thành phiền cũng giống như vậy thì quý vị mới có thể thành tựu; nhưng sau khi đạt được, quý vị càng phải tinh tấn, càng nỗ lực, thân tâm nhẹ nhõm, pháp hỷ sung mãn, giống như Không phu tử đã nói “*bất diệt duyệt hồ?*” (cũng chẳng vui sao). Thực sự đạt được có hiện tượng như vậy đó, hết sức sung sướng như thế đó.

“*Trung hạ bất định*”: Người căn tánh trung hạ không nhất định, có kẻ hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, căn tánh tệ nhất cũng bảy ngày đạt được. Vậy thì chúng ta phải tự hỏi: “Cớ sao chúng ta niệm Phật đến bảy mươi ngày vẫn không đạt được, do nguyên nhân gì vậy?” Vì không thực sự niệm! Đối với thế gian này vẫn lưu luyến, vẫn chưa buông xuống được, vậy là không có cách gì hết. Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha đời Tống, ngay cả An Sĩ Toàn Thư lúc dẫn những thí dụ trong Vãng Sanh Truyện cũng nêu truyện của Ngài, truyện của Ngài là một thí dụ tốt. Ba ngày ba đêm nhất tâm bất loạn niệm Phật cảm được A Di Đà Phật tới.

Sư là người xuất gia, nhưng không giữ thanh quy⁷⁴, tức là một người xuất gia phá giới, không phải là một vị xuất gia tốt lành. Đại

⁷⁴ Thanh Quy theo nghĩa gốc là những quy định và khuôn phép nhằm đảm bảo những hành vi ứng xử của con người đúng chừng mực, phù hợp lễ nghi nhằm đảm bảo sự an định trong xã hội. Vào đời Đường, kẻ từ khi tổ Bách Trượng Hoài Hải lập ra Thiền Môn Thanh Quy cho đạo tràng của Ngài tại núi Bách Trượng, khắp các tông lâm Phật giáo đều tuân thủ những quy định này, Thanh Quy trở thành một thuật ngữ

chúng đều coi thường Ngài là hạng căn tánh hèn kém quá đỗi, tự mình không có cách gì cứu mình, nhưng Sư có chỗ hay, chỗ hay đó hết sức khó có, chính chỗ hay đó đã cứu Sư. Chỗ hay nào vậy? Sư hiểu nhân quả báo ứng, bởi thế, Sư thường nghĩ: Do những hành vi mà chính mình đã tạo, chắc chắn phải đọa địa ngục! Nghĩ đến địa ngục bèn sợ hãi, run rẩy, hỏi đồng tham đạo hữu có cách gì cứu được mình chăng? Có một đồng tham đưa cho Sư một cuốn Vãng Sanh Truyện, bảo: “Ông xem cuốn sách này cũng có lợi cho ông!” Sư bèn đọc Vãng Sanh Truyện, hết sức cảm động, đau đớn khóc ròng, quyết tâm niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ, buông xuống vạn duyên.

Vì thế, Sư đóng chặt cửa liêu phòng, suốt ba ngày ba đêm không ăn cơm, không ngủ nghỉ, niệm một câu A Di Đà Phật đến tột bực. Niệm suốt ba ngày ba đêm đứng là tinh thần mệt mỏi, sức lực mòn mỏi, tấm lòng chân thành, thực sự mong vãng sanh thế giới Cực Lạc, tâm thiết tha như mong được về nhà. A Di Đà Phật hiện đến, Sư hết sức hoan hỷ, A Di Đà Phật bảo Sư: “Tuổi thọ của ông còn được mười năm nữa. Ông hãy khéo niệm Phật, mười năm sau lúc lâm chung ta đến rước ông, A Di Đà Phật lại đến rước ông”. Sư cảm được Phật đến an ủi. Sư thật thông minh, thật phi phạm, thưa cùng Phật: “Con tập khí quá nặng, trong mười năm ấy con không có cách gì tự khống chế bản thân, chẳng biết sẽ lại tạo bao nhiêu tội nghiệp, cũng không chắc được vãng sanh”. Sư cầu xin A Di Đà Phật: “Tuổi thọ mười năm con không cần đến, nay con muốn đi theo Ngài”. A Di Đà Phật đáp ứng: “Ba hôm nữa, ta đến tiếp dẫn ông!”

Sư hoan hỷ vô cùng, mở cửa liêu phòng bảo mọi người: “Ba ngày ba đêm tôi niệm Phật không ngủ nghỉ, A Di Đà Phật hiện đến, ba ngày nữa tôi sẽ đi”. Mọi người trong chùa chẳng ai tin: “Ông là hạng người như vậy, lẽ đâu đơn giản đến thế?” Nhưng thời gian ba ngày rất ngắn, mọi người ôm lòng bán tín bán nghi, coi sau ba ngày Sư có thực sự vãng sanh hay không. Đến ngày thứ ba, Sư yêu cầu đại chúng niệm Phật đưa Sư đi, đại chúng đương nhiên rất hoan hỷ, cũng tính coi rốt cuộc là thật hay giả. Niệm chưa đầy một khắc, Sư bèn nói (người khác không thấy): “A Di Đà Phật đến rồi, tôi phải theo Ngài đi”. Nói xong bèn mất, đúng là không giả chút nào. Hạng trung căn ba ngày ba đêm thôi!

Bởi thế, đọc chuyện của ngài Oánh Kha, chúng ta thấy Ngài làm

chỉ riêng những quy định về oai nghi và cách ứng xử trong nhà Phật. Thậm chí, sau này Đạo Giáo cũng bắt chước lập ra những quy tắc cộng tu và cũng gọi là Thanh Quy.

gương cho chúng ta. Nếu khi chúng ta gặp phải tai nạn lớn lao, quyết định chẳng do dự, nhất quyết chớ nên sợ hãi, ngay trong lúc ấy hãy nên hạ quyết tâm cầu sanh về Tịnh Độ. Mọi thế duyên trong thế gian này buông xuống hết, không vương mắc máy may, niệm một câu Phật hiệu đến cùng cực, nhất định Phật sẽ đến. Quý vị thấy sư Oánh Kha không giữ thanh quy, là kẻ phá giới, mà có thể [niệm Phật] trong vòng ba ngày ba đêm, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Sư. Chúng ta đâu có làm lỗi, tội hồ vẫn chưa nghiêm trọng như Sư, lẽ đâu Phật chẳng đến? Vấn đề là tín nguyện của quý vị có chân thật hay không? Quý vị không mong niệm tới mức Phật hiện tới thì cái tâm ấy là giả, đối với thế gian này vẫn còn tham luyến lắm, sự việc vương vướng bận gan còn quá nhiều, không thể buông xuống được! Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần thế gian, quý vị có thực sự buông xuống được hay không?

Điều gì cũng buông xuống được thì về mặt Lý như đức Phật thường nói: *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”* (Phàm tất cả những gì có tướng đều là hư vọng), *“nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Những câu này đều là đức Phật dạy chúng ta hãy triệt để buông xuống. Một bộ kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển nhằm dạy chúng ta điều gì? Tôi nêu một kết luận chung hết sức đơn giản là *“nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”* (hết thảy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc). Tôi tổng kết bằng mười hai chữ, kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển được diễn tả bằng mười hai chữ đó. Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, lẽ đâu không buông xuống được? Không buông xuống cũng chẳng được, vì sao? Vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc! Tâm Kinh là tinh hoa của kinh Đại Bát Nhã, cuối cùng nói *“vô trí diệc vô đắc”*. Quý vị còn tham gì nữa? Còn vương mắc chi nữa? Toàn bộ là không, *“phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”*, phải giác ngộ!

Người giác ngộ sẽ buông xuống, triệt để buông xuống, nên được tự tại. Vẫn còn có tí ti vương mắc sẽ không buông xuống được, mê mà! Chưa giác ngộ! Mê thực sự chẳng dễ phá, vừa phá được cửa ải mê liền được đại tự tại; vì thế, *“đản năng nhất tâm”* (chỉ có thể nhất tâm) bèn được vắng sanh, tức Tu Huệ. Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ, Tam Huệ đầy đủ. Chúng tôi giảng như vậy, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư gọi chúng là ba điều, quý vị hãy nghĩ xem ba điều ấy có phải là một nhưng ba, ba nhưng một hay không? Trong Văn có Tu có Tư, trong Tư có Văn có Tu, trong Tu có Văn có Tư, một mà ba, ba nhưng một; tùy theo quý vị nhìn từ góc độ nào mà được thay bằng một danh từ khác nhau, nhưng chỉ là

một sự việc. Pháp môn này học đơn giản như vậy đó, từ một ngày đến bảy ngày bèn thành công. Quý vị nghĩ xem há còn có pháp môn nào nhanh chóng hơn pháp môn này hay không? Tìm không ra!

Chúng ta hằng ngày niệm Phật, hằng ngày tu hành, tu suốt mười mấy năm chẳng có tin tức gì hết, là do nguyên nhân nào? Quý vị tu không đúng pháp! Bà La Môn nữ tu một ngày đúng pháp. Pháp sư Oánh Kha tu ba ngày đúng pháp. Đúng pháp là như thế nào? Buông xuống! Tâm trở về nhà khẩn thiết, chân thật, không giả. Chúng ta tín nguyện không chân thật, niệm Phật không thật thà, niệm Phật nhưng chẳng bỏ được thế duyên, không chắc thật, đạo lý là đây. Oánh Kha biết mình không vãng sanh, chắc chắn đọa địa ngục. Vì sợ đọa địa ngục nên gấp rút cầu vãng sanh; đó là cái duyên vãng sanh thế giới Cực Lạc của Sư, bức bách Sư không vãng sanh không được. Nếu không vãng sanh, chắc chắn phải đọa địa ngục! Duyên mỗi người không giống nhau. Nếu pháp sư Oánh Kha không phá giới phạm quy, tạo tác hết thảy những điều chẳng lành, rất có thể Sư không thể phát khởi tinh tấn dũng mãnh, uổng phí một đời này. Sư vì tội lỗi bức bách, ở phần trên đã nói “*kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác một niệm hay mười niệm đều được vãng sanh*”, câu chuyện của pháp sư Oánh Kha đã chứng minh điều ấy; câu nói trên là thật, chứ không phải giả!

Vì thế, chớ nên coi thường, rẻ rúng những kẻ phá giới làm ác, vì sao? Những kẻ ấy chỉ cần ngày nào đó giác ngộ quay đầu, rất có thể vượt trội chúng ta, chẳng phải là không có chuyện như vậy. Chúng ta là phạm phu mắt thịt biết họ giác ngộ lúc nào? Quay đầu lúc nào? Vì vậy, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta lễ kính chư Phật, đối với hết thảy chúng sanh phải cung kính. Chúng ta phải học theo những điều hay của người khác, tuyệt đối chẳng bận tâm bởi những điều dở của người khác, đương nhiên càng không thể rêu rao, mà hãy bồi dưỡng cái tâm hạnh thuần tịnh, thuần thiện của chính mình. Đoạn tiếp theo là đoạn thứ bảy.

Đoạn thứ bảy thuyết minh “*nhất tâm bất loạn, nhất tâm viên cụ (viên mãn cụ túc) Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương*” (nhất tâm bất loạn, nhất tâm đầy đủ trọn vẹn (viên mãn trọn vẹn) Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương). Tam Học là Giới - Định - Huệ, Tam Huệ là Văn - Tư - Tu, Tam Tư Lương là Tín - Nguyện - Hạnh. Nhất tâm viên mãn đầy đủ [những điều ấy]. Trong một câu Phật hiệu cũng viên mãn đầy đủ [những điều đó], tức là ta niệm một câu A Di Đà Phật, chắc chắn tương ứng với Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, mọi thứ đều đầy đủ trong câu niệm Phật ấy thì gọi là “*nhất tâm xưng niệm*”. Trong cuốn Di Đà Yếu Giải

Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh đã chú giải như sau: “Ngã Chấp mắt” – tức Ngã Chấp bị phá – “chẳng bị Kiến Tư làm loạn thì là Sự Nhất Tâm”. Trong Đại Thừa thường giảng như thế, đoạn Kiến Tư phiền não!

Nếu từ cương lĩnh mà nói thì đơn giản hơn một chút. Kiến phiền não có năm loại lớn:

1) Thân Kiến: Chấp trước thân là ta, tham sống, sợ chết, tự tư, tự lợi. Đó là Thân Kiến, tức cái ái đầu tiên.

2) Loại thứ hai là kiến giải lầm lạc, tức Biên Kiến. Biên Kiến là đối nghịch, đối lập; thứ kiến giải như vậy gọi là Biên Kiến.

3) Loại thứ ba là Kiến Thủ Kiến.

4) Loại thứ tư là Giới Thủ Kiến. Hai loại này thường được gọi là Thành Kiến như ta hay nói: “Người nào đó có thành kiến rất sâu”. Thành Kiến có hai loại: Thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng lia nhân quả. Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi Quả. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi Nhân, chấp trước kiên cố tạo thành chướng ngại.

5) Loại cuối cùng là Tà Kiến, Tà Kiến nghĩa là gì? Chẳng thuộc vào bốn loại trên. Tất cả hết thấy kiến giải sai lầm đều quy nạp vào loại Tà Kiến này.

Năm thứ Kiến trên đây đều sai lầm, đoạn được chúng sẽ chứng Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Nếu là Đại Thừa Viên Giáo thì là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín và Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn trọn chẳng chấp trước thân này là ta; nói cách khác, không tự tư, tự lợi, không tham sống sợ chết. Đó là hiện tượng phá Thân Kiến. Phá được Thân Kiến sẽ như thế nào? Từ chỗ này, quý vị hiểu rõ: Chẳng tham sống sợ chết, quyết định chẳng tự tư tự lợi.

Tư Hoặc là cách nghĩ lầm lạc, cũng gồm năm loại lớn. Thứ nhất là Xan Tham (keo kiệt, tham lam); ngoài ra là Sân Khuê (nóng giận), Ngu Si, Ngạo Mạn, hoài nghi lời thánh hiền dạy dỗ. Đó là những sai trái về mặt tư tưởng, so ra còn nghiêm trọng hơn những sai trái nơi kiến giải, khó phá hơn. Nếu quý vị phá được cả năm thứ này sẽ thoát khỏi lục đạo luân hồi, siêu việt tam giới, chứng quả A La Hán, tương đương với Đệ Thất Tín trong địa vị Thập Tín Bồ Tát của Đại Thừa. Nhưng trong Tiểu Thừa chỉ chứng được Vị Bất Thoái, trong ba thứ Bất Thoái chỉ chứng được một thứ, A La Hán cũng giống như vậy. Thế nhưng Bồ Tát trong Viên Giáo chứng được hai thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái. Công phu đoạn chứng (đoạn phiền não và chứng quả) tương đồng, nhưng trí huệ và tín nguyện khác biệt; Bồ Tát trội hơn Thanh Văn!

Nói rõ tiêu chuẩn của Sự Nhất Tâm là như thế đó.

Lý Nhất Tâm thì “*Pháp Chấp vong, bất vị nhị biên sở loạn, vi Lý nhất tâm*” (Pháp Chấp mất, chẳng bị hai bên (Có và Không) làm loạn thì là Lý Nhất Tâm). Đức Phật dạy Chấp gồm hai loại lớn: một là Ngã Chấp, hai là Pháp Chấp. Pháp Chấp là chấp trước đối với hết thảy các pháp; cho Pháp là có, cho Ngã là không. Thân là do Ngũ Uẩn tụ tập biến thành thân. Tiều Thừa quan niệm không có thân, nhưng có Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; năm Uẩn ấy tồn tại. Chấp trước như vậy gọi là Pháp Chấp. Bồ Tát thông minh, có trí huệ, biết Ngũ Uẩn cũng là giả. Quý vị thấy Bát Nhã Tâm Kinh mở đầu bằng câu: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. “Năm Uẩn đều không” là phá Pháp Chấp, chẳng bị “*nhị biên sở loạn*” (hai bên làm loạn). Hai bên là đối lập, chẳng bị hai bên làm loạn thì trong Đại Thừa Phật pháp gọi là “*nhập Bất Nhị pháp môn*”. Đó là Lý Nhất Tâm, hết thảy đều bất nhị.

Từ căn bản mà nói thì Năng và Sở bất nhị, quý vị thấy “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, Năng Hiện (chủ thể biến hiện) và Sở Hiện (cái được biến hiện) bất nhị, Năng Biến và Sở Biến bất nhị, Năng - Sở bất nhị. Tánh - Tướng bất nhị. Lý - Sự bất nhị, chúng sanh và Phật bất nhị, Bồ Đề và phiền não bất nhị, sanh tử và Niết Bàn bất nhị. Nhập Bất Nhị pháp môn, trọn pháp giới hư không giới dung hợp thành một Thể. Tâm tánh của chính mình dung nhập chân tâm; bốn tánh, thân thể của chính mình và pháp giới (tiểu vũ trụ và đại vũ trụ) dung hợp thành một Thể. Trong tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền. Đó là Lý nhất tâm bất loạn, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Hoa Nghiêm gọi cảnh giới ấy là “*pháp giới vô chương ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Hễ “*nhị*” bèn có ngại, tức là có chương ngại; còn Bất Nhị thì không có chương ngại. Nhập Bất Nhị pháp môn được đại tự tại, trong vòng vũ trụ quả thật không có chương ngại nào! Tánh - Tướng là một, chứ không phải hai, Lý - Sự cũng là một, chứ không phải hai.

Trong Đại Thừa Phật pháp thường nói “*bất nhất, bất dị*” (không một, không khác), đây chính là pháp môn Bất Nhị chân chánh: Chẳng thể nói là một, mà cũng chẳng thể nói là hai; một lẫn hai đều chẳng thể nói, nên gọi là “*chân chánh bất nhị*”. Quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa này, nhất quyết đừng phân biệt, đừng vọng tưởng, đừng chấp trước; hễ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền rớt vào hai hay ba (tam tâm, nhị ý). Bởi thế, đối với hết thảy các pháp, chỉ cần lià được vọng tưởng, phân biệt,

chấp trước, sẽ thấy được chân tướng. Chân tướng không một, không khác, bất sanh, bất diệt, không đúng, không sai, chẳng phải có, chẳng phải không. Trong hết thảy các kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng điều này rất nhiều lần với hy vọng chúng ta sẽ do vậy mà có thể lãnh hội, ngộ nhập.

“*Thất nhật bất loạn hậu, vô cánh khởi Hoặc tạo nghiệp chi sự*” (sau khi đã đạt được bảy ngày bất loạn thì sẽ không còn có những chuyện khởi Hoặc, tạo nghiệp), đến đây sách [Yếu Giải] nói toạc ra. Ở phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị: Chỉ cần quý vị đắc nhất tâm bất loạn thì sau khi đã đắc, quý vị không thể bị mất đi! Sau khi đã đắc mà lại bị mất đi thì là giả, chẳng phải thật! Đã đạt được rồi nhất định pháp hỷ sung mãn, thật đúng như Khổng lão phu tử đã nói “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?) Trong nhà Phật chúng ta gọi niềm “vui” ấy là “*pháp hỷ sung mãn*”, thường sanh tâm hoan hỷ. Tiên sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản nói: Nếu bây giờ mọi người dùng cái tâm thương yêu, dùng cái tâm cảm tạ đối với hết thảy người, sự, vật thì cái tâm cảm tạ và cái tâm thương yêu ấy chính là một phần pháp hỷ. Vì sao lại đề xướng như thế? Nói thật ra, [cái tâm cảm tạ, thương yêu ấy] chẳng do tự tánh lưu lộ. Vì sao? Nếu từ tự tánh lưu lộ thì chính là “*nhập Bất Nhị pháp môn*”, cái tâm cảm ân, yêu thương ấy sẽ là thật, chứ không phải giả. Nay bọn phàm phu chúng ta nói đến yêu thương, hay nói đến cảm ân thì vẫn có tư tâm (tâm riêng tư, vị kỷ) trong ấy; không có tư tâm mới là thật. Nếu có tư tâm thì chẳng phải là thuần chân. Chúng ta chỉ có thể nói là “*tương tự chân*” (gần giống với chân), chẳng phải là thuần chân, có chút phân tương tự, có chút ít gần gũi.

Tiếp theo, hãy tham khảo sách Di Đà Yếu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh ([trong thư viện] ở nơi đây có bộ Di Đà Yếu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh), trong sách này, pháp sư giảng: “*Nhất nhật chí thất nhật, nãi khắc định kỳ hạn, dĩ biện sanh tử đại sự*” (Từ một ngày cho đến bảy ngày chính là lập thời hạn nhất định để lo liệu đại sự sanh tử). Đúng là phải lo liệu đại sự sanh tử, giống như ngài Oánh Kha đúng là lo liệu đại sự sanh tử; giống như Bà La Môn nữ biết mẹ đọa địa ngục, cô ta thực sự muốn giúp mẹ, hồng cứu vớt mẹ mình, không giả một chút nào, tấm lòng thuần chân. Tâm hạnh như vậy mới hồng đạt được Niệm Phật tam-muội. Tâm không thuần chân như thế sẽ không thể đạt được Niệm Phật tam-muội! Đạt được Niệm Phật tam-muội chính là Lý Nhất Tâm, Sự Nhất Tâm, bao gồm cả công phu thành phẩm, trong

Phật pháp thường bảo là “*sanh tử đại sự sở tác dĩ biện*” (đại sự sanh tử đã hoàn thành), đã hoàn tất ổn thỏa chuyện ấy rồi! Pháp sư nói: “*Hà dĩ cố? Nhất tâm bất loạn, tỵ thị Niệm Phật tam-muội công thành, bất loạn tức Chánh Định dã*” (Vì sao vậy? Nhất tâm bất loạn chính là thành tựu công phu Niệm Phật tam-muội. Bất loạn chính là Chánh Định). Sư giảng mấy câu này rất hay. Bởi lẽ, quý vị đạt được cảnh giới ấy, sẽ không thể nào khởi Hoặc tạo nghiệp nữa, chẳng thể nào! Quý vị nắm chắc chuyện vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự đạt được. Trong phần này, chúng tôi cũng chia thành bốn tiêu đoạn. Tiêu đoạn thứ nhất là:

“*Bất luận Sự Trì, Lý Trì*”, hai thứ Trì Danh đều tốt cả, bất luận Sự Trì hay Lý Trì, chỉ cần trì đến mức “*phục trừ phiền não, nãi chí Kiến Tư tiên tận, giai Sự nhất tâm*” (khuất phục, trừ khử phiền não, cho đến đoạn được Kiến Hoặc hay Tư Hoặc trước thì đều là Sự Nhất Tâm). Còn nếu “*trì chí tâm khai kiến bốn tánh Phật, giai Lý nhất tâm*” (trì đến khi tâm khai, thấy được vị Phật trong bốn tánh, đều là Lý Nhất Tâm). Không phải là do Sự Trì sẽ đạt được Sự Nhất Tâm, do Lý Trì bèn đạt được Lý Nhất Tâm, không thể nói như thế được! Sự Trì hay Lý Trì đều là phương cách hay phương pháp để niệm Phật; tùy thuộc công phu của chính mình sâu hay cạn. Quý vị nhất định phải niệm đến khi có thể chế ngự phiền não, đó là công phu niệm Phật đặc lực. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, không còn nghĩ đến gì khác, tự tư tự lợi, tham - sân - si - mạn, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần không hề có những ý niệm ấy. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng không có. Chưa đoạn phiền não, chỉ cần quý vị có công phu đặc lực thì phiền não không thể đột ngột xuất hiện được, đó gọi là “*công phu thành phiến*”. Tuy Sự Nhất Tâm nông cạn vẫn có thể vắng sanh, sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ.

Nếu công phu niệm Phật của quý vị rất sâu, chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì, hễ có công phu khá sâu, đoạn được phiền não, phiền não vĩnh viễn chẳng còn khởi nữa, đó chính là thực sự đạt được Sự Nhất Tâm. Đoạn được Kiến Tư phiền não là thành tựu Niệm Phật tam-muội, Niệm Phật tam-muội rất sâu. Kinh Lăng Nghiêm nói Niệm Phật tam-muội sâu xa ấy tương đương với Cửu Thứ Độ Định. A La Hán tu Cửu Thứ Độ Định đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi. Dùng công phu niệm Phật so ra đơn giản hơn phương pháp của A La Hán. Vì thế, trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn dạy chúng ta: “*Niệm A Di Đà Phật là vô thượng thâm diệu Thiên*”. Rất nhiều người không biết, vẫn muốn tham thiền, chẳng biết Niệm Phật là Thượng Thượng Thiên, Thượng

Thượng Vi Diệu Thiên. Dùng phương pháp này có thể thành tựu Cửu Thứ Đệ Định, đắc Sự nhất tâm bất loạn bèn sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ.

Nếu tiến hơn một bước nữa thì vẫn dùng phương pháp này, đoạn trừ Trần Sa phiền não, cũng phá được một phẩm vô minh, đấy chính là “*tâm khai, kiến bốn tánh Phật*” (tâm khai ngộ, thấy được đức Phật nơi bốn tánh), nhà Thiên thường gọi “tâm khai” là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đó là Lý Nhất Tâm. Đắc Lý Nhất Tâm, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chẳng thể nghĩ bàn! Do vì mọi người trong Phật môn coi thường pháp môn Niệm Phật nên Ngẫu Ích đại sư đau lòng! Vì sao? Thù thắng, đơn giản, dễ dàng như thế ấy, quý vị tu pháp môn này nhất định thành tựu trong một đời. Quý vị không tin tưởng, lại hoài nghi, lại còn phê bình, muốn tìm cầu pháp môn nào khác, muốn thành tựu nơi pháp môn nào khác ư? Khó lắm! Rất ư là khó! Không biết pháp môn này thù thắng! Bởi thế, pháp môn này được gọi là “*nan tín chi pháp*” (pháp môn khó tin). Chúng ta đọc đến chỗ này thì quý vị phải hiểu rõ, thực sự là khó tin, chẳng phải giả vờ nói “khó tin” đâu nhé! Đừng nói người khác không tin, trước hết, hãy tự hỏi chính mình, tự mình có tin được hay là không? Nếu chính mình thực sự tin, quý vị sẽ chẳng đến nỗi như bây giờ!

Do đây biết rằng: Quý vị niệm Phật đến tận hôm nay vẫn chưa đạt được công phu thành thiền là vì chưa tin thực sự! Do điều này, quý vị hãy suy nghĩ: Vì sao đối với phương pháp Niệm Phật của Ấn Quang đại sư, Ngài không nói đến giảng kinh, tôi lại đổi điều kiện “không giảng kinh” thành “nhất định phải giảng kinh!” Thời Ấn Quang đại sư không giảng kinh thì được, người niệm Phật [thời đại sư] thiện căn sâu dày, người niệm Phật thật thà, tin được, nguyện được, hành được. Nếu nay chúng tôi không giảng thấu triệt những đạo lý này, quý vị sẽ chẳng tin, chẳng nguyện, không có cách gì hết. Mục đích giảng kinh là gì? Nhằm thành tựu tín nguyện kiên cố cho quý vị, mục đích là ở chỗ này.

Nay đã hết thời gian rồi!

Tập 26

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiêu đoạn thứ hai của đoạn thứ bảy “*nhất tâm bất loạn*”: “*Sự Trì, văn thuyết Niệm Phật pháp môn, khả dĩ hoành siêu tam giới, đời nghiệp vãng sanh, thâm tín bất nghi, nhất tâm hệ niệm, cú cú*

phân minh, niệm niệm tương tục, hành, trụ, tọa, ngộ, duy thử nhất niệm, cánh vô nhị niệm, tức dĩ nhất niệm nhi trừ chúng niệm. Do vị đạt lý, cố viết *Sự Trì*” (Sự Trì: Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật có thể vượt thoát tam giới theo chiều ngang, đối nghiệp vãng sanh, bèn tin sâu xa không nghi, nhất tâm hệ niệm, từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai, tức là dùng một niệm để trừ các niệm. Do chưa thấu đạt lý nên gọi là Sự Trì). Đại Sư vì chúng ta thuyết minh Niệm Phật có Sự, có Lý. Trì danh niệm Phật trên mặt Sự và trì danh niệm Phật trên mặt Lý sai khác ở chỗ nào? Tuy Sự Trì và Lý Trì khác biệt, nhưng hiệu quả chẳng khác nhau, đều có thể đạt được nhất tâm bất loạn, hoàn toàn do mỗi người dụng công. Do đây biết rằng: Chớ nên so sánh Sự Trì với Lý Trì, quan trọng nhất là thật thà niệm. Trong Sự có Lý, trong Lý có Sự, Lý - Sự viên dung! Phải hiểu đạo lý này, chớ nên phân biệt. Hễ phân biệt thì sẽ vô hình trung sanh ra chướng ngại, dẫu có niệm đến mức nhất tâm được vãng sanh, nhưng vẫn gây chướng ngại cho phẩm vị. Đó là chuyện chắc chắn!

Trước hết, chúng tôi giảng về Sự Trì. “*Văn thuyết Niệm Phật pháp môn*” (Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật): Quý vị nghe nói đến là chuyện thông thường nhất! Chúng ta nghe nói pháp môn Niệm Phật có thể “*hoành siêu tam giới*”. Trong những phần trước, tôi đã nhắc đến “*hoành siêu*” (vượt thoát tam giới theo chiều ngang) rồi, không phải là “*thụ siêu*” (siêu theo chiều dọc)! Siêu theo chiều dọc khó khăn lắm, nhưng từ nhân đạo [của thế giới Sa Bà] di dân sang thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc vẫn là nhân đạo thuộc Phạm Thánh Đồng Cư độ; đó là thuận tiện nhất, “*đối nghiệp vãng sanh*” mà! Hai câu cuối cùng [trong đoạn văn vừa dẫn trên đây] rất trọng yếu: “*Thâm tín bất nghi, nhất tâm hệ niệm*” (Tin sâu xa không nghi, nhất tâm hệ niệm). Trong bản dịch [kinh A Di Đà] của La Thập đại sư ghi là “*nhất tâm bất loạn*”, bản dịch kinh A Di Đà của Huyền Trang đại sư chép là “*nhất tâm hệ niệm*”. Huyền Trang đại sư trực dịch⁷⁵, La Thập đại sư dịch ý. Nhất tâm hệ niệm chúng ta dễ dàng làm được, còn nhất tâm bất loạn rất khó, chẳng dễ gì đạt được. Thế nhưng La Thập đại sư dịch không sai, vì sao? Công phu Niệm Phật thành tựu rồi, lúc vãng sanh, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, nhất định Phật quang chiếu đến quý vị trước hết. Lúc quý vị được Phật

⁷⁵ Trực dịch: Dịch sát mặt chữ, kinh chép sao, dịch vậy, không lược bớt hay rút gọn những ý tưởng rườm rà, trùng lặp.

quang chiếu tới, gia trì, công phu Niệm Phật của quý vị được nâng cao, tăng lên gấp bội.

Nói thật ra, công phu niệm Phật của chúng tôi vẫn chưa thành phiến, mới gần thành phiến! Quý vị phải nhớ kỹ câu này “*gần như thành phiến*”; khi nhân duyên của quý vị vừa chín muồi, vừa được Phật quang gia trì, công phu bèn thực sự thành phiến, nâng cao lên mức độ “thành phiến”. Nếu công phu của quý vị đã thành phiến, [Phật quang gia trì khiến cho công phu ấy] được nâng lên thành Sự nhất tâm bất loạn. Người đã đắc Sự nhất tâm bất loạn sẽ được nâng lên thành Lý nhất tâm bất loạn. Lúc lâm chung, đức Phật đến tiếp dẫn, công phu nhất định được nâng cao, đó là do Phật lực gia trì. Điều đó cho thấy: Nếu chúng ta không nhất tâm hệ niệm sẽ rất khó, vì sao? Trong tâm tạp niệm quá nhiều, vọng tưởng quá nhiều, vướng mắc quá nhiều, muốn cho công phu niệm Phật đắc lực trong một đời này chẳng dễ dàng đâu nhé!

Do đây ta biết: Điều quan trọng nhất trong công phu niệm Phật của chúng ta chính là câu khẩu đầu thiền (thiền ngoài cửa miệng) của vị đường chủ Niệm Phật Đường thường hay nói rất quan trọng: “*Buông xuống thân tâm thế giới, nhất tâm chánh niệm*”. Câu này rất quan trọng! Nếu không buông thân tâm thế giới xuống được, vẫn còn chút gì vướng mắc, chánh niệm sẽ không khởi lên được, không thể nhất tâm hệ niệm được. Quý vị không thể nhất tâm là vì có vọng tưởng xen tạp. Mấu chốt để thành tựu hay không là ở chỗ này! Vì sao quý vị không buông xuống được? Vì đối với pháp môn Tịnh tông, quý vị chưa nhận thức rõ ràng, bởi thế, tín tâm không sâu, nguyện không thiết. “*Tin sâu nguyện thiết*” thì không gì là chẳng buông xuống được!

Ấn Quang đại sư dạy người, chính mình làm gương. Tôi đã từng đến viếng quan phòng (gian phòng Ngài dùng để bế quan) tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu. Pháp sư Minh Học bồi tiếp tôi trong lần thứ nhất tôi đến thăm viếng núi Linh Nham. Quan phòng thông với một tiểu Phật đường. Trong tòa tiểu Phật đường treo một chữ Tử (chết). Tổ sư thường bảo chúng ta: “*Người niệm Phật nhất định phải dán chữ Tử trên trán, thường nghĩ mình sắp chết, lúc ấy há có còn không buông xuống được hay chẳng?*” Không buông xuống được cũng phải buông xuống được! Vì sao? Có mang gì đi theo được đâu! Thế nhưng quả thật là có không ít người chết rồi vẫn chưa buông xuống được, hết cách rồi! Toa thuốc này của tổ sư vô hiệu, không trị nổi cái bệnh của người hiện tại. Đến chết vẫn không chịu buông xuống, không còn có cách gì hết!

Do vậy, công phu phải luyện trong thường ngày, dụng công mỗi

ngày, dụng công như thế nào? Chỉ là buông xuống mà thôi! Buông xuống là công phu thực sự. Tôi thường khuyên những đồng học ở cùng một chỗ với nhau phải buông xuống tự tư tự lợi, buông xuống danh văn, lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần, buông bỏ tham - sân - si - mạn; cõi lòng thực sự thuần thiện, thuần tịnh, không nhiễm trước mảy may, không vướng mắc, nhất tâm hệ niệm sẽ hiện tiền. Quý vị sẽ đạt được như vậy.

“*Cú cú phân minh, niệm niệm tương tục*” (Từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối). Tin sâu không nghi là không ngờ vực. Nhất tâm hệ niệm, nhất tâm là chẳng có hai tâm, nhất tâm không xen tạp; xen tạp vọng niệm thì không phải là nhất tâm. Từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối là không gián đoạn. Quý vị thấy ba điều kiện “không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn” như Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói đều đầy đủ! Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), chữ Tịnh trong “*tịnh niệm*” nghĩa là không được xen tạp; hề xen tạp thì chẳng tịnh, hoài nghi cũng chẳng tịnh. Trong tịnh niệm, chắc chắn không có hoài nghi, không có xen tạp, đó mới là tịnh niệm! Tịnh niệm là nhất tâm hệ niệm. “*Tương tục*” (tiếp nối) là niệm niệm nối liền nhau, không gián đoạn. Chín chữ Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát vừa nói trên đây (tức “*không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”) hoàn toàn giống như lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói.

Lại xem tiếp đoạn kế đó: “*Hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm*” (Đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có mỗi một niệm này). Trong mười hai thời, tức hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong một ngày, quý vị đi cũng vậy, đứng cũng vậy (“*trụ*” nghĩa là đứng), ngồi cũng vậy, nằm cũng vậy, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, tuyệt đối chẳng có ý niệm thứ hai. Đó chính là dùng một niệm để đoạn trừ hết thảy vọng niệm, đó gọi là “công phu thành phiền”. Có rất nhiều đồng tu hỏi tôi công phu thành phiền là gì? Công phu thành phiền là như vậy đó! Suốt ngày từ sáng đến tối trừ A Di Đà Phật ra, trong tâm không còn ý niệm nào khác! “Ý niệm khác” chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước và những tạp niệm trong tâm. Một câu Phật hiệu công phu đặc lực sẽ hoàn toàn chèn ép được chúng, nhưng chưa đoạn được, nên bèn có thể đời nghiệp vãng sanh. Phiền não tập khí tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa đoạn được, nhưng chỉ cần quý vị niệm Phật công phu đặc lực, đều có thể chế ngự được tất cả [phiền não tập khí]; bởi thế, gọi là “*phục đoạn*”, chứ không nói là “*diệt đoạn*”.

“Do vị đạt Lý” (do chưa thấu đạt Lý), đối với lý Tịnh tông rất sâu quý vị vẫn chưa hiểu rõ, nên gọi là Sự Trì. Lý của Tịnh tông là gì? “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật); đây là Lý. Đương nhiên ta vẫn thường nghe mấy câu giảng về Lý như thế, nghe rất quen tai, thậm chí chính mình còn nói được như vậy, nhưng trên thực tế, hoàn toàn chẳng hiểu thật rõ ý nghĩa được bao hàm trong hai câu ấy; cho nên thuộc về Sự Trì. Đoạn kế tiếp lại giảng về Lý Trì.

Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng Lý Trì nguyên văn như sau, tôi đọc một lượt: “*Lý Trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật*” (Lý Trì là tin Tây Phương A Di Đà Phật), “*tín vào A Di Đà Phật*” giống như Sự Trì, đều là nghe nói đến pháp môn Niệm Phật. Thế nhưng trong đây lại có Lý: “*Tây Phương A Di Đà Phật, thị ngã tâm cụ*” (Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn đủ), tức trong chân tâm của chính chúng ta vốn sẵn có, “*thị ngã tâm tạo*” (là do tâm ta tạo). “*Thị ngã tâm cụ*” (tâm ta sẵn đủ) là duy tâm sở hiện; “*thị ngã tâm tạo*” (do tâm ta tạo) là duy thức sở biến. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng ra ngoài lệ ấy, vẫn là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”; đó là Lý. “*Tức dĩ tự tâm sở cụ, sở tạo chi hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong*” (Liên dùng hồng danh mà tự tâm sẵn có, do tâm tạo ấy làm cảnh để ràng buộc tâm, chẳng cho tạm quên). Ngẫu Ích đại sư giảng Lý Trì nguyên văn như thế. Ở đây, chúng tôi giải thích nông cạn ý nghĩa lời giảng của đại sư ngõ hầu mọi người dễ hiểu hơn.

“*Văn thuyết Niệm Phật pháp môn, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, thâm tín bất nghi*” (Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, tin sâu không nghi). Đạo lý nằm ở chỗ “*tương ứng*”, tương ứng với điều gì? “*Tâm tác, tâm thị, tâm hiện, thức biến*”, tương ứng với những điều ấy. Nói trên mặt Lý là “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, quý vị thấy quen thuộc lắm! Tách khỏi “*tâm hiện, tâm tạo*” (tâm tạo là duy thức sở biến) thì không có một pháp nào để được cả. Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải là ngoại lệ, thế giới Hoa Tạng cũng không phải là ngoại lệ. Cho đến vô lượng vô biên hết thảy cõi Phật trên từ chư Phật Như Lai dưới đến chúng sanh trong địa ngục, hữu tình, vô tình, há có pháp nào tách rời tâm tánh? Có một pháp nào chẳng phải là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến hay chẳng? Có pháp nào mà tâm chẳng sẵn có, chẳng do tự tâm tạo hay chẳng? Phải hiểu đạo lý này! Tin sâu đạo lý này không ngờ vực thì niệm của ta sẽ tương ứng với Lý, tương ứng với tâm tánh.

“*Nhất tâm trì niệm, đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhất tâm trì niệm, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đây chính là lời Đại Thế Chí dạy. Sáu căn không còn bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc thì gọi là “*đồ nhiếp lục căn*” (nhiếp trọn sáu căn). Mắt thấy Sắc, chẳng bị Sắc làm mê. Giống như gì? Giống như một tấm gương! Tâm giống hệt như tấm gương, cảnh giới bên ngoài hiện bóng trông thấy rất rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, rõ rệt, nhưng chắc chắn gương chẳng bị nhuộm bản mảy may. Dụng tâm như tấm gương, hoàn toàn là trí huệ, không có tình thức. Tình là nhiễm ô, là chấp tướng. Trong Phật pháp thường nói “*không chấp tướng*”; tấm gương soi mọi vật nhưng không dính mắc tướng, chứ không phải là nói “*lia khỏi cảnh giới, nơi tấm gương không còn cảnh giới nữa*”, không phải vậy! Ngay trong lúc chiếu rọi cảnh giới mà chẳng chấp tướng. Cảnh giới đến hay đi chẳng liên can đến gương, đều luôn không dính mắc tướng. Chân tâm, căn tánh của sáu căn giống như tấm gương, vốn không chấp tướng.

Cái gì bị dính mắc? Vọng tâm bị dính mắc, chân tâm vốn không dính mắc! Bởi thế, nhìn vào chân tâm của quý vị, đức Phật thấy quý vị vốn đã là Phật, hiện đang là Phật, quý vị và chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau. Nói thật đấy, không giả dối chút nào; nhưng vấn đề là gì? Ở bên ngoài chân Phật (đức Phật thực sự trong tâm tánh), quý vị lại khoác thêm một giả Phật, rắc rối lắm! Khoác lấy giả tướng. Cái giả tướng ấy chính là tình thức, tình thức là hư vọng. Tình thức quyết định không có, chân tánh là thật. Phân định chân và vọng như thế nào? Chân là bất sanh bất diệt, vĩnh hằng bất biến, đấy là Chân. Tình thức có sanh diệt, có sanh, có diệt. Có sanh có diệt thì là giả, chứ không thật. Sanh diệt do đâu mà có? Sanh diệt từ trong “*không sanh diệt*” biến hiện ra; do mê nên bất sanh bất diệt biến thành sanh diệt. Chân tâm bản tánh bất sanh bất diệt, vọng tâm (vọng tâm là tâm Duyên Lự) có sanh diệt nên gọi là Vọng, không phải chân.

Cái tâm ấy chính là gì? Nay chúng ta gọi nó là Niệm. Ý niệm có sanh diệt; niệm trước diệt, niệm sau bèn sanh. Chắc chắn niệm trước khác niệm sau; chúng có thể tương tự nhưng tuyệt đối chẳng thể hoàn toàn giống hệt nhau. Vì thế, cảnh giới được biến cũng tương tự, nhưng cảnh giới chẳng thể tương đồng. Cảnh giới do vọng tâm hiện ra, do thức biến ra; vọng tâm sanh diệt trong từng sát-na nên cảnh giới được biến hiện ra cũng sẽ sanh diệt trong từng sát-na. Vọng tâm niệm niệm chẳng tương đồng, đương nhiên cảnh giới được biến hiện cũng niệm niệm khác biệt. Rất nhiều người biết vào mùa Đông trời mưa tuyết. Hoa tuyết kết

ting từ xưa đến nay chưa ai tìm được hai kết tinh nào giống hệt nhau, chưa hề có!

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng quan sát nước kết tinh, quan sát suốt tám chín năm cũng chưa hề thấy hai mẫu kết tinh nước giống hệt nhau. Vì nguyên nhân nào? Do niệm trước và niệm sau khác nhau, nên tướng được biến hiện là huyền tướng diệu hữu cũng không thể giống nhau. “*Diệu hữu phi hữu, chân không bất không*” (Diệu hữu không phải là hữu, chân không chẳng phải không), Phật pháp gọi điều này là “vô thường”. Thế gian vô thường, phạm vi của danh từ “*thế gian*” rất lớn. Hết thấy pháp thế gian vô thường; pháp xuất thế gian cũng vô thường. Bất luận thế gian hay xuất thế gian đều là vô thường; vì sao? Đều do Thức biến. Khi nào Thức chuyên thành Trí, lúc đó quý vị mới thực sự thấy được chân thường.

Kinh giáo Đại Thừa bảo cảnh giới ấy phải từ Bát Địa trở lên [mới thấu hiểu được]. Chúng ta biết rõ: Bát Địa Bồ Tát chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí; Bát Địa mới chuyển được, mới thấy được ba tướng vi tế của A Lại Da Thức, ba tướng ấy được gọi là khởi nguyên (cội nguồn) của vũ trụ. Bát Địa Bồ Tát có thể thấy được khởi nguyên, trong Phật pháp gọi [khởi nguyên ấy] là “duyên khởi”. Nay người thế gian thường gọi “pháp giới duyên khởi” là “khởi nguyên của vũ trụ”. Bát Địa Bồ Tát thấy rõ. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Như Lai Quả địa; năm địa vị ấy là năm địa vị cao tốt trong năm mươi hai địa vị (năm mươi một địa vị Bồ Tát và quả địa Như Lai). Năm địa vị cao nhất trong năm mươi hai địa vị mới thấy được chân tướng sự thật. Quý vị hãy nghĩ thử xem công phu ấy là như thế nào? Đều là công năng định lực. Địa vị Bồ Tát được phân biệt như thế nào? Phân biệt theo mức công phu Thiền Định sâu hay cạn. Đạt đến mức tối cao, Định ấy đã viên mãn rất ráo thì chân tướng tự sáng tỏ rạng ngời. Từ Thất Địa trở xuống, không thể thấy được chân tướng, nhưng có thể hiểu được lời đức Phật dạy, hiểu được ý Phật, tin sâu chẳng nghi, y giáo phụng hành. Đó là kiến lập tín tâm từ nơi Lý.

“*Niệm cực nhi không, Năng Sở song vong*” (Niệm đến cùng cực sẽ giống như là không, Năng lẫn Sở cùng mất), người ấy niệm hay không niệm? Niệm chứ! Niệm đến cùng cực sẽ giống như là không, đây chính là như trong phần sau có nói: “*Niệm nhưng vô niệm, vô niệm nhưng niệm*”, tâm và Phật cùng một Thể, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều không có. Vì sao? Tâm và Phật là một thể. Nếu có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước thì cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm

vẫn là đối đãi, tức là hai bên đối lập nhau, vẫn còn cái tâm ta niệm và đức A Di Đà Phật được niệm bởi ta, vẫn còn có năng niệm và sở niệm. Năng - Sở không còn nữa thì công phu ấy sâu xa. Cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm là một, không hai; đó là khế nhập cảnh giới.

Niệm nhưng vô niệm, vô niệm mà niệm, thử hỏi là niệm hay vô niệm? Niệm! Nhưng niệm mà vô niệm, vô niệm là niệm. Trên mặt Sự, quý vị thấy người ấy niệm, cầm xâu chuỗi niệm “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, không khác gì người niệm Phật bình thường cả; nhưng trên thực tế hoàn toàn khác hẳn người niệm Phật bình thường. Người niệm Phật bình thường chấp tướng, còn người kia niệm Phật không chấp vào bất cứ điều gì, Năng lẫn Sở đều mất. Tâm người ấy và Phật trí hợp thành một Thể, trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh là cái tâm năng niệm, cái thân năng niệm và chúng sanh trong hết thảy các cõi nước trọn khắp pháp giới hư không giới hợp thành một. Đây là Lý niệm.

“Do đạt Lý cố, thị viết Lý Trì” (Do thấu đạt lý nên gọi là Lý Trì). Lý Trì công phu đặc lực nhanh chóng hơn Sự Trì vì người ấy hiểu Lý nên công phu dễ đặc lực. Người ấy hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, nên trong tâm chẳng vướng mắc gì. Không thể chẳng thấu triệt Lý, không thể chẳng ngộ, ngộ nhập lý rất sâu là cảnh giới được chứng đắc bởi Phật và Pháp Thân Bồ Tát, cảnh giới ấy chính là Thật Tướng của các pháp. Phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay không cần đoạn mà tự nhiên chẳng còn nữa, vì sao? Quý vị biết mọi thứ đều là hư vọng; đã là hư vọng thì có còn gì để vướng mắc nữa ư? Quý vị còn phân biệt hay chấp trước nữa ư?

Ngay như tiên sinh Viên Liễu Phàm là một kẻ phàm phu mà ông ta đã biết như thế nào? Ông ta chỉ biết là Khổng lão tiên sinh tiên đoán cuộc đời của ông ta có số mạng nhất định, số mạng cả đời đã được định sẵn, không có lấy nửa điểm do con người quyết định, ông ta liền buông xuống, không còn có ý niệm tranh danh đoạt lợi nữa. Ông ta biết điều gì? Biết vận mạng cả đời đã được định sẵn, có muốn tranh cũng tranh không được, có muốn chẳng vâng theo số mạng ấy cũng không xong, [cho nên] cứ chiếu theo tám chữ do Khổng tiên sinh đã phê mà sống. Ông ta cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong Thiền Đường suốt ba ngày ba đêm mà chẳng dấy lên ý niệm nào. Vì nguyên nhân nào vậy? Ông ta đã biết vận mạng của mình, cho nên không còn có vọng niệm nữa! Công phu ấy rất cao, người biết chân tướng của nhân sinh và vũ trụ [sẽ có công phu] hoàn toàn giống như ông Viên Liễu Phàm.

Tiên sinh Viên Liễu Phàm không phải là chẳng muốn khởi vọng

tưởng, nhưng vì có khởi vọng tưởng cũng vô dụng, cho nên không khởi vọng tưởng. Còn người thực sự hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, sẽ tự nhiên không có vọng tưởng, nhập cảnh giới Phật; không giống như tiên sinh Viên Liễu Phàm còn thuộc vào cảnh giới phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Bởi thế, thiền sư Vân Cốc hỏi đến, ông ta nói ra, thiền sư Vân Cốc bèn cười ha hả: “Ta tưởng ông là hào kiệt, hóa ra thực sự là phàm phu. Ông vốn là một gã phàm phu rất đáng mến, rất hy hữu!” Trong mắt thiền sư Vân Cốc, họ Viên là đứa trẻ dễ dạy nên bèn dạy cho Liễu Phàm một chiêu để thay đổi vận mạng, tâm tưởng sự thành. Tiên sinh Liễu Phàm đạt được quả nhỏ, nếu gặp pháp môn Niệm Phật vắng sanh thì sẽ chứng được đại quả. Lý Trì và Sự Trì chúng tôi giảng đến đây thôi. Lại xem đoạn tiếp theo:

“*Nhất tâm bất loạn cai quát Quán Kinh tam tâm, chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm*” (Nhất tâm bất loạn gồm trọn ba tâm của Quán Kinh: chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm). Ngẫu Ích đại sư giảng rất hay, chân chánh niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ thì tâm ấy là tâm Vô Thượng Bồ Đề, xưa nay chưa có ai giảng như vậy, Ngài là người đầu tiên. Thực sự nhất tâm hệ niệm, ở đây chúng tôi nói là “*tin sâu không nghi, nhất tâm hệ niệm*” như trong Sự Trì thì tâm Bồ Đề trọn đủ.

Quý vị nghĩ xem nhất tâm có phải là chí thành tâm hay không? Nếu tâm không chân thành, làm sao có thể chuyên nhất cho được? Làm sao không xen tạp vọng tưởng cho được? Nhất tâm chẳng xen tạp vọng tưởng, không có hai niệm thì cái tâm ấy chân thành.

Thế nào là thâm tâm? Đã nhiều năm chúng tôi thường thưa cùng mọi người: Tâm thanh tịnh là thâm tâm, tâm bình đẳng là thâm tâm, tâm chánh giác là thâm tâm. Cổ nhân không nói như vậy, chúng tôi đọc rất nhiều chú giải, đại đa số đều giảng như sau: “*hiếu thiện, hiếu đức*” (ham điều lành, chuộng đức). Đó là nói chưa rõ rệt; nói cách khác, thâm tâm là tự lợi, tự thọ dụng, hiếu đức, hiếu thiện. Tôi nói ba tâm “*thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*” là nói rất cụ thể. Quý vị nghĩ thử xem: Ba cái tâm ấy có lành hay không? Có phải là đức hay không?

“*Phát nguyện hồi hướng tâm*” là tâm từ bi, tâm đại bi, đại từ đại bi. Quán Kinh nói Bồ Đề tâm gồm ba thứ, trong Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng nói đến ba loại. Khởi Tín Luận nói “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”. Chí thành tâm là trực tâm, thâm tâm kinh và luận nói giống nhau. Khởi Tín Luận nói “*đại bi tâm*”, còn Quán Kinh gọi là “*hồi hướng phát nguyện tâm*”. Hợp kinh và luận lại thì ý nghĩa càng rõ rệt, chúng ta

biết phải nên tu học như thế nào. Khoảng mười mấy năm trước đây, tôi viết hai mươi chữ sau đây tại Cựu Kim Sơn (San Francisco), Mỹ Quốc: “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác, từ bi, khán phá, phóng hạ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*” (Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật). Chúng ta tu hành phải nắm chặt tông cương lãnh, tông nguyên tắc ấy. Khởi tâm động niệm, xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống thường ngày, quyết định chẳng trái nghịch nguyên tắc này, chẳng mâu thuẫn cương lãnh này, chính là đang đi trên đường Phật vậy! Mười pháp giới là mười ngã đường, chúng ta chẳng đi lầm đường!

Phát nguyện hồi hướng, chúng tôi thường nói hồi hướng gồm ba loại: Hồi hướng Chân Như, hồi hướng Phật đạo, và hồi hướng chúng sanh. Quý vị thấy ba nguyện cuối cùng của Phổ Hiền Hạnh Nguyện chính là hồi hướng. Hồi hướng Chân Như là nguyện thứ mười, nguyện thứ mười của ngài Phổ Hiền là “*phổ giai hồi hướng*”; đây là hồi hướng Chân Như. Hồi hướng Phật đạo là “*thường tùy Phật học*” (thường học theo Phật); có chỗ giảng là hồi hướng Bồ Đề, Bồ Đề và Phật đạo có cùng một ý nghĩa. Thường học theo Phật là hồi hướng. Hồi hướng chúng sanh trong kinh vẫn nói rất rõ “*hằng thuận chúng sanh*”, câu này rất quan trọng! Đối với chúng sanh, Phật chẳng hề miễn cưỡng mảy may, luôn tùy thuận, tuy hằng thuận nhưng thời thời khắc khắc cảnh tỉnh khiến cho quý vị giác ngộ, khiến cho quý vị minh bạch. Vì vậy, mới nói đức Thế Tôn giáo hóa chúng sanh bằng “*phương tiện thiện xảo*”.

Phương tiện thiện xảo do đâu mà có? Do hằng thuận chúng sanh. Quý vị thấy trong hết thấy pháp môn, pháp thù thắng khôn sánh chính là pháp môn Niệm Phật này; đơn giản như vậy đó, dễ dàng như thế đó, thành tựu viên mãn rốt ráo như thế đó, nhưng chúng sanh không tin, Phật bèn giảng cho họ một pháp môn khác. Thích tham Thiền à? Được! Dạy người pháp môn Thiền; thích Mật à? Được! Dạy người pháp môn Mật. Thật chẳng ngại mất công, người thích môn gì bèn dạy người môn đó; vô lượng vô biên pháp môn đều là phương tiện tiếp dẫn, đến tới hậu bèn dạy cho pháp môn chân thật: Niệm Phật câu sanh Tịnh Độ. Vô lượng vô biên pháp môn đều nhằm dẫn quý vị vào thế giới Hoa Tạng; vô lượng vô biên pháp môn thấy đều quy vào Hoa Tạng! Đến được thế giới Hoa Tạng rồi, Văn Thù và Phổ Hiền [sử dụng] mười đại nguyện vương dẫn [các vị Pháp Thân đại sĩ] về Cực Lạc, phải hiểu được ý nghĩa như thế! Từ Hoa Nghiêm tôi đã thấy được điều ấy nên không còn đi lòng vòng nữa, đã hiểu rồi!

Lúc tôi mới phát tâm bèn học Giáo. Vì sao? Đối với những nghĩa lý trong kinh điển nhà Phật, tôi hết sức hâm mộ, nói thật ra đều là “*tiên nhập vi chủ*” (pháp nào học đầu tiên, pháp ấy là chánh yếu)! Vị thầy đầu tiên của tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ, cụ dạy tôi Phật giáo là triết học. Trong mắt cụ, Phật giáo là triết học. Lúc đó, lão nhân gia đã hơn bốn mươi tuổi, tôi mới hai mươi sáu. Cụ Phương đã hơn bốn mươi tuổi, là một triết gia trứ danh của Trung Quốc. Cụ bảo tôi: “*Hai phần mười kinh điển Phật giáo là triết học, đó là một nền triết học tối cao trên toàn thế giới*”. Lúc ấy, cụ dạy tôi học hai phần mười ấy. Thực ra, hai phần mười chính là gì? Trong mười tông phái Phật giáo, hai tông Pháp Tướng tông và Pháp Tánh tông thuần là triết học, siêu việt mọi nền triết học cổ kim Trung Hoa và ngoại quốc.

Cụ lại còn nói một câu đưa tôi vào cửa Phật: “*Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Câu nói ấy khiến tâm tôi chấn động mạnh. Tôi bắt đầu lui tới chùa miếu, lui tới chùa miếu nhằm mục đích gì? Tìm kinh Phật để xem. Lúc ấy, tôi nhận thấy ở Đài Bắc nơi lui tới hết sức thuận tiện là chùa Thiện Đạo; trong chùa Thiện Đạo có thư viện Thái Hư, hình như ở đây có đến hai pho Đại Tạng Kinh. Tôi thấy vậy mừng lắm. Không thể mượn về được nên những khi rảnh rỗi tôi đều đến thư viện Thái Hư để chép kinh, mang sổ tay theo chép kinh. Vào cửa Phật như vậy đó.

A! Bây giờ đã hết rồi!

*

Chư vị đồng học!

Trong phần trên tôi đã kể chuyện lúc cụ Phương còn tại thế đã đem Phật pháp giới thiệu cho tôi như thế nào. Kể từ khi tôi được quen biết thầy Phương, tôi được quen thầy vào lúc thầy đang tuổi trung niên cho đến tuổi vãn niên suốt cả hơn ba mươi năm, tôi thấy cụ hoàn toàn dụng công nơi kinh điển, nhất là trong thời gian ấy, Đài Loan lần lượt ấn hành bộ Đại Chánh Tạng và Vạn Tục Tạng của Nhật Bản. Sau khi hai bộ Đại Tạng Kinh ấy được ấn hành, cụ Phương gần như dốc toàn bộ thời gian và tinh lực nơi hai bộ ấy. Khi Đại Học Đài Loan mở lớp triết học Phật giáo, cụ giảng về Phật học thời Ngụy - Tấn, Phật học thời Tùy - Đường, giảng Phật học Đại Thừa. Về già, cụ rời Đại Học Đài Loan về hưu, Đại Học Phụ Nhân mời cụ giảng triết học Hoa Nghiêm cho phân ban tiến sĩ. Cả đời cụ thích kinh Hoa Nghiêm nhất; nói thật ra, tôi ưa

thích kinh Hoa Nghiêm cũng là do chịu ảnh hưởng của lão nhân gia.

Thế nhưng đến lúc về già (lúc đã thực sự có rất nhiều sách vở kinh điển rồi), cụ thực sự thay đổi quan điểm, không còn giống như lúc mới vừa dạy tôi (chỉ quan tâm đến Tánh tông và Tướng tông) mà tông nào cụ cũng nghiên cứu. Hết sức đáng tiếc là đang độ cụ chín mươi về Phật pháp, cụ lại mất. Cụ mất năm bảy mươi chín tuổi, tức năm 1977. Hình như đúng lúc đó tôi đang giảng kinh Lăng Nghiêm ở Hương Cảng, hình như cụ đã qua đời đến ngày thứ ba hay ngày thứ tư gì đó, tôi mới về được Đài Loan để tham gia lễ kỷ niệm truy điệu cụ. Ở đây, tôi chỉ nói như vậy thôi.

Lại xem tiếp đoạn thứ tám: *“Diệu hạnh thắng quả, bất khả tư nghĩ”* (Diệu hạnh, quả thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn). Trong đoạn này chia thành chín tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là *“lâm chung trừ chướng”*, *“vãng sanh Cực Lạc, lâm mạng chung thời, thánh chúng lai nghêh, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh”* (vãng sanh Cực Lạc, lúc lâm chung, thánh chúng đến đón, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh). Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。

(Người ấy lúc sắp mạng chung, A Di Đà Phật và các vị thánh hiện ra trước mắt. Người ấy lúc mạng chung, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).

Đoạn kinh văn này thật tuyệt diệu. Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai đến tiếp dẫn quý vị vậy? Chính đích thân giáo chủ A Di Đà đến tiếp đón, chẳng giống như nay chúng ta di dân đến quốc gia nào, lúc chúng ta đi, Tổng Thống không đến tiếp đón, Bộ Trưởng cũng không đến đón. Quý vị hãy nghĩ coi: Mình cảm thấy như thế nào? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai đến tiếp đón mình? A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, lại còn có các đại Bồ Tát, Thanh Văn đều đến hoan nghêh, tiếp đón mình. Thế nhưng điều kiện vãng sanh ở đây không hề nói là phải nhất tâm bất loạn, hay quá! Vì sao? Công phu nhất tâm bất loạn mỗi cá nhân chúng ta chưa thể thực hiện được, *“tâm không điên*

đảo” mà thôi! Nghĩa là sao? Câu này bao gồm cả lúc lâm chung một niệm hay mười niệm đều được vãng sanh. Lúc lâm chung một niệm hay mười niệm tức là vừa mới đạt công phu thành phước.

Như trong những phần trước, tôi đã kể cùng quý vị chuyện ông Châu Quảng Đại ở Washington DC, ba ngày trước khi mất mới được nghe pháp môn này, nhờ vào đâu mà được vãng sanh? “*Tâm không điên đảo*”. Bởi thế, cái ải trọng yếu nhất trong một đời người là gì? Lúc lâm chung, chết trong sáng suốt, minh bạch, rất trọng yếu đấy nhé! Nếu lúc lâm chung mê hoặc, điên đảo, không biết chi hết (ta thường nói là “hôn mê”), thậm chí không nhận ra người nhà quyến thuộc, cứ nhìn trừng trừng: “Người là ai vậy?” Vấn đề nghiêm trọng lắm, người ấy khó thể vãng sanh; chẳng những khó vãng sanh mà trong trạng huống như thế, quá nửa bị nghiệp lực dẫn kéo. Nghiệp lực dẫn kéo chính là hạnh nghiệp cả một đời: Quý vị tạo thiện nghiệp đi vào hai đường trời - người; tạo ác nghiệp bèn đi vào ba ác đạo. Nhưng quý vị phải hiểu: Thiện nghiệp thì lâm chung có phước báo, tinh táo.

Bởi thế, lúc lâm chung đầu óc rất sáng suốt, không mê hoặc chút nào, người lớn, trẻ nhỏ trong nhà, thân thích, bè bạn đều nhận rõ từng người, biết rất rõ thì người ấy chắc chắn chẳng đọa tam đồ. Nếu người ấy không niệm Phật, không cầu vãng sanh, cũng đi vào hai đường trời - người. Đó là đại phước báo! Người Trung Quốc nói tới ngũ phước, phước cuối cùng trong ngũ phước là chết tốt lành, chết rất sáng suốt, tinh táo. Chết tốt lành thì đời sau sanh vào chỗ tốt, quý vị thấy điều này càng trọng yếu hơn chứ? Liên quan đến đời sau của quý vị đấy! Con người tu phước, nói thật ra, tổ sư đại đức dạy chúng ta tu phước nhưng không hưởng phước, phước báo dành để hưởng vào lúc nào? Để dành hưởng lúc lâm chung, lâm chung không bị bệnh khổ, biết trước lúc mất, tinh táo, sáng suốt, niệm Phật, Phật đến tiếp dẫn là phước báo bậc nhất, không phước báo nào lớn hơn được nữa!

Vì thế, phước báo cả đời chỉ nhằm cầu điều này, không cầu chi khác; đây là người thực sự có trí huệ, thực sự thông minh. Bình thời hưởng sạch hết phước, lúc lâm chung không có phước nên mê hoặc, điên đảo, tu hành cả đời trở thành chuyện nghi vấn. Cổ nhân thường nói: Đến lúc lâm chung, do công phu của quý vị đã tu không đặc lực nên sẽ gặp phải hiện tượng ấy. Vì thế câu “*tâm không điên đảo*” rất trọng yếu! Chúng ta nhất định phải cầu điều này, có cầu được như vậy không? Phước báo đó thôi!

Tâm địa thuần thiện thuần tịnh, dẫu chúng ta chưa đạt được chữ

“thuần”, nhưng phải đạt đến mức thanh tịnh, lương thiện, tâm lành, tư tưởng lành, hạnh lành. Trong cả đời cam chịu thua thiệt, chịu nhường nhịn, có thể nhẫn nhục, không tranh cùng người, không cầu nơi sự, thân tâm được an ổn, đó chính là phước báo. Cuộc sống bình lặng, đạm bạc, miễn sao qua ngày. Nếu có phước báo càng lớn hơn thì bố thí, cúng dường cho những chúng sanh khổ nạn, lúc lâm chung hưởng phước báo “*tâm không điên đảo*”, phước báo ấy hiện tiền. Bởi thế, cả đời luôn nghĩ đến người khác, không tự tư tự lợi; nếu tự tư tự lợi e rằng lâm chung sẽ bị điên đảo, bị mê hoặc. Bất luận tu một pháp môn nào, dùng công phu nào, lâm chung hề bị mê hoặc là xong, không có cách chi trợ niệm được!

Thế nhưng chúng ta thấy có rất nhiều trường hợp, lúc mất về mặt người chết khó coi, sau khi được trợ niệm mấy giờ đồng hồ về mặt bèn hết sức dễ nhìn, nhưng điều ấy không có nghĩa là người ấy được vãng sanh. Về mặt trông dễ coi hơn là chuyện nhất định! Vì sao? Bao nhiêu người đưa đến những tin tức tốt lành cho người mất; giống như làm thí nghiệm kết tinh nước: Bao người dùng thiện ý đối với nó, để đáp lại, nước kết tinh hết sức đẹp đẽ; đạo lý là như vậy. Tuy thần thức người chết đã ly khai, không còn hít thở nữa, tim cũng không đập nữa, nhưng nhục thể vẫn còn. Mỗi một tế bào nơi nhục thể đều thấy nghe hay biết, đều có thể tiếp nhận những thông tin bên ngoài. Lúc ấy thông tin trợ niệm là thông tin tốt đẹp nhất: “A Di Đà Phật!” Từ thông tin ấy, chúng kết tinh đẹp nhất, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này!

Vì vậy, bình thời phải nuôi dưỡng ý niệm yêu thương, cảm ân, thời thời khắc khắc dùng thiện ý, thiện tâm đối đãi hết thầy người, hết thầy sự vật, sẽ được đáp ứng hết sức tốt đẹp, có thể biến địch thành bạn, hóa oán thành thân. Vì sao không làm được? Kinh Phật khuyên dạy chúng ta, nhưng có lúc đúng là chúng ta tâm ý hời hợt: Phật chưa từng được thấy, kinh điển chẳng biết là do ai viết, rốt cuộc là thật hay giả đây? Đúng là tuyệt đại đa số người học Phật chớ nghĩ họ rất kiên thành, thật ra họ bán tín bán nghi, vì sao? Công phu không đặc lực!

Nay đã có khoa học chứng thực, khiến cho mức độ khả tín của những gì kinh Phật đã giảng càng sâu thêm; khoa học chứng minh những điều đó là thật chứ không giả. Nay chuyện nước kết tinh đã hé lộ phần nào sự tình ấy. Chúng tôi nghe nói ở thành phố Đài Bắc có rất nhiều học sinh Tiểu Học làm thí nghiệm, thấy đều thành công. Bữa nay có đồng học hạ tải bảy bản báo cáo về các thí nghiệm của học sinh Tiểu Học từ Internet; tôi đã coi kỹ một lượt, hy vọng các vị đồng học cũng có thể làm thí nghiệm, tự mình đích thân làm. Làm đối với những gì? Làm đối với

hết thấy vạn sự vạn vật. Trong học viện của chúng ta, cây cối hoa cỏ rất nhiều, mỗi ngày mỗi người dùng thiện ý đối với bụi hoa, đối với cây: “Người trồng trồng rất đẹp, ta thích người lắm”. Nói với chúng những câu ấy, thành tâm thành ý nghĩ như vậy thì chúng càng lớn càng đẹp, báo đáp mà!

Có thể dùng ý xấu đối với thức ăn, dùng dùng ý xấu đối với cây cỏ hoa lá. Dùng ý xấu đối với cây cối, hoa lá, chúng sẽ chết khô, rất đáng tiếc, hoàn toàn dùng thiện ý. Ý xấu là bình thường mình ăn trái cây gì, quý vị có thể dùng thiện ý, ác ý hay mặc kệ đối với chúng. Có thể làm ba thí nghiệm như vậy. Đối với những cây cối hoa lá, hy vọng quý vị đều dùng thiện ý, chớ dùng ác ý, thành tâm thành ý yêu thương che chở chúng. Trong sân chúng ta lại có rất nhiều chim, so ra học viện hơi ít chim; tại Highfields là nơi tôi ở, chim rất nhiều, động vật nhỏ rất nhiều, chúng ta đều dùng thiện tâm, thiện ý thực sự yêu thương che chở, trở thành bè bạn của chúng, chúng đều có linh tánh!

Quý vị thấy chúng tôi dùng thiện ý đối với kiến, gián, chuột, chúng tôi dùng thiện ý đối đãi chúng. Nay chỗ chúng tôi ở rất sạch sẽ, những con vật nhỏ đều ở ngoài sân, đều ở bên ngoài, chẳng vào nhà gây rối. Chúng tôi nhất định không gây tổn thương cho chúng, chúng cũng không gây rắc rối cho chúng tôi! Quý vị thấy cùng sống hòa bình tốt đẹp như thế đó. Coi chúng như là bè bạn, như đồng tham đạo hữu. Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tiếng niệm Phật, băng giảng kinh phát ra không gián đoạn, bọn động vật nhỏ đều nghe, cây cối hoa cỏ cũng nghe âm nhạc, cũng nghe giảng kinh. Huống chi kinh Hoa Nghiêm đã giảng: Cây có thần cây, hoa có thần hoa, cỏ cũng có thần linh. Vũ trụ bộ máy sống động, chứ không chết cứng, hết sức sống động. Chúng ta nhận biết, hiểu rõ, cùng tồn tại, cùng thịnh vượng với thiên nhiên, vui vẻ ưa thích, cùng nhau hợp tác. Chỉ cần quý vị có thành ý, cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: “*Tinh thành sở chí, kim thạch vị khai*” (lòng thành chuyên rờng đến cùng tột, vàng đá cũng phải nứt); thầy Lý bảo là “*chí thành cảm thông*”.

Virus bệnh SARS chính là vi khuẩn mang chất độc, chúng ta chí thành cảm thông thì chất độc ấy chuyển biến thành chất dinh dưỡng tốt nhất, đây mới là biện pháp giải quyết, nhất định chẳng được sát hại. Nếu giết chết, tiêu diệt nó thì không được, dùng nên có ý niệm ấy. Có ý niệm ấy, nó liền biến đổi, càng biến thành độc hơn, vì sao? Nó chống cự lại. Hai bên cùng thù ghét nhau; có sao không dùng tâm yêu thương? Có sao chẳng dùng thủ đoạn hòa bình? Đôi bên kính yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau cùng thành tựu, tốt hơn nhiều! Bởi vậy, một câu “*tâm không điên đảo*”

trong kinh vẫn hay làm sao! Hết sức là hay! Có như vậy mới có thể vãng sanh. Tiếp đó là đoạn “*ta thấy điều lợi này*”. Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn ấy. Kinh nói như thế này:

Xá Lợi Phát! Ngã kiến thị lợi cố thuyết thử ngôn: Nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(*Này Xá Lợi Phát! Ta thấy điều lợi ấy nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy*).

“Ngã” ở đây là Thích Ca Mâu Ni Phật, đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật thấy điều lợi ích ấy, lợi ích gì vậy? “*Tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh, lâm mạng chung thời, thánh chúng lai nghênh*” (Tâm không điên đảo, liền được vãng sanh, lúc lâm chung thánh chúng đến đón). Thích Ca Mâu Ni Phật tự thấy điều lợi ích khôn sánh như thế. Quý vị thấy đó: Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật rất tốt, Bồ Tát rất tốt, không có chút tranh chấp gì. Trong thế gian này, quý vị muốn gặp hàng quan to quý nhân cũng không gặp được, còn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hằng ngày gặp mặt chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát. Quán Âm, Thế Chí nắm tay cùng đi, tay nắm tay nhau cùng tản bộ, chuyện vãn. Các Ngài là tay phải, tay trái của A Di Đà Phật; quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thường chẳng rời khỏi các Ngài. Trong thế gian hiện tại đây, không sao được như vậy. Nay mình là học trò còn đang đi học, mình có được gặp mặt hiệu trưởng hằng ngày hay không? Hằng ngày có thân cận thầy giáo hay không? Chẳng dễ đâu!

Nhất là hiệu trưởng, có rất nhiều học sinh từ lúc mới nhập học cho đến khi tốt nghiệp cũng chỉ thấy mặt hai ba lần, khoảng cách rất xa, khó thể nói đàm câu với hiệu trưởng. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các vị thượng thiện nhân ấy đích thân đến đón quý vị, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy sự lợi ích ấy. Nêu lên lợi ích quan trọng nhất là “*hoành siêu ngũ trược, lúc lâm chung không điên đảo*”, tức là khi sắp chết tâm không điên đảo. Chữ “*ngũ trược*” chỉ thế giới Sa Bà, chúng ta gọi là “tam giới lục đạo”. Lúc lâm chung, “*đệ lục Ý Thức dĩ bất hành, đệ bát thức tập khí loạn phát*” (thức thứ sáu là Ý Thức đã không còn hoạt động nữa, tập khí trong thức thứ tám loạn động), nên

gọi là “*loạn tâm vị*” (địa vị tâm tán loạn). Đó chính là tướng trạng của tâm điên đảo vậy.

Vì sao bị điên đảo khi lâm chung? Kinh điển của Pháp Tướng Tông giảng tình huống con người khi lâm chung rất tường tận. A Lại Da Thức (tức thức thứ tám) “*tiên lai, hậu khứ, tác chúa công*” (đến trước, đi sau, làm ông chủ). Lúc đầu thai, thức này đến trước tiên. Lúc đưa bé đã phát triển toàn vẹn, được sanh ra thì tám thức đều có đủ, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý đều có đủ; nhưng lúc mới nhập thai thì không có, chỉ có thức thứ tám. Thức thứ tám được gọi là “*thần thức*”, nó đến đầu thai. Khi người ta chết đi, bảy thức trước dần dần chẳng thể khởi tác dụng nữa, tợ hồ đều không có; nhưng thức thứ tám vẫn còn, thức thứ tám rời đi sau cùng.

Trong kinh, đức Phật giảng cho chúng ta biết: Sau khi con người tắt thở, thức thứ tám sẽ rời thân lúc nào? Ước chừng sau tám tiếng đồng hồ; tám tiếng sau khi tắt thở thì thức thứ tám mới rời thân; thân thể thực sự không hay biết nữa thì phải mất tám tiếng đồng hồ [sau khi tắt thở]. Nhưng tám tiếng đồng hồ là đa số, có một số người rất tham ái thân thể, không buông xuống được, rất có thể phải đến mười hai tiếng hay mười bốn tiếng đồng hồ sau thần thức mới rời khỏi thân. Có rất ít người, vô cùng ít, đã nhiều ngày mà A Lại Da Thức chẳng chịu rời đi, chúng ta gọi hạng người ấy là “*thủ thi quý*” (quý giữ xác). Kẻ ấy không rời được thân xác này, chấp trước quá đỗi, Ngã Chấp quá nặng. “*Loạn tâm vị*” chướng ngại việc vãng sanh.

Ở đây chúng ta phải hiểu rõ “*nhất tâm hệ niệm*” rất quan trọng. “*Tin sâu chẳng nghi, nhất tâm hệ niệm*”, đó chính là bí quyết tu hành để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lúc lâm chung không điên đảo, sáng suốt, tỉnh táo, minh mẫn, đức Phật thấy điều ấy rất rõ ràng nên khuyên dạy chúng ta “*ung đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy), không có gì trọng yếu hơn được nữa. Lại xem tiếp đoạn kế tiếp:

“*Sự Lý nhị trì, nhất tâm bất loạn*” (Sự Trì và Lý Trì, nhất tâm bất loạn). Sự Trì cũng tốt, Lý Trì cũng hay, bất luận thế nào chúng ta trì danh niệm Phật nhằm mục đích gì? Mục đích là cầu nhất tâm bất loạn. Đoạn này giảng chuyện này rất nhiều, vì sao vậy? Hết sức quan trọng. “*Bất vị Kiến Tư loạn cố, cảm Hóa Thân Phật hiện tiền, sanh Đồng Cư Phương Tiện Độ*” (Chẳng bị Kiến Tư làm loạn, cảm được Hóa Thân Phật hiện ra trước mặt, sanh vào cõi Đồng Cư hay Phương Tiện Độ). Đó là gì vậy? Chính là Sự nhất tâm bất loạn. Ở đây, điều kiện là phải thực sự chế ngự, khuất phục được Kiến Tư phiền não; người niệm Phật có Cảm,

đức Phật liền ứng. Quý vị thấy được thân Phật nào? Hóa Thân của Phật. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí trăm ngàn ức Hóa Thân, hóa hiện các thân đến nghênh tiếp, quyết định chẳng để sót. “Người vãng sanh nhiều như thế, A Di Đà Phật có quên mình hay không?” Quý vị đừng khởi vọng tưởng như thế! Chắc chắn A Di Đà Phật không quên, vì sao? Quý vị có Cảm thì sự Cảm đó giống như làn sóng điện, quý vị có nguyện vọng cầu Phật đến tiếp dẫn; đức Phật thấu nhận ý niệm ấy, sẽ tự nhiên hóa thân đến đón mình.

Kiến Tư phiền não rất phiền toái! Nhất định phải chế ngự, khuất phục chúng, phải thường tu tập công phu ấy, nay ta muốn thực hiện thì phải làm như thế nào? Vẫn là một câu nói cũ rích: “Buông xuống!” Buông những gì xuống? Nói chung là buông hết thảy chấp trước, chớ có chấp trước, buông xuống hết thảy phân biệt. Chỉ cần quý vị có phân biệt, chấp trước thì sẽ bị phiền phức liền, tạo thành chướng ngại liền. Quý vị có chướng ngại như vậy thì khi lâm chung chẳng thấy Phật đến tiếp dẫn. Lúc lâm chung thấy Phật chứng tỏ công phu đã có thể chế ngự Kiến Tư phiền não nên quý vị mới thấy được Phật; không khuất phục được Kiến Tư phiền não sẽ chẳng thấy được Phật. Bởi thế, trợ niệm lúc lâm chung rất tốt, đúng là giúp ích rất lớn. Bởi lẽ, có rất nhiều người niệm Phật đến lúc lâm chung, bình thời không buông xuống được, lúc sắp mất, biết không mang theo được gì, lúc ấy tâm niệm Phật hết sức khẩn thiết, vô cùng chân thật, lại có người khác cùng niệm theo thì công đức ấy càng thù thắng vô cùng. Đưa một người vãng sanh là giúp cho người ấy thành Phật, có phải là công đức lợi ích càng thù thắng hơn hay không? Chế phục Kiến Tư phiền não sẽ sanh về cõi Đồng Cư, Phạm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ.

Loại thứ hai là “*bất vị nhị biên sở loạn, cảm Báo Thân Phật lai nghênh, sanh Thật Báo Tịch Quang nhị độ*” (chẳng bị nhị biên làm loạn, cảm Báo Thân Phật đến đón, sanh vào hai cõi Thật Báo và Tịch Quang). Đây là Lý nhất tâm bất loạn, là công phu cao. “*Bất vị nhị biên sở loạn*” (chẳng bị nhị biên làm loạn) tức là ngay cả vọng tưởng cũng bị chế ngự. Vọng tưởng là Vô Minh phiền não. “*Chẳng bị nhị biên làm loạn*” chính là nhập pháp môn Bất Nhị. Trong phần trên đã nói đến Lý Tri, người ấy hiểu rõ Lý. Cảnh giới niệm Phật của người ấy là Năng - Sở cùng mất: Cái tâm niệm Phật và đức Phật được niệm dung hợp thành một thể; thông thường, người niệm Phật và đức Phật được niệm là hai, chẳng thể hợp thành một. Người niệm ở đây nhập Bất Nhị pháp môn, có thể dung hợp năng niệm và sở niệm thành một thể, người ấy cảm được Báo Thân

của A Di Đà Phật. Tướng Báo Thân rất lớn, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ hay Thường Tịch Quang Độ, thực sự là “*hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh*”. Về tới Tây Phương Cực Lạc thế giới hoa liền nở ngay.

Sự việc này khiến chúng tôi nghĩ: Đối với với kinh giáo Đại Thừa, chỉ có huân tập lâu dài kinh giáo Nhất Thừa của Đại Thừa mới dần dần tỉnh ngộ, mới dần dần hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nhất là những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Lăng Già. Những đại kinh đại luận ấy quả thật giúp chúng ta thông đạt Thật Tướng của các pháp, giúp chúng ta khế nhập cảnh giới Như Lai. Chúng ta thực sự nhận hiểu hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc, kinh Bát Nhã giảng như vậy đấy! Trước hết, kinh dạy quý vị phải buông thân tâm, thế giới xuống; buông xuống xong lại dạy quý vị đem thân tâm của chính mình và Thật Tướng của các pháp dung hợp thành một Thế, quý vị sẽ nhập cảnh giới Phật. Toàn bộ vũ trụ là chính mình, là chân tâm của chính mình, là bổn tánh của chính mình, là Pháp Thân của chính mình.

Đại Bồ Đề tâm hiện tiền, tâm chân thành trọn khắp pháp giới hư không giới, thâm tâm của quý vị chính là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác trọn khắp hư không pháp giới; tâm từ bi chính là tâm phát nguyện hồi hướng khắp hết thấy chúng sanh trong các cõi nước trọn hư không pháp giới. Với cảnh giới ấy, khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ hay Thường Tịch Quang Độ! Tiểu Ngã của chúng ta hòa với Đại Ngã của vũ trụ thành một, “*chẳng bị nhị biên làm loạn*”. Nhị Biên là như tôi vừa mới nêu thí dụ đấy: Thân ta là Tiểu Ngã, vũ trụ là Đại Ngã. Đại - Tiểu là Nhị Biên; nay biết không có lớn hay nhỏ thì đại - tiểu là một, không hai, tiểu vũ trụ và đại vũ trụ là một. Đây là thực sự giác ngộ, triệt đề giác ngộ, trong nhà Thiền gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Chúng ta lại xem tiếp đoạn tiếp theo [trong sách Yếu Giải]:

“*Đương trì trì danh, giản dị trực tiếp, chí đốn, chí viên, dĩ niệm niệm tức Phật cố, bất lao quán tưởng, bất tất tham cứu, đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm*” (Nên biết trì danh giản dị, thẳng chóng, chí viên, chí đốn. Do niệm niệm chính là Phật nên chẳng phải nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu, viên minh ngay tại đó, không thừa, không thiếu). Mấy câu này luận rất hay, giảng hết sức tuyệt diệu! Ở đây, Tổ Sư dạy chúng ta phải “*đương trì*” (nên biết): Các người phải nên biết rằng: Chấp trì danh hiệu, tín nguyện trì danh đơn giản lắm! Trong tám

vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có pháp môn nào đơn giản như thế này; tìm lấy một pháp môn nào khác đơn giản như thế này tìm không ra! Dễ dàng quá! Không ai chẳng thể niệm, một câu A Di Đà Phật đơn giản, dễ dàng, nhưng chớ có xem thường, vì sao vậy? Nó viên đốn nhất, thù thắng nhất trong Phật pháp, là đại pháp viên đốn khó có nhất. “Viên” là viên mãn, không thiếu sót chút nào, “đốn” là đốn siêu (vượt thoát nhanh chóng), chẳng phải mất một thời gian dài. Pháp này là như vậy đó!

Do đâu mà thấy viên mãn? Hãy xem lúc lâm chung, Phật và Bồ Tát đến tiếp dẫn, quý vị nói xem có phải là Viên hay không? Do đâu mà thấy là Đốn? Kinh nói từ một ngày đến bảy ngày, có pháp môn nào khác có thể thành công trong bảy ngày được chăng? Thực sự tìm không ra! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và trong Vãng Sanh Truyện, quả thật là có những người từ một ngày đến bảy ngày bèn thành tựu. Không nói dối đâu! Đốn siêu mà! Bởi thế, pháp môn này được gọi là pháp môn cả viên lẫn đốn đều đạt đến tột đỉnh, không gì hơn được nữa, chí viên, chí đốn!

Tiếp đó, tổ Ngẫu Ích viết: “*Dĩ niệm niệm tức Phật cố*” (Do niệm niệm chính là Phật), phải hiểu đạo lý này. Hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật, phải biết điều này, đó là sự thật, xác thực quý vị vốn là Phật. “*Vốn sẵn*” nghĩa là lúc nào vậy? Chính là trong hiện tại. Hiện tại quý vị vốn đã là Phật, nhưng quý vị mê không giác. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói căn tánh của sáu căn là Phật tánh. Phật tánh có đặc tánh là thấy nghe hay biết, có thể thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được, đây là đặc tánh của tự tánh. Đặc tánh ấy bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không một, không khác, chẳng có, chẳng không, trọn khắp hư không pháp giới. Ở mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai gọi là tánh Nghe, ở miệng, ở mũi, ở thân gọi là tánh Cảm Nhận, ở ý gọi là tánh Biết, thấy - nghe - cảm nhận - biết là sẵn có, đó là Phật. Tôi có, anh có, tất cả hết thấy vạn vật đều có, chẳng những hết thấy vạn vật có mà hư không cũng có. Vì sao? Hư không cũng do tâm hiện, đã do tâm biến hiện thì làm sao không có cho được?

Vì sao chúng ta ra nông nổi này? Do mê mất tự tánh, do tự tánh Phật bị mê; vì mê nên biến thành phàm phu. Nay chúng ta niệm Phật, niệm Phật là đem tự tánh niệm ra; nay chúng ta lại làm Phật. Ta vốn sẵn là Phật, nay lại làm Phật, há có đạo lý chẳng thành Phật được ư? Niệm niệm chính là Phật, chẳng cần phải nhọc sức quán tưởng, chẳng dùng đến quán tưởng. Quán tưởng phiền phức quá, cũng chẳng cần phải tham cứu. Chẳng cần phải nhọc công quán tưởng tức là không cần dùng đến mười sáu pháp Quán, rắc rối quá! Chẳng cần tham cứu là chẳng cần

dùng đến phương pháp của Thiên tông. “Đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm” (Ngay nơi đó viên minh, không thừa không thiếu), hết sức viên mãn, không mảy may thiếu khuyết gì, cho thấy pháp môn này chân thật, rốt ráo, đại viên mãn.

A! Nay đã đến giờ rồi!

Tập 27

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiêu đoạn thứ tư của đoạn thứ tám “*diệu hạnh thắng quả, chẳng thể nghĩ bàn!*” Chúng tôi đọc nguyên văn sách Yếu Giải một lượt:

“*Thượng thượng căn bất năng du kỳ khôn, hạ hạ căn diệc năng trăn kỳ vực, kỳ sở cảm Phật, sở sanh độ, vãng vãng thắng tán, diệc bất nhất khái, khả vị hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời. Sở dĩ, triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thâm thán kỳ nan tín dã*” (Thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này, hạ hạ căn cũng có thể đến được cõi ấy. [Do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng nhất loạt giống nhau⁷⁶. Có thể nói [pháp môn Tịnh Độ] theo chiều ngang gồm trọn tám giáo, theo chiều dọc suốt thấu năm thời. Bởi thế, do tâm bi triệt để [nên đức Phật] không ai hỏi tự nói, lại còn than thở sâu xa là pháp khó tin). Nguyên văn trong sách Yếu Giải viết như vậy, phải nói là hay tuyệt diệu, quả thật đúng như thế. Ý Ngẫu Ích đại sư muốn nói: Pháp môn này quả thật độ thích hợp trọn khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều gồm thâu. Thượng thượng căn chẳng thể vượt ra khỏi được; chữ “*Khôn*” (閻: cửa thành, cửa ngõ) nói như bây giờ là “phạm

⁷⁶ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Bảo Tịnh trong Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký: “*Kỳ sở cảm Phật phân vi Pháp, Báo, Ứng tam thân. Kỳ sở sanh độ phân Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang tứ độ. Nhất vãng như thị, nhược cánh tán nhi luận, tặc nhất thân viên cụ tam thân, nhất độ viên nhiếp tứ độ, nhi trì danh công hạnh nhi hữu thiển thâm, kỳ vãng sanh liên đài hữu cao đê, cố tứ độ các phân tam bối cứu phẩm, bất đắc nhất khái chi luận*” (tạm dịch: Đức Phật [mà người vãng sanh cảm được] chia thành ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng thân; cõi nước người ấy sanh về chia thành bốn cõi Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang. Một phen sanh về là như vậy, nếu bàn ở một mức độ cao hơn thì một thân trọn đủ ba thân, một cõi nhiếp trọn bốn cõi; nhưng công hạnh trì danh có sâu hay cạn nên đài sen vãng sanh có cao hay thấp. Vì thế, mỗi cõi đều chia thành ba bậc chín phẩm, chẳng thể nói là giống hệt như nhau được!)

vi”, chẳng thể vượt ra ngoài được. Hạ Hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy. Đức Phật mình cảm được, cõi mình được sanh tùy theo công phu của mỗi người có mỗi tầng cấp sau lại thù thắng hơn tầng cấp trước. Thắng (勝) là thù thắng, Tấn (進) là tiến triển, luôn nâng cao, cũng không giống hết nhau; bởi lẽ, thế giới Tây Phương có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, nhưng ai nấy đều có phần.

Trong phần giảng về chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh, đại sư Thiện Đạo đã giảng về chuyện này hết sức hay! Do các đại đức thuở trước cho rằng ba phẩm vãng sanh bậc Thượng là để Bồ Tát vãng sanh, ba phẩm Trung là Thanh Văn, Duyên Giác vãng sanh; còn phàm phu đời nghiệp vãng sanh chỉ có thể vãng sanh trong ba phẩm Hạ. Chiếu theo cách giải thích của cổ đức, đối với bậc Thượng và bậc Trung, bọn phàm phu chúng ta tuyệt không có phần, Thiện Đạo đại sư không giảng như vậy. Theo truyền thuyết, Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, lời Thiện Đạo đại sư chính là lời A Di Đà Phật tự nói. Lão nhân gia giảng: “*Bốn cõi ba bậc chín phẩm đều là do gặp duyên không giống nhau!*” Càng nghĩ càng thấy lời giảng ấy có lý! Nếu phàm phu gặp được duyên thù thắng cũng có thể vãng sanh trong Thượng Trung Phẩm, cũng có thể trong một đời sanh về cõi Thật Báo; giống như lời Ngẫu Ích đại sư giảng ở đây: “*Vãng vãng thắng tấn, diệt bất nhất khái*” ([Do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng thể nói là nhất loạt giống hết như nhau), gặp duyên bất đồng mà! Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát nếu không gặp duyên thù thắng cũng chẳng thể sanh vào cõi Thật Báo, cũng không có cách gì vãng sanh trong bậc Thượng được! Bởi thế đều là do “*gặp duyên bất đồng*”. Do vậy, chúng ta phải coi trọng cái duyên, phải tiếc quý cái duyên, thực sự chẳng dễ gặp được duyên đâu!

Nay chúng ta có duyên phận với nơi đây, mọi người ở đây nhưng không nhận biết, đúng là “thân hưởng phước, nhưng chẳng biết mình có phước”. Quý vị rời bỏ hoàn cảnh này đi qua nơi nào khác thì mới nhận biết [duyên phận tốt đẹp ở nơi đây]. Ở chỗ này, cơm, áo, ăn, ở không phải bận lòng; dầu không dư dật lắm, nhưng đúng là ăn no, mặc ấm, nhà cửa đủ để che nắng đụt mưa, hoàn cảnh an định. Có thể nói là trong xã hội hiện tại, thiên thời, địa lợi, nhân hòa, ba điều kiện này chúng ta đều có đủ, quý vị tìm đâu ra được!

Đạo tràng mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày niệm Phật. Ngay sau khi vừa xây cất xong Niệm Phật Đường chúng ta bèn sử dụng liền, mở

rộng cửa suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Chúng tôi chọn cách làm theo lời dạy của lão pháp sư Đắc Nhân: Niệm mệt bèn nghỉ ngơi! Liều phòng ở gần ngay đó, nghỉ khỏe rồi lại mau chóng dụng công. Muốn nghiên cứu giáo pháp thì nghiên cứu, muốn niệm Phật thì niệm Phật. Không niệm Phật thì nghiên cứu giáo pháp, không học giáo pháp thì niệm Phật. Hoàn cảnh tu học như vậy tìm đâu ra được! Tài liệu trong thư viện nói chung là hoàn bị; có thiếu sót gì chúng tôi đều nghĩ hết mọi cách để thu thập. Ở nơi đây mà không biết quý tiếc duyên phận, hằng ngày bỏ luống uổng, đáng tiếc quá, không còn gì tiếc hơn nữa!

Mọi người phải tự mình phát tâm, chứ không phải do bị người khác ép buộc. Phát cái tâm đầu tiên là truyền thừa chánh pháp của Như Lai. Hiện tại, người giảng kinh thuyết pháp trong thế gian này rất ít, ai nấy đều biết rõ cổ nhân thường nói: “*Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân*” (Người có thể hoằng đạo chứ đạo không thể hoằng người). Phật pháp hưng hay suy là do sức người. Phải là người như thế nào? Có đạo đức, có học vấn. Đạo đức là đoạn phiền não, chứng Bồ Đề; học vấn là trừ tà kiến, mở mang trí huệ. Mười phương thiện tín cúng dường đạo tràng này; vì sao họ cúng dường đạo tràng? Hy vọng quý vị có thành tựu, mong mỗi Phật pháp có truyền nhân; không có người truyền, Phật pháp sẽ diệt, chứ không chỉ suy bại đâu! Hy vọng đời đời có người truyền thừa, đó là điều thứ nhất. Chúng tôi đã tự nghĩ đến điều này, nhưng làm không được vì không có năng lực, chẳng đủ điều kiện hoằng pháp lợi sanh, nên phải quyết định cầu vãng sanh. Đó chính là thành tựu.

Ở phần trên đã nói, một đệ tử Phật chân chánh có hai con đường; cả hai con đường đều là chánh đạo. Trong thực tế, truyền thừa đại pháp của Như Lai không phải là chuyện dễ, chúng tôi tự biết mình không có năng lực ấy! Đức hạnh lẫn học vấn đều không đủ. Khi tôi còn ở Đài Trung, thầy Lý mở lớp dạy giảng kinh, tôi không dám tham gia. Thầy Lý khuyên tôi tham gia, tôi không dám, tự nghĩ mình không hội đủ điều kiện. Lúc thầy Lý lên lớp, bảo tôi: “Ông cứ dự thử xem, nghe một buổi là được rồi!” Tôi đến dự, dự xong, tôi rất cảm động. Với cách học như thế, tôi cân nhắc, so đo năng lực thấy mình cũng kham được nên bèn theo học lớp giảng kinh.

Sau này, thầy Lý bảo tôi: “Chuyện ấy thật khó, thật không dễ dàng. Hoằng pháp lợi sanh phải thông đạt pháp thế gian lẫn xuất thế gian”. Khi ấy, thầy nêu thí dụ về pháp thế gian: “Đừng nói chi khác, chỉ đơn giản là bộ Tứ Khố Toàn Thư, anh có hiểu hết hay không? Trên kệ sách trong giảng đường của chúng ta có một bộ Tứ Khố Toàn Thư và

một bộ Tứ Khố Hội Yếu⁷⁷, cả hai bộ đều hoàn chỉnh. Anh có hiểu hết hay không?” Đã thông đạt pháp thể gian rồi, lại còn phải thông đạt Phật pháp. Phật pháp ư? Trong tủ sách có bộ Đại Tạng Kinh, ở đây chúng tôi có mười loại bản in Đại Tạng Kinh khác nhau, không có cách nào hiểu hết, làm không nổi! Chưa kể tôi là kẻ trung niên xuất gia, hai mươi sáu tuổi mới được nghe Phật pháp, ba mươi tuổi mới xuất gia, quá chậm! Không đủ sức! Chúng tôi đọc trong Cao Tăng Truyện thấy tổ sư đại đức các đời xuất gia từ nhỏ, mười lăm, mười sáu tuổi đã có căn cơ vững chắc về kinh sách rồi. Bất luận đức hạnh hay học vấn đều có căn bản tốt đẹp cả! Chúng tôi đúng là kẻ nửa đường xuất gia, mất dê mới sửa chuồng, chỉ có liều chết phát phần nỗ lực, giống như đi học bổ túc⁷⁸, học được chút ít, làm sao có thể hoằng pháp lợi sanh?

Vì thế, thầy Lý mới dạy: “Con đường chánh quy chúng ta không đi được, không cách gì đi được, phải đi theo con đường đặc biệt. Con đường đặc biệt ấy là con đường nào? Cầu cảm ứng!” Nói cách khác, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Nếu không cầu Phật, Bồ Tát gia trì, cứ cậy vào sức

⁷⁷ Tứ Khố Toàn Thư (tên đầy đủ là Khâm Định Tứ Khố Toàn Thư) là tổng tập tất cả các tác phẩm văn học của Trung Quốc từ năm 1773 đến 1782, được biên soạn dưới đời nhà Thanh theo lệnh của vua Càn Long, đứng đầu nhóm biên soạn là Kỷ Quân và Lục Tích Hùng. Gọi là Tứ Khố vì sách được chia thành bốn thể loại chính: Kinh, Sử, Tử, Tập. Sách này gồm hơn 10.000 bản thảo từ thời Tiên Tần cho đến những năm đầu đời Thanh. Bộ sách này dày đến 2,3 triệu trang sách và khoảng 800 triệu chữ! Do Tứ Khố Toàn Thư quá lớn, tuổi đã cao, không thể nào có thời gian đọc hết, vua Càn Long hạ lệnh cho triều thần biên soạn một bộ sách khác, có thể nói đơn giản là tóm tắt nội dung trọng yếu của những sách được thu thập trong Tứ Khố Toàn Thư. Công trình này Mẫn Trung và Vương Tế Hoa làm chủ biên, và cũng được chia thành bốn phần Kinh, Sử, Tử, Tập. So với Tứ Khố Toàn Thư, công trình này có giá trị cao hơn vì được biên tập thận trọng và giáo chánh tỉ mỉ hơn.

⁷⁸ Chúng tôi tạm dùng chữ này, tuy không chính xác. Nguyên văn là “bổ tập ban” (補習班, tức cram class), tức là những khóa học nhằm dạy cho học trò một số kỹ năng cần thiết, hoặc chỉ chú trọng một vài môn học đặc biệt, dạy nhồi nhét trong một thời gian ngắn để học sinh có thể trúng tuyển một kỳ thi bắt buộc nào đó như thi tuyển vào Đại Học hoặc thi lấy chứng chỉ hay giấy phép cho một nghề. Do vậy, nếu dùng chữ “luyện thi” thì cũng không ổn, chúng tôi tạm dùng chữ Bổ Túc vì tại Việt Nam khái niệm “bổ túc văn hóa” hoặc “chuyên tu tại chức” cũng mang tính chất học đối phó nhằm giật lấy mảnh bằng theo yêu cầu của cấp trên đòi hỏi. Ở đây, Hòa Thượng dùng chữ này với ý khiêm hư, Ngài nói toàn bộ học vấn Phật pháp của Ngài chẳng có gì, học kinh giáo chỉ là nói cho rõ ràng, đơn giản, rành mạch để người nghe có thể hiểu kinh giáo, hoàn toàn là dựa theo chú giải của người xưa để nói lại, chứ bản thân chẳng hiểu gì về kinh giáo cho mấy!

mình, chắc chắn không thể thành tựu được. Cậy vào Phật, Bồ Tát có được hay không? Chỉ cần quý vị có tâm chân thành, chí thành cảm thông mà! Tôi giữ lấy hai chữ này: Một là Thành, hai là Kính. Từ nhỏ, tôi đã được cha mẹ, thầy giáo, trưởng bồi dạy cho chữ Kính, tôi có chữ ấy, kính người, kính sự, kính vật. Còn Thành không đủ, bị phiền não tập khí che lấp chân thành, [có được chữ] Thành là nhờ thầy Lý vun bồi cho tôi. Một đời nhờ vào hai chữ “thành kính” ấy, chân thành đến cùng cực, cung kính đến cùng cực; dùng những điều ấy để cầu cảm ứng.

Vì thế, trên tòa giảng kinh, tôi cũng đã nhiều lần thưa cùng quý vị rồi, tôi đâu có năng lực giảng kinh! Bất quá là lên tòa giảng đưa thân thể cho Phật, Bồ Tát mượn dùng, nhờ Phật, Bồ Tát gia trì, dùng thân miệng tôi để truyền đạt mà thôi. Thật vậy đó! Vì thế, từ nhiều năm qua rất nhiều đồng tu biết rõ, tôi giảng kinh không chuẩn bị sẵn, giảng cái gì cũng không biết. Giảng xong, quý vị hỏi lại, tôi ngơ ngác không biết gì. Có người thâm âm lại cho tôi nghe, tự hồ mình có nói, Phật lực gia trì mà! Nếu có chút gì tư tâm, có chút lòng danh vọng, lợi dưỡng, sẽ không có cảm ứng. Toàn tâm toàn ý hộ trì chánh pháp, vì lợi ích chúng sanh, chẳng vì chính mình. Vì chính mình thì một câu A Di Đà Phật đã đủ rồi, đã thành công rồi, đâu cần phải làm gì khác nữa!

Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, chúng ta phát tâm được Phật, Bồ Tát gia trì thì sự việc không khó khăn gì. Quý vị muốn thực sự được Phật, Bồ Tát gia trì thì phải nhớ kỹ: Tâm chân thành, cung kính đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật thì mới được cảm ứng. Dùng tâm thái như vậy để cảm thì Phật, Bồ Tát bèn ứng. Hai con đường ấy là nhân duyên hy hữu của chúng ta, bất luận đi theo con đường nào, chỉ cần dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, sẽ đi được con đường ấy thông suốt.

Vì người khác diễn nói, “*diễn*” là trọng yếu, diễn là tự mình phải làm. Tự mình không làm được, khác nào lặp lại những phương thức và lý luận như kinh Phật đã giảng, còn chính mình chưa từng thử làm; chính mình phải thực hiện để lấy kinh nghiệm. Ngày nay nói đến khoa học thì khoa học xem nặng vấn đề thực nghiệm, ta phải làm được! Nếu thực sự thông hiểu kinh luận thì có thể giảng cho người khác nghe được, còn nếu như chính mình có nghi hoặc sẽ chẳng thể giảng được! Chớ nên làm người khác bị lầm lạc, đừng chỉ sai phương hướng, mục tiêu cho người khác, chịu trách nhiệm nhân quả lớn lắm đấy, mình phải gánh lấy trách nhiệm! Câu chuyện dã hồ Thiên trong nhà Thiên là thật, không giả đâu! Chuyện ấy cảnh tỉnh chúng ta rất mạnh, chớ nói năng bừa bãi, chỉ e nói

sai!

Nếu chúng ta không thể thuyết pháp, đối với kinh giáo chưa nghiên cứu kha khá thì cứ khuyên người ta niệm Phật chắc chắn sẽ không sai. Nói cho biết sự cảm ứng của việc Niệm Phật, kể chuyện trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hay Vãng Sanh Truyện cho người ta biết, nói như vậy là không sai lắm chút xíu nào! Có chỗ nào tốt cho mình thì cũng sẽ tốt cho người, tự lợi, lợi tha. Há chẳng phải là pháp sư Oánh Kha đời Tống bị cảm động bởi Vãng Sanh Truyện đó sao? Thấy người ta ai niệm cũng đều vãng sanh, nên Sư mới hạ quyết tâm: “Ta cũng phải cầu vãng sanh!” Không có chi khác, do thành kính nên cảm được A Di Đà Phật hiện đến. Quý vị thấy Sư ra đi tự tại, tiêu sái đến thế, Ngài vì chúng ta diễn nói đây! Biểu diễn cho chúng ta xem, chuyện như vậy là thật, không giả đâu. Bởi thế, pháp thế gian hay xuất thế gian đều nằm trong “*thành kính*”.

Tôi đã từng thưa với các đồng học, một đời tôi có ba vị thầy tôi hết sức cảm kích, niệm niệm không quên: Tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi biết, nếu không do thầy, tôi chẳng vào cửa Phật được. Vì sao? Tôi mang lòng bài xích Phật giáo, sách nhà Phật tôi không màng xem. Nếu tiên sinh Phương Đông Mỹ không tiếp dẫn, tôi chẳng có cơ hội này. Tôi học với Chương Gia đại sư ba năm, Ngài dạy tôi “*khán phá, phóng hạ*” (thấy thấu suốt, buông xuống), dạy tôi “*bổ thí*”. Trước kia tôi không hề có ý niệm ấy, tôi học Phật có một chút thành tựu như thế này, căn cơ là sáu chữ ấy. Thầy Lý dạy tôi bốn chữ “*chỉ thành cảm thông*”.

Tôi học Phật hơn năm mươi năm, tuân thủ những giáo huấn, cương lĩnh, nguyên tắc thầy dạy ấy, vĩnh viễn không tách lìa. Không chân, không thành thì cả pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều không có căn bản, sẽ trôi nổi, dẫu trong mạng có phước báo đi nữa, cũng chỉ là như hoa đàm thoáng hiện, thật đấy, không sai đâu, không có cội rễ mà! Thành kính là căn bản của thế gian lẫn xuất thế gian. Ấn Quang đại sư dạy người ta: “*Đôn luân, tận phạt, nhàn tà, tồn thành*” (Trọng vẹn luân thường, tận hết bỗ phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành). Quý vị nghĩ xem: Nếu không có thành kính sẽ làm không được. Nếu có thành kính thì quý vị sẽ hiểu được lời tỏ Ấn Quang dạy, sẽ vui sướng, hết sức tự nhiên y giáo phụng hành.

Thấy thấu suốt là thực sự thấu hiểu chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thực sự hiểu thấu chân tướng của xã hội hiện tại, trong xã hội này, trong một đời này, quý vị có thể vĩnh viễn giữ được tâm bình khí hòa,

chẳng bị lay động. Chúng sanh làm chuyện tốt bậc bất thiện, quý vị cũng chẳng nổi nóng, vì sao? Quý vị thấy rất rõ ràng, giống như kinh Pháp Hoa đã nói: “*Như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bốn mặt cứu cánh*” (Nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn rốt ráo như vậy). Đó là thấy thấu suốt vậy! Dầu thế gian biến hóa như thế nào đi nữa, tâm chúng ta hơi bị ảnh hưởng một tí (nếu không lay động há chẳng phải đã thành Phật rồi hay sao?), nhưng nó không gây ảnh hưởng lớn. Chẳng như lúc chưa học Phật, tâm bị dao động rất lớn, sóng to gió lớn, có lúc cuồng hoan, có khi phẫn nộ. Thấy thấu suốt rồi, dầu cảnh duyên tốt đến đâu cũng chẳng cuồng hoan (vui sướng như phát cuồng), dầu cảnh duyên xấu đến đâu cũng chẳng phẫn nộ, gọn sóng rất nhẹ, không cao. Thường giữ được tâm bình khí hòa, tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Phải hiểu đạo lý này! Nhất là người niệm Phật, cảnh duyên hiện tiền bèn chấp tay niệm một câu A Di Đà Phật, chuyện gì cũng đều dẹp yên được hết.

Kể đó là mấy câu “*khả vị hoàn cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời*” (có thể nói là theo chiều ngang bao trùm tám giáo, theo chiều dọc thấu suốt năm thời), có nghĩa là tín nguyện trì danh bao gồm toàn bộ tất cả Phật pháp. Ngẫu Ích đại sư thuộc tông Thiên Thai bên Giáo, tuổi già quy hướng Phật Di Đà. Lúc trẻ, Ngài học giáo nghĩa Thiên Thai nên trước thuật, diễn giảng đều dùng giáo nghĩa tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai nói đến tám giáo “Tạng, Thông, Biệt, Viên, Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định”. “*Năm thời*” là thứ tự giảng kinh trong bốn mươi chín năm của Thích Ca Mâu Ni Phật, thứ nhất là Hoa Nghiêm, thứ hai là A Hàm, thứ ba là Phương Đẳng, thứ tư là Bát Nhã, thứ năm là Pháp Hoa - Niết Bàn. Niết Bàn là thời tối hậu được giảng trong một ngày một đêm. Năm thời tám giáo là như vậy đó! Toàn bộ Phật pháp của cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật đều được bao hàm trong tín nguyện trì danh.

Câu cuối cùng nói rất hay: “*Sở dĩ, triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thán kỳ nan tin dã*” (Bởi thế, bi tâm triệt để, không ai hỏi tự nói, lại còn than thở sâu xa là pháp khó tin). Kinh Di Đà không ai khái thỉnh, đức Thế Tôn tự mình nói ra, không ai hỏi mà Ngài tự nói. Đó là lòng từ bi đến cùng cực! Các người không biết có một pháp môn tối thù thắng như thế, các người đã không biết đương nhiên chẳng thể hỏi, chẳng hỏi, ta cũng nói. Pháp môn này khó tin, quả thật khó tin. Những tôn giáo thông thường hay nói: “Ai tin sẽ được cứu, người nào tin thì có phước”. Áp dụng vào pháp môn Tịnh Độ thì câu nói đó tuyệt hay chẳng thể diễn tả được. Nếu quý vị tin tưởng thì đúng là quý vị có phước, nếu tin thì

trong một đời này sẽ thực sự được cứu, siêu phàm nhập thánh! Bởi vậy, nay chúng ta báo ân Phật, báo ân cha mẹ, báo ân thí chủ, báo ân chúng sanh thì có hai phương thức: Một là niệm Phật cầu vãng sanh, hai là truyền thừa Phật pháp.

Học viện này của chúng ta là học viện Tịnh tông, chúng ta truyền thừa pháp môn Niệm Phật. Kinh điển của chúng ta là năm kinh một luận, quý vị nhất định phải biết năm kinh một luận là căn bản và cơ sở của chúng ta. Phải thành tựu trên cơ sở này, nếu có sức lực dư thừa thì mới có thể lạm dự các pháp Đại Thừa khác. Nếu không đủ sức, hãy chuyên chú nơi kinh điển của tông mình. Chúng tôi tin rằng nếu quý vị dụng công suốt mười năm nơi kinh điển của tông chúng ta, quý vị sẽ thừa sức học các kinh giáo khác nhằm mở rộng sức ảnh hưởng của giáo nghĩa Tịnh tông, học rộng, dẫn chứng rộng rãi, biện tài vô ngại. Quý vị tiếp xúc biết bao chúng sanh trong xã hội hiện đại chẳng thể không có năng lực thuyết phục. Muốn có đủ sức thuyết phục thì đối với giáo nghĩa của Phật giáo, chẳng những là giảng được giáo nghĩa của một tông mình, mà còn giảng được giáo nghĩa các tông phái, lại còn hiểu biết giáo nghĩa của các tôn giáo khác trên thế giới, cho đến khoa học, triết học, rất nhiều lý luận học thuật và tư tưởng trọng yếu đều phải hiểu rõ thì quý vị mới có thể ứng phó được.

Thế nhưng quý vị phải hiểu: Chẳng học theo cách hiện tại, học theo cách bây giờ là hỏng! Học vấn phải có thứ tự. Ở Trung Quốc vào thời cổ, phương pháp học tập của đạo Nho và đạo Phật không giống phương pháp hiện tại. Phương pháp hiện tại là vừa bắt đầu đã học rộng nghe nhiều, tôi nghe người ta nói như thế này: Học vấn hiện thời giống như Kim Tự Tháp, trước hết là rộng, dần dần đến cuối cùng là đỉnh nhọn, đến cuối cùng chuyên dốc sức nơi một môn, tức là từ học rộng tới tinh chuyên. Nhà Phật hoàn toàn ngược lại, mở đầu là thâm nhập một môn. Phật pháp giống như một cái cây to, trước hết mọc rễ (căn bản), rồi sau đây mới phát triển nhánh nhóc, cành, lá, hoa, quả, phát triển như vậy đó. Phát triển như thế là sống động; còn lối học giống như Kim Tự Tháp thì đến tột đỉnh sẽ chẳng thể đột phá, chết cứng. Cây to, thiên niên thân mộc, sống mãi, mỗi năm nảy cành mới, mỗi năm trở hoa mới, kết quả mới, sống động! Vì thế, phải đổ công phu nơi một bộ kinh, một bộ kinh tối thiểu phải học một, hai năm; rễ càng sâu thì tiền đồ mai sau càng lớn. Nếu hạ quyết tâm nơi con đường truyền thừa thì phải học mười năm. Học viện chúng ta dự định chín năm, mỗi năm chuyên đổ công nơi một thứ, trong mười năm ấy, lấy sách vở Tịnh tông làm căn bản, tức năm

kinh một luận, trông rể cho ổn đã!

Đối với kinh Vô Lượng Thọ, chúng tôi chọn bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư; thực sự học tập thì phải tham khảo năm bản dịch gốc, nay bản này đã có người chỉnh lý tốt rồi, quý vị không cần phải nhọc công, cứ nghiêm túc nỗ lực nghiên cứu là được. Học kinh Vô Lượng Thọ thì tham khảo bản Vô Lượng Thọ Sớ của ngài Tiểu Huệ Viễn⁷⁹, tham khảo bản Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, đều là những bản có căn cứ. Quán Vô Lượng Thọ Kinh thì tham khảo bản Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo, bản Diệu Tông Sao của Thiên Thai đại sư. Xưa kia, tôi đã giảng Tứ Thiếp Sớ, Tứ Thiếp Sớ là trước tác của ngài Thiện Đạo. Thiện Đạo đại sư là vị tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ tông, Ấn Quang đại sư hết sức tán thán. Tương truyền ngài Thiện Đạo là A Di Đà Phật tái lai. Kinh Di Đà thì học các sách Sớ Sao, Yếu Giải, Viên Trung Sao; đó là ba bản chú giải [trọng yếu]. Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương thì có bản Sớ Sao của ngài Quán Đảnh giảng rất tường tận, trong quá khứ tôi cũng đã giảng rồi. Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm thì có bản Sớ của Thanh Lương đại sư, lời Sao của Tông Mật đại sư hết sức phong phú, tức là bản Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Sớ Sao. Những bản này chúng ta đã từng ấn hành để lưu thông với số lượng lớn, ở đây chúng ta có đủ cả, những thứ này thuộc về tông của chúng ta mà! Một luận là Vãng Sanh Luận. Đối với những kinh sách của tông mình, quả thật phải học mười năm thì gốc rể mới sâu dày.

Mười năm sau, nếu quý vị có hứng thú sẽ học qua sách vở của các tông phái khác. Đã định vững căn cơ trong Phật pháp rồi quý vị mới có thể học qua sách vở các tông phái khác cũng như hết thấy học thuật, triết học, khoa học thế gian, khi tiếp xúc sẽ thấy không khó hiểu, vừa tiếp xúc bèn dễ dàng hiểu rõ. Trong việc truyền thừa Phật pháp, quý vị mới gây được căn cơ; phải dùng chân tâm, tâm chân thành cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Phải cầu Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, phải cầu Tỳ Lô Giá Na Như Lai, phải cầu A Di Đà Phật, cầu chư đại Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, Di Lặc, Địa Tạng, chư Phật, Bồ Tát gia trì, thì con đường ấy sẽ đi được rất thuận lợi. Nhất định chẳng được kiêu căng, ngạo mạn, quyết định chẳng được có danh văn, lợi dưỡng; đấy là ma chướng. Trong tâm quý vị thanh tịnh, bình đẳng, thực sự vì muốn chánh pháp được tồn tại lâu dài, vì lợi ích hết thấy chúng sanh, ma chướng dầu nhiều

⁷⁹ Tức ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn đời Tùy, gọi là Tiểu Huệ Viễn để phân biệt với Lô Sơn Huệ Viễn (sơ tổ Tịnh tông) đời Tấn.

quý vị vẫn thuận lợi vượt qua được. Mỗi lần trải qua một ma chướng, tôi tin cảnh giới của quý vị lại được một lần nâng cao thêm.

Vì thế, chúng ta thường phải nghĩ đến chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, đức Thế Tôn bi tâm triệt để, không ai hỏi mà tự nói. Ngày nay chúng ta thiên duyên⁸⁰ gặp gỡ, nếu chính mình chẳng chịu phát tâm chân thành là bỏ lỡ rồi, thật đáng tiếc! Chẳng nghiêm túc nỗ lực tu học trong đạo tràng này thì quý vị chướng đạo, tạo nghiệp nơi đạo tràng này. Bởi lẽ trong đạo tràng này chỉ có hai con đường, không thể lưng chừng: Không phải là phước thì là tội. Chỉ có hai đường như vậy. Nếu chúng ta ở đây tu phước, tu huệ thì vẫn là tạo tội nghiệp hay sao? Chính bản thân chúng ta phải tự suy nghĩ điều ấy.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Hãy xem tiếp tiểu đoạn thứ năm:

“Ngã đẳng kim nhật do bất khảng tử tâm niệm Phật, nhược dục chấp xao môn ngỗ tử, hướng ốc lý đã thân sinh da nương, tắc ư chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã” (Chúng ta ngày nay vẫn không chịu chết lòng⁸¹ niệm Phật, nếu muốn cầm hòn ngói gõ cửa để chọi cha mẹ ruột đang ở trong nhà thì thành ra ác nghịch đối với chư Tổ, chứ không phải thiện thuận vậy). Mấy câu này thoát nghe qua không dễ hiểu. Ngẫu Ích đại sư đối với những kẻ tập khí tham Thiền chưa đoạn, dầu niệm Phật vẫn cứ phải khán câu *“niệm Phật thị thù?”* (người niệm Phật là ai), Tổ đối với những kẻ ấy mà nói như thế. Trong Tông Môn tức Thiền tông, trong đạo tràng Thiền tông, khóa tối đều niệm kinh A Di Đà, cũng niệm A Di Đà Phật, cũng nhiều Phật, nhưng bọn họ niệm Phật phải đề khởi câu *“người niệm Phật là ai?”*

Câu nói ấy giống như hòn ngói dùng để gõ cửa. Hiện thời không

⁸⁰ Thiên duyên (天緣): Duyên gặp gỡ hiếm hoi, lạ lùng. Hòa Thượng dùng chữ thiên duyên (duyên trời cho, không phải là thiện duyên) để nhấn mạnh cơ hội hy hữu, ngàn kiếp khó được này.

⁸¹ Tử tâm (chết lòng) là không còn ý niệm so đo mong ngóng, đứng núi này trông núi nọ, trọn hết lòng tin tưởng, chuyên tâm nhất ý niệm Phật, ví von cõi lòng đã nguội lạnh như người đã chết, không còn sôi nổi toan tính cầu may, chấp trước, hoàn toàn bất động trước những lời thuyết giáo dụ hành nhân bỏ pháp môn này tu theo pháp môn khác.

còn dùng hòn ngói để gõ cửa nữa, hiện thời đến cửa nhà ai cũng có chuông điện; quý vị nhân chuông người trong nhà sẽ biết có khách đến. Hiện nay truyền thông phát triển, bởi thế, chúng ta muốn đến viếng thăm ai đều phải liên lạc trước, trước hết phải gọi điện thoại [cho biết] lúc nào sẽ đến, chẳng cần phải gõ cửa nữa. Trước kia, không có những phương tiện thông tin thuận tiện như vậy, chúng ta đến thăm bè bạn không có cách gì liên lạc trước cả, đến nơi bèn gõ cửa. Ở ngoài cửa, quá nửa là nhà nào cũng có sân, không giống như bây giờ phạm vi cư trú rất nhỏ; trước kia nhà nào cũng có sân, vì thế nhà nào cũng đều có cổng lớn. Cổng lớn chính là cửa trở nơi tường vây quanh sân, từ đấy đi vào trong nhà khá xa.

Khách đến thì làm sao? Phải gõ cửa. Gõ cửa thông thường dùng vòng cửa. Nay quý vị có thể thấy trong tranh vẽ, trên cổng gắn hai cái vòng sắt tròn, để làm gì? Dùng để gõ cửa. Phải là nhà giàu mới có, nhà bần tách bình dân không có những thứ cổng tường tráng lệ như thế; toàn là vách đất thấp, hoặc bện tre làm rào giậu, nhưng vẫn có cổng. Gõ cửa bằng cách nào? Nhặt lấy một hòn ngói hoặc một viên đá dưới đất gõ vào cổng cho người trong nhà nghe tiếng ra mở cổng. Đó gọi là “*xao môn ngõa tử*” (hòn ngói gõ cửa); tức là một hòn ngói hay một viên đá dùng gõ cổng cho chủ nhân đáp ứng, biết có người đến. Gõ cổng xong bèn quăng viên đá đi.

[Tổ Ngẫu Ích] dùng hình ảnh này để tỷ dụ bậc tổ sư đại đức trong Tông Môn dạy ta khán câu thoại đầu “*người niệm Phật là ai?*” Phía sau câu này [trong cuốn Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa], pháp sư Viên Anh chú giải rất hay: Người tham Thiền vốn dụng ý rất khéo, nếu ta có thể tùy thuận tổ sư đại đức thì phải hiểu ý tổ sư đại đức, câu thoại đầu ấy nhằm kêu gọi chúng ta quay đầu. Nếu ta không hiểu ý tổ sư đại đức: “*Người niệm Phật là ai?*” hằng ngày cứ suy nghĩ lung tung, người niệm Phật rốt cuộc là ai? Ta rốt cuộc là ai? Thì là làm mất rồi. Đó là câu khêu gọi nghi tình, chứ không phải để khởi vọng tưởng. Rất nhiều khi tham thiền lại biến câu thoại đầu ấy thành vọng tưởng, như vậy là hoàn toàn không hiểu ý tổ sư, làm mất rồi! Dùng hòn gạch để gõ cửa, bên trong đã có người đáp ứng thì lẽ ra phải vứt đi, nay lại cầm trong tay; người ta mở cửa bèn lấy nó chọi người ta, còn ra thể thống gì nữa! Nói như vậy để tỷ dụ những kẻ không hiểu ý tổ sư đại đức, hiểu lầm ý nghĩa, biến thành suy nghĩ lung tung, hoàn toàn phá hoại công phu niệm Phật. Ở phần trên đã giảng về Niệm Phật rất nhiều rồi, mục đích [của niệm Phật] là nhằm cầu nhất tâm bất loạn, quý vị lại thêm vọng tưởng vào, làm sao đạt nhất

tâm bất loạn cho được? Làm sao đắc công phu thành phiên được? Câu thoại đầu ấy có nghĩa là “chẳng được xen tạp vọng tưởng”!

“*Tắc u chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã*” (Thì thành ra kẻ ác nghịch đối với chư Tổ, chứ không phải là thiện thuận vậy). Về căn bản, quý vị không hiểu ý tổ sư, chẳng biết cách tham cứu lời chỉ dạy của tổ sư nên rớt vào chỗ khởi vọng tưởng nơi ý thức, chuyện như vậy rất nhiều. Tham Thiên: Tham là tham cứu, chứ không phải là nghiên cứu. Người hiện tại chỉ biết nghiên cứu, chứ không thể tham cứu; nghiên cứu là vọng tưởng. Vì sao? Nghiên cứu dùng tâm ý thức, không lìa được tâm ý thức. Tham cứu không dùng tâm ý thức, phải lìa cái tâm ý thức để tham, đó là Thiên. Nếu không lìa được tâm ý thức, lại sử dụng tâm ý thức, bèn trở thành suy nghĩ lung tung, hiểu sai hết ý nghĩa.

Tổ sư thấy quý vị niệm Phật mong giúp quý vị nâng cao cảnh giới niệm Phật; kết quả quý vị bị lầm lạc, phá hủy sạch công phu niệm Phật. Chúng tôi biết rõ tình trạng này nên dạy người tuyệt đối không dùng phương pháp nhà Thiên, cứ chất phác niệm Phật là tốt rồi. Bởi thế, khẩu yếu nhất là “*chết lòng niệm Phật*”, “*chết lòng*” (tử tâm) nghĩa là hết thấy tất cả mọi ý niệm đều buông xuống hết, nên gọi là “*tử tâm*” (lòng như chết, ý nói: không còn ham muốn, vọng tưởng, phân biệt lăng xăng nữa). Trong mười hai thời, chỉ một câu Phật hiệu bèn thành công. Niệm được nhất tâm hay không cũng không quan trọng, cốt sao công phu thành phiên thì vãng sanh sẽ nắm chắc. Nói đến nhất tâm bất loạn thì nói thật ra, chưa chắc một đời này chúng ta có thể đạt được. Thế nhưng công phu thành phiên chắc chắn có thể đạt được, vì sao quý vị không làm? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ cũng viên chứng ba thứ Bất Thoái, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát! Điều này chẳng thể nghĩ bàn, pháp khó tin lắm! Đức Phật nói như vậy đây, không phải người bình thường nói đâu! Lại xem tiếp đoạn dưới.

“*Ác nghịch chi nhân*” (người ác nghịch), Nghịch là tạo tội Ngũ Nghịch, Ác là tạo Thập Ác, tức kẻ tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, “*lâm chung thập niệm, nhất niệm, Hạ Hạ phẩm sanh*” (lâm chung mười niệm hay một niệm, vãng sanh Hạ Hạ phẩm). Ở đây, Ngẫu Ích đại sư nêu thí dụ, nêu thí dụ thấp nhất là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh. “*Tịnh thị túc nhân thành thực, cố ngộ thiện hữu, vãn tiện tín nguyện*” (Đều là túc nhân chín muôi, nên gặp bạn lành, vừa nghe liền tin tưởng, phát nguyện). Qua A Xà Thế Vương Kinh, chúng ta thấy vua A Xà Thế tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, Quán Kinh nói ông ta giết cha, hại mẹ, câu kết với Đề Bà Đạt Đa phá hòa hợp Tăng; Đề Bà Đạt Đa làm thân Phật chảy máu; đó là hai

kẻ ác. Tội nghiệp ấy là tội Vô Gián địa ngục, Đê Bà Đạt Đa đọa vào Vô Gián địa ngục. Vua A Xà Thế lâm chung sám hối, tội Ngũ Nghịch Thập Ác nhưng lâm chung sám hối, đúng là mười niệm hay một niệm bèn vãng sanh; nhưng ông ta không vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm.

Trong kinh ấy, đức Thế Tôn dạy: Vua A Xà Thế vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc Thượng Phẩm Trung Sanh. Chúng ta đọc đến đoạn kinh này, đúng là hết sức khó tin. Nếu nói là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, chúng ta không hoài nghi, nhưng Thượng Phẩm Trung Sanh chúng ta bèn hoài nghi: “Tạo tội nghiệp nặng dường ấy, niệm Phật vãng sanh trong phẩm vị cao dường ấy, là do đạo lý gì vậy?” Điều này khiến cho chúng tôi nghĩ đến Trung Quốc trong quá khứ có một câu ngạn ngữ: “*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (kẻ lãng tử hồi đầu, vàng chẳng đổi được). Ông ta thực sự chân thành sám hối, công đức chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, chúng ta hiểu rõ: Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung mười niệm hay một niệm vãng sanh, tùy thuộc vào sức mạnh của lòng sám hối. Cái tâm sám hối, ý niệm sám hối của người ấy hoàn toàn chân thật, chân thành đến cùng cực thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Từ chuyện vua A Xà Thế, ta thấy kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lâm chung mười niệm hay một niệm vãng sanh, phẩm vị có thể là từ Hạ Hạ phẩm đến Thượng Trung phẩm, không giống nhau! Xét kỹ người ấy tâm chân thành sám hối, ý niệm chân thành đạt đến mức độ nào, Ở đây, đức Phật cũng dạy chúng ta một câu hết sức hay, Ngài dạy câu gì vậy? “*Tuyệt đối chẳng được coi thường người tạo tội nghiệp*”, đúng là phải nghiêm túc tu tập hạnh nguyện thứ nhất của ngài Phổ Hiền “*lễ kính chư Phật*”. Đối với những kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, chúng ta phải chân thành lễ kính, vì sao? Không chừng lúc họ lâm chung gặp được thiện tri thức, mười niệm hay một niệm vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc phẩm vị cao hơn chúng ta, ta không bằng họ! Nay chúng ta coi thường họ, xem nhẹ họ, tương lai đến Cực Lạc thế giới gặp mặt nhau cũng ngại ngùng. Chúng ta chỉ biết họ trong một đời này, đâu có biết đời quá khứ.

Nửa đoạn sau, Ngẫu Ích đại sư nói: “*Thử sự vạn trung vô nhất, khởi khả kiêu hãnh, Tịnh Độ Hoặc Vấn xích thử tối tường, kim nhân bất khả bất độc dã*” (Việc này trong một vạn [trường hợp], chưa được một [trường hợp], há thể cầu may, sách Tịnh Độ Hoặc Vấn chỉ trích việc này rất tường tận, người hiện thời không thể không đọc vậy). Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn nay được gộp trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thập Yếu là tác phẩm do ngài Ngẫu Ích biên tập. Nói thật ra, người Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung vãng sanh đều là do túc nhân chín mươi, công

phu tu Tịnh nghiệp trong quá khứ rất giỏi, lẽ ra được vãng sanh, vì sao không được? Lúc lâm chung gặp phải chướng duyên! Đây là điều chúng ta phải hết sức chú ý, phải cẩn thận. Người niệm Phật lúc lâm chung, người tại gia trông thấy con cái, cháu chắt trong nhà, nhất là những đứa cháu mình thương mến, lúc lâm chung sắp mất, cháu đến kêu rộ, buông không được. Thế là xong! A Di Đà Phật đến đón, thấy như vậy, Phật lại đi, người ấy không theo được.

Vì thế, các sách Sứ Chung Tu Tri (những điều cần biết để giúp đỡ người lâm chung) và Sứ Chung Tân Lương (hướng dẫn trợ niệm lâm chung) dạy chúng ta khi đưa tiễn người vãng sanh, giúp người niệm Phật vãng sanh thì trong lúc đó tốt nhất chẳng cho người chết thấy mặt người nhà thân quyến. Nếu luận trên mặt tình cảm con người thì thật rất khó nói, gặp mặt lần cuối mà! Nhưng trong Phật pháp, làm nhiều loạn người chết e gây tổn hại. Bởi thế, lúc đó tốt nhất là không gặp mặt. Lúc nào mới được gặp mặt? Đợi tám giờ sau khi tắt thở mới lại gặp mặt là an toàn nhất. Vô cùng hữu lý! Lúc đó, sợ nhất là bị nhiều loạn, người nhà quyến thuộc khó thể chia tay, khiến cho nhân duyên được A Di Đà Phật tiếp dẫn bị lỡ làng; ngoài ra còn có oán thân trái chủ, người chết trông thấy nảy lòng oán ghét, tâm sân hận phát khởi, đều là chướng duyên!

Bởi thế, lúc đưa người đi vãng sanh, phải khuyên họ nên an tường, rất lắng tịnh, chung quanh đều là bạn bè trong nhà Phật, mỗi người đều niệm Phật tiễn đưa. Những gì người chết trông thấy, nghe thấy đều là Phật hiệu, nhắm mắt hay mở mắt đều thấy tượng A Di Đà Phật. Lúc người ấy mắc bệnh nặng, phải để tượng Phật ở cuối chân giường, người ấy nằm nhìn xuống, nhắm mắt mở mắt đều thấy tượng Phật, chứ không phải là treo tượng Phật trên đầu nằm. Treo trên đầu nằm, có mở mắt cũng không thấy được tượng Phật. Phải hiểu như vậy! Có thể treo ba bức hình Phật là tốt nhất, vì sao? Nhìn phải, nhìn trái, nhìn xiên đều thấy Phật, nhất định phải chú ý, mở mắt ra, quay đầu về đâu cũng đều thấy được tượng Phật. Người ấy tai nghe tiếng niệm Phật, đề khởi chánh niệm, chẳng thể dẫn khởi tình chấp, chẳng thể dẫn khởi phiền não, điều này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác vậy!

Người tạo tác tội nghiệp mười niệm hay một niệm vãng sanh là do phước trong đời quá khứ chẳng nhỏ, lúc lâm chung vẫn tỉnh táo, không mê hoặc chút nào, rất bình thường, đây là điều kiện tiên quyết để được vãng sanh. Nếu tạo tác tội nghiệp quá nặng, lúc lâm chung sẽ mê hoặc, điên đảo, trợ niệm không chắc giúp được, rất khó vãng sanh. Bởi thế, điều kiện đầu tiên vào lúc lâm chung là “thần trí sáng suốt”. Điều kiện

thứ hai là gặp được bạn lành, “cho nên gặp bạn lành”. Điều kiện thứ ba là “nghe rồi bèn tín nguyện”. Ba điều kiện như vậy! Đúng là ba điều kiện này trong một vạn trường hợp chưa gặp được một, trong một vạn người tìm không ra được một người.

Điều này khiến chúng ta phải đề cao cảnh giác. Bình thường, lúc hiện thời, tinh thần, thể lực chúng ta còn khá lắm, nhất định phải biết đoạn ác tu thiện. Cổ nhân nói rất hay: Thường phải dùng cái tâm trách móc người khác để trách móc chính mình; dùng cái tâm khoan thứ (khoan dung, tha thứ) đối với bản thân để khoan thứ người khác, có như vậy chính mình mới có thể thành tựu đức hạnh. Biết khoan thứ người khác, biết trách móc chính mình, sửa lỗi đổi mới, tu thiện tích đức, có phước chẳng hưởng, hễ hưởng bèn bị mê hoặc. Có phước báo cứ để cho người khác hưởng! Trong thế gian, người khổ nạn rất nhiều, sự khổ nạn rất nhiều, hãy nên tận tâm tận lực giúp đỡ người khác, hoan hỷ tu bố thí cúng dường, chỉ mong cầu một việc: Lúc lâm chung không bị bệnh khổ, lúc lâm chung thần trí sáng suốt, niệm Phật vãng sanh, chỉ cầu như vậy thôi. Như vậy là chân thật nhất, ngoài ra chuyện gì cũng giả cả, không có gì chân thật hết. Chỉ có mỗi một pháp này là chân thật, ngàn vạn lần chớ nên để lỡ dịp!

Chúng ta trông thấy, đọc thấy, người suốt đời tạo tội ác cũng có thể vãng sanh, nhưng ngàn vạn phần chẳng được nẩy sanh lòng cầu may: “Gã nợ tạo ác nghiệp lâm chung vẫn có thể vãng sanh, mình tạo thêm một ít ác nghiệp có ăn nhằm gì đâu! Lâm chung mình cũng như hắn, cũng được vãng sanh mà!” Không đơn giản như vậy đâu! Người ta trong đời quá khứ đã tu tập, tích lũy nghiệp nhân vãng sanh, còn mình có hay không? Nếu trong đời đời kiếp kiếp quá khứ chưa từng tu, hoặc tu không đủ, kinh Di Đà dạy “*bất khả dĩ thiếu thiện nhân, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung gặp được thiện hữu, vừa nghe nói liền tin tưởng ngay, lập tức phát nguyện, đó là do thiện căn trong đời quá khứ tới lúc ấy phát hiện, khởi tác dụng. Nếu trong quá khứ đã không có những thiện căn như thế, làm sao có thể vãng sanh cơ chứ? Phước đức là gì? Phước đức là lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo, không mê hoặc, không điên đảo, ấy là phước đức. Do thiện căn, phước đức, bèn có thiện hữu đến khuyên lơn, trợ niệm, quý vị thấy đó: Thiện căn, phước đức, nhân duyên thấy đều đầy đủ, chẳng những đầy đủ mà còn nhiều nữa! Thiện căn nhiều, phước đức nhiều, nhân duyên nhiều, chẳng phải là chuyện dễ!

Quý vị hãy tự suy nghĩ: Trong tương lai, lúc quý vị lâm chung, quý vị có gặp được thiện tri thức hay không? Có người trợ niệm cho mình hay không? Đều là câu hỏi [bỏ ngoặc] cả! Chúng ta trông thấy có ai lâm chung, phát nguyện trợ niệm giúp người ấy, đó là chuyện tốt, gieo nhân đầy! Tôi thường giúp người khác trợ niệm, vui thích giúp người khác trợ niệm, tương lai lúc lâm chung (nhân quả mà!) ắt có người khác đến trợ niệm cho mình. Nhân thế nào, quả thế ấy, nghiệp nhân quả báo mây may chẳng sai! Chúng ta chẳng thích giúp người khác trợ niệm, đến lúc chính mình lâm chung, e rằng không ai đến trợ niệm cho mình. Dầu hiện nay có mấy niệm Phật, nhưng đến lúc lâm chung, thể lực của chính mình không còn nữa, dù bên gối đặt mấy niệm Phật vẫn phải nhờ vả người khác, không có ai giúp mình thì cũng uổng công thôi!

Con người sống trong thế gian nhất định phải là một người tốt, nhất định phải kết thiện duyên cùng hết thảy chúng sanh, chuyện này trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Bởi thế, ở đây tổ sư nhắc nhở chúng ta: “*Trọn chẳng được ôm lòng cầu may*”. Quả thật có chuyện đó (tức chuyện người tạo tội lâm chung niệm Phật vãng sanh), nhưng chẳng được đánh bạc với số phận, ngay từ bây giờ phải nghiêm túc, phải nỗ lực tu hành đi! Cụ Hạ Liên Cư thường khuyên người khác “*thật thà niệm*”. “*Thật thà*” là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Lại xem tiếp đoạn kể:

“*Đương trì thử kinh, tự tự giai Hải Ấn tam-muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã, duy niệm chí nhất tâm bất loạn, tác năng siêu tam giới, phục phiến não, phá vô minh dã*” (Nên biết kinh này, mỗi chữ đều là Hải Ấn tam-muội, là bản văn thiêng liêng của Đại Viên Kính Trí, chỉ niệm đến nhất tâm bất loạn ắt có thể vượt thoát tam giới, chế ngự phiến não, phá vô minh). Đây là lời tán thán kinh điển, pháp môn đến mức cùng cực. Chữ Hải (biển) tỷ dụ Chân Như bản tánh, từng chữ đều là tự tánh tam-muội, Ấn là ấn chứng, chứng minh. Từng chữ từng câu trong kinh đều từ tự tánh tam-muội của đức Thế Tôn lưu xuất, là kinh văn thiêng liêng về Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh chính là bản thể của tự tánh, là bản thể của Chân Tánh. Tự tánh có vạn đức vạn năng. Trong tự tánh, hết thảy tướng hảo đều là tác dụng của nó. Nếu dùng khái niệm Thể, Tướng, Dụng của kinh Hoa Nghiêm để luận thì Bát Nhã là Thể, tức là bản thể của tự tánh; đức năng là Tướng, tức tướng trạng của tự tánh; tướng hảo là Dụng của tự tánh. Đức năng có thể hiện, có thể biến, tướng hảo là sở hiện (cái được hiện), sở biến. Thể, Tướng, Dụng [của tự tánh]

là như vậy đây!

Kinh văn do tự tánh Bát Nhã lưu lộ; nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, thông đạt chân tướng sự thật này, quý vị mới coi kinh này là của báu, không có pháp thế gian hay xuất thế gian nào có thể sánh bằng! Chúng ta phải hiểu như vậy. Đứng là chúng sanh đời Mạt Pháp lia khổ được vui, vượt thoát tam giới lục đạo, một đời viên mãn Bồ Đề, chỉ có một con đường thông suốt, chỉ có một pháp môn, công đức lợi ích không gì sánh bằng, không có gì có thể so sánh được. Tuyệt diệu thay! Trong phần sau, đại sư nói mấy câu rất hay: “*Duy niệm chí nhất tâm bất loạn*” (chỉ có niệm đến nhất tâm bất loạn), chúng ta thực sự thực hiện, niệm đến nhất tâm bất loạn bèn siêu thoát tam giới, vượt thoát luân hồi lục đạo. Chế phục phiền não là Sự nhất tâm bất loạn. Trong ba câu ấy, “*vượt thoát tam giới lục đạo*” là công phu thành phiền, sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ, vượt thoát lục đạo; “*chế phục phiền não*” là Sự nhất tâm bất loạn, sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ; “*phá vô minh*” là Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, thật là chẳng thể nghĩ bàn!

Chớ nghĩ cuốn kinh này mỏng tanh, nếu quý vị niệm rất thuộc thì đọc một lượt từ đầu đến cuối chỉ năm phút là xong, nhưng kinh này có đức dụng chẳng thể nghĩ bàn; quý vị có hiểu rõ hay chăng? Nếu thực sự hiểu rõ, quý vị có học được hay không? Quý vị có tinh tấn hướng đến mục tiêu “*nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*” hay chăng? Có vậy mới thực sự giải quyết vấn đề được! Những bộ đại kinh đại luận, lý luận, phương pháp rất nhiều, không có gì đơn giản, dễ dàng như thế này, thưa thật cùng quý vị, chưa chắc kinh nào có hiệu quả bằng kinh này, phải hiểu rõ ràng như vậy. Hiểu rõ ràng là thấy thấu suốt, thấy thấu suốt rồi mới có thể buông xuống được. Vì sao quý vị chưa buông xuống được, không chịu buông xuống? Vì quý vị chưa thấy thấu suốt, bởi thế buông xuống không được. Lại xem tiếp đoạn kế:

“*Sở trì danh hiệu*” (danh hiệu được trì), “*danh hiệu*” là Nam-mô A Di Đà Phật, “*chân thật bất khả tư nghị*” (chân thật chẳng thể nghĩ bàn), danh hiệu ấy là danh hiệu của Chân Như tự tánh. Niệm một câu danh hiệu thì không có gì khác cả, chính là đem Chân Như tự tánh niệm ra. Chúng ta là phàm phu luân hồi trong lục đạo từ bao kiếp lâu xa đến nay, mê mất Chân Như bản tánh; nay Phật dạy chúng ta dùng sáu chữ hồng danh để phá mê khai ngộ, tìm lại Chân Như tự tánh! Đây là biện pháp đơn giản nhất, ổn thỏa, thích đáng tột bậc, rất thẳng chóng. Danh hiệu này có ý nghĩa là vô lượng trí, vô lượng giác, trong phần trên tôi đã

thừa cùng quý vị rồi! Vô Lượng Thọ Phật hoặc A Di Đà Phật, đều có nghĩa là Vô Lượng Trí hay Vô Lượng Giác. Vô Lượng Trí là tự thể của Chân Như bốn tánh, Vô Lượng Giác là đức dụng của Chân Như bốn tánh. Một câu danh hiệu này khôi phục tự tánh, bởi thế, nó thực sự chẳng thể nghĩ bàn!

“*Năng trì chi tâm tánh, diệc chân thật bất khả tư nghị*” (Tâm tánh năng trì cũng thực sự chẳng thể nghĩ bàn), “*tâm tánh năng trì*” chính là cái tâm chân thành niệm Phật hiện tại của chúng ta. Cái tâm chân thành ấy chính là cái chân tâm đang bị mê, mê những gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là mê. Chúng ta chưa đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nhưng nay đã giác ngộ rồi, chúng ta muốn niệm Phật. Cái ý niệm niệm Phật ấy là chân thành, trong ý niệm niệm Phật ấy chẳng phải là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm niệm Phật là tâm chân thành, tâm chân thành chẳng thể nghĩ bàn!

“*Trì nhất thanh tắc nhất thanh bất khả tư nghị, trì thập, bách, thiên, vạn, vô số thanh, thanh thanh bất khả tư nghị dã*” (Trì một tiếng là một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, một trăm, một ngàn, một vạn, vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn!) Rất đáng tiếc là ít ai biết được chân tướng sự thật này! Bởi thế, người niệm Phật nhiều, nhưng kẻ không biết niệm sẽ chẳng đạt được cảnh giới này. Từng tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn, tiếng tiếng đều tương ứng, tương ứng thì mới chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta nghe cổ đức nói đã quen tai: “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Như thế nào mới là tương ứng? Chúng tôi thường hay nói [như thế này] nhất: Mỗi tiếng Phật hiệu đều ứng với tâm, nguyện, giải, hạnh của A Di Đà Phật, trong mỗi một câu Phật hiệu đều đầy đủ tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Hoặc có thể nói đơn giản hơn một chút (tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật không dễ hiểu, nếu quý vị chưa thấu triệt kinh Vô Lượng Thọ, đúng là không thể hiểu được), chúng tôi nói đến mức đơn giản nhất là tương ứng với tâm Phật. Bây giờ chúng tôi lại quy nạp, giảng đơn giản hơn nữa, cũng không đến nỗi khó hiểu lắm là “*tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi*”. Có thể tương ứng mười chữ ấy cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Mười chữ ấy là tánh đức của tự tánh, dùng một câu A Di Đà Phật để niệm ra tánh đức của tự tánh, khiến cho tánh đức của tự tánh được thực hiện trong cuộc sống thường nhật, chẳng phải là huyền học, mà là thật học, tức là thực sự khởi tác dụng.

Trong đoạn cuối cùng, Ngẫu Ích đại sư khẩn thiết đến cùng cực,

quý vị thấy đó “*Phục nguyên*” (Cúi nguyện), nhằm mục đích gì? Tổ sư đại đức cung kính kính quý dưới đất, dập đầu trước quý vị, nay chúng tôi nói là Ngài lễ bái quý vị, “*Truy, tố, trí, ngu*” (kẻ tăng, người tục, kẻ trí, người ngu), Truy (緇: áo thâm, áo đen) là người xuất gia, Tố (素: áo trắng) là người tại gia, [“*truy tố*”] là tứ chúng đồng học tại gia lần xuất gia, Trí là lợi căn, Ngu là độn căn. Quý vị là Thượng Thượng căn cũng được, là Hạ Hạ căn cũng xong, “*u thử giản dị trực tiếp, vô thượng viên đốn pháp môn, vật thị vi nan, nhi triếp sanh thoái ử*” (đối với pháp môn giản dị, thẳng chóng, vô thượng viên đốn này chớ nghĩ là khó rồi vội sanh lòng lui sụt, chối từ): Đối với pháp môn Niệm Phật này, đối với phương pháp tu hành mà kinh Vô Lượng Thọ đã dạy chúng ta, thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng, đúng là đại pháp môn vô thượng chí viên chí đốn, chớ nghĩ là quá khó. Vì sao? Nếu nghĩ là quá khó chúng ta sẽ không chịu tu, sẽ chối từ, thoái thác, mà cũng chớ nghĩ nói nó là quá dễ!

“*Vật thị vi dị, nhi mạn bất cần sách*” (Chớ coi là dễ để rồi lần khần, không siêng năng, răn nhắc chính mình hãy nỗ lực). “*Sách*” (策) là cảnh sách (cảnh tỉnh, thúc đẩy mình nỗ lực), Cần (勤) là siêng năng, tinh tấn. Chẳng được nghĩ pháp này quá dễ, nghĩ quá dễ ắt sẽ lười nhác, không gắng công. Phải tích cực, phải nỗ lực! “*Vật thị vi thiển*” (Chớ nghĩ là cạn), chẳng được nghĩ pháp này quá nông cạn! Coi là quá nông cạn sẽ không thêm để vào mắt, chuyện này dễ phạm nhất. Những kẻ tự coi mình thuộc thành phần tri thức, thích những kinh to luận lớn, đối với kinh A Di Đà dạy niệm A Di Đà Phật đúng là họ không buồn để vào mắt! Thật là làm lẫn, sai lầm ngay trước mắt! Làm lẫn ngay nơi pháp môn chí viên chí đốn khôn sánh này, đáng tiếc quá phải không? “*Vật thị vi thâm, nhi phát cảm thừa đương*” (Chớ nghĩ là sâu rồi chẳng dám gánh vác), cũng chẳng được nghĩ pháp này quá sâu. Thấy pháp này quá sâu, quý vị sẽ chẳng dám đảm đương, làm rồi! Phải sửa đổi những căn bệnh ấy đi!

Chúng ta xem câu nói “*phục nguyên truy tố trí ngu*” cảm thấy như thế nào? Chí thành khẩn thiết khuyên dạy chúng ta! Chúng ta phải biết tốt xấu, phải cảm kích ân đức của tổ sư đại đức răn dạy, đúng là buốt lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta, chúng ta vẫn không giác ngộ, vẫn cứ hoài nghi, vẫn chẳng biết quý tiếc, làm lẫn quá đổi, cô phụ tổ sư! Nhân địa (địa vị trong khi tu nhân) của tổ sư chúng tôi không biết, nhưng chúng tôi trộm nghĩ Ngài chắc chắn là Phật hay Bồ Tát tái lai; không

phải là Phật hay Bồ Tát sẽ không thể nói được như vậy. Lời ấy nào phải con người nói, phải là lời chư Phật Như Lai nói.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 28

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem phần “*chánh thị hành giả chấp trì danh hiệu đê lập hạnh*” (dạy hành giả chấp trì danh hiệu đê lập hạnh). Phần giảng nghĩa được chia thành chín đoạn, hôm nay chúng ta xem đến đoạn cuối cùng. Đoạn thứ chín là “*trùng khuyến phát nguyện*” (lại khuyến phát nguyện). Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phát! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện sanh bỉ quốc độ.

舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(*Này Xá Lợi Phát! Ta thấy điều lợi ấy nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy*).

Kinh văn nói “*ngã kiến thị lợi*” (ta thấy điều lợi ấy), [tổ Ngẫu Ích giảng] “*thị Phật nhãn sở kiến, cứu tận minh liễu dã*” (là do chính mắt đức Phật thấy, thấu hiểu rốt ráo). Đây không phải là cái thấy của người tầm thường, mà là do chính Thích Ca Mâu Ni Phật đích thân thấy. Điều này rất quan trọng, chúng ta chớ vô tâm hời hợt đọc lướt qua. Điều Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy được, nói thật ra, chúng ta chẳng thể thấy được, [đức Phật thấy được] lợi ích hết sức lớn lao! Chúng ta coi tiếp đoạn văn [trong sách Yếu Giải], rốt cuộc điều lợi ích ấy chính là gì vậy? “*Thị lợi giả, hoành xuất ngũ trược, viên tịnh tứ độ, trực chí Bất Thoái vị, thị vi bất khả tư nghị công đức chi lợi*” (Điều lợi ích ấy là vượt thoát [cõi nước] ngũ trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, đạt thẳng đến địa vị Bất Thoái, đây là lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn). Lợi ích tuyệt diệu như vậy đó! Trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, không có gì hơn được lợi ích này! Vô lượng vô biên pháp môn của hết thảy chư Phật trọn khắp pháp giới hư không giới đều chẳng thể sánh

bằng lợi ích này. Chúng ta được hạnh ngộ pháp này quả thật chẳng phải là chuyện dễ!

Thứ nhất là “hoành xuất ngũ trước”, quý vị phải nhớ kỹ điều này! Bất luận tu học pháp môn nào khác cũng chẳng thể “hoành xuất” (vượt khỏi tam giới theo chiều ngang); nói cách khác, quý vị tu học nhất định phải tiến lên từng bước một, giống như đi học: Tiểu Học, sơ trung (Trung Học đệ nhất cấp, cấp hai), cao trung (Trung Học đệ nhị cấp, hay cấp ba), Đại Học, Nghiên cứu sinh, tiến lên dần dần. Mỗi một giai đoạn gồm một năm học, hai năm học, ba năm học, bốn năm học. Phương pháp ấy gọi là “thụ xuất” (vượt thoát [tam giới] theo chiều dọc), khó lắm! Rất ư là khó! Nay pháp môn này thật đặc biệt, hoành xuất! Nay chúng ta đang mang thân người, phía trên cõi người là cõi trời, tức Dục Giới Thiên. Quý vị phải biết Dục Giới Thiên gồm Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, tiến lên từng bước một. Nay chúng ta không cần phải như thế, từ nhân đạo vượt ngang ra khỏi tam giới (hoành xuất), thoát khỏi lục đạo luân hồi, có đạo lý như vậy hay chẳng? Vì thế, pháp môn này được gọi là pháp khó tin, thực sự khó tin lắm!

Vượt thoát bèn đến đâu vậy? Phi phạm lắm! Giống như đi học, nay chúng ta đang học Tiểu Học, Tiểu Học là lớp Một, không cần học lớp Hai, chúng ta thoát ra bèn học ngay lớp dành cho nghiên cứu sinh. Chẳng phải là không có người như vậy, nhưng hiếm lắm, phải là đứa trẻ thiên tài kia! Thế nhưng chúng ta không phải là thiên tài, dẫu chẳng phải là thiên tài mà vẫn vượt cấp được, đã vượt cấp học ngay vào lớp nghiên cứu sinh, mà còn thực sự thành tựu nữa kia, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, câu “ngã kiến thị lợi” (ta thấy điều lợi này) ở phía trước [đoạn kinh văn vừa nói trên đây] hết sức quan trọng. Vì sao? Đức Phật phải nêu chứng minh cho chúng ta thấy; nếu không phải do chính đức Phật nói, chúng ta sẽ chẳng thể tin nổi pháp môn này. Vì sao? Vì không tìm được căn cứ để lý luận! Nay chúng ta tin lời A Di Đà Phật, nhưng thật ra trên mặt căn cứ lý luận chúng ta vẫn hồ đồ, vẫn không biết. Thế nhưng chúng ta tin lời Thích Ca Mâu Ni Phật chắc chắn là chân thật: “Nhu Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất vọng ngữ giả” (Nhu Lai là bậc nói lời chân thành, nói lời thành thật, nói đúng như sự thật, không nói lời gạt gẫm, không nói dối). Chắc chắn Ngài chẳng lừa dối chúng ta, chúng ta nghe lời Ngài, thực hành theo lời Ngài dạy, chắc chắn không lầm. Thế là tốt! Thực sự có phước báo, người như vậy thực sự có thiện căn, người như vậy thực sự phi phạm, chư Phật, Bồ Tát đều

tán thán, hoành siêu mà!

Sanh về Tịnh Độ, “*viên tịnh tứ độ*” (thanh tịnh viên mãn bốn cõi), “*viên*” là viên mãn, “*tịnh*” là thanh tịnh, “*tứ độ*” là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dur Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, và Thường Tịch Quang Độ; quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng trọn vẹn bốn cõi ấy. Chứng được một, bèn chứng hết thảy, sanh vào Đồng Cư là sanh cõi Phương Tiện, là sanh vào Thật Báo, là sanh vào Tịch Quang, có đạo lý như vậy hay chẳng? Chính Thích Ca Mâu Ni Phật thấy như thế, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta chứng thực, Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng ta, chúng ta cứ tin tưởng đi theo lão nhân gia là không sai. Nếu cứ thuận theo thành kiến, phiền não, tập khí của chính mình, cứ suy cái này nghĩ cái nọ là sai lầm quá đỗi rồi! Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

“*Trực chỉ Bất Thoái vị*” (đạt thẳng đến địa vị Bất Thoái): Không vòng vèo, quanh co, thẳng chóng chứng đắc trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái là địa vị nào vậy? Đẳng Giác Bồ Tát! Do đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi biết Sơ Trụ Bồ Tát thuộc Viên Giáo chứng được ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn. Cho đến Thập Địa Bồ Tát vẫn chưa thể nói là viên mãn, bởi còn có địa vị cao hơn. Do vậy, quý vị phải hiểu: Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái chính là Đẳng Giác Bồ Tát, là địa vị Bồ Xứ. Những ai chứng trọn vẹn? Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát. Những vị ấy chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, Đẳng Giác Bồ Tát mà! Pháp Vân Địa Bồ Tát vẫn chưa thể nói là Viên, còn kém một phần nên chưa Viên, gần như Viên, nhưng vẫn còn thiếu một chút. Thật ra, không có cách gì để diễn tả sự lợi ích ấy cả, người gặp được pháp môn này hết sức may mắn!

“*Thị vi bất khả tư nghị công đức chi lợi*” (đây là lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn); trong kinh nói “*bất khả tư nghị công đức chi lợi*!” có nghĩa là như vậy đó. Chúng ta phải suy nghĩ mấy câu nói này, phải nghĩ cho thông, phải suy cho thấu, rồi mới hạ quyết tâm dũng mãnh tinh tấn, thành tựu viên mãn quyền kinh này và danh hiệu này; chẳng còn lãng phí quá nhiều tinh thần và thời gian la cà nơi các kinh điển thuộc vô lượng pháp môn khác, không cần dùng đến chúng nữa, chỉ riêng pháp này là đủ thành công rồi.

Lại xem tiếp tiêu đoạn thứ hai: “*Hựu thị lợi, ước mạng chung thời tâm bất điên đảo nhi ngôn*” ([Nói] lợi ích này còn có nghĩa là lúc lâm chung, tâm không điên đảo). Lợi ích này càng giảng càng thù thắng,

càng giảng càng chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị phải nhớ kỹ: Lợi ích chẳng thể nghĩ bàn là lúc người ấy lâm chung, tâm không điên đảo, lúc lâm chung rất sáng suốt, tinh táo, không mê hoặc tí ti nào thì người ấy mới có thể tin, có thể nguyện, có thể niệm, có thể cầu sanh về Tịnh Độ, A Di Đà Phật bèn đến tiếp dẫn người ấy. Đó chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện. Trong bốn mươi tám nguyện, Phật giáo Nhật Bản bảo nguyện mười tám này là nguyện trọng yếu nhất. Lúc lâm chung sáng suốt, tinh táo; nếu lâm chung hôn mê điên đảo là không được rồi! Dầu trợ niệm cũng không chắc được vãng sanh. Bởi thế, từ xưa đến nay, chẳng những các vị đại đức nhà Phật, ngay cả các bậc đại đức thế gian đều khuyên người ta trong một đời hãy nên tu phước, tu phước nhưng đừng hưởng phước, phước báo dành cho người khác hưởng thì phước báo của chính mình càng lớn. Lúc nào mình mới hưởng phước? Chỉ một dịp thôi: Khi lâm chung thần trí sáng suốt, ở đây nói là “*tâm không điên đảo*”, các phước báo khác đều chẳng cần đến, để người khác hưởng thụ, mình chịu khổ chút không sao cả!

Trước kia, tôi học với thầy Lý mười năm, cả đời thầy Lý sống hết sức đạm bạc. Không hề ăn bữa nào mà có tới hai món ăn! Suốt đời thầy Lý chưa từng ăn hai món, quý vị chưa trông thấy sẽ không biết đâu! Thầy tự nấu cơm, tự chăm sóc mình, đến chín mươi tuổi vẫn tự chăm sóc mình, nêu tấm gương rất tốt cho chúng ta trong thời kỳ Mạt Pháp. Trong thời Mạt Pháp, phong hóa thế gian mỗi ngày mỗi tệ, con người không biết hiếu thuận cha mẹ, không biết tôn sư; nếu quý vị không biết tự chăm sóc mình làm sao quý vị có thể sống như thế được! Thầy Lý ăn cơm từ một cái niêu nhỏ, mang theo cái niêu nhỏ. Thầy thường ăn mì, ở Đài Loan gọi là “*tuyển miến*”, còn Trung Hoa Đại Lục gọi là “*quải miến*”, sợi mì rất nhỏ, rất dễ nấu. Nước đun sôi rồi, thả mì và vài cọng rau vào, lại đun cho sôi, đập nắp lại, tắt lửa, ủ mấy phút là xong, đơn giản như vậy đó. Mỗi bữa ăn nấu chừng bao lâu? Mười lăm phút! Giải quyết một bữa cơm như vậy đó.

Thầy không có chén, dùng niêu làm chén luôn; bởi thế, rửa sạch hết sức thuận tiện. Trước kia, tôi học theo lão nhân gia, tôi học được, sống như thế không ít năm, cho đến khi ở nhà Hàn Quán Trưởng tôi mới thôi không tự nấu cơm. Trước khi ở nhà Hàn Quán Trưởng, tôi tự nấu cơm lấy, lúc ấy còn dùng bếp dầu (có lẽ người lớn tuổi mới biết tới bếp dầu, người trẻ tuổi không biết đâu!) rất thuận tiện, không dùng bếp củi mà dùng bếp dầu. Thầy Lý sống suốt đời như thế, trước khi bếp dầu được phát minh thì dùng bếp than. Bởi lẽ, thầy biết tiếc phước, thầy có

thâu nhập tương đối khá; lúc ấy, thầy muốn thuê một hai người đầy tớ là chuyện dễ dàng; thầy thừa sức nhưng không làm như thế, tự mình chăm sóc mình, sống hết sức tiết kiệm, một ngày xài hai đồng, cả tháng tiêu hết sáu mươi đồng thôi!

Kiểm được bao nhiêu tiền đều đổ vào sự nghiệp từ thiện, cụ xướng suất kiến tạo Đài Trung Liên Xã, dựng thư viện Từ Quang, lập y viện Bồ Đề, mọi người quyên tặng, cụ đứng ra lo liệu. Đạo tràng thành lập xong, khi đã đi vào nề nếp, cụ bèn giao cho người khác. Mời làm Đồng Sự Trưởng hay Chấp Sự, cụ đều từ khước, giao cho người khác làm. Không mấy may có tâm tham, không mấy may lưu luyến. Do cụ tu phước nên lúc lâm chung đích thực tâm không điên đảo, ra đi sáng suốt, tự tại. Trước lúc mất, cụ còn dặn dò đồ đệ, lời dặn rất sáng suốt, minh bạch như thế này: *“Thế gian đã loạn rồi, Phật, Bồ Tát, thần tiên giáng hạ cũng không cứu được. Chúng ta chỉ có một con đường sống là niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ mà thôi!”* Di ngôn tối hậu của lão nhân gia là như vậy đó; quý vị thấy cụ sáng suốt, minh bạch như thế đó. Đối với tình hình xã hội hiện thời, chúng ta thấy rất rõ. Cụ đã mất mười mấy năm rồi.

Lúc cụ bảo xã hội loạn, tánh tỉnh giác của chúng tôi vẫn chưa cao! Nay nghĩ lại mấy câu ấy, đúng là cụ thấy quá rõ ràng, rất thấu triệt! Bởi thế, câu nói sau đây quan trọng hơn bất cứ gì khác: *“Lâm mạng chung thời, tâm bất điên đảo”* (Lúc lâm chung, tâm không điên đảo), đó là điều kiện trọng yếu để quý vị được vãng sanh hay không. Vì sao lúc lâm chung người ta lại bị điên đảo? Vì chẳng biết tu phước; nhất là con người hiện thời chỉ biết hưởng phước, chứ không biết tu phước! Kể ra đạo tràng này cũng khá, vẫn còn bố thí cúng dường; nay ở địa phương này, chúng ta phải bố thí cúng dường cho đại chúng trong xã hội, phải thường mang cái tâm ấy, phải có nguyện vọng ấy, phải có hành động ấy, chứ chẳng mong cầu chính mình hưởng thụ. Tự mình phải biết tiết kiệm, phải biết đoạn ác, phải biết tu phước, hy vọng khi chính mình lâm chung tâm có thể thực sự không điên đảo.

Đoạn kế tiếp nói: *“Cái uế độ tự lực tu hành, sanh tử quan đầu, tới nan đắc lực”* (Vì tự lực tu hành trong uế độ, nơi cửa ải sanh tử là khó đắc lực nhất). Câu này nói thật đấy, phải thường tự răn nhắc mình. Hiện tại, trước uế đã đến mức cùng cực, con người hoàn toàn trái nghịch đạo làm người, chẳng biết hiếu thuận, không biết tôn kính, kiêu căng, ngạo mạn, ngỡ mình là đúng, tưởng mình siêu phàm! Khởi tâm động niệm không gì chẳng cạnh tranh, đấu tranh, tổn người, lợi mình; đó là căn nguyên của hết thảy động loạn. Bởi vậy, tham sống sợ chết, lúc lâm

chung tay chân luống cuống. Người nghiệp chướng nặng, lúc tuổi cao khó tránh khỏi căn bệnh nay gọi là bệnh si ngốc nơi người già (Alzheimer). Chứng si ngốc ấy chính là điên đảo, hồ đồ. Người vừa bị điên đảo, hồ đồ liền bị phiền phức ngay, lưu chuyển theo nghiệp chướng, chẳng thể tự làm chủ.

Quý vị phải hiểu: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chính mình có thể làm chủ. Tôi muốn đến thế giới Cực Lạc, tôi muốn thân cận A Di Đà Phật, tự mình có thể làm chủ. Nếu tự mình không làm chủ được thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo là bị nghiệp lực lôi dẫn, một đời này thiện nhiều, ác ít, lúc lâm chung không có ác niệm, sẽ theo nghiệp lực sanh vào ba đường lành. Nếu ác nhiều, thiện ít, sự ác bao trùm ý niệm, ý niệm ác nhiều, ý niệm thiện ít, sẽ sanh vào ba ác đạo. Bởi thế, chính mình phải thường suy nghĩ đời sau mình sẽ sanh vào đường nào, điều này hết sức quan trọng! Đời sau sanh vào đường nào đừng hỏi ai khác, chính mình phải biết rõ ràng, minh bạch!

Mỗi ngày tụng kinh sáng tối (điều này chúng tôi đã nói quá nhiều rồi), khóa sáng là để tự cảnh tỉnh mình; khóa tối là phản tỉnh, kiểm điểm, sám hối, sửa lỗi. Chúng ta có làm được như thế hay không? Phản tỉnh, kiểm điểm chính là phát hiện những lỗi lầm của chính mình, sám hối là sửa đổi những lỗi lầm của chính mình, đó chính là quý vị thực sự tu công phu đoạn ác tu thiện. Công phu có thành tích thì lúc lâm chung hiệu quả sẽ hiện tiền, thần trí sáng suốt, tâm không điên đảo, ý chẳng tham chấp. Lúc ấy, niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ sẽ cảm ứng đạo giao; dưới đây, chúng tôi sẽ kể về [gương tu hành] của một vị pháp sư cận đại:

Pháp sư Viên Anh dốc lòng nơi Tịnh Độ, tự xưng là Tam Cầu Đường Chủ Nhân, tức là cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ. Pháp sư suốt đời giảng kinh hoằng pháp, soạn chú giải cũng rất phong phú. Ngài có bộ Viên Anh Pháp Sư Pháp Vựng được lưu truyền trong thế gian. Suốt đời lão nhân gia chuyên dốc công nơi kinh Lăng Nghiêm. Từ bài tựa cuốn Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, ta thấy năm hai mươi lăm tuổi, Ngài phát tâm học Lăng Nghiêm, đến năm bảy mươi lăm tuổi mới hoàn thành tác phẩm Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, suốt cả năm mươi năm! Ngài làm gương cho chúng ta thấy thâm nhập một môn, trường thời huân tu mới có thành tựu như thế. Từ xưa đến nay, chú giải kinh Lăng Nghiêm hết sức phong phú. Xưa kia, lúc tôi theo học với thầy Lý ở Đài Trung cũng là học kinh Lăng Nghiêm; khi đó, tôi sưu tập được hơn ba mươi bản cổ chú. Thầy Lý dạy tôi: Tuy những bản cổ chú hay, nhưng không dễ hiểu cho lắm. Đại khái, những bản chú giải kinh Lăng

Nghiêm xưa nay, pháp sư Viên Anh đều đã đọc qua; nói cách khác, cuốn Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của Ngài chính là tác phẩm tổng hợp toàn bộ chú giải xưa nay. Thầy Lý chỉ tôi: Anh hãy bắt đầu bằng bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, đúng là đối với người mới học tác phẩm này rất thuận tiện. Tiêu biểu nhất trong số những bản chú giải cổ là bản Trường Thủy Sớ⁸² đời Tống, bản Lăng Nghiêm Chánh Mạch của Giao Quang đại sư vào cuối đời Minh. Hai bản ấy đại biểu cho những bản chú giải xưa nay, thầy Lý khuyên tôi nên tham khảo!

Lăng Nghiêm khai trí huệ! Pháp sư Viên Anh thông minh, ở Thượng Hải, Ngài có một đạo tràng gọi là Viên Minh Giảng Đường. Viên Minh là kinh Lăng Nghiêm, [chữ “viên minh” chỉ] hai mươi lăm môn viên thông trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài dùng ý nghĩa ấy nên đặt tên [nơi ấy] là Viên Minh Giảng Đường. Thập niên chín mươi tôi đến thăm Thượng Hải, bái phỏng pháp sư Minh Dương, đến viếng đạo tràng của lão pháp sư Viên Anh, thấy tiểu giảng đường của Ngài không lớn, Tam Cầu Đường hoàn toàn không to, không lớn bằng giảng đường của chúng ta; ước chừng bằng một phần ba giảng đường hiện tại của chúng ta mà thôi, có thể chỉ bằng một phần tư, cho nên không lớn lắm. Tôi ước tính chừng năm, sáu chục người là ngồi chật giảng đường; rất nhỏ! Năm sáu chục người là ngồi kín hết. Trong đạo tràng ấy, hai bên tượng Phật treo một đôi liễn do chính lão pháp sư viết, trên liễn viết “*cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ*”. Ngài gọi Phật đường ấy là Tam Cầu Đường. “Phước”: Tâm không điên đảo là phước; “Huệ”: Niệm Phật vắng sanh là huệ, trí huệ chân thật. Bởi thế, trong câu cuối cùng Ngài nói rất rõ ràng: “*Cầu sanh Tịnh Độ*”. Ngài là bậc chuyên gia về kinh Lăng Nghiêm trong thời cận đại đấy!

Kinh Lăng Nghiêm và pháp môn Tịnh Độ có mối quan hệ gì, chúng ta phải hiểu! Câu hỏi này tôi đã gặp vào năm thứ hai sau khi tôi

⁸² Trường Thủy là hiệu của ngài Tử Tuyên (965-1038). Sư có pháp hiệu là Đông Bình, thường được gọi là Trường Thủy đại sư (vì Ngài thường trụ tại chùa Trường Thủy). Sư là người huyện Tiền Đường, Hàng Châu, là cao tăng thuộc tông Hoa Nghiêm. Sư xuất gia từ nhỏ, xuất gia với ngài Hồng Mẫn, theo học với ngài Khế Tông chùa Phổ Huệ, chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm. Năm 13 tuổi, Sư đã được đặc cách thọ Cụ Túc Giới. Sư cực lực hoằng dương tông Hoa Nghiêm, được coi là người có công lớn nhất trong công cuộc trung hưng tông Hoa Nghiêm thời Tống. Những tác phẩm trọng yếu nhất của Sư là Lăng Nghiêm Kinh Nghĩa Sớ Chú Kinh, Lăng Nghiêm Kinh Khoa, Kim Cang Bát Nhã Toàn Yếu Khoa, Đại Thừa Khởi Tín Luận Bút Tước Ký.

thọ giới, [lúc ấy] tôi đảm nhiệm vai trò thư ký trong giới đàn chùa Lâm Tế. Một ngày nọ, có mấy vị đồng học thuộc Đại Học Đài Loan dẫn một vị giáo sư của họ, vị này là giáo sư tại trường Đại Học Đài Loan (vị giáo sư ấy là một hòa thượng Nhật Bản) đến gặp tôi. Tôi tiếp họ trong khách đường, vị giáo sư ấy nêu câu hỏi: “Kinh Lăng Nghiêm và Tịnh Độ có mối quan hệ gì?” Bởi ông ta hỏi tôi học kinh gì, lúc đó nhằm lúc tôi đang học kinh Lăng Nghiêm, nhưng tôi tu pháp môn Tịnh Độ. Vì thế, ông ta mới nêu câu hỏi ấy; ông cảm thấy rất ngạc nhiên, bởi lẽ, mọi người cho rằng kinh Lăng Nghiêm chỉ liên quan đến Thiền, đến Mật. Năm hội thần chú Lăng Nghiêm chính là Mật mà! Ông cho rằng Lăng Nghiêm không dính dáng gì đến Tịnh Độ cả. Tôi cũng chẳng trả lời mà hỏi ngược lại: “Đại Thế Chí và Quán Thế Âm có liên quan gì đến Tịnh Độ chăng?”

Tôi vừa hỏi như vậy, ông ta hiểu liền. Tây Phương Tam Thánh ngoại trừ A Di Đà Phật thì chẳng phải là Quán Âm, Thế Chí hay sao? Phương pháp tu hành chủ yếu trong kinh Lăng Nghiêm chính là phương pháp của Quán Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát; thuộc phần nào vậy? Chính là đoạn kinh văn nói về Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông. Trong hai mươi lăm pháp môn có nêu những pháp thông thường, có pháp môn đặc biệt. Trình bày như thế nào? Theo cách liệt kê. Các đồng học học kinh giáo phải lưu ý: Trình bày theo thứ tự thuận chính là những pháp môn thông thường; nếu không trình bày theo thứ tự thuận thì pháp môn ấy là đặc biệt. Hai mươi lăm pháp đó từ đâu mà có? Quý vị phải hiểu: Đó chính là những phương pháp tu hành chứng quả do Thích Ca Mâu Ni Phật đã chỉ dạy cho các đồ đệ.

Vô lượng vô biên pháp môn quy nạp thành hai mươi lăm loại, trong mỗi một loại chọn ra một pháp làm đại biểu. Hai mươi lăm pháp ấy quy nạp thành sáu Căn, sáu Trần, sáu Thức, ba lần sáu là mười tám, gọi là Thập Bát Giới. Sau đây lại thêm vào Thất Đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức, đó chính là Thất Đại. Thập Bát Giới cộng Thất Đại thành hai mươi lăm. Đó là theo thứ tự thuận. Pháp tu của Quán Thế Âm Bồ Tát là Nhĩ Căn trong sáu căn, chiếu theo thứ tự thuận thì đáng lẽ phải nêu thành pháp thứ hai, như quý vị thấy đó: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, phải trình bày như vậy. Nêu sáu Căn đầu tiên rồi đến sáu Trần, rồi đến sáu Thức; cuối cùng là bảy Đại là thứ tự thuận. Nhưng pháp Nhĩ Căn của Quán Thế Âm Bồ Tát không theo thứ tự thuận, lại rút ra trình bày cuối cùng, xếp thành pháp thứ hai mươi lăm.

Trong bảy Đại, pháp tu của Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc về Căn Đại, theo thứ tự “Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức” thì Kiến là

Căn Đại. Bởi vậy, pháp tu của Đại Thế Chí Bồ Tát đáng lẽ phải kể là pháp hai mươi ba, nhưng pháp tu của Ngài cũng không được trình bày theo thứ tự thuận, [đáng lẽ] pháp cuối cùng phải là Thức Đại của Di Lạc Bồ Tát; không theo thứ tự này mà xếp pháp Căn Đại sau [pháp tu của] Di Lạc Bồ Tát. Vì thế, trong hai mươi lăm pháp Viên Thông có hai pháp đặc biệt là pháp môn Niệm Phật của Đại Thế Chí Bồ Tát và pháp môn Nhĩ Căn của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi vừa phân tích như thế, vị giáo sư Nhật bèn chịu phục. Pháp sư Viên Anh truyền dạy đề cao Lăng Nghiêm, nhưng hạnh tại Di Đà là chính xác, hoàn toàn chính xác!

Ở đây, chúng ta phải chú ý chuyện “cầu phước”. Muốn cầu phước phải tu phước, có tu phước thì mới cầu phước được. Cầu phước mà không biết tu phước thì phước từ đâu mà có? Có phước lại còn phải có huệ, nếu không có huệ thì phước báo ấy không phải là chân phước, trong kinh Phật thường gọi là “*phước báo hữu lậu thế gian*”. Có phước mà không có huệ thì chỉ sợ quý vị phước báo càng lớn, tạo nghiệp chướng càng nặng! Phước báo nhỏ hại người ít, phước báo lớn hại người nhiều, hậu quả chẳng thể tưởng tượng được nổi! Một người không có phước báo trong một đời này không làm được chuyện lành lớn, nhưng cũng chẳng tạo sự ác lớn. Nếu phước báo lớn thì phải có trí huệ. Nếu người ấy có trí huệ và tu đại phước báo thì sẽ là điều tốt lành to lớn. Nếu không có trí huệ, sẽ tạo chuyện đại ác. Vì thế, cầu huệ hết sức quan trọng; thậm chí so với cầu phước, cầu huệ càng trọng yếu hơn. Đức Phật dạy người ta phước huệ song tu, cầu huệ đừng quên cầu phước, cầu phước chẳng được quên cầu huệ, phước - huệ song tu! Đức Thế Tôn vì chúng ta nêu gương, vì chúng ta nêu rõ: Mục tiêu chung cục phải thuận chánh, tức là “*quyết định cầu sanh Tịnh Độ*”. Chiếu theo kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, biến các đạo lý được giảng trong những kinh ấy thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, thực hiện những giáo huấn trong kinh điển trong cuộc sống của chính mình, đó là “*tu chân*” đây! Có như vậy mới hòng nắm chắc chuyện cầu sanh Tịnh Độ!

Lại xem tiếp điều thứ ba: “*Vô luận ngoan tu cuồng huệ, đáo sanh tử quan đầu, bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng, tức ngộ môn thâm viển, tháo lý tiêm xác chi nhân, thắng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên đọa*” (Đừng nói là những kẻ tu hành ngoan bướng, trí huệ ngông cuồng đến cửa ải sanh tử không làm được gì, hoàn toàn vô dụng; ngay cả những người chứng ngộ sâu xa, tu tập tiêm dưỡng đích xác nếu còn chút phần mây may tập khí chưa trừ sẽ khó tránh khỏi thuận theo nghiệp lực nào mạnh hơn mà đọa lạc theo nghiệp lực đó). Đây là

Ngẫu Ích đại sư cảnh tỉnh chúng ta, dạy chúng ta phải thời thời khắc khắc tỉnh giác cao độ. “*Ngoan tu cuồng huệ*” (tu hành ngoan bướng, trí huệ ngông cuồng) chính là nói đến những kẻ không thực sự tu hành trong Tông Môn và Giáo Hạ, trong xã hội hiện tại [những hạng người như vậy] hết sức phổ biến. “*Đáo sanh tử quan đầu, bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng*” (đến cái ải sanh tử, chẳng làm được gì, hoàn toàn vô dụng): Điều này nay chúng ta thấy rất rõ ràng, minh bạch; quý vị chỉ cần lưu tâm một chút mà thôi, sẽ thấy người xuất gia hiện tại, nói thật ra, xuất gia còn kém cả tại gia. Người tu hành tại gia lúc lâm chung tâm không điên đảo, tôi thấy không ít; còn người xuất gia lúc lâm chung tâm không điên đảo cả đời tôi chưa gặp được một ai!

Những người xuất gia tôi được gặp lúc mất đều điên đảo, mê hoặc; trái lại, chính tôi đã gặp mấy vị cư sĩ tại gia lúc mất sáng suốt, tỉnh táo, không điên đảo. Bởi thế, câu nói “*bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng*” (chẳng làm được gì, hoàn toàn vô dụng) là đúng, không sai chút nào. Câu kế tiếp “*tức ngộ môn thâm viễn*” (ngay cả người chứng ngộ sâu xa) nhằm chỉ những người thực sự chân tu, là người xuất gia tốt lành trong nhà Thiên; “*tháo lý tiêm xác chi nhân*” (người tu tập tiêm dưỡng đích xác) là những người trì giới rất thanh tịnh, rất nghiêm nhặt, nghiêm trì giới luật. Mấy câu tiếp đó của đại sư rất quan trọng: Nếu anh vẫn còn một điểm tập khí chưa đoạn hết, tập khí gì vậy? Tập khí tham - sân - si - mạn còn chưa đoạn hết, chỉ e rằng đến lúc lâm chung, tập khí đó sẽ hiện tiền, vẫn phải theo nghiệp lực đọa lạc. “*Vị miễn tùy cường*” (khó tránh khỏi thuận theo nghiệp lực nào mạnh mẽ), nghiệp lực mạnh, đạo lực mỏng yếu; nói cách khác, “*cường giả tiên khiên*” (nghiệp nào mạnh lôi trước), vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp lực, rất đáng sợ! Không đùa đâu, quan hệ đến tiền đồ đấy!

Bởi lẽ, đối với những người thực sự tu hành, tập khí lớn nhất là ngạo mạn, cho là “ta tu hành, các người không tu, các người thua ta”. Kiêu căng, ngạo mạn, không để ai vào mắt, thường phê bình người không tu hành, không trì giới. Đây chính là tập khí hiện tiền, chẳng phải người thực sự tu hành. Vì sao kẻ đó không phải là người thực sự tu hành? Lục Tổ đại sư đã nói rồi: “*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá*” (Nếu người thật tu hành, không thấy lỗi thế gian). Kẻ nào suốt ngày từ sáng đến tối thấy lỗi của người khác thì kẻ đó chính là người được đại sư Ngẫu Ích nói đến ở đây.

A! Nay đã đến giờ rồi!

Chư vị đồng học!

Xin tiếp tục xem tiểu đoạn thứ tư:

“*Vĩnh Minh sở vị: ‘Thập nhân cửu tha lộ, ám cảnh hốt hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ’, thử thành khả hàn tâm dã*” (Ngài Vĩnh Minh nói: ‘Mười người chín lạc đường, ám cảnh chợt hiện tiền, chớp mắt đi theo nó’, đúng là lời nói lạnh buốt cõi lòng). Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là người thời Nam Bắc Triều, theo sử truyện ghi chép, Ngài là A Di Đà Phật hóa thân tái lai, cũng nhằm biểu diễn cho chúng ta thấy. Trong thời ấy, Thiên phong rất thịnh, bởi thế, lão nhân gia thị hiện trước hết học Thiên, đại triệt đại ngộ nơi Thiên. Thị hiện đại triệt đại ngộ xong, quay về Tịnh Độ, tu Tịnh. Vì thế, vào thời đó, lão nhân gia đề xướng Thiên Tịnh song tu, quý vị phải hiểu: Đó là nhằm khế hợp căn cơ của người thời ấy. Vì thế, Ngài có bài Tứ Liệu Giản dạy chúng ta phân biệt pháp nào thù thắng, ba câu trên đây trích từ bài thứ nhất. Câu đầu tiên là “*hữu Thiên, vô Tịnh Độ*” (có Thiên, không Tịnh Độ), mười người tu hành chín người đi lầm đường, vì sao?

Lúc lâm chung, “*ám cảnh hiện tiền*”, tức lúc sắp mất, nếu Thiên không đặc lực, nói trắng ra phải Thiên làm sao mới đặc lực? Phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới là đặc lực. Không đạt đến triệt ngộ tức là chưa thể phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì vẫn phải theo nghiệp lực luân hồi. Đây cũng có nghĩa là quý vị tu Thiên đặc Thiên Định, nhưng chưa khai ngộ, đặc Thiên Định rất chẳng dễ dàng! Tùy theo công phu Thiên Định của quý vị sâu hay cạn, quý vị sẽ thọ sanh nơi đâu? Sanh vào Tứ Thiên Thiên. Nếu công phu càng sâu sẽ sanh lên Tứ Không Thiên, nhưng không thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, vẫn là lưu chuyển theo nghiệp lực! Quý vị sanh về Tứ Thiên Tứ Không Thiên, khi thọ mạng hết lại bị đọa lạc xuống [những cõi thấp hơn], chuyện như vậy rất nhiều.

Đương thời, Thiên phong thịnh hành, Vĩnh Minh đại sư cũng không có cách nào khuyên dạy người ta bỏ Thiên tu Tịnh, [dạy như vậy] họ chẳng thể tiếp nhận. Bởi thế, Ngài dạy họ “*có Thiên, có Tịnh Độ*”, tức là tu Thiên kiêm tu Tịnh Độ; thật là khổ tâm! Công phu Thiên không đặc lực sẽ nhờ Tịnh mà đặc độ. Chúng ta nghe những lời ấy của đại sư, ngàn vạn phần chớ có Thiên Tịnh song tu, nếu không là lầm! Quý vị phải hiểu dụng ý Thiên Tịnh song tu của Ngài: Đối với những kẻ chẳng chịu bỏ tu Thiên, chẳng chịu quay đầu, Thiên Tịnh song tu nhằm dạy những kẻ ấy, không phải dành cho người chuyên tu Tịnh Độ. Chuyên tu Tịnh Độ thù thắng lắm, “*vô Thiên, hữu Tịnh Độ, vạn tu, vạn nhân khứ*”

(không Thiên, có Tịnh Độ, vạn người tu vạn người về). Bởi thế, xem văn tự của cổ nhân phải hiểu: Ngài nói những lời ấy, viết lách như thế ấy là dành cho hạng người nào; dụng ý ở đâu? Nhất định phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch thì chúng ta mới hòng thọ dụng. Nếu quý vị nhìn lầm, nghe lầm, đừng trách móc Ngài, Ngài đâu có lầm, lỗi tại chính mình mà!

Huống chi trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta một nguyên tắc chung: *“Trong thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu”*. Nay chúng ta sanh nhằm thời Mạt Pháp, chiếu theo ghi chép của cổ nhân Trung Quốc, gần đây Ấn Quang đại sư và lão hòa thượng Hư Vân đều chiếu theo những tài liệu của Trung Quốc cổ đại [để tính toán thì] Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt đến nay đã hơn ba ngàn hai mươi năm. Nói cách khác, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp đã trải qua một ngàn năm rồi, nay đang mở đầu một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Mạt Pháp là một vạn năm; nói cách khác, thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa. Rất nhiều người nói đến ngày Tận Thế, nhưng Phật pháp không nói đến ngày đó, Phật pháp chỉ nói đến Mạt Pháp. Mạt Pháp là pháp vận theo thông lệ có lên, có xuống, có lúc cao trào, có lúc thoái trào, dẫu vào lúc cao trào vẫn khó thể sánh bằng Chánh Pháp và Tượng Pháp; nhưng vãng sanh Tịnh Độ lại thù thắng, thực sự vượt cả những lúc cao trào trong thời Chánh Pháp, Tượng Pháp thì chỉ có mình pháp môn này. Pháp môn này thù thắng khôn sánh. Kinh sách chẳng thể nghĩ bàn nhất trong số những kinh sách Vãng Sanh chính là sách Di Đà Kinh Yếu Giải. Câu nói của Vĩnh Minh đại sư là lời cảm thán hết sức, các đồng học học Phật chớ nên coi thường pháp môn Tịnh Độ này.

Lại xem tiếp đoạn kể đó [trong sách Yếu Giải]: *“Tu hành duy hữu niệm Phật tối vi ổn đáng, tự hữu tín nguyện trì danh tịnh nghiệp chi lực. Hư tượng Di Đà từ bi nguyện lực, sở dụng chi công, quyết định bất hư, Phật cập thánh chúng, hiện tiền úy đạo, cố đắc vô điên đảo, tự tại vãng sanh dã”* (Tu hành chỉ có niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng nhất, tự có sức tịnh nghiệp tín nguyện trì danh, lại còn nhờ vào từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật nên sự dụng công ấy quyết chẳng hư luống, Phật và thánh chúng hiện trước mặt vô về, chỉ dạy, nên được không điên đảo, tự tại vãng sanh). Mấy câu này đều là lời thật, câu nào cũng đều là chân tướng sự thật. Nhất định phải hiểu ý nghĩa hai chữ *“tu hành”* cho thật rõ ràng, quyết chớ hàm hồ! *“Hành”* là hành vi; hành vi rất nhiều, đức Thế Tôn quy nạp thành ba loại lớn: Ngôn ngữ nơi miệng, tức hành vi khẩu

nghiệp; tạo tác nơi thân, tức hành vi thân nghiệp; ý niệm khởi lên, diệt mất, đó là hành vi nơi ý nghiệp. Hành vi dẫu nhiều, nói chung không ngoài ba loại trên. Vì sao? Chúng được gây tạo bởi thân - ngữ - ý! Hành vi là tạo tác, nhưng trong tạo tác có thiện, có ác; vì thế, đức Phật dạy hàng sơ học chúng ta phải đoạn hành vi ác, phải học hành vi thiện, tức đoạn ác tu thiện. Đức Phật dạy kẻ sơ học như vậy.

Tu học nhất định có thành tựu thì đức Phật lại nâng tu hành lên một mức nữa: Thiện và ác đều là nhiễm, đều là nhiễm trước. Vì thế, đức Phật nhất định lại dạy chúng ta phải đoạn nhiễm, phải tu thanh tịnh, nâng cao cảnh giới! Xa lìa hết thấy nhiễm ô, nhiễm ô là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đoạn ác nhưng không chấp tướng đoạn ác, tu thiện không chấp tướng tu thiện, vĩnh viễn giữ gìn thân tâm thanh tịnh, bình đẳng, đó chính là tịnh nghiệp! Thân tâm thanh tịnh, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thừa cùng quý vị, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị khác biệt: Người đoạn ác tu thiện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vừa đoạn ác tu thiện lại vừa không chấp tướng thì hạng người như vậy thân tâm thanh tịnh, vãng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư hay sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phẩm vị cao lắm!

Chúng ta tu Tịnh Độ không ít năm thì đương nhiên phải nâng cao cảnh giới thêm lên. Vì thế, trong mấy năm qua, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh vấn đề “*thuần tịnh, thuần thiện*”, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chứ không phải cõi Phương Tiện Hữu Dư, chúng ta phải nỗ lực, tinh tấn không lười nhác nơi chuyện này. Vì thế, đại sư dạy chúng ta: “*Tu hành duy hữu niệm Phật tối vi ổn đáng*” (Tu hành chỉ có Niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng nhất). Tu tịnh nghiệp như thế nào? Dùng phương pháp Niệm Phật. Ý niệm vừa mới khởi lên bèn biến thành “A Di Đà Phật”, bất kể là thiện niệm hay ác niệm, niệm vừa khởi lên bèn quy nạp vào A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là thuần tịnh, thuần thiện, đây là [cách tu] ổn thỏa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng, thành tựu cao nhất!

Ở phần trên, tôi đã trình bày cùng quý vị căn cứ lý luận của việc Niệm Phật rồi. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Thế Tôn đã nói: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật), đó chính là căn cứ lý luận của Niệm Phật. Chân tâm bản tánh của hết thấy chúng sanh và mười phương hết thấy chư Phật Như Lai không hai, không khác, cùng một chân tâm, cùng một bản tánh. Chân tâm bản tánh là thuần thiện, thuần tịnh, trọn chẳng có mảy may bất thiện xen tạp,

quyết định không có mảy may bất tịnh xen tạp, thuần thiện, thuần tịnh. Do vậy, quý vị vốn sẵn là Phật, đó là “*tâm này là Phật*”. Kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác nói “*nhất thiết chúng sanh vốn lai thành Phật*” (hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật), tức là nhìn từ góc độ này mà nói. Nay chúng ta tuy mê, nhưng mê cũng không sao, mê thì sao? Chân tâm bản tánh chúng ta không biến đổi mảy may. Kinh Đại Thừa giảng rất nhiều về chân tâm bản tánh: không sanh diệt, không đến đi, không một, không khác, nên bảo là “*không sanh, không diệt, không đến, không đi, không một, không khác, không phải có, chẳng phải không*”. Đó là đặc tánh của nó, nhưng trong đặc tánh ấy vẫn trọn đủ linh minh giác tri.

Trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã giảng cho chúng ta biết: Bản tánh đầy đủ “*kiên văn giác tri*”! Hư không, pháp giới, cõi nước và chúng sanh là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Kể cả hư không, pháp giới, hết thấy chúng sanh; những thứ ấy do đâu mà có? Do tâm hiện, thức biến! Bởi vậy, Lý Thể của chúng là tâm tánh, tâm tánh đầy đủ linh tri. Do đây biết rằng: Hư không, thế giới, hết thấy vạn vật đều có linh tri; nói cách khác, đều có kiến văn giác tri, cũng có nghĩa là chúng có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Chẳng phải chỉ động vật mới có khả năng ấy, mà thực vật cũng có, khoáng vật cũng có, hư không cũng có, chẳng thể nghĩ bàn!

Trong những năm vừa qua, tiến sĩ Giang Bồn Thắng dùng phương pháp thực nghiệm khoa học để quan sát, ông ta phát hiện nước có khả năng thấy nghe hay biết. Mở rộng ra, ông ta quan sát rất nhiều loại thực vật, nhận thấy thực vật cũng thấy nghe hay biết. Ngay cả những vật dụng trong cuộc sống thường nhật, thực phẩm cũng thấy, nghe, hay, biết. Com, bánh mận đầu, chuối, táo đều được thí nghiệm, chứng tỏ chúng thực sự thấy, nghe, hay, biết. Thấy - nghe - hay - biết là pháp tánh, do đâu mà có? Pháp nhĩ như vậy, nghĩa là chúng vốn sẵn là như vậy. Vì thế, nếu quán sát thí nghiệm sâu hơn thì bùn, cát, đá, đất đều thấy nghe hay biết. Đại khái, khó quan sát nhất là hư không, hư không cũng thấy nghe hay biết, không pháp nào chẳng thấy nghe hay biết. Vì thế, đối với những điều được nói trong kinh Đại Thừa quý vị phải tin sâu, chớ ngờ vực, các nhà khoa học phát hiện những điều ấy rồi báo với quý vị, quý vị chẳng cảm thấy lạ lùng chút nào hết, quý vị chỉ cảm thấy: “*Chuyện ấy bình thường! Kinh Phật đã nói rồi, các ông chỉ dùng phương pháp khoa học để chứng thực đó thôi, chúng vốn dĩ là như vậy, không lạ lùng chi hết!*”

Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này thì quý vị mới hiểu Tịnh Độ và Uế Độ là như thế nào, Tịnh và Uế bất nhị! Tâm con người lành thì tất cả hết thấy vạn vật kết tinh đều lành. Tâm con người chẳng lành thì tất cả hết thấy vạn vật đều kết tinh chẳng lành. Kinh Phật chẳng thường nói như thế này hay sao? *“Cảnh tùy tâm chuyển!”* Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng: *“Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai”* (Nếu có thể chuyển được vật thì giống với Như Lai). Bởi thế, hết thấy vạn vật chuyển biến theo tâm tánh của chúng ta, tâm ta thiện thì không một pháp nào chẳng thiện, toàn là thiện. Tâm ta bất thiện, hết thấy mọi pháp đều bất thiện. Vì sao có uế độ? Vì sao có tai nạn? Vì ý niệm bất thiện, do nghiệp cảm bất thiện chiêu cảm, duyên do là như thế.

Chúng ta muốn chuyển biến thế giới này không khó! Chỉ cần chúng sanh sống trong thế giới này thực sự đoạn ác tu thiện thì tất cả hết thấy thiên tai và nhân họa đều tiêu diệt, không còn nữa. Như vậy thì phải chuyển từ đâu? Chuyển từ tâm địa. Bao nhiêu năm qua thế giới bàn chuyện bảo vệ môi trường, tôi cũng đã nói khá nhiều lần: “Muốn bảo vệ môi trường thì phải bắt đầu từ đâu? Từ tâm địa!” Tâm tịnh thì hoàn cảnh sẽ thanh tịnh; tâm thiện thì hoàn cảnh bèn thiện. Cái tâm, cái ý niệm của chúng ta không thay đổi thì không có cách gì thay đổi được hoàn cảnh, dù có đổi cũng chẳng đạt hiệu quả gì! Đức Phật dạy rất hay: *“Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”* (Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng). Dạy rõ ràng, minh bạch đến như vậy, có sao quý vị nghe chẳng hiểu? Vì sao chẳng chịu làm theo? Nói thật ra, chuyện này quan trọng hơn bất cứ gì khác, nhất định chớ nên xem thường!

Vậy thì chúng ta cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới do tịnh nghiệp của chính mình thành tựu và cảm thành. Tâm chúng ta không thanh tịnh, hạnh không thanh tịnh, sẽ chẳng thể sanh về Tịnh Độ! Bởi vậy, niệm Phật, niệm một câu danh hiệu là tịnh tâm, tịnh ý, tịnh hạnh. Thân - ngữ - ý đều thanh tịnh thì chuyện sanh về Tịnh Độ sẽ được thành tựu. Nếu miệng niệm Di Đà, trong tâm không thanh tịnh, khởi tâm động niệm đều là tham - sân - si - mạn, vẫn là phiền não tập khí, niệm Phật như thế sẽ chẳng thể vãng sanh. Cổ nhân bảo: *“Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hầu lung diệc uống nhiên”* (Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, rách toạc cổ họng uống công thôi) Vì sao? Thân - ngữ - ý không thanh tịnh, bởi vậy, chẳng thể thành tựu. Quý vị học Phật, học pháp gì cũng không học được. Trong cuộc sống hằng ngày vẫn là tâm tánh bộp chộp, xúc nổi, gặp chuyện không biết xử trí thế nào. Phiền não khởi hiện hành, chớ không phải trí huệ hiện

hành, không sanh trí huệ, chỉ sanh phiền não. Học Phật như vậy khó lắm! Học Phật chẳng thể thành tựu, chắc chắn vẫn bị chuyển theo nghiệp lực!

Nếu quý vị hỏi rốt cuộc là do nguyên nhân nào ư? Do thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi cá nhân khác biệt; từ kinh nghiệm của chính tôi mà nói thì là do nghe kinh quá ít, bởi thế, không giác ngộ, phiền não tập khí vẫn làm chủ y như cũ. Vì vậy, chúng ta phải thường suy nghĩ: Vì lẽ nào Thích Ca Mâu Ni Phật ngày ngày giảng kinh? Bốn mươi chín năm chưa từng gián đoạn một ngày nào. Vì sao phải ngày ngày giảng kinh? Chính là đau lòng rất miêng giúp cho quý vị giác ngộ, giúp quý vị quay đầu. Từ đâu quay đầu? Từ tập khí phiền não mà quay đầu lại, đừng nương theo tập khí phiền não cũ, nên tuân theo lời Phật, Bồ Tát răn dạy. Kinh điển chính là những răn dạy của Phật, Bồ Tát; những gì Phật, Bồ Tát răn dạy chính là tánh đức của chúng ta. Tùy thuận lời Phật, Bồ Tát răn dạy chính là tùy thuận tánh đức của chính mình. Không tùy thuận tánh đức thì chắc chắn tùy thuận phiền não.

Tánh đức là gì? Tánh đức vốn lành, “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người lúc thoát đầu tánh vốn lành); tánh đức là pháp tánh, tánh đức là Phật tánh. Phật tánh là thuần thiện, thuần tịnh. Đó là thực sự học Phật, học thực sự có ích. Không biết học thì đúng là nói trắng ra, dù chỉ học ngoài da cũng không được. Do đâu mà thấy? Từ khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi mà thấy: Kẻ ấy vẫn tùy thuận tập khí phiền não, đúng là một phen, một mảy Phật pháp cũng chẳng thọ dụng được! Vì nguyên nhân gì vậy? Kinh Địa Tạng bảo là “*cang cường nan hóa*” (ương ngành, khó giáo hóa), tánh tình quá bướng bỉnh, quá tự phụ! Luôn tự cho mình có lý, rất khó thể tiếp nhận lời Phật, Bồ Tát dạy. Tập khí quá nặng, sửa không được, cứ như vậy thì đương nhiên phải lưu chuyển theo nghiệp.

Vì thế, chính mình phải thường xuyên tự phản tỉnh, thường xuyên kiểm điểm, phải tìm cho ra khuyết điểm của chính mình. Tự mình có năng lực phát hiện cái bệnh của mình, trong Phật pháp gọi là “*khai ngộ*” hay giác ngộ! Khai ngộ rồi mới khởi tu, khởi tu là sau khi khai ngộ bèn sửa đổi những căn bệnh tập khí của chính mình. Đó là thực sự tu hành. Nay chúng ta tu Tịnh Độ, tâm không thanh tịnh, ý niệm không thanh tịnh, hành vi không thanh tịnh, hoàn toàn chẳng tương ứng với Tịnh Độ. Vì thế, phải biết tín nguyện trì danh tu Tịnh nghiệp; tự mình thực sự chịu tu Tịnh nghiệp, Tịnh nghiệp là thiện, là tịnh, biểu hiện ra bên ngoài là thiện, thuần thiện thuần tịnh. Đây là Tự Lực.

Pháp môn Tịnh Độ được gọi là “*nhị lực pháp môn*”: Tự Lực và

Tha Lực. Tha Lực là A Di Đà Phật, “*hựu trượng Di Đà từ bi nguyện lực*” (lại nương vào nguyện lực từ bi của A Di Đà Phật), đó là Tha Lực. “*Trượng*” (仗) là nhờ cậy, phải làm sao mới hòng nhờ cậy nguyện lực của A Di Đà Phật? Dùng tịnh nghiệp của chúng ta để cảm lấy nguyện lực của A Di Đà Phật. Tịnh nghiệp của chúng ta là Năng Cảm, nguyện lực từ bi của A Di Đà Phật là Năng Ứng, cảm ứng đạo giao! Hết thầy chúng sanh do nghiệp lực cảm lấy Thập Ác; vì thế, phải quán sát kỹ càng, nếu thân - khẩu - ý chẳng lìa Thập Ác thì phiền lắm! Thập Ác cảm được gì? Quả báo khổ sở trong tam đồ! Thập Thiện khiến quý vị cảm được vui sướng và phước báo nơi ba đường lành trong sáu đường; nhưng không thoát khỏi luân hồi lục đạo. Vì thế, tịnh nghiệp quan trọng lắm!

Trong tâm là A Di Đà Phật, miệng niệm A Di Đà Phật, hết thầy tạo tác nơi thân chẳng lìa A Di Đà Phật. Tạo tác nơi thân như thế nào mới gọi là chẳng lìa A Di Đà Phật? Những giáo huấn trong Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh được biểu hiện nơi hành vi của chúng ta; đó là không lìa A Di Đà Phật! A Di Đà Phật dạy chúng ta làm sao, chúng ta cứ làm như thế ấy, dạy ta đừng làm điều gì, chúng ta nhất định không làm! Như vậy là đúng! Niệm niệm cảm ứng đạo giao như thế, chính là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, “*sở dụng chi công, quyết định bất hư*” (công phu đã vận dụng quyết chẳng luống uổng). “*Công*” (功) ở đây là công phu, đến lúc lâm chung, lúc thọ mạng sắp chấm dứt, Phật bèn đến. “*Phật cập thánh chúng, hiện tiền ủy đạo*” (đức Phật và thánh chúng hiện trước mặt vô về, chỉ dạy). “*Ủy*” (慰) là an ủi, Phật đến an ủi, Phật đến dẫn dắt, tức là tiếp dẫn quý vị. Bởi thế, quý vị chẳng bị điên đảo, tâm không bị loạn, nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, tự tại vãng sanh! Tiếp đó là lời đại sư Ngẫu Ích cực lực tán thán pháp môn này:

“*Pháp môn thâm diệu*”: “*Thâm*” là Lý sâu, chúng ta không có cách gì hiểu thấu đáo; “*diệu*” là Sự diệu, Tướng diệu, phương pháp xảo diệu, “*phá tận nhất thiết hý luận, trảm tận nhất thiết ý kiến*” (phá sạch hết thầy hý luận, chặt đứt hết thầy ý kiến). Hai câu này là nói thật đấy, Ngẫu Ích đại sư nêu ra những điều khó thể nói được lắm, vì nếu không nhập cảnh giới này, sẽ không thể nói ra những lời ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Phá sạch hết thầy hý luận, hý luận là gì? Thừa cùng quý vị, hết thầy những gì chư Phật giảng kinh, thuyết pháp, nếu đem so với pháp môn Niệm Phật chúng đều là hý luận cả, không thể so sánh được! Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng dễ tu, rất khó học tập, vẫn phải tốn thời gian rất dài; pháp môn này lại quá nhanh chóng, một đời thành tựu. Bởi thế,

nó ôn hòa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng; thành thử, các pháp môn khác đương nhiên bị coi là hý luận. Chữ “*hý luận*” chỉ Phật pháp, có nghĩa là pháp xuất thế gian; chữ “*ý kiến*” chỉ các pháp thế gian. Như vậy, hai câu này có nghĩa là [pháp môn Tịnh Độ] siêu việt hết cả pháp thế gian và xuất thế gian, pháp môn thâm diệu quá! Hết cả pháp thế gian hay xuất thế gian đều chẳng thể sánh bằng!

“*Duy Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh chi lưu, triệt để đả phá đả kích*” (chỉ có những bậc như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới triệt để gánh vác được). Ai mới có thể tin nổi pháp môn này? Ai có thể chết lòng sát đất tu tập pháp môn này? Ngẫu Ích đại sư chỉ nêu tượng trưng vài vị trong số các tổ sư: Mã Minh Bồ Tát và Long Thọ Bồ Tát là người Ấn Độ, nêu tên hai vị trong số các tổ sư cổ Ấn Độ. Lịch đại tổ sư Trung Quốc cũng chỉ nêu hai vị: Trí Giả đại sư và Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư. Trí Giả và Vĩnh Minh đều ở tại Chiết Giang, Trí Giả đại sư ở núi Thiên Thai; Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư ở Hàng Châu, là tổ thứ sáu của Tịnh tông. Chỉ có những vị như vậy, các Ngài thực sự chứng được quả vị Bồ Tát, không phải là Bồ Tát tầm thường mà là Pháp Thân Bồ Tát, đều đạt quả vị Pháp Thân Bồ Tát. Thế nhưng chúng ta phải biết: Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, ứng hóa trở lại; Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật ứng hóa, cổ Phật tái lai! Các Ngài mới triệt để “*đả phá đả kích*” (gánh vác nổi), gánh vác là tiếp nhận hoàn toàn, không một mảy lông vụn, y giáo phụng hành.

“*Kỳ dư, thế trí biện thông*” (Ngoài ra, những kẻ thế trí biện thông): Ngoài ra là những kẻ có trí huệ thế gian, người rất thông minh, người khéo ăn nói nhất. Tiếp đó, Tổ nêu mấy thí dụ: “*Thông Nho, Thiên khách*”, các vị thông đạt kinh luận của bách gia chư tử thì gọi là “*thông Nho*”, chúng ta thường gọi là bậc “*đại Nho*”. “*Thiên khách*” là tổ sư đại đức trong Tông Môn. “*Tận tư lượng độ, dữ thôi dữ viễn*” (Tận sức suy lường, càng suy lường, càng cách xa): Nếu những người ấy suy lường, nghiên cứu, thảo luận những kinh sách Tịnh Độ thì càng nghiên cứu chẳng những không thể hiểu nổi sự thâm diệu của pháp môn này mà ngược lại còn lạc xa hơn nữa. Vì sao? Pháp môn này là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, tuyệt đối chẳng thể dùng tư tưởng, suy tư, khảo sát, nghiên cứu để thấu hiểu được, tuyệt đối chẳng thể bàn luận suông để hiểu rõ được. Vì sao? Vì đó là cảnh giới Phật, cảnh giới thuộc về quả địa Như Lai. Đức Phật nói rất rõ, “*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có mình Phật với Phật mới hiểu được rốt ráo). Đối với pháp môn này, có thể dùng tỷ dụ để nói về Đẳng Giác Bồ Tát như sau: “*Do như*

cách la vọng nguyệt” (giống như ngắm trăng qua một lớp the). Đẳng Giác Bồ Tát còn như thế, huống chi là phàm phu!

Từ ngữ “*thông Nho, Thiên khách*” chỉ những kẻ chưa kiến tánh. Dầu có kiến tánh thì kiến tánh có phẩm vị bất đồng, trong minh tâm kiến tánh có đến bốn mươi một địa vị, gọi chung là Tam Hiền Thập Thánh. Đã chứng Thập Thánh thì không có vấn đề gì, chứ còn thuộc trong Tam Hiền thì vẫn chưa được. Vì sao Thập Thánh không có vấn đề gì? Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Địa Thượng Bồ Tát từ Sơ Địa đến địa vị thứ mười một (Đẳng Giác Bồ Tát) “*thủy chung chẳng rời niệm Phật*”. Khai thủy (mở đầu) của Địa Thượng Bồ Tát là Sơ Địa, chung cục là Đẳng Giác Bồ Tát, mười một địa vị như thế từ đầu đến cuối tức là từ Sơ Địa đến Đẳng Giác, các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; bởi thế, các vị thuộc các địa vị này không có vấn đề gì. Mã Minh, Long Thọ đều là Địa Thượng Bồ Tát. Người minh tâm kiến tánh nếu thuộc địa vị Tam Hiền thì không thấy người ấy niệm Phật; nhưng nếu [vị nào] đăng địa (đã chứng từ Sơ Địa trở lên), nhất định [vị đó] niệm Phật. Vì thế, kinh Đại Thừa thường nói: “*Thập Địa Bồ Tát thủy chung bất ly niệm Phật*” (Hàng Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật). Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn!

“*Hựu bất nhược ngu phu ngu phụ lão thật niệm Phật giả, vi năng tiêm thông Phật trí, ám hợp diệu đạo dã*” (Lại chẳng bằng kẻ ngu phu ngu phụ chắc thật niệm Phật, có thể ngầm thông với Phật trí, thâm hợp diệu đạo). Thật vậy! Chúng ta không bằng những ông bà già cả nhà quê, chúng ta thua xa họ! Dầu họ chuyện gì cũng không biết, cũng chẳng nghĩ ngợi, hiểu biết gì, dạy họ thật thà niệm Phật, họ bèn thật thà niệm Phật; dạy họ đoạn ác tu thiện, họ bèn thật thà chất phác đoạn ác tu thiện, thực sự thành công. Cách tu hành như vậy “*tiêm thông Phật trí, ám hợp diệu đạo*” (ngầm thông với Phật trí, thâm hợp diệu đạo). Dầu chưa học qua, nhưng tâm hạnh họ lại rất ngầm khế hợp với pháp môn thâm diệu này; vì thế, họ có thể thành tựu. Họ thành tựu phẩm vị cao hay thấp cũng chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta không có cách gì suy lường được hết. Những người như vậy chẳng tầm thường đâu nhé, thiện căn trong đời quá khứ rất sâu dày!

Cuối cùng là lời tổng kết: “*Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn*” (ta thấy điều lợi ấy, nên nói lời này). “*Ta*” ở đây là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy sự lợi ích đó, vì thế Ngài nói ra. Ngẫu Ích đại sư nói: “*Phân minh dĩ Phật nhãn, Phật âm, ấn định thử sự, khởi cảm vi kháng, bất thiện thuận nhập dã tai?*” (Phân minh

dùng mắt Phật, tiếng Phật để ấn định việc này, há dám chống báng, chẳng ngoan ngoãn theo vào ư?) Nếu quý vị thực sự là đệ tử của Phật, quý vị phải hiểu ý nghĩa sâu xa của câu kinh văn này, vì sao? Điều do chính mắt đức Phật thấy, do chính miệng đức Phật nói, tức là đức Phật đã khẳng định dứt khoát chuyện A Di Đà Phật đến tiếp dẫn vãng sanh rồi. Nếu chúng ta trái nghịch, chẳng tuân thủ lời Phật dạy, tức là chúng ta chẳng thuận theo ý Phật, chẳng chấp thuận Phật dạy dỗ thì chẳng phải là đồ đệ của Phật. Đồ đệ của Phật há chẳng vâng lời, làm theo lời thầy dạy ư? Tùy thuận Phật, Bồ Tát dạy dỗ, chắc chắn thành tựu. Không tùy thuận là không có cách chi hết, phải luân hồi dài lâu.

Chúng tôi giảng đoạn lớn này đến đây thôi.

Tập 29

6.4. Lưu Thông Phần

6.4.1. Chư Phật Khuyến Tấn Lưu Thông

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đơn vị thứ sáu: “*Chư Phật khuyến tấn lưu thông*”. Đoạn kinh văn này quý vị hay quen gọi là Sáu Phương Chư Phật Tấn Thán. Trước hết, chúng tôi đọc một đoạn kinh văn:

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi. Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: ‘Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tấn Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm kinh.

舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛。不可思議功德之利。東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(*Này Xá Lợi Phất! Như nay ta tán thán lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di*

Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lười rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các người nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”).

Đến đây là một đoạn. Chúng tôi chia đoạn thành năm đoạn nhỏ để giới thiệu. Đoạn thứ nhất là “*thử kinh dĩ Thật Tướng vi Thê, thị Thê Tôn triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thù kham nhiệm lưu thông chi trách*” (kinh này lấy Thật Tướng làm Thê, do tâm bi triệt để nên đức Thê Tôn không ai hỏi mà tự nói, ai là người có thể gánh vác trách nhiệm lưu thông). Trước hết, chúng tôi giới thiệu đại lược ý tưởng này. Bộ kinh A Di Đà này kích thước không lớn, phạm là kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Thê. Thật Tướng là gì? Nhìn từ mặt chữ, “*chân tướng sự thật*” được gọi là Thật Tướng. Chân tướng sự thật chính là Chân Như Bản Tính, là Lý Thê của Pháp Thân và [chủ thê] có thể hiện, có thể biến, [cũng như tất cả các pháp] được hiện, được biến, đó là chân tướng sự thật! Những gì đức Thê Tôn dạy chúng ta không ngoài những điều như vậy.

Pháp hội này do bi tâm triệt để của Thích Ca Mâu Ni Phật mà có, cũng có thể nói là từ tâm đại từ đại bi viên mãn rất ráo, không ai thưa hỏi, từ đầu đến cuối chỉ mình đức Thê Tôn tự nói; vì thế, tựa đề kinh ghi là “*Phật Thuyết*”. Kinh điển như vậy ai mới là người có năng lực, hay như ta thường nói là “có đủ tư cách” đảm nhiệm lưu thông? Quả thật, kinh này khác hẳn với mọi kinh đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Ngay cả kinh Hoa Nghiêm cũng có người khai thỉnh; tuy vậy, khai thỉnh trong kinh Hoa Nghiêm không phải là nói ra mà là trong tâm có nghi vấn nhưng không nói ra, đức Phật biết ngay, còn kinh này không ai nghĩ đến, không ai có thể nêu được câu hỏi. Đức Phật thấy duyên phận của đại chúng chín muồi, bèn vì chúng ta nói ra pháp môn thù thắng khôn sánh, là pháp hết thấy chúng sanh khó tin. Vì sao gọi là “duyên chín muồi”? Đức Phật nói ra chắc chắn có người tin tưởng, có người có thể thấu hiểu, có người chịu y giáo phụng hành, đó là “duyên chín muồi”. Đức Phật chẳng đợi ai hỏi, gấp gấp nói ra; vì thế, kinh này mới là lòng “độ sanh thành Phật” (hóa độ cho chúng sanh thành tựu Phật quả) triệt để, viên mãn rất ráo vậy!

Ở đây, Ngẫu Ích đại sư vì chúng ta nêu lên câu hỏi: Ai là người có năng lực, có tư cách lưu thông? Lão nhân gia nói rất hay. Kinh chia

thành ba phần, Ngài phán định từ đây trở đi thuộc phần Lưu Thông. Từ trước đến nay khi tổ sư đại đức giảng kinh A Di Đà, chưa vị nào coi phần này là Lưu Thông, đều cho đoạn này thuộc về phần Chánh Tông; riêng mình Ngẫu Ích đại sư huệ nhãn trọn đủ, phán định từ đây trở đi là phần Lưu Thông, “*chư Phật khuyến tín lưu thông*”. Trong phần Lưu Thông, Ngài cũng chia thành ba khoa (ba tiểu đoạn): Khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hành. Trong ba phần, Tự Phần cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, phần Chánh Tông cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, trong phần Lưu Thông cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, dùng ba tư lương quán triệt cả ba phần. Ai có thể khuyến tín (khuyên nên tin tưởng)? Chư Phật Như Lai!

Dưới đây là phần lược giải ý nghĩa của chữ Lưu Thông, [sách Yêu Giải viết]: “*Lưu giả, lưu truyền vạn cổ, thông giả, thông đạt thập phương*” (Lưu là lưu truyền muôn đời, Thông là thông đạt mười phương). Giáo huấn của thánh hiền nếu không có ai lưu truyền sẽ chẳng thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Con người hiện thời không gọi là “lưu thông” mà gọi là “tuyên truyền, tuyên đạo⁸³”, đều mang ý nghĩa lưu thông. Cổ Trung Hoa gọi là “truyền thừa”, đều thuộc về ý nghĩa lưu thông. Đòi đòi có truyền nhân thực hiện công tác hoằng truyền, xiển dương chánh pháp. Bộ kinh này là pháp khó tin, ngoại trừ Phật ra, ai là người có thể đảm nhiệm tốt đẹp hơn? Bởi thế, “*duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu cánh chư pháp Thật Tướng, kham cộng lưu thông*” (chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo Thật Tướng các pháp, mới có thể cùng nhau lưu thông). Chỉ có Như Lai Quả Địa, tức là thành Phật, mới có thể triệt để rốt ráo chứng đắc Thật Tướng của các pháp; vì thế, đối với pháp môn khó tin này, chư Phật không hoài nghi, các Ngài lưu thông bằng cách nào? Vì hết thảy chúng sanh giảng kinh điển này, đó là lưu thông.

Từ câu này chúng ta phải hiểu: Tuyệt đối không phải Ngẫu Ích đại sư tự chế ra câu nói ấy mà Ngài có kinh điển để làm căn cứ. Quý vị thấy trong cả đoạn kinh văn dài như vậy, sáu phương Phật thật ra là mười phương, bản dịch kinh A Di Đà của ngài Huyền Trang ghi mười phương, La Thập đại sư dịch ý, tinh lược. Người Hoa thích đơn giản, không thích rườm rà, bởi thế, [ngài La Thập] tinh lược mười phương thành sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới; còn thì tinh lược Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc, Đông Bắc. Mười phương tam thế hết thảy chư Phật, không vị Phật nào chẳng giảng pháp môn này. Nói cách khác, khi Phật ứng hóa trong thế gian thì vô lượng vô biên pháp môn chưa chắc đã

⁸³ Tuyên đạo (宣導): Tuyên nói, chỉ dạy, hướng dẫn.

giảng, mà phải giảng những kinh nào?

Kinh Phật được gọi là Khế Kinh, nguyên tắc giảng kinh nhất định phải là khế hợp căn tánh của chúng sanh, khế hợp lòng chúng sanh ưa thích, khế hợp trình độ của chúng sanh, khế hợp thói quen sinh sống hiện tại của chúng sanh, bởi thế, gọi là Khế Kinh. Nếu không thích hợp trình độ hoặc có chỗ nào không thích hợp, đức Phật sẽ không giảng. Giống như thầy dạy trò, thầy thực sự học vấn đầy ắp bụng, mời thầy dạy học trò Tiểu Học: “Được! Tôi cũng hoan hỷ dạy các bạn nhỏ”. Dạy các em nhỏ có phương pháp dạy trò nhỏ, dạy sao cho chúng hiểu được, tiếp nhận được, vui thích làm theo, phải có phương pháp dạy riêng. Dạy thanh thiếu niên, tuổi tác lớn rồi, mười mấy tuổi, hai mươi tuổi, người như thế nào có phương pháp dạy học dành cho giai đoạn ấy. Vì sao? Sức hiểu biết cao hơn; còn tuổi nhi đồng có sức ghi nhớ mạnh mẽ. Căn tánh như vậy đó, phải thích hợp căn tánh!

Vì thế, quan trọng nhất khi dạy Tiểu Học là phải làm cho trẻ nhớ kỹ những đạo lý và giáo huấn của thánh hiền trong giai đoạn đó, đọc nhiều, thuộc kỹ, không cần phải giảng giải. Thầy nêu gương, làm gương có tác dụng rất lớn, tác dụng như thế nào? Khiến cho học trò khởi lòng tin đối với thầy, hết sức quan trọng đấy nhé! Học sinh không hoài nghi thầy. Dạy học như vậy là dạy trong giai đoạn đầu tiên, gia trưởng (phụ huynh học sinh) và thầy hợp tác mật thiết khiến cho học sinh ghi vào lòng, in vào mắt, nhớ kỹ trong tâm. Nói trắng ra, đó cũng là diễn tuồng, thầy và cha mẹ cùng diễn cho học trò xem tuồng.

Lúc tôi lên sáu bảy tuổi đi học trường tư, tôi đã kể cùng quý vị rồi đó. Cha tôi mang lễ vật đến biếu thầy, xin cho tôi theo học. Vào trường (trường này là trường tư đặt trong từ đường của một người họ), trước hết, đối trước bài vị của Khổng lão phu tử (lúc ấy chưa có tranh vẽ, chỉ có bài vị của Khổng lão phu tử), hành lễ theo cách cung kính nhất là quỳ lạy ba lần, dập đầu chín cái. Cha tôi lễ đằng trước, tôi ở đằng sau lễ theo, quỳ lạy ba lần, dập đầu chín cái. Lễ Khổng lão phu tử xong, thỉnh thầy ngồi lên cao, hành đại lễ quỳ ba lần, dập đầu chín cái đối với thầy, hết sức kính lễ. Thầy tuổi chưa cao, xem chừng còn kém tuổi cha tôi, cha tôi hướng về thầy lễ ba lần, dập đầu chín cái, tôi ở đằng sau làm theo. Vì sao vậy? Để in vào mắt, ghi vào lòng kẻ làm học trò, cha tôn kính đối với thầy như thế đó, bọn ta không được hoài nghi. Lời thầy giống hệt như thánh chỉ, không ngờ vực chi, đương nhiên không phản đối, thầy dạy làm sao, học theo làm vậy. Phụ huynh cung kính thầy như thế ấy, thầy không tích cực dạy học trò làm sao xứng với phụ huynh? Làm sao dám

nhìn mặt học trò? Có cảm giác trách nhiệm mà! Không như nhà trường bây giờ, nhà trường hiện thời không còn quy cách như vậy nữa.

Nay toàn bộ xã hội hướng theo thương nghiệp hóa. Thầy dạy học để làm gì? Vì tiền lương, được trả lương giờ, vì như vậy đó! Học sinh đi học để làm gì? Để kiếm văn bằng. Đạo nghĩa thầy trò không còn nữa, tình bè bạn giữa đồng học cũng không còn, không thể sánh bằng khi xưa được. Trước kia, mối quan hệ thầy trò đúng là “*nhất nhật vi sư, chung sanh vi phụ*” (một ngày là thầy, suốt đời là cha), thầy trò như cha con, đồng học không khác gì anh chị em ruột. Nay loại tình cảm ấy đã biến mất, quan hệ giữa người với người hiện tại là mối quan hệ lợi - hại, chứ đạo nghĩa và tình bạn không còn nữa. Nhân gian bi thương không gì hơn được nữa!

Vì thế, kinh văn này cần phải có người thực sự hiểu thấu, thông đạt, không ngờ vực để lưu thông. Chư Phật lưu thông, chư Phật đều tán dương, không vị Phật nào chẳng hoan hỷ, không tán thán. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, chính là thay mặt mười phương ba đời hết thảy chư Phật cùng tán thán A Di Đà Phật, xưng tán Di Đà là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, vua trong các đức Phật)! Tán thán đến cùng cực. Nếu chúng ta lắng lòng suy nghĩ, sẽ nhận rõ: Hết thảy chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”; vậy thì chúng ta học Phật, không học với A Di Đà Phật còn học với ai đây? “*Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*” (Mười phương ba đời Phật, A Di Đà Phật bậc nhất). Nay chúng ta phải học với vị thầy bậc nhất, vị thầy bậc nhất ấy do chính Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta!

Thích Ca Mâu Ni Phật giống như cha chúng ta, A Di Đà Phật là thầy. Cha đem con đến bái sư, giao con cho thầy; nếu chúng ta không tuân lời thầy dạy thì chính là đại bất hiếu. Thế nhưng có rất nhiều kẻ tình chấp quá sâu, hết sức chấp trước, cứ khăng khăng nhất định phải theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Họ cũng niệm Phật, nhưng niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, không niệm A Di Đà Phật. Vì sao? Họ chưa từng đọc Phật Thuyết A Di Đà Kinh, hoặc là đọc rồi nhưng không hiểu. Nếu thực sự hiểu, sẽ không như thế, nhất định nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật cầu sanh về Tịnh Độ, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy.

“*Thử kinh điên vô thượng viên đốn pháp môn*” (kinh này là pháp môn vô thượng viên đốn), kinh này viên đốn như các kinh Đại Thừa lần

Nhất Thừa! Hoa Nghiêm là viên đốn, Pháp Hoa là viên đốn, Lăng Nghiêm là viên đốn, Tịnh Độ Tam Kinh ngoài viên đốn còn thêm hai chữ “*vô thượng*”! Không thể nói kinh Hoa Nghiêm là “*vô thượng viên đốn*”, vì sao? Phía trên còn có kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà. Vì sao biết vậy? Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là “*mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc*”, tức là quy về kinh Vô Lượng Thọ, quy về A Di Đà Phật. Vì thế, kinh này được gọi là pháp môn vô thượng viên đốn là như vậy đó.

“*Duy thuyên Phật chi cảnh giới*” (chỉ nói về cảnh giới của chư Phật): Kinh này hoàn toàn nói đến cảnh giới thuộc Quả Địa Như Lai, chẳng phải cảnh giới Bồ Tát! “*Có viết duy Phật dữ Phật khả dữ lưu thông nhĩ*” (Nên nói chỉ có Phật với Phật mới có thể lưu thông vậy). Chỉ có đức Phật [Thích Ca Mâu Ni] và chư Phật Như Lai mới đủ năng lực, đủ điều kiện để lưu thông bộ kinh này. Từ đây, chúng ta có thể khẳng định hết thấy chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh đều phải diễn nói kinh này, hết thấy những kinh khác chưa chắc chư Phật đều nói, chỉ riêng mình kinh này, hết thấy chư Phật không vị Phật nào chẳng nói, không vị Phật nào không khuyên người, không khuyên hết thấy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Phật Phật đạo đồng mà! Chúng ta phải hiểu rõ ràng, thấu suốt điều này.

Lại xem tiếp phân đoạn thứ hai, Ngẫu Ích đại sư bảo: “*Bất khả tư nghị, lược hữu ngũ ý*” (Chẳng thể nghĩ bàn, nói đại lược có năm ý). Lược nói năm ý nghĩa của chữ “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn), phải nói đại lược vì nói mãi cũng không hết!

1) Thứ nhất là “*hoành siêu tam giới, bất sĩ đoạn Hoặc*” (vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng cần đợi đến lúc đoạn Hoặc). Đó là điều chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta biết: Muốn thoát khỏi tam giới lục đạo, ở phần trên tôi đã nói rồi, phải dần dần nâng cao lên mới hòng vượt thoát, không phải là chuyện dễ dàng! Pháp môn này không cần! Vượt thoát theo chiều ngang, chứ không cần theo chiều dọc, vượt thoát ngay từ nhân đạo (loài người). Thụ xuất (vượt thoát tam giới theo chiều dọc) thì phải đoạn Hoặc. Nếu chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, chắc chắn chẳng thể vượt khỏi tam giới lục đạo.

Đoạn Kiến Hoặc, quý vị thoát khỏi tam đồ, nhưng chưa thoát khỏi lục đạo, quý vị vĩnh viễn không đoạn tam đồ; tức là trong lục đạo, quý vị vĩnh viễn chẳng đoạn vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới thoát khỏi lục đạo luân hồi, vượt thoát cả ba thiện đạo. Phải đoạn được Tư Hoặc! Sau khi vượt thoát lục đạo, sanh trong Tứ

Thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật pháp giới trong mười pháp giới. Trong cảnh giới ấy phải đoạn Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới có thể thoát khỏi Tứ Thánh pháp giới. Vì thế, phải đoạn Hoặc!

Nay trong pháp môn Tịnh Độ không cần đoạn Hoặc mà đời nghiệp vãng sanh! Dầu không đoạn Hoặc, nhưng cổ đại đức nói rất rõ là ta phải chế phục Hoặc nghiệp. “*Hoặc*” là tập khí phiền não. Quý vị phải khuất phục được tập khí phiền não, dầu chưa đoạn Hoặc, nhưng trong cuộc sống thường ngày chẳng để cho chúng phát tác, phải có bản lãnh ấy. Không có bản lãnh ấy sẽ chẳng thể vãng sanh, chẳng thể vượt ngang tam giới được! Phải có bản lãnh! Bản lãnh gì vậy? Trong kinh Phật dạy: Trì danh niệm Phật, chấp trì danh hiệu! Phải tốn thời gian bao lâu? Không dài lắm đâu! Quý vị thấy “*hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc đến bảy ngày*”. Đúng là dễ dàng quá, đơn giản quá! Người ta không tin: Há dễ dàng vậy ư? Đại pháp vô thượng viên đôn mà! Nếu không dễ dàng, đơn giản, ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng như thế, sao là pháp vô thượng viên đôn cho được?

Ai có thể sanh về đó được? Ai tin là sanh về được, ai y giáo phụng hành là sanh về được. Ngẫu Ích đại sư giảng kinh này rất hay: “*Được vãng sanh hay không hoàn toàn cậy vào tín nguyện có hay không?*” Quý vị có thực sự tin tưởng hay không, thực sự muốn ra đi hay không, quý vị có thể hội đủ điều kiện ấy hay không? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp là do công phu trì danh sâu hay cạn. Giống như trong thế gian này của chúng ta, lục đạo chúng sanh luân hồi xả thân thọ sanh, sẽ có hai sức mạnh:

a. Một là Dẫn Nghiệp dẫn dắt quý vị thọ sanh trong đường nào; như lần này ta được làm thân người là do Dẫn Nghiệp dẫn ta sanh vào thân người.

b. Trong một đời này, chúng ta gặp gỡ, chúng ta hưởng nhận những nỗi khổ niềm vui. Quả báo khổ hay sướng ấy gọi là Mãn Nghiệp (“mãn” là viên mãn). Mãn Nghiệp là quả báo của cả một đời, nhất định phải hứng chịu.

Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có hai điều kiện, cũng có Dẫn Nghiệp tức là Tín Nguyện. Tín Nguyện hướng dẫn chúng ta sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thế giới ấy có chín phẩm ba bậc trong bốn cõi, quý vị vãng sanh vào phẩm vị nào giống như Mãn Nghiệp, là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Công phu niệm Phật sâu, phẩm vị cao; công phu niệm Phật nông

cạn, phẩm vị thấp kém. Đền Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị bất đồng, thọ dụng khác biệt. Bởi thế, chư vị hãy nghĩ đi: Tợ hồ có Dẫn Nghiệp và cũng có Mãn Nghiệp. Tín - Nguyễn - Hạnh: Tín Nguyễn dẫn đường, Hạnh là phẩm vị cao hay thấp. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay! Vì vậy, pháp môn này không cần đoạn Hoặc, một phẩm phiền não chưa đoạn, chỉ cần chế ngự; việc chế ngự phiền não phải được tu tập trong cuộc sống hằng ngày. Tu tập như thế nào? Tôi thường nói: *“Thuận cảnh thiện duyên chẳng khởi tham luyến, không có tâm tham luyến; nghịch cảnh ác duyên không khởi sân khuể”*. Phải rèn luyện trong cuộc sống thường ngày!

Mấy năm gần đây, tôi đặc biệt nhấn mạnh chuyện thuần thiện, thuần tịnh. Giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo xong rồi, tôi vẫn cứ nói mãi: *“Tâm phải thuần tịnh, chẳng dung một phần bất tịnh xen tạp, hành vi phải thuần thiện, chẳng dung mảy may bất thiện xen tạp!”* Thuần tịnh thuần thiện là dùng một câu A Di Đà Phật, dùng phương pháp ấy khiến cho chúng ta trong một đời này tu thành thuần tịnh thuần thiện, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị sẽ cao! Đó là cái chúng ta có thể mang theo được, tất cả hết thảy pháp thế gian không một thứ gì có thể mang theo được! Những gì không mang theo được không thêm bận lòng nữa, hết thảy tùy duyên! Những gì mang theo được phải nghiêm túc nỗ lực làm cho được. Tín - Nguyễn - Hạnh mang theo được. Đó là bất khả tư nghị thứ nhất.

2) Bất khả tư nghị thứ hai, *“tức Tây Phương hoành cụ tứ độ, phi do tiệm tấn”* (tức là Tây Phương trọn đủ cả bốn cõi Tịnh Độ theo chiều ngang, chẳng do tiến lên dần dần). Thật chẳng thể nghĩ bàn! Các thế giới phương khác ngoại trừ thế giới Cực Lạc, không có thế giới nào giống như thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc đặc biệt quá. Hết thảy các cõi Phật khác đều có bốn cõi, thế giới của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi không ở cùng một chỗ, bốn cõi có cao - thấp. Phạm Thánh Đồng Cư Độ thấp nhất, Phương Tiện Hữu Dư Độ cao hơn. Trong thế giới Sa Bà của Thích Ca Mâu Ni Phật, lục đạo là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Tứ Thánh pháp giới là Phương Tiện Hữu Dư Độ, Nhất Chân pháp giới là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, là Thường Tịch Quang Độ. Phật Thích Ca có bốn cõi, hết thảy chư Phật đều có bốn cõi, nhưng không bày theo hàng ngang. Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn, *“hoành cụ tứ độ”* (trọn đủ bốn cõi theo chiều ngang). Thế giới ấy có bốn cõi, bốn cõi bình đẳng, bốn cõi cùng ở một chỗ.

“Phi do tiệm tấn” (chẳng do tiến dần dần), chẳng giống như chỗ

chúng ta, phải đoạn Kiến Tư phiền não rồi mới có thể dự vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Đoạn sạch Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, quý vị mới sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Đó là tu hành tiệm tấn cao dần lên, không thể đạt ngay được. Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạt được ngay; bởi vậy, sanh vào cõi Đồng Cư sẽ đồng thời sanh vào Phương Tiện Hữu Dư, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm, sanh vào cõi Tịch Quang; một chính là bốn, bốn nhưng mà một; chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là như thế, bốn cõi ở cùng một chỗ. Các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ! Chúng ta vãng sanh, Kiến Tư phiền não chưa đoạn, sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, ngày ngày chúng ta nghiêm nhiên ở cùng một chỗ với các vị Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, đúng là pháp khó tin! Ta là phàm phu, sao ở cùng một chỗ với thánh nhân cho được? Lại là đại thánh, chứ không phải tiểu thánh, chẳng phải bậc thánh nhân tâm thường đâu nhé!

3) Điều thứ ba là “*đản trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiện*” (chỉ trì danh hiệu, chẳng nhọc công dùng đến các phương tiện Thiên Quán). Quý vị thấy đó, thuận tiện quá đi! Phương pháp quá đơn giản, quá dễ dàng: Chỉ cần chấp trì danh hiệu, suốt ngày từ sáng đến tối trong mười hai thời một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta “*không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp*”; không hoài nghi, không xen tạp là tịnh niệm, không gián đoạn là tiếp nối, tịnh niệm tiếp nối vậy! Điều này làm được, ai cũng có thể làm được, chỉ sợ quý vị không chịu làm thì không còn có cách gì hết. Nếu quý vị chịu làm, không một ai chẳng làm được. Đó là sự chẳng thể nghĩ bàn thứ ba, “*đản trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiện*” (chỉ trì danh hiệu, chẳng nhọc công dùng đến các phương tiện Thiên Quán). Không cần phải tham cứu, cũng chẳng cần dùng đến các pháp môn khác hỗ trợ, chỉ một câu Phật hiệu niệm đến cùng tốt là được rồi.

4) Sự bất khả tư nghị thứ tư “*nhất thất vi kỳ, bất tạ đa kiếp, đa sanh, đa niên nguyệt*” (lấy một thất làm kỳ hạn, không cần mất nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng). Quý vị thấy đó: Pháp môn này hết sức nhanh chóng như vậy, một thất là bảy ngày; kinh nói từ một ngày đến bảy ngày. Chẳng giống như các pháp môn khác, đức Phật thường dạy phải tu vô lượng kiếp, phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cần thời gian rất dài, nhiều đời, nhiều kiếp, rất nhiều năm tháng! Pháp môn này bảy

ngày thành công. Bảy ngày tu thành công là chuyện thực sự có, từ xưa đến nay quả thật đã có ghi chép, bảy ngày thực sự có thể thành công. Nếu nói pháp môn này đúng là bảy ngày bèn vãng sanh thì không những pháp môn này là pháp khó tin mà còn biến thành một pháp môn rất đáng sợ. Vì sao? Bảy ngày bèn phải chết rồi! Ai dám tu pháp môn này nữa! Hết thầy chúng sanh trong lục đạo có kẻ nào không tham sống sợ chết? Nói cách khác, người không sợ chết mới tu được pháp môn này, kẻ tham sống sợ chết sẽ chẳng dám tu.

Không ít đồng học chúng ta thường tham gia đả thất, vẫn có người phát tâm đả tinh tấn Phật thất, rất tốt, hiếm có! Đả trọn bảy ngày, đả trọn một trăm lần bảy ngày vẫn chưa vãng sanh là vì nguyên nhân nào vậy? Làm chưa giống như kinh dạy. Kinh dạy bảy ngày thành công, nay chúng ta niệm hết bảy mươi ngày, bảy trăm ngày vẫn chưa thành công là vì nguyên nhân gì? Là vì chính mình tu chưa đúng lý, không đúng pháp; nếu đúng lý đúng pháp, không ai chẳng thành công. Bởi thế, dù quý vị niệm Phật đã lâu, A Di Đà Phật chẳng đến tiếp dẫn quý vị.

A Di Đà thấy rõ quý vị không muốn vãng sanh nên Ngài không đến tiếp dẫn kéo quý vị sợ điếng người. A Di Đà Phật rất từ bi, không dọa dẫm người khác, đợi đến khi quý vị thực sự muốn vãng sanh, Ngài bèn đến; lúc lâm chung quý vị có nguyện vọng khẩn thiết, Ngài bèn đến. Quý vị không có nguyện vọng khẩn thiết, đối với Cực Lạc chẳng mười phần quy hướng, khẩn thiết mong cầu, Ngài cũng không đến. Vì sao? Vì chẳng tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật. Ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh thiếu một điều không được; vì thế, chúng ta phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng được xem thường nguyện. Phải nguyện như thế nào? Trong bản Pháp Sự này, thiền sư Trung Phong đã giảng rất rõ, nhất định phải lấy bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật làm bốn nguyện của chính mình; khi giảng đến phần sau chúng tôi sẽ giới thiệu chi tiết cùng quý vị. Bởi lẽ tâm chúng ta không giống với tâm của A Di Đà Phật, nguyện chẳng giống với nguyện A Di Đà Phật, nên chẳng thể vãng sanh! Phải đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh thì mới chắc chắn vãng sanh, chớ nên coi thường!

5) Điều bất khả tư nghị thứ năm là “*trì nhất Phật danh, tức vị chư Phật hộ niệm, bất dị trì nhất thiết Phật danh*” (trì một danh hiệu Phật liền được chư Phật hộ niệm, không khác gì trì hết thầy danh hiệu). Đạo lý này quá sức sâu xa! Chúng ta bình thường niệm Phật là niệm A Di Đà Phật, là niệm danh hiệu của một vị Phật, đâu biết danh hiệu ấy là danh hiệu chung của hết thầy chư Phật, niệm một danh hiệu này chính là niệm

trọn tất cả hết thấy chư Phật. Vì thế, trong đoạn này, tổ sư giảng rất rõ ràng: Quý vị niệm A Di Đà Phật sẽ được hết thấy chư Phật hộ niệm; người Hoa thường nói “*hết thấy chư Phật đều bảo hộ mình*”, ta niệm Phật, Phật cũng niệm ta. Trì danh hiệu của một đức Phật giống như trì danh hiệu của hết thấy chư Phật, vì sao? Quý vị phải chú tâm xem xét đoạn kinh văn này mới hòng hiểu rõ được. Hết thấy chư Phật không một vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật, nay ta cũng niệm A Di Đà Phật chính là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với hết thấy chư Phật, lẽ đương nhiên cảm được hết thấy chư Phật hộ niệm!

Niệm Phật không linh, gặp phải ma chướng, Phật hiệu không niệm được, chẳng biết làm sao ư? Vì nguyên nhân gì? Đều là do chẳng chết lòng sát đất tin, nguyện, hành đối với A Di Đà Phật. Nếu thực sự tâm, nguyện, đức, hạnh giống với A Di Đà Phật thì hết thấy chư Phật đều hộ niệm quý vị, hết thấy oán thân trái chủ, yêu ma quỷ quái đều tôn kính, bồi phục, ủng hộ quý vị, lẽ đâu làm hại quý vị? Chúng ta phải suy nghĩ đạo lý ấy cho nhiều mới thông suốt được.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ ba: “*Tự tha bất khả tư nghị*” (Ta và người chẳng thể nghĩ bàn). Ngẫu Ích đại sư nói: “*Hành nhân tín nguyện trì danh*”, hành nhân là những ai y giáo phụng hành, đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, hội đủ những điều kiện ấy. “*Toàn nhiếp Phật công đức thành tự công đức*” (Nhiếp hoàn toàn công đức của Phật thành công đức của chính mình), [tức là] đem công đức của A Di Đà Phật chuyển biến thành công đức của chính mình. Vì thế, học Phật quan trọng nhất là học chuyển được cảnh giới, biến hoàn cảnh bất thiện thành hoàn cảnh thiện, phải chuyển từ nơi đâu? Chuyển từ nơi khởi tâm động niệm của chính mình, phải bắt đầu từ ý niệm. Ý niệm chẳng thiện phải lập tức biết ngay, nhà Phật gọi sự nhận biết ngay ấy là “*giác ngộ*”.

Khi giảng pháp, chúng tôi thường nói: “*Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*”. Niệm niệm phải giác, ý niệm vừa khởi lên liền lập tức nhận biết, quan sát. Nếu ý niệm ấy chẳng lành, chẳng chánh, chẳng tịnh, lập tức chuyển ngay, chuyển thành thuần thiện, thuần chánh, thuần tịnh, phải chuyển cho lạ! Cách chuyển như thế

nào? Dùng một câu A Di Đà Phật thuần giác, thuần chánh, thuần tịnh, giác - chánh - tịnh viên mãn rốt ráo. Vừa khởi ý niệm, quyết chẳng để bất giác, bất chánh, bất tịnh xen tạp, phải chuyên cho lạ! Nếu quý vị chuyển được, bèn có thể chuyển Sa Bà thành Cực Lạc, chuyển phàm ngã (cái ngã phàm phu) thành A Di Đà Phật, rất giống với A Di Đà Phật.

Lúc tôi giảng kinh đã nói rất nhiều lần, nếu như chính mình có thể thực hiện toàn bộ bản kinh Vô Lượng Thọ, biến bộ kinh ấy thành tư tưởng, kiến giải, và ngôn hạnh của chính mình thì chẳng phải là quý vị biến thành A Di Đà Phật hay sao? Quý vị không là A Di Đà Phật, còn ai là A Di Đà Phật nữa! Đó gọi là “*chuyển phàm thành thánh*”. Tâm - nguyện - giải - hạnh của quý vị hoàn toàn tương ứng với A Di Đà Phật, quý vị không đến được thế giới Cực Lạc còn ai đến nữa đây? Lại thưa thật cùng quý vị, chỗ quý vị đang ở chính là thế giới Cực Lạc, cảnh chuyển theo tâm! Nếu tâm quý vị là tâm Phật, cảnh giới quý vị đang ở sao không phải là cảnh Phật? Như vậy, chính nội tâm chúng ta chuyên tạp nhiễm thành thanh tịnh, chuyên tà tri tà kiến thành chánh tri chánh kiến, chuyên mê hoặc điên đảo thành chánh giác chẳng loạn. Người học Phật quý ở chỗ chuyển được, chư Phật Như Lai đều chuyển chính mình thành A Di Đà Phật, khiến cho chính mình và A Di Đà Phật dung hợp thành một Thể, cùng pháp giới hư không dung hợp thành một Thể; đây chính là chuyển biến viên mãn rốt ráo, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Hạ kinh vân*” (Trong phần sau, kinh nói): Đây chính là trong đoạn cuối cùng của kinh này có nói “*chư Phật bất khả tư nghị công đức, ngã bất khả tư nghị công đức*” (công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta); tức là đoạn kinh sau đây: “*Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả tư công đức*” (Này Xá Lợi Phất! Như ta nay xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, các vị Phật ấy cũng xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta); ở đây, sách Yếu Giải trích dẫn câu kinh này. “*Tất chư Phật Thích Ca, giai dĩ A Di Đà Phật vi tự dã*” (như vậy, chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm chính mình). Chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm chính mình, chính mình là hóa thân của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là bản thân của ta, ta là hóa thân của A Di Đà Phật, hóa thân và bản thân là một, chứ không phải hai. Chư Phật Như Lai chuyển thành cảnh giới ấy, chúng ta có làm được chẳng? Được chứ! Câu trả lời là khẳng định. Vấn đề là quý vị có chuyển hay không, có chịu chuyển hay không, có bằng lòng chuyển hay không. Nếu quý vị muốn chuyển, chịu chuyển,

lẽ đâu chẳng thể chuyển được!

Chúng ta tu Tịnh Độ, tu Tịnh Độ là học theo A Di Đà Phật, chúng ta phải học cho giống. Giống với A Di Đà Phật là trúng, học chẳng giống là trật. Phải nghiêm túc, phải nỗ lực! A Di Đà Phật đại từ đại bi, bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng đều là muốn cứu độ chúng sanh khổ nạn khắp pháp giới hư không giới, nhưng vì bi tâm triệt để, giúp cho chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ viên thành Phật đạo ngay trong một đời hiện tại này, chẳng cần mất nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng. Vậy thì sao không dạy cho họ được sớm thành tựu hơn một chút, thành tựu nhanh chóng hơn một chút? Chẳng phải là phụ bạc chúng sanh ư? Đức Thế Tôn dạy rất nhiều pháp môn, vì sao nói nhiều đến thế? Đó là vì chúng sanh chẳng thể tiếp nhận pháp môn này!

Quý vị phải hiểu: Đây là pháp môn vô thượng viên đôn, chẳng phải là một pháp môn bình thường, những ai không có căn tánh, không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, đức Phật không nói! Đức Phật luôn thuyết pháp thích ứng với căn cơ. Đức Phật rất từ bi, nhưng không ép buộc kẻ khác, dạy học mà ép buộc là không xong, nhất định phải đợi đến khi chính kẻ ấy giác ngộ, chính kẻ ấy muốn học, khi đó duyên chín muồi. Nếu người ta không biết, bản thân họ chẳng khởi ý niệm muốn học, tức là duyên vẫn chưa chín muồi. Chẳng thể không hiểu điều này! Cũng có nghĩa là chúng ta đọc xong phải nên học tập, Ngẫu Ích đại sư giúp chúng ta rất lớn, Ngài khai thị, chỉ dẫn chúng ta.

Trong đoạn tiếp theo đó, chúng ta bước vào kinh văn “*lục phương hằng sa chư Phật tán kinh khuyến tín*” (sáu phương hằng sa chư Phật tán thán, khuyến tín tưởng kinh này), lẽ tự nhiên kinh văn được chia thành sáu đoạn. Sáu đoạn kinh văn này ý nghĩa hết sức rõ ràng, mỗi một đoạn nêu đại lược vài danh hiệu, “*lược cử danh hiệu sở biểu tu nhân chứng quả chi sự, bất khả tư nghị dã*” (nêu đại lược danh hiệu để biểu thị sự việc tu nhân chứng quả chẳng thể nghĩ bàn). Tuy chỉ nêu đại lược danh hiệu, nhưng nêu tên năm vị, sáu vị, bảy vị cho đến mười vị đều có ý nghĩa, đều chẳng phải là nêu tên tùy tiện. Danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp nghĩa, những bản chú giải kinh Di Đà xưa nay không giảng rõ, quả thật những danh hiệu ấy mang ý nghĩa biểu thị pháp, chúng tôi đọc kinh Hoa Nghiêm mới hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh đầu tiên đức Thế Tôn giảng sau khi thị hiện thành đạo. Trong bộ kinh được giảng đầu tiên này, tất cả hết thảy danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp. Nói cách khác, hết thảy pháp đức Phật đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm không danh hiệu nào chẳng biểu thị pháp!

Đọc phẩm Danh Hiệu [của kinh Hoa Nghiêm], chúng tôi thấy chẳng những danh hiệu của Phật, Bồ Tát biểu thị pháp, mà danh hiệu của hết thảy chúng sanh, tức danh hiệu của hết thảy chúng sanh khắp pháp giới hư không giới được nhắc đến trong kinh đều là biểu thị pháp, đều là danh hiệu Phật. Đây mới thực sự là chẳng thể nghĩ bàn, mới thực sự là giảng đến viên mãn rốt ráo. Đối với câu nói: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất pháp*” (Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một pháp). Nếu chúng tôi không đọc phẩm Danh Hiệu thì chỉ hiểu câu nói ấy lơ mờ qua quít, chẳng thể hiểu rõ ý nghĩa thực sự. Kệ Khai kinh nói: “*Nguyện hiểu Như Lai chân thật nghĩa*” (Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai), há nói dễ dàng sao!

Tiếp theo đây, chúng tôi chia phần này thành mấy tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là câu trình bày tổng quát, Đông phương Hằng hà sa số chư Phật, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên, phương dưới là sáu phương. “*Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn, như đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*” (Trong mỗi một nước, hiện tướng lười rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới nói lời thành thực: “Chúng sanh các người nên tin tưởng kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm này”). Đó là câu nói chung trong [phần kinh văn nêu lên sự tán thán của] chư Phật trong sáu phương. Chúng ta biết ở mỗi phương, trong mỗi một tam thiên đại thiên thế giới có một đức Phật, đó là tối thiểu! Cũng có những đức Phật giáo hóa hai đại thiên thế giới, ba đại thiên thế giới, thậm chí mười đại thiên thế giới, hai mươi đại thiên thế giới; tối thiểu là giáo hóa một đại thiên thế giới. Phật nhiều như số cát trong sông Hằng, không cách gì tính đếm được, như vậy ta biết số thế giới cũng nhiều như cát sông Hằng. Chư Phật Như Lai không thể đếm hết. Đông, Nam, Tây, Bắc là dựa trên thế giới Sa Bà của chúng ta để nói, tức là phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên, phương dưới của thế giới Sa Bà! Lúc đức Thế Tôn tại thế còn nói phương Đông Bắc, phương Đông Nam, phương Tây Bắc, phương Tây Nam, [gọi chung là] mười phương. Ở phần trên, chúng tôi đã thưa cùng quý vị, La Thập đại sư dịch kinh đã tinh lược, chỉ nói sáu phương là đủ rồi.

Mỗi một đức Phật trong số ấy đều nói, không vị Phật nào chẳng giảng kinh này, bởi thế, kinh này là pháp môn được hết thảy chư Phật cùng nhau hoằng dương. Không một đức Phật nào chẳng khuyên con

người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị hãy nghĩ xem pháp môn này như thế nào? Thực sự là chẳng thể nghĩ bàn! Lưỡi rộng dài là một trong ba mươi hai tướng, trong kinh Phật đã dạy: “*Ai ba đời không nói láo*” (phải tu suốt ba đời, cả ba đời đều không vọng ngữ), *đầu lưỡi thè ra có thể chạm đến chót mũi*”, ba đời không vọng ngữ đây nhé! Như vậy, tướng hảo là quả báo, đều là có nhân. Không có nhân sẽ chẳng thể có tướng hảo như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật le lưỡi có thể che hết cả mặt, dùng điều đó để chứng tỏ mình nói lời thành thật, vì sao? Ba đời không nói dối có thể liếm đến chót mũi; lưỡi Phật che kín mặt, chứng tỏ Ngài đời đời kiếp kiếp không nói dối cho nên lời Ngài nói được người khác tin tưởng.

Nay đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài chẳng thể nghĩ bàn, “*biến phủ tam thiên đại thiên thế giới*” (che khắp tam thiên đại thiên thế giới), không phải lưỡi thè ra che khắp mặt mà là che khắp trọn vẹn tam thiên đại thiên thế giới; đây là Tánh Đức, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. “*Thuyết thành thực ngôn*” (nói lời thành thật): Trước hết, nêu ra chứng cứ thành thật, anh nói anh thành thật, vậy chứng cứ ở đâu? Lưỡi rộng dài là chứng cứ đây; thực sự có cái tướng ấy hay chẳng? Thực sự có! Thân tướng đó là thân gì vậy? Báo Thân Phật, Pháp Thân Như Lai! Chẳng giá tí nào! Pháp Tánh Thân mà! Trí Huệ Thân mà! Hiện thân thông chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu khôn sánh, hy hữu khó được!

Đức Phật vì chúng ta nói lời thành thật, lời thành thực gì vậy? “*Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị*” (Chúng sanh các người hãy nên tin kinh này), khuyên mọi người hãy nên tin tưởng vào bộ kinh này, kinh này là kinh gì? “*Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*” (kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn được hết thảy chư Phật hộ niệm), đó chính là tên kinh này. Lúc La Thập đại sư dịch kinh, đã không dùng tên gốc của kinh mà dùng danh hiệu Di Đà làm tên kinh, dụng ý rất sâu, vì lẽ gì? Đọc đến tên kinh này là đã niệm một câu Phật hiệu, phương pháp tu hành trong kinh này là chấp trì danh hiệu; nên dùng danh hiệu làm tên kinh, dụng ý hết sức hay! Đây chính là huệ nhãn, bi tâm của Tổ Sư; người khác trông thấy kinh điển này, đọc đến tên kinh chính là niệm một tiếng Phật hiệu. Tên gốc của kinh này do chính đức Thế Tôn đã nói và chư Phật cùng nói là ***Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh***.

Tên kinh chẳng thể nghĩ bàn! Từ tựa đề kinh, chúng ta thấy kinh này là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do ai nói? Do hết thảy chư Phật

khen ngợi, chẳng riêng mình đức Phật Thích Ca, mà hết thầy chư Phật đều khen ngợi; kinh này được hết thầy chư Phật hộ niệm. Nói cách khác, quý vị phải chân chánh phát nguyện, thâm nhập một môn, trường thời huân tu thì quý vị sẽ được hết thầy chư Phật khen ngợi, được hết thầy chư Phật hộ niệm. Từ kinh này chúng ta thấy một sự thực đã được chứng tỏ: Sáu phương chư Phật đều nói như thế. Bởi vậy, vào thời Càn Long nhà Thanh xưa kia, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh khi chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói: *“Hết thầy chúng sanh nếu có nghiệp chướng cực nặng, tất cả kinh, luật, luận, sám nghi không tiêu diệt được nghiệp chướng ấy, không có cách gì tiêu diệt được nghiệp chướng sâu nặng thì rốt cuộc vẫn còn có một phương pháp: Niệm A Di Đà Phật [nghiệp chướng] bèn tiêu”*. Quý vị có tin được hay không? Quý vị không tin chứ tôi tin. Lời Tổ Sư nói không sai, vì sao nói niệm A Di Đà Phật tiêu được nghiệp chướng? Người niệm A Di Đà Phật được hết thầy chư Phật hộ niệm, được hết thầy chư Phật tán thán, lẽ đâu không tiêu? Đây chẳng phải là sức của một đức Phật, mà thực sự là sức của tất cả hết thầy chư Phật trong mười phương ba đời gia trì. Niệm bản kinh này cũng giống như vậy. Niệm bản kinh này, niệm một câu A Di Đà Phật, hết thầy chư Phật đều hộ niệm quý vị! Quý vị đừng quên nhé!

Nay quý vị niệm Phật chẳng đạt được hiệu quả to lớn như vậy là do nguyên nhân nào? Do quý vị không hiểu đạo lý, dẫu niệm Phật, nhưng tâm chẳng tương ứng với hết thầy chư Phật; hết thầy chư Phật gia trì, hộ niệm, tán thán quý vị, nhưng chính quý vị không có cách gì tiếp nhận được. Giống như hết thầy chư Phật phát ra làn sóng điện, máy nhận sóng của chúng ta đã hư, không thu được, đúng như vậy đó! Vì sao không thu được? Tâm chúng ta không thanh tịnh, vọng tưởng, tạp niệm quá nhiều, cũng giống như chúng tôi thường nói: Tâm quý vị không giống tâm của A Di Đà Phật, nguyện cũng không giống, ngôn ngữ, hành vi cũng không giống, bởi thế, thu không được. Không phải Phật chẳng hộ niệm mình, không gia trì mình, Phật rất từ bi, rất bình đẳng gia trì hộ niệm, nhưng có người tiếp thu được, có kẻ không tiếp thu được. Kẻ tiếp thu được là tâm - nguyện - giải - hạnh đồng Phật, không tiếp thu được là do tâm - nguyện - giải - hạnh khác với Phật, quý vị tiếp thu không được. Đạo lý là như vậy.

Phương Đông liệt kê đức hiệu của năm vị Phật: *“Lược cử ngũ Phật danh, biểu pháp môn tu học căn bản”* (Nêu đại lược danh hiệu của năm vị Phật để biểu thị căn bản tu học của pháp môn). Trong Ngũ Hành, phương Đông tượng trưng cho sanh thành. Đem Xuân - Hạ - Thu - Đông

phối hợp với bốn phương: Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông ản; vì vậy, phương Đông biểu thị căn bản tu học. Chúng ta muốn tu Tịnh Độ phải hội đủ những điều kiện nào? Căn bản của mọi căn bản là “*tín tâm*”. Bởi vậy, trong các kinh to luận lớn, đức Phật thường nói: “*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức; nuôi lớn hết thảy các căn lành). Tín tâm hết sức quan trọng, bởi thế, đức Phật đầu tiên là A Súc Bệ Phật. Nếu dịch nghĩa chữ A Súc Bệ (Aksobhya) thì A Súc Bệ có nghĩa là Bất Động. Người thường nghe kinh, đọc kinh đều biết chữ A trong tiếng Phạn dịch là Vô. Quý vị thấy chữ A Di Đà, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vì thế, nếu dịch trên mặt danh nghĩa, A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác. Phật cũng có nghĩa là trí huệ, [A Di Đà Phật là] Vô Lượng Trí, Vô Lượng Giác. Ở đây, A là Vô, Súc Bệ là Động, tức Vô Động; người Hoa quen nói là Bất Động. Phật dịch là Giác, [A Súc Bệ Phật] là Bất Động Giác.

Tiếp theo đây, chúng ta hãy chú tâm lãnh hội ý nghĩa của danh hiệu Phật. [Tổ Ngẫu Ích giảng]: “*Bất vị bát phong sở động*” (Chẳng bị tám thứ gió thổi động). “*Bát phong*” (tám thứ gió) chính là pháp thế gian: Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chẳng bị gió cảnh giới lay động! Đối với pháp thế gian, tâm quý vị không động; rồi thì trong đối với Phật pháp, tâm cũng không động: “*Bất vị tha pháp môn sở động*” (Chẳng bị các pháp môn khác lay động). Pháp thế gian hay xuất thế gian đều chẳng động tâm, không dao động, nhất tâm nhất ý tuyển chọn pháp môn này, cả một đời cũng không thay đổi. “*Ta học pháp môn này đến rốt ráo, thành tựu viên mãn pháp môn này*”. Bởi thế, đây là căn bản của mọi căn bản. Nếu vừa tiếp xúc pháp thế gian hay Phật pháp bèn bị dao động thì khó lắm! Chính mình phải tỉnh giác cao độ, bị dao động bởi pháp thế gian sẽ chẳng thể thoát khỏi luân hồi lục đạo, dao động bởi Phật pháp chắc chắn sẽ chẳng thể thâm nhập một môn! Nói cách khác, bị gió cảnh giới trong pháp thế gian lay động, tâm quý vị bèn dao động, sẽ vẫn phải tiếp tục luân hồi sanh tử; đối với pháp môn trong Phật pháp mà bị lay động thì bất luận tu một pháp môn nào, chắc chắn cũng chẳng thể đạt “*công phu thành phiền*”.

Chính mình phải tự suy nghĩ, thường xuyên phản tỉnh, vì sao học Phật nhiều năm dường ấy mà chẳng thể thành tựu? Vì căn bản của quý vị bị dao động. Nói lên điều gì? Quý vị không có tín tâm, chẳng có trí huệ, chẳng có công phu định lực, chẳng có lòng tin vào bản thân, không có lòng tin nơi pháp môn, tâm không tin thầy. Do vậy, tâm quý vị thô phù,

xáo động, luôn luôn động, làm sao mà có thể thành tựu cho được? Quý vị thầy đó, đức Phật thứ nhất đã đem nguyên tắc chung, tức là nguyên lý và nguyên tắc mấu chốt của việc thành bại dạy cho quý vị đấy.

Tiếp đó, chúng tôi nêu thí dụ sau đây: “*Như Hoa Nghiêm Thiện Tài ngũ thập tam tham, tham tham luyến đức lễ từ, bất vị sở động*” (Như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài trong Hoa Nghiêm, mỗi phen tham học đều luyến mộ đức hạnh [của thiện tri thức], lễ bái từ tạ, chẳng bị lay động). Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã nêu gương tu học cho chúng ta. Làm gương như thế này: Đối với chính mình phải có tín tâm, đối với thầy phải có tín tâm, đối với pháp môn có tín tâm, trọn chẳng bị ngoại cảnh lay động, nên Ngài thành công. Ngài tham học năm mươi ba lần, sau khi tham phỏng, luyến mộ đức hạnh của vị thiện tri thức, lễ bái từ tạ, nhưng chẳng bị lay động. Luyến mộ đức hạnh là đối với pháp môn của vị thiện tri thức đó tu học bèn hoan hỷ, lễ bái từ tạ là ý gì? Tôi không học pháp môn của Ngài, nhưng tôi hoàn toàn hiểu rõ pháp môn của Ngài. Hiểu rõ là trí huệ, tức Hậu Đắc Trí! Pháp thế gian, pháp xuất thế gian, không pháp nào chẳng hiểu rõ! Lễ bái từ tạ nhằm ý gì? Lễ để cảm tạ, từ tạ là không học. Tôi vẫn niệm A Di Đà Phật của tôi, tuyệt đối chẳng bị lay động. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều tiếp xúc, nhưng chẳng bị lay động, như như bất động. Đó là Niệm Phật tam-muội thành tựu! Tiếp xúc hết thấy đều hiểu rõ thì là trí huệ viên mãn, chứ không phải là chẳng tiếp xúc, không tiếp xúc thì điều gì cũng chẳng biết vì chưa từng khảo nghiệm qua, tiếp xúc chính là thông qua khảo nghiệm.

Tôi đã nhiều lần giới thiệu cùng quý vị năm mươi ba lần tham học ấy rồi, năm mươi ba vị thiện tri thức ấy nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề, những gì chúng ta tiếp xúc từ sáng đến tối đều là năm mươi ba lần tham học. Quý vị phải học sao cho giống hết như Thiện Tài đồng tử. Quý vị không học sẽ thành ra “ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ!” Nơi hoàn cảnh, từ sáng đến tối chúng ta gặp rất nhiều trai, gái, già, trẻ, các nghề nghiệp, người thiện, kẻ ác, thuận cảnh, nghịch cảnh, tiếp xúc toàn bộ, tâm chúng ta bị cảnh giới chuyển hay cảnh giới bị ta chuyển, công phu ở chỗ này. Đức hạnh của Thiện Tài đồng tử là có thể chuyển cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển. Bởi thế, Ngài thành công, một đời chứng đắc vô thượng Bồ Đề!

Sở dĩ chúng ta thất bại hoàn toàn là vì bị cảnh giới xoay chuyển, chẳng thể thành tựu trí huệ nơi cảnh giới. Thành tựu trí huệ là thông đạt, hiểu rõ; thành tựu Thiện Định là như như bất động, chúng ta không thể

thành tựu điều này cho nên hoàn toàn thất bại. Thiện Tài đồng tử có thể thành công viên mãn vì Ngài hoàn toàn khác với chúng ta. Sáu căn của Ngài tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thành tựu trí huệ rốt ráo viên mãn và Thiên Định rốt ráo viên mãn. Ngài tu Niệm Phật tam-muội, trong kinh này gọi [Niệm Phật tam-muội] là “*nhất tâm bất loạn*”. Thiện Tài chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ở chỗ nào? Chúng ngay từ nơi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Chúng ta phải học, phải hiểu [như thế] nhé!

Ngài có thể “*luyện đức, lễ từ, bất vị sở động, thành tựu tự tha công đức trang nghiêm, thị thử pháp môn tu học chi đại bản dã*” (luyện mộ đức, lễ bái từ tạ, chẳng bị lay động, thành tựu công đức trang nghiêm cho mình lẫn người, đó chính là cái gốc lớn lao của việc tu học pháp môn này). A Súc Bộ Phật biểu thị ý nghĩa như vậy. Ở đây, danh hiệu đức Phật nhằm dạy chúng ta, chứ không phải để niệm tụng. Thế nào là “*thành tựu tự - tha công đức?*” Thành tựu chính mình là thành tựu người khác, tự và tha là một, không hai. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, thành tựu công đức chính mình là gì vậy? Đối với cảnh giới, hiểu rõ ràng, thấu suốt, thành tựu trí huệ của chính mình, tức Hậu Đắc Trí, đó là công đức. Chẳng bị cảnh giới lay động là thành tựu tam-muội cho chính mình, đó là công đức.

Vì thế, người biết tu hành, trí huệ, tam-muội ngày càng tăng trưởng, chẳng sanh phiền não. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chỉ sanh trí huệ, chỉ sanh tam-muội, quyết định chẳng sanh phiền não. Bởi thế, tôi thường nói người thực sự tu hành sống giống như Phật, Bồ Tát, đúng là lia khổ được vui, khoái lạc khôn sánh! Trung Phong quốc sư nói rất hay: “*Thử xứ tự thị Cực Lạc, Cực Lạc tự thị thử xứ. Ngã tâm tự thị Di Đà, Di Đà tự thị ngã tâm*” (chốn này chính là Cực Lạc, Cực Lạc chính là chốn này, tâm ta là Di Đà, Di Đà là tâm ta), quý vị thấy cảnh giới ấy là cảnh giới nào vậy? Hai câu ấy người tầm thường không thể nói được đâu. Đúng là nếu không phải thực sự là bậc từng trải sẽ chẳng thể nói nổi những lời ấy. Nếu quý vị nói được như vậy, quý vị phải là người từng trải.

Năm vị Phật ở phương Đông, ba trong số năm vị ấy chính là những mục tiêu người học Phật chúng ta luôn mong hướng đến. Chúng ta học Phật để làm gì? Vì muốn thành Phật. Phật là như thế nào? Kinh nói Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân. Muốn thành Phật thì không có gì khác cả, chỉ là chứng đắc, viên ngộ tam thân của chính mình mà thôi! Trong kinh đức Phật thường dùng núi Tu Di để biểu thị Pháp Thân, biểu thị Lý Thể; vì vậy, đức Phật thứ hai là Tu Di Tướng Phật. Tu Di

Tướng có nghĩa là “*tướng hảo, quang minh được chín pháp giới chiêm ngưỡng, tức là Báo Thân*”. Tướng như núi Tu Di, tức là như trong kinh Đại Thừa thường nói: Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, đó là Báo Thân Phật.

Tiếp theo là Đại Tu Di Phật, Đại Tu Di là “*đại pháp lý thể, pháp giới độc tôn, tức Pháp Thân*”. Có thể hiện, có thể biến; Báo Thân và Ứng Hóa Thân là cái được hiện, cái được biến. Chúng ta thường gọi “đại pháp” là cõi nước, chúng sanh, hư không, pháp giới. Trong hết thảy pháp đều có hư không, nếu quý vị đã từng đọc Bách Pháp Minh Môn Luận của Tướng tông, quý vị sẽ hiểu rõ. Thiên Thân Bồ Tát quy nạp hết thảy pháp thành một trăm loại, trong một trăm loại này, bao gồm cả hư không, hư không cũng là một pháp. Pháp giới, cõi nước (sát-độ), nay ta gọi “cõi nước” là “*thiên thể*” (astronomical object) trong vũ trụ, hoặc gọi là “*tinh hệ*” (galaxy). Tinh hệ lớn, tinh hệ nhỏ vô lượng vô biên. Trong những tinh hệ ấy lại có vô lượng vô biên chúng sanh cư trụ, như địa cầu thuộc vào một tinh hệ, trên địa cầu có rất nhiều chúng sanh sanh sống trong ấy. Đây toàn là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”; do vậy, tánh thức là năng hiện, năng biến, hết thảy pháp là sở hiện, sở biến. Năng và Sở là một, không hai. Đó là Thật Tướng của vũ trụ, kinh Phật gọi [Thật Tướng của vũ trụ] là “*Thật Tướng các pháp*” (chư pháp Thật Tướng). Pháp Thân: Bản thể của Thật Tướng gọi là Pháp Thân.

Kế đó là Tu Di Quang Phật, “*quang minh chiếu khắp ứng trọn các căn cơ, ứng hóa vậy*”. Chúng sanh có Cảm, Phật liền Ứng. Phật có mối quan hệ mật thiết với hết thảy chúng sanh, mối quan hệ gì vậy? Quan hệ là quang, con người hiện tại gọi [mối quan hệ ấy] là gì? Ba động (fluctuation, sự dao động theo làn sóng)! Ý nghĩa này hay lắm, quả thật làn sóng của Như Lai và làn sóng tư tưởng của chúng ta có mối quan hệ mật thiết. Như Lai lặng sóng nên gọi là Quang. Tư tưởng của chúng ta thật chẳng thể gọi là Quang, mà gọi là Sóng, vì sao? Trời lên, hụp xuống, nhô cao, xuống thấp, còn Phật thì bình lặng. Giống hết như nước, nước của người ta phẳng lặng, nước của mình sóng trào, gió to, sóng lớn. Thế nhưng nước phẳng lặng và sóng trào vĩnh viễn nối tiếp nhau ở cùng một chỗ, niệm niệm cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, ứng hóa là như vậy đó!

Pháp, Báo, Ứng Hóa đều là Huệ, tức trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh. “*Nhất thể tam thân, sở cầu sở chứng*”: Báo Thân, Pháp Thân, Ứng Hóa Thân, một chính là ba, ba nhưng là một; điều người học Phật chúng ta mong cầu chính là chứng đắc viên mãn ba thân này, giác ngộ trọn vẹn,

ngộ nhập viên mãn.

Nay đã hết giờ rồi, đoạn sau còn một vị Phật nữa, đến giờ kế tiếp chúng tôi sẽ giảng tiếp.

Tập 30

Chư vị đồng học!

Lần trước chúng ta đã học đến phần sáu phương chư Phật khuyến tín lưu thông của kinh A Di Đà. Sáu phương chính là mười phương, đối với mỗi một phương, đức Thế Tôn chỉ nêu đại lược vài vị đại biểu. Mỗi danh hiệu đại biểu đều có ý nghĩa rất sâu, chúng ta nhất định phải hiểu những ý nghĩa biểu pháp ấy, chớ nên xem thường. Phương Đông có năm vị Phật, vị thứ nhất là:

A Súc Bệ Phật.

阿閼鞞佛。

Ngài tượng trưng cho sự bất động, tượng trưng cho nguyên tắc tu học căn bản. Chẳng riêng gì tu pháp môn Tịnh Độ niệm Phật [phải áp dụng nguyên tắc ấy], mà tám vạn bốn ngàn pháp môn, không một pháp nào ra ngoài lệ ấy. Trước hết, phải có tín tâm không lay động thì mới hòng thành tựu. Nếu tín tâm bất định, thấy lạ, nghĩ khác, cứ suy đi tính lại thì không riêng gì Phật pháp, mà ngay cả những pháp thế gian cũng chẳng thể thành tựu được. Thực sự thành tựu là như cổ đức thường nói: “*Thâm nhập một môn, trường thời huân tu*”.

Trong đoạn kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật bốn lượt khuyên chúng ta vãng sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, đúng là nói một lần rồi hai lần, hai lần rồi ba lần, ba lần rồi bốn lần, đau lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta. Trong đoạn kinh văn này, đức Phật cho biết: Không riêng mình Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng ta, quý vị thấy đó, mười phương hết thấy chư Phật Như Lai, không vị Phật nào chẳng khuyên chúng sanh niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ. Có vậy, chúng ta mới biết pháp môn này thù thắng. Ở phần trên, chúng tôi đã lược thuật cùng quý vị năm thứ bất khả tư nghị; điều bất khả tư nghị cuối cùng chính là quý vị niệm danh hiệu một đức A Di Đà Phật sẽ được hết thấy chư Phật hộ niệm. Pháp môn này thật phi phạm; nói cách khác, không khác gì niệm danh hiệu của hết thấy chư Phật. Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm trọn danh hiệu của mười phương tam thế hết thấy

chư Phật, há còn có pháp môn nào thù thắng hơn được nữa hay không?

Chúng sanh trong thế gian này, quá khứ, hiện tại không tránh khỏi tạo nghiệp, không tránh khỏi kết oán cùng chúng sanh. Bởi vậy, chúng ta thường thấy rất nhiều chúng sanh bị oán thân trái chủ, ma quỷ dựa vào thân khuấy nhiễu, thần kinh thác loạn, khổ chẳng thể nói nổi. Những bệnh ấy là do hai nguyên nhân sau đây: Một là oán quỷ dựa thân, ngoài ra là do tự mình có nghiệp chướng sâu nặng. Hai nguyên nhân ấy cùng hòa vào, khó thể làm gì được! Chúng bệnh ấy có thuốc men cũng không chữa trị được, cầu thân, cầu Phật, Bồ Tát bảo hộ cũng khá khó khăn. Có cách gì trị được hay chẳng? Có chứ! Khoảng đầu triều Thanh, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh nói niệm Phật có thể cứu được! Vì sao niệm Phật có thể cứu được? Bởi lẽ, quý vị niệm A Di Đà Phật, mười phương hết thấy chư Phật đều gia trì, đạo lý là đây! Mười phương hết thấy chư Phật đều gia trì, đều bảo hộ. Oan gia đối đầu, yêu ma, quỷ quái gì gì đi nữa cũng đều nhượng bộ mấy phần, chẳng phải là một đức Phật có mặt, mà là hết thấy chư Phật có mặt, chúng chẳng thể lẩn lướt được.

Vì thế, đối với hết thấy bệnh tật khó trị, phương pháp nào cũng vô hiệu, hết cách chữa trị, tụng kinh, bái sám cũng vô hiệu, thì thừa cùng quý vị, cuối cùng chắc chắn hữu hiệu là Niệm Phật. Chúng tôi cũng đã từng thấy, quả thật là có rất nhiều người bị oán thân trái chủ dựa vào thân, dường như niệm Phật cũng vô hiệu, vì nguyên nhân nào vậy? Vì niệm Phật chẳng đúng pháp! Chuyện quan trọng nhất trong việc niệm Phật chẳng đúng pháp thì đầu tiên là tín tâm và nguyện tâm. Nếu quý vị trọn đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chuyên trì một câu Phật hiệu, hiệu quả sẽ chẳng thể nghĩ bàn, thống khổ bèn lập tức tiêu trừ, sẽ bình phục như cũ. Pháp môn thật chẳng thể nghĩ bàn!

Tôi còn nghe có người nói, có người giảng: “Những kẻ niệm A Di Đà Phật đều là vong ân phụ nghĩa”, vì sao vậy? Họ nói: “Bổn Sư trong thế giới chúng ta là Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị không niệm Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm A Di Đà Phật ở phương khác, vậy là vong ân phụ nghĩa!” Tôi nghe nói vậy mới hiểu rõ. Nói thật ra, vong ân phụ nghĩa không phải là chúng ta, mà là kẻ ấy. Sao lại là kẻ ấy? Kẻ ấy niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chính là kẻ ấy vong ân phụ nghĩa, vì sao? Chính Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, xót lòng rất miêng, quý vị thấy ngay trong kinh này đây thôi: Bốn lượt khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, cầu sanh về Tịnh Độ, chúng ta cứ khăng khăng không nghe theo, chẳng vui lòng niệm A Di Đà Phật, chẳng muốn cầu sanh về Tịnh Độ, cứ nhất định phải niệm Bổn Sư

Thích Ca Mâu Ni Phật, ắt Thích Ca Mâu Ni Phật bực đến chết! Đúng là vong ân phụ nghĩa, chẳng hiểu thế nào là ân, thế nào là nghĩa cả!

Ví như trong gia đình chúng ta, thế giới Sa Bà là gia đình, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là cha của chúng ta. Thế giới Cực Lạc thật ra là trường học, A Di Đà Phật là một vị thầy giỏi. Nay cha gọi con đến trường học hành, hòng con được thân cận một vị thầy giỏi, con cái cứ ương bướng không nghe lời, chẳng chịu đi. Quý vị nghĩ xem trong tình huống ấy, tâm cha mẹ rất khó chịu: Chọn cho người một vị thầy tốt đẹp như thế, bảo người đến thân cận thầy, người cứ khăng khăng không nghe lời, cứ ở lý trong nhà, không chịu đi học, còn ra thế thống chi nữa! Bởi thế, kẻ vong ân phụ nghĩa chẳng phải là chúng ta, chúng ta nghe lời, hiểu thuận. Thuận ý cha mẹ, thuận ý Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, chúng ta nhất tâm niệm A Di Đà Phật, thân cận A Di Đà Phật. Đó chính là bổn nguyện, là ý nghĩa chân chánh, là lời răn dạy chân thật của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chớ có hiểu lầm!

Trong đoạn kinh văn này chúng ta thấy không những Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta, mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai đều giáo hóa chúng sanh như thế, há còn sai được ư? Bởi thế, trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn thay mặt hết thầy chư Phật khen ngợi A Di Đà Phật, nói A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, là vua trong các Phật), há còn sai được ư?

Chúng ta niệm Phật, học Phật, để cầu điều gì? Tâm nguyện, mong cầu của hết thầy chúng sanh chẳng ngoài ba việc: Thứ nhất là trí huệ, thứ hai là tài nghệ (trong Phật pháp gọi là đức năng, hay năng lực, điều gì cũng biết, không gì không biết), thứ ba là phước báo, đều là cầu ba điều ấy! Những gì Thích Ca Mâu Ni Phật, hết thầy chư Phật Như Lai dạy chúng ta há chẳng phải là ba việc ấy đó ư? Trong ba việc ấy, đức Phật dạy trí huệ là chủ. Do vậy, từ đầu đến cuối, Phật pháp giảng về giác ngộ, điều Phật pháp mong cầu là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là phiên âm tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Kẻ mới học đầu nghe nói như vậy nhưng không hiểu, chúng tôi đành phải nói một cách phương tiện như sau: Từ ngữ ấy có ý nghĩa là trí huệ chân thật viên mãn rất ráo.

Quý vị có trí huệ, đương nhiên quý vị có năng lực. Tài nghệ, đa tài đa nghệ từ đâu mà có? Từ trí huệ mà có, trí huệ là căn bản, phước báo cũng từ trí huệ mà có. Quý vị phải có trí huệ, mới biết gieo phước tại nơi đâu. Vì sao? Quý vị nhận biết phước điền, quý vị biết gieo phước, quý vị

sẽ đạt được vô lượng phước báo, vô lượng vô biên của cải. Thật đấy! Vô lượng vô biên của cải gì vậy? Trọn khắp pháp giới hư không giới, không một thứ gì chẳng phải là của cải của chính mình, thật đấy, không giả đâu! Quý vị có thể hưởng thụ viên mãn!

Trong những phước báo, phước báo quan trọng nhất là thọ mạng; thân cận A Di Đà Phật quý vị sẽ được vô lượng thọ, được thân kim cang bất hoại! Thân kim cang bất hoại không có sanh - lão - bệnh - tử. Sanh - lão - bệnh - tử khổ lắm! Không có cầu chẳng được, không có oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, không có yêu thương mà phải chia lìa, thế gian này gọi những điều đó là tám nỗi khổ (bát khổ). Tám nỗi khổ điều nào cũng chẳng có, đó là chân lạc, bởi thế, gọi là Cực Lạc thế giới. Quan trọng nhất là tín tâm kiên định bất động. Do vậy, A Súc Bệ Phật tượng trưng cho ý nghĩa này. Ba vị Phật tiếp theo chính là những điều chúng ta mong cầu.

Tu Di Vương Phật.

須彌相佛。

Là Báo Thân Phật, tức trí huệ.

Đại Tu Di Phật.

大須彌佛。

Tượng trưng cho Pháp Thân Phật, tức Lý Thể.

Tu Di Quang Phật.

須彌光佛。

Là Ứng Hóa Phật, tức là thọ dụng. Chúng ta nói đến vô lượng vô biên phước báo, quang minh chiếu khắp, thích ứng trọn khắp các căn cơ, chúng sanh nơi nào có cảm, lập tức hiện thân đến giúp đỡ. Đại ý những danh hiệu này chúng tôi đã trình bày rồi. Vị Phật cuối cùng là:

Diệu Âm Phật.

妙音佛。

Diệu Âm Phật “*biểu thị pháp tu học cội gốc*”, tức phương pháp tu

học. Phương pháp tu học căn bản chính là nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, đó là Diệu Âm! Âm thanh tuyệt diệu tốt bậc trong thế gian lẫn xuất thế gian là một câu Phật hiệu. Bởi thế, niệm ra một câu Phật hiệu này sẽ cảm động hết thấy chư Phật Như Lai khắp pháp giới hư không giới. Đã là cảm động chư Phật Như Lai thì chúng ta phải biết: Chư Phật Như Lai có trí huệ, phước đức viên mãn, các vị hộ pháp thần của chư Phật trọn khắp hư không pháp giới. Được chư Phật ủng hộ, chư Phật khen ngợi, lẽ nào thần hộ pháp chẳng xưng tán, chẳng ủng hộ? Vì vậy, niệm một câu A Di Đà Phật sẽ được hết thấy chư thiên thiện thần ủng hộ, chư thiên thiện thần bảo hộ quý vị! Quý vị niệm danh hiệu các đức Phật khác, chẳng thể khiến cho toàn thể thần hộ pháp khắp pháp giới bảo hộ, không được như vậy! Chỉ có niệm A Di Đà Phật, quý vị mới cảm được toàn thể. Chẳng thể không biết điều này!

Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói: Danh hiệu A Di Đà Phật này chẳng phải chỉ là danh hiệu của riêng mình đức Phật tại Tây Phương Cực Lạc thế giới mà còn tượng trưng cho bản tánh, tự tánh Phật! Đây là đức hiệu của Tự Tánh Phật! Vì vậy, niệm Phật hiệu này chính là niệm Thể, Tướng, Dụng của Tự Tánh. Thể của Tự Tánh là Pháp Thân; Tướng của Tự Tánh là trí huệ; tác dụng của Tự Tánh - tức Tự Tánh khởi tác dụng - chính là vô lượng vô biên đại phước đức. Vì thế, nhất tâm xưng niệm nam mô A Di Đà Phật chính là Diệu Âm; ở đây, Ngài tượng trưng cho phương pháp căn bản tu hành trọng yếu nhất, “*Định Huệ giữ cân bằng*”! Nhất tâm xưng niệm, nhất tâm là Định, xưng niệm là Huệ. A! Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới, đoạn thứ hai chính là những thế giới ở phương Nam, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: ‘Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

舍利弗。南方世界。有日月燈佛。名聞光佛。大燄肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(*Này Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới có Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưới rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các người nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”*).

Quý vị phải thường ghi nhớ, bộ kinh này là hết thầy chư Phật “*Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn*”, cũng là “*Được Hết Thầy Chư Phật Hộ Niệm*”, kinh này chẳng thế nghĩ bàn! Ở phương Nam cũng nêu lên năm vị Phật, năm vị Phật này tượng trưng cho Tu Huệ; bởi lẽ, trong giáo học nhà Phật, trí huệ là bậc nhất. Hết thầy bọn chúng sanh chúng ta vốn sẵn có trí huệ, trong tự tánh vốn sẵn đầy đủ trí huệ. Thật vậy! Trí huệ bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, đối với trí huệ của hết thầy chư Phật Như Lai không hai, không khác, hoàn toàn tương đồng! Vì sao nay chư Phật, Bồ Tát có trí huệ lớn lao đến thế, còn chúng ta tự hồ biến thành vô cùng ngu xuẩn, không có tí xíu trí huệ nào, vì nguyên nhân gì vậy? Phật bảo chúng ta: Trí huệ của chúng ta giống hết như Phật, cũng không hề mất đi, vì sao nay lại thành ra nông nổi ấy? Là vì chính bản thân chúng ta có chướng ngại, tự mình chướng ngại trí huệ của chính mình! Đức năng và tướng hảo của chính mình cũng bị chướng ngại.

Trí huệ giống như vàng thái dương, chư Phật, Bồ Tát là thái dương lúc trời quang đãng, quang minh chiếu khắp; phàm phu chúng ta là mặt trời trong hôm u ám, trên đầu chúng ta có mây đen che phủ rất dày, dẫu có ánh nắng, nhưng bị che lấp, không soi thấu được! Đạo lý là như vậy đó. Rốt cuộc những thứ che lấp ấy là gì vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy: Những thứ che lấp ấy chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kinh Hoa Nghiêm giảng rất hay: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ, đức tướng, đản dĩ vọng tưởng, chấp trước, nhi bất năng chứng đắc*” (Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng như Như Lai; nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc). Vì thế, đức Phật dạy chúng ta tu hành, tu những gì? Chỉ là bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đi mà thôi! Chỉ cần bỏ được, trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh sẽ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền, quý vị vốn là Như Như Phật! Nay vì ta có phiền não, có tập khí, kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não tập khí là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là

tập khí; phân biệt và chấp trước là phiền não. Quý vị có những thứ ấy nên trí huệ, đức năng, tướng hảo sẵn có nơi tự tánh đều chẳng thể hiện tiền.

Vọng tưởng, tập khí là vì chính mình mê mất bản tánh, nên mới sanh ra những thứ ấy. Những thứ ấy không thật, là giả, lúc mê bèn có, lúc giác ngộ bèn không có. Vì thế, Phật pháp dạy con người giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, quý vị có thể bỏ được mà! Do vậy, giáo học của Phật pháp từ đầu đến cuối chẳng lìa trí huệ. Quý vị thấy đó: Trước hết là nói ra căn bản (căn bản tu học), tiếp đến là giảng về tu huệ, tu phước. Trước hết, chúng ta hãy xét danh hiệu năm vị Phật.

Vị Phật thứ nhất là Nhật Nguyệt Đăng Phật. Mặt trời chiếu ban ngày, mặt trăng soi ban đêm. Chỗ nào nhật nguyệt không soi thấu thì đèn (đăng) có thể soi được. Dùng Nhật, Nguyệt, Đăng để biểu thị quang minh chiếu khắp. Vì thế, đức Phật này tượng trưng “*tánh có đủ trí huệ Bát Nhã viên mãn, viên dung vô ngại, không đâu chẳng chiếu, là điều được mong cầu vậy*”. Chúng ta mong cầu trí huệ viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, không thiếu khuyết mảy may. Những điều danh hiệu Nhật Nguyệt Đăng biểu thị chính là những điều chúng ta mong cầu.

Tên của vị Phật thứ hai là Danh Văn Quang Phật. Xét đức hiệu của vị Phật này, Quang là trí huệ, hằng ngày đang tu, tu gì vậy? Tu đoạn phiền não. Tập khí phiền não nếu thực sự đoạn được đôi phần, trí huệ sẽ hiện tiền. Do vậy, đoạn một phần phiền não, trí huệ sẽ lộ ra một phần; đoạn hai phần phiền não, trí huệ sẽ lộ ra hai phần. Quý vị muốn trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh hiện tiền thì không có gì khác cả, chỉ đoạn phiền não mà thôi! Nếu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị vẫn còn nặng nề như thế, chẳng chịu buông xuống thì nói cách khác, trí huệ của quý vị vĩnh viễn không thể hiện tiền. Đó là công phu đầy, chứ không phải là niệm kinh Phật cho nhiều. Đọc nhiều các loại sách thông thái, quý vị bèn có “trí huệ” thì trí huệ ấy là giả, chẳng thật! Giáo học Nho gia gọi cái học đó là cái học vay mượn⁸⁴! Quý vị chẳng mở mang trí huệ, những gì quý vị có được toàn là của người khác, không có gì là của chính mình hết! Khi nào trí huệ của quý vị mở mang, lúc ấy sẽ được đại tự tại, chẳng cần phải nhớ những thứ của người khác nữa!

⁸⁴ Nguyên văn “*ký vấn chi học*” tức là nền học vấn do tìm đọc, học hỏi, ghi nhớ, chứ không phát xuất từ sự thể nghiệm, chứng nghiệm.

Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát có trí huệ, quý vị cũng có, quý vị vay mượn làm chi? Chỉ khi sơ học, trí huệ chưa mở mang, cần phải nhờ vả người khác, cầu người khác giúp đỡ. Người khác chỉ có thể giúp mình trong một giai đoạn, chẳng thể nương nhờ người ta vĩnh viễn, cứ vĩnh viễn nương tựa người ta sẽ không ngóc đầu lên được! Sau khi dựa dẫm người khác một thời gian, tự mình phải dần dần tự lập. Dựa vào Phật, nhưng trí huệ mở mang một chút, vì sao? Thực sự hiểu được ý nghĩa lời Phật dạy, có thể y giáo phụng hành. Đức Phật dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống, chúng ta phải thực sự buông xuống! Buông xuống một phần, trí huệ tăng trưởng một phần, quý vị thấy thấu suốt một phần. Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Vì thế, tu học Phật pháp từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, thấy thấu suốt giúp hành giả buông xuống, buông xuống giúp cho hành giả thấy thấu suốt, giúp đỡ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau, thăng tiến trên con đường vô thượng đạo!

Phương pháp ấy do chính Chương Gia đại sư dạy tôi, rất hy hữu! Ngày đầu gặp mặt, Ngài dạy tôi phương pháp ấy. Suốt năm mươi năm qua tôi được đại lợi ích nơi phương pháp này. Cảm ân thầy, chẳng thể không buông xuống, nếu không buông xuống được thì đúng là ngu si, đúng là đáng tiếc. “*Pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, hướng gì phi pháp). Cứ bỏ, quý vị sẽ đạt được, được gì vậy? Được những gì sẵn có nơi tự tánh! Chẳng phải do từ bên ngoài mà được, được trí huệ, được năng lực, được tướng hảo.

“*Danh Văn Quang Phật, biểu thị sự thành tựu nhỏ nơi tu huệ*”. Có chút thành tựu nhỏ. Chút thành tựu nhỏ là quý vị có “danh văn” (tiếng tăm), nay chúng ta gọi là nổi tiếng. Chỉ cần có chút thành tựu nhỏ, bên ngoài người ta biết đến tiếng tăm mình, khen ngợi mình, “*ắt có danh văn*”. Lúc ấy danh văn là cái cửa ải trọng yếu nhất: Nếu quý vị đọa lạc trong danh văn, lợi dưỡng là xong! Danh lợi là cửa ải quý vị phải đột phá! Nếu chẳng thể đột phá, bị nó chướng ngại, sẽ vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ. Vì thế, danh văn như bóng tối. Đó là nói tỷ dụ. Danh văn giống như bóng tối, ta vẫn phải y như cũ, dùng ánh sáng trí huệ để soi tan. Vì thế, “*trí quang chiếu đến liền diệt*”. Đó là tỷ dụ. “*Phải bỏ danh văn, lợi dưỡng, sẽ không trở ngại cho việc thăng tấn đạo nghiệp*”. Con người, có thể nói là đa số, đại đa số con người cứ hễ danh văn, lợi dưỡng vừa hiện tiền bèn hồ đồ, khởi tâm tham chấp, từ tham chấp lại khởi lên kiêu căng, ngạo mạn, tự cho mình rất phi thường, khinh mạn người khác, đây cũng là phiền não hiện hành! Bị đọa lạc liền!

Chắc quý vị đều đọc Từ Bi Tam Muội Thủy Sám rồi, quý vị thấy Ngô Đạt quốc sư mười đời là cao tăng, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Trong nhân đạo, Ngài chẳng bị đọa lạc, chết đi vẫn tái sinh trong nhân gian, cứ mỗi lần [tái sinh] phước báo lại càng lớn hơn. Vì sao? Do Ngài tu rất giỏi, trì giới, tu định, tu phước, phước huệ song tu, đời đời kiếp kiếp, mười đời là cao tăng. Đến đời thứ mười, phước báo càng lớn, làm thầy của hoàng đế. Hoàng đế bái Ngài làm sư phụ, tức là Quốc Sư. Có một ngày, hoàng đế cúng dường một bảo tòa bằng trầm hương, nay chúng ta gọi bảo tòa là “Thái Sư ý”⁸⁵ (ghế Thái Sư), cái ghế Thái Sư ấy làm bằng trầm hương. Chúng ta biết hết thấy loài gỗ đều nổi trên mặt nước, nhưng nếu thả gỗ trầm hương (tức “trầm thủy hương”) xuống nước, nó liền chìm tận đáy. Trầm hương hết sức nổi tiếng, quý giá. Hoàng đế dùng trầm hương làm thành cái ghế Thái Sư để cúng cho thầy.

Ngô Đạt quốc sư tiếp nhận tòa báu trầm hương ấy, trong tâm hết sức hoan hỷ, khởi lên tâm ngạo mạn: “Trong quốc gia hiện thời có bao nhiêu là đại pháp sư, có ai được ngồi cái tòa báu này? Chỉ có mình ta, trừ ta ra, không có người thứ hai!” Tâm ngạo mạn vừa khởi lên, thần hộ pháp bỏ đi. Thần hộ pháp không nói chuyện tình cảm, không có cảm tình riêng như con người đâu nhé! Hễ quý vị tu hành đúng pháp, các ngài nhất định đến hộ trì. Vì sao? Nguyên nhân là vì quý vị tu hành đúng pháp, chư Phật hộ niệm; chư Phật hộ niệm thì lẽ đâu thần hộ pháp chẳng ủng hộ! Thần hộ pháp phải ủng hộ! Nhưng nếu quý vị vừa sanh phiền não, phiền não tập khí vừa hiện hành, đạo tâm không còn, quý vị không còn chân thành, khiêm nhường nữa, nay quý vị kiêu căng, ngạo mạn, không để ai vào mắt, thần hộ pháp bỏ đi ngay! Thần hộ pháp bỏ đi là phiền lảm, oán thân trái chủ bèn tìm đến ngay, oán thân trái chủ trong đời quá khứ đây!

Oán thân trái chủ cũng thường ở quanh quần quý vị, rình rập đợi cơ hội. Bên quý vị có thần hộ pháp thì họ chẳng dám đến gần, đợi ngày

⁸⁵ Thái Sư Ý là loại ghế có lưng tựa cao, hai bên có chỗ đặt tay. Loại ghế này đã có từ thời Tống. Thoạt đầu nó giống như giao ý (giao ý là loại ghế có thể xếp được, có chỗ tựa lưng và đặt tay), nhưng không xếp được. Thành ghế và tay vịn hai bên ghế nối liền với lưng ghế và mặt ghế, chứ không tách khỏi mặt ghế như giao ý. Lưng ghế cũng thẳng chứ không xiên như giao ý. Đến thời Minh, lưng Thái Sư Ý làm cao hơn nữa và thường chạm thủng, hoa văn uốn lượn cầu kỳ sao cho phía trên của lưng ghế gồm nhiều đoạn uốn lượn, móc vào nhau, ghế cũng được làm to hơn trước, chân ghế, thành ghế đều được chạm trổ, uốn lượn thật thanh nhã. Có thuyết nói loại ghế này mô phỏng các pháp tọa giảng kinh của người Ấn Độ.

nào quý vị phạm lỗi, tạo tác tội nghiệp, thân hộ pháp bỏ đi, cơ hội đến rồi! Họ bèn đến tìm quý vị gây rối. Vì thế, quốc sư bị mọc một mụn ghẻ có hình mặt người, gần như sắp mất mạng. Đúng là trong đời quá khứ Sư tu cũng khá, cho nên trong lúc tai nạn, lập tức có cảm ứng, tôn giả Ca Nặc Ca là bậc Đại A La Hán đến cứu Sư. Phương pháp cứu chữa là điều giải (thương thảo, hòa giải). Oán thân trái chủ của Sư tiếp nhận sự điều giải ấy. Tiếp nhận xong, mụn ghẻ mặt người bèn nói cho biết mình là ai, trong đời quá khứ bị Sư sát hại, phải chết oan uổng: “Oán căn ấy đời đời kiếp kiếp không cách gì tiêu trừ được; vì thế, đời này thấy Sư tiếp nhận tòa báu trầm hương của hoàng đế cúng dường, sanh khởi tâm ngạo mạn (theo như người ấy nói), thân hộ pháp bỏ đi, ta mới có cơ hội đến báo cừu. Nay được tôn giả Ca Nặc Ca là bậc đại A La Hán đến điều giải, ta bằng lòng tiếp nhận, chẳng gây rối nữa”. Mụn ghẻ mặt người liền lành.

Đọc câu chuyện này, chúng ta phải khéo suy nghĩ, sánh với Ngô Đạt quốc sư, chúng ta tu hành như thế nào? Có hơn được Ngài hay không? Chúng ta tạo tác nghiệp chướng, phiền não tập khí ít ra phải nặng gấp trăm gấp ngàn lần Ngô Đạt quốc sư, nhưng không có oán thân trái chủ đến tìm chúng ta, là vì nguyên nhân gì vậy? Oán thân trái chủ ở quanh bên quý vị thấy rất rõ ràng, quý vị tu hành chẳng ra trò trống gì, cũng không thể vãng sanh, đời mấy bữa nữa báo thù cũng không muộn. Chẳng phải là không có sự ấy đâu nhé! Chính là như trong Phật pháp nói “nhân quả báo ứng” đấy! Chẳng phải là không báo, chưa đến lúc đấy thôi! Oán thân trái chủ ở gần bên ta trông thấy, cười hề hề, không gấp gì! Tới khi quả báo xảy đến, quý vị có hối cũng không kịp!

Nói thật ra, những chuyện cũ của cô đức, chúng ta phải xem cho nhiều mới hòng luôn đề cao tinh giác, nỗ lực tu hành đạo pháp, chẳng dám tạo tội nghiệp, chẳng dám khởi một ý niệm bất thiện. Dem công đức tu học của chính mình hồi hướng cho oán thân trái chủ bao đời, vì sao? Chúng ta có phước báo, mọi người cùng hưởng, hy vọng oán thân trái chủ bao kiếp chẳng gây chướng ngại, tôi thành tựu chính là quý vị cùng thành tựu. Lúc tôi thành tựu, nhất định chẳng quên quý vị, sẽ độ quý vị trước. Mọi người đều luân hồi trong lục đạo thọ khổ, tôi thoát khỏi lục đạo rồi sẽ nhất định giúp đỡ mọi người, mọi người đều cùng có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, đều có thể vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Vì thế, oán thân trái chủ đều biến thành Hộ Pháp, chẳng những không gây rối, mà còn ủng hộ, lại còn bảo hộ quý vị. Vì thế, cát - hung, họa - phước quả thật chỉ trong một niệm. Danh lợi hiện tiền chính là cửa ải rất đáng sợ!

Chúng tôi cũng thường khuyến khích các đồng học, chúng ta ở trong thuận cảnh, thuận theo thiên duyên, vậy là tốt. Lúc ấy, sợ nhất là khởi tham luyến; bất luận đối với người, đối với sự, đối với vật mà có tâm tham, có lòng keo kiệt, không bỏ ra cho người khác thì không xong rồi! Vừa khởi ý niệm ấy lên, chư Phật không thể hộ niệm nữa. Chẳng phải là chư Phật không hộ niệm, nhưng vì quý vị có chướng ngại nên gây chướng ngại cho sự hộ niệm của chư Phật. Oán thân trái chủ bao kiếp đều kéo đến, lúc ấy họ có dịp báo thù quý vị, phiền toái xảy ra, hung tai, họa hại liên tiếp không ngừng! Chúng tôi thấy rất nhiều đồng tu học Phật gặp phải ma nạn. Nhân tố thứ nhất gây ra ma nạn chính là tâm không thanh tịnh, phiền não tập khí chiêu cảm ma nạn. Vì thế, trong hết thảy thuận cảnh, phải đặc biệt cảnh giác danh văn, lợi dưỡng, chớ sanh tham si, như vậy mới là tốt, trí huệ, phước báo mới thực sự hiện tiền.

Phước báo hiện tiền, trọn chẳng tự mình hưởng nhận, nhất định phải biết trong thế gian này người khổ nạn rất nhiều, nếu chúng ta cúng dường phước báo cho những kẻ khổ nạn ấy thì phước báo đó sẽ vô lượng vô biên! Bởi lẽ, tu phước báo chẳng nhằm hưởng trong nhân gian, đến chỗ nào mới hưởng? Đến thế giới Cực Lạc bèn hưởng, quyết định chẳng hưởng phước ở nơi đây. Ở nơi đây thường chịu khổ một chút là được, vì sao? Chịu khổ sẽ không có cái tâm tham luyến thế gian này. Nếu trong thế gian này, cái gì cũng hưởng thụ, sẽ chẳng muốn lìa khỏi thế gian này, chẳng về được thế giới Cực Lạc. Phước chớ nên hưởng! Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, quý vị thấy Ngài có phước báo bậc nhất, nhưng cả đời Ngài chưa hề hưởng phước. Suốt một đời ba y một bát, giữa Ngọ ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, nêu gương cho chúng ta thấy! Ngài hưởng phước nơi đâu? Hưởng phước trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Ngài ứng hóa thân trong chín pháp giới, nhất định không thị hiện hưởng phước nơi những tướng ấy, tuyệt đối chẳng thị hiện.

Tiếp đó là Đại Diệm Kiên Phật, “*biểu thị bắt đầu có đủ hai trí*”. Kiên (肩) là cái vai, hai vai. Diệm (燄) là ngọn lửa, chỉ quang minh. Vì thế, đây là nói tới Quyền Trí và Thật Trí, bắt đầu có đủ hai trí! Vượt được danh văn rồi mới có Quyền Trí và Thật Trí. Trong lúc danh văn hiện tiền, nếu quý vị không vượt qua được, sẽ chẳng có Quyền Trí lẫn Thật Trí. Vượt qua danh văn thuận lợi, quyết định không có tâm tham luyến danh văn, lợi dưỡng, lúc ấy Quyền Trí và Thật Trí bèn hiện tiền. “*Phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, tức là tự lợi và lợi tha*”. Ở đây, quý vị phải hiểu thật rõ: Để hoằng pháp lợi sanh thì phải có Quyền Trí và Thật Trí. Thật Trí là gì? Thật Trí là tâm thanh

tịnh. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng là Thật Trí; chánh giác, từ bi là Quyền Trí. Quý vị hãy nghĩ xem: Nếu danh lợi hiện tiền, trong tâm có chút gì tham chấp thì sẽ chẳng chân thành, không thanh tịnh, cũng không bình đẳng. Nói cách khác, Thật Trí không có. Không có Thật Trí thì Quyền Trí cũng chẳng có. Nói khác đi, chẳng có tâm giác ngộ thì tâm từ bi cũng chẳng có, tâm từ bi chính là Thế Gian Ái Duyên Từ, vui vẻ đối với người khác, từ bi đối với người khác. Quý vị chán ghét người khác tức là đối với người khác không có tâm từ bi, không bình đẳng!

Xưa nay, trong nước, ngoài nước, không ít kẻ vì danh văn lợi dưỡng mà bị đào thải, bị đào thải với một mức độ rất lớn. Tướng trạng đào thải chúng ta thấy rất rõ: Danh văn, lợi dưỡng hiện tiền, đúng là [những kẻ ấy] tạo vô lượng vô biên tội nghiệp mà không biết. Nếu trí huệ hiện tiền thì họ sẽ hiểu rõ, dùng danh văn, lợi dưỡng để hộ trì chánh pháp, để giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Vì thế danh văn, lợi dưỡng đưa đến cũng chẳng cần phải tránh né, cốt yếu là quý vị dùng nó như thế nào, dùng như thế nào cho hợp trí huệ thì sẽ có lợi ích lớn lao! Nếu dùng theo kiểu ngu si, sẽ bị họa hại rất lớn! Đại hại hay đại lợi đều là do một niệm giác hay mê, rất quan trọng!

Tiếp đó còn hai vị Phật nữa, nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp vị Phật thứ tư ở phương Nam:

Tu Di Đăng Phật.

須彌燈佛。

“*Biểu thị tu Huệ, tự chuyển Thức thành Trí, lại còn giúp đỡ người khác*”. Học Phật, giáo hóa chúng sanh, quan trọng nhất là phải chuyển. Phật, Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ này. Phàm phu chẳng thể chuyển cảnh giới, nhất định bị cảnh giới chuyển. Chư Phật, Bồ Tát liễu giải Thật Tướng của các pháp, bởi thế, các Ngài chuyển được cảnh giới, sai biệt ở chỗ này. Chúng ta học Phật, nói thật ra, quan trọng nhất là học theo Phật, Bồ Tát xoay chuyển cảnh giới.

Bọn phàm phu chúng ta thật đáng thương; trong cảnh giới thuận, cảnh giới tốt lành sẽ bị thuận cảnh chuyển, chuyển như thế nào? Khởi tâm tham luyến. Gặp cảnh giới không tốt, cảnh giới xấu hèn, lập tức bị

cảnh giới chuyển, sanh tâm nóng giận, sanh tâm chán ghét. Chúng ta thường nói là “thất tình ngũ dục đều động”. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, khởi tâm động niệm đều là phiền não, đều là thất tình ngũ dục, đó gọi là “tạo nghiệp”!

Đã tạo nghiệp, lẽ đâu chẳng chịu quả báo? Nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không). Vì sao nhân quả chẳng không? Nhân tự nhiên biến thành quả, quả lại biến thành nhân; vì thế, nhân quả “*chuyển biến bất không*” (chuyển biến chẳng phải là không), nhân quả “*tương tục bất không*” (tiếp nối chẳng không). Nói chung là tiếp nối nhau, do tiếp nối nên có quả, quả tiếp nối lại biến thành nhân, “*tuần hoàn bất không*” (tuần hoàn chẳng không). Nói “*nhân quả chẳng không*” là vì có ba hiện tượng sau đây: Chuyển biến, tiếp nối, tuần hoàn.

Phật, Bồ Tát hiểu rõ, hiểu rành rẽ, vì thế, các Ngài chuyển được cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển. Trong cảnh giới tốt, chắc chắn các Ngài chẳng khởi tham - sân - si - mạn, quyết định chẳng khởi thất tình ngũ dục, không hề khởi, không khởi tâm, không động niệm, chẳng bị cảnh giới chuyển. Đối với cảnh giới bất thiện, cảnh giới ác, ác duyên hiện tiền, chẳng những các Ngài không bị chúng chuyển, mà trái lại, biến cảnh giới bất thiện thành cảnh giới thiện, biến ác duyên thành thiện duyên, thật phi phạm! Bởi thế, các Ngài thọ dụng chẳng thể nghĩ bàn!

Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới của chúng ta đây có gì khác biệt? Nói thật ra, hoàn toàn giống nhau, không sai biệt chút nào! Thế nhưng, theo những gì trình bày trong kinh, sai biệt rất lớn. Vì nguyên nhân nào vậy? Không có gì khác cả, thế giới giống hệt nhau, nhưng tâm chúng sanh trong thế giới Cực Lạc đều hiền lành, đều thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ biến thành Tịnh Độ, tất cả hết thấy vạn vật không gì chẳng thanh tịnh, cảnh chuyển theo tâm. Tâm con người trong thế giới chúng ta không thanh tịnh, trong tâm ô nhiễm nghiêm trọng, nên hoàn cảnh sống của chúng ta cũng bị ô nhiễm nghiêm trọng, không thanh tịnh!

Cảnh chuyển theo tâm! Bản thân cảnh không ô nhiễm, tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh; tâm không thanh tịnh, cõi nước mình ở cũng chẳng thanh tịnh. Đạo lý là như vậy. Nếu tâm chúng ta thực sự thanh tịnh, hiền lành, tất cả hết thấy người, sự, vật chung quanh chúng ta không gì chẳng thanh tịnh, hiền lành, Tịnh Độ sẽ hiện tiền! Tâm chúng ta hư ngụy, ô uế, bất bình, ngu si, tự tư tự lợi, tất cả hoàn cảnh chúng ta đang sống đều biến đổi theo tâm niệm, biến thành ngũ trược ác thế. Ngũ trược ác thế vốn do đây mà có, phải hiểu như thế!

Thế giới Cực Lạc cố nhiên là do A Di Đà Phật thanh tịnh, bình đẳng, từ bi mà thành tựu. Phạm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm địa của mỗi người cũng phải thanh tịnh, bình đẳng, từ bi giống như A Di Đà Phật thì mới được vãng sanh. Bởi thế, kinh Vô Lượng Thọ nói trong ba bậc vãng sanh, chánh nhân vãng sanh đều là “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”. Đây là điều kiện trọng yếu nhất để được vãng sanh! Mấy năm gần đây chúng tôi đã hiểu “phát Bồ Đề tâm” rất rõ ràng, Bồ Đề tâm là gì? Chính là “*chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm*”. Quý vị dùng cái tâm ấy để “*một dạ chuyên niệm*” thì sẽ cảm ứng đạo giao! Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật.

Niệm Phật không đắc lực, niệm Phật vẫn có ma chướng hiện tiền là vì nguyên nhân nào? Vì quý vị không có tâm Bồ Đề! Nếu quý vị đầy đủ lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi thì niệm một câu Phật hiệu bèn có công đức, hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa những lời đức Phật giảng trong kinh, phải thực sự biết y giáo phụng hành. Chúng ta miệng niệm Di Đà tâm tán loạn; tâm tán loạn là không chân thành, không thanh tịnh, không bình đẳng, không trí huệ, không từ bi, đó gọi là tâm tán loạn. Tâm tán loạn dù một dạ chuyên niệm cũng không có hiệu quả, chẳng thể đạt công phu thành phiền, vì nguyên nhân gì? Vì tâm tán loạn! Điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Vì thế, tu Huệ thì quan trọng nhất là phải biết chuyển, tức là chuyển Thức thành Trí, chuyển được một thì sẽ chuyển được hết thảy.

Tiếp đó, chúng tôi lại có câu giải thích đơn giản: “*Tự hành, hóa tha, phá mê, khai ngộ*”: Tự mình tu hành, lấy việc phá mê khai ngộ làm mục tiêu hàng đầu; giúp đỡ người khác, giáo hóa chúng sanh, cũng là lấy phá mê khai ngộ làm mục tiêu hàng đầu! Đó là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc nhất định phải nắm vững. Thức là vọng tâm, Trí là chân tâm; nói cách khác, chuyển vọng tâm thành chân tâm, dụng công nơi tâm địa! Phải hiểu tác dụng của vọng tâm, tám thức; tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt; ý thức phân biệt; thức thứ bảy là chấp trước; thức thứ tám giống như cái kho, chúng ta thường nói là “*ghi ấn tượng*”, mọi ấn tượng đều cất vào đó, tích trữ trong cái kho ấy. Từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp, bất kể ấn tượng tốt hay ấn tượng xấu, thảy đều được chứa trong ấy, đó là vọng tưởng! Năm thức đầu là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý, bản thân chúng không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đều nghe theo sự chỉ huy của thức thứ sáu và thức thứ bảy mà hành động. Thức

thứ bảy chấp trước, thức thứ sáu phân biệt, biểu hiện ra bên ngoài, biểu hiện qua năm thức trước, tạo nghiệp như vậy đây!

Bồ Tát thông minh, có trí huệ, Ngài có thể chuyển biến, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Quán Sát là hiểu rõ, nơi mắt, tác dụng của ý thức là thấy rõ, nơi tai là nghe hiểu, nơi mũi là ngửi rõ, nơi lưỡi là nếm rành rẽ, nơi thân tiếp xúc bèn hiểu rõ ràng, nơi ý là biết rõ ràng. Quán Sát lại thêm chữ Diệu. Diệu là dấu hiểu rõ, nhưng không chấp tướng, không phân biệt, hiểu rõ nhưng không phân biệt, đó là trí huệ chân chánh! Hiểu rõ mà trong thêm phân biệt thì thành mê, không phải là trí huệ chân chánh, phải gọi là Thức, chẳng gọi là Trí. Giống như tấm gương soi cảnh tượng bên ngoài, quý vị thấy rất rõ ràng minh bạch, rành rẽ, thông suốt, nhưng không phân biệt, không chấp trước, không vọng tưởng. Vì thế, đức Phật thường dạy chúng ta “*dụng tâm như kính*” (dụng tâm như gương). Trong cuộc sống thường nhật, đối với hết thầy người, sự, vật, chúng ta khởi tâm động niệm giống hết như tấm gương trong trẻo, sáng suốt, rành rẽ, phân minh, không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước. Đó gọi là Trí chiếu! Diệu Quán Sát Trí chiếu cảnh giới sáu trần.

“*Chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí*”. Thức thứ bảy là nhiễm ô, chấp trước; chấp trước là không bình đẳng, bình đẳng thì không chấp trước. Vì thế, đối với hết thầy pháp, không còn chấp trước, tâm bình đẳng hiện tiền, Bình Đẳng Tánh Trí hiện tiền. Hễ có mảy may chấp trước, phải như thế này, phải như thế nọ mới là đúng; như thế kia là không đúng, đấy chẳng phải là Trí, mà là Thức! Thức sẽ tạo nghiệp, Trí không tạo nghiệp. Dùng Trí không dùng Thức, dùng Trí để chu toàn mọi sự thì sẽ càng thực hiện viên mãn, trí huệ chân thật. Dùng Thức để xử sự, chẳng thấy được viên mãn, vì sao? Vì rất nhiều chỗ quý vị không thấy được. Nếu dùng Trí để xử sự, sẽ thấy thấu suốt quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể thấy cõi này và mười phương, há làm được ư? Học Phật phải học lấy trí huệ, có như vậy mới có thể chuyển Thức thành Trí.

“*Chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Kính Trí*”. Đại Viên Kính (tấm gương tròn lớn) là tỷ dụ, Viên là viên mãn; nói cách khác, không gì chẳng biết. Vì sao không gì chẳng biết? Do trong A Lại Da Thức từ vô thủy kiếp đến nay, tích chứa chủng tử tập khí, trong ấy có nào thiện, nào ác, nào vô ký (không thiện, không ác), thấy đều chuyển thành trí huệ. Do vậy, thiện cũng tốt, ác cũng xong, thấy đều rõ ràng, thấy đều thấu suốt, nghiệp nhân quả báo chẳng mê hoặc mảy may. Vừa chuyển biến liền biến thành không gì chẳng biết. Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết!

Chuyên được ba thức này thì năm thức trước sẽ chuyên theo, chuyên thành “Thành Sở Tác Trí”, thành tựu hành vi trí huệ, tạo tác trí huệ, không bị mê hoặc, dùng trí huệ để tạo tác nên tự lợi, lợi tha. Đối với chính mình, thành tựu ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trở thành bậc thầy, thành gương mẫu, thành tiêu chuẩn cho hết thảy chúng sanh noi theo, thành mẫu mực cho hết thảy chúng sanh, biểu lộ qua năm Thức trước cho nên tạo thành hình tượng ấy! Tu hành quý nhất là chuyên biến; chúng tôi cũng thường giảng như thế.

Chuyên biến từ đâu? Bắt đầu từ đâu? Nhà Phật dạy từ ngay nơi phương tiện ban đầu. Chuyên từ chỗ nào? Phải chuyên từ ý niệm. Ý niệm quá nhiều. Từ sáng đến tối, niệm trước diệt, niệm sau sanh, sanh diệt không ngừng! Đó là tướng phàm phu khổ não, chẳng giống với chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài không khởi tâm, không động niệm, các Ngài trụ trong đại định, trụ trong tam-muội. Lục đạo phàm phu trụ trong vọng niệm hết sức đau khổ. Phật, Bồ Tát Thiền Định rất sâu, trong hết thảy cảnh giới không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là “*thường trụ tam-muội*”. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là nhân; quả báo bèn là luân hồi lục đạo. Nhân quả tuần hoàn, nhân quả tiếp nối.

Thưa quý vị, chúng ta hãy thực sự tu hành, đừng tu hành trên mặt hình tướng! Tu hành trên hình thức chính là đại từ đại bi biểu diễn cho người khác thấy; còn chính mình phải dụng công thực sự tu hành, người khác không thấy được. Vì thế, phải biểu diễn sự tu hành nhằm tiếp dẫn đại chúng, nhằm lợi ích chúng sanh. Vì người khác nói, diễn nói chẳng phải vì bản thân, mà vì người khác, nhằm hóa độ người khác. Để độ chính mình thì quan trọng nhất là nếu khởi tâm động niệm mà có ý niệm tự tư tự lợi thì khi ý niệm ấy khởi lên, phải ngay lập tức diệt trừ, vì đó là tâm luân hồi! Niệm niệm nghĩ đến gì? Nghĩ sao cho chánh pháp tồn tại dài lâu, sao cho giáo huấn của hết thảy thánh hiền được thường trụ trong thế gian, được hoằng dương rạng rỡ, to lớn, lợi ích chúng sanh. Chúng ta phải thường nghĩ đến những điều này. Thường nghĩ giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, giúp họ lìa khổ được vui, chúng ta có thể hy sinh chính mình vì người khác, phải từ những chỗ ấy mà chuyên biến. Tuyệt đối chớ nên nghĩ như thế này: Trước hết phải tính sao cho có lợi cho chính mình, chuyện gì có lợi cho mình thì làm, chuyện gì vô ích đối với mình, có lợi cho chúng sanh thì chẳng buồn làm. Nếu vậy là làm mất rồi! Vẫn là cái tâm luân hồi, ngày ngày tạo nghiệp luân hồi, đâu có niệm Phật

suốt đời cũng chẳng thể vãng sanh, vẫn cứ phải luân hồi trong lục đạo, vì sao? Tâm luân hồi mà! Không có tâm buông bỏ luân hồi!

Nếu quý vị chuyển cái tâm luân hồi thành tâm Bồ Đề, tôi thường nói mười sáu chữ, vì sao cứ phải nói mãi? Vì chưa làm được! “*Tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, phải đoạn mười sáu chữ ấy. Phải chuyển! Chuyển tự tư thành đại công, chuyển tự lợi thành lợi ích hết thảy chúng sanh. Vì sao không chuyển được ý niệm ấy? Quý vị phải biết tự tư tự lợi rất khổ! Lo được, lo mất, khổ không thể nói nổi! Chuyển biến được cái tâm ấy sẽ được đại lạc, lìa khổ được vui. Quý vị khởi tâm động niệm đại công vô tư thì ý niệm và nguyện vọng của mình nếu duyên chín muồi sẽ có rất nhiều người giúp mình, sự việc bèn thành tựu, vui sướng, chúng sanh có phước. Nếu không có thiện duyên, thậm chí vẫn có rất nhiều chướng duyên chướng ngại mình, chúng ta chỉ than một tiếng: “Chúng sanh không có phước báo, duyên chưa chín muồi”. Vì sao? Tự mình không có ý niệm được hay mất: Việc thành công, tự mình không có ý niệm đạt được; việc không thành công, tự mình chẳng có ý niệm mất mát.

Không có ý niệm được - mất nên tâm quý vị thanh tịnh, tâm chân thành, trong tâm vui sướng, không thọ khổ. Thành công, thọ lạc; không thành công, vẫn cứ thọ lạc, không thọ khổ. Người thế gian mê hoặc, điên đảo, lo được, lo mất, sung sướng thì sướng phát cuồng; mất mát thì đau khổ quá đỗi, chẳng liễu giải chân tướng sự thật, ý niệm tự tư, tự lợi quá nặng. Vì thế, “*chuyển Thức thành Trí*” phải chuyển từ chỗ này.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi thấy thấu suốt, buông xuống. Buông xuống chính là chuyển, buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống, trí huệ bèn tăng trưởng! Rõ ràng nhất không sai mấy là cảnh giới mỗi tháng mỗi khác, mỗi tháng đều có lạc thú; đây chính là như sách Luận Ngữ nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), trong nhà Phật gọi điều này là “*pháp hỷ sung mãn*”. Pháp hỷ bổ dưỡng con người, dưỡng thân, dưỡng tâm, thân tâm mạnh khỏe. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng*” (người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái), suốt cả đời quý vị sống trong hoan hỷ, đó là hạnh phúc lớn lao nhất. Quý vị không phiền não, không lo lắng, không vướng mắc chuyện gì trong lòng, vui nào sánh bằng! Niềm sung sướng ấy quý vị vốn có, nay quý vị biến thành đau khổ như vậy là vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tự tư, tự lợi, có tham - sân - si - mạn, hằng ngày

truy cầu danh văn, lợi dưỡng; cầu được thì lại sợ mất; cầu không được bèn đau khổ không thể nói nổi! Vì thế, cầu được cũng khổ, cầu không được cũng khổ; nỗi khổ ấy do chính mình chuốc lấy, chứ đâu phải quý vị sẵn có!

Vì vậy, học Phật phải học chuyển biến cảnh giới, chuyển cảnh giới chẳng phải bên ngoài mà là chuyển biến trong nội tâm. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất nhiều: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh). Tâm năng tướng, cảnh giới bên ngoài là sở tướng. Quý vị muốn chuyển thì đừng chuyển nơi cái được tướng (sở tướng) mà phải chuyển nơi năng tướng. Chuyển được năng tướng thì sở tướng bèn biến đổi. Rõ ràng nhất là trong thí nghiệm kết tinh nước của ông Giang Bồn Thắng. Lần này, pháp sư Định Luật từ Nhật Bản qua Đài Loan viếng tang mẹ của Hồ cư sĩ, mang theo một cuốn băng thâu hình, Sư có cuốn băng ấy từ chỗ ông Giang Bồn Thắng. Chúng tôi thấy rất rõ, so với hình chụp trong sách rõ rệt hơn nhiều lắm. Là vì trong sách, quý vị nhìn vào hình chụp, không thấy nó biến hóa, qua băng thâu hình, thấy hình ảnh biến hóa, khiến cho người ta rất cảm động. Cảnh giới biến đổi theo tâm niệm con người, ý niệm của quý vị là tốt lành thì nó càng biến đổi càng đẹp, càng biến đổi càng to; lúc tâm lượng không lành, hình dạng của chúng rất khó coi. Điều ấy chứng minh hết thấy pháp từ tâm tướng sanh, hết thấy pháp chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến, chứng minh rõ ràng! Bởi thế, cảnh giới chuyển biến trong mỗi niệm.

Cư sĩ Giang Bồn Thắng [thật ra] vẫn chưa là cư sĩ, ông ta là tiên sĩ, cực lực hô hào, mong mỗi người thế gian ai nấy đều có thể dùng thiện tâm, thiện niệm đối đãi hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật thì quả địa cầu này sẽ biến thành tốt đẹp phi thường. Lời kêu gọi ấy giống như thiền sư Trung Phong đã nói trong Hệ Niệm Pháp Sư, tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta, Cực Lạc là cõi này, cõi này chính là Cực Lạc. Vậy thì quý vị biến đổi cái tâm bằng cách nào? Nếu tâm biến thành thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, thế giới này sẽ là thế giới Cực Lạc, không phải biến đổi nơi cảnh giới mà là biến đổi nơi tâm địa!

Trong thế gian này, những người sống trên địa cầu không cần nhiều, cổ đức thường nói là một phần mười, tức trong mười người có một người tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, thiện lương thì thế giới này đã biến thành thế giới Cực Lạc rồi. Chắc chắn một người có thể ảnh hưởng cả chín người kia. Vì thế, ông ta cổ vũ sự giáo dục yêu thương và biết ơn. Trong những năm qua, chúng tôi thực sự không tiếp xúc với ông ta, chúng tôi cũng cổ động giáo dục yêu thương, giáo dục lòng cảm ơn,

không bàn tính mà cùng hợp! Vì thế, chúng tôi hoan nghênh ông Giang Bồn Thắng đến thăm Úc Châu, trong thời gian viếng thăm, tôi hy vọng ông ta có thời gian đến thăm học viện chúng ta, chúng tôi sẽ sắp xếp một buổi diễn giảng cho ông tại Đồ Văn Ba (Toowoomba). Trong phần sau là tổng kết, ở đây là tiểu kết.

“*Chiếu phá Tam Hoặc của mình lẫn người*”. Tam Hoặc là ba loại mê hoặc lớn. Ba loại này chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong các kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường gọi ba loại mê hoặc này là phiền não, tức Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Kiến Tư phiền não là chấp trước, Trần Sa phiền não là phân biệt, Vô Minh phiền não là vọng tưởng, danh từ khác nhau nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Phải dùng trí huệ để chiếu phá, “*Tu Di biểu thị nhất thể bất nhị*”, Tu Di là Pháp Thân, núi Tu Di tượng trưng cho Pháp Thân. Kinh luận thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (Mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân), nói mười phương ba đời Phật là gộp cả chúng ta trong ấy. Ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai, hết thấy chúng sanh đều là Phật vị lai, mọi người chúng ta đều là Phật vị lai, chúng ta cùng với quá khứ Phật và hiện tại Phật có chung một Pháp Thân, nhất thể bất nhị, đức hiệu của vị Phật này biểu thị ý nghĩa ấy. Vị Phật cuối cùng là.

Vô Lượng Tinh Tấn Phật.

無量精進佛。

“*Biểu thị pháp tu căn bản, thiện căn Đại Thừa chỉ gồm một loại là tinh tấn, thành tựu đại huệ*”. Đức Phật nói đến thiện căn, Căn là dùng thực vật làm tỷ dụ, thực vật phải có rễ (Căn) thì mới có thể sống được, tăng trưởng được, khai hoa kết quả được. Nói đến thiện căn, là sánh ví nó giống như rễ của thực vật, thiện căn có thể sanh trưởng hết thấy thiện pháp, tất cả hết thấy thiện pháp đều từ căn này sanh ra, đức Phật gọi đó là “*thiện căn*”.

Thiện căn có thể gian thiện căn và xuất thế gian thiện căn. Trong lục đạo thế gian, tất cả hết thấy thiện pháp từ đâu mà sanh? Đức Phật nói có ba thứ thiện căn: không tham, không sân, không si, như trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói bất tham, bất sân, bất si là ba thiện căn! Tất cả hết thấy thiện pháp trong lục đạo đều sanh từ những Căn này. Trái với ba thiện căn là tham - sân - si, gọi là Tam Độc! Khi chúng tôi giảng kinh thường gọi chúng là “bệnh độc”, trong tâm mỗi người chúng ta có bệnh

độc nghiêm trọng là tham - sân - si. Ba thứ bệnh độc tham - sân - si gây tạo tất cả hết thảy tật bệnh và tai nạn trong thế gian này. Người ta thường nói đến thiên tai, nhân họa, thủy tai, hỏa tai, phong tai, địa chấn (động đất), ôn dịch, những thứ ấy từ đâu mà có? Cội nguồn của chúng đều là tham - sân - si.

Vì vậy, quý vị phải hiểu minh bạch đạo lý sau đây: Nếu trong tâm quý vị không có tham - sân - si, sẽ tránh khỏi rất nhiều tai nạn. Dù quý vị có đến chỗ đang có bệnh dịch cũng không bị truyền nhiễm. Vì sao? Quý vị không có những điều kiện cảm ứng với chúng; virus gây bệnh truyền nhiễm phải có môi giới, môi giới chính là cái tâm bất thiện của chính mình. Ác niệm sẽ khởi cảm ứng đạo giao với chất độc ấy, sẽ lây nhiễm dễ dàng. Nếu tâm địa của chính mình thanh tịnh, tâm địa từ bi, không có ý niệm tham - sân - si, quý vị sẽ chẳng bị lây nhiễm. Từ nguyên lý, nguyên tắc mà nói thì đúng là như thế!

Bởi thế, con người chẳng thể không tu thiện. Cát - hung, họa - phước thực sự chỉ trong một niệm. Một niệm lành thì đại cát, đại lợi; một niệm không lành, đại hung, đại họa. Nếu chúng ta thực sự có tâm xu cát ty hung (tìm lành tránh dữ) thì phải xu cát ty hung bằng cách nào? Phải đoạn ác tu thiện, quý vị sẽ không có tai nạn! Đúng như cổ nhân đã nói: Người có phước báo, tâm địa thanh tịnh, có trí huệ, có phước báo! Ngạn ngữ nói rất hay, gặp phải tai nạn thì “*phùng hung hóa cát, ngộ nạn thành tường*” (gặp điều dữ hóa điều lành, gặp tai nạn biến thành chuyện tốt lành), chuyện biến đấy! Gặp phải hung tai nó bèn chuyển biến thành hảo sự, cát tường. Gặp phải tai nạn, chuyện biến thành phước báo cát tường. Đều là chuyện biến nơi tâm, lúc bình thường phải chuyển biến, chứ không phải đến lúc tai nạn mới tính chuyển thì chuyển chẳng được đâu! Công phu do lúc bình thời, bình thời niệm niệm đều thiện, niệm niệm là thiện niệm, hành vi nào cũng là thiện hạnh. Quý vị thấy đó: Thiện niệm, thiện ý, thiện hạnh thì không gì chẳng phải là tốt lành! Tâm tịnh, ý tịnh, hành vi thanh tịnh, ắt sanh Tịnh Độ. Kinh đã dạy mà cổ đức cũng thường nói: “*Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh*” (Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh). Quý vị khởi cảm ứng đạo giao với Tịnh Độ thì tự nhiên sẽ vãng sanh.

Trong pháp xuất thế gian, thiện căn chỉ có một, chính là Tinh Tấn. Tinh tấn là thiện căn duy nhất của Bồ Tát, “*Thiện căn Đại Thừa chỉ có một loại là Tinh Tấn*”. Tinh tấn là không lười nhác, “*thành tựu đại huệ*”. Mục tiêu mà chúng ta mong cầu là viên mãn rốt ráo hiện tiền thì phải nhờ vào đâu? Nhờ vào tinh tấn. Tương phản với tinh tấn chính là điều

chương ngại lớn nhất cho pháp xuất thế gian, điều gì vậy? Giải đãi! Người học pháp xuất thế quyết định không tham - sân - si, tức là hội đủ ba thiện căn thế gian cho nên mới tu pháp xuất thế. Quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này: Tu pháp thế gian chưa trọn mà toan tu pháp xuất thế gian sẽ chẳng thể được đâu! Chẳng thể làm người tốt trong thế gian mà lại muốn thành Phật, thành Bồ Tát, chẳng thể nào được! Chẳng thể không hiểu đạo lý này, phải hiểu thấu triệt. Vì sao? Có hiểu thì mới phát sanh ảnh hưởng đối với tâm hạnh của chính mình. Nếu quý vị hiểu rất sâu, rất triệt để, sẽ tự nhiên chịu làm như vậy. Vì sao? Làm như vậy có đại lợi ích, làm như vậy có chỗ rất tốt. Với chính mình là lia khổ được vui, với chúng sanh cũng giúp cho họ lia khổ được vui. Còn gì vui hơn mà không làm cơ chứ?

Rất nhiều đồng học học Phật nghe những lời này đều gât đầu, nhưng rất cảm thán bảo tôi: “Thưa pháp sư! Con làm không được!” Tôi biết vì sao họ làm không được! Vì sao họ làm không được? Vì hiểu chưa sâu, nên thường đến hỏi tôi phải làm cách nào? Tôi dạy họ nghe kinh cho nhiều. Nghe kinh nhiều không có nghĩa là kinh gì cũng nghe, phải hiểu ý này. Quý vị là sơ học, nói “*sơ học phải nghe kinh nhiều*” nghĩa là chỉ nghe một bộ kinh, tối đa là hai bộ, ba bộ kinh, đừng nhiều hơn ba. Nghe bao lâu? Từ xưa đến nay, tổ sư đại đức ấn định quy củ là năm năm.

Tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý. Thầy Lý cũng dạy tôi năm năm phải chuyên công! [Tức là] chuyên môn nghe một loại, hoặc là nghe hai loại, tối đa không được quá ba loại, tối đa là ba loại. Nghe đi nghe lại như vậy, hằng ngày không gián đoạn, nghe suốt cả năm năm. Tốt ở chỗ nào? Tâm quý vị bền định. Nếu trong năm năm ấy, quý vị nghe mười mấy loại, tâm sẽ chẳng định. Há chẳng phải như kinh này dạy “nhất tâm bất loạn”, tu nhất tâm bất loạn đó sao? Nhất tâm bất loạn là tam-muội, nhất tâm bất loạn là Thiền Định rất sâu, tu như thế nào? Phải thâm nhập một môn, tâm bền định. Cứ nghe đi nghe lại, mỗi lần nghe một lượt, quý vị lại cảm nhận, lãnh hội khác nhau. Mỗi lần nghe lại được một lần công phu định lực, mỗi lần nghe là một lần đắc trí huệ. Nghe suốt năm năm như thế, quý vị ắt có định, có huệ. Nói cách khác, dầu chưa đạt được Căn Bản Trí, nhưng đã đạt được Tương Tự Căn Bản Trí. Từ chỗ này, quý vị có thể kiến lập tín tâm, đạt được pháp hỷ, rất sung sướng, cảm nhận rất rõ phiền não của chính mình giảm thiểu, tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ít hơn, trí huệ tăng trưởng. Bất luận tiếp xúc hết thầy người, sự, vật, tự hồ chính mình có trí huệ, chính mình xử trí rất thích đáng.

Bản thân tôi đi theo con đường này, tôi không tu pháp môn nào

khác, chỉ là nghe kinh, đọc kinh, giảng kinh, cả đời vui sướng không mệt mỏi. Những chuyện đáp ứng lời mời mọc giảng diễn bên ngoài nói thật ra toàn là chuyện bắt đắ dĩ, chẳng phải là tôi muốn đi; không muốn đi sao lại cứ đi? Đối với xã hội có chút lợi ích thì chúng tôi phải làm. Xã hội hiện tại là đời loạn mà! Tà tri, tà kiến, tà thuyết, tà hạnh ngập ngụa thế gian, chúng sanh rất khổ, không giác ngộ! Vì thế, có ai tìm tôi, có cơ duyên ấy, tôi cũng vui lòng dâng chút công hiến. Đem sở học của chính mình, đem những gì mình hiểu biết để thừa cùng đại chúng, dâng cho đại chúng tham khảo hòng tu học, tận hết chút sức kém cỏi của chính mình. Xong việc, tôi trở về gấp studio của chính mình, chẳng thích đi ra ngoài, chỉ là bắt đắ dĩ mà thôi! Hết thầy là vì chánh pháp tồn tại lâu dài, hết thầy là vì chúng sanh khổ nạn.

A! Hôm nay hết giờ rồi!

**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm
Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký,
Quyển Thượng**

MỤC LỤC

Dẫn Nhập.....	003
TẬP 01	006
A. Giới Thiệu Giản Lược Về Tác Giả.....	006
TẬP 02	022
B. Giải Thích Đề Mục.....	022
C. Chánh Thức Giảng Vào Kinh Văn.....	025
1. Giới Định Chân Hương	025
2. Kệ Giác Hải.....	031
3. Kỳ Đảo Văn.....	038
TẬP 03	041
4. Lư Hương Tán.....	046
5. Kỳ Đảo Văn.....	050
ĐỆ NHẤT THỜI	055
TẬP 04	063
6. A Di Đà Kinh.....	063
6.1 Giải Thích Tựa Đề Kinh.....	063
6.2 Tựa Phần.....	079
6.2.1 Thông Tựa.....	081
6.2.1.1 Giới Thiệu Khái Lược Lục Chúng Thành Tựa.....	081
TẬP 05	084
6.2.1.2 Giảng Về Tín Thành Tựa.....	084
6.2.1.3 Giảng Về Thời Thành Tựa.....	090
6.2.1.4 Giảng Về Chủ Thành Tựa.....	092
6.2.1.5 Giảng Về Xứ Thành Tựa.....	094
6.2.1.6 Chúng Thành Tựa.....	098
6.2.1.6.1 Thuyết Minh Thính Chúng.....	098
6.2.1.6.2 Biện Định Thính Chúng Duyên Do.....	101
6.2.1.6.2.1 Biện Định Duyên Do Và Vai Trò Thanh Văn Chúng.....	101
TẬP 06	104
6.2.1.6.2.2 Biện Định Duyên Do Và Vai Trò Bồ Tát Chúng..	109
6.2.1.6.2.3 Biện Định Duyên Do Và Vai Trò Ngoại Hộ Chúng.....	110
6.2.1.6.3 Giảng Tường Tận về Thanh Văn Chúng.....	112
6.2.1.6.3.1 Minh Định Quả Vị.....	112
6.2.1.6.3.2 Nêu Tên Chúng Thanh Văn Thượng Thủ.....	116

TẬP 07	121
TẬP 08	139
6.2.1.6.4 Giảng Rõ Về Bồ Tát Chúng.....	139
6.2.1.6.4.1 Quảng Thích Bồ Tát Chúng.....	139
6.2.1.6.4.2 Nêu Tên Thượng Thủ Trong Bồ Tát Chúng.....	143
6.2.1.6.5 Quảng Thích Ngoại Hộ Chúng.....	148
TẬP 09	159
6.2.2 Biệt Tự.....	159
TẬP 10	178
6.3 Chánh Tông Phần.....	178
6.3.1 Rộng Bày Diệu Quả Y Báo, Chánh Báo Để Khởi Tín..	178
6.3.1.1 Minh Định Tông Chỉ Tín, Nguyên, Trì Danh.....	179
TẬP 11	198
6.3.2 Y Báo Diệu Nghiêm.....	212
6.3.2.1 Tổng Thuyết Y Báo Diệu Nghiêm.....	212
TẬP 12	216
TẬP 13	234
6.3.2.2 Địa Lợi Chi Lạc.....	246
TẬP 14	253
6.3.2.3 Bảo Trì Đức Thủy.....	259
TẬP 15	274
6.3.2.4 Thiên Nhạc Vũ Hoa.....	277
6.3.2.5 Thuyết Pháp Trang Nghiêm.....	285
TẬP 16	296
TẬP 17	315
TẬP 18	334
6.3.2.6 Hàng Thụ Diễn Pháp.....	346
TẬP 19	356
6.3.3 Chánh Báo Màu Nhiệm.....	358
TẬP 20	377
6.3.3.1 Khuyên Chúng Sanh Phát Nguyên Cầu Sanh Tịnh Độ.	382
TẬP 21	399
TẬP 22	420
TẬP 23	439
TẬP 24	460
6.3.4 Chỉ Rõ Pháp Chấp Trì Danh Hiệu Để Lập Hạnh.....	460
TẬP 25	481
TẬP 26	502

TẬP 27	521
TẬP 28	540
TẬP 29	559
6.4 Lưu Thông Phần.....	559
6.4.1 Chư Phật Khuyến Tấn Lưu Thông.....	560
TẬP 30	579
Mục lục	601